VĂN HỌC MIỀN NAM 1954 - 1975

TẬP 4

NGUYÊN Publishings

Copyrighted Material

VĂN HỌC MIỀN NAM
1954 - 1975

TẬP 4

MỤC LỤC

111. Thác Đổ Sau Nhà (1) 7
112. Thác Đổ Sau Nhà (2) 53
113. Thương Hoài Ngàn Năm 79
114. Một Chỗ Thật Tịch Mịch 133
115. Lại Thư Nhà 143
116. Ăn Và Đọc 239
117. Nhà Văn Duyên Anh 251
118. Duyên Anh, Anh Là Ai ? 292
119. Hoa Thiên Lý 315
120. Đại Dương Trong Lòng Con Ốc Nhỏ 333
121. Nhà Văn Duyên Anh : Đời Lưu Vong Bi Kịch 352
122. Con Thúy (Kỳ 1) 360
123. Con Thúy (Kỳ 2) 369
124. Con Thúy (Kỳ 3) 379
125. Con Thúy (Kỳ 4) 387
126. Con Thúy (Kỳ 5) 395
127. Con Thúy (Kỳ 6) 402
128. Dzũng Dakao (1) 412
129. Dzũng Đakao (2) 427
130. Dzũng Đakao (3) 434
131. Dzũng Đakao (4) 448
132. Dzũng ĐaKao (5) 462

133. Ngựa Chứng Trong Sân Trường (1) 473
134. Ngựa Chứng Trong Sân Trường (2) 499
135. Ngựa Chứng Trong Sân Trường (3) 525
136. Bùi Giáng (1) 584
137. Bùi Giáng (2) 600
138. Bùi Giáng (3) 639
139. Bùi Giáng (4) 663
140. Bùi Giáng (5) 680
141. Bùi Giáng (6) 703
142. Bùi Giáng (7) 732
143. Du Tử Lê (1) 760
144. Du Tử Lê (2) 764
145. Du Tử Lê (3) 793
146. Du Tử Lê (4) 843
147. Du Tử Lê (5) 876
148. Nhất Linh (1) 921
149. Nhất Linh (2) 963

150. Nhất Linh (3) -
Giòng Sông Thanh Thủy 987
151. Nhất Linh (4) -
Giòng Sông Thanh Thủy 1037
152. Nhất Linh (5) -
Giòng Sông Thanh Thủy 1071
153. Nhất Linh (6) -
Giòng Sông Thanh Thủy 1127
154. Nhất Linh (7) -
Giòng Sông Thanh Thủy 1174
155. Nhất Linh (8) -
Giòng Sông Thanh Thủy 1220
156. Nhất Linh (9) -
Giòng Sông Thanh Thủy 1265
157. Nhất Linh (10) -
Giòng Sông Thanh Thủy 1306

111. Thác Đổ Sau Nhà (1)

Võ Phiến

Đáng lẽ hôm đó tôi không đi với nhà tôi. Một phần vì tôi chưa quen tiệc tùng đông đảo mà đám cưới hôm đó thì nhà trai mời rất đông. Vả lại hồi ấy tôi có mang trên ba tháng, thân hình đã có những nét thay đổi; một người đàn bà dù không hay làm đỏm cũng không thấy có hứng thú chen đến chỗ đông người với một thân hình như thế.

Tuy vậy khi nhà tôi sắp đi thì vợ chồng anh Thuỷ ghé vào. Chị Thuỷ kéo tôi vào nhà trong, nhất định nằn nì đòi tôi cùng đi cho có bạn. Chị bảo nếu không có tôi thì chị cũng không đi dự tiệc, nên muốn cho chắc chắn chị không cho anh Thuỷ đi thẳng mà bắt ghé vào nhà tôi để rủ. Chị xốc hai tay vào nách, lôi tôi đứng dậy, vuốt vuốt trên bụng tôi, rồi nghẻo đầu ngắm nghía, cười ngắc nghẻo, thì thào :

- Trông được gái lắm. Có ai thấy bụng dạ gì đâu nào? Đi với người ta cho rồi.

Tôi bật cười. Vẫn với vẻ đùa đùa, nhanh nhẹn láu táu, chị mở tủ lấy áo ra, lấy lược chải tóc cho tôi, lấy kem lấy phấn dàn ra.

Vì cái tính láu táu đó mà chị Thuỷ cứ dồn dập, bắt ép khẩn khoản xua chị em tới, đòi làm cho kỳ được những điều chị muốn. Kỳ thực chị không biết là mình muốn, mình cần điều đó tới đâu. Cho nên nhiều lần, sau khi xảy ra chuyện đáng tiếc, chị ân hận vì điều mà chị muốn chị em làm xét lại không có gì cần thiết. Tôi vừa trang điểm vừa nghĩ đến chỗ đó. Nghĩ thế mà vẫn cứ phải làm theo sự thúc giục vui vẻ của chị.

Từ đầu cho tới giữa bữa tiệc tôi ngồi khá dễ chịu. Bên phải tôi là chị Thuỷ, bên trái là một bà đã có tuổi, nhã nhặn, nói chuyện có chừng mực và nhỏ nhẹ. Giọng nói bà ta thân mật tự nhiên, vì thế chẳng bao lâu chúng tôi trò chuyện với nhau như trong phòng khách của nhà mình, quên để ý đến cảnh đông đảo xung quanh. Vẻ nhỏ nhẹ kín đáo của chúng tôi khiến cho không ai chú ý đến phía chúng tôi ngồi, và như thế càng làm cho tôi tránh khỏi cái khó chịu mà tôi tưởng tượng lúc ở nhà.

Chợt trong phòng tiệc tự nhiên im lặng, chỉ có tiếng một người nói. Bà khách ngồi bên tôi ngẩng lên nhìn. Tôi cũng ngó theo. Người khách đang nói, chẳng biết tự lúc nào đã rời bỏ ghế của mình, bưng ly rượu đi đi lại lại. Cũng chẳng biết bắt đầu làm sao mà ông ta được mọi người chú ý. Hiện thời thì trừ một số khách đàn bà, còn bao nhiêu đều ngưng chuyện riêng, chăm chú theo

dõi ông ta. Thỉnh thoảng mới có người nêu lên một câu hỏi ngắn, cũng là thuộc về câu chuyện ông ta đang nói. Ông ta nói chuyện về săn bắn.

Đó là một người thấp, vào khoảng năm mươi tuổi, có vẻ dày dạn. Nước da đen, đường nét trên khuôn mặt hơi thô. Nhưng cặp mắt thực lanh. Đầu tóc ông ta không chải, khô và quăn, nhưng không bù xù. Ông ta mặc bộ đồ nỉ màu tím sẫm đắt tiền, mà không có chút gì chải chuốt. Cử chỉ nhanh nhẹn, dễ dãi, tự nhiên. Trông qua, người ta có cảm tưởng ngay là một người từng trải, không kiểu cách, quen với cảnh hội hè đám tiệc. Lại là một người thực tế, giản dị, tránh những ước vọng cao xa, với một khinh bỉ khôn ngoan.

Thoạt tiên tôi nhìn thấy ông ta rồi liền cúi xuống tiếp tục gắp món ăn. Nhưng giọng nói của ông ta vẫn vang bên tai. Tôi lắng nghe câu chuyện. Bỗng nhiên tôi hoảng hốt. Một lo sợ chơi vơi không rõ vì sao làm tôi nôn nao. Người đàn ông đó nhắc lại một cái gì hẳn có liên quan đến tôi. Tôi ngẩng đầu lên nhìn lại. Ông ta đã trở về đứng ngay sau chiếc ghế của mình, một tay đặt lên lưng ghế, lắng tai chờ nghe câu hỏi của người khách ở một bàn xa. Vụt một cái ông ta sụn xuống, rùn cổ thụt đầu vào, nhô hai vai lên, và giơ cao hai bàn tay, há miệng trợn mắt, «À !» một tiếng. Mọi người cười. Rồi ông ta

chụp mạnh một tay, nắm lấy lưng ghế, tay kia trả chiếc ly xuống bàn, lắc đầu nói :

- Không ! Không ! Ban đêm không bao giờ trông thấy được voi ở xa đến thế. Bọn thợ săn chúng tôi chừa con voi ra, còn lại tất cả đều dưới quyền chúng tôi. Chúng tôi đội ngọn đèn trên đầu tiến vào trong rừng là có thể trông thấy tất cả muông thú, trừ con voi. Và con người, vâng, và con người nữa. Là vì mắt voi và mắt người không phản chiếu ánh đèn. Thế cho nên nhiều khi mình đã đến gần bên một con voi mà vẫn tưởng là tảng đá. Ngoại trừ con voi, bọn thợ săn chúng tôi làm chủ núi rừng. Quét một ngọn đèn bắn trong đêm thì trong vòng đường kính năm mươi thước chúng tôi có thể thấy từ cặp mắt con cọp, con heo rừng, cho đến những chấm sáng li ti của mắt con nhện, mắt những con nhái, con cào cào, châu chấu, đến những cặp cánh lóng la lóng lánh của sâu bọ lăn tăn. Sáng nhất là mắt cọp và mắt nai. Mắt cọp sáng ngời, có tia sao. Còn những mắt heo rừng, thỏ, chồn… thì đỏ lờ lờ như màu mã não. Có lần chúng tôi…

Tôi cúi xuống bàn, tâm trí hoàn toàn rối loạn. Nhất định là người đàn ông đang nói đó và giọng nói của ông ta có một liên quan gì với tôi hết sức hệ trọng. Khổ nhất là người ta không có phương pháp gì có thể tự ý gợi

lại một ký ức khi nó chưa chịu hiện đến. Tôi biết chắc lúc đó thần sắc tôi biến đổi khác thường. Bà khách bên cạnh nhìn tôi, giấu vẻ lo ngại, nghiêng người tới với một vẻ săn sóc, tìm một câu nói :

- Ông ấy thạo quá.

Tôi cười và đáp như máy : «Vâng, thạo quá.»

Chị Thuỷ quay sang phía chúng tôi, nói thêm :

- Ông quận Toàn đấy mà. Chị không biết sao ? Quận Toàn mà nói chuyện săn bắn không thạo thì ai thạo ? Hồi thầy tôi còn làm phán sự tòa sứ ở tỉnh, cách đây hai mươi năm, chúa nhật nào ông ta cũng có thú rừng bắn được đem biếu…

Tôi cười vu vơ, không đáp, lắng tai nghe tiếng ông quận Toàn tiếp tục nói. Ông ta mỗi lúc mỗi xưng «bọn thợ săn chúng tôi» mặc dù trong tiệc chỉ có mình ông là thợ săn. Xưng đến «bọn thợ săn chúng tôi» ông ta ưỡn người ra, hãnh diện. Ngoài khi nói về chuyện săn bắn, thì ông ta bặt thiệp, nhũn nhặn, thân mật. Ông ta thân với chủ nhà và tự coi như người nhà. Thỉnh thoảng ông ta ngừng nói chuyện, rót thêm rượu vào ly một người khách, mời một món ăn. Khi đó ông ta hạ giọng xuống, có khi ông ghé vào tai pha trò một câu nhỏ, một tay thân

mật đặt lên vai người khách, săn đón, vồn vã. Rồi lại ngẩng lên, lớn tiếng tiếp tục chuyện săn thú, như chiếc phi cơ lại cất cánh hiên ngang lên trời, bỏ lại những nhà cửa xe cộ dưới đất.

Ông ta giơ một bàn tay với những ngón to và ngắn ngủn lên ngang đầu, ra dấu cho mọi người im lặng chú ý, rồi lên tiếng :

- Này nhé, làm thế nào phân biệt được mắt con thú với sao trên trời ? À, cái đó mới ngộ ! Nếu không phân biệt được thì có người đang đi trong rừng trông thấy hai vì sao lọt qua kẽ lá sáng bên nhau như hai con mắt thú, thế là cứ nhắm mà bắn bừa thôi. Ha ! Muốn phân biệt thì thế này : bọn thợ săn chúng tôi bao giờ sau khi chiếu đèn về một phía nào mà gặp những chấm sáng cũng cẩn thận quất đèn về hướng khác, rồi liếc mắt ngó xiên lại chỗ cũ. Nếu những chấm sáng vừa rồi tắt đi thì đích là mắt thú, còn nếu vẫn cứ sáng thì đó là sao rồi. Sao trời hoặc là lửa, vâng, lửa…

Ông quận Toàn giơ bàn tay lên, vung vung, ra dấu cảnh cáo :

- Cái này mới nguy hiểm đây. Ở trên núi vẫn có những đóm lửa bất ngờ như thế. Chúng tôi thường gặp. Hoặc là thợ rừng ngủ lại, hoặc là người đi lỡ đường, hoặc là

những người cầm bò trên núi, họ đốt lửa lên cho ấm rồi nằm ngủ xung quanh. Về khuya, lửa tắt, còn lại những đốm lẻ tẻ giữa đống tro. Khi ấy mà lầm là mắt thú rừng, cứ bấm cò súng một cái là thế nào, hà, hà ! thế nào cũng một vài nhân mạng nhé.

Trong phòng nổi lên những tiếng ồn ào. Ông quận Toàn ngừng nói. Tôi không dám nhìn lên mặt ông ta nữa. Tôi đã gần nhớ ra câu chuyện, gần hiểu sự liên hệ giữa ông ta với tôi là như thế nào rồi. Vô tình tôi tìm khuôn mặt nhà tôi ở góc phòng đối diện. Rồi tôi cúi đầu. Khó chịu nhất là lúc này bà khách bên cạnh tôi lại bắt đầu nói chuyện. Thực là khổ, trong lúc tôi cần yên tĩnh một chút, mà phải vờ lắng tai nghe, dạ dạ vâng vâng. Tôi không biết bà khách bên cạnh nói những gì, và có để ý đến thái độ của tôi không. Đột nhiên tôi giật mình vì bà ta cười lên một tiếng ngắn. Tôi sợ hãi ngước nhìn, nhưng thấy nét mặt bà vui vẻ thực tình. Và bà đã bỏ câu chuyện của mình để theo dõi câu chuyện ông quận Toàn. Ông quận nói :

- Có một lần thế này, thật là chết người ! Chuyện xảy ra cách không bao lâu, vâng cũng chẳng lâu gì. Nguyên là trước chiến tranh tôi đã làm việc ở đây gần mười năm cho nên tôi thông thạo hết núi rừng. Bởi vậy lần này, hồi mới được đổi trở về đây tôi có thể đi bắn một

mình trên đèo Vạn. Độ mười một giờ đêm, tôi vừa leo lên một cái động tranh thì ngọn đèn của tôi chiếu vào một đám mắt sáng lố nhố. Thật nhiều mắt. Tôi vừa ngạc nhiên vừa mừng. Tôi chưa từng gặp một đàn nai nào đông đến thế. Tôi quất đèn sang một bên, liếc lại nhìn: quả là mắt, không phải lửa. Tôi đặt súng lên vai, định bụng lấy luôn hai phát đạn một lượt. Hai phát đạn vào cái đám mắt đó thế nào cũng được hai con nai. Tôi bóp cò. Đạn thúi ! Úi chao ! Tôi đi săn hăm bốn năm rồi, trường hợp đó chưa khi nào xảy ra : cả hai viên đạn đều hỏng cả hai…

Ông quận Toàn bấu chặt lấy lưng ghế, chồm người tới, trố mắt tròn xoe nhìn mọi người, kinh ngạc. Rồi ông ta lắc lắc cái đầu, lặp lại :

- Hỏng cả hai viện đạn, thật là kỳ cục. Tôi vừa tức giận vừa lo sợ, hạ súng xuống thay đạn. Không biết lật bật thế nào tôi đánh rơi một viên đạn xuống tảng đá dưới chân, nó lăn nhảy lóc cóc mãi một lúc lâu xuống tận dưới khe xa mới dừng lại. Tôi bực mình, sợ đàn nai hoảng hốt chạy mất. Nhưng quái lạ, chúng vẫn cứ đứng yên, giương mắt lố nhố. Tôi lại chợt nghe phất thoang thoảng một mùi khai khai, hôi hôi quen thuộc. Tôi sinh nghi. Đã đặt súng lên vai, tự nhiên tôi hạ xuống và rón rén bước lần tới. Nếu là đèn pin đội trên đầu thì cách

xa hai chục thước đã có thể trông thấy hình thù con vật, nhưng hôm đó tôi dùng đèn đá cho nên phải tiến gần độ mười hai thước tây. Ngọn đèn của tôi chiếu thấy một đàn bò trên năm chục con, đứng có nằm có, giữa một cái rông cất sơ sài bằng cây tươi vừa đốn trong núi. Sát bên cạnh rông nhốt bò là cái chòi của người giữ bò ! Ui chao, trời đất ơi ! Tôi bủn rủn tay chân…

Ông quận Toàn xuỗi cả hai tay, nghẻo đầu thất vọng một lúc. Rồi ông ta vùng tỉnh táo, chồm tới :

- Trong đời bọn thợ săn chúng tôi đôi khi vẫn có gặp một a - văng - tuya như thế. Thật là chết người. Hú vía! Nếu hai viên đạn không hỏng, hay nếu tự nhiên tôi không nghi ngại, bước tới, thì đêm đó có thể đã xảy ra một vụ án mạng rồi. Nhân mạng thực sự chứ không phải là đền bò thôi đâu nhé. Nếu tôi nổ, viên đạn lọt vào trong chòi người giữ bò… Trời ơi ! Khi tôi chạy xồ tới, giật cái cửa chòi ra, thấy hắn ta vẫn còn nằm ngủ, không hay biết gì cả, tôi hét lên như điên…

Ông quận Toàn đang nói hăng. Rất có thể ông ta sẽ nói tiếp. Tôi thấy bừng bừng trong người, và chóng mặt, như ngồi trên một chiếc xe đang phóng nhanh xuống dốc.

Nhưng tự nhiên quận Toàn ngừng lại. Những lúc ta cố tìm hiểu ý nghĩa biểu thị trên một nét mặt, thì lại chính là những lúc ta không đoán được gì cả : các chi tiết đơn giản nhất cũng hóa ra khó hiểu, thật là đáng giận. Lúc đó vẻ mặt ông quận Toàn tự dưng tắt mất cái hăng hái, ông cúi xuống đĩa đồ ăn. Việc ông khép thình lình câu chuyện có vẻ như là kín đáo dành riêng đoạn sau giữ lại cho mình. Trên môi ông phảng phất bóng dáng một nụ cười ranh mãnh. Nhưng tôi cũng không tin hẳn như thế. Là vì cái vẻ chăm chú thận trọng khi ông bôi cho đều «xốt» vào con tôm và sự khoan khoái biểu lộ rõ rệt trên nét mặt lúc ông ta vừa nhai nhồm nhoàm vừa quay sang bình phẩm món ăn với người bên cạnh khiến tôi lại nghĩ rằng ông ta là một người thô sơ, không bận tâm đến đoạn sau của câu chuyện. Và cái thoáng cười vừa rồi lại không chừng có ý nghĩa giễu cợt.

Ông quận Toàn bỗng ngẩng cao đầu, ngả lưng ra, ưỡn người khoan khoái, nhìn một loạt khắp phòng tiệc. Như tuồng kể xong câu chuyện săn bắn là rồi một nhiệm vụ, bây giờ ông ta có quyền thảnh thơi và bày tỏ sự thảnh thơi với mọi người. Nhưng cử chỉ tầm thường đó làm tôi khiếp vía. «Nếu ông ta trông thấy tôi ?»… Tưởng như ông ta đang quất ngọn đèn săn trong rừng và «bọn thợ săn của ông ta» đang làm chủ núi rừng, còn tôi thì chỉ là một con nai nhỏ, trốn sao cho khỏi cái thứ ánh

sáng có thể soi thấu từng con mắt chuột, mắt nhái li ti đó. Thực vậy, tôi có cảm tưởng cái hột xoàn tí hon gắn trên đôi hoa tai của tôi, cái mặt nhẫn đeo nơi tay tôi cũng quá sáng, có thể khiến ông ta chú ý đến tôi… Cặp mắt ông ta lướt qua như một chiếc oanh tạc cơ lướt ngang đầu. Tôi gầm đầu xuống, lặng người đi một lát…

Bên tai tôi chị Thuỷ lại nhanh nhẩu :

- Ông quận Toàn này bắn thì thôi khỏi nói. Hồi tôi còn nhỏ có một hôm ông ấy đi với thầy tôi về quê. Từ lúc chiều đến chạng vạng tối, ông ấy cho gánh về nhà tôi bảy con công. Bảy con công bự, khiếp chưa ? Chị biết, công nó khôn lắm nhé, ta khó lần mò đến gần mà khỏi bị nó thấy. Ông ta không thèm rình mò gì cả, chỉ hỏi thăm thợ rừng xem chúng nó thường ngủ chỗ nào. Thường thường chúng nó lựa một cây trụi lá vì chúng sợ chồn. Cây trụi lá càng dễ nhắm dễ bắn. Ông ta cứ việc đến sớm, tìm chỗ nấp cẩn thận bên gốc cây. Chiều, công nó về từng con từng con. Con nào về đậu vừa yên ông ta liền nổ súng ngay, nó rớt đánh đùng một cái như quả dừa rụng. Mặc kệ, ông ta cứ ngồi yên trong bụi, không ra. Ra ngay lúc đó là hỏng nhé. Cứ ngồi yên một tí là có con công khác về ngay. Nghe tiếng nổ chúng nó về xem thử, cứ thế ông lần lượt giết hết đàn công. Nghĩa là đừng bắn trượt con nào. Trượt một con

là hỏng, vì những con sau biết ngay có tai nạn.

Chị Thuỷ đã nói tới cái câu có vẻ kết thúc :

- Quận Toàn, thôi khỏi nói, ông ta săn bắn kinh nghiệm và khôn ghê lắm…

Nhưng bất ngờ chị chuyển qua ý khác :

- Trời ! Ông ta mê bắn cách lạ. Cái đêm Nhật đảo chánh năm 45, suốt đêm ông ta bắn trên núi không hay một chút xíu xiu. Hồi đó ông ta làm việc ở tòa sứ ngoài Nghệ An. Gà gáy, ông ta xách súng về nhà, đi ngay vô phòng ngủ, cũng vẫn chưa hay biết gì. Tới giờ làm việc, ông ta sắp sửa mặc đồ đạc vào thì tòa sứ cho người tới mời, ông ta cằn nhằn tưởng có chuyện gì gấp. Chừng đến tòa sứ nghe nói mới ngã ngửa ra tưng hửng. Thôi thì lúc đó sứ tây nó lo phần nó, công chức người mình nó cho nghỉ việc, chờ Nhật tới định đoạt. Thế là trong mấy ngày chờ đợi ông quận Toàn lại xách súng đi bắn, thản nhiên như không ! Khi Nhật tới, gọi công chức lại tiếp tục công việc thì ông ta đã bắn thêm được ba con nai chà. Ông thân tôi mỗi lần nói đến tật mê bắn của quận Toàn đều nhớ chuyện đó.

Quận Toàn lúc ấy đang ngồi lơ đãng xỉa răng. Đối với mọi người ông ta đã lặn mất vào đám đông thực khách,

không còn là một nhân vật đáng chú ý nữa. Có lẽ chính ngay ông ta cũng không còn nghĩ đến câu chuyện vừa qua. Trông cái môi ông nhếch lên, lưỡi ông quơ soát lại hàm răng, và ông chíp chíp nho nhỏ trong miệng, tôi đoán có lẽ cái vị của món bồ câu ăn với xà - lách còn một chút lưu luyến nơi ông. Nhưng chắc ông đã bắt đầu nghĩ đến ly cà - phê sắp thưởng thức rồi.

Càng theo dõi quan sát ông quận Toàn tôi càng tin rằng con người đó nhất định không thể bận rộn vì những ý tưởng phức tạp hơn. Tôi càng nhìn càng thấy các ngón tay ngắn ngủn với làn da thô dày và đùn lại sù sì ở các đốt cũng như vẻ mặt của ông ta đáng lẽ là của một người nông dân tâm lý thô sơ, chất phác, siêng làm và thực tế. Chừng ấy nét tính tình ở một người có học thức có tiền của lại làm ra một mẫu người cầu an ích kỷ, không thèm bận tâm đến một lý tưởng xa vời nào, một người siêng tìm và biết thưởng thức những giải trí dễ dãi, những thú vui vật chất.

Bà khách ngồi bên tả chia cho tôi một que tăm. Tôi ngả người dựa lưng ghế, xỉa răng, và tự nhiên có cảm tưởng thư thái dễ chịu, dần dần thoát khỏi sự hồi hộp lo sợ thắc mắc. Chị Thuỷ đang mở chiếc ví đặt trên đùi ra, soi gương chặm những chấm mồ hôi trên mặt. Phòng tiệc lộn xộn ồn ào, đàn ông vừa hút thuốc vừa

nói chuyện từng nhóm riêng với nhau. Rồi người ta bắt đầu xô ghế đứng dậy. Thôi thế là xong.

Khi quận Toàn bước ra cửa, tôi ngó theo ông ta bằng một khóe mắt. Một tay ông ta níu lấy cánh tay một ông bạn, tay khác ông vung lên làm những cử chỉ ngắn mà mạnh mẽ, mặt ông nghẻo nhìn vào ông bạn, vừa đi vừa nói.

Tôi cảm thấy nhẹ nhàng an tâm : chuyện ông đang nói chắc chắn không phải là chuyện «hắn ta», cho đến phút cuối cùng trông ông ta không có vẻ muốn đả động gì đến «hắn ta» nữa. Nhưng đồng thời cũng chính cái vô tình đó làm cho tôi vùng sống lại y nguyên tâm trạng của mấy năm trước. Tôi vừa xót xa tủi thân, vừa hối hận khinh bỉ. Cái tầm thường và thái độ vô tình thô bỉ của ông ta như lăng mạ chà đạp tôi.

Thế mà vừa rồi đối với khách khứa trong phòng tiệc, ông ta đã nói về «hắn ta» bằng một câu có thể khiến mọi người nghĩ rằng đó là một kẻ đần độn vô tư lự : «khi tôi chạy tới, giật cái cửa chòi ra, thấy hắn ta vẫn còn nằm ngủ, không hay biết gì cả !»

Tôi phải nói rõ hơn về «hắn ta».

Tôi lấy chồng sớm, từ năm mới mười sáu tuổi. Người chồng đầu tiên của tôi lớn hơn tôi đến bảy tuổi, và chính là thầy dạy tôi học. Sự chênh lệch đó làm cho Thọ bận tâm rất nhiều. Tuy tôi đã tìm mọi cơ hội để tỏ rằng tôi hoàn toàn sung sướng với anh, nhưng tôi biết càng ngày Thọ càng bị ám ảnh bởi cái ý tưởng cho là sự quyết định của tôi hồi còn nhỏ có thể bồng bột, tình yêu của tôi không bền chắc, nhất là vì bản tính nghiêm buồn hay suy tư làm cho về mặt tinh thần anh có vẻ già dặn hơn tôi nhiều quá, và vì chúng tôi lại không có con cái.

Gia đình của Thọ là một gia đình nhà nho, Thọ lại là đảng viên cộng sản. Từ ngày về nhà chồng tôi càng tự cảm thấy bé bỏng, không đáng kể, giữa cái sinh hoạt tinh thần luôn luôn thao thức trong gia đình ấy. Cha chồng tôi nghiêm khắc, đường hoàng, khiến bọn con cháu chúng tôi ở trong nhà ít khi dám gần người. Tuy vậy dần dà tôi lại biết rằng tính người hay sợ hãi : tất cả những người Âu từ tên lính lê-dương đến tên tây đoan đều làm cho người khiếp sợ, tất cả những tai họa rắc rối xảy đến cho gia đình đều khiến người bối rối lo hãi, người sợ những con ngựa có chứng và không dám đến gần những con bò hung dữ… Nhiều khi sự hoảng hốt của người trước một đe dọa quá tầm thường làm cho đàn bà trong nhà phải nấp sau cửa bụm miệng cười rúc rích. Khi chiếc phi cơ oanh tạc đầu tiên đến bay quanh

vùng chúng tôi thì cả nhà đang ngồi ăn cơm vùng bỏ chạy tán loạn. Mọi người đã nằm nấp ngoài vườn xong mà mãi không thấy cha chồng tôi đâu cả, anh Thọ đánh liều trở vào nhà. Vào đến nơi, thấy người đã mặc xong áo dài và đội khăn đóng chỉnh tề, ngồi ngay ngắn trước bàn, hai tay đặt lên mặt bàn, run lẩy bẩy, hai mắt nhắm tít. Anh Thọ gọi, người mở mắt ra nói :

- Người quân tử dù đến chết cũng khăn áo chỉnh tề.

Rồi người lại nhắm mắt ngồi chờ chết, hai bàn tay run trên mép bàn. Lần ấy chiếc phi cơ không bắn một viên đạn nào và không thả trái bom nào. Từ đó người mới chạy trốn bom.

Sau này, trước thái độ độc ác phũ phàng của những cán bộ cộng sản đối với tầng lớp địa chủ thân hào, người cũng ngạc nhiên và sợ hãi như thế. Khi được biết anh Thọ vào đảng Cộng sản người không dám có ý kiến phản đối, nhưng trong gia đình ai nấy đều thấy rõ sự cách biệt, có thể nói là sự xung đột ngấm ngầm giữa hai cha con. Xung đột ấy chỉ thỉnh thoảng mới biểu lộ qua sự trung gian của anh Kha, bạn thân của Thọ từ ngày còn ở nhà trường.

Kha ở cùng làng với chúng tôi. Những khi anh đến chơi mà không gặp Thọ ở nhà thì anh với cha chồng tôi

cùng nhau công kích cộng sản. Khi gặp Thọ thì Kha và Thọ tranh cãi nhau, còn cha chồng tôi lặng lẽ tiếp tục những công việc của người, dù ở bên cạnh cũng làm như tuyệt nhiên không nghe thấy lời nói của hai người thanh niên.

Cha chồng tôi, và có lẽ cả Kha, trong những lúc tranh luận, đều yên trí rằng Thọ là một kẻ cuồng tín. Thực ra lúc nào Thọ cũng bênh vực lập trường tư tưởng của mình một cách cương quyết và kiêu hãnh. Nhưng chính vì thế tôi càng thương Thọ về những bứt rứt luôn luôn âm ỉ trong tâm trí anh.

Tôi còn nhớ một đêm tháng sáu, trời nóng nực, cha chồng tôi cắm cúi xắt một cuốn thuốc dài ngoài hiên, Thọ và anh Kha trò chuyện trong nhà. Tôi đang ngồi lột vỏ đậu phụng trước thềm, chợt để ý đến thái độ của cha chồng tôi, thấy người luôn luôn ngừng tay giả vờ sửa cuốn thuốc, để theo dõi câu chuyện phía trong nhà.

Bất giác tôi chú ý đến giọng nói ồ ồ xẳng xớm và cộc lốc của Kha :

- … Hừ ! Riêng gì cái chuyện đối với bà cụ ? Tôi biết các cậu mỗi ngày mỗi tu luyện để trút bỏ hết tình cảm, hết nhân tính.

Chồng tôi bình tĩnh nhưng gay gắt :

- Vậy thì tình cảm vớ vẩn là nhân tính ? Thương mù quáng… một ông bác, một bà cô, một đứa em phản động, một người bà con phản động, là nhân tính ? Còn thương yêu những người nghèo khổ bị áp bức, cứu gỡ họ ra khỏi sự bóc lột mà động chạm đến bà con mình là mất nhân tính ?

Trong bóng tối hình như cha chồng tôi thoáng nhìn về phía tôi. Tự dưng tôi hưởng ứng thái độ của người. Chồng tôi vừa kể ra, để đối lập với kẻ vô sản, những ông bác, bà cô, đứa em… Đáng lẽ anh phải kể đến bà ngoại. Và có thể kể cả cha mẹ và vợ con nữa. Sự né tránh của anh không làm cho chúng tôi sung sướng, mà chỉ nhắc rằng anh vẫn nhớ đến sự hiện diện của chúng tôi ngoài hiên, làm cho chúng tôi càng khó chịu. Chúng tôi biết rằng nếu phải chọn lựa giữa «người cha, người vợ phản động» với hạnh phúc của kẻ vô sản, thì chồng tôi cũng không có thái độ khác hơn là đối với ông bác, bà cô, đứa em. Trước đó năm hôm, bà ngoại của Thọ mất trong một gia đình địa chủ bị bao vây. Thọ nhất định không về dự đám tang. Mãi hơn một giờ sáng ngày hôm đó mẹ chồng tôi về kêu cửa, thất thểu bước vào, mình mặc áo cụt, đầu tóc lòa xòa không quấn khăn tang. Bà run lập cập : chúng tôi đốt lửa lên để sưởi, hơ

vuốt những ngón tay cứ co quắp lại. Người vừa ấm, mẹ chồng tôi nhìn chúng tôi khóc như mưa như gió. Rồi cha chồng tôi về, kể rằng dân làng không ai được phép chôn bà ngoại Thọ; ba chị em của mẹ chồng tôi phải vừa đào huyệt vừa khiêng quan tài mẹ, chôn cất đắp mộ suốt ngày !

Kha lên tiếng liền để trả lời Thọ :

- Các cậu đang thương người nghèo khổ đấy à ? Hừm! Thật không ? Cậu có chắc thế không ?

Bỗng Kha dừng đột ngột, như bị hóc. Lát sau, anh thong thả, bình tĩnh hơn :

- Thí dụ… Ta lấy một cái thí dụ : Gặp một người đói khổ nào đó, đối diện một người nghèo nào đó cụ thể, một ông A bà B nghèo, cậu với tôi không chắc ai động lòng thương hơn ai. Bình sinh hai đứa không hay nhường cơm xẻ áo cho kẻ nghèo khổ nào. Cậu với tôi như nhau, coi như ngang nhau thôi. Nhưng lòng thù hận, thù kẻ giàu, thì lúc này cậu vượt tôi… vượt… không thể nói. Tại sao vậy ? Trước không có thế, đột nhiên cậu đổi khác hẳn. Cậu không nghĩ là lúc này đang cần đến sự thù hận, chính sách thấy cần sử dụng đến sự thù hận, thì tình cảm ấy được gây ra. Không phải vậy sao ? Đó không phải là tình cảm hồn nhiên. Cái đó là được tạo ra,

kích thích, là tình cảm ngụy tạo…

Có tiếng Thọ hét lên :

- Kha !

Kha nín phắc. Cha chồng tôi ngưng con dao xắt thuốc, ngẩng đầu nghe ngóng. Sự im lặng thình lình của ba người đàn ông như một tai biến bất ngờ. Tôi nghẹt thở trong không khí bất an nặng nề. Tôi liếc nhìn về phía trong nhà : Kha ngồi yên, mặt hếch lên, cặp gương cận thị của anh sáng lòa.

Cuối cùng, lại nghe tiếng Kha :

- Bất công giữa giàu nghèo hẳn nhiên là cái xấu. Xã hội bất công là xấu. Xấu thì đánh đổ, để tạo dựng cái tốt. Đánh đổ cách nào ? Thành phần bị áp bức có thể nổi dậy chống chế độ, phá ngục, lật ngai vàng, giết hôn quân bạo chúa v.v… Thế. Nhưng bậc chủ xướng cách mạng đâu cần xua dân chúng sục sạo săn đuổi khắp nước, lùng bắt cho kỳ được từng kẻ ác người xấu mà giết cho sạch mới cải thiện được xã hội ?

Ở ta, cách mạng đã thành công, đã nắm quyền trong tay. Tha hồ dựng lên chế độ tốt. Trong khung cảnh xã hội tốt, trong khuôn khổ chính sách tiến bộ, ai nấy sinh sống đúng đường lối, đúng lẽ công bình thôi. Nhà nước

cần gì dạy bảo thúc giục người này căm thù người kia nữa, cần gì phải xúi ai giết ai nữa ? Làm kinh hoàng cả nước… Làm cho…

Kha khục khặc, loay hoay. Thọ lên tiếng, nghiêm khắc :

- Cậu ăn nói ! Cậu coi chừng cái ăn nói…

Kha lặng thinh. Lát sau, anh ấy có vẻ ôn tồn :

- Để tôi nói… Tôi phải nói cái này với cậu. Trong xã hội cũ, xã hội tồi tệ, bậy bạ, xã hội bóc lột…, trong xã hội ấy tuy vậy giàu có không tất nhiên phải ác. Không phải trong giới giàu cứ từng người một bắt ra người nào cũng ác cả. Xã hội xấu đã xấu hàng mấy trăm năm, xấu từ đời nọ sang đời kia. Lớp sau tiếp tục cách làm ăn sinh sống của lớp trước, duy trì cái quan hệ sản xuất có sẵn từ trước. Làm sao khác được. Nhưng trông vào cá nhân, xét từng người, thì cậu biết đấy… cậu biết mà… có những bà cụ hàng ngày tụng kinh niệm Phật, cố làm điều lành, nhưng tô tức họ thu, lãi suất nợ nần ai sao họ vậy, ông bà cha mẹ làm sao họ làm vậy… Điều ác ở họ không có chủ tâm, không có ý thức… Trong họ hàng thân thuộc, thiếu gì trường hợp… cậu thấy trực tiếp mà… Đem cái lỗi của một chế độ đã qua trút lên đầu họ, lên từng người… Để đày đọa họ…

Cha chồng tôi đứng lên, bước ra sân, gỡ cái tàn thuốc dính trên môi ném xuống đất. Câu chuyện đã tiến sát đến mẹ chồng, đến bà ngoại chồng tôi. Ông cụ không chịu đựng được, lánh đi. Có lẽ thế. Trong nhà tiếng nói cũng dừng lại. Hình như người bên trong có để ý, có biết thái độ của ông cụ. Sự khó khăn, ngần ngại kéo dài một lúc lâu.

Rồi cũng vẫn Kha, anh Kha bướng bỉnh, trở lại câu chuyện :

- Đã nắm chính quyền, tại sao còn gây ra hận thù điên đảo ? Phải có lý do nào đó. Chắc thế. Tại sao lúc này cần đến cơn giận lồng lộn của quần chúng ? Tôi không muốn suy đoán. Không phải việc tôi. Nhưng mặt khác, phải thấy rằng chuyện không cần thiết lại là chuyện ác độc… Thọ, cậu nghĩ coi : Có đồng chí lãnh đạo cao cấp nào ở trong hoàn cảnh cậu không ? Có đồng chí nào ở trung ương lúc này đang gầm gừ thù cha oán mẹ, uất giận họ hàng ành ạch không ? Ở một cấp nào đó thì khỏi, mà xuống dưới cấp nào đó phải điều chỉnh tình cảm… Cùng đeo đuổi một lý tưởng chung, đồng chí với đồng chí, tầng lớp cậu bị sử dụng một cách nhẫn tâm quá… Không tránh khỏi suy nghĩ, cậu à…

Kha không hùng hổ, khậm khặc nữa. Anh ấy bỗng nhiên như… như thân mật ! Anh ấy chùng chình. Thọ, không nghe nói gì.

Thình lình, Kha bật hỏi :

- À, cậu có cái ba - lô nào lớn không ?

Thọ chưa kịp trả lời, Kha thêm :

- Một cái ba - lô da chắc chắn, và lớn.

- Có. Có việc gì vậy ?

- Tí nữa quên ! Định đi tìm mượn cho thằng Hải cái ba - lô mà mải nói chuyện, tí nữa quên mất. Mai nó đi. Đi Đông Mên. Khuya rồi, mình về cho nó còn kịp sắp đặt. Cậu vào lấy cho mượn đi.

Thọ gọi tôi vào, bảo :

- Em soạn cái ba - lô, đưa cho chú Hải.

Tôi vừa đi vừa ngoảnh lại hỏi Kha :

- Mai chú ấy đã đi rồi à ? Thế mà mấy hôm nay không nghe chú ấy nói gì cả.

Kha bảo :

- Nó cũng vừa mới biết quyết định. Nhận được quyết định là lo đi ngay đây.

Chồng tôi ngồi yên lặng, vẻ suy nghĩ. Kha đứng dậy, vừa bước ra hè vừa nói lớn :

- Thưa bác, mai Hải nó đi Đông Mên đấy. Gấp quá, không kịp đi thăm chào ai cả.

Cha chồng tôi vội vã vào nhà :

- Hải chú ấy đi qua tận bên Mên à ?

- Dạ. Đi «các hướng chiến lược».

- Bao giờ về ?

- Không chừng… Ít ra cũng nửa năm.

Cha chồng tôi mở cái tráp gỗ, lấy ra một thẻ thuốc «thần công» lớn bằng hai ngón tay trao cho Kha để đưa lại cho Hải. Đó là thứ thuốc trắng trông giống như phèn chua, nhấm vào chát chát và tê lạnh ở đầu lưỡi, trị bá chứng như kiểu dầu vạn ứng của Nhị Thiên Đường, đặc biệt là chữa thổ tả rất công hiệu. Thứ thuốc đó nhà chồng tôi tự chế lấy, theo toa bí truyền từ ba bốn đời, bảo là do một ông cố đạo truyền lại.

Khi tôi đem chiếc ba - lô ra thì chồng tôi và anh Kha đã kéo nhau ra hè trước. Thọ đang tiếp tục điều nói dở dang. Tôi nghe giọng Thọ ôn tồn :

- … như thế không phải là có sự phỉnh gạt. Cùng đeo đuổi một lý tưởng, không phải ai cũng làm như ai. Mỗi cương vị có một nhiệm vụ khác nhau. Ở cương vị này, làm việc này, phải có thái độ này, phải sống cái tình cảm này; ở cương vị kia, làm việc kia, thì phải có thái độ kia mới thích hợp. Trong vai trò điều khiển, cần một thái độ; trong vai trò chấp hành, cần thái độ khác. Mọi người thấm nhuần lý tưởng chung, nhưng hoạt động trong phạm vi của mình, ai có vai trò nấy. Quan niệm máy móc, tự đặt mình vào vị trí kẻ khác… Không được đâu. Một tế bào của lá phổi không hoạt động giống như một tế bào của bộ não; nhưng cả hai đều sống đúng cái chân lý sinh hoạt của một con người. Mình phải có cái quan niệm kỷ luật…

- Đấy. Ở cấp này, vị trí hoạt động này, không cần đến tình cảm này thì khỏi tự gây ra; ở vị trí kia, cần đến lòng hận thù, hướng ngay vào người thân thiết của mình, thì… thì… Đấy, là tạo ra cả, không tự nhiên gì cả… Giả tạo… Dối cả…

Tôi xô cánh cửa bước ra, Kha quay lại, nhận cái ba - lô rồi chào cha chồng tôi, ra về. Thọ bước theo ra đến

đầu sân.

Đêm ấy, khuya lắm tôi vẫn không ngủ được. Thọ nằm bên cạnh thường lòn một cánh tay dưới cổ tôi, choàng sang ấp lấy vai và cánh tay phía bên kia của tôi. Vì vậy mỗi một cử động, một cựa mình trăn trở của tôi Thọ đều biết. Tôi cố nằm yên lặng, trong người bứt rứt. Có một lúc Thọ đưa bàn tay vuốt nhẹ nhàng lên trán tôi, vuốt ngược những sợi tóc xõa xuống trán tôi như âu yếm một đứa trẻ. Một lúc khác anh lại với đỡ bàn tay tôi lên, bóp nhè nhẹ, và lơ đãng sờ nắn hết ngón tay này đến ngón tay khác, nắn đi nắn lại từng ngón, như thế rất lâu.

Tôi đoán biết Thọ đang nghĩ gì. Nếu anh thấy tôi còn thức, có lẽ anh sẽ lại băn khoăn thắc mắc : anh sẽ tự hỏi có phải là tôi mất ngủ vì cái tin Hải lên đường ? Thọ ghen ! Tôi hiểu rõ sự ghen tuông của Thọ từ lâu, nhưng vì lúc nào anh cũng im lìm lặng lẽ giấu kín cho nên tôi không sao có dịp thanh minh. Và chính chỗ đó làm tôi khổ sở. Cũng như đêm ấy, không phải cái tin Hải đi Đông Mên làm tôi mất ngủ, nhưng chính là sự thao thức thăm dò lặng lẽ của Thọ làm cho tôi áy náy gìn giữ từng hơi thở, bứt rứt khó chịu và vì thế không ngủ được.

Thọ ghen, nhưng anh lại cố gắng chối từ sự ghen tuông đó. Anh tự bảo mình không có quyền dung thứ một tình cảm ích kỷ. Anh khuyến khích tôi mạnh dạn

tham gia công tác, tiếp xúc với cán bộ. Sự ghen tuông không những Thọ giấu tôi mà kỳ thực anh còn cố tâm trấn áp nơi anh, cố tiêu diệt đi. Tôi biết Thọ đau khổ, nhưng tôi chỉ có thể làm một chứng nhân, một kẻ bàng quan không can thiệp được.

Thọ cứ bị ám ảnh vì sự chênh lệch giữa chúng tôi, cứ tự có cảm tưởng là già hơn tôi quá nhiều, cứ tự cho là lụ khụ, thuộc về lớp người khác tôi. Người anh gầy gò, và anh lấy làm xấu hổ về sự gầy gò ấy. Anh khổ sở, vụng về mỗi khi phô bày thân thể trước tôi. Mà những cố gắng của tôi để phá chữa cái mặc cảm của anh lại cũng quá vụng về, cho nên kết quả càng thêm tệ hại. Tôi nhiều lần bắt gặp ánh mắt khổ sở, tuyệt vọng của anh mỗi khi trông thấy tôi tiếp chuyện những thanh niên hồn nhiên và cường tráng, những bạn học cũ của tôi. Ánh mắt của Thọ làm tôi bối rối hối hận, không biết làm sao để cải chính sự lầm lẫn đau đớn nơi anh. Có lần tôi tình cờ cầm giữ cổ tay của Thọ hơi lâu và chợt để ý đến sự ngần ngại của anh, tự nhiên tôi thương anh quá, tôi siết chặt cổ tay gầy guộc ấy, ấp vào ngực. Như được đà đẩy tới, tôi dạn dĩ quàng tay ôm vai anh kéo xuống, tôi hôn lên cái gáy gầy của anh. Tôi không kịp suy nghĩ và tìm kiếm trong lúc bất thần đột ngột, tự nhiên những chi tiết thân thể đó vụt hiện đến trí tôi và tôi hấp tấp quơ lấy vuốt ve hôn hít. Tôi không ngờ rằng lâu nay mình

đã để ý đến hai chỗ ấy : cái cổ tay và nhất là cái gáy gầy lõm xuống một đường trông rất tội nghiệp. Lúc ấy tôi thấy thực tình yêu Thọ quá, yêu cả những chỗ gầy gò tội nghiệp của anh. Tôi đê mê ôm lấy Thọ nói rất lâu, cấm anh không được suy nghĩ thắc mắc vu vơ về tình yêu của tôi. Thọ ngạc nhiên, thoạt tiên có vẻ hơi lúng túng ngỡ ngàng, nhưng dần dần anh sung sướng cảm động. Anh ôm đầu tôi áp vào ngực, ngồi thật lâu, không nói gì.

Nhưng ngày hôm sau tự nhiên anh lại thẹn như là đã lầm lỡ hành động trong mê sảng. Anh lại càng ngờ vực lòng thành thực của tôi. Anh bối rối xấu hổ mỗi khi biết tôi nhìn đến tay và cổ của anh. Anh cho rằng sự chú ý của tôi trong ngày vừa qua xác nhận cái xấu xí của những chỗ đó, anh hổ thẹn biết rằng tôi đã chú ý đến những chỗ đó, và chỉ thấy thái độ của tôi vừa rồi là một thái độ thương hại. Thọ làm cho tôi hối hận, cảm thấy mình có tội, mà không có cách phân trần. Thọ không hề nhắc gì đến việc hôm ấy nữa; tôi cũng không bao giờ dám nhắc lại chuyện đó.

Thọ âm thầm ghen tuông, đau khổ, mà cứ nhất định trấn áp tình cảm mình. Nếu tôi tỏ ra nhận thấy sự ghen tuông của anh, anh cũng xấu hổ như tôi trông thấy những chỗ gầy gò già nua.

Tôi sống bên cạnh Thọ, đêm đêm nằm sát bên Thọ, tôi yêu Thọ, tôi theo dõi và thấy rõ những cố gắng đau đớn, những dày vò, bứt rứt bên trong của người đảng viên đầy thiện chí và chân thành cố hết sức để tự thắng mình ấy. Tôi càng khổ sở vì thấy mình bất lực, không có cách gì giúp đỡ Thọ. Thọ vừa ghen với Hải vừa tán thành mọi cơ hội tiếp xúc giữa tôi và Hải, cũng như anh vẫn thương yêu bà ngoại vô cùng mà giữ được một thái độ thật tàn nhẫn đối với bà suốt ba tháng, từ ngày bà thọ bệnh cho đến khi qua đời. Chị em, anh em của Thọ, cả cha chồng tôi, cả Hải, cả Kha đều không thấu hết những chịu đựng gay cấn âm thầm trong lòng Thọ, họ tỏ thái độ khó chịu đối với anh; nhưng tôi, tôi biết cả, tôi biết mà tôi không có cách gì can thiệp.

Đêm đã khuya lắm rồi, bên cạnh tôi Thọ vẫn chưa ngủ. Tôi thương anh quá. Nhiều người khác nói ba hoa, tam thiên xích đế, mắt sáng quắc lên, rồi một lát sau lại có thể nhắm mắt ngủ ngon lành, hoặc lơ đãng nhìn nước sông trôi, nhìn cái bè tre chèo đi giữa dòng hay chiếc lá bàng rơi. Còn Thọ thì thường thường sau khi câu chuyện dứt rồi, rất lâu, tôi quay nhìn anh, anh vẫn ngồi lặng lẽ mà đôi mắt thao thức soi thấu một đời sống nội tâm sâu kín thăm thẳm đầy những băn khoăn suy tưởng không cùng. Những cặp mắt kia như ánh đèn điện sáng trưng rồi vụt tắt. Còn ánh mắt của chồng tôi như chiếc

đèn con chong suốt đêm, âm thầm cháy mãi, trong chỗ yên lặng thâm u. Chồng tôi kiên trì và trung thực, chịu làm một phần tử ngoan ngoãn sống trong kỷ luật tinh thần của đoàn thể, khuôn ép tư tưởng và tình cảm theo lý thuyết, anh nhất định sống đúng vai trò một tế bào trong kỷ luật sinh hoạt của cơ thể xã hội. Duy có điều cái tế bào đặc biệt này tuy vẫn ở trong vị trí kỷ luật của nó mà cứ long lanh những suy tưởng bí ẩn. Trời ơi ! đôi mắt long lanh thao thức ấy, nét mặt mệt mỏi nhọc nhằn ấy, vóc người gầy yếu ấy ! tôi thương hại cho tình trạng của chồng tôi vô cùng !

Đã khuya lắm. Lúc chồng tôi vừa vào giường nằm thỉnh thoảng tôi nghe một vài chiếc lá gáo khô bị gió thổi chạy sẹt sẹt ngoài hè, sau nhà. Nhưng bây giờ bên ngoài đã đứng gió. Không còn tiếng lá cây chạy. Cũng không còn tiếng la gọi của những người đánh cá trên sông nữa. Ở xa, đã có tiếng gà rừng gáy e é. Đêm đó là một đêm trăng sáng, tôi hé mắt nhìn lên mái nhà, nhìn một đôi giọt ánh sáng lọt qua kẽ tranh hở, tôi ao ước bước ra sau vườn, thở ra một cái thực mạnh, đứng một lúc nhìn ra bốn phía núi rừng, sông nước mênh mông cho thư thái trong người. Nhưng tôi ngần ngại không dám để Thọ biết là tôi vẫn thức.

Ở nhà ngoài, thỉnh thoảng cha chồng tôi lại dậy, mở cửa bước ra, hoặc để đi tiểu tiện hoặc bỏ rơm thêm cho bò. Tôi biết Thọ cũng theo dõi thái độ của cha, nhưng anh không hề lên tiếng. Từ ngày xảy ra chuyện bao vây nhà bà ngoại tôi, hai cha con vẫn sống trong một tình trạng như thế. Câu chuyện vừa rồi giữa Thọ và Kha chắc chắn lại làm xao động những bực tức của cha chồng tôi. Người tránh Thọ như tránh không động chạm đến một thế lực uy quyền, nhưng Thọ cũng không dám nói động đến người. Người biết rằng rồi có thể có ngày cái uy quyền đó sẽ lạnh lùng chà đạp người. Nhưng người yên lặng chờ đợi. Và Thọ tự nhiên cũng sinh ké né rụt rè trước sự nghiêm nghị của cha. Anh không bao giờ dám lý luận trình bày giải thích gì với cha, tất cả sự bướng bỉnh, tất cả nghị lực của anh chỉ là cương quyết xử sự theo con đường của mình thôi.

Những đêm như thế, sống giữa sự thao thức căng thẳng của gia đình nhà chồng, giữa sự thao thức của chồng, của cha chồng, tôi cũng bồi hồi trăn trở, tôi vừa xót xa thương Thọ, vừa thấy mình bất lực bé bỏng không nghĩa lý… Tôi vừa muốn áp mặt vào vai Thọ, ôm lấy an ủi, vừa thấy mình không thể làm gì ích lợi…

Cuối cùng tôi thiếp đi trong tiếng nước đổ ồ ồ ở ngọn thác sau nhà, trong trí mơ màng cái cảm tưởng không

đời nào thoát khỏi bầu không khí nặng nề đầy bứt rứt khó khăn để thở ra được một hơi dài khoan khoái cho trong người thảnh thơi thư thái…

Sáng hôm sau Hải lên đường đi Đông Mên thì chín ngày sau đó Kha bị đưa đi trại tập trung lần đầu.

Cha chồng tôi càng lo sợ. Người đã thấy lực lượng uy hiếp tiến đến lù lù trước số phận mình. Xưa nay đối với mọi tai biến trong đời người không bao giờ có cái gan dạ chống đối, mà chỉ có thể sửa soạn «khăn áo chỉnh tề» để chịu đựng thôi. Vậy thì lần này trong gia đình chúng tôi đã có cái không khí «khăn áo chỉnh tề». Mọi người trong bà con đối với Thọ, với chúng tôi, có một thái độ nghi kỵ, cách biệt, e dè. Tôi làm đủ mọi cách cũng không sao xóa được sự cách biệt giữa hai chúng tôi với tất cả gia đình nhà chồng. Mùa đông năm ấy tôi bán tất cả nữ trang đưa tiền cho cha chồng nộp thuế. Tôi kể lại cho Thọ biết; Thọ không nói gì. Khi tôi đưa bạc cho cha chồng, người chỉ ngẩn ngừ nhìn tôi một chút để dò xét, nhưng không muốn hỏi việc tôi làm có được ý kiến gì của Thọ không.

Tuy vậy tôi chỉ cứu người được năm tháng. Tháng ba năm sau người lại không thể nộp đủ mức thuế, cả nhà không ai còn của tư riêng gì nữa. Người phải vào tù.

Thọ càng chìm sâu vào những khổ tâm âm thầm của mình thì anh càng tự thấy xa cách tôi. Anh cứ luôn luôn có cảm tưởng rằng tôi còn trẻ thơ quá, không thể theo kịp anh, và anh cho rằng không nên để tôi tham dự vào những điều rắc rối đó. Anh thương cha và lý luận để chối bỏ lòng thương ấy, muốn binh vực nhưng lý luận để thù ghét…, tất cả những chuyện đó, anh không muốn tôi biết đến. Nhưng như vậy thì tuồng như anh đi cô độc một mình, anh lo sợ tình trạng cô độc ấy, thỉnh thoảng quay lại nhìn tôi bằng một cái nhìn vừa thương hại vừa có nghĩa thăm dò sức chịu đựng của tôi.

Cứ thế cho đến ngày đình chiến, cha chồng tôi được thả về, và Thọ sắp đặt bỏ gia đình đi Bắc. Nhưng ngay cả khi hai chúng tôi sắp sửa xa nhau, chúng tôi cũng không được yên tĩnh trong sự đau khổ của mình. Kẻ quấy rầy cuối cùng là Hải. Hải ở Mên về và lần này cũng phải chuẩn bị để đi xa lâu dài. Ngày vĩnh biệt gần đến, tự nhiên sự quyến luyến của hắn đối với xóm làng, đối với người với cảnh ở đây bộc lộ một cách cuống quýt. Đã lâu, từ hồi còn đi học với hắn, tôi đã biết hắn yêu tôi, nhưng tôi không cho là quan trọng, là vì khi tôi lấy Thọ thì tôi cho rằng hắn sẽ ngừng lại, và dần sần sẽ quên tôi. Sự thực thì từ đó hắn không hề tỏ một tình ý gì với tôi nữa. Nhưng bỗng nhiên sau khi được lệnh rời bỏ đất này, hắn đến thăm để từ biệt gia đình

tôi, lúc nói với tôi hắn xúc động bối rối một cách quá rõ rệt, khiến ai nấy ngạc nhiên, và tôi cũng luống cuống. Rồi sự vụng về này lôi kéo sự vụng về khác, hắn đâm liều lĩnh. Những ngày tiếp theo đó, hôm nào hắn cũng đến nhà tôi. Hắn như một kẻ điên rồ, tuyệt vọng, khao khát. Hắn chỉ đến nhà mà thôi, chứ không dám tỏ lời gì. Nhưng chỉ có chừng đó cũng đủ làm cho Thọ thấy cay đắng trong những ngày cuối cùng sống với tôi.

Hải chỉ hơn tôi một tuổi. Hắn trẻ, đẹp và khỏe mạnh. Hắn cũng là đảng viên, hắn tin tưởng dễ dàng không có nhiều thắc mắc như Thọ. Hắn ham công tác, hớn hở, vô tư. Thọ có cái mặc cảm tự ti về tuổi tác và về những băn khoăn mà anh cho là khuyết điểm của thế hệ mình, nên anh tin rằng Hải là mẫu người con trai thích hợp với tôi. Anh yên lặng tin thế và nhận rằng mình có lỗi.

Còn tôi, tôi không có cách gì biện bạch với Thọ. Tôi không thể nào bày tỏ để Thọ biết rằng tôi chưa bao giờ để ý đến chuyện tuổi tác giữa hai người, còn về hình dáng của Hải thì lâu nay tôi chỉ để ý đến cặp chân của hắn, do đó tôi không hề yêu hắn. Tôi không thể bày tỏ với Thọ rằng tôi không có cảm tình với Hải vì cặp chân mập mạp của hắn trông mềm quá.

Sau khi lấy Thọ ít lâu, một hôm tôi gặp một gói giấy lớn chồng tôi cất dưới đáy rương, gồm những tờ thư lưu

biệt mà học sinh bày tỏ cảm tình với chồng tôi cuối mỗi niên khóa. Trong đó có nhiều tờ của nữ sinh. Tôi tò mò mở ra đọc. Ngoài những lời khen ngợi về đức tính giản dị, thân mật, những cảm tình tế nhị của chồng tôi, tôi để ý đến một điểm đặc biệt ghi trên nhiều lá thư của nhiều nam nữ học sinh khác nhau, nhận xét về dáng đi của chồng tôi. Có người viết vắn tắt : «Em nhớ mãi dáng đi của thầy mỗi khi thầy bước vào lớp học.» Có học sinh nói rõ hơn : «Dáng đi thanh nhã và nghiêm trang của thầy…» Những câu như thế không phải là những câu mô tả có giá trị. Nhưng khi nhiều người học sinh cùng đặc biệt chú ý và cùng nói về dáng đi của một ông thầy thì chẳng phải là điều không lạ lùng. Tôi bắt đầu để tâm quan sát và phân tích cái dáng đi đặc biệt của chồng tôi. Quả thực chỉ trông thấy dáng bộ chồng tôi bước đến gần, người ta có ngay cảm tưởng tiếp xúc với một người tự nhiên, thân mật, một người thẳng thắn, có thể tin cậy. Bước chân của Thọ không láu táu nhanh nhẹn quá, cũng không có cái vẻ chắc nịch nặng nề quá, không vung vẩy huênh hoang, khệnh khạng tự tín, mà cũng không rón rén rụt rè. Nhã và nghiêm, đúng thế. Tôi nhận rằng chắc chắn dáng đi đó cũng dự phần vào việc gây những cảm tình đầu tiên giữa Thọ và tôi. Tôi bắt đầu để ý quan sát bước chân của những người khác chung quanh.

Tôi chú ý đến Hải. Hải có đôi chân vạm vỡ, nhưng có điều buồn cười là cử động của hai chân hắn không biểu lộ sức mạnh mà lại diễn tả một thái độ lưỡng lự, phân vân, không quyết định : Khi đứng lúc nào hắn cũng tựa cả người trên một chân, còn chân kia hoặc quấn tréo xung quanh chân nọ như con rắn, hoặc quơ qua lại dịu dàng, trông mềm nhuốc. Tư thế của hắn thiếu sự rắn rỏi. Nhìn hai chân hắn, có khi tôi nghĩ đến cặp râu của những con kiến đang chạy chợt dừng lại phân vân, cặp râu quơ quơ thăm dò. Khi đứng nói chuyện với tôi, hắn xúc động, hai chân lại càng nhấp nhỏm, cựa quậy, quơ quất. Những áy náy, bồn chồn e ngại của hắn biểu lộ ở cả sự cử động của hai chân. Nếu hắn là một người gầy yếu bạc nhược thì có lẽ không thấy chướng mắt lắm, nhưng đàng này hắn lại mập khỏe sung sức, cho nên sự rụt rè diễn tả ngay bằng một bộ phận thân thể cường tráng của hắn trông lố bịch. Bắt gặp cái nhược điểm ấy tự dưng tôi coi thường, không tin rằng hắn có thể quả quyết đeo đuổi tôi. Quả nhiên trong bao nhiêu lâu tình yêu của hắn cứ như là một cái gì không chịu thành hình, một cái gì lấp ló thấp thoáng, vô hại. Tôi không ngờ đến một phương diện tai hại khác của sự phân vân lưỡng lự: Hải không tiến tới, nhưng hắn cũng không hề rút lui, hắn không chịu có một thái độ dứt khoát nào cả. Nếu là một người rắn rỏi hơn, thì sau khi tôi có chồng họ đã

nhận định lại hoàn cảnh và quyết định một thái độ hợp lý. Nhưng hắn thì cứ như thế thôi; trước kia hắn không dự tính hành động gì thì bây giờ hắn cũng không quyết định gì.

Rồi thình lình được biết cái việc phải rời bỏ quê hương, hắn hoảng hốt quấn quít những gì thân yêu. Hắn quấn quít xung quanh tôi như người ta quyến luyến một người bạn đời đã chung sống nhiều năm thân thiết, mà cũng có thể nói như đứa trẻ thơ bịn rịn một người chị, một người mẹ. Trong bao năm hình ảnh tôi ám ảnh tâm trí hắn mà không có địa vị rõ rệt, cho nên bây giờ trong sự hốt loạn hắn bị đẩy liều đến cạnh tôi, hắn bíu lấy tôi mà không tự biết mình muốn gì.

Trông hắn khắc khoải, ngớ ngẩn, thực là tội nghiệp. Nhưng ở trong hoàn cảnh tôi, rốt cuộc tôi đâm bối rối và hết sức bực mình. Ban đầu hắn đến nhà chúng tôi mỗi ngày vài lần. Dần dần đến luôn ba bốn lượt, rồi ở mãi đến tối đến khuya mới về. Hắn không tán tỉnh gì tôi cả, cũng không nói bóng gió xa gần gì đến tình cảm của hắn đối với tôi; nhưng dù hắn đứng chỗ nào, ngồi chỗ nào, chuyện trò với ai, làm cái gì, người ta đều thấy rõ tất cả tâm trí của hắn đều hướng về tôi. Hắn thất lạc bơ phờ. Có khi hắn điên rồ đến nỗi trông thấy tôi và Thọ ở một chỗ vắng hắn cũng thản nhiên bước đến. Lúc bắt

gặp cái nhìn bất bình của tôi hắn giật mình sợ hãi, vội vàng lảng đi.

Thái độ khờ khạo của hắn làm cho Thọ đau khổ vô cùng. Mặc dù Thọ làm đủ mọi cách để tỏ rằng anh xem tôi là bình đẳng, là hoàn toàn tự do, anh không bao giờ coi vợ là tư hữu, nhưng tôi biết rõ chồng tôi đang ghen uất. Thọ không ngờ rằng mình còn giữ nguyên tất cả tính độc tài của người Á Đông đối với đàn bà. Có điều trong khi cha chồng tôi là một nhà nho nghiêm khắc, quở mắng trừng phạt người đàn bà lúc người giận dữ, thì chồng tôi chỉ để lóe ra kín đáo trong chốc lát một tia căm giận rồi liền che giấu ngay. Ánh mắt dịu xuống. Rồi âm thầm bên trong, lý luận được huy động để bao vây mối căm uất phừng phừng ấy lại, cho nó âm ỉ nung nấu. Lý luận đã được huy động mãi, huy động luôn luôn : Thọ muốn rằng mình phải giận cái này, thương cái kia, thản nhiên trước việc nọ cho thực hợp lý. Vì thế Thọ luôn luôn suy tư khắc khổ, lo chống cự, điều khiển tình cảm mình. Nhưng tôi biết Thọ vẫn ghen ! Thọ vẫn ghen và mỗi ngày Thọ lại càng mỗi âm thầm cay đắng vì thấy xa cách tôi, một sự xa cách tưởng tượng do lòng tự ti của Thọ.

Tôi rất đau đớn vì cho đến những ngày cuối cùng sống với nhau tôi cũng không có dịp làm cho Thọ hiểu

lòng mình. Khi Hải lên đường ra đi thì Thọ chỉ còn ở lại thêm được một ngày nữa thôi.

Chỉ còn có một ngày ! Tôi hoàn toàn thất vọng. Suốt cả buổi sáng vẫn còn cái không khí khó chịu giữa hai chúng tôi. Chúng tôi chưa có thể thành thực, tự nhiên với nhau. Mỗi người kiếm một công việc vặt vãnh, nhưng vẫn luôn rình từng cử chỉ của nhau, rình chờ một cơ hội.

Rồi bắt đầu buổi chiều. Hai giờ, ba giờ chiều. Chỉ còn bốn giờ đồng hồ nữa, vì đến bảy giờ tối thì Thọ sẽ dự một tiệc trà hoan tống, rồi lên đường luôn. Tôi bồn chồn lo sợ. Thì giờ như mỗi lúc mỗi tóm dồn hẹp lại. Tôi có cảm tưởng buổi sáng còn mở ra rộng rãi cho chúng tôi dòm ngược ngó xuôi vùng vẫy tự do. Bây giờ, buổi chiều như cái lưới được kéo nhanh lên, phần còn lại dưới nước tóm hẹp lần lại, chúng tôi là những con cá hết đường cựa quậy day trở ! Từng phút, thời gian cứ trôi tới một chiều.

Lúc ấy tôi và Thọ ngồi trên khoảnh đất trống sau nhà, nhìn ra sông. Xung quanh vắng vẻ. Vài người câu thụt, đứng giữa sông dầm mình dưới nước gần đến háng, lúi húi nhìn xuống, ụp cái nón lá che hết mặt mày, không trông thấy chúng tôi. Chúng tôi chỉ còn có bốn giờ nữa thì cách biệt nhau không biết đến bao giờ. Chúng tôi

lặng lẽ ngồi bên nhau, chẳng ai hề để ý đến chúng tôi cả. Nước sông chảy ồ ồ liên miên làm tôi sốt ruột. Xung quanh chúng tôi thật vắng vẻ. Chỉ có những cây bạc đầu, cây bông bay trắng xóa khắp bãi. Vắng vẻ thờ ơ quá. Thời gian cứ tiến tới, tiến tới. Không có gì cứu thoát được chúng tôi lúc này. Không có ai buồn chú ý đến chúng tôi, không có cách gì gỡ thoát. Chúng tôi sắp xa nhau, nhất định xa nhau… Tôi nấc lên một tiếng, nước mắt trào ra. Tôi ngồi yên để cho nước mắt trào ra.

Thọ không nhìn tôi, nhưng anh vội vã nói, như gặp cơ hội :

- Hạnh ! Anh ước anh cũng khóc được như em.

Tôi duỗi mạnh chân ra, giận dỗi :

- Anh không hiểu em, anh không chịu hiểu em gì cả !

Tôi khóc ấm ức, nghẹn đầy ngực. Thọ quay lại, nhìn tôi, đưa một bàn tay nắm nhẹ nhàng như sờ lên một cánh tay tôi, rồi cứ để yên thế. Cử chỉ ngần ngại đó lại nhắc đến thái độ của Thọ trong bao năm sống với tôi, làm tôi càng thêm giận anh. Anh cứ e dè, mực thước, ngần ngại đến nỗi làm cho sự chung chạ thành ra lạnh lạt. Không bao giờ anh dám suồng sã hưởng những phút say đắm nồng nàn cuồng nhiệt. Tôi càng nói càng ngạc

nhiên thấy mình không dứt được :

- Em biết từ trước đến giờ anh luôn luôn coi em như đứa trẻ, anh gạt em ra không cho em dự vào những lo lắng, suy tưởng của anh. Anh tưởng cứ dịu dàng với em là đãi em như bình đẳng rồi ? Thiệt ra anh có coi em là cái gì bên cạnh anh đâu. Anh chẳng cho em xứng đáng chia sẻ tâm sự với anh ! Sống bên cạnh em anh luôn luôn một mình im ỉm lặng lẽ tính toán từng hành động từng cử chỉ, anh tính toán đến từng cách phát lộ cảm tình với người này người kia. Với em nữa. Anh im lìm suy tính từng chút để cho sự thương ghét của anh, cho đến cả cách thương cách ghét của anh cũng hợp với lý luận, nguyên tắc…

Thọ chăm chú nghe tôi, nhìn tôi nói. Vẻ ngạc nhiên thật thà của anh làm tôi bối rối. Tôi ngừng lại, ngượng vì thấy mình đi quá xa. Chưa có lần nào tôi nói với Thọ bằng cái giọng lý sự dài dòng như vậy. Tôi lại giận rằng những lời vừa rồi không hẳn là những điều tôi muốn nói với Thọ. Vì thực ra không phải tôi muốn trách Thọ đã coi tôi như trẻ con. Tôi chỉ giận sự tàn nhẫn của Thọ. Những nguyên tắc lý luận của anh chỉ biết có lợi ích xã hội. Lợi ích xã hội muốn chúng tôi chia rẽ người Nam kẻ Bắc. Bởi vì sự ly cách, lòng khao khát thương nhớ của chúng tôi làm ra một tình trạng khắc khoải có lợi

cho kế hoạch tranh đấu của tập thể. Cố ý gây ra sự nhớ thương đau đớn khắc khoải của chúng tôi để lợi dụng nó như một phương tiện, người ta tính toán như thế, Thọ thấy, Thọ biết vậy, mà anh cứ yên lặng nhận chịu ! Thọ cho rằng giữa chúng tôi không có bổn phận gì đối với nhau cả sao ? Ai nấy chỉ có bổn phận đối với tập thể thôi sao ? Trong khi lý luận nhắm lợi ích xã hội, Thọ cũng đồng lõa với người ta, tính cả cái chuyện dùng đến sự nhớ thương của chúng tôi !

Tôi không nói được hết lời. Thọ thả cánh tay tôi ra, ngồi yên lặng. Một lát anh ngả lưng ra nằm bên cạnh tôi, khoanh hai tay ra sau đầu làm gối. Anh nói như vừa để cho mình nghe, vừa để tôi nghe :

- Con người ta ao ước xung quanh mình cái gì cũng có trật tự, muốn cho tư tưởng ghép thành hệ thống, muốn cho muôn vật xếp được vào từng loại, muốn cho cuộc sống có tổ chức tiến tới quy luật, có hướng có đích. Bấy lâu cuộc sống phát triển một cách tự động, xã hội lộn xộn bừa bãi, giậm chân một chỗ hàng thế kỷ không tiến được. Người ta mong muốn tránh sự lộn xộn, tự động, muốn một tổ chức hợp lý, muốn dắt dẫn xã hội đi nhanh về một hướng. Sự mơ ước say mê nào cũng tàn nhẫn. Nhưng lần này phải tàn nhẫn với tất cả mọi người, tất cả loài người, để đuổi theo một ước mơ… Nhiều khi người

ta cũng thấy việc đó quá sức mình, người ta muốn xuôi tay cho xong… Em thấy không, anh khổ quá, khổ quá sức ! Hạnh, em phải hiểu anh. Thầy, mẹ, bạn bè, mọi người không hiểu anh, gớm ghét anh. Nhưng em, em phải hiểu cho anh… Bắt đầu là sự chán nản trước một tình trạng hỗn độn bừa bãi vô trật tự tuyệt vọng, xã hội cũ không để cho lớp người của anh một chút tin tưởng gì. Thầy mẹ chúng ta khác, em thấy không ? Thầy có chỗ tin tưởng của thầy, chỉ có lớp anh mới khốn khổ bơ vơ, anh có thể sống vậy được sao, anh phải đi tìm một tin tưởng. Bây giờ anh đã là một cái trục nhỏ trong bộ máy lớn đang chuyển hết tốc độ để thực hiện một ước mơ…

Thọ nói mãi nói mãi sau lưng tôi. Tôi biết nếu lúc đó tôi quay lại thì anh sẽ dừng ngay. Anh sẽ thấy ngượng ngùng bối rối cũng như tôi đã ngượng ngùng khi biết Thọ chăm chú nghe. Chúng tôi không bao giờ lý luận với nhau như thế, tôi vẫn sống như đứa em nhỏ, như đứa học trò nhỏ bên cạnh Thọ.

Tôi lau nước mắt, nhìn bàn chân gầy khẳng khiu của Thọ duỗi bên cạnh chân tôi. Gót chân anh túm lại, nhỏ một cách tội nghiệp. Những ngón chân xương xương vụng về chổng lên trời, lơ ngơ, thản nhiên, không ăn nhập gì với giọng nói thiết tha của Thọ. Tôi nhìn chúng

và ngạc nhiên nghĩ rằng một sự thân mật giản dị như vậy chỉ trong giây lát rồi sẽ mất, không sao trở lại được. Bàn chân gầy ngơ ngác thản nhiên đó làm cho tôi lại đột nhiên kinh ngạc sững sờ và đau đớn về sự chia biệt gấp rút, vô lý của chúng tôi. Chốc nữa đây, Thọ sẽ rút bàn chân ấy đi và vĩnh viễn, vĩnh viễn hai thân thể của chúng tôi chẳng bao giờ còn được ở bên cạnh nhau nữa !

Tôi se sẽ nhích tới, áp nhẹ bàn chân tôi lên bàn chân Thọ. Thọ không chú ý. Nhưng bàn chân tôi áp nặng lần xuống. Và Thọ ngừng nói.

Trên trời lúc đó rền rền tiếng một chiếc phi cơ bay rất cao. Nắng xế hanh hanh, trời cao và rộng mênh mông. Chiếc phi cơ bay chậm chạp qua những đám mây trắng trôi biếng nhác. Chung quanh vắng vẻ. Chỉ có hai chúng tôi bên bờ sông. Mùi lá cây hăng hăng xông lên ngây ngất.

Bỗng có tiếng kêu la ồn ào ở sau lưng. Thọ chồm dậy. Hai người đàn ông đang đuổi theo bắt một con bò chạy thẳng về phía chúng tôi. Thọ đứng dậy đón chặn con bò, vừa chạy vừa lượm những hòn đất ném theo để rượt dồn nó lên phía trên đồi. Tiếng chân con bò chạy độp độp mỗi lúc một xa, và bóng Thọ đã khuất. Tôi bước lần xuống mé sông, chờ Thọ quay trở lại.

Bãi sông rộng đến nửa cây số. Giữa sông nổi lên một cồn cát lớn. Nước chảy dồn thành một dòng hẹp, giữa dòng lô nhô những tảng đá đen thui trơn nhẵn. Nước sủi bọt trắng, đổ ồ ồ miên man. Tôi ngồi lên một cành cây gừa lớn sà sà trên mặt nước. Hồi lâu mải miết nhìn xuống dòng nước nhào lộn, bọt nước quay cuồng, nghe tiếng nước đổ miên man, tôi như tê mê.

Tôi ngẩng đầu nhìn lên tàn cây gừa : lá cành im phắc. Đôi ba chiếc lá khô vướng trên sợi tơ nhện giăng ngang, phe phất nhẹ nhàng. Sự tương phản làm tôi ngỡ ngàng. Những xôn xao ồn ào sau lưng như bị chối mất, như xa lạ hẳn, thuộc về một cái gì đã hoàn toàn qua rồi, hết rồi, những xôn xao bận bịu như qua hết rồi. Tôi lắng nghe tiếng một trái vông đồng khô nổ văng ra khô khan như một hòn than vỡ trong lò. Cùng lúc, tôi tưởng nghe thấy cả cái vắng vẻ cô liêu của đời tôi. Thọ đi mất, những thắc mắc ghen tuông của anh, bạn bè của anh, và cả Hải, cả lớp người ấy, cả những liên quan đến họ, đến bao nhiêu lo nghĩ băn khoăn của tôi, bấy nhiêu đều mất hết. Xung quanh tôi im phắc, trống trải, ngỡ ngàng.

Xa xa, khắp bốn phía đều là núi rừng. Ruộng nấc thang rải từng tầng từng tầng lên đến tận chân núi. Một màu xanh mờ mờ như khói lạt trùm lởn vởn trên khắp các dãy núi. Tiếng con cuốc kêu như tiếng buổi xế chiều mênh mông tự phát ra gõ từng hồi vào không gian. Sự vắng vẻ tưởng có thể sờ thấy được.

112. Thác Đổ Sau Nhà (2)

Võ Phiến

Ban đầu chúng tôi gần gũi Kha như là tìm về những kỷ niệm tốt đẹp nhất của dĩ vãng. Thọ đi rồi, hết cái không khí căng thẳng bứt rứt trong gia đình, chúng tôi thấy nhẹ nhàng nhưng trơ trọi. Không có người thanh niên đó trong nhà, thì cha chồng tôi, các chị em chồng và tôi, tất cả như xa lìa cuộc sống xã hội, như dứt hết mọi liên quan với những hoạt động của xã hội xung quanh. Vì thế mỗi lần Kha đến nói chuyện, ít nhất chúng tôi cũng cảm thấy là chưa phải đã nguội lạnh, đã chết hẳn một dĩ vãng, cảm thấy như là còn một chút gì thuộc về những ngày sống với Thọ được hồi sinh lại. Chút gì đó hoàn toàn thuộc về tình cảm. Cha chồng tôi do đó vẫn tiếp tục thích nói chuyện thời thế với Kha, nhưng không phải vì cần bộc lộ uất ức như trước, mà là vì vô tình muốn gợi lại một hình dáng dẫu sao cũng vẫn là thân yêu đối với người.

Còn Kha thì từ ngày em đi và vợ chết, Kha cũng thích gần chúng tôi vì một nguyên nhân tương tự. Kha là một người hiền lành, còn hiền lành và giản dị hơn Thọ nhiều. Nếu không có gì xảy ra có lẽ Kha đã yên thân, chọn một đời sống hết sức bình thường, không

tha thiết đến gì nữa ngoài vợ và con. Hồi còn sống chị Kha thường phàn nàn với chị em rằng anh Kha không biết yêu vợ như những người khác. Có khi chị tuyên bố như thế trước mặt anh Kha. Kha cười không phản đối. Anh không biết anh có yêu vợ bằng người khác không. Nhưng có điều anh thích cà rà bên vợ suốt ngày như một đứa trẻ cà rà bên mẹ. Anh đem sách đến bên vợ vừa đọc vừa xem vợ cắt râu củ kiệu hay gọt mứt đu đủ. Anh xuống bếp ngồi, chờ đón từng gắp thịt, từng que lụi do chị Kha trao cho để nướng. Anh với thằng bé Quỳnh chia nhau lấy ớt, bóc tỏi, giã tiêu, giúp vợ dọn cơm. Gần nhau như thế không phải để anh nói những câu chuyện tâm tình gì, cũng không phải để anh ngắm nghía vợ. Anh chỉ thích có vợ bên cạnh và cảm biết sự hiện diện ấy là đủ. Anh không thích nói chuyện, thứ nhất là nói những câu tình cảm, càng không thích nhìn ngắm vợ. Nhưng khi làm việc chỗ nào anh thích bên cạnh có tiếng khua động, tiếng kéo, tiếng dao, tiếng chổi, tiếng ho, tiếng nói của vợ. Vắng những tiếng ấy anh chờ đợi, ngóng tìm.

Chị Kha quen với sự gần gũi đó, đến đỗi xem như là tự nhiên, không khó chịu cũng không thấy thích thú, nhất là không thấy việc đó có một ý nghĩa gì. Thỉnh thoảng Kha đang ngồi một bên, chợt giật mình nghe vợ hỏi : «Anh đưa cho cái bật lửa để thắp đèn», hoặc

«Anh đưa cái khăn lau mũi cho thằng Quỳnh Em», hoặc «Đưa cho năm đồng ! Đưa đây ve dầu khuynh diệp xoa tí xem, ngạt mũi quá !» Anh Kha ngơ ngác tìm quanh quất, rồi nhìn vợ lưỡng lự ra ý hỏi, thì chị Kha đã nóng nảy đưa tay ra đón, và giục : «Trong túi áo ấy». Không phải là trong túi áo của chị mà là ngay trong túi áo của anh Kha, cái đó mới kỳ cục. Anh cho tay vào túi áo của mình, quả nhiên lấy ra được cái bật lửa, hoặc cái khăn lau mũi của thằng Quỳnh Em, hoặc năm đồng, hoặc ve dầu khuynh diệp. Những thứ ấy anh không hề bỏ vào túi mà có thể lấy ra, y như một trò ảo thuật. Trò ảo thuật đó có thể giảng giải như sau : trong những lúc chị ê a hát ru con, hay hí hoáy thái thịt, hay lau mũi cho con, những lúc đó thường có anh Kha bên cạnh, tiện tay chị nhét những bật lửa, khăn lau vào túi áo chồng. Cái áo đàn bà không muốn có túi, nếu áo đàn bà có túi thì nó lại không muốn chứa cái gì cả, để cho khoảng trước bụng khỏi phình cao lên. Vì thế bạ cái gì chị Kha cũng có thể cho vào túi chồng, vào những lúc bất ngờ nhất. Túi áo của anh tự nhiên hóa thành cái ngăn kéo, cái hộc tủ, cái túi dết bất đắc dĩ. Một hôm, trong hội nghị, anh Kha đùa giỡn với anh em, có người cho tay vào túi áo anh, đụng nhằm một cái gương con và mấy chiếc kẹp tóc.

Những việc như thế không có ý nghĩa gì cả. Chị Kha cứ tuyên bố là anh Kha không biết yêu đương, và anh không cãi được. Hai người chỉ thấy ngạc nhiên khi anh Kha bị tập trung vào lao xá. Lúc đó chị Kha thấy khuyết hẳn đi một phần thân thể của mình, như thân mình bị cắt xén cho nhỏ lại. Trước kia chị có nhiều tay nhiều chân hơn, chị có nhiều túi hơn, bên tả bên hữu chị vẫn còn những hoạt động của chị. Bây giờ cử động của chị như cụt lủn. Chị đưa tay ra không có bàn tay đón. Tiếng chị nói năng, khua động tan biến đi, bay lạc đi lảng nhách giữa sự vô tình. Chị ngơ ngác không biết mất đi cái gì. Người đàn bà trẻ không chịu đặt tên cho những cái như thế là tình yêu.

Còn anh Kha mới thực là thiểu não. Anh đếm từng ngày trong tù. Suốt ngày anh cụ rụ lù khù, trông bẩn thỉu, ngờ nghệch. Anh không biết sống thế nào cách sống mới của mình, cách sống không có vợ bên cạnh. Không ai ngờ được rằng thiếu đi hơi hướng, bóng dáng của một người đàn bà, thiếu đi những tiếng nói cười khua động của một người đàn bà ở bên cạnh, cuộc sống lại… mất ý nghĩa đến như thế. Anh Kha ngẩng mặt, quay cặp mắt đeo kính cận thị của anh khắp bốn phía nhà lao, anh không trông thấy cái gì có thể thay thế được sự hiện diện của chị Kha, anh không hiểu nổi những hoạt động xung quanh, không hiểu nổi cuộc sống xung

quanh, anh không thể nào thích ứng được với cuộc sống đó, anh ngơ ngác khổ sở khốn đốn. Lúc nào anh cũng thấy lạnh, một cái lạnh thực, cụ thể, cảm biết rõ ràng bằng da thịt. Cho nên anh luôn luôn quấn cái khăn lông to tướng quanh cổ. Người ta áp dẫn anh đi cuốc rẫy, chặt củi hay đốn gỗ, bất cứ ở chỗ xó rừng góc núi nào, anh Kha cũng không rời cái khăn lông mỗi ngày một nhớp nhúa ấy. Đang im lìm một chỗ, chợt anh nghe ai la nói lớn hay nghe tiếng động khác thường, cái đầu của anh liền quẫy mạnh một cái trên đống khăn to tướng ấy như một con trăn giật mình vùng cất dậy trên đống lá khô. Anh bất giác ngẩng cặp mắt kính lóng lánh ngơ ngác tìm kiếm. Không tìm thấy chị Kha, anh thất vọng cúi xuống, im lìm.

Vào tù, anh mất cái thú sống. Anh không chú ý đến thời cuộc nữa, không bao giờ có thể lại hăng hái bàn cãi bất cứ về vấn đề gì như lúc anh tới đàm luận với Thọ hay với cha chồng tôi. Anh không biết phật ý, bất mãn về điều gì cả. Anh như một đóm lửa tắt ngấm, hoàn toàn anh không chú ý đến gì nữa.

Như thế bốn năm tháng trời, rồi anh được trả tự do. Anh chạy về nhà, chị Kha đón gỡ cái khăn lông đồ sộ khỏi cổ anh, đem đi giặt sạch tử tế. Anh lại quấn quýt bên chị, và dần dà trở lại bên nhà chúng tôi nói chuyện

về thời thế, về những điều chướng tai gai mắt trong xã hội.

Rồi anh Kha lại bị tập trung nữa. Bất cứ lúc nào hễ có tin địch sắp mở một chiến dịch, có tin giặc đổ bộ đâu đó gần vùng chúng tôi là Kha lại bị tập trung, có lần bốn năm tháng, có lần một đôi tháng. Tính ra không năm nào Kha khỏi quấn cái khăn lông đi vào tù ít ra một chuyến. Đến lần thứ năm anh Kha ở lao xá về thì không có chị ra đón gỡ cái khăn lông quấn quanh cổ nữa. Chị đã mất rồi.

Từ đó Kha chỉ còn giữ được một thói quen trong đời sống của anh là thỉnh thoảng sang bên nhà chúng tôi để thổ lộ những bất mãn về thời cuộc. Đến khi Hải bỏ nhà đi nữa, Kha càng thấy quạnh quẽ và càng thường sang bên chúng tôi. Vô ý thức, chúng tôi cứ mỗi ngày mỗi sát đến bên nhau, tìm cách che giấu khỏa lấp một sự trống trải trong tâm hồn, gián tiếp nhắc nhở nhau một khoảng dĩ vãng khó khăn đau khổ nhưng khi vượt khỏi nó rồi chúng tôi lại không biết hướng cuộc đời về đâu.

Như thế cho đến khi Kha đi làm quận trưởng. Kha bừng tỉnh, tìm ra lẽ sống của anh. Những bất mãn hậm hực bấy lâu vô ích bây giờ thúc giục anh hăng hái say mê công việc. Bấy lâu chỉ có những câu đàm đạo, những lời nói, bây giờ là hành động. Kha tìm thấy trong công

việc chống lại những hoạt động cộng sản một thú vị mê say.

Kha chủ trương một chính sách độc tài. Anh sẵn sàng trình bày về chính sách độc tài với bất cứ người nào muốn nghe hoặc không muốn nghe. Có lẽ cha chồng tôi là người trước tiên được nghe anh mở đầu.

- Con người ta càng ngày càng ít muốn tự do.

Cha chồng tôi có cái bụng khá lớn, ngồi trên phản thường lấy tay nắm một bàn chân bên này bỏ lên bắp vế bên kia và trong khi nói chuyện cứ giữ riệt lấy bàn chân ấy, bẻ các ngón chân, xoa vuốt mãi như mân mê một thứ đồ chơi. Người bảo anh Kha :

- Nói thế là một cách nói khó hiểu đấy.

Kha vội vàng cãi :

- Giai đoạn này cần mạnh. Lúc này các dân tộc cần cảm thấy mình thực là khỏe mạnh, sung sức, mới yên tâm mà sống, mà xây dựng tương lai. Trước tiên là phải có khí giới mạnh. Nhưng thế chưa đủ. Phải có một chế độ mạnh nữa mới được…

Anh Kha ngừng lại, giương cặp mắt nhiều tròng trắng trợn tròn xoe sau chiếc kính cận thị nhìn cha chồng

tôi một cách dữ tợn đến nỗi người phải lẩm bẩm lặp lại: «Một chế độ mạnh, chế độ mạnh», như là thối lui, nhượng bộ. Kha liền tấn công dồn tới :

- Phải có một chế độ thực mạnh. Nghĩa là hành động hữu hiệu và nhanh chóng, thực là nhanh chóng. Khả năng lớn lao của những thứ vũ khí mới đòi các chính phủ phải quyết định và hành động thực chớp nhoáng và kín nhẹm. Chần chờ, bàn cãi dài dòng, thế nào cũng chậm, cũng muộn, tức là yếu, là chết rồi đó. Một số ít người cần có quyết định nhanh để đối phó kịp thời. Vì cái chế độ độc tài nhất trên quả đất đã tỏ ra cương quyết nhất, hữu hiệu nhất, cho nên người ta tranh nhau tiến tới độc tài. Nước Nga không thành công về chuyện xúi buộc người ta làm cộng sản, nhưng thành công về cách bày vẽ cách làm chính trị độc tài. Đó là cái vinh dự của nước Nga…

Cha chồng tôi ngửa người ra, cười không thành tiếng, một tay chống ra sau, một tay giơ lên vẫy vẫy như ra dấu cho anh Kha tốp lại, chậm lại, chờ người cười xong đã. Kha thích chí, cười ha hả :

- Bác coi : độc tài đâu phải là sự ngẫu nhiên ở vài ba nước ? Lúc này nó thành ra một phong trào, một xu hướng hẳn hoi. Nước Pháp, thành lũy của tự do cá nhân, của tư tưởng dân chủ, rồi cũng phải chấp nhận

một chính thể dồn thêm quyền hành cho một cá nhân De Gaulle. Ở Trung Đông, ở Đông Nam Á… đảo chánh xảy ra liên tiếp. Thường là do quân nhân cầm đầu cả. Chế độ đại nghị khó tồn tại ! Các ông thủ tướng cứ bị quốc hội lật đổ liên tiếp thì còn làm gì được nữa. Quyền hành pháp phải trao vào một chức vị bền vững, không để quốc hội vật lên vật xuống quành quạch. Ít ra là tổng thống chế… Thời kỳ bây giờ người ta không có thì giờ bàn cãi lâu. Nhờ tiến bộ khoa học, chúng ta sử dụng được những lực lượng vĩ đại quá, chớp nhoáng quá, nhịp sống của chúng ta tăng nhanh lên, sự quyết định của chúng ta cũng phải nhanh chóng cương quyết cho kịp khả năng của những phương tiện ta dùng. Lúc này phải quyết liệt, bác à.

Cha chồng tôi xem ra chưa có vẻ gì tán thành lý luận đó. Nhưng người không hề phản đối, chỉ cười cười, tiếp tục bẻ các ngón chân. Kha rút một điếu thuốc đưa lên môi, rồi lấy bật lửa ra, nhưng bật lửa của anh lại vẫn không có tim. Từ ngày chị Kha qua đời rất ít khi anh Kha được thỏa mãn về cái bật lửa của mình. Thời kỳ này rất có thể là một thời kỳ độc tài, nhưng vẫn chưa là thời kỳ mà tim bông gòn tẩm dầu lửa có thể tự nhiên mọc nhú lên như mộng lúa hay như đọt cỏ non trong bật lửa được. Cha chồng tôi vừa đưa cho anh Kha một bao diêm vừa nói : «Ruộng bên anh đã cày vỡ xong chưa?»,

thản nhiên đưa câu chuyện về hướng khác.

Tôi không biết ở chức vị của Kha, làm việc trong phạm vi quyền hạn một quận trưởng như Kha, thì một người chủ trương chính sách mạnh và một người không chủ trương chính sách mạnh có hành động gì khác nhau chăng. Riêng đối với cha chồng tôi quả là nó đã làm cho người khiếp sợ. Thái độ mê say nồng nhiệt nào cũng khiến người sợ hãi dè dặt. Khi Kha chỉ trình bày chính sách của anh thì người ngồi nghe và cười. Nhưng dần dần đến khi anh hậm hực công kích tới thứ luật pháp hiện hành mà anh chê là nhu nhược trước hoạt động gián điệp của cộng sản, khi anh công kích lề lối làm việc kềnh càng vô hiệu của chính quyền quốc gia hiện tại, chê sự kiểm soát bất lực đối với nạn tham nhũng v,v… và đòi một chính sách trừng trị mạnh bạo kịch liệt, khi ấy thì cha chồng tôi không mỉm cười mân mê các ngón chân nữa. Khi ấy hoặc người đờ ra nhìn chăm một con ó rắn bay giữa lừng trời, hoặc người ngó chăm chỉ vào tô canh trên bàn ăn, hoặc người chú ý vấn đi vấn lại mãi một điếu thuốc. Cha chồng tôi làm như không hề có người trước mặt anh Kha, người không nghe, không thấy gì cả, người tự nhiên biến mất hẳn đi.

Tôi thấy mỗi ngày Kha càng say mê công việc, càng hăng hái với những lý luận, chính sách, những hậm hực

của anh, thì cha chồng tôi càng tìm cách rút lui, lảng tránh anh. Nhiều người khác trong gia đình cũng có ý ấy. Tuồng như khi sự say mê đắm đuối xâm nhập vào tâm hồn một kẻ nào cũng thường lôi cuốn kẻ ấy xa rời thân thuộc mình. Tội nghiệp là Kha không trông thấy điều đó. Anh vẫn trung thành với cái thói quen tìm đến chúng tôi, bộc lộ tư tưởng dễ dàng với chúng tôi.

Về sau, nhiều lần đến nhà không gặp cha chồng tôi, anh nói chuyện với chị em chúng tôi, và từ câu chuyện một bó rau bó cải anh rất có thể dẫn đến nhiều chính sách mạnh. Đôi khi tôi mỉm cười thương hại bảo anh :

- Ai cũng biết anh có nhiều chính sách. Anh chỉ thiếu một người kết lại cái nút tay áo đang sổ ra thôi.

Anh Kha co tay lên, đón gỡ một nột nút lủng lẳng ở tay áo, cười toe toét nhờ chúng tôi kết lại. Tôi thầm nghĩ dầu có vất vả sản sinh ra bao nhiêu chính sách, Kha cũng vẫn còn giữ được bản tính hồn nhiên, sống những tình cảm quen thuộc. Anh không phải luôn luôn đăm chiêu thắc mắc, tự biến mình thành một con người khác như Thọ. Người ta làm được mọi chuyện quái gở, nhưng tốt nhất nên buồn vui thương ghét như lối cũ xưa nay, vẫn giận cái gì xưa nay người đời thường giận, cảm phục cái gì xưa nay thường được cảm phục. Làm ra con người mới là một chuyện khó khăn và kỳ cục.

Con người tự bày ra những tình cảm mới cho mình và đặt tên huyên thiên cho nó thì thực là ngông nghênh.

Kha tiếp tục đến với chúng tôi do một thói quen. Gia đình chúng tôi cũng có thói quen chờ Kha đến để bàn cãi về những chuyện không đâu ngoài công việc làm ăn. Cha chồng tôi mặc dù nhút nhát, đôi khi e sợ những câu chuyện của Kha, nhưng hồi mùa xuân năm ngoái, nhận thấy vắng Kha ngót một tháng cũng băn khoăn suy nghĩ. Mọi người đều áy náy tự hỏi phải chăng Kha đã nhận biết thỉnh thoảng cha chồng tôi tỏ ra lạnh lạt với anh.

Một hôm, đi chợ về nửa đường, tôi gặp Kha vừa từ phía sau miếu Long Mỹ bước ra, sau lưng đeo khẩu súng và tay xách ba con gầm ghì. Tôi nói :

- Đã lâu anh không đến chơi, thầy tôi nhắc luôn.

Kha hỏi «Thế à ?» cụt ngủn, rồi bước đi theo tôi. Tiếng giày của anh giậm trên sỏi vang lên một tiếng kêu khó chịu, đều đều, chậm chạp, mà nổi lên to quá, sống sượng quá, đuổi mãi theo bên cạnh tôi dọc ven rừng vào buổi chiều yên tịnh. Tôi lưỡng lự, không biết nói sang chuyện gì khác, bỗng Kha lên tiếng hỏi :

- Đố chị biết cây gì ?

Tôi nhìn theo hướng tay Kha chỉ, bật cười :

- Anh không nhớ sau góc vườn của chúng tôi cũng có một cây chòi mòi sao ?

- À, lạ nhỉ. Có ai trồng chòi mòi làm gì trong vườn ?

- Có lẽ không ai trồng cả. Chắc là một cây chòi mòi hoang, khi dọn đất làm vườn cất nhà người ta chừa nó lại.

- Mỗi cây chòi mòi có một sự tích. Ngày còn nhỏ chúng tôi thường leo hái trái chòi mòi ở mé ao. Có lần nó ngã xuống ngất đi mà tôi không dám kêu, chỉ ngồi xuống ôm nó…

- Ai ?

- Thằng Hải. Lớn lên mỗi đứa một cuộc đời, không thể can thiệp được gì vào cuộc đời của nhau.

Tôi nghĩ đến Thọ. Đau quặn trong lòng : Một trăm năm nữa, thế hệ này qua đời rồi thì dòng lịch sử nhẫn hết lằn vết. Sự qua phân đất nước chỉ còn là một vấn đề chính trị, một danh từ không có tiếng vang tình cảm, một sự kiện để công dân trong nước suy xét chứ không gợi được mối cảm động của mỗi người nữa. Đối với thế hệ này sự kiện lịch sử ấy lại có tính cách riêng tây đối

với mỗi gia đình, như là một đám tang, một cái khăn tay kỷ niệm, một ngấn nước mắt đọng trên mi…

- Hải nó không đi ra Bắc.

Tiếng Kha nói chậm rãi như tiếng giày đều đều trên sỏi. Tôi không hỏi, vì biết rằng trước sau Kha cũng sẽ nói tiếp. Nhưng anh im lặng đi một đoạn đường khá dài, khiến tôi nóng ruột quay lại nhìn. Anh nói :

- Người ta đưa nó vào một tỉnh ở Hậu Giang Nam phần, để nó đổi tên đổi họ tiếp tục hoạt động… Nó bị bắt rồi.

- Mới bắt hả ?

- Không biết rõ. Tôi được tin chừng một tháng nay.

- Bây giờ ở đâu ?

- Ở Côn Lôn… Đoán thế.

Tôi có một ý nghĩ chua chát :

- Ngày trước, khi anh vào tù mỗi năm hai lượt, không ai nghe chú Hải bộc lộ một chút băn khoăn nào.

- Họ cố gắng biến thành những con người hoàn toàn khác chúng ta. Họ luôn luôn hướng về tương lai. Nhai

một miếng thịt, gặt một bó lúa, đánh vảy một con cá…, ở mỗi việc họ đều đánh hơi thấy một ý nghĩa, một báo hiệu tốt đẹp về tương lai. Họ bươn bả chạy tới, không quan tâm gì đến những cái mà họ đang giày xéo dưới bàn chân hấp tấp, họ không kịp ngó đến người xung quanh…

Kha dừng lại nửa chừng, tôi tiếp theo :

- Còn mình thì một nhánh cây gãy, một dáng đi, một đêm cùng thao thức với họ cũng cứ vướng vít trong tâm trí mãi. Trước biến cố hiện nay mình bị thiệt thòi nhiều quá : lúc họ còn ở thì là nạn nhân của chính sách họ; lúc họ đi rồi cũng vẫn còn là nạn nhân của họ về một phương diện tình cảm. Cho dù anh có chủ trương thế nào số phận của chú Hải cũng ám ảnh tâm trí anh mãi.

Kha không nói gì, bước đều đều sau lưng tôi. Bóng ba con chim gầm ghì Kha xách trên tay cứ chạy lui chạy tới dưới chân tôi khiến tôi nhớ rằng trăng đã mọc vượt lên khỏi đám cây ở khu rừng phía sau chúng tôi.

Tôi hỏi :

- Thầy tôi đã biết chưa ?

Kha giật mình :

- Biết gì ?

- Biết tin Hải còn ở lại và bị bắt.

- Chưa.

- Có phải vì cái tin đó mà một tháng nay anh không đến chơi bên nhà ?

Kha không trả lời trực tiếp, chỉ nói :

- Nay tôi sang thăm bác.

Rồi anh cười :

- Và nhân có mấy con chim bắn được cũng định gửi chị, xin dự luôn bữa cơm tối với bác. Bên tôi hôm nào không có khách thì dù có món nhậu nhẹt bữa ăn cũng buồn, vì không biết nói chuyện với ai.

Tôi hỏi nửa đùa nửa thật :

- Chị mất hơn ba năm rồi, anh định ở vậy mãi sao ?

Kha lại cười :

- Không biết. Nhưng chị trẻ hơn tôi nhiều, chị đáng được hỏi trước mới phải.

Tôi quay lại nhìn. Kha đang cười hồn nhiên, chợt trông thấy mặt tôi, anh ngừng lại, nhìn ngỡ ngàng, như lần đầu tiên anh chợt bắt gặp hình dáng cụ thể của sự cô quạnh quanh mình. Cái nhìn lạ lùng của anh làm tôi bối rối. Tôi cúi đầu xuống, bước nhanh hơn. Gió thổi hai bên má, tôi tưởng như nghe ánh trăng thấm lạnh vào da thịt. Và tôi cảm thấy mặt trăng chăm chú nhìn mãi sau gáy mình. Tôi đưa tay vớt mấy sợi tóc gạt ra phía sau, rồi lại lấy làm tiếc đã làm cử chỉ thừa thãi ấy. Tôi vừa im lặng bước đi vừa hối tiếc không phá tan được sự im lặng khác thường đó.

Tối hôm ấy, tôi nằm trong buồng lại nghe cha chồng tôi thao thức rất khuya. Câu chuyện của Kha nói về Hải làm cho người nhớ đến Thọ, và nghĩ lan man lo hãi về những rối rắm phức tạp đang diễn ra quanh mình, trong một xã hội tuy bề trên đã lặng yên mà bên dưới đó đây vẫn còn những chỗ âm thầm xôn xao mãi không thôi. Người sợ hãi giật mình khi nghe xảy ra một bất trắc thêm vào nhịp sống vốn đã rất thất thường khó hiểu, rất đáng ngại.

Còn tôi, tôi bàng hoàng trước một vấn đề mới đặt ra. Tôi biết rằng Kha có nhiều nết tốt, nhưng cảm thấy chúng tôi chưa có thể gần nhau hơn nữa. Kha cũng như tôi, mỗi người đều đang còn bị những ám ảnh lớn

choáng cả tâm trí. Chúng tôi là hai kẻ có hai cái dĩ vãng quá kềnh càng, như những lữ khách nhiều hành lý, nếu muốn ở chung một phòng sẽ không tìm ra chỗ mà sắp xếp đồ đạc. Nếu Kha gặp một người con gái ngây thơ, may ra người đó chóng giúp được Kha thoát khỏi những ray rứt khổ sở của anh. Tôi cũng tự bảo nếu cần thì mình chỉ nên chọn sống bên một cuộc đời đơn giản hơn cuộc đời của Kha.

Tiếng thác đổ ồ ồ liên miên sau nhà như thôi thúc xô đẩy tới một quyết định. Tôi tự thấy mình đang bị đưa dồn tới một hoàn cảnh mới. Tôi bồn chồn, nôn nao.

Từ ngày về nằm ở gian buồng này, đêm đêm tôi nằm bên cạnh một cố gắng thường xuyên thao thức, tôi nghe tiếng cựa mình ở nhà ngoài tiếng trăn trở ở buồng trong, tôi nép mình lặng lẽ sống bên cạnh những quằn quại đau đớn mà âm thầm của một gia đình giữa sự giằng co của hai dòng tư tưởng. Cho tới bây giờ sự chuyển mình lớn lao của một thời đại vẫn còn gây ra bầu không khí căng thẳng trong vô số gia đình, trong khắp xã hội.

Đêm nay tôi bắt đầu nghĩ đến việc rời khỏi gian buồng này. Câu hỏi và cái nhìn của Kha đánh thức trong tôi cảm giác đơn chiếc. Mắt của tôi và của Kha gặp nhau như hai mặt gương phản chiếu lẫn nhau, trả lại cho nhau hình bóng một cảnh lẻ loi. Tôi nhớ lại khuôn mặt đen

thui của Kha vừa rồi in lên nền trời xanh mênh mông, giữa ánh sáng lung linh của trăng đêm mười bốn, khuôn mặt đen thui lắc lư theo nhịp bước chân đều đều vang trên con đường sỏi. Và cặp mắt sau chiếc kính cận thị tròn thao láo, lóng lánh như một niềm thao thức ! Thật không phải là một hình ảnh có ý nghĩa khuyến khích đối với người con gái đã sợ hãi những tâm trạng rối rắm phức tạp, chỉ ao ước tìm gặp một hạnh phúc yên lành, xa mọi xao động băn khoăn.

Từ lúc tôi về nhà chồng đến nay, lúc tôi nghĩ đến chuyện phải rời đi, những đêm vắng vẻ thao thức nghĩ ngợi tôi lại để ý đến thác nước ồ ồ bên nhà. Suốt năm sáu năm trời tiếng thác ồ ồ đó luôn luôn đuổi theo tôi, lúc nào cũng sẵn sàng hiện đến như một nhân chứng vào những giờ bối rối khó khăn nhất. Tiếng ồ ồ dồn dồn liên tiếp lại đuổi theo tôi như một sự thôi thúc xôn xao vô cớ.

Đêm nay lại vẫn tiếng thác đổ ồ ồ. Và ngoài trời lại vẫn ánh trăng sáng mông lung gọi dậy những rạo rực khó tả.

Đêm tôi gặp quận Toàn là một đêm cuối tháng sáu. Ở vùng quê chồng tôi cứ mỗi năm làm xong mùa tháng ba, gieo vãi xong xuôi rồi, vì muốn tiết kiệm rơm, ai nấy «cầm» bò trên núi cho đến tháng tám tháng chín,

lúc trời bắt đầu mưa mới lùa về. Cố nhiên việc cất rông dựng chòi giữ bò trên núi hàng mấy tháng trời là công việc của đàn ông. Nhưng người giữ bò cho gia đình tôi bỗng bị một cái nhọt lớn mọc bên cổ, sưng lên to tướng, làm cho anh ta phát sốt li bì mê man, người ta khiêng anh ta từ trên núi về. Tôi phải thay thế anh ta bốn hôm.

Tôi không oán trách gì quận Toàn về hành vi của ông ta đêm đó. Tôi không chờ đem một tấm thân trinh tiết về ở với Kha. Vả lại quận Toàn không có chủ tâm. Việc ông ta gặp tôi chẳng qua là một sự ngẫu nhiên hoàn toàn. Người khác ở vào hoàn cảnh đó vị tất đã hành động khác ông ta. Nhưng cái gì làm cho tôi đau nhói trong lòng, vừa xót xa, vừa khinh bỉ, cái gì xô gấp tôi tới quyết định chọn lựa anh Kha, ấy là thái độ hành động của ông ta.

Lúc ông ta chạy đến bên chòi trông thấy tôi đang nằm ngủ, ông ta hét lên, quăng súng xuống đất, chụp hai vai tôi lắc lắc, lôi tôi dậy. Ông ta la tíu tít : «Úi chao ! Trời đất ơi là ngủ ! Úi chao ! …» Ông ta thành thực mừng rỡ ríu rít. Trông ông lúc đó không thể có ý gì khác hơn. Tôi mỉm cười, hưởng ứng sự vui mừng của ông ta.

Tôi thổi lửa, nhóm lại bếp, chất củi thêm cho ngọn lửa bốc cao đánh tan khí đá lạnh. Ông ta ngồi xuống bên bếp lửa, thuật lại cho tôi nghe ông ta đã trông thấy

mắt bò thế nào, lắp đạn và ngắm nghía thế nào, rồi đánh rơi đạn và suy đi tính lại thế nào. Tôi cảm ơn ông, lấy làm sung sướng rằng tính mệnh tôi vừa rồi được định đoạt do một người thợ săn chín chắn, dày kinh nghiệm.

Khi câu chuyện thoát nạn của tôi kể xong rồi, nỗi hân hoan của ông ta hạ xuống nhanh như một ngọn lửa nhen bằng lá khô chưa kịp bén vào cây củi. Ông ta nhìn quanh quất bốn phía, bắt đầu chú ý đến rông bò và cái lều cùng sự bài trí chỗ tôi ở. Ông ta hỏi tôi về tục cầm bò. Tôi với lấy ấm nước vần bên bếp lửa, rót mời ông ta một chén nước và giảng cho ông ta về phong tục của nhà nông ở vùng quê tôi.

Khi ông ta không phải nói nữa mà im lặng ngồi nghe thì ông có thì giờ chú ý đến nhiều chuyện. Trong đó có tôi. Ông ta không phải là một người tinh tế. Trông dáng bộ và cặp mắt ông, tôi biết ngay là ông bắt đầu chú ý đến tôi lúc nào. Tôi nói chuyện bớt tự nhiên và rời rạc, nhưng thỉnh thoảng ông ta lại hỏi một câu, nên câu chuyện không dứt được. Chắc chắn là những dự tính không tốt của ông ta phát sinh giữa lúc ấy, trong cái tình trạng dằng dai đó.

Ông ta đưa tay, những ngón tay đen điu, dồn nhiều da sù sì, và cụt thun lủn, cầm vài que củi sắp lại. Tôi không thấy ông ta tính chuyện đứng dậy tiếp tục cuộc săn bắn.

Lửa tàn lần. Tôi đang không biết nói thế nào thì ông lên tiếng mời tôi đi ngủ; ông ta xin phép ngồi thêm một lát bên bếp lửa. Tôi có cảm tưởng chắc chắn là mình không đuổi ông ta đi được; tôi nhìn lại vẻ người thô lỗ ấy, biết rằng ông ta đang nhận định tình thế một cách rất thực tế. Chỉ có ông ta và tôi ở giữa núi rừng mênh mông…

Khi gà rừng lên tiếng gáy e é, tôi trở mình xoay nhìn ông ta nằm bên cạnh. Ông đang bình thản, ngửa mặt, khép mắt, lấy hai ngón tay giữa đè lên mí mắt, xoa nhẹ nhẹ. Ông ta chăm chỉ với công việc của mình, không để ý gì đến tôi. Mí mắt ông ta tuồng như hơi sưng, có vẻ dày hum húp, nặng nề, ông ta xoa mà như mơn trớn vuốt ve tưng tiu, cử chỉ dềnh dàng thận trọng.

Tôi đưa một bàn tay lên vuốt qua hai má lạnh ngắt, vô ý để củi chỏ đụng nhằm vai ông ta. Ông ta giựt mình, né sang một bên, hỏi :

- Hả ? Em cũng thức dậy rồi đó hả ?

Ông vội vàng nhích tránh thêm một chút nữa, rồi tiếp tục xoa vuốt, ấn cả hai lòng bàn tay xuống, xoa khắp mặt, mắt lim dim khoan khoái. Tôi nhớ lại hồi khuya, lúc ông ta vừa buông tôi ra, nằm ngửa bên cạnh tôi, ông ta cũng im lặng, nhích tránh ra xa tôi, nét mặt ông ta trân lại, sắt lại, trầm ngâm. Không phải ông ta theo đuổi

một tư tưởng gì, mà chính là ông cần yên tĩnh để lắng xuống nghe cảm giác khoái lạc thấm lần thấm lần vào cơ thể. Trông như một con trăn nuốt rất chậm, rất cẩn thận, vừa nuốt vừa đề phòng con mồi, như một người hít xong khói thuốc phiện nằm lơ mơ tê mê. Lúc đó sự hiện diện của tôi, những cử động của tôi bên cạnh chỉ làm cho ông ta khó chịu.

Lần này, sau khi xoa vừa đủ ấm hai má, ông ta ngừng lại, nhã nhặn quay về phía tôi, gợi chuyện. Ông ta hỏi qua về thân thế và sự sinh hoạt của tôi. Tôi trả lời vắn tắt, cụt ngủn. Ông ta không để ý, và tôi nghĩ giá có để ý ông cũng tha thứ một cách dễ dãi. Ông ta vui vẻ kể chuyện về mình. Thoạt tiên cũng vài ba chuyện ly kỳ nguy hiểm mà «bọn thợ săn chúng tôi» thường gặp. Rồi thì những chuyện lý thú khác trên đời. Ông ta lại nói về cái đêm đảo chính năm bốn lăm, ông đang làm việc ở tòa sứ Nghệ An, xách súng đi bắn suốt đêm mãi đến sáng mới về. Được viên công sứ cho gọi đến báo tin là giang san đã đổi chủ, ông mừng rỡ đi bắn thêm vài ngày nữa. Chín năm giặc giã trên khắp đất nước cũng được ông nói đến. Ông ta coi đó là một điều phiền hà rất bực dọc khó chịu, vì : «Thời kỳ đó «bọn thợ săn chúng tôi» làm gì dám trèo lên đến núi mà bắn ? Heo rừng, với nai, với thỏ, có hay tìm đến dây thép gai mà ăn đâu ? Quanh quẩn lúng túng mãi trong thành phố, chán lạ !»

Ông ta lắc đầu, cười hề hề. Tôi cảm thấy một cách biệt vô cùng tận giữa ông ta và tôi. Tôi vừa ngồi dậy, ngửa đầu ra sau gỡ mái tóc rối, vừa liếc trông theo những cử chỉ của ông ta, trong lòng lấy làm hối hận hết sức về những lạc thú mà tôi đã cho ông ta hưởng và đã cùng hưởng với ông ta trong đêm qua. Giữa tôi với con người đó không thể có một lý do gì đưa đến sự chung đụng thân mật như thế được.

Khi ông ta dứt tiếng cười hề hề thì cử chỉ của ông ta lại khiến tôi nghĩ đến những người vừa ăn xong một bữa thật ngon lành thỏa thuê rồi ngồi nhìn lơ đãng, dềnh dàng, xỉa răng rất lâu, những người không có việc gì quan trọng hơn, để hết tinh thần lắng theo dõi các khoái cảm thấm chầm chậm vào thật sâu. Họ có thì giờ để nghe tiêu hóa các khoái cảm. Sự im lặng của ông ta cũng làm cho ông ta cách biệt tôi, và có một ý nghĩa tàn nhẫn làm tôi tủi nhục.

Tôi nhớ lại thái độ hành động của ông ta trong đêm vừa rồi, tự nhiên căm tức. Khi tôi khép hai đùi lại, dùng dằng, ông ta không hấp tấp vội vàng. Ông đặt một bàn tay lên bắp đùi trần của tôi làm tôi rùng mình; ông ngừng lại một chút, rồi vỗ nhè nhẹ vào phía trong bắp vế, nói nho nhỏ : «Em ! Em !» Giọng ông ta nửa như than phiền trách móc, nửa như dỗ dành nài nỉ. Ông ta

lại đặt yên bàn tay, ngừng lại, và chờ đợi. Tôi dạo ấy mới hăm hai hăm ba tuổi… Vắng đàn ông lâu ngày… Đêm khuya vắng vẻ… Chậc !

Ông ta bình tĩnh và hành động chắc chắn. Ông ta đã hiểu tôi một cách giản dị quá, thực tế quá. Và hiểu đúng tâm lý đến nỗi ngẫm nghĩ lại tôi không khỏi vừa xấu hổ, vừa tức giận.

Trời mỗi lúc một sáng rõ và càng làm tiêu tán hết những lý do khiến hai chúng tôi có thể ngồi bên cạnh nhau. Tôi đứng lên, định đi ra suối lấy nước. Ông ta liền đứng lên theo từ biệt.

Tôi bỏ thùng nước, ngồi xuống, nhìn theo nòng súng và chóp mũ của ông quận Toàn khuất dần vào cây lá dưới sườn núi. Khi tôi còn lại một mình, bốn phía hoàn toàn không bóng người nào nữa, chỉ có đàn bò bên cạnh, nước mắt tôi lại trào ra.

Đối với những «a - văng - tuya» ghê gớm của «bọn thợ săn» ông ta, thì quả cả tôi và tất cả cái tâm sự rắc rối của tôi thực là vô vị, không có gì đáng kể. Ông ta có thể vui vẻ kể cho tôi nghe cái đêm đảo chính lý thú của ông ta, chứ còn tôi, tôi không thể kể lại những rối ren trong năm sáu năm của tôi cho ông nghe được. Thái độ hưởng lạc vô tư, thản nhiên của ông ta, thái độ hững hờ

đó như một cách lăng mạ nặng nề tàn nhẫn.

Lúc đó tôi mới thấy rằng trong cái xã hội xao động dữ dội này vẫn còn có những chỗ lặng yên một cách ghê sợ phũ phàng, tôi thấy rằng mình đã bị đày đi xa cảnh thái bình an lạc và lạc mất đường về. Tôi nghĩ đến cuộc đời lao đao của Kha như một an ủi. Tôi ngồi nghĩ về Kha.

Qua màn nước mắt, tôi ngồi nhìn xuống màu khói xanh mù mù bàng bạc khắp sườn núi, nhìn vài con chim sẻ mổ lung tung vào mái chòi, rỉa một đôi hạt thóc khô còn dính trên đuôi rạ, tôi ngồi nghĩ đến cuộc đời lao đao của chúng tôi, của Kha và của tôi. Vâng, tôi nghĩ về Kha, và Kha là nhà tôi hiện giờ.

Qui Nhơn, 1957

113. Thương Hoài Ngàn Năm

Võ Phiến

Trong bốn chị em chỉ có mình Bạch là con của cha. Cả cha và mẹ Bạch đều không rõ tại sao lại thế. Có lẽ cũng không có lý do gì đích đáng; sự thắng cuộc của ông Nghĩa lần này có thể chỉ là sự ngẫu nhiên. Tuy vậy đó là một trận thắng rõ rệt : ảnh hưởng của người cha trên tâm tính đứa con gái mỗi ngày một rõ, khiến cho việc nhắc đến ông Nghĩa trong trường hợp này thành ra cần thiết.

Ông Nghĩa cũng có chút học thức; biết xem và thảo các loại khế bán ruộng, đợ ruộng, giấy mua bò v.v… bằng hán văn. Nhiều người trong xóm làng nể ông Nghĩa. Tuy thế ông cũng chỉ được cử làm «đoàn thập» là một chức còn nhỏ hơn trùm xóm, không có quyền lợi gì. Ông Nghĩa chỉ «chịu trách nhiệm» suông về mười người dân, vậy thôi. Như thế thực là tệ, nhưng ông không ao ước gì hơn. Người ta cử ông làm đoàn thập đã ba mươi năm mà không thấy cấp trên khen chê thăng thưởng hay trừng phạt gì; ông cũng chẳng hề biết bổn phận rõ rệt của mình là làm những gì.

Trái lại ở trong gia đình, ông Nghĩa có nhiều công việc. Lúc nào trông ông cũng chăm chăm chú chú : lúc

thì đánh sợi dây nài, lúc tra cái lưỡi cày, lúc sửa trạnh cày, thường thường thì đan đát. Từ giờ này qua giờ khác, từ buổi này sang buổi kia, ông gườm cặp mắt sau cặp kính trắng gọng thau, xỏ sợi mây nhọn qua lỗ nan để thắt những cái nút trôn ốc vòng theo những miệng thúng, miệng rổ, miệng nia, miệng nong v.v…

Nét mặt ông Nghĩa lúc nào cũng một vẻ nghiêm chỉnh buồn thiu. Làm xong mỗi món đồ, ông xếp cất, không bao giờ có cái ý ngắm nghía thưởng thức một công trình hoàn thành thích ý. Rồi lại rầu rầu, nghiêm chỉnh, buồn thiu, ông quay ra vớ công việc khác để tiếp tục, không vội vàng, nhưng không nhởn nhơ bỏ mất thì giờ vô ích.

Ông Nghĩa cặm cụi nhưng không say mê, ông làm luôn tay nhưng không phải vì tiếc công tiếc việc mà không dám nghỉ. Chỉ là vì ông Nghĩa không có cái sáng kiến nghĩ ra cách nghỉ. Nghỉ việc rồi khoanh tay ngồi lì ra đó chịu được sao ? Làm cách gì để tiêu khiển ? nói chuyện gì ? nói với ai ? bắt đầu như thế nào ? Đó là những vấn đề mà trí óc ông Nghĩa không có khả năng giải quyết. Có thể nói ông là người đần độn. Nhưng trình độ học thức, trong nhiều trường hợp, có thể cứu vớt người ta trước sự phán xét của quần chúng. Người trong làng xóm lúc nào cũng nhớ rằng ông Nghĩa thuộc vào cái số rất ít kẻ đọc thông chữ hán, cho nên không

có ai dùng tiếng đần độn để nói về ông. Người ta bảo là ông thực thà.

Ông Nghĩa «thực thà» đến nỗi không sao có thể tiếp được khách. Đối diện với khách, chào hỏi xong, ông không tìm ra câu nào để nói nữa. Ông chỉ trả lời những câu khách hỏi. Và ông sợ những phút im lặng; ông áy náy, khó chịu, loay hoay, nhưng không có cách gì bịa ra nổi chuyện. Để bớt khổ sở, ông phải tiếp tục cúi xuống đan đát, nên có vẻ gàn và kỳ cục. Mặc dù thế, sự có mặt của người khách vẫn cứ đè nặng lên tinh thần ông, làm cho trí óc ông tê liệt hẳn đi. Nếu lúc ấy có bà Nghĩa đến tiếp cứu hoặc khách cáo từ ra về, ông mừng vô hạn.

Thực thà như thế làm sao ông Nghĩa tìm ra được những lúc nhàn rỗi ? Một người lành mạnh không thể nằm ngửa ra tơ hơ để thưởng thức thì giờ nhàn rỗi. Còn những hoạt động xa xỉ như ngâm nga, hát xướng vài câu tuồng, hoặc pha trà ngon ngồi nhấm từng hớp, hoặc dạo vườn tỉa hoa, hoặc ngắm nghía sửa mái tóc của mình…, thì đó lại là những sáng kiến không chịu nảy ra từ trí óc ông Nghĩa. Ông không thể có một cử chỉ gì không phải là một công việc thực sự hữu ích.

Mỗi động tác là mỗi công việc, như thế giản dị hơn cả. Ông Nghĩa chọn thái độ giản dị.

Cắm cúi làm việc mãi, khi nào mỏi mệt quá ông quặt một tay ra phía sau, đấm vào lưng mình năm bảy cái liên tiếp, rồi lom khom đứng lên, bước lại tấm phản dưới hiên, nằm xuống một lát. Những khi ấy nếu Bạch không đi chơi xa thì nó chạy lại ngồi bên cạnh, nhổ tóc ngứa và ngoáy tai cho cha. Không phải ông Nghĩa bày vẽ cho nó những chuyện ấy. Chỉ là vì những khi đi chơi lang thang trong xóm, con bé thấy bạn bè nó có đứa nhổ tóc ngoáy tai như thế, và về nhà nó thí nghiệm trên đầu cha mình. Ông Nghĩa thấy hay hay. Nhiều lần con bé còn đang ngồi mân mê tóc tai ông mà ông đã ngủ quên ngon lành.

Suốt ngày ông đoàn thập Nghĩa thức hay ngủ, lom khom làm việc hay nằm khểnh ra nghỉ cũng không ai chú ý đến.

Bà Nghĩa, hồi còn trẻ, cố tránh không nhìn kỹ không nghĩ lâu đến nét mặt và hình dáng của chồng. Đó là một cách chống đối tiêu cực của người đàn bà, chống đối để chịu đựng. Gặp một người chồng xấu xí, bà nhờ chọn được thái độ như thế nên có thể ở với chồng trọn đời. Sự nhẫn nại lặng lẽ và anh hùng đó chắc chắn được xếp vào những nết na truyền thống của người đàn bà Việt Nam. Nét mặt ông đoàn thập trông lúc nào cũng quằm quặm, buồn thiu, nhớp nhúa, tối sầm. Nhìn cái mặt ấy

người ta trông thấy hiện ra tức khắc hình ảnh một cuộc đời lam lũ, bần tiện, chật vật. Khổ người ông Nghĩa bé nhỏ, bước đi lóm khóm lật đật. Rõ ràng là ông mang theo sẵn sự khổ sở từ trong lòng mẹ mà ra. Nếu bà Nghĩa có làm điều gì không phải với chồng thì cũng chỉ là một cách xác nhận sự thực hiển nhiên đó.

Hồi còn con gái bà Nghĩa luôn luôn bị cái hình thù xấu xí của chồng ám ảnh. Khi thì bà nghĩ đến cái trán thấp tịt, khi nghĩ đến cặp chân mày sát mí mắt, khi trông thấy cái cằm khuyết của ông. Bà khổ sở đau đớn, cố xua đuổi những hình ảnh ấy đi. Mỗi lần thấy loáng thoáng trong trí một ý nghĩ về người chồng, bà Nghĩa vội vàng lảng sang chuyện khác. Ý thức tự vệ chống cái ám ảnh đó thấm nhuần mọi cử chỉ, ý tưởng, hành động của bà. Bất cứ lúc nào, trong trường hợp nào, nghe nhắc đến tên ông Nghĩa, động đến một điều có liên quan tới ông, tự nhiên bà nghe nhói lên trong lòng một cảm giác khó chịu, rồi tức khắc điều vừa được nhắc đến bị gạt ra khỏi trí óc.

Bà ăn ở với chồng được ba bốn năm thì sự tự vệ của bà có một kết quả thần diệu. Có thể nhắc nhở, chế giễu cặp mắt ti hí và lờ khờ hay dáng đi lụp chụp lóm thóm của ông Nghĩa trước mặt bà, bà cũng dửng dưng. Lúc bấy giờ chính bà lại nói được những câu như chế giễu

ông cách thân mật, làm những cử chỉ như là săn sóc kính trọng ông trước mặt khách lạ mà bà không hề mảy may cảm xúc, khó chịu nữa. Ông Nghĩa dần dần chỉ còn là một đề tài, một cái cớ để bà hoặc có dịp nói vài câu giễu cợt hay ho, hoặc đóng vai một người đàn bà khôn khéo dịu ngọt. Đó cũng là cách phát huy một vài nét đẹp của người đàn bà. Đàn bà vẫn chuộng các món trang sức. Một người chồng xấu xí như ông Nghĩa vẫn cứ có thể biến hóa thành một món trang sức đắc dụng! Rồi khi khách của bà Nghĩa ra đi, ông lại bị bỏ quên, cặm cụi lặng lẽ như một cái bóng trong gia đình.

Bà Nghĩa thay chồng giao thiệp với hết thảy khách khứa đến nhà, bất cứ là vì công chuyện làm ăn hay là vì xã giao ân nghĩa. Hồi vợ chồng ông còn trẻ, ai cũng thấy một tình trạng như thế là bất lợi.

Sự bất lợi xuất lộ đầu tiên là cô Hồng, cô con gái đầu lòng. Cô Hồng không giống cha một mảy. Cô ta cũng không hề chịu gần gũi người cha. Không ai để ý từ lúc nào, từ cỡ tuổi nào, đứa con gái bắt đầu biết phân biệt xấu với đẹp, chỉ thấy rõ ràng là hình thù của ông Nghĩa gieo ác cảm và sự sợ hãi vào lòng đứa bé khiến nó luôn luôn tìm cách xa lánh cha. Lớn lên Hồng không sợ cha nữa, lại khinh nhờn. Cô ta cũng cư xử như mẹ, nghĩa là ăn, ngủ, chơi bời, hành động y như không hề có một

người cha trong gia đình. Như thế cho đến năm mười tám tuổi thì cô Hồng chửa hoang, sinh được một đứa con trai. Mẹ con cô tiếp tục sống trong gia đình ông đoàn thập năm năm nữa, rồi có người cháu họ của bà Nghĩa bằng lòng cưới cô. Người cháu này là một anh kép hát. Khi cưới nhau cô Hồng đã mang thai lần thứ hai được bốn tháng. Nhưng anh kép hát không lấy làm quan trọng : đó là sự lỡ lầm thường xảy ra phía sau sân khấu.

Cô Hồng càng lớn càng giống ông lý trưởng làng An Quý; mà cô Hoàng, em của Hồng, cũng lại là con của ông lý ấy. Rồi cô em nữa, cô Thanh, cũng vẫn là con ông lý. Nhờ đó mười năm sau khi bà Nghĩa có chồng mọi người thấy rằng bà không hay lang chạ : suốt đời chỉ làm vợ một người và chỉ yêu thương có một người. Kẻ được lòng yêu của bà thì không được cái danh làm chồng, mà kẻ có cái danh thì không được lòng yêu; điều may mắn là cả hai đều biết bằng lòng, và hưởng thụ cái phần dành cho mình, không hề có một lầm lẫn.

Cô Hoàng có chồng sớm. Mười bốn tuổi cô đã nẩy nở ra dáng con gái. Mười lăm tuổi có nhiều nơi ngấm nghé. Mười bảy tuổi thì bà Nghĩa gả cô cho một anh giáo dạy lớp tư bên làng An Lợi. Ban đầu anh giáo gặp cô Hoàng ở chợ, anh ta theo cô nhiều bận, nhưng nói

rất ít, và cô thì gặp người văn nhã lấy làm thẹn lắm, không dám chuyện trò. Trên một quãng đường vắng anh giáo vờ đánh rơi một lá thư. Cô Hoàng nhặt đem về, cả nhà xúm nhau đọc, lấy làm thích thú, và đều thấy cảm thương. Bà Nghĩa nhắn tin khuyến khích bên nhà trai. Hôm anh giáo đến nhà ông Nghĩa lần đầu, cả nhà gái tò mò quan sát rất kỹ tác giả bức thư tình. Ai nấy bằng lòng lắm. Đó là một thanh niên trắng trẻo, hơi gầy. Mái tóc lưa thưa, chải rất ướt, dán sát vào da đầu. Chân mày anh ta thưa đến nỗi trông gần như trụi. Môi dày và đỏ. Cặp mắt chậm chạp nhưng có vẻ hơi dữ, thường nhìn lên.

Hai vợ chồng cô Hoàng ăn ở với nhau được hai năm thì sinh chuyện bất hòa. Anh giáo đau một trận thương hàn, rồi tự nhiên phát ra chứng toàn thân run rẩy. Anh giáo run đến nỗi không sao có thể bưng chén ăn được, vợ phải đút cơm. Anh càng ốm đau, bất lực, càng ghen với cô vợ phốp pháp. Hoàng bị giữ chặt chẽ hơn hồi còn con gái, không được đi xem hát, xem hội, không được đi chợ xa… Nhưng rồi về sau anh giáo bắt gặp vợ thông dâm với người trai cày của cha mình. Cô bị cắt đi mái tóc. Sau trận xung đột kịch liệt ấy cô đâm liều, giao du thân mật với rất nhiều người con trai, và không nhường nhịn chồng nữa. Khi trước cô gái rụt rè kính trọng người văn nhân thanh nhã, nhưng lúc người đó

chỉ còn là một hình thù xấu xí bắt đầu lộ ra bản năng hung bạo, thì người con gái thô lỗ hung bạo trong cô liền vùng dậy kháng cự. Và tất nhiên cô thắng thế. Có ai ngờ khởi đầu anh giáo rơi một lá thư mà kết cuộc cô Hoàng mất mái tóc, cuộc tình duyên lại trắc trở đến thế.

Cuộc đời hai người chị đầu đều xa lạ với Bạch. Lớn lên Bạch cũng có nghe nhắc đến, nhưng các chuyện ấy không làm cô gái suy nghĩ. Hai chị đầu thuộc về lớp người lớn. Cho đến cô Thanh cũng sinh trước Bạch đến chín năm. Thanh được bảy tám tuổi, người ta đã tưởng cô ta là con út. Khi Thanh mười sáu tuổi thì Bạch mới chỉ có bảy tuổi. Chênh lệch nhau thế cho nên hai chị em không mấy khi gần nhau. Trong khi Bạch vọc cát, vọc đất, lúc thúc chơi ngoài vườn hay ngoài bãi sông thì Thanh đi cấy, đi gặt, chằm nón, may áo. Những lúc rảnh, Thanh đi cặp kè bạn bè, rất ít khi ngó đến em. Chỉ những khi nào cô Thanh đi đêm một mình bà Nghĩa buộc phải dẫn Bạch theo, «cho có bạn». Thanh biết rằng con bé chẳng phải để làm cho mình vui vẻ gì dọc đường, mẹ cô cũng chẳng quyết giữ gìn cô chặt chẽ hơn các người chị; tuy vậy cô cũng thuận nhận đem em theo như một thủ tục không thể bỏ qua.

Sự thực thì Bạch không trở ngại gì công việc của chị. Có một lần chị em đi xem che mía ở An Lợi. Người

ta che mía và nấu đường giữa đồng cho khỏi tốn công vác mía cây về nhà. Gặp đám che giữa đêm trăng trai gái thường kéo đến vịn che, vừa đi vừa hát suốt đêm. Hôm ấy Bạch được chị xin cho cây mía, ngồi ăn. Ăn hết một đoạn, nó buồn ngủ và nằm ngủ bên bờ ruộng. Khuya, thức dậy, nó không thấy chị trong đám người chạy che. Con bé lặng lẽ đi tìm. Khi trông thấy chị nó với một người con trai ôm nhau trửng giỡn như cặp chồn cắn lộn giữa bụi cây thì nó ngạc nhiên sợ hãi ngồi nép xuống. Nó im lặng nghe chị nói chuyện rì rầm, nhìn chị hôn hít. Và khi trông thấy chị nó phơi bày da thịt trắng nõn dưới trăng, con bé lặng lẽ ngồi xem. Sau, nó lại kê đầu lên bờ ruộng nằm ngủ cho đến lúc chị nó tìm thấy, vác nó về nhà.

Hai ngày sau, chị nó ngồi vá áo. Con bé đang chơi với chiếc lon thiếc và hai ống chỉ, chợt dừng lại nhìn chị, suy nghĩ. Nó nhìn cánh tay nung núc của chị phơi ra ngoài tay áo cánh. Thanh không để ý đến đứa em, nhưng trong lúc nghiêng đầu cắn một mối chỉ, Thanh liếc mắt trông thấy cái nhìn của nó, hơi ngờ ngợ. Con bé sợ hãi cúi mặt xuống. Lần lần nó lân la đến bên cạnh Thanh và không để chị biết, nó rón rén vén vạt áo của chị lên. Nó vén lần lên cho đến khi chị nó giật mình ngạc nhiên, gạt tay nó và trợn mắt. Nó sợ hãi, liền bỏ đi.

Con bé không bao giờ đả động gì đến câu chuyện mà nó mục kích dưới trăng trong đêm che mía. Hình như những điều trông thấy giữa hai giấc ngủ, nó cũng cho là lạ lùng. Nó lấy làm nghi hoặc, nhưng tính nó lầm lì âm thầm, vả lại tự dưng nó cũng cảm thấy đó không phải là điều nên đem ra hỏi. Thỉnh thoảng nó lén lút tìm cơ hội nhìn lại da thịt chị nó như tìm xem tang chứng dấu tích để xác nhận một sự thực ngờ vực.

Thanh không nghi ngờ gì em và không để ý đến nó. Vì thế trong lúc thơ ấu nó lại được nhiều lần chứng kiến hành động thân mật của chị.

Trong bốn chị em, chỉ có Bạch sống gần cha. Cũng có lẽ chỉ có nó là con của cha. Tại sao đứa con thứ tư lại thuộc về phần ông Nghĩa ? Thỉnh thoảng tạo hóa cũng để dành cho mình cái quyền phép về một vài điều bí mật, người đời không biết được. Tuy thắng cuộc như thế ông Nghĩa cũng không lấy làm hớn hở.

Chiến đấu không gặp hiểm nghèo thì thắng trận cũng không xem là vinh quang, một người hùng của Corneille nghĩ vậy. Và ngay cái lúc ông Nghĩa làm việc cho sự thắng trận ông không hề gặp sự hiểm nghèo, chắc vì đó mà ông không cho là vinh quang.

Mặt mũi hình dáng Bạch không xấu xí như cha, hình dáng nó giống mẹ, nhưng tính nó lại giống cha. Nó lầm lì suốt ngày. Ngay từ hồi lên hai tuổi trong cặp mắt nó đã có cái vẻ lãnh đạm đố kỵ với những hoạt động ồn ào. Khi cô hay dì nó chạy đến vồ vập nựng nịu nó, khi trẻ con la cười bên cạnh nó, nó ngẩng lên, giương hai mắt tròn nhìn một lúc lâu rồi thản nhiên cúi xuống, không hề hưởng ứng. Thái độ ấy làm cho dần dần chung quanh nó có sự lạnh nhạt, và nó cùi cũi một mình.

Hồi ba bốn tuổi nó thường bắt kiến ăn, từng nhúm. Bà Nghĩa lấy làm ghê tởm. Một lần bắt gặp con bé ăn kiến, bà đang cầm cái ống tre dài bốn tấc tây dùng để thổi lửa, bà quất ngang mồm, và đập lên tay con bé mấy cái, làm nó chảy máu mồm, dập môi, và bàn tay sưng vù lên. Nhưng tính Bạch lặng lẽ, cho nên ít khi mẹ nó chú ý đến mà bắt được nó nghịch bậy. Nhiều lần nó ngồi lượm kiến ăn hàng giờ ngay sau lưng mẹ mà bà Nghĩa không ngờ đến.

Cái sở thích bệnh hoạn kỳ cục đó được giải thích là vì con bé ngu ngốc đần độn. Khi bà Nghĩa nói với khách : «Ai gặp phải đứa con như thế cũng chịu thôi. Trông cái mặt của nó đần như thế kia mà dạy làm sao được…» thì trong trí bà đã có lảng vảng sự căm giận khinh bỉ ông Nghĩa. Mấy tiếng «cái mặt nó» dằn xuống một giọng

ghê gớm; mối hằn học ấy không thể đè trút xuống một đứa trẻ con. Dần dần rồi con bé càng lớn càng chịu rước hết mối ác cảm thay cha. Quả nó thật là rầy rà. Nếu không có nó, người mẹ đã quên đi ông chồng xấu xí. Sự ra đời của nó công khai xác nhận chủ quyền hiển nhiên của ông Nghĩa đối với vợ, khêu lại sự tức giận khổ sở của người đàn bà.

Mẹ nó đối với nó đã như thế, không còn ai nghĩ có cách gì chữa tật xấu của Bạch khác hơn là đánh cho thực đau. Khi lên năm tuổi, tự nhiên nó bỏ ăn kiến.

Ở cái tuổi con nít thích chơi búp - bê, Bạch thấy cái thú gần gũi cha nó. Ông Nghĩa cũng tiếp nhận sự săn sóc tỉ mỉ của nó với thái độ thụ động của một con búp - bê. Con bé cứ đôi ba tháng lại đổi một sở thích, ông Nghĩa cứ để mặc ý nó. Nó nhổ tóc ngứa chán rồi tập cách bẻ ngón tay ngón chân kêu lắc cắc. Một độ nó thích đấm lưng. Có hồi nó tập vuốt trán bắt dấu. Nếu con bé ì ạch bên cạnh mãi mà ông Nghĩa không ngủ được, thì ông ta khoát tay ngồi dậy, sai nó chạy hái mấy lá mãng cầu, ông ta cúi xuống đất lấy lên một cây củi giấu sẵn dưới phản, đập lộp bộp lên mép phản rồi thổi cho bay lớp tro tàn, hơ lá mãng cầu lên lửa cho mềm để vấn thuốc hút. Có lúc vừa hút thuốc ông Nghĩa vừa nhìn đứa con gái của mình. Thấy nó xinh, dễ thương quá, ông lấy làm

thích thú vui vẻ. Và tự nhiên ông ta nẩy ra thích thú bất ngờ, ông đùa, chìa điếu thuốc lên môi con bé, cười vô duyên.

- Mày hút thử không ?

Con bé nheo mắt lại tránh khói thuốc, vừa nhăn mặt vừa thụt lui. Ông Nghĩa vẫn cười nhăn nhở, đưa một tay dúi thuốc vào gần mũi nó rồi lại giật ra, cứ thế năm bảy lượt, chọc cho con bé giãy giụa nhăn nhíu mặt mũi. Làm sao biết được lúc ấy trong lòng ông Nghĩa tràn ngập một nỗi thương yêu sung sướng vô cùng, ông muốn kéo dài trò chơi. Ông ta cười vô duyên, nhưng trong hai mắt nhìn chăm vào khuôn mặt con bé, người ta thấy lóng lánh ánh sáng của những giễu cợt âu yếm và gần như thông minh.

Đến khi Bạch hét to lên : «Chết ! Thả ra !» ông Nghĩa mới vội vàng buông tay, như mới vừa để ý đến cử chỉ của mình.

Ông Nghĩa vẫn nhìn con bé, cười, nhưng không còn sự vui vẻ sung sướng nữa. Cái cười còn in trên môi ông chỉ như gắng gượng vụng về xin lỗi con bé.

Khi cái cười tắt đi, gương mặt ông lại tối sầm, quằm quặm. Ông hỏi đứa con gái :

- Ai cho mày sợi dây cườm này ?

- Chị Hai.

- Chị Hai nào ?

- Đàng nhà cậu Bốn. Nhiều lắm. Đứa nào cũng xin được một dây.

- Con Hai Khôi ở Nha Trang về hả ? Hồi nào ?

- Hôm qua… Cha không biết à ?

- Không… Mày vừa đánh nhau với đứa nào vậy ?

- Không.

- Thế sao trầy mũi ?

- Mẹ đánh.

Ông Nghĩa chợt nghiêm sắc mặt lại như vụt biến thành một người khác, không hề biết đến câu chuyện vừa chấm dứt. Miệng ông ngậm lại, môi trên nhô ra trùm khuất môi dưới. Rồi ông Nghĩa đứng dậy đi tiếp tục công việc.

Thường thường ông tình cờ biết qua về những hoạt động trong xóm là do đứa con gái nhỏ. Nhưng lần nào câu chuyện quanh co dẫn đến bà Nghĩa thì ông dừng lại

ngay.

Vả lại, cha con ông vẫn ít trò chuyện. Ông Nghĩa nằm yên cho con đấm lưng rồi ngủ quên, ngáy ầm lên. Con bé hoặc đi tìm chỗ khác chơi, hoặc có khi cũng nằm queo ngủ bên cạnh cha.

Lúc đó nếu có khách đến thì bà Nghĩa tùy trường hợp mà đối xử. Hoặc là phát thực mạnh vào mông con bé và la ầm lên cho cha con vùng dậy. Con bé hoảng hồn lủi đi chỗ khác, ông Nghĩa thì tuột xuống đất ngồi đan đát. Hoặc bà tươi cười nhìn hai bố con với một vẻ khoan dung bao bọc và nói như xin lỗi khách : «Chao ôi là ngủ ! Tội nghiệp ! Thôi để yên cho cha con ngủ.» Rồi bà lấy một cái quạt bằng mo cau ép phất phất mấy cái để xua ruồi. Trong khi tiếp chuyện khách, thỉnh thoảng bà Nghĩa lại gần, kéo ống quần con Bạch xuống cho kín chân, cài cho nó một hột nút áo, và lại quạt cho hai cha con.

Khi khách đi rồi, bà Nghĩa quay qua công chuyện khác, như không trông thấy hai cha con ông Nghĩa nữa, như không hề biết có cha con ông nằm ngủ trước hiên.

Cho đến mười ba mười bốn tuổi, Bạch vẫn còn ngủ chung với cha. Mình mẩy tóc tai nó hôi mùi khói thuốc nồng nặc. Một hôm Hồng về thăm nhà - thường lâu

lắm, một đôi năm, Hồng mới về nhà một chuyến - trông thấy nó, buột miệng khen :

- Mẹ thấy không ? con này nước da trắng, giống mẹ. Rồi nữa lớn nó đẹp đấy.

Bà Nghĩa cười hè hè lơ đãng :

- Chị khéo khen em !

Rồi bà lén nhìn lại đứa con gái út. Một lát tự dưng bà lại cười hề hề, chưa rời ý nghĩ về con bé.

Nhưng bỗng Hồng la lên :

- Sao mày hôi thuốc lá quá vậy, Bạch ?

Bà mẹ tắt liền nụ cười :

- Còn tại sao nữa ? Ngày nào đêm nào cũng ôm khư khư lấy cha nó, ông ấy phà khói thuốc mù mịt.

- Trời đất ! Con gái chừng này còn ngủ với cha. Kỳ cục.

Bà Nghĩa trợn mắt quay lại phía con Bạch, chỉ vào trán nó :

- Đó ! Nghe chưa ? Từ rày phải kiếm chỗ mà ngủ riêng ra, nghe chưa ? Gớm ! Còn nhỏ xác lắm sao ?

Rồi thình lình bà ngoắc lại hỏi nhỏ Hồng, nghiêm trọng :

- Nghe nói thầy giáo bên đó kêu bán hai mẫu ruộng rộc, có không ?

- Mẹ tính mua hả ?

Bà Nghĩa giật lùi ra, gườm con gái :

- Hừm ! Cái con này ! Thì hỏi vậy thôi…

- Đừng mua ruộng nữa. Có ruộng rồi khổ đa, mẹ không biết sao ?

Bà Nghĩa hớn hở, thân mật :

- Vậy há ? Mày nghe nói chủ trương của nhà nước thế nào ?

Hồng biết khi mẹ gườm mình phản đối thì bà hãy còn định mua, nhưng khi bà nghiêng người tới hỏi «vậy hả»? thì bà đã sắp đổi ý rồi.

Bà Nghĩa làm chủ gia đình. Và cách thức giải quyết công việc của người chủ gia đình là như thế, thường thường ngay trong khi trò chuyện. Có nhiều điều xảy ra trong nhà bà không chú ý đến, nhân có người nêu lên trong một câu chuyện, lập tức bà quay ra giải quyết

nhanh như cắt. Cứ lần lượt hết chuyện này đến chuyện kia, lắm khi một người khách đến chơi một lát giúp bà sắp đặt chỉnh đốn năm bảy công việc gia đình.

Và như thế, Bạch ngủ riêng.

Nó không hôi mùi thuốc lá nữa. Gần nó chỉ nghe mùi lông bò thôi. Dẫu sao đó cũng vẫn còn là thứ mùi thừa đi. Nếu không có, người ta đã ngửi dược mùi con gái của nó.

Bạch vẫn chăn bò từ hồi lên tám. Nó đã quen cưỡi lên lưng bò. Đáng lẽ lớn lên nó không được cưỡi nữa. Mẹ nó đã cấm : «Mày tưởng còn nhỏ xác lắm sao ? con gái lớn chồng ngồng chừng ấy ngồi ngất nghểu trên lưng bò không biết mắc cỡ, tao chịu mày.» Nhưng Bạch vẫn lén lút cưỡi bò. Nó không mắc cỡ.

Mặc dù hôi hám, ăn mặc lôi thôi, tính nết chi bi chim bỉm, thực thà gần như khờ dại, nó vẫn được con trai chú ý. Vì nó đẹp. Luôn luôn phơi nắng, nhưng tóc nó chỉ hoe vàng chứ da nó vẫn không chịu rám nắng. Hàm răng rất đều đặn của nó không được đánh bằng thứ kem nào cả nhưng vẫn trắng rất xinh. Bắp thịt nó nở cân đối và rắn chắc.

Năm mười sáu tuổi nó vẫn không chịu hiểu những lời trêu ghẹo bóng gió. Một hôm cho bò ăn ờ rừng Cà Tang, trong lúc xúm nhau đùa giỡn, một đứa con trai nửa đùa nửa thực đưa tay định chụp vào ngực nó. Nó đón bắt được bàn tay, nắm thực chặt. Đứa con trai giật tay ra không được, lấy làm tức giận. Nhưng con bé cũng giận. Vả lại lũ trẻ xung quanh la ó cổ võ làm cho nó bối rối khó xử. Nó cứ nắm tay đứa con trai, rồi mím miệng, từ từ vặn tréo cánh tay hắn ta quặt ra phía sau. Trẻ chăn bò hét lên rầm rĩ quá, hoan hô rộn quá, nó không biết làm thế nào, cuối cùng nó vội vàng xô mạnh hắn ta chúi đầu tới trước.

Việc ấy xảy ra trước mắt ông học Thạch. Ông ta lấy làm thú vị lắm. Học Thạch là bậc nho nhã, nhưng có cảm tình với tất cả những cánh tay mạnh, có thứ gân thực tốt, nên thường tổ chức những cuộc vật lộn và chọi bò. Ông ta năm bảy lượt tìm cách xúi Bạch vật lộn, nhưng nó nhất định không chịu hưởng ứng. Tuy vậy chỉ một vặn tréo cánh tay của một gã thanh niên lớn hơn nó bốn tuổi cũng đủ khiến nhiều người đồn đại về sức khỏe của Bạch. Đối với con bé hiền lành, sự đồn đại đáng lẽ là ngợi khen lại biến thành nhạo báng. Có người gặp lại nó, hỏi : «Này ! Nó định làm gì mà cô vặn tay nó ?» Có người xòe bàn tay ra, nói : «Tay nó dễ ghét, nhưng cô xem giùm liệu có tha được bàn tay tôi không

thì bảo trước đi.» Và những bàn tay ấy chờn vờn toan hành động.

Bạch không biết cách đáp lại. Nó sợ hãi không dám phô bày sức mạnh nữa. Nhưng lần khác, một con bò đực của nó đạp phải chông, lâu ngày chỗ bị thương lở thối, có dòi. Một mình Bạch cột đầu con bò ép vào góc chuồng, ôm chân bò giơ cao lên để rút chông ra và rảy crésyl vào chỗ lở mà con bò không giãy thoát nổi. Chuyện đó rồi cũng lại được phao đồn.

Con trai không dám lỗ mãng với nó nữa. Giai đoạn mới có hình thức tấn công ái tình mới. Một anh chàng hôm nào cũng giả vờ vác cuốc ra thăm đồng, chờ lúc nó lừa bò về thì lẽo đẽo theo sau, gợi chuyện. Bạch ít có chuyện để nói, tuy vậy nó không từ chối sự ân cần của ai cả, nó đáp lại đầy đủ hết những câu nói của người thanh niên. Anh ta đi sau, nó cưỡi bò đi trước. Phải nhiều lần như thế lắm, người kia mới tìm cách rủ được nó bỏ lưng bò nhảy xuống đi bộ.

Rồi người con trai theo nó lên rừng. Bạch vẫn không đoán được câu chuyện nói dài dòng như thế sẽ đưa tới đâu. Gặp chỗ vắng vẻ, người con trai nắm lấy tay nó, nó nhìn lên, ngạc nhiên. Mặt đỏ như gấc, nó lách mình bỏ đi. Trông bộ dạng nó, người con trai không dám đuổi theo.

Bạch nhớ lại câu chuyện chị Thanh đêm trăng che mía ngày xưa, vừa thẹn vừa sợ hãi : sự bí mật lạ lùng, vừa tục tằn vừa khó hiểu đó suýt nữa choàng phủ lên nó rồi ? Gạt người con trai ra, thoát đi đã xa chỗ vắng vẻ, nó vẫn còn bàng hoàng, hồi hộp.

May sao đôi ba, năm bảy lần kháng cự ái tình chưa phải đã có thể chấm dứt cuộc đời tình ái của một người con gái. Rồi Bạch vẫn cứ gặp chuyện yêu đương, và ngạc nhiên một cách dễ chịu như con bò tự thấy không thể từ chối cặp sừng.

Chẳng những thế, sau này Bạch còn tự nghĩ giữa mình với Đang tất có duyên nợ. Nếu không, hôm đó đã không gặp nhau. Hôm đó, từ nửa đêm, Bạch đau bụng. Nó đến bên bếp, bươi trấu, thổi lửa, hơ bàn tay cho nóng rồi áp vào bụng. Những lúc ruột quặn lên đau quá nó vặn mình rên nho nhỏ. Bớt đau, người con gái lên giường nằm úp sấp, ép bụng sát xuống mặt giường. Nó chợp mắt ngủ quên đi một lát rồi lại giật mình thức dậy.

Khi nghe vang lên trong xóm tiếng gõ đòn xóc, Bạch thấy cơn đau vừa dịu xuống, lưỡng lự một chút, rồi cũng đi rửa mặt qua loa, xách nón ra đi củi. Mỗi sáng, trời còn tờ mờ, những người đi núi chặt củi dùng rựa gõ mạnh lên đòn xóc để rủ nhau. Khi Bạch ra khỏi cổng, thì tiếng cười, tiếng gõ đòn xóc đã văng vẳng ở xa. Nó

lủi thủi đi một mình.

Đến trưa, chặt và bó củi thành gánh xong xuôi, mọi người tập trung lại nghỉ bên một khe nước. Người ta uống nước, hút thuốc, nói chuyện một lát trước khi về. Khi ấy, Đang vừa đến.

Đang là con trai độc nhất của học Thạch. Thuở nhỏ anh ta cùng chơi đùa với Bạch, với những người con trai và con gái có mặt trong đoàn đi củi, đã cùng với họ đập lộn, vật lộn, rồi cùng nằm ngang nằm dọc phơi mặt ngủ giữa bãi sông Ba. Nhưng lớn lên trong bọn chỉ có mình Đang đi học, nên họ xa rời nhau. Mỗi năm về làng chừng vài tháng, Đang vẫn câu thụt trên sông, vẫn soi ếch, vẫn dự vào các đám săn chồn săn nai với người làng. Tuy thế mỗi năm xa làng đến chín mười tháng là quá nhiều, Đang không còn thực sự là người làng nữa.

Các cô gái tò mò để ý đến những nét bỡ ngỡ ngớ ngẩn của Đang, họ cười khúc khích. Anh ta mở một túi vải màu xanh, vốc từng vốc sim, chà là, trái dấy, chia cho mọi người. Anh ta đi dạo núi để hái những trứ trái ấy. Các cô gái làm ra vẻ tự nhiên, giành lấy túi vải tuyển chọn trái ngon. Đang quay về phía Bạch, ngạc nhiên hỏi :

- Cô Bạch chê hả ?

Bạch toan bảo là mình đau bụng, nhưng hai ba cô bạn đã vội đáp thay :

- Ơ, anh chưa mời nó mà !

Đang nghẻo đầu về phía mấy cô gái, hỏi :

- Hở ?

Các cô gái bụm miệng ồ lên cười. Đang chợt hiểu, cười theo, đưa cho Bạch một nắm trái sim :

- Thì mời !

Họ lại cười ầm lên :

- Gớm chưa ? Chỉ mời riêng nhau. Thôi, bọn mình không ăn nữa.

Một cô nói với Đang, vẻ đứng đắn :

- Anh phải đưa cho con Bạch nó coi tướng tay mới được. Nó thạo lắm.

Đang quay đầu ngó bên này bên kia, ngờ vực. Cô gái bảo :

- Bộ bọn tôi nói láo sao ?

Đang vẫn chưa hiểu, cười cười, đưa tay ra, nói giọng giễu cợt, ngập ngừng thăm dò :

- Cô Bạch xem giùm coi tôi bao giờ có vợ ?

Cả bọn vùng cười ồ. Đang cũng ngẩng lên nhìn hết người này đến người khác, ngạc nhiên thấy câu pha trò của mình thành công quá mức và nghi ngờ cái cười có hậu ý. Rồi anh ta hất mặt lên cười, ra ý đã hiểu chuyện và bất cần. Nhưng xem ra anh ta vẫn chưa hiểu gì. Bạch đỏ mặt cúi đầu. Nhưng nó len lén liếc mắt nhìn vẻ mặt Đang. Và nó cũng bật cười. Gớm ! Người đâu khéo thực thà. Lần đầu tiên nó gặp một người ngớ ngẩn thực thà hơn nó.

Bộ dạng anh ta, Bạch trông thấy ngộ nghĩnh. Hai vành tai đỏ và mỏng, hướng hẳn ra phía trước, như hứng đón âm thanh một cách quá niềm nở. Hai con mắt ướt với hàng lông nheo dài nhìn vào đâu cũng đầy vẻ nghiêm trọng. Cả những lúc cười đùa, cái cách anh ta nhìn người khác cũng có ý lo lắng và e ngại, hình như không chắc mình đã cười đúng ý kẻ nói. Cặp mắt của một người đứng đắn, chậm hiểu những sự tinh nghịch.

Hai môi anh ta mỏng dính. Trên mép lông măng mọc cao, đen như râu. Trông cặp môi và cái mép rung rung ngần ngại khi anh ta nói : «Cô Bạch xem giùm…»

không thể nín cười được.

Cánh tay anh chìa ra gầy, và cũng nhiều lông.

Bạch soát lại một loạt những chi tiết đó, thấy không có cái gì liên quan đến cái thân thể quen thuộc của chú bé Đang ngày xưa vẫn đùa giỡn với nó. Bạch nhận thấy anh chàng thì ngơ ngác lạc loài, các cô bạn thì vồ vập ồn ào. Nó ngồi riêng trên cỏ. Cỏ mát, hơi gió thổi dưới bóng cây, bóng nắng lốm đốm chạy loạng xoạng trên cỏ, trên tóc tai mặt mũi, và loạn xoạn trước mắt làm cho nó thấy lành lạnh và xôn xao.

Một người đàn ông đứng lên, nói :

- Thôi. Về !

Bạch đứng dậy, bước xuống dòng nước, rửa lại hai tay, rồi trèo lên một hòn đá sống trâu, giữa nắng, chùi tay vào vạt áo, và cúi xuống xắn hai ống quần. Lúc Bạch từ trên tảng đá bước xuống lội vào bờ thì Đang từ trong bờ đi ra, tay cầm cái ca bằng nhôm. Gặp nhau, anh ta vừa ngước mặt lên liền bị trượt chân.

Anh ta vung hai cánh tay dài ra cố gượng; Bạch thấy loang loáng trước mặt cái ca sáng lấp lánh. Nó ngửa người ra phía sau, né những cánh tay ấy, nhưng Đang ngã sấp tới, nó vội đưa một tay ra đỡ, và trượt ngã theo.

Bạch khuỵu xuống, va đầu gối vào một tảng đá, rồi ngã ngồi. Nước bắn tung lên trắng xóa quanh hai người.

Bạch cúi nhìn nét mặt hoảng hốt của người con trai trên tay mình. Đầu anh ta kê vào ngực Bạch, hai mắt mở to ngơ ngác, nước khe bắn văng lên ướt má, ướt lông nheo, lông măng trên mép anh ta. Thoạt tiên anh ta đón nhìn thẳng mắt Bạch như để nhận hiểu tình thế, rồi chợt anh ta vội vàng chới với chồm dậy.

Người con gái một tay ôm giữ đầu Đang, một tay chống ra phía sau. Nước suối ngập quá rốn.

Trên bờ, một đứa con gái kêu :

- Coi kìa !

Tiếp theo, một tràng cười rộ lên ầm ĩ.

Mặt Bạch bừng đỏ. Nó bối rối. Sự cảm động bất ngờ và vô lý của nó làm cho người con trai khó xử.

Đang quay lại, vào bờ, ướt lướt mướt, trên tay vẫn còn cái ca không, quên múc nước. Anh ta ngước nhìn từ người này đến người kia, cười thực thà, như muốn bảo : «Chúng tôi không sao cả ! Vui nhỉ !». Và anh cúi lượm túi vải xanh, chào mọi người, bước đi.

Khi anh ta khuất dạng, Bạch thấy dễ chịu, nhẹ người.

Nó định bước vào bờ, nhưng đầu gối và bắp đùi đau nhói lên, không cất bước nổi. Nó chống tay vịn một mỏm đá nổi, từ từ ngồi xuống. Lúc ấy người ta mới biết Bạch bị té nặng.

Nhưng Bạch chỉ phải ngồi yên chừng mười lăm phút cho dịu bớt đau, rồi cũng khập khiễng bước theo mọi người đi về được. Chỉ phải bỏ lại gánh củi bên khe nước.

Nửa đêm hôm đó trời mưa to. Bạch nằm trên chiếc chõng nhỏ dựa sát vách, cách bếp lửa ba bốn thước. Chỉ có mình nó ngủ ở gian nhà bếp. Mưa ào ào vây bọc xung quanh, làm tắt câm hết những tiếng động của sinh hoạt gia đình, làm cho mỗi người trong nhà cảm thấy hoàn toàn cách xa, tách biệt với những người khác.

Đêm nay nằm giữa nước mưa tuông xối bốn bề, người con gái chợt để ý và thích sự cách biệt đó. Cảm thấy thực sự hoàn toàn riêng cách, nó lại thấy yên tâm và ấm cúng hơn lúc nào hết. Bạch vẹt những sợi tóc hai bên má, nghiêng mình yên lặng nằm nhìn ngọn lửa chập chờn xung quanh cái nồi bầu nấu cháo cho heo ăn. Ánh sáng rung rinh nhảy múa trên thân hình nở nang của người con gái. Bạch vẫn không chú ý đến một đôi chỗ hở hang : ống quần tụt cao lộ hai cổ chân no tròn, nút

cổ bật khuy… Miệng nó hé ra lơ đãng, hai mắt ươn ướt.

Tiếng mưa bên ngoài càng ồn ào dồn dập bao nhiêu, Bạch càng thấy tăng thêm rõ ràng cái cảm tưởng được che chở yên tĩnh bấy nhiêu. Nước đã chảy tràn lan khắp vườn, quanh hè. Không có gió thổi nhưng các dòng nước đổ mạnh nghe ồ ồ khắp tứ hướng, thoạt mới nghe tưởng như có gió thổi rất gấp.

Bạch quay nhìn hàng nước mưa tuôn như một bức rèm sáng từ mái tranh buông xuống để ngăn đón cảnh mưa gió bên ngoài khỏi lấn tràn vào. Nó kéo chiếc chiếu quật đắp lên mình, không phải vì lạnh mà để có cảm tưởng được kín thêm.

Cho đến ngày thành một thiếu nữ được yêu thương, Bạch vẫn cứ lẻ loi. Chỉ những lúc được ở riêng một mình nó mới thấy yên dạ, và hưởng một cảm giác gần như sung sướng. Chỉ những lúc bị bỏ rơi, nó mới cảm thấy mình thực sống trong không khí quen thuộc, trong cái không khí của mình. Thường mỗi tối bà Nghĩa vẫn nằm một nơi, ông Nghĩa một nơi riêng, và từ ngày bị Hồng chỉ trích Bạch ngủ một mình dưới nhà bếp. Mỗi người vẫn không ngó ngàng đến cảnh sống của nhau. Nhưng trong đêm mưa, Bạch có cảm tưởng càng được đưa lui tách ra ngoài cuộc sống chung lộn với kẻ khác, đưa xa hơn những ngày thường. Và cuộc sống tâm tình

của Bạch thức dậy như những con ốc chỉ chờ khi nước hết xao động mới dám dần dần hé miệng thò chân ra cử động.

Ban chiều, khi khập khiễng về nhà, Bạch chỉ nhớ các sự khó chịu : bực mình, xấu hổ, bối rối…, và những câu chế giễu :

- Bà con trông thấy ra sao ? Cô ôm cậu ngồi trên tảng đá, tình tứ lạ !

- Thằng Đang coi vậy mà khôn : chỉ ngã một cái mà nên chuyện.

Bây giờ mới lần lần hồi lại trong trí Bạch những xúc động luống cuống tê mê lúc người con trai áp sát đầu vào ngực nó. Lần đầu tiên đứa con gái bị động chạm tới chỗ thân mật. Cho đến bây giờ, đêm khuya, Bạch tưởng như đầu anh con trai vừa mới rời mình tức thì. Bạch vừa nôn nao những rung động ham muốn, vừa thấy dạt dào mối cảm thương dịu dàng. Nó nhớ cặp mắt mở ngơ ngác hoảng hốt nhìn lên mắt nó, những giọt nước đọng trên hai hàng lông nheo, trên hai bên mép có lông măng lún phún. Nó nhớ cặp môi mỏng và đỏ, cười vụng về.

Đang không phải là một gã con trai đẹp đẽ. Trong khi cúi đầu liếc nhìn lên, Bạch lại còn thấy gã có vài nét

ngớ ngẩn, khiến nó không khỏi mỉm cười. Nhưng lần này nó không gặp sự lỗ mãng. Nó bắt được cảm xúc của anh con trai. Nó nghĩ đến cánh tay gầy yếu của anh ta. Và tất cả khiến nó thấy lòng xôn xao dịu dàng.

Mắt người con gái mờ đi, thiết tha, hướng về một đối tượng vô hình, trong lúc nó vẫn đăm đăm nhìn như ngây dại về phía hàng nước mưa sáng lóng lánh giăng từ mái nhà xuống giọt. Tiếng nước đổ đều đều ào ào làm cho Bạch chìm vào cảm giác đê mê triền miên. Nó đuổi theo những mơ tưởng táo bạo : nó trông thấy mình sát bên Đang, theo chân người con trai, đi theo mãi, xa hết cửa nhà làng xóm, gần bên nhau riêng một nơi, sát bên nhau trong yên lặng đằm thắm không lời. Nó không mơ tưởng nói năng gì với nhau cả. Chỉ có yên lặng bên cạnh nhau, và xa hết mọi người.

Trận mưa chấm dứt lúc nào không hay. Sự vắng vẻ thình lình làm Bạch sực tỉnh. Tiếng nồi cháo sôi bên giường nổi lên ạch ạch. Nồi cháo nấu cho heo ăn bốc lên từng luồng hơi nóng, luồng hơi phất ngang qua đầu và mặt Bạch rồi bay thoát ra sân, lảng vào đêm tối.

Người con gái rời khỏi giấc mơ, nghe tiếng bò húc nhau tông vào những cây róng trong chuồng, tiếng móng chân con chó đi lại quẹt trên mặt đất ngoài hè… Bạch như đang từ xa vụt quay về khung cảnh sinh hoạt

của mọi ngày.

Bạch cựa mình, khép hai cánh tay trước ngực, nhắm mắt lại, nghe chạy khắp mình một cảm giác vừa đau mỏi vừa khoái trá tê mê. Những xôn xao vừa rồi bắt đầu tan xóa đi như không có duyên cớ gì quan trọng.

Ngoài đồng, từ khắp nơi dâng lên tiếng ếch nhái kêu vang. Mặt đất mát mẻ thở ra sự khoan khoái nhẹ nhõm.

Trời đã mưa một đêm, đêm sau lại mưa. Cứ thế luôn một tuần.

Ban ngày, trong khi làm lụng với mọi người Bạch vẫn lặng lẽ, chịu đựng, gần thản nhiên như chẳng có việc gì xảy ra. Ánh sáng ban ngày và sự có mặt của kẻ khác làm tiêu tan những mộng tưởng hão huyền. Trước mọi người, Bạch thấy sự mơ ước của mình là lố bịch, nó không có gan tiếp tục nghĩ đến Đang trước kẻ khác.

Nhưng đêm đến, những đêm mưa mùa hè làm cho trời đất mát mẻ và vây kín Bạch trong những giờ lẻ loi cô tịch, Bạch lại triền miên sống với các ao ước viễn vông. Những trận mưa đối với nó gần như bao giờ cũng đem lại cảm tưởng sung sướng : những khi nó chặt cây giữa núi, gặp mưa, nước rơi lộp bộp trên nón lá, xối xuống hai vai, nó co rúm lại nhìn ra núi rừng mịt mù,

vừa lo hãi vừa cảm thấy một sự thích thú kỳ lạ được biệt tịch giữa cảnh rầm rộ dữ dội. Nước thấm vào quần áo, chảy từng dòng len lách trên da thịt, hòa với mồ hôi và hơi nóng trong người, bốc ra cái mùi thân mật của thân thể mình. Nó thu người lại trong bụi, nghe tiếng mưa đổ, ngửi mùi nước lạnh, mùi hơi mình kín đáo phảng phất, nhìn nước bắn trên đất trên lá, nhìn vớ vẩn, cảm thấy mình lẻ loi hơn bao giờ hết. Nó mong cho những phút ấy kéo dài mãi.

Và chỉ trong yên lặng cô độc như thế người con gái mới tự thấy mình nở ra như hoa lan nở trong đêm khuya.

Trong các đêm mưa nó dám bạo dạn nghĩ đến chuyện bỏ nhà theo Đang. Cha mẹ cửa nhà thì đối với nó có là gì đâu ? Nó có quyến luyến cái gì đâu ? Sao nó lại không bỏ ra đi được ? Nó trông đợi một dịp, trông được quyến rũ, được gọi là sẵn sàng đi ngay. Đêm này qua đêm kia Bạch nằm mơ ước đón nhận một dấu hiệu, một lời nhắn để chạy theo. Đang là cô gái thực thà lạnh lạt, nó vụt biến đổi, hóa ra thiết tha sôi nổi, ăm ắp một thứ tình cảm nồng nàn mãnh liệt.

Nhưng bảy đêm đã qua, những cảnh mơ ước tưởng tượng vẽ ra trong trí thành những cảnh quen thuộc. Dấu hiệu đợi chờ không bao giờ đến. Bạch thất vọng. Bỗng nhiên nó nghe mẹ nó nói đến chuyện đổi lúa giống ở

nhà học Thạch. Khi chiều, trong lúc ngồi rửa chén ở ngoài giếng, nó nghe mẹ nói chuyện với người bạn về chuyện ấy.

Nếu thực ngày mai đi đổi lúa giống, thế nào nó cũng gặp Đang. Nó sẽ nói gì ? làm thế nào ? bày tỏ những gì với anh ta ? Nó không dự tính gì hết, nhưng nó cảm thấy chắc chắn nếu nó gặp được người con trai lần này thì thế nào anh ta cũng hiểu được ý nó. Cử chỉ, dáng bộ của một kẻ muốn hiến dâng tự nó sẽ nói ra. Sẽ tìm ra cách thức bộc lộ riêng.

Tuy ở cùng một làng nhưng đã lâu lắm Bạch chưa đến nhà học Thạch. Hồi còn nhỏ nó đã theo Đang và lũ trẻ nhỏ kéo nhau vào nhà ông học chơi. Nhưng từ khi lớn lên, và nhất là từ hồi bà học mất đi, cô con gái ông học đi lấy chồng, nhà ông chỉ còn một người đàn ông với cậu con trai thì Bạch không có dịp lui tới. Ngày nay Bạch vẫn thường gặp ông học Thạch chăn bò trên gò hay treo chim cườm trên núi, nhưng khi bước chân vào cổng nhà ông học Bạch vẫn ngại ngùng, có cảm tưởng tiếp xúc với một gia đình hoàn toàn khác gia đình mình, ở một tầng lớp cao hơn.

Thực vậy, tất cả những gì còn lại thuộc về tiếng tăm dòng dõi của ông học Thạch đều ở trong ngôi nhà. Bước ra khỏi nhà, ông học không mang theo trên dáng dấp

phong thái mình vẻ gì nho nhã sang trọng cả. Ông chỉ thường mang theo một cây sào dài, một cái lồng chim và rất nhiều ghét với mồ hôi. Ít khi bắt gặp một ông học Thạch sạch sẽ. Cơ hội ấy chỉ gặp hoặc một năm, hoặc hai năm, hoặc ba năm một lần. Định kỳ ấy dù dài dù ngắn cũng không đáng quan tâm, điều quan trọng cần chọn lựa là phải tắm vào ngày tý và tránh ngày mẹo, để được nhiều người thương yêu và tóc khỏi bạc trắng. Thuật giữ gìn sắc đẹp và đắc nhân tâm của ông học căn cứ theo sách vở :

«Tý nhật dục linh đa ái
Mẹo nhật dục linh bạch phát.»

Dầu ba năm tắm một lần thân thể cũng không hư hỏng. Nhưng quần áo lại khác. Bởi vậy có nhiều khi ông mặc một bộ quần áo mới may, lúc ông sực nhớ, thay ra cho giặt cơm lần đầu thì quần áo đã nát rã.

Sự nhớp nhúa ngoại hình chưa đủ làm mất hết cốt cách của môt người nho học. Nhưng về tinh thần thì ông học Thạch lại cũng thích xem vật lộn hơn là thơ phú. Xưa ông ta có đi thi, nhưng không đậu nổi tú tài. «Học sanh» không phải là một bằng cấp, một học vị, nhưng cũng là một vinh dự ở thôn quê. Thế mà nhắc đến hồi còn trẻ ông không màng nhắc tới chuyện học hành. Ông thích nhất là được nhắc lại cái thành tích quăng nổi hòn

đá lên cao bằng ngọn dừa cao nhất trong làng. Tất cả sáu mươi lăm người trong đám bạn học của ông hồi đó không có một ai tranh nổi ông về sức mạnh của hai cánh tay. Mỗi lần nhắc đến chuyện ấy, học Thạch chúm chím cười. Ông giải thích : cánh tay ông có nhiều gân và gân tốt thượng hạng.

Do chỗ sùng thượng gân, ông học Thạch có nhiều cảm tình với môn chơi vật. Theo ông, vật lộn là cách hay nhất để thử thách sức mạnh gân cốt, tức sức mạnh nói chung của con người. Hồi còn trai, học Thạch là vô địch trong vùng về môn vật tay. Mãi tới già ông học vẫn còn thích xem và cổ võ người khác vật nhau. Trẻ chăn bò thường mời ông làm trọng tài các đám vật.

Cũng vì cái cảm tình với thứ gân tốt thượng hạng mà học Thạch nuôi bò để chọi nhau. Đó là một lối chơi kỳ quặc, tốn kém, tai hại. Những cuộc chơi chọi bò do ông tổ chức đã làm cho nhiều đứa trẻ chăn bò bị chủ đánh đuổi : một con bò chọi nhau bị gãy sừng, tét đầu, bị trật bả vai, có khi chạy chữa tốn bạc nghìn.

Chọi bò là say mê lớn nhất, ngoài ra còn độ năm bảy thú vui nhỏ : nuôi chim mồi, rập đa đa, xem hát bộ, câu cá, câu ếch, đánh ủ v.v… Thỏa mãn bấy nhiêu sở thích mất đi rất nhiều thì giờ, nhưng trọn đời học Thạch có cái may là không có sự bận rộn nào ngoài sự bận rộn

giải trí. Hồi sinh thời bà học coi hết việc nhà, từ việc cấy hái cày bừa cho đến việc cơm nước vá may. Ông học hiểu nỗi khó nhọc của vợ lắm, và khi nào có cơ hội ông liền tỏ thái độ biết ơn. Đang thơ thẩn ngoài vườn rình tìm một con sóc để bắn, ông học bước vào gọi vợ :

- Bà !

Bà học đang xay lúa ngừng lại nhìn lên :

- Gì vậy ?

- Tôi lo quá !

Bà sắp sửa tiếp tục xay, hỏi thêm :

- Ông mà lo cái gì, trời ơi !

Ông học điềm nhiên trả lời :

- «Một lo con bò trắng răng,

Hai lo kẻ thấp không bằng người cao.»

Bà học quặt một tay ra sau, đánh bạch bạch vào chân ông mấy cái, kêu lên :

- Quỷ ! Quỷ ! Trời ơi, có đi chỗ khác mà chơi không? Để cho người ta làm việc.

Ông học cười chúm chím, bước đi. Gia đình học Thạch cứ như thế sống trong hạnh phúc đầm ấm. Một người đàn ông tinh quái mà lêu lổng như thế tại sao lại là cha của Đang, một gã con trai thực thà, ngơ ngác, vụng về và ham học ? Nhiều lần chính ông học Thạch cũng ngắm nghía vẻ mặt thật thà, nhìn vành tai mỏng và nổi lên những đường gân máu đỏ của Đang, và ông ta cười chúm chím như thấy trong đó một cái gì ngộ nghĩnh. Đến khi vợ chết và đứa con gái đi lấy chồng thì tuy bề ngoài ông học vẫn điềm nhiên, nhưng bên trong lắm lúc có những lo khổ chơi vơi. Cho tới năm mươi tuổi ông mới cảm thấy lần đầu tiên cái cảm giác bơ vơ giữa cuộc đời, miếng cơm manh áo không người săn sóc. Điếu thuốc ông hút khi lớn khi nhỏ, khi đậm khi lạt thất thường, khi nhồi vào ống điếu đất, khi quấn bằng nửa lá thuốc áo, khi được rút từ trong bao giấy có dán tem nhà đoan. Hũ mắm nhà ông khi đầy khi vơi, có khi hết sạch. Lu muối nhiều lúc không còn một hột. Ông rập được con chim cườm đem về mổ ruột, Đăng phải chạy sang nhà bên cạnh xin một nhúm muối sống đem về giã với ớt, hai cha con ướp nướng, và ngồi xổm bên bếp xé đôi con chim chia nhau mỗi người một nửa.

Sau này, tuy Đang được cấp học bổng, học hành, đậu đạt, ông học Thạch vẫn cứ xuềnh xoàng, nhớp nhúa, tin chắc là sự hôi hám nhớp nhúa của ông với tiếng thơm

của gia đình chẳng can hệ gì tới nhau. Ông học không có cái dáng điệu oai phong khiến cho ai đến phải ngần ngại rụt rè. Nhưng vẻ nhà của ông ta khiến Bạch bỡ ngỡ.

Ngôi nhà chữ môn thật lớn lại đứng giữa đám ruộng, lúa tràn sát đến chân hè sau. Nhà bên tả xiêu chồm tới đến nỗi mái tranh trước sa thấp xuống, người vào phải cúi đầu. Nhà giữa có một hàng cổng chận ở trước, mỗi cây cổng vuông độ một tấc rưỡi mỗi bề. Nhìn vào nhà tối om om, sâu rộng mênh mông.

Hè nhà và bờ lề sân trước dựng toàn đá ong, những tảng đá ong cũ kỹ đen thui. Lúa non mọc lơ thơ ở mép sân và mọc cả trên mái nhà. Đầu sân có ba cây mì kỳ quặc, trồng đã mấy mươi năm, gốc cây to bằng bắp vế. Và sát hè nhà có một cây thuốc rất xanh tốt, cao gần đến ngang mái.

Cái gì uy hiếp tinh thần của Bạch, làm nó xúc động ? Sự suy đổ của một cảnh nhà bề thế trông bi thảm và lố bịch như con đại bàng gãy cánh ? Cảnh tịch mịch, cảnh sân hè to rộng mà vắng vẻ ?

Tự nhiên Bạch chơi vơi. Hình ảnh của Đang mất đi vẻ thực thà, mà lại thấp thoáng một khía cạnh bí mật xa xôi đối với nó. Mỗi bước tiến đến gần chỗ ở của người

con trai đột nhiên mỗi thêm hồi hộp khó khăn.

Ông học Thạch đang ngồi lúi húi trước hiên với cái lồng chim. Nghe bước chân người lạ, ông quay mặt ra rồi lại quay vào. Nhưng Bạch vừa bước lên hè, đặt gánh lúa xuống, thì ông học liền lên tiếng nói, không nhìn nó:

- Con Năm đó hả ? Chạy ra bếp múc cho bác gáo nước đi. Lẹ đi con.

Bất giác Bạch liếc mắt ngó vào phía trong hàng cổng, nhìn tận vào trong nhà; nhưng cửa đóng, nó không thấy được gì. Nó bước vào bếp, ngó quanh quất : không có ai cả. Trên một chiếc chõng tre có cái mũ trắng đã cũ vất ngửa. Bạch hồi hộp, đi quanh về phía cửa hông, nhìn lên nhà trên : trong khoảng tối om, một lỗ trống trên vách đất bằng miệng chén để lọt ánh sáng vào làm nó hoa mắt. Nền nhà dưới của ông học lại sạch sẽ khác thường và rất mát chân. Vò nước để ở sân sau, nhưng Bạch tìm mãi không trông thấy cái gáo. Chợt ông học lên tiếng kêu :

- Năm ! Không tìm được vò nước à ?

- Cái gáo bác để ở đâu ?

- Hả ?

- Cháu không tìm ra cái gáo.

- Gáo thì ở vò nước, chứ còn ở đâu ?

- Không có trong vò.

- Thế thì đừng tìm trong vò ! Hì hì… Mau lên cô !

Học Thạch cười hì hì trước hiên. Bạch vừa bắt gặp cái gáo trong bát nước, bên cạnh bếp lửa. Lúc nó cầm gáo nước ra thì học Thạch đã bỏ chiếc lồng chim, ngồi khoanh tay gác trên đầu gối, chờ nó.

Ông ta vừa cầm gáo nước đổ vào cái chén sứ buộc trong lồng chim vừa hỏi Bạch :

- Đổi lúa giống phải không ?

- Dạ.

- Ai bảo đi đổi ?

- Mẹ cháu.

Ông trao gáo nước lại cho Bạch, mắt không rời lồng chim, miệng cười ranh mãnh nhẹ nhàng. Có thể như là cười vu vơ không cớ, lại có thể như là cười về cái nghĩa riêng mà ông ta thấy trong hai tiếng «mẹ cháu».

Ông học Thạch treo lồng chim xong, quay lại nhìn Bạch. Lần này Bạch có cảm tưởng ông mới vừa thực sự trông thấy mình. Và nó bối rối vì hình như ông ta ngừng mắt hơi lâu, để ý đến cách ăn mặc của nó với một vẻ ngờ vực và giễu cợt. Cái nhìn của ông ta nửa như muốn nói : «Sửa soạn một tí thế này, con bé coi ngộ đấy chứ», nửa như tự bảo : «Hừ ! Phải có cái gì đây cô mới làm đỏm. Rồi ta cũng biết, không giấu nổi đâu.» Bạch mặc cái áo cụt trắng vải tám mới giặt và quần săn đầm đen. Ánh mắt giễu cợt của học Thạch chiếu vào nó gay gắt như lục soát. Mặt nó lần lần đỏ nhừ lên. Nó thấy lâu quá cái nhìn của ông học. Hình như ông ta muốn kéo dài những phút ấy, theo dõi sự thẹn thùng cuả nó; nhưng không phải nó thẹn nữa, nó sắp phát khùng. Nó quay ngoắt lại, đi xuống bếp, thả mạnh cái gáo vào trong vò, vùng vằng, vừa giận sự thô lỗ của ông già, vừa giận bộ đồ mình đang mặc. Đồng thời nó hoàn toàn thất vọng: Đang đi đâu ? Anh ta đi đâu ? Vô ích hết những sự chuẩn bị, ăn mặc, suy tính của nó rồi ! Qua khuôn cửa sau bếp, nó trông thấy một khoảng ruộng lúa xanh mơn mởn dưới nắng sáng, trông thấy lúa xanh gợn xao động dưới gió. Nó đứng lại, mím môi, nhìn ra ngoài đồng trống, nhè nhẹ thở ra một hơi dài.

Ông học Thạch lại kêu lên :

- Năm !

Bạch giật mình, mừng rỡ, hy vọng một sự bất ngờ may mắn. Nó trở ra hè thì học Thạch đang lượm trong gánh của nó một nắm lúa, bỏ vài hột vào miệng ăn trắc và hỏi :

- Ba trăng hồng, phải không ?

- Dạ phải.

Ông học vãi nắm lúa vào gánh, đứng lên, vừa đi vào nhà vừa nói :

- Rồi mày về nói lại với mẹ đem lúa trắng qua đây tao mới đổi. Tao không ăn gạo đỏ đâu, nghe chưa ?

Ông học đi chậm chạp, mỗi bước chân cất lên thì ở chỗ mắt cá phát ra một tiếng «cắc» nho nhỏ. Bạch nghe tiếng chân ông học bước vào phía nhà lẫm, rồi dừng lại. Nó phân vân, không biết có nên bước theo để nài ông học đổi lúa cho không. Nhưng ông ta lại kêu :

- Năm !

- Dạ !

- A ! Cái con nhỏ ! Vô đây !

Ông học Thạch cười hì hì trong nhà lẫm. Bạch bước vào. Ông ta chỉ cái cà tăng lúa :

- Trèo lên xúc lúa ra. Cô chờ tôi xúc cho cô à ! Hà hà !

Cà tăng cao quá. Bạch nhắc một cái ghế đẩu đem tới đặt một bên để làm bực thang trèo lên. Lúc nó gác được một chân lên miệng cà tăng còn một chân lơ lửng, hai tay bấu vào lúa cố trườn lên thì học Thạch đưa tay đỡ mông Bạch xô lên. Khi thả tay ra, ông ta úp bàn tay vỗ vào mông nó một cái, cười hì hì. Bạch vùng vằng quay lại thì ông học đã cúi xuống lượm cái thúng vứt lên, không hề chú ý đến nó.

Bạch xúc lúa đưa xuống, ông học đứng dưới, bợ thúng đổ lúa ra nong. Hai người vừa làm vừa trò chuyện :

- Đổi mấy vuông lúa ?

- Ba vuông.

- Ba vuông ! Mẹ mày thích lúa ba trăng lắm à ! Gieo ở đâu nhiều vậy ?

- Gieo… không biết đâu !

- Bên mày sắp mua con bò Pháo của Hai Thông phải không ?

- Phải.

- Bao nhiêu ?

- Bốn nghìn ba.

- Hì hì… Ba nghìn rưỡi tao không thèm. Bò Phú Yên, cổ chân to tổ mẹ, chậm như rùa. Lông to nữa. Mẹ mày thì biết gì… Nầy ! hôm nay rằm, mẹ mày có đi chùa không ?

- Có.

- Mẹ mày khéo tu lắm, rồi sau thế nào cũng được lên nát bàn… Nhưng mà Năm ! Tao hỏi cái này !

Bạch ngẩng lên nhìn ông học, nhưng ông ta đang cúi xuống đất lượm cái thúng. Lúc đưa thúng lên, chợt thấy vẻ mặt chờ đợi của nó, ông học nhoẻn cười hỏi :

- Xã Bá nó làm nhiều chuyện ác đức, tao chắc kiếp sau nó sẽ bị đầu thai làm con trâu đen, không theo lên nát bàn được đâu.

Xã Bá tức là lão lý trưởng làng An Quý. Bạch đã hiểu ông học định đi tới đâu, nó vừa cúi xuống xúc lúa vừa

mỉm cười như xí xóa câu chuyện. Nhưng ông học tiếp tục :

- Đố mày đoán ra rồi mẹ mày sẽ làm cách nào ?

- Thôi đi ông !

- Rồi chỉ có ông Phật là khổ, ngày nào cũng bị mẹ mày níu áo đòi cho xuống trần trở lại. Hề hề.

- Thôi ông !

- Hừ ! mà mẹ mày đã đòi thì phải được. Nếu không mẹ mày dám xỉa vào trán ông Phật ấy chứ lại. Hề hề…

- Ủa, cái ông này !

- Chứ không à ? Nửa tháng không gặp xã Bá thì dù Phật có trụt xuống nhường tòa sen cho, mẹ mày cũng không thèm ngồi nữa là. Hề hề ! Về hỏi lại mẹ mày coi… Này ! (ông ta vứt lên thêm một cái thúng nữa) Xúc luôn hai thúng rồi đưa xuống luôn một thể.

Lúc Bạch bưng hai thúng lúa đầy chồng lên nhau, khom xuống đưa cho ông học thì ông ta đưa tay ra mà không chịu đỡ lấy. Ông ta vừa cười vừa nhìn lên mặt Bạch để xem mặt nó đỏ dần lên như gấc.

- Mày mạnh lắm. Thử chịu coi được bao lâu.

Bạch run run hai tay, cố gắng gượng người lên, thu hai thúng lúa trở lại. Nó bật cười nói :

- Bác đừng giỡn.

Rồi nó bưng trao cho ông học từng thúng một.

Ông học bảo :

- Thôi. Đủ rồi. Ra đi, cô.

Bạch quay lưng lại, tay níu vào miệng cà tăng, đưa chân xuống tìm cái ghế. Ông học một tay cầm lấy chân nó đặt lên ghế, một tay lại phát vào mông nó, rồi mạnh dạn đưa tay vào xa hơn. Nó rùng mình, thả tay rớt mạnh xuống. Miệng cà tăng bị đè gãy răng rắc. Ông học cười hì hì đưa tay đỡ Bạch đang loạng choạng muốn ngã.

Lúc Bạch đứng vững ông vẫn cười vui vẻ, và toan quay lưng bước đi. Bạch nhìn thẳng vào mặt ông ta, vẻ sừng sộ.

Ông học chợt thấy nộ khí trên vẻ mặt nó, dừng lại một chút, ngạc nhiên, rồi tiếp tục cười hì hì, vẻ nhẫn nại khoan thứ. Trông như muốn bảo : «Ơ ! Giận đấy à ! Con bé mới dở người, khờ khạo chứ !»

Vừa bước tới chỗ nong lúa ông ta vừa gọi Bạch :

- Thôi thôi, mau lên một chút cô Năm. Khiêng ra, khiêng ra, nóng nực lắm.

Hai người khiêng nong lúa ra ngoài, vào bao vào gánh. Xong xuôi, ông học mau mắn hỏi Bạch :

- Mày biết làm thịt ếch không ?

- Chịu thôi. Chặt đứt đầu nó còn chấp tay lạy, cháu không dám đâu.

- Mẹ kiếp mày. Thôi thì đi nấu cơm. Lo đổi lúa cho mẹ mày từ sáng tới giờ tao còn nhịn đói, thấy không ? Thạp gạo ở nhà lẫm, mày vào lấy hai lon đem vo, bắc lên bếp đi.

Bạch lại giật mình. Lòng nó rộn lên, khấp khởi. Tại sao lại hai lon gạo, hai phần ăn ? Đang đi đâu sắp về chăng ? Đi câu hay đi núi ? Nó tưởng như ông học đã nhìn suốt ruột gan nó, trông thấy sự mừng rỡ của nó, nên nó vội đi ngay vào bếp không dám dò hỏi thêm một câu nào.

Ông học làm thịt ếch xong, đem vào bếp nấu. Có một lúc ông ta bảo Bạch đi lên nhà trên, bới đống cát vun dưới bàn thờ thổ công, lượm lấy vài củ hành. Một mình đứng giữa gian nhà tối mờ mờ, mát lạnh, rộng mênh mông, giữa những cây cột to tướng và đen bóng,

những tấm liễn cẩn xà cừ cũ kỹ, những tấm liễn đã rách mướp, giữa mùi tàn hương và ẩm mốc lạnh lẽo, Bạch lo sợ chơi vơi, thấy mình bé nhỏ hèn mọn, đối với Đang thật xa cách vô cùng ! Lòng nó thắt lại. Nó nhìn quanh quất. Ánh nắng dọi qua cái lỗ trống bằng miệng chén trên vách đất chiếu thẳng xuống một tấm phản gỗ, trên đó bỏ bừa bãi vài ba quyển vở, một chiếc mền màu đỏ đã cũ không được xếp. Bạch đứng lặng lẽ nhìn những thứ đó, lòng nôn nao cảm động.

Nó đứng sững sờ, chợt nghe tiếng ho của học Thạch, vội vã chạy lại bàn thờ lấy củ hành. Trước khi rời căn phòng tối, nó còn quay lại tấm phản, nhìn một lần chót như từ biệt một người đang nằm ngủ.

Bữa cơm nấu xong, Bạch phập phồng chờ đợi, để ý thái độ của ông học Thạch. Ông học ngồi vào mâm và gọi ngay Bạch lại. Nó thất vọng và hoảng hốt. Té ra người ăn thứ hai được dự định là nó chứ không phải Đang. Nó vội vã từ chối, vì sự thực nó đã ăn sáng rồi. Lần này nó buột miệng nói :

- Cháu tưởng nấu hai chén gạo là để bác với anh Đang…

Học Thạch cười hì hì :

- Thằng Đang hả ? Nó đi rồi, Tết mới về. À. Hôm nọ mày ngã trên khe Đá Mài phải không ? Hì hì… Năm, ngồi đây ăn cơm thêm với bác.

Giọng ông bỗng thân mật như giọng nói với con cháu. Rồi vừa ăn ông vừa nói chuyện về Đang, khoe anh ta học giỏi thế nào, một ông tham tá công chánh thương anh ta ra sao, hứa nuôi anh ta học thành tài ra sao… Vì câu chuyện đó Bạch không cáo từ ra về được, phải ngồi ăn với ông học. Bạch nghe ông nói, vừa xôn xao, vừa lo ngại, không hiểu ông nói vậy là dụng ý thế nào.

Sau nửa bữa ăn, hết những chuyện về Đang, ông học lại bắt đầu có những câu nói và cái nhìn giễu cợt, tinh quái, khiến Bạch vội và nhanh hết chén cơm rồi xin đứng dậy trước.

Thôi, thế là hết. Nửa năm nữa người con trai mới về làng mấy ngày. Nửa năm nữa, sau mấy phút gần gũi ngẫu nhiên ! Lòng nó thoang thoảng một thứ buồn rất nhẹ nhàng. Không ngờ khi sự thực đã phơi bày rõ ràng nó lại ít đau khổ như thế ! Hình như là không có sự gì quan trọng vừa xảy ra cả. Nó đứng dựa cửa, nhìn ra đồng, chờ ông học ăn xong.

Trong khi ông học ngồi uống nước, xỉa răng trong nhà, Bạch bưng chén dĩa ra giếng ngồi rửa. Trước mặt

nó, mấy con gà chạy tới chạy lui, tranh nhau những hột cơm đổ trôi theo nước; một con gà mái vàng mổ lên lưng con con gà choai và rượt nhau chạy la oác oác giữa đám môn bạc hà. Bạch vừa rửa chén vừa lơ đãng nhìn theo đàn gà, có cảm tưởng mọi sự vẫn yên lành, và sự có mặt của nó ở nhà học Thạch lúc này chẳng có gì quan trọng, cả những ước mơ lo lắng bồn chồn ngày hôm trước như cũng chẳng hề có bao giờ. Lòng nó dịu hết mọi xôn xao. Nó làm việc, gần thản nhiên như mình có thể là một phần tử trong gia đình, từ trước đến nay vẫn sống như dâu con trong nhà ông học.

Gió đồng thổi mát. Làm những động tác dễ dàng quen thuộc, tai nghe tiếng chén dĩa va lách cách - những tiếng cũng quen thuộc - Bạch thấy người thư thái. Nó cất tiếng hát nho nhỏ những câu hát hò, hát hết câu này đến câu kia. Bỗng tai nó chú ý đến giọng mình hát :

«… Tóc mai sợi vắn sợi dài
Kết duyên chẳng đặng thương hoài ngàn năm…»

Giọng nó trầm trầm, bùi ngùi, đầy tình cảm, khiến tự nhiên nó mủi lòng. Nó hát lại lần nữa, chú ý lắng nghe giọng mình và thấy ngực bỗng nóng lên, hồi hộp. Cái gì gợi nên xúc động ấy ? Nhịp hát buồn bã ? Hai chữ «thương hoài» ? Cái gì ? Có lẽ tại cái giọng, chỉ tại cái giọng. Nó thương giọng hát cuả mình và cảm động tới

muốn khóc. Giọng hát bùi ngùi ấy khiến người nghe hình dung một cái cổ tròn đầy đặn, một nét mặt bình tĩnh và xa xôi. Nó hát lại lần nữa : «Tóc mai sợi vắn sợi dài…». Giọng hát càng thấm thía tình cảm.

Và nước mắt nó tuôn ra. Càng hát nước mắt càng tuôn rơi từng giọt từng giọt, khiến nó tối tăm mặt mũi. Nó thương cảm tiếng hát của mình. Nó tự nhiên bắt gặp mối cảm xúc ngay trong giọng hát như một sự tình cờ. Nó ngạc nhiên đối diện cảm xúc của chính mình và cảm động theo, như thể một người đàn bà dự đám tang thấy tang quyến khóc thảm thiết quá không cầm lòng được. Đàng này tất cả tâm hồn nó là người dưng thản nhiên dự đám rồi bị lôi cuốn theo, chỉ có giọng hát của nó cất tiếng than khóc mà thôi.

Ban đầu trong ngực nó cuồn cuộn nóng, dồn tức, khó thở. Nó thổn thức. Rồi dần dần sự khó chịu dịu xuống và tiếng hát đem lại một xúc động êm đềm…

Một lát sau, chén rửa xong, nó giật mình, ngắt tiếng hát, chùi nước mắt, nhìn lên khoảng đồng ruộng xanh trước mặt. Nó đứng dậy, bưng mâm chén vào nhà. Học Thạch ngồi trước hiên, nhìn theo với cái nhìn cợt nhả, nhưng tự do, tò mò, sỗ sàng như của kẻ lớn không cần e dè trước trẻ con. Miệng không hé mở, nhưng trong hai mắt ông học ánh lên một nụ cười ranh mãnh, chọc ghẹo,

như muốn bảo : «Con bé trông ngộ đấy chứ. Ngực nó thế, hình vóc nó, tay chân và đùi nó như thế, nó khỏe là phải. Gân cốt nó là thứ gân cốt hảo hạng ! Ừ, trông con bé xinh quá.» Cái nhìn ấy đuổi theo nó, chiếu thẳng vào nó suốt từ ngoài giếng vào đến trong nhà. Nó thấy hơi nóng bốc lên mặt. Nó vừa tức giận vừa bối rối.

Trên đường về, Bạch ngạc nhiên nhớ lại ba giờ vừa qua ở nhà ông Thạch. Sinh hoạt ở đấy như thực như giỡn, không khí cợt nhả và cảm động, nước mắt, nụ cười, giận, ghét và cảm thương xen lẫn nhau, khiến cho cuối cùng nó hoang mang.

Nó đã yêu sao ? Nó đã có một mối tình sao ? Nó vừa đến nhà ấy để tìm người thương, để liều mình lao đầu dấn thân vào «đường tình» đó sao ? Chuyện đó như thực như hư. Sau buổi sáng nó ở nhà ông học ra về, chuyện đó như không hề có được, như có nghĩa mỉa mai, như lạ hẳn đi. Bạch có cảm tưởng trong một giấc mơ nó thấy mua bán, thu được tiền rất nhiều, về sau ngửa tay coi lại thì hoàn toàn là tiền giấy cả.

Ba người chị của nó từng thực sự có yêu đương, chứ như nó mà cũng gọi là yêu đương sao ? Nó buồn thoang thoảng : như nó thì chỉ có thể bắt được tiền giấy để đốt ra tro, không tiêu được ở dương gian.

1959

114. Một Chỗ Thật Tịch Mịch

Võ Phiến

Chàng vẫn tin rằng cứ đến giữa khung cảnh ấy mà an tọa, một mình, rồi lặng lẽ suy tưởng, thì chẳng mấy chốc sẽ có chim chóc đến làm tổ trên đầu. Một chiếc tổ chim thật rối trên đỉnh đầu, một vòng hoa tư tưởng đáng ước ao như thế có lúc chàng đã dám nghĩ là không khó. Chỉ cần đến đó, một mình. Chỉ cần có thế, nhưng ấy là điều chàng chưa bao giờ làm. Đâu khó gì ? Chỉ vì chàng chưa bao giờ có cái duyên đối với một hành vi như thế.

Khung cảnh nọ cách xóm làng không xa. Nằm trên vùng đồi hơi cao. Xế trưa, thơ thẩn trên đồi, chàng trông xuống thấy dừa với tre trong xóm xanh um, nổi bồng lên cuồn cuộn như từng đám rong lớn trong hồ nước. Xóm làng coi xinh xắn, nhỏ hẳn đi. Nhà cửa thì thưa thớt, nằm khuất trong đám cây xanh. Và sự sinh hoạt của dân làng thì càng khuất xa hơn nữa.

Tha hồ nhìn ngắm, vẫn không thấy động tĩnh gì. Lắng tai hàng giờ, không bắt được tiếng hát tiếng la nào. Họa hoằn, như có tiếng ai kêu ơi ới, nhưng tiếng văng vẳng rồi tắt ngay, mơ hồ, không rõ rệt.

Một đôi khi, mắt chàng bắt gặp một bóng người ngoài đồng, trên một con đường bờ ruộng ngoằn ngoèo nhỏ xíu. Một dáng người tí teo ngọ nguậy trong nắng xế bao la. Một chiếc nón trắng lấp lánh giữa đồng trống, tận xa tít… Chiếc nón lấp lánh, di động chậm chạp, trong lúc con ó rằn giăng đôi cánh xác xơ giữa nền trời, trong lúc con cuốc phát tiếng kêu đều đều trong nắng rưng rưng… Chàng càng có cảm tưởng xa cách cuộc sống khiêm tốn của xóm làng hơn bao giờ hết…

Chỉ cần dừng lại, an tọa, chẳng mấy chốc…

Nhưng chàng không đến đó để an tọa.

Và càng tiến xa, cảnh càng vắng hơn. Có một vùng đồi chia làm nhiều khoảnh lớn, như những khoảnh vườn rộng với hàng cây bao bọc bốn bề. Trong số ấy có khoảnh vốn là vườn thật, nhưng vườn cũ, vườn hoang. Bởi vì xưa kia trên đồi có một số gia đình sinh sống, về sau bỏ đồi xuống xóm. Trong những khu vườn hoang ấy còn lại hoặc một cây mít, hoặc năm ba cây dừa, có cây cụt ngọn chết khô từ lâu.

Những khoảnh khác là đất trống, bỏ hoang cho cỏ mọc quanh năm. Cho bò, cho dê ăn. Từ đám đất này qua đám khác chỉ có một lối thông rất hẹp, phải vạch cây vạch lá, lách mình len lỏi. Len qua xong, lọt vào

khoảnh đất mới, nhìn quanh quất lại bốn bề có cây vây kín, một ngọn gió không vào nổi. Lại càng vắng vẻ thêm lên một bậc. Vài con chim giật mình quay đầu nhìn khách lạ. Có con nhấp nhỏm mãi, không yên tâm. Có con dứt khoát bay vụt đi, làm rung rinh một chùm quả dái ngựa. Bỏ khách lại với cái bóng của mình, in dài trên nền cỏ.

Thử vạch lá, lách mình len qua một khu đất nữa. Lại càng xa nhân gian thêm lên một bậc. Một con cút cụt đuôi cắm đầu lủi trốn vào bụi rậm. Một con gà rừng chậm hiểu, ngẩng nhìn giây lát trước khi hoảng hốt vỗ cánh một cách nặng nề. Gió không len vào nổi : nắng xế càng nồng.

Cứ thế từ đám đất này qua đám đất khác. Chàng không gặp gì khác hơn là những cây dái ngựa, cây bông trang, là lá giang, lá vằn, là thỉnh thoảng một con bò, mấy con dê. Và thường xuyên là cái bóng chàng, in dài trên nền cỏ. Tuy vậy, mỗi lần lách mình qua một khu đất mới, thoạt tiên chàng đều có một ngạc nhiên mới, trước một khung cảnh vắng vẻ mới.

Cái vắng vẻ chồng chất lên nhiều tầng. Sau cùng đến một bãi rộng mênh mông. Cuối bãi cỏ là khu rừng nhỏ, cây cao bóng cả. Mé rừng là một ngôi miếu.

Hẳn nhiên đây là nơi xưa kia con chằng tinh từng mài răng chờ xé thịt Thạch Sanh. Một ngôi miếu cổ, khuất nẻo như thế, hẳn nhiên…

Nhưng một ngôi miếu cổ, khuất nẻo như thế, cũng là nơi mà một thiếu phụ trong truyện của Pearl Buck từng ném chiếc áo vừa cởi ra, trùm lên đầu các tượng thần để che mấy cặp mắt lom lom. Chi không thích những cặp mắt lom lom.

Khi chàng lần đầu trông thấy Chi, chàng bị thu hút ngay. Chàng nhìn không chớp mắt chiếc cổ trắng muốt tuyệt diệu, nhìn mấy sợi tóc xòa xuống má, cặp mắt sâu, đen nhánh, mở to, trông thông minh và nồng nàn lạ lùng. Chi ngồi giữa bạn bè. Chàng không hề biết người con gái ấy tên là gì, từ đâu tới. Mới trông thấy lần đầu, chàng mê mẩn ngay. Chàng chăm chú nhìn : chàng mê cặp chân mày đen đậm, mê đôi mắt sâu, mê những sợi tóc sau gáy và những sợi tóc mai bên má v.v…

Chàng chăm chú, lom lom. Suýt thành lố bịch. Có lẽ chàng đã có vẻ lố bịch cũng nên. Trong phòng, ai nấy có lẽ đã để ý đến chàng. Còn chàng thì khốn khổ, vẫn chưa tìm ra cái gì để mở miệng, chưa biết nói câu gì.

Dĩ nhiên Chi không hề trông thấy chàng, không hề ngó qua một tí nào về phía chàng. Thình lình Chi ngẩng

phắt đầu lên, nhìn thẳng vào mắt chàng, cười xòa, kêu: «Nóng quá», rồi hai tay nắm hai chéo áo dài, ngửa cổ ra, quạt mấy cái.

Chết một nỗi là sau đó chàng càng bối rối, vẫn không tìm được câu nào để nói. Và chàng hóa ra lố bịch hẳn. Chàng loay hoay, khốn đốn. Tuy vậy đồng thời chàng đã biết chắc chắn mình có hy vọng. Bắt đầu có hy vọng ngay từ lúc ấy.

Như vậy không đáng lo lắng sao ? Nếu chỉ cần nói «Nóng quá» để tỏ tình thì có thể Chi đã nói câu ấy biết bao nhiêu lần, với biết bao nhiêu người ? Thế nhưng chàng nghĩ lui nghĩ tới, nhớ đến con mắt Chi nhìn chàng lúc ấy, miệng nàng cười lúc ấy, giọng nàng nói lúc ấy; và chàng quả quyết : không lầm được.

Quả nhiên, dần dần, hai người quen nhau. Rốt cuộc Chi đến với chàng nơi ngôi miếu cổ.

Hai người tìm đến để nói với nhau những câu chuyện tuyệt vời.

- À này anh…

- Gì ?

- Anh biết không…

- Không. Anh chưa biết. Gì thế Chi ?

- Bà ngoại đóng đinh bị búa đập trúng ngón tay cái…

- Thật hả ? Trời ơi, bao giờ ?

- Mới hôm qua. Khiếp, ngón tay bầm tím.

- Tội nghiệp chưa… Nhưng em may áo mới lúc nào thế ?

- Dốt ! Áo thế này mà mới !

- Anh có trông thấy em mặc áo màu tím này bao giờ đâu.

- Đố anh biết ở đâu ra ?

- Anh thua.

- Nhuộm đấy.

- Em nhuộm lấy ?

- Anh coi được không ?

- Được quá chứ lại. Em khéo thật.

- Thôi ông. Muốn nịnh cũng phải am hiểu mới nịnh được, chứ dốt như anh… Mua được thuốc tốt, nhuộm đâu khó gì.

- Em đem cái này cho anh, phải không ?

- Cây ổi trước rào đấy… Có quả to nhất để dành cho anh, dơi nó vừa khoét đêm qua.

- Em tránh qua phía này đi. Có kiến…

- Để yên em coi. Mình không cử động nó không cắn. Anh thấy không, con này bò mãi trên chân em mà không cắn.

- Dại gì. Nó còn muốn bò dần lên cao…

- Thôi ông. Lại bắt đầu nói bậy !

Trên trời cao, nắng gắt, mây trắng sáng lòa. Nhưng xung quanh ngôi miếu cây cao mịt mùng. Bóng cây mát lạnh. Màu của cây xanh lá xanh ánh lên quần áo, thấm mát vào da thịt !

«U cảnh mỗi bạch nhật
Thanh huy chiếu y thường»

Gần như mỗi nhật, thanh huy đều có chiếu y thường một lần. Hai người thủ thỉ, trong lúc con sóc trèo ngược trèo xuôi một nhánh cây thị, trong lúc đàn két hái rớt lộp độp trái cây đâu đó phía sau miếu, trong lúc con ó rằn giăng cánh xác xơ trên trời xanh…

Và đến khi chàng ra về thì trên cỏ bóng chàng đã ngã quá dài. Trong mỗi khoảnh đất hoang, bờ cây bao bọc ngã bóng quá dài. Và những quả dái ngựa thì chúng in một cái bóng cũng dài quá cỡ, thành ra kỳ hình dị tướng. Một quả dái ngựa hơn sải tay ! ôi chao, trên đường về đôi khi chàng tưởng thấy bị giễu cợt.

Tuy nhiên không có một cơn gió lay động, không có một tiếng huyên náo. Cảnh vật nghiêm trọng, thâm trầm. Chàng tha hồ sống với cảm xúc của riêng mình, tha hồ gìn giữ cẩn trọng nguyên vẹn cảm xúc riêng.

Chàng giữ gìn cho đến lúc đêm về. Nằm trên chiếc chõng tre đặt ngoài vườn, chàng nhìn trăng cao. Chàng nhìn lá tre trên đầu mình với những giọt nước long lanh tụ ở đuôi lá. Chàng nhìn mây kéo nhau lướt êm đềm bên cạnh mặt trăng. Tai chàng lơ đãng theo dõi tiếng chày giã gạo đều đều trong xóm. Và chàng lặng lẽ ôn lại những lời chàng nói, những lời Chi nói, những cảm xúc của hai người. Chàng như con bò nhàn hạ nhai lại cảm xúc của chính mình. Chàng sống lại, trong đêm, ở một góc vườn, những giờ nồng nàn dưới trưa…

Và tre trúc, và sương đêm, trăng sao v.v…tất cả giữ một xa cách kính cẩn đối với tâm sự của chàng.

Tất cả đều giữ một sự xa cách kính cẩn. Ngay cả cái lúc mà Chi lặng lẽ khóc.

Phải, có lần Chi khóc. Chuyện đó gần như dĩ nhiên. Vì sự gần gũi lâu ngày, thanh huy chiếu y thường nhiều lần, quá nhiều lần. Rồi một hôm, Chi khóc lặng lẽ.

Chàng hỏi : «Em làm sao thế ? Chi, anh có làm em khổ không ? Hả, Chi, Chi. Em…» Nàng lắc đầu không trả lời, tiếp tục khóc. Còn chàng thì loay hoay. Như một con gà mái loay hoay trong ổ sau khi đẻ xong chiếc trứng, hoàn toàn không hiểu gì về công việc mình vừa làm.

Ngay cả cái lúc ấy, tất cả vẫn xa cách kính cẩn. Két vẫn ăn trái làm rơi lộp bộp sau miếu, con rắn lục vẫn hút một tiếng dài thoang thoảng lửng lơ, con sóc vẫn nhảy nhanh nhẹn từ cành nọ sang cành kia trên cây thị, con kỳ nhông nghểnh đầu rồi lủi đi… Tất cả đều khuyến khích : «Tự nhiên, xin cứ tự nhiên ! Xin các người tự nhiên !»

Và Chi thấy an ủi. Và nước mắt nàng khô dần trên mi.

Hạt nước mắt Chi đã khô trên phần tư thế kỷ. Trong chừng ấy thời gian, giặc giã liên miên. Xóm cũ mất đi

sáu phần mười nhà cửa. Dân làng mười người tản mác hết tám. Cây cối xâm chiếm hết vùng đồi, bao trùm ngôi cổ miếu…

Còn chàng, bây giờ chàng ngược xuôi trên các con đường nhựa của đô thị, mũi hít mùi xăng nhớt mùi rác rến, mặt mày tóc tai mỗi chiều về phủ dày một lớp bụi. Còn chàng, bây giờ ngày ngày chàng tất tả chạy vào chạy ra sở nọ sở kia, chàng leo lóc cóc các thang lầu, chàng đụng đầu đều đều với những công việc buồn nản.

Mỗi tối, trong tiếng muỗi vo ve bên màn, chàng lắng nghe sự tàn tạ của cuộc đời.

Nhưng cuộc đời không cam phận tàn tạ. Nó không chịu cam phận. Giữa tiếng muỗi vo ve những khi thức giấc nửa đêm, từ trong cùng thẳm của tâm hồn chàng nổi lên tiếng kêu đều đều, tiếng kêu gióng giả, khắc khoải như tiếng cuốc trong nắng đậm xế chiều, tiếng đỗ quyên tiếc nhớ tiền triều. Nó gọi kêu một khung cảnh tịch mịch, thật tịch mịch…

1-1969

115. Lại Thư Nhà

Võ Phiến

Tôi đã tìm ngược xuôi khắp hai pho sách Tục ngữ phong dao của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc mà không gặp thấy bốn câu ca dao ấy, bốn câu rất phổ biến ở miền quê tôi. Nói vậy, không phải tôi dám có ý trách nhà học giả quá cố đã không chú ý đến các sáng tác văn chương địa phương : văn chương thiệt là một chuyện tao nhã, nhưng không phải lúc nào ta cũng có dịp nghĩ đến chuyện ấy. Điều tôi muốn tìm tòi trong sách khảo cứu của cụ Ôn Như chỉ là món mắm cua chua, một món ăn bình dân.

Ở quê tôi, ngày còn nhỏ tôi đã nghe hát, và bây giờ thỉnh thoảng về thăm lại xóm làng tôi vẫn còn nghe :

«À ơi… i… i… Gió đưa ông đội về Tàu,
Bà đội ở lại xuống bàu bắt cua
Bắt cua làm mắm cho chua
Gởi về ông đội đừng mua… à tiền… tốn… ờ tiền».

Câu hát đó không lọt được vào tai cụ Ôn Như.

Khi nói đến chuyện ăn uống mà có lẫn lộn với văn chương thì phải nhớ tới Tản Đà. Tôi bèn hướng tất cả hy vọng về phía nhà thi sĩ giang hồ này. Nhưng Tản Đà

đi từ Bắc vào Nam, thưởng thức món ngon vật lạ khắp nơi, trong thi phẩm của người có câu nhắc đến rau sắng chùa Hương, có câu nhắc đến hà tươi cửa biển Tu - ran, có câu nhắc đến chén mắm Long Xuyên, chén cà Nghệ An, lại có câu nhắc đến vị cá tra Sài Gòn, sơn dương sò huyết Hòn Gay, cá đối Đồng Sành, lợn rừng Giáp Lai…, mà tuyệt nhiên chẳng có câu nào đả động đến mắm cua chua. (Bước đến gần miền tôi, bỗng nhiên người nói lảng sang chuyện khác, những chuyện văn hóa và những chuyện không thuộc về văn hóa, chuyện :

«Tuồng Bình Định, rạp Phú Phong»

và chuyện :

«Đa tình con mắt Phú Yên»…)

Không có trong sách biên khảo của cụ Ôn Như, tất nhiên món đó không phải là một thứ tài liệu nghiên cứu đáng kể; lại không có trong thơ của Tản Đà, nó cũng không có giá trị nghệ thuật nữa. Một món thực phẩm xoàng đến như thế mà tôi vẫn tha thiết, vẫn mơ tưởng đến chuyện được người này người kia biết tới, vì nó là món ăn rất được quí chuộng trong đám dân nghèo ở chỗ địa phương mình, đến nỗi - nói một cách văn hoa - nó tựa hồ như là một món thực phẩm tiêu biểu đối với quần chúng địa phương. Đi ra ngoài một tỉnh phía bắc

hay đi quá vào nam một tỉnh, đều không còn thấy có món ăn ấy nữa.

Món ăn tiêu biểu này làm bằng cua đồng. Cua đồng thì ở khắp nơi trên đất nước Việt Nam chừng như nơi nào cũng có. Nó có thể dùng làm thức ăn bằng nhiều cách khác nhau : có thể nướng, có thể um, có thể giã ra nấu canh chua, có thể làm mắm, hoặc nước mắm, hoặc mắm xác, hoặc mắm chín v.v… Nhưng chỉ riêng thứ mắm cua chua mới có tính cách địa phương.

Cua bắt về, người ta rửa sạch, giã ra, vắt lấy nước, đổ vào hũ, cho thêm muối vào, rồi đem hũ ấy vần bên cạnh bếp lửa trong vòng ba ngày ba đêm. Thế là xong. Thế là có thể gởi về Tàu ! Nhưng than ôi ! nó chỉ có thể gửi theo máy bay mà thôi. Bởi vì ngoài đường hàng không ra thì gửi cách nào khác, bằng đường thủy hay đường bộ, đều e rằng nó không về đến xứ Trung Hoa đủ sớm để kịp dùng. Thứ mắm cua chua chế tạo theo cách thức như trên, mặc dù kỹ lưỡng đến bực nào, cũng chỉ có thể dùng gấp trong một thời gian ngắn : để lâu ngày nó sẽ thối inh lên. Thực là khổ tâm cho bà đội có tính tiết kiệm, tôi không hiểu xưa kia bà có nghĩ chăng đến mối trở ngại về kỹ thuật ấy.

Trong phương pháp làm mắm cua chua được đời đời truyền lại có những chỗ mơ hồ, khiến cho phương pháp

ấy hóa thành một thứ bí thuật. Giã một cân cua phải pha bao nhiêu lít nước ? mỗi lít nước bỏ vào bao nhiêu muối ? Đối với những chi tiết như thế không có sự chỉ dẫn nào rõ rệt; khi vắt nước cua người ta chỉ được chỉ vẽ : «đặc một chút» hoặc «lỏng hơn một chút nữa», khi cho muối vào chỉ có những lời khuyên : «nặng tay» hoặc «nhẹ tay một tí». Thế thôi. Vì vậy khi vần hũ mắm bên đống tro lòng cứ phập phồng không biết được kết quả sẽ ra sao. Sau một ngày đầu, thỉnh thoảng đã phải mở nắp hũ ra, hoặc để ngửi thử mùi mắm, hoặc để rót ra xem màu mắm, hoặc để nếm thử vị mắm, rồi tùy nghi quyết định có nên thêm muối nữa chăng. Rất nhiều khi qua một vài ngày người ta đã gặp ngay triệu chứng không hay : mắm trở mùi, mắm không chịu đỏ màu mà cứ đen như mực tàu pha loãng, thế là hỏng. Nhưng biết được kịp thời thì không đến nỗi phải bỏ hũ mắm; ta có thể đổ vào trã mà kho, để làm mắm cua khai. «Khai» là một mùi bất nhã; mắm cua khai chẳng qua là một thứ mắm thành hình bất đắc dĩ, để cứu vãn một sự thất bại.

Bởi vì không có một cách thức rõ ràng minh bạch, người làm mắm cua chua nhiều khi không thành công. Mỗi lần hỏng như thế người ta liền tìm lý do : đồng này nhiều bùn quá nên cua làm mắm không đỏ; năm nay mưa muộn, cua bén chưa kịp lớn nên vỏ nhiều gạch ít… Nhưng lý do trọng yếu nhất là ở nơi bàn tay người

làm. Người ta tin rằng có những bàn tay sinh ra để làm nên mắm cua chua, và có những bàn tay bất hạnh chỉ làm thối mắm mà thôi. Tôi hy vọng mối tin tưởng ấy được xếp cùng loại với những niềm tin cố hữu khác của dân tộc. Vì rằng chẳng riêng gì việc làm mắm, xưa nay người ta vẫn tin có những bàn tay trồng cây sai quả, những bàn tay nuôi heo chóng lớn, những bàn tay bốc thuốc mau lành bệnh, và những bàn tay nghệ sĩ, bắt được của trời, để dùng màu sắc mà thể hiện tâm tình lên khung vải v.v…

Vậy thì trong một miền nghèo cực như miền tôi nếu đa phần đàn bà sinh ra đều ao ước «bắt được» một bàn tay làm mắm cua chua, thì điều mơ tưởng ấy suy ra không có vẻ cao xa nhưng cũng tạm hợp lẽ. Cua sinh đã có mùa, rồi bắt được cua mà làm nên món mắm cho được ưng ý đã là khó, đã có sự rủi may, đã phải có sự góp sức của bàn tay trời, đến khi mắm có rồi mà ngày giờ dùng nó lại có hạn định chứ không phải bất cứ lúc nào cũng được : như thế trong cuộc sống cơ khổ của người dân nghèo ở đây sự thưởng thức này chắc chắn phảng phất có chút gì giống với chuyện thưởng hoa quỳnh trong một giờ của giới quyền quí.

Nói thế là không có ý gì muốn sánh mùi hương hoa quỳnh với mùi mắm cua chua, bởi vì mùi này còn tệ hơn

mùi mắm cua khai một bậc nữa. Sở dĩ quần chúng gọi tên nó chỉ nhằm vào cái vị mà không nhắc đến cái mùi, tôi chắc là do ở mối cảm tình rất nặng đối với nó. Dùng mắm cua chua người ta thường dùng thực cay để cho giảm bớt mùi đi. Nhưng khổ một điều là ăn xong, uống nước xong, súc miệng xong, hơi thở của thực khách vẫn cứ còn nặng mùi. Mắm cua chua có tính là lưu xú rất lâu dài nơi người dùng. Bởi vậy dùng nó xong người ta phải đề phòng, không nên trò chuyện quá gần kẻ đối thoại. Nó có bị rẻ giá đi vì cái mùi rất thô đó. Nó trở ngại cho những cuộc đàm đạo thân mật, bất cứ là thuộc về tâm sự hay là về chính sự.

Ấy vậy mà :

... Gió đưa ông đội về Tàu
Bà đội ở lại xuống bàu bắt cua
Bắt cua làm mắm cho chua...

Chẳng biết tự bao giờ mắm cua chua đi thẳng vào ca dao, vào văn chương, từ bao giờ nó thản nhiên chan hòa lẫn lộn với ân tình. (Và cũng lẫn lộn với ít nhiều ý nghĩa chính trị nữa chứ; bởi vì người dân quê bụng dạ chất phác đã nghĩ rằng món quà đó có thể vượt ải Nam Quan, bởi vì họ không chỉ muốn giữ riêng để dùng mà còn đem ra làm một món đồ tiến cống dâng lên nước lớn. Chỉ tội nghiệp cho ông đội thực dân nào đó : món

quà dân lành biếu ông mang về xứ lần này khác xa với những ngà voi sừng tê và những châu báu ngọc ngà từng được kể trong sử sách !)

Người vợ thứ hai của anh Bốn Thôi là một người đàn bà có bàn tay quí giá, làm nên mắm cua chua.

Anh Bốn Thôi mồ côi cha mẹ, từ nhỏ sống với chú thím. Chú thím anh ta không có con, nên thương mến cháu. Anh chịu chăm chỉ tập làm công việc, nhưng tính thực thà ít lời. Lớn lên, mỗi khi có đàn bà con gái đứng gần bên cạnh thì tự dưng anh Bốn Thôi nghiêm chỉnh nét mặt lại và buồn hiu. Tuy vậy mà người chú xem cái cách anh ngó theo phía sau bọn con gái, ông hiểu rằng anh ta biết thưởng thức. Ông cư xử ra một người tử tế; và năm mười chín tuổi anh Bốn Thôi có được một cô vợ do ông chú cưới cho.

Anh chung sống với cô vợ được mười tháng. Qua năm sau thì anh góa vợ : cô ta bỏ nhà trốn đi. Đó là một tai họa mà cũng là một sự nhục nhã đối với người chồng. Phần nhiều những người vụng về ít nói thường có tính tự ái nặng, anh Bốn Thôi cũng vậy. Những câu đùa giỡn nhẹ nhàng nhất xung quanh chuyện cô vợ đi hoang cũng làm anh đỏ mặt xấu hổ. Anh ta đâm ra sợ người và tránh các đám đông, các nơi hội họp vui vẻ. Tình cảnh cô độc lâu ngày và cái mặc cảm thất bại làm

cho anh thành ra có vẻ ngơ ngẩn, dở người.

Nhưng anh Bốn Thôi còn cảm thấy những điều tệ hơn sự xấu hổ nữa. Vợ anh bỏ đi vào tháng ba, đêm đêm anh vác cuốc đi thăm nước ngoài đồng, một mình bước đi trên những bờ ruộng vắng vẻ, anh bắt đầu biết đến một thứ xúc động khổ sở. Anh trông những con đom đóm bay lập lòe khắp đồng, anh gõ móng tay lên cán cuốc kêu long cong, hát nho nhỏ một mình, hiu quạnh hơn bao giờ hết. Anh hiểu rằng sự chung đụng mười tháng trời với người con gái đã đánh thức một cuộc sống tế nhị âm thầm nào đó trong chỗ tận cùng của tâm giới anh, anh nhận thấy một sự kinh ngạc tò mò đầy kích thích trước những tráo trở bất thường của tính nết đàn bà. Tóm lại, anh cảm thấy mình không thể không có một người vợ khác.

Nhưng sự ra đi đột ngột của cô vợ thứ nhất làm anh giật mình, ngại ngùng. Sau đó, lại còn thái độ của chú anh. Người chú suốt hai ba năm sau không hề nhắc nhở gì đến chuyện vợ con cho anh ta nữa. Anh Bốn Thôi đã ít nói, người chú lại cũng ít nói. Hai bên như cùng có ý tránh đề cập tới chuyện đó mỗi khi gặp nhau. Hình như người chú có điều gì ngờ vực về anh cháu trai, nhưng không tiện nói ra. Anh Bốn Thôi cũng biết như vậy, nên anh càng thấy ngượng trước chú mình hơn bất cứ người

nào khác.

Chuyện vợ con của anh bị gác lại như thế cho đến năm anh được hăm ba tuổi.

Một đêm tháng mười, mọi người tắt đèn đi nằm được một lát, bỗng anh Bốn Thôi sực nhớ là sáng hôm sau bò phải đi cày sớm, anh đứng dậy bước ra ngoài ôm mấy bó rơm bỏ vào máng cho bò ăn thêm. Anh trở vào nhà, vừa nằm xuống, thì người chú lên tiếng hỏi :

- Thím mày nghe bà Hai Hồ nói với người này người kia là mày muốn cưới con Lộc. Có không ?

Bốn Thôi trả lời :

- Có.

Anh ta nằm chờ, nhưng mãi lâu không thấy người chú bảo gì. Tiếng con bò nhai rơm tươi giòn rụm, ngon lành, vang vào tận trong nhà, nghe rất gần.

Bốn Thôi băn khoăn lo lắng, không biết người chú quyết định thế nào. Thật lâu, ông ta mới nói :

- Thím mày cũng có dành dụm được chút ít, nhưng không biết bà Hai bà ấy đòi bao nhiêu. Để rồi coi.

Bốn Thôi vội vàng lên tiếng :

- Lộc nó bảo không đòi hỏi gì đâu.

Ông chú cười hê hê :

- Con Lộc thì nó có đòi gì mày ! Tao nói đây là mẹ nó kia !

Ông ta lại cười hê hê trong bóng tối. Anh Bốn Thôi xấu hổ, không cãi nữa. Nhưng anh vụt hiểu rằng tuy không nói ra nhưng chú thím anh cùng biết cả về những điều đã xảy ra giữa anh và Lộc gần đây. Hẳn là ông chú đã hết ngờ vực. Bốn Thôi ngấm ngầm kiêu hãnh về mình.

Nhưng lạ lùng nhất là đến khi hỏi cưới, bà Hai Hồ chỉ đòi một món tiền rất nhỏ cho có lệ. Mọi người ngạc nhiên, thán phục Bốn Thôi. Và chính anh, anh ta cũng ngạc nhiên. Quả thực, «Lộc nó có bảo» với anh là không đòi hỏi gì thực; nhưng đó chỉ là lời nói suông. Khi ông chú bật cười, thì anh ta liền lấy làm hối hận là đã lỡ kể lại lời nói ấy, khiến mình thêm có vẻ thực thà ngây ngô.

Anh chưa lường được cái mức cảm tình của chị Lộc đối với mình tới đâu và cái địa vị của chị bên cạnh người mẹ ra sao. Khi việc xảy ra như thế, anh sung sướng, tưởng mình hóa hẳn ra một người khác.

Vả lại ai đã biết qua bà mẹ vợ của anh ta lần này là người thế nào đều phải cho rằng một việc như vậy không dễ gì xảy ra. Bà Hai Hồ góa chồng sớm, và từ đó ăn ở với thập Tam gần công khai như vợ chồng. «Thập» là một chức vị nhỏ trong hàng lính lệ phục vụ ở huyện đường, nhưng khi về làng thì thầy Thập cũng là một kẻ đáng kể. Từ hồi còn trẻ, bà Hai Hồ vẫn chỉ có một mẹ một con, sống với nhau ở một ngôi nhà nhỏ giữa đồng. Thập Tam lui tới nhà Hai Hồ, dân làng tuy có biết cũng làm lơ, rồi vợ thập Tam biết được cũng đành bỏ qua vì bà Hai không phải là một kẻ chịu nhường nhịn. Dân làng và người vợ thập Tam chỉ có một điều để lấy làm hài lòng, ấy là trông thấy được sự quả báo nhãn tiền. Mụ đàn bà hung dữ cướp sống chồng người ta ấy làm ăn ngày càng lụn bại; nhà đã không có đàn ông lo liệu công việc đồng áng, hoa màu mùa nào cũng bị thiệt, mà thập Tam lại chẳng có tiền của gì để giúp đỡ. Mặt khác, cặp nhân tình ấy đã có với nhau năm ba đứa con, nhưng rốt cuộc không nuôi được đứa nào.

Đến khi chị Lộc lớn lên, hoàn cảnh sinh sống đã đen tối lắm. Thập Tam vừa thôi làm việc ở huyện. Mẹ con chị suốt ngày vất vả ngoài đồng. Cỏ trong vườn mọc cao um tùm, tràn vào khắp sân. Người chủ đám ruộng ngay trước mặt nhà chị mỗi năm phát bờ lấn vào nhà một chút, đến nỗi con đường đi vào ngõ chị còn lại không

vừa đủ để đặt bàn chân. Bà Hai Hồ đã nhiều phen gây lộn, chửi bới, nhưng người kia không sợ đàn bà, mà thập Tam thì hết uy thế rồi. Dãy rào mục nát có khi ngã đổ xuống một quãng, lấp cả lối đi nhỏ hẹp. Nhiều lần đi làm về, chị Lộc bắt gặp lũ trẻ ở xóm bên kéo vô vườn hái trộm dừa, ổi, bồ quân…; thấy bóng chị chúng nó ùa chạy, đạp lên hàng rào mục làm gãy cây răng rắc. Cố nhiên bà Hai Hồ lại chửi bới, nhưng không ăn thua gì.

Điều rắc rối nhất xuất hiện trong gia đình vào năm chị được mười sáu tuổi. Chị Lộc bản chất khỏe mạnh, thân hình phát triển nẩy nở sớm. Mười sáu tuổi chị đã cao lớn, ngực nở rộng rãi; bước đi không mau mắn gấp gáp nữa mà trở nên uyển chuyển. Cử động đẹp đẽ ấy giống như sự chuyển động dịu dàng của mặt nước biển những buổi mai không gió : mặt nước không có một tí nhăn nào, lì như mặt dầu, không đủ sức nổi lên những con sóng cao vã ra bọt, mà chỉ gợn nổi những đường vòng rất tròn rất mềm, tiếp nhau nối nhau, tiến vào bờ.

Thập Tam đến nhà bà Hai Hồ thường khi ngây người ra nhìn theo dáng đi ấy, và ngẫm nghĩ. Bà Hai Hồ nhiều lần bắt gặp. Càng ngày thập Tam càng làm quá; bà Hai điên tiết, lại nổi lên chửi mắng om sòm, có khi hai người chụp nhau đánh lộn, la làng inh ỏi. Nhưng vẫn chẳng ăn thua gì.

Nhà bà Hai Hồ ở lẻ loi giữa đồng, nên những gì xảy ra trong gia đình ấy liên tiếp bốn năm năm trời, ít ai biết rõ ràng, người ta chỉ đoán là những điều rất ghê tởm. Cái nhà cô độc ấy như là chất chứa những tội lỗi vô luân. Rồi thì dần dà mọi công việc trong gia đình ấy cũng đi tới một sự ổn thỏa : bà Hai không kháng cự nữa, bà nhận thấy rằng từ ngày đứa con gái lớn lên, thập Tam chịu đem của nhà ra vụng trộm giúp đỡ bà nhiều hơn trước; nếu không có nó, biết đâu ông ta đã không buồn lui tới với bà nữa. Sau bốn năm năm, sự thể đã chuyển biến thành trái nghịch : bà Hai Hồ chẳng những thôi tranh chấp với con, mà lại cần đứa con. Nếu có phải để nó đi ra khỏi nhà, người ta chắc bà không chịu một khoản bồi thường nhỏ.

Vậy mà chị Lộc đã đi về ở với anh Bốn Thôi gần như không đòi hỏi gì cả.

Còn như giữa thập Tam với chị trước kia có gì thì có lẽ chị Lộc cũng tin rằng người ngoài không ai biết rõ. Tuy nhiên dư luận thường khi bất công. Mọi người quen nhìn chị bằng cái nhìn nghiêm khắc. Và khi con người còn trẻ mà sớm chịu cái nhìn nghiêm khắc của xã hội thì cũng giống như là một cây non sớm hứng chịu cái nắng gay gắt : nó héo đi rũ xuống âm thầm. Trong dáng bộ uyển chuyển dịu dàng của chị Lộc có cái vẻ

âm thầm, kín khép, cam chịu. Chỉ mãi tới khi chị về sống với anh Bốn Thôi, làng xóm mới có một cách nhìn khoan hòa hơn đối với chị, dư luận mới chịu soi đến những khía cạnh tốt đẹp của đời chị. Và trong những tiểu tiết về sau mới được soi sáng này, người ta chú ý đến tài đảm đang của chị, đến hai bàn tay làm được mắm cua chua.

Trong cái thế giới của bà tôi, tôi vẫn ngờ rằng có nhiều điều mâu thuẫn, khó hiểu; tuy vậy, hồi bà tôi còn ở đời, mỗi lúc gần bà, tôi mải nghe chuyện nên không kịp vặn hỏi lôi thôi. Quá chín phần mười cái thế giới đó khuất vào trong khoảng tối lờ mờ của dĩ vãng, thuộc về quãng thời gian tôi chưa sinh ra. Bà tôi thường gợi lại thuở dĩ vãng đó, và bà gọi nó là «mọi lần».

«Mọi lần» có gì quan trọng ? Bà tôi không hề phân định thứ bậc, bà nói về chuyện nào cũng hăng hái thiết tha : chuyện ông bá hộ Thành ngày xưa ho đến mười hai năm mới chết mà cháu nội ông ta thì chỉ phát ho có một năm rưỡi đã chết ngay, chuyện vợ chồng ông tú Từ Lâm giận nhau tới nỗi ông tú bỏ nhà đi lang thang đến già, nguyên do là thế này mà có người lại bảo là thế kia, chuyện ngày xưa bà cử Tạ ở với con dâu ác như thế nào và ngày nay người con dâu báo hiếu ra sao, chuyện «đống» họ Trần gặp thời vận con cháu làm nên, «gánh»

họ Lê điêu đứng tan rã ra sao, trong đám tang của ông cửu Trọng ai khóc hay nhất, thảm thiết nhất, và chuyện con rể ông ta giành chia gia tài đã bùng nổ như thế nào, chuyện đánh cướp nhà ông chánh tổng Hoàn ở Hạ Ninh xảy ra đầu đuôi ra sao v.v… Bà tôi kể những chuyện ấy hoặc trong lúc ngồi trước hiên cầm cái vỉ rình đập từng con ruồi cho mấy con gà túc trực bên cạnh tranh nhau mổ ăn, hoặc trong lúc ngồi canh chừng mấy lu mắm «giang» ngoài sân giữa trưa, hoặc trong khi ngồi thảnh thơi nằm trên phản gỗ gọi tôi lại quấn và đốt cho bà một điếu thuốc, hoặc trong những khi nhà có cúng giỗ, có bà con xa gần đông đủ, bà tôi gặp lại những chị em, bạn già với nhau, ở chơi đôi ba ngày…

Trong thuở «mọi lần» gợi lên như thế, rập rình rất nhiều ông tú ông cử, những người từng làm vinh dự cho «gánh» họ Huỳnh của bà tôi. Tuy nhiên tôi chú ý nhất đến các món đồ ăn. Đồ ăn của «mọi lần» có những món kỳ quặc. Bà tôi kiêu hãnh kể rằng bà đã từng có thể dùng bột trắng pha màu rực rỡ bắt hình bánh cỗ đồ bát bửu : bầu rượu, cây bút, cái tù và…, đã từng luộc những con gà và sửa soạn cho chúng nó thành hình ngư, tiều, canh, mục…, đã gói những chiếc bánh tét nhân chữ hạnh, chữ thọ, màu đỏ màu xanh, đã bó những cuốn chả mà khi cắt ra mỗi lát đều có hoa đỏ hoa vàng v.v…

Bà tôi bất bình : những ông cử ông tú ngày xưa bây giờ dẫu còn cũng không ra làm quan được, và hột dâu ngũ sắc, con gà đội nón ngồi câu trong bát canh không được hoan nghênh nữa. «Mọi lần» qua rồi, con người có nhiều lý lẽ chính đáng để bất bình, và như thế hai bà cháu chúng tôi thường hay gần nhau. Nghe kể đi kể lại mãi những chuyện như thế, cuối cùng tôi lẫn lộn các món hột dâu ngũ sắc, cỗ đồ bát bửu, với ý niệm về thời thượng cổ. Trong trí tưởng tượng của tôi, con gà luộc mình phủ đầy bún tàu làm áo tơi, giả hình ông Lã Vọng ngồi câu, cùng với những lát chả có hoa đỏ hoa vàng, những thứ đó trà trộn rối rít trong thế giới của các vua Phục Hi, Thần Nông, của thái tử Na Tra, của Trư Bát Giới… Tất cả đều không còn nữa, không thể xuất hiện lại lần nữa. Tôi chia sẻ mối buồn tiếc của bà tôi.

Nhưng tại sao bên cạnh những cầu kỳ sang trọng như vậy, «mọi lần» lại chịu dung nạp rất nhiều mắm ? Cảnh đói khổ với những điều xa xí của chỗ quyền quí kia làm cách nào mà tiếp xúc nhau mật thiết, dung hòa với nhau? Bà tôi làm sao vừa có thể tưởng nhớ đến con gà Lã Vọng lại vừa có thể thông thạo và tha thiết với các món mắm mặn ? Đó là chỗ mâu thuẫn, vì quả thực bà tôi tha thiết với mắm hơn bất cứ người đàn bà nào khác trong gia đình, tuồng như đã có nhiều trường hợp khổ sở đói khát xưa kia xảy ra dưới mắt và ám ảnh bà tôi

suốt đời.

Về già, đáng lẽ bà được hoàn toàn thảnh thơi, không phải lo lắng gì nữa về sự sinh sống trong gia đình, thì rốt cuộc bà tôi vẫn có hai mối bận rộn, đó là rác và mắm.

Xung quanh nhà tôi có một hàng rào bằng tre sống rất dày. Vì rễ tre mà cả khu vườn trồng thứ gì cũng xấu, và những đám ruộng quanh nhà đều mất giá trị. Tuy vậy trải qua mấy đời không ai nghĩ đến chuyện phá cái rào tre ấy. Lá tre khô rụng xuống rất nhiều trong vườn. Bà tôi dùng một thanh tre chẻ ra ở ngoài đầu, như một cây đinh ba, để xua dồn lá tre và tất cả các thứ rác rến khác lại thành từng đống. Đôi ba ngày một lần, bà đốt các đống lá ấy để nấu những nồi bầu cháo cho heo ăn. Như thế vừa là một cách dọn rác vừa là để tiết kiệm than củi.

Đốt rác gần nhà về mùa nắng nhiều khi nguy hiểm. Vì thế bà tôi lúc nào cũng sẵn sàng cây đinh ba trong tay, chạy loanh quanh đống lửa để canh chừng. Những khi đó tôi thích lăng xăng bên cạnh. Cho đến khi rác hết, lửa tàn, bà tôi múc năm mười gáo nước tưới vào đống tro, tôi đang mải mê với lửa, lúc đó mới ngẩng lên thì hai mắt lóa vì ánh sáng thấy bầu trời mênh mông đã ngập tối tự lúc nào, những ngọn tre to tướng lòa xòa quơ quất bóng đen trên đầu, tôi lo sợ vội vàng kéo bà vào nhà.

Bây giờ mỗi khi gợi nhớ lại hình ảnh của bà tôi, dáng người gầy đét bé nhỏ, chờn vờn quanh một cái nồi bầu lớn trong ánh lửa đỏ chập chờn bốc cao ở cuối khu vườn rộng, vào những buổi hoàng hôn nhá nhem, tôi tưởng như hình ảnh ấy nhắc đến các bà tiên luyện thuốc tràng sinh bên lò bát quái. Như vậy, rác tre tuy cố nhiên cũng là một lối tằn tiện nghèo nàn, nhưng nó có nhiều liên quan gần gũi với thế giới đầy quyền phép của thái tử Na Tra hơn là các hũ mắm.

Mối bận rộn thứ hai của bà tôi hiện hình dưới nhiều vẻ khác nhau. Ở nhà bếp có một phía vách dành riêng cho bà tôi sử dụng. Chỗ đó các hũ mắm xếp hàng đứng một dọc dài. Có thứ hũ sành lớn mà người nhà tôi gọi là hũ «gia trang», có thứ tỉn lùn tráng men đen, có thứ tỉn trét vôi trắng xung quanh, có hũ đậy nắp bằng sành, có cái đậy bằng một miếng sọ dừa úp, có cái đậy bằng chiếc dĩa lật ngửa, lại có cái đậy bằng một chiếc mũ làm bằng mo cau cuốn lại, trông giống như một người lùn đội mũ mấn. Mặc dù đã đứng nép vào sát chân tường, hàng hũ của bà tôi vẫn trở ngại công việc của các cô và của mẹ tôi, vì nhà bếp của nhà tôi từ sau trận bão năm Thìn đã bị thu hẹp lại mất một nửa, thành ra chật hẹp. Cứ lâu lâu các cô tôi lại len lén bê một hũ mắm đút vào dưới cũi chứa đồ ăn. Nếu bà tôi không kịp phản đối thì một hũ khác lại nối đuôi theo, rồi một hũ khác nữa.

Cứ thế cho đến bao giờ bà tôi hét lên om sòm, các cô mới cười ngắc nghẻo, rước các hũ mắm ấy ra, xếp lại y nguyên chỗ cũ.

Vào mùa nắng, giữa sân lúc nào cũng có một cái lu to tướng, tráng men màu vàng vàng xanh xanh như màu tre đằng ngà đã héo, đứng đội chiếc mũ mấn bằng mo cau. Đó là cái lu chứa nước muối. Xung quanh quây quần xúm xít năm bảy chiếc tỉn nhỏ, hoặc chứa mắm cơm, mắm nục, hoặc nước mắm, hoặc mực muối.

Tuy bà tôi vẫn luôn luôn canh gác cẩn mật lũ mắm muối ấy, nhưng có nhiều buổi trưa một mình bà xoay trở không kịp giữa ngót vài mươi hũ mắm dàn ra từ sân trước đến sân sau : thế là một vài hũ trào ra, nước chảy lênh láng. Các cô tôi trông thấy, kêu ầm lên, vừa cười vừa bịt mũi nhăn nhíu, trong khi bà tôi chạy lăng quăng, đổ tội cho «con nước lên». Theo bà thì mắm trong hũ cũng trào lên rút xuống theo một nhịp với nước thủy triều ngoài bể.

Nhưng không phải chỉ có «con nước lên» quấy rối bà tôi mà thôi. Ngoài ra còn đàn lằn nữa, vì hình như trong bất cứ hũ mắm nào của bà chúng cũng tìm ra cơ hội để gửi được vào đó ít nhiều hoặc trứng hoặc con. Mỗi buổi sáng bà tôi một tay cầm đũa một tay bưng cái sọ dừa có chứa sẵn mớ cám đi tuần một lượt khắp các hũ mắm,

gắp dòi ném vào cám. Một vài con gà tháp tùng bà tôi, đợi hưởng mớ dòi lúc nhúc trong chiếc sọ dừa ấy.

Mẹ và các cô tôi không có cảm tình với lũ tỉn, hũ, chum, vại đứng chật nhà, không có cảm tình với mùi mắm, với lũ dòi, và với cả những con gà quanh quẩn trong nhà để phóng uế bậy bạ. «Thế hệ» này xem cái tật ham mắm của bà tôi như một lẩm cẩm của tuổi già. Họ nói với nhau : «Không biết tích chứa làm chi mà lắm vậy ? Cơ ngũ nào ăn cho hết ? Vậy mà nghe rao mắm là vẫn cứ kêu vào, mua mãi mua hoài. Nhà này lần lần cá mắm dưới biển tràn lên chiếm hết chỗ, người ta không còn chỗ kê giường mà nằm. Khổ cho cái bà già hết sức !» Họ cười với nhau ồn ào. Bà tôi không hơi đâu xông vào những cuộc tranh cãi với «thế hệ mới». Tuy nhiên bà không chịu thua. Lúc mọi chỉ trích giễu cợt đã qua, bà thong thả trình bày với mẹ tôi, có khi cả với tôi : «Không ai ăn, sao bao nhiêu mắm rồi cũng hết ? Mắm có bao giờ dư đâu ? Chưa ăn tới thì nó nằm trong hũ nó chờ, từ tháng này qua tháng kia. Nó chờ được. Rốt cuộc cũng phải tới nó, chớ con người ta không ăn mắm thì ăn cái gì ?» Nghĩ như vậy, bà tôi tiếp tục mua mắm. Và nhiều khi nghe văng vẳng xa xa một tiếng rao đâu đó ở cuối xóm, các cô tôi đã vội nháy mắt làm dấu hiệu cho nhau, chạy đi đón những người bán mắm quen biết, điều đình với họ, để họ đừng đến rao hàng gần nhà

chúng tôi. Xung quanh bà tôi âm thầm có một liên minh để chống mắm, mà khi biết ra bà tôi chỉ còn có lắc đầu.

Nếu bảo rằng bà tôi cũng toan liên minh đối nghịch lại thì thật là lố bịch. Tuy nhiên những kẻ có một điểm gì giống nhau tự nhiên vẫn cứ gần nhau : bà tôi có nhiều cảm tình đối với chị vợ thứ hai của anh Bốn Thôi. Mỗi năm vào mùa cấy, bà tôi thường nhắn gọi chị Lộc thỉnh thoảng mang đến «đổi» vài giỏ cua. Và bà yêu cầu chị tự tay giã cua lấy, vắt xác lấy. Bà tôi chỉ loanh quanh phụ giúp : múc hộ năm ba gáo nước, tìm một cái hũ thích hợp, lấy cho mấy nắm muối v.v… Còn như động tay vào mớ cua đang quết trong cối thì tuyệt nhiên không. Bà tôi tự cấm mình làm như thế : việc ấy phải dành riêng cho hai bàn tay chị Lộc. Thái độ của bà tôi tôn hai bàn tay của chị lên đến nỗi nhiều khi chị phải mỉm cười nhẹ nhàng để tỏ sự hổ thẹn.

Bên cạnh chị, bà tôi hỏi thăm về gia cảnh, về chuyện làm ăn, về mùa màng, về chuyện cua ốc, chim cá ngoài đồng v.v… Có khi vui miệng bà tôi cũng đùa với chị :

- Năm nay cua nhiều không ?

- Thưa bà cũng có, nhưng không bằng năm ngoái.

- Vậy hả ?

- Năm ngoái cua nhiều bắt không kịp, tới nỗi lúa cấy vừa bén bị nó kẹp đứt ngang, ngã gục xuống đầy đồng, coi cọng lúa… thương hết sức. Bà nhớ không ?

- Ừ. Năm nay chắc khỏi.

- Dạ. Năm nay đi bắt một ngày có khi không được hai giỏ cua.

- Gì chứ nhà chị cũng đủ ăn mãn mùa.

Chị Lộc cười khiêm tốn :

- Thưa bà, chúng con suốt ngày không được ăn một món gì ngoài cua. Ăn mãi cũng sinh chán.

- Còn được ăn cua ngày nào thì hãy ăn đi ngày ấy, năm sau đến mùa này không chừng chị đã phải kiêng cua cho mà coi.

Chị Lộc cúi đầu xuống, mỉm cười. Ở nhà quê, người ta tin rằng những người có thai, nếu ăn cua vào, đến khi đẻ con sẽ đẻ ngang, vì vậy họ kiêng cữ. Chị Lộc trả lời bà tôi :

- Con thì con sẽ ăn cua mãi, không bao giờ phải cữ đâu.

Bà tôi vui vẻ :

- Con gái mới lớn chị nào cũng chối leo lẻo.

- Con nói thiệt đấy mà.

Làm sao có thể «nói thiệt» được một điều như thế! Thực là vô lý. Tuy nhiên giọng chị Lộc cũng cứ dịu dàng, không có vẻ gì quả quyết, khiến người nghe không thấy cần thiết phải phản đối. Chị vẫn cúi mặt, bẽn lẽn và mỉm cười.

Bà tôi trông lại chị Lộc, và nghĩ rằng chị cũng không thua sút người con dâu của «đống» họ Lê mới cưới về bao nhiêu. Tôi thì tôi không có ý so sánh nhan sắc của chị Lộc với người con gái nào khác, nhưng tôi cho rằng một người như chị nhất định phải đem đến sự sung sướng cho bất cứ kẻ nào gần gũi. Trên thân người nở nang ấy, mọi hình nét đều có vẻ rộng rãi, tròn trặn rất dịu dàng. Ngừng tầm mắt trên một thân người như thế người ta thấy một cảm tưởng yên ổn trong tâm trí. Mặc dù khoảng ngực của chị nở rộng và đầy, người nhìn đến không hề thấy bị khích động mà chỉ cảm thấy một thích thú thoải mái như là nghỉ ngơi. Trong âm thanh của tiếng chị nói, trong cái ngước mặt chậm chạp mà chắc chắn, không ngập ngừng, có một vẻ gì vừa hiền dịu nhẫn nại, vừa vững chãi ổn định.

Chỉ là một người con gái nghèo khó mà sớm phải đương đầu với những điều ngang trái, cuối cùng trên vẻ người tươi trẻ đầy sinh lực người ta có cái chín chắn nhẫn nhục nó làm tắt đi hết những gì là lộng lẫy, là ánh sáng nhiệt thành. Người ta sớm tiến tới một vẻ thụ động, khoan hòa, một quân bình vững chãi cho đời mình. Nhìn vào gương mặt và khổ người tràn đầy sinh lực của chị Lộc, đôi khi tôi có nghĩ đến những tiếng tăm đồn đại đáng sợ về những năm chị đã sống chung với người mẹ. Khi ấy trong trí tôi lẩn quất sự lo ngại về một cái gì bí ẩn thăm thẳm, nhưng sau đó, chỉ một cái ngước mắt mỉm cười bình thản của chị đủ xóa tan hết nỗi lo âu của tôi. Trong cái thụ động khuất nhục của chị có một vẻ điềm tĩnh khiến người ta cảm thấy một niềm tin cậy ấm áp nơi chị.

Bị xem như một người con trai hơi vớ vẩn, anh Bốn Thôi càng ngày càng đâm ra ít nói, ít giao thiệp, càng âm thầm cô độc. Những người cô độc, xa lìa đám đông xã hội, những người ấy vẫn thường hay có cách tạo ra một thế giới riêng biệt, trong đó họ một mình mơ mộng triền miên.

Bốn Thôi tìm được cách tiêu khiển và mơ mộng trong việc vặt lông mũi. Đó là một cử chỉ nhỏ nhặt không ai để ý đến, nhưng rất quan hệ trong cuộc sống riêng

của anh. Vì không phải là chuyện làm tốt, chuyện điểm trang gì, cho nên Bốn Thôi không bao giờ dùng đến cái gương. Hễ cứ rảnh việc là anh đưa tay lên mũi, rờ rẫm, thăm dò, rình rập từng sợi lông mọc thò ra ngoài; vẻ mặt anh chăm chỉ, đăm chiêu. Sự vặt nhổ như thế không phải không có lúc đau đớn, vì vậy có những khi anh nhăn nhíu mặt mày; và ngay mỗi khi các ngón tay bắt đầu tìm kiếm, vẻ mặt anh đã khổ sở khó nhọc. Đối với người ngoài thì cử chỉ đó có vẻ kỳ cục, tục tằn, khó coi, càng tăng thêm vẻ dớ dẩn của anh.

Tuy nhiên về phần Bốn Thôi, những lúc làm như thế anh không đếm xỉa gì đến người xung quanh. Bảo rằng người ta có thể trốn tránh sự cô đơn bằng cách ẩn lánh ngay vào trong cái rừng lông mũi rất nên lơ thơ của chính mình thì thực là điều khó tin được. Nhưng thực ra chính những mằn mò vớ vẩn như vậy giúp cho Bốn Thôi thoát khỏi sự đè nặng của cảm tưởng cô đơn. Trong những khi ấy anh lặng lẽ tự xóa mình, vẫn ngồi trước mặt mọi người mà như không hề hiện diện trước một ai, vẫn có đó mà như là không có, như là đang sống ở một thế giới nào xa cách tận đâu đâu, anh lặn chìm rất sâu khuất vào trong sự cô đơn của mình, dứt hết mọi liên hệ với xung quanh và không buồn áy náy lo lắng gì về thái độ của mọi người. Mắt anh trở nên xa xăm. Và trong cái thế giới mộng tưởng riêng biệt ấy anh tự cho có thể tha

hồ nhăn nhíu mặt mày mà không thành ra kỳ cục.

Trước, Bốn Thôi vẫn một mình hì hục hàng giờ với sự mằn mò tẩn mẩn của mình như thế, mặc tình, không ai ngó ngàng tới, không ai nhắc nhở tới. Nhưng từ khi anh cưới về người vợ thứ hai, nhiều lần anh đang nhăn mặt tìm vặt một sợi lông mũi, bỗng mắt anh chợt bắt gặp cặp mắt của chị Lộc. Chị nhìn anh, trong mắt ánh lên một chút ý tứ giễu cợt thân mật, hòa dịu, tha thứ, và chị bật cười rất nhẹ nhàng. Thế là lập tức anh Bốn Thôi buông tay ra. Cố nhiên anh có đỏ mặt bẽn lẽn một chút, nhưng sung sướng tràn ngập tâm hồn. Anh như là người sắp sửa từ giã cõi đời bước vào cảnh khuất tịch, bỗng gặp một tiếng gọi kêu, và vụt một cái anh nhào về thế gian, anh nhập lại vào cuộc đời, vào xã hội đông đảo. Chị Lộc không hề nói gì cả, nhưng cái nhìn hiểu biết thông cảm hiền hậu bao la của chị cứu anh thoát khỏi sự cô đơn, làm cho kiếp nhân sinh có nhiều ý vị !

Trong tình vợ chồng, chị Lộc không có sự biểu lộ nồng nàn, trái lại thường khi còn có vẻ thản nhiên lạt lẽo nữa. Nhưng chân hạnh phúc ở đời chắc chắn không phải lúc nào cũng đòi hỏi cho được cảnh mê ly say đắm. Bên cạnh thái độ khoan hòa ấm áp của người vợ lạ lùng, anh Bốn Thôi lần hồi tin cậy ở cuộc sống.

Anh vẫn từ lâu có chứng bệnh phong thấp. Bàn chân thường bị nứt nẻ, vào mùa mưa lạnh lại càng nứt nẻ nhiều. Mỗi khi anh đi làm ngoài đồng, đất bùn nhét vào các vết thương làm anh đau đớn. Nhưng một thứ bệnh kéo dài ra hàng mười mấy năm rồi thì đối với anh nó đã mất hết tư cách bệnh tật. Vả lại gần như hầu hết dân làng ai cũng mắc bệnh ấy, kẻ nặng người nhẹ, người bị nứt chân nhiều, kẻ bị nứt ít, đến nỗi không còn biết sự nứt nẻ phải đến đâu mới được kể là bệnh tật. Bởi vậy anh Bốn Thôi chưa có lần nào nghĩ rằng mình cần phải chữa bệnh.

Thế nhưng ngay mùa đông đầu tiên về nhà chồng, một hôm, một buổi trưa, trong lúc anh đánh một sợi dây nài, chị Lộc chú ý đến bàn chân của chồng, chị kêu :

- Trời ơi, nứt dữ vậy mà chịu được sao ?

- Không chịu được thì ai chịu cho.

Nói xong, chợt trong trí anh thoáng qua một ý nghĩ thích thú, anh mỉm cười ngẩng lên nhìn vợ một cách lẳng lơ. Cái nhìn đó như nhắc lại tiếng «ai chịu cho» một cách âu yếm tinh nghịch. Nhưng người vợ không đáp lại cái tình tứ ấy; chị tránh, không nhận mình là «ai». Trên nét mặt chị, chỉ có sự ái ngại :

- Năm nào cũng vậy hả ?

- Ừ, mùa lạnh năm nào mà chẳng vậy.

Anh liếc nhìn xuống bàn chân, và nhận thấy hình như năm này bệnh của anh có nặng hơn, đường nứt có sâu thêm. Chị lại hỏi :

- Không xức gì sao ?

- Xức gì mà hết được thì người ta đã xức rồi. Có phải một mình mình nứt chân đâu.

Chị Lộc không cãi. Chị ngó lại những vết thương trên bàn chân chồng một lần nữa rồi bảo : «Ghê chưa !». Anh chồng cười, co chân lại. Nhưng sau đó, chị Lộc đứng lên đi lấy cái niêu con đựng dầu rái, bưng đến, dùng một chiếc que, nhét dầu rái vào các kẽ nứt ở gan bàn chân Bốn Thôi.

Mấy hôm sau, anh cảm thấy dễ chịu. Và chị tiếp tục xức dầu rái cho chồng năm bảy lần như thế. Khi anh yên trí rằng đó là bổn phận của chị, anh hưởng cái quyền được săn sóc mà sắp sửa hết thấy thích thú, thì bỗng chị dừng lại mấy ngày. Anh Bốn Thôi ngờ rằng chị quên đi, và yên lặng chờ đợi; nhưng một hôm khác ăn cơm xong anh đang ngồi hút thuốc, chị vừa rửa chén vừa nói :

- Mấy bữa rày anh không xức chân, rồi nó đau lại cho coi. Ngồi không làm gì, chịu khó đem dầu ra xức đi.

Thoạt tiên anh Bốn Thôi hơi thất vọng, nhưng rồi anh nghe trong giọng nói của vợ cũng có sự dịu dàng : nhắc nhở vẫn là một cách săn sóc. Thất vọng này chấm dứt thình lình một sự thích thú đang sắp sửa tự tiêu, nhưng sau đó nó lại liền làm nảy ra một sự thích thú khác, dĩ nhiên là khiêm tốn hơn.

Sau mùa cấy năm đó, một ngày đầu tháng chạp, anh Bốn Thôi đan một đôi giỏ ngựa, thứ giỏ thưa mỗi chiếc có hai chân, buộc dính liền vào một cây đòn gánh, thường dùng để gánh cỏ hay mạ. Người vợ ngồi gần đó, đang mở các gói hột cải, hột cúc ra xem lại, chuẩn bị trồng rau ăn Tết. Đan xong một chiếc giỏ, Bốn Thôi vứt ra một bên, rồi ngồi quấn thuốc hút. Anh ngồi nghỉ tay một lúc lâu, ưỡn thẳng người lên cho đỡ mỏi lưng. Các ngón tay anh tần mần sờ lên bàn chân, vướng nhằm một mảnh da khô, dày, vểnh lên. Những người có bệnh phong thấp nứt chân như anh thường vẫn bị tróc da như thế, những miếng da chết dính đeo vào bàn chân, cộm lên, khó chịu. Anh Bốn Thôi tiện tay gỡ mảnh da khô; nó toét rộng, kéo theo cả lớp da sống dưới bàn chân, phơi thịt ra trắng toát. Anh cúi đầu xuống nhìn, bối rối. Chị Lộc cũng chợt chú ý đến cử chỉ của anh, nhìn theo,

trông thấy vết thương; và chị liền nhắm mắt lại, kêu lên:

- Ái ! Dễ sợ chưa !

Chị buông mấy gói hột xuống. Anh Bốn Thôi trông lên nét mặt của vợ, tự dưng tiêu tan hết mọi sự bối rối. Ngay trong lúc ấy anh vụt có cảm tưởng rằng dẫu mối nguy hiểm có đe dọa anh đến bực nào thì sự lo lắng cũng không thuộc về phần anh nữa : đó là phần của người con gái kia. Anh tưởng mình đã trút hết mọi trách nhiệm về mình sau một cái nhìn ấy, và anh hoàn toàn tin cậy ở người kia.

Chị Lộc chạy đi lấy kéo, vừa nhăn mặt vừa cắt miếng da cho anh, và lấy dầu rái đắp lên vết thương. Trong khi người vợ làm bấy nhiêu công việc, anh Bốn Thôi cười và đùa giễu về tính nhát gan của chị.

Trước cảnh nhà nghèo túng, trước những tai biến bất ngờ khó khăn xảy đến, chị Lộc vẫn điềm tĩnh và im lặng. Thái độ can đảm mà bình thản, thụ động ấy xóa lấp hết dấu vết mọi biến cố trong cuộc đời nhiều trắc trở ngang trái của chị. Nhưng trông thấy một mảnh thịt người trắng toát chị không bình tĩnh được, chị sợ hãi hoảng hốt. Một sự việc nhỏ nhặt hôm ấy khiến anh Bốn Thôi thấy thêm một khía cạnh lạ lùng trong tâm hồn người con gái sống bên cạnh mình. Và anh kinh ngạc

một cách… sung sướng ! Tại sao lại sung sướng ? Đáng lẽ có thể nghĩ rằng sự hoảng hốt kia chỉ là phản ứng tự nhiên của một người hiền dịu có nhiều từ tâm, ghét sự tàn bạo xô xát và những gì có liên hệ đến nó như là máu me, thương tích v.v… Nhưng anh Bốn Thôi không nghĩ như thế. Anh ta chỉ chợt thấy người con gái nhăn nhó đau vì một vết thương của mình. Và như thế, anh có thể chịu mãi các vết thương, mọi vết thương !

Từ đó về sau, cứ lần nào có da khô ở gan bàn chân anh lại lựa những lúc ngồi gần vợ để tước xé mảnh da ra. Anh gây đau đớn cho mình, kinh hãi cho người vợ. Và anh thưởng thức một thứ sung sướng tinh quái. Những tiếng kêu bối rối : «Ái ! Ghê quá ! Ái ! Dễ sợ chưa !» v.v… phá vỡ sự cô đơn. Và kiếp nhân sinh lại có một thứ ý vị kỳ quặc nữa !

Bốn Thôi cưới người vợ thứ hai vào mùa xuân. Trải qua hai năm, đến mùa xuân thứ ba sau đó thì chị Lộc bị đau lần đầu tiên. Duyên cớ thật nhỏ nhặt : một mụt mụn, nổi lên ở gốc mũi. Mụt mụn bọc mới một ngày mà đã làm cho mặt chị nặng lên, khó chịu. Nhiều lần chị đưa ngón tay rờ rẫm thăm dò. Cuối cùng, không chịu được, chị bấm móng tay vào, nặn vỡ mụt mụn. Chỉ bật ra một tí máu, rồi một ít nước đỏ loang loãng. Ngay nửa giờ sau chị cảm thấy trong người ớn lạnh, khang khác,

nhưng chị vẫn đi ra đồng bắt cua.

Đầu tháng hai, chỉ còn ít nước lép xép ở những đám ruộng sâu. Cua cá dồn lại trong những vũng nước nhỏ như thế rất khó bề trốn tránh khỏi cò vạc. Chị Lộc phải gấp rút tranh nhau với loài chim. Mỗi buổi sáng bước chân xuống ruộng, chị thấy thêm dấu chân mới và nhiều vết phân trắng của chúng bên cạnh các vũng nước sắp cạn. Trong khi chị Lộc lom khom tìm cua cá thì rải rác ở những bờ ruộng quanh đấy vẫn có vài con cò lọ nồi đứng gật gù buồn bã : chị bị chúng nó theo dõi như thế suốt buổi.

Hôm ấy chị bắt cua không trọn buổi. Gần trưa, chị thấy choáng váng, lên cơn sốt, phải bỏ về nửa chừng. Người thím chồng vừa trông thấy mặt chị liền kêu lên ngạc nhiên : mặt sưng vù, híp đi một con mắt. Chị Lộc cho rằng đó có lẽ là vì chị đã cúi đầu lâu quá nên máu dồn xuống. Chị úp bàn tay lên phía đau, thấy nóng hừng hực. Chiều hôm ấy chị bỏ công việc, nằm vùi.

Sáng hôm sau, cả một nửa khuôn mặt sưng to và đỏ rần một cách dễ sợ. Một phía môi của chị bị xách méo lên, và tiếng nói nghe khác hẳn đi. Bốn Thôi hoảng sợ. Trong một ngày ấy, từ sáng cho đến khuya, chị Lộc uống đến hai thang thuốc, không kể những món ngoại khoa dùng thoa xức bên ngoài.

Đến ngày thứ ba thì chị Lộc nằm mê man. Khi hai con mắt người vợ khép lại, anh Bốn Thôi hoàn toàn bối rối, cuống cuồng. Lâu nay anh đã quen tìm sự bình tĩnh và niềm tin cậy nơi cuộc đời từ nét mặt và đôi mắt của người con gái ấy. Bây giờ khuôn mặt ấy không còn hình dạng bình thường nữa, nó không còn có thể biểu lộ được gì nữa cả. Và hai mắt thì nhắm nghiền lại suốt ngày. Bốn Thôi trông vào khuôn mặt ấy, rồi chợt hiểu rằng mình có thể sắp mất nó vĩnh viễn, anh ta như người mất hẳn phương hướng, ngẩn ngơ, thất lạc.

Tưởng chừng người vợ có thể đau khắp châu thân miễn là còn lại khuôn mặt và cặp mắt để anh nhìn và để nhìn lại anh, là anh đủ được an ủi và đủ biết phải làm những gì, xoay trở ra sao. Đàng này anh lại mất những cái đó trước tiên : anh còn biết tìm đâu ra sự tin tưởng và sáng suốt, anh còn biết làm cái gì nữa bây giờ ? Từ đó, chú thím anh ta cùng mấy người hàng xóm lo chạy thuốc lao xao, còn anh thì ngồi ì như đứa trẻ, ở một mép giường, bên cạnh người vợ. Thỉnh thoảng người con gái cựa mình, cố gắng hé mắt một cách khó khăn, và ú ớ mấy tiếng trong miệng.

Sáng ngày thứ tư, vào khoảng chín mười giờ, Bốn Thôi vẫn ngồi như thế, bỗng thấy người vợ dùng ngón tay cào lên mặt chiếu. Anh ta nhìn lại thì vừa gặp chị

mở mắt. Chỉ có một con mắt mở được, và chỉ hé được nửa chừng. Bốn Thôi nhìn chằm chặp vào con mắt ấy như vội vã đọc ở đấy tất cả sự dặn dò chỉ bảo của người bệnh. Anh ta bị thu hút vào ánh mắt đó một lát, thình lình anh nức lên khóc. Trong con mắt vẫn là sự dịu dàng thụ động, nhưng có một vẻ gì thiết tha buồn bã, một vẻ gì khác thường làm anh hoảng hốt.

Người vợ mấp máy hai môi. Anh ta cúi xuống, nghiêng tai nghe chị yêu cầu mời bà mẹ đến. Nói xong một câu vắn tắt, chị lại khép mắt, nằm yên lặng.

Trong khi người ta chạy đi gọi bà Hai Hồ, Bốn Thôi ngồi nhìn chăm vào mặt người vợ. Trên mặt chị không biết một người nào đó đã bôi một lớp phân gà «sáp», thứ thuốc ngoại khoa cuối cùng. Cho rằng giờ cuối cùng của chị đã đến, tất cả chừng bảy tám người có mặt trong nhà lúc ấy đều kéo đến vây xung quanh chiếc giường người bệnh.

Thật lâu, hơn một giờ sau, vẫn chưa tìm được bà Hai Hồ. Người bệnh vẫn mê man thiêm thiếp, bất động. Những người vây xung quanh giường tản ra, rút lui hết. Trong phòng chỉ còn lại Bốn Thôi ngồi khóc sụt sịt bên vợ. Trời bên ngoài nắng gắt. Trong buổi trưa, anh ta nghe tiếng nước chảy từ một chiếc gàu rách đổ xuống mặt giếng. Tiếng nước đổ mạnh, kéo dài mãi, anh ta

chợt nghĩ : «Không ngờ chiếc gàu rách đến bực ấy.» Nghĩ xong, anh lấy làm ngạc nhiên, vì giữa lúc nguy biến như lúc này mà một chuyện cỏn con vô nghĩa như thế lại có thể hiện đến trong trí mình. Hình như một chờ đợi kéo dài trong cái nóng bức thỉnh thoảng làm cho sự đau đớn của anh tê mê, thiếp đi. Thình lình có tiếng hai người đàn bà cười lớn, khua vang cái không khí nặng nề vắng vẻ. Cùng lúc ấy, Bốn Thôi có cảm tưởng như có một rùng mình nhẹ nhàng lướt qua trên thân thể người vợ. Anh cúi xuống nhìn kỹ : nàng vừa tắt thở.

Bất giác anh ta quay ngó chung quanh, dớn dác. Không có người nào cả. Một con ruồi xanh bay vào nhà lượn một vòng về phía đầu giường. Bốn Thôi òa lên khóc lớn. Mọi người chạy vào.

Từ ngày về nhà chồng, chị Lộc chỉ đau có một lần, vì một mụn nhỏ. Nhưng chị không qua khỏi, chết không kịp trối trăn.

Sau khi chị chết, tôi đã nghe người ta kể về nhiều điều dớ dẩn của Bốn Thôi. Trong khắp làng, con trai con gái thường đem những chuyện Bốn Thôi thương vợ ra để làm đề tài chế nhạo, đùa giễu. Người đàn ông hiền lành, thực thà nhất lại gây tiếng tăm vì vấn đề ái tình, vì phụ nữ.

Tôi cũng nghĩ rằng người ta thường phóng đại những chuyện như thế cho thêm vui. Nhưng chính mắt tôi, tôi có trông thấy tảng đất sét chừng mười tấc vuông để dưới bàn thờ nhà Bốn Thôi, trên tảng đất sét in một dấu chân người. Nguyên sau khi chôn vợ, mấy ngày sau anh ta hết quanh quẩn bên mộ lại đi thơ thẩn ngoài đồng, tìm đến những chỗ trước kia thường có chị làm việc. Một hôm anh ta chú ý đến những dấu chân của chị còn in rõ ràng trên ruộng, bên cạnh một vũng nước vừa mới khô, với năm ba con cá chết nằm phơi bụng trắng long lanh, một vài chiếc càng cua gãy, vỏ cua bể… Thật là một kỷ niệm xúc động : mới trước đây mấy ngày, chị còn tiến từng bước ở chỗ này, lom khom tìm cái ăn về cho gia đình; dấu tích rành rành tưởng như còn nóng hơi người ! … Ruộng đất thịt mới vừa khô lớp mặt, ở bên dưới còn deo dẻo, Bốn Thôi bứng được một tảng đất vuông vắn rất dễ dàng. Cái kỷ vật kỳ cục lạ đời đó được anh ta đem về để vào nơi thờ phụng.

Từ ngày anh Bốn Thôi mang vết chân vợ về cho đến khi tôi có dịp tới nhà anh ta, nhìn thấy nó, cách nhau gần nửa năm. Tuy thế, dấu vết in trên tảng đất hãy còn rõ rệt : ngoài bàn chân chị Lộc ra, còn có thể nhận thấy một dấu chân loài chim, chắc chắn là của một con cò hay con vạc nào đó, và những đường nhỏ kéo dài loằng ngoằng mà tôi đoán là do những chiếc ngoe cua để lại.

Chị Lộc, cò và cua ! tất cả dồn vào trên mười tấc vuông: tôi nghĩ không còn có bản bi ký nào tóm tắt lai lịch một cuộc đời, phác họa hình ảnh và thuật lại sự hoạt động của một nhân vật, mà vừa gọn ghẽ vừa cụ thể rõ ràng đến chừng ấy.

Bà tôi nghe nhiều lời đồn đại về những lối thương vợ tiếc vợ như thế của Bốn Thôi, nhưng không có cơ hội đến nhà anh để tìm xem vết chân kia. Tuy nhiên bà tôi có cười và nhân tiện kể lại chuyện thuở khai thiên lập địa ông Khổng Lồ gánh đất đi đắp núi, mỗi bước chân lún xuống thành ra ao này, bàu nọ. Đó là thuộc về những câu chuyện tương truyền của «mọi lần», để cắt nghĩa tại sao có một cái ao ở đầu làng tôi, một cái ao khác ở cuối làng và một cái bàu ở làng bên cạnh, tại sao ở cách làng tôi mươi cây số có một ngọn núi nhọn như đống đất đổ vun và một trái núi dài ra như tuồng ông Khổng Lồ làm đứt dây gánh, đổ đất lai rai…

Mặc dù bà tôi có cảm tình đối với chị Lộc, bà cũng chỉ nhận thấy rằng lúc sinh thời chị đáng được quí mến vì một bàn tay làm nên mắm cua chua và lúc mất đi chị đáng được nổi tiếng vì một bàn chân có liên quan đến những chuyện «mọi lần». Chỉ có vậy thôi. Bà tôi đã tới cái tuổi không hiểu nổi được những giông tố bão bùng của ái tình nữa. Mà ở anh Bốn Thôi lúc này chỉ toàn có

ái tình, có giông tố bão bùng nghiêng ngửa cõi lòng. Người ta ngờ rằng anh có thể hóa dại, nếu không thì cũng ngẩn ngơ suốt đời. Mất chị Lộc, anh ta lại rơi lạc bơ vơ vào trong cái cô độc mênh mông của mình. Anh ta lại lùi lũi một mình, lại đưa mấy ngón tay sờ mó và nhăn nhíu mặt mày để vặt những sợi lông mũi. Anh ta càng xa lánh trốn tránh đám đông.

Sự thương nhớ quá độ đối với chị Lộc lần này làm cho anh ta có vẻ điên dại, khờ khạo, tệ hơn là lần người vợ thứ nhất trốn đi. Chính vào khoảng thời gian này người làng đặt cho anh cái tên Thôi, vì thực ra tên tục của anh trước kia vốn là Nữa. Đối với những người đã lớn tuổi, ở thôn quê vẫn thường gọi họ bằng tên con. Gọi một người bằng tên tục có vẻ sỗ sàng, vô lễ. Trong trường hợp của anh Bốn Thôi người ta đã chờ đợi đứa con của anh lâu quá rồi. Đến khi chị Lộc qua đời thì ai nấy nghĩ rằng thế là hết, anh đã gần ba mươi tuổi đầu, và anh bị «lụy» chuyến này khó bề gượng dậy nổi. Người dân quê có khiếu hài hước ý nhị và giàu lòng tử tế, vừa cười vừa xóa cái tên Nữa, mà gọi anh bằng tên Thôi, để tránh một lối xưng hô sỗ sàng.

Sự việc đặt một cái tên mới cho anh, mặc dù là nhã nhặn, nhưng chứng tỏ rằng người xung quanh đã công khai hết tin ở cuộc đời ái tình của anh ta nữa rồi.

Quả thực ở nơi anh Bốn Thôi có rất nhiều triệu chứng tuyệt vọng. Mắt anh luôn luôn nhìn xuống, tuồng như anh sợ tất cả mọi người. Khi đứng gần một cuộc chuyện trò ồn ào, anh vẫn giữ nét mặt xa vắng, và đôi tai có nghe lời nói của kẻ khác thì cũng cứ như là nghe trộm thôi. Người chú không bao giờ bắt gặp anh ta nhìn theo phía sau những người con gái bằng cái nhìn thưởng thức như trước kia nữa.

Anh Bốn Thôi có vẻ như là đã ngã khuỵu xuống dưới sức nặng của tai biến vừa qua. Không ai dám nghĩ rằng anh ta có thể nói tới chuyện vợ con nữa.

Và anh Bốn Thôi quả đã ngã khuỵu xuống thật. Ngã xong, anh nằm bẹp như thế hơn hai năm trời. Nhưng khốn nỗi, khi anh bắt đầu gượng gạo ngẩng đầu dậy được, thì việc đầu tiên anh ta nghĩ đến là… cưới vợ !

Vợ thứ ba của anh ta là một người con gái mang tật ở chân, bước đi nhúc nhắc. Nguyên đã lâu năm chị đau một thứ mụt bất trị, lở to bằng cái khu chén nơi gót chân bên phải. Chị ta ở giúp việc tại gia đình ông Lý trong làng, thuộc về «đống» họ Lê. Nhà họ Lê cho rằng chị đã quá tuổi lấy chồng, và yên trí là sẽ nuôi chị ta cho tới già. Như thế chỉ tốn cơm ăn, một ít quần áo cũ đã thải bỏ, và mỗi tháng một gói hột «thiên tiên tử» năm lạng để chị ta sú nước vào, đắp lên mụt, trước khi buộc lên

đó một mảnh thau có xoi thủng nhiều lỗ nhỏ thông hơi.

Thế nhưng vào lúc bất ngờ nhất, chị ta được anh Bốn Thôi rước về làm vợ. Anh có ý nghĩ bướng bỉnh cho rằng cái mụt nơi chân của chị ta nhất định có thể trị được. Rồi thì có người mách anh, anh nghe theo, mua một tuýp Dagénan, và bệnh chị ta lành thật.

Lành bệnh xong, chị ta liền bỏ nhà trốn đi ngay. Tính ra chị làm vợ anh Bốn Thôi chưa tới sáu tháng. Người ta đôi lúc phải tiếc rằng thuốc men công hiệu lắm khi quá mức chờ đợi; và thứ chân chữa lành bằng thuốc Dagénan vẫn không bằng thứ chân chữa bằng dầu rái.

Anh Bốn Thôi tức giận cưới người vợ thứ tư liền trong năm đó. Nhưng ngay trong năm sau anh ta lại trở thành y nguyên là một người đàn ông không vợ.

Như vậy là nghĩa lý thế nào ? Ban đầu khắp làng xúm nhau cười cợt, đùa giỡn, đặt chuyện khôi hài nhảm nhí về anh Bốn Thôi. Nhưng đến khi người vợ thứ tư, rồi tiếp luôn người vợ thứ năm của anh ta cũng bỏ nhà trốn đi luôn, thì ai nấy tự dưng cảm thấy sự đùa cợt không nên kéo dài, không còn thích hợp nữa. Trong tấn kịch có cái gì bi đát.

Bốn Thôi không phải người có số đào hoa, có thói ong bướm, lả lơi. Người lúc nào cũng rầu rĩ và có vẻ nghiêm khắc, mặc dù là ngơ ngẩn. Không ai tin anh thích những mơn trớn của xác thịt đàn bà. Cũng không ai có thể tin là anh được hưởng cái thích thú tỉ tê, thủ thỉ tình tự bên cạnh đàn bà : anh ít lời lẽ quá. Vậy mà liên tiếp mười mấy năm trời, chỉ có mỗi một điều choán tất cả đầu óc anh, chiếm tất cả sự hoạt động của anh, thu hết tất cả tâm trí anh, khiến anh lao đao thất thểu : ấy là những người vợ. Anh hì hục vất vả với những người vợ, như là con người khổ não hì hục một cách tuyệt vọng trước định mệnh của mình.

Một cuộc vật lộn gay go và bất lực với số mệnh kéo dài suốt nửa đời người như thế dần dần nhuốm một tính chất bi thảm, và người chứng kiến không còn lòng dạ nào cười cợt nữa - dẫu rằng trong đó vẫn có ít nhiều khía cạnh đáng cười.

Nhưng về phía những người vợ anh Bốn Thôi, tại sao tất cả - chỉ trừ chị Lộc - tất cả họ bằng lòng lấy anh ta, rồi họ đều bỏ anh trốn đi một cách vội vàng nhẫn tâm như vậy ? Người chú Bốn Thôi có điều ngờ vực mà không bao giờ ông chịu nói ra. Còn bao nhiêu người trong làng đều thắc mắc.

Tôi chắc chắn không phải những người đàn bà ấy thất vọng về tính nết thực thà khờ vụng của Bốn Thôi. Về điều đó họ có bị lừa gạt gì đâu. Không phải trước khi chịu lấy anh, họ không hiểu anh là người thế nào; cả làng còn ai lạ gì anh, tất nhiên họ không chờ đợi một người chồng lanh lợi bặt thiệp, tình tứ tao nhã. Như thế họ lầm gì ? Mỗi người con gái nọ, một khi biết mình lầm, tự nhiên lặng lẽ, không kèn không trống bỏ ra đi. Họ không hề hé răng nói một lời nào để răn ngừa kẻ đến sau. Người ta bảo rằng đàn bà ít kín miệng. Nhưng khi họ tỏ ra kín miệng, thì lại không phải là vì hảo ý.

Có điều lạ lùng là dẫu bị lầm, họ cũng không oán, và mặc dầu bị bỏ rơi, bị làm nhục, người chồng cũng không lấy làm giận. Những người vợ ra đi như thế làm cho cuộc đời anh Bốn Thôi càng lúc càng đen tối thêm. Người này đi, người kia lại ra đi, sự đau khổ cứ diễn đi diễn lại mãi, mỗi lần như vậy anh ta mỗi cảm thấy rùng mình như nhà thi sĩ nghe lặp lại cái câu tuyệt vọng não nùng từ cửa miệng con quạ quái gở trong bài thơ kỳ quặc danh tiếng nọ, mặt anh mỗi tối đi, đầu anh mỗi gục nặng xuống thêm nữa. Thật vậy, anh Bốn Thôi như càng ngày càng cúi gục xuống, không đủ sức cất cao đầu lên nữa. Tuy vậy, dù gục đầu anh vẫn cứ lùi lũi tới lui thăm viếng gia đình của các người vợ cũ. Mồng năm ngày tết, các ngày cúng quảy, anh vẫn lễ mễ khăn

áo đến nhà các người vợ cũ làm đầy đủ bổn phận của người rể ngoan, đến nỗi tất cả các gia đình đều thương xót, ái ngại, đều cảm thấy như sự phụ bạc lầm lỗi của các người con gái dần dần trút hết lên họ một cách nặng nề.

Mùa đông năm trước khi xảy ra cuộc khởi nghĩa 1945, bà Hai Hồ gạt lửa để dưới giường nằm cho ấm; giường gãy, bà ta ngã lên lửa, vì vướng lúng túng mền chiếu, không vùng dậy kịp thời, bị phỏng nặng. Ban đầu Bốn Thôi lui tới mỗi ngày vài lượt, về sau anh ta phải ở lại nhà mẹ vợ suốt nửa tháng để chăm nom thuốc thang, nấu cơm, giặt giũ cho bà ta. Bốn Thôi lúc nào vốn cũng buồn rầu và nghiêm chỉnh. Bởi vậy, sự tận tụy của anh, dù là trong khi anh làm những công việc nhỏ mọn không xứng đáng với người đàn ông, cũng có vẻ khả kính. Anh ta mến trọng, hầu hạ mẹ vợ, bất chấp sự khinh bỉ và mối ác cảm của làng xóm đối với bà ta từ trước đến nay. Thái độ can đảm của anh ta lần lần rồi nâng cao bà Hai Hồ lên ít nhiều trước con mắt người xung quanh.

Tất cả năm gia đình bên phía vợ cũ đều công nhận rằng một người rể như Bốn Thôi thật là quí báu. Và bà tôi, sau khi lục soát khắp cái xã hội mênh mông của «mọi lần» cũng lắc đầu, chịu rằng một nhân vật như

vậy khó tìm ra.

Các người nghiên cứu về tính dục ngày nay thường khi họ nêu lên những điều rất nhảm nhí. Thậm chí họ phát giác ra có kẻ tìm thấy khoái trá trong sự tiếp xúc, nâng niu những vật vô nghĩa lý thuộc về người đàn bà mình yêu thương, thí dụ như cái khăn tay cũ, sợi tóc, một mảnh «tàn y» còn lưu hương v.v…, những gì đã gần gũi người yêu và có thể «đại biểu» cho thân thể người yêu. Họ cho đó là một biểu lộ bệnh hoạn của dục tình, như thể là một hiện tượng bái vật trong sự tín ngưỡng.

Hỡi ôi ! bà Hai Hồ có thể đem ví với một chút tàn y, một mảnh áo rách không thơm tho mà gợi cảm ấy sao? Và thái độ trọng vọng thành kính trên nét mặt rầu rầu nghiêm chỉnh của Bốn Thôi ấy lại có dính líu đến dục tình sao ? - Không còn có sự suy diễn nào nhảm nhí hơn.

Tuy vậy có một chút sự thực cần phải nói ra là quả tình Bốn Thôi thường thường viếng thăm những gia đình vợ cũ không phải vì ân nghĩa, vì tôn trọng những nề nếp lễ nghi phong tục đẹp đẽ. Sự thăm viếng chuyên cần mà trịnh trọng như những cuộc hành hương ấy đối với tất cả năm gia đình nọ, có mục đích ích kỷ. Nó xoa dịu sự khoắc khoải cô đơn của anh ta. Ra vào nhà cửa

của các người con gái đã mất ấy, tiếp xúc thưa gởi với mẹ cha chị em họ, tiếp tục đóng vai trò người chồng họ, tẩm mình trong cái không khí thuộc về thế giới những người vợ cũ như thế, Bốn Thôi cảm thấy mặt mũi mình bớt bị tối sầm lại, đầu óc bớt bị trĩu gục xuống; anh ta cảm thấy một sự an ủi, anh ta như được thư thái hơn, bình tĩnh hơn.

Thật là khắc nghiệt và thô lỗ nếu gán cho thái độ của anh những danh từ đại loại như bệnh hoạn, dục tình v.v… khi anh chỉ muốn yên lặng tìm một cảm tưởng an tĩnh. Người đời thiếu sáng kiến thường hiểu được thái độ của những kẻ lánh đời bằng cách lênh đênh khắp ngũ hồ, mà không chịu hiểu cho kẻ lánh đời bằng cách lẩn quẩn trong khoảng năm gian nhà vợ cũ.

Nhưng điều gì mà không ai chịu cảm thông với mình, Bốn Thôi vẫn tin rằng nếu chị Lộc còn ở đời, chị sẵn sàng thông cảm. Sao chị lại không biết đến tâm trạng của kẻ lẩn quẩn ở nhà vợ khi chị đã từng thấu hiểu được cả cái tâm trạng của kẻ lẩn tránh sự cô đơn ngay trong lỗ mũi mình ! Bốn Thôi tin rằng nếu chị Lộc còn ở đời anh không đến nỗi thành một hiện tượng bí hiểm.

Nhưng ngoài chị Lộc ra, những người vợ khác, họ đối với anh cũng như mọi người đối với anh. Họ không có sự thông cảm. Có lạ chăng chỉ là họ đã xa bỏ Bốn

Thôi mà trước sau vẫn không tỏ một ác cảm gì, một sự giận dỗi nào cả. Một năm nọ, người vợ đầu tiên của Bốn Thôi trở về làng. Chị ta kể rằng đã đi làm công ở một đồn điền trà trên Biển Hồ, chị đã có chồng khác và có con. Tôi có được gặp người đàn bà nhỏ vóc, răng đen, và nước da vàng ấy, gặp vào hôm chị ta tới thăm nhà Bốn Thôi.

Mọi người trong gia đình chị ta đều bảo là chị cần phải đến thăm người chồng cũ. Chị ta nghe theo, thản nhiên. Khi họ gặp nhau, chị ta nhoẻn cười, như thể là để làm lành, xin lỗi, mà cũng như thể là để khích lệ Bốn Thôi. Tuy vậy, anh này vẫn cứ bẽn lẽn. Anh bẽn lẽn, khiến người ngoại cuộc có thể nghĩ là trong việc người vợ bỏ nhà trốn đi trước kia, phần lỗi thuộc về anh chứ không phải về người vợ.

Rồi người đàn bà bạo dạn chào hỏi chú thím Bốn Thôi. Họ hỏi thăm nhau về sức khỏe, về tình hình mùa màng, về công chuyện làm ăn. Người đàn bà lại kể với Bốn Thôi chuyện chị làm công ở đồn điền trà trên Biển Hồ, chị có chồng khác, có con… Như thế, một lúc sau, họ vui vẻ, đề huề, tưởng không có gì ngăn cản họ lại sum họp mãi mãi bên nhau.

Đến một lúc, tự nhiên người đàn bà nhìn về phía bàn thờ, có ý tìm kiếm một cái gì. Bà thím của Bốn Thôi

nói :

- Năm ngoái ông ấy trông thấy bộ bình phong tam sơn này, thích quá, nhất định mua về. Bộ cũ bán rồi.

Bà tưởng người cháu dâu cũng chú ý đến bộ đồ thờ bằng gỗ mới. Ông chú nghe nói đến mình, tủm tỉm cười. Nhưng ông ta trông lại, và hiểu rằng người cháu dâu không để ý đến bộ đồ thờ. Quả nhiên, chị ta vừa cười vừa hỏi :

- Cái đó… ở đâu ?

Người thím hỏi :

- Cái gì ?

Chị ta cười lớn hơn :

- Cục đất đó ?

Trước khi chị nói ra câu ấy, Bốn Thôi đỏ mặt như gấc. Anh hiểu sự tò mò của chị ta. Chị đã nghe người ta nói về cục đất có in vết chân chị Lộc ! Nhưng mà còn đâu nữa : lâu năm quá rồi, vết chân chị Lộc cùng với những vết ngoe cua đã tan rã, trở về đất bụi rồi, còn đâu !

Người đàn bà nước da vàng vàng cười ngắc nga ngắc nghẻo. Rồi chị ta vừa nói chuyện vừa giúp bà thím nấu

dọn bữa ăn. Ba hôm sau, chị lại đi Biển Hồ.

Ngay đến người đàn bà toe toét, dễ dãi ấy cũng vẫn cứ kín miệng về chỗ lý do khiến họ xa bỏ Bốn Thôi. Vì vậy mà sau đó một người đàn bà thứ sáu lại đến làm vợ anh ta nữa !

Người đàn bà này từng có hai đời chồng rồi. Ngày về nhà Bốn Thôi, chị ta đem theo đứa con gái mười một tuổi.

Người ấy dĩ nhiên không phải là một người đẹp; nhưng chị ta cũng không xấu xí. Năm lấy Bốn Thôi, chị vừa ba mươi tuổi, trông hãy còn trẻ lắm, nhưng có vẻ bẩn thỉu, tả tơi. Chị ta có thể mặc cái áo cụt thiếu mất vài hột nút, để hở cả bụng, cứ thế đi lại khắp xóm.

Chị không quan tâm đến sự ăn mặc, mà tôi chắc cũng không quan tâm đến việc lấy chồng. Chỉ có một điều làm bận rộn cuộc đời ấy là sự ăn uống. Nhà thì nghèo túng mà chị ăn vặt vãnh quá nhiều. Chị cũng biết như vậy là không tốt, cho nên nhiều lần người ta gặp chị cầm cái tô đi đến tận cuối xóm, hỏi đi đâu, chị cười bảo:

- Đi xin chút nước bún về cho con nó uống. Nước bún uống vô, thấy khỏe liền. Lạ chớ ! … Không mất tiền mà !

Chị lại cười nữa. Kỳ thực, ai cũng biết chị đã mất rất nhiều tiền nhiều lúa vào lò bún, mà không phải là để uống nước cho khỏe. Bởi vì nước bún chẳng ai bán bao giờ.

Người chồng thứ hai chết đi, để lại đứa con trai ba tháng. Chị thường giao thằng bé cho đứa con gái trông nom để chị đi làm công và đi đây đó trong xóm. Một hôm thằng bé đang bệnh, chị đặt nó lên võng, lót một manh chiếu dưới lưng, dỗ nó ngủ, rồi ra đi. Sau khi ăn một tô bún còn nóng tại lò, ăn tiếp luôn một miếng mít vừa xin được, chị còn để dành năm múi mít đem về cho con.

Chạng vạng tối thì chị về tới nhà. Đứa con gái đi vắng, bỏ trống cửa. Gió lạnh thổi vào nhà qua khoảng cửa mở, luồn dưới các ngạch cửa và qua khe hở ở chỗ bức vách bị nứt ra, xiêu ngã. Trên võng, thằng bé đã tắt thở từ bao giờ, mặt xanh lè, một chút bọt sùi ra bên mép. Phía dưới lưng, một con chó con giỡn với sợi dây võng, kéo chiếc võng chạy qua chạy lại.

Hôm đó, chị đánh đứa con gái một trận tơi bời. Và chị kể om sòm cho khắp mọi người biết rằng con bé đã giết chết em nó. Xuân - đứa con gái - nghĩ là quả thật nó có lỗi : nếu lúc ấy đi ngoài xong nó về ngay, không đuổi bắt con chim què thì chắc chắn là em nó không chết.

Từ năm lên mười tuổi đứa con gái đã mang một vụ án mạng trên lương tâm.

Sau khi thằng nhỏ chết một năm, người mẹ lấy Bốn Thôi. Việc này không có liên quan gì đến ái tình, mà chỉ là chuyện sinh kế của người đàn bà. Không gặp Bốn Thôi chị ta nguy mất : nhà bếp ngã xuống một nửa, hai bữa cơm hàng ngày kiếm không đủ mà ăn.

Về phía Bốn Thôi, đối với các người vợ của mình - trừ chị Lộc - anh ta vẫn không tỏ ra thích người nào hơn người nào. Chị vợ thứ sáu cũng có những điểm tốt bên cạnh những nết xấu, như mọi người ở đời. Nếu đôi khi có người chê chị ta ăn mặc nhớp nhúa, hở hang, chị nhăn răng ra cười. Trông thấy những người đàn bà săn sóc sự ăn mặc, điểm trang, chị nguýt trộm, bỉu môi sau lưng, đầy vẻ nghi kỵ ranh mãnh. Nhưng chị cũng lại cười.

Lẽ cố nhiên chị ta không dùng một thứ trang sức nào, nhưng nhờ ăn được nhiều, chị có một chút máu hồng bốc lên hai gò má. Nhất là những lúc chị ta cười, máu dồn lên đỏ phừng, trông chị ngon lành như một trái chín cây. Từ khi chung sống với nhau, ngày ngày Bốn Thôi vẫn có nhiều dịp bắt gặp người vợ cười, anh ta có liếc mắt nhìn, và không phải không biết đến cái ưu điểm của vợ mình như thế.

Một đêm tháng ba, chị đi chợ về khuya. Trong thời kỳ kháng chiến chợ họp về đêm để tránh bị oanh tạc. Mỗi người đi chợ xách theo một chiếc đèn làm bằng cái chai cắt ngang. Những anh dân quân gác xung quanh chợ chờ đến lúc trời chạng vạng tối mới cho người ta vào chợ, thắp đèn lên mua bán. Phiên chợ kéo dài như thế tới tờ mờ sáng thì giải tán. Lúc nào có máy bay đến, nghe hiệu lệnh báo động, ai nấy đều phải tắt đèn, chạy tản ra đồng tìm chỗ nấp.

Người vợ thứ sáu của Bốn Thôi đi chợ về vào một đêm trăng tháng ba. Trăng sáng đủ thấy đường đi, chị ta tắt ngọn đèn xách tay để tiết kiệm dầu. Sương xuống trắng cánh đồng.

Đi đến gần cái ao đầu làng (một vết chân của ông Khổng Lồ) bỗng chị ta thấy có vật gì cựa quậy bên một bụi rậm ở bờ ao. Một ánh lửa đỏ lập lòe trong bụi cây. Rồi một hình người trắng toát đứng vụt lên. Chị ta đưa bàn tay lên đè ngang ngực, nhìn kỹ lại, và bật lên cười :

- Quỉ ! Làm người ta hết hồn !

Người đàn ông khoát tay liên tiếp, nóng nảy. Nhưng hắn ta không chận được tiếng cười, hắn ta càu nhàu :

- Chỉ có bỏ chỗ này đi cho rồi, còn câu chó gì được nữa ! Cười gì mà cười dữ vậy ?

Vừa nói người đàn ông vừa giở cần câu lên. Hắn ta đang ngồi câu ếch. Tiếng ồn vừa rồi làm kinh động lũ ếch dưới ao, hắn thất vọng, nhìn chị đàn bà, tỏ vẻ khó chịu. Chị vẫn nhăn răng cười, dễ dãi :

- Chớ câu cái gì mà ngồi như chực rình người ta vậy? Khuya khoắt, khéo lựa chỗ ngồi câu !

Người đàn ông bỗng đổi nét mặt, cười một tiếng nhỏ, ngó thẳng vào mặt chị ta. Câu nói vừa rồi chắc đã gợi cho hắn ta một ý gì. Chị đàn bà biết là mình trót nói một điều sai lầm. Chị ta giật mình, cảm thấy lo sợ, bước đi.

Người đàn ông tên Hải, làm trùm xóm, vẫn là người quen biết lâu nay. Nhưng hắn ta chưa bao giờ nhìn chị bằng cái nhìn «gian» như vậy. Chị vừa quay lưng đi thì hắn ta nói :

- Đi đấy à ? Tự nhiên đến quấy người ta rồi bỏ đi đấy à ?

Chị ta không trả lời. Hắn nói tiếp :

- Muốn có thịt để ăn chơi không ?

Bất giác chị ta ngoảnh lại. Hắn vung cái vợt lên ngang mặt, đung đưa. Bàn tay của hắn nắm thắt lấy lưng chừng cái lưới : có mấy con ếch ở dưới đáy vợt chồm nhảy lên kéo dài thân hình đen thui. Người đàn ông không cần nói, cho rằng cử chỉ của hắn ta đủ hùng hồn, quyến rũ. Nhưng chị đàn bà nhìn một lúc rồi quay đi. Hắn ta vội vàng bảo :

- Thịt ếch mà không ăn ? Dại ôi là dại !

- Ừ, thì dại.

Chị sắp bước đi. Hắn hỏi với theo :

- Thờ Phật đấy hả ? Từ bao giờ đó ?

Chị ta lại bật cười, dễ dãi :

- Ừ, tu lâu rồi.

Chị sắp sửa đi. Hắn ta gọi gấp :

- Này !

- Cái gì ?

- Tu quái gì chị mà tu hành ? Tại sao không ăn thịt ếch ?

- Ai làm thịt cho ăn ? Thứ đó, mướn tôi không dám làm thịt : chặt đầu rồi nó còn run cả tay chân. Gớm lắm.

Người đàn ông phá lên cười :

- À ! Có vậy mà tưởng chị đâm ra chê thịt. Lại đây ! Người ta chỉ cho cách làm thịt ếch.

Thoạt tiên người đàn bà nghi ngờ. Nhưng sau cùng chị cũng trở lại, vừa đến vừa cười. Lúc chị ta đã đến gần, người đàn ông đưa tay lên béo mạnh một cái vào cái má nhiều thịt của chị. Các ngón tay của hắn vừa mạnh vừa nhanh, hăng mùi khói thuốc đã lạnh.

Béo xong hắn ta tiếp liền vào chuyện làm thịt ếch. Hắn bảo chị sau khi chặt đầu ếch xong, phải đè nó xuống, dùng một cái tăm đâm suốt dọc theo xương sống của nó. Như thế vất con ếch ra nó sẽ mềm xèo, nằm im.

Người đàn bà chưa hiểu rõ. Hắn ta cho tay vào vợt, lôi một con ếch ra, trao chiếc vợt, bắt chị đàn bà nằm giữ, còn hắn ta thì đè con ếch xuống, chỉ vẽ cho chị ta biết phải chặt đầu ngang chỗ nào, phải đâm từ chỗ nào. Người đàn bà cười ngắc nga ngắc nghẻo một cách vô lý.

Hắn lại nhìn vào mặt chị ta bằng cái nhìn rất «gian». Chị biết rằng chị lại vừa làm điều sai lầm nữa, tuy vậy

trước khi chị ta kịp ngắt tiếng cười, người đàn ông đã đưa ngón tay vừa nắm con ếch mà quẹt chùi mạnh vào vai áo chị ta. Chị né tránh, hắn ta kéo lại, và chị suýt ngã vào người hắn. Cái khăn lông quấn xung quanh cổ người đàn ông xông lên một mùi khói thuốc lẫn với sương lạnh thành một mùi hăng rất mạnh. Chị sắp nổi giận về cử chỉ của hắn ta, nhưng hắn đã nói :

- Bây giờ thì muốn mấy con ? … nghĩa là mấy con ếch ?

Chị ta giơ cao cái vợt lên đếm :

- Một, hai, ba… tất cả chỉ có bốn con !

- Bốn con mà không được một bữa no nê hả ? Xào với nghệ, cho thật nhiều nghệ, đổ kha khá nước vào. Có bún mà ăn với nó năm ba tô coi nào. Nước ngọt tuyệt. Đã ăn ếch lần nào chưa ?

- Chưa !

- Trời ơi ! Cứ tưởng thịt cầy chị cũng không từ.

Hắn ta xoay ra nói chuyện về ăn uống. Hắn nói coi bộ thạo. Đôi bên gặp nhiều chỗ tương đắc. Hắn ta đồng ý với chị, rằng ăn uống là một sự quan trọng trên đời. Hắn giúp chị ta tìm một sợi dây buộc bốn con ếch lại

vào một xâu dài, xong hắn cầm cả xâu ếch đu đưa trước mặt người đàn bà, để cho những bàn chân ếch chới với suýt cào trúng mặt chị ta. Chị đàn bà cười khanh khách, ngả nghiêng. Hắn ta chồm tới gần, mùi khói thuốc ướp sương đêm, hăng và lạnh, xông vào mũi chị ta, quen thuộc.

Có một lúc người đàn ông bảo :

- Đây cầu cho thiên hạ đi tu hết, cho ai nấy đều kiêng ếch hết.

Hắn hỏi chị :

- Nhà chị thích về niết bàn hay thích ở lại… ăn ếch ?

- Đây thì tu.

Hắn phá lên cười :

- Biết thừa ra rồi. Tu mà nghe mùi thịt thì nước dãi ứa đầy mồm…

Chị đàn bà không nghe hắn nói, tiếp tục ý nghĩ của mình, giọng bí mật :

- Chẳng tu mà cũng như tu !

Người đàn ông đang cười, chợt dứt ngang, quay nhìn lại, ngờ vực điều gì :

- Thiệt đấy hả ?

Hắn ta vụt hiểu nhanh như cắt. Người đàn bà cảm thấy là hắn đã hiểu tất cả. Sự bí ẩn trong cuộc đời ân ái của Bốn Thôi trải qua sáu người đàn bà, đến đấy bị tiết lộ rồi.

Chị đàn bà biết mình lại sai lầm nữa. Nhưng lần này thì muộn quá, không sửa chữa kịp. Hắn ta nhìn chị rất «gian», bạo dạn, háu ăn và dữ như cọp ! Người đàn bà tự nghĩ : «Muộn mất ! Muộn mất rồi !». Thế rồi đến mức cuối cùng của sự lo lắng tự dưng chị ta nở một nụ cười bình tĩnh, dịu dàng, đón đợi.

Sáng hôm sau, chị ta lui cui mang ếch ra làm thịt. Chị dùng que tăm xỉa vào suốt xương sống, con ếch xụi đơ chân ra, hết run; chị vứt nó ra, lấy một ngón tay lật qua lật lại : thực là bất động. Chị ta mỉm cười vui vẻ : «Thằng cha thạo chuyện ăn thiệt !»

Cái cười dần dần nhuốm vẻ dịu dàng thầm kín, và vẫn vu vơ như một ánh đèn lợt lạt không chiếu vào đâu.

Từ đó, người đàn bà không sợ ếch nữa. Và ngay một lần đầu chị đã xơi đến bốn con ếch, thì dĩ nhiên chị có

quyền không chê những con từ thứ năm trở lên.

Tháng giêng năm sau, chị đẻ một đứa con trai.

Ở thôn quê, người ta thường tỏ việc nhà người khác. Một việc đặc sắc như việc Bốn Thôi có đứa con đầu lòng sau sáu đời vợ không thể không được chú ý. Người ta cũng hay rõ cả việc chị vợ thứ sáu ăn thịt ếch sau đêm trăng tháng ba nọ. Và rốt cuộc khắp làng ai nấy đều quyết rằng đứa con đầu lòng của Bốn Thôi chính là do tên trùm Hải hiến cho, cũng như tất cả những đứa con sau này nữa.

Người đầu tiên biết liên hệ việc chị vợ thứ sáu ăn ếch, đẻ con trai, việc chị ta đề huề chung sống với Bốn Thôi, cùng với việc những người vợ trước bỏ anh ta trốn đi, liên hệ những sự việc dài dòng như thế để rút ra một kết luận, người ấy là ông tú Từ Lâm. Ông ta kết luận rằng Bốn Thôi là một gã bất lực.

Ông tú Từ Lâm tuy vẫn đúng là một ông tú, nhưng bà tôi ngờ rằng có nhiều chỗ không còn đáng tin cậy, bởi ông ta không còn thực là một ông tú như những ông tú cổ thời. Mấy mươi năm sống lang thang ở thành thị đã biến ông ta thành ra một kiểu mẫu ông tú kỳ quặc : ông ta mặc quần áo bà ba, ngoài khoác áo bành - tô ka - ki, và khi luận đàm thì xáo trộn tư tưởng thánh hiền với

những loại ý tưởng thực là quái gở, nhảm nhí.

Về câu chuyện anh Bốn Thôi, nghe ông tú Từ Lâm kết luận như thế, rồi giải thích cái kết luận ấy, rồi bàn tán với người nọ người kia, rồi cùng nhau cười khúc khích, bà tôi quả quyết rằng một trường hợp như vậy chưa bao giờ xảy ra trong thuở «mọi lần». Vậy tất có điều vô lý, khó tin.

Dù khó tin, người vợ có thể đẻ con được đã đem lại cho cuộc đời Bốn Thôi sự yên ổn chưa từng có. Trước kia bên cạnh các chị vợ không sinh nở, đời sống của anh ta luôn luôn bị náo động vì những vẫy vùng, oằn oại, như phải trăn qua trở lại suốt mười mấy năm trời không yên, ngoại trừ những ngày sống với chị Lộc. Cho đến khi người vợ mang thai, anh ta như thở dài một cái, tự mình cảm thấy thỏa mãn, thoải mái.

Không thể nói được rằng anh ta đã tìm thấy hạnh phúc. Anh vẫn yên lặng, nét mặt vẫn lầm lì, vẫn có cái gì u tối. Tôi chắc anh ta cũng không lầm về lai lịch các đứa con, mặc dù là không bộc lộ một sự thù hằn ghen tuông nào. Tuy vậy, sau này những khi rảnh rỗi, thay vì hì hục khổ sở với những sợi lông mũi, anh ta lưu ý tới các đứa con, lắng tai nghe chúng cãi nhau, xúm xít dự vào những cuộc ăn vặt của chúng và mẹ chúng. Tấn thảm kịch chấm dứt như thế, trong một cảnh quây quần

ríu rít không hẳn là vui vẻ sung sướng.

Người vợ tiếp tục đẻ, và cuộc đời Bốn Thôi càng ngày càng êm ả, vững chãi, càng xa những đảo điên, nguy hiểm.

Sau khi Bốn Thôi sinh con đầu lòng chẳng bao lâu thì tình hình ở vùng chúng tôi đã không được yên ổn. Nhiều tin tức liên tiếp báo rằng chiến sự rất có thể lan đến nơi. Gia đình tôi trù tính chương trình tản cư. Nhưng một trong những điểm đầu tiên mãi mãi không sao thực hiện được : ấy là việc đưa bà tôi đi lánh nạn.

Ban đầu bà tôi có dự vào những cuộc bàn cãi về tình hình, mỗi khi gia đình tiếp đón một tin tức chiến sự quan trọng. Người tỏ ra rất luống cuống, lo hãi. Người thở dài nhiều lần, đồng ý là đành phải tìm chỗ chôn giấu mấy bộ đồ thờ, những chén dĩa quí và một số thóc, còn một số nữa thì di chuyển ngay đi gửi ở một làng sơn cước để phòng ngừa khi phải tản cư lên đó mà ăn. Nhưng đến khi bàn vào việc tản cư thì người luôn luôn tìm cách trì hoãn ngày lên đường. Về sau. bị mọi người thúc giục gấp quá, bà lảng tránh hẳn những cuộc bàn cãi về vấn đề lánh nạn.

Bà tôi cũng có một lý lẽ để chống cự một cách yếu ớt với con cháu : «Nếu có chuyện gì nguy hiểm thì làng

trên xóm dưới đều chịu hết, chứ phải riêng gì mình sao?». Đến khi các cô tôi bảo rằng từ làng trên đến xóm dưới người già cả cũng đều lục tục tránh đi cả rồi, thì bà tôi nhất định không nói đến chuyện giặc giã nữa.

Cuối tháng tư năm ấy, một hôm vào khoảng chín giờ sáng, giặc nhảy dù xuống cách làng chúng tôi chừng bảy cây số. Thoạt tiên, khi máy bay quần nhiều vòng rộng trên khắp vùng, ai nấy tưởng sắp có cuộc oanh tạc, đều chui hầm trốn. Đến khi có người trông thấy những chiếc dù từ phi cơ rơi liên tiếp như những giọt dầu lớn nhểu xuống giữa một màu trời xanh rất đẹp, người ấy la lên hoảng hốt, tức thì chúng tôi hết sức bối rối. Địa điểm tập trung quân nhảy dù ở gần quá, nếu họ tiến về phía làng chúng tôi thì chỉ trong một giờ là đến nơi rồi !

Lần này bà tôi không còn cách gì trì hoãn được nữa. Người bị đưa đi tản cư ngay giữa lúc máy bay còn quần trên đầu ầm ầm.

Bà tôi lần tới được nơi đã dự định, tức là một nhà quen ở mép núi, thì người lánh nạn tràn vào đã đông quá rồi. Họ chiếm tất cả các gian phòng trong nhà. Ngoài vườn, dưới bóng cây mít, cây chuối, giữa các lùm thơm, người ta cũng trải chiếu lên mà ngồi, mà nằm. Dàn xếp mãi, thầy tôi mới giành cho bà tôi được một chỗ ở đầu hè.

Ở đây, một khi chiếm được chỗ, trải chiếu ra xong, bà tôi gần như bị bắt buộc phải loay hoay mãi trên khoảnh một manh chiếu ấy suốt ngày. Mỗi lần đứng lên đi một bước, người phải vất vả giữ gìn cẩn thận để tránh khỏi va đụng vào những người nằm, những trẻ con ngủ, những chén dĩa, niêu nồi, ấm tách, gạo mắm… dàn ra xung quanh.

Buổi tối, sau khi dò la tin tức hành quân, mỗi gia đình cho về làng một vài người đàn ông để góp nhặt chuyển nốt những thứ gì có thể chuyển được lên núi, những thứ đã bỏ sót ban sáng trong lúc vội vàng : những con heo, con gà không kịp bắt đem theo, những trái bí, trái dưa, buồng chuối cần phải bẻ ngay, nếu không sẽ bị mất trộm v.v… Trong lúc thầy tôi sắp sửa theo mấy người về làng, chợt bà gọi lại. Người dặn thầy tôi nếu có đủ thì giờ thì nên xem qua các hũ mắm một tí.

Tôi nhận thấy bà có ý ngập ngừng, tuồng như sợ làm phiền thầy tôi. Sự giễu cợt lâu ngày của các cô tôi rốt cuộc làm cho bà tưởng như mắm muối là một thị hiếu lẩm cẩm của mình chứ không phải là một nhu cầu thiết yếu của gia đình. Thử «xem qua» trong lời bà tôi nói có ý khẩn khoản là «hãy chăm sóc», «hãy cứu lấy» lũ mắm trong cơn hoạn nạn, khói lửa. Người sợ rằng trong hoàn cảnh khẩn cấp một sự gửi gắm như vậy phiền lụy thầy

tôi nhiều quá chăng.

Tuy vậy thầy tôi đã chuyển lên núi được hai tỉn mắm trước sự vui mừng hớn hở của bà. Và nhờ hai tỉn mắm ấy, suốt mấy hôm tản cư gia đình chúng tôi vừa được mặn miệng vừa được cảm tình của nhiều bạn hữu lân bàng.

Ba ngày sau hôm giặc nhảy dù, chắc chắn rằng vùng tôi không còn nguy hiểm, tôi được phép về thăm nhà ban ngày.

Bước chân vào một làng vắng vẻ, người ta tự nhiên có cảm giác rờn rợn, hồi hộp. Chỉ cách có đôi ba ngày mà lá cây như rụng nhiều hơn trên các lối đi, cỏ như lan tràn ra nhiều hơn, chim chóc đậu đây đó như đã lạ với bóng người. Tuy đã được biết trước về tình hình, kẻ mới vào làng cũng rụt rè tưởng chừng tại mỗi bụi tre, mỗi góc đường đều có thể gặp một sự bất ngờ.

Thỉnh thoảng mới trông thấy một đám dân quân ngồi xúm xít hút thuốc, trò chuyện. Đi qua khỏi họ đã xa, vô tình ta vẫn còn lắng tai nghe tiếng nói của họ, như bấu víu lấy một sự nâng đỡ cho được an tâm, như dò lắng thăm chừng cái mức độ hoang vắng của xóm làng.

Tôi bước vào khỏi cổng. Điều tôi chợt trông thấy

trước tiên là một con gà choai đang chớp cánh nhảy chồm lên mổ con dòi bò quanh miệng một cái chum cao. Mỗ hụt, nó nhảy liên tiếp đôi ba lần, và cuối cùng làm rơi cái sọ dừa đậy chum xuống đất, kêu lên một tiếng khô khan.

Tôi đi vòng quanh nhà, và hoảng hốt vì một tai nạn kinh khủng : không biết con heo nhà ai thả rông đã chui rào vào ủi đổ sáu hũ mắm của bà tôi, vừa mắm cái vừa mắm nước. Vài ba hũ khác bị mất nắp đậy. Và bất cứ hũ nào cũng đầy những dòi là dòi ! Thôi, thế là dẫu chưa có súng đạn nổ ra ở đây, cảnh tượng ấy đối với bà tôi đã đủ cái bi thảm của một cảnh chiến trường rồi…

Buổi trưa hôm đó, tôi ở lại nhà, nằm nghỉ ngay trên giường bà tôi.

Ngôi nhà không người tự nhiên mát mẻ hơn mọi ngày. Một con nhện đu đưa ở đầu một sợi dây tơ thả lửng lơ giữa nhà. Một con ong bầu bay quẩn vài vòng rồi chui vào cái lỗ khoét ở lòng trính. Một ngọn gió phất nhẹ, cây lúa con mọc dưới ngạch cửa phe phẩy chiếc lá non. Một con chuột nhỏ, thấy im vắng, chạy ra đến giữa nền nhà, rồi ngập ngừng, đứng lại, quơ cái đuôi nhọn một cách e ngại. Con nhện chạy quanh cây cột rình bắt con ruồi. Và bụi mọt lặng lẽ rơi lên mặt chiếc phản gõ ở phía chái nhà trên…

Mọi vật ở đây đều yên ổn. Và mỗi tiếng co chân, tiếng trở mình của tôi trên chiếu đủ làm kinh động cả cái thế giới những con chuột, con gián…

Hàng ngày, lăng xăng giữa sự hoạt động của gia đình đông đảo, chưa có bao giờ như buổi trưa hôm ấy tôi ngừng lại trong cảnh vắng vẻ, thấm thía sự sống thân mật trong khung cảnh ngôi nhà quen thuộc của mình. Lúc này tôi rõ cái gì đã khiến bà cụ già sống ngót nửa thế kỷ trong ngôi nhà ấy cứ quanh quẩn không chịu quyết định rời bỏ nó để đi lánh nạn.

Có một vật gì cộm dưới lưng ! Tôi lật chiếu xem : thì ra là một cây quạt ! cây quạt của bà tôi, có buộc một sợi chỉ ở sau cán để phòng những khi đi xa thì gài vào nút áo cho khỏi rơi mất.

Tò mò, tôi điểm qua các vật dụng bà tôi để trên chiếc giường mình đang nằm. Một cây chổi bằng cọng dừa dùng để đuổi muỗi, treo dọc theo cây trụ mùng. Một hộp thuốc tễ bát vị đã uống hết thuốc, hộp dùng đựng thuốc rê và giấy quyến, để dưới chiếu, phía đầu giường. Một hộp quẹt vỏ rất cũ kỹ, ba cây đèn cầy, để ban đêm bà tôi thức dậy cầm đi soi khắp xó xỉnh trong nhà. Một gói giấy, trong có mấy tờ bạc vuốt rất thẳng… Những đồ vật nhỏ nhặt, những sắp đặt tỉ mỉ, những thói quen thân thiết lâu đời… một nếp sống đã an bài và thu hẹp

trong những hoạt động vặt vãnh ! Bà tôi bận tâm về những cái ấy hơn bất cứ cuộc tấn công quân sự nào.

Tôi nằm nghĩ đến mối buồn phiền của bà trong ba hôm rồi, nằm ở một hè nhà dưới chân núi, xung quanh lúc nào cũng lao nhao người vật ngổn ngang, ba hôm xa lạc những chum mắm và những cây nến, xa lạc cây quạt có sợi chỉ buộc đằng cán ! …

Có tiếng khua ở trước sân. Tôi xô một cánh cửa sổ trông ra. Một người đang lom khom bưng tỉn mắm đã nghiêng đổ, trút cả vào cái tô lớn thường dùng uống nước chè Huế. Tôi bước ra, người đàn ông quay lại : anh Bốn Thôi ! Anh ta cười bảo : «Anh em dân quân xin miếng mắm ăn cơm.» Anh cúi xuống tiếp tục chắt hết nước mắm vào tô, xong rồi ngẩng lên, thong thả nói thêm, để phân trần : «Mấy hôm nay không có chợ, trong xóm lại không có đàn bà để kiếm cái ăn. Phải xin chút ít của đồng bào ! … Ủa ! heo lại lật đổ mắm nữa! Hôm qua, hôm kia, ngày nào vô đây tôi cũng thấy có đôi ba hũ mắm bị ngã, đỡ lên xong lại bị ủi ngã nữa. Không biết heo nhà ai.»

Cho đến khi tình hình thực yên ổn, bà tôi hồi cư thì rác trong vườn có được dồi dào phong phú khác thường, tha hồ cho người dọn đốt. Tuy nhiên hầu hết các hũ mắm của người đã chẳng còn gì nữa : phần thì

bị heo phá đổ, phần thì anh em dân quân mượn dùng. Tôi từng nghe trong chiến tranh nhiều nhân vật tên tuổi bị thiệt mất hoặc một thư viện gồm mấy vạn cuốn sách quí, hoặc một kho tàng đồ cổ vô giá. Những sự thiệt hại như thế khiến cả xứ cùng tiếc. Trái lại chưa nghe nói có ai xúc động vì một sự thiệt hại tương tự như sự thiệt hại của bà tôi. Tuy thế mà so sánh về sự buồn rầu của kẻ bị mất mát, thì vị tất bà tôi đã chịu nhường các nhân vật kia. Nhất là từ đó cho đến khi nhắm mắt qua đời, người không thể nào gầy dựng lại được «cơ sở» như trước nữa.

Sau cuộc nhảy dù ấy một tháng có cuộc đổ bộ ở duyên hải, cả làng lại tản cư lần nữa. Hai tháng rưỡi sau, mặt trận An Khê muốn vỡ : dân chúng được lệnh sơ tản tài sản, vật dụng. Những cuộc chuyển dời liên tiếp như vậy trở ngại công việc mùa màng và làm hao hụt vật thực lúa gạo của mọi gia đình. Trong tình trạng luôn luôn bị náo động ấy mọi người trong nhà cố giải thích với bà tôi rằng mua sắm tích chứa mắm muối thực là không hợp thời. Bà tôi rầu rĩ, và những lúc nhàn rỗi lại thủ thỉ kể chuyện với tôi về mắm (mắm bấy giờ bắt đầu thuộc về «mọi lần») bằng tất cả sự luyến tiếc.

Bước qua tháng bảy năm đó bà tôi nhuốm bệnh. Người chịu không nổi sơn lam chướng khí trong các kỳ

tản cư, chịu không nổi những xúc động lo hãi, buồn rầu liên tiếp.

Những bà cụ già bảy tám mươi tuổi, mắt mờ tai nặng, họ không đủ minh mẫn để nhận thấy các biến cố xảy đến trong xã hội hiện tại. Họ sống với dĩ vãng. Họ bám giữ các thói quen cũ, cùi cũi sống trong cái thế giới riêng của mình, mỗi ngày mỗi tách xa, quá tầm réo gọi của cuộc sống hiện tại. Đời chỉ còn nom thấy những cái lưng còng của họ càng ngày càng xa khuất. Nhưng một khi cảnh sống huyên náo ác liệt bất ngờ làm xúc động đến họ, gọi giật họ về thực tại, họ sẽ hoảng hốt kinh hoàng, thần kinh rối loạn, họ không chịu nổi nữa.

Trung tuần tháng chín, trung đoàn trưởng trung đoàn 80, một người Thổ, toan lập chiến công đặc biệt, lựa chọn toàn cán bộ từ trung đội trở lên, thành lập một đơn vị quyết tử, đốt lửa ăn thề, lấy quốc kỳ làm khăn quàng, nửa đêm tấn công đánh úp đồn Thượng An. Đến chín giờ sáng hôm sau, tám phần mười đại đội quyết tử bị tiêu diệt. Trung đoàn trưởng Văn Danh tử trận. Kế hoạch đánh đồn thất bại nhanh chóng và bất ngờ làm hoang mang bối rối toàn thể binh sĩ. Chỉ trong vòng ba hôm sau, tin dữ loan truyền ra khắp tỉnh : dân chúng lo sợ địch thừa cơ hội trung đoàn vừa mất quá nửa số cán bộ chỉ huy, mà đánh rốc xuống. Nhà nhà lại rục rịch sơ

tản con nít và người già. Bà tôi lắc đầu, không chịu xa nhà một lần nữa : người tự xét mình đã yếu lắm, muốn được ở yên tại nhà mình cho dù tình thế có ra sao đi nữa.

Tình thế rồi lại tạm yên. Nhưng các sự lộn xộn trong năm làm cho sinh kế gia đình khó khăn, vật thực thiếu thốn. Vào những ngày mưa gió đầu tháng mười, bà tôi bệnh tình bắt đầu trầm trọng. Một hôm người thoáng nghe mẹ và các cô tôi kêu than là nhà thiếu hẳn mắm để ăn, tiếc rằng đến lúc cần thiết nhất thì số mắm tích trữ của bà tôi lại bị phá hủy. Bà đang lim dim bỗng mở mắt ra, gọi mẹ tôi lại, đàm đạo về mắm. Lần đầu tiên trong những năm về già, người được dâu con tán thưởng về việc trữ mắm. Người hoan hỉ ra mặt, quên hẳn cơn bệnh, dặn dò chỉ bảo mẹ tôi nhiều điều để cố gắng xây dựng lại một cơ đồ mắm muối !

Khi bà thấm mệt, ngừng nói, ngủ thiếp đi, mẹ tôi rón rén bước ra khỏi phòng. Gặp các cô, mẹ tôi nhếch miệng cười buồn bã.

Tối hôm đó, bà tôi phát nóng, mê sảng. Nửa đêm bà trụt xuống khỏi giường, định lần dò đến võng, nhưng loay hoay mãi tìm không ra phương hướng. Người lạc lối ngay trong nhà mình, trong ngôi nhà quen thuộc mà người không bao giờ muốn xa rời. Bà tôi la ú ớ. Mọi

người thức giấc, dìu người trở lại giường nằm. Ai nấy đều lo ngại. Tuy vậy, từ đó thỉnh thoảng tỉnh táo người lại hỏi han mẹ tôi về công việc mắm muối, ngầm ý khích lệ.

Sự thực thì độ ấy không cần có sự khuyến khích của bà, gia đình vẫn cố dành dụm mua cho được mắm để ăn. Mùa tháng mười năm đó, hơn tất cả mọi năm, nhà tôi đặc biệt chú ý tới cua : vừa mua, vừa đổ ra đồng để bắt. Các cô tôi xúm nhau nghiên cứu và thí nghiệm các cách làm mắm. Tuy nằm bệnh một nơi, bà tôi không bỏ qua những biến chuyển quan trọng và hợp ý như thế.

Các cô tôi làm hỏng liên tiếp bốn hũ mắm cua chua. Đến hũ thứ năm thì kết quả tốt đẹp không ngờ : nếm thử một chút, ai nấy đồng thanh công nhận không thua mắm của chị Lộc.

Bà tôi được báo tin ấy, mỉm cười. Cái cười của người vừa có vẻ đắc thắng vừa có nghĩa hài lòng vì con dâu trở về với những chăm chút của «mọi lần».

Nhưng người không còn gượng được nữa. Người mất ngay hôm ấy. Trong tất cả «đống» họ tôi, không ai ngờ sự thành công nhỏ nhặt về một hũ mắm cua lại thành ra nguồn vui cuối cùng mà bà tôi được hưởng trên đời.

Còn vỏn vẹn chín năm nữa thì miền quê tôi kể là được sát nhập vào bản đồ Việt Nam đúng năm thế kỷ. Tôi tưởng tượng nếu mỗi địa phương được vui mừng làm lễ kỷ niệm những ngày lịch sử như vậy thì có lẽ cũng là điều hay.

Riêng về phần tôi, tôi lấy làm hổ thẹn mà nhận rằng quả tình thường nhật tôi không ngờ quê hương mình có một quá khứ xa xăm đến bậc đó. Thăm dò cái quá khứ ấy ở đâu ? Chúa này kế chúa kia, vua này tiếp vua nọ chỉ trong có mấy trang sử nhỏ, cây cỏ trong miền mỗi mùa mỗi thay lá, hình mây bóng nắng mỗi lúc mỗi đổi mới… tìm cái cảm tưởng xưa cũ lâu dài ấy ở đâu ? Rốt cuộc chỉ có khi nào gần bà, tôi mới thấy lịch sử là mênh mông. Suốt từ giờ này qua giờ kia, bà tôi kể cho nghe vụ kiện giữa chi phái lớn với chi phái nhỏ trong «gánh» họ Lê kéo dài ra liên miên, trong đó có bà góa phụ mang gạo lên tỉnh hầu quan suốt tháng, có ông tú viết đơn giúp bên này, ông lý thảo đơn giúp bên kia, có những vụ đốt nhà, đập lộn, nằm vạ, những chuyện nhì nhằng vụn vặt bỗng nhiên hóa ra quan trọng chỉ vì thuộc về «mọi lần», bà tôi kể cho nghe đám hát ăn mừng của ông chánh tổng Hạ Ninh, đám cưới ông cử họ Trần, những yến tiệc đãi đằng, bánh trái, cùng những cuộc cãi vã, bà tôi kể về ước nguyện làm quan của gia đình này, về truyền thống đạo tặc của dòng họ kia v.v…

Những sự tích lớp lang ấy, với tất cả sự mến tiếc của bà tôi, gợi lên trong trí tưởng tượng của tôi một dĩ vãng ly kỳ và sâu thăm thẳm. Tưởng chừng như năm trăm năm lịch sử quá gọn ghẽ trên sách vở không đủ chỗ chứa những sự việc ngổn ngang phong phú trong kỷ niệm một đời bà tôi.

Bà tôi qua đời. Thời kỳ đang có nhiều rắc rối khó khăn, ai nấy lo cho tương lai hơn là bỏ thì giờ ra nghĩ quẩn về những vụn vặt của quá khứ. Lần lần tôi lớn lên, và tôi cũng đua đòi theo mọi người. Xứ sở gặp toàn những chuyện rối ren. Giặc giã, rồi nghỉ, rồi lại giặc giã; chính phủ này, chủ nghĩa này; rồi chính phủ khác, lại đường lối khác… Tôi cũng lăng xăng theo thời cuộc, nay đây mai đó. Rồi tới khi mỏi mệt, bèn dạt về một đô thị lớn, xa hẳn tiếng súng, len lách giữa xe cộ ồn ào, dạo phố và tán dóc.

Thỉnh thoảng, hoặc nhân một ngày giỗ lớn, hoặc nhân một đám tang, đám cưới nào đó trong họ, tôi về làng. Và những điều trông thấy thực khác xưa. Khu gò trước đình làng, nơi «mọi lần» vẫn diễn ra những hội hè đình đám tưng bừng, bây giờ thực ra chỉ là một khoảnh đất sỏi cằn cỗi, lơ thơ mớ cỏ may quét vào ống quần, một khoảnh đất thật là nhỏ hẹp quá chừng, đi có mấy mươi bước đã hết ! Dấu chân ông Khổng Lồ vừa bé vừa cạn,

mùa nắng không còn một giọt nước đọng, tới nỗi cây rù rì mọc bên bờ vàng héo đi, tưởng sắp chết khô.

Về phía các nhân vật thì cháu đích tôn ông chánh tổng Hoàn của «mọi lần» ngày nay chỉ là một anh chàng bán thịt heo ngoài chợ, người thấp lùn, thường buộc cái khăn lông rất bẩn quanh đầu. Chi phái lớn của «đống» họ Lê còn lại một người con gái có chồng tập kết ra Bắc, tuổi ngót ba mươi, nước da vàng vì bệnh sốt rét; chị ta mua lại cái máy may cũ về may thuê những quần cụt áo cánh và áo bà ba trong căn nhà lẹp xẹp ở đầu làng. Nhờ ăn mặc sạch sẽ, chị ta cũng hấp dẫn được mấy người đàn ông ngày thường loanh quanh tán tỉnh, giọng cười nói thô kệch khả ố thế nào… Ông tú Từ Lâm ngày nay vẫn còn sống. Về già ông ta trở lại quí mến cụ Khổng hơn bao giờ hết : năm khi mười họa gặp lại tôi, thế nào ông ta cũng hỏi mượn một tờ tạp chí Nhật nhật tân của hội Khổng Học. Giá cụ Khổng còn ở đời mà trông thấy một môn đồ trung thành như vậy tôi chắc cụ cũng khó cầm lòng, có thể cụ sẽ tha thứ hết thảy những năm lang thang phóng túng, sống ngoài lề xã hội đạo đức, của ông tú. Nhưng tiếc thay cụ Khổng không phải là bác sĩ, mà ông tú Từ Lâm ngày nay thì lại cần đến thuốc men thực công hiệu mới sửa chữa được hậu quả những phóng túng trước kia, hơn là cần đến sự tha thứ. Ngày nay thì ông ta ốm yếu quá sức, lúc nào cũng mặc kín

từ đầu tới chân, choàng áo bành - tô, mang bít tất cao tới đầu gối, tránh gió tránh nước, run lẩy bẩy từ bàn tay cho đến quai hàm dưới. Những năm sống ở thị thành còn lưu lại nơi ông tú già cái bệnh nghiện cà-phê. Đi tới nhà ai ông ta cũng bọc theo trong túi một gói cà-phê bột, ông ta xin một ly nước sôi, lẩy bẩy mở gói ra, trút cà-phê vào ly rồi dùng cái dĩa tách đậy kín lại. Một lát sau, ông ta gạn chắt nước cà - phê ra chén, cho vào một ít đường. Trong cách thưởng thức cà - phê Tây phương của ông tú Từ Lâm có pha trộn lai căng lối dùng trà của người Á Đông xưa; nhưng trông hai bên Đông Tây gặp nhau tình cờ ở nơi cái già nua lẩm cẩm, ở những ngày tàn rất tiêu điều của ông tú Từ Lâm, người ta nghĩ rằng giá chúng nó đừng gặp gỡ nhau lại hơn.

Ờ ! Về phía các nhân vật sao tôi lại không chú ý đến Năm Thiều, người con trai của Thập Tam ? Anh ta cưới Xuân hồi mới đình chiến. Gần đây tôi có gặp lại, người thiếu phụ đó mới hai đứa con mà trông già hơn anh chồng nhiều quá. Chị ta giống tính mẹ, ăn mặc xuềnh xoàng, dơ dáy, không để ý đến chuyện trang sức chút nào. Anh chồng, làm dân vệ xã, thì lại như một cậu con trai mới lớn : có một lần gặp nhau, tôi trông thấy anh ta mặc quần ống túm, đầu tóc uốn dợn phía trước, chải tém phía sau. Tôi tò mò sờ sợi dây chuyền vàng nặng một lượng anh ta đang đeo quanh cổ, hỏi : «Anh sắm

cái này được bao lâu ? Lần trước tôi không thấy. Độ này phát tài lắm phải không ?» Anh ta đỏ mặt, chối liền : «Của nhà tôi đưa tôi đi sửa, đem về chưa kịp trả lại đấy mà !» Chị vợ đứng bên cạnh, ngó lảng về phía khác, mỉm cười, tha thứ dễ dãi, như tha thứ một đứa trẻ.

Người thiếu phụ có nụ cười biếng nhác đó hiền lắm, chịu thua, chịu thiệt hết; chị ta làm lơ trước những vụ ngoại tình lăng nhăng của anh chồng. Chị ta cũng không ăn hàng vặt vãnh như người mẹ trước kia. Nhất là chị ta không thích ăn bún và không bao giờ rờ đến một múi mít. Cái xác chết của thằng em trên võng hồi nhỏ vẫn ám ảnh chị ta đến ngày nay.

Những hình ảnh ấy - từ khu gò trước đình làng, cho đến người cháu đích tôn của một dòng họ lừng lẫy bây giờ đứng bán thịt heo, từ ông tú Từ Lâm nhắc nhở một thế hệ xa xôi tàn tạ cho đến anh Năm Thiều của một lớp son trẻ lố lăng - tất cả những hình ảnh ấy làm cho ngày nay quê hương đối với tôi hết cả cái hấp dẫn của thuở bà tôi còn sống. Tôi có cảm tưởng như một người đi tàu trong đêm trăng qua một miền xa lạ, nhìn phong cảnh hai bên đường chỗ nào cũng lung linh kỳ ảo, nhưng sáng ra, xuống tàu, đứng ở một nền ga xép cũ kỹ nhìn xung quanh chỉ thấy toàn đồng khô cỏ cháy.

Lại một hôm, trong bữa tiệc cưới người anh họ ở trong làng, tôi được trông thấy con gà hầm, bẻ quặp mỏ xuống, có mấy sợi bún chẽ phủ qua loa trên mình làm áo tơi, có miếng đu đủ vạt nhọn, khoét trũng, chụp lên đầu làm nón, cặp dưới cánh cây cần câu làm bằng một khúc măng, con gà ấy ngồi giữa tô canh. Tôi rụng rời : ông Lã Vọng ! Vì con gà luộc bộ tịch thiểu não ấy chính là ông Lã Vọng của bà tôi «mọi lần». Tôi thấy cạn hẳn đi cả cái thời xưa sâu thăm thẳm và rộng mênh mông. Tất cả cái thời xưa của bà tôi nghèo sút đi rất nhanh chóng.

Hai năm liền tôi không về làng. Mà tôi cũng không thấy có gì đáng tò mò về chỗ làng mạc của mình nữa.

Thế rồi tình hình trở nên nghiêm trọng. Ở đô thị, người ta kháo nhau về những chuyện dữ xảy ra ở thôn quê. Người ta đâm hồ nghi, e ngại tất cả, coi như nguy cơ rình rập ở khắp nơi, và một người khôn ngoan không bao giờ nên liều mình dời gót ra khỏi thành phố lớn. Những thôn quê, làng mạc, đồng ruộng… thuộc về một thế giới càng ngày càng bí hiểm, càng khả nghi, trí trá, càng cách biệt.

Cố nhiên từ đó tôi càng ít có dịp nghĩ tới chuyện về thăm làng. Thỉnh thoảng một tin tức tình cờ đưa tới : tin người này bị tống tiền, người kia bị quyên lúa, người

khác bị lạc đạn. Rốt cuộc đến một tin về Năm Thiều: từ lâu, tối đến anh ta vẫn bỏ nhà, tránh đi ngủ ở nơi khác để khỏi bị địch ập tới khủng bố. Sáng hôm ấy anh ta về gần đến nhà thì một tên địch núp trong bụi nhắm nổ súng. Phát đạn bắn trượt. Anh ta xông vào, hai bên ôm nhau vật huỳnh huỵch. Chị vợ anh ta đang ngồi giặt đồ bên giếng, nghe tiếng súng, chạy ra. Chị ta luýnh quýnh, trông thấy người chồng vật nhau với kẻ địch, thấy hai bên rời nhau ra, thấy anh ta giật quả lựu đạn, rút chốt, và thấy người kia bắn một phát súng lục vào bụng anh trước khi anh kịp ném lựu đạn.

Tôi nghe nói chị gặp ai cũng bảo nếu lúc đó chị ta không luýnh quýnh, chị chạy thẳng tới kịp thời, đập vào đầu tên kia một cây thì làm gì chồng chị đến nỗi chết. Chị ân hận mãi, như chính mình đã giết chồng; gặp ai chị cũng nói đi nói lại chừng ấy, như một người điên. Hai lần trong đời, người đàn bà ấy nghĩ mình có trách nhiệm về cái chết của kẻ khác, trong những trường hợp mập mờ…

Sau đó ít lâu, tôi gặp thập Tam ở thủ đô. Ông ta mặc tây, để tang con bằng một miếng vải đen nhỏ cài ở mép áo sơ - mi ngang ngực. Tôi không để ý thập Tam bắt đầu mặc tây từ bao giờ, chỉ biết đến giờ vẫn còn vụng về quê kệch : tay chân cứng ngắc và đen đủi có vẻ xa lạ

với thứ y phục trên người, mà y phục trông cũng nhàu nhò nhớp nhúa quá lắm. Tuy không hiểu vì lẽ gì ông ta lại đổi cách ăn mặc như thế, tôi cũng thấy rõ ông không có vẻ một ông già làm đỏm. Trái lại, thập Tam ngày nay trông chững chạc, nghiêm khắc, và phảng phất một chút buồn thảm trên nét mặt. Không còn gì ở ông khiến người ta nhớ lại câu chuyện bà Hai Hồ ngày xưa.

Hỏi : «Ông vô đây hồi nào ?»

Ông ta đáp :

- Non một tháng.

- Ở đâu ? -

- Tôi có đứa con gái theo chồng vô làm ăn trong này đã lâu. Ở bên Khánh Hội.

Tôi cười : «Thăm con gái, luôn tiện chơi Sài Gòn một chuyến hả ?»

Ông ta cũng cười, nhưng buồn bã :

- Có lẽ ở luôn, chứ không phải chơi đâu.

- Ủa, sao vậy ?

- «Tụi nó» đòi giết tôi… Thầy chưa biết tin thằng Năm…

- Dạ, có nghe nói… Tội nghiệp…

- Xong thằng Năm, «tụi nó» gởi giấy dọa giết tôi. Thầy tính, tôi già rồi, sức yếu, chỉ có vài trái lựu đạn, chắc gì xoay trở kịp. Tôi tính xin từ chức, tránh đi cho xa xa… ờ, chắc thầy không biết lâu nay tôi làm phó thôn trưởng.

Tóc thập Tam đã bạc gần hết, có nhiều sợi vàng như cước, thật đẹp. Tuy vậy mà so với tuổi tác thì ông ta chưa có vẻ đã yếu sức như lời ông nói : thịt da gân cốt ông coi bộ còn rắn chắc lắm.

Chợt ông ta nói với tôi : «Nhà thầy ở đâu, để tôi đến chơi cho biết, thỉnh thoảng còn lui tới cho vui. Vô đây, gặp một người quen mừng lắm. Ở lạ chỗ, buồn quá !» Tôi vội vã xin lỗi về sự vô tình của mình, và mời ông già về nhà.

Tại bến ô - tô - buýt, buổi trưa, trời nóng hầm hầm. Khói dầu cặn khó chịu, ông cụ già không quen, nhíu mũi lại, rồi rút chiếc khăn đậy mũi cho tới khi xe chạy. Bàn tay khỏe mạnh mà vụng về của ông ta chụp nắm thành xe lẩy bẩy, khó khăn. Ông ta chưa quen với cảnh

hoạt động lộn xộn, chưa quen với tốc độ của nhịp sống đô thị. Từ tâm hồn cho đến bàn tay bước chân của ông đều hãy còn xa lạ, bỡ ngỡ, lạc loài giữa cuộc sống mới này.

Tôi không về, mà làng quê tôi vẫn có cách đuổi theo đến đây. Trông nó lụp chụp, tội nghiệp.

Tôi đưa ông già về tới nhà, trời càng nóng hầm. Da trời một màu bầm tím. Suốt buổi xế trưa, thỉnh thoảng lại có tiếng sấm rền. Mây dồn lớp này lên lớp nọ, chồng chất nhiều tầng. Cơn mưa dông chuyển mình quằn quại, vận dụng toàn lực một cách khó khăn.

Ông cụ già để ý theo dõi sự tiến triển của cơn dông một cách tò mò. Tôi nhận xét : «Đây là trường hợp thật đặc biệt. Thường thường ở trong này mưa dễ dàng, gió lạnh thổi qua một lát là mưa đến ngay.» Thập Tam tiếp theo nói chuyện về mưa nắng, thời tiết, mùa màng ở ngoài miền quê.

Mãi tới hơn bốn giờ chiều mới đổ xuống cơn mưa, mưa mà trời vẫn nắng. Mưa đổ rào rào. Lá cây bắt đầu ướt lóng lánh, lá những cây sột sạt, cây mướp, cây vú sữa trước sân ướt vô duyên trong khi trời cứ nắng. Mưa kéo dài một cách khó nhọc. Hơi đất xông lên khét lẹt. Một con se sẻ gặp cơn mưa bất ngờ, sà xuống đậu trên

vành chum trước mái hiên, xây qua xây lại hai ba lần, như chưa vừa ý.

Thập Tam vừa nói chuyện, vừa ngó theo con chim, lãnh đạm.

Một lúc, chừng hơn mười phút sau, cơn mưa chấm dứt một cách nhục nhã. Mặt đất nhớp nhúa. Khí trời oi bức.

Ông cụ già lần hồi kể với tôi những chuyện đổi thay ở xóm làng những năm gần đây. Và tưởng như tất cả những người và việc tôi từng biết qua lần lần lùi vào một thời «mọi lần» mới, tất cả hứa hẹn mờ đi nhòa đi trong mênh mông.

Vì tình hình an ninh đặc biệt, làng quê tôi lùi xa mịt mù đối với kẻ ở đô thị; và sự cách biệt ấy đẩy nó vào một cõi bí ẩn mới.

Thập Tam đứng dậy ra về. Trông ông ta túm ống quần tây kéo cao lên, len lách giữa con đường hẻm lộn xộn của ngoại ô, trông cái hình ảnh lạc loài khiêm tốn ấy, tôi nghĩ đến hoàn cảnh lạ lùng với những sự việc khác thường xảy ra ở cái miền quê mà ông vừa thoát ra.

Tiếp luôn mấy hôm sau, chiều chiều trời lại mưa. Cuối năm nay mùa mưa ở Sài Gòn kéo dài hơn mọi năm.

Đi làm về, tôi được lá thư : thư nhà. Tôi chợt nhớ ra đã ba năm nay, lần nào, vào dịp này, tôi cũng được gia đình gửi cho một lá thư. Dịp ấy là ngày giỗ bà tôi : bà mất vào cuối năm.

Thư do em tôi viết - cũng như mọi năm trước - nhưng lần này, sau mấy dòng thăm viếng, liền có tin khác thường :

«… Em và mấy cô về nhà trước một hôm. Buổi tối đoàn văn nghệ ở tỉnh đến trình diễn trong làng, em có đi coi. Dân chúng kéo tới vừa đông, ban kịch sắp sửa kéo màn lên thì nghe lác đác có tiếng súng nổ. Nhiều người xì xào, e ngại. Ông trưởng đoàn văn nghệ liền cho máy phóng thanh phát ra mấy bài ca tân nhạc để lấp tiếng súng, trấn tĩnh đồng bào. Rồi ông ta xua tất cả diễn viên trong đoàn lên chiếc xe Bianchi to tướng; ở trong đó không nghe động tĩnh gì bên ngoài, họ yên tâm tiếp tục ca hát, cầm chừng.

Gần nửa giờ, liên lạc đem tin đến, và người ta quyết định hủy bỏ buổi trình diễn văn nghệ, đồng bào được hướng dẫn để giải tán. Em không được về nhà đêm đó : hướng đi về phía này bị coi là nguy hiểm, có dân vệ bố trí, canh gác.

Em theo một đám người dồn về tạm nghỉ tại trụ sở xã, nằm nghe súng nổ, lúc nhặt lúc thưa. Đánh nhau trong đêm tối thật là lộn xộn; có khi nghe nói bên phía địch kéo tới một đại đội, một lát sau lại nghe bảo lực lượng họ không tới một trung, một chặp có người chạy tới bảo rằng đã có bảo an trên quận xuống tiếp viện, chặp khác lại bảo là chưa thấy gì.

Khi đã khuya, thấy có người cầm cây đuốc dẫn đường cho hai người khác khiêng một chiếc võng tải thương. Anh có biết người thương binh đó là ai không ? - Bác Bốn Thôi !

Bác ta bị trúng đạn ở đùi, không gãy xương. Băng bó xong xuôi, bác ta nhắn tin về nhà, và một lát sau thì vợ con chạy đến xúm xít, vây xung quanh, tíu ta tíu tít. Lần lượt bốn người dân vệ khác được khiêng về, một đã chết rồi.

Bác Bốn Thôi bảo vợ con đỡ dậy, ngồi dựa lưng vào vách, đốt thuốc lá hút. Mờ sáng, chiến trận kết thúc đã lâu, mấy người dân vệ trở về bảo với bác ta rằng tên địch bị bác ta đập một báng súng vào đầu, tên ấy vẫn còn bị bỏ nằm đó, không được đồng bọn mang đi. Lúc ấy mới rõ là bác ta có giết được địch. Bác vừa nghe, vừa nhíu chân mày, giơ ngón tay bóp đầu điếu thuốc sắp tắt, chăm chú hút một hơi dài để cứu nó khỏi tắt. Má bác

ta hóp lại. Anh có nhớ bác ta năm nay chừng bao nhiêu không ? em coi bộ bác đã lớn tuổi, không hiểu sao còn ở trong hàng ngũ dân vệ.

Lúc xe cứu thương đến chở đi, bác ta cứ xin ở lại, làm như người vợ và mấy đứa con xúm xít có thể chữa khỏi vết thương cho bác. Người ta nhất định đem đi, và khi lên xe trông bác ta buồn hiu !

… Giỗ bà năm nay chỉ cúng vái qua loa, bà con không có ai tới dự. Mọi người đều xúc động…»

Đọc xong bức thư hồi lâu, tôi ngẩng lên, trời đã mưa tự hồi nào. Lúc đó vào khoảng sáu giờ rưỡi chiều. Nửa bầu trời u ám một cách hiền lành, mây đen mà vẫn còn phơn phớt xanh. Trời mưa bên này trong khi một phần ba bầu trời phía bên kia vẫn sáng sủa, chân trời vẫn có nắng, như thể là phía trời bên kia điềm tĩnh thản nhiên giương mắt nhìn phía trời bên này mưa gió. Bên kia có những vẩn mây hồng, và những áng mây vàng : vàng đậm, vàng lợt, vàng màu da cam, màu mỡ gà, và ở chỗ giáp ranh với phía trời mưa thì mây chuyển sang màu xanh đậm buồn bã. Giữa khoảng trời rực rỡ màu sắc, phía bên kia, lâu lâu một hai con én bay lẻ, liệng đảo, nhào vút trong mênh mông.

«… Giỗ bà năm nay chỉ cúng vái qua loa». Cuộc đời bà cụ hiền lành đến thế mà sao cứ phải dính líu mãi tới những việc hung dữ ? Bánh cỗ đồ bát bửu, gà bẻ ngư tiều canh mục v.v… chẳng qua là mấy nét tô điểm qua loa trên cuộc sống của một miền nghèo khó. Mối lo lắng thường trực trong đời bà tôi thực ra là cơm với mắm, mắm muối là một ám ảnh đeo đuổi mãi cho đến nỗi khi về già trí óc suy nhược của bà không đủ sức rời nổi nó nữa. Những gì ồn ào to tát ngoài xã hội đều làm cho bà kinh hãi. Thế mà rốt cuộc bà chết giữa chiến tranh, chết rồi vẫn còn bị giặc giã quấy động !

Lại còn anh Bốn Thôi nữa. Anh chỉ có niềm tin ở cái quây quần ấm áp của một nhóm vợ con. Trong đời anh đã trầy lên trật xuống, nhục nhã nhiều phen vì vợ con, rốt cuộc là để gầy ra cái tập thể nhỏ bé, trong đó anh cảm thấy yên tâm, không cần biết đến cuộc sống mênh mông. Trong đó anh cũng cảm thấy đầy đủ; dù sống dù chết, anh không muốn rời xa nó. Anh tưởng vợ con có thể chữa vết đạn cho anh dễ dàng như đã dùng dầu rái đắp lên những đường nứt nẻ ở bàn chân. Thế mà rồi mãi anh ta vẫn không được yên. Lớn lên, gần như hồi nào anh cũng phải cầm vũ khí trong tay : anh né viên đạn của bên này, tránh viên đạn của bên kia, đỡ ngọn roi của bên nọ… Và anh cũng lại đánh trả nữa. Và nét mặt anh thì lúc nào tuồng như cũng rầu rầu, nguội lạnh như của

một người ngoại cuộc.

Vậy mà những hoạt động của anh đã làm ra tình hình của xứ sở. Ở Hoa - thịnh - đốn, ở Mạc - tư - khoa, ở Bắc Kinh, Tân Đề - li, Vọng - các, Ba - lê v.v… ở khắp các nơi trên thế giới người ta theo dõi anh, bàn tán về anh. Người ta đem anh ra so sánh với người dân Đức ở Bá - linh, người dân Lào ở Vạn Tượng…, người ta dòm ngó, dò xét cử chỉ của anh, cân nhắc, đánh giá sự can đảm của anh, tài nghệ của anh. Xung quanh hành động anh chắc chắn có những cuộc mặc cả, những trù hoạch bố trí, những mưu mô âm thầm giữa nước này nước nọ. Và cũng có cả những lời hô hào, cổ võ, những tuyên bố lớn tiếng về nhiều vấn đề quan trọng, lý tưởng cao đẹp.

Mà như vậy phải chứ. Việc anh ta làm là nằm trong khuôn khổ cuộc tranh chấp giữa những lý thuyết lớn lao và cao đẹp mà. Tiếc thay cuộc tranh chấp lớn lao thường khi bị bắt buộc phải khuấy động đến cả những đời sống hèn mọn, phải dùng đến những phương tiện nhỏ ấy để làm ra cái lớn lao.

Thời kỳ này quan trọng. Công việc của những người như Bốn Thôi có ảnh hưởng tới mai sau. Nói một cách văn hoa, anh ta đang làm lịch sử đấy : Lâu nay anh vẫn rầu rầu làm ra lịch sử với một vẻ hững hờ, nhẫn nại. Tôi nhớ dáng bộ của anh ta năm xưa, khi anh lom khom

cúi xuống bê tỉn mắm vét vào cái bát, nhớ tiếng động nhỏ mà anh khua trong khoảng vườn vắng vẻ. Tôi hình dung nét mặt anh mấy hôm vừa qua, lúc anh nhíu chân mày, chăm chỉ bóp nát đầu điếu thuốc, sau khi dự một trận đánh về…

Một nét mặt khác hiện đến : nét mặt của chị Lộc, khi chị cúi đầu bẽn lẽn, nói với bà tôi bằng giọng dịu dàng: «Con nói thiệt đấy mà !» Đến lúc ông tú Từ Lâm đem ra phát giác công khai sự bí mật của anh chồng, người ta mới lạ lùng về thái độ của chị. Chị làm như không có chút gì buồn lòng về số kiếp đau đớn của mình. Thái độ dịu dàng, thụ động, khuất nhục ấy, ngày nay khi tôi đã lùi ra xa cách xóm làng vừa bằng một quãng thời gian vừa bằng không gian, tôi có cảm tưởng như đó là thái độ của tất cả miền quê mình…

Chiều vẫn còn mưa nửa trời. Những con én chiều bay lẻ đã lặn mất vào bóng tối. Một ngọn đèn hiệu của sở hàng không nở một chấm đỏ đậm, tối sẫm, buồn thiu, giữa lưng chừng khoảng không. Sấm rền từng hồi râm rỉ, không dữ dội.

Chiếc máy thu thanh của một nhà nào ở bên kia sông mở to, ca hát inh ỏi. Tưởng như có một người con gái khổng lồ, rình chờ cho bóng đêm vừa hạ xuống, liền vươn dài cổ, chõ mồm ra, hát lớn, cho tiếng hát lướt từ

bên này qua bên kia bờ sông.

Giọng đàn bà vẫn hát xông xổng trên mặt sông, chợt nổi lên một tiếng còi tàu Diésel. Tiếng còi khởi đầu một cách quá hiền từ chậm chạp, vẻ khoan hòa bình tĩnh của nó làm cho người nghe ngạc nhiên. Bởi vì xưa nay, các tiếng còi thường đột ngột, tiếng còi thường là báo hiệu một khẩn cấp. Trái lại, tiếng còi của đầu máy Diésel như làm nhiệm vụ của nó một cách uể oải, tắc trách, hững hờ. Tiếng còi tàu kéo dài một lúc mà không che lấp tiếng mưa rơi lắc rắc trên mái ngói.

Và tôi nằm, bên tai lắc rắc tiếng mưa rơi trên mái ngói, cầm lá thư nhà trong tay, một chiều cuối năm tưởng nhớ tới một bà cụ già thường loay hoay giữa rất nhiều chum mắm, tới anh chàng quá nửa đời người loay hoay giữa một đám đàn bà không thành hẳn được là vợ mình, cùng với một thiếu phụ cho đến chết chỉ có loay hoay với cua !

Khốn nạn cho tôi ! vào dịp cuối năm - dẫu là một năm Con Trâu - đáng lẽ người ta nên có nhiều lối nghĩ về quê hương một cách vẻ vang hơn mới phải.

Còn mấy ngày nữa tới Tết, tôi tìm đến thăm thập Tam theo địa chỉ của ông ta cho biết hôm nọ.

Người chị của Năm Thiều không nhìn ra tôi : chị cũng bỏ làng đi từ lâu lắm rồi, tôi phải nhắc lại tung tích, chị mới nhớ ra. Nhưng chị nói :

- Cậu tôi về rồi… về ngoài quê.

- Ủa !

- Cậu tôi mới đi cách đây ba bữa.

Chị ngừng lại, nhếch một nụ cười buồn bã, vẻ chế giễu nhẹ nhàng, đầy thương mến. Người ta biết một hình ảnh vừa thoáng qua trí chị.

- Thầy ngồi ! Mời thầy dùng chén nước…

Sao chị lại bỏ ngang, không nói đến điều mà chị đang nghĩ ? Tôi hỏi gợi :

- Bác ấy mới gặp tôi, không thấy đả động gì tới chuyện về hết !

- Dạ, hồi mới vô cậu tôi tính ở đây luôn đó chớ; cậu tôi ngán ngoài đó lắm. Mới non vài tháng nay chớ mấy. Vậy mà bây giờ chịu không nổi nữa, còn có mấy ngày là tới Tết mà cứ nhất định đòi về, không nói cách nào cầm lại được. Già rồi, tánh khí nhiều lúc buồn cười. Khi cậu tôi mới vô, nhà tôi đưa đi coi các nơi trong đô thành. Ban đầu cậu tôi vui vui, thích ý được năm hôm.

Rồi cậu không muốn đi chơi đâu nữa. Nhớ nhà, lúc đó là bắt đầu nhớ nhà rồi !

Chị lại cười. Lần này thì tôi hiểu vừa rồi chị đã nghĩ đến cái hình ảnh nào. Chị nói tiếp :

- Nhà buôn bán lặt vặt thế này, cậu không chịu được ồn ào, cả ngày nằm trên gác. Tôi biết nằm mãi cuồng chân, bực bội khó chịu, vả lại gác lợp tôn, buổi trưa nóng lắm; nhưng ép cậu tôi xuống dưới nhà này thì kẻ ra người vô lộn xộn, ông già ngồi lơ láo, coi thêm buồn và tội nghiệp.

Ở trên gác một mình cậu tôi tẩn mẩn để ý tới nhiều cái kỳ cục lắm. Một bữa, chừng hơn chín giờ đêm, nhà tôi vừa lên gác, cậu tôi liền nói : «Hai ba đêm nay, tao nghe con gà nòi nhà phía cuối đường cứ gáy vào giờ này. Sung sức quá rồi đó nghe. Gà của ai đó, phải nói với họ cho «xổ» đi.» Thầy biết không ? «Xổ» là cho gà nó đá nhau qua loa cho bớt sung sức. Nhà tôi cười : ai hơi sức đâu đi tìm chủ gà mà nói những chuyện như vậy, ở thành phố này hơi nào để ý tới những chuyện đó. Thầy ơi ! vậy mà rồi bữa sau cậu tôi tìm tới ông cụ ở cuối đường làm quen, nói chuyện gà đó.

Cậu tôi để ý tới tiếng gà, tiếng chó như thế, nhà tôi hiểu là không thể cầm cậu ở lại Sài Gòn được : cậu nhớ

làng xóm quá rồi. Thầy tính, ở chỗ thị tứ xe cộ ồn ào như vầy mà để lỗ tai lắng đón không sót một tiếng gà gáy, vậy thiệt là quá quắt chớ phải chơi sao ?

Một người đàn bà mới bước vào, tay cầm cái vỏ chai la - ve, cũng cười góp với chúng tôi. Nhưng người đàn bà cười lâu hơn tất cả chúng tôi, khiến chị con gái thập Tam sau khi đã dứt rồi lại nhếch miệng cười thêm lần nữa, giống như một người chủ nhà lễ phép, ăn đã no còn xới thêm một chén cơm ngồi cầm khách. Nhưng mà chị cười buồn bã trông thấy.

Tôi hỏi : «Bác về như vậy… có biết tình hình ngoài ấy sao không ?»

- Theo tôi thì cũng chưa có gì thay đổi đâu. Mới cách có vài tháng, làm gì đã thay đổi. Nhưng cậu tôi nghe nói nay có cấp phát cho cán bộ thôn ấp mỗi người một khẩu súng «ca - líp 16». Cậu bảo : «Tao về lãnh một khẩu, «tụi nó» có tính giết cũng khó…» Nhưng tôi cho lý do chính là tại cái Tết. Năm hết Tết tới, cậu tôi bồn chồn, nóng nảy, không chịu được, bảo là nhất định phải về : ra sao thì ra.

Người đàn bà cầm cái vỏ chai la-de lại cười, thích chí. Bà ta góp ý :

- Tết nhất năm nay ở nhà quê thì có cái gì mà phải lo về !

Chị con thập Tam nói :

- Chúng tôi cố gắng mời cậu ở lại chơi cho biết một cái Tết Sài Gòn mà không được.

Người đàn bà sốt sắng :

- Tui dám chắc Tết Sài Gòn năm nay hổng có gì dui đâu. Năm ngoái đã buồn. Năm nay tui nói rồi còn buồn hơn cho coi. Mấy người hổng biết chớ các năm trước, trời ơi ! Tết tới pháo rần trời, ăn chơi thả cửa, dui hết sức…

Chủ nhà tỏ vẻ tán thành, bằng cách nhếch miệng cười buồn bã. Người đàn bà vui vẻ góp chuyện một lúc rồi trả vỏ chai cho chị, tính tiền, ra về.

Sự can thiệp của người đàn bà tuy thế mà xoay hẳn câu chuyện khỏi cái hướng đáng lẽ là buồn thảm. Tiếp theo người ấy, tôi cũng cáo biệt, tránh không động đến cái chết của Năm Thiều. (Không biết người chị nghĩ gì về cậu em, riêng tôi, đối với anh con trai hí hửng với sợi dây chuyền vàng ấy, tôi cứ có cảm tưởng đó là một con nai tơ to xác lồng ngồng, vô tội, bị ngã quá sớm trong cuộc săn.)

Thôi, thế là cuối năm, một người nữa lại quay về, gắn liền vận mệnh mình với số phận làng mạc :

«Gió đưa ông thập về làng»

Ở lại đô thị, không phải là «bà đội», «bà thập» nào, mà là những kẻ như tôi. Những chiều gió lạnh cuối cùng của một năm, tôi đón tờ báo chạy bán sớm trên các đại lộ Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Tự Do, quanh bùng binh chợ Bến Thành v.v… dò theo những tin tức chiến sự các nơi.

Tôi trông ngóng, chờ đợi. Những tin tức ấy, chúng là cái liên lạc hằng ngày giữa tôi với xóm làng mà tôi không về được. Trong những ngày như thế, tờ nhật báo đối với tôi có một sự hệ trọng khác thường.

Tôi cho rằng ngay trong tiếng rao báo đã có cái hấp dẫn đặc biệt của nó. Có người nói tiếng rao của người bán hàng rong ở ta thường phô trương sự phong phú của âm thanh tiếng Việt : đó có lẽ là người ta muốn nói tới trường hợp những cô bán cháo bán chè đêm đêm trên bờ sông Hương chẳng hạn. Ngoài ra, không phải lúc nào tiếng rao hàng của người Việt Nam cũng ngân nga, cũng lên bổng xuống trầm như ca như hát, và kéo dài ra đủng đa đủng đỉnh. Tiếng rao hàng phải phù hợp với hoàn cảnh, với tính cách của món hàng. Ai đi xe đò,

qua các cầu dài và hẹp bắt qua các con sông Cửu Long, Đồng Nai rộng lớn, xe phải dừng lại chờ nhau ở hai đầu cầu, ai đã đi xe qua bắc Mỹ Thuận, đều phải chú ý đến tiếng rao hàng ở những nơi đó : người bán hàng bu tới bên hông những chiếc xe mới ngừng hay nổ máy sắp chạy và la lên, lật đật, vội vã : «Ai ăn khóm ! Khóm ! khóm ! khóm ! … Mía ! mía ! mía ! …» Không còn đâu là trầm bổng du dương nữa, chỉ có một vẻ lụp chụp, gấp rút. Tiếng rao đó cũng nói lên được một khía cạnh của nhịp sinh hoạt ngày nay.

Trở lại tiếng rao nhật báo. Nó gọn lỏn không ngân nga, nó lớn hơn những tiếng rao khác, nổi bật trên những tiếng rao khác. Người bán báo vừa chạy vừa rao, vừa đạp xe đi vừa rao, vừa ngồi trên chiếc xe gắn máy cũ kỹ nổ vang tai vừa rao. Nói cho đúng thì là họ la lên một cách bất thình lình. Trong tiếng rao nhật báo đã có sẵn cái ý khẩn cấp, hối hả, gợi lên một cái gì thảng thốt.

Mới ba, bốn giờ chiều đã có tiếng rao báo sớm chạy trên các đại lộ, trung tâm đô thành. Rồi thì tiếng ấy lan dần mau chóng ra tới các khu phố. Vậy mà cho đến tám, chín giờ tối, người bán báo len lỏi vào các xóm lao động ngoại ô, la lớn bất ngờ, tiếng rao ấy nghe vẫn cứ hấp dẫn; cho tới khuya, khi ta đang ngồi trước một tô mì tô phở trong tiệm, người bán báo loáng thoáng rảo

qua một vòng khắp các bàn ăn dìa ra xấp báo, ta vẫn thấy tò mò kích thích, tưởng còn có hy vọng tìm thấy trong ấy một tin tức gì mới khác thêm nữa.

Người đọc nhật báo tò mò muốn biết xem cái nhân loại có mình trong đó đã làm được những gì đáng lưu ý trong hăm bốn giờ vừa qua. Và chao ôi, trong khoảng thời gian ngắn ngủi ấy loài người làm được nhiều lắm : tưởng không có hôm nào mở tờ báo mới ra mà không thấy có những sự việc động trời. Thật là kỳ lạ cho cái nhân loại luôn luôn nhấp nhổm cựa quậy, hoạt động. Một nhà khoa học cắc cớ nhận thấy rằng trong mỗi nguyên tử các điện tử ở cách trung tâm xa lắm, thành ra trong lòng vật chất có khoảng trống rỗng rất lớn; ví như có thể ép các phần tử sít lại với nhau, thì quả đất và tất cả dân cư sống trên ấy sẽ thu nhỏ lại còn được chừng bốn lít ! Trong bốn lít ấy con người chiếm được chừng bao nhiêu. Thế mà cái thực chất tí teo ấy lại ồn ào hoạt động quá quắt.

Vậy chiều chiều, những chiều gió lạnh của thời tiết bất thường tại Sài Gòn cuối năm, tôi đón từng tờ nhật báo, dò dõi theo những hoạt động rối rít của cái nhân loại rất ồn ào đó, mò mẫm lần lừa xem sự động tĩnh của một miền quê bé nhỏ, nơi ấy thập Tam, Bốn Thôi… đang sắp sửa đón xuân, và những người bà con còn ở

lại xúm xít trước bàn thờ bà tôi.

Thật không ai ngờ có thể tìm thấy, trên tờ báo, tin tức thưởng xuân của một người đàn ông vô vị ở một nơi hẻo lánh xa xôi, bình sinh thường có tật vặt lông mũi để tiêu sầu, tìm thấy những dấu vết ngoằn ngoèo do ngoe cua để lại trên ruộng bùn, những cỏ may lơ thơ phơ phất trên nồng gò hẹp, những chum mắm hũ muối, cùng những sự việc nhỏ nhặt vô vị tương tự. Thế nhưng những kẻ như tôi mơ hồ tin rằng tờ báo nó có cách tiết lộ về tất cả những cái đó. Nó viết theo lối riêng của nó. Nó viết tắt. Mỗi người xem báo tha hồ cảm xúc theo tâm sự, theo những kỷ niệm riêng tư của mình. Mỗi người có một bản dịch riêng cho mình. Người đàn bà cầm cái vỏ chai la - ve nọ hiểu qua những tin tức hoạt động dồn dập ấy rằng : Tết này nhất định không dui.

Còn tôi, trên bản phiên dịch của tôi chỉ chờn vờn toàn là hình ảnh những nhân vật rầu rĩ lố lăng, không hứa hẹn một vinh dự gì cho chỗ quê hương !

1962

116. Ăn Và Đọc

Võ Phiến

Thỉnh thoảng chúng ta gặp ở tiệm một vài người Mỹ ngồi ăn phở. Có người cầm đũa khá thạo. Trong số một đôi triệu người Mỹ luân phiên đến xứ này rồi ra đi, những kẻ tò mò tiến xa vào nếp sống Việt Nam tới mức ấy chắc không lấy gì làm nhiều. Các kẻ ấy trở về nước, giữa dăm ba câu chuyện ly kỳ về đất Việt xa xôi kể với bạn bè, có thể múa biểu diễn cặp đũa, có thể nói đến cái mùi lạ lùng của rau quế vừa ăn vừa ngắt từng lá bỏ vào tô phở, đến cái vị ngộ nghĩnh của những tép củ hành nhúng trong nước dùng vớt ra với chỏm lá xanh xanh v.v… Như thế là vượt xa quá những khuôn sáo, những chỗ gặp gỡ thông thường của các du khách rồi. Du khách Tây phương nói về món ăn Việt, bất quá gặp nhau ở món nước mắm, rồi thôi.

Vậy những người Mỹ hiếm hoi nọ đáng khen, về sự hiểu biết rộng rãi.

Tuy nhiên từ chỗ biết ăn phở cho đến cái trình độ am hiểu các đặc điểm, các sở trường sở đoản của từng thứ phở bò, phở gà, phở nước, phở áp chảo, phở tái, phở chín, phở nạm, phở gầu, phở sụn v.v…, còn nhiều cách biệt. Rồi từ chỗ thạo phở cho đến cái tâm tình về phở

như của Nguyễn Tuân, lại còn một tầng cách biệt nữa. «Nắm vững» một món ăn - chỉ một món thôi - đâu phải dễ.

Thật vậy, không cứ là khách ngoại quốc, ngay đến người Việt Nam không phải ai cũng bưng tô phở mà ăn như nhau, với những cảm tưởng giống nhau. Một nông dân ở thôn ấp nào đó ngoài Phú Yên, Quảng Ngãi v.v… ăn phở Bắc cũng như ăn hủ tiếu Mỹ Tho, cũng như ăn mì Tàu, nghĩa là hững hờ. Còn người nông dân ở Cà Mau, Rạch Giá v.v… chẳng hạn có thể có sự thiên vị bất lợi cho phở. Người Việt miền Nam chỉ hoan hỉ chấp nhận món phở sau một vài canh cải, tức sau khi đã trút vào tô phở được non nửa dĩa giá sống.

Phở là món ăn phổ biến hết sức rộng rãi từ Bắc chí Nam mà còn thế, huống hồ là những món ăn khác. Mỗi món ăn thường chỉ được sủng ái ở một vùng, hoặc rộng hoặc hẹp. Xơi nó thì ai cũng xơi được, nhưng gọi là tri kỷ, biết đến tận cùng cái ngon của nó, chỉ có thể là người một địa phương. Chả cá, bún thang, là những thứ quí của đất Bắc; từ ngày vào Nam dường như nó lạc lõng, ít ai thấu triệt ý vị của nó. Bún bò, bánh lá, ngày nay lưu lạc khắp nơi; nhưng tôi tưởng tượng ở một góc chợ Trương Minh Giảng, ở một hẻm Bàn Cờ, thỉnh thoảng miếng bánh lá mỏng mà gặp lại một cái lưỡi

Huế có phảng phất mùi thuốc Cẩm Lệ nó sẽ mừng rơn. Bỏ một miếng bánh, húp một muỗng bún vào mồm, có phải ai cũng thưởng thức như ai đâu. Giữa món ăn với người ăn phải có sự tương đắc. Khi đã tương đắc, đã cảm thông sâu xa với nhau, người Nam ăn ba khía, ô môi, người Huế ăn cơm hến, người Bình Định ăn mắm cua chua chan bún thấy thấm thía, nồng nàn. Cái mùi vị nồng nàn ấy, kẻ khác không chịu được.

Mỗi món ăn chỉ có một số người thực sự hiểu nó, số người ấy là của một địa phương. Vậy món ăn có liên hệ đến khí hậu địa phương chăng ?

Ở xứ lạnh dễ thấy cái ngon trong trong chất mỡ béo, ở xứ nóng dễ rành về các thứ rau, canh. Người Huế ăn cay, một phần hình như cũng vì khí trời ẩm ướt của những mùa mưa dai dẳng. Người miền Nam thích giá sống vì nó giải nhiệt ?

Khi đã chuyên ăn một món nào đó, người ta càng ngày càng thành thạo trong việc chọn lựa, sử dụng, người ta tìm thấy ở nó những đặc điểm mà kẻ khác không để ý đến; do đó người ta vượt bỏ, tách rời khỏi quần chúng. Về quả ớt chẳng hạn, chắc chắn đồng bào ở các nơi ít ai theo kịp người Huế trong cách thưởng thức : kẻ yêu ớt không chỉ yêu nó vì cái vị cay, mà còn vì mùi hăng nồng, vì cái tiếng kêu giòn phát ra dưới răng khi cắn nó,

lại yêu vì trông nó sướng mắt, cầm nó sướng tay trong giây phút mân mê trước khi đưa lên mồm… Người Huế ngoài cách ăn ớt bột, ớt tương, ớt xắt, ớt giã v.v…, còn thích lối ăn cầm cả trái ớt tươi rắn chắc mà cắn kêu đánh bụp trong miệng thật ngon lành; để cắn, họ chọn ớt xanh.

Nhưng một chuyện khí hậu nhất định không đủ. Cái ăn còn tùy thuộc ở sản phẩm sẵn có của địa phương, ở lịch sử v.v… Ở lịch sử ? Nghe thì to chuyện, nhưng chính tại lịch sử mà người Bình Định quen ăn bánh tráng. Thứ bánh tráng Bình Định tìm mua ở Sài Gòn rất khó, vì không thấy bán ở các chợ, chỉ gặp tại một vài nơi ngoại ô hẻo lánh; người Bình Định có những bữa ăn dùng toàn bánh tráng thay cơm, cho nên bánh tráng ở đây có địa vị quan trọng hơn ở các địa phương khác. Đi xa, người Bình Định nhớ bánh tráng như người Việt sang Âu châu nhớ cơm, nhớ bánh cuốn. Như thế có phải vì bánh tráng từng là lương khô dùng trong quân đội Nguyễn Huệ, xuất phát từ Bình Định ?

Món ăn còn quan hệ với lịch sử theo cách khác. Thiết nghĩ người Việt Nam đời Trần dùng món thịt cầy không đối diện với dĩa rau thơm giống dĩa rau thơm chúng ta có trước mặt ngày nay. Không phải đột nhiên tự lúc đầu lá mơ đã đi với thịt cầy, rau om đã tìm đến thịt cầy. Tôi

chắc thế. Các đấng tổ tiên phải có một thời kỳ mò mẫm, thí nghiệm; có thể các ngài đã thử dùng lá chanh và rau răm ăn với thịt heo chẳng hạn, dùng rau om với thịt gà, dùng lá lốt với thịt cầy chẳng hạn v.v… Cả tập thể tham gia vào cuộc tuyển trạch, mọi người đều có quyền tự do khen chê. Những cái không thích hợp dần dà bị đào thải, các lầm lẫn được sửa chữa, các thiếu sót được bổ túc. Cứ thế, từ thế kỷ nọ sang thế kỷ kia, hết thế hệ này đến thế hệ khác kế tiếp nhau canh tân, rốt cuộc mới đến chỗ toàn mỹ.

Nhưng đã toàn mỹ chưa ? Chưa chắc. Hôm nay ta nhắm nháp chả cá, lấy làm đắc ý và hãnh diện về nghệ thuật nấu nướng của dân tộc; tam bách dư niên hậu, có thể cách ấy sẽ bị xem là quá thô sơ. Trước đây năm bảy thế hệ, trên mâm chả cá có thể thiếu thìa là, có thể thiếu chén đậu phụng rang, mắm tôm có thể thiếu giọt cà cuống… Sau đây năm bảy thế hệ người Việt nữa, ai ngờ được sẽ xảy ra thêm những phát kiến gì mới ?

Một món ăn, nó cần có thời gian để tự cải tiến; mỗi địa phương cần có thời gian để hoàn thiện các món ăn của mình. Lâm Ngữ Đường chê bai món ăn Tây phương nghèo nàn : nó nghèo nàn như vậy phải chăng vì lịch sử văn minh của Tây phương ngắn ngủi hơn của Trung Hoa ? Lịch sử dần dà làm phát triển văn chương, khoa

học; nó cũng làm phát triển các món ăn nữa. Nhưng trong khi các kế hoạch gia hy vọng đốt giai đoạn để sản xuất gấp bom nguyên tử, không ai đốt được giai đoạn để cải thiện món phó-mát, để sản xuất gấp một thứ phó-mát mới ngon hơn các thứ cũ. Nghệ thuật khoan thai đủng đỉnh hơn khoa học; nó không chịu sự thúc bách giục giã. Phải chờ đợi. Phải có thời gian cho nó.

Sự hình thành của một món ăn cũng như của một câu ca dao, của một điệu dân ca. Ấy là những công trình tập thể, trong đó mỗi cá nhân đều có sự đóng góp. Thật dân chủ, bình đẳng : mỗi người một lá phiếu. Lá phiếu ở đây là cái lưỡi. Và sự chọn lựa của mỗi người không có lý do gì để thiếu chân thành. Mỗi người chọn lựa bằng cả các tạng phủ của mình, bằng tất cả các đặc điểm thể chất của mình, để cùng nhau đi đến cái kết quả chung trong đó mỗi người của địa phương đều có trách nhiệm : người Huế tìm ra cái hay ho của ruốc, người Nam thấm thía ý vị của nước cốt dừa v.v… Tại sao vậy ? Người ta không tìm được câu trả lời dễ dàng. Sự chọn lựa ấy, căn nguyên của nó bắt nguồn từ những cội rễ nào thâm thiết sâu xa trong kiến trúc sinh lý của con người mỗi nơi. Người của mỗi địa phương có một cá tính riêng về tâm lý : có nơi hào hùng, có nơi keo kiệt, có nơi ưu du nhàn dật… Mỗi địa phương cũng có thể có một cá tính sinh lý chăng ? Sự dị biệt trong thứ cá tính ấy hẳn là

mong manh, tế nhị, tinh vi lắm; khó lòng mà biện biệt phân minh. Tuy nhiên rõ ràng nó đã nêu ra những đòi hỏi khác nhau, những sở thích khác nhau.

Như vậy người ta không chỉ ăn bằng mồm. Con người ăn là ăn bằng cả gốc gác quê hương, bằng phong tục tập quán của mình, bằng cái khí chất riêng biệt của cơ thể mình, cũng như bằng lịch sử, bằng trình độ văn hóa của xứ sở mình. Trong một dĩa đồ ăn, có phản ảnh của khí hậu một miền, của những đặc điểm sinh lý con người địa phương… Và giả sử nói có cả phản ảnh của một phần nào những đặc điểm tâm hồn trong đó có quá chăng ? Cái vị ngọt rất thanh của các thứ chè ở Huế gợi nhớ đến nét dịu dàng trong giọng nói và trong tính tình người Huế. Nhất là nếu so sánh thứ nước chấm pha chế rất dịu ở Thừa Thiên với thứ nước mắm thường dùng giữa khoảng đèo Hải Vân cho đến đèo Đại Lãnh, người ta không khỏi nghĩ đến cái tâm lý xẳng xớm bộc trực của người dân Việt từ Quảng Nam Quảng Ngãi trở vào…

Từ chút nước mắm chấm rau chấm thịt mà nói đến tâm hồn con người, e đã quá xa. Tưởng không nên tiếp tục chuyện ăn uống nữa, nếu không muốn lạc vào chỗ viển vông lố bịch.

Nhưng văn chương nghệ thuật lại cũng không khác cái ăn là mấy. Ca dao, dân ca là sản phẩm của một địa phương; và thưởng thức đến tận cùng cái hay ho của nó hình như cũng chỉ có thể là người của địa phương. Nghe một điệu ru à ơi trong đêm khuya chúng ta rung cảm thấm thía đến đáy lòng, tưởng trên thế giới khó có một giống dân nào nghe điệu hát ấy mà cùng có được cái rung động của chúng ta. Họ có nghe chăng bất quá là nghe bằng lỗ tai thẩm âm tinh tế; còn chúng ta nghe bằng cả quãng đời thơ ấu của riêng mình, bằng truyền thống của dân tộc mà mỗi chúng ta thừa tiếp nơi mình…

Hiểu một câu ca dao, một bài thơ cũng vậy. Ngôn ngữ dùng để làm ra thơ văn không thể là cái ngôn ngữ chỉ có nghĩa mà thôi. Tiếng Espéranto không có hy vọng dùng vào thi ca. Nó chỉ có nghĩa, nó không có hồn.

Hồn của ngôn ngữ là cái quái gì ?

Mỗi tiếng nói : non sông, ruột thịt, xanh, vàng v.v…, ngoài cái nghĩa nó ra, còn có khả năng khơi động nơi mỗi chúng ta một rung cảm nào đó. Liên quan giữa rung cảm nọ với ý nghĩa của mỗi tiếng nói thật xa xôi mơ hồ. Bởi vì cùng một tiếng có một nghĩa nhất định, lại có thể gợi lên những xúc động khác nhau tùy mỗi người, mỗi dân tộc. Cái nội dung tình cảm mơ hồ nọ do cuộc sống của tập thể gửi vào ngôn ngữ. Có dự vào cuộc sống

của tập thể nào mới cảm thông với cái hồn của ngôn ngữ nấy. Chủ trương thơ thuần túy chính căn cứ vào sức tác động bí ẩn của ngôn ngữ, chứ không phải vào ý nghĩa minh bạch của nó; bởi vậy cái hay mà thơ thuần túy nhằm đạt tới là ở ngoài phạm vi ý nghĩa. Và như thế một kẻ trí thức ngoại quốc, sống ngoài cộng đồng dân tộc Pháp, một kẻ mà những buồn vui sướng khổ trong đời không liên hệ gì đến tiếng nói Pháp, mà hàng ngày những tai nghe mắt thấy cùng xúc cảm trong lòng không dính líu gì đến tiếng nói Pháp…, một kẻ như thế có thể thưởng thức được gì ở thơ Valéry, Mallarmé ? có thể thưởng thức sao được như một người Pháp ?

Cũng như ăn không chỉ bằng mồm, người đọc không chỉ đọc bằng khối óc suy xét. Người ta thưởng thức cái đẹp của một văn phẩm nước nào bằng cả cái kinh nghiệm chung chạ cùng tiếng nói nước ấy, bằng cả sự gần gũi với nếp sống đã từng phát sinh và không ngớt bồi đắp cái tiếng nói ấy… Nếp sinh hoạt nọ đã thổi sinh khí vào ngôn ngữ kia, làm sao hiểu hết một công trình mỹ thuật xây dựng trên ngôn ngữ kia mà không cần biết đến nếp sinh hoạt nọ ?

Nguyên một tiếng nói để sử dụng đã thế, những công trình xây dựng bằng tiếng nói ấy lại còn mang thêm nhiều nét cá tính của từng xứ sở, từng dân tộc.

Âm thanh và cuồng nộ của Faulkner là một tuyệt phẩm của Mỹ. Con người Việt Nam chúng ta biết tìm ở chỗ xó xỉnh nào trong tâm hồn mình cho ra cái «cuồng nộ» tương tự ? Sách đọc mà thực tình thấy khoái là khi nào người đọc cảm thấy giữa mình với tác giả có chỗ đồng thanh đồng khí. Đàng này cái «cuồng nộ» nọ chỉ làm ta kinh ngạc.

Người Mỹ, qua các nhân vật của Steinbeck, của Hemingway, của Caldwell v.v…, thấy quả thấp thoáng họ có cái bạo liệt dữ tợn riêng. Những anh chàng mê say vuốt lông chuột, ham đấm đá, đấu bò rừng, những ông cha trông thấy đứa con trai độc nhất vừa tự tử chết lại tiến đến bắn thêm cho nó một phát vào đầu, trông thấy thằng rể da đỏ liền quạt cho nó một loạt đạn dưới chân v.v…, những nhân vật ấy đã mang sẵn ít nhiều cuồng nộ nơi mình; tâm hồn của họ tương ứng với nhau. Gặp nhau họ thích thú, họ khoái trá. Còn chúng ta, không phải là cá mà đòi vui cái vui của cá sao được !

Trái lại, một vài tác giả Việt Nam như Nguyễn Tuân chẳng hạn làm sao được thưởng thức ở một dân tộc hiếu động ? Nguyễn Tuân tiền chiến có cái ề à dềnh dang, chuyển ra ngoại ngữ có lẽ là vô duyên mà đối với chúng ta thì là hấp dẫn. Bút pháp ấy biểu hiện một phong thái đặc biệt, quen thuộc ở một lớp người trong xã hội ta,

nhắc nhở đến nếp sống của dân tộc ta trong một thời đã qua; ta thấy nó đẹp, người ngoài có thể chỉ thấy là lạ, nếu không là kỳ cục.

Như vậy bảo rằng nhân loại giống nhau quả có giống, nhưng chú ý đến chỗ khác nhau thì cái khác cũng sâu xa lắm lắm.

Hơn ba mươi năm trước, khi những cuốn truyện của Pearl S. Buck ra đời, Âu Mỹ lấy làm ngạc nhiên. Trong bài tựa cuốn Người mẹ, Louis Gillet cho rằng Pearl Buck đã trình bày được chỗ lạ lùng nhất của người Tàu, ấy là họ rất giống người Âu Mỹ.

Xưa kia, phương tiện giao thông hiếm hoi, xứ xứ cách nhau, người người xa nhau, vì vậy dân Tàu cho dân Âu là quỉ, dân Âu cho dân Tàu cổ quái : tục lệ kỳ dị, ăn mặc lố lăng, ngôn ngữ líu lo. Cái bề ngoài dị biệt làm cho các dân tộc không hiểu nhau. Sau bước đầu tiên kết thân, người ta thở ra nhẹ nhõm : Thì ra Tàu với Tây cùng là người cả, không ai là quỉ. Cũng hỉ, nộ, ai, lạc… Giống nhau đáo để ! Hay nhỉ.

Nhưng rồi gần gũi lâu dài hơn chút nữa, đi sâu vào các hỉ nộ ai lạc ấy, mới lại thấy muôn vàn khía cạnh khác nhau.

Như thế có một thời kỳ để chúng ta phát giác ra chỗ giống, và một thời kỳ nữa để nhận định ra các chỗ khác của nhau.

Một cuốn sách về cơ học, dịch ra tiếng nước nào cũng hiểu được cùng một cách; nhưng một tác phẩm văn nghệ phải tìm đến những tâm hồn đồng điệu. Bạn đồng điệu, tôi ngờ rằng không thể cách ta quá xa trong không gian.

Thỉnh thoảng gặp những người không thích ứng được với những món ăn của đồng bào khác địa phương ở ngay trong nước mình, mà lại tiếp đón niềm nở tấm tắc ngợi khen ngay các hình thức văn nghệ mới lạ từ xa đến, các trường hợp đó đôi khi đáng ngờ.

Cơ thể chọn món ăn riêng cho nó và có những yêu ghét rõ rệt; tâm hồn chọn cái đọc lại dễ dàng hơn sao ?

(Đăng trên tạp chí Tân Văn số 4. - Xuất bản trong cuốn Tạp luận năm 1973, tại Sài Gòn.)

117. Nhà Văn Duyên Anh

Nguyễn Vy Khanh

Nhà văn Duyên Anh tên thật là Vũ Mộng Long, sinh ngày 16 - 8 - 1935 tại thị xã tỉnh Thái Bình, Bắc Việt, bên bờ sông Trà Lý nhưng sống thời thơ ấu ở làng Tường An, tổng Ô Mễ mà theo Duyên Anh là một làng nghèo nhất tỉnh Thái Bình [1]. Xuất thân trong một gia đình nghèo, ông là con cả của một gia đình 7 người con. Thân sinh ông làm thầy lang, sau đổi ra buôn bán nhỏ. Ông học các trường tổng, trường tỉnh - tư thục Trần Lãm, rồi lên Hà nội học trung học. Ở quê nhà, Duyên Anh đã chứng kiến và sống những biến cố lịch sử 1945 và 1954. Duyên Anh di cư vào Nam cuối năm 1954.

Vào Sài Gòn, ban đầu ông sống qua nhiều nghề như giữ xe đạp, quảng cáo cho gánh xiếc bán thuốc kiểu Sơn Đông mãi võ, kèm trẻ tư gia, v.v... Giữa năm 1955, ông theo Đại Việt Duy Dân lên Ban - mê - thuột làm «cách mạng» được vài tháng rồi sau đó được người của tổ chức đưa xuống Long Xuyên dạy học ở các trường bán công Hòa Hảo, Kinh Dương, Nguyễn Trung Trực.

---

1 Đỗ Tiến Đức. «Duyên Anh, cuối đời» Văn Học CA, 131, 3 - 1997, tr.108 - 125

Sau đó, ông đến Mỹ Tho mở trường dạy đàn guitare tại gia. Lên lại Sài Gòn năm 1960 học thi tú tài và lập gia đình tháng 1 năm 1962. Duyên Anh bắt đầu viết truyện ngắn và thơ đăng trên tờ Chỉ Đạo là cơ quan của Ban chỉ đạo chiến dịch tố cộng thuộc bộ Quốc phòng do Ngô Quân và Nguyễn Mạnh Côn làm chủ bút. Truyện đầu tiên đăng trên tập san này là Hoa Thiên Lý. Những bài thơ đầu tay cũng trên tạp chí Chỉ Đạo như Bà mẹ Tây Ninh, Em tôi. Đồng thời ông viết cho tờ Gió Nam của Liên đoàn công chức cách mạng quốc gia. Sau đó làm việc tại Tổng nha thanh niên, biệt phái làm tại tòa soạn tờ Chiến Đấu, cơ quan ngôn luận của Thanh niên cộng hòa của cố vấn Ngô Đình Nhu cùng với nhà văn Tam Lang Vũ Đình Chí. Sau cùng, Duyên Anh trở về Tổng nha thanh niên làm việc ở sở Tuyên huấn. Ông viết bài ca ngợi thanh niên cộng hòa để đọc trên đài phát thanh. Đời công chức của ông cũng chấm dứt ở đấy sau khi chế độ đệ nhất cộng hòa bị «đồng minh» Hoa kỳ đồng lõa với một số tướng tá lật đổ.

Sau vụ «chỉnh lý» đầu năm 1964, Duyên Anh cộng tác với nhật báo Xây Dựng của linh mục Nguyễn Quang Lãm, một tờ báo chống Cộng và chống cả những lực lượng chính trị khuynh đảo miền Nam. Từ nay Duyên Anh sống bằng ngòi bút và viết phiếm luận vì muốn đả phá bất công xã hội. Năm 1967 chủ bút tuần báo Con

Ong của Minh Võ sau khi đã cộng tác với nhật báo Sống của Chu Tử và từ năm 1968 với nhật báo Công Luận của tướng hồi hưu Tôn Thất Đính. Ông cũng viết cho nhật báo Tin Báo của Nguyễn Mạnh Côn là người đã khuyến khích giúp đỡ Duyên Anh ở bước đầu văn nghiệp. Năm 1968, Duyên Anh chủ trương tuần báo Búp Bê sau khi đã phụ trách trang Búp Bê cho nhật báo Công Luận. Sau đó, ông chủ trương các tuần báo Tuổi Ngọc (1969 - 1975) và Người (1970), tuần báo chuyên trào lộng chính trị, cũng như nhà xuất bản Tuổi Ngọc. Từ sau 1971, ông giã từ nghề nhật báo vì nghĩ không thể trở thành ký giả chuyên nghiệp lý tưởng, rồi phận «con sên già lùi bước» khi cạn vốn đã phải biến tuần báo Tuổi Ngọc thành bán nguyệt san. Trước đó ông đã từng bị chế độ kiểm duyệt không cho viết tiếp các phóng sự Tiền Mẽo, Sến Việt trên báo Sống. Ông muốn trở lại làm nhà văn của tuổi thơ và của tình người trong không khí lãng mạn thuần túy của dân tộc như lời giới thiệu trong Nước Mắt Lưng Tròng.

Ông ký Duyên Anh và Duyên Anh Vũ Mộng Long khi viết văn, ký Thương Sinh, Thương Anh, Bếp Nhỏ, Mõ Báo, Vạn Tóc Mai, Thập Nguyên, v.v. khi viết báo và làm chủ báo. Bút hiệu Duyên Anh là tên một bản nhạc của một người bạn cùng lớp, bút hiệu được dùng

để nhớ người bạn ở lại miền Bắc sau 1954 [2].

Tác phẩm : 50 cuốn trước 1975, liệt kê theo thứ tự năm xuất bản : Hoa Thiên Lý (1963), Thằng Vũ (1965), Luật Hè Phố (1965), Điệu Ru Nước Mắt (1965), Dấu Chân Sỏi Đá (1966), Dũng Đakao (1966), Ảo Vọng Tuổi Trẻ (1967), Vết Thù Hằn Trên Lưng Con Ngựa Hoang (1967), Gấu Rừng (1967), Cỏ Non (1967), Bồn Lừa (1967), Nặng Nợ Giang Hồ (1968), Tuyển Truyện Tuổi Thơ (1968), Ngày Xưa Còn Bé (1968), Mây Mùa Thu (1968), Cầu Mơ (1969), Con Suối Ở Miền Đông (1969), Ánh Mắt Trông Theo (1969), Ánh Lửa Đêm Tù (1969), Trường Cũ (1969), Thằng Côn (1969), Tuyển Truyện Duyên Anh (1970), Mơ Thành Người Quang Trung (1970), Nhà Tôi (1970), Lứa Tuổi Thích Ô Mai (1970), Tuổi Mười Ba (1970), Mặt Trời Nhỏ (1970), Rồi Hết Chiến Tranh (1970), Chương Còm (1970), Đàn Bà (1970), Giặc Ô-Kê (1971), Kẻ Bị Xóa Tên Trong Sổ Bụi Đời (1971), Nước Mắt Lưng Tròng (1971), Châu Kool (sau viết thành truyện phim Trần Thị Diễm Châu, 1971), Áo Tiểu Thư (1971), Hưng Mập Phiêu Lưu (1971), Tên Một Loài Hoa Quê Hương (1971), Ngựa Chứng Trong Sân Trường (1971), Con Thúy (1971), Thằng Khoa (1972), Về Yêu Hoa Cúc (1972), Phượng

2 Duyên Anh. Nhìn Lại Những Bến Bờ. Los Alamitos : Xuân Thu, 1988. Tr. 353-354

Vĩ (1972), Thư Tình Trên Cát (1973), Đêm Thánh Vô Cùng (1973), Cám Ơn Em Đã Yêu Anh (1974), Bò Sữa Gặm Cỏ Cháy (1974), Sa Mạc Tuổi Trẻ, Hạ Ơi, Hôn Em, Kỷ Niệm, Cây Leo Hạnh Phúc (1974) và Tháng Giêng Ngon Như Một Cặp Môi Gần (1-1975) là tác phẩm cuối cùng xuất bản trước ngày 30 - 4 - 1975.

Tất cả là truyện dài ngoại trừ Hoa Thiên Lý, Tuyển Truyện Tuổi Thơ, Tuyển Truyện Duyên Anh là tuyển tập truyện ngắn. Kẻ Bị Xóa Tên Trong Sổ Bụi Đời có hình thức là một tập nhiều truyện ngắn nhưng thật ra là những đoạn văn trích từ các tiểu thuyết của ông. Trong trường hợp Duyên Anh, truyện dài nhiều khi thật ra chỉ là truyện vừa và thường được in với khổ chữ lớn như sách cho thiếu nhi. Cuốn Luật Hè Phố khi tái bản năm 1969 chia thành phần với 2 tựa mới : 1, Giấc Mơ Một Loài Cỏ; 2, Con Suối Ở Miền Đông. Duyên Anh từng theo con đường Tô Hoài tiền chiến viết chuyện thú vật nhưng hình như chỉ ra một cuốn về thế giới mèo chuột, Rồi Hết Chiến Tranh. Bốn tiểu thuyết của ông (Điệu Ru Nước Mắt, Nhà Tôi, Trần Thị Diễm Châu,…) đã được đưa lên màn ảnh.

Ngoài ra Duyên Anh còn viết Hồi ký Nhà Báo đăng trên báo Tuổi Ngọc [3] về cuộc đời viết báo và làm báo

3 «Nhà báo». Tuổi Ngọc, 21 (1972)

của ông vì «muốn giúp những người đi sau tôi nhìn rõ những đổ vỡ của tôi mười năm làm báo» [4]. Ngoài ra ông có viết Hồi ký binh nghiệp và Nói chuyện với lính cho Tôn Thất Đính chủ nhiệm tờ Công Luận.

Sau ngày 30 - 4 - 1975, ông bị bắt ngày 8 - 4 - 1976 nhốt tù ba năm ở Phan Đăng Lưu và khám Chí Hòa rồi bị đưa đi cải tạo ba năm ở Xuyên Mộc và Hàm Tân. Được thả tự do đầu tháng 9 - 1981 nhờ các hội Ân xá và Văn bút quốc tế can thiệp nhưng lại không được đi Pháp theo diện chính thức với gia đình tháng 4 - 1982. Do đó ông vượt biên năm 1983 bằng thuyền và định cư tại Pháp từ 20 - 10 - 1983, tiếp tục viết truyện, thơ, làm phim và vidéo (viết dẫn giải và xướng ngôn cho Paris By Night) và làm nhạc. Duyên Anh bị tấn công trên báo chí cộng sản trong nước cũng như của người Việt hải ngoại, và ngày 30 - 4 - 1988, ông bị hành hung đến tật nguyền trên đường Bolsa ở Little Saigon, California. Ngày 10 - 6 - 1990 ông trở lại đạo Thiên chúa, lấy tên thánh Giu - se và trở lại viết truyện và bút ký từ ngày 11 - 10 - 1990. Ông can đảm vượt qua nhiều nghịch cảnh, bơi ngược dòng theo triết lý mới mà ông đặt tên là triết lý sống của Con gọng vó. Cuối đời, Duyên Anh càng bị giới làm văn học và báo chí người Việt hải ngoại cô

4 Huỳnh Phan Anh. Duyên Anh, Tuổi Trẻ, Mộng Và Thực. Sài Gòn : Vàng Son, 1972

lập, ít nhắc nhở đến. Ở hải ngoại, Duyên Anh viết hồi ký (Nhà Tù, Nhìn Lại Những Bến Bờ), in thơ về thời bị tù và học tập, xuất bản truyện chống Cộng (bộ Hồn Say Phấn Lạ,...) và đề cao tuổi trẻ (Bầy Sư Tử Lãng Mạn, Một Người Tên Là Trần Văn Bá, v.v.). Có lúc ông viết lại phiếm luận với bút hiệu Đồng - Nai Tư - Mã trên tạp chí Ngày Nay (Kansas) và định tái xuất Con Ong, nhưng ông đã sớm bỏ ý định làm báo ở Bắc Mỹ. Nhiều tác phẩm của ông được dịch ra tiếng Pháp và người Pháp quay phim, sôi nổi nhất là Un Russe à Saigon(1986). Gần cuối đời, ông đưa người Mỹ vào tiểu thuyết và viết đề cao ca dao và tình tự dân tộc. Ông mất ngày 6 - 2 -1 997 tại Pháp vì bệnh ung thư gan, thọ 63 tuổi. Duyên Anh được hỏa thiêu sau tang lễ theo nghi thức công giáo ở nhà thờ Saint Madelaine, Plessis Robinson.

Tổng quan

Tác phẩm Duyên Anh trước 1975 gồm các chủ đề : tình yêu quê hương, tuổi thơ, tuổi trẻ và xã hội. Những truyện đầu tay Duyên Anh đã viết trong hoàn cảnh xa quê nhà và nghèo khó, ông đã viết với «niềm xúc động thật tình». Dù không thành công về số lượng sách bán được (Hoa Thiên Lý in 1500 bán được 400,Thằng Vũ in 2500 ế dài, nhà phát hành không bán vì tên truyện

không hấp dẫn). Nhưng vài năm sau, tiểu thuyết của ông được tiêu thụ mạnh : Hoa Thiên Lý được tái bản nhiều lần và nhiều cuốn mỗi lần xuất bản in đến 5, 6 ngàn bản. Có lẽ sự thành công khiến ông viết dễ dãi sa đà «để nói những gì muốn nói» do đó đã thiếu chăm sóc, dài dòng và hay trùng điệp. Trong Cây Leo Hạnh Phúc chẳng hạn, ông đã để «thằng Đốm», một đứa bé, nói : «Thôi thôi, con nhất định không lấy vợ đâu. Lấy vợ khổ thấy mồ, phải ăn cơm ở nhà hoài hủy. Không lấy vợ đi ăn cơm tiệm đều đều, xem xi nê mỗi ngày…» (tr. 455). Duyên Anh hay đem chuyện và người thật vào tiểu thuyết - như là nơi để ông nói về bạn bè, điểm thơ văn hay hành cử, nói tốt thì thường, nhưng khi nói xấu thì sao không gây thù chuốc oán. Đọc tiểu thuyết của ông, người đọc dễ đoán được diễn biến và cả kết thúc vì thường tác giả theo một khuôn luân lý hoặc mẫu người. Ông đã dễ dãi kỹ thuật, tình tiết đơn sơ dù ông tràn ngập chi tiết và hợp tan cũng dễ dàng.

Trong hơn hai mươi năm văn học miền Nam, Duyên Anh đã là một trong số những hiện tượng văn học. Hiện tượng trước hết vì ông viết nhiều, sau vì ông có hẳn một chủ trương làm văn học và có đường lối văn chương của ông. Viết nhiều và các tác phẩm về sau có khi hay lập lại, có khi trích dẫn thơ văn quá độ. Nếu trong nhiều tiểu thuyết xã hội ông liên tục tấn công cái Ác và đề cao

tình người hay cái Thiện thì trong bộ truyện Vẻ Buồn Tỉnh Lỵ, Duyên Anh liên tục làm sống cái xã hội và con người hiền hòa, thơ mộng. Hiện tượng vì sau hết, dù thành công, Duyên Anh vẫn tiếp tục chân thành với người đọc, không huênh hoang, tự cao hay thay đổi lối viết. Ông cũng đã cố gắng tách rời Thương Sinh nhà báo trong văn chương dù có khi yếu ớt. Duyên Anh đã thành công trung thành với người đọc của ông. Chính cái trung thành hỗ tương này làm nên thành công cho tác giả Thằng Vũ, ông trở thành hiện tượng, đại diện cho một giá trị nào đó, trở thành thân thiết, thành cái không thể thiếu, cái tất yếu, phải đọc; người đọc như đồng hóa với nhân vật và xã hội tiểu thuyết của ông, có khi gần mà như xa vì dù đơn sơ, bình dị, thế giới đó, tỉnh lỵ Trà Lý hay Sài gòn, nhân vật đó - những thằng Vũ, con Thúy, em tôi, Trần Đại, Châu Kool, … vẫn như xa cách, lý tưởng quá chăng, hài hòa quá chăng - là những cái hiếm có trong xã hội thật. Mộng và thực như đời sống, ở nơi đây nhưng mơ mộng cái lý tưởng và xa xôi. Nếu thế giới thằng Côn con Thúy ở tỉnh lỵ quá đẹp, nên thơ, đáng mộng mơ thì thế giới Trần Đại hay Danh Lựa đánh giày,… quá tàn nhẫn; nhưng ở cả hai xã hội đó, cái ước muốn sống Thiện, sống đời bình thường có cha mẹ gia đình vẫn ở đó, vẫn là cái xương sống, cái lõi của những bầy nhầy khốn nạn trên bề mặt.

Khi viết, Duyên Anh đã biết đối tượng của tác phẩm ông : viết cho những người như ông, mơ và sống một cuộc đời bình thường trong đó người đối xử với người với thành tâm, viết cho những người muốn sống bình thường nhưng vì nhiều hoàn cảnh đã không thể được, đã bị bứng ra khỏi thế giới đó. Duyên Anh đã không thuộc vào loại nhà văn viết cho mình hay viết để mà viết hay viết mà không cần người đọc, loại văn nghệ sĩ không tưởng, làm dáng, viễn mơ xa người đọc. Ông cũng không đề ra những câu hỏi nhân sinh hóc búa, những lý thuyết cho tương lai xa tầm với. Ông giới thiệu với người đọc những mảnh đời đẹp, có thể thần tiên, có thể khốn khổ. Tác phẩm của Duyên Anh cũng là những trả lời những gì người đọc có thể muốn biết, về cuộc đời, về con người.

Khác với các nhà văn Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Nguyễn Thị Hoàng, v.v., Duyên Anh chưa hề diễn thuyết hay lập ngôn về văn chương của ông. Trong một cuộc gặp gỡ với các sinh viên Văn khoa Sài Gòn ngày 6 - 3 - 1972 do linh mục Thanh Lãng trưởng ban Việt văn tổ chức, Duyên Anh đã tâm sự : «Không ai thấy trong tiểu thuyết của tôi những tiếng thét hãi hùng, cô đơn, thân phận làm người, v.v. Tiểu thuyết của tôi kết thúc vẫn là tình của con người với con người. Tôi không vô thần nhưng không tin Thượng đế, chỉ tin ở con người.

Sự an bình của con người không do Thượng đế mà do con người». [5]. Trong một phỏng vấn của Nguyễn Nam Anh (tức Nguyễn Xuân Hoàng) trên tạp chí Văn năm 1972 [6], Duyên Anh xác nhận thêm ông «chỉ ca ngợi Tình Người. Tôi không dấn thân, chẳng viễn mơ, … Tôi không thích theo đuổi hẳn một khuynh hướng nào…». Đó có thể cắt nghĩa việc Duyên Anh không được giới làm văn chương ở miền Nam trước và sau 1975 xem là nhà văn lớn bên cạnh Dương Nghiễm Mậu, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ, v.v.. Sách ông xuất bản ít có bài phê bình giới thiệu và hơn 12 năm làm văn học đã chỉ có vài bài phỏng vấn, một số Văn Học đặc biệt về «thế giới tuổi thơ» của ông và một cuốn tiểu luận Duyên Anh, Tuổi Trẻ, Mộng Và Thực (1972) của Huỳnh Phan Anh.

Nhà thơ Trần Tuấn Kiệt trong Tác Giả Tác Phẩm Tiêu Biểu Nền Văn Học Nghệ Thuật Thời Chiến Tranh cũng đã ghi nhận chân tình đó của người viết Duyên Anh : «Truyện của tôi không cầu kỳ, không tối tăm, không ngộp thở. Tôi không chơi văn chương và triết lý. Nó bình thường như một người Việt Nam bình thường mộc

---

5 «Duyên Anh Và Việc Viết Tiểu Thuyết». Nghiên - cứu Văn - học,số 15, 15 - 5 -1972, tr. 31

6 Văn, 197, 1 - 3 - 1972

mạc. (…) Tôi viết bằng cảm xúc…» [7].

Duyên Anh đã là hiện tượng vì ông thuộc về lớp nhà văn đã ảnh hưởng đến người đọc, những người trẻ, những người mất tuổi trẻ, những người sống bằng hoài niệm, bằng kỷ niệm và quá khứ, của người đô thị nhớ về đồng quê dung dị thời thanh bình. Người đọc ông có thể là người di cư từ phía Bắc tuyến 17 phải xa nơi chôn nhau cắt rốn, cũng có thể là người trẻ mới lớn ở miền Nam. Dù sao thì người đọc của ông không ít và ảnh hưởng có thể có của tác phẩm ông đã khiến những người cộng sản đã cấm sách ông và liệt ông vào số những người «biệt kích văn hóa tư tưởng». Lý do là Duyên Anh đã làm cùng công việc của họ, đã dám ảnh hướng giới trẻ, dám giáo dục giới trẻ như đề cao tình thương yêu, tình người … Duyên Anh đã dám «cạnh tranh» với những huyền thoại của họ. Duyên Anh đã tạo dựng những thần tượng tuổi thơ hiền lành nhưng hiểu biết trong tiểu thuyết, nhưng những thần tượng tuổi thơ này đã vượt thế giới tiểu thuyết để đi vào cuộc đời, đã ảnh hưởng giới trẻ trong Nam. Duyên Anh bị kết án «lừa gạt trẻ con». Phải chăng sự kiện đây có thể giải tỏa nghi vấn về việc Duyên Anh bị đả thương thành

7 Trần Tuấn Kiệt. Tác Giả Tác Phẩm Tiêu Biểu Nền Văn Học Nghệ Thuật Thời Chiến Tranh. Sài Gòn : 1973?. Tr. 170 - 171

tật nguyền ở hải ngoại và đã bị liên tục kết án ? Duyên Anh đã «cứng đầu», vẫn tiếp tục sứ mạng ông tự cho - viết cho tuổi trẻ, viết về tuổi trẻ và ước vọng nhân sinh của chúng.

Nếu nói Duyên Anh thì là một thứ chống đối tự nhiên của một người dân bình thường không thích chiến tranh hoặc đã phải sống những đổ nát do chiến tranh gây ra. Ông không đưa ra những lý thuyết lớn như nhà văn các nhóm Quan Điểm, Thái Độ, Sáng Tạo,… Ông chống cái Ác và đòi hỏi sự thật và lẽ phải phải được tôn trọng.

Năm 1971, Duyên Anh đã quyết định bỏ nghề làm báo để chỉ làm xuất bản và ra báo cho tuổi trẻ. Quyết định có thể bắt nguồn từ những đụng chạm lớn trong nghề báo, từ những thành công khiến ông đi quá đà gây nhiều hận thù và bớt bạn, nhưng có thể ông đã hối hận về nghề báo đi sai đường hướng văn nghệ của đời mình. Duyên Anh có quá đáng khi làm báo ngoài những lý do bình thường, có thể cái quá đáng đó thúc đẩy bởi ước muốn công bằng xã hội. Bỏ chốn lụn bại báo chí, Duyên Anh trở lại, sống hết mình với thế giới trong sáng của tuổi thơ và tuổi trẻ. Sau 1971, ông đã viết tiếp bộ Vẻ Buồn Tỉnh Lỵ và xuất bản những tiểu thuyết về tình yêu.

Niềm tin ở chân thiện mỹ, ở đời sống và con người, Duyên Anh tin một cách chân thành không màu mè; thể hiện ở câu chuyện, cách hành văn, không thuyết lý. Duyên Anh đã viết văn như đã sống với một tâm hồn thẳng thắn dù đã có lúc phải làm bất cứ nghề gì để sống còn, phải làm lại cuộc đời từ số không. Duyên Anh không có ý làm mới ngôn ngữ. Nói chung, ông xử dụng một ngôn ngữ bình thường, dung dị hợp với câu chuyện và nhân vật của ông, tất cả như vừa tầm mọi người. Ngay cả khi ông mơ mộng hay viết về cách mạng.

Đời sống tác giả thiếu thời như phần đông người Việt, nghèo thiếu thốn, cố gắng vươn lên và Duyên Anh đã thành công sống tự lập bằng ngòi bút. Do đó ông thương xót cho số phận đa số tức người nghèo, thiếu phương tiện học hành, những đứa trẻ nhà nghèo như ông đã từng, những đứa trẻ mồ côi sống đầu đường xó chợ, ông hiểu chúng, từ chỗ hiểu đưa đến ước muốn giáo dục hay làm cái gì đó cho chúng khá hơn hay ít ra cho mọi người hiểu thân phận chúng. Cái nhìn từ bi, muốn tới gần, lo cho chúng thay vì khinh bỉ, xua đuổi. Những nhân vật mồ côi, du đãng. Hãy nghe Duyên Anh cắt nghĩa lý do ông phẫn nộ : «Tôi là con một gia đình bần nông ở Thái Bình. Từ nhỏ, tôi đã sống nghèo khổ, chứng kiến cảnh bố mẹ chạy ăn từng bữa mà còn bị bọn cường hào ác bá hành hạ, ức hiếp. Tới khi khôn lớn lên,

sống bằng nghề báo thì mỗi khi cầm bút, viết về câu chuyện bất công của thời đại, tự nhiên tôi lại nhớ tới dĩ vãng thù hận. Thành ra giọng văn trở thành phẫn nộ, ác độc»

Duyên Anh đã viết trên 70 cuốn truyện dài, truyện ngắn, thơ và hồi ký. Trước 1975, ông đã là tác giả của gần 50 tác phẩm, có thể xem là một trong số mười nhà văn có số xuất bản kỷ lục đó. Duyên Anh đã cho biết ông «không viết để đạt một kỷ lục về số lượng. Tôi viết vì sự thôi thúc của dĩ vãng và của sự quằn quại với lịch sử đất nước. Như mọi người trong thế hệ chúng ta, khi mới 10 tuổi tôi đã chứng kiến cảnh Nhật đảo chánh Pháp. Rồi sau đó, tôi đã đi đếm xác những dân làng tôi bị Nhật làm cho chết đói. Rồi thì cách mạng tháng Tám tiêu thổ kháng chiến, dân làng tôi bồng bế chạy loạn. Tuổi thơ và tuổi trẻ của tôi đã mất hết trong cách mạng và chiến tranh».

Một số đề tài

Tình yêu quê hương, gia đình

Hoa Thiên Lý xuất bản vào một giai đoạn khó khăn của tác giả trước đảo chánh 1-11 - 1963. Tập gồm 10 truyện, tuy là tác phẩm đầu tay nhưng như đã đánh dấu con đường văn chương của tác giả kể cả ngôn từ xử

dụng. Cánh cửa văn chương đã mở với Hoa Thiên Lý và sẽ tiếp tục trong các tác phẩm sau này, văn chương của ký ức, của tuổi thơ đánh mất, của những kiếm tìm quá khứ đời xưa người cũ, của một ngôn ngữ nhiều hình ảnh và gợi cảm.

Hoa Thiên Lý ngoài nỗi niềm thương nhớ về người mẹ, còn là nỗi lòng yêu thương cần có trên đường đời mà tác giả sẽ tiếp tục dàn trải trên các tác phẩm về sau. «Tôi đi tìm thương yêu trong màu hoa thiên lý, đi tìm những bà Mẹ biết kể chuyện tâm tình, đi tìm cô bé thả mắt trong mơ dưới giàn cây…» (tr. 23). Nhớ thương, đi tìm. Và nỗi buồn xa cách. «Giàn thiên lý quê nhà giờ đây đã héo khô tàn tạ. Loài ve sầu không rủ rê mùa hạ sang nữa nên họ hàng nhà bọ ngựa cũng chết hết vì buồn. Ở ngoài ấy, người ta cấm không cho ai buồn, không cho ai nhớ, không cho ai thương nhau thì dễ gì mẹ tôi đã được ngồi dưới giàn hoa thiên lý mà kể chuyện cho tôi nghe» (tr. 22-23).» Tôi buồn, tôi muốn khóc khi nghĩ rằng chiều nào đó người ta bắt mẹ tôi nhổ hoa lý, phá giàn tre để trồng ngô khoai chẳng hạn. Mẹ tôi sẽ chết khô héo trên mảnh đất xơ xác đầy những oán thù» (tr. 23). Còn hy vọng thì sao mà nhỏ nhoi : «Bao giờ rừng cây yêu thương đơm trái, người quê hương sẽ về cướp lại đất quê hương và tôi phải gặp cô bé dưới giàn cây bâng khuâng ngồi đếm giọt hoàng hôn rơi» (tr. 23).

Truyện Hoa Thiên Lý là truyện đầu tay của Duyên Anh đã được viết trong hoàn cảnh cùng khốn của đời lưu lạc. Trong hồi ký Nhà Báo, Duyên Anh đã kể : «Sống buồn thảm như thế, tôi đâm ra nhớ nhà kinh khủng. Nhớ nhà và thương tiếc tuổi thơ của mình. Trước hết, tôi nhớ mẹ tôi. Vào một đêm mưa mù mịt chân cầu Tân Thuận, không ngủ được vì mái nhà dột tứ tung, tôi đã thức suốt đêm hí hoáy viết truyện ngắn đầu tay Hoa Thiên Lý» [8].

Các truyện ngắn khác, Con Sáo Của Em Tôi, Em, … tiếp câu chuyện tuổi thơ của Duyên Anh, hay Vòng Tay Của Một Người về tình yêu như một cái cớ để mơ để sống về quá vãng, hay Trẻ Thơ và Bụt, Người Có Tội, Khúc Rẽ Cuộc Đời, … về tuổi thơ như một khung trời với một vài thảm kịch nhân sinh của người lớn nhưng ảnh hưởng đến tuổi thơ, Khúc Rẽ Cuộc Đời về những người trẻ đánh mất tuổi thơ vì chiến tranh và cách mạng, về xung đột bi đát của Mộng và Thực : «Khoa có bao nhiêu kỷ niệm gửi trong mắt chị Hiền, trong nụ cười Vĩnh, Bảo (…) Trọn đời, Khoa sẽ nhớ những buổi câu cá dưới gốc cây si nghe chị Hiền kể chuyện ma (…) Người mẹ mớm cơm cho con mau lớn như chị Hiền mớm tình cảm cho Khoa biết mơ mộng. Khoa mong ước sau này Khoa bước xuống cuộc đời gặp nhiều chị Hiền» (tr. 191). Nhưng cách mạng về, đời thơ mộng

8 Tuổi Ngọc, 22, 1972.

thành ác mộng : «Phải chứng kiến lưỡi kiếm đâm từ ngực xuyên qua lưng ba Vĩnh. Phải thấy ba Vĩnh dẫy dụa trên vũng máu. Phải thấy me Vĩnh chết ngất trên thây ba. Phải thấy xác chị Hiền trần truồng. Phải thấy mắt chị trợn trừng uất hận mới hiểu cách mạng và chiến tranh» (tr. 194). Em Dực của tác giả trong truyện Em bị nhuốm đỏ, ngây thơ đã bị vẫn đục với những kêu gọi «trường kỳ kháng chiến», «tiến bước dưới cờ Ma - len - cốp vinh quang» (tr. 111).

Tập truyện Hoa Thiên Lý đã là cánh cửa đưa Duyên Anh vào văn chương như tác giả đã kể lại trong Nhìn Lại Những Bến Bờ : «Hoa thiên lý là một cánh cửa sổ đã mở để tôi nhìn tôi khởi sự những truyện ngắn chan chứa tình người. Nó rất quan trọng đối với tôi, bởi vì, nó là hành tinh tư tưởng và trọn đời tôi, tôi xoay quanh cái hành tinh đó để phô diễn văn chương nhân bản của tôi…» [9]. Và tập Hoa Thiên Lý gồm những truyện viết kỹ lưỡng thời nghèo khó đã là những truyện ngắn hay nhất của Duyên Anh như ông đã từng thú nhận trong cùng cuốn hồi ký [10].

---

9 NLNBB sđd tr. 393
10 NLNBB, tr. 345

Tuổi thơ

«Tuổi ngọc» được Duyên Anh chăm sóc rất kỹ trong văn nghiệp của ông. Trước hết với Vẻ Buồn Tỉnh Lỵ, bộ truyện gồm 6 quyển mà khung cảnh là tỉnh lỵ Thái Bình những năm 1944 - 1954 : Thằng Vũ, Thằng Côn, Thằng Khoa, Con Thúy,… Thằng Vũ được khởi viết vào những năm cuối cùng làm công chức trước cách mạng 1-11-1963. Tuổi thơ lồng trong thảm cảnh của chiến tranh, của tù đày, bạo động, phản trắc, của chia cách, của những vùng tề, vùng tiếp thu. Bộ truyện Vẻ Buồn Tỉnh Lỵ là «lịch sử mười năm được nhìn và suy nghĩ bởi tuổi thơ. Điều tôi định sẽ nói lên trong Vẻ Buồn Tỉnh Lỵ là con người sẽ xây dựng lại tất cả, nhưng sự đổ vỡ về tình người thì không thể xây dựng lại được» (11), vì xuất phát từ nỗi thất vọng của tác giả về chiến tranh, về cái hoàng hôn xám tình người lạnh lẽo và hờ hững. «Tất cả cho cách mạng Tháng tám. Còn gì nữa mà cho. Vàng cho hết rồi. Niềm tin cho hết rồi» (Con Thúy, tr. 187). Cách mạng đã cướp mất tuổi thơ, đã khiến tuổi thơ sống đày đọa trong khói lửa và bạo động. Cách mạng dạy con người đánh mất tính người.

Đến các truyện Dzũng Đa-Kao, Chương Còm, Bồn Lừa, Hưng Mập, … một tuổi nhỏ mới của miền Nam phải đương đầu với chiến tranh mới Bắc - Nam. Tuổi

thơ này muốn làm anh hùng dân tộc (Mơ Thành Người Quang Trung), thủ quân kiêm trung phong của đội tuyển thiếu niên làm đẹp dân tộc (Bồn Lừa). Đưa trẻ em hư hỏng ở vỉa hè vô trường học (Giặc Ô - Kê). thành thị kết tình với tuổi thơ nông thôn (Hạ Ơi), kinh với thượng (Gấu Rừng). Có khi tuổi thơ chỉ mơ hết nghèo khổ, được bước chân vào lớp học. Giấc mơ của những em bé đánh giày được có ăn, có mái ấm gia đình, được đến trường (Luật Hè Phố).

Một tuổi thơ dù ở Bắc ở Nam, trước hay sau 1954, con nhà giàu (Hoàng Dung, Elvis Dậu, Chương Còm, Đoàn Dự, Thiện Mông Cổ, …) hay nghèo (Thằng Vũ, Bồn Lừa, Dũng Đa - Kao, Danh Ná, …) hay con lai rơi rớt (Jimmy, Bill, Jack, …), tất cả đều là những tia bình minh rực rỡ tình người, rộn ràng tình bạn, những thương yêu trìu mến. Dù ngoại cảnh đầy bạo động, chiến tranh, máu và nước mắt. Duyên Anh viết cho tuổi thơ vì ông «không có tuổi thơ», «thèm tuổi thơ nên viết để giải tỏa những uẩn ức, những thèm khát» (1) như ông đã từng thú nhận sau này. Viết về tuổi thơ cũng là viết về gia đình, quê hương bỏ lại khi đã di cư vô Nam. Nếu đúng như tiết lộ của nhà văn Đỗ Tiến Đức bạn thân với Duyên Anh từ khi cả hai di cư vô Nam ở chung trại tạm trú, Duyên Anh đã để vợ con lại quê nhà ngoài Bắc, người đọc có thể hiểu thêm nỗi lòng nhớ vợ con của

ông. Duyên Anh lập lại cuộc đời mới trong một hoàn cảnh éo le dễ được thông cảm, dù gia đình mới trong Nam ông vẫn chứng tỏ chồng cha gương mẫu. Viết về tuổi thơ là Duyên Anh viết cho ông, với tình thương cho cô con gái ngoài Bắc và với hạnh phúc ba đứa con trong Nam.

Cái tuổi thơ trong tác phẩm của Duyên Anh cũng như trong tác phẩm của Thanh Tịnh, Nguyên Hồng, Tô Hoài, v.v. của văn chương Việt Nam là tuổi thơ văn chương, tuổi thơ của mọi người và nhiều người, tuổi thơ đã phổ quát. Tuổi thơ đã qua đã sống của mỗi người đã trở thành một phần đời, phần trời gió có thể đã thoảng trôi mà cũng có thể đã ảnh hưởng đến cả phần đời người lớn, cả sự nghiệp, chí hướng. Đối với nhiều người, tuổi nhỏ trở thành khung trời trú ẩn, thành một vùng tâm thức kỳ diệu ủi an để quay về khi con người phải đương đầu với những thực tế ê chề, khó khăn. Một cõi sống có thể thần linh - người ta vẫn nói thiên đàng tuổi thơ. Một cõi sa mù hay kỳ diệu có giá trị trị liệu. Ngày hôm nay khô cằn hoặc chỉ còn là bã là rác sẽ cần đến khoảng sống thần tiên đó để làm mới lại cuộc đời, chỉnh đốn lại cái sống, làm mạnh cái sống. Và ngược lại, tuổi thơ có thể như một căn bệnh kinh niên bất trị, như một sổ mũi, nhức đầu nhè nhẹ rồi qua đi nhưng sẽ luôn trở lại. Tuổi nhỏ đó còn là tiềm thức hay vô thức sẽ ảnh hưởng hiện

tại và ý thức của con người.

Duyên Anh sẽ viết về những con đường làng, những chạy nhảy của tuổi nhỏ, những trang sách đầu đời tinh khiết của Quốc Văn Giáo Khoa Thư, những thầy cô khai tâm tuổi thơ, những người bạn cùng vui chơi chia sẻ cõi sống chưa vẩn đục, một cõi sống hùng dũng, tích cực, đầy niềm tin. Những trang sách khai tâm, những dòng chữ đầu đời : «Rồi tôi biết đọc bài tập đọc «Tôi đi học» ở cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp đồng ấu của Trần Trọng Kim (…) «Năm nay tôi lên bẩy. Tôi lớn rồi, không còn chơi bời lêu lổng như những năm còn bé. Tôi đi học. Tôi tập đọc, tập viết, tập làm tính và nhiều môn học khác nữa. Tôi cố tôi học. Tôi chăm tôi học. Học sao cho mau tấn tới, cho văn hay chữ tốt, cho cha mẹ và thầy giáo được vui lòng»…» (Trường Cũ, tr. 9).

Những trang đầu đời sẽ đánh động tâm tư người đọc vì đã đánh động tâm hồn người viết. Dù nghịch phá, lêu lổng, thích ca hát, đánh lộn hơn là học, nhưng khi dĩ vãng xa đó trở về, ngôi trường tư thục Trần Lãm ở thị xã Thái Bình đã là muôn thuở. «Ngôi trường của tôi không giống «con đẹp quá». Nó ở mãi thị xã, chung tình muôn thuở cùng học trò. Chỉ có học trò phụ bạc trường học. Mỗi người học trò rời trường, đều đem theo ít nhiều tình yêu. Trường cho học trò tình yêu và tương

tư. Học trò không cho lại trường gì cả…» (Trường Cũ, tr. 126 - 127).

Mùa hè, được về quê ngoại là một hạnh phúc. «Quê ngoại nhà tôi có một vẻ gì đó thật mơ hồ, một ngăn cách nào đó thật diệu vợi. Người con gái đã về nhà chồng là giã từ luôn quê mẹ như giã từ thời son trẻ của mình. (…) Từ nỗi thiết tha của người mẹ, đứa con lớn lên, yêu quê ngoại hơn quê nội. … Xa vời quá, lạ lùng quá khiến ta mơ ước. Và ta ngỡ niềm mơ ước của ta sẽ no đầy nếu ta được sống ở quê ngoại rộn ràng trong ký ức…» (Phượng Vĩ, tr. 14 - 15). Trong Hôn Em, Kỷ Niệm ông tiếp tục kể lại thời thơ ấu, cậu bé con nhà nghèo bên cạnh «đoạn đường oan nghiệt» của người cha. Đây cũng là tập đầu của bộ tự truyện Nhìn Lại Mình tác giả đã thông báo ở cuối tập. Cây Leo Hạnh Phúc là thế giới tuổi thơ của những con Ki, thằng Cu Tí, thằng Đốn. Trường Cũ kể chuyện đi học nhưng có hình thức một hối hận gián tiếp đã không là học trò gương mẫu. Ngày Xưa Còn Bé tiếp nối chuyện Trường Cũ khi Long, Côn, Thịnh, … lên Hà Nội trọ học trung học : những tung hoành của tuổi trẻ, những mối tình với con gái chốn văn vật. Trong hồi ký Nhìn Lại Những Bến Bờ sau này, ông sẽ kể đã phí phạm những năm tuổi trẻ như thế nào.

Đặc điểm của văn chương tuổi nhỏ còn ở nơi ngôn ngữ. Một ngôn ngữ bình dị hồn nhiên mà trong sáng. Thành công của Duyên Anh khiến ông một thời trở thành hiện tượng, phần lớn do ở những tác phẩm về tuổi thơ nói trên. Nhà thơ Trần Tuấn Kiệt dù không biết Trà Lý ở đâu nhưng đã phải công nhận «Hình ảnh thiên đường và đất hứa của tuổi trẻ trong tác phẩm của Duyên Anh, tuổi trẻ được phục sinh vừa thơ mộng kỳ diệu, vừa phẫn nộ trong lầm than một vùng nhân thế» [11].

Tuổi trẻ

Duyên Anh viết và xuất bản những tác phẩm về tuổi trẻ khi miền Nam đang trên đà xây dựng, tổ chức và các phong trào thanh niên sinh viên học sinh được các chính quyền đệ nhất và đệ nhị cộng hòa phát động cũng như tổ chức. Và kẻ thù cũng đã có những xâm nhập. Tuổi trẻ xuống đường, chống độc tài (hiến chương Vũng Tàu), chống chính khách xôi thịt, chống Mỹ, … và chống cả đi lính, đòi hòa bình, thống nhất đất nước.

Trong khi đó tuổi trẻ của Duyên Anh lãng mạn nhưng có ý thức và yêu nước. Lãng mạn, theo những tập đoàn cách mạng một cách thành tâm nhưng ngây thơ trước thủ đoạn. Ảo Vọng Tuổi Trẻ kể chuyện những người trẻ tuổi đi làm cách mạng. Tuổi trẻ bị ảo vọng, «thua bạc»,

11 NLNBB, tr. 395

mất cả vốn liếng lý tưởng và tuổi trẻ, đâm ra phẫn nộ. Họ «đã ngủ sầu trong đất», không cần đến những đàn anh thê thảm và khốn nạn.

Duyên Anh trong Ngựa Chứng Trong Sân Trường tiếp tục ý hướng giáo dục, muốn đề cao tình nghĩa trong một xã hội đầy bạo động và giá trị văn hóa không còn. Rồi trong «tâm bút» Bò Sữa Gặm Cỏ Cháy, Duyên Anh đã mong tạo được những thần tượng thiếu niên nhi đồng và đào tạo được một thế hệ hết mình bảo vệ miền Nam và ngăn chặn đám giải phóng theo chỉ thị của miền Bắc, ngay từ những lứa tuổi 14, 15. Võ Trụ trong Bò Sữa Gặm Cỏ Cháy «quên thân mình cứu người phi công Mỹ lâm nạn» (tr. 34), Danh Kê cướp xuồng máy và súng của cộng sản ở Kiên Giang để khi lớp «đàn anh chết đi, có thể vững dạ tin tưởng ở thế hệ rường cột xâm mình chiến đấu, chiến thắng cộng sản» (tr. 43).

Nếu các truyện về tuổi thơ là chuyện của Duyên Anh và bạn bè trang lứa thì những tiểu thuyết về tuổi trẻ đã là kết hợp từ những kinh nghiệm cá nhân của tác giả thời mới vô Nam và cả khi làm báo, công chức.

Tuổi trẻ bụi đời và du đãng là hai loại tiểu thuyết và Duyên Anh đã hơn một lần phân biệt hai khuynh hướng đó. Tuổi trẻ bụi đời, trẻ mồ côi có Luật Hè Phố và Dấu Chân Sỏi Đá. Luật Hè Phố là thế giới của Danh, Lựa,

Dân, v.v. những đứa trẻ đánh giày, ở viện mồ côi ra, sống bụi đời, không lựa chọn; là thế giới của bọn đầu trâu như Quý Đen, vua đánh giày. «Bọn đánh giày tứ cố vô thân. Chúng nó sinh sống tại hè phố, chịu đựng mọi kỷ cương của hè phố và hè phố có bổn phận sắp đặt cho chúng nó…» (GMMLC, tr. 54). Dấu Chân Sỏi Đá là chuyện Tâm và Ngọc, hai đứa trẻ mồ côi thời đảo chánh 1 - 11 - 1963 : chúng sống tự lập, ở vỉa hè, bán báo, yêu thương đùm bọc nhau.

Đến loại tiểu thuyết gọi là du đãng, Duyên Anh đã cẩn thận nhấn mạnh : «Tuổi trẻ bơ vơ, thèm xả thân cứu giúp đời, mà rốt cuộc tinh thần hào hiệp đó biến thành tinh thần du đãng» (ĐRNM, tr. 107). Đã hơn một lần, cũng trong Điệu Ru Nước Mắt, Duyên Anh nói về những người trẻ tuổi này là «những thằng trong sạch nhất trong xã hội» (tr. 274), «du đãng nhiều thằng lương thiện gấp bội những thằng to tiếng đòi giáo dục du đãng» (tr. 107) hay «xã hội du đãng cũng ăn đứt xã hội đạo đức giả». Chúng nỗi loạn vì cô đơn, «nổi loạn tâm hồn» vì «bất mãn gia đình, học đường, tổ quốc», hoặc thù đời, «khinh miệt cuộc đời, vì cuộc đời cứ coi nó là du đãng» (tr. 81).

Thất vọng một xã hội không có chỗ đứng, bất mãn trước bất công xã hội, chúng «nổi loạn đánh chém, hiếp

dâm, cướp ngày, tống tiền để trả thù xã hội», «sống tách riêng ra một xã hội» (tr. 107). Nổi loạn làm du đãng như không còn lựa chọn. Vết Thù Hằn Trên Lưng Con Ngựa Hoang : chuyện Du Chột bắt cóc đòi tiền chuộc nhà buôn giàu không thành vì Hoàng Guitar đàn em của hắn quyết chí trở lại con đường lương thiện làm sai kế hoạch. Chuyện hoàn lương cũng không dễ một khi đã ở lâu với xã hội đó, cuối cùng trở thành thảm kịch. Hoàng Guitar có học, biết điều, giang hồ đã, cuối cùng muốn sống như mọi người có vợ có con và đủ ăn mà cũng không thể được trong một xã hội nhiều mắc lưới đó. Mừng Lác trong Nước Mắt Lưng Tròng yêu gái điếm Alice Hồng muốn «… quên hết mọi tủi nhục mà cuộc đời đã hành hạ chúng ta bao nhiêu năm trời. Rồi chúng ta sẽ có nhiều con, sẽ lo cho chúng nên người. Em biết không, hạnh phúc phải do mình kiếm lấy, không đứa nào kiếm cho mình đâu». Ý chí lương thiện không thôi không đủ. Hoàng Guitar hay Mừng Lác đều kết thúc cuộc đời trong bi đát và khốn cùng.

Đây là một thế giới bạo động với những thanh toán giữa George Tạo và Tony Phước trong Trần Thị Diễm Châu, giữa hai băng Du Chột và Chín Cùi trong Vết Thù Hằn Trên Lưng Con Ngựa Hoang, giữa băng Lê Hùng và nhóm Thanh niên quyết tử trong Sa Mạc Tuổi Trẻ, giữa Tám Dao Cạo và Mừng Lác trong Nước Mắt

Lưng Tròng. «… Chúng nó chạy hết tốc độ, chiếu đèn pha và đè nghiến lên đầu Mừng Lác. Chiếc xe mất hút ở con phố khác. Mừng Lác bị vỡ óc nằm cô độc giữa trời đầy sương. Vua giết người đã bị xóa tên khỏi sổ bụi đời một cách tầm thường và thê thảm» (tr. 277).

Xã hội này có luật lệ của nó nhưng cũng có những phẩm tính tốt như chúng yêu thương nhau, biết đùm bọc nhau. Có tuổi trẻ vì hoàn cảnh mà đi du đãng như Trần Đại, Nguyễn Đạm, Trần Long, Trần Thị Diễm Châu, Lê Hùng, v.v. đã học xong trung học, có đứa đậu cả tú tài Pháp. Chúng cũng hào hoa phong nhã và «rất nghệ sĩ». Một đính chính cho cảm thông. Vì tuổi trẻ đường xá này sẽ chấp nhận hoàn lương, vào trường các nữ tu như trong Trần Thị Diễm Châu «xã hội không cải thiện cuộc đời của du đãng thì nội trú Hòa Hưng sẽ cải thiện họ». Và tuổi trẻ du đãng cũng sẽ nhập ngũ làm bổn phận công dân thời chiến. Một nhân vật của Sa mạc tuổi trẻ : «quân đội là nơi lý tưởng nhất để nó làm lại cuộc đời» và «kỷ luật quân đội dạy người lính trở nên chín chắn, biết yêu biết ghét đúng đắn» (tr. 337). Trần Đại của Điệu Ru Nước Mắt được đàn em James Dean Hùng khen «Anh Trần Đại được làm tướng đi đánh nhau với cộng sản, chắc chắn anh ấy thương lính của anh ấy như thương chúng mình, anh ấy lại «cừ» nữa, cộng sản cứ gọi là hết ngáp…» (tr. 274).

Trong bài nói chuyện với nhà văn Đỗ Tiến Đức, Duyên Anh cho biết khi viết «cuốn tiểu thuyết du đãng đầu tiên là cuốn Điệu Ru Nước Mắt là lúc các tướng lãnh mình đảo chánh nhau, ông tướng này bắt ông tướng kia, nay là tướng anh hùng mai là tướng gian, lung tung hết. Dưới mắt một nhà văn thì tình trạng đó nản quá, tôi thấy chẳng còn gì đáng ca ngợi nữa. Với phản ứng đó, tôi mới đem du đãng ra ca ngợi, thế thôi».

Duyên Anh đã viết về tuổi trẻ du đãng với cái nhìn âu yếm, hiểu biết, có khi ông đã phẫn nộ như trong Ảo Vọng Tuổi Trẻ : «Hình phạt nào mới xứng đáng cho một tên lừa gạt tuổi trẻ, cho những tên làm ung thối một thế hệ mới vươn lên để tìm chỗ đứng cho dân tộc dưới ánh mặt trời» (tr. 228)

Tuy vậy, sau cuốn Nước Mắt Lưng Tròng, tức sau khi đã xuất bản Điệu Ru Nước Mắt, Trần Thị Diễm Châu, Vết Thù Trên Lưng Ngựa Hoang, Sa Mạc Tuổi Trẻ, Duyên Anh đã bỏ loại truyện du đãng. Ông bỏ du đãng cũng như bỏ làm báo với những bút hiệu Thương Sinh, v.v. để trở về với tuổi thơ và không khí lãng mạn của những tình yêu nhỏ lớn, của Mây Mùa Thu, Cầu Mơ, v.v..

Tình yêu trong tiểu thuyết Duyên Anh có nhiều hình thức, từ tình yêu tuổi thơ, đến lứa tuổi thích ô mai, tình

yêu giữa chốn bụi đời, anh chị, rồi tình vợ chồng. Bắt đầu là những mối tình vụng dại, ngây ngô trong Con Thúy, Thằng Vũ, Thằng Côn, Trường Cũ, … giữa các cô cậu tiểu học. Tình thằng Vũ với con Thúy : «Lúc nó tỉnh ngủ, Vũ thấy bàn tay đặt lên trán nó. Vũ cảm thấy lạ lùng. Nó không muốn mở mắt. (…) Nó đưa tay đặt trên bàn tay đang đặt lên trán nó.

- Vũ…

Tiếng nói như tiếng reo vui của loài chim khuyên mới gặp tia nắng xuân đầu sau những ngày mùa đông u ám.

- Vũ ơi, Vũ sống rồi… Thúy mừng lắm, Vũ ạ !

Vũ đã biết bàn tay nào đang ở dưới bàn tay của nó. Tự nhiên, Vũ khỏe hẳn. Và khỏe hẳn, Vũ muốn trêu Thúy. Nó giả vờ rên hừ hừ.

- Tôi chết, tôi sắp chết đây…

Thúy cuống quýt :

- Vũ đừng chết, Vũ nhé ! Thúy mang ô mai cho Vũ đây này.

Vũ rên to hơn :

- Tôi ghét ô mai chua, tôi thích ô mai cam thảo cơ. Ôi đau ngực quá. Tôi sắp chết…

Thúy nhắc vội tay ở trán Vũ ra, đặt lên ngực Vũ :

- Ô mai cam thảo mà…

(…) Vũ đã đưa bàn tay mình để chờ đợi bàn tay của Thúy. Và hai bàn tay gặp nhau, đan lấy nhau. Vũ lặng người. Cảm giác như nuốt vội một viên kẹo quá ngọt…» (Con Thúy, tr. 129, 131)

Tuổi mười ba, trai mới lớn, nghịch ngợm với tình yêu rồi thất tình, những thất tình thường không hậu quả. Con gái tuổi mười ba như bài thơ của Nguyên Sa, là những mối tình của lứa tuổi thích ô mai. Rồi mười sáu tuổi, thiếu nữ vẫn thích ô mai mà tình yêu có khi lạ lùng dù có thể tự nhiên của nữ sinh với thầy giáo hay với nhà văn nhà thơ đã có vợ. Trong Lứa Tuổi Thích Ô Mai, nữ sinh Kim yêu nhà văn Trần Vũ trong khi bạn cô là Quỳnh thì mê nhà thơ họ Hoàng, Chi buồn tưởng chết khi nghe tin nhà văn Thanh Nam cưới nhà văn Túy Hồng, v.v. Các cô sẽ thất vọng, sẽ tự nhủ chỉ nên «đứng nhìn những trái ô mai chua qua lớp thủy tinh trong suốt. Để thích. Để thèm. Cảm giác thích hay hay thèm ô mai chua, sẽ không còn nữa nếu ta muốn biết ô mai làm ê răng ta đến mức nào…» (trong VYHC, tr. 184)

Tình trong trắng của tuổi học trò «thập thò dưới gốc cây gần cổng trường con gái, chờ chuông reo tan học để nghe tim mình rộn rã, bồi hồi. Em không quên chứ, những buổi chiều vàng niên thiếu ? Em thường ra sau hết. Anh ngơ ngác nhìn em. Rồi em e thẹn mỉm cười. Và thong thả bước ngược con đường về học. Đã yêu nhau nhưng vẫn ngượng. Anh đi sau em, cách cả mấy thước đường. Tại sao, hồi đó, chúng mình dễ xấu hổ thế, em nhỉ ? … Gần đến nhà em, anh vội giúi vào tay em một phong thư và nhận lại của em một phong thư. Chả nói câu nào. Nói hết bằng thư rồi…» (Áo Tiểu Thư, tr. 10-11)

Những tình yêu buồn, đứt đoạn nhưng đẹp, có thể vô tội vạ. Khi thanh niên thiếu nữ ra, vô tội trở thành «tính toán, khôn ngoan, thủ đoạn với cuộc đời và với cả tình yêu» vì «Hỡi hình ảnh cậu con trai vừa lớn của tôi mười bảy năm cũ, cậu đã thật sự giã từ tôi. Khi tôi biết được cậu giã từ tôi thì cậu đã trở về nằm yên trong kỷ niệm và không bao giờ cậu đến với tôi nữa. Tôi tiếc hình ảnh ấy, tôi muốn đi lại từ đầu, muốn mãi mãi là cậu trai vừa lớn ngượng ngùng, xấu hổ, sợ hãi đứng trước một ngôi trường con gái…» (ATT, tr. 106 - 107).

Với Duyên Anh, người sống bằng quá vãng, «ngoài tình yêu, không có gì đáng giữ làm kỷ niệm» (Về Yêu

Hoa Cúc, tr. 15). Nếu Duyên Anh ít may mắn với tình yêu thì trong tiểu thuyết, tình yêu còn là những chuyện tình rất đẹp. VYHC là chuyện tình yêu cô sinh viên Kiều Nhị, với nhà thơ tên Hoài nhưng rồi lại phải «… vẫn đi bên cạnh cuộc đời, ái ân nhạt nhẽo của chồng tôi», chuyện những buổi đi dạo ở con đường Tú Xương của những người yêu nhau ở Sài Gòn mà cô đặt tên là «đường vào tình yêu», bên những giòng suối nhỏ ở ngoại ô hay giữa Đà Lạt sương mờ.

Tình yêu sẽ tiếp nối ở những tiểu thuyết khác của Duyên Anh. Cầu Mơ với những chuyện tình dễ dàng của thầy giáo Hoài ở Mỹ Tho, một mẫu người nếu không yếu đuối thì cũng thiếu tình thương trên đời. Hay chuyện thiếu nữ tên Tường Vi yêu Hoài (lại anh chàng vung vít thơ văn tên Hoài) và sống trong nhạc và thơ rồi chết vì tình, để lại những bài thơ dang dở trong Tên Một Loài Hoa Quê Hương. Theo tác giả, cái chết đó có ý nghĩa, vì những ai không biết yêu là «những kẻ không biết mơ màng, những kẻ lê đôi chân xích hai tảng đá thực tại là bất hạnh trọn kiếp người» (in VYHC, tr. 387). Cám Ơn Em Đã Yêu Anh, một trong những chuyện tình cuối được xuất bản trước 1975, mang dấu vết thời đại với lối sống hippy và truyện chưởng Kim Dung. Hai nhân vật chính có tên Đoàn Dự khù khờ và Chu Chỉ Nhược quỷ quái.

Khi «định mệnh đã an bài», nói như Duyên Anh, những «con dế» an phận sẽ tìm an vui bên người tình muôn đời. Trong Nhà Tôi, Nguyễn Văn Lương may mắn lấy được Phượng, con gái ông điền chủ miền Tây, sẽ hân hoan ký hai tay bản hiệp ước với người chủ mới. Đến Cây Leo Hạnh Phúc, tác giả muốn chứng minh xa hơn rằng mái ấm gia đình cho bốn mùa như nhau và những bổn phận tựu trung là thiên đàng, là bếp lửa nên tìm về và ở lại.

Viết về tình yêu, nói chung Duyên Anh không đi sâu vào tâm lý nhân vật, không tinh tế chuẩn bị người đọc. Người yêu nhau dễ dàng, hay hoàn cảnh có khó khăn thì rồi cũng yêu nhau thôi. Mà những nhân tình trong tiểu thuyết của ông cũng không phức tạp.

Xã hội thời đại

Duyên Anh viết vì nhu cầu làm báo và mưu sinh. Xã hội của mưu đồ, của kẻ mạnh. Xã hội thời chiến tranh. Tiểu thuyết của Duyên Anh thường là chuyện Thái Bình, Hà Nội trước 1954 và miền Nam những năm cuối thập niên 1950 và đầu thập niên 1960, nhưng cái xã hội thời chiến của miền Nam vẫn được nói đến. Tác giả đã mơ bình minh và đã thất vọng thấy hoàng hôn cách mạng kháng chiến 1946 - 1954, thất vọng về những con người lợi dụng công cuộc kháng chiến đó.

Duyên Anh đã thổ lộ khi viết bộ Vẻ Buồn Tỉnh Lỵ ngoài chuyện thơ ngây của những thằng Vũ, thằng Côn, con Thúy, ông còn muốn nói lên «thảm cảnh của chiến tranh xâm lược, của tù đày, tra tấn, của vùng tự do, vùng tề, của tiếp thu, phản bội và chia cách. Tây rút, tôi đợi bình minh của Vọng mang tới, nhưng chỉ là hoàng hôn xám tối, chỉ là những hờ đến tàn nhẫn và lạnh lẽo tình người. Và chia cách ngàn trùng…» [12].

Từ đó người đọc sẽ thấy tự nhiên khi ông để người bạn đời của ông phát biểu : «Nếu cộng sản vô đây, em sẽ không di cư như anh đâu, em sẽ uống thuốc độc tự tử» trong Nhà Tôi (tr. 82). Đến tác phẩm cuối xuất bản trước 30 - 4 - 1975, cuốn Tháng Giêng Ngon Như Một Cặp Môi Gần, ông đã thêm một lần phê phán cách mạng vô sản. Ông cho biết ông dù nghèo nhưng không theo cộng sản để làm cách mạng vô sản. Không theo cộng sản có thể vì ông đã cảm nghiệm.

Xã hội miền Nam thời bình trước khi chiến tranh trở lại và thời chiến tranh hỗn loạn nhất được Duyên Anh trình bày trong các tác phẩm còn lại, khi ông viết về tuổi thơ của những thằng Chương Còm, Bồn Lừa, Dzũng Da-Kao, Hưng Mập,…, khi ông viết về những chuyện tình yêu hay gia đình, hoặc khi ông viết về những đứa

---

12 Văn, 197, 1 - 3 - 1972

bé đánh giày, về thế giới du đãng, anh chị, về những người trẻ tuổi máu nóng làm «cách mạng» bị ảo tưởng, bị đàn anh lừa gạt. Trong Sa Mạc Tuổi Trẻ chẳng hạn, người đọc sẽ thấy lại một Sài Gòn và miền Nam hỗn loạn của những năm 1964 - 1967 : đảo chánh, chỉnh lý, biểu dương lực lượng, sinh viên, tôn giáo «xuống đường», miền Trung nổi loạn, những «nhân vật» thời thế tạo nên như Nguyễn Cao Kỳ, Phạm Văn Liễu, Trần Văn Hương, Bùi Diễm, v.v. Nhưng miền Nam vẫn quyết tâm chống Cộng kể cả «du đãng» : «Du đãng diệt Vẹm sẽ hăng nhất, không chiến thắng không trở về» (tr. 250). Trong Cám Ơn Em Đã Yêu Anh, xã hội miền Nam cho thấy nhiều bộ mặt mâu thuẫn : một xã hội dư thừa, phóng đãng trong khi chiến tranh đang bủa vây và cái chết đang chực chờ.

Ngôn ngữ văn - chương

Điểm đầu tiên đáng ghi nhận là Duyên Anh viết rất bình dị, không trừu tượng; một ngôn ngữ nhiều hình ảnh và gợi cảm : «Khi mắt mẹ phảng phất khói hương mơ mộng thì lại là lúc phải khóc nhiều vì cô độc đau thương. Pháo cưới thi nhau đỗ nát tan lòng mẹ. Màu áo đỏ, áo xanh bỗng nhiên ngả màu tang tóc như muốn liệm chung cuộc đời người con gái chưa đầy hai mươi mùa xuân. Những con bươm bướm đa tình chẳng chịu

ghé hoa vườn thuốc độc nên mẹ già cỗi và gần như xa hẳn nhân gian» (Hoa Thiên Lý, tr. 18).

Một ngôn ngữ xứng hợp với đa số tác phẩm của Duyên Anh mà toàn bộ có thể xem như một chuyện kể thật dài. Duyên Anh trong hồi ký Nhìn Lại Những Bến Bờ đã kể lại việc ông học cách viết giản dị trong sáng theo cách viết của nhà giáo Trần Trọng Kim trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư và Luân Lý Giáo Khoa Thư. Trong buổi trao đổi với sinh viên vào năm 1972 đã dẫn, khi so sánh với nhà văn Mai Thảo mà ông nhìn nhận «có nghệ thuật viết» tiểu thuyết lôi cuốn, ông đã khiêm tốn nhìn nhận «Tôi chưa phải là một nhà viết tiểu thuyết. Tiểu thuyết đúng nghĩa phải xây dựng nhiều tình tiết. Tôi có vài cuốn tạm gọi là tiểu thuyết, còn sau này tôi dùng văn chương để nói những gì muốn nói. (…) Người gọi tôi là tiểu thuyết gia : không đúng. Gọi tôi là nhà văn cũng không đúng. Tôi chỉ là người viết văn» [13].

* * *

Duyên Anh viết về giới trẻ du đãng, bụi đời có thể đã đáp ứng một thị hiếu của độc giả; nhưng thiển nghĩ ông không viết về tuổi trẻ này hoàn toàn vì thị hiếu cao bồi du đãng để thỏa mãn nhu cầu tiêu thụ mà ông còn có

13 «Duyên Anh Và Việc Viết Tiểu Thuyết». Bđd, tr. 31 - 32

một mục đích giáo dục, đề cao với một cái nhìn khá từ bi, thông cảm. Khi viết về tuổi thơ, phải công tâm công nhận văn chương tuổi thơ của Duyên Anh khá trĩu nặng đau buồn của quá khứ, mất mát, có ngụ ý, có cả hối hận. Trong khi đó những nhà văn sau ông như Hoàng Ngọc Tuấn, Từ Kế Tường, Đinh Tiến Luyện,… viết về tuổi thơ và tuổi trẻ với một tâm hồn trong sáng hơn. Không khí tiểu thuyết của họ vui và nhẹ nhàng hơn, thực tế hơn mà tình yêu cũng thật sự mộng mơ gần gũi hơn.

Duyên Anh trong một thời gian dài đã trở thành một hiện tượng văn học vì tác phẩm của ông đã đáp ứng được một phần những nhu cầu của thời đại, những nhu cầu văn hóa, tâm lý, xã hội của đại chúng. Với sự leo thang của chiến tranh, khi xã hội khủng hoảng trầm trọng về văn hóa, đời sống, một số tác phẩm của Duyên Anh với ý hướng giáo dục đã đáp ứng được một số mong đợi. Đừng đòi hỏi ở ông những đáp ứng triết lý siêu hình của thời đại. Duyên Anh chỉ nói tiếng nói của đời sống thường nhật, của những người con, những bậc cha mẹ, những thầy giáo hay những trẻ bụi đời hay thanh niên du đãng. Và ông trung thành với đường hướng đó. Mục đích hay chủ ý trong tiểu thuyết của Duyên Anh cũng dễ nhận ra chứ không phải quanh co, lưỡng nghĩa.

Nhà văn Duyên Anh ngoài gần 50 tác phẩm đã xuất bản trước 1975 còn là tác giả những bài báo dưới nhiều bút hiệu khác nhau (những phóng sự Đi Tầu Suốt, Đầm Giao Chỉ,…) vẫn khiến hơn một người thắc mắc về cái mâu thuẫn con người hai mặt của ông, một thơ mộng và lý tưởng và một thâm độc, trào phúng. Khởi đi từ thế giới đã mất, từ những mơ mộng, Duyên Anh đã đi đến chỗ hẹn hò thỏa thuận với quá khứ và đã đưa người đọc vào một thực tế hàng ngày không giản đơn trước mắt, đã có những ý tích cực cho giới trẻ. Mất tuổi trẻ, sống ly cách, cuộc đời mới khó khăn khiến Duyên Anh có cái nhìn xoi mói về tha nhân có khi quá đà không cần thiết. Cao Thế Dung trên tạp chí Quần Chúng đã cắt nghĩa rằng nếu Duyên Anh «không cho thoát những uẩn ức chất đầy trong đầu óc (ông) bằng những bài báo ngổ ngáo, cay độc, (ông) sẽ không thanh thản mà viết những trang sách hiền lành lý tưởng» [14]. Duyên Anh đã tuyên bố : «Tôi đập phá và tôi xây dựng một xã hội tốt đẹp. Cho nên, song song với những bài báo trào lộng là những cuốn sách viết về tuổi thơ hay về tình người. (…) ngôn ngữ phóng sự nhảm nhí, pô tanh đểu cáng hiếm có trong những cuốn sách lý tưởng của tôi…».

---

14 Trích lại từ Huỳnh Phan Anh. Sđd

Dâng văn chương cho tuổi thơ và quá khứ và không nhất thiết làm văn chương để chống cộng, Duyên Anh đã chọn cái nghiệp chống cộng và đã gánh chịu nhiều thiệt thòi trong cuộc đời kể cả bị đả thương đến tật nguyền. Những xã hội và tập đoàn nào còn duy trì bất công và bạo động sẽ dễ kết án những người như Duyên Anh, những người đi khêu động những cấm kỵ. Truyện của Duyên Anh dù chỉ là tiểu thuyết đã bị kiểm duyệt miền Nam cắt bỏ (Bò Sữa Gậm Cỏ Cháy bị kiểm duyệt «ngâm» không cấp giấy phép, sau lại cho nhưng cắt 32 trang) và ông đã là một trong số những tên «biệt kích văn hóa tư tưởng» nguy hiểm cho chế độ đối nghịch chế độ thứ nhất. Nghèo, tự lập tự vươn, muốn truyền lại kinh nghiệm, muốn nói với giới trẻ, nhưng cái gốc người đời nghĩ là không sang cả không quý phái và không cả bằng cấp của ông đã khiến ông bị hất hủi. Nhà văn của tuổi thơ cuối đời tật nguyền buồn khổ đã trở lại đạo Thiên Chúa, tìm nước Trời nơi trẻ nhỏ dễ vào vì đứa nhỏ đã chấp nhận nước Trời, nói như người có đức tin. Một niềm tin mà Duyên Anh đã không có khi đang thành công lớn.

Có thể nói ngoài vài cuốn tiểu thuyết về du đãng và trẻ bụi đời, toàn bộ tác phẩm đã xuất bản trước 1975 của Duyên Anh là chính cuộc đời và con người Duyên Anh. Những kỷ niệm, tình tiết, không gian và nhân vật

đã được lập lại ở nhiều tác phẩm. Nói như tác giả, ông «bị ám ảnh bởi dĩ vãng, kỷ niệm và vùng trời quê hương nhỏ bé của (ông)» (4). Duyên Anh đã nhìn nhận đó là một nhược điểm vì ông «chưa đủ tuổi để đi xa, để thoát ly khỏi kỷ niệm, dĩ vãng và vùng trời thân thuộc của mình» (4). Nếu tuổi thơ là dĩ vãng, nếu quê hương xa xôi là kỷ niệm đã làm nền cho tiểu thuyết của Duyên Anh trước 1975 thì sau khi ra được nước ngoài tị nạn, sau 6 năm tù và học tập, sau những chiến dịch xóa bỏ tác phẩm ông hoặc kết án ông, tuổi trẻ đã trở thành ý thức chính trị làm nền cho tiểu thuyết của ông xuất bản ở hải ngoại. Duyên Anh sẽ đề cao tuổi trẻ, một tuổi trẻ có ý thức.

118. Duyên Anh, Anh Là Ai ?

Huỳnh Phan Anh

Duyên Anh tên thật là Vũ Mộng Long như chính ông đã không ngần ngại ký kèm theo bút hiệu của mình. Ông sanh năm 1935 tại Thị xã Thái Bình, nhưng theo lời ông, lại được khai là đẻ ở làng Trường An là quê cha của ông, thuộc huyện Vũ Tiên, Thái Bình. Chính vùng quê hương Thái Bình này đã xuất hiện phẩm tự thuật…

Vùng quê hương đó đã được dựng lại, đẹp hơn bao giờ hết, trong bộ trường thiên tiểu thuyết mang tên VẺ BUỒN TỈNH LỴ.

Ông đã theo học nhiều trường. Những năm tiểu học, ông không học hết niên học ở một trường nào vì cứ phải đổi trường theo sự xê dịch của cha. Chỉ có năm lớp Ba (Élémentaire), năm 1942, ông mới được học trọn niên khóa ở trường Phụ Dực. Những ngày ở đây đã để lại nhiều kỷ niệm, những kỷ niệm bàng bạc trong các truyện ngắn đầu tay của ông (Khúc Rẽ Cuộc Đời, Hoa Thiên Lý) trong các tác phẩm tự thuật (Trường Cũ) cũng như trong nhiều tác phẩm viết ở ngôi thứ ba (Vẻ Buồn Tỉnh Lỵ, Tuổi Mười Ba...) Nếu mỗi người viết văn đều đã trải qua một đoạn đời hay một kinh nghiệm nền tảng

mai đây không ngừng ám ảnh có thể nói rằng thơ ấu sống trong khung cảnh buồn thiu của tỉnh lỵ chính là hình ảnh đậm đà nhất, thân mật nhất của tác phẩm cũng như của tâm hồn Duyên Anh.

«Năm sau tôi bỏ trường Bà Sơ. Nhưng vừa học trường tiểu học thị xã được hai tháng thì nhà tôi dọn về huyện lỵ Phụ Dực. Huyện lỵ thật nghèo nàn. Quanh thành quan huyện, dây bìm leo kín. Những mái nhà tranh, những ngọn đèn dầu và tiếng trống trên chòi canh buồn làm sao ấy. Ngôi trường huyện của tôi buồn hơn»

Đời sống huyện lỵ thật nghèo nàn và nhất là thật buồn tẻ đã tạo cho ông một bối cảnh, một màu sắc tâm hồn. Đời sống đó, vẻ buồn đó đã dạy cho ông những bài học mơ mộng đầu tiên, những bài học mai đây còn tiếp tục in sâu vào tâm hồn ông, còn tiếp tục bàng bạc trong tác phẩm ông, một cách nào đó, nó mở ra cho ông những cánh cửa, những chân trời. Vẻ Buồn Tỉnh Lỵ đã cống hiến cho người đọc những trang sách đẹp nhất của Duyên Anh, những trang sách làm sống lại một vùng trời quê hương quen thuộc, một đoạn đời với những giấc mơ và những rung động tuyệt vời của tâm hồn tuổi nhỏ :

«Mùa hạ năm nay thật buồn tẻ. Hoa phượng vẫn nở… nhưng màu hoa không rực rỡ. Tại học trò đã nghỉ học

trước hè, nghỉ từ tháng ba chết đói. Loài ve sầu rên rỉ mỏi miệng cũng chẳng ai thèm cảm xúc. Có lẽ mùa hạ sang năm sẽ buồn tẻ hơn. Côn hồi tưởng những mùa hè năm xưa mà thương tiếc»

«Hai đứa trẻ mong đợi thầy chúng nó trở về Thái, Thầy chúng, chắc chắn, sẽ chở về những mộng ước ấp đầy những con mắt chúng. Hai đứa trẻ thị xã không muốn âm thầm sống trong cái đai bình thản. Nó muốn thoát ra. Nỗi thèm khát của chúng bộc lộ rõ rệt. Bây giờ mới đúng lúc khung cảnh cảnh buồn nản của tỉnh lỵ không thích hợp với chúng nó».

Phải chăng đoạn đời đó, vẻ buồn đó đã tạo cho Duyên Anh một ngòi bút thơ mộng ?

Năm 1944 Duyên Anh rời huyện lỵ Phụ Dực, về thị xã Thái Bình.

1945, chứng kiến cảnh chết đói tháng ba Ất Dậu, cảnh Nhật đảo chánh Pháp rồi cuộc tổng khởi nghĩa. Như bao nhiêu đứa trẻ lớn lên trong cao trào cách mạng, Duyên Anh đã là một nhi đồng chống Pháp, biết thù hận Pháp gây chiến ở Nam Bộ và đã tham gia cách mạng một cách hồn nhiên, phấn khởi. Những cuốn chuyện Thằng Vũ, Thằng Côn, Con Thúy đã làm sống lại giai đoạn lịch sử này với những nhân vật thuộc lứa tuổi của chính

Duyên Anh thời bấy giờ (lên 9, lên 10…) đã sống, đã cảm nhận bằng tất cả tâm hồn ngây thơ trong suốt của chúng, như nhà văn Mai Thảo đã nói :

«… Những sự việc của thế giới và xã hội người lớn như đổi dời, cách mạng đói kém, mất mùa, chân phù lính Tàu, và lưỡi lê Nhật, hết thảy đều được nhìn, sống, nhận thức, phán đoán, tiếp thu bằng những trái tim lên mười. Qua cái lăng kính luân lý, đạo đức phơi phới hồn nhiên, trong vắt và đôn hậu nhất của tuổi thơ».

1946, khi Pháp gây chiến ở Hà Nội, Duyên Anh tản cư về Tiền Hải và theo học trường huyện.

1947, đậu Sơ học bổ túc và học Thành Chung ở Trình Phố thuộc Kiến Xương (quê hương của Trương Quỳnh Như)

1948, về quê nhà ở Trường An. Trốn nhà đi làm liên lạc viên cho bộ đội một năm. Sau đó lại trở về Trường An.

1959, Pháp chiếm Thái Bình. Hồi cư về thị xã. Chứng kiến cảnh càn quét của lính viễn chinh Pháp. Học trung học Tỉnh.

1952, lên Hà Nội, học Trung học đệ nhị cấp, Duyên Anh học đến năm 1954 thì vào Nam sau khi đã trở

về Thái Bình sống ba tháng trong bầu không khí giải phóng tiếp thu. Ông di cư vào Saigon một mình. Sống vô tích sự tại Nhà Hát Tây. Ông đã ghi lại những ngày này trong Áp Tiểu Thư, những ngày đầy thơ mộng và hồn nhiên của thời mới lớn mặc dù những khó khăn về vật chất. Chính trong giai đoạn này, Duyên Anh bỏ học vì không được ai chu cấp.

Đến giữa năm 1955, ông lên Ban Mê Thuột suốt ngày hạ cây, cưa ngắn, bổ nhỏ, gánh ra thị xã bán để mưu sanh. Nhưng thực ra ông theo đảng Duy Tân lên đó mưu chống chính phủ Ngô Đình Diệm (Ảo vọng tuổi trẻ) chính ông đã từng thú thật về chuyện đi làm «cách mạng» này, là «đói quá theo bừa và một phần cũng vì mơ mộng tuổi vừa lớn mà», quá nửa năm làm chiến sĩ cách mạng bất đắc dĩ, ông tự thấy không đẹp bằng nhân vật Dũng trong tiểu thuyết Đoạn Tuyệt của Nhất Linh, nên bỏ về Saigon, sống nhờ trên kho chứa đồ cũ của hãng dệt ở đại lộ Trần Hưng Đạo, sau đó sống nhờ với một người bạn làm cán bộ chấm công. Ông đã kể lại những ngày này trong hồi ký «Làm Báo».

«Chúng tôi sống ở ngoại ô Hòa Hưng trong một xóm điếm tồi tệ. Xóm điếm thấp hơn mặt đường cả thước. Lên xuống y hệt leo thang. Căn nhà mướn của một me tây lụp xụp. Mái lá. Tối ngày chuột khiêu vũ. Cạnh nhà

có con lạch chảy ra cống thành phố. Thuở ấy lính viễn chinh Pháp chưa chịu về nước. Xóm điếm tấp nập. Đêm nào cũng xảy ra vụ kiểm tục, bố ráp và lính viễn chinh «chơi lường». Điếm chạy lính huỳnh huỵch. Điếm chửi lính viễn chinh ồn ào. Đầy rẫy thảm cảnh và nghịch cảnh của một xã hội về chiều… Tôi thương nhất là những đứa trẻ con lai da trắng, da đen. Những đứa trẻ không có quê hương, tổ quốc ấy cũng là những đứa trẻ không có tuổi thơ. Mười tuổi chúng đã biết ghếch cớm (gác cảnh sát, hễ thấy cảnh sát vào xóm là báo động) cho bọn Tú bà. Sống ở xóm điếm, ở cái vũng bùn tối cùng cực, tôi đã nghĩ phải viết một thiên phóng sự nhan đề Xóm Quốc Tế.

Cũng trong khoảng thời gian này, đời sống vật chất đã đưa đẩy Duyên Anh tới nhiều hoàn cảnh nổi trôi, rày đây, mai đó, hết nghề này lại chuyển sang nghề khác để sinh nhai. Hết lang thang với người sơn đông mãi võ, ông nhập đoàn cải lương lưu diễn miền Tây (Mây Mùa Thu). Ông lại trở về Saigon, làm nghề giữ xe đạp hội chợ, quảng cáo cho đoàn xiếc Woong Bang Phu ở sân bóng Tao Đàn. Dạy học tư gia. Ông đã từng sống dưới chân cầu Tân Thuận với người đồng hương đạp xích lô, sống lẫn lộn trong một xã hội bần cùng nhất với những cảnh bất công ngang trái hàng ngày diễn ra oan nghiệt gấp ngàn lần những cảnh đời trong tiểu thuyết Nguyên

Hồng. Chung đụng với đủ hạng người : phu bến tàu, phu xích lô, buôn gánh bán rong, đánh giày, bán báo, ăn cắp, du thủ du thực… ông đã «sống với họ, sống như họ».

Nếu Duyên Anh chưa viết thiên phóng sự mang tên Xóm Quốc Tế như ông đã từng nghĩ tới, thì chính ông đã viết hơn một cuốn truyện dài mang nặng màu sắc phóng sự xã hội, nói về những cuộc đời, những cảnh sống đầy tối tăm, nghịch cảnh (Luật Hè Phố, Điệu Ru Nước Mắt…) và trên phương diện này nhiều người đã không ngần ngại gọi ông là một nhà văn xã hội. Điều đáng nói ở đây chính là Duyên Anh đã sống, trực tiếp hay gián tiếp những cảnh đời mà ông đã viết.

Để tiếp tục theo dõi những bước chân của Duyên Anh, năm 1957, ông rời Saigon, rời bỏ «miền bất hạnh không có nổi ánh điện câu để thấy nó hắt hiu, vàng vọt», ông cùng người bạn xuống Mỹ Tho mở lớp dạy đàn sáo lấy tên là Hương Duyên (Cầu Mơ). Thất bại. Ba tháng sau, trở về Saigon. Rồi lên Tây Ninh sống nhờ người quen, ngày ngày gánh nước tưới rau giúp bạn để có cơm ăn ở một trại định cư thuộc Trảng Lớn. Hãy nghe ông nhắc lại những ngày sống vô vị đó :

«Ở đây buồn lắm. Xong công tác tưới rau tôi thường ngồi trên cái nắp quan tài của trại hòm đánh cờ tướng

giết thì giờ. Mỗi sáng sớm, xe đò về Saigon đều ghé qua, bóp còi inh ỏi. Tiếng còi như xé nát lòng tôi. Tuổi trẻ của tôi đành chôn chân ở một chỗ, nghe nỗi buồn đốt cháy hoa mộng. Đọc Một Chuyến Đi của Nguyễn Tuân tôi phát khóc.»

1958, Duyên Anh lại trở về Ban Mê Thuột. Rồi lại trở về Saigon sau bốn tháng nằm ở cây số 4. Được đàn anh Duy Dân giới thiệu xuống Hòa Hảo dạy học tại một ngôi trường bán công, mỗi giờ được bốn chục bạc. Dạy được ba tháng bị đàn anh đuổi về vì dám dẫn đám học trò sang Tân Huề ăn thịt bò, thịt chó và đá bóng với học trò. Tội nặng nhất là dám mặc sà rông sang văn phòng lãnh lương. Duyên Anh ra Long Xuyên xin dạy ở Quang Trung. Nhưng rồi việc dạy học cũng không được bền bỉ ở đây. Hết niên khóa ông bỏ về Saigon, rồi lại lang thang khắp miền Tây và đói dài ở Saigon. Lại trở về Hòa Hưng sống nhờ gia đình người bạn. Chính trong những ngày này, Duyên Anh đã tập tễnh những bước chân đầu tiên vào cuộc đời làm văn làm báo.

Đó vào khoảng 1960, Duyên Anh được nhà văn Trúc Sĩ tiến dẫn tới tạp chí Chỉ Đạo của Bộ Quốc Phòng. Sáng tác đầu tiên của Duyên Anh được đăng trên mặt báo này là một bài thơ nhan đề Bà Mẹ Tây Ninh. Tháng sau, Chỉ Đạo đăng truyện ngắn Hoa Thiên Lý, sáng tác

đầu tiên của ông được viết trong «một đêm mưa mù mịt chân cầu Tân Thuận» trong nỗi «nhớ nhà và thương tiếc tuổi thơ của mình». Bút hiệu Duyên Anh cũng đã bắt đầu xuất hiện từ truyện ngắn mang hình bóng quá khứ và kỷ niệm đó. Ông có truyện ngắn đăng thường xuyên trên tạp chí Chỉ Đạo. Từ đó những chuyện sau này được gom lại thành tập truyện đầu tay của Duyên Anh với nhan đề Hoa Thiên Lý do nhà Giao Điểm ấn hành. Chi tiết nổi bật nhất trong giai đoạn khởi nghiệp của Duyên Anh có lẽ là sự nâng đỡ tận tình của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, lúc bấy giờ làm Chủ bút Chỉ Đạo. Truyện ngắn Con Sáo Của Em Tôi được Nguyễn Mạnh Côn xếp vào «loại truyện đặc biệt» được trả ngót năm ngàn bạc, số tiền nhuận bút được xem là rất cao vào thời đó, năm 1960, và được nhà văn này viết cho một cái «chapeau» nồng hậu. Duyên Anh cho đó là một hân hạnh ông chưa hề mơ tưởng tới. Một sự may mắn. Và :

«Nhờ truyện ngắn Con Sáo Của Em Tôi mà một số độc giả biết đến tôi và dành cho tôi nhiều cảm tình. Lần đầu tiên tôi nhận được bức thư của độc giả. Bức thư không một lời «ái mộ» chỉ vỏn vẹn một dòng ÔNG DUYÊN ANH, TÔI BẮT ĐỀN ÔNG ĐẤY, VÌ CON SÁO CỦA EM TÔI MÀ TẾT NĂM NAY TÔI BUỒN MUỐN KHÓC. Dòng chữ trách móc đó, tôi giữ thật kỹ. Thuở ban đầu mà. Bây giờ nhận được thư độc giả, tôi

đọc vẫn còn xao xuyến nhưng không thể xao xuyến như thuở ban đầu».

Nguyễn Mạnh Côn rời Chỉ Đạo, Duyên Anh bắt đầu viết cho các tờ báo khác : Sinh Lực của ông Lê Văn Thắng, Gió Nam của ông Lại Tư. Ông tiếp tục viết truyện. Sau đó, nhờ sự cất nhắc của ông Nguyễn Bích Liên, giám đốc Tâm Lý Chiến của Tổng Nha Thanh Niên thời bấy giờ, Duyên Anh bắt đầu «làm công chức dễ dàng, thua phó đốc sự có vài trăm». Một lần nữa, Duyên Anh thú thật là mình may mắn. Luôn luôn may mắn. Cũng như sau này, thành công với nghề văn, được liệt vào hàng tác giả có sách bán chạy nhất, ông vẫn thường cho rằng mình may mắn. Thánh cho lộc mà.

1962, Duyên Anh lấy vợ và tiếp tục làm công chức. Được biệt phái trông coi bán tuần báo Chiến Đấu cùng với nhà văn lão thành Tam Lang.

1963, bị trả về nhiệm sở cũ. Cũng năm này tập truyện Hoa Thiên Lý ra đời. Những ngày Phật giáo phát động cuộc đấu tranh, Duyên Anh ngồi ở sở hoàn thành Thằng Vũ, cuốn truyện dài đầu tay cũng là gác phẩm mở đầu cho bộ trường thiên tiểu thuyết Vẻ Buồn Tỉnh Lỵ. Thằng Vũ được nhà văn Nguyễn Mạnh Côn khen hay và viết cho một bài giới thiệu nồng nhiệt.

1964, Duyên Anh rời bỏ nghề công chức đi làm nhật báo. Ông viết cho Xây Dựng, rồi Sống, Công Luận. Ông viết đủ các mục : Tiểu thuyết, phiếm luật, tường thuật… như ông đã từng kể lại khá tường tận trong hồi ký Làm Báo đăng tải trên Tuổi Ngọc. Ông làm chủ bút tuần báo Con Ong, viết «Article de Fond» cho báo này và đặc biệt ông đã viết gần hết các trang cho báo này trong những số đầu. Ông làm chủ nhiệm các tờ Người, Búp Bê, Tuổi Ngọc (bộ cũ). Chính trong khoảng thời gian thật sự sống với nghề báo (bên cạnh nghề văn), Duyên Anh đã tạo cho mình tên tuổi qua những truyện dài đăng báo được độc giả nhất là giới trẻ tiếp đón nồng hậu : Ảo Vọng Tuổi Trẻ, Điệu Ru Nước Mắt, Nước Mắt Lưng Tròng (chưa xuất bản), Cầu Mơ, Trường Cũ, Nhà Tôi… Và cũng chính trong khoảng thời gian này, với những thiên phóng sự đầy sự sống sượng, với những bài phiếm luận độc địa ký dưới rất nhiều bút hiệu khác nhau như Thương Sinh, Mõ Báo, Thập Nguyên, Thập Thành, Nả Cẩu…, Duyên Anh đã gây nhiều sóng gió, đã tạo nhiều tiếng tăm nhưng cũng đồng thời tai tiếng cũng không kém. Độc giả cũng như những người quen biết ít nhiều với ông vẫn thắc mắc không hiểu tại sao ở ông có thể dung hòa được hai hình ảnh con người hoàn toàn đối nghịch nhau : con người nhà văn luôn ca ngợi tuổi thơ trong sáng, mơ mộng và tình người, và con

người nhà báo ngỗ ngáo, độc địa, bất chấp mọi sự. Về điểm này người đọc có thể tìm đến câu trả lời của chính Duyên Anh trong phần «nói chuyện với Duyên Anh» ở những trang sau.

Có lẽ vì muốn chấm dứt những sóng gió cùng những ân oán giang hồ hoặc như ông đã thú thật để khỏi phải tiếp tục «đổ vỡ» của mình trong sự nghiệp làm báo, Duyên Anh từ giã nghề báo sau bảy năm vùng vẫy thật lực.

Năm 1971, ông làm chủ nhiệm Tuổi Ngọc, «tuần báo của tuổi vừa lớn», trông coi nhà xuất bản cùng mang tên Tuổi Ngọc và tiếp tục sự nghiệp nhà văn của mình, sự nghiệp đã mang đến cho ông một sự thành công không chối cãi, đã tạo cho ông một chỗ đứng biệt lập trong văn nghệ miền Nam của những năm 60.

Trên đây là những nét phác họa về cuộc đời của Duyên Anh, căn cứ trên chính những gì do Duyên Anh kể lại một cách trực tiếp hay gián tiếp, qua những bài viết của ông hay qua những câu chuyện của ông. Dĩ nhiên người ta không thể thu gọn một đoạn đời trên một số trang ngắn ngủi. Nhưng thiết tưởng bao nhiêu đó đủ để giới thiệu hình ảnh một đời người. Với nụ cười và nước mắt. Tất cả làm thành chất liệu quí báu cho Tác Phẩm. Đời sống hãy còn dang dở đối với Duyên Anh cũng như Tác

Phẩm của nhà văn 37 tuổi này vẫn còn tiếp tục. Vậy thì, đã không thể kết luận về Tác Phẩm, người ta lại càng khó lòng đi tới một câu kết về chính cuộc đời nhà văn. Điều tôi muốn nói ở đây là Duyên Anh đã sống như một cách chuẩn bị cho tác phẩm của mình. Mặc dù như ông vẫn thường tuyên bố, ông coi chuyện viết văn như một sự đùa chơi mà thành công và ông không ấp ủ mộng văn chương từ thiếu thời.

Điều Duyên Anh không chối cãi là ông vẫn sống bằng kỷ niệm và ở mỗi chuyện của ông đều dàn trải ít nhiều kỷ niệm riêng. Sống như một cách chuẩn bị cho tác phẩm của mình. Tôi muốn nói : viết đối với Duyên Anh dường như là một cơ hội để tiếp tục sống, hoàn tất cuộc đời mình hãy còn dang dở ở ngoài những trang sách, ở ngoài những dòng chữ. Trước khi thể hiện những tính cách mơ mộng và lý tưởng trong tác phẩm của ông, Duyên Anh đã từng thể hiện chúng vào cuộc đời của chính ông, một tâm hồn mang nặng căn bệnh của thời thơ ấu, của quá khứ, của kỷ niệm.

Đọc Duyên Anh, tôi luôn có cảm tưởng bắt gặp một hình ảnh, một thứ tiếng nói quen thuộc không ngớt trở về dưới ngòi bút của ông. Phải chăng đó là hình ảnh, là tiếng nói của tâm hồn ông mà chính ông đã không ngừng đánh mất và tìm lại được. Nhà văn không ngớt

đồng hóa mình vào chính những nhân vật mình tạo nên. Nhà văn không ngớt viết lại đời mình đồng thời tra hỏi mãi mài không thôi về chính tâm hồn mình. Tôi không có ý khẳng định rằng cuộc đời Duyên Anh đã là một tác phẩm hoặc tác phẩm Duyên Anh là phản ảnh trung thật và trọn vẹn của con người ông. Cuộc đời và tác phẩm Duyên Anh là hai thực thể không ngớt đến gần với nhau và có thể không bao giờ trùng hợp hay tan biến vào với nhau. (Vả chăng điều này có thể chỉ là một ảo tưởng). Trong ý nghĩa đó, cuộc đời không bao giờ là tác phẩm cũng như ngược lại. Nhưng nếu không thay thế cho nhau, chúng vẫn có thể là cơ hội của nhau. Tác phẩm Duyên Anh không ngớt tìm cách thu ngắn khoảng cách với tâm hồn của tác giả, với thế giới kỳ diệu của mộng mơ và kỷ niệm, với nguồn suối khôn cùng không tận đó.

Duyên Anh là một người viết truyện đúng hơn là một người kể truyện. Có lẽ không phải vô tình mà ông đã ghi chú dưới những tựa sách của ông bằng «tập truyện» hay «truyện dài» thay vì tiểu thuyết, đoản văn hay tùy bút. Sự kiện này cho thấy đặc tính nổi bật, sở trường của ngòi bút Duyên Anh thể hiện qua những câu truyện, dài hay ngắn, của ông. Nói cách khác, Duyên Anh đã mặc nhiên chọn lựa cho mình một cách viết và từ đó một thế giới, một vũ trụ. Với ông, dường như viết trước tiên có

nghĩa là kể. Viết tức là kể truyện. Viết tức là kể lại một cái gì, nói lên một cái gì cho người đọc. Ông không chú trọng tới vấn đề làm văn. Ông không đặt nặng vấn đề sáng tạo văn chương. Ông không có tham vọng chinh phục người đọc bằng một bút pháp tân kỳ hay quyến rũ.

Duyên Anh trước tiên (và sau cùng ?) chỉ là một nhà văn của những câu truyện được dựng lên, những nhân vật được tạo thành, những tình tiết, những nhân vật được đặt ra và giải quyết. Có lẽ vì nhờ đó mà người đọc có thể đi thẳng vào tác phẩm của ông một cách dễ dàng không phải vượt qua những bức rào kiên cố của ngôn ngữ. Ngôn ngữ ở đây chỉ còn là phương tiện tác giả dùng để chuyên chở hay gởi gấm ý tưởng hay rung động của mình tới người đọc. Để nói theo một cách nói bây giờ, ta có thể xem Duyên Anh là một người dùng chữ, một người xử dụng ngôn ngữ như một phương tiện, một công cụ. Rõ ràng quá, ông không viết để thí nghiệm hay tra hỏi ngôn ngữ. Ông viết để kể chuyện đời sống, đời sống trăm mặt, ông bắt gặp dưới mắt, trong tầm tay, cũng là đời sống muôn màu muôn vẻ xuất hiện trong hồi tưởng hay dự tưởng của ông. Hơn là một nhà văn của những câu truyện kể, Duyên Anh đã làm nổi bật tính cách tự thuật trong hầu hết tác phẩm của ông. Đọc Duyên Anh, người ta dễ dàng bắt gặp một hình ảnh cố định, bá chủ mà ông vẫn không ngớt trở về

đào sâu, hình ảnh của chính ông với những kinh nghiệm ông từng biết tới, sống qua. Truyện ngắn đầu tiên của ông Hoa Thiên Lý là một thiên tự thuật với những rung động và xúc động thật chân thành của một tâm hồn nghiêng về quá khứ. Bước đầu tiên cũng là bước định đoạt. Hẳn Duyên Anh đã tìm thấy con đường của ông ngay trong thử thách đầu tiên đó. Những tác phẩm sau này của ông đã lần lượt mở rộng cái thế giới vừa manh nhau thành hình trong truyện ngắn đầu tay đó. Có thể nói với Duyên Anh, mỗi cuốn sách đều đánh dấu một chặng đường của chính ông. Mỗi cuốn sách nói một cách nào đó, là một phần đời ông đã biết tới, sống qua, một phần đời còn hứa hẹn trở về không ngớt trong hồi tưởng. Và mặc dù ông chưa từng ghi chú cho tác phẩm ông là hồi ký hay tự thuật bao giờ, người ta vẫn có thể đi tới kết luận rằng tác phẩm Duyên Anh đã được xây dựng một phần lớn từ những chất liệu sống. Thật chất của một đời người. Tác phẩm Duyên Anh không là tiểu thuyết, không là một thứ «sản phẩm» thuần túy của trí tưởng tượng. Nó chính là hình ảnh của cuộc đời, và của kinh nghiệm. Quá khứ và kỷ niệm luôn luôn chiếm giữ một địa vị quan trọng trong tác phẩm Duyên Anh. Viết, điều này cũng có nghĩa là hồi tưởng. Viết điều này cũng có nghĩa là nhớ lại chính mình, tra hỏi quá khứ của mình, soi sáng tâm hồn của mình. Ở Duyên Anh dường

như không có một khoảng cách khốc liệt giữa cuộc đời và tác phẩm, giữa sống và viết. Trái lại ông đã thể hiện được một sự liên tục, một sự hòa hợp giữa kinh nghiệm sống và kinh nghiệm viết. Ông viết như một cách kéo dài đời sống, kêu gọi đời sống. Ông viết như, một cách nào đó, ông đã sống.

Do đó, tiểu sử Duyên Anh, con người thật của Duyên Anh, tâm hồn của Duyên Anh, tất cả sẽ giúp cho người đọc không ít trong việc tìm hiểu tác phẩm của chính Duyên Anh đã viết trong ám ảnh của những đoạn đời đã mất, trong tình yêu mến quá khứ và kỷ niệm. Trong khắp các tác phẩm Duyên Anh đều bàng bạc những hình ảnh, những chất liệu thật của chính đời sống Duyên Anh. Và người đọc nếu cần, có thể gom góp những hình ảnh, những chất liệu đó thành một tác phẩm duy nhất và tác phẩm đó chính là cuộc đời thật của Duyên Anh vậy. Tác phẩm trường thiên mang tên Vẻ Buồn Tỉnh Lỵ chỉ là một cái nhìn say đắm gửi về một quá khứ thân yêu đã mất trong đó tác phẩm gặp lại chính mình, gặp lại những tâm hồn tí hon đã từng san sẻ với ông đoản đời kỳ diệu dưới bầu trời kỳ ảo của quê hương Thái Bình. Áo Tiểu Thư, Trướng Cũ, Cầu Mơ, Mây Bay Đi, Luật Hè Phố… tất cả đều đánh dấu một đoạn đường, một tâm trạng của chính tác giả. Tất cả đều mang ý nghĩa một cuộc kiểm điểm. Mỗi cuốn sách là một cơ hội để tác giả nhìn lại,

sống lại đoạn đời đã mất. Mỗi cuốn sách là một cuộc thăm dò quá khứ, hạch hỏi kỷ niệm. Có thể nói rằng Duyên Anh đã «sống» khá trọn vẹn những cảnh đời hay đoạn đời thể hiện trong tác phẩm của ông.

Hầu hết các nhân vật của Duyên Anh đều thể hiện một đặc tính nền tảng, một mẫu số chung luôn luôn mang họ đến gần với nhau, ràng buộc họ vào nhau. Đó là những con người mơ mộng mà thực tế cuộc đời dù gay gắt đến đâu vẫn không hủy hoại nổi những khát vọng luôn âm ỉ trong tâm hồn họ. Duyên Anh có thể tạo nhiều nhân vật với những lai lịch và tên tuổi khác nhau nhưng ông đã chỉ gán cho họ một tâm hồn, một tiếng nói duy nhất. Muốn soi sáng tâm hồn đó, muốn lắng nghe tiếng nói đó, có lẽ người đọc phải trở về với truyện ngắn đầu tay của Duyên Anh, trở về với câu chuyện đầy quá khứ và kỷ niệm, trở về với «bài học đầu tiên về tình người», người xưng «tôi» trong truyện. Ở Duyên Anh, cuộc đời và tác phẩm kinh nghiệm sống và chữ nghĩa luôn tìm cách đến gần nhau, bổ túc cho nhau. Chắc chắn không phải là điều tình cờ khi Duyên Anh viết ở ngôi thứ nhất trong rất nhiều tác phẩm của ông. Đọc Duyên Anh tức là một cách nào đó tìm đến cái «tôi» của Duyên Anh, cái «tôi» mà chính Duyên Anh không ngớt trở về, cái «tôi» không ngừng xuất hiện trên những trang sách của Duyên Anh, một cách lộ liễu hay kín đáo và cùng xuất

hiện quen thuộc, tất cả trở nên một vũ trụ thân mật, gần gũi. Ngay trong cách đặt tên cho nhân vật dường như Duyên Anh cũng muốn nhắc nhở người đọc cũng như chính mình, về những cách tên có thật, những «nhân vật» đã từng tham dự vào chính cuộc đời của ông, hay ít ra đó là những cái tên, những nhân vật có thật trước khi là sản phẩm của tưởng tượng. Nói một cách nào đó, Duyên Anh không viết tiểu thuyết, ông tiểu thuyết hóa cuộc đời, hay chính ông đã từng sống thực những đoạn đời thể hiện trên những trang sách của ông. Những Vũ những Côn (trong Vẻ Buồn Tỉnh Lỵ), những Long (trong Áo Tiểu Thư, Ngày Xưa Còn Bé…), những Hoài (trong Cầu Mơ, Tàn Một Loài Hoa, Quê Hương…) những Định (trong Ngựa Chứng Trong Sân Trường)… tất cả những nhân vật «tiểu thuyết» đó nếu không là những phản ảnh trung thực từ những chất liệu sống thực nhất của cuộc đời tác giả, ít ra đã được xây dựng từ những chất liệu sống thực nhất của cuộc đời đó.

Trừ những tác phẩm đầu tiên, có thể nói Duyên Anh luôn ký tên thật của mình kề bên bút hiệu : Duyên Anh Vũ Mộng Long. Sự kiện tuy nhỏ nhặt nhưng không kém phần hàm xúc. Thông thường các nhà văn hoặc ký bút hiệu hoặc ký tên thật của họ và điều này không hẳn chỉ là một sở thích tình cờ hay đơn giản. Dù muốn dù

không, sự lựa chọn giữa bút hiệu và tên thật để ký dưới tác phẩm luôn thể hiện một thái độ rõ rệt : lựa chọn cái này tức là phủ nhật cái kia. Lựa chọn cho mình bút hiệu nhà văn, mặc nhiên bôi xóa tên tuổi thật của mình. Lựa cho mình một bút hiệu nhà văn đương nhiên tự cho mình có hơn một đời sống, hơn một thân phận : ở hẳn con người nhà văn với một tên tuổi riêng có thể không ngó ngàng gì tới con người. Thí dụ : Nhất Linh, tác giả Đoạn Tuyệt, Bướm Trắng có thể không nhất thiết phải dung hòa, trùng hợp khít khao với con người Nguyễn Tường Tam, nhà cách mạng. Và người ta không thể độc đoán dùng quan điểm hành động của nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam để soi sáng vũ trụ mộng tưởng, phi thực của nhà văn Nhất Linh, cũng như ngược lại. Bởi hai thân phận có thể khác biệt và nếu cần mâu thuẫn chống đối nhau trong cùng một con người : con người Nhất Linh - Nguyễn Trường Tam (tôi dùng nét gạch ở giữa bút hiệu và tên thật để nói lên một trạng thái chia lìa, theo tôi, có tính cách cần thiết trong một giới hạn nào đó).

Khác với nhiều nhà văn khác, Duyên Anh không ngần ngại ký thêm tên thật của mình ở ngay dưới bút hiệu. Giữa nhà văn và con người thật, không còn mâu thuẫn. Giữa tác phẩm và cuộc đời, không còn chia lìa hay xung đột. Viết tức là dung hòa, là kết hợp thực tế

và mộng tưởng, cuộc đời và tác phẩm. Phải chăng ngay từ truyện ngắn đầu tay của mình, Duyên Anh đã từng thể hiện ước muốn đó, kinh nghiệm đó, ước muốn và kinh nghiệm mai đây sẽ còn tiếp tục thể hiện qua từng tác phẩm, qua từng trang sách của ông. Có thể nói rằng thế giới tiểu thuyết hay đúng hơn là thế giới của chính trước tiên chính là thế giới làm nên từ những chất liệu sống thực hay người tạo nên nó. Ở đây viết không có nghĩa là rời bỏ, đoạn lìa với đời sống, trái lại đó cũng là một cách tiếp nối đời sống còn dang dở, viết, điều này cũng có nghĩa là sống.

Người đọc khó tính có thể trách Duyên Anh hơi (nếu không nói là quá) dễ dãi trong cách xử dụng ngôn ngữ của mình, trách ông đã không thể hiện một mối ưu tư rõ rệt nào đó về ngôn ngữ hay về tác phẩm, tất cả dường như hãy còn xa lạ đối với ông. Có thể ông thuộc số những nhà văn hạnh phúc, hạnh phúc ngay trong lối viết của mình. Hạnh phúc như những câu chuyện đầy thơ mộng và mơ mộng mà ông đã kể. Hạnh phúc những nhân vật rất bình thường với những mộng ước rất đơn sơ mà ông đã tạo nên. Hạnh phúc như bầu không khí trong sáng thể hiện trên từng trang sách từng dòng chữ của ông.

Nhưng liệu người ta có thể trách Duyên Anh đã lựa chọn một con đường, một lối viết, đã lựa chọn chính tác phẩm của mình. Người ta có thể trách Duyên Anh, Duyên Anh tìm tới chữ nghĩa, văn chương như một cách thể hiện đời sống đúng hơn là thực hiện một đời sống khác làm nên từ sự dung hòa tốt đẹp giữa thực tế và mộng tưởng, giữa kinh nghiệm và ước muốn. Và điều ông thể hiện trước tiên chính là một niềm tin. Tôi nghĩ hẳn Duyên Anh đã phải tin ở chữ nghĩa cũng như tin ở chính đời sống lắm mới có thể tạo nên một dòng truyện phong phú và thống nhất đến như vậy. Tôi không thấy ở tác phẩm Duyên Anh một bóng dáng hoài nghi hay thất vọng nào. Ông đã viết cũng như ông đã từng sống, với tất cả tâm hồn trong sáng và mơ mộng của mình. Do đó với trường hợp Duyên Anh, thiết tưởng người ta không thể chỉ tìm hiểu phần tác phẩm mà bỏ quên phần đời sống mà tác giả vốn là yếu tố không thể tách rời, yếu tố quyết định của chính tác phẩm, như chính ông đã gián tiếp nói lên trên các trang sách của ông.

Tác phẩm của Duyên Anh :

Ông đã xuất bản hơn năm mươi tác phẩm văn chương. Năm 1975, bị coi như «một trong mười nhà văn nguy hiểm nhất của Việt Nam», chế độ mới cấm ông viết lách và bắt giam không xét xử suốt sáu năm qua các nhà tù

và trại tập trung.

Ông được tự do nhờ Amnesty International và Pen Club International can thiệp. Vượt biển sang Pháp, ông viết lại và cho xuất bản gần hai mươi tác phẩm, trong đó Un Russe à Saigon và La colline de Fanta do nhà Belfond xuất bản.

Báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình Pháp viết nhiều, nói nhiều về ông. Sử gia Piere Chaunu, giáo sư đại học Sorbonne coi Duyên Anh là «nhà thơ lớn, vinh quang của quốc gia».

Chưa một người Việt Nam nào tạo nổi sự vinh dự cho dân tộc ở tư thế lưu vong như Duyên Anh. Tự tin vào tài năng và sự phấn đấu của chính mình, ông đã bước lên mọi nghịch cảnh, bước qua mọi oan khiên để giành một chỗ đứng trên vũ trụ văn học quốc tế như một tiểu thuyết gia đầy đủ tư cách.

Nhà thơ Hà Huyền Chi nhận xét về tài năng của Duyên Anh : Duyên Anh viết văn, Duyên Anh viết nhạc, Duyên Anh làm thơ. Con người tài hoa ấy đã lưu lại đằng sau hằng hà những dấu ấn của thành tựu ở mọi lãnh vực anh đã kinh qua.

119. Hoa Thiên Lý

Duyên Anh

Mẹ tôi yêu hoa thiên lý như yêu chồng con. Chả biết mầu xanh dìu dịu của lá và hương thơm nhẹ nhàng của hoa thiết tha là bao mà mẹ tôi âu yếm nó thế.

Thường thường mẹ tôi trồng từng khóm. Mẹ bắc khum khum một cái giàn. Chiều chiều mẹ xách nước tưới vào gốc cho cây chóng lớn. Khi lá theo cành lên kín đầy giàn và khi loài ve sầu rủ rê mùa hạ sang thì họ hàng nhà bọ ngựa đã tha thẩn cả ngày leo bò lên giàn hoa lý xanh tươi.

Đối với tôi hồi còn bé có lẽ cây ổi trĩu nặng quả chín còn thú vị hơn giàn hoa thiên lý của mẹ. Nhưng mỗi lần theo mẹ mang rỗ ra vườn hái từng chùm hoa về nấu canh với cua đồng, tôi thấy lòng tôi hớn hở và cả lòng mẹ cũng tươi nở dưới giàn hoa.

- Hoa thiên lý nấu với cua đồng ngon lắm cơ con ạ !

- Mùi nó làm sao ấy mẹ ạ ! Con ghét giàn hoa của mẹ ghê đi ấy, cây gì lại cây chẳng có quả. Mai con chặt nó đi mẹ nhé !

- Hư nào, tại con chưa biết ăn thì bảo nó làm sao à ? Hôm nay con thử ăn mà xem, ngọt ngọt là.

- Ngọt như kẹo dồi chó không hở mẹ ?

Mẹ tôi cười đăm đăm nhìn tôi. Tia mắt hiền hòa ấy như tiếng ru muôn đời có bao giờ định nghĩa được, nên ngày nay dù tôi không nhớ hết kỷ niệm huy hoàng của thời thơ ấu thì tôi vẫn tự nhủ rằng tất cả đã nằm trong bài hát ru con mà mẹ tôi đã ru tôi trên đôi tay gầy nho nhỏ và đã in vào ánh mắt mà mẹ tôi ban cho tôi thuở thiếu thời, đã lắng trong tâm hồn tôi.

- Mẹ yêu hoa thiên lý như yêu các con, hễ Long ghét giàn hoa của mẹ thì mẹ giận đấy.

- Ứ ừ ! Thế con cũng yêu hoa lý.

Tôi vội vàng nói thế, kẻo mẹ tôi giận. Mẹ tôi chỉ cười. Và từ hôm ấy, mỗi buổi tra mẹ hay dắt tôi ra hóng gió ở dưới giàn hoa. Mẹ mang chiếu ra trải. Mẹ ngồi nghĩ ngợi xa xôi. Tôi ngồi gối đầu vào lòng mẹ mơ màng nghe tiếng sáo diều vi vu, tiếng võng đưa kẽo kẹt, tiếng ru buồn thấm thía hay tiếng chim cu gáy xa xa vọng lại. Đôi khi mẹ kể chuyện gì mà tôi không hiểu được, nhưng chắc lòng mẹ rộn ràng lắm vì cứ thấy mẹ mỉm cười bâng quơ. Tôi thường ngủ thiếp đi trong hơi thở

êm đềm ấy.

Dần đần tôi thích trồng hoa. Tôi bắt mẹ bắc cho tôi một cái giàn. Mẹ bảo đến mùa hạ sang năm giàn hoa của tôi đẹp lắm, bốn mùa trắng xóa ánh trăng lan. Nhưng tôi không đợi được đến mùa hạ. Khi khóm cây bắt đầu leo, cha tôi ở Hà-Nội về đem gia-đình lên Vĩnh-Yên mở đồn điền. Tôi rời quê ngoại chưa biết tương tư tiếng sáo diều mà chỉ nhớ mang mang giàn hoa thiên lý mới trồng.

Rồi tôi lớn lên giữa cảnh bao la hùng vĩ của đồi núi. Những buổi chiều theo cha cỡi ngựa đi hứng gió không làm cho tôi sung sướng bằng nằm trên bờ cỏ nghe tiếng suối reo. Tôi ghét cái bộ mặt của mấy bác cai, tôi ghét tiếng hò hét khi cái bác mắng mỏ người làm. Tôi cũng ghét cả nét mặt lạnh lùng ghê-sợ của cha tôi. Đến bây giờ, tôi vẫn chưa hiểu tại sao ngày bé nhỏ tôi ham thích những cái gì mềm mại, dễ thương im lặng như giọt mồ hôi chảy đều trên lưng người thợ hay hơi thở đều đều của mẹ tôi. Tâm hồn tôi giản dị nên tôi không ưa gì lũ cây sù sì mọc đầy nơi rừng rậm hoang vu này. Tôi vẫn thích giàn hoa thiên lý ở quê ngoại.

Lên đây ít lâu mẹ tôi đã tốn nhiều công phu mà chưa ươm được khóm nào. Tại hoa lý chẳng hợp đất rừng hay đất rừng không chịu dung nạp loại cây ỉ lại sức người?

Mỗi lần có người xuôi đồng bằng, mẹ tôi cố dặn thử mang một cây giống lên xem sao, cha tôi đều gạt đi :

- Giống làm cái quái gì của nợ ấy !

- Cậu thì chẳng khi nào muốn giữ kỷ niệm êm đềm của đời mình.

Mỗi lần thế, mẹ tôi buồn lắm. Có khi mẹ khóc và bỏ ăn hai ba bữa. Mới lên mười tuổi, tôi đã làm sao thấu rõ tâm sự của mẹ, làm sao tìm hiểu nổi niềm ấp ủ hoa thiên lý của mẹ tôi. Nhưng dù sao mẹ cũng cố vun trồng và mẹ đã mãn nguyện. Mấy giàn hoa xanh mơn mởn đẹp kiêu hãnh như nàng công chúa đứng trước đám thần dân. Những mùa hạ đi, những mùa hạ lại, ở rừng không có cua đồng nên hoa thiên lý phải nấu với thịt lợn rừng giã nhỏ. Nó vẫn ngon làm sao, mẹ tôi nói thế. Và người còn bảo :

- Còn hương vị quê hương con ạ !

Trưa hè miền này vắng tiếng sáo diều, tiếng ru buồn thấm thía. Mẹ tôi không đem chiếu trải dưới giàn hoa ngồi kể chuyện cho tôi ngủ thiếp đi nữa. Cuộc sống đồi núi nối tiếp từng trang dài tẻ nhạt. Mưa rừng giăng mờ muôn ngả chỉ làm cho tôi hậm hực trên nhà sàn. Và mỗi chiều nắng rớt rơi đọng trên cây lá thay mầu cảnh vật

cũng chẳng làm tôi say mê. Tôi đã biết cảm thế nảo là tình quê hương.

Ít lâu sau công việc làm ăn thất bại, nắng dữ dội quá nên cà-phê, chè chết khô chết héo, cha tôi phải nhường quyền cho người khác trông coi rồi đem gia đình về Hà-Nội.

Tự đấy, cha tôi thay đổi tâm tính, thường kiếm cớ mắng mẹ tôi tuy mẹ tôi rất mực hiền hòa. Nhiều lần cha đi chơi mấy ngày mới về, mẹ tôi chỉ khóc âm thầm và để quên chuỗi thời gian mong đợi cha tôi hối hận, mẹ tìm vui bằng cách trồng thiên lý cho nó leo lên tường. Nhưng có một đêm nọ mẹ khóc nức nở, sáng hôm sau sưng cả mắt. Cha tôi đã bỏ vợ con bơ vơ đi theo tiếng gọi sông hồ. Cảnh chim vỗ cánh tung bay biết khi nào mới trở về tổ cũ. Mẹ tôi chợt nghĩ tới chân trời quê hương im lặng như giòng sông Trà-Lý cuối mùa thu, người đưa hai anh em tôi về nối lại tháng ngày êm ái cũ.

Tôi được sống với họ hàng bên ngoại nhởn nhơ cả ngày thả diều, câu cá. Mẹ tôi dạy anh em tôi học. Tôi lớn dần trong sự chiều chuộng, trong sự bình thản mơ màng của mẹ tôi. Tâm hồn tôi đã ướp chung vời hoa bưởi, hoa nhài, hoa lý. Tôi chỉ muốn đời đời sống trên mảnh đất làng quê bên cạnh những cuộc đời giản dị biết thương yêu nhau thành thực như tình khoai lúa. Mộng

ước chỉ cỏ thế nhưng sao dệt mãi chưa thành hay mình cứ dối lòng mình mà đuổi theo sóng gió của đại trùng dương ?

Mẹ tôi bây giờ hay thở dài. Chiều chiều mẹ đứng bâng khuâng bên giàn hoa thiên lý ngoài ngõ lơ đãng nhìn mây trôi. Lúc ấy là lúc mẹ lôi cảm nghĩ đến kỷ niệm thiêng liêng nhứt của đời mình.

Cuộc sống của chúng tôi bắt đầu chật vật. Cha tôi vẫn chưa về. Mẹ tôi tính từng ngày một, cha tôi đã đi tròn năm rưỡi. Hoa bưởi rụng cuối vườn rồi héo khô tàn tạ, người nghèo hết cả thì giờ nghĩ vẩn vơ nên mẹ tôi không nhặt hoa xâu vào giây đeo lên cổ cho tôi nữa. Tôi cũng biết theo mẹ ra đồng nhặt từng bông lúa còn sót khi lưỡi liềm mẹ nhẹ ngon ngốn từng nắm lúa ruộng nhà. Không ai thèm than thở. Tình đời luôn luôn thắm nở thì lòng mình sao chẳng cởi mở cho hy vọng tràn đầy. Mẹ tôi vất vả tháng ngày song vẫn dành riêng chút ít thì giờ quý báu dậy em tôi đánh vần dưới giàn thiên lý buổi trưa, và bắt tôi học thuộc lòng những bài thơ nho nhỏ. Sau mỗi buổi học tôi hay hỏi :

- Cha con đi đâu hở mẹ ?

- Đi xa lắm, xa lắm.

Mẹ tôi trả lời thế và cặp mắt mọng đầy nước cho đến khi không thể cầm được, mẹ ôm em tôi mà khóc. Tôi thương mẹ tôi quá cũng vội òa lên khóc nức nở làm mẹ phải an ủi :

- Sang năm ba con về. Nín đi, mai hãy khóc, khóc nhiều hôm nay đau mắt đấy.

Quê ngoại nhà tôi nghèo nàn lắm nên dù sống với bà tôi, mẹ tôi đã phải trải qua tháng ngày dầm sương dãi nắng. Anh em tôi thiếu thốn đủ bề.

Hoa thiên lý trĩu nặng cả giàn bây giờ mẹ đành lòng hái xuống đem đổi lấy cua về nấu canh hay bán lấy vài hào chỉ mua cho con cái bánh đa hoặc mấy viên kẹo vừng. Một buổi sáng tôi trông thấy mẹ tôi trèo lên cây sung ở bờ ao trước ngõ hái mấy chùm xanh chát xuống lấy muối chấm ăn ngon lành lắm. Đến trưa mẹ ôm bụng kêu đau. Bà ngoại tôi phải xin dầu con hổ và nướng ông đầu rau chườm mãi mới khỏi. Mẹ tôi cố dấu kín chuyện ấy. Sau này tôi khôn lớn, gia đình khá giả, mẹ mới chỉ riêng cho tôi nghe :

- Vì mẹ đói quả, mẹ tưởng ăn sung cầm chừng ai ngờ nó hành hạ ghê gớm. Từ bận ấy mẹ sợ.

Kỷ niệm chua chát ấy tôi còn ghi nhớ. Đôi khi vọng về dĩ vãng tôi không khỏi ngậm ngùi thương cảm. Hai năm sau cha tôi hồi hương, cánh chim đã mỏi thì phải về tổ cũ mà xây dựng lại những gì mất mát hôm qua. Vợ chồng gặp nhau, mẹ tôi vẫn khóc như ngày cha tôi bỏ nhà ra đi. Sung sướng hay đau khổ người đàn bà chỉ biết dùng nước mắt để giải tỏ nỗi niềm. Cha tôi về đem theo bệnh đau mắt khá nặng và một con dao rừng. Ngày đêm, mẹ chăm lo bệnh cho cha tôi. Nhờ sự săn sóc ấy vài tháng sau cha tôi khỏi. Tự đấy cha tôi không đi đâu nữa. Cha thường kể cho tôi nghe chuyện đường rừng. Hễ có dịp thuận tiện cha lại đem con dao ra khoe :

- Tốt lắm, của người bạn Thổ tặng cha đấy.

Con dao quý ấy đã tự cha tôi đào lỗ trồng mấy khóm cây. Có lần tôi chấy cha mẹ tôi nói chuyện với nhau rất lâu dưới giàn thiên lý xa xưa. Những chùm hoa nấu với cua đồng lại ngọt ngon hơn cả bao giờ.

Dòng thời gian lặng lẽ trôi nhưng cuộc đời không êm ả chảy xuôi như nước sông Trà-Lý cuối mùa thu nữa. Tôi đã lớn hơn xưa đã phải chứng kiến những trận giông tố, những cơn sóng lớn phũ phàng trùm lên mái nhà êm ấm. Gia đình tôi trở về quê nội để rớt rơi bên ngoại từng miếng nắng cô liêu của những chiều xưa thân mến. Mẹ tôi lại bắc giàn trồng hoa thiên lý ngồi kề

chuyện quê hương cho anh em chúng tôi nghe. Em tôi thường ngủ đi như thuở nào tôi ngủ nhờ hơi thở đềm êm ấy. Đắm chìm trong niềm im lặng muôn đời của thôn ổ, tiếng mẹ tôi tha thiết rót vào tai tôi thay vì tiếng ru êm ái ngày xưa làm cho lòng tôi càng ngày rộng mở, mắt tôi càng ngày càng thắm sắc mộng mơ. Tâm hồn tôi dào dạt tình cảm, cái gì cũng gợi tôi say đắm, từ chiếc áo nâu thô lổ đến mảnh áo nâu ố mầu bùn, từ cái cầu ao chênh vênh đến túp lều tranh xơ xác. Tôi bắt đầu suy cảm về số phận loài lá vàng chết rụng mỗi thu về và những con cuốc kêu rỉ rả suốt mấy tháng hè nóng bức. Và hôm nay nếu ai có tò mò hỏi rằng tại sao tôi cố níu tiếng đàn bầu, cố níu tiếng kèn đưa đám ma, cố níu tấm áo nâu non giải thắt lưng xanh, cố níu tất cả hình ảnh cũ kỹ đã bị chôn vùi xuống lòng đất quê hương mà hối tiếc, tôi sẽ trả lời sao đây ?

Sợi dây luyên ái như tơ trời giăng mắc nhè nhẹ buộc chặt, buộc chặt lấy tim mình ai mà hiểu tự giây phút nào nút dây đã thắt lại. Chuyện yêu thương không biết nghĩa để giảng giải, như hoa thì thơm, hương thì phải ngạt ngào, trăng thì sáng và sao thì lấp lánh. Dù sao thì tôi cũng nông nổi dám nói rằng chính ở giàn hoa thiên lý mẹ tôi đã dạy tôi bài học đầu tiên về tình người.

Năm mười sáu tuổi, dần dần tôi cứ thấy xa mẹ. Con chim non biết ra ràng rồi đây, ngày kia nó sẽ bay mất để mẹ nó gục trên tay gầy mà thương về viễn phương mưa gió. Mẹ tôi chừng hiểu ý nghĩ đó nên một chiều tháng hai hoa gạo rụng đỏ nát mầu máu lên đường làng, mẹ dẫn tôi đi khắp hang cùng ngõ hẻm, qua mấy nhịp cầu tre, cầu đá. Mẹ chỉ vào bụi tre còm tơi lả, bức tường đất xiêu vẹo. Mẹ dừng chân bên dòng sông nhỏ bé, lặng ngắm mái đình cong cong, con trâu gầy ốm, cánh đồng xanh xanh mà giảng giải vu vơ. Sau cùng mẹ dắt tôi lên đầu làng ăn canh bánh đa nấu với cá rô rồi hai mẹ con về ngồi dưới giàn hoa lý. Mẹ mở đầu câu chuyện bằng lời nói bâng khuâng :

- Giá ở đâu cũng có hoa lý. Ừ, hoa lý đơn sơ lắm, hương thơm chỉ phảng phất mà tưởng như bền chặt đến muôn đời.

Lúc ấy âm hưởng sáo diều đã lên mênh mông. Nắng đang thoi thóp nhuộm mầu cảnh vật. Từ xa xăm vọng lại tiếng con nghé lạc mẹ, tiếng thời gian chìm chìm. Tôi nín thinh không dám phá tan sự im lặng để mặc tâm tư lơ lửng tựa tơ trời. Mẹ ngồi yên, ánh mắt sầu cảm lạ lùng. Những tia mắt hiền hòa của thời thơ ấu vẫn còn lắng trong suối mắt vô tận kia sao tôi chẳng thấy mà chỉ nghĩ tới sự buồn thương xâm chiếm lòng mình. Phải,

tôi lớn rồi. Hôm qua hay hôm kia, mẹ tôi dậy tôi làm thơ. Mẹ chả bảo tình yêu phải có u sầu mới đẹp là gì. Ít ra lôi cũng dám nhận làm thi sĩ. Cho nên chuyện tưởng tượng đôi mắt của mẹ tôi đừng ai lạ. Trông chiều xuống vội vã, tôi khẽ gọi mẹ. Mẹ tôi giật mình, âu yếm nhìn tôi :

- Long này, mẹ muốn kể cho chú (lúc này mẹ gọi tôi bằng chú) nghe chuyện giàn hoa thiên lý. Mẹ phải đợi đến hôm nay vì chú đã lớn, chú có thể bỏ nhà ra đi bất cứ lúc nào như cha chú hồi còn trẻ. Lúc nãy đưa chú vào lòng quê hương, sau này chú sẽ hiểu tại sao mẹ làm thế. Bây giờ thì Long lắng tai nghe nhé !

Mẹ tôi thong thả lập lại vài trang dĩ vãng viết tự mười mấy năm về trước nhập đề là ngày xưa. Vâng, ngày xưa khi tâm hồn mẹ còn phơi phới, mắt đen chưa vẩn chút bụi đời, tóc xanh chưa một lần bối rối, mẹ tôi đẹp ai cũng khen nhưng không ai dám thương, dám ấp ủ linh hồn yếu đuối ấy trừ bà ngoại tôi. Ồ, có gì lạ đâu, tại mẹ tôi bị bệnh lao, cái bệnh gia truyền khốn nạn. Khi mắt mẹ phảng phất khói hương mơ mộng thì lại là lúc phải khóc nhiều vì cô độc đau thương. Pháo cưới thi nhau nổ nát tan lòng mẹ. Mầu áo đỏ, áo xanh bỗng nhiên ngả mầu tang tóc như muốn liệm chung cuộc đời người con gái chưa đầy hai mươi mùa xuân. Những con bươm

bướm đa tình chẳng chịu ghé hoa vườn thuốc độc nên mẹ già cỗi và gần như xa hẳn nhân gian. Mẹ tôi buồn thảm oán hờn. Chiều chiều mẹ đứng ngắm mây trời đổi sắc dưới giàn thiêu lý ngoài ngõ đợi ngày yên ngủ dưới mồ. Một hôm có chuyến đò ngang chở hồn biệt xứ qua bến làng Thanh-Triều rồi chí lớn thiên hạ bỗng dừng lại bên giàn hoa, coi dặm đường xa là vô tận. Hồn biệt xứ là cha tôi. Cha tôi ngỏ lời chắp duyên cùng mẹ. Mẹ tôi khóc lóc chối từ, mẹ nói rõ bệnh tình cho cha tôi biết. Cha tôi không cần phải so đo, người nhất định lấy mẹ tôi dù kết quả có tái tê đau đớn. Mẹ tôi cảm động chết ngất trong đôi tay người yêu. Rồi cha tôi lo chữa chạy, rồi lòng mẹ nhóm lên ánh lửa tin yêu. Mẹ tôi lành mạnh nhờ thuốc thang nhưng phần lớn là nhờ lòng thương yêu của cha tôi. Mẹ tôi ngừng lại mỉm cười :

- Chú cỏ dám tin không ?

- Tin gì hở mẹ ?

- Tin rằng người ta sống bằng tình thương và người ta chết đi rất đỗi nghẹn ngào nếu chưa hưởng được chút thương yêu trong trời đất, như mẹ chẳng hạn.

- Có mẹ ạ !

Mẹ kể tiếp. Cha tôi tạm bỏ mộng sông hồ, dừng chân bên quê ngoại nhà tôi để phả vào tai mẹ những âm điệu vui vui, buồn buồn, phả vào hồn mẹ những vần thơ bồng bế nhất của tình yêu không giới hạn. Cha tôi dậy mẹ tôi tất cả nỗi niềm tha thiết, trao cho mẹ tôi trọn vẹn gia sản tinh thần của một người quê hương biết thương yêu nhau, sau này hòa với suối mộng mơ của mẹ, mẹ truyền cảm cho anh em tôi. Kỷ niệm ấy gợi hình tự giàn hoa thiên lý quê ngoại nên mẹ tôi thích trồng thứ cây dịu dàng bất cứ ở đâu : rừng đồi, thôn ổ, phố phường.

- Chú có hiểu không ?

- Chuyện hết rồi ư mẹ ?

- Ừ.

- Sao ngắn thế mẹ, con tưởng dài ghê lắm.

- Nói bao giờ cho hết được, chú cố tìm hiểu nhiều hơn. Mẹ chỉ tóm tắt thế thôi. Nay mai chú ra đi và chiều nào chú sẽ gặp một con bé dưới giàn thiên lý. Chuyện thương yêu ai kể hết, ai biết hết mà kể.

- Khó quá mẹ ạ !

- Dễ mà. Khi nào ở phương trời xa lạ chú đáp chuyến tầu ba mươi tết xuống một bến quen rồi tha thẩn chú

chẳng biết về đâu, lúc ấy chú sẽ hiểu tình thương. Khi nào lòng chú se sắt, chú thấy chú bơ vơ, thiếu điều gì khó diễn tả chú sẽ hiểu tình thương. Hay khi chú thấy người đồng loại đau khổ, nghẹn ngào chú nhỏ lệ cúi xuống hôn trán em nhỏ mồ côi, âu yếm dắt tay người thợ cùng bước trên đường chú sẽ hiểu tình thương. Còn nữa, còn nữa tình thương rất diệu vợi và khó đo lường. Chú sẽ hiểu chú nhỏ ạ !

- Nhỡ con không hiểu ?

- Nhảm nào, chú phải hiểu, chú phải nói lên bằng lòng chú, bằng nước mắt của chú, tô lên những trang thơ trịnh trọng mà mẹ dạy chú niêm luật hôm nào. Nhưng cậu cả này, bao giờ khăn gói cho mẹ biết đấy nhé ! Mẹ không ngăn cấm chú đâu, chim đầu đàn phải bay dò đường cho các em chứ. Mẹ sẽ dặn chú điều nảy.. . Thôi đi vào.

Mẹ còn muốn dặn điều gì ? Mà sao mẹ vội nghĩ đến ngày tôi bỏ nhà ra đi. Đêm ấy tôi băn khoăn suy cảm. Hương thiên lý phủ kín tình tôi rạo rực như lần nhìn cảnh chim lạc bầy bay về viễn xứ. Ngày tháng rụng rơi nối tiếp, mẹ tôi vẫn trồng thiên lý và những trưa mùa hạ, cua đồng nấu với chùm hoa vẫn ngọt ngon. Cho đến năm tôi hai mươi tuổi thì lời dự đoán của mẹ hiện hình. Than ôi ! Tôi đã nói dối mẹ tôi vì ngày tôi đi giặc cướp

ở rừng núi tràn về nhiều quá, vì tôi đi xa xôi lắm. Đêm giã từ mẹ, tôi đứng bên thềm nhà lắng tai nghe ngóng. Tim tôi đập mạnh, nước mắt đầm đìa. Tôi run run gõ cửa, mẹ tôi ra. Tôi chùi vội nước mắt hỏi nhỏ :

- Em Dực về chưa mẹ, lúc nãy con đưa em về.

- Thế à, em ngủ rồi chú ạ !

- Thưa mẹ.. . Mai.. . con đi.. .

- Đi đâu, chú tính giang hồ chăng ?

- Con đi dự lớp huấn luyện hai ngày.

- Mẹ cứ tưởng.. . Mang chăn đi kẻo lạnh. Chú có cần tiền tiêu mẹ đưa cho ?

- Không mẹ ạ ! Khuya rồi mời mẹ vào nghỉ, con đi từ đêm nay.

Mẹ tôi trở vào. Mẹ lê guốc lẹp kẹp. Tôi ngờ rằng đó là tiếng nứt rạn của hai trái tim. Có tiếng mẹ thở dài và tiếng đặt mình nặng nhọc xuống giường.

Tôi đứng trơ như gỗ, sức gì thiêng liêng níu chặt lấy chân tôi. Tôi muốn chạy nhưng khó khăn quá, khó khăn như chạy sự ghê rợn trong giấc chiêm bao. Khi chợt tỉnh tôi băng mình đi, đi không hành lý, không lời từ

biệt không người đưa tiễn.

Ba bốn năm trời lưu lạc miền Nam, cứ mỗi lần gió heo may rủ mùa thu sang thì lòng tôi lại nao nao sầu cảm. Cuộc sống lần hồi của tôi trôi dạt nhiều nơi, ở đâu cũng chỉ đan dệt bằng u buồn chán nản. Mắt tôi ngây đại, tóc tôi bụi đời phủ kín. Tôi vẫn đi và thường băn khoăn tự hỏi tại sao người ta cứ phải suy cảm người ta cứ giới hạn, người ta không chịu mở rộng cánh cửa tim đón tự muôn phương những luồng gió yêu thương thắm thiết hay trao tặng muôn phương những tiếng nói tâm tư cho kẻ khác tin cuộc đời. Tôi muốn hủy bỏ hai tiếng nghi ngờ, hai tiếng do dự nên có lần trót dại theo «đàn anh» đi làm cách mạng ở rừng đồi. Chao ôi ! Tôi đã khóc trắng mấy đêm để mang cái thân hình tiều tụy về thành phố sau thời gian thua nhẫn nửa số mộng mơ. Lòng tôi càng ngày càng khát vọng tình yêu. Tôi đã hiểu sức thiêng liêng và quyến rũ của nó và tôi thấy nhớ mẹ tôi quá.. .

Giàn thiên lý quê nhà giờ đây héo khô tàn tạ. Loài ve sầu không rủ rê mùa hạ sang nữa nên họ hàng nhà bọ ngựa cũng chết hết vì buồn. Ở ngoài ấy người ta ngăn cấm không cho ai buồn, không cho ai nhớ, không cho ai thương nhau thì dễ gì mẹ tôi đã được ngồi dưới giàn hoa mà kể chuyện cho em tôi nghe. Thì dễ gì có phút giây

mẹ nằm tưởng tượng bão táp ngoài trời thấy con chim nhỏ lạc bầy dạt trôi thảm hại.

Tôi buồn, tôi muốn khóc khi nghĩ rằng chiều nào người ta bắt mẹ tôi nhổ hoa lý, phá giàn tre để trồng ngô khoai chẳng hạn. Mẹ tôi sẽ chết khô héo trên mảnh đất xác xơ đầy những oán thù. Không biết mẹ tôi có giận tôi, có ân hận vì chưa dặn tôi thêm một điều gì không ? Riêng tôi, tôi hơi tiếc số mộng mơ thuở ở rừng đồi. Biết đâu mẹ tôi chả dặn cái điều liên quan đến việc ấy.

Tôi đi tìm thương yêu trong mầu hoa lý, đi tìm những bà mẹ biết kể chuyện tâm tình, đi tìm cô bé thả mắt trong mơ dưới giàn cây. Tôi chưa gặp ai cả.Tình thương nhân thế còn se sắt lắm. Nhưng nắng miền Nam ấm áp, đất miền Nam trồng cây gì cũng có trái vậy nên tôi cố gắng ươm cây Hy Vọng và quên rằng mình đang sống cùng cực, nghẹn ngào, thiếu từ đốm lửa gia đình đến mảnh áo đẹp. Tôi sẽ đi nữa, sẽ cầu xin từ ánh mắt tìm hiểu của người quê hương để tưới vào hàng cây Hy Vọng cho hoa nhân ái thắm nở rợp trời.

Bao giờ rừng cây yêu thương đơm trái, người quê hương sẽ về cướp lại đất quê hương và tôi phải gặp cô bé dưới giàn cây bâng khuâng ngồi dệt hoàng hôn rơi trên sóng tóc. Khi hồi cư chúng tôi lấy nhau. Tôi sẽ đưa vợ tôi sang quê ngoại chỉ cho vợ tôi dấu vết giàn hoa

thiên lý xa xưa. Vợ chồng tôi bắc giàn trồng hoa, chiều chiều tưới nước vào gốc cho chóng lớn. Đợi đến lúc lá theo cành leo kín đầy giàn thì loài ve sầu lại rủ rê mùa hạ sang thì họ hàng nhà bọ ngựa lại tha thẩn cả ngày leo bò trên mầu xanh muôn thuở. Tôi ngồi dưới giàn kể chuyện «Chuyện hoa lý của Mẹ» cho vợ tôi nghe. Vợ tôi phải nhớ để kể cho con tôi nghe sau này. Làng xưa đẹp lên mầu áo nâu, rộn ràng lên tiếng kéo cưa xẻ gỗ làm đình. Tôi tập làm ca dao ví von những câu thương yêu với mầu xanh hoa lý dìu dịu, nhẹ nhàng, lơ lửng tự ngàn xưa đến tận ngàn sau.

120. Đại Dương Trong Lòng Con Ốc Nhỏ

Duyên Anh

Bến đò Đồng Đức càng ngày càng nhiều khách tới lui. Bây giờ không còn mùa đông mưa phùn rây mờ sông nước, không còn họ hàng lũ ruồi nhặng sợ rét, lười biếng đâu trên sợi dây lòng thòng để treo chuối, treo ngãn bám vào liếp, vào tường tròn ba tháng rét mướt đìu hiu. Dân thành phố tản cư về đồng ruộng. Họ mang theo niềm vui và cuộc sống mới mẻ khiến quê ngoại nhà tôi tấp nập, ồn ào. Nằm nghe tiếng chim cu gáy buổi trưa, tôi cảm thấy bớt buồn tẻ. Kỷ niệm tràn lụt đầu óc tôi bằng những bộ mặt sáng sủa, những điệu cười hồn nhiên của đám trẻ nhỏ thành thị trạc tuổi em Mai. Tôi nghĩ, giá anh em tôi không phải sống hẩm hiu ở quê ngoại thì lúc này đây, chúng tôi cũng biết tung tăng dắt tay nhau chuyện trò dưới ánh trăng đồng nội. Chứ đâu chịu lạc lõng trong đêm tối, nhìn bóng mẹ gầy yếu run rẩy cơ hồ chiếc lá sắp lìa cành. Bất giác, tôi nhớ cha tôi và nước mắt phủ mờ…

Mẹ tôi bảo thoạt tiên cha tôi đánh đàn thập lục cho ban hát cải lương lưu động. Dạo ấy danh từ nghệ sĩ còn xa lạ nên ông bầu coi cha tôi ngang chức anh lao công. Làm việc từ tám giờ tối tới hai giờ khuya. Tiền thù lao

dè xẻn mới đủ nuôi một vợ, một con. Trong gánh hát, cha bị bạn đồng nghiệp chê bai tài đàn non nớt hay tâu hót với ông bầu vài điều lầm lẫn của cha tôi.Thì cha tôi hậm hực nguyền rủa thói đời đen bạc. Chán rồi, cha tôi trách ông phó Nhị. Giá ông phó truyền đủ ngón trứ danh, chắn chắn sự nghiệp cha tôi đỡ méo mó.Tôi cố mường tượng cái cảnh hậu trường sân khấu giữa mùa hè nóng nực, cha tôi cởi trần biểu diễn tài nghệ, dìu điệu ca cho đào kép ngọt giọng. Mồ hôi, có khi cả nước mắt, rơi rụng trên mười sáu sợi tơ đồng đổi miếng cơm hẩm manh áo thô. Về sau có lần giận đời, cha tôi đập đàn giải nghệ.

Khi tôi hiểu biết, thấy đời cha tôi lẩn quẩn trong hai câu thơ của bài hát nói cha tôi khai bút nhân dịp năm mới : «Ông Lái thuốc bắt đầu, ông Phó, ông Ký, ông Chủ, ông Thầu, ông Lang…» Mỗi chuỗi nghề nghiệp quàng vào cổ cha tôi. Lên voi xuống chó, xuống chó lên voi… Tội nghiệp cha tôi, người còn chút tâm hồn để không nỡ gọi tài đánh đàn là nghề kiếm cơm.

Từ ông lái thuốc bắc đến ông lang băm chế thuốc cao đan hoàn tán. Chao ôi, tôi phải viết thế nào đây cho thật linh động từng cảnh cha tôi ngồi chế thuốc cam bằng thuyền gang, ngồi thái thuốc sống bằng dao cầu, ngồi xao thuốc bổ bằng nồi rang đất và hoàn và viên thuốc

tễ? Làm sao ai chứa chất được trọn vẹn ngần kia mẫu đời. Thế mà cha tôi, trời ơi ! Tôi muốn làm một khán giả vô tư nhỏ lệ tiếc thương gã nghệ sĩ sinh nhầm xứ sở.

Có bận túng bấn quá, cha mẹ tôi phải chia nhau mỗi người một chợ đem thuốc hoàn, thuốc tán trị các bệnh cam sài thai đẹn, ho hen, giun sán ra bày ngổn ngang trên manh chiếu hẹp dưới quán chợ. Mẹ tôi bán quanh quẩn mấy chợ gần miền bể như chợ Tiểu Hoàng… Sáng sớm mẹ đi, xế chiều mẹ về săn sóc anh em tôi. Còn cha tôi xách chiếc va ly lớn lễ mễ sang mãi tận Thần đầu, Thần huống. Cha tôi đi hàng tuần mới trở lại, nói là vừa bán thuốc vừa thăm dò xem bên sông Trà Lý có dễ kiếm ăn thì cho gia đình sang.

Những chuyến cha tôi vắng nhà, mẹ tôi xuôi ngược tần tảo, anh em tôi nương bóng nhau cầu nguyện. Nghe mẹ tôi bảo sóng sông Trà dữ tợn. «Sóng cửa Trà, ma cửa Hộ», em Mai chỉ sợ phà đắm.Tôi dỗ dành em tôi rằng cha tôi sống tới tám mươi tuổi để xem anh em tôi khôn lớn. Em Mai thường khóc tỏ vẻ lo ngại. Khốn nạn, cha mẹ tôi nghèo nàn, còn tình thương mến nhưng tình thương mến không nuôi sống được con nên muốn con no lành đã phải xa con, cực nhọc. Tôi cứ nghĩ đến lúc cha mẹ tôi ngồi dọn hàng khi chợ chiều tan vắng. Ánh nắng vàng vọt quê mùa chiếu vào khuôn mặt thê thảm

vì nhớ con, vì ế hàng của cha tôi chắc đau thương lắm.

Ít tháng sau cha tôi bỏ nghề lang thuốc. Cha tôi sắm ít dụng cụ chữa xe đạp. Người ta đặt tên mới cho cha tôi: ông Phó. Cha tôi sửa chữa, lau dầu, vá chín, vá sống săm lốp xe đạp, xe tay. Nếu ai cần tô điểm xe mình thì cha tôi cũng biết sơn xì, sơn hấp, mạ kền bằng… ngân nhũ. Nhiều lần nhìn cha tôi nghiến răng vặn cái ốc lâu ngày thiếu dầu mỡ, lòng tôi thắt lại. Tay cha tôi mạch máu nổi bật, chằng chịt. Có khi «lắc lê» nhờn, tuột mạnh bật tay ra. Cha tôi mất đà, chúi về một bên. Thường thường, tay cha tôi bị xước da, máu chảy ri rỉ. Cha tôi mải mê công việc không để ý, đưa tay vuốt mấy sợi tóc lòa xòa trên trán. Máu ở vết thương được dịp hòa với mồ hôi… Nhưng cha tôi nín lặng không kêu ca, không than vãn, không kể lể với vợ con. Sự nín lặng đó tôi đã khổ tâm học hỏi song tôi thấy tôi thất vọng.Vì, cho tới ngày nay, hễ gặp bất cứ con rắn độc cuộc đời nào, dù lớn dù nhỏ, cắn đau hay cắn hụt, tôi vẫn thích tìm người băng bó hộ.

Tò mò, tôi hỏi cha tôi học nghề sửa xe bao giờ, cha tôi mỉm cười : «Cái khó sinh ra cái khôn con ạ !». Tôi nghi ngờ rồi phỏng chừng cha tôi học lỏm hay cha đã từng làm thợ phụ cơm nhà việc người. Lại thêm hình ảnh thui chột của chú «học nghề» nữa !

Hồi gia đình tôi ở Hà Nội về Thái Bình rồi dọn xuống miền bể, em Mai bé bỏng nên em chưa cảm được nỗi buồn biển động cuối mùa đông. Dường như, bể giận dữ tận ngoài khơi bãi Đồng Châu.Tiếng gầm gừ vọng tới nghe ghê rợn. Cha tôi khởi nghiệp chữa xe tại đây, tại ngã ba chợ huyện Tiền Hải, dưới gốc cây gạo to lớn, sù sì, gai góc. Những buổi chiều rét mướt, cha tôi ngồi co ro khâu mép lốp đứt «tanh» hay phồng mang trợn mắt thổi than hồng trong lò máy vá chín. Cha tôi nhặt nhạnh từ năm hào bơm thuê cho anh phu xe tay, chẳng nề hà việc dầu mỡ. Bởi vậy, cả sau lúc ngưng làm để vuốt ve anh em tôi, tay cha tôi, dẫu rửa sà phòng, vẫn còn đầy vết dầu lem luốc. Em Mai hay kéo đôi tay cha tôi đùa bỡn :

- Tay cha tôi đen như nhọ nồi.

Cha tôi cười :

- Trắng như bông mà con dám bảo đen. À, đố con biết tại sao tay phải cha dài hơn tay trái ?

- Con chịu.

- Tại tay phải cha vặn «lắc lê». Cha vặn mạnh quá nên xương nó giãn ra.

Em Mai ngớ ngẩn :

- Con không thích tay phải cha dài đâu, cha làm cho nó ngắn bằng tay trái đi cha. Có được không hở, cha ?

Cha tôi suy nghĩ giây lát, đoạn vỗ về em :

- Khó gì, rồi cha bỏ vặn «lắc lê» thì nó hết dài.

Tôi thương cha tôi, dĩ nhiên, nhưng thương bao nhiêu mới vừa ? Cha tôi ít nói. Chắc chắn nỗi ray rứt vì mẹ con nheo nhóc ám ảnh cha tôi, làm cha tôi uất nghẹn : sự uất nghẹn của người không câm song không nói được. Dạo ấy, gạo kém, mẹ tôi phải chạy vay đong từng bữa một. Thoạt đầu, sáng ăn cầm dạ, chiều ăn no. Sau, sáng cha mẹ tôi nhịn chỉ thổi niêu nhỏ cho anh em tôi. Em Mai ăn xong còn thòm thèm. Cha tôi nhìn em, mắt đỏ ngầu. Mẹ tôi chạy vội xuống bếp. Tôi thương hại em, tập nhịn để em được ăn nhiều. Hôm thứ nhất, em bảo tôi :

- Sao anh không ăn ?

Tôi nói dối :

- Tại anh đau bụng.

Em tôi tưởng thật :

- Thế em để phần anh vậy nhé ?

Tôi cười xua tay :

- Đau bụng ăn cơm nguội thế nào được. Em ăn đi, ăn nhiều chóng lớn.

Hôm thứ hai, tôi cũng bỏ bữa sáng ân huệ của con nhà nghèo. Em tôi hỏi han vớ vẩn. Tôi phải trả lời tôi ăn sáng với em thì trưa ăn mất ngon. Nghĩ sao, em tôi giận tôi, em chẳng thèm ăn nữa. Em bắt chước nhịn đến trưa. Mẹ tôi mắng em. Em khóc, em kêu đau bụng. Như thế, em tôi hiểu chuyện rồi. Em tôi rủ tôi ra đường cái, ghé sát vào tai tôi thì thầm :

- Thật anh nhỉ, ăn bữa sáng, trưa ăn mất ngon.

Chúng tôi nhìn nhau. Chua xót. May mắn là tình cảnh ăn đong thiếu thốn rất ngắn ngủi. Gạo dần dần hơn. Nhà tôi lại tiếp tục hai bữa no nê. Đấy là những câu chuyện buồn của gia đình tôi. Nhưng chuyện khiến tôi nhớ mãi là chuyện sau đây :

Hôm cha tôi đang đánh nháp miếng lốp nổ thì một bà sang trọng tới gần. Bà ta nhìn cha tôi lúc lâu rồi mới ngại ngần hỏi :

- Bác làm ơn chỉ giùm tôi ông lang…

Bà ta quên tên ông lang. Cha tôi ngừng tay, lễ phép nói :

- Thưa bà, bà cho biết tên ông lang là gì ạ ?

Móc trong túi mảnh giấy nhỏ ghi bút chì lờ mờ, bà ta lẩm nhẩm đọc :

- Ông Mai Viên bác phó ạ ! Bà bạn tôi mách rằng ông Mai Viên chữa bệnh giỏi. Tôi từ phủ Kiến Xương xuống xin ông cái đơn. Bà bạn tôi trước là chỗ quen thân ông Mai Viên.

Như cái lò xo, cha tôi đứng thẳng dậy, trịnh trọng giới thiệu tựa hồ anh hề trên sân khấu giây phút sắp mở màn.

- Thưa bà… tôi là Mai Viên…

Bà khách lạ tròn xoe mắt. Bây giờ, cha tôi mới kịp để ý cái hình hài tiều tụy của lão phó chữa xe đạp dưới gốc cây gạo ngã ba chợ huyện Tiền Hải. Quần đùi đen, áo sơ mi ngắn tay nham nhở dầu mỡ mồ hôi. Chân tay sần sùi, thô lỗ… Còn giữ được đôi mắt, vầng trán rộng. Nhưng xấu hổ quá, tê tái quá, đôi mắt vội mờ đi và vầng trán lâm râm những giọt mồ hôi, những giọt mồ hôi tình cờ toát ra một buổi trời lạnh nhất. Cha tôi cúi xuống, nói rất nhỏ :

- Thưa bà tôi giải nghệ… lang thuốc rồi. Song nếu bà…

Cha tôi muốn nói thêm «nếu bà bỏ qua hình ảnh bác thợ chữa xe thì tôi sẵn lòng tiếp bà». Khốn nỗi, dù đã từng phen trầy trụa với cuộc đời, cha tôi vẫn tự ái để cứu vãn chút liêm sĩ tuy chẳng cần cứu vãn. Bà khách hình như cảm thông sự lên bổng xuống trầm của kiếp người, bà ta ngượng ngùng mãi mới thốt gọn ba tiếng «xin lỗi ông». Cha tôi mời bà ta vào nhà.

- Bà ở phủ Kiến chắc quen gia đình ông Phán Lâm ?

- Thưa ông, bà Phán chỉ đường tôi mới rõ, chứ dễ chi.

- Trước kia…

- Vâng ạ ! Bà Phán đã nói nhiều về ông. Tôi xin lỗi ông lần nữa vì cử chỉ vô lễ ban nãy.

- Thưa bà không hề gì ạ ! Bà đừng bận tâm.

Cha tôi kê tặng bà khách ấy đơn thuốc bổ theo đúng lời viết quảng dán tường ngày xưa «xem mạch kê đơn không lấy tiền». Khi về, bà khách rút tiền cho tôi.Tôi từ chối, bỏ chạy mất. Đêm ấy, dưới ánh đèn dầu lạc tẩm bấc thắp đĩa, đêm dầy đặc, suy tư. Tôi nghe từng hơi thở dài sầu hận của cha tôi. Bất giác, tôi òa lên khóc khiến

em Mai cũng khóc. Cha tôi xoa đầu anh em tôi an ủi :

- Nín ngay con, rồi các con sẽ sung sướng.

Tôi gục đầu xuống đùi cha tôi, ôm chầm lấy thân thể gầy yếu, ôm chầm lấy tấm lòng thương mến bao la mà rên xiết.

- Cha ơi ! Con thương cha.

Giọng cha tôi tha thiết, bao giờ cha tôi cũng tha thiết với vợ con :

- Thương cha thì ngủ đi, sau này đừng giống cha nhé con, giống cha khổ lắm. Nhất nghệ tinh con ạ !

Nhưng anh em tôi không ngủ. Ngọn đèn gió thổi tắt rồi. Căn nhà tối om. Anh em tôi ngồi sát nhau hơn. Chúng tôi cùng im lặng nhìn ngày mai bằng bốn con mắt mờ lệ trong đêm vắng. Khổ thân em tôi, lớn dần để xem cuộc đời cha xuống dốc thảm hại. Em tôi nắm chặt lấy tay tôi như thầm nhủ, như trao gửi niềm tin. Tôi nghe rõ tiếng nước nhỏ giọt xuống chiếu.

Một sớm tháng hai, hoa gạo nở đỏ ối và bắt đầu rụng. Cha tôi vẫn co ro ngồi dưới gốc cây. Trên đầu cha tôi đủ các loài chim thi nhau ca inh ỏi. Chợt một con bậy bạ trúng giữa mái tóc cha tôi trắng xóa. Cha tôi nhìn lên

xem có phải phân quạ. Vì nếu phân quạ sẽ gặp niềm rủi ro. Khốn nạn, cha tôi vừa ngẩng mặt nhìn lên thì chiếc hoa gạo to hơn nắm tay rơi giữa mặt. May mắn, cuống hoa ngược chiều nên những cánh hoa nát bét trên khuôn mặt của cha tôi như thể cha tôi bị đạn bắn vỡ mặt. Anh em tôi chạy lại quỳ xuống, cuống quít :

- Cha có đau không hở, cha ?

- Cha có mở được mắt không ?

Cha tôi nói :

- Đau gì mà đau, cái hoa đó mà…

Giọng em Mai run run :

- Con thấy nó kêu đánh «bốp». Chắc cha đau, cha nói dối. Con thì con khóc rồi. Cha đau thật hở, cha ?

- Cái hoa nhẹ như bấc thì đau nỗi gì. Cha chỉ đau vì…

Tôi hỏi gặng :

- Vì sao cơ ạ ?

- Vì… các con khổ sở !

Cha tôi rươm rướm nước mắt.Anh em tôi cúi đầu.

Mặc dù bé bỏng, anh em tôi cũng nhận ra hình ảnh cuộc đời cha tôi. Một hình ảnh bằng bao nhiêu hình ảnh nham nhở khắc khoải, què quặt. Tôi cầm tay cha tôi, nói nhỏ :

- Con sung sướng chứ có khổ đâu ?

Em Mai cũng hối hả :

- Con chả khổ gì cha ạ !

Cha tôi mỉm cười gượng gạo :

- Các con nói dối.

Tôi nắm chặt tay cha tôi hơn :

- Lúc nào gần cha mẹ là các con sung sướng rồi.

Em Mai ôm đầu cha thủ thỉ :

- Con yêu cha.

- Yêu cha thì phải chăm học các con nhé, Hữu nhé ! Nhất nghệ tinh…

Luôn luôn cha tôi nói «nhất nghệ tinh»… Tôi nhìn cha tôi, thấy má bên trái con dính chút máu hoa gạo. Đưa vạt áo lau sạch vết nhơ ấy, tôi giục :

- Cha vào gội đầu kẻo bẩn.

- Điềm may đấy con ạ ! Hoa rơi là sang năm cha con mình giàu. Cha sẽ tậu nhà ngói trên tỉnh, con có cái xe đạp nhỏ đi học.

- Thế mẹ con ?

- Mẹ con thì… Ờ, ờ, khó nghĩ quá. Con chọn quà biếu mẹ xem nào.

- Mẹ con thôi bán xôi chè này, mẹ ở nhà khâu vá quần áo với lại kể chuyện ma này. Cha cho tiền con mua cái tráp đựng trầu biếu mẹ con nhá ! Em Mai muốn mua biếu mẹ xâu tràng hạt để mẹ niệm Phật cha ạ !

- Ừ, ừ con muốn gì cũng được.

- Em Mai có búp bê, có ô tô, có tàu thủy, có nhiều thứ lắm. Em Mai không phải chơi đồ chơi bằng vỏ hến, nút chai…

Em tôi thích chí cười hớn hở. Đôi má núm đồng tiền xinh xinh tệ. Em làm nũng :

- Áo con rách rồi, cha mua áo cho con trước nhất cha nhé.

Cha tôi bỗng giật mình. Đôi mắt đang sáng rực mộng ước, phút chốc mờ đi, buồn. Cha tôi ngắm anh em tôi rồi khẽ gật đầu nói nhỏ :

- Ừ, mai cha mua áo cho con.

Hôm sau, nhằm ngày phiên chợ, cha tôi bỏ việc dẫn anh em tôi đi mua áo. Chợ phiên đông đúc, cha con dắt díu nhau chỉ sợ lạc. Qua hàng nước dừa, cha tôi cho mỗi đứa uống một cốc nhỏ năm hào. Hết quán này, quán khác mà chẳng thấy cha tôi nhắc chuyện áo làm em Mai thấp thỏm. Mãi cha tôi mới kéo anh em tôi đến hàng quần áo may sẵn có vô số người xúm lại mặc cả. Anh em tôi len lọt được vào. Em Mai nhìn những chiếc áo cánh trắng rồi nhặt vài chiếc để ướm thử. Mắt em long lanh nhưng cha tôi thì nét mặt tự nhiên tái chợt, đôi tay run run cơ hồ như sốt rét. Cha tôi hỏi giá, người bán trả lời. Thêm thêm bớt bớt chán chê, rốt cuộc, cha tôi không dám nhất định vì sợ hớ. Em tôi trống ngực đánh thình thịch, nửa mừng nửa lo. Tôi biết giá có manh áo kia, em tôi hả hê vô vàn. «Già được bát canh, trẻ manh áo mới» mà. Cha tôi cũng biết thế, song người bán hàng chẳng thèm biết. Cha tôi đứng tần ngần.Tôi phỏng chừng cha tôi thiếu tiền.

Vuốt mái tóc em Mai, cha tôi an ủi :

- Hai anh em ra kia chờ cha nhé ! Ra kia kẻo nó bắt bí. Thế nào cha cũng mua cho con.

Em tôi nuốt nước bọt ừng ực. Cha tôi đưa chúng tôi khuất khỏi hàng quần áo. Dặn dò xong, cha vội vàng đi. Trông theo cha, lòng tôi bâng khuâng tê tái. Anh em tôi đợi hàng nửa giờ mà cha tôi vẫn chưa trở lại. Chợ càng đông, tiếng ồn ào huyên náo. Anh em tôi không nghe rõ nữa. Tâm hồn em Mai hướng về manh áo, còn tâm hồn tôi thì không hiểu vì sao bối rối vô cùng. Em Mai cứ luôn miệng hỏi khiến tôi nóng ruột quá. Nắng mùa xuân hừng hực trên đầu chúng tôi. Nắm chặt tay em, tôi dìu em về phía hàng áo.

Bỗng anh em tôi thấy từ các hàng áo ban nãy người ta xô nhau giãn lối. Người bán hàng tức giận đỏ mặt lên, hét lớn :

- Ăn cắp, ăn cắp ! Gớm nhanh như chớp, vừa mới quay đi mà nó đã thó mất rồi.

Tôi hoảng hồn, mắt lơ láo tìm cha. Song cha tôi không có trong đám đông trước mặt. Em Mai khóc bù lu bù loa, dỗ mãi em mới nín. Trong khi đó, người bán hàng quai mồm ra chửi bới hết lời. Hắn dọa nếu tóm được cổ

kẻ cắp, sẽ đánh róc xương.Tôi chờ, chờ gần xế trưa thì ngờ rằng cha tôi lo kiếm anh em tôi và chắc chắn, đợi anh em tôi ở nhà. Tôi lớn không sợ lạc nữa nên cha tôi cũng có thể về trước. Nghĩ vậy, Tôi trở lại nhà. Anh em tôi buồn thiu, thẫn thờ bước như hai đứa trẻ ăn mày.

Về nhà, mẹ tôi bảo cha tôi bị cảm đang nằm đắp chăn rên hừ hừ. Anh em tôi xúm tới hỏi han. Cha tôi nín thinh không đáp. Em Mai sợ cha phật ý nên không hỏi đến chuyện áo mới nữa. Cả buổi chiều hôm ấy, không khí gia đình tôi nặng nề, khó thở. Đến tối, cha tôi bớt sốt, cha gọi anh em tôi tới gần xoa đầu, nắm tay như thường lệ. Cha tôi nói mua áo xong thì cha tôi cảm thấy choáng váng mặt mày, quên mất chỗ anh em tôi chờ đợi. Rồi cha tôi cắm cổ chạy về. Nghe cha kể chuyện anh em tôi vui mừng, sung sướng. Em Mai tôi hỏi :

- Cha mua áo cho con rồi hở cha ?

- Ừ, đây này.

Cha tôi lật chiếu đầu giường nhấc chiếc áo ra. Em Mai vồ lấy ướm thử. Em thay áo cũ mặc áo mới vào. Em khoe tôi :

- Đẹp không anh Hữu ?

- Đẹp lắm.

- Đẹp không cha ?

Em Mai chợt nhớ điều gì, khuôn mặt ngây thơ nhí nhảnh phút chốc thoáng buồn. Em nói :

- Áo anh Hữu rách lưng cha ạ !

- Để phiên sau cha mua.

Tôi vội nói :

- Áo con vá được, cha đừng mua tốn tiền.

Giữa lúc ấy, mẹ tôi ở dưới bếp bước lên, em Mai níu mẹ, nũng nịu :

- Cha mua áo cho con mẹ ạ !

Mẹ tôi ngạc nhiên hỏi cha tôi :

- Tiền đâu mà cha mua áo cho con ?

Cha tôi thản nhiên :

- Vay của bác Cẩm sáng sớm nay.

- Bác Cẩm đi Thái Ninh từ hôm kia cơ mà !

Cha tôi lặng thinh. Mẹ tôi không hiểu gì cũng lặng thinh.Tôi nhìn cha tôi. Cha tôi nhìn mẹ con tôi. Mắt cha tôi long lanh. Bóng cha tôi gầy gò in hình trên bức

tường vôi loang lở. Có ai ngờ cái thân thể gầy gò kia lại bọc nổi tình thương yêu rộng lớn như con ốc nhỏ thu gọn cả đại dương trong lòng mà vẫn câm nín. Câm nín suốt đời. Tôi muốn ôm cha tôi, muốn xé rách làn da ngực để được nói vào trái tim cao cả của cha tôi rằng «Cha ơi ! Cha vì anh em con mà phải như thế… Con sẽ làm gì cho xứng đáng sự hy sinh đó của cha !» Nhưng làm sao mà nói ? Cảm xúc đã nghẹn cả lời.Tôi òa lên khóc. Cha tôi giật mình hỏi :

- Sao con khóc ?

- Con thương cha.

- Nín đi… để dành nước mắt chứ chú bé. Khóc nhiều hết thì sao ?

Tôi chưa nín.Vì nghĩ tới suối sầu bắt nguồn từ túp lều tranh bên gốc chuối tiêu chảy róc rách, róc rách qua hồn anh em tôi. Suối sầu này còn chảy mãi. Và còn chảy, nước mắt còn rơi, không lo khô cạn.

Sau đấy, cha tôi bị ám ảnh bởi chiếc áo ăn cắp ngoài chợ, trừ tôi, không ai rõ, cha tôi đau ốm liên miên. Tuy nhiên, cha tôi vẫn vẽ bao ước mộng. Anh em tôi mong ngày tháng lụn dần, sang năm chóng đến. Song sang năm chưa kịp đến với nhà ngói ở tỉnh, với búp bê, với

tàu thủy, với xe đạp thì cha tôi nhuốm bệnh thương hàn. Tôi cố nghiến răng giữ kín chuyện nên khi cha tôi chết cha tôi vẫn tưởng sự bí mật theo cha xuống lòng mộ.

Cha tôi chết, mẹ con tôi nheo nhóc bơ vơ. Mẹ tôi năm tháng ngồi đan nỗi buồn ở bến đò Đồng Đức. Anh em tôi nhìn đám trẻ thành thị rồi vội vàng cúi gầm mặt qua sân nhà ông ngoại, làm rơi mất tuổi thơ.

121. Nhà Văn Duyên Anh : Đời Lưu Vong Bi Kịch

Đoàn Thạch Hãn

Cho dù Duyên Anh có thế nào đi nữa, thì ông cũng là một người cầm bút, không có lấy một tấc sắc trong tay để tự vệ. Nhân danh bất cứ một điều gì để tấn công và hạ thủ một người như thế rõ ràng là một tội ác.

Là một trong những nhà văn nổi tiếng của miền Nam trước năm 1975, Duyên Anh được biết đến như một con người nhiều tài, lắm tật, miệng làm hại thân ! Tôi quen biết Duyên Anh từ lâu, từ dạo tôi vẫn thường hay chầu rìa những canh xì phé nảy lửa của những «hảo thủ» lừng lẫy trong làng báo Sài Gòn trước 1975 với một vài doanh nhân, chính khách. Thuở đó, thân phận và túi tiền của tôi không đủ «tư cách» ngồi cùng chiếu với các đàn anh. Vào sòng xì phé là có thể biết ngay tính cách của từng người. Duyên Anh thích «tháu cáy» và khích tướng đối thủ, nhưng lại rất cay cú khi bị người khách «tháu cáy». Thế nhưng sau 1975, tôi mới thật sự thân thiết với Duyên Anh. Ông từng coi tôi như một người bạn vai em ruột rà. Điều này đã được ông viết trong hồi ký.

Năm 1954, Duyên Anh di cư vào Nam. Để kiếm sống, ông đã làm mọi công việc của một thanh niên hè phố, chẳng có nghề ngỗng nào nhất định. Khi thì theo một nhóm sơn đông mãi võ, khi tháp tùng đoàn cải lương lưu diễn đây, mai đó. Lại có lúc quảng cáo cho gánh xiếc rong, rồi giữ xe đạp hội chợ… Sang trọng nhất là làm gia sư, dạy kèm cho trẻ con và dạy đàn ghita, sáo trúc cho những người theo học vỡ lòng nghệ thuật.

Duyên Anh làm thơ rất sớm, đến những năm cuối của thập niên 50, ông bắt đầu viết văn xuôi. Viết để thỏa mãn giấc mơ cầm bút, chẳng đăng đâu cả. Mãi đến năm 1960, ông được nhà văn Trúc Sĩ dẫn tới diện kiến nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, lúc đó đang làm chủ bút tờ Chỉ Đạo. Bài thơ «Bà mẹ Tây Ninh» - sáng tác đầu tiên của ông được đăng trên tờ báo này. Một tháng sau, thêm truyện ngắn «Hoa Thiên Lý», rồi «Con sáo của em tôi» tiếp tục có mặt trên tờ Chỉ Đạo, với lời giới thiệu bốc tới mây xanh của Nguyễn Mạnh Côn. Ngay lập tức, ông được người đọc đón nhận nồng nhiệt. Mỗi truyện được trả nhuận bút 5.000 đồng, thời đó mua được hơn một cây vàng. Nguyễn Mạnh Côn tỏ ra rất ưu ái, tận tình nâng đỡ Duyên Anh để sáng tác của ông thường xuyên xuất hiện trên văn đàn. Và đây cũng là đầu mối oan nghiệt cho cả hai sau này.

Đến năm 1961, khi ông Nguyễn Mạnh Côn rời tạp chí Chỉ Đạo thì Duyên Anh đã thành danh. Ông bắt đầu tung hoành làng báo Sài Gòn với nhiều bút danh khác nhau : Thương Sinh, Mõ Báo, Thập Nguyên, Vạn Tóc Mai, Nã Cẩu, Lệnh Hồ Xung, Độc Ngữ… bằng một giọng văn châm chọc, hết sức cay độc. Thời đó, có hai nhà văn làm báo mà người ta sợ nhất, đó là Chu Tử với bút hiệu Kha Trấn Ác, trong mục Ao Thả Vịt và Duyên Anh. Nạn nhân của Duyên Anh không phải chỉ toàn là người xấu, mà nhiều khi chỉ là một ai đó bị ông ghét, cũng bị ông lôi lên mặt báo, «đánh» không thương tiếc! Sự kiêu căng, miệng lưỡi cay độc của ông đã gây dị ứng cho không ít người. Một nhân vật lãnh đạo chóp bu của Việt Nam Cộng hòa, khi lưu vong ở Mỹ đã bắn tiếng với ông Tô Văn Lai của chương trình Thúy Nga Paris rằng : «Bảo thằng Duyên Anh câm mồm nó lại».

Duyên Anh được xem như tay tổ trong loại sách «xúi con nít đập lộn», với những cuốn tiểu thuyết viết về giới du đãng rất ăn khách như «Điệu ru nước mắt», «Sa mạc tuổi trẻ», «Vết thù trên lưng ngựa hoang». Tác phẩm của ông từng ngợi ca tay anh chị Trần Đại (Đại ca Thay) như một kẻ giang hồ mã thượng. Trong một bài phỏng vấn, tuần báo Đời hỏi ông : Tại sao trong thời buổi nhiễu nhương lại tôn vinh một tay du đãng, sống ngoài vòng pháp luật lên tận mây xanh ? Duyên Anh trả

lời : «Chính vì thời buổi nhiễu nhương, không có thần tượng cho tuổi trẻ, nên phải đi tìm cho họ một mẫu thần tượng. Xem ra, Trần Đại là xứng đáng hơn cả».

Duyên Anh là người thẳng thắn, yêu, ghét rạch ròi. Đã quý mến ai rồi thì ông sống trọn tình, trọn nghĩa với người đó.

Năm 1978, Duyên Anh gặp lại Nguyễn Mạnh Côn trong trại cải tạo. Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn có thâm niên hơn 40 năm là đệ tử của ả phù dung nên sức khỏe rất yếu. Biến chứng tâm, sinh lý của một con người có quá trình «phi yến thu lâm» (đọc trại cho… sang chữ «phiện, thú lắm») quá dài nên khi bị bắt buộc phải cai, cơ thể ông bị hành hạ liên tục. Do đó, sinh hoạt của ông rất bê bối, khiến đa số trại viên khác, dù có thông cảm đến mấy cũng không muốn gần gũi, chia sẻ, trong đó có Duyên Anh. Người khác chẳng sao, nhưng với Duyên Anh, Nguyễn Mạnh Côn cho rằng đó là bội bạc. Nhiều lần ông Côn nói với mọi người : «Không có tôi thì đã không có Duyên Anh ! Tôi mà không biên tập nát ra thì truyện của nó ai mà thèm đọc». Và Duyên Anh đã phản ứng theo đúng tính cách kiêu ngạo của ông : «Không có «Côn Hít» thì Duyên Anh vẫn là Duyên Anh. Ông Côn giỏi sao không biến một thằng cha căng chú kiết nào đó thành một văn tài mà phải đợi đến Duyên Anh ?» Từ

đó, cả hai nhìn nhau tuy bằng mặt, mà không bằng lòng. Cũng chỉ có thế, ngoài ra Duyên Anh không có bất kỳ hành vi, thủ đoạn nào ác ý với Nguyễn Mạnh Côn, như lời đồn đại đầy ác ý của những kẻ thù ghét Duyên Anh sau này. Nhiều người biết rất rõ chuyện này, hiện vẫn còn sống…

Năm 1981, Duyên Anh được trở về với gia đình khi vợ và các con đã định cư tại nước ngoài. Năm 1983, ông vượt biên sang Malaysia, rồi sinh sống tại Pháp, tiếp tục viết. Cùng phận lưu vong nhưng ông không tiếc lời thóa mạ những đảng phái, phe nhóm chính trị lưu manh đang hoạt động tại hải ngoại. Duyên Anh gọi bọn họ là những kẻ giả hình, những tay lừa bịp, mộng du, chiến đấu trong chiêm bao. Ông cũng lên án đám lãnh đạo, chính khách, tướng tá của Việt Nam Cộng hòa toàn là một lũ vô tài, bất tướng, giàu của cải nhờ bóc lột, nhưng quá nghèo nàn liêm sỉ và nhân cách.

Duyên Anh đã gục ngã ở một nơi được ca tụng như là thiên đường của thế giới tự do. Cũng tại nơi đó, nhà báo Đạm Phong, nhà văn Hoài Điệp Tử… đã bị sát hại một cách tàn nhẫn; cựu sinh viên Đoàn Văn Toại (nhạc gia của ca sĩ Trần Thu Hà) đã bị bắn trọng thương bởi những đồng hương quá khích do bất đồng chính kiến. Năm 1988, Duyên Anh sang thăm Hoa Kỳ. Xui cho

Duyên Anh, ngày 30/4/1988, ông cùng một người bạn - họa sĩ Trần Đình Thục đi trên đường Bolsa, đúng vào lúc mặt trận bịp bợm Hoàng Cơ Minh đang biểu dương lực lượng, với mấy chục người loe hoe… Trước đó, Duyên Anh đã từng không tiếc lời chỉ trích mặt trận bịp này trên báo Ngày nay bằng những lời lẽ nặng nề. Ông còn viết cả một cuốn tiểu thuyết mang tựa đề «Tuổi bướm sầu» để vạch trần bộ mặt đểu cáng của những tên chóp bu và những hành động bỉ ổi của mặt trận này. Nhận ra Duyên Anh, một gã thanh niên có thân hình vạm vỡ cầm một cục đá từ trong đám đông xông ra. Duyên Anh bị đánh tới tấp vào đầu, gục xuống trên vũng máu. Sau ca cấp cứu, ông được đưa về Pháp sống đời phế nhân, cánh tay phải và nửa thân hình gần như liệt hẳn. Điều đáng nói, hầu như tất cả các phương tiện truyền thông của người Việt ở hải ngoại, không nơi nào dám lên tiếng bênh vực Duyên Anh, hoặc lên án hành động mang nặng tính khủng bố của những kẻ chủ mưu. Người ta chỉ thấy một vài tờ báo Việt ngữ loan tin một cách hả hê bên cạnh tấm hình Duyên Anh nằm bất tỉnh, đầu vẹo sang một bên, giây nhợ chằng chịt từ đầu xuống cổ !

Dư luận trong cộng đồng người Việt hải ngoại rộ lên nghi vấn chính mặt trận Hoàng Cơ Minh là thủ phạm. Chúng đã cho tay chân sát hại Duyên Anh để trả thù

chứ không chỉ là một trận đòn dằn mặt. Một nguồn dư luận khác, cũng không kém phần sôi nổi, và cũng được nhiều người tin, dù rất mơ hồ, không cơ sở : Duyên Anh bị những người yêu mến Nguyễn Mạnh Côn hành hung để phục hận cho những ngày hai người sống chung trong trại cải tạo. Trong giới văn nghệ sĩ của Sài Gòn trước đây đang sống ở hải ngoại cũng có người vì hiềm khích cá nhân với Duyên Anh mà công khai lên tiếng công kích ông một cách mạnh mẽ. Điển hình là trường hợp Tạ Tỵ.

Trước 1975, Duyên Anh và Tạ Tỵ đã như sừng với đuôi. Sau giải phóng, NXB Công an nhân dân có phát hành cuốn sách «Những tên biệt kích cầm bút», trong đó có điểm tên nhiều văn nghệ sĩ sừng sỏ của Sài Gòn. Tuyệt nhiên không thấy có tên Tạ Tỵ. Nhưng theo Duyên Anh, khi sang Mỹ, đi đâu ông Tạ Tỵ cũng tự nhận mình có tên trong số «những tên biệt kích» đó. Duyên Anh giễu cợt Tạ Tỵ «nhận xằng, khôi hài». Lửa đổ thêm dầu, Duyên Anh càng trở thành cái gai trong mắt ông Tạ Tỵ.

Nhưng cho dù Duyên Anh có thế nào đi nữa, thì ông cũng là một người cầm bút, không có lấy một tấc sắc trong tay để tự vệ. Nhân danh bất cứ một điều gì để tấn công và hạ thủ một người như thế rõ ràng là một tội ác.

Duyên Anh kéo dài cuộc sống tàn phế tại Pháp, cho đến ngày 6/2/1997 thì qua đời vì bệnh xơ gan.

Tác giả bài viết này còn nợ Duyên Anh một món nợ tinh thần. Trong một lần đau ốm, ngỡ mình sắp chết, Duyên Anh đã nhờ tôi học thuộc lòng một bài thơ của ông với lời căn dặn một ngày nào đó, gặp được vợ con của ông thì đọc cho họ nghe. Ông đọc cho tôi, Đằng Giao và Dương Đức Dũng cùng nghe, bắt học thuộc lòng và sau đó xé mất. Đó là bài thơ có tựa đề là «Đảng tử sám hối». Trong bài có những câu tự vấn lương tâm và thói kiêu ngạo một thời : «Ta dại khờ múa hát giữa ngàn hoa/ Ca bóng tối cứ ngỡ là ánh sáng/ Ta ru hồn ta tháng ngày bịnh hoạn/ Với kiêu sa dị hợm chút tài hèn/ Hỡi cánh diều căng gió vút bay lên/ Ngạo nghễ lắm mà quên dây sắp đứt/ Mũi tên oan phóng đi không thương tiếc/ Lưỡi gươm đau chém nát đóa môi cười/ Anh nhìn anh xưa thế đó em ơi/ Những đổ vỡ của một thời lang bạt…».

Tôi tin là Duyên Anh thật sự sám hối. Hy vọng ở bất cứ nơi nào trên thế giới này chị Phương (vợ của Duyên Anh) và các cháu cũng như những ai một thời là bằng hữu của ông, hoặc từng thù ghét ông sẽ đọc được những câu thơ này bằng tấm lòng độ lượng đối với một người đã không còn trên cõi đời này.

122. Con Thúy (Kỳ 1)

Duyên Anh

Trời bỗng trở lạnh. Mới đêm trước còn oi nồng, sáng sau không khí đã dụi mát cơ hồ bước chân mùa thu lén về trong giấc ngủ nửa khuya của dân tỉnh lỵ. Mùa hạ đã hết đâu. Những con tu hú cuối cùng chưa chịu dời miền xuôi. Nước sông Trà Lý vẫn dâng cao, ngầu đỏ phù sa. Và họ hàng nhà ve sầu vẫn rên rỉ điệu nhạc buồn hoài.

Vũ dậy thật sớm. Nó ngồi ngoài cửa chờ bánh tây thịt quay của Phương hen.Vũ mê bánh tây thịt quay của Phương hen đến nỗi nhớ cả những ngày con nước, Phương hen nằm nhà dạo nhạc cò cử không đi bán bánh. Phương hen là người bạn thân của bọn thằng Vũ. Chỉ bọn thằng Vũ mới được bốc thịt quay nhét vào bánh. Phương hen không tính thêm tiền hay kỳ kèo gì cả. Phương hen thì khoái bọn thằng Vũ vì chúng nó trung thành với bánh tây thịt quay của Phương hen. Chúng nó ăn bánh tây suốt niên học. Hôm nào Phương hen bị lên cơn hen nằm nhà, bọn thằng Vũ mới chịu ăn bánh cuốn, ăn phở điểm tâm. Bánh tây thịt quay, bánh tây chả quế, chả bò nhiều duyên nợ với học trò. Ở Hà Nội bánh tây chả bò ngon hơn bánh tây thịt quay ở Thái Bình. Nhưng

Vũ cứ nhớ bánh tây thịt quay của Phương hen.

Vậy mà, sáng nay Phương hen đến muộn như mặt trời dậy muộn. Ngày con nước lớn qua rồi, giờ này Phương hen chưa đi bán bánh, chắc là Phương hen bận việc. Phố xá mỗi lúc một tấp nập.Tiếng rao quà bánh ơi ới. Thị xã dễ yêu nhất vào buổi sáng, buổi trưa và đêm khuya. Những sáng mùa đông vừa tung chăn đã nghe tiếng rao bánh hấp, bánh khúc nóng chỉ muốn ăn ngay không thiết rửa mặt, đánh răng. Những trưa hè, nghe hàng đậu hoa, hàng canh bánh đa mời mọc, quên cả mệt nhọc. Và ban đêm, buồn ngủ trĩu mắt, nghe ông già bán lục tầu xá, bỗng tỉnh ngủ. Học xong bài thi, có chú khách bán xôi lạp xường, phải vét tiền chạy ra làm một đĩa. Những miếng lạp xường mỏng dính như giấy viết thư, điểm lơ thơ trên đĩa xôi trắng hay giọt nước hoa trong vắt nhỏ xuống bát lục tầu xá, sao mà luyến lưu thế !

Vũ định mua xôi lúa, nhấm nhá chất ngậy bùi của hành phi mỡ vàng óng, rồi tới rủ Côn, Luyến, Long đi câu cá rô dưới An Tập. Vũ đã rang gạo, giã nhỏ, rây bột và nghiền mẻ làm mồi câu từ hôm qua. Câu cá rô bằng mồi bột gạo rang nghiền mẻ sạch tay chứ không bẩn như câu bằng mồi tép ươn. Vũ cũng để dành một hộp mai cua thối. Nếu bọn thằng Côn thích câu cá rói thì vào Phúc Khánh câu. Vũ tính toán rất kỹ những ngày hè sắp

hết. Đêm nay, bọn nó về Đoan Túc câu cá trê. Câu cá trê thích nhất. Khi giật chú cá lên, dưới ánh trăng, chú cá đen nhẫy giẫy giụa, miệng kêu ẹo ẹo. Gỡ chú cá trê khỏi lưỡi câu mất công lắm ! Lớ ngớ bị ngạnh nó đâm vào tay, nhức buốt cả đêm. Thằng Khoa đã bị ngạnh cá trê đâm. Nó đau quá, vất cả cá lẫn cần câu xuống ao.

Vũ đứng vậy, vươn vai. Nó chưa kịp đi vào nhà lấy bát đi mua xôi lúa thì nghe thấy một loạt súng nổ ở phía cầu Bo. Rồi những bước chân chạy huỳnh huỵch trên đường phố. Phố xá đua nhau đóng cửa.Thị xã như sống lại ngày Nhật đảo chính Pháp. Một lát, toán lính Nhật và hai người thông ngôn, súng cầm hai tay gắn lưỡi lê, cắm đầu chạy. Toán lính Nhật canh giữ cầu Kiến Xương đây.Vũ không sợ hãi. Nó bước ra hè đứng xem ai đuổi Nhật. Súng bắn chỉ thiên đòm đòm. Từ phía cầu Kiến Xương, hàng chục người mặc quần áo nâu, kẻ đeo súng trường, kẻ cầm dao rượt lính Nhật. Họ vừa chạy vừa la hét :

- Đồng bào nằm xuống !

Dân thị xã đã tập phòng thủ thụ động, nằm hết xuống vỉa hè, khe cống. Một người giơ khẩu súng lục, bắn liền hai phát, hô lớn :

- Đả đảo Nhật lùn.

Vũ sướng mê tơi. Nó biết thầy Đàn đã về thị xã đánh đuổi Nhật. Nước ta sắp độc lập. Vũ muốn phóng ngay tới nhà thằng Côn, đập cửa nhà nó thình thinh, báo tin mừng thầy mình đã về.

- Đồng bào nằm xuống kẻo Nhật lùn bắn chết !

Người khác vung lưỡi kiếm :

- Đả đảo phát xít Nhật !

Vũ ngóc đầu lên :

- Đả đảo…

Rồi nó vùng dậy, ba chân bốn cẳng chạy tới nhà thằng Côn. Hai đứa gặp nhau giữa đường. Côn ôm chặt lấy Vũ :

- Bố tao bảo Nhật thua bét tĩ.

Vũ nghiến răng :

- Đi bắt một thằng Nhật trói chặt tay, dẫn nó diễu phố.

Côn giậm chân :

- Nhất định tao trả thù cho thằng Vọng.

Hai thằng bé nhẩy cỡn. Khuôn mặt chúng rạng rỡ. Bốn con mắt long lanh. Mặt trời bỗng chui khỏi đám mây u ám. Thị xã ngập ánh nắng.Lá cây xanh mướt. Vũ nắm chặt tay Côn chạy đi gọi Luyến, Long. Bốn đứa trẻ theo đuôi đám người mặc quần áo nâu ào ào tràn lên phố chính. Bên kia cầu Bo, đoàn người ùa vào thị xã đông như kiến. Lính Nhật canh giữ cầu Bo cũng chạy dài. Bên ta ngắm lính Nhật nổ súng. Nhưng lính Nhật không ngã tên nào. Côn mím môi, nhăn nhó :

- Lính khố xanh bắn như củ thìu biu !

Những người mặc quần áo nâu, mang súng đều là lính khố xanh. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, lính khố xanh biến thành An Vệ Dân. Bọn thằng Vũ quen mặt hết lính khố xanh của thị xã. Luyến tiếc rẻ :

- Tao quên súng cao su ở nhà rồi. Ông mà tia đạn sỏi, Nhật lùn sẽ ngã sấp mặt.

Hai bên đuổi chạy. Bên đuổi bắn liên tiếp. Đạn toàn trệch. Có người đứng lại, nâng súng ngang vai, ngắm hàng phút đồng hồ mới bóp cò. Đạn không chịu nổ ! Long cười khúc khích :

- Đạn bên ta thối !

Đến gần nhà thương, một người lính Nhật quay lại bắn. Hai người áo nâu trúng đạn, ngã gục giữa đường, máu chảy lênh láng. Quân ta đang chạy nhanh, bèn phanh chân. Chờ lính Nhật chạy xa tầm súng, quân ta mới tiếp tục đuổi. Ở những phố khác, quân ta chết nhiều mà Nhật chẳng việc gì. Bọn thằng Vũ ức quân ta vô cùng. Con nhà Côn mở miệng la chê «lính khố xanh bắn như củ thìu biu» ! Lính Nhật kéo nhau về câu lạc bộ. Quân ta không dám tiến vào. Một người đeo súng lục ngang hông, nắm trái đấm giơ ngang vai, dõng dạc nói :

- Phát xít Nhật bị vây rồi. Anh em chờ lệnh tiêu diệt chúng.

Những khẩu súng mút cơ tông nạp đạn rầm rập. Lưỡi lê gắn đầu súng. Lưỡi lê chả sáng bóng tí ti ông cụ nào. Chỉ có những con mắt là sáng thôi. Người đeo súng lục hô to :

- Đả đảo phát xít Nhật !

Hàng trăm bàn tay nắm chắc giơ cao, hét muốn vỡ tung lồng phổi :

- Đả đảo…

- Đả đảo Việt gian liếm gót giầy Nhật !

- Đả đảo.

- Cách mạng thành công muôn năm !

- Muôn năm…

Người đeo súng lục, khuôn mặt nhễ nhãi mồ hôi, dáng điệu anh dũng, gân cổ :

- Ta hát mừng cách mạng ! Chú ý : Đoàn quân Việt Nam đi, chung lòng cứu quốc, một, hai, ba…

Bài hát mới lạ, không ai thuộc. Chỉ độ mười người hát theo :

- Đoàn quân Việt Nam đi, chung lòng cứu quốc, bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa…

Ngay cả những người lính khố xanh, mặc quần áo nâu, tay lăm lăm súng mút cơ tông gắn lưỡi lê rỉ cũng ngây mặt nghe hát. Bài hát không vang vọng bằng bài «Tiếng gọi sinh viên» hôm giỗ tổ Hùng Vương. Người đeo súng lục chừng hiểu thế, vội vẫy tay :

- Thôi, nghỉ hát. Tôi xin nói về tội ác của phát xít Nhật !

Người này kể rằng thực dân Pháp giấu thóc, phát xít Nhật lấy ra, đốt thóc thành than để dân ta chết đói một

triệu người. Nhật sát hại hàng nghìn nhà ái quốc Việt Nam. Người đeo súng lục nghiến răng ken két diễn tả một bà mẹ bị Nhật dùng kiếm cắt hai cái vú rồi mổ bụng moi gan ăn sống. Người này phẫn uất hô khẩu hiệu :

- Đả đảo phát xít Nhật !

Người đeo súng lục kể tiếp :

- Nhật bắt nhà ái quốc Việt Nam tra tấn dã man. Chúng căng họng nhà ái quốc Việt Nam, đổ cả thùng nước xà phòng vào dạ dầy rồi giẫm lên bụng. Nước xà phòng phọt ra tai, mắt, mũi, miệng nhà ái quốc Việt Nam. Chúng ta phải trả thù bọn phát xít Nhật.

Hàng trăm cánh tay lại giơ cao, hò hét :

- Đả đảo phát xít Nhật !

Côn đã thấy lính Nhật giáng báng súng vào mặt anh Đạo. Tự dưng, nó nhớ thằng Vọng vô cùng. Giá Vọng không bị Nhật làm chết đói, nó sẽ bắt thằng Việt gian Ban và trả thù cho anh Đạo. Côn rơm rớm nước mắt. Nó buột miệng hô :

- Đả đảo Việt gian !

Người lớn giơ tay hô theo :

- Đả đảo…

Nhưng giọng hô đả đảo bắt đầu uể oải. Đoàn người áo nâu vây lính Nhật chờ lệnh tấn công câu lạc bộ đã mỏi chân. Họ ngồi xuống đường móc thuốc lá châm hút. Có người thèm rít một điếu thuốc lào. Nắng ngập đầu họ. Cổ họng họ cháy khô. Họ khát nước. Vài người bỏ hàng ngũ, xách súng đi xin nước uống. Không khí dần dần uể oải, không quyến rũ nổi bọn thằng Vũ. Chúng nó bỏ xuống ngã tư Vũ Tiên.

123. Con Thúy (Kỳ 2)

Duyên Anh

Chương 2

Ở đây, dân từ các làng Đồng Thanh, Ô Mễ, Thắng Cựu, Đoan Túc kéo nhau lên tỉnh. Họ cũng phải ngồi chờ lệnh tiêu diệt giặc lùn. Đàn bà ngồi nhai trầu, nhổ quýt trầu đỏ lòm bừa bãi. Đàn ông thay phiên nhau hút điếu cầy. Đi đánh Nhật mà còn mang theo cả điếu cầy, bùi nhùi bện bằng rơm ! Đoàn người vây Nhật ngã Vũ Tiên rất ít súng. Người chỉ huy đeo khẩu mút cơ tông không gắn lưỡi lê. Ông ta mặc quần đùi, đầu đội khăn xếp và hàm răng đen nhức hạt na. Vũ nghĩ giá ông ta cắm cái lông ngỗng trên trán thì trông ông ta giống mọi da đỏ. Thỉnh thoảng, người chỉ huy đạo quân đánh Nhật lại trèo lên cái bục của phú lít ở giữa ngã tư, hai bàn tay um úp đưa sát mắt làm cái ống nhòm nhìn vào câu lạc bộ. Rồi nói lớn :

- Nhật sắp hàng rồi. Chúng nó đang thu dọn đồ đạc.

Đoàn người reo hò ầm ỹ. Người chỉ huy ra lệnh :

- Anh chị em đứng nên. Hễ giặc nùn rút nui qua Nam Định, ta sẽ bắt sống chúng.

Ông ta cao hứng, hô khẩu hiệu :

- Việt Nam độc nập muôn năm !

Bọn thằng Vũ ôm bụng cười khúc khích. Luyến vỗ vai Vũ :

- Nhà ái quốc này ngọng líu lưỡi !

Vũ hậm hực :

- Giống mọi da đỏ vây xe cao bồi quá. Ở Hà Nội là tấn công rồi. Dân Hà Nội cừ ba chê. Dân Thái Bình hạng bét. Răng đen nói ngọng mà đòi đánh Nhật.

Côn xoa tay :

- Giá bọn mình là người lớn nhỉ ?

Long gật gù :

- Ừ, là người lớn, bọn mình đánh bay Nhật lùn rồi. Lính khố xanh bắn mãi chả chết thằng lùn nào thì chúa mọi da đỏ sẽ tho. Chỉ được cái nước nói phét.

Vũ kể lể :

- Tao thấy dân Hà Nội giết Nhật giữa phố đông người.

Côn hỏi :

- Mày có phiệu không đó ?

Vũ vênh mặt :

- Mày chưa được ở Hà Nội thành ra mày không tin tao. Học sinh trường Bưởi dám vây trường Albert Sarraut đánh tụi Tây chẩy máu mũi. Hà Nội chiến lắm.

Côn bỏ qua chuyện Hà Nội của Vũ. Nó hướng tầm mắt nhìn lá cờ mặt trời chói chang dưới nắng lửa. Giọng nó buồn buồn :

- Tại thầy mình chưa về.

Luyến phân vân :

- Ừ, sao thầy mình chưa về nhỉ ? Thầy mình mà về, cờ Nhật lùn bị hạ tút xuyt.

Long lo ngại :

- Nhỡ mình không thắng Nhật lùn, nó trả thù thì chết hết.

Bốn đứa trẻ nhìn nhau. Chúng cố nhớ hình ảnh những thằng móc túi bị lính Nhật rút kiếm chém đứt bàn tay: những người nghèo, xóm nhà thằng Vọng, ăn trộm

thóc của ngựa Nhật bị treo chân lên cành cây, đầu dốc xuống, chết giẫy giụa, đau đớn. Nhật ác hơn Tây. Nhật giết mẹ con thằng Vọng. Nhật bắt thầy Đàn dời bỏ ngôi trường thị xã. Chẳng biết thầy Đàn có mặt trong một đoàn người áo nâu nào không. Nhưng thằng Vọng thì chết rồi. Nó chết giấm giúi, chết không được nhìn xác mẹ nó.

- Cách mạng thành công muôn năm !

Người mặc quần đùi đeo khẩu mút cơ tông đã tháo súng khỏi vai. Ông ta hô hoán rồi chĩa súng lên trời bóp cò. Súng giật mạnh khiến ông ta ngã bổ chửng. Ông ta đứng ngay dậy, hất đầu :

- Tiến nên !

Đoàn người tay cầm liềm, cầm dao, cầm gậy chạy theo người chỉ huy răng đen đội khăn xếp. Họ hô vang khẩu hiệu đả đảo và múa gậy, máu dao y hệt mọi da đỏ từ các khe núi ào ra tấn công đoàn xe của cao bồi. Những chiếc bùi nhùi ngược gió, cháy bốc khói trông vui mắt đáo để. Bọn thằng Vũ ngạc nhiên thấy đoàn dân quê chạy tiến vào phía trại Nhật. Đã có lệnh đâu ? Chúng nó vội vàng chạy theo.

Lúc ấy, mặt trời đã cao bằng đỉnh đầu. Những đoàn người áo nâu vây chờ khắp lối dẫn tới câu lạc bộ đã đến trước đoàn người ở ngả Vũ Tiên. Lính Nhật chĩa những họng súng máy đen ngòm ra ngoài. Chung quanh sân vận động, lính Nhật dàn hàng, lăm lăm nhả đạn. Hai cổng nhỏ dẫn vào sân vận động, lính Nhật xếp đầy bao tải cát. Trên thềm câu lạc bộ, mấy người sĩ quan đeo kiếm oai vệ.

Quân ta chỉ cách quân Nhật một vệ cỏ và bức tường thấp. Hai bên nhìn nhau căm giận. Mà không nổ súng. Quân ta hô khẩu hiệu. Quân Nhật cười. Một người tức quá, gân cổ chửi :

- Tiên sư Nhật lùn ! Mày dám cười các bố mày à ?

Nhật lùn híp mắt cười thêm. Người khác bắt giọng :

- Này thanh niên ơi, quốc gia đến ngày giải phóng…

Bài hát vừa trỗi dậy đã bị la ó :

- Đừng hát bài đó. Hát bài này. Chú ý, nghe tôi đây : Đoàn quân Việt Nam đi, chung lòng cứu quốc… Một, hai, ba…

Người ta cãi nhau ỏm tỏi về bài hát. Giữa lúc ồn ào xuýt xẩy ra đấm đá thì chiếc ô tô đít vịt xuất hiện. Đoàn

người vây Nhật dạt sang môt bên để xe quan đầu tỉnh đi. Chiếc xe chạy từ từ rồi dừng trước cổng chính. Hai viên sĩ quan Nhật bước xuống, ra tận cổng bắt tay quan đầu tỉnh. Họ vào trong câu lạc bộ. Nửa tiếng sau, quan đầu tỉnh ra cùng với hai viên sĩ quan Nhật và người thông ngôn.

Quan đầu tỉnh giơ cả hai tay lên cao :

- Hỡi quốc dân, Nhật đã đầu hàng trên khắp chiến trường.

Mọi người nhẩy cỡn reo hò. Lính Nhật đứng nghiêm, đầu hơi cúi và không còn cười híp mắt nữa. Họ có vẻ buồn thảm.

- Nước nhà độc lập từ hôm nay. Người Nhật không dám sát hại dân ta nhưng dân ta không được sát hại lính Nhật. Chỉ đồng minh mới có quyền xử họ. Đồng minh sẽ tước khí giới Nhật và bỏ tù họ. Viên chỉ huy Nhật ngỏ ý xin lỗi quốc dân vì đã bắn chết vài người của ta. Bây giờ, họ muốn chúng ta để súng bên ngoài rồi mới được vào sân vận động làm lễ mừng ngày độc lập.

Một người thanh niên tách khỏi đám đông, bước gần cổng, dõng dạc :

- Chúng tôi không chịu bỏ súng bên ngoài.

Quan đầu tỉnh nói :

- Nếu vậy lính Nhật nổ súng và thị xã tan nát. Lính Nhật còn thừa súng đạn đánh nhau cả tháng. Đằng nào họ cũng thua trận rồi, họ tốt với ta nên muốn hòa.

Người thanh niên hỏi :

- Chúng tôi phải được hạ cờ Nhật, kéo cờ Việt Nam.

Quan đầu tỉnh bảo người thông ngôn nói cho viên chỉ huy Nhật nghe. Người thông ngôn nói lại :

- Cờ Nhật trên cờ Việt Nam !

Người thanh niên hằn học :

- Cờ Nhật dưới cờ Việt Nam. Nhật bại trận rồi.

Người thông ngôn nói nhỏ. Viên chỉ huy Nhật lắc đầu, xí xố tiếng Nhật. Người thông ngôn nói :

- Không kéo cờ nước nào cả.

Người thanh niên cương quyết :

- Vậy chúng tôi rút và đánh Nhật từ đêm nay. Chúng tôi sẽ giết hết lính Nhật.

Quan đầu tỉnh và hai viên sĩ quan Nhật lại vào câu lạc bộ bàn bạc. Lát sau, chỉ có quan đầu tỉnh và viên chỉ huy bước ra. Quan đầu tỉnh phấn khởi :

- Nhật bằng lòng hạ cờ để chúng ta kéo cờ Việt Nam. Họ xin chúng ta tôn trọng lời hứa.

Người thanh niên dứt phăng ngực áo. Những chiếc khuy rơi rụng :

- Chúng tôi hứa danh dự.

Viên sĩ quan tuốt kiếm, cúi đầu chào người thanh niên. Lập tức, những lối vào sân vận động được lính Nhật dẹp bỏ bao tải cát. Bên ta dựng hết súng mút cơ tông ở chân tường. Gậy, dao, liềm, súng lục chất đống. Bây giờ, dân thị xã kéo tới rất đông. Đàn ông, đàn bà, trẻ con đều bị lính Nhật xoa nắn khắp mình khám xét xem có đem vũ khí vào không.Nhật đã dở trò phản bội. Lính Nhật vừa khám đàn bà, con gái vừa cười. Ai cũng phải giơ tay cho lính Nhật khám. Lính Nhật chụp ảnh. Người thanh niên nhẩy song phi đá tung máy ảnh của lính Nhật, vồ lấy, tháo phim, lôi ra. Viên chỉ huy hét lớn. Lính Nhật không dám làm gì người thanh niên.

Vũ nhẩy xô lại nắm tay người thanh niên, khen ngợi :

- Anh cừ quá !

Côn nheo mắt :

- Mày còn chê dân Thái Bình nữa không ?

Nó hỏi người thanh niên :

- Tên anh là gì ?

Người thanh niên xoa đầu Côn :

- Huy.

Vũ mở to mắt chiêm ngưỡng người nó mến phục :

- Anh Huy, anh không đeo súng à ?

Huy chỉ ngón tay vào ngực :

- Trái tim mạnh hơn súng.

Anh ta giục bọn Vũ :

- Các em vào dự mít tinh đi.

Lính Nhật vẫn khám xét từng người. Vũ kéo bạn sang bên kia đường. Nó nhặt đá nhét vào túi quần soóc. Côn hỏi :

- Chơi trò gì đây ?

Vũ đáp :

- Xỏ tụi giặc lùn.

Bốn đứa trẻ khuỳnh tay, hiên ngang bước qua cổng. Lính Nhật nắn túi quần chúng. Tưởng tạc đạn, lính Nhật dạt xa, chĩa súng đề phòng. Bọn thằng Vũ giơ tay lên trời. Chờ một tên lính Nhật lôi đá khỏi túi quần, chúng «a ri ga tô» chế nhạo và cười sung sướng. Vũ tưởng nó đã trả thù cho dân thị xã. Chúng nó cắm cổ chạy nhưng còn cố quay lại lè lưỡi chửi gỡ Nhật lùn.

(

124. Con Thúy (Kỳ 3)

Duyên Anh

Chương 3

Bọn thằng Vũ đã lách qua mấy vòng đai người lớn để được nhìn rõ chân cột cờ. Những tên lính Nhật hung ác hôm giỗ tổ Hùng Vương đang đứng nghiêm, hướng về phía mặt trời mọc. Lá cờ Nhật từ từ tụt xuống.Y hệt mặt trời lặn vào buổi chiều. Khi lá cờ được gỡ ra khỏi sợi dây, nước mắt lính Nhật ứa ra, chẩy đầm đìa. Bây giờ, khuôn mặt họ lầm lỳ, buồn thảm. Vẻ hung ác biến mất. Một tiếng cười vang dậy trong đám đông. Lính Nhật hướng mắt tìm nơi có tiếng cười chế nhạo. Nhưng họ cúi đầu. Họ đã là những kẻ bại trận. Mười một người cùng nâng niu lá cờ Mặt Trời, xoay lưng lại và bước nhanh trả giây phút vinh quang cho dân Việt Nam.

Anh Huy phóng nhanh tới cột cờ. Hai bàn tay nắm chặt hai sợi dây. Gió bỗng thổi mạnh.Tóc anh Huy lộng bay. Anh hét vang :

- Giờ lịch sử đã điểm, chúng ta kéo cờ và tung hô Việt Nam vạn tuế !

Anh Huy lôi từ túi quân tây ra một lá cờ vàng. Rất nhanh nhẹn, anh khiẽng chân giơ cao cho mọi người nom thấy.

- Hỡi quốc dân, đây là quốc kỳ Việt Nam !

Anh Huy chưa kịp buộc cờ vào dây thì hàng chục người áo nâu đã ào ra, đẩy anh ngã chúi. Họ móc lá cờ đỏ giấu trong ngực, buộc vội vàng rồi kéo lên. Lá cờ đỏ bay phần phật. Dưới nắng trưa, lá cờ chói chang, ngạo nghễ. Cả thị xã ngước nhìn lá cờ đỏ. Một người áo nâu đeo súng lục hô khẩu hiệu :

- Cách mạng thành công muôn năm !

Thoạt đầu, chỉ độ vài chục người hô muôn năm. Dần dần, cả thị xã reo hò muôn năm.

- Cách mạng thành công muôn năm !

- Muôn năm !

Người áo nâu đeo súng lục được năm người khác chụm lại để anh ta đứng trên vai. Dân thị xã vỗ tay bravo ầm ỹ. Vũ không hiểu tại sao anh Huy, người dám phanh ngực thách kiếm Nhật, người bảo trái tim mạnh hơn súng, người làm Vũ mến phục và làm Côn hãnh diện là dân Thái Bình lại bị đẩy ngã ? Hai cánh tay anh

đang bị hai bàn chân đè chặt. Một người nằm trên lưng anh, tay dúi đầu anh không cho ngóc lên.

Vũ bấm Côn :

- Họ bắt nạt anh Huy, mày biết tại sao không ?

Côn chớp mắt :

- Tao không biết.

Vũ liếm môi :

- Anh Huy chống giặc lùn mà…

Côn gật đầu :

- Ừ, anh ấy kền lắm.

Hai đứa trẻ đang phân vân thì người áo nâu đeo súng lục đứng trên kiệu người đã oang oang nói :

- Hỡi quốc dân đồng bào, đây là tiếng nói của cách mạng. Cờ cách mạng tô bằng máu của các chiến sĩ Bắc Sơn, Đô Lương, Thái Nguyên.Cờ vàng không phải cờ cách mạng diệt phát xít.Chỉ cờ đỏ mới là cờ của cách mạng đánh Tây, đuổi Nhật, giành độc lập.

Người áo nâu giơ tay lên :

- Cách mạng thành công muôn năm !

Dân thị xã reo hò :

- Muôn năm !

- Việt Nam độc lập muôn năm !

- Muôn năm !

Chờ cơn sóng reo hò lắng lại, người áo nâu nghiến răng, cắn môi dưới, hai tay dang rộng :

- Ai chống cách mạng là theo bọn phản động.

Người này hô lớn :

- Đả đảo bè lũ phản động liếm gót giầy thực dân và phát xít.

Đợt sóng cuộn lên :

- Đả đảo !

Không ai cần biết người thanh niên phanh ngực đứng hiên ngang thách thức với kiếm Nhật. Cũng chẳng ai tìm hiểu tại sao anh ta đã bị xô ngã và kìm giữ, trừ thằng Vũ và thằng Côn. Dân thị xã đã nhập vào cuộc chơi

lớn.Tất cả vui mừng, hớn hở như trẻ con trong cuộc chơi cướp cờ. Trong cuộc chơi này, ai nhanh chân, mưu mẹo, cướp được cờ chạy về bên mình là người ấy được vỗ tay, khen ngợi. Kẻ thua cuộc luôn luôn là kẻ chụp hụt lá cờ hay chụp cờ rồi mà bị đuổI theo xô ngã khi chưa về đến đích.

Người áo nâu đeo súng lục rút khẩu súng khỏi bao da :

- Phát xít Nhật không dám động tới người cách mạng. Tôi thách phát xít Nhật tước súng của tôi. Chúng lại gần, tôi sẽ bắn chết hết.

Dân thị xã nhìn người áo nâu bằng đôi mắt cảm phục. Luyến thích chí :

- Cừ ghê !

Và biển sóng cổ võ người áo nâu dâng lên ào ạt. Vũ hỏi Côn :

- Mày có tin không ?

Côn nói :

- Tin chứ. Nhật đếch dám khám ông ta là ông ta kền rồi.

Hai đứa quên mất anh Huy, quên mất người thanh niên mà chúng ngờ rằng bị bắt nạt. Chúng hướng tầm mắt nhìn người áo nâu đang hãnh diện khẩu súng lục trong tay mình.

- Đồng bào sửa soạn làm lễ chào cờ mừng ngày cách mạng thành công.Tôi hô «nghiêm», đồng bào đứng nghiêm, ngước mắt lên lá cờ. Chú ý, tôi sẽ bắn phát súng.

Người áo nâu hắng giọng :

- Nghiêm, chào cờ… chào !

Khẩu súng giơ lên trời. Bóp cò. Bóp mãi mà súng không nổ. Một chuỗi cười giòn tan trong sự im lặng. Người áo nâu giận dữ :

- Ai cười cách mạng là phản động. Hát đi, các đồng chí ! Hát bài chào cờ…

Bài hát khởi sự : «Đoàn quân Việt Nam đi, chung lòng cứu quốc, bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa…» Vẫn chừng vài chục giọng hát. Người áo nâu giục :

- Đồng bào hát to lên !

Nhưng dân thị xã không ai thuộc bài hát mới. Người áo nâu hất tay :

- Thôi.

Bài chào cờ dang dở.Anh Huy không còn bị kìm giữ nữa. Người áo nâu cười sung sướng và gây sóng gió :

- Cách mạng thành công muôn năm !

- Muôn năm…

- Việt Nam độc lập muôn năm !

- Muôn năm !

Người áo nâu nhẩy xuống sân cỏ. Đoàn quân cách mạng dẫn đầu, theo sau là dân thị xã, kéo nhau dời khỏi sân vận động. Lúc ấy đã quá hai giờ trưa. Lính khố xanh xô nhau nhặt súng dựng ngoài tường sân vận động. Những người khác lượm dao, liềm, gậy, bùi nhùi, cãi nhau chí chóe. Rồi cái đám đông hỗn loạn đi tuần hành khắp các phố thị xã. Hai tiếng muôn năm và muôn lăm cơ hồ sấm sét nổ vang trong một trận mưa lớn.

Tới một con phố nhỏ. Vũ và Côn thấy anh Huy thất thểu tách rời đám đông. Hai đứa chạy ra. Vũ nắm tay anh Huy :

- Anh ơi, phản động là gì ?

Anh Huy buồn bã xoa đầu Vũ :

- Lớn khôn em sẽ biết kẻ phản động.

Côn hỏi :

- Còn đồng chí là gì hở, anh ?

Anh Huy cười gượng :

- Là anh em mình.

Anh giục hai đứa :

- Thôi, các em đi chơi cho vui.

Vũ và Côn lại nhập vào đám đông để được hò hét muôn năm. Chúng nó không đói. Cũng chẳng ai buồn đói. Cách mạng làm no mọi người trong ngày hôm nay. Đi hết một vòng thị xã, mạnh ai về nhà người ấy.Và thế là cách mạng đã thành công.

125. Con Thúy (Kỳ 4)

Duyên Anh

Chương 4

Buổi tối, dưới chân những cột đèn ngã tư, trẻ con các khu phố tụ họp, để tập hát những bài hát mới. Vũ đã trở thành trưởng đoàn nhi đồng, chỉ huy hết nhãi con từ đầu phố Lý Thường Kiệt xuống tận cầu Kiến Xương. Nhờ Vũ thổi ác mô ni ca giỏi và thuộc lòng mấy bài Tiến quân ca, Đuốc gươm thiêng, Nhanh bước nhanh nhi đồng. Vũ, Côn, Luyến, Long và Lộc đi tập hát trên phố chính mấy hôm liền. Những đứa trẻ, tưởng đã bước hẳn ra khỏi ngưỡng cửa hồn nhiên, lại co chân về với năm tháng cũ. Không phải chỉ riêng bọn thằng Vũ bé bỏng như xưa mà cả thị xã trẻ trung, vui nhộn. Cách mạng làm mọi người rộn ràng, hớn hở.

Vũ kiễng chân, ba hoa :

- Tao thổi ác mô ni ca một lần thật chậm, chúng mày nghe kỹ nhé !

Bọn trẻ con nhao nhao hỏi :

- Đánh tông không ?

Vũ lắc đầu. Nó lướt cái kèn thật nhanh qua môi hai ba lần. Rồi, chân đập nhịp, miệng thổi chậm bài Nhanh bước nhanh nhi đồng. Bọn trẻ con im lặng nghe tiếng kèn ác mô ni ca của Vũ. Thổi dứt một lần, Vũ vẩy kèn và nói :

- Giờ năm đứa tao hát.

Vũ, Côn, Luyến, Long và Lộc cất giọng :

Nhanh bước nhanh nhi đồng
Kìa lời gió ngàn
Kìa lời sông núi
Kìa lời gió ngàn
Kìa lời sông núi
Nhắc nhở em rằng tuy mình đang còn thơ ấu
Nhưng nhất tâm trật tự vâng lời vâng lời người trên.
Tập tành sao thân hình em được nở nang
Trở nên sau này anh tài hiên ngang
Ơn nước non em nguyền dám đâu sao rời
Em trọn đời trung với Việt Nam…

Bọn trẻ vỗ tay, bravo. Vũ vênh váo :

- Đừng bravo nữa, ta độc lập rồi, hoan hô chứ không bravo.

Mấy anh dạy bọn Vũ hát đã bảo Vũ thế. Và Vũ hãnh diện nói cho bọn nhi đồng khu cầu Kiến Xương biết. Nó lại lướt kèn nhanh qua môi như tiếng gió lướt qua bụi tre.

- Tao thổi kèn một câu, chúng mày hát một câu nhé !

Bọn trẻ con làm theo lời Vũ. Khắp đường phố thị xã, chỗ nào có ngã tư là chỗ ấy có trẻ con tụ tập ca hát. Tiếng hát bay lên, lan tỏa khắp vùng trời tỉnh lỵ. Chưa bao giờ thị xã vui đến thế. Đèn đường sáng rực. Tiếng hát càng lớn, đèn đường càng sáng. Thị xã không muốn ngủ. Trẻ, già, lớn, bé đổ xô ra phố. Tương lai vàng đồng lúa chín. Người ta quên hẳn mực nước sông Trà Lý dâng cao một cách đáng lo ngại. Mọi năm, vào tháng này, dân thị xã thay phiên nhau, ngày đêm, đo mực nước lên xuống ở cái thước dài cắm dưới lòng sông Trà. Và cầu Bo là nơi quyến rũ nhất. Nhiều người mang chiếu trải trên con đê xi măng hay hai bên hành lang cầu vừa ngủ vừa lô đê vỡ. Năm nay, chẳng ai thiết nghĩ chuyện đê điều. Tiếng trống hộ đê từ những làng xóm bên kia sông đã lơ là. Hoặc tiếng trống ngũ liên bàng hoàng, hồi hộp, thấp thỏm như tiếng trái tim nông dân đập mùa nước lũ đã bị tiếng hát trong mùa cách mạng át đi. Cũng chẳng còn ai suy luận điềm gở của nhãn được mùa. Nhãn được mùa là đê vỡ.

- Thôi, thuộc rồi. Chúng ta hát từ đầu chí cuối. Tao thổi kèn theo.

Vũ bắt nhịp :

- Nhanh bước nhanh nhi đồng… Một, hai, ba…

Bọn trẻ đồng ca :

… Nhưng nhất tâm trật tự vâng lời vâng lời người trên.
Tập tành sao thân hình em được nở nang.
Trở nên sau này anh tài hiên ngang.
Ơn nước non em nguyền dám đâu sao rời.
Em trọn đời trung với Việt Nam…

Bẩy tiếng «Em trọn đời trung với Việt Nam», bọn nhi đồng hát rõ từng tiếng và hét thật lớn. Vũ hài lòng. Nó nói :

- Nhi đồng cầu Kiến Xương phải chiến. Học thêm bài Đời sống mới nhé ?

Bọn trẻ reo hò :

- Học tới sáng mai luôn.

Vũ dạo kèn rồi xô lô :

Đây trời Việt Nam ngàn xưa tươi sáng
Muôn thanh niên hy sinh đấu tranh vì non nước
Đây trời Việt Nam ngàn năm anh dũng
Muôn thanh niên khang cường chí trai không sờn
Hồn Việt Nam ngàn năm quyết không mờ
Hồn Việt Nam muôn năm sáng soi
Người Việt Nam ngàn năm quyết không lùi
Người Việt Nam đấu tranh muôn đời
Đời sống mới
Người Việt Nam mới
Thanh niên hy sinh máu xương vì sông núi
Đời sống mới
Người Việt Nam mới
Xây núi sông bằng máu người Việt Nam…

Nhi đồng cầu Kiến Xương chiến thật. Chúng thuộc rất mau và hát đúng điệu kèn ác mô ni ca của Vũ. Con nhà Vũ phấn khởi :

- Chúng ta là người Việt Nam mới.

Bọn trẻ giơ tay, nhẩy cỡn :

- Đời sống mới… mới, mới… Người Việt Nam mới… mới, mới…

Đời sống mới đến với chúng nó từ mấy hôm nay bằng những bài hát, những khẩu hiệu đầy tiếng mới, khó hiểu. Nhưng chúng nó không cần hiểu. Chúng nó chỉ cần vui. Và đời sống mới quả đã làm chúng nó vui thật sự. Chúng nó bỏ học, bỏ cơm đi tập hát và đi chơi suốt ngày, không bị cha mẹ mắng mỏ. Đời sống mới còn làm chúng nó quên hết trò chơi cũ. Bơi lội, câu cá, đá bóng, đánh nhau không quyến rũ nổi chúng nó nữa. Chúng đã nhập cuộc chơi cùng người lớn. Người lớn thù Tây, ghét Nhật, hoan hô cách mạng thành công thì chúng nó cũng thù Tây ghét Nhật, hoan hô cách mạng thành công. Cách mạng dưới mắt chúng, nhật định không giống cách mạng dưới mắt và trong ý nghĩ của người lớn.

- Chúng mày thù Nhật lùn không ?

- Thù.

- Đả đảo Nhật lùn !

- Đả đảo…

Vũ cao hứng :

- Mẹ bố Nhật lùn !

Một thằng hỏi :

- Hô thế nào ?

Vũ cười :

- Không hô khẩu hiệu này.

Nó vẩy kèn lia lịa. Rồi thổi bài «Tiếng gọi sinh viên». Côn, Luyến, Long, Lộc hát :

Này công dân ơi
Nhớ chăng những ngày năm ấy
Giặc lùn tràn sang ngang nhiên rút bòn xương máu
Hàng muôn dân chết oan
Hàng trăm nơi phá tan
Từ Đông, Tây, Bắc, Nam
Lời kêu van ngút ngàn
Đòi thu đay gai đòi thu thóc
Đòi đánh thuế má đòi phu lính
Rồi đến bắt bớ giết người dã man
Làm cho dân ta đủ bề điêu đứng
Đời sống quá khốn đốn nào ai biết chăng
Đây giống nòi siết rên dưới gót quân thù
Công dân ơi
Mau đứng lên giết Nhật
Công dân ơi

Mau cùng nhau sẵn sàng
Tiến lên đều tiến, dắt tay đồng tâm trừ giống giặc lùn.

Côn nhẩy cao :

- Đả đảo Nhật lùn !

Bọn trẻ nhẩy theo :

- Đả đảo…

Rồi chúng đòi học bài hát này. Quá nửa đêm, nhi đồng cầu Kiến Xương mới giải tán. Vũ chia tay bọn thằng Côn. Lúc đứng trước của nhà mình, con nhà Côn mới thấy cách mạng thiếu một cái gì. Và Vũ chợt nhớ ra ngay. Đó là con Thúy. Chả biết con Thúy đã làm gì mấy hôm nay. Vũ lẩm bẩm : Mai mình đến xem sao. Trái tim Vũ xốn xang. Nó đập cửa thình thình.Thị xã chưa dứt tiếng hát.

126. Con Thúy (Kỳ 5)

Duyên Anh

Chương 5

Con Thúy chưa hề biết dân thị xã phất cờ tổng khởi nghĩa. Mấy hôm rầy nó sưng quai bị phải nằm trong buồng đóng kín cửa sổ. Thúy buồn lắm. Nó ngủ miên man nhờ giọng hót của chim khuyên và chim cu gáy. Thúy bắt mẹ treo cả hai chiếc lồng chim, của Hội và của Côn cho nó, ở cửa sổ. Khi thức giấc, nếu chim ngại hót, Thúy chỉ còn được nghe những bước chân hối hả chạy ngoài đường cùng những tiếng cười, tiếng nói rộn rã. Thúy không hiểu có chuyện gì mà thị xã vui thế. Nhưng nó tưởng tượng thằng Vũ đang đùa nghịch với bạn bè.

Thúy giận Vũ lắm. Thằng Vũ làm bộ ghê. Từ hôm về Thái Bình, Vũ chả thèm tới nhà con Thúy. Vũ thù dai kinh khủng. Thù cả một năm học. Thúy đã định nếu Vũ tới chơi với Thúy, con bé sẽ xin lỗi Vũ cái tội bảo Vũ cướp lồng chim của thằng Hội. Thúy sẽ nói Thúy vẫn thích Vũ, thích Vũ hơn cả thằng Côn, thích Vũ nhất trên đời. Giận Vũ chán rồi, Thúy đâm ra giận Côn. Chắc thằng Côn không nhắn giùm Thúy bảo Vũ lại chơi đây. Thúy nghĩ thầm, hễ gặp Vũ ở nhà mình, Thúy sẽ trách

Vũ một trận.

Thúy đâu biết rằng Vũ đã nhớ Thúy như ngày nào năm ngoái nó nhớ Thúy. Nằm mơ chỉ thấy con Thúy dù con Thúy biến thành con nhặng hay mụ phù thủy Phi Châu. Buổi sáng hôm nay là buổi sáng đầu tiên nhi đồng thị xã dậy sớm, chạy một vòng để đến sân vận động tập thể dục. Vũ cởi trần, mặc mỗi cái quần đùi xanh lơ chờ bạn bè ở đầu phố. Chiếc còi xâu vào sợi dây quàng qua cổ, lúc lắc trước ngực Vũ. Trông nó y hệt thủ quân đội bóng rổ trường Tầu. Vũ đi đôi giầy ba ta trắng. Con nhà Vũ dặn Luyến từ tối qua là khi nào dừng lại, Luyến sẽ réo tên Vũ ầm ỹ. Luyến không hỏi tại sao.

Bọn nhi đồng cầu Kiến Xương đã tập họp đông đủ chờ còi giờ của thị xã ré lên. Bây giờ, ngoài còi trưa, còn thêm còi tập thể dục sáu giờ. Nghe còi sáu giờ, cả thị xã đều thức, chạy ra đường, nhập vào đám đông, chạy khắp phố hô khẩu hiệu «Khỏe Vì Nước» để đánh thức những người ngủ mê. Còi đã ré. Tiếng còi làm khô sương sớm, làm tỉnh những thằng bé ngái ngủ. Vũ rít hồi còi của nó rồi chạy dẫn đầu.

Vũ không muốn nối đuôi người lớn. Nó chạy rẽ sang phố nhà con Thúy. Đến trước cửa nhà Thúy, Vũ dừng lại. Luyến chợt nhớ lời dặn dò của Vũ, gọi ơi ới :

- Ê, Vũ ơi, Vũ…

Con nhà Vũ lớn tiếng :

- Tao đây. Côn, Luyến, Lộc, Long thuộc bài «Khỏe Vì Nước» chưa.

Lộc nói oang oang :

- Thuộc như cháo :

Vũ hét «Khỏe Vì Nước». Bọn nhãi giơ tay hét theo rất đều đặn và ngắt riêng từng tiếng. Khu phố ầm vang. Nhiều cánh cửa mở ra. Và cánh cửa sổ phòng con Thúy cũng hé mở. Trời chưa sáng tỏ. Qua ánh sáng mờ mờ, đôi mắt trong suốt của con Thúy vẫn nhận ra thằng Vũ. Giọng nói ấy, giọng nói thằng Vũ đó mà, con Thúy nghe quen quá rồi. Thúy hé thêm cánh cửa một chút. Nó bám chặt hai bàn tay vào chấn song sắt, sợ ngã.

- Khỏe vì nước kiến thiết quốc gia… Một, hai, ba…

Tiếng hát trỗi dậy :

… Đoàn thanh niên ta góp tài ba.
Tạo quyền dân sinh mới,
hùng mạnh trong nam giới,
hợp lực xây hưng thạnh chung nước Nam.
Thanh niên ơi, hồn thiêng núi sông đợi chờ.

Nơi tay ta toàn dân ngóng trông từng giờ.
Mang máu anh hùng ta đừng làm nhơ máu anh hùng…

Bản nhạc hùng mạnh vừa dứt, Vũ ra lệnh :

- Khỏe… Vì… Nước… một trăm lần.

Bọn nhi đồng hăng hái tuân lệnh Vũ :

- Khỏe.. Vì… Nước… Khỏe… Vì… Nước… Khỏe… Vì… Nước…

Một đứa hứng chí hát láo :

- Khỏe vì nước bánh đúc riêu cua. Đoàn thanh niên ta góp tiền mua…

Cả bọn cười ầm ỹ. Thúy cũng mỉm cười. Nhưng con bé vội nhăn nhó vì nụ cười đã làm má nó đau. Vũ rít hồi còi, hô hoán :

- Trật tự, trật tự !

Lại một nhi đồng nghịch ngợm :

- Trật tự là cái gì hở, Vũ ?

Vũ giải nghĩa :

- Trật tự là đừng cười nữa.

Nó hướng mặt vào nhà con Thúy :

- Mai chúng ta lại đến đây nhé !

Rồi nó rít còi, chạy dẫn đầu. Côn không hiểu gì cả. Làm sao Côn láu lỉnh hơn Vũ được ? Bọn trẻ chạy tới sân vận động tập thể dục và bơi lội. Chúng nó say sưa tập, say sưa bơi. Vì chúng nó mơ hồ thấy ý nghĩa của kiến thiết quốc gia. Song vẫn đùa nghịch. Luyến đứng trên cái pờ lông dzoa nhún nhẩy và giơ tay dõng dạc :

- Khỏe… Vì… Nước…

Rồi pờ lông dzông xuống hồ tắm. Côn bơi thi với Long và Lộc. Còn Vũ ngồi trên bờ xi măng, nhúng cả đôi giầy sũng nước, tưởng tượng con Thúy đã thấy nó lúc nãy. Chẳng hiểu con Thúy có thấy Vũ không ? Và thấy Vũ, con Thúy có mừng không nhỉ ? Nhỡ nó cười mình thì nguy quá. Vũ lại không muốn Thúy thấy nó chỉ huy bọn nhi đồng cầu Kiến Xương nữa. Nhưng Vũ tin rằng con Thúy chả nỡ cười nó. Thằng Côn mấy lần bảo Vũ là con Thúy thích chơi với Vũ lắm. Côn chẳng nói dối Vũ bao giờ. Khi Côn nói, Côn buồn buồn như thể Côn lo lắng Thúy không thèm chơi với Côn. Giá Vũ biết Thúy đã thức trước giờ Vũ dẫn bọn nhi đồng cầu Kiến Xương đến làm rộn ràng trước cửa nhà Thúy

khiến Thúy phải khó nhọc bước khỏi giường, ra cửa sổ hé mở nhìn Vũ cử động, nghe Vũ hò hét, chắc con nhà Vũ đã nhẩy xuống hồ, bơi chó cho nước bắn tung tóe mà sung sướng.

- Vũ ơi !

- Gì ?

- Mày không bơi à ?

- Không.

- Mày thộn mặt nghĩ cái gì đó ?

Vũ co chân lên thành hồ. Nước từ đôi giầy chẩy lách tách. Vũ đứng dậy :

- Mày bảo chúng nó về đi, tao chờ ngoài cổng sân nhé, Luyến nhé !

Vũ lầm lũi bước. Đôi giầy ọc ạch nước. Nắng đã lên. Cái gì đó, cái mà Luyến hỏi Vũ nghĩ gì, cũng đã lên trong tâm hồn Vũ. Cái gì đó là mặt trời Thúy. Song Vũ không hiểu, Vũ chưa hiểu xa xôi. Mặt trời Thúy đã mọc ở phương cửa sổ nhà Thúy tự lúc Vũ đến. Mặt trời Thúy lặn ngay khi Vũ bỏ đi. Và, bây giờ, mặt trời đắp chăn trên giường bệnh. Mặt trời nao nao. Mặt trời xao

xuyến. Nhớ Vũ. Chỉ nhớ Vũ. Mặt trời mong chờ «sáng mai chúng ta lại đến đây nhé». Mặt trời tương tư tiếng hát mới.

127. Con Thúy (Kỳ 6)

Duyên Anh

Chương 6

Giấc ngủ trưa thật ngắn. Vũ định tắm gội xong sẽ mang tặng Thúy ít hình đề can cô ma mi mà Vũ mua ở Hà Nội, chắc Thúy sẽ thích. Nhưng chưa bước khỏi giường, tiếng mi cô rè rè đã léo nhéo trước cửa :

- Đồng bao thân mến, phát xít Nhật vừa đánh vỡ đầu một cụ già của chúng ta ở bên kia cầu Bo. Cụ già sắp chết. Yêu cầu đồng bào đi biểu tình đả đảo phát xít Nhật để trả thù cho cụ già của chúng ta. Chú ý, chú ý… Đồng bào thân mến, phát xít Nhật…

Vũ vùng dậy, chụp khẩu súng và cái còi nhét vào túi quần xoóc rồi mở cửa chạy ra đầu phố. Côn, Luyến, Long, Lộc đã đứng chờ dưới cột điện. Một lát, nhi đồng cầu Kiến Xương ào ào kéo tới. Ở các phố khác, thanh niên, phụ nữ, nhi đồng cũng đã đổ xô ra đường. Tất cả đều háo hức trả thù Nhật. Thị xã không còn bình thản như xưa. Luôn náo nhiệt. Ngày và đêm. Ngày mít tinh, biểu tình. Đêm ca hát, hội họp. Không ai hướng dẫn ai cả. Mạnh người nào người ấy tụ tập một nhóm đông để biểu dương lòng yêu nước. Chẳng ai xúi giục bọn thằng

Vũ. Tự chúng nó, chúng nó quyến rũ hết nhi đồng cầu Kiến Xương.

- Nhi đồng cầu Kiến Xương phải chiến nhất tỉnh. Chúng mày mua kẹo chưa ?

- Mua rồi.

- Kẹo đựng trong súng thủy tinh chứ ?

- Ừ.

- Ăn hết kẹo chưa ?

- Rồi.

- Đổ nước vào súng, lấy nút li-e đút kín chưa ?

- Rồi.

- Chiến lắm. Bỏ áo vào quần rồi giắt súng trước bụng. Nhật lùn sẽ lác mắt.

Ba mươi ông nhãi, võ trang súng lục thủy tinh đầy nước lã, nhét trước bụng, hiên ngang đi biểu tình phản đối Nhật lùn. Đoàn người dài nửa cây số tuần hành từ đầu cầu Bo, vừa đi vừa hô các khẩu hiệu đã hô từ hôm cách mạng thành công. Những khẩu hiệu cũ rích mà ai cũng tưởng còn mới tinh. Nhi đồng cầu Kiến Xương đi

sau rốt. Đến câu lạc bộ, đoàn biểu tình dừng lại, hướng mặt vào, hô các khẩu hiệu đả đảo Nhật rồi hát lớn bài «Diệt phát xít».

Việt Nam, bao năm ròng rên siết lầm than
Dưới ách quân tham tàn đế quốc sài lang
Loài phát xít cướp thóc lúa, cướp đời sống dân mình
Nào nhà tù nào trại giam biết bao nhiêu nhục hình
Đồng bào tuốt gươm vung lên
Đã tới ngày trả mối thù chung…

Lính Nhật đứng bên trong tường sân vận động nhe răng cười. Đoàn biểu tình bỏ đi. Nhi đồng cầu Kiến Xương ở lại, bài hát :

- Này công dân ơi, nhớ chăng những ngày năm ấy. Giặc lùn tràn sang ngang nhiên rút bòn xương máu…

Tới câu chót :

- … Dắt tay đồng tâm trừ giống giặc lùn…

Ba mươi ông nhãi nhất loại rút súng lục thủy tinh đạn nước, chĩa vào câu lạc bộ. Nhiều đứa rút súng mạnh quá, nút li e bật ra, nước chảy văng tóe. Nhưng lính Nhật không cười. Lính Nhật mở to mắt một mí nhìn bọn thằng Vũ. Vài tên quen mặt Côn, Luyến, Lộc, Long, ném kẹo ra đường. Bọn thằng Vũ nghiến răng giẫm nát

kẹo Nhật quăng. Rồi bỏ đi, Vũ ngoái lại :

- Sư bố Nhật lùn !

Nhi đồng quen miệng, hô luôn :

- Sư bố…

Vũ dẫn nhi đồng cầu Kiến Xương tới Vọng Cung. Ở đây, đoàn biểu tình tụ họp đông đúc. Người nọ kháo người kia sắp xử tử Việt gian. Côn nhẩy cỡn :

- Sắp xử tử Việt gian !

Tiếng mi cô rè léo nhéo :

- Cách mạng sắp xử tử thằng Ban, Việt gian, tay sai của phát xít Nhật !

Côn mừng rỡ :

- Đáng đời «thằng» Ban. Ai bảo nó đánh anh Đạo.

Côn chợt nhớ hình ảnh đau đớn hôm giỗ tổ Hùng Vương năm ngoái. Anh Đạo bị lính Nhật giáng báng súng vào mặt, máu chảy ứa ra chỉ vì anh dám nhổ nước bọt vào mặt thằng Việt gian Ban. Không biết anh Đạo còn sống không. Chắc anh Đạo đã chết. Nhưng thầy Đàn sao chưa về, sao chưa thấy thầy ở Thái Bình ?

- Thằng Ban bị bịt mắt, trói tay dẫn tới kia kìa…

Bọn thằng Vũ bỏ rơi nhi đồng khu cầu Kiến Xương. Năm đứa lách đám đông để vào nhìn rõ mặt. Việt gian Ban. Ông ta bị trói chặt cánh khuỷu. Quần áo lếch thếch, chân không, đầu tóc bơ phờ mặt tái mét. Ông ta quỳ gối, lưng dựa vào tường cổng Vọng Cung. Ông chủ tịch tỉnh đọc bản án xử tử, kể hết tội «liếm gót giầy phát xít Nhật» của ông Ban. Ông ta còn nói ông Ban trốn ở đâu và bị cô đầu Vũ Tiên chỉ chỗ trốn. Nói một hơi dài, ông chủ tịch hỏi :

- Đồng bào bằng lòng xử tử tên Việt gian này không ?

Cô đầu Vũ Tiên hò hét :

- Bằng lòng.

Ông chủ tịch hỏi :

- Tại sao đồng bào thích xử tử tên Ban ?

Một cô đầu già đáp :

- Nó đã hát quỵt còn đánh đập chị em.

Ông chủ tịch nói :

- Vậy giết nó.

Cô đầu hoan hô nồng nhiệt. Rồi dân thị xã hoan hô theo. Ông Ban được nâng dậy. Nhưng ông sợ quá, vừa đứng đã quỵ ngã.

Người ta lại nâng ông dậy. Ông lại quỵ. Cuối cùng, người ta phải tìm cái ghế, bắt ông Ban ngồi. Ông Ban khóc lóc, van xin. Dân thị xã cười đùa, chế nhạo ông. Một cô đầu xỉa nói :

- Dạo nọ mày cậy thế Nhật mày bắt nạt các bà, mày không khóc. Tại sao bây giờ mày khóc ?

Một cô đầu khác thích chí :

- Thằng Việt gian… tè ra quần !

Dân thị xã mở căng mắt nhìn tử tội. Ông Ban ngồi trên ghế dựa, đầu ngoẹo một bên. Nước mắt đầm đìa ở khuôn mặt tái xanh. Côn không còn nhớ hình ảnh anh Đạo trong ngày giỗ tổ Hùng Vương nữa. Côn cũng không thể mường tượng đôi mắt long lanh thù giận của ông Ban khi ông bị anh Đạo nhổ nước miếng trúng mặt. Nó quên luôn cái bánh súng lính Nhật đánh vỡ má anh Đạo. Côn chỉ nghĩ đến những giọt nước mắt của ông Ban. Ông ấy ngồi kia, thảm não như một cao bồi bị trói dộng đầu chờ mọi da đỏ lột da.

Côn níu vai Vũ :

- Ông Ban sắp chết rồi…

Vũ nói :

- Ừ, ông ấy sắp chết.Tao không ghét ông Ban nữa. Tao muốn bỏ tù ông Ban thôi.

Luyến lắc đầu :

- Tao về đây, tao sợ xem xử tử lắm.

Luyến lách đám đông, bỏ về. Long và Lộc theo Luyến. Ông chủ tịch bước gần chỗ ông Ban, ngoảnh mặt ra đám đông :

- Đồng bào có xin khoan hồng cho thằng Ban không?

Cô đầu Vũ Tiên nhao nhao giơ tay :

- Không.

Không khí cuồng loạn lúc đầu đã lắng đọng. Dân thị xã im lặng, hết cười cợt, reo hò. Ông chủ tịch hỏi tử tội :

- Ban, anh muốn nói gì thì nói đi !

Tự nhiên, ông Ban đứng lên. Ông đòi tháo miếng vải bịt mắt ông. Người ta chiều ông, tháo miếng vải. Ông

Ban trừng mắt ngó đám đông.Nhiều người sợ ông Ban hóa thành ma trả thù, quay đi chỗ khác.

- Bịt mắt nó lại !

Người ta lại bịt mắt ông Ban. Hai người lính khố xanh cũ, bây giờ là quân Việt Minh, mặc quần áo nâu, xách hai khẩu mút cơ tông, đứng trước mặt ông Ban, cách chừng ba mươi thước. Đám đông hai bên, dạt xuống một phía, sau lưng hai người lính, sợ đạn lạc. Súng đã nạp đạn sẵn. Hai người lính, quỳ gối trên mặt đường, súng đặt ngang vai, nhắm đích. Ông chủ tịch hằn học :

- Giờ đến tội phản quốc của Việt gian đã điểm !

Ông chủ tịch tỉnh Thái Bình vung tay. Hai phát súng nổ chói tai. Ông Ban vẫn đứng sừng sững. Côn và Vũ nhắm mắt trước khi súng nổ. Chúng nó tưởng ông Ban trúng đạn ngã rồi. Nhưng ông Ban chưa trúng đạn. Côn lẩm bẩm «Lính khố xanh bắn như củ thìu biu». Hai ông cách mạng lên đạn lách cách. Hai cái vỏ đạn rơi xuống đường nhựa kêu leng keng.Tử tội thản nhiên như không biết chuyện gì.

Côn đập vai Vũ :

- Ông Ban can đảm ghê !

Vũ nhăn nhó :

- Ông ấy sợ quá chết đứng rồi.

Hai phát súng thứ nhì nổ tiếp. Không trúng. Cô đầu cười khanh khách, bình phẩm :

- Lính khố xanh lười tập bắn bia nên bắn sai hết.

Ông chủ tịch giậm chân :

- Ai còn gọi quân cách mạng là lính khố xanh sẽ bị xử tử.

Bọn cô đầu Vũ Tiên nín thinh. Hai ông cách mạng xấu hổ, đứng dậy, tiến tới thật gần tử tội. Lần này, hai ông bắn đứng. Đạn trúng bụng ông Ban. Ông ta kêu «ối» một tiếng rồi ngã lăn, giẫy giụa. Hai ông cách mạng mừng rỡ, cắp súng vào nách, chìa tay bắt tay nhau. Tử tội vừa lăn vừa hét y hệt con lợn bị chọc tiết, y hệt con gà cắt cổ chưa chết hẳn. Côn đã thấy bao nhiêu người chết đói dưới gầm cầu Bo. Nó đã gớm ghiếc song không gớm ghiếc bằng cái chết của ông Ban. Côn nhắm mắt, thề sẽ không nhìn ông Ban vật vã, giẫy giụa. Nó bịt chặt tai để khỏi nghe ông Ban rống lên những tiếng thảm thiết.

Thằng Vũ nhiều lần phiệu rằng, ở Hà Nội, nó đã thấy dân Hà Nội giết Nhật lùn giữa phố. Vũ chỉ được cái nước nói phét, trộ bạn bè. Chứ, nó cũng chưa hề trông rõ cảnh tượng người giết người.

Nhưng Vũ không nhắm mắt, không bịt tai. Hai ông cách mạng chúc mũi súng hai bên mang tai ông Ban. Đạn nổ. Ông Ban hết giẫy, hết hét. Máu và óc ông văng ra, dính lên cả tường Vọng Cung. Ông Ban đã chết thật. Dân thị xã tự ý giải tán, chẳng chịu ở lại hoan hô cách mạng thành công. Bọn nhi đồng cầu Kiến Xương biến mất từ nãy.

Vũ và Côn nhìn nhau.Tự dưng, nước mắt hai đứa ứa ra. Sau lưng chúng nó, một khoảng đất mênh mông. Ông Ban nằm chết cùng với những người còn sống hoan hô cách mạng. Vũ rút khẩu súng thủy tinh ném trúng cột điện. Tiếng vỡ nghe buồn buồn.

128. Dzũng Dakao (1)

Duyên Anh

Chương 1 - Nhóc Con Hùng

Ở rạp xiệc ra, thằng Hải khoác vai nhóc con Hùng, men theo vỉa hè đường Hiền Vương, thong thả đi. Hai thằng bạn trẻ nói, cười khúc khích có vẻ tâm đầu ý hợp lắm. Chúng nó thân nhau năm ngoái, hồi hai đứa còn học lớp ba trường Đa Kao, Nhà nhóc con Hùng ở trong hẻm gần rạp Casino, nhà thằng Hải ở ngay chính phố Đinh Tiên Hoàng.

Thằng Hải gầy gò, ốm yếu, chuyên môn bị bạn học bắt nạt. Nó là con một, được quý hóa, nuông chiều nên nhát như cáy. Ai dọa cũng sợ. Trái lại nhóc con Hùng thì bạo dạn, cứng cổ và bất chấp thằng nào. Nó có thằng anh tên là Dzũng hơn nó hai tuổi. Ba nó, tuy làm sở tư, ít lương, nhưng cũng cố gắng nuôi chúng nó ăn học thành người. Mẹ nó bán vải ở chợ Tân Định. Anh em thằng Dzũng hăng lắm. Chúng nó ăn khỏe, nghịch khỏe và đánh nhau cũng khỏe. Chúng nó hay bênh vực những thằng bạn yếu đuối và rất ghét những thằng cậy mình con nhà giàu, phách lối như bọn thằng Bê. Bởi vậy, nhóc con Hùng mới thân với thằng Hải.

Hùng và Hải đã đi tới cây xăng đường Pasteur. Mùi nước dùng phở gà từ dãy phố bên kia thoảng qua thơm phức. Thằng Hải nuốt nước bọt, hỏi bạn :

- Phở ngon quá, hở mày ?

- Ừa.

- Vào chén đi, tao còn hai chục.

Nhóc con Hùng xua tay :

- Xem xiệc đã mất 50 rồi, lại mỗi thằng một chai xá xị con cọp mất 8 đồng. mày tiêu nhiều thế, bận sau rủ tao, tao không thèm đi nữa. Nhỡ ba mày mắng thì chết.

Và không để thằng bạn nhà giàu của mình biện bạch, thằng Hùng ba hoa :

- Xiệc hay quá nhỉ ? Tao khoái nhất cái thằng lùn tì. Trời ơi, nó tung cái mũ, cái mũ bay vào đầu nó. Tuyệt vời.Tao phải bắt chước nó mới được.

Quả nhiên thằng hải quên ngay chuyện phở. Hai thằng trầm trồ ca ngợi đoàn xiệc Bẹc-Lanh. Nhóc con Hùng ranh lắm. Con nhà nghèo thường khôn ngoan. Đi qua trạm xăng cuối phố Duy Tân, bỗng mặt thằng Hải tái mét. Nó vừa trông thấy bọn thằng Bê. Hồi sáng qua, nó thưa thầy giáo thằng Bê vẩy mực vào áo nó. Thầy

bắt thằng Bê chép phạt, vì thế thằng Bê thù nó.

Bọn thằng Bê chưa nhìn ra thằng Hải nhưng thằng Hải đã cuống quýt. Nó vỗ vai nhóc con Hùng, dục :

- Chạy đi mày !

Nhóc con Hùng ngạc nhiên, hỏi :

- Gì mà chạy ?

- Bọn thằng Bê !

Hùng sực nhớ ra chuyện sáng hôm qua, nó an ủi bạn :

- Không sợ, đã có tao.

«Đã có tao», ba tiếng đó nghe hùng dũng quá, song cũng không thể làm thằng Hải hết sợ. Nó bảo :

- Tụi nó đông quá mày à…

Hùng công nhận điều đó. Nó biết rằng, gặp thằng Bê thì thằng Bê chỉ «thịt» một thằng Hải thôi. Nhưng đời nào nó chịu để bọn hèn hạ kia đánh đấm thằng bạn gầy gò của nó. Mà 2 chống 6, nhất định tụi nó sẽ bị nhừ đòn.

Bọn thằng Bê trông thấy nhóc con Hải rồi, chúng nó chạy ùa tới. Nhanh trí khôn, nhóc con Hùng dục bạn :

- Mày gọi tắc xi về đi, lẹ lên !

- Còn mày ?

- Mặc kệ tao, mày cứ về đi. Tao đét sợ chúng nó. Về đi…

Và như xua đuổi thằng Hải, nó vẫy tay lia lịa, mồm hét lớn gọi tắc xi. Người tài xế chưa kịp mở cửa xe thì nhóc con Hùng đã kéo mạnh cửa đẩy thằng Hải vào. Xe rồ máy chạy vừa lúc bọn thằng Bê tới. Bọn thằng Bê tiếc rẻ con mồi ngon. Chúng nó chỉ còn cách nhìn thằng Hùng hậm hực và tìm cách gây gổ.

Nhóc con Hùng dựa lưng vào cột đèn, đứng thế thủ. Nó mỉm cười, và vồn vã hỏi thằng Bê.

- Đi đâu về đấy mày ?

Thằng Bê tức sôi ruột, không trả lời Hùng mà lại gân cổ hỏi :

- Mày bày mưu cho thằng Hải tẩu thoát hả ?

Hùng gật đầu :

- Ừ đấy, mày không thích à ?

- Không thích mạnh đi chứ ! Nếu nó không chạy thì hôm nay tao cho nó một trận ốm đòn.

Hùng xỏ ngọt :

- Ghê nhỉ !

- Ghê mạnh đi chứ…

- Tụi mày cậy đông bắt nạt.

- Một mình tao cũng đủ chơi.

- Vậy mày có giỏi chơi tao không ?

Thằng Bê gườm gườm nhìn nhóc con Hùng, rồi quay lại dò hỏi tụi mình xem có nên thịt thằng nhóc con bướng bỉnh này không. Khi biết tụi bạn nó ra hiệu nên thịt, Bê tiến sát tới chỗ Hùng, dơ tay thách thức :

- Tao sợ gì mày.

Hùng trong bụng run lắm. Nó chỉ sợ đang tìm cách hạ thằng Bê mà tụi ranh con đứng ngoài xua vào đấm đá thì nó gục. Bởi vì, dầu Hùng can đảm, dẫu Hùng khỏe mấy đi chăng nữa, một mình nó cũng không thể chơi lại 5,6 thằng. Nghĩ thế, nó bày mưu rồi giao hẹn :

- Có giỏi uýnh từng đứa một. Thằng nào vào đánh hồi tao mách anh Dzũng tao thì cứ gọi là nhừ xương.

Lời dọa của nhóc con Hùng rất hiệu nghiệm. Nó đem anh nó ra làm ngáo ộp khiến tụi ranh con lùi cả về phía sau. Bây giờ, Hùng và Bê giáp mặt. Hai thằng tương đương sức nhau nhưng thằng Bê chỉ quen cậy đông bắt nạt, chưa quen đánh nhau tay đôi nên có vẻ run run. Mặt nó tái xanh, tuy hai bàn tay đã khép lại thành hai trái đấm.

Tay trái để ngang tầm mặt, tay phải nâng ngang bụng, hai thằng lỏi tì tựa hồ hai con gà con đang hầm hè giữ thế. Chúng nó cứ loay hoay, nhìn nhau muốn toé lửa mắt mà chưa đứa nào dám đánh trước.Thằng Bê tiến thêm. Cách thằng Hùng độ một bước, nó buông hai tay xuống, nhích gần nữa, đoạn sát vai vào vai thằng Hùng:

- Mày có giỏi chơi ông trước đi !

Thằng Hùng lặp lại lời của thằng Bê :

- Mày có giỏi chơi ông trước đi !

Lấy lưng hích mạnh thằng Hùng, Bê nói :

- Ông chơi trước rồi đấy…

Hùng bĩu môi :

- Chỉ nói phét !

- À, mày bảo ông nói phét hả ?

- Ừ, ông bảo đấy.

- Mày nói lại ông nghe nào ?

- Ông nói rồi.

Thằng Bê gân cổ :

- Đồ con heo !

Hùng vênh mặt :

- Mày bảo ai là con heo ?

- Ông bảo mày.

- Mày dám nói thêm lần nữa không ?

Bê không trả lời, nó quát :

- Ông cấm mày không được qua vệt này.

Hùng nhìn vệt phấn trắng mà trẻ con chơi đáo đầm vẽ trên vỉa hè. Nó cười nửa miệng :

- Mày cấm ai ?

- Ông cấm mày.

- Cấm ông hả ?

- Ừ.

- Cấm cái «củ khấm» ông đây này…

- À mày hỗn hả ?

- Ừ, ông hỗn đấy.

- Hỗn ông sẽ tát vỡ mồm mày ra.

- Mày tát đi !

- Mày nói nữa đi.

- Ông nói rồi…

Thằng Bê chưa biết tính toán ra sao. Bí quá, nó lại nói :

- Mày giỏi bước qua vệt này đi ?

- Bước chứ ông sợ gì.

- Ông cấm mày bước.

- Ông cứ bước…

Bê nhìn thằng Hùng, căm giận. Ngoảnh lại đằng sau, nó thấy bạn nó, tuy miệng không thốt ra những lời khuyến khích đánh thằng Hùng, nhưng chúng biểu lộ bằng chân tay, bằng những đôi mắt chan chứa niềm tin tưởng rằng thằng Bê sẽ thắng.

Vững lòng lắm rồi, Bê nghiến răng dọa nạt :

- Nào, mày bước qua cho ông coi hay cũng chỉ nói phét.

Nghe thằng Bê nói cái giọng mất dạy này, Hùng mím môi cố nén thốt ra những lời tục tĩu. Hai nắm đấm ghì chặt hơn, nó ngạo nghễ bước quá lằn vạch phấn. Nó tưởng con nhà Bê chỉ biết dọa. Ai dè khi Hùng vừa đặt chân sang đất cấm của thằng Bê là bị ngay Bê đấm cho một trái trúng bụng.

Hùng kêu «hự». Đau đớn, nó lùi lại vài bước rồi bất chợt xông vào địch thủ. Con nhà Bê đang hứng thú trái đấm đầu, không kịp đề phòng, lãnh đủ một trái đấm phục thù vào hàm bên phải. Nó hét lớn «ối giời ơi». Liền sau đó, nhóc con Hùng tặng thêm nó hai trái vào lưng và một cú đá trượt.

Bê vốn là thằng hèn nhát, chỉ quen bắt nạt. Lúc này phần vì đau, phần vì ức, tiện tay nó vớ hòn gạch trên vỉa hè, toan liệng Hùng. Hùng vừa kịp né vào cột đèn để tránh thì một thằng trong bọn thằng Bê cũng vừa kịp chạy tới nhập bọn. Nó níu tay thằng Bê, dìu về phía trong rồi lên tiếng gọi Hùng :

- Ông bạn ra đây, cao thủ võ lâm việc gì phải ẩn tránh.

Thằng lỏi này có vẻ nghiền tiểu thuyết tàu. Giọng nó y như giọng mấy thằng hiệp sĩ hạng bét. Hùng bỗng gờm gờm trước địch thủ lớn hơn và gấu hơn nó. Tuy vậy nó vẫn ung dung làm vừa lòng cái thằng hiệp sĩ hạng bét. Điệu bộ nó giống hệt anh cao bồi tin tưởng ở tài mình trong cuộc đấu súng tay đôi. Thằng hiệp sĩ hạng bét hất hàm hỏi :

- Ông bạn tên gì, thuộc môn phái nào ? Thiếu Lâm, Võ Đang, hay Ma Giáo ? Tôi không muốn đánh thằng vô danh tiểu tốt.

Hùng mỉm cười khinh bỉ :

- Tôi cóc ở môn phái nào cả. Tôi là Hùng. Hùng là em ruột của Dzũng Đakao đây. Bạn nghiền kiếm hiệp ghê quá !

- Đồ ngu, không nghiền kiếm hiệp sao biết Trương Vô Kỵ mí lị Quách Tĩnh.

Bị mắng là ngu, Hùng cáu tiết :

- Tao đét cần biết Trương Vô Kỵ là thằng nào.

Quyên Tân Định phải chính là thằng hiệp sĩ hạng bét phe của thằng Bê tên là Quyên, biệt hiệu Tân Định, nhổ bãi nước miếng xuống vỉa hè, đưa ngón tay trỏ quệt ngang miệng rồi khanh khách cười :

- Mày đét cần biết TVK thì mặc xác mày nhưng… ông bạn nên biết tớ chứ !

Hùng suýt cười toa toét. Bỗng Quyên Tân Định hét :

- Nhãi con, ta là Quyên Tân Định đây, mày mới là em thằng Dzũng vô danh tiểu tốt, thì đã đi đến cái… thế giới nào. Thôi không nói lôi thôi với thằng dốt đặc truyện kiếm hiệp. A lê, mày nhào dzô coi, tao cho nếm đòn Quyên Tân Định.

Nói rồi, chẳng đợi nhóc con Hùng trả lời, Quyên Tân Định đấm thẳng một trái vào mặt Hùng. Hùng né người sang bên trái tránh đòn. Bị hụt, Quyên Tân Định đuổi theo. Nó chưa kịp đấm cú thứ 3 thì đã bị nhóc con Hùng đá véo một đường sượt cạnh sườn. Quyên Tân Định nổi

sùng tới tấp đấm, song Hùng đều đỡ được cả. Biết mình yếu, Hùng chỉ lùi để chờ cơ hội thoát thân. Quyên Tân Định hiểu ý địch thủ, nó dồn Hùng sát tới đám lỏi tì rồi nháy mắt ra hiệu. Tức thì một thằng giáng Hùng trúch cạnh sườn một cái nên thân. Hùng vừa ngơ ngác quay lại, bị Quyên Tân Định đá cho một cú té nhào. Không bỏ lỡ cơ hội, Quyên Tân Định xông lại đè lên người Hùng đấm túi bụi. Hùng đau quá, liền nghĩ ra một kế. Nó xoay mình, áp miệng vào đùi Quyên Tân Định thét lên. Lập tức, nó buông Hùng ra. Hùng đứng ngay dậy, nó đá gỡ Quyên Tân Định một phát rồi ù chạy.

Bọn ôn con ngơ ngác chưa hiểu tại sao Quyên Tân Định đang thắng lại bại. Còn Quyên Tân Định đưa mắt nhìn theo nhóc Hùng, chửi rủa lẩm lẩm.

Nhổ thêm bãi nước miếng nữa xuống vỉa hè và cũng lại đưa tay quệt ngang miệng như thường lệ, Quyên Tân Định đau đớn đứng dậy, mồm lẩu bẩu :

- Đồ chó, nó dùng miếng cẩu quyền.

Một thằng trong bọn thằng Bê tròn đôi mắt, hỏi :

- Cẩu quyền là gì hả mày ?

Quyên Tân Định gắt :

- Mày ngu như bò ấy, thảo nào tên mày là Châu, trâu bò mà…

Rồi làm bộ đàn anh, Quyên Tân Định giải nghĩa :

- Cẩu là chó, chó thì hay cắn, vậy cẩu quyền là đòn chó cắn.

Thằng Châu nhe răng cười thích chí. Nó hình dung thấy một con chó ngoạm chân một thằng nhóc mà nó đã từng gặp. Bất giác, nó phục Quyên Tân Định sát đất. Không ngờ thằng này võ giỏi văn hay chơi chữ như thầy đồ vậy. Nhưng Quyên Tân Định chẳng thèm để ý đến những lời tán tụng của bọn ôn con. Nó vỗ vai thằng Bê :

- Mày có biết thằng Dzũng Đakao không ?

Bê giật mình đánh thót một cái. Nó lạ gì anh em thằng Dzũng nữa. Anh em thằng này nổi tiếng gan lì nhất trường. Trông mặt mũi thằng Dzũng ai cũng bảo nó hiền lành, ngoan ngoãn. Nó là một thằng bé dễ thương, được thầy yêu bạn quý. mNó học giỏi và luôn luôn lễ phép với mọi người. Song nó rất ghét những thằng hợm hĩnh, chuyên cậy đông bắt nạt anh em bạn học như thằng Bê.

Bê nhớ lại một trận đánh tay ba giữa thằng Dzũng và thằng học lớp nhất C. Hôm ấy là thứ hai. Buổi sáng học sinh trường Đakao làm lễ chào cờ. Thằng Tự lớp nhất C được thầy cử ra kéo cờ. Nó cố ý nghịch ngợm. Hát xong bài quốc ca mà nó còn để cờ lơ lửng giữa cột, bắt bao người chờ đợi rồi thình lình nó rút nhanh một cái, cờ vọt lên tận đỉnh cột khiến nhiều đứa cười khúc khích. Thằng Dzũng chỉ vào mặt thằng Tự mắng thậm tệ. Tự nổi giận và hẹn giờ ra chơi sẽ choảng nhau. Giờ ra chơi, hai đứa kéo nhau đến sau trường. Không một lời nói trước, thằng Tự xông thẳng vào đấm thằng Dzũng. Dzũng gạt nhẹ để tránh đòn. Rồi nhanh như máy bay phản lực, nó đá vèo một phát trúng bụng địch thủ. Dzũng vừa định bổ nhào tới tiếp đòn nữa nhưng bạn thằng Tự là thằng Vệ đã rình từ lúc nào và chờ dịp bất ngờ nện một trái nên thân vào lưng thằng Dzũng. Dzũng xoay hẳn người lại giao tranh với Vệ. Thế là cuộc đấu tay tiếp diễn. Một đứa biết, hai đứa biết, rồi chỉ lát sau cả trường biết. Bọn học sinh quây lấy ba thằng thành một cái vòng người.Tay đấm chân đá, thằng Dzũng như con mãnh hổ, chống đỡ mãnh liệt.

Muốn kết thúc nhanh, nó lao đầu vào bụng thằng Vệ khiến thằng này té lăn cù chiêng. Xong, nó rảnh tay uýnh thằng Tự tới tấp. Kết cuột thằng Dzũng một mình thắng nổi hai thằng lớn ngang nó.Tiếng tăm nó vang

dậy khắp trường. Nhớ tới trận đánh ấy, Bê khe khẽ nói :

- Thằng Dzũng Đakao chì lắm mày ơi !

Quyên Tân Định dằn giọng :

- Mày nên nhớ là cả tụi oắt tì ở Tân Định này tao chưa có ngán đứa nào nhé ! Để mai mày chỉ tao thằng Dzũng tao sẽ cho nó nếm đòn Tân Định. Thôi đưa tao vài tì ăn dậy đỏ bột lọc đi mày !

Bọn ôn con chia tay nhau. Chiều đã bớt nóng gay gắt.

129. Dzũng Đakao (2)

Duyên Anh

Chương 2 - Dzũng Đakao Nổi Giận

Hùng vừa đặt chân vào nhà thì má nó đã đon đả hỏi :

- Xiệc có hay không con ?

Thằng nhóc nhoẻn miệng cười, ý chừng nó nhớ tới anh hề Đức quốc tặng một thiếu nữ khán giả cánh hoa và lơ lớ nói «Tôi yêu cô». Hùng hoan hỉ trả lời má nó :

- Hay lắm má ạ, tối nay ba má với anh Dzũng đi coi ngay đi, kẻo họ sắp sang cái nước «Lu Lu» gì đấy.

Rồi nó lần lượt kể cho má nó nghe những xen thích thú nhất như người cầm sào nhảy lộn trên giây, cô gái Đức đi xe máy dầu trên đầu bao nhiêu khán giả, đu lộn và đặc biệt là người giả làm con đười ươi khiến nhiều cô yếu bóng vía sợ xám cả mặt. Hùng khoái nhất pha một cô gái quay tít thò lò trên cao. Nó không dám nghĩ rằng người ta tài giỏi ghê thế. Chắc là có phép.

Để thằng Hùng ca ngợi đoàn xiệc Đức quốc chán chê, má nó phủi bụi bám vào áo nó, rồi hỏi :

- Con lại vừa đánh nhau phải không ?

Hùng chối quanh :

- Thưa má đâu có.

- Thế sao áo lấm be bét ? Mà trán con bị sứt đây này…

Thằng Hùng đưa tay sờ vết thương. Nhanh trí khôn, nó bịa chuyện cho má nó khỏi buồn :

- À, con thấy người ta diễn trò hay quá, con nhảy cỡn lên hoan hô, cái ghế bị trợt nên con ngã theo.

Và muốn má nó quên chuyện này, Hùng hỏi :

- Anh Dzũng con đâu hở má ?

- Nó sang Thị Nghè thăm chú Nghị với ba con, tối mới về. Má để phần chè đỗ đen cho con đấy. Vào tắm rửa sạch sẽ rồi hãy ăn nhé !

Hùng được dịp thoát thân. Đến tối thì thằng Dzũng về. Nó thuật lại từ lúc đưa thằng Hải về tới đường Hiền Vương gặp bọn thằng Bê, nó bày mưu cho thằng Hải chạy, còn nó, nó hạ thằng Bê và bị Quyên Tân Định uýnh té nhào, trán bị một bết sứt rơm rớm máu.

Nghe xong chuyện, Dzũng Đakao tức sôi ruột. Nó dục em đi lấy an côn xoa vô cho tiêu máu. Ngồi trên bục gỗ ngoài cửa, Dzũng đưa ngón tay vào mồm, khẽ đẩy móng tay vào chiếc răng cửa hàm trên ra chiều suy nghĩ. Gớm thật, Quyên Tân Định là cái thá gì mà dám xử ức thằng em yêu của nó. Phải biết, Dzũng Đakao chưa chịu thua ai và cũng chưa thèm bắt nạt ai. Thế mà nay có thằng bắt nạt em nó ngã chảy máu đầu. Hỏi chi Dzũng không giận.

Đang lan man nghĩ đến cái tên Quyên Tân Định, Dzũng chẳng thèm biết em nó đã lại gần anh tự lúc nào. Vỗ vai anh, nhóc con Hùng nói :

- Quyên Tân Định tấn công em rát quá, em lùi dần, lùi dần thì bị một thằng đánh trộm sau lưng. Em sợ hết hồn nên Quyên Tân Định mới đá em té nhào được.

Dzũng hỏi :

- Quyên Tân Định lớn bằng chừng nào ?

- Nó to con hơn anh mà có vẻ mất dạy lắm anh Dzũng ạ ! Nó chuyên môn nhổ nước miếng rồi đưa tay quyệt ngang miệng. Ăn nói thì y hệt trong truyệt kiếm hiệp.

Tự nhiên thằng Dzũng mỉm cười. Nó an ủi thằng Hùng :

- Để anh cho nó biết tay. Nó là Bàng Quyên thì anh sẽ là Tôn Tẫn. Anh sẽ hỏi tội tụi thằng Bê luôn nữa. Thôi giờ tạm quên chúng nó đi. Anh có mười đồng chú Nghị cho đây, anh em mình ra rạp Casino coi tuồng «Bẩy nếp sống oai hùng».

Hùng vừa mới xem xiệc, giờ lại được ông anh thân mến bao xi nê, nó sướng quá, quên cả bực tức, «Bẩy nếp sống oai hùng» có thằng tài tử đầu trọc đóng chắc hẳn hồi hộp lắm đấy.

Lát sau, anh em thằng Dzũng đã ở trước rạp hát chờ tan xuất. Đèn điện ở khu Đakao sáng rực, đầy màu sắc huy hoàng. Hai đứa ngồi giữa rạp, quạt máy chạy vù vù. Hùng sốt ruột vì chờ lâu quá. Trong khi đó, những đĩa nhạc cũ kỹ được phát thanh to, nghe chối cả tai. Dzũng gọi cà rem mua hai cây ăn cho đở khát nước. Hùng vừa mút cà rem vừa mở tấm chương trình ra coi. Dzũng bảo em :

- Xem phim cao bồi với trinh thám mà em đọc cốt truyện trước thì hết hay.

Hùng ngạc nhiên hỏi :

- Thật hở anh ? Em tưởng vẫn hay chứ. Tài tử đầu trọc mà…

Dzũng âu yết vuốt tóc em :

- Ừ, vẫn hay nhưng hết hồi hộp. Em biết rõ lúc nào chúng nó đánh đấm, bắn giết nhau rồi. Làm sao mà giật mình được.

Hùng thấy anh nó giảng nghĩa hay quá. Nó gấp tấm chương trình đút vào túi quần. Hùng toan nói với anh đôi điều nữa thì đèn trong rạp phụt tắt.

Sau đó Hùng còn phải nóng lòng coi chiếu quảng cáo, chiếu phim tuần sau, phim thời sự, rồi mới tới phim «7 nếp sống oai hùng». Mãi trước khi được thấy tài tử đầu trọc, Hùng có vẻ cáu sườn vì những hàng ngoại quốc lí nhí giới thiệu lăng nhăng mà ba nó bảo anh em còn học toi cơm mới hiểu được.

Vào phim đượt một chút là say sưa ngay. Ngực nó đập thình thịch khi nghĩ rằng cái thằng đầu trọc này sao mà bạo phổi thế. Cả tỉnh lỵ không dám đương đầu với đám lưu manh mà thằng đầu trọc bỗng dưng chuốc dại vào thân. Hùng nín thở theo dõi chiếc xe ngựa chở cỗ quan tài ra tới nghĩa địa. Rồi «đoàng, đoàng, đoàng»… Thằng đầu trọc bình tĩnh bắn nhanh như chớp đã hạ rơi súng của bọn lưu manh. Đặc biệt nhất thằng này vừa ngậm điếu xì gà dài vừa bắn. Thằng bạn đồng chí của nó cũng cừ. Hùng khoái quá, vỗ tay đôm đốp. Dzũng vỗ

vai em nói nhỏ :

- Đừng vỗ tay.

- Sao thế anh ?

- Vỗ tay nhà quê lắm, còn làm người khác ghét nữa. Mình đi xem chiếu bóng chứ có đi xem kịch đâu mà hoan hô. Hoan hô thì hoan hô ở trong lòng thôi.

Hùng nghe anh nói có lý nhưng nó lại nghĩ rằng người ta thường cười hô hố khi xem phim hề Phẹc Năng Đen hay Sạc Lô, người ta khóc sướt mướt khi xem phim «Áo người trinh nữ» hay «Cuốn theo giòng nước». Chính ba nó đã cười hô hố và má nó khóc nức nở, có ai ghét đâu. Mà nó vỗ tay, thì theo anh nó, người ta không vừa lòng ? Thế mới biết, thiên hạ thường bất công và bắt nạt nhau.

Một phát súng nổ khiến Hùng tan nghĩ ngợi. Nó rướn người lên xem pha đấu dao, súng giữa hai tay giết mướn. Ghê thật, dao mà dám đấu với súng. Cái thằng đấu dao này cũng lạ đời, lầm lầm lì lì mà cả quyết ra trò. Uýnh là uýnh chứ không gạ gẫm gì ráo trọi. Hùng nghiêng mình thán phục gã lầm lỳ này.

- Phim hay quá anh nhỉ ?

- Un Bi Nơ, Óoc Buýt hôn đóng thì chê thế nào được?

Hùng hỏi anh :

- Thằng phóng dao tên là gì hở anh ?

- Tên là Dêm Cò Bợ.

Hùng hích khuỷu tay vào cạnh sườn Dzũng, ngầm ý khen ngợi tài đọc chữ Pháp của anh nó.

Cuốn phim «7 nếp sống oai hùng» đã dẫn dắt hai thằng nhóc vào một cuộc phiêu lưu cao thượng. Không ngờ anh em nó lại giống mấy tay hiệp sĩ này quá. Cũng bênh vực kẻ hèn yếu, cũng đấm đá lung tung nhưng khác một điều là nó sẽ không bao giờ dám giết người. Vì giết người thì vô khám Chí Hòa. Chúng nó đang sống ở Sàigon chứ có sống ở trên màn bạc đâu. Anh em thằng Dzũng ra về, khoan khoái.

130. Dzũng Đakao (3)

Duyên Anh

Chương 3 - Quyên Tân Định

Quyên Tân Định là thằng nhóc chuyên đánh mướn. Năm nay nó chừng 14 tuổi. Ba thằng Quyên chết bệnh hồi nó mới lên 9. Hai năm sau, má nó trả cho bà nội nó rồi đi lấy chồng khác. Quyên sống với bà ở trong một ngõ hẻm vùng Tân Định giáp ranh với Đa Kao.

Bà nó chiều chuộng nó lắm. Nên Quyên Tân Định đâm ra hư đốn. Nó đi học thì ít mà đi đánh lộn thì nhiều. Nó bị đuổi khỏi trường công, trường tư. Các giáo viên bê bối không trị được Quyên. Nó thả cửa trốn học, đi chơi với bọn mất dạy cùng xóm. Bà nội nó chẳng biết gì.

Quyên nghiền kiếm hiệp một cây. Nó say mê kiếm hiệp đến quên ăn, quên ngủ (sao giống… tui). Bà nó lại tưởng nó chăm chỉ học hành, càng cưng nó. Bao nhiêu tiền bà cho mua sách vở, Quyên mua truyện kiếm hiệp hết ráo. Nó tưởng nó là thằng hiệp sĩ giang hồ của xứ sở. Quyên thấy mỗi thằng quái khách dều đặt cho mình một cái biệt hiệu nghe rợn người. Nó nghĩ mãi mà không sao đặt nổi cho mình cái biệt hiệu đồ sộ. Cuối

cùng, nó phải lấy tên Quyên Tân Định.

Quyên Tân Định cậy mình to con lại tôi luyện trong lò chiến trường đấm đá. Thành thử nó bắt nạt tuốt tuột những thằng bằng tuổi nó sắp xuống. Một lần nó đánh thằng Bê. Con nhà Bê lạy nó tha tội, tặng nó 10 đồng. Quyên nảy ra ý nghĩ «bắt địa» tui nhãi con ốm yếu. Thằng Bê thấy Quyên Tân Định khỏe, hễ bị đứa nào át giọng, nó thuê liền Quyên Tân Định đánh trả thù ngay lập tức. Tự nhiên, con nhà Quyên biến thành vệ sĩ của thằng nhà giàu Bê.

Hôm qua, bị nhóc con Hùng dùng miếng cẩu quyền chuyển bại thành thắng, Quyên Tân Định nghĩ vẫn còn ức, định bụng lần sau gặp con nhà Hùng sẽ cho thằng nhóc này nếm «huyền âm chưởng». Con nhà Bê cũng nhắc tới thằng Dzũng Đakao nữa. Quyên Tân Định tự nhủ : «Đời đã có Quyên Tân Định không thể có Dzũng Đakao được.» Và nó sẽ lùng thằng Dzũng Đakao tẩn thằng này vài đòn về tội dám nhận mình là Dzũng Đakao.

Quyên Tân Định đang thơ thẩn trước một trường tiểu học tư. Vừa rồi, nó đứng trong tiệm sách đọc «phõ» cuốn «Anh Hùng Xạ Điêu» lấy làm khoái chí lắm. Nhưng túi nó sạch sành sanh tiền. Phải kiếm cách xoay sở. Quyên Tân Định về rủ thêm thằng Ba sứt môi theo.

Hai đứa chờ đợi trường tan.

Nửa tiếng sau, trống trường điểm. Mắt Quyên Tân Định sáng rực như kiếm Ỷ Thiên rút khỏi bao. Nó đập mạnh vào vai thằng Ba sứt môi :

- Rồi, chu rồi… Tao chỉ thằng nào, mày ra gây sự với thằng ấy nghe chưa ?

Ba sứt môi là đồng đảng của Quyên Tân Định. Nó cũng là thằng nhãi bất trị, hay trốn học và ham đánh lộn như Quyên Tân Định. Nó lại sợ Quyên Tân Định nữa. Thằng Quyên Tân Định bảo làm việc gì, nó làm ngay không dám «oong đơ» chậm trễ… Được đàn anh cắt cử, Ba sứt môi cười. Môi nó bị sứt nên lúc nó cười, buồn cười muốn chết. Quyên Tân Định hỏi :

- Mày nhớ chưa hở, Ba sứt môi ?

- Tao… tao… nhớ… rồi.

Gớm đã sứt môi còn cà lăm nữa. Ba sứt môi đúng là cái chìa khóa mở kho cười vô tận.

Giây lát, học trò ùa ra khỏi cổng trường cơ hồ đàn ong vỡ tổ. Quyên Tân Định tài cái nghề này lắm. Nó chỉ thằng nào, đính thị thằng ấy có «máu mặt». Ba sứt môi chạy tới cản lối cậu học trò. Nó sinh sự :

- Mày vừa nhìn tao hả ?

Cậu học trò tái xanh mặt :

- Tôi nhìn anh bao giờ ?

- Rõ ràng mày «chiếu tướng» tao mà lị ? Hề hề, tao sẽ xin mày tí «huyết».

Cậu học trò ngơ ngác :

- Tôi «chiếu tướng» anh lúc nào ?

Ba sứt môi quả quyết :

- Lúc nãy.

- Tôi có biết «chiếu tướng» là gì đâu ?

Ba sứt môi cười hề hề. Bộ mặt nó gớm ghiếc làm sao ! Nó nháy mắt :

- Mày không biết «chiếu tướng» à ?

- Tôi không biết !

- Mày nhìn cái môi sứt của tao đi !

Cậu học trò tưởng bở làm theo lời Ba sứt môi. Nó tiến gần cậu, vỗ mạnh lên vai cậu.

- Hì hì, mày «chiếu tướng» tao rồi đó…

- Tôi không «chiếu tướng» ai hết trọi.

- À, mày bướng hả ?

- Tôi không bướng.

- Mày đang bướng.

- Tôi không bướng.

- Mày dám chiếu tướng ông nội mày mà lại bảo không chiếu tướng à ?

Cậu học trò thấy thằng nhóc vừa sứt môi vừa ăn nói mất dạy thì có vẻ ngán lắm. Cậu ta xuống nước…

- Tôi đã bảo tôi không dám chiếu tướng anh mà…

Ba sứt môi vẫn nằng nặc :

- Mày đã chiếu tướng tao.

- Bao giờ ?

- Vừa rồi mày nhìn cái môi sứt của tao tức là mày «chiếu tướng» tao rồi nghe chưa, thằng cắc ké.

Cậu học trò phân trần :

- Anh bảo tôi nhìn mà…

- Ai bảo mày ?

Ba sứt môi nhổ bãi nước miếng :

- Tao bảo mày ăn kít chó mày cũng ăn à ?

Cậu học tró nghiến răng ken két :

- Anh đừng nói bậy.

Ba sứt môi đổi chiến thuật :

- À thằng này hỗn, nó dám chế tao sứt môi. Tao phải hạ mày.

Cậu học trò cãi :

- Tôi chế anh đâu nào.

- Mày chế tao.

- Tôi không chế nhạo ai. Thầy giáo tôi dạy tôi không được chế nhạo ai.

Ba sứt môi đã nắm quả đấm :

- Thầy mày dạy mày nói láo hả ?

Cậu học trò nín không nổi nữa rồi. Thằng sứt môi, oắt tì, khốn nạn mày dám xúc phạm tới thầy giáo của cậu. Dù thua nó, cậu cũng phải «chơi nhau» với nó một keo.

Cậu học trò ném cặp sách xuống đất.

- Mày vừa nói gì thằng mất dạy ?

Ba sứt môi pha trò :

- Ối giời ơi ! Thằng này nó bảo tôi mất dạy.

Quyên Tân Định từ nãy giờ vẫn đứng im theo dõi cuộc đấu khẩu. Nó muốn xem tên đàn em của nó có hạ nổi cậu học trò không, nên mặc kệ hai đứa.

Cậu học trò đã thủ thế :

- Ừ, tao bảo mày mất dạy đấy. Mày dám nhạo báng thầy giáo của tao hả ?

Ba sứt môi trợn ngực :

- Ông khỏi sợ thằng thầy giáo của mày.

Cậu học trò, nhân lúc Ba sức môi cười khóai chí, lao tới đấm một trái trúng bụng Ba sứt môi. Thằng oắt tì mất dạy «ối» một tiếng. Cậu học trò bồi thêm một trái nữa. Nhưng Ba sứt môi kịp né tránh. Nó trợn trừng mắt,

sửa soạn thịt cậu học trò. Quyên Tân Định dọa đám học trò. Khi bọn «khán giả» nhãi con chuồn hết, Quyên Tân Định mới vào vòng chiến và bảo cậu học trò :

- Nhặt cái cặp sách lên đi mày !

Cậu học trò vừa gặp Ba sứt môi, giờ lại gặp Quyên Tân Định, bối rối ra mặt. Quyên Tân Định hất hàm :

- Mày biết tao là thằng nhóc nào ở nước Việt Nam này không ?

Cậu học trò phủi đất bám vào cặp sách :

- Tôi không biết anh là ai.

Quyên Tân Định vỗ bụng :

- Hừm, cóc hiểu gì ráo trọi. Tao là Kim Mao Sư Vương Quyên Tân Định.

Nói rồi, nó rú một hơi dài :

- Nhắm mắt lại kẻo mù bây giờ.

Cậu học trò ngơ ngác, Quyên Tân Định lại rú một hơi nữa.

- Bịt tai lại kẻo điếc.

Nó vung tay y như người kiếm sĩ rút gươm khỏi vỏ :

- Biết cái này là cái gì không ?

Cậu học trò nhìn trong khoảng không gian. Chẳng thấy cái gì cả, Quyên Tân Định cười sằng sặc :

- Đao Đồ Long đó nhóc con ạ ! Hì hì, bọn cao thủ võ lâm «Trung thổ lục tỉnh» sẽ nếm đao Đồ Long.

Cậu học trò càng ngơ ngác. Chợt, Quyên Tân Định hỏi :

- Mày có đọc «Cô Gái Đồ Long» không ?

Cậu học trò lắc đầu :

- Thầy giáo tôi cấm chúng tôi không được đọc kiếm hiệp mê truyện bỏ bê học hành, đâm ra lười biếng sau này chẳng giúp ích gì cho xã hội cả.

Quyên Tân Định cười gằn :

- Mặc kệ thầy giáo mày, tao cứ đọc kiếm hiệp. Mày nên nghe tao, mua cuốn «Cô Gái Đồ Long» mà đọc. Mày sẽ khoái thằng Trương Vô Kỵ quên lời tút xuýt.

Cậu học trò nhăn mặt :

- Anh đừng nói động đến thầy tôi.

Quyên Tân Định bĩu môi :

- Tao là Quyên Tân Định chứ cóc phải là Ba sứt môi cắc ké đâu mà mày toan dở «ám khí» làm tàng ra. Tên mày là gì ?

- Tên tôi là Hưng

- Mày ở đâu ?

- Tôi ở Đakao.

- Ở Đakao sao mày sang Tân Định học ?

- Nhà tôi gần trường Tân Định hơn trường Đakao.

Quyên Tân Định tới gần Hưng, vỗ mạnh vào vai Hưng :

- Mày sợ tao không ?

Hưng ngoan ngoãn đáp.

- Tôi có làm gì anh đâu mà sợ.

- Thật không ?

- Thật.

- Hì hì mày vừa đánh ngã em tao, tao phải đánh báo thù.

Hưng thấy Quyên Tân Định to con quá, đâm ra ngán, Quyên Tân Định dỗ ngon :

- Giờ mày muốn tao tha mày không ?

Hưng gật đầu, Quyên Tân Định nói :

- Mày có tiền không ?

- Có.

- Mấy chục ?

- Hai chục.

- Tốt, mày cho tao mượn để tao mua cuốn «Anh hùng xạ điêu» về nghiền ngẫm, Tết tao trả mày thành ba chục. Bằng lòng nhé ?

Hưng móc túi rút bốn tấm giấy năm đồng. Nó sắp sửa đưa cho Quyên Tân Định thì trông thấy thằng anh của nó. Mắt Hưng sáng lên. Nó đút vội tiền vào túi vênh mặt :

- Xin lỗi bạn đi. Đừng hòng «bắt địa» tao nghe, Quyên Tân Định !

Quyên Tân Định đang ngơ ngác thì Hưng đã vẫy tay :

- Anh Dzũng ơi ! Anh Dzũng ơi !

Quyên Tân Định ngó lại đằng sau. Từ bên kia đường, một thằng nhóc chạy băng ngang đường sang chỗ nó và Hưng. Quyên Tân Định nhổ bãi nước miếng, nghĩ thầm :

- Ông «thịt» cả hai đứa !

Dzũng đã chạy tới Hưng. Nó mỉm miệng cười :

- Gì thế Hưng, sao em chưa về ?

Hưng bĩu môi chỉ tay vào Quyên Tân Định :

- Thằng này cản em.

Dzũng «chiếu tướng» Quyên Tân Định. Nó thấy con nhà này to hơn thằng em họ nhà giàu của nó, đã đoán được tại sao em mình bị cản rồi. Dzũng hất hàm :

- Sao mày cản em tao ?

Quyên Tân Định dang đôi tay :

- Mày hỏi em mày xem tại sao nó đánh em tao ?

Hưng nhanh nhẩu :

- Ai bảo thằng sứt môi dám sỉ nhục thầy giáo tao ?

Quyên Tân Định cãi :

- Nó sỉ nhục bao giờ ?

Hưng đổi chiến thuật :

- Anh Dzũng ơi ! Thằng này vừa định «bắt địa» em hai chục.

Dzũng hỏi Quyên Tân Định :

- Phải không ?

Quyên Tân Định gật đầu liền :

- Phải thì mày đã làm gì ông ?

Dzũng nói :

- Không làm gì cả nhưng mày đừng hòng cản đường em tao.

Dứt lời, Dzũng vẫy tay rủ Hưng về. Quyên Tân Định phá ra cười :

- Khoan !

Dzũng cáu tiết :

- Khoan cái gì ?

- Đâu có thể về sớm và dễ thế ? Muốn cứu nó mày phải đấu vài «chưởng» với tao.

Dzũng xoa tay :

- Được lắm. Nào, nhào vào đi !

Quyên Tân Định hất đầu :

- Tên mày là gì, tao không muốn so tài với phường súc sinh, vô danh tiểu tốt. Để tao cho mày biết tên tuổi tao. Tao thuộc môn phái «hải sa» rất nhiều muối độc giết người. Hì hì, tao là Quyên Tân Định…

131. Dzũng Đakao (4)

Duyên Anh

Chương 4
Dzũng Đakao Chạm Trán Quyên Tân Định

Quyên Tân Định ! Ba tiếng này khiến Dzũng sáng rực đôi mắt. Nó đã có ý định kiếm thằng nhãi con, mở mồm là sặc sụa giọng kiếm hiệp như lời chằng Hùng, em ruột nó đã tả cho nó nghe. Dzũng bắt chước Quyên Tân Định chế nhạo :

- Tao là cao thủ của môn phái «mất dạy» chuyên môn đi «bắt địa».

Quyên Tân Định vung tay :

- Đồ đểu !

Dzũng vẫn cứ bình tĩnh :

- Tao là Dzũng Đa Kao !

Quyên Tân Định giật mình :

- Mày là Dzũng Đa Kao, anh thằng Hùng lỏi lì có môn võ «cẩu quyền» hả ?

- Ừ.

- Nghe thằng Bê nói mày «hách» lắm hả ?

- Tàm tạm

- Thế thì tao phải hạ mày.

Dzũng Đa Kao ưỡn ngực :

- Tao phải hạ mày để trả thù cái tội mày đã dám bắt nạt em tao. A lê hấp, dở tài chó chết của mày đi, Quyên Tân Định ?

Dzũng Đa Kao nhìn Quyên Tân Định thách thức.

- Này, nhãi con đừng ba hoa…

Quyên Tân Định nhổ bãi nước miếng. Như thường lệ, mỗi lần sắp sửa «hạ» một thằng nào, nó nhổ nước miếng, lấy hai ngón tay quệt ngang miệng rồi mới «xổ nho» :

- Mày bảo ông nội mày nói phét hả ?

Dzũng Đa Kao cười hề hề :

- Mày đâu có nói phét, mày nói dóc đấy chứ !

Quyên Tân Định gầm lên :

- Nhóc con Dzũng Đakao, mày là đồ đệ của môn phái

nào ? Sư phụ mày là ai hở, súc sinh ?

Dzũng Đakao xắn tay áo :

- Cóc là đồ đệ của phái nào hết trọi. Ông là Dzũng Đakao. Ông ở Đa Kao, học trường Đakao chứ không như mày, ranh con mất dạy lê la đầu đường xó chợ… Súc sinh, súc sinh cái củ kiệu ấy à…

Quyên Tân Định cũng đã thủ thế :

- À, à… được lắm. Chơi nhau với thằng vô danh tiểu tốt cần gì phải thế võ hách. Ông sẽ xài các thế võ do ông tự sáng chế ra. Nào, nhào dzô, ông cho mày nếm miếng «đá nhận»…

Dzũng Đa Kao suýt phì cười. Là một thằng nhóc thông minh, nó vội vàng «tiếp nhận» miếng võ của Quyên Tân Định ngay.

- Ô kê, ông đang khát nước, định uống nước mía mà cóc có cắc nào, đưa «đá nhận» mau mau cho ông uống đi, nhóc Quyên Tân Định !

Quyên Tân Định đấm liền một trái, Dzũng Đa Kao né tránh, nhanh như chớp Quyên Tân Định bồi thêm trái thứ hai. Vẫn hụt, Dzũng Đakao xỏ ngọt :

- Hai miếng «đá nhận» của mày làm ông đỡ khát. Coi chừng, ông mời mày xực «bò bía» đây này.

Dzũng Đakao phóng người lên đá Quyên Tân Định một cú. Quyên Tân Định gờm gờm. Nó nhảy lùi về phía sau tránh đòn :

- «Bò bía» dở ẹc ! Ông tặng mày miếng «phá lấu».

Nói dứt, nó lao người vào Dzũng Đakao. Thằng nhóc này nhảy vọt sang một bên :

- Ố là là «phá lấu» suýt nữa… lấu trúng tường.

Quyên Tân Định bắt đầu cáu. Nó hét :

- Súc sinh im mồm ! Ông sắp dở chiêu «chí má phù».

Dzũng Đakao vỗ bụng :

- Đem «chí má phù»… phù vô rốn tao đi mày !

Quyên Tân Định hất đầu mạnh một cái :

- Yên chí, yên chí, ông sẽ phù mày bay hết tóc cho mày trọc đầu như thằng phù thủy trong tuồng chớp bóng.

Dzũng Đakao nháy mắt trêu tức Quyên Tân Định :

- Củ kiệu !

Quyên Tân Định hỏi đểu :

- «Củ kiệu» là môn võ gia truyền của mày hả ?

Dzũng Đakao chưa trẻ miếng kịp thì Quyên Tân Định đã nói :

- Nếu mày có miếng «củ kiệu» thì tao có miếng «tôm khô». Quyên Tân Định đâu có ngán !

Dzũng Đakao chỉ ngón tay, mắng Quyên Tân Định :

- Đồ bần !

Quyên Tân Định cười ha hả :

- À, mày dở ngón «nhất dương chỉ chó» đấy ư ?

Dzũng Đakao lợi dụng lúc Quyên Tân Định đang khoái chí, xông tới đấm một trái. Quyên Tân Định né không kịp lãnh «quả» đầu tiên của Dzũng Đakao. Nó nghiến răng ken két, mắt tóe lửa nhìn địch thủ kiếm chỗ tặng «quà». Quyên Tân Định vừa hườm đôi quả đấm vừa lượn quanh Dzũng Đakao. Hai «cao thủ võ lâm» trông giống hệt hai con gà chọi lao vào nhau «thử lửa». Hai chú gà vờn nhau, vờn nhau mãi và lủi vào sân trường lúc nào cũng chẳng biết nữa.

Bây giờ, sân trường vắng hoe. Vắng khán giả nhãi, nên trận đấu của hai «cao thủ võ lâm» kém phần sôi nổi. Trận đấu diễn ra hơn mười lăm phút rồi mà Dzũng Đakao với Quyên Tân Định chưa xuất nổi một đường quyền nào «huê mỹ». Dzũng Đakao vừa tặng Quyên Tân Định một quả rất thường. Tuy thế, Quyên Tân Định vẫn tức. Nó gạ Dzũng Đa Kao :

- Xử dụng miếng «củ kiệu» đi mày !

Dzũng Đakao mới kịp mở miệng, Quyên Tân Định đã nhảy chồm lại, phóng một cú đá. Dzũng Đakao nghiêng người né. Nhưng cú đá nhanh quá, trúng đùi nó. Quyên Tân Định hả hê :

- Huề nhé !

Dzũng Đakao không thèm trả lời. Nó lao cả người định húc Quyên Tân Định thì chợt thấy Hưng sắp lao vào vòng chiến. Dzũng Đakao bèn «hãm phanh».

- Hưng, đứng im xem anh hạ thằng «kiếm hiệp» hạng bét này ! Một mình anh đủ «chơi» nó. Em về đi kẻo nhà mong…

Quyên Tân Định khen :

- Hay lắm, xứng đáng là «cao thủ võ lâm»…

Dzũng Đakao hét :

- Ông không thèm là «cao thủ võ lâm» đâu, đồ «kiếm hiệp» nhãi con ạ !

- Mày chê «kiếm sĩ» à ?

- Pẹ pố kiếm sĩ… A lê, còn đủ sức nhào dzô đi, Quyên Tân Định

Dzũng Đakao mắng dứt câu đứng thủ thế. Quyên Tân Định phóng luôn ba trái :

- «Giáng long thập bát thịt bò viên» đấy ! Đớp đi mày!

Dzũng Đakao trổ ngón mới. Nó nhảy nghiêng người đạp Quyên Tân Định. Quyên Tân Định vừa tránh đòn vừa hỏi :

- Miếng gì đấy ?

- «Thịt bò khô»…

- Ờ «cửu âm chân kinh» hả ?

- Không, ông cóc biết «cửu âm chân kinh» là cái «củ kiệu» gì. Nhưng «thịt bò khô» ở chợ Bến Thành.

- Gần chỗ bán đậu đỏ bột lọc chứ gì ?

- Ừ.

- Mày còn ngón gì độc đáo hơn ?

- Còn một ngón.

- Trổ đi !

Dzũng Đakao té nhào xuống đất, lăn nhanh tới ôm chân Quyên Tân Định khiến thằng nhóc «hiệp sĩ» hạng bét hốt hoảng :

- Ôi chao, «cẩu quyền» ! Chết tao rồi, mày sắp hại ông bằng miếng… chó cắn hả ?

Dzũng Đa Kao đã đứng dậy, gân cổ hỏi :

- Mày nói gì chó cắn ?

Quyên Tân Định cười ngặt nghẽo :

- Đừng đùa nữa, con ông cụ ơi !

Dzũng Đakao gắt :

- Đùa cái «củ kiệu» í à ?

Quyên Tân Định tròn đôi mắt :

- Thật mày không biết miếng «cẩu quyền» hả ?

Dzũng Đakao nổi sùng :

- Đã bảo ông cóc biết «cẩu quyền» là gì hết trọi ! Mày nói gì chó cắn, trả lời đi ! Quyên Tân Định xua tay :

- Khoan khoan đã mày. Để tao nói cho mày nghe. Hôm nọ thằng oắt ti Hùng nhà mày bị tao hạ, nó bèn xuất ngón «cẩu quyền» làm tao đau chết điếng. Nhờ ngón này, thằng oắt ti Hùng chẩu thoát.

Dzũng Đakao thấy Quyên Tân Định ca ngợi ngón «cẩu quyền» của em mình thì lấy làm hài lòng lắm. Nó nguôi nguôi «mối thù» Quyên Tân Định hạ em. Dzũng Đakao nhếch mép cười. Nó hỏi :

- Em tao đã xài ngón «cẩu quyền» hở ?

- Ừ.

- Mày có «phiệu» không đấy ?

Quyên Tân Định bĩu môi :

- Quyên Tân Định sợ thằng nào mà phải «phiệu». Nếu mày không tin tao, cứ hỏi bọn thằng Bê xem.

Dzũng Đakao không ngờ em nó lại có ngón võ «chì» quá xá như vậy. Nó hớn hở :

- Mày nói cho tao nghe ngón «cẩu quyền» đi !

Quyên Tân Định khoái chí giảng nghĩa thế võ hi hữu của thằng oắt ti Hùng :

- Cẩu là chó, quyền là…

Quyên Tân Định vỗ trán suy nghĩ :

- Quyền là… là… hì hì… môn võ ! «Cẩu quyền» là môn võ chó, là bắt chước chó cắn. Hì… hì… «cẩu quyền» của anh em mày lợi hại vô cùng.

Dzũng Đakao phá ra cười. Quyên Tân Định hỏi :

- Mày cười gì ?

- Tao cười ngón «cẩu quyền» !

- Này, đừng giả vờ nữa con cụ ạ !

- Đã bảo tao không hề biết mà…

- Hì hì, mày giống Đoàn Dự như đúc.

Dzũng Đakao hất hàm :

- Đoàn Dự là thằng nào ?

Quyên Tân Định hãnh diện :

- Là thằng ba Tàu có ngón «nhất dương chỉ chó».

Dzũng Đakao nói :

- Ba Tàu là tao ghét rồi. Tưởng Đoàn Dự là tướng của Đức Trần Hưng Đạo. Ba Tàu mấy lần uýnh Việt Nam, bắt dân mình lên rừng săn ngà voi, xuống bể mò châu ngọc, nên tao ghét bọn ba Tàu lắm.

Quyên Tân Định khen Dzũng Đakao :

- Mày thuộc sử ký ghê nhé ! Tao cũng cóc khoái bọn ba Tàu. Nhưng tụi Trương Vô Kỵ, Quách Tĩnh thì tao thích ba chê.

Hai con gà chọi đã hết xù lông cổ. Chúng nó thôi thi cựa và hình như đương thích thi tiếng gáy. Bây giờ Dzũng Đakao đâm ra… đỡ ghét Quyên Tân Định mới chết chứ !

Còn Quyên Tân Định, từ thuở «giang hồ hành hiệp» tới nay mới gặp Dzũng Đakao, nó lấy làm vừa ý lắm. Tuy không ngán Dzũng Đakao nhưng Quyên Tân Định không muốn tranh tài cao thấp tay đôi với thằng nhóc này nữa. Nó hỏi Dzũng Đakao :

- Này cái đòn lăn của mày khi nãy là đòn gì ?

Dzũng Đakao đáp :

- Tao «chả» biết tên là đòn gì. Nếu tao chộp được chân mày tao sẽ quật mày ngã như như ngóe…

Quyên Tân Định nhe răng :

- Mày chỉ nói phét !

Dzũng Đakao không cáu sườn như lúc nãy nữa. Nó bảo :

- Ngón ấy, mày cứ kiếm hiệp thế, mày đặt là ngón gì ?

Quyên Tân Định lại vỗ tay vào trán, suy nghĩ một lát :

- Đặt nó là đòn «trâu lăn» đi !

- Ừa.

- Này Dzũng Đakao…

- Gì ?

- Thằng oắt ti Hùng nhà mày chơi «trội» lắm.

Dzũng Đakao chưa kịp mở miệng «phát biểu» cảm tưởng thì Quyên Tân Định đã cười hô hố :

- Này Dzũng !

- Gì ?

- Mày có nhiều «đàn em» không ?

- Không.

- Tao thì vô số.

- Mày muốn gì ?

- Tưởng mày có đàn em, tao «chiếm giữ» khu Tân Định, mày «chiếm giữ» khu Đakao. Tụi mình chia phe uýnh nhau chơi. Bấy giờ thằng nào thắng mới hách.

Dzũng Đakao gật đầu :

- Ô kê, tao nhận lời uýnh lộn hai phe, Quyên Tân Định nheo mắt :

- Mày cóc có quân thì đánh gì ?

Dzũng Đakao ưỡn ngực :

- Ông có khối bạn học.

Quyên Tân Định khoái chí :

- Tốt tốt, tao và mày trở thành hai thằng đại tướng. A lê hấp, chiều mai quân tao đóng ở sân banh Hoa Lư đợi quân mày tới. Ô kê ?

- Ô kê, chiều mai nhé !

Quyên Tân Định cười :

- Tao thắng mày, tao làm «xếp» anh em mày nghe chưa ?

Dzũng Đakao bĩu môi :

- Nếu mày thua thì sao ?

Quyên Tân Định nhún vai :

- Thì mày bảo tao cái gì, tao làm cái nấy.

Nó dở giọng kiếm hiệp :

- Quân tử nói, mười ngựa đuổi cóc kịp.

Như thế tức là, Dzũng Đakao đã nhận lời mở cuộc «chiến tranh» với Quyên Tân Định. Hai thằng nhóc hể hả chia tay, mong ngóng chiều mai.

132. Dzũng ĐaKao (5)

Duyên Anh

Chương 5 - Chiêu Binh Mộ Tướng

Dzũng Đakao về tới nhà thì nhóc con Hùng đã đi học rồi. Nó ăn cơm qua loa, xong nằm khoèo trên phản ngủ. Dzũng Đakao không ngủ yên giấc. Những giấc mơ «chiến trường» ngắn ngủi kích thích đôi mắt của nó khiến đôi mắt nó khó mà nhắm tịt lại mỗi khi bị giấc mơ làm mở thao láo.

Dzũng Đakao chán nằm ngủ quá. Nó vùng dậy đi tắm rồi xin má nó năm đồng đi xi nê. Rạp Casino Đakao hôm nay chiếu phim «Chạy trốn ở Nhật Bản». Phim này do hai thằng ôn con, một Nhật Bản và một Hoa Kỳ đóng. Ở trường nó nhiều đứa đã coi và khen rối rít, Dzũng ít khi xem xi nê một mình. Bao giờ nó cũng đi với thằng em thân mến của nó. Nhưng chiều nay nhóc con Hùng đi học, mà Dzũng Đakao thì sốt ruột quá.

Cuộc «chiến tranh» chiều mai giữa nhóm bạn bè nó và bạn đàn em Quyên Tân Định chắc sẽ sôi nổi lắm đây. Hè sắp tới. Chương trình học đã hết. Thầy chỉ cho học ôn và kể chuyện cổ tích. Dzũng Đakao đỡ lo bài vở. Nên nó mới nhận «choảng nhau» với bọn Quyên Tân

Định. Dzũng Đakao định bàn với nhóc con Hùng và vài thằng bạn «nối khố» của nó lập một «ban tham mưu» để vẽ «chiến thuật» hạ bọn Quyên Tân Định.

Nhóc con Hùng giờ này đang ngồi trong lớp ba trường tiểu học Đakao. Dzũng không còn cách nào giết thì giờ hơn là vào xem hai ôn con Nhật Mỹ trổ tài thần đồng đóng phim.

Phim kể cũng hay thật, khi Dzũng Đakao ra về, nắng đã bớt gắt. Nó lang thang trên hè phố, Dzũng Đakao sắp rẽ vào ngõ nhà mình thì có tiếng gọi :

- Dzũng ơi ! Dzũng ơi !

Dzũng quay lại. Từ bên kia đường. Tiến gầy đang toe toét cười. Tiến gầy là bạn thân của Dzũng Đakao. Nó cùng học một lớp, cùng ngồi bàn, cùng thích ăn… đậu đỏ bột lọc như Dzũng Đakao nên hai thằng «tâm đầu ý hợp» lắm. Dzũng Đakao vẫy tay gọi :

- Tiến ơi ! Qua đây mày !

Tiến gầy chờ xe ô tô ngớt ngớt mới băng qua đường. Nó vồ lấy Dzũng Đakao :

- Đi đâu đấy mày ?

- Tao vừa coi xi nê xong.

- Hay không ?

- Hay nhưng không hay bằng chuyện này.

Tiến gầy biết Dzũng Đakao nhộn «nhất lớp», một «cây» nhiều trò chơi hấp dẫn, thành thử Tiến gầy khoái chí hết sức. Nó hỏi :

- Chuyện gì hả mày ?

- Hay kinh khủng.

- Thì mày nói đi !

Dzũng Đakao cười :

- Mày có khoái chơi trò ông vua Cờ Lau không ?

Tiến gầy nhảy cỡn :

- Số dzách ! Tao đang ngứa tay chân, thèm đánh lộn cho vui. Nhưng đánh khe khẽ như đánh mạnh tao… gầy quá trời, đau chết…

Dzũng Đakao trộ :

- Đánh khe khẽ sao được, đánh mạnh lắm mày ơi !

Tiến gầy hỏi :

- Đánh mạnh như thế nào ?

Dzũng Đakao toét miệng cười :

- Như xi nê !

- Liệu tao «chơi» nổi không ?

- «Chơi» chứ không «chơi» thì hèn quá, tao đã nhận lời với tụi nó rồi.

- Tụi nào đi mày ?

- Quyên Tân Định !

Tiến gầy gật gù cái đầu ra chiều suy nghĩ. Rôi nó xăn tay áo lên :

- Ô kê…

Dzũng Đakao thấy thằng bạn mình «ô kê» liều quá. Chưa biết Quyên Tân Định là thằng nào mà dám «ô kê», thằng nhóc này hơi «bạo phổi». Muốn trêu Tiến gầy, Dzũng Đakao vờ trừng mắt :

- Mày biết Quyên Tân Định là thằng nào chưa mà dám «ô kê» ?

Tiến gầy anh dũng đáp :

- Cóc cần biết nó là thằng nào hết trọi…

Dzũng Đakao khen bạn :

- Mày «anh hùng» số dzách.

Tiến gầy phồng mũi :

- Phải biết, một mình tao đã từng chọi hai thằng lớp nhất A mà tao khỏi có ngán nữa là…

Và chợt nhớ bài lịch sử thầy dạy tháng trước, Tiến gầy «thuổng» luôn câu nói rất «hách» của Đại tướng Trần Hưng Đạo :

- Hì hì, đầu này còn trên cái thân hình cò sếu này thì ta đâu sợ tên vô danh Quyên Tân Định…

Dzũng Đakao ôm bụng cười ngặt nghẽo.

- Mày cười gì đấy Dzũng ?

- Tao coi bộ mày giống thằng nhóc Quyên Tân Định quá.

- Giống ở cái chỗ nào !

- Ở cái khổ mở mồm là phọt kiếm hiệp !

Tiến gầy cãi :

- Tao đọc sử chứ có kiếm hiệp đâu.

Dzũng Đakao xua tay :

- Thôi tao thua lý mày rồi. Giờ tao phong cho mày chức Thiếu tướng !

Tiến gầy há hốc mồm :

- Tao làm Thiếu tướng cơ à ?

- Ừa, vì mày can đảm quá cỡ.

- Tao can đảm ư ?

- Ừa, mày dám «chơi» thằng Quyên Tân Định - một thằng nhóc «chì» nhất miệt Tân Định. Đến tao cũng chưa hạ nổi nó.

Tiến gầy đâm ra lo. Nó bỗng nghĩ rằng, có thằng Dzũng Đakao thì nó «moa phú» hết. Tiến gầy giơ thẳng tay :

- Có mày, tao dám chấp thằng Quyên Tân Định lắm à…

Dzũng Đakao vỗ vai Tiến gầy. Hai đứa rẽ vào ngõ về nhà Dzũng Đakao bàn bạc «kế hoạch quốc phòng».

Ngồi trên cái ghế dài kê trước cửa, bộ ba Dzũng Đakao, nhóc con Hùng và Tiến gầy «thảo loạn kế hoạch» đối

phó với Quyên Tân Định. Trông ba thằng oắt con lúc ấy buồn cười không thể tả nổi. Thằng nào thằng ấy đều làm ra vẻ ta đây quan trọng lắm.

Nhóc con Hùng hỏi anh :

- Anh «thử cựa» với Quyên Tân Định rồi, anh thấy nó có thể hạ nổi anh không ?

Dzũng Đakao dậm chân xuống đất :

- Hạ sao nổi anh.

Nhóc con Hùng bồi thêm :

- Thế sao anh không hạ nó phứt cho rồi, bày trò «chiến tranh» làm chi ?

Tiến gầy tiếp lời nhóc con Hùng :

- Ừa bày trò «chiến tranh» làm chi, tụi mình có quân lính cóc khô gì đâu.

Dzũng Đakao trách Tiến gầy

- Ban nãy mày vừa bảo mày ngứa tay chân mày «moa phú» Quyên Tân Định, giờ mày rụt vòi à ?

Tiến gầy chối khéo :

- Tao rụt vòi đâu ? Tao ngại gây «chiến tranh», tụi mình ít lính thì khó thắng phe Quyên Tân Định đấy chứ…

Dzũng Đakao quả quyết :

- Chưa chắc tụi mình đã ít lính hơn chúng nó.

Nhóc con Hùng bèn đứng lên múa tay :

- Em mới «khám phá» ra cách mộ lính rồi.

Dzũng Đakao hỏi :

- Nói đi Hùng.

Nhóc con Hùng cười hỉ hả :

- Cách này hay số dzách !

Dzũng Đakao sốt ruột :

- Nói mau lên Hùng.

Nhóc con Hùng trịnh trọng :

- Sáng mai các anh đi học, em cũng rủ tụi bạn em đến trường luôn. Các anh gọi bạn các anh ra một chỗ rồi anh Dzũng trổ tài… như chuyện vua Cờ Lau. Hì hì hì…

Dzũng Đakao nắm tay nhóc Hùng bắt thằng em yêu dấu ngồi xuống :

- Hay lắm, tuyệt vời rồi. Tao sẽ trổ tài «dụ khị». Tụi mình phải tuyển những thằng thật cừ.

Tiến gầy hỏi :

- Mày định tuyển bằng cách nào ?

Dzũng Đakao hớn hở :

- Tao sẽ lập «võ đài».

Tiến gầy kê bạn :

- Sao mày bảo mày ghét kiếm hiệp ?

Dzũng Đakao bĩu môi :

- «Võ đài» khác truyện kiếm hiệp chứ ! Thầy giáo mình dạy sử chả nói tới đoạn vua lập võ đài tuyển các tướng chống bọn Tàu phù là gì ?

Tiến gầy ngơ ngác :

- Mày nói gì tao không hiểu.

Dzũng Đakao vỗ vai Tiến gầy :

- Mày giả vờ tài quá trời…

Tiến gầy chối :

- Đâu có.

Hùng nhóc xía vô :

- Anh Dzũng nói Hùng cũng chẳng biết gì.

Dzũng Đakao cười :

- Có thế mà không hiểu. Này nhé, tao sẽ lập một cái «võ đài» như «võ đài» đá dế ấy ! Tao bắt hai thằng choảng nhau, thằng nào khỏe tao chọn làm lính của tụi mình. Vua Trần ngày xưa tuyển tướng đánh Mông Cổ cũng tuyển bằng cách này đó !

Tiến gầy hỉnh hỉnh mũi :

- Chỉ được cái nước nói phét !

Dzũng Đakao làm bộ quan trọng :

- Nói phét thì ăn cái giải gì ? Tao nói thiệt đó. Chẳng tin thằng Tiến cứ hỏi thầy giáo mà xem.

Tiến gầy đành gật gù chịu. Vì cho ăn kẹo, Tiến gầy cũng cóc dám hỏi thầy. Nhóc con Hùng ủng hộ anh :

- Ừa, ừa, để sáng mai sẽ biết.

Tiến gầy nói :

- Anh em mí nhau có khác, nhóc con Hùng bênh anh mày ghê.

Nhóc con Hùng nhe răng, nheo mắt :

- Em bênh cả anh nữa anh Tiến… gầy ạ !

Thế là bộ ba «tam đầu chế» đồng ý với nhau sáng mai Dzũng Đakao sẽ tuyển tướng và lính đánh giặc… Quyên Tân Định.

Văn Việt xin ngừng đăng tải Truyện dài «Dzũng Đakao» ở đây để giới thiệu thêm những tác phẩm khác của nhà văn Duyên Anh. Truyện còn 13 chương tiếp...

133. Ngựa Chứng Trong Sân Trường (1)

Duyên Anh

Phần 1

Ateacher affects eternity.
He can never tell where his influence stops.

HENRY ADAMS

Công trạng của thầy giáo tồn tại muôn kiếp.
Và ảnh hưởng của thầy không đời nào ngưng.

1

Người tùy phái già hỏi tôi - Thầy bị đổi xuống đây à ?

Tôi lắc đầu :

- Không, tôi chọn trường này…

Người tùy phái tỏ vẻ ái ngại. Ông ta nhìn tôi, muốn nói chuyện gì đó nhưng lại ngập ngừng. Cuối cùng, ông ta rót nước mời tôi uống và để tôi ngồi một mình chờ ông hiệu trưởng. Qua khung cửa văn phòng, tôi có thể ngó ra sân trường.Vài cậu học trò, miệng ngậm thuốc lá, lững thững bước dưới nắng lửa. Cỏ sân khô cháy.

Tóc họ chắc cũng bị khô cháy. Và tôi biết đây là những cậu học trò bỏ ngang giờ học. Tôi mới dời trường cao đẳng sư phạm, tuổi nghề vừa ăn thôi nôi. Năm ngoái, tôi dạy ở một tỉnh miền Đông, dân chúng sống bằng nghề chài lưới. Học trò của tôi, phần đông con nhà nghèo nên rất chăm chỉ. Khi người ta mơ ước thoát khỏi cuộc đời cùng cực người ta thường gắng sức phấn đấu. Và cuộc phấn đấu làm người ta say mê. Những cậu học trò của tôi không chịu chấp nhận số phận hẩm hiu của phụ huynh họ. Qua vài lần tâm sự, tôi hiểu họ muốn bãi bể của họ sẽ có nhiều tầu đánh cá thay cho những chiếc ghe chài nhỏ bé dễ bị sóng gió vùi dập ngoài khơi. Và chính họ sẽ lái những chiếc tàu đánh cá tối tân, sẽ biến tỉnh lỵ buồn hiu hắt của họ thành nơi trù phú. Như thế, chỉ còn cách duy nhất là đầu tư tuổi trẻ của mình vào sự học.

Tôi yêu những người học trò ấy. Để khích lệ họ, tôi thích kể về tôi, một kẻ thân lập thân. Tôi đã phải bán báo suốt bảy năm trung học. Những người lơ bến xe đò Lục Tỉnh đều quen mặt tôi. Năm giờ sáng, tôi đạp xe chở chồng báo đến bến xe. Sáu giờ, tôi tới bãi tập võ. Hồi đó sinh hoạt dễ dàng. Mỗi ngày bán báo một giờ là dư tiền trả cơm trọ, sắm sửa quần áo sách vở. Tôi dành dụm tiền mua được cây vĩ cầm. Tôi nhớ đã ôm cây vĩ cầm về nhà trọ hôm tôi đọc thấy tên mình trúng tuyển

vào Đại học Sư phạm ban Hán Việt. Lên đại học, có học bổng, tôi chấm dứt nghề bán báo. Chỉ cần kiếm một chỗ kèm trẻ lấy tiền tiêu vặt. Tôi ghi tên học thêm ở Đại học Văn khoa.

Ngày sung sướng nhất đời tôi, ngày mà tôi cho rằng đã thực hiện được lời hứa với cha tôi, là ngày đâu lên ngồi trong giảng đường đại học. Thuở sinh tiền, đã một lần, lần ấy tôi còn bé lắm, cha tôi dẫn tôi qua khu đại học Hà Nội, ông chỉ tay vô đất thiêng đối với thằng nhóc con, giọng ông run run : «Bố ước ao lớn lên con sẽ học ở trường này». Bấy giờ, tôi không hiểu tại sao cha tôi xúc động. Mãi bây giờ, tôi mới hiểu vì nhà tôi nghèo, cha tôi đã rướn với trái hạnh phúc quá cao tầm tay của ông. Trái hạnh phúc đã nằm gọn giữa bàn tay tôi. Nếu cha tôi chưa mất tôi sẽ bắt ông dẫn tôi đến trường Văn khoa Sài Gòn, nắm chặt tay cha tôi để ông bớt xúc động và thưa với ông : «Con đã học ở trường này». Tôi muốn sống lại đoạn đầu đời.Mà không được. Ngồi trong giảng đường đại hoc, lẩm nhẩm bài Tôi đi học của Thanh Tịnh, tôi đã khóc. Dưới đất lạnh, cha tôi không thể ngờ một đứa trẻ nhà nghèo đã leo lên nổi cái bậc thang mơ ước của cha nó.

Kết luận những mẩu chuyện về tôi, luôn luôn, là có nhiều Châu Trí trên cuộc đời. Học trò của tôi thương tôi hơn và tin tưởng, một mai, họ sẽ lái những chiếc tầu đánh cá gắn ra đa. Tôi cũng tưởng sẽ dạy ở đây mãi mãi, dù được thuyên chuyển về Sài Gòn, tôi vẫn tình nguyện gắn bó đời mình với đời những người học trò miền bể nghèo nàn này. Vì tôi thích, vài chục năm sau, một trong những người học trò của tôi sẽ tạo nên sự nghiệp vẻ vang, về thăm trường cũ, anh ta sẽ bắt chước ông Carnot : «Thưa thầy, con là X. đây, thầy còn nhớ con không ?» Nhưng tôi phải dời tỉnh lỵ miền Đông vì một tai nạn nghề nghiệp ! Đầu niên học năm nay tôi được Bộ Giáo dục chỉ định làm chánh chủ khảo kỳ thi vào đệ thất, lấy lý do tôi vừa tốt nghiệp cao đẳng sư phạm vừa có cử nhân văn chương giáo khoa. Tôi chưa nhiều tuổi nghề so với ông hiệu trưởng và các đồng nghiệp khác, song tôi nhiều bằng cấp hơn họ. Bằng cấp nhiều không có nghĩa là kiến thức uyên bác.Nghề sư phạm đòi hỏi kinh nghiệm. Ở Việt Nam, mọi lãnh vực, người ta vẫn đánh giá trị tài năng qua bằng cấp. Do đó, xẩy ra nạn kiêu khoa bảng. Và người ta cứ lầm tưởng khoa bảng là trí thức. Cho nên, muốn được xưng tụng là trí thức, cần học hành nhất loài vẹt đã đỗ đạt nhiều bằng cấp. Bằng cấp cao đứng trên, bằng cấp thấp đứng dưới, bất chấp tuổi tác, kinh nghiệm nghề nghiệp và cuộc đời.

Trước ngày thi một tuần, ông hiệu trưởng mời tôi ăn cơm. Ông trao cho tôi danh sách ba chục thí sinh, yêu cầu làm ngơ để họ trúng tuyển. Tôi bảo ông chờ tôi suy nghĩ. Ông quả quyết ba chục thí sinh này toàn nhà nghèo đáng nâng đỡ. Tôi về, hỏi thăm vài phụ huynh học sinh tin cậy, họ nói khác ông hiệu trưởng. Nghĩa là, ba chục thí sinh ông hiệu trưởng muốn ban ân huệ, đều là con các thương gia giầu có trong thị xã. Tôi nghĩ ngay đến tôi, đứa trẻ con nhà nghèo, ngày xưa, đã học mòn người suốt ba tháng hè, đã vất vả quật ngã mấy chục đối thủ mới được vào đệ thất trường công học miễn phí bẩy năm. Nếu bị quật ngã, tôi không thể có ngày nay. Tôi phải cẩn trọng cái chức vụ của mình. Tôi đã làm việc trong phòng chánh chủ khảo mấy ngày đêm, nhờ tùy phái mua cơm ăn tại chỗ, coi lại mấy trăm bài thi. Ba chục thí sinh của ông hiệu trưởng gửi gấm bị loại bỏ vì bài thi của họ không xứng đáng, dù những bài thi này được cho điểm thật cao. Tôi phàn nàn các giáo sư chấm thi. Ông hiệu trưởng bảo tôi nên biết điều. Ông ta dọa tôi rằng sau kỳ thi vào đệ thất, tôi chỉ là giáo sư dưới quyền ông ta. Ngày tuyên bố kết quả, ông hiệu trưởng giận dữ. Ông đã xổng một áp phe bạc triệu. Ông để tâm thù tôi. Ông ta đã vận động với Bộ đổi tôi đi nơi khác. Tôi thừa biết ông đã báo cáo về tôi nhơ nhuốc lắm.Bộ gọi tôi về.Tôi trình bầy sự thật.Rất tiếc sự thật không

mang lợi lộc cho cấp trên. Mặc dầu Hội Phụ huynh Học sinh can thiệp giữ tôi, Bộ vẫn muốn tôi dời tỉnh lỵ miền Đông. Bộ còn ưu đãi tôi bằng cách thay vì tống tôi lên Cao nguyên, lại để tôi chọn ba trường ở miền Tây. Và tôi đã chọn tỉnh miền Tây xa nhất.

Tách nước trên bàn ông hiệu trưởng đã nguội ngắt. Người tùy phái già bước vào :

- Thầy dùng nước đi.

Tôi cám ơn ông ta và hỏi :

- Thường thường, buổi chiều ông hiệu trưởng có đến văn phòng không ?

- Ổng làm việc đúng giờ giấc.

- Tại sao chiều nay ?

- Chắc ông bận họp bên Ty Tiểu học. Thầy xuống được mấy bữa rồi ?

- Một.

- Vậy gấp chi. Nghỉ cho khỏe đã.

- Tôi muốn dậy ngay.

- Thầy sẽ mệt à…

Tôi không hiểu ý nghĩa tiếng «mệt» của ông tùy phái già, bởi, nói xong câu «thầy sẽ mệt à», ông lại nhìn tôi tỏ vẻ ái ngại :

- Thầy biểu thầy chọn trường này à ?

- Phải.

- Không hề bị đổi chứ ?

- Không.

Ông tùy phái già hơi tò mò. Dường như, ông có cảm tình với tôi.

- Nói thiệt, tôi mà là thầy, tôi không thèm chọn trường này. Tôi mần ở đây lâu rồi. Chưa hề thấy học trò hư đốn như bây giờ.Bọn nó là giặc. Mấy ông thầy trước bị bọn nó phá quá, dạy hết nổi, cậy cục xin đổi hết trơn.

Ông ta rụt rè :

- Nè thầy…

Tôi mỉm cười :

- Ông muốn dạy tôi vài kinh nghiệm chăng ?

Ông tùy phái lễ độ :

- Đâu dám. Có điều thầy chớ nặng lời với bọn nó. Bọn đệ nhị B2 nhiều thằng dao búa…

Ông ta bỏ ngang chuyện bọn đệ nhị B2, hỏi tôi :

- Thầy trọ ở đâu ?

Tôi đáp :

- Hiện tôi thuê phòng khách sạn. Tôi sẽ kiếm một căn gác nhỏ gần trường.

Vừa lúc đó, có tiếng bánh xe hơi lăn trên lớp đá sỏi trước cửa văn phòng. Ông tùy phái vui mừng báo tin :

- Ổng tới đó…

Và ông kiếm thêm cái tách, châm nước. Rồi bỏ ra ngoài.Ông hiệu trưởng bước vào. Tôi đứng dậy chào ông. Ông bắt tay tôi và mời tôi ngồi.

- Hy vọng đây không phải là giáo sư mới.

Ông mỉm cười sau câu nói mở đầu nên tôi biết ông thích khôi hài.

- Ông hiệu trưởng thất vọng rồi.

Ông nhún vai :

- Giáo sư mới à ? Người ta cứ gửi cho tôi những ông thầy trẻ măng, rồi những ông thầy trẻ măng cứ bắt tội tôi ký đơn chấp thuận để các ông ấy bỏ rơi tôi. Ký và phê thật xấu đặng Bộ có lý do bê các ông ấy đi.

Tôi nói :

- Chắc tôi không van nài ông hiệu trưởng báo cáo xấu để bỏ rơi ông đâu.

Ông hiệu trưởng trạc ngoài bốn mươi. Nhờ mái tóc ông ngả mầu muối tiêu, thành thử, trông phớt gương mặt ông, lần đầu, có thể nghĩ ông đã trên năm mươi. Ông còn trẻ vì ông vui tính. Ông chìa tay bắt tay tôi :

- Hứa nhé !

- Dạ.

Tôi trình sự vụ lệnh. Đọc tên tôi, ông đứng dậy, chìa tay lần nữa, nắm chặt tay tôi lắc lia lịa :

- Toa hả, Định ? Trần Mình Định. Moa phục toa lắm. Giới trẻ cần nhiều thằng quân tử Tầu như toa. Vụ của toa Bộ bàn cãi kịch liệt. Họ đau xót hộ toa bởi sợ xích mích giữa hai thế hệ giáo già, giáo trẻ. Moa về phe toa. Giáo dục không thể là chỗ ăn bẩn.

Tôi ngạc nhiên. Một chút kiêu hãnh nhẹ. Tôi không ngờ vụ chống đối ông hiệu trưởng miền Đông lại gây sôi nổi thế. Sôi nổi âm thầm. Miễn có người hiểu tôi làm phản. Chỉ cần vậy. Là đủ để tôi tin tưởng và kiêu hãnh nghề dạy học của tôi.

- Ông làm tôi đỏ mặt.

- Moa ca ngợi toa. Mai này, toa sẽ ngồi chỗ của Tổng trưởng Giáo dục.

Ông hiệu trưởng đã buông tay tôi ra. Ông cầm gói thuốc mời tôi. Tôi từ chối.

- Không đúng «gu» của toa, hả ?

- Thưa ông, tôi không biết hút thuốc.

- Rượu ?

- Không.

- Xì phé, chắn cạ ?

- Cũng không.

- Toa làm moa sững sờ đấy.

Ông hiệu trưởng coi tôi như một người bạn quen biết đã lâu. Như vậy tôi tin rằng, ít nhất, tôi cũng dạy ở đây

đúng hai năm. Rồi đi đâu sẽ tính sau.

- Toa muốn nghỉ dưỡng sức ít ngày không ?

- Không.

- Vậy sáng mai bắt đầu. Thứ ba đó.

- Vâng, sáng mai.

- Moa đích thân giới thiệu toa với học trò.

- Cám ơn ông hiệu trưởng.

- Tối nay, moa mời toa dùng cơm. Kêu moa bằng anh đi.Cho nó thân mật.

- Cám ơn anh.

Bỗng ông hiệu trưởng nhìn tôi không nói. Ánh mắt đăm chiêu lạ lùng. Tôi ném viên đá nhỏ xuống cái giếng đăm chiêu của ông :

- Lớp đệ nhị B2 có nhiều cậu dao búa. Ngày mai tôi muốn dạy lớp đó trước.

Ông hiệu trưởng cắn môi. Giây lát, ông bật que diêm, mồi điếu thuốc đã rút sẳn.

- Toa còn trẻ quá, moa sợ…

- Anh sợ gì ?

- Sợ toa lại bắt moa không chấp nhận toa dạy ở đây.

- Tôi không muốn học đòi những ông khí phách xằng, hễ ai chê mình trẻ là đọc vanh vách một đoạn Le Cid. Tôi không thể hạ gục nổi ai nhưng tôi đủ kiên nhẫn chịu đựng bất cứ nghịch cảnh nào. Anh đã biết, tôi làm thầy giáo và tôi chọn nghề dạy học vì yêu mến nghề dạy học.

Ông hiệu trưởng xua tay :

- Toa đừng hiểu lầm moa.

Tôi nói :

- Người trị được ngựa chứng là người bị ngựa chứng quật ngã nhiều lần. Mới bị quật ngã một lần đã tởn, không đời nào làm nghề trị ngựa chứng được.

Ông hiệu trưởng đưa tay xoa cằm râu tua tủa :

- Toa bị ngựa chứng đá lần nào chưa ?

Tôi đáp :

- Chưa. Chưa cưỡi.

- Vậy sửa soạn nhẩy lên lưng ngựa. Chúc toa may mắn. Trước khi cưỡi ngựa nhớ tối nay dùng cơm với vợ chồng moa. Toa ở đâu ?

- Khách sạn Thanh Bình.

- Moa đến đón toa. Nhớ nhé, Định !

Tôi dời văn phòng ông hiệu trưởng sau khi đã thanh toán xong một thủ tục hành chánh. Tôi không ngờ thủ tục được thanh toán nhanh chóng và nồng nhiệt thế. Vừa ra khỏi cổng trường thì kẻng ra chơi đổ. Tôi ngoái lại nhìn. Cảnh tượng y hệt cảnh tượng ngôi trường ở miền Đông. Tôi bắt đầu nghĩ về «những thằng dao búa» lớp đệ nhị B2, nghĩ về những con ngựa chứng trong sân trường. Yên chí, ngày mai chúng mình sẽ gặp nhau.

* * *

Tôi vào lớp một mình, từ chối sự dẫn dắt của ông hiệu trưởng. Tôi muốn chứng tỏ mình đã lớn, đã là một ông thầy dạy học trò thi tú tài, dù tôi chỉ mới hai mươi bốn tuổi. Học trò lớp đệ nhị B2 chào đón tôi bằng tiếng hô «nghiêm» dõng dạc. Tôi không giật mình.Thằng hô «nghiêm» đeo kính đen, ngồi đầu ghế bàn cuối lớp. Nó ngồi hút điếu thuốc lá đang cháy, kẹp giữa hai ngón tay nó. Tất cả đều đứng lên.

Tôi bình tĩnh nhìn khắp lớp. Bắt gặp vài khuôn mặt kính cẩn giả tạo, khuôn mặt của những anh hề hạng bét trình diễn tài nghệ trước đám khán giả khó tính. Tôi thong thả bước xuống chỗ thằng đeo kính đen. Nó đã ngậm điếu thuốc và đang nhả khói. Vỗ khẽ vai nó, tôi nói :

- Cám ơn anh.

Nó hất đầu, ngạo mạn :

- Cám ơn gì ?

Tôi cười làm quen :

- Cám ơn đã hô «nghiêm». Tôi rất ghét nghi thức. Nghi thức thường vụ hình thức. Mà hình thức thường giả tạo. Ở lớp học chỉ cần thành thật. Hãy ném sự giả tạo ra cuộc đời. Anh đã hô «nghiêm» làm ơn hô «nghỉ» giùm tôi.

Con ngựa chứng - tạm gọi thế - phá ra cười. Nó ngó đám bạn mà tôi đoán thuộc băng của nó, gỡ kính, đặt trên một bàn :

- Ông nói, tụi mày hiểu gì không ?

Nó dụi điếu thuốc, đứng dậy, khoanh tay :

- Thầy mới chịu chơi số dách. Ông khoái «nghỉ», không khoái «nghiêm».Vậy tụi mày «nghỉ».

Tôi vẫy tay :

- Có nghĩa là các anh ngồi xuống.

Cả lớp ngồi xuống. Riêng con ngựa chứng. Nó vẫn đứng. Một chân ghếch lên ghế. Nó búng ngón tay tách một cái. Ba thằng cùng bàn nó đặt hết chân trên bàn y hệt những người khán giả thiếu tự trọng trong rạp chiếu bóng, thích gác chân lên thành ghế của hàng ghế trước mình. Tôi chưa biết phản ứng ra sao. Những lớp học ở mạn Đông của tôi không có ngựa chứng.Tôi xoay lưng, thong thả bước lên bục và ngồi xuống ghế của tôi. Tôi nhìn những cậu học trò gần tôi nhất, đọc được từ ánh mắt họ nỗi xót thương.

- Chúng ta có thể bắt đầu.

Con ngựa chứng đầu đàn nhún vai :

- Đi đâu vội thế, giáo sư ? Phải giới thiệu cuộc đời ái tình và sự nghiệp của giáo sư chứ ?

Tôi cười :

- Em pha trò duyên dáng đấy.

Tôi bỗng chợt thấy mình giống Audie Murphy trong một phim cao bồi, nhan đề Le nettoyeur. Thị trấn đầy du đãng, lưu manh, sức mạnh là khẩu súng và trái đấm. Người shérif già bất lực, đành vùi đầu ở một góc văn phòng, tối ngày say sưa. Để khỏi phải rút súng, cầm chắc cái chết. Thị trấn cần một shérif tài ba để dọn dẹp rác rưởi, tạo lại an ninh, trật tự. Anh chàng Audie Murphy đã tới bằng chuyến xe đầy hành khách. Bọn cao bồi hay tin, đón chờ anh. Bước xuống xe sau cùng, Audie Murphy nhỏ thó, ăn diện như công tư bột, tay xách chiếc lồng chim. Shérif mới đã làm bọn cao bồi ôm bụng cười nghiêng ngửa. Tôi đang ngồi ở bàn của mình, bên phải là bảng đen, trước mắt tôi là những cậu học trò chỉ kém tôi vài tuổi, nhiều cậu to con hơn tôi. Tôi tự nhủ sẽ chịu đựng những gì sắp xẩy ra.Và, như thế, cần bình tĩnh. Chống tay lên cằm, tôi hỏi con ngựa chứng đầu đàn :

- Anh có hay xem chiếu bóng không ?

- Lu bù.

- Coi phim Le nettoyeur chưa ?

- Ai đóng vai chính ?

- Audie Murphy.

- Chưa.

- Coi phim Blackboard jungle chưa ?

- Phim Tạc giăng à ?

- Không, phim học đường. Người ta dịch là Bầy thú trước bảng đen, Glenn Ford đóng vai thầy giáo.

- Kể sơ phim Le nettoyeur đi !

- Sẽ có dịp.

- Tôi sợ ông không còn dịp.

- Thế hả ! Chúng ta cứ chờ đợi. Bây giờ, tôi đề nghị anh ngồi xuống, ngồi ngay ngắn, tôi sẽ giới thiệu «cuộc đời ái tình và sự nghiệp» của tôi.

Con ngựa chứng nhún vai :

- Ông này ngon đa ! Tụi mày ngồi đàng hoàng.

Nó ngồi xuống ghế trước tiên. Ba thằng trong băng của nó cũng rút chân khỏi mặt bàn. Con ngựa chứng giơ tay

- Giáo sư !

- Chi đó ?

- Tôi hít thuốc được chứ ? Giáo sư chịu chơi là giáo sư để học sinh hít thuốc «líp» trong lớp. Hít thuốc không vụ hình thức. Ô kê ?

Nó không đợi tôi trả lời, rút thuốc, mồi lửa.Ba thằng cùng bàn nó bắt chước nó. Chúng gân cổ rít thật nhanh, phà khói thật nhiều. Tôi im lặng. Con ngựa chứng đứng dậy :

- Mời giáo sư một điếu !

Nó vất gói thuốc và hộp diêm lên bàn tôi. Cử chỉ của nó khiêu khích ra mặt. Tôi chưa biết tên nó. Nhưng tôi sẽ biết. Ở trường sư phạm, người ta không dạy tôi cách đối phó với những đứa học trò ngang tàng. Người ta chỉ truyền cho tôi những kinh nghiệm sư phạm và khả năng chuyên môn. Tôi đã thực tập tại nhiều trường. Những lớp tôi tới thực tập toàn là lớp kiểu mẫu. Tôi cũng đã đọc thêm nhiều sách viết về tâm lý giáo dục. Tuyệt nhiên, tôi chưa được học, được đọc cách giáo huấn phủ đầu những học trò như những thằng đang khiêu khích tôi. Tôi hơi bối rối. Chiều hôm qua, tôi đã nói mạnh với ông hiệu trưởng. Vì tôi không thể tưởng tượng Bầy thú

trước bảng đen lại có thật trước bảng đen trong lớp học của tôi. Tôi là đứa trẻ nghèo khổ đã chinh phục mọi nỗi gian nan để vươn lên. Tôi kiêu hãnh điều đó. Tôi đã chiến thắng cuộc đời thì không thể thua một vài con ngựa chứng.

Tôi thản nhiên rút một điếu thuốc lá, quẹt diêm mồi thuốc. Tôi hít một hơi đẫy, hơi trề hàm dưới, kéo hết khói vào đằng mũi rồi nhả vòng khói tròn lớn, sau đó, thổi thêm một vòng khói nhỏ chạy qua vòng khói lớn. Học trò ngơ ngẩn nhìn. Tôi đã thôi miên họ bằng một chút tài còm. Con ngựa chứng gật gù :

- Tuyệt.

Tôi liệng điếu thuốc ra ngoài hành lang. Con ngựa chứng hỏi :

- Giáo sư biết nhảy đầm không ? - Biết.

- Cờ bịch ?

- Biết.

- Thích không ?

- Thích. Khi tôi dội trường sư phạm, những sở thích ấy đã bị chôn vùi. Giáo sư hút thuốc lá trong lớp sẽ không cấm được học sinh hút thuốc lá trong lớp.Anh

hiểu ý tôi chứ ?

Con ngựa chứng cười lớn :

- Ông chửi xéo tụi mình đó.

Tôi nói :

- Chúng ta nên tìm hiểu nhau. Trước khi làm nghề dạy học, tôi đã làm học trò. Tuổi trẻ có nhiều lầm lẫn đáng yêu nhưng cần đề phòng một lầm lẫn khiến mình phải ân hận suốt đời.

Con ngựa chứng đưa hai tay bưng mặt :

- Ông đi một đường luân lý giáo khoa thư.

Lớp học không cười ồ nữa. Nhiều khuôn mặt nhăn nhó. Nhiều ánh mắt phẫn nộ. Một vài cái đầu đã quay xuống nhìn con ngựa chứng. Chỉ còn tiếng cười khô khan, trơ trẽn của ba thằng thuộc băng ngựa chứng. Tự nhiên, tôi phấn khởi. Người ta dễ nghiêng cảm tình về những kẻ yếu đuối, những kẻ tưởng chừng đang bi số đông bắt nạt. Tôi muốn kéo dài không khí ngộp thở này. Tôi thèm nghe những lời chọc gan của con ngựa chứng. Tôi chờ nó nói một câu thật mất dạy để đón nhận một phản ứng của những người học trò thầm lặng. Tôi đã nghiến răng chịu nhục với cuộc đời. Tôi sẽ nghiến răng

nhẫn nhục chịu đựng những con ngựa chứng. Để chiến thắng. Bởi vì, ngựa chứng trong sân trường vẫn chỉ là học trò. Nhiệm vụ của một ông thầy khác hẳn nhiệm vụ của một ông giám thị trại giáo hóa. Người ta dạy chim sáo chim yểng nói được những câu chào hỏi lễ phép; người ta dạy con khỉ, con vượn làm được trò vui; người ta dạy con hổ, con sư tử làm được theo ý muốn của người ta. Thì tại sao một ông thầy không dạy được những học trò ngang ngược ?

- Anh chê luân lý giáo khoa thư ?

Con ngựa chứng liếm mép :

- Hình như giáo sư chỉ đến lớp dạy Việt văn ? Đã lâu rồi, tôi không được học luân lý. Và cũng chẳng anh nào khoái dạy luân lý. Giáo sư biết tại sao chưa ?

- Tại sao ?

- Tại vì tụi thầy nhóc con vô luân !

Tôi mỉm cười :

- Câu trả lời thấm thía lắm. Người ta bảo tuổi trẻ hôm nay không thích suy nghĩ và tàn nhẫn. Nhưng mà thành thật.

Tôi cố gắng thân thiện với con ngựa chứng :

- Anh !

Nó vênh váo :

- Tôi ?

- Phải.

- Gì ?

- Tên anh ?

- Mai mốt giáo sư sẽ đến nhà tôi chơi phé. Có thể, tôi sẽ cùng chơi nếu thiếu người. Chúng ta sẽ tháu cáy và sẽ chửi nhau nếu có thằng chơi bịp.

Tôi thấy đau nhói tận tim. Nghẹn ngào. Chợt nhớ câu kết tội của người tùy phái già : Chưa hề thấy học trò hư đốn như bây giờ. Tôi chớp mắt, nhiều đôi mắt đối diện tôi cũng chớp mau. Có đôi mắt ứa hai giọt lệ và đọng ở đuôi con mắt. Một người học trò đứng dậy :

- Thưa thầy, xin thầy giảng bài.

Con ngựa chứng đấm nắm tay xuống bàn :

- Lát nữa tao dạy mày ! Để nghe giáo sư kể cuộc đời ái tình và sự nghiệp cái đã. Tiên học tán quét, hậu học

Việt văn.

Người học trò yêu cầu tôi giảng bài vẫn đứng thẳng. Chiếc áo sơ mi trắng nó mặc đã ngả mầu cháo lòng và nhăn nheo. Nó bắt tôi nghĩ tới những người học trò miền Đông cửa tôi. Đôi mắt nó mở rộng, không chớp như thể nó muốn tôi hiểu rằng nó tội nghiệp giùm tôi. Tôi niềm nở hỏi nó :

- Anh tên gì ?

- Thưa thầy Nguyễn Văn Lành.

- Cám ơn anh Lành, anh ngồi xuống. Tôi sẽ không dạy thiếu chương trình.

Lành ngồi xuống. Tôi nói :

- Đáng lẽ ông hiệu trưởng sẽ giới thiệu «cuộc đời ái tình và sự nghiệp» của tôi. Các anh đã nghe tôi tâm sự : tôi rất ghét hình thức. Phải giới thiệu mình là một điều khó khăn. Vì dễ gây ngộ nhận. Tôi xin vắn tắt : Tên tôi, Trần Minh Định, tốt nghiệp đại học sư phạm ban Hán Việt, có bằng cử nhân văn chương giáo khoa, bằng ngôn ngữ học Michigan. Chẳng đáng quan tâm những mảnh bằng đó. Điều tôi muốn các anh phải biết là tôi là đứa trẻ con nhà nghèo, bán báo từ năm học đệ thất lấy tiền ăn học. Tôi yêu nghề dạy học nên thi vào sư phạm.

Chưa có vợ. Chưa có cả người tình. Năm ngoái tôi dạy ở một tỉnh miền Đông. Chống gian lận thi cử bị trả về Bộ. Tôi chọn trường này.

Tôi nhìn thẳng vào mặt con ngựa chứng :

- Và tôi sẽ dạy ở đây, ít nhất là hết niên học.

Con ngựa chứng cười nửa miệng :

- Không bị đi lính à ?

Tôi lắc đầu :

- Tôi đã được huấn luyện quân sự chín tuần. Vì nhu cầu giáo dục, người ta cho tôi vô dạy học.

Con ngựa chứng rít qua kẽ răng :

- Đó là điều tôi không ưa mấy anh giáo sư nhóc. Tại sao bạn bè tôi, và rồi tôi nữa, đi lính là đi luôn ?

Tôi nhún vai :

- Tại vì anh chỉ lo bất mãn, phản kháng, phẫn nộ vô duyên cớ.

Nó cầm cái kính, liệng mạnh vào tường :

- Vô duyên cớ ? Ông mới về đây biết con mẹ gì. Lớp này trước hơn sáu chục mạng. Mỗi ngày một vơi đi, giờ chỉ còn ba chục. Bạn bè tôi lần lượt đi lính. Nhiều đứa đã chết. Tôi cóc muốn học. Tôi khoái nổi loạn, chờ ngày đăng lính. Ông cứ việc đuổi tôi. Tôi tởm những thằng giáo sư trẻ. Chúng nó vô tư cách. Tôi muốn ông cuốn gói càng sớm càng tốt.

Con ngựa chứng chộp cuốn vở gấp đôi, nhét vào túi. Nó bỏ lớp ra ngoài. Ba thằng bạn nó đi theo nó. Tôi đưa hai tay bưng mặt. Cơn xúc động kéo dài.

- Thưa thầy…

Nguyễn Văn Lành đã đứng dậy. Tôi buông đôi tay rơi bịch trên bàn.

- Thưa thầy…

Tôi vẫy nhẹ, bàn tay còn run run :

- Cám ơn anh, anh ngồi xuống. Tôi sẽ dạy hết niên học, dù chỉ còn một mình anh, Lành ạ !

Nhiều tiếng nói nhao nhao :

- Chúng em học thầy.

Nguyên Văn Lành chưa chịu ngồi. Nó ngần ngại muốn nói với tôi.

- Anh có thể nói.

- Thưa thầy thầy phải đề phòng bọn thằng Phong. Tụi nó giao du với những tên du đãng.

- Cám ơn anh. Tôi không bao giờ nghĩ phải đề phòng học trò của tôi. Các anh nhắn giùm Phong và bạn nó hãy đi học. Thầy giáo không thể thù học trò. Chúng ta bắt đầu làm việc. Tôi muốn giảng về Cao Bá Quát, kẻ sĩ nổi loạn trong một xã hội mục nát.

Những cuốn tập mở rào rào. Lớp học im lặng. Tôi say sưa giảng giải thơ văn Cao Bá Quát và nói vài quan niệm riêng của tôi đối với tư tưởng Cao Bá Quát. Tôi không bắt học trò ghi chép quan niệm riêng của tôi. Họ muốn đỗ, họ chỉ được nhai lại những «giáo điều» trong những cuốn sách đã được Bộ Giáo Dục công nhận. Tôi rất lạc quan. Chỉ có bốn con ngựa chứng. Việc gì phải ồn ào, la hoảng ?

134. Ngựa Chứng Trong Sân Trường (2)

Duyên Anh

Buổi tối tỉnh lỵ buồn tẻ. Nhưng tôi yêu sự buồn tẻ của tỉnh lỵ. Đời sống ở đây ít bon chen và an phận. Có lẽ, tại tôi sinh trưởng tại tỉnh lỵ. Bố tôi hồi còn sống đã mong muốn nếu tôi được học trong khu Đại học nghiêm trang, tĩnh mịch, rộng lớn của thủ đô Hà Nội, tôi sẽ học thuốc để trở thành Bác sĩ. Tôi không muốn giấu diếm ai những điều hèn mọn của gia đình mình. Ông Nội tôi chết năm tôi 7 tuổi. Tôi chỉ biết về Ông Nội tôi qua những câu chuyện mà Bố tôi kể cho nghe với nhiều chớp mắt. Đôi khi, hai giọt lệ ứa ra, không chịu chảy xuống má. Ông Nội tôi là một nhà nho ít may mắn, kể cả cái may mắn lều chõng đi thi. Thay vì nghe lời Ông Trần Tế Xương quẳng bút lông đi, viết bút chì, Ông Nội tôi đã miệt mài với bút lông, cốt thu nhặt ít chữ nghĩa của Thầy Khổng, Thầy Mạnh của thời mạt nho của giai cấp thông ngôn đã nắm quyền cai trị. Ông tôi học xong thì làm Thầy Đồ nho. Tôi cố hình dung Ông Nội tôi qua mấy câu phú của Trần Tế Xương : Thầy đồ thầy đạc, dạy học dạy hành. Vài quyển sách nát. Ba thằng trẻ ranh. Và câu đối của Cao Bá Quát : Nhà trống ba gian, một thầy, một cô, một chó cái; Học trò dăm đứa, nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi.

Bố tôi kể rằng Ông tôi đã sống hết đời với nỗi nghèo khổ. Thầy khóa tư lương ăn cơm nhà người ta dạy con cái người ta học thêm chữ nho. Cái tráp của Ông tôi luôn luôn đựng trứng gà luộc. Mỗi bữa cơm, Ông tôi đều nhớ mở nắp tráp, lấy quả trứng bày lên chiếc đĩa trong mâm cơm thường là rau muống, rau khoai hay cà, dưa chấm nước mắm cáy chấm tương. Để hễ khách tới bất chợt, khách biết thầy đồ được ăn cơm sang trọng. Có trứng luộc. Áo rách giữ lề đó. Chả khi nào Ông tôi dám ăn trái trứng. Tội nghiệp Ông tôi.

Một hôm, nhà học trò có giỗ, Ông tôi về đưa Bố tôi tới vì thương con, vì muốn con ăn được vài miếng thịt. Làng mạc miền Bắc không xa nhau mấy. Ông tôi về buổi sáng dẫn Bố tôi đến nhà Ông tôi «ngồi dạy». Buổi trưa, đúng lúc cỗ bàn đã bày sẵn. Chủ nhà Ông tôi «ngồi dạy» nói một câu tàn nhẫn : «Thầy ăn chưa đủ sao còn đem cả con Thầy sang ăn nữa» ! Dù năm ấy mới 10 tuổi, Bố tôi đã biết tủi thân và bỏ về. Câu chuyện tới đây, Bố tôi thở dài : «Con thấy chưa, đời Ông Nội con đấy.» ! Ông tôi dạy học khắp các huyện trong tỉnh. Khi Ông tôi chết, học trò lo chôn cất và dựng một ngôi nhà cột gỗ bằng lim, tường xây bằng gạch làm nơi thờ phụng. Giỗ Tết, học trò về đông đủ bái Thầy. Tôi không quên ngôi nhà ấy, không quên những người học trò của thời đại Tây học đã tận diệt Nho học.

Bố tôi được Ông tôi kềm cặp, sau này, làm Ông Lang. Và tôi hiểu được nỗi ước mơ của Bố tôi. Nhưng Bố tôi chết trước khi tôi lên trung học đệ nhất cấp. Tôi bơ vơ làm lấy đời tôi. Tôi chọn nghề dạy học vì thương Ông tôi. Tôi hứa, bao giờ cưới vợ, có con, tôi sẽ bắt con tôi học thuốc để làm vừa lòng Bố tôi dưới lòng đất lạnh.

Tỉnh lỵ buồn tẻ đâu bằng sự buồn tẻ, quạnh hiu của một ngôi làng nào đó, nơi Ông đã đi hết đời mình. Ông tôi phải thương học trò lắm nên học trò mới nhớ ơn dạy dỗ của Ông tôi. Tôi thích tỉnh lỵ miền Đông. Những mái nhà ngói xanh rêu dù nắng rực rỡ sau những trận mưa xối nước khiến tôi tưởng tới những nhà lợp rạ khói bốc lên quyện lấy sương chiều và học trò của tôi hiền lành, ngoan ngoãn. Tỉnh lỵ miền Tây, nơi tôi đang gặp những ưu phiền, giàu sang gấp bội tỉnh lỵ miền Đông. Nhà hai ba tầng. Mái ngói đỏ tươi. Kiến trúc mới mẻ. Máy móc ồn ào. Trên mỗi nóc nhà là một cây ăng-ten. Ở đây, tôi không được nghe biển động. Tôi đã trải qua một ngày căng thẳng. Những con ngựa chứng lớp Đệ Nhị A2 vừa lồng lộn. Nhiều đồng nghiệp trẻ tuổi của tôi đã bỏ cuộc rodéo giáo dục. Nhưng tôi có Nguyễn Văn Lành và trò Lành - cái tên thật dễ thương - khuyên tôi : «Thầy phải đề phòng bọn thằng Phong. Tụi nó giao du với những tên du đãng.»

Du đãng đã đáp xe đò xuống lục tỉnh. Bằng cách nào ? Phải chăng bằng những phim chém giết, đấm đá Django ? Phải chăng bằng những phim chưởng Trung Hoa mà ân oán giải quyết bởi kiếm chặt đứt đầu, bởi đao chém ngang thây ? Phải chăng bằng những điều mà người ta gọi là tuổi trẻ phản kháng, tuổi trẻ mệt mỏi trong văn chương thời thượng nhập cảng do những cây bút vô trách nhiệm ? Tôi không tin như thế. Vì, 4 lớp Đệ Nhị của tôi, ngoài đám ngựa chứng Đệ Nhị A2, học trò các lớp khác chỉ có vẻ không phục tôi, không kính trọng tôi, có vẻ dửng dưng với người dạy dỗ họ. Tôi ngạc nhiên khi trống trường điểm hết giờ, tôi yêu cầu lớp Đệ Nhị B1 ở lại nghe tôi nói chuyện mươi, mười lăm phút, họ đứng dậy, thu xếp sách vở vài nói :

- Thưa Thầy, bài giảng Thầy đã hết, các Thầy khác cho nghỉ sớm hơn…

Tôi hỏi :

- Nghỉ sớm hơn làm gì ?

Một cậu học trò đáp :

- Để nghe các Thầy nói chuyện ăn chơi ở Sài Gòn.

Tôi thành khẩn :

- Tôi không nói chuyện ăn chơi.

Cậu học trò nhún vai :

- Vậy chán chết. Thầy có báo Playboy không ? Coi hình đã lắm. Các Thầy trẻ như Thầy đều cho coi.

Thằng Phong (mai tôi dở sổ coi họ và tiếng lót của nó và sẽ xem hồ sơ của nó) đã mỉa mai tôi rằng sẽ biết tên nó khi đến nhà đánh phé. Những Ông giáo sư trẻ đến tỉnh lỵ này đã làm học trò mất niềm tin. Tôi cũng ngạc nhiên nhận thấy một số học trò gọi giáo sư một cách hờ hững và xưng tên tôi một cách thản nhiên. Khác hẳn với miền Đông. Miền Tây văn minh hơn miền Đông. Văn minh đến, đạo đức suy đồi. Tôi muốn nói tới những nền văn minh không được đãi lọc tinh hoa. Tỉnh lỵ miền Tây, nơi tôi vừa đến, sẽ mang một nỗi buồn tẻ tự trái tim của nó. Tôi đứng trên hành lang khách sạn nhìn xuống. Con đường thật sạch, chỉ có vài cọng rác. Tôi muốn làm người phu quét đường tỉnh lỵ. Phải giữ gìn tỉnh lỵ của chúng ta. Phải giữ gìn tuổi trẻ của tỉnh lỵ.

Hôm sau, tôi gặp lại học trò Nhị A2 trước. Cả lớp đứng dậy chào tôi. Tôi vẫy tay nói cám ơn họ. Thiếu 4 con ngựa chứng. Nguyễn Văn Lành dán băng keo ở trán

và một bên mắt nó tím bầm. Tôi dở sổ gọi tên.

- Nguyễn Văn Phong !

- …

- Lê Quang Luyện !

- …

- Trần Chí Thiện !

- …

- Tôn Thất Du !

- …

Đó là tên 4 con ngựa chứng. Chúng nó vắng mặt. Không ai dám hô «Vắng mặt» dùm chúng nó. Gấp sổ gọi tên lại, tôi bước khỏi bục. xuống bàn Nguyễn Văn Lành.

- Anh Lành.

Nguyễn văn Lành đứng dậy, lễ phép :

- Thưa Thầy…..

Nó chớp mắt nhìn tôi ái ngại :

- Thưa Giáo sư, thưa…..

Và nó khóc oà. Lành ngồi đầu bàn. Tôi rút khăn đưa cho nó thấm nước mắt.

- Anh ngồi xuống. Học trò sắp trở thành cậu tú đơn, khóc lóc kỳ quá. Ngày xưa, bằng tuổi anh, mỗi ngày đi học tôi đều bị một trận đòn bắt nạt. Tôi không khóc, tôi nghiến răng chịu đựng. Sau đó, tôi nên người. Muốn làm một người có tâm hồn, ta phải trả giá thật đắt. Anh là một học trò có tâm hồn cao thượng.

Nguyễn Văn Lành trả lại tôi chiếc khăn đẫm nước mắt của nó. Và nó ngồi xuống. gục mặt trên bàn. Tôi biết nó đã bị bọn thằng Phong cảnh cáo về tội phá đám chúng nó trong giờ học đầu, chúng nó muốn đánh phủ đầu tôi. Chắc thằng Phong đã rạch lưỡi dao cạo lên trán Lành và đấm Lành sưng vù mặt.

- Thưa….

Tôi quay nhìn cậu học trò vừa lên tiếng :

- Anh muốn tôi giảng bài ?

Cậu học trò lắc đầu :

- Tôi, giáo sư, Thầy, em…..tôi… phải xoay bảng.

Tôi hỏi :

- Anh được lệnh ?

Cậu học trò ấp úng :

- Dạ, không…, tôi… em muốn xoay bảng giúp Giáo sư.

Nó dời chỗ, lên xoay bảng. Dòng chữ viết : «thằng giáo sư Định cút khỏi đây gấp. Lệnh của chúa đảng Sọ Người.» Cậu học trò xanh mặt ngó tôi. Tôi dịu dàng bảo nó :

- Cám ơn anh đã xoay bảng giúp.

Tôi tới bảng tìm giẻ lau không có. Ngựa chứng đã liệng nơi nào. Tôi lấy khăn mà Lành vừa thấm nước mắt, xóa đi rồi dùng phấn viết dòng chữ : Tôi nhất định ở đây dạy hết niên học. Lệnh của lương tâm và lòng tự ái của tôi. Tôi xoay bảng và lên bục Thầy giáo hành nghề. Nửa tiếng sau, bọn thằng Phong đến. Chúng vào lớp như rạp chiếu bóng. Ngựa chứng đầu đàn nhe răng cười, hất đầu trêu tôi :

- Đêm qua có rút không ?

Nó giả đò :

- Chút quên, đêm qua giáo sư ở phòng ngủ. Mê ly hả?

Tôi nói :

- Anh nên vào chỗ nếu anh muốn học. Con đường anh hy vọng đi tới còn xa lắm. Thế nào chúng ta cũng co lần gặp nhau và giúp đỡ lẫn nhau.

Nó vất mẩu thuốc lá, dùng đế giầy dẫm nát :

- Tôi sẽ nhập ngũ, ra trận. Ông được biệt phái làm Thầy thiên hạ, gặp nhau thế quái nào nhỉ ?

Tôi nói :

- Tôi không trốn lính. Tôi không hèn nhát. Anh Phong, Nguyễn Văn Phong, anh nhớ gìum tôi điều đó. Tôi chưa bao giờ can đảm nhưng sẽ không thể hèn nhát.

Nó bĩu môi :

- Ngon dữ !

Tôi nói :

- Tôi chỉ có một mình, không vợ con để phải có trách nhiệm, không Bố Mẹ để phải phụng dưỡng. Tôi cần gì chạy chọt, xin xỏ trốn lính. Tôi đã là lính. Anh Phong không biết chuyện một giáo sư tình nguyện không về phép suốt chín tuần thụ huấn quân sự à ?

Ngựa chứng đầu đàn móc túi rút điếu thuốc đầu lọc. Nó cắn chặt cái đầu lọc và cười khẩy :

- Cuối cùng, các anh vẫn được biệt phái làm thầy. Các anh trình diễn khéo lắm. Thôi, giảng bài đi cha nội! À khoan đã…

Nó bước nhanh lên bảng, xoay mạnh. Phong nhích lại. Nó ngó tôi :

- Thằng Lành hôm qua bị té xe.

Rồi về chỗ. Khi tôi giảng bài, ngựa chứng ngồi hút thuốc. Hút thuốc chán, nó lôi cái máy thu thanh bỏ túi đặt trên mặt bàn, mở nhạc. Tôi kiên nhẫn chịu đựng. Gần hế t giờ, ngựa chứng bỏ ra ngoài. Chúng nó ra như chúng nó vào. Tôi hỏi học trò :

- Các anh có hiểu những lời tôi giảng không ?

Im lặng… Tôi nói :

- Đừng sợ bị phá. Mỗi chúa nhật, tôi sẽ dạy các anh để các anh khỏi bị trượt oan uổng. Vài hôm nữa, tôi xin một căn phòng ở trường. Tôi sẽ ăn ở luôn trong trường.

Anh nào kém bất cứ một môn gì, tới tôi, tôi kèm giúp.

Nguyễn Văn Lành đứng lên :

- Thưa Thầy, Thầy không dạy ở trường tư sao ?

Tôi đáp :

- Không.

Nó nói tiếp :

- Chúa nhật, Thầy cần nghỉ ngơi, giải trí chứ ?

Tôi nói :

Tôi giải trí với các anh. Các anh sẽ đậu hết, sẽ được hoãn dịch theo đuổi sự học tới bậc Đại học. Mà Lành….

- Dạ.

- Coi chứng kẻo bị té xe.

- Em không sợ té xe, thưa Thầy.

- Một người không muốn giống những người khác, chắc chắn, người ấy chỉ gặp những hàn oan và thù hận.

Tôi vẫy tay :

- Lành ngồi xuống.

Đôi mắt trò Lành ngầu đỏ. Nó nhìn tôi không chớp. Và, bất thần, nó đưa tay lên trán lột miếng băng keo. Vết thương còn non, ứa máu ra, Lành nói :

- Thưa Thầy, em biết chuyện Ông Carnot.

Bây giờ, nó mới chịu ngồi xuống, dùng ống tay áo sơ mi trắng thấm máu đỏ đang bắt dòng từ từ chảy trên má nó. Tôi muốn khóc, quả thật, tôi muốn khóc. Con đường tỉnh lỵ miền Tây chỉ có vài cọng rác. Và tàu ngựa của chúng ta chỉ có vài con ngựa chứng. Tôi nói thật nhỏ nhưng cả lớp đều nghe rõ :

- Các anh cho tôi một vinh dự quá lớn. Chẳng biết tôi có bảo vệ nổi cái vinh dự đó.

Một cậu học trò đứng dậy :

- Thầy không giống các giáo sư trẻ dạy trường này.

Tôi nói :

- Các anh chưa thức khuya làm sao biết đêm dài.

Cậu học trò khoanh tay :

- Em sẽ thức khuya với Thầy.

Giờ dạy của tôi chấm dứt. Tôi không muốn dời khỏi lớp. Tôi muốn ở lại đây, gặp hoài học trò của tôi, nói với họ những gì tôi biết, tôi nghĩ về cuộc đời. Tôi muốn họ là học trò lớp 3. Và tôi là ông Thầy tiểu học. Tôi muốn có ngọn roi máng trên tường. Tôi muốn có câu «Tiên học lễ, hậu học văn» treo cạnh ngọn roi mây. Tôi muốn được đập thước kẻ kêu giòn đầy quyền uy xuống mặt bàn Thầy giáo. Không có những thứ đó ở các lớp trung học. Nhất là các lớp trung học Đệ Nhị cấp. Ông thầy khi đã được gọi là giáo sư để phân biệt với giáo viên và học trò thích nhận mình là học sinh để chứng tỏ mình đã hết thời tiểu học thì cả Thầy lẫn trò đều xa nhau. Họ nghĩ rằng, qua cửa ải tú tài, học vài năm đại học là bằng Thầy. Vậy có gì để nói với nhau hơn là bài giảng đã ghi sẵn trong chương trình của Bộ Giáo Dục. Ông Thầy quên mất rằng học trò của mình đang là tuổi trẻ, và học trò quên mất rằng Ông Thầy còn là người hướng đạo cho họ, một mai, họ bước xuống cuộc đời. Những con ngựa chứng sẽ dẫn dắt bầy ngựa ngoan dời bỏ tầu ngựa nếu người chủ tầu ngựa buông xuôi trách nhiệm. Tôi hiểu chỉ có tâm hồn một Ông Thầy tiểu học già mới

cảm hóa nổi những con ngựa chứng trong sân trường. Bằng kiên nhẫn. Bằng độ lượng. Bằng đức độ và cuộc sống đạm bạc. Tôi nhớ Ông Nội tôi, Ông Đồ nghèo khổ hành nghề giữa một hoàng hôn Nho học, giữa thời buổi mười người đi học, chín người thôi. Thế mà Ông tôi đã can đảm đi hết cuộc đời một Thầy Đồ. Tại sao tôi lại hèn nhát ? Không, nhất định tôi dạy hết niên học ở đây.

Vì trò Nguyễn Văn Lành đã thương tôi đến nỗi phải đổ máu và nước mắt. Nó biết chuyện Ông Carnot. Tôi cũng biết chuyện Thầy Hoàng Cơ Nghị.

* * *

- Anh thu xếp cho tôi một căn phòng nhỏ trong trường, cạnh nhà ông tùy phái. Tôi muốn ăn ngủ trong trường cho tiện.

- Đến nhà moi đi. Còn một căn phòng trên gác. Lý tưởng lắm.

- Tôi muốn ở trong trường.

- Vấn đề an ninh à ?

- Không.

Tôi trả lời ông hiệu trưởng và bày tỏ luôn sự khó chịu của tôi :

- Tại sao ông lại coi học trò bất bình thường như kẻ thù cần đề phòng ?

Ông hiệu trưởng cười xòa :

- Toa bướng lắm Định. Moa biết bọn thằng Phong đã hăm dọa toa.

- Tôi thách thức chúng thì đúng hơn.

Ông hiệu trưởng nhún vai :

- Phải áp dụng câu tránh voi chằng hổ mặt nào, Định! Toa đừng tự ái vặt. Bọn thằng Phong đã đón đánh mấy ông giáo sư trẻ vì dám thách thức chúng.

Tôi không dằn được sự tức giận :

- Họ đáng bị khinh bỉ bởi họ không phải là thầy giáo dù họ đã tốt nghiệp ở trường dạy làm thầy gíao. Thằng Phong miệt thị tôi bằng cách đem mấy ông giáo sư trẻ đã đến nhà nó đánh phé với nó ra khoe khoang. Ở lớp khác, học trò đòi tôi kể chuyện ăn chơi ở Sài Gòn và cho họ xem báo Playboy vì các thầy trẻ đã làm như thế trước khi tôi tới. Anh không biết những chuyện đó, chuyện đê tiện của thầy mà chỉ biết sợ hãi, đề phòng những đứa học trò mất nết. Thầy đàng điếm, trò du đãng, có chi lạ. Anh muốn đuổi tôi đi khỏi đây cứ việc đuổi, nếu tôi đã

nhục mạ anh.

Ông hiệu trưởng lắc đầu :

- Định, toa đừng nghĩ thế. Moa quý toa. toa làm moa suy nghĩ.

Tôi hỏi :

- Anh suy nghĩ gì ?

Ông hiệu trưởng trầm ngâm giây lát, rồi đáp :

- Toa đã khích lệ moi. Đến một tuổi nào đó, con người đâm ra ù lỳ, an phận và hèn nhát chỉ vì sợ xê dịch. Moa ở đây khá lâu, muốn yên thân. Moa không khốn nạn như thằng hiệu trưởng đã đánh toa văng đi nhưng không dám can đảm như toa. Toa còn trẻ.

- Tôi sẽ già giống anh.

- Không, toa sẽ không giống moa. Toa làm rạng rỡ cho nhà giáo mới.

- Anh lầm, tôi chỉ muốn làm trọn bổn phận một thầy giáo. Anh có học cuốn Luân lý giáo khoa thư của Trần trọng Kim không nhỉ ?

- Chắc moa quên.

- Trong cuốn đó, có bài Lương tâm chức nghiệp, kể chuyện một người thợ sửa cầu. Sửa xong thì hết giờ. anh thợ gói đồ nghề sửa soạn ra về, chợt anh nhìn thấy một con ốc còn lỏng. anh nghĩ chuyến xe lửa sắp chạy qua cầu có thể lật đổ, chết hết hành khách vì con ốc này. Không ai bắt anh làm quá giờ của anh ngoài lương tâm anh. Và anh thợ hèn mọn đã dở đồ nghề, siết chặt con ốc. Anh chẳng cần ai nhớ ơn anh và cũng chẳng cần ai biết anh. Nhưng lương tâm anh yên ổn. Tôi muốn bắt chước anh thợ hèn mọn này. Tôi sẽ đưa bọn thằng Phong trở về bàn học của chúng nó hoặc tôi sẽ đổi nghề. anh nên giúp đỡ tôi, tôi không cô đơn. Cả lớp Nhị A2 thương tôi trừ bọn thằng Phong. Chúng nó sẽ cô đơn. Không ai dám đổ máu vì chúng nó song đã có cậu Nguyễn Văn Lành dám đổ máu vì tôi. Anh biết chưa ?

Ông hiệu trưởng sửng sốt :

- To chuyện thế rồi cơ à ?

Tôi mỉm cười :

- Mới khởi sự, đôi khi, vì cần siết chặt con ốc, người thợ có lương tâm phải sứt da, chảy máu.

Ông hiệu trưởng rút điếu thuốc mới, quẹt diêm, mồi thuốc. Cử chỉ của ông chậm rãi, bình tĩnh, nhưng, thật

ra, ông đang bối rối. Ông nhìn khói thuốc :

- Toa đã ném tảng đá xuống hồ, mặt hồ của moa gợn sóng và sắp nổi sóng.

Tôi nói :

- Ông có đủ lý do để thuyên chuyển tôi.

Ông hiệu trưởng dập vội điếu thuốc :

- Toa đừng dồn moi vào chân tường.

- Tôi không bắt anh về cùng phe tôi. Anh cứ thụ động, thụ động cho tới khi thằng Phong rạch lưỡi dao cạo vào trán anh hoặc anh làm hiệu trưởng suốt đời ở đây. Tôi chỉ muốn anh nhìn bọn thằng Phong bằng con đôi mắt xót thương. Anh phải cứu rỗi nó.

- Cứu rỗi ?

- Vâng, chúng ta đang giữ nhiệm vụ lãnh đạo tinh thần chúng nó.

- Moi cho toi biết, thằng Phong là con trai cầu tự của ông phó Tỉnh trưởng nội an.

Tôi đập nắm tay xuống bàn ông hiệu trưởng :

- Nó là con ai mặc xác nó. Với tôi, nó chỉ là thằng học trò ngỗ nghịch. Và tôi, Tôi sẽ làm cho nó hết ngỗ nghịch.

Ông hiệu trưởng bóp trán thở dài :

- Toa bướng quá. Moa có cảm tưởng là toa gàn. Một con chim én không làm nổi mùa Xuân.

Tôi lắc đầu :

- Anh sẽ thấy con chim cô độc vẫn làm nổi mùa Xuân. Tôi không gàn. Những người đã chết cho một lý tưởng đẹp thì không gàn.

Ông hiệu trưởng chớp mắt :

- Quả thật, toi xứng đáng làm Tổng Trưởng Giáo Dục.

Ông đứng dậy, chìa tay :

- Moi sẽ giúp toi.

Tôi bắt chặt bàn tay một đàn anh :

- Chỉ cần một căn phòng trong trường là đủ và tôi muốn anh đứng ngoài cuộc rodéo.

Tôi cười :

- Anh làm trọng tài.

Vài hôm sau, tôi dời khách sạn Thanh Bình, vào sống ở trong trường như một người tuổi trẻ dời cám dỗ bên ngoài để vào nhà tu. Thầy giáo cũng chỉ là một nhà tu. Hơn một nhà tu vì không được khoác áo nhà tu. Căn phòng ông hiệu trưởng lo liệu giùm tôi nằm ngay cạnh căn phòng ông tùy phái già. Trước đây, căn phòng dùng làm nơi chứa những bài thi lục cá nguyệt và thi vào đệ thất. Ông tùy phái già phải tìm chỗ khác để dọn cái đống này đi, hoặc chờ đem đốt hoặc bán cho người ta gói hàng. Ông tùy phái già rất thương tôi. Ông không nói, nhưng tôi hiểu. Ông quét dọn, rửa nền nhà và bảo tôi mua sơn về để ông quét tường. Tôi bảo không cần. Ông tùy phái xịt thuốc muỗi đến cay cả mắt. Ông kiếm cho tôi cái tủ nhỏ đựng quần áo, cái bàn viết và chiếc divan. Đại khái, căn phòng của tôi là căn phòng suốt quãng đời đi học tôi mơ ước. Bây giờ mới có. Tôi ngỏ ý nhờ ông tùy phái già nấu cơm tháng. Ông nói sợ cơm gia đình không xứng đáng cho một giáo sư. Tôi phải trình bày những ngày cơm dĩa ở vỉa hè Sài Gòn, ông mới chịu nhận lời. Ông mời tôi qua nhà ông, giới thiệu vợ con ông với tôi. Cô con gái út ông là học trò lớp Nhị B1. Cô bưng nước trà nóng mời tôi uống.

Ba cô giục :

- Con chào Thầy đi con.

Cô học trò lễ phép :

- Thưa Thầy….

Tôi hỏi :

- Phải Nguyễn Thị Lan không ?

Cô học trò vân vê mép bà ba trắng :

- Dạ, Thầy nhớ tên em mau quá.

Ông tùy phái mắng con :

- Đứng trước Thầy phải khoanh tay, lễ phép. Ba cấm con xưng em với Thầy. Thầy cũng như Cha Mẹ. Con phải xưng con với Thầy.

Cô học trò Nguyễn Thị Lan vội vàng khoanh tay, cô cúi gầm mặt. Có lẽ cô xấu hổ. Tôi nói :

- Học trò bây giờ xưng hô với các giáo sư trẻ như thế cả, bác ạ !

Ông tùy phái nói :

- Tên tôi là Năm.

Ông tiếp :

- Trẻ già cũng vậy, đã dạy mình, tức là Cha Mẹ mình. Không Thầy đố mày làm nên.

Ông già Năm - tôi không muốn gọi ông là tùy phái - phân trần :

- Học trò bây giờ hư hỏng, chúng nó không kính trọng Thầy.

Ông chép miệng :

- Đọc nhựt trình, tôi thấy học trò ở Sài Gòn bỏ bê học hành, chạy rông ngoài phố phá phách còn cãi láo «Bé không học, lớn làm cảnh sát dã chiến». Tưởng làm thứ gì chớ làm cảnh sát dã chiến đâu có khó.

Ông bảo con gái :

- Vô trong nhà để Thầy và Ba nói chuyện.

Cô học trò cúi đầu chào tôi, ông già Năm thở dài :

- Chuyện thằng Phong làm Thầy buồn hả ? Tôi vái trời nó sớm đi lính.

Ông đẩy tách nước về phía tôi :

- Mời Thầy dùng nước đi, kẻo nguội,

Tôi cám ơn ông già Năm và uống cạn tách nước. Hương trà thơm. Thơm như tình người tùy phái tỉnh lỵ. Ông già Năm cũng tưởng tôi xin vào trường, ăn ngủ trong này để đề phòng bọn thằng Phong. Thú thật, tôi không sợ thằng Phong. Nếu tôi không dạy học, không dạy nó học, nếu tôi làm nghề khác mà bị bọn thằng Phong gây sự, dọa nạt, tôi sẽ cho nó và bạn bè nó một bài học đích đáng bằng võ lực. Hồi còn bán báo ở bến xe lục tỉnh, tôi đã đánh gục hai thằng lơ xe đò toan bắt nạt tôi khi can thiệp vào vụ chúng nó đánh một đồng nghiệp báo bé nhỏ của tôi và vất báo thằng bé tung tóe. Tôi học võ, võ nghệ của tôi chưa cao cường, song thừa khả năng quật ngã bọn thằng Phong. Nhưng giáo dục là chinh phục tâm hồn chứ không phải phô trương vũ lực. Một đồng nghiệp của tôi bị một thí sinh giết chết chỉ vì ông đã xử dụng võ nghệ đánh đấm bọn thí sinh mất dạy. Tôi có vẻ lạc hậu, tầm hồn nặng chất quốc văn giáo khoa thư. Bài học của Thường Tung dạy Lão Tử, tôi ghi nhớ nằm lòng. Thường Tung sắp chết, Lão Tử đến thăm. Thường Tung há miệng ra hỏi : «Răng ta còn không ?», Lão Tử đáp : «Hết». Thường Tung le lưỡi hỏi : «Lưỡi ta còn không ?», Lão tử đáp : «Còn». Thường Tung căn dặn : «Ngươi phải nhớ kỹ, lưỡi mềm thì còn, răng cứng thì gãy». Dạy đệ tử bài học cuối cùng, Thường Tung nhắm mắt. Tôi nhớ bài này và luôn

luôn nhẫn nhục, mềm mỏng, khi bước xuống cuộc đời.

Không thể cứng rắn với đám ngựa. Cứng rắn là đổ vỡ. Tôi ít tự phụ nhưng nhiều tự ái. Đã vượt qua bao nhiêu chướng ngại vật cuộc đời, đã chiến thắng nhiều hoàn cảnh, đã vươn lên từ một thằng bé mồi côi, vất vưởng, tôi không thể thua bọn thằng Phong. Tôi sẽ bắt nó khuất phục tôi, chỉ cần nó trở về, ngồi ngoan trên ghế nhà trường như những Nguyễn Văn Lành. Chỉ cần có thế.

- Bác Năm.

- Dạ.

- Bác biết gì về những thầy trẻ ở đây ?

- Họ khác Thầy.

- Làm sao Bác Năm biết khác tôi ?

- Biết chứ.

Ông già Năm có vẻ kiêu hãnh về nhận xét của ông. Ông châm thêm nước cho tôi và nói tiếp :

- Tôi làm tùy phái từ ngày trường mới cất. Tôi già bằng cái trường này rồi. Già tuổi nghề đó Thầy. Rất nhiều thầy, trò đã bỏ trường ra đi, tôi vẫn ở lại, Người

già biết nhiều chuyện, biết so sánh.

Tôi nói :

- Tôi vừa chân ướt chân ráo về đây, bác Năm đâu đã hiểu tôi.

Ông già Năm mỉm cười. Nụ cười thật đôn hậu. Ông nói :

- Nói hay cho Thầy, Thầy chắc không thích, Nhưng Thầy có tướng ông Thầy. Nhìn qua là nhận ra liền.

- Cám ơn Bác Năm.

- Thầy xin vô trường là phải. Rồi bọn thằng Phong sẽ bỏ học. Bọn nó học hành gì. Học ăn cướp. Ông già nó chẳng ra hồn người. Rõ thiệt cha nào, con nấy.

Quả nhiên ông già Năm đã tưởng tôi đề phòng bọn thằng Phong đón đường hành hung. Tôi không muốn giải thích.

- Thầy Định.

- Dạ.

- Các Thầy bây giờ sao trẻ thế ? Thầy trẻ khó dạy trò.

Tôi chẳng hiểu phải trả lời ông già Năm ra sao, khó trả lời. Khó trả lời quá. Tôi lảng chuyện :

- Bác Năm.

- Dạ.

- Tôi muốn qua đây dùng bữa cho đỡ phiền hai Bác.

Ông già Năm xua tay :

- Không được, con Lan sẽ lo cơm nước cho Thầy. Nó có bổn phận ấy. Thú thiệt, tôi rất vinh dự được nấu cơm giúp Thầy. Thầy không thích ở khách sạn, ăn cơm tiệm sang trọng, vậy là Thầy đã khác mấy ông thầy trẻ.

Tôi nói :

- Tối nay, mời Bác qua bên tôi, tôi muốn hiểu tất cả những gì bác nhận xét về các ông thầy trẻ đã bị bọn thằng Phong hành hung.

Ông già Năm vui vẻ :

- Được, thầy Định.

135. Ngựa Chứng Trong Sân Trường (3)

Duyên Anh

Đời sống ở tỉnh lỵ êm ả như nước hồ thu. Nếu một viên sỏi ném xuống đủ làm mặt hồ gợn sóng thì một viên khác, thường, dù rất nhỏ mọn, cũng đủ làm xôn xao tỉnh lỵ. Những đồng nghiệp của tôi đã không hiểu thế. Họ mang theo đời sống Sài Gòn về tỉnh lỵ. Ở Sài Gòn, Thầy giáo tự do sống, tự do nghỉ, tự do chơi khi bước ra khỏi cổng trường. Chẳng ai cần chú ý. Chẳng ai thèm chú ý. Trò gặp Thầy còn ngoảnh mặt làm ngơ nữa là.Hoặc thầy vội vã chạy trường, không muốn nhìn trò cúi đầu chào mình. Thầy tha hồ bài bạc, đĩ điếm. Dẫu gặp trò nơi bài bạc, đĩ điếm cả thầy lẫn trò đều phớt tỉnh, coi nhau như người xa lạ.

Cái xã hội xô bồ Sài Gòn chấp nhận vậy. Tôi không bảo các ông thầy lo thụ hưởng và học trò đều hư đốn. Chỉ một số nhỏ. Ở lãnh vực nào cũng có một số nhỏ tồi tệ. Và nên bỏ qua.Riêng lãnh vực giáo dục, tôi nghĩ, không thể tha thứ cho một ông thầy vô trách nhiệm. Người chăn chiên ghẻ lở, cả bầy chiên sẽ ghẻ lở. tôi rất đau lòng thấy báo chí mô tả những cơ sở giáo dục như những cơ sở bán chữ nghĩa. Tình nghĩa thấy trò đã phôi pha, nhất là tình nghĩa thầy trò tư thục. Người ta trút hết

tội lỗi cho chiến tranh. Tự nhiên, chiến tranh trở thành cái thùng rác chứa đầy cặn bã xã hội. Người ta phán xét thầy, trò một cách não lòng. Trò thì không nhìn thấy tương lai nên chán chường hiện tại, cái hiện tại tối mò, ánh sáng đủ chiếu trên con đường một chiều dẫn vào quântrường. Đó chính là cái cơ sở để nổi loạn.Thầy thì đời sống vật chất bấp bênh, nặng gánh gia đình, đàng nhốt lương tâm thật kỹ, chạy trường nháo nhác kiếm tiền, Những ông thầy nổi tiếng hái ra bạc, mở lớp riêng, thu nhận học trò như rạp chiếu bóng thu nhận khán giả. Và, những ông thầy đó, tối tối xoa mạc chược ăn thua trăm ngàn. Chưa đủ, có ông còn tằng tịu với ca sĩ phòng trà, tung tiền bạc kiếm được từ những học trò hiếu học, ham bằng dâng hiến tình nhân. Không nuối tiếc. Nhưng nếu một học trò chậm đóng học phí, thư ký vô tận lớp đọc thông báo mời ngay.Có lẽ, mỗi hoàn cảnh xã hội tâm hồn con người mỗi khác. Tôi vẫn mơ ước nhà giáo hôm nay bằng lòng cuộc sống của các thầy đồ ngày xưa. Giáo viên tiểu học sống âm thầm, đạm bạc, thiệt thòi từ vật chất đến tinh thần, nào đã lên tiếng phàn nàn, chống đối, đòi hỏi ?

Trong đời tôi, có hai mẩu chuyện làm tôi xúc động và đọc lại bất cứ lúc nào cũng làm tôi rơm rớm nước mắt. Đó là mẩu chuyện ông huyện Đức nhờ thầy nuôi ăn học thành tài trở về thăm trường cũ trong Tấm Lòng Vàng

của Nguyễn công Hoan và mẩu chuyện ông Carnot làm quan to nước Pháp nhân dịp rảnh rỗi ghé thăm thầy xưa tóc đã bạc phơ, má đã lõm, mắt đã mờ. Đến nỗi, trò Carnot phải khoanh tay, cúi đầu : Con là Carnot đây, thầy còn nhớ con không ? Tôi đã hình dung ra vĩ nhân Carnot qua bức tranh mộc mạc ở cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp dự bị và tôi tưởng chừng như còn nghe rõ tiếng nói thiết tha của ông Carnot. Bây giờ, ở nước tôi, một vị thủ tướng về thăm trường cũ chỉ kể chuyện chọc phá các vị giám thị với các học trò ! Carnot tâm sự : «Ta bình sinh nhờ ơn Cha Mẹ rồi tới Thầy ta đã dạy dỗ nên người». Các vị thủ tướng của nước tôi thật là khác vĩ nhân Carnot. Ở nước Pháp, giáo viên tiểu học được xếp nên nấc thang giá trị cao nhất, được kính trọng nhất. Tổng thống, thủ tướng đứng hàng thứ 5. Ở nước tôi, một ông quận trưởng cũng thừa quyền xông vào lớp học, hành hung và nhục mà thầy giáo. Và ở Sài gòn, thầy giáo đành tự nhận mình chỉ là kẻ bán chữ nghĩa. Bởi vậy, tôi xin đi dạy ở tỉnh lỵ dù tôi đậu ra trường cao và được ưu tiên ở Sài Gòn. Tôi nhớ mang máng một câu đề cao thiên chức nhà giáo của Tagore : Nhà giáo là một ngọn đuốc, Nếu ngọn đuốc không cháy sáng thì làm sao gom những ngọn đuốc khác-theo chủ nghĩa Tagore-ở Sài gòn chẳng những đã không thắp sáng mà còn bị đốt cháy rụi. Tôi sợ bị đốt cháy rụi. Nói

thật lòng mình, tôi hãnh diện vì ông Nội tôi, hãnh diện vì sự bần cùng của ông đồ trong buổi chiều tàn của Nho học, hãnh diện vì ngôi nhà các môn đệ của ông tôi xây cất thờ phụng Thầy dạy học của mình, hãnh diện vì câu chuyện ông tôi cõng Bố tôi đi ăn cỗ bị hắt hủi, hãnh diện vì ông tôi không đổi bút lông thành bút chì mà tôi sẽ thắp sáng bằng ngọn đuốc nhà giáo.

Tỉnh lỵ, tôi đã nói, một việc nhỏ mọn đủ làm tất cả xôn xao. Tôi buồn vô cùng khi nghe xong một giờ thuyết trình của ông già Năm về các bạn đồng nghiệp trẻ của tôi, họ xứng đang bị thằng Phong miệt thị. Theo tôi, một thầy giáo từ Sài Gòn về tỉnh lỵ phải coi như từ cuộc đời vô nhà tu. Chúng ta đều là người, Khổng Tử, Mạnh Tử là người. Người Khổng tử trở thành thánh nhân chỉ vì dám nhắm mắt trước mọi quyến rũ vật chất. Khổng tử cũng thèm ăn trái cấm mô phạm như bất cứ một bậc thầy nào. Ngài đã nín cơn thèm. Và ngài là Khổng tử, là vạn biểu thế sư. Tôi muốn bênh vực cái tuổi trẻ của một số đồng nghiệp của tôi. Họ quan niệm rằng ròng rã 16 năm học tập khổ cực, đợi mãi mới kiếm được ngày kiếm tiền, thì phải thụ hưởng. thụ hưởng vội vàng. Thụ hưởng thật nhiều để trả thù những ngày bạch diện thư sinh, bánh mì và xôi là bạn thân thiết của những buổi sáng học trò. Muốn thụ hưởng thỏa đáng, cần phải kiếm tiền. tôi không có ý nghĩ coi thường các trường tư,

nhưng các trường tư ở tỉnh lỵ vốn mang nặng mặc cảm về giáo sư của họ. Họ thấy giáo sư của họ thiếu bằng cấp cao, thiếu chất đại học sư phạm. Họ vồn vã mời các giáo sư trường công. Các đồng nghiệp của tôi đã lao vào lửa.Họ được ưu đãi, nịnh bợ ở trường tư. Họ được trường tư đem bằng này, cấp kia của họ quảng cáo đầu trường, xó chợ cùng các tên tuổi của họ. Họ thỏa mãn tự ái tuổi trẻ của họ. Họ đến với những người đãi ngộ họ. Và họ quên bổn phận của họ đối với học trò. Tỉnh lỵ buồn tẻ. Họ ham vui chơi, Họ tổ chức bài bạc sát phạt với nhau. Giao du rộng hơn, họ chơi bài với các ông bà lớn trong tỉnh. Hãy mường tượng một ông thầy thức trắng dêm Chúa Nhật đánh bạc, sáng thứ hai vào lớp !

Hãy tưởng tượng khuôn mặt bơ phờ, hốc hác, ngáp vặt suốt giờ dạy ! KHông còn gì bệ rạc hơn. Cả tỉnh lỵ biêt những thầy ham bài bạc. Cả tỉnh lỵ đồn đãi những ông thầy gian díu với nữ sinh. Chưa hết, những ông thầy trẻ thường la cà ở các quán cà phê, quán rượu, tư cách vất đi hết. Các ông thầy trẻ tiếp nữ sinh trong phòng riêng của mình và cửa khép kín.

Ở trong lớp, ông thầy trẻ đứng trên bục gỗ nhìn học trò suýt soát tuổi mình đâm ra tự ti mặc cảm. Ông thầy tự tôn mặc cảm thì dằn mặt, hạch hỏi, truy học trò gắt gao để lấy oai. Để làm cái thế thượng phong. Ông mày

tao với học trò một cách phách lối, sai hẳn với những bài học sư phạm của ông. Học trò ngầm chống đối, những cậu quá khích nuôi hận thù và đợi dịp tỏ thái độ.

Thái độ như thái độ của bọn thằng Phong. Nhiều ông thầy trẻ hung huênh hoang, phô trương tài học, kiến thức và cách ăn diện đúng mốt. Ông thầy tự ti mặc cảm thì nhút nhát, hiền tới thái độ hè, không làm chủ nổi lớp học, không chinh phục được học trò. Lớp học ồn ào, đầy tiếng cười ngạo mạn. Ông thầy lặng thinh chấp nhận một đời công chức bình thường. Ngọn đuốc thầy giáo không thắp sáng nổi. Để học trò chống đối hay coi thường, ông thầy đã bất lực trong vai trò giáo huấn. Những ông thầy đánh bạc, tán nứ sinh, la cà ở các quán cà phê bị khớp miệng, chỉ giảng bài như cái máy và không dám nói về đức dục. tôi cho rằng sự sa đọa của giáo dục hôm nay là tại quan niệm sai lầm của Bộ Giáo Dục. Người ta giới hạn tuổi tác khi tuyển sinh viên vào các trường sư phạm. Các ông thầy trẻ tuổi trời và tuổi đời chưa bao nả nên chưa đủ kiên nhẫn và kinh duyệt. Các ông quá gần gũi học trò nên dễ bị đồng hóa với học trò.

Ngày xưa, những ông thầy thường bằng tuổi hay lớn hơn Cha Mẹ của học trò. Nhìn ông thầy, chửa hiểu tài ba của thầy ra sao, học trò đã kính trọng thầy của mình

rồi. Học trò xưng con với thầy trìu mến như xưng cn với Cha Mẹ. Thầy giáo đầy quyền uy, Một tiếng thước kẻ đập mạnh xuống mặt bàn, cả lớp im phăng phẵ, sợ hãi. Lời Thầy rót vào tai, thấm vào hồn. thầy mắng, cúi mặt xấu hổ, biết ơn thầy dạy dỗ. Gặp thầy ngoài đường, cách xa hàng chục thước, đã dừng lại, đứng nép bên đường, mũ trên đầu bỏ ra, câm trên tay khoanh trước ngực chờ thầy tới gần để lễ phép chào Thầy. Đấy là những anh học trò ăn mặc sạch sẽ, đâu tóc chải chuốt, chứ những anh đầu bù tóc rối, mặt mũ nhem nhuốc, thấy bóng dáng thầy từ xa, đã tìm cách trốn tránh. Một chiếc khuy áo đứt, sợ thầy khiển trách, cũng còn chẳng dám chào thầy ngoài phố. Thầy đáng kính nể hơn Cha Mẹ. Được Thầy đến nhà chơi là một vinh hạnh. Đứng như cây gỗ, không dám nhúc nhích, thầy hỏi câu nào mới dám trả lời câu đó. Hình ảnh của những thày giáo của thế hệ tôi đã chìm khuất vào dĩ vãng. Người ta làm cách mạng, làm đảo lộn tất cả, Tôi chấp nhận, Nhưng làm cách mạng giáo chức, làm trẻ trung hàng ngũ giáo chức, sự trẻ trung chỉ vụ hình thức và chỉ tạo ra một lớp thầy giáo trẻ không được học trò kính nể thì tôi không chấp nhận.

Chưa kể những ông thầy bê bối, vô giáo dục trong sứ mạng giáo dục, hãy nói về những ông thầy trung học để nhị cấp như tôi, với số tuổi sấp sỉ học trò (học trò ở

tỉnh học muộn, đa số khai rút tuổi đi) làm sao tôi dám xưng thầy và gọi học trò là con, mặc dù nền văn hiến của nước tôi cho phép tôi xưng hô như thế. Tôi sẽ bị chống đối ngay. Cách mạng đã hơn ba lần dấy động. Dấu chân Không Mạnh đã bị xóa mờ. Và chỉ thấy rõ rệt những bước chân cùi Tây phương in dấu trên đường giáo dục. Những bước chân cùi được mời vào xứ xở của những thằng mù. Và những thằng mù thay phiên nhau phá hoại nền văn minh dân tộc.

Người ta đã gạt những nhà mô phạm chân chính khỏi nền giáo dục bằng cách giới hạn tuổi tác khi tuyển sinh viên đại học sư phạm. Ba mươi tuổi là quá già. Mà ông thầy đệ nhị cấp cần trên dưới 40 tuổi mới đủ lấy cái uy của một ông thầy để học trò phải kính trọng. «Tiển học lễ, hậu học văn». Tôi nghĩ, quan niệm giáo dục cũ cần được bảo vệ đến nơi đến chốn. Ông thầy là sư phụ, là maitre. Ông thầy không thể là cán bộ giáo dục. Ông thầy là nhà tu hành, khổ hạnh hơn nhà tu hành vì không khoác được áo tu hành.

Những ngọn đuốc, theo ý Tagore chẳng bao giờ cháy sáng. Bởi vì, những nhà giáo già chân chính bị bạc đãi cả vật chất lẫn tinh thần; những nhà giáo trẻ coi chuyện dạy học như một đợi thời cơ, như một định mệnh an bài, như một thiếu suy nghĩ, như một lối kiếm sống

hay, xót xa hơn, như một cách kiếm thêm tiền. Những người đã tốt nghiệp đại học sư phạm, đa số, muốn đời sống vững chắc bằng khoảng lương cố định, về già có hưu trí. Tôi đã rơi vào ý nghĩ miệt thị giáo sư trẻ tuổi của học trò. Tôi không trách họ. Điều đáng trách là cái chính sách giáo dục vô chính sách hôm nay. Phần nào đó, đáng trách, còn là chiến tranh. Chiến tranh đã du nhập vào đất nước này nhiều tệ trạng. Và tệ trạng đáng kết án đã làm người tuổi trẻ chán nản hiện tai, nghi ngờ tương lai. Thầy và trò đều trẻ tuổi. Từ đó, tư tưởng sống vội, hưởng nhanh đâm chồi, nẩy mộng. Để buông xuôi trách nhiệm. Sĩ khí không rụt rè gà phải cáo mà bệ rạc, tang thương.

Riêng tôi, tôi đã chọn nghề dạy học, đã thừa hưởng tinh thần chịu đựng của ông Nội tôi, Không có hoàng hôn của giáo dục bây giờ. Mà chỉ ngộ nhận mà mặc cảm và bỏ cuộc. Tagore nói : «Tôi ngủ và tôi đã mơ rằng cuộc sống chỉ là vui thú, tôi thức dậy và nhận thấy rằng cuộc sống chỉ là phục vụ. Và tôi cảm thấy rằng phục vụ là vui thú.» Mọi vui thú đều có giá của nó. Tôi đã chọn nghề dạy học làm nỗi vui thú. Tôi phải trả cái giá cho nỗi vui thú của tôi.

Không hiểu sao, tôi rất tự tin. Rằng, ngọn đuốc tôi sẽ cháy sáng để mồi lửa cho những ngọn đuốc của thằng

Phong.

* * *

Lớp học riêng của tôi khai giảng vào buổi sáng Chúa Nhật. Học trò đến thật đông khiến tôi cảm động và phấn khởi. Không có bọn thằng Phong và những cậu học trò yêu cầu tôi kể chuyện ăn chơi ở Sài Gòn, đòi cho coi báo Playboy. Họ ngoan ngoãn, lễ phép. Tôi bắt đầu làm việc với họ bằng lời nói chân thành :

- Tôi tốt nghiệp đại học ban Hán Việt, nhưng tôi hy vọng đủ khả năng dạy thêm các em những môn cần thiết như sinh ngữ, toán. Ta học cùng với nhau. Nếu bài nào tôi quên hay không hiểu rõ, các em cho phép tôi tra cứu lại và chúng ta sẽ làm sáng tỏ sau.

Một cậu học trò giơ tay, đứng dậy :

- Thưa thầy, thầy đừng khiêm tốn với chúng em.

Tôi nói :

- Tôi khiêm tốn với mọi người. Khiêm tốn là tự trọng. Sự học vốn được coi như cái bể. Học hỏi mà. Học đến chết vẫn chưa biết hết điều mình muốn học. Học để thi đậu thì dễ. Học để hiểu biết đến nơi đến chốn mới khó. Các em cần dành thì giờ đọc sách báo khoa học, chính

trị, nghệ thuật thì mới có kiến thức phổ thông. Thuộc vài bài thơ của Nguyễn công Trứ, Cao bá Quát hay chứng minh nhanh như máy những bài toán hình học khó, không phải là vốn liếng bước xuống cuộc đời. Thứ dùng để đánh bóng giá trị một con người không bao giờ là bằng cấp. Đó là sự hiểu biết sâu rộng, cao xa và cách xử thế. Học làm người mới khó, các em đồng ý chứ ?

Đám học trò im lặng, ngơ ngác. Tôi có cảm tưởng họ đang là những cánh chim nhỏ bé và nghĩ tôi là ngọn cây cao. Tôi phá tan sự im lặng của họ :

- Tôi cũng đang học làm người.

Cậu học trò khác đứng dậy, khoanh tay :

- Thưa thầy, chưa một thầy trẻ nào nói những lời của của thầy cho con nghe.

Tiếng «con» ngọt lịm. Tôi xấu hổ quá. Nhưng chợt nhớ câu mắng con gái của ông già Năm, tôi không yêu cầu đứa học trò xưng «em» với tôi.

- Các thầy nói gì ?

- Thầy toán đe dọa hỏng bài toán là trượt lên đại học… Quân Trường, tu nghiệp tại Đồng Đế.

Cả lớp phì cười. Cậu học trò vẫn nghiêm trang :

- Thầy lý, bảo ban A, ban B hệ số cao. Sinh ngữ chỉ sai một câu chả sao, chứ lý, hóa sai câu đầu là hỏng hết, là trượt, là đi lính.

Tôi hỏi :

- Em sợ đi lính à ?

Cậu học trò không đáp. Tôi vẫy tay cho cậu ngồi xuống. Tôi muốn nói với đám học trò của tôi đừng sợ đi lính. Nếu họ muốn làm người thì quân trường là trường học dạy làm người hay nhất.

Học trò đệ nhị, hầu như, sợ làm lính. Họ thích làm sĩ quan, nếu phải đi lính. Do đó, mảnh tú tài là một vấn đề sinh tử của họ. Và vấn đề sinh tử ấy đã làm đổ máu, đã gây ẩu đả ở các trường thi. Giám khảo dễ dãi, mảnh bằng vô giá trị. Giám khảo khó khăn thì bị ăn đòn, ăn dao. Nếu chế độ quân dịch được đối xử bình đẳng, nghĩa là, bất kể tiến sĩ, kỹ sư, cử nhân, bác sĩ, tú hay không mảnh bằng nào, đến tuổi nhập ngũ phải đi hết, không được hoãn hay miễn dịch vì lý do tối cần thiết, lý do học vấn… và đều là lính binh nhì sau thời gian thụ huấn quân sự thì chẳng còn ai sợ đi lính. Rồi thời gian làm bổn phận công dân được ấn định rõ rệt,

hai hay bốn năm và thực thi nghiêm chỉnh, người tuổi trẻ biết chắc ngày về để làm tương lai của mình, họ sẽ hăng hái nhập ngũ. Ai thích làm sĩ quan phải chọn lính làm cái nghề và phải thi vào trường Võ Bị Quốc Gia. Tương lai quân đội Việt Nam sẽ không còn sĩ quan tốt nghiệp trường Bộ Binh Thủ Đức nữa. Và chế độ quân dịch sẽ bình đẳng. Hiện tại, vì nhu cầu sĩ quan cần thiết, trường Võ Bị Quốc Gia đào tạo sĩ quan hiện dịch rất công phu, chưa đủ cung cấp cho chiến trường những sĩ quan cấp úy vừa giỏi cả văn lẫn võ nên cái ranh giới đệ nhị và tú tài là một vấn đề sinh tử của học trò. Vấn đề đó làm đảo lộn giáo dục, nghiêng ngả học đường, phôi pha tình nghĩa tình thầy trò. Và ông thầy trẻ dùng quân dịch để áp đảo học trò. Và các tư thục dùng đòn quân dịch dể dọa nạt học trò chầm trễ lệ phi. Chiến tranh chỉ đang trách phần nhỏ. Những kẻ lợi dụng chiến tranh buôn bán chữ nghĩa mới đáng trách nhiều. Họ còn tệ mạt hơn kẻ làm giàu trong chiến tranh.

Tôi hỏi cả lớp :

- Đã em nào xem xem phim L»enfer des hommes chưa ?

Đám học trò tỉnh lỵ của tôi nhao nhao :

- Thưa thầy, chưa ạ. Phim hay không thầy ?

Tôi đáp :

- Hay ở chỗ vai chính đóng lại đời lính quân dịch của mình.

Tôi tóm tắt cuộc đời anh binh nhì Audie Murphy trong đệ nhị thế chiến. Anh ta không hề học ở West Point. Nhờ chiến đấu anh dũng và thay thế cấp chỉ huy khi cấp chỉ huy gục ngã, anh được thăng trung úy, được rất nhiều huy chương. Có một huy chương chính do tướng De Lattre de Tassigny gắn lên ngực anh. Thế chiến chấm dứt, Audie Murphy dời Âu Châu về Mỹ làm tài tử xinê, đóng phim cao bồi. Một trong những cao bồi tôi thích nhất là Le nettoyeur mà tôi hứa sẽ có dịp kể cho bọn thằng Phong nghe.

Tôi kết luận :

- Giá trị của người lính là ở sự chiến đấu anh dũng, không bao giờ là cái lon đeo trên cổ áo.

Mỗi Chúa Nhật, ngoài giờ dạy thêm học trò sinh ngữ, việt văn, toán, tôi thường nói với họ về những mẩu chuyện mà «các thầy trẻ khác không nói». Học trò các trường tư, bạn bè của họ, tới xin học tôi, tôi nhận dạy. Và tôi phải mất thêm buổi chiều. Như thế, tôi không có Chúa Nhật. Nhưng tôi bằng lòng phục vụ họ, phục vụ là

vui thú. Tagore đã nói đúng. Mỗi buổi sáng Chúa Nhật, sau một tháng phục vụ những người học trò hiếu học, bọn thằng Phong xuất hiện. Nó vào lớp khi tôi đang giảng một đoạn văn của Dickens. Vẫn tác phong quen thuộc, thiếu chỗ ngồi, bọn chúng ngồi lên bàn đầu của các cô học trò. Thằng Phong rút thuốc lá ngậm miệng rồi quẹt một que diêm Mỹ vào đế giày, mồi thuốc. Nó cười, hai hàm răng nghiến chặt cái đầu lọc :

- Phiền bạn không, bạn Định ?

Tôi nói :

- Không phiền cho tôi, nhưng phiền cho các cô ngồi sau lưng các anh.

Thằng Luyện quay lại đàng sau, nham nhở :

- Các em phiền các anh ? Tụi này chịu chơi mà…

Mấy cô học trò không đỏ mặt xấu hổ, nhưng đã xanh mặt tức giận, Thằng Thiện giả đò vươn vai, ngáp dài :

- Chúa nhật mà dạy với học thì sức đâu lên nước Thiên Đàng ! Về nước địa ngục hết trọi.

Không ai cười câu nói khôi hài vô ý thức của con ngựa chứng trừ cái băng bốn thằng của nó. Đám học trò đổi thái độ, nhất là Nguyễn văn Lành. Tôi nhìn những

tia mắt anh lửa giận dữ của họ và nói một câu bâng quơ «Mọi chuyện sẽ ổn thỏa», nhằm bảo với họ rằng, hãy bình tĩnh, kẻo đổ vỡ tất cả. Tôi vẫy tay :

- Buổi chiều, chúng ta sẽ tiếp tục. Sáng nay, học thế là đủ, ít ra, đủ chứng minh phẩm cách của người học trò. Các em có thể về.

Ngựa chứng đầu đàn cười ngạo mạn. Nó đấm nắm tay xuống mặt bàn :

- Buổi chiều, liệu tiếp tục nổi không ?

Tôi dục học trò :

- Các em về đi !

Nguyễn văn Lành và người bạn trường tư của nó đứng dậy. Và Lành hỏi :

- Thầy cũng về chứ, thưa thầy ?

Tôi đáp :

- Tôi ở lại. Tôi không có nhà. Nhà tôi là nhà trường.

Bốn con ngựa chứng nhất loạt nhảy xuống khỏi bàn học. Chúng quay lưng về phía bảng đen, đối diện bọn Nguyễn văn Lành như bốn tên cao bồi sửa soạn rút

súng. Thằng Phong nghiến răng :

- Mày ngon hén, Lành ?

Cô nữ sinh ngồi cạnh con gái ông già Năm lên tiếng :

- Ảnh không mất dạy như anh. Chiều nay, thầy sẽ dạy và tôi sẽ đến học.

Thằng Phong nhún vai :

- Sai ông già đem lính kiểng tới bảo vệ hả ? Tụi này có biệt kích, ông tỉnh trưởng dám đàn áp học sinh không ?

Tôi biết cô học trò Nhị BI hiền lành, duyên dáng, tên Phạm kim Liên là ái nữ ông tỉnh trưởng. Nàng như mọi cô gái khác. Giản dị, hòa hợp với bạn bè. Nàng đã tỏ thái độ với con trai ông phó nội an. Nàng nói :

- Anh thách thức ba tôi đấy nhé. !

Tôi đứng trên bục gỗ ngó một vết rách trên manh áo học đường. Và tôi bảo :

- Các em về hết đi, nếu các em thương tôi.

Đám học trò lục đục dời khỏi lớp. Họ không chịu về mà đứng ở sân trường chờ đợi, Tôi hiểu họ chờ đợi để can thiệp đúng lúc, nếu bọn thằng Phong gây sự hành

hung tôi. Tôi không cần họ can thiệp. Tôi đủ sức đối phó với đám ngựa chứng. Tôi phải chinh phục bọn thằng Phong. Và tôi muốn chúng hiểu tôi đã khắc ghi lời vàng ngọc của Lyon Phelps vào tim phổi. Dạy học không bao giờ là một nghề nghiệp tầm thường hoặc một kế sinh nhai. Mà là một thiên chức và một đam mê. Tôi thích dạy học. Nếu bọn thằng Phong hiểu tôi, chúng sẽ hết đồng hóa tôi với một số đồng nghiệp trẻ tuổi thiếu đam mê, quên thiên chức của mình và chúng không miệt thị, không khiêu khích tôi nữa. Chúng sẽ ngồi ngoan dưới ghế học trò, kính yêu thầy trên bục gỗ. Nhớ lại những ngày tôi còn ở trường sư phạm, vị thầy khả kính của tôi, Sư huynh Mai Tâm, đã dạy tôi Nghệ thuật dạy học. Tâm lý giáo dục, tâm lý thanh thiếu niên do ngài soạn thảo, tôi đều dùng làm sách gối đầu giường. Tôi cũng đọc Tác phong nhà giáo của Simon và tự kiểm điểm tác phong của mình. Tôi thấy không có gì để bọn thằng Phong nghi ngờ tư cách và kiến thức của tôi. Về nghệ thuật dạy học, Sư Huynh Mai Tâm dạy rằng : Thầy giáo phải ưa chuộng các môn mình dạy, thầy giáo phải yêu mến các môn sinh của mình, thầy giáo phải hiểu biết các môn sinh của mình, thầy giáo phải siêng năng học hỏi và tu dưỡng trí thức, thầy giáo có tính vui vẻ, khôi hài… Những cái «phải» trong trong nghệ thuật dạy học, có thể, tôi chưa vững vì tuổi nghề chưa bao nả. Nhưng

nhất định không thiếu sót. Tôi tự hỏi tại sao Sư huynh Mai Tâm, vị thầy kính yêu của tôi, chinh phục được tất cả các môn đệ của ngài. Mà môn đệ của ngài lại thúc thủ trước đám ngựa chứng. Tôi thật sự chưa hiểu bọn thằng Phong chăng ? Chiến tranh đã làm một số tuổi trẻ thành phố trở nên cô đơn, lạc lõng và khó hiểu chăng ? Tôi không tin tình người Việt Nam dễ phôi phai đến thế. Tôi muốn tìm hiểu rõ ngọn nghành u ẩn của bọn thằng Phong. U ẩn của tuổi trẻ là một căn bệnh. Căn bệnh sinh nhiều biến chứng, biến chứng trong lớp học, biến chứng ngoài cuộc đời.

- Nè ông giáo sư, tụi này cóc ngán thằng nào ráo trọi.

Thằng Luyện nói, Nó bóc thanh kẹo cao su, bỏ vô miệng nhai và nó thổi bong bóng. Rồi đưa hai bàn tay đập vỡ cái bong bóng. Một tiếng nổ nhẹ, nó hỏi tôi :

- Nghề không ?

Tôi đáp :

- Em có tài vặt, người nào nhiều tài vặt, ra đời đỡ khổ.

Nó cười :

- Dạy học được chứ ?

Tôi chưa kịp trả lời thằng Luyện thì thằng Phong đã hất hàm :

- Con Liên là gì của giáo sư ?

Tôi cắn chặt môi để kìm cơn xúc động. Ngựa chứng đầu đàn liếm mép :

- Tôi ngờ quá.

Không ai đau khổ và nhẫn nhục hơn tôi lúc này. Tôi có thể tát mạnh vào mặt thằng Phong, đạp nó ngã chúi và cho mỗi con ngựa chứng một bài học bằng bạo lực nếu tôi không coi chuyện dạy học là một thiên chức và một đam mê.

- Anh Phong.

- Gì ?

- Tôi là thầy giáo.

- À, thiếu gì thầy giáo cua học trò. Khối thằng học trò mất đào vì đào của chúng nó ham làm vợ thầy giáo. Tôi đã mất một con đào. Tình địch của tôi là thằng thầy trẻ như ông ấy.

- Tôi muốn anh bình tĩnh.

- Tôi không muốn bình tĩnh.

- Anh phán xét tôi sai cả. Anh ngộ nhận. Tôi muốn hiểu các anh và các anh hiểu tôi. Nếu các anh không thích học, các anh để các bạn anh học.

- Hiểu thì ăn cái giải gì ?

- Không ăn cái giải gì hết, nhưng sẽ không làm anh ân hận một mai.

- Chúng tôi thề cóc có ân hận. Đời còn chó gì đáng để mình ân hận. Ông ham dạy, bọn nó ham học khiến tụi này mắc cở nên không khoái ông giở trò. Dạy ít thôi, Dạy cả Chúa Nhật. Chúa sẽ phạt ông !

- Tôi giúp đỡ họ.

- Miễn phí à ? Tốt, tốt, tháng đầu trổ tài nghệ quyến rũ học sinh. Tháng sau sẽ thu tiền rồi tiền in bài. Tháng kế tiếp là học phí tượng trưng. Thủ đoạn «cua pạc» miễn phí, tụi này quen quá.

- Anh lại ngộ nhận.

- Sức mấy, tôi thừa kinh nghiệm.

- Anh chưa có «kinh nghiệm», chưa có một tí «kinh nghiệm» nào về tôi. Trong tâm hồn anh chứa đầy thành

kiến. Anh sẵn chiếc mũ hôi hàm để chụp lên đầu bất cứ một ông thấy giáo nào của anh, miễn là họ trẻ, họ chỉ hơn các anh vài tuổi.

Ngựa chứng đầu đàn nhả khói thuốc, suy nghĩ. Những đứa khác nín lặng chờ đợi phản ứng của xếp chúng. Tôi khai thác triệt để lời dạy về nghệ thuật tuyên truyền của Lénine : Muốn lời nói của mình đi vào tâm hồn của người nghe thì phải làm sao cho lời ấy đi qua lỗ tai của người nghe đã.» Tôi luôn luôn nghĩ rằng những thanh niên ngang tàng nhất, bướng bỉnh nhất là những thanh niên giàu tình cảm nhất. tình cảm ấy bị chôn lấp. Nếu ta khai quật lên được, tình cảm sẽ làm mềm những trái tim ngỡ rằng chai lì, sắt đá. Đó cũng là nghệ thuật trong nghệ thuật dạy học.

- Anh Phong, Nguyễn quý Phong, Trần chí Thiện, Lê quang Luyện, Tôn Thất Du.

Thằng Thiện gật gù :

- Thuộc tên dữ đa ?

Tôi nói :

- Các anh hãy dẹp bỏ tự ái đi, nếu không, bước xuống cuộc đời, các anh sẽ khổ sở vì tự ái.

Tôi giơ tay :

- Các anh đừng cắt ngang, đừng vội bỉ thử. Ta hãy coi chỗ ta đang đứng không phải là lớp học và tôi chưa từng dạy học. Tạm coi chúng ta là bạn. Tôi là người bạn tình cờ của các anh, tôi muốn kể cho các anh nghe về cuộc đời tôi. Tôi không còn trẻ như các anh ngó qua bề ngoài đâu. Tôi có một thời thơ ấu tối tăm, chật vật, một nghề dạy học xây bằng đau khổ, nghèo hèn, buồn tủi và ước mơ. Không bao giờ tôi đồng hóa các anh với bọn du đãng ngoài học đường, tại sao các anh đồng hóa tôi với người khác ? Tại sao, tại sao ?

Ngựa chứng đầu đàn trả lời :

- Tại vì…

Nó đang tìm một câu nói thật tàn nhẫn, độc địa, tôi không để nó nói. Khoanh tay trước ngực, tôi nhìn con ngựa chứng đầu đàn :

- Thành thật một chút, anh Phong. Có phải anh tự cảm thấy nhỏ bé trước tôi không ?

Ngựa chứng đầu đàn nghiền nát cái đầu lọc của điếu thuốc. Nó phì điều thuốc khỏi môi :

- Anh là cái thớ mẹ gì ?

Và nó ngoắt tay. Cả bọn bước ra ngoài. Gian lớp trống vắng. tôi vừa hé mở cánh cửa tâm sự của con ngựa chứng, của những con ngựa chứng trong sân trường. Một tia sáng chiếu vào tâm sự ấy. Tâm sự của những kẻ tự ti mặc cảm. Tội nghiệp, chúng nó hẳn cô đơn và đáng thương xót. Tôi cũng dời lớp học, liền đó. Ở sân trường, đám học trò đứng yên lặng ngó tôi. Mỉm cười rất thoải mái, tôi nói lớn :

- Chiều nay chúng ta vẫn làm việc.

* * *

Ngựa chứng không bén mảng tới sân trường đã hơn tuần lễ. Chẳng ai theo dõi chúng nó cả. Ông hiệu trưởng cầu an, ngoảnh mặt làm ngơ. Ông tổng giám thị cũng vậy. Ở tỉnh lỵ, ông phó tỉnh trưởng nội an nhiều quyền lắm, kể cả quyền chụp mũ phản động lên đầu bất cứ ai ông muốn. tôi hiểu thế. Nhưng tôi cứ hành động theo lương tâm một nhà giáo. Ông thầy được giao nhiệm vụ giáo huấn thì phải làm công việc giáo huấn, giáo huấn không xong chỉ còn cách giải nghệ. Tôi tự thấy tôi có bổn phận đối với bọn thằng Phong. Chúng nó hư hỏng là lỗi tại gia đình, học đường và xã hội. Để chúng nó bỏ bê sách vở, phá phách lớp học, khinh mạn thầy giáo. Tôi nghĩ rằng nhiệm vụ của tôi là tạo cho chúng nó niềm tin mà chúng tưởng đã bị tước đoạt. Không có gì

tai hại cho tuổi trẻ bằng sự lừa gạt họ. Căn bệnh tưởng bị lừa gạt, tưởng bị tước đoạt niềm tin đang gây nhiều biến chứng trầm trọng.

Chung quy vẫn là lỗi của những người chịu trách nhiệm với tuổi trẻ. Dường như, ở thời đại hôm nay, người già thiếu độ lượng, khoan dung ban cho người trẻ. Người già cầu an, bỏ bê người trẻ. Rồi chờ người trẻ phạm tội để kết án. Ông hiệu trưởng của tôi, chẳng hạn.

Tôi chợt nhớ một phim cao bồi xem cách đây mười năm. Tôi quên tên phim, chỉ nhớ tên tài tử Jeff Chandler, John Saxon. Bọn du đãng có bốn đứa. Cầm đầu là John Saxon lai Mễ tây cơ. Ba đứa kia còn non choẹt. a dua theo John Saxon, khi chúng phóng ngựa tới một quận lỵ, sherif quận này đã bị giết chết. Thoạt đầu, chúng ăn uống, cười nói nham nhở. Thấy quận lỵ không có sheriff, chúng không muốn đi nữa. Công lý nằm trong tay kẻ có súng. Chúng có súng. Chúng bắt đầu phá phách. Jeff Chandler là một đại úy hồi hưu. Ông đã đứng tuổi và cụt tay trái. Biết ông là thiện xạ, một số người trong quận đến yêu cầu ông đuổi bọn du đãng ra khỏi quận. Ông từ chối. Bọn du đãng bắn súng bừa bãi, gieo khủng bố. Không ai dám chống, chúng tưởng dân ở đây sợ chúng nên ngang ngược hơn. Chúng cướp

tiền và hãm hiếp con gái. Đến lượt người yêu của Jeff Chandler xuýt bị hãm hiếp, ông đại úy lầm lì này mới ra tay. Kết quả : tội ác đã xảy ra và ba tên du đãng phơi xác. Tên cuối cùng non choẹt, vất súng, khóc lóc xin tha chết và hứa về nhà học hành chăm chỉ.

Cuốn phim không giải thích, Nếu ta muốn suy nghĩ. Cuốn phim chỉ là cuốn phim cao bồi bình thường. Có lẽ, đạo diễn muốn ta suy nghĩ rằng tội ác có thể ngăn chặn từ đầu nếu Jeff Chandler không cầu an, ích kỷ. Ông đại úy già trổ nghề bắn ngay thì bọn du đãng đã biến mất. Phải đợi người yêu của ông đụng chạm, tức là quyền lợi riêng của ông bị đe dọa, ông ta mới chịu đương đầu. Thì người chết và tội ác có dấu vết. Bọn thằng Phong giống bọn du đãng tôi vừa kể. Ông hiệu trưởng đang sắm vai của Jeff Chandler. Ông ta chưa bị chúng nó bỉ thử nên vẫn khoanh tay ngồi yên, và chúng tưởng ông khiếp nhược. Tôi không khiếp nhược. Tôi không muốn hành động như Jeff Chandler. Tôi chỉ muốn bọn thằng Phong ngoan ngoãn ngồi trên ghế học trò. Hay, ít ra, tôi muốn chúng nó hiểu chúng nó đã đứng bên bờ vực thẳm.

Một buổi tối, sau bữa cơm, con gái ông tùy phái già dẫn Kim Liên sang phòng tôi, Tôi bối rối một thoáng rồi tỏ vẻ không bằng lòng. Tôi bảo Lan gọi Ba nàng qua. Và tôi phân trần :

- Bác Năm, tôi đang tìm cách chinh phục bọn thằng Phong.

Ông Năm hiểu ý tôi, ông nói :

- Quên bọn mất dạy đó đi, thầy.

Tôi vò đầu :

- Sáng Chúa Nhật trước, chị Liên (tôi cố ý dùng tiếng chị để Liên khỏi xưng em) bênh vực tôi trong lớp. Bọn thằng Phong ngờ tôi có tình ý gì với chị ấy. Tôi xuýt điên lên. Tôi không muốn bất cứ một nữ sinh nào tới thăm tôi cả.

Ông già Năm tròn xoe mắt :

- Bọn hỗn láo đó dám nghi ngờ tầm bậy.

Ông Năm đâu hiểu thằng Phong còn dùng lời nói tàn nhẫn phũ phàng kết tội tôi.

Tôi thở dài :

- Tôi muốn chúng nó hết dám nghi ngờ tầm bậy. Tôi muốn làm khác, sống khác với những người chúng nó khinh bỉ.

Kim Liên nhỏ nhẹ :

- Em xin lỗi thầy.

Tôi chợt ân hận :

- Chị không có lỗi gì cả. Tôi mong chị hiểu tôi.

Kim Liên khoanh tay :

- Em tới đưa thư của ba em cho thầy.

Tôi nói :

- Bận sau, chị nên gởi ở văn phòng, họ sẽ chuyển cho tôi.

Kim Liên chớp mắt :

- Em sẽ nhớ.

Nước mắt nàng ứa ra. Tôi bắt tội nghiệp. Chỉ cần bảo về là Kim Liên về ngay. Nhưng tôi không nỡ. Tôi gượng cười :

- Phòng của tôi thiếu ghế tiếp khách. Chúng ta chịu khó sang bên bác Năm.

Kim Liên trao bức thư rồi rút chiếc khăn từ trong cái bóp nhỏ, thấm nước mắt. Ông già Năm vỗ vai con gái :

- Con đưa cô Liên về dinh đi.

Tôi không giữ nàng lại. Kim Liên theo con gái ông tùy phái dời phòng tôi, Nàng quên chào tôi. Ông già Năm vẫn đứng bất động. Ông nói :

- Thầy không giống những ông thầy trẻ đã dạy ở trưởng này.

Ông tiếp :

- Thật bất hạnh cho bọn thằng Phong.

Ông hỏi :

- Ông tỉnh biết chuyện rồi à ?

Tôi bóc phong thư ra coi. Và nói :

- Ông ấy mời tôi ăn cơm chiều mai. Tôi sẽ phiền bác Năm chuyển dùm bức thư cáo lỗi.

Ông già Năm ngạc nhiên :

- Thầy từ chối à ?

- Ăn tối với ông tỉnh xong, tôi sẽ phải ăn cơm với nhiều phụ huynh khác, nếu họ mời tôi. Nhưng nếu họ không mời, tôi sẽ bị đàm tiếu, người thầy phải biết cử xử cho hợp tình. Hơn nữa ông tỉnh trưởng có quyền thế, dù ông rất tốt, mà tôi, tôi muốn học trò của tôi đứng

thẳng trước quyền thế. Chỉ cần làm việc lương thiện, mọi người đều có quyền đứng thẳng và kẻ quyền thế sẽ đến với ta thay vì ta tìm họ.

Ông già Năm ngồi trên mép chiếc ghế bố nhà binh của tôi. Ông vấn thuốc rê, châm lửa hút. Im lặng lúc lâu giữa hai chúng tôi. Rồi ông già Năm liệng điếu thuốc vừa vấn công phu và mới hút được vài hơi. Ông nói :

- Thầy giữ gìn quá đấy.

Tôi cười :

- Bác cũng nên hiểu rằng ông tỉnh trưởng có cô con gái là học trò của tôi.

Ông già Năm thích chí đọc nhanh 2 câu thơ cổ :

Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách
Sắc bất ba đào dị nịch nhân.

Ông gật gù :

- Thầy nghĩ đúng. Sắc đẹp nó thường làm hỏng sự nghiệp của mình.

Tôi đùa với ông già Năm :

- Sắc đẹp của vợ tôi thì sao ?

Ông già Năm liếm mép :

- Cũng hỏng luôn.

Hai chúng tôi cười dòn dã. Lần đầu tiên, kể từ ngày tôi dạy ở đây, tôi mới được cười thoải mái. Ông già Năm là «đồng chí» của tôi. Ông đã âm thầm khích lệ tôi. Tôi biết tôi có thể dìu bọn thằng Phong về bàn học nhờ những Nguyễn Văn Lành và ông già Năm. Người ta cứ hay ồn ào một chuyện nhỏ mọn. Con chuột đẻ ra trái núi. Nhưng người ta lại ngại ngần ngăn chặn tội lỗi từ một chuyện nhỏ mọn. Ông già Năm và tôi nói chuyện khá lâu. Đêm hôm ấy, tôi ngủ thật ngon. Sáng dậy, tôi tin tưởng ở tôi, ở đạo đức của một ông thầy. Đạo đức chưa phải là đồ bỏ. Đạo đức vẫn còn đầy uy quyền nhiệm mầu cải tạo xã hội và con người.

Những lớp học có giờ của tôi đã dần mất hết sự đùa bỡn quá đà của học trò. Họ bằng lòng rồi thích thú nán lại trong lúc ra chơi hay tan trường để nghe tôi nói về những kinh nghiệm của tuổi trẻ bước xuống cuộc đời. Không còn cậu học trò nào đòi tôi kể chuyện ăn chơi ở Sài gòn hay đòi xem báo Playboy. Tôi thường khuyên họ trau giồi sinh ngữ để có vốn đọc sách báo khoa học nước người. Tôi cũng khuyên họ tìm hiểu sử, địa thế giới và trao đổi với họ quan niệm thưởng ngoạn văn chương, âm nhạc, hội họa… Tôi nghĩ, nếu họ biết thưởng thức

đúng đắn, văn học nghệ thuật nước nhà sẽ nâng cao giá trị. Và những hình thức nghệ thuật rẻ tiền sẽ bị đào thải hay chỉ còn sống thoi thóp. Nếu tôi không đủ đạo đức và tài năng dìu bọn thằng Phong về bàn học, tôi cũng được thỏa mãn tự ái nghề nghiệp. Vì, ngựa chứng trong trường không thêm con số. Vẫn bốn con, cô đơn lạc lõng. Ông hiệu trưởng khen tôi yêu nghề. Chuyện đó tầm thường quá. Nhà giáo dạy học phải yêu nghề khi chọn nghề ra đời mà chính mình không yêu nghề thì quả là lố bịch, giả dối. Thỉnh thoảng, có dịp xuống phố, gặp học trò, tôi hãnh diện được họ lễ phép chào, Tình thầy trò không thể phôi pha, không một hoàn cảnh nào làm nó phôi pha nếu ông thầy thực sự là một ông thầy.

Bỗng nhiên, tôi trở thành «nhân vật» của của học trò trung học tỉnh lỵ. Học trò trường tư cũng biết tôi và tỏ vẻ quý mến tôi khi gặp họ ngoài phố, thường là những trường hợp hạn hữu. Tôi sống âm thầm trong trường, làm bất cứ điều gì có thể giúp ích cho học trò của tôi. Ông già Năm hoan hỉ báo tin tôi rằng các em học đệ tứ mong chóng lên lớp để được học với tôi. Thú thật, tôi rất sung sướng. Đó là phần thưởng mà cuộc đời tặng tôi sau lần bắt tôi hưởng những bỉ thử, ngộ nhận của bọn thằng Phong. Tôi có vẻ lý tưởng ? Tôi không phủ nhận điều đó. Khi người ta còn lý tưởng và, nhất là, còn hoàn cảnh để bảo vệ lý tưởng của người ta thì phải bảo vệ đến

nơi, đến chốn. Những đồng nghiệp của tôi, trước ngày dời trường sư phạm, đều ăm ắp lý tưởng. Tôi nghĩ, trừ một số thầy giáo coi nghề dạy như một an bài của định mệnh, còn thì đều coi nghề dạy là một thiên chức, một đam mê. Nhưng thiên chức và đam mê dần dần bị cái cảnh thê tróc tử phọc nó ám ảnh. Cái màn khói u ám đã làm ngọc quý bớt sáng rồi không sáng. Rồi hoàn cảnh xã hội, rồi vật giá leo thang, đồng tiền mất giá toa rập với nhau bóp méo lý tưởng của người thầy giáo. Câu có thực mới vực được đạo ở đâu và bao giờ cũng đúng. Tôi không trách những ông thầy tư thục chạy trường như vũ nữ chạy bàn, như ca sĩ chạy phòng trà. Họ cần sống, gia đình họ đòi họ phải làm việc hết sức của họ. Bởi vì chưa có một viện dưỡng lão cho thầy giáo trường tư, chưa có làng tư thục, chưa có quỹ tương trợ cho thầy giáo. Bởi vì nhà nước và cả phụ huynh học sinh không khi nào hiểu thấu nỗi túng quẫn vật chất của những ông thầy con cháu đầy đàn. Bởi vì xã hội Việt Nam đã bạc bẽo với thầy giáo, đã không ưu tiên số một, đãi ngộ tối đa thầy giáo, những người đào tạo thế hệ lãnh đạo tương lai, đào tạo công dân lương thiện. Nếu tôi trách móc chỉ là trách móc những ông thầy trẻ chưa lâm vào tình trạng thê tróc tử phọc đã quên cái thiên chức của mình. Họ ham mê bài bạc, rượu chè, trai gái. Đánh bạc thua, tất phải xoay xở. Họ bỏ bê trường lớp, làm cả những công

việc mà nhà giáo không thể chấp nhận. Vì mất thì giờ chạy tiền gỡ gạc, họ bỏ bê học trò. Làm sao học trò có thể kính trọng những ông thầy giáo mà họ biết rõ thầy của họ bài bạc bê bối ? tôi rất buồn câu «Làm những gì tôi nói và đừng làm những gì tôi làm» mà các ông thầy thường át giọng bình phẩm của học trò. Cái xã hội phân hóa, tan nát giá trị hiện tại, tôi nghĩ, muốn cứu vãn, hàn gắn, những ông thầy cần phải hy sinh. Phải tự khép kín mình cơ hồ như một thầy tu. Hãy thử nhìn vào các trường do các Sư Huynh Dòng Lasan đảm trách thì rõ. Tấm áo không làm nên thầy tu, nhưng tấm áo thầy tu của các Sư Huynh Dòng Lasan đã làm nên những ông thầy giáo đáng kính trọng. Đến một ngày nào đó, không những các thầy giáo mà còn là các nhà lãnh đạo dân tộc, phải khép kín mình vào đời sống tu hành chân chính thì cái bức dư đồ rách mới mong bồi vá được.

Tôi không sợ hãi bốn con ngựa chứng trong sân trường dẫm nát thiện chí của tôi nữa. Chúng nó đang cô đơn, lạc lõng. Chúng nó sẽ cô đơn, lạc lõng hơn. Hoặc chúng phải về tàu ngựa cũ, ngoan hiền dưới bàn học, hoặc chúng sẽ rơi xuống vực thẳm, sẽ hối hận trọn đời chúng, mà tôi, tôi chỉ muốn dìu chúng về bàn học.

* * *

Ông tỉnh trưởng tới trường thăm tôi trong giờ dạy. Ông không đòi vào lớp mà chịu khó đợi tôi ở văn phòng. Tôi bắt đầu kính trọng lối xử thế của ông vì ông biết kính trọng nghề nghiệp của tôi. Ông già Năm hớt hả báo tin. Tôi nhờ ông xin lỗi ông tỉnh trưởng hết giờ dạy sẽ lên. Ông già Năm ngạc nhiên. Học trò của tôi cũng ngạc nhiên. Tôi nói :

- Việc học của các em là quý. Tôi không thể ăn cắp giờ của các em. Mười phút của tôi bằng nhiều giờ của mấy chục em.

Tôi trách khéo Kim Liên :

- Cái hiện tại mà tôi có là do tôi làm ra. Tôi hy vọng trong tương lai sẽ có, cũng do tôi làm ra. Tôi không thích ỷ lại, nhờ vả.

Hết giờ học, tôi lên ngay văn phòng, Ông tỉnh trường đang nói chuyện với ông hiệu trưởng. thấy tôi, ông đứng dậy, niềm nở bắt tay tôi :

- Giáo sư Định ?

Ông hiệu trưởng trả lời :

- Vâng.

Tôi nói :

- Xin lỗi đại tá đã mất công chờ đợi.

Ông tỉnh trưởng vui vẻ :

- Giáo sư mắc dạy con tôi mà…

Ông hiệu trưởng không cần giới thiệu. Khi ông già Năm mang nước mời khách quý thì ông hiệu trưởng cáo lỗi ra ngoài. Ông bảo đến giờ họp ở Ty Tiểu học. Tôi hiểu ông tỉnh trưởng muốn nói chuyện riêng với tôi.

- Giáo sư chê cơm của gia đình tôi hai lần đấy nghe, giáo sư. Nhưng tôi không dám làm phiền giáo sư đâu. Tôi biết giáo sư không muốn ra ngoài.

Tôi chưa kịp giải thích, Ông tỉnh trưởng đã nói :

- Tôi đã gọi ông phó nội an của tôi, bắt ông ta phải dạy thằng con cầu tự của ông ta. Cái thằng mất dạy Phong, tôi đã cảnh cáo ba nó, bất cứ đứa nào đụng tới giáo sư là tôi bắt nhốt nó. Phụ huynh ở đây khen giáo sư đứng đắn và thương yêu học trò.

Tôi nói :

- Cám ơn đại tá, đại tá quá lo cho tôi, thực ra trò Phong chưa hề hỗn láo với tôi, có lẽ tại trò Phong học

mất căn bản nên chán nản học hành.

- Giáo sư độ lượng đấy. Con gái tôi mới cho hay chính thằng Phong đã hành hung mấy thầy trẻ trước. Tôi có trách ông hiệu trưởng không báo cho tôi biết.

- Các cô nữ sinh hiền lành nên ưa quan trọng hóa vấn đề.

Ông tỉnh trưởng bỗng bỏ rơi thằng Phong và nhìn tôi bằng đôi mắt ăm ắp tình cảm :

- Giáo sư thấy Kim Liên thế nào ?

Tôi đáp :

- Chị Liên học khá, Sinh ngữ hơi kém, cần học thêm ở nhà.

Ông tỉnh trưởng nói :

- Tôi biết giáo sư khó khăn, chẳng dám nhờ vả.

Tôi hỏi :

- Đại tá muốn tôi giúp gì đây ?

Ông tỉnh trưởng nhún vai :

- Tôi chắc là giáo sư từ chối. Tôi muốn giáo sư kèm thêm sinh ngữ cho Kim Liên.

Tôi nói :

- Mỗi Chúa Nhật tôi đều kèm thêm sinh ngữ cho những cô, cậu học trò kém sinh ngữ, nếu chị Liên biết cách học, chỉ cần học thêm ở nhà.

- Con bé không biết cách học. Nó mến giáo sư vô cùng. Nếu được giáo sư kềm cặp, nó sẽ giỏi.

- Khổ nỗi, tôi…

Tôi ngừng lại, không muốn cho ông tỉnh trưởng biết sự thật về bọn thằng Phong. Tôi hứa hẹn bâng quơ :

- Vâng, thưa đại tá, để tôi lo liệu thì giờ rồi tôi sẽ trả lời sau.

Vừa lúc trống trường vào học, ông tỉnh trưởng hỏi :

- Giáo sư còn giờ dạy không ?

Tôi đáp :

- Còn.

Ông tỉnh trưởng bắt tay tôi cám ơn, và ông ra về. Tôi gặp thêm một sự bối rối và sự bối rối có vẻ bi đát hơn

ngựa chứng. Suốt hôm đó, tôi suy nghĩ. Cô học trò Kim Liên đã xía vào việc của tôi. Cô ấy thương tôi, đồng ý, nhưng quả thật nếu ông tỉnh trưởng bênh tôi vì con gái ông ta thương tôi, ông cảnh cáo ông phó nội an và ông phó nội an bênh con ông ta thì tôi không những bị thằng Phong ghét mà còn bị nó thù hận. Khi đã thù hận, vấn đề khó giải quyết. Tôi hết hy vọng dìu đám ngựa chứng trong sân trường trở về bàn học. Tôi giận Kim Liên. Tôi phải cần gặp ông phó nội an. Sáng hôm sau, nhằm buổi sáng không có giờ dạy, tôi đến tòa Hành Chánh xin yết kiến ông phó nội an. Ông ta tiếp tôi rất lạnh nhạt. Không một ly nước. Không mời hút thuốc dù ông ta hút và dù tôi sẵn sàng từ chối hút thuốc. Ông ta hỏi thăm tôi hay chơi xì phé ở đâu mà chẳng chịu tới nhà ông chơi. Ông ta ngộ nhận tôi như thằng Phong vậy, chờ ông ta nói bóng gió chán chê, tôi mới đề cập đến chuyện thằng Phong :

- Thưa ông phó, trò Phong có thể trở thành một học trò giỏi giang.

Ông phó gật gù :

- Tôi biết, ông đại tá của tôi đã giáo dục tôi cách dạy con. Con hư tại bố mẹ. Trò hư tại thầy. Mong giáo sư dạy nó nên người.

Tôi nói :

- Tôi sẽ dạy trò Phong nên người. Tôi đến đây vì nó, vì tương lai của nó và cũng vì ông tỉnh trưởng can thiệp vào chuyện riêng của thầy trò tôi. Ông phó nên hiểu tôi là người kêu ngạo, không sợ ai ngoài lẽ phải, không cầu cạnh, nhờ vả ai cả. Tôi làm thầy giáo và tôi biết cách giáo huấn học trò, khỏi cần ai dọa học trò của tôi, tôi chấp nhận mọi hậu quả.

Ông phó nín thinh. Đôi mắt ông ngầu đỏ, bởi tức giận. Tôi cáo lỗi ông, ra về. Đích thân ông mở cửa văn phòng và đóng cửa cái rầm. Đúng là tác phong võ biền. Tôi biết ông chưa học câu : «Muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con hay chữ thì yêu quý thầy». Thời tao loạn thường có những ông quan vô học. Ta nên thương xót và tha thứ. Tôi phỏng chừng ngày mai sẽ gặp ngựa chứng. Và đúng, ngựa chứng đã vào lớp sau ngót hai tuần lễ đi hoang. Vẫn tác phong cũ. Tóc tai bù xù hơn. Khuôn mặt hốc hác hơn. Nếu chúng ta đã đọc và hiểu câu nói của người xưa : «Kẻ sĩ một ngày không đọc sách, soi gương mình thấy đê tiện, đáng ghét», chúng sẽ xấu hổ lắm.

Tôi quan sát lớp học, thiếu Nguyễn văn Lành. Hơi xúc động, ngựa chứng đầu đàn bi bô :

- Bẩm thầy, thằng Lành và tụi bạn trường tư của nó bị té xe, vết thương rất nặng.

Đám ngựa chứng cười hoan hỉ, thằng Phong nói :

- Tôi sợ thằng Lành hết đi học nổi.

Nó mím môi, hất đầu :

- Hôm lâu rồi, giáo sư hứa kể chuyện phim Le nettoyeur, hôm nay kể cho đỡ buồn.

Tôi mỉm cười :

- Anh Phong, anh Luyện, anh Thiện, anh Du nên lắng nghe và nhớ câu chuyện. Như thế này : Thị trấn có bốn du đãng mất dạy, người sherif già bất lực, dân chúng yêu cầu gởi người sherif trẻ, và sherif trẻ tới bằng chuyến xe. Anh ta non choẹt, ăn mặc như công tử bột, tay xách cái lồng chim, bọ du đãng đón anh ta rồi cười ngạo mạn, khinh bỉ.

Tôi cố tình im lặng một lát. Thằng Phong sốt ruột :

- Cuối cùng ra sao ?

Tôi khẽ nhún vai :

- Cuối cùng, nghĩa là khi vào việc, anh sherif nhỏ thó đã hạ hết bọn du đãng, rửa sạch dấu dơ bẩn cho thị trấn.

Ngựa chứng đầu đàn nhún vai :

- Thế hả ?

Và khiêu khích tôi :

- Rồi đi đến đâu ?

Tôi thản nhiên :

- Rồi đi đến sự tốt đẹp. Công dân thị trấn ấy không còn kẻ nào bất lương, xã hội trật tự, và người sherif lên ngựa ra đi.

- Đi đâu ?

- Đến một thị trấn hỗn loạn khác.

- Rồi hắn làm gì ?

- Quét dọn.

Ngựa chứng đầu đàn nhấm nhẳn hỏi tôi, Nó cố tình chọc cho tôi tức giận, Nó đã lầm, với nó, tôi đủ kiên nhẫn, thừa giờ chịu đựng. Bởi tôi tự hào tôi là thầy giáo của nó, Trong khi thằng Phong dồn tôi vào chân tường thì đàn em nó hút thuốc, phà khói, nhai kẹo cao su nhóp

nhép. Thực tâm, tôi muốn nó «biểu diễn» hết sự hỗn xược của nó và «biểu dương» hết uy quyền của nó. Tôi muốn đóng một vai lép vế trên cái sân khấu nhỏ bé ở bục gỗ này.

Tâm lý của đám đông thường là dồn tình cảm cho kẻ bị áp bức. Hẳn nhiên, học trò của tôi đang đinh ninh tôi bị bọn thằng Phong áp bức. Tôi muốn họ thương tôi, hiểu tôi để không giống bọn thằng Phong, chứ chẳng muốn họ bênh tôi.

- Quét dọn gì ?

Thằng Phong hỏi xách mé, Học trò của tôi nghiến răng, tức giận, tôi nói :

- Các em hãy bình tĩnh nghe nốt câu chuyện người sherif nhỏ thó.

Ngựa chứng đầu đàn liếm mép :

- Nên lắm. Vậy hắn quét dọn gì ?

Tôi trả lời :

- Quét rác. Và anh đừng vội khinh thường những người mà gặp lần đầu tiên anh tưởng họ khiếp nhược.

- Ông dọa tôi ?

- Không, không bao giờ tôi dọa anh.

- Ông đã nhờ đại tá tỉnh trưởng can thiệp.

- Anh lầm.

- Ba tôi nói mà !

- Tôi đã gặp ba anh.

- Mách à ?

- KHông phải đâu, tôi khen anh sẽ nên người nếu anh chịu khó học hành.

- Đừng đạo đức giả ?

Nó đang ngồi, vụt đứng dậy, móc từ túi quần jean ra một con dao. Nó bấm dao cái tách. Lưỡi dao bật ra. Nó cắm phập dao xuống mặt bàn :

- Giết người thì cũng đến đi tù là cùng. Đi tù thì khỏi đi lính.

Tôi cười :

- Anh Phong, anh không thể giết ai được cả. Tôi sợ chính anh sẽ giết anh.

Nó đưa hai ngón tay quệt ngang đôi môi ướt của nó :

- Để xem.

Và nó búng ngón tay tanh tách. Đàn em nó theo nó dời khỏi lớp. Con dao vẫn cắm trên bàn. Đến cửa lớp, nó ngoái lại :

- Tao cấm thằng nào rút lưỡi dao lên.

Đợi nó khuất dạng, xoa tay, tôi hỏi học trò tôi :

- Các em thấy bọn thằng Phong ra sao ?

Một trò giơ tay, đứng dậy :

- Thưa thầy, chúng nó là bọn khốn nạn.

Trò khác :

- Thưa thầy, chúng nó là bọn phản phúc, vô giáo dục.

Trò thứ ba quyết liệt :

- Thưa thầy, thầy độ lượng quá nên bọn nó tưởng thầy sợ hãi. Mai mốt anh em về phép. Em sẽ nhờ anh em trửng trị bọn nó. Anh em là biệt kích dù, có súng.

Trò thứ tư :

- Thầy cho phép chúng em hành tội chúng nó. Không lẽ ba nó dám bỏ tù hay thủ tiêu cả lớp chúng em. Còn ông tỉnh nữa chứ. Chúng em đoàn kết, chúng em nhận hết tội, không làm thầy bị liên lụy.

Tôi chớp mắt. Tôi không thích khóc. Và lâu rồi, từ ngày tôi lủi thủi bước xuống cuộc đời, tôi chẳng còn lấy một giọt nước mắt để khóc chuyện đời. Thế mà hôm nay, dù cố nén xúc động, dù tưởng mình chỉ còn vài giọt nước mắt dành dụm cho tình thương vợ, thương con mai này, tôi đã ứa nước mắt, ứa thật nhiều trước đám học trò của tôi. Cơn xúc động kéo dài khiến tôi quên cả cách xưng hô khách sáo. Tôi run run nói :

- Thầy cám ơn các anh.

Một trò khoanh tay đứng lên :

- Thưa thầy, đó là bổn phận của chúng con.

Tôi khẽ lắc đầu :

- Đừng xưng con với tôi.

Cậu học trò đứng thẳng :

- Thưa thầy, thầy xứng đáng là thầy của chúng con, xin thầy hiểu lòng chúng con.

Tôi vẫy tay :

- Anh ngồi xuống, anh Thành. Thầy sẽ nhớ các anh trọn đời. Các anh thương thầy, thầy rất cám ơn. Nhưng nếu thực sự thương thầy, các anh hãy để cho thầy khuyên nhủ bọn thằng Phong, đừng hành hung chúng nó, một mai, trong các anh, sẽ có người chọn nghề dạy học. Lúc đó, các anh sẽ hiểu giáo dục gắn liền với kiên nhẫn, chịu đựng. Người ta có thể dạy con cọp làm xiếc, tại sao người ta không dạy được học trò hư hỏng nên người hữu ích, lương thiện, ngoan lành ? Thầy sẽ thất bại trong bổn phận dìu bọn thằng Phong về bàn học nếu các anh can thiệp. Đã một người làm hỏng rồi. Đó là ông tỉnh trưởng. Các anh phải nghe lời thầy.

Lớp học im phăng phắc. Tôi hỏi :

- Ai muốn đến thăm anh Lành ?

Cả lớp nhất loạt giơ tay. Tôi rút khăn thấm nước mắt :

- Chiều nay, chúng ta đi thăm anh ấy. Và, bây giờ, chúng ta có thể làm việc.

Tiếng những trang sách vở mở ra nghe quyến rũ lạ lùng.

* * *

Tôi vất tờ báo xuống đất :

- Lành !

Đang làm bài, Lành buông bút :

- Thưa thầy, thầy sai con làm việc gì ạ ?

Tôi lắc đầu :

- Không phải chỉ riêng trường mình có ngựa chứng.

Lành ngạc nhiên :

- Thầy nói sao ?

Tôi thở dài :

- Báo đăng tin ở tỉnh X. học trò vào tận lớp đánh giáo sư khiến giáo sư hoảng sợ trốn về Sài Gòn.

Nguyễn văn Lành tròn xoe đôi mắt :

- Đến nỗi ấy ư ?

Tôi nói :

- Thôi làm bài đi. Ta sẽ theo dõi vụ này.

Nguyễn văn Lành tiếp tục làm bai vở của nó. Nó đã sống cạnh tôi được hai tuần. Lành ở một quận heo hút,

ra tỉnh lỵ trọ học. Vì bênh vực tôi, Lành bị bọn thằng Phong hành hung hai lần và cấm chỉ Lành đi học. Bọn thằng Phong dẫn lính tới nhà trọ của Lành ra lệnh : Nếu Lành còn bén mảng tới trường, chúng sẽ bắn Lành bể sọ. Khi tôi và bạn bè của Lành đến thăm nó, nó khóc lóc tội nghiệp. Nó rất thèm học nhưng đã khiếp sợ bọn thằng Phong rồi. Nó bảo nó phải về quê, chờ ngày đăng lính. Tôi thấy có trách nhiệm với Lành. Tôi an ủi, trấn tĩnh nó. Cuối cùng, tôi dẫn Lành vào trường sống chung với tôi. Như thế, Lành không sợ bọn thằng Phong đón đường hành hạ. Lành sống với tôi, bọn thằng Phong càng ghét tôi. Chúng nó tưởng tôi thách thức chúng nó. Không một ông thầy nào thèm thách thức với học trò của mình cả. Nguyễn văn Lành xứng đáng được nâng đỡ và khích lệ trước đường học vấn. Nó thường kể chuyện quê nhà nó, miền quê hương nghèo nàn, u tối, chưa tửng có ai đậu nổi bằng tú tài từ xưa tới giờ. Nó cần bằng tú tài, thèm có bằng tú tài và nếu còn học được, nó sẽ xoay sở lên Sài gòn học để về thắp sáng quê hương yêu dấu của nó bằng sự hiểu biết của nó. Lành là hình ảnh những học trò miền Đông của tôi, là hình ảnh tôi những năm tháng cũ. Tôi cố gắng giúp đỡ nó, Lành sung sướng lắm. Nó đòi theo tôi cho tới ngày ước nguyện của nó thành tựu.

- Thưa thầy…

- Gì ?

- Người ta có bắt thằng học trò ác ôn ầy không ?

- Chưa rõ, báo ngày mai sẽ đầy đủ tin tức hơn.

- Chắc ông giáo sư trẻ ?

- Hả ?

- Chắc ông giáo sư trẻ bị thằng học trò mất dạy hành hung, phải không thầy ?

- Ừ.

Tôi nóng lòng đọc báo mới. Ở tỉnh lỵ không có cái thú chiều nay đọc báo ngày mai như ở Sài Gòn. Báo để hôm nào, đọc buổi trưa hôm đó. Buổi trưa chưa đến, buổi sáng ngựa chứng đã vào lớp. Ngựa chứng chỉ xuất hiện vào những hôm tôi bối rối. Thằng Phong mang tờ nhật báo. Nó vô lớp sớm nhất, dùng kim gút đóng đóng tờ báo lên bảng đen và lấy bút chì đỏ đóng khung cái tin ba cột Giáo dục thời loạn, trò xin thầy tí huyết. Khi tôi vào lớp, vừa ngồi xuống ghế, thằng Phong đã bi bô :

- Giáo sư tuổi trẻ tài cao, giáo sư đọc nhật báo Vương Đạo chưa ?

Tôi đã thấy tờ báo ghim trên bảng, gật đầu :

- Rồi.

- Vui không ?

- Sao anh lại hỏi tôi kỳ cục thế ? Học trò hành hung thầy có chi là vui. Nhưng nếu bảo là vui thì tôi rất vui là anh chưa hành hung tôi.

Ngựa chứng đầu đàn tái xanh mặt :

- Giáo sư kê tủ đứng vào họng tôi đấy hả ?

Tôi nói :

- Anh đừng hiểu lầm. Tôi đã có lần bảo ba anh là anh không đến nỗi tệ, anh sẽ trở thành người khá giỏi.

- Tôi cóc cần giỏi.

- Đáng tiếc cho anh.

- Không ai tiếc cho tôi. Tôi muốn hỏi giáo sư rằng tại sao ông giáo sư trẻ ở tỉnh X. bị học trò xin tí huyết? Có phải ông ta chơi bạc bịp hay cua đào của học trò không?

Anh chịu khó theo dõi báo Vương Đạo.

- Đồng ý là tôi sẽ theo dõi, tôi phải theo dõi. Nhưng

tụi tui thích biết ý kiến riêng của giáo sư về vụ Giáo dục thời loạn, học trò xin thầy tí huyết.

- Theo tôi, đó là cách đặt cái «tít» vô ý thức của một tờ báo vô ý thức.

Ngựa chưng đầu đàn cười khẩy :

- Giáo sư chịu chơi đấy. Ông dám chống nhà báo. Ông không sợ nhà báo hỏi thăm sức khỏe ông à ?

- Tôi không sợ những kẻ vô ý thức trách nhiệm. Tôi chỉ sợ lẽ phải. Nhà giáo thì sợ nhất là thiếu bổn phận. Anh đừng để tôi thiếu bổn phận vơi bạn cùng lớp của anh.

Ngựa chứng đầu đàn phá ra cười. Tiếng cười của nó thật gượng gạo, đáng thương xót. Thằng Phong hiểu nó không đủ khả năng bắt tôi giận dữ, dù nó đã dồn tôi tới chân tường. Chỉ cần tôi bộc lộ sự thù ghét, khinh bỉ. Nó muốn thế. Là nó có lý do của nó để loại bỏ tôi khỏi ngôi trường này. Tôi không thể dời ngôi trường này được. Bây giờ, những hạt giống thương yêu của học trò tỉnh lỵ miền Tây đã gieo xuống thửa ruộng tâm hồn tôi. Tôi yêu họ như yêu học trò tỉnh lỵ miền Đông. Bọn thằng Phong không phải là tất cả học trò. Nhà giáo Doãn quốc Sỹ nói đúng Đừng bao giờ nhìn một cây rồi

bị nhuyễn hoặc quên rừng. Một người đi trên đường phục vụ đã nhìn rõ đốm lửa nhận đường của mình thì khó mà quên hoặc bị huyễn hoặc. Tự đáy lòng tôi, tôi thương bọn thằng Phong ghê gớm. Tôi biết một mai nếu tôi thành công trong sứ mạng dìu ngựa chứng trở về bàn học ngoan ngoãn, ngựa chứng sẽ cho tôi một tình thương yêu tha thiết hơn bất cứ ai cho tôi. Nỗ lực rồi cậy trông, tôi đang nỗ lực để cậy trông tình yêu thương của ngựa chứng.

- Giáo sư Định !

- Tôi vẫn nghe anh đây.

- Hôm nọ thằng nào nhổ con dao kỷ niệm của tôi ?

Một cậu học trò dứng dậy :

- Tao nhổ đấy.

Ngựa chứng đầu đàn đấm tay xuống mặt bàn :

- Đưa trả gấp.

Cậu học trò tên Thành, Trần văn Thành nhìn tôi :

- Thưa thầy, con biết con có lỗi. Xin thầy cho phép con nói một câu với nó thôi.

Và cậu nói, giọng cương quyết.

- Anh tao giữ, mày quen anh tao mà, thử ghé nhà đòi xem sao. Anh tao mới về phép.

Tôi xua tay :

- Các anh nên đợi giờ ra chơi hãy nói chuyện đó.

Thành ngoan ngoãn ngồi xuống. Ngựa chứng đầu đàn tái mặt. Nó nghiến răng ken két :

- Giáo sư mướn cả biệt kich dù ?

Rồi nó khôi hài :

- Bọn mình nguy đến… tính mạng rồi, Dọt lẹ !

Bốn con ngựa chứng xô bàn ghế bỏ ra khỏi lớp. Trần thanh Tâm đứng dậy. Khuôn mặt nó buồn rầu như thể nó sám hối tội lỗi.

- Thưa thầy, con đã làm thầy mang tiếng.

Tôi an ủi Thành :

- Anh có bổn phận của anh. Thầy không trách anh gì cả.

Thành ấp úng một câu hôm nào :

- Thưa thầy, thầy độ… lượng… quá.

Tôi nói :

- Các anh cũng nên độ lượng. Một xã hội không hận thù là một xã hội gồm toàn những người độ lượng. Xã hội ấy đang được xây dựng ở những lớp học như lớp học này.

Lớp học yên lặng. Tôi nghe rõ từng tiếng chớp mắt. Và tôi mỉm cười :

- Chúng ta làm việc.

Giờ học luôn hào hứng và có ý nghĩa khi ngựa chứng xuất hiện, phá đám rồi bỏ đi. Buổi trưa hôm đó, tôi và Lành bàn luận bài báo Giáo dục thời loạn, trò xin thầy tí huyết đăng tiếp trên tờ Vương Đạo.

- Bắt được thằng học trò du đãng chưa, thưa thầy ?

- Người ta đang truy nã nó.

- Vậy thì nó khó thoát.

- Có lẽ.

Tôi liệng tờ báo cho Thành :

- Em đọc đi.

Lành theo dõi bài báo xong, khuôn mặt nó hí hửng. Tôi hỏi :

- Em bằng lòng cách đối xử đó hả ?

Lành đáp :

- Thưa thầy, phải đối xử thế. Con thấy không thể tha thứ những học trò phản thầy nếu con có quyền hành. Học trò hành hung thầy thì nên bỏ tù nó.

- Em tìn rằng bỏ tù học tro hư đốn là học đường nghiêm chỉnh chứ ?

- Dạ.

- Rất tiếc, giáo dục không đồng nghĩa với truy tố.

- Thưa thầy.

- Em muốn hỏi chi ?

- Giả dụ thầy bị thằng học trò ác ôn hành hung, thầy sẽ làm gì ?

- Thầy sẽ xét lại thầy.

- Thầy không buộc tội nó ?

- Không.

- Tại sao, thưa thầy ?

- Giản dị lắm, bởi vì thầy giáo không phải là ông biện lý. Người ta đã quên vẽ cái còng làm biểu hiệu cho giáo dục.

- Vậy thằng học trò phản phúc đó vô tội ?

- Nó vô tội.

- Thưa thầy, ai có tội.

- Tất cả phải chịu trách nhiệm. Chiến tranh, xã hội phân hóa, kinh tế suy sụp, tình trạng bất ổn hiện tại, sinh hoạt khó khăn, sự lôi cuốn của chính trị, sự bỏ bê tuổi trẻ, sự trống vắng đành anh tha thiết, nỗi tương tư thần tượng của tuổi trẻ và nỗi buồn thần tượng sụp đổ. Vân vân….Nhưng kẻ chịu trách nhiệm trước nhất vẫn là bài báo với những hàng «tít» vô ý thức thổi phồng một sự bé nhỏ cần quên đi. Một thằng học trò hành hung thầy không có nghĩa là toàn thể học trò hành hung thầy, cái «tít» Giáo dục thời loạn, trò xin thầy tí huyết đọc lên nghe như nền giáo dục đã băng hoại. Đó không phải là sự báo động mà là sự tiếp tay phá hoại giáo

dục. Em nên quên chuyện này đi. Và tôi, tôi cũng muốn quên. Ngày mai bảo họ đổi tờ báo khác, tôi cũng không đọc báo Vương Đạo nữa. Vương Đạo chỉ chuyên làm «xì căng đan» giáo dục.

Tôi nói một mạch. Để trấn an tôi thì đúng hơn là để trấn an Lành. Tôi hoang mang vô cùng. Nền giáo dục xuống dốc như những bài báo tường thuật, bình luận ư? Rồi người thầy giáo còn đủ uy tín đứng trên bục gỗ? Thật khó kết tội những người học trò ngang ngược. Chiến tranh không vào lớp học nhưng dao búa đã vào. Dao búa đã vào lớp học của những ông thầy tương lai. Một khi sinh viên đại học sư phạm vác dao búa vào lớp diễu oai, dọa đập «đồng chí» để tranh chấp vị này nọ ở những cuộc bầu bán, nguyền rủa nhau bằng những ngôn ngữ không thể chấp nhận được tại trường sư phạm thì họ nghĩ gì, làm gì khi học trò hành hung họ ? Tôi bảo Nguyễn văn Lành rằng tôi sẽ xét lại tôi nếu tôi bị hành hung là thế.

Và cũng bởi lẽ, ở trường sư phạm, không vị thầy nào giảng dạy bài học thầy kết tội trò. Cả lý thuyết lẫn thực hành. Thời đại nào cũng có một số học trò nhỏ phản phúc, đâu phải riêng chỉ thời đại này, điều khiến tôi ngạc nhiên và băn khoăn là, ở thời đại này. Điều khiến tôi ngạc nhiên và băn khoăn ở thời đại này là người ta

đã phóng đại những mụn ghẻ lở để la hoảng đó là ung thư ! Còn những hình ảnh đẹp thì thu nhỏ lại, thật nhỏ và làm cho lu mờ, đen tối. Những Carnot Việt Nam không bao giờ là đề tài hấp dẫn, ăn khách bằng những tên học trò đánh thầy, đối với báo chí. Những Hoàng cơ Nghị ít khi được báo chí thắp sáng nhưng báo chí sẵn sàng đốt cháy giáo giới bằng một thầy giáo hoang đàng.

Bỗng nhiên, tôi thương xót cái thiên chức, cái đam mê của thầy giáo, tôi hy vọng cơn gió độc ở tỉnh X. sẽ tan biến và nó đừng biến thành bệnh truyền nhiễm.

Truyện «Ngựa chứng trong sân trường» của Duyên Anh còn 5 phần tiếp theo, Văn Việt xin ngưng ở đây để đăng tiếp tác giả khác của VHMN 54-75.

136. Bùi Giáng (1)

Đặng Tiến

Bùi Giáng, sơ thảo tiểu truyện

Des lisières lointaines
les cerfs ont bramé

Từ ven rừng xa
tiếng nai gào gọi

Apollinaire

Sơ thảo, gọi như vậy vì tính cách sơ lược của bài viết.

Vì một số dữ kiện nêu lên, không chắc chắn, dù cho người viết hết lòng tìm căn cứ. Chung quanh Bùi Giáng có nhiều giai thoại, dần dần trở thành huyền thoại, đồng thời với những tư liệu có khi không hợp lý, hay mâu thuẫn, không dễ gì kiểm chứng.

Sơ thảo, vì lối biên tập còn rườm rà, khi chúng tôi cố tình muốn đưa ra nhiều tư liệu, có lúc ngoài lề, để người khác có thể men theo và truy cứu thêm, về chuyện này hay chuyện khác.

Sơ thảo, tóm lại, không phải là lời từ tốn vào đề chiếu lệ, mà là lời mời gọi giới văn học và độc giả cải chính, bổ sung đào sâu hay nâng cao.

Bùi Giáng đứng tên trên khoảng 60 đầu sách, chủ yếu là 14 tập thơ, xen kẽ 19 dịch phẩm, 6 sách giáo khoa đầu tay, phần còn lại là biên khảo về triết học và thơ. Hiện nay còn khoảng 10 tập thơ và nhiều văn bản dịch, chưa in.

Trên cơ bản, Bùi Giáng là nhà thơ.

* * *

Bùi Giáng là tên thật. Có khi sử dụng nhiều bút danh khác : Vân Mồng, Bùi Bàng Giúi, Búi Bàng Giùi, Báng Giùi, Trung Niên Thi Sĩ, Đười Ươi Thi Sĩ.

Ông sinh ngày 17 tháng 12 năm 1926, Bính Dần, tại làng Thanh Châu, nay đổi thành Duy Châu vì thuộc huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Thân phụ là Bùi Thuyên, tục danh Cửu Tỳ, địa chủ giàu có; thân mẫu là Huỳnh Thị Kiền, còn tên là Hai. Cụ Bùi Thuyên có hai đời vợ, bà trước là con Phạm Tuấn, là một trong năm tiến sĩ đồng khoa 1898 cùng quê Quảng Nam, gọi là Ngũ Phụng Tề Phi. Bà mất sớm khi hạ sinh người con thứ ba. Bà sau là cháu nội cụ

Hoàng Văn Bảng, em ruột Hoàng Diệu, phó bảng khoa 1853, Thượng thư Bộ Binh, Tổng Đốc Hà Ninh, tuẩn tiết tại Hà Nội năm 1882. Bà sinh được hai gái và bảy trai. Bùi Giáng là con thứ năm, kể cả con bà mẹ trước, nên còn tên là Sáu Giáng.

Những chi tiết này chứng tỏ Bùi Giáng xuất thân tự một giòng họ gia thế. Họ này gốc Nghệ An, di dân vào đây từ đời Hồng Đức.

Nhiều người trong giòng họ này nổi tiếng như bác sĩ Bùi Kiến Tín, sản xuất dầu khuynh diệp, kỹ sư Bùi Thạnh, hay giáo sư Bùi Xuân Bào, gia đình ra lập nghiệp tại Huế.

«Dòng họ Bùi giàu có bậc nhất trong vùng với những sở ruộng «cò bay thẳng cánh, chó chạy cong đuôi». Bùi Giáng trong mắt người dân thuở đó là một trang công tử. Dòng họ Bùi gốc ở Vĩnh Trinh lên ngụ cư ở Trung Phước khoảng những năm đầu của thập kỷ 40. Hồi đó, dòng họ có những căn nhà lầu đầu tiên ở xứ này. Trong nhà của họ có rất nhiều nô bộc. Sau này, nhà Quảng Nam học Nguyễn Văn Xuân nhận xét rằng những dòng họ giàu có nổi tiếng ở xứ Quảng đều sinh sống dọc hai bên triền sông, tận dụng lợi thế «nhất cận thị, nhị cận giang».

Sông Thu Bồn quanh năm có lưu lượng cao, nối liền miền Thượng Du với cửa Đại (Hội An), cửa Hàn (Đà Nẵng) và cửa Kỳ Hà (Tam Kỳ) qua nhiều sông lớn khác. Do đó, Vương Quốc Chăm đã đóng đô tại vùng Trà Kiệu, bên sông này, khoảng thế kỷ IV. Nhờ kinh tế phồn thịnh, dân địa phương nhiều người học hành và đỗ đạt.

Bùi Giáng sinh ra và lớn lên giữa «những dãy nhà rộng thênh thang tường xây bằng đá». Thời niên thiếu giữa một thiên nhiên phong phú, nhiều sắc thái : sông hồ, đồi núi, ruộng nương là một thiên đường mà Bùi Giáng suốt đời hoài vọng, và gọi là cố quận. Trong Ngày Tháng Ngao Du, ông kể : «Hồi nhỏ, tôi được sanh ra và lớn lên trong miền quê hẻo lánh. Chung quanh có ruộng đồng sông núi trùng điệp, những đám cỏ chạy suốt tuổi thơ. Làng tôi xưa kia có nhiều cỏ mọc, cỏ mọc từ trong làng ra ngoài ruộng, tới những cồn, gò, đồi núi thật xanh. Từ đó về sau, tôi tìm kiếm mãi một màu xanh không còn nữa vì những trái bom và hòn đạn khổng lồ».

Có lẽ vì vậy mà mãi đến tuổi 71 ông mới về quê sau non 50 năm xa cách, qua bài thơ Tâm Sự, 1996, trong Đêm Ngắm Trăng.

Về học trình của Bùi Giáng, tư liệu chi tiết nhất là bài diễn văn năm 1995 của Bùi Văn Vịnh, em ruột : «Thuở nhỏ, anh học trường Bảo An, tại Điện Bàn, Quảng Nam.

Sau đấy, anh theo Trung học ở trường Thuận Hóa, Huế. Năm 1945, đang lớp đệ tứ thì gặp đảo chính Nhật, song anh kịp đậu Thành Chung (Diplôme). Cùng năm, anh lập gia đình riêng - chị qua đời ba năm sau. Việt Minh lên, anh trôi nổi khắp các tỉnh Nam Ngãi Bình Phú của Liên Khu V trong vùng kiểm soát này. Cho đến 1950, khi có kỳ thi Tú tài đặc biệt do Liên Khu V tổ chức («đặc biệt» vì đề thi do Liên Khu IV gửi vào, thi xong bài thi gửi ra Liên Khu IV chấm), anh đậu Tú tài II Văn Chương, rồi lên đường ra Liên Khu IV, tới Hà Tĩnh, để tiếp tục vào học Đại Học. Từ Liên Khu V ra Liên Khu IV phải đi bộ theo đường mòn trên núi, hơn một tháng rưỡi trời. Khi ra đến nơi, trong ngày khai giảng sau khi nghe ông Viện trưởng Đại học đọc diễn văn, Bùi Giáng quay ngay về Quảng Nam - với một tháng rưỡi đi bộ nữa theo đường mòn trên dãy Trường Sơn. Và anh bắt đầu quãng đời «Mười lăm năm chăn dê ở núi đồi Trung Việt». Xin mở một ngoặc đơn : con số «15» được hiểu với nghĩa tượng trưng của điển «mục dương», và anh chăn dê chứ không bò hay trâu ! Tháng 5-1952, gửi đàn dê lại cho… chuồn chuồn, châu chấu, anh băng qua Huế lấy Tú tài tương đương, để vào Sài Gòn ghi danh theo học Đại Học Văn khoa. Lần này nữa, sau khi nhìn danh sách các giáo sư sẽ giảng dạy, anh quyết định chấm dứt việc học ở trường của mình tại đây».

Nhiều bài biên khảo sử dụng tư liệu này, vì tư cách của tác giả và những dữ kiện cụ thể được đưa ra. Nhưng cũng có người tự hỏi : Hà Tĩnh thì làm gì có đại học ? Năm 1952, thì Sài gòn làm gì có đại học văn khoa ?

Chúng tôi dò hỏi và đề nghị một học trình khác của Bùi Giáng :

Tiểu học : Bùi Giáng có học trường Viên Minh, Hội An,

1940 ông bắt đầu vào Trung Học, trường Cẩm Bàng, Quy Nhơn. Trường tên như thế vì là tên làng của chủ trường, ông Lâm Tô Bông, người Quảng Ngãi.

1941-1945 : Bùi Giáng ra Huế, học trường Tư thục Thuận Hóa. Thầy là các vị Hoài Thanh, Đào Duy Anh, Trần Đình Đàn, Lê Trí Viễn…Hai ông sau là cùng quê với Bùi Giáng. Nhà thơ khâm phục và về sau có viết bài ca ngợi các bậc thầy này.

1945 : Nhật đảo chính.

Ông đỗ bằng Thành Chung, thường gọi là Diplôme, sau khi thi hỏng năm trước, và ở lại lớp Tứ Niên C.

1943 : Bùi Giáng đọc trên báo Bạn Đường, do Hướng Đạo chủ trương, in tại Thanh Hóa, mấy câu thơ :

Mịt mùng một nẻo quê chung

Người về Cố Quận, muôn trùng ta đi.

Theo Bùi Giáng «đây là một niềm tương ngộ, cuộc trùng phùng, những tao ngộ tình cờ trong một cuộc Hội Thoại».

Có thể xem như là khởi điểm nguồn sáng tạo văn học của Bùi Giáng, như ông thổ lộ ở phần đầu Lời cố Quận (1972), mà không cho biết tên tác giả câu thơ.

Tuy nhiên trước đó, trong Đi vào Cõi Thơ (1969), Bùi Giáng có trích hai câu này trong một đoạn 4 câu trong bài Cảm Thông (12 câu, 1940) và nói rõ là của Huy Cận. Bài này chưa bao giờ được in ở các thi tập đã xuất bản của Huy Cận.

1945 : ông về quê, cưới vợ, dọn lên Trung Phước, một làng Trung Du hẻo lánh.

Vợ ông tên Phạm Thị Ninh, trạc tuổi ông, sinh trưởng trong một gia đình công chức khá giả, ông bà Phán Trai, Hội An, ở gần Chùa Cầu, nay còn người em là Phạm Văn Hòa, 71 tuổi.

Bà Ninh qua đời năm 1948 vì bệnh dài hạn và đẻ non, đứa con cũng mất, tại làng Trung Phước. Người

em, Bùi Công Luân, kể lại rằng khi mất, thì «chị không thấy mặt chồng. Anh Bùi Giáng bấy giờ đang ở Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên gì đó, nghe phong thanh anh đang đi học».

Chúng tôi lần theo, và được biết là giai đoạn này, Bùi Giáng tiếp tục học tại trường Nguyễn Huệ Bồng Sơn, tỉnh Bình Định. Trường này không dạy đủ lớp, chỉ dạy hai trên ba năm, bậc Tú Tài, và chỉ dạy chuyên khoa Toán Lý Hóa. Bùi Giáng có ra Hà Tĩnh - bài Kỷ Niệm, trong tập Mưa Nguồn, làm tại Hà Tĩnh, 1951- nhưng có thể để học tiếp ban Tú Tài văn chương, rồi bỏ dở.

Tháng 5-1952, Bùi Giáng về thành. Rồi vào Sài Gòn dạy học.

Học trình Bùi Giáng, chúng tôi chỉ biết có vậy.

Trên cơ bản ông là người tự học và đã đạt tới một kiến thức uyên bác, làm nhiều người ngạc nhiên và kính phục.

Chúng tôi phụ chú thêm ba điểm :

1. Việc hôn nhân : khi trả lời một bài phỏng vấn của báo Thời Văn, 1997, Bùi Giáng có tiết lộ : «phải thuận theo ý cha mẹ lấy cô vợ người thành phố Hội An, suốt đời không biết cày sâu cuốc bẫm là gì». Người em trai

Bùi Công Luân xác nhận điều này trên báo Khởi Hành số 25 đã dẫn, nói rằng hai bên không yêu nhau.

2. Việc chăn dê : khoảng 1948, tại Trung Phước, chúng tôi tin vào kỷ niệm của ông Phạm Văn Hòa : «Ông anh rể tôi kỳ lạ lắm. Hồi đó ổng mua một đàn dê khoảng 100 con và rủ tôi đi chăn cùng. Buổi sáng ông thường lùa dê vào Giáp Nam, Gò Om, sau đó hai anh em rủ nhau xuống khe (suối) Le ngồi dưới bóng của các lùm tre và… đọc thơ suốt buổi. Có những buổi ổng lang thang lên tận các quả đồi hái hoa, lá kết vòng thơ thẩn đeo vào cổ cho dê…» Đặc biệt Bùi Giáng rất thương vợ. Sáng nào ông cũng vắt một bát sữa dê đem chưng lên cho vợ uống. Tôi chẳng hiểu hồi đó ông có tâm sự gì nhưng chỉ biết ông nuôi dê để chơi thôi, không thấy bán (vì nhà rất giàu, đâu cần tiền), cũng không thấy giết thịt vì ông rất yêu những con dê. Mỗi con ông đặt cho một cái tên, rất kỳ lạ. Chuyện Bùi Giáng chăn dê nhiều người còn nhớ. Đấy là hình ảnh một thanh niên hàng ngày lặng lẽ lùa dê vào núi, trên tay ôm một cuốn sách tiếng Pháp dày cộp. Quãng đời du mục của Bùi Giáng kéo dài khoảng 3 năm thôi nhưng sau này khi viết Nỗi lòng Tô Vũ, thi sĩ đã đề từ «Kỷ niệm một đoạn đời 15 năm chăn dê núi đồi Trung Việt Nam Ngãi Bình Phú». Mười lăm năm - nhiều người cho rằng có thể Bùi Giáng lấy thời gian lưu lạc của nàng Kiều để nói về đời mình».

3. Thời kháng chiến : ngày Toàn quốc Kháng Chiến chống Pháp, Bùi Giáng đúng 20 tuổi. Vậy ông làm gì ? chẳng nhẽ chỉ chăn dê và làm thơ ?

Bùi Giáng có đi bộ đội, thời đó là Giải Phóng Quân. Trong lúc «vui lòng cởi mở» ở dưỡng trí viện Biên Hòa tháng 5-1969, ông có kể với các Bác sĩ trong viện : «trong thời trai trẻ, đi kháng chiến, một chiều nọ, mệt, đói, anh đang lê từ bước một với chiếc ba lô khá nặng sau lưng, thì vừa quẹo một đường mòn, anh chợt thấy một thiếu nữ thiểu số đang giặt áo bên bờ suối, anh vừa ngừng chân thì «Bông hoa rừng» nọ cũng vừa ngừng tay giặt, mỉm cười với anh và niềm nở hỏi chào anh. Anh tưởng mình như đang lạc vào suối Đào-nguyên, và hình ảnh này vẫn không phai trong tâm khảm anh. Đó là phần Cô em Mọi nhỏ; còn Hoàng hậu Nam-Phương thì đến với anh trên một bao thư : người mẫu nghi thiên hạ này, sau anh có gặp lại ở Huế - lần này, người thiệt, chớ chẳng phải là một con tem thư - nhưng thực và mộng vẫn không sai biệt».

Đoạn văn được trích dài, để quy chiếu, về một chi tiết trong tiểu sử mà các tài liệu khác không đề cập, và trong chừng mực nào đó giúp ta hiểu thêm về hình ảnh người đàn bà - rất nhiều đàn bà - trong thơ Bùi Giáng.

* * *

1952 - 1960 : về vùng «quốc gia», Bùi Giáng vào Sài Gòn lập nghiệp, dạy Pháp văn và Việt văn cho nhiều trường Tư Thục : Tân Thịnh, Vương Gia Cần… và gửi thơ đăng báo.

Ông cư ngụ tại đường Trương Tấn Bửu, nay là Trần Huy Liệu, gần chợ Trương Minh Giảng, cùng với các em, trong một ngôi nhà giữa vườn cây vú sữa [13]. Võ Phiến, ở gần đó, thường lui tới. Có lần Bùi Giáng chiêu đãi Đinh Hùng tại nhà, mời ăn Mì Quảng, nhưng tại một căn nhà đường Dixmude, Đề Thám, theo lời kể của Mặc Thu.

Mì Quảng là món ăn quê hương mà ông tự hào và ưa thích. Có lần tuyên bố : «ta ăn hai ngàn tô mì Quảng nữa ta chết».

Thời gian dạy học, ông đã soạn 6 cuốn sách giáo khoa, do nhà Tân Việt ấn hành, về Bà Huyện Thanh Quan, Lục vân Tiên, Kiều (1957), Tản Đà, Chu Mạnh Trinh, Tôn Thọ Tường và Phan Văn Trị (1959) chủ yếu cho học sinh cấp hai.

1960-1975 :

1960 : xuất bản Tư Tưởng Hiện Đại, biên khảo về tư tưởng phương Tây, chủ yếu là chủ nghĩa hiện sinh đang

thời thượng. Có thể xem như là sáng tác đầu tay quan trọng.

Dường như từ thời gian này ông mới học tiếng Đức, bắt đầu đọc Heidegger, do ảnh hưởng nhóm Phật giáo Vạn Hạnh với Thượng tọa Thích Minh Châu, Tuệ Sĩ, và Phạm Công Thiện. Hai cuốn về Heidegger, in 1963, trích nhiều tiếng Đức.

1962 : xuất bản tập thơ Mưa Nguồn, có bài làm từ 1950, thời chăn dê. Có lẽ Mưa Nguồn là tập thơ đều tay và giá trị nhất của Bùi Giáng. Liên tiếp, năm sau, là 4 thi phẩm : Lá Hoa Cồn, Ngàn Thu Rớt Hột, Màu Hoa Trên Ngàn và Sa Mạc Trường Ca.

Dường như sau đó có thời gian ông về ở chùa Phát Hội, một trung tâm nghiên cứu Phật Học, tiền thân của Đại Học Vạn Hạnh, với Nhất Hạnh, Tuệ Sĩ, Phạm Công Thiện,…

1965 : chiến tranh leo thang. Cùng với nhóm trí thức: Nhất Hạnh, Hồ Hữu Tường, Tam Ích,… Bùi Giáng tham gia kêu goị hòa bình. Dường như đây là hoạt động chính trị chính thức duy nhất trong đời Bùi Giáng. Nhưng lá thư gửi René Char của Bùi Giáng chỉ nói đến hòa bình chung chung.

Thời gian này ông chủ tâm dịch sách, xuất bản 13 dịch phẩm, nhiều nhất là Camus. Kịch bản Ngộ Nhận (le Malentendu) xuất bản 1967, đã đăng trên báo Bách Khoa từ 1963, và Bùi Giáng yêu thích Camus từ lâu. Dường như đôi bên có trao đổi thư từ.

1969 : xuất bản 10 tác phẩm trong một năm, chủ yếu về thơ.

Đồng thời xảy ra tai nạn lớn : một hỏa tai thiêu rụi căn gác ông ở và chứa sách, trong ngõ Phan Thanh Giản, bây giờ là Điện Biên Phủ. Căn gác này do tu sĩ Thanh Tuệ, chủ nhà xuất bản An Tiêm, thuê cho Bùi Giáng ở, chứa nhiều tư liệu và rất nhiều sách, Pháp, Anh, Đức, Hán, có ghi chú. Hỏa hoạn xảy ra khoảng 3 giờ chiều, trước đôi mắt bất lực của Bùi Giáng và Thanh Tuệ, thiêu rụi tư liệu, bản thảo, và sách tặng của Camus, dường như có cả sách tặng của Heidegger.

Bùi Giáng, cuồng nhẹ từ trước, nổi cơn điên, được gia đình đưa vào dưỡng trí viện Biên Hòa đầu tháng 5-1969. Theo các bác sĩ của viện : «Người cầm bút cô độc này, bịnh đã chuyển từ cuồng nhẹ sang cuồng nặng». Không biết bệnh có di truyền hay không, vì thân sinh ông cũng bị cuồng nhẹ, theo lời người địa phương «thân sinh ông Bùi Giáng là ông Bùi Thuyên, thường gọi là Cửu Tỳ, Ông Cửu Tỳ cũng là một người… điên,

hàng ngày thường làm bộ cưỡi ngựa bằng mo cau đi từ làng Trung Phước đến làng Cà Tang đọc thơ, làm câu đối và đặc biệt ông này rất thích chọc ghẹo… các cô gái có nhan sắc !»

Ra khỏi dưỡng trí viện, Bùi Giáng sống lang thang nay đây mai đó. Từ đầu năm 1973, ông dọn về khu nội xá của Đại Học Vạn Hạnh, đường Trương Minh Giảng, có phòng riêng ở lầu 3. Thời gian này Bùi Giáng thỉnh thoảng có dự những buổi đàm luận chính trị với nhóm trí thức chủ hòa thời đó : Nguyễn Đăng Thục, Tuệ Sĩ, Ngô Trọng Anh,… nhưng vẫn ăn ngủ đó đây và biểu diễn nhiều trò lạ mắt trong y phục thùng thình trên hè phố Sài Gòn. Thân hữu và gia đình vẫn ồ ạt xuất bản sách cho ông. Tạp chí Văn đã ra một số đặc biệt Bùi Giáng tháng 5-1973, và Mai Thảo, phụ trách tờ báo giải thích về sau : «Phải làm cái gì về ông. Để ghi nhận lại».

Mai Thảo còn kể tiếp : «chưa biết tìm Bùi Giáng ở đâu, thì thi sĩ bất ngờ ghé thăm tòa soạn. Ông chỉ còn là da bọc xương trong quần áo thùng thình, mái tóc dài đạo sĩ, cái túi vải còn thêm cây gậy (…) Mấy tháng trước biến cố 1975, chỉ thỉnh thoảng nghe thấy ông vẫn lang thang đây đó, một quán này, một bãi hoang kia, ngủ bất cứ ở đâu»

1975-1998 : Sau 1975 bệnh cuồng trầm trọng thêm, dù rằng vẫn có lúc ông sáng suốt. Sống nhờ bạn bè và trợ cấp của gia đình từ nước ngoài. Có lúc ở nhờ chùa Già Lam, xóm Gà, Gia Định.

Từ 1985, về ở với gia đình người cháu gái, đường Lê Quang Định, Tân Bình. Vợ chồng người cháu giúp Bùi Giáng định cư và định tâm, an dưỡng và sáng tác, đến ngày cuối đời. Hiện gia đình này còn giữ nhiều di cảo.

Từ 1992, tâm trí có phần ổn định, Bùi Giáng làm nhiều thơ trong năm 1993. Sau đó sáng tác cầm chừng, vẫn làm nhiều thơ.

1996 về thăm lại «Cố Quận» Quảng Nam khi đã 71 tuổi.

7-10-1998 (ngày 17 tháng Tám năm Mậu Dần) : Bùi Giáng mất tại Sài Gòn vì bị tai biến mạch máu não.

Đêm 23-9, ông có uống rượu, trượt té và vào hôn mê sâu. Giải phẫu tối 25-9, nhưng ông vẫn hôn mê, cho đến 14 giờ ngày 7-10 thì qua đời.

Tang lễ được tổ chức trọng thể tại chùa Vĩnh Nghiêm. Khoảng 600 người, phần đông là thanh niên, sinh viên đến canh thức, ngâm thơ. Một đám tang nhẹ nhàng, nhắc lời ông thường nói, để đời : «vui thôi mà».

11-10-1998 : an táng tại nghĩa trang Gò Dưa, Thủ Đức.

Hiện nay Bùi Giáng còn 10 tập thơ và dịch phẩm chưa in.

Viết cho ngày tưởng niệm Bùi Giáng, 7-10-2003, Sơ Thu Quí Mùi

© 2003 talawas

137. Bùi Giáng (2)

Bùi Giáng bước chân đi tìm hồn nguyên tiêu và một màu hoa trên ngàn

Bùi Vĩnh Phúc

Người đã bỏ đường kia ở lại
Để đi vào đối diện hư không
Bờ thánh thót thu sau về vạn đại
Lời chào kia nức nở lạnh vân mồng

(Lá Hoa Cồn)

.1.

Người thi sĩ ấy đã ra đi. Cho dù người đã yêu thương thắm thiết trần gian và cuộc tồn sinh này. Nhưng giờ hẹn đã đến, và người phải rời bỏ cuộc lữ hiện tại để lên đường đi về một biên giới khác. Cho dù cuộc lữ người vừa rời bỏ có thể vẫn còn lắm chuyện thiết tha, người đã chọn cuộc lên đường, bỏ con đường kia ở lại. Trước khi đi vào đối diện hư không, giữa lòng những đêm thâu lục nhạt của cuộc đời, người đã nằm suy nghĩ và mơ ước những gì ? Có phải người mơ được trở lại «một miền quê hẻo lánh, xung quanh có ruộng đồng sông núi trùng điệp, những đám cỏ chạy dài suốt cả tuổi thơ». Người muốn trở về đó để tìm kiếm lại một màu xanh

không còn nữa của những ngày tuổi nhỏ, hay để tìm lại một ánh trăng châu thổ, một giọt sương tỳ hải, những cánh châu chấu chuồn chuồn mà ai đó đã thả đầy trong mấy vạt nắng mong manh sầu úa một chốn quê nhà ? Chốn quê nhà kia, nơi có những bóng tre, một màu rạ, một bờ ruộng, một con đường, một khúc sông… mà lúc nào người cũng mãi gìn giữ trong chính thịt xương thân thể mình :

Con đường, bờ ruộng, khúc sông...
Bóng tre, màu rạ như trong ruột rà

(Martin Heidegger và Tư tưởng Hiện Đại II)

Hay là người vẫn còn mãi nhớ về bờ lúa cũ, nơi người vẫn còn nhìn thấy in đậm một dấu chân em :

Em chết trên bờ lúa
Để lại trên đường mòn
Một dấu chân bước của
Một bàn chân bé con

Anh qua miền cao nguyên
Nhìn mây trời bữa nọ
Đêm cuồng mưa khóc điên
Trăng cuồng khuya trốn gió

Mười năm sau xuống ruộng
Đếm lại lúa bờ liền
Máu trong mình mòn ruỗng
Xương trong mình rã riêng

Anh đi về đô hội
Ngó phố thị mơ màng
Anh vùi thân trong tội lỗi
Chợt đêm nào gió bờ nọ bay sang.

(Bờ Lúa, trích nguyên bài)

Hay là người muốn trở lại những ngày xưa để lùa bò vào đồi sim trái chín :

Anh lùa bò vào đồi sim trái chín
Cho bò ăn cỏ giữa rừng sim
Anh nhìn lên trời xanh đỏ chín
Anh ngó bốn bề cây lá gió rung rinh

(....)

Cây lá bốn bên song song từng lứa
Sánh đôi nhau như ứa lệ ngàn hàng
Hạnh phúc trời với đất mang mang
Với bò giữa rừng hoang đương gặm cỏ
Với người ngó ngất ngây đương nằm đó
Không biết trời đất có ngó mình không

(Anh lùa bò vào đồi sim trái chín)

Hay người muốn tìm lại những ngày tháng ngao du cũ, những sương bình nguyên, một màu hoa trên ngàn, và những đêm sâu đầy màu sử lịch của một khúc sa mạc trường ca ? Người đã sống điên dại giữa đời, hay đúng hơn, người đã chọn một cuộc chơi vĩ đại, trầm thống với tất cả «thân thể máu me và da xương» của chính mình mà mẹ cha cũng như trời đất đã ban cho. Chẳng mấy kẻ trên đời này đã dám xông vào trận như thế. Người làm ta nghĩ đến Paul Gauguin, kẻ đã dám từ bỏ thế giới văn minh của con người để đi tìm một sắc màu thơ mộng mới cho chính cuộc tồn sinh mình. Gauguin, cũng như người, đã suốt đời lang thang để đi tìm một màu hoa sơ thủy. Người cũng đã làm ta nghĩ đến Van Gogh, kẻ đã tự ý đánh mất cái khôn ngoan của những con người sống giữa đời thường, để có thể đi sâu vào trong ánh sáng điên cuồng chói lọi của những starry nights, của những đêm sao lồng lộng, và nhìn ra ở đó những chính bản của cuộc đời. Cuộc đời như chúng ta đang sống chỉ là những phó bản với thật lắm điều sai chệch. Bùi Giáng đã van xin :

«… Hãy để yên cho tôi điên tôi dại. Đừng ai nói đến tôi. Và nhất là đừng có bàn đến thơ tôi. Tôi không dám si mê, cũng không dám hoài vọng. Một mai tôi chết.

Nghĩa là tôi không còn sống. Tôi sống trong cơn dại cơn điên. Tôi làm thơ trong cơn điên cơn dại. Nghĩa là tôi chết hai ba lần trong trận sống…»

Hãy nghe lời kinh Cầu Nguyện Ca mà người thi sĩ đã viết :

Hãy mang tôi đến giữa đời
Giết tôi chết giữa cõi đời mốc meo
Hãy mang tôi tới nắng chiều
Giết tôi chết giữa một triều khe nương
Hãy mang tôi tới dặm trường
Giết tôi chết giữa con đường bơ vơ
Hãy mang tôi tới bất ngờ
Giết tôi ngẫu nhĩ trong giờ ngẫu nhiên
Hãy mang tôi tới diện tiền
Giết tôi chết giữa người thuyền quyên kia…

(Sa Mạc Trường Ca)

.2.

Nhắc đến Bùi Giáng, người ta hay nói về thơ của ông. Đó cũng là điều tất nhiên. Ông là một thi sĩ bát ngát, ngây thơ và cỏ hoa điên đảo. Cỏ hoa điên đảo trong cõi đời cũng như trong những cõi phi-đời và pha-đời. Còn ngây thơ, bát ngát là ở trong cõi bờ tịch lặng của triết lý

uyên nguyên mà ông vẫn hằng lui tới. Thơ Bùi Giáng tràn đầy thiên nhiên hoa cỏ của một thế giới sơ đầu vẫn còn giữ mãi một hồn nguyên tiêu ẩn mật. Thơ ông đựng đầy ẩn ngữ, mật ngữ, nhưng không trì nặng mà vẫn bay lượn phiêu diêu như những cánh châu chấu chuồn chuồn ở ngoài đồng nội. Ông làm thơ, nhưng không cần biết thơ là gì :

Bắt chước ông Khổng Tử
Con chim thì ta biết nó bay
Con cá thì ta biết nó lội
Thằng thi sĩ thì ta biết nó làm thơ
Nhưng thơ là gì
Thì đó là điều
Ta không biết

(Sa Mạc Trường Ca)

Kẻ thi sĩ không biết thơ là gì, nhưng ông biết rõ tại sao ông lại làm thơ :

«Thơ tôi làm (…) chỉ là một cách dìu ba đào về chân trời khác. Đi vào giữa trung tâm bão động một lúc thì lập tức xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức. Tôi gạ gẫm với châu chấu chuồn chuồn, đem phó thác thảm họa trần gian cho chuồn chuồn mang trên hai cánh mỏng bay đi. (…) [T]ôi ra bờ sông nằm ngủ khóc một

mình thơ dại giữa chiêm bao. Trong chiêm bao thơ về lãng đãng thì từ đó vần bất tuyệt cũng lãng đãng chiêm bao…»

Có những người đã thử bàn về thơ của Bùi Giáng. Tôi cũng đã thử có lần «vạch hai lá cỏ ra nhìn» để rủ một lũ chuồn chuồn châu chấu trở về bay liệng trong thơ ông. Tôi yêu cái hình ảnh của Bùi Giáng trong một màu trăng châu thổ và trong đìu hiu của hoang vu những lá hoa cồn, hay trong những bài ca quần đảo; nhưng tôi cũng rất thích cái nét thơ mộng đầy nhiệt tình, nhiệt thú, nhiệt huyết của ông trên cả hơn một ngàn trang sách trong ba tập Tư Tưởng Hiện Đại (in khổ lớn). Để thấy được những nét tài hoa và cái đọc, cái biết phơi phới của Bùi Giáng về văn học, tư tưởng và triết lý Tây phương cũng như Đông phương, tôi nghĩ người ta phải tìm vào những trang sách này. Những trang sách mà Bùi Giáng đã viết trong những năm ngoài ba mươi tuổi của mình, những năm đầu thập niên sáu mươi. Con người này tài hoa rất mực, chu du trong thế giới tư tưởng và ngôn ngữ Tây phương nhưng lúc nào cũng yêu thương thắm thiết một màu hoa bên ngàn của ngôn ngữ Việt.

Có lần ông nói với Trần Tuấn Kiệt là ông viết về triết học, bàn về tư tưởng hiện đại là để cuối cùng nêu lên mấy câu về Kiều hay của Huy Cận chơi. Quả thật là

có thế. Nhưng không phải chỉ là như thế. Bùi Giáng nói chơi đấy thôi. Trong những quyển này, ông bàn về một số những khuôn mặt lớn của tư tưởng hiện đại như Karl Jaspers, Jean-Paul Sartre, André Malraux, Saint-Exupéry, Gabriel Marcel, Albert Camus, Paul Claudel, Simone Weil, Martin Heidegger, William Faulkner, Nietzsche, Kierkegaard… Từ những khuôn mặt này, và đặc biệt là từ Heidegger, Bùi Giáng đã bàn rộng ra về những vấn đề của triết lý và tư tưởng hiện đại. Đọc mấy cuốn này để hiểu Bùi-Giáng-trẻ là như thế nào. Ông vẫn luôn là một nhà thơ, một con người hết sức thơ mộng. Nhưng ông lại là một con người của lý luận và mang đầy tính «vượt biên» trong cung cách dắt dìu ngôn ngữ, tư tưởng của mình. Ông gạt bỏ mọi rào cản trong sự diễn tả và trong mạch lý luận. Ông sẵn sàng đưa Khổng, Lão, Trang cũng như cả Thúy Kiều, Kim Cương, Phùng Khánh, Brigitte Bardot, Marilyn Monroe, Dương Quí Phi, Ariane, Diane, Nausicaa, Juliet, Desdemona… vào trong cuộc thảo luận mà ông bày ra với Heidegger, Nietzsche, Sartre, cũng như với những nhà tư tưởng lớn khác của thế giới. Bùi Giáng cho rằng những người con gái đó «phải trở về bủa rộng chiêm bao để thiết lập mộng luân lưu giữa thời gian bay múa», và có như thế thì «cuộc tồn hoạt của tồn sinh [mới] được tiếp xúc trở lại với hương màu vạn cổ…»

Bùi Giáng không thích Sartre vì, trong cái nhìn của ông, Sartre đã quá bất công với Camus, không hiểu Faulkner cũng như kỹ thuật thời gian đồng hiện của nhà văn này trong The Sound and the Fury, và không ngay thẳng với Heidegger. Sartre đã tìm cách giết chết Camus trong việc «giải thích» L»Étranger một cách không đúng tinh thần mã thượng trong bài Explication de l»Étranger của mình. Và Sartre đã bóp méo, xuyên tạc, rồi sau đó tấn công Heidegger, tung hỏa mù về tư tưởng của Heidegger vào thế giới trí thức Tây phương. Trong quyển đầu, Tư Tưởng Hiện Đại, Bùi Giáng còn khá nghiêm túc, tính chất «vượt biên» trong ngôn ngữ, tư tưởng của ông, phần lớn, còn nằm đằng sau những con chữ, những mặt chữ, chứ chưa lộ hẳn ra ngoài. Những nhận định của ông về Sartre, trong khi bàn về Camus, còn sự quý mến và nể trọng. Qua đến quyển hai, Martin Heidegger và Tư Tưởng Hiện Đại I, vì giận Jean Wahl, giáo sư đại học Sorbonne, qua quyển Vers la fin de l»Ontologie của ông này nhằm phê bình quyển Introduction à la Métaphysique (Einfuhrung in die Metaphysik) của Heidegger, và giận Sartre trong việc ông cho rằng Sartre đã xuyên tạc triết gia này, có những chỗ Bùi Giáng đã «mày tao chi tớ» với họ. Ông cho rằng Jean Wahl đã «bám vào những chi tiết mấp mô mà bỏ quên nguồn thác chảy. Cái phần sâu thẳm trong chiêm

niệm viễn tượng siêu hình «dư dục vô ngôn» Heidegger gọi là cái phần Im-pensé […] hoàn toàn bị Jean Wahl và Sartre hững hờ không dọ tới. Jean Wahl là hình ảnh biểu trưng trọn vẹn cái sa đọa của duy lý thô thiển mài miệt trong cái học công truyền đo đếm quanh năm […] Cái gì gì Jean Wahl cũng nằng nặc đòi cho được «tout à fait». Đức Khổng Tử thấy vậy, Ngài bèn lắc đầu : Nếu đòi hỏi mãi cho được cái «tout à fait» thì than ôi ! còn chi là cái cõi lòng của ta nữa […] Cái phần vô-suy tư là cái phần quý báu ta trao gửi êm đềm cho mỗi mỗi tinh anh. Hãy mở tâm thức mình ra mà đón lấy…»

Bàn về việc Sartre, trong cái nhìn của Bùi Giáng, bóp méo và xuyên tạc rồi tấn công Heidegger trong khái niệm «In-der-Welt-sein» của triết gia này trong cuốn l»Être et le Néant (Hữu Thể và Hư Vô) của mình, Bùi Giáng viết :

«Ở đây, rõ ràng ý Sartre muốn triệt để công kích Heidegger cho tả tơi tan tành trong-hào-ngoài-lũy-bằng cái toán quan quân kỳ dị truy sát đuổi dài. Bởi đâu ta dám bảo như vậy. Bởi rằng : cái tiếng l»être-au-milieu-du-monde là tiếng của Heidegger. Vật-thể-trong-đời hay tại-thể-trong-thế-gian chính là In-der-Welt-sein-một khái niệm cốt yếu trong tư tưởng Heidegger. Và sở dĩ ta bảo rằng đám loạn quân truy sát của Sartre quả

thật là kỳ dị, ấy bởi rằng : Sartre xuyên tạc trước, rồi tra tấn sau. Sartre bóp méo tư tưởng của người ta rồi lên án người ta.

Cái khái niệm «trong đời» của Heidegger không có nghĩa ù lì, trơ trơ gỗ mục như Sartre bảo. Tại-thể-trong-đời, là xuất võng ngoại tồn phát tiết tinh hoa ra ngoài cõi đời để mở-phô-đời-cõi, thiết lập lại bên dòng cái cuộc đời rời rã cho kết-tụ-tròn-đầy lài liễu soi gương, khâm phụng lên đường theo thiết tha phóng hoạt-là thiên chức con người trước tiếng gọi Vô Ngôn.

Sartre đã đẩy Logos Hình Nhi Thượng của Heidegger cho té xuống bình diện Hình Nhi Hạ. Phusis bị dập hết hương màu. Thế còn chi là hồng nhan em Thúy ? Tha hồ mà đo đếm đuổi xô. Đem bụi lầy bết vào thân tiên tử, đem bùn-đen trát vào mình mẩy mềm mại của giai nhân, rồi la to : - Con đĩ kia ơi ! Mày hãy đưa tứ chi cho ông xiềng xích lại, rồi vào ngục tối mà nằm. Ông là nhân viên kiểm tục.

Duy có điều : Sartre vẫn đáng được ta mến là ở chỗ: Cái điệu tài-tình-ba-gai của Sartre nghe ra lắm chiều ngộ nghĩnh. Dường như Sartre thử đùa một cuộc chơi-để xem thử thiên hạ sẽ nghĩ như thế nào. Nếu ta nói chơi, mà đời lại nghe theo làm thật, lại ngây thơ hơn con trẻ, cứ lượm đá mà ném mãi vào thân thể giai nhân

để tự-biến-mình-làm-quỷ-thì cũng là đáng cho cái kiếp các ngươi lắm đó. Giai nhân chết đi, thì rồi các người sẽ cưới ma-cuồng về mà ôm ấp (…)» (4)

Phong cách diễn tả của Bùi Giáng cho thấy ông có sở học rộng, mặc dù ông cũng rất chủ quan. Ở đây, ông là một nhà phê bình; nhưng cái chất nghệ sĩ trong con người ông còn mãnh liệt hơn cái chất phê bình kia. Và nghệ sĩ nào mà lại không chủ quan. Ông có cái tài hoa trong ngôn ngữ, cái nhiệt tình trong việc bênh vực cho lẽ phải trong quan điểm của mình, và cái cao ngạo, «pha» đời của một người coi thường cái học từ chương, trường ốc, khinh thường cái nhóm «trường trại lao xao». Tự nói về ngôn ngữ của chính mình, ông bảo : «Lời mông-lung-cỏ-lá là xem thường hệ-thống-lý-luận-phỉnh-gạt của những phường giá áo túi cơm là cá chậu chim lồng» (M.H. và TTHĐ II) và «Đã là người Việt Nam thì chẳng lẽ lại viết triết học bằng chữ. Phải viết bằng lời. Mà lời của biển dâu không thể là lời văn xuôi. Phải là lời thơ «tái tân thanh» tái tạo. Văn xuôi cũng phải buộc là thơ. Và mở cửa cho thơ rúc vào nằm trong một vòng tròn trịa méo mó ôm nhau.» (M.H. và TTHĐ I).

Bởi vậy, cho dù ngoài thơ ra, Bùi Giáng có dịch một số tác phẩm của văn chương thế giới, có bình luận chú

thích về tư tưởng hiện đại, thật sự, tất cả những gì ông viết ra đều nằm trong một bài thơ lớn. Một bài thơ lớn theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Bài thơ đó chính là đời sống của ông, là cuộc tồn lưu kỳ thú mà ông đã chọn lựa để sống trọn vẹn sinh mệnh mình trong cuộc lữ trần gian này :

Tôi đã nguyện yêu trần gian trọn vẹn
Hết tâm hồn và hết cả da xương

(Mưa Nguồn)

Bùi Giáng viết mấy quyển Tư Tưởng Hiện Đại chỉ là để, cuối cùng, nêu lên mấy câu của Tố Như trong Kiều hay mấy câu thơ của Huy Cận. Thì thực là như thế đó. Nhưng ông cũng viết những quyển sách ấy để nói lên những vấn đề trầm trọng của sử lịch Việt Nam, của con người Việt Nam, giữa mấy trời lửa khói :

Bóng mây trời cũ hao mòn
Chiêm bao náo động riêng còn hai tay
Tấm thân với mảnh hình hài
Tấm thân thể với canh dài bão dông
Cá khe nước cũng lên đồng
Ruộng hoang mang khóc đêm mồng một giêng
Tạ từ tháng chạp quay nghiêng
Ầm trang sử lịch thu triền miên trôi

* * *

Bỏ trăng gió lại cho đời
Bỏ ngang ngửa sóng với lời hẹn hoa
Bỏ người yêu bỏ bóng ma
Bỏ hình hài của tiên nga trên trời
Bây giờ riêng đối diện tôi
Còn hai con mắt khóc người một con

(Mắt Buồn / trích nguyên bài trong tập Mưa Nguồn)

Ầm trang sử lịch. Sử lịch. Hình như đây là chữ đặc biệt của Bùi Giáng. Trước ông, hình như chưa có ai dùng từ sử lịch. Và kể từ Bùi Giáng, mỗi khi viết về ông, hoặc mỗi khi viết theo thể điệu của ông, người ta thường dùng từ này để nói lên cái tính lịch sử của đời sống, của con người, của một cuộc lữ, hay của một vòng quay, một dòng vận động. Có thể nhiều người trong chúng ta thấy từ ấy lạ, đầy nét Bùi Giáng, và đã tưởng là người thi sĩ cho «nét chữ lên đàng quẩn quanh». Và chúng ta cũng cho nét chữ của mình quanh quẩn lên đàng đuổi theo nét chữ của người. Điều đó cũng là hợp lý khi đi tìm hay khi nói về phong cách của nhà thơ. Có lẽ ít người biết rằng, dù là có một phong cách dùng từ độc đáo, trong việc dùng từ «sử lịch» này, Bùi Giáng có quan niệm rõ ràng của ông. Ông sáng tạo ra từ «Sử Lịch»-hoặc nếu nó đã có trước đó, trong văn mạch của

ông nó đã được dùng theo một nghĩa đặc biệt-để diễn một khái niệm triết lý của Heidegger. Ở đây không phải chỉ là chuyện «hóa ra nét chữ lên đàng quẩn quanh» mà thôi. Sử lịch là lịch sử nhuốm đẫm màu thời gian pha phôi thiên cổ. Ở phần phụ lục cuối sách trong quyển Martin Heidegger và Tư Tưởng hiện Đại II, trong phần chú giải về những ngôn từ cốt yếu của Heidegger (vài chục từ) mà Bùi Giáng có nhắn gửi với người đọc là : «Nắm lấy chừng này Ngôn từ, bạn sẽ có cái Chìa Khóa mở một Cửa Mộng», ông chú giải về từ Geschichte theo thể điệu Bùi Giáng :

«(…)

Geschichte : Sử Lịch, Sử Mệnh, Sử Kiếp, Hồng Sử, Thanh Sử…

Trên trang sách Heidegger, tiếng Geschichte có âm vang kỳ bí não nùng như những tiếng Cổ Lục Sử Xanh của Nguyễn Du. Trong Đức Ngữ cũng có tiếng Historie như History (Anh), Histoire (Pháp).

Theo nghĩa thông dụng thì trong Đức Ngữ hai tiếng Historie và Geschichte vẫn không khác gì nhau. Nhưng trong sách Heidegger thì triết gia phân biệt hẳn hai nghĩa. Historie được dùng theo nghĩa sử là sử ký, sử sự, sử kiện, sử chi li biến cố. Tĩnh tự là historisch. Còn

Geschichte thì có nghĩa man mác mênh mông của Thời Gian hòa vào Vĩnh Thể trong tâm thức con người là Tại Thể hoài vọng luân lưu. Âm hưởng Sử Lịch phiêu bồng trong chiều hướng quá vãng theo về bờ cõi mai sau.

Những tiếng Geschichte, geschichtlich, Geschichtlichkeit đều mang đủ những gì trầm trọng của Sein und Zeit của Zeitlichkeit chan gội tồn lưu tố chất… Dịch giả Anh, Pháp đã bối rối rất nhiều trước những tiếng này. Việt Nam nhờ có Nguyễn Du nên đỡ sợ.

Tạm đưa một vài thí dụ để dễ nhận nghĩa hơn : khi bàn tới tiếng philosophia của Cổ Hy Lạp, Heidegger bảo : vì tiếng kia là của Hy Lạp ngàn xưa mênh mông, nên lời của philosophia là lời của nghĩa Con Đường, lời của Đạo. Đến bây giờ, theo dấu cỏ, ta đi. Bước trên đường, và ta hiểu đạo philosophia. Nhưng thật ra cái con đường của yêu thương cái sophon đã mất nhiều cỏ hoa vì bàn chân ta thô bạo. Ta bứt trụi lá cây. Và từ đó ta tưởng mình quen biết con đường, nhưng thật ra cũng hầu như không biết. Biết rất mù mờ, dù có nhớ rõ vanh vách những hòn sỏi, những cồn lau. Dù có thuộc làu làu những gì trong Cổ Sử : chuyện trước, chuyện sau, câu đầu, hàng cuối, sử ký, sử ghi, sử sự tràn lan đùn đẩy. Vẫn chưa rõ đạo của đường. Bởi đâu ?

[Bỏ một đoạn trích tiếng Đức của Bùi Giáng để làm bật nghĩa historische Kenntnisse.]

Ấy bởi rằng những Sở Tri Sử Ký chồng chất kia (viele historische Kenntnisse) nó nằm trong trí óc lao xao, nó xui ta bận trí đếm đo hoài, nên ta không còn tâm linh mà mặc niệm. Ta bỏ lạc tồn lưu và mất trụi cái cốt thiết của Căn Cơ ẩn kín (innerst Grundzug) của Sử Lịch là Geschichte nằm trong Sử-tố-chất của Tại Thể-die Geschichtlichkeit des Daseins.

Cầu thệ thủy ngồi trơ cổ độ
Quán thu phong đứng rũ tà huy

Lời cổ độ gây rung động dị thường. Vì Dasein đã nhìn vạn vật trong vẻ kỳ ảo Sơ Khai. U huyền trong cổ độ, huyền mộng trong tà huy, mộng tình trong thệ thủy, tình tự trong thu phong… Đứng rũ vì nhớ nhung, ngồi trơ vì thê thiết. Quán và Cầu là hình ảnh của hoài niệm về Sơ Thủy không nguôi….»

Đoạn trích dẫn vừa rồi khá dài. Nhưng, ở đây, tôi chỉ muốn cho người đọc thấy rằng nhiều khi chúng ta cứ tưởng rằng Bùi Giáng chỉ thích đùa cợt gùn ghè giỡn chơi với chữ nghĩa, nhưng thật sự thì chẳng phải vậy. Ông đùa giỡn, điên đảo, quẩn quanh hoa cỏ thật, nhưng ông cũng là một người thật hết lòng nghiêm cẩn với chữ

nghĩa của mình. Ta hãy thử đọc vài ba định nghĩa nữa của ông về mấy từ thiết yếu trong sách của Heidegger, người mà Bùi Giáng rất mực tâm đắc và yêu mến.

Sein : Hữu Thể, Tồn Thể, Vĩnh Thể.

Seiende : Hiện sinh, Hiện Thể, Vật Thể

Gefrage : Điệu hỏi ò e, lao xao, theo lối trường trại ồn ào, làm tan nát màu hương của chiêm niệm u uyên.

Hai từ đầu nghiêm cẩn. Từ thứ ba rất «mông lung cỏ lá», diễn được cái ý xem thường «lối trường trại» ồn ào của Bùi Giáng.

.3.

Con người của Bùi Giáng không chỉ để lộ nét tài hoa trong thơ của mình. Hay trong hằng ngàn trang sách của Tư Tưởng Hiện Đại, và trong hằng mấy ngàn trang sách khác nữa của những quyển khảo luận về văn chương, tư tưởng Việt Nam cũng như về văn chương, tư tưởng thế giới. Nét tài hoa ẩn mật mở phơi hào hứng của ông còn được thể hiện rất rõ trong những dịch phẩm mà ông đã để lại cho đời. Tùy vào cái tạng của mỗi người mà chúng ta có thể cảm hay không cảm, thích hay không thích, cái phong cách dìu ba đào về những chân trời viễn mộng trong những bản dịch của Bùi Giáng. Dù

sao, ai cũng phải công nhận đó là những bản dịch đặc biệt, những bản dịch có một không hai trong văn dịch của chúng ta.

Có một lần, Bùi Giáng đã thổ lộ về quan niệm dịch văn của mình trong lời Tựa quyển Cõi Người Ta (6) mà ông dịch từ Terre des Hommes của Saint-Exupéry như sau :

«(…) Theo dõi giấc mộng dài của Saint-Exupéry, lại gọi ngôn ngữ Việt Nam về hạ tứ, nhiều phen phải bàng hoàng : Chúng ta đứng trước mấy lần hiểm họa của màu sắc lục hồng cứ trùng điệp rủ nhau bay, tung lên phủ xuống (…)

Dịch văn-sao cứ gọi là dịch ? - dịch văn biến thành câu chuyện; vừa bay lên, vừa lặn xuống, vừa lẽo đẽo nối liền hai bờ ngôn ngữ quá xa nhau. Thật vừa vui, vừa mệt mỏi.

Ngôn ngữ đa âm đòi hỏi lối phiên dịch như thế nào qua ngôn ngữ đơn âm ? Đó là điều đáng xui chúng ta tư lự đăm chiêu.

Vì lẽ : tiết điệu đa âm có một phong thái dồi dào đương yêu cầu được tái hiện. Đây là trường hợp : ở bên kia từ ngữ, tiết điệu của ngôn ngữ đương nói rất nhiều.

May sao, Việt ngữ đơn âm lại giàu sang âm vận. Nhưng không phải ở mọi cơ hội đều giản dị giàu sang. Do đó cần thêm một chút chuyển hóa thỏa đáng thì lời dịch sẽ tái lập được «cung bậc» gieo vàng của nguyên ngôn. Mà nguyên ngôn Saint-Exupéry lại chứa chan những thơ mộng khi u trầm, ngậm ngùi lúc lộng lẫy. Cái điệu nói la cà diệu vợi, vừa chát chát vừa hắt hiu, lúc nhắc tình bạn hữu, lúc gợi tiếng U già, lúc chuyện trò với gái trên nhịp cầu hai cõi hoang vu. «Tả nhi nữ tư tình, đãng khí hồi trường. Tả anh hùng sự tích, nghĩa bạc vân tiêu.» (…)

Trong bản dịch, có mấy chỗ thêm vài lời, ấy là gắng đưa ngôn ngữ đơn âm đuổi theo tiết điệu ngôn ngữ đa âm. Thỉnh thoảng lại bớt vài lời, ấy là bởi : Việt ngữ mang nhiều tính chất parataxique trong khi Pháp ngữ lại triệt để là một ngôn ngữ syntaxique. (…) «

Sau đây, ta hãy thử đọc một đoạn trong Terre des Hommes của Saint-Exupéry, rồi thử tìm xem cái giọng điệu lãng đãng thơ mộng ấy của Saint-Exupéry ngân vang bồi hồi trong bản dịch Cõi Người Ta của Bùi Giáng ra sao :

J»ai atterri dans la douceur du soir. Punta Arenas ! Je m»adosse contre une fontaine et regarde les jeunes filles. A deux pas de leur grâce, je sens mieux encore

le mystère humain. Dans un monde où la vie rejoint si bien la vie, où les fleurs dans le lit même du vent se mêlent aux fleurs, où le cygne connait tous les cygnes, les hommes seuls bâtissent leur solitude.

Quel espace réserve entre eux leur part spirituelle ! Un songe de jeune fille l»isole de moi, comment l»y joindre? Que connaitre d»une jeune fille qui rentre chez elle à pas lents, les yeux baissés et se souriante à elle-même, et déjà pleine d»inventions et de mensonges adorables? Elle a pu, des pensées, de la voix et des silences d»un amant, se former un Royaume, et dès lors il n»est plus pour elle, en dehors de lui, que des barbares. Mieux que dans une autre planète, je la sens enfermée dans son secret, dans ses coutumes, dans les échos chantants de sa mémoire. Née hier de volcans, de pelouses ou de la saumure des mers, la voici déjà à demi divine.

Punta Arenas ! Je m»adosse contre une fontaine. Des vieilles viennent y puiser; de leur drame je ne connaitrait que ce mouvement de servants. Un enfant, la nuque au mur, pleure en silence; il ne subsistera de lui, dans mon souvenir, qu»un bel enfant à jamais inconsolable. Je suis un étranger. Je ne sais rien. Je n»entre pas dans leurs Empires.

Lời văn của Saint-Exupéry mang tiết điệu trầm buồn, u hoài, đầy nét vợi xa lãng đãng. Và, từ đó, Bùi Giáng dịch là :

Tôi hạ cánh giữa tịch mịch chiều vàng. Punta Arenas! Hãy nhìn ta tựa lưng vào bờ giếng mà ngó gái giữa thanh xuân. Cách nhau hai bước, tôi càng cảm thấy rõ cái lẽ huyền nhiệm kiếp người… Trong một thế giới mà sự sống giao tiếp dễ dàng với sự sống, mà những cành hoa giữa lòng gió hồn nhiên hôn phối với những cành hoa, một thế giới mà con thiên nga nào cũng quen biết mọi con thiên nga, trong thế giới đó, chỉ riêng con người là xây dựng căn lầu mộng cô đơn.

Phần tinh anh còn cách biệt nhau nghìn trùng. Một giấc mộng «đầu hoa ngang ngửa thắm» của gái xuân càng chia nường biệt lập tôi, biết làm sao mà tìm cái lối vào trong nẻo đó ở trong kia ? Làm sao hạnh ngộ, làm sao nghe ra, làm sao ngóng thấy, làm sao biết rõ những cơn man mác trong nhịp bước gái tơ đi lững thững chiều hôm về căn nhà cha mẹ, mắt lim dim khép mở hai hàng, hai đôi má núng đồng tiền mở nụ, một mình mỉm cười với gió ẩy tà xiêm một mình em hay, một mình em biết, một mình rộn lên những trận viễn du khai phá, những mộng tưởng phát minh, những u hương rập rình quân nhạc dối nhau xiêu đình đổ quán… Nàng đã tự thiết

lập một điện đài ẩn bí trong một vương quốc rẽ riêng, bằng những gì của riêng ai đem lại, bằng những gì của gã tình nhân đăm chiêu tơ tưởng ? bằng điệu nói của chàng? bằng lặng lẽ của anh ? Từ đó về sau, đối với em, chỉ riêng chàng là hoàng tử chí tôn, ngoài chàng ra, người người trong thiên hạ thảy thảy là bọn lưu manh man dại côn đồ ? Em khép thân ngà trong một cõi, kín đáo hơn lối vào một viễn cách hành tinh, em che lấp đời riêng trong những lối đi về kiều diễm, trong những thói nhà băng tuyết, trong những âm thanh dìu dặt của ký ức não nàng lờ lững phỉ phong. Sinh ra từ giữa lòng núi lửa, từ giữa lòng thảo hoa, từ chất muối trùng khơi thổi mặn, mới đó hôm qua, nay em đã hầu thành Tiên Nữ.

Punta Arenas ! Tôi tựa lưng vào bờ giếng. Những đàn bà già nua tới đây lấy nước. Trong tấn bi kịch đời họ, ngày mai tôi sẽ biết riêng chỉ một cử động tôi đòi ấy thôi. Một bé con ngửa cổ vào tường, khóc lặng lẽ. Ngày mai trong kỷ niệm của tôi, sẽ chỉ còn ghi riêng hình ảnh một đứa bé lạc loài, sầu khổ không nguôi. Tôi là kẻ lạ tới đây. Tôi không biết, không biết gì hết cả. Thế giới họ, tôi không thể bước vào. Làm sao tôi dám nói.

Ngày còn trẻ, những năm mười tám, mười chín, hai mươi, đọc Terre des Hommes, rồi đọc bản dịch Cõi Người Ta của Bùi Giáng, thú thật, tôi chịu không nổi.

Trong những tháng năm tuổi trẻ ấy, cái gì mình cũng muốn đâu vào đấy, cái gì mình cũng muốn thẳng lối ngay hàng. Mình thích sự nghiêm cẩn, thích sự gọn gàng chính xác. Câu văn của Bùi Giáng thêm thắt lòng vòng, ngõ trước vườn sau, mông lung lá cỏ. Làm sao tuổi hai mươi ngày ấy chấp nhận được. Nhưng rồi thời gian trôi qua lãng đãng. Bây giờ, đọc lại câu văn dịch của Bùi Giáng, tôi thấy bập bềnh cái hơi thở u hoài của trần gian thênh thang mà miên man lồng lộng. Trên những câu văn của Bùi Giáng, tôi vẫn thấy còn sót lại một vạt nắng vàng trong man mác chiều tà. Người con gái đầy ắp xuân thì, cúi đầu, tự mỉm cười với chính mình, bước đi lững thững về nhà, trong lòng chất đầy mơ mộng. Những bà già ra giếng kín nước. Một cậu bé con ngửa cổ vào tường, khóc lặng lẽ. Câu văn dịch của Bùi Giáng lòng vòng diệu vợi. Thế mà bây giờ, đọc lại, sao tôi lại thấy nó để lại trong lòng mình những ấn tượng thật mạnh và buồn.

Một bản dịch khác của Bùi Giáng, cũng là một tác phẩm của Saint-Exupéry, mà tôi rất thích là quyển Le Petit Prince. Bản dịch của Bùi Giáng là Hoàng Tử Bé. Đây là một cuốn sách tuyệt vời. Và bản dịch của Bùi Giáng cũng đạt được độ tuyệt vời của nguyên tác. Cuốn sách kể lại câu chuyện của một chú hoàng tử bé, sống trên một tinh cầu xa xăm. Chàng có một đóa hoa và

chàng đã ngày ngày tận tâm tưới nước, chăm sóc cho đóa hoa ấy. Đó là một đóa hoa đặc biệt của một chủng tử đặc biệt trên tinh cầu chàng. Đó là đóa hoa duy nhất của chủng tử nọ, và chính là vì đóa hoa yêu kiều diễm lệ này mà hoàng tử bé đã lên đường phiêu lưu. Chàng đi qua nhiều tinh cầu khác nhau và thấy được nhiều sự lạ lùng trong tính chất của «con người» : một ông vua, một người hay khoe khoang, một chàng thích ăn nhậu, một người làm áp-phe, một người chuyên đi thắp đèn, một nhà địa lý. Tới trái đất, sau khi gặp một con rắn, sau khi gặp những đóa hoa hồng, hoàng tử bé kia gặp một con chồn. Và, trong nguyên tác cũng như trong bản dịch của Bùi Giáng, con chồn này quả là phiêu hốt và thơ mộng đáng yêu quá thể.

Sau khi gặp gỡ, chào hỏi nhau, hoàng tử bé nói chàng muốn con chồn đến ở chơi với chàng, vì chàng buồn quá. Con chồn trả lời là nó không thể chơi đùa với chàng được vì nó chưa được «tuần dưỡng», bởi thế tính khí chưa thuần. Hoàng tử bé hỏi con chồn «tuần dưỡng» là gì. Nhưng con chồn nói sang chuyện khác. Sau hai, ba lần như thế, hoàng tử bé vẫn không quên câu hỏi của mình. Chàng lại hỏi con chồn : Tuần dưỡng có nghĩa là gì ?

- Đó là một điều bị quên lãng quá nhiều, con chồn đáp : đó có nghĩa là «tạo nên những mối liên lạc…»

- Tạo nên những mối liên lạc ?

- Hẳn thế, con chồn nói. Đối với tôi, chú hiện giờ chỉ là một đứa trẻ giống y như trăm nghìn đứa trẻ bé khác. Và ta không cần thiết gì tới chú. Và chú cũng chẳng cần gì tới ta. Đối với chú, ta chỉ là một con chồn lũi lang thang như trăm nghìn con chồn lũi phất phơ phiêu hốt dưới sương trời lỗ đỗ thế thôi. Nhưng nếu chú tuần tuần thiện dưỡng ta, thì chúng ta sẽ cần tới nhau. Chú sẽ trở nên duy nhất trong cõi đời, đối với ta. Ta sẽ trở nên duy nhất trong cõi đời, đối với chú…

- Ta bắt đầu hiểu rồi đó, hoàng tử bé nói. Có một đóa hoa… ta tưởng nàng đã tuần dưỡng ta… (…)

Thế rồi con chồn tâm sự :

- Đời ta tẻ nhạt. Ta đuổi bắt những con gà mái, loài người đuổi bắt ta. Mọi con gà mái đều giống nhau, và mọi mọi con người đều giống nhau (dù là người phồn hoa rực rỡ, dù là người phố thị đìu hiu…) Vậy nên ta có u sầu chán ngán đôi chút. Nhưng nếu chú tuần dưỡng ta, cuộc sống của ta sẽ sáng sủa ra, kể như có bóng mặt trời chiếu vào vậy (…) Và này coi kìa ! chú thấy ở đằng

xa kia kìa những cánh đồng lúa mì đó chớ ? Ta không ăn bánh mì. Lúa mì đối với ta vô dụng. Những cánh đồng lúa mì chả có nhắc nhở ta cái gì ráo. Và cái điều đó, thật đáng buồn ! Nhưng chú có những sợi tóc màu vàng óng. Vậy nên sự vụ sẽ trở thành huyền diệu, một khi chú đã tuần dưỡng ta xong ! Lúa mì, màu vàng óng, từ đó về sau sẽ nhắc nhở ta nhớ tới chú. Và từ đó ta sẽ yêu tiếng gió thổi thánh thót trong lúa mì hiu hiu… (…)

Rồi con chồn thủ thỉ hẹn hò. Cho nhu cầu «tuần dưỡng», nó yêu cầu hoàng tử bé đến đúng giờ, mỗi ngày. Và nó giải thích rõ lý do vì sao chàng phải đúng giờ như thế :

- (…) Nếu chú đến, chẳng hạn, vào lúc bốn giờ chiều, thì khởi từ lúc ba giờ chiều, cõi lòng ta đã bắt đầu sung sướng. Tới bốn giờ chiều thì, ha ! ta loay hoay, e ngại, ta ngồi đứng không an; ta sẽ khám phá được ý nghĩa vô ngần hắt hiu của phù du mênh mông hạnh phúc ! Nhưng nếu chú tới bất kể lúc nào, thì ta sẽ chẳng biết đâu vào đâu mà mò ra cho đúng cái giờ phải chuẩn bị cho cái trái tim, cái phút phải vận y phục vào cho cái cõi lòng đón chào tươm tất… Cần phải có những nghi thức thơ mộng, những điển lễ phôi pha. (…)

«Tuần dưỡng», từ này nghe lạ. Bùi Giáng khéo chọn từ, nó làm cho mình nhớ mãi. Trong những dịp đi lang thang vào các nhà sách bên Âu châu, năm này năm nọ tôi đã mua được năm sáu bản dịch khác nhau của tác phẩm này. Vì là sách dành cho trẻ con (!), ấn bản của ngôn ngữ nào cũng in thật đẹp với những hình vẽ bằng màu nước của chính Saint-Exupéry. Trở lại với «tuần dưỡng». Ở đây, xin lấy ra vài bản dịch với những ngôn ngữ thông dụng. Trong nguyên tác, Saint-Ex dùng từ «apprivoiser». Bản Anh dịch của Katherine Woods, dùng từ «tame». Bản Tây-ban-nha, dịch giả Bonaficio del Carril dùng «domesticar». Những từ này, nói chung, là những từ bình thường, quen thuộc, không đặc biệt tạo ra một ấn tượng rõ nét. Từ của Bùi Giáng dùng, đối với người Việt chúng ta, nghe thấy lạ lẫm. Và nó tạo được ấn tượng sâu sắc làm cho ta nhớ mãi.

Câu con chồn nói, «Đối với chú, ta chỉ là một con chồn lũi lang thang giống như trăm nghìn con chồn lũi phất phơ phiêu hốt dưới sương trời lỗ đỗ thế thôi» là một câu đầy nét Bùi Giáng. Bản chính chỉ là «Je ne suis pour toi qu»un renard semblable à cent millle renards.» Bản Anh dịch là, «To you, I am nothing more than a fox like a hundred thousand other foxes.» Bản Tây-ban-nha, «No soy para ti más que un zorro semejante a cien mil zorros.» Cái sự vụ «lang thang (…) phất phơ phiêu hốt

dưới sương trời lỗ đỗ» hoàn toàn là do Bùi Giáng thêm vào. Nhưng sao nó lại làm cho câu văn phiêu bồng phất phơ thơ mộng làm vậy ! Dịch được một câu như thế có lẽ vì chính Bùi Giáng cũng đã là một con người «lang thang phất phơ phiêu hốt dưới sương trời lỗ đỗ» suốt cả đời mình.

Câu «Cần phải có những nghi thức thơ mộng, những điển lễ phôi pha», trong chính bản, chỉ là, «Il faut des rites.» Bản tiếng Anh, «One must observe the proper rites…» Bản Tây-ban-nha, «Los ritos son necesarios.»

Câu «Mọi con gà mái đều giống nhau, và mọi mọi con người đều giống nhau (dù là người phồn hoa rực rỡ, dù là người phố thị đìu hiu…). Vậy nên ta có u sầu chán ngán đôi chút», trong chính bản là «Toutes les poules se ressemblent, et tous les hommes se ressemblent. Je m»ennuie donc un peu.» Bản Anh, «All the chickens are just alike, and all the men are just alike. And, in consequence, I am a little bored.» Bản Tây-ban-nha, «Todas las gallinas se parecen y todos los hombres se parecen. Me aburro, pues, un poco.» Cái phần thêm thắt vào, «dù là người phồn hoa rực rỡ, dù là người phố thị đìu hiu», của Bùi Giáng, trong cảm nhận của riêng tôi, thật là «đã». Nó làm cho con chồn lũi ấy phất phơ phiêu hốt hơn những con chồn trong chính bản và trong

các bản dịch kia nhiều. Nó làm cho cuộc đối thoại của hoàng tử bé và chú chồn ấy «có da có thịt» thêm. Nó làm cho những «nhân vật» ấy có cá tính hơn nữa.

Như thế, ta thấy rõ là Bùi Giáng đã làm đúng với quan niệm dịch văn mà ông đã đề ra, «Dịch văn biến thành câu chuyện; vừa bay lên, vừa lặn xuống, vừa lẽo đẽo nối liền hai bờ ngôn ngữ quá xa nhau. (…) Trong bản dịch, có mấy chỗ thêm vài lời, ấy là gắng đưa ngôn ngữ đơn âm đuổi theo tiết điệu ngôn ngữ đa âm. (…)» Bùi Giáng, trên một số phương diện, quả đã thành công một cách đáng yêu trong những bản dịch của mình.

.4.

Tôi nhớ trong tập Mưa Nguồn, Bùi Giáng có viết :

Em về mấy thế kỷ sau
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không
Ta đi gửi lại đôi dòng
Lá rơi có dội ở trong sương mù

Bùi Giáng đã ra đi rồi. Nhưng vầng trăng ông để lại vẫn mãi còn nguyên một màu sơ thủy. Những lá hoa cồn hay những dòng chữ mà ông để lại cho đời vẫn thấp thoáng mãi trong những bóng sương mù của thi ca, của hồn nguyên tiêu ngày cũ. Mãi mãi, chúng sẽ

còn để ngân lại trong lòng những người yêu quý ông những tiếng gọi trở về. Trở về bến sơ đầu của những cơn mưa nguồn ngày cũ, của những bài ca quần đảo hoang vu, của những lời cố quận mịt mù gang tấc. Hẳn đã nhiều lần trong cuộc tồn sinh của mình, Bùi Giáng đã nhận thấy rằng quê hương của ông, cố quận của ông đã không còn như xưa. Dù quê hương hay cố quận đó có được hiểu như thế nào đi nữa thì ông cũng đã «chết nhiều lần trong trận sống», và trong cuộc đời này, hình như nhiều lúc ông đã lạc mất lối về. Bởi thế, để tìm về đường xưa lối cũ của những hồn nguyên tiêu (Ngõ ban sơ, hạnh ngân dài / Cổng xô còn vọng điệu tài tử qua / Lỡ từ lạc bước bước ra / Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn), có lẽ người thi sĩ ấy chỉ còn có thể tìm về và tìm vào những cuộc chiêm bao :

Hỗn mang về giữa hiên nhà
Bây giờ cố quận tên là chiêm bao

(Rượu Uống)

Một giấc chiêm bao có mang mang thật nhiều nắng lạ :

Người nằm ngủ thấy gì
Thấy thật nhiều nắng lạ

(Mưa Nguồn)

Nắng lạ ấy có lẽ là thứ nắng đã làm cho «trời xanh đỏ chín» trong rừng sim những ngày chăn bò tuổi nhỏ của Bùi Giáng. Và chắc đó cũng là thứ nắng làm cho ông thấy «cây lá bốn bên song song từng lứa / sánh đôi nhau như ứa lệ ngàn hàng» khi ông để cho bò tự do gặm cỏ trong rừng sim, còn mình thì nằm ngó ngất ngây trời đất, nghe «mùi thoang thoảng lách lau sương đượm / mùi gây gây gấy gấy của hương rừng / mùi lên men phủ ngập mông lung / không biết nữa mà cần chi biết nữa».

Bùi Giáng đã yêu trần gian, yêu cuộc sống, yêu cuộc chơi mà ông đã dấn thân vào với tất cả hồn xác, với tất cả «thân thể máu me và da xương» của mình biết bao :

(…) *Xin yêu mãi yêu và yêu nhau mãi*
Trần gian ơi ! cánh bướm cánh chuồn chuồn
Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại
Con vi trùng cùng sâu bọ cũng yêu luôn
Còn ở lại một ngày còn yêu mãi
Còn một đêm còn thở với trăng sao
Thì cánh mộng còn tung lên không ngại
Níu trời xanh tay với kiễng chân cao.

(Mưa Nguồn)

Đọc Bùi Giáng, biết về cuộc sống của ông sau này, thương yêu và quý mến ông làm có những khi tôi tự hỏi rằng tuổi thơ của ông đã như thế nào, và ông đã sống tuổi trẻ của mình ra sao. Ông đã nhìn thấy những gì khi ông vừa biết mở rộng cặp mắt để ngó vào đời. Những viễn tượng nào trong thuở đầu xanh mà ông nhìn thấy đã đẩy ông vào cuộc lữ :

Cũng vô lý như lần kia dưới lá
Con chim bay bỏ lại nhánh khô cành
Đời đã mất tự bao giờ giữa dạ
Khi lỡ nhìn viễn tượng lúc đầu xanh
Buổi trưa đi vào giữa lòng lá nhỏ
Tiếng kêu kia còn một chút mong manh
Dòng nức nở như tia hồng đốm đỏ
Lạc trời cao kết tụ bóng không thành
Lá cũng mất như một lần đã lỡ
Trời đã xanh như tuổi ngọc đã xanh
Trời còn đó giữa tháng ngày lỡ dở
Hồn nguyên tiêu ai kiếm lại cho mình
Đường vất vả vó ngựa chồn lảo đảo
Cồn sương đi vào sương lạnh miên man
Bờ bến cũ ngậm ngùi sông nước dạo
Đêm tàn canh khắc vợi nguyệt gương ngàn
Một lần đứng lên mấy lần ngồi xuống
Ngón trên tay và tóc xõa trên đầu

Tình đếm lại muôn vàn thôi đã uổng
Để bây giờ em có biết nơi đâu
Bờ trùng ngộ một phen nầy phen nữa
Tờ cảo thơm như lệ ứa pha hồng
Hồn hoa cỏ Phượng Thành Hy Lạp úa
Nghe một lần vĩnh viễn gặp hư không

(Hư Vô và Vĩnh Viễn / trích nguyên bài trong Mưa Nguồn)

Nguyễn Đức Quỳnh có lần nói Bùi Giáng giống như là Lão Tử. Ông không dẫn giải gì thêm. Thật sự, so sánh nào cũng khập khễnh, nhất là khi ta so sánh những đối tượng sống xa nhau cả trong thời gian lẫn không gian như thế. Nhưng nếu ta chấp nhận tính tương đối của sự so sánh, hẳn nhiên nhận xét ấy có những điểm đích đáng của nó. Lão Tử chống lại và mạt sát lễ. Chương 38 sách Lão Tử (Đạo Đức Kinh) chép : «Thất Đạo nhi hậu Đức, thất Đức nhi hậu nhân, thất nhân nhi hậu nghĩa, thất nghĩa nhi hậu lễ. Phù lễ giả, trung tín chi bạc nhi loạn chi thủ», có nghĩa là «Đạo mất rồi sau mới có Đức, Đức mất rồi sau mới có nhân, nhân mất rồi sau mới có nghĩa, nghĩa mất rồi sau mới có lễ. Lễ là biểu hiện sự suy vi của trung tín (trung hậu, thành tín), là đầu mối của sự hỗn loạn». Bùi Giáng cũng không thích lễ nghi phiền toái. Ông rất ghét cái thói «lễ nghĩa» của những kẻ từ

chương, trường ốc mà ông gọi là «bọn trường trại lao xao». Ông không thích cái giọng mà ông gọi là «bo-bo-lễ-nhượng-hương-nguyện-lưa-thưa» của họ. Ông cũng rất ghét những màn thủ tục lễ nghi rườm rà. Thậm chí, theo Mai Thảo, có những lần Bùi Giáng ra đứng tắm ở cái máy nước trước tòa soạn báo Văn cũ ở đường Phạm Ngũ Lão, Sài gòn, thản nhiên trước bao nhiêu người qua kẻ lại, quần áo lướt thướt đi qua đường, một đám con nít tròn mắt đi theo. Ông mặc quần áo thùng thình, mái tóc dài đạo sĩ, cái túi vải trên vai, lại thêm một cây gậy chống nữa. Ông lang thang đây đó, ngủ bất cứ ở đâu, dưới trời sao, dưới một gầm cầu, hay dưới một mái hiên. Có những lúc lại thấy ông đeo một xâu chuỗi toàn giày dép và quần áo phụ nữ quanh cổ. Trẻ con và người lớn đều xem ông là một người điên. Bùi Giáng điên vì đời. Nhưng, ở một mặt nào đó, ông lại là một người rất sáng suốt. Lão Tử giấu mình, ẩn danh. Bùi Giáng sống với đời, thiết tha với cuộc chơi mà ông đã chọn với tất cả «thân thể máu me và da xương» của mình. Tôi nghĩ, trong nhiều khía cạnh, có lẽ Bùi Giáng giống Trang Tử hơn. Trang Tử chọn lối sống tiêu dao, lại thích lý luận, tranh cãi hào hứng với mọi người, đặc biệt với bạn thân là Huệ Tử. Một cá tính nữa của Trang là vui sống, thiết tha với cuộc sống. Tất cả những điều này ta đều thấy thể hiện nơi con người Bùi Giáng. Ông là con người

của tiêu dao, lang thang phiêu hốt dưới sương trời lỗ đỗ, không chấp nhận bất cứ một hình thức gò bó nào. Và ông chấp nhận trả giá cho cuộc chơi, cho cuộc tồn sinh của mình.

Nói mà chơi chứ Bùi Giáng chẳng phải Trang mà cũng chẳng phải Lão. Ông là một con người Việt Nam, yêu truyện Kiều, yêu Nguyễn Du, Huy Cận, và yêu luôn ca dao chuồn chuồn châu chấu. Ông yêu ngôn ngữ quê hương, và ông đã cả đời ăn nằm, chơi nghịch nghiêm trang với nó. Bùi Giáng là một người đã đi lang thang trong chốn tư tưởng của nhân loại, trong cõi thi ca của thế giới, nhưng lúc nào ông cũng chỉ muốn cuộn mình «tròn trịa méo mó» để nằm trong vòng nôi của ngôn ngữ dân tộc. Hôm nay, ông đã bỏ đi. Bỏ đi để tìm lại một màu hoa cũ. Một màu hoa trên ngàn. Một hồn nguyên tiêu. Một giấc mộng ban đầu đã bao năm khuất bóng. (Hỏi tên rằng biển xanh dâu / Hỏi quê rằng mộng ban đầu đã xa). Xin chúc ông lên đường phơi phới. Xin chúc ông tìm lại được một bầy nắng lạ. Và nguyên sơ một vầng trăng cũ. Một vầng trăng châu thổ. Cùng những sắc màu thiên thu cổ độ. Và xin bẻ tặng ông một nhành mai ngày cũ.

Những nhành mai sớm sương bên lá
Những nhành liễu chiều gió bên cây
Cũng lay lắt bởi đời xuân em ạ
Thế nên chi anh cũng viết dòng này
Hồng vàng tụ bữa kia em có thấy
Nước xuôi dòng là cổ độ nhìn theo
Tuổi mười sáu bây giờ lên gấp gảy
Mộng miên man là mây phủ lưng đèo
Buồn phố thị cũng xa bay như gió
Cộ xe nhiều cũng nhảy bổng như hươu
Bờ cõi dựng xuân xanh em còn đó
Bến đào nguyên anh khoác áo khinh cừu
Tìm theo dấu chân người xưa tư lự
Ở bên đường ngóng dõi khánh vân bay
Mờ con mắt một lần lên tiếng thử
Em ồ em, anh nói một lời này

(Những Nhành Mai / Trích nguyên bài trong Mưa Nguồn)

Bùi Giáng, có lẽ đã đến lúc ông lên đường trở về cố quận. Chúng ta phải chia tay. Lần cuối, xin tiễn ông một bài thơ cũ. Một bài thơ năm nào. Tôi vẫn tin rằng, một ngày nào đó, một cách nào đó, ông sẽ trở về. Và, ở đây, tôi xin phép được không nói lời vĩnh biệt.

Người đã bỏ đường kia ở lại
Để đi vào đối diện hư không
Bờ thánh thót thu sau về vạn đại
Lời chào kia nức nở lạnh vân mồng
Bóng trắng như sương vàng bay pha hạc
Quanh Trường Thành bờ cõi đất in rêu
Dòng trở lại ngậm ngùi khe bến cát
Gió mông lung vì mây nổi lưng đèo
Xuân đi đến đi về nằm ở giữa
Hẹn một kỳ bấn loạn mấy mùa đông
Màu tuyết bạch mơ màng trang lệ ứa
Rớt chung quanh là đú đởn cầu vồng
Từ vĩnh biệt một lần đi từ đó
Nước xuôi dòng cổ độ chẳng nhìn theo
Lòng lây lất bên trời phương hướng nọ
Mắt ngu ngơ nhìn bọt nước sa bèo

(Từ Thức / Trích nguyên bài trong tập Lá Hoa Cồn)

Bùi Vĩnh Phúc
Irvine, California.
1998

138. Bùi Giáng (3)

Thụy Khuê

Hiện tượng Bùi Giáng

Sinh thời, Bùi Giáng bảo : «Hãy để cho tôi yên, tôi dại. Đừng ai nói đến tôi. Và nhất là đừng có ai bàn đến thơ tôi [15]» Có lẽ vì tôn trọng nhà thơ, cho nên ít ai bàn đến thơ ông [16]. Ca tụng Bùi Giáng thì nhiều, nhưng phê bình Bùi Giáng thì ít.

Như thơ, Bùi Giáng sống tiêu dao suốt cõi mù sa bên rừng, cả đời lục bát. Tại sao lục bát ? Lục bát bởi vì, đối với Bùi Giáng : «Lục bát Việt Nam là cõi thi ca hoằng viễn nhất, kỳ ảo nhất của năm châu bốn biển, ba bẩy sông hồ [17]». Đó là lộng ngôn Bùi Giáng.

---

15 trích theo Thanh Tâm Tuyền, Bùi Giáng, Hồn Thơ Bị Vây Khổn, Văn, số đặc biệt Bùi Giáng, tháng 5 năm 1973

16 Trừ một số bài như bài của Tạ Tỵ, trong cuốn Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ Hôm Nay, in năm 1972, tại Sài gòn, tái bản ở Hoa Kỳ và các bài viết của Thanh Tâm Tuyền, Cao Huy Khanh, Trần Hữu Cư, Nam Chữ, Tuệ Sỹ, Trần Tuấn Kiệt và Thục Khưu trên báo Văn, số đặc biệt Bùi Giáng, tháng 5 năm 1973 tại Sài gòn

17 trích theo Thanh Tâm Tuyền, s đ d

Về bản thân mình, Bùi Giáng tự họa : «Nhe răng cười trong bóng tối… Không bao giờ bắt chuồn chuồn mà cứ bảo rằng mình luôn luôn bắt chuồn chuồn… Không thiết chi đọc sách mà vẫn cặm cụi đọc sách hoài… Chán chường thi ca mà cứ làm thơ hoài… Chuốc sầu vạn đại thì bảo rằng mua vui cũng được một vài trống canh [18].» Đó là mâu thuẫn Bùi Giáng.

Hỏi về tiểu sử, Bùi Giáng trả lời :

Hỏi tên ? Rằng biển xanh dâu
Hỏi quê ? Rằng mộng ban đầu rất xa.
Gọi tên là một hai ba,
Đếm là diệu tưởng, đo là nghi tâm.

Đó là vô căn Bùi Giáng.

Trên báo Văn, số 26 tháng 8 năm 1984, Mai Thảo kể lại rằng khi hỏi về cái lực viết phi phàm của Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền lắc đầu cười : «Chịu, không giải thích được. […] Nói đến mấy ngàn bài thơ Bùi Giáng là đúng. Mà nói thơ Bùi Giáng chỉ có một bài, vô tận, vô cùng là đúng hơn. Ngủ ra thơ. Thở ra thơ. Đi ra thơ. Đứng ra thơ. Chứ không phải nghĩ thơ, làm thơ.»

Vẫn theo lời Mai Thảo, ông Thanh Tuệ, giám đốc

---

18 trích theo Thanh Tâm Tuyền, s đ d

nhà xuất bản An Tiêm, thuật lại : «Ảnh lang thang suốt ngày, chẳng thấy lúc nào ngồi viết hết. La cà hết nơi này đến nơi khác, uống rượu say ngất rồi về lầu lăn ra sàn ngủ, nhiều ngày bỏ cả bữa ăn. Đêm cũng không thức, chỗ nằm tối thẳm. Tôi in không kịp, nói ảnh tạm ngừng thì ảnh ngừng. Nói có máy, có giấy, nói buổi sáng, buổi chiều ảnh đã tới ném bịch xuống cả năm bảy trăm trang. Cứ thế đem sắp chữ thôi, đâu có thì giờ đọc.»

Mai Thảo kể tiếp, khi làm số Văn, đặc biệt về Bùi Giáng : «Tôi hỏi xin ông những bài thơ mới nhất. Ông gật. Tưởng lấy ở túi vải ra. Hoặc nói về lấy, hoặc nói hôm sau. Tất cả đều không đúng. Ông hỏi mượn một cây bút, xin một xấp giấy, một chai bia lớn nữa, đoạn ngồi xuống và trước sự kinh ngạc cực điểm của chúng tôi, bắt đầu tại chỗ làm thơ […] Lần đầu tiên tôi thấy Bùi Giáng viết, thoăn thoắt, vùn vụt, nhanh không thể tả. Như thơ không thể từ đầu, từ tim chảy xuống, xa quá, lâu quá, mà ngay từ ngọn bút, từ đầu ngón thôi […] Lần đó, tôi đã thấy, đã hiểu tại sao Bùi Giáng, cứ cánh bướm rong chơi, cứ phiêu bồng lãng du mà vẫn có ngay nghìn câu một buổi.»

Về những cơn điên Bùi Giáng, Phạm Xuân Đài kể trong lời tựa tập Thơ Bùi Giáng [19] : «Chỉ có thơ và

19 Nhà xuất bản Thế Kỷ in năm 1994 tại Hoa Kỳ

những cơn điên […] Bây giờ (năm 1992) anh ít làm thơ lắm, còn các cơn điên thì vẫn viếng thăm anh gần như định kỳ. Những lúc ấy anh đi nhiều nơi, nhưng thường xuất hiện ở vùng chợ Trương Minh Giảng (chỗ Đại Học Vạn Hạnh, là nơi ngày xưa anh thường trú ngụ) đứng giữa đường vung tay, điều khiển xe cộ, cử chỉ rất linh động, đặc biệt đôi mắt sáng quắc bừng bừng […] Có khi anh múa may trong một lớp áo lòe loẹt, động tác mạnh mẽ chính xác gần như múa võ, miệng hò hét như đang nạt nộ với một đối tượng vô hình.»

Đó là hiện tượng Bùi Giáng, qua lời kể của những người thân trong giới văn học.

* * *

Bùi Giáng là ai ? Bùi Văn Vịnh, em của Bùi Giáng, cho biết [20] : Bùi Giáng sinh ngày 17 tháng 12 năm 1926 tại làng Thanh Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Thuở nhỏ, học trường Bảo An tại Điện Bàn, Quảng Nam, trung học ở trường Thuận Hóa, Huế. Năm 1950, đậu Tú Tài II văn chương ở Liên Khu V. Sau đó ra Liên Khu IV học tiếp đại học. Nhưng sau khi nghe qua bài

20 Trong cuốn Chớp Biển, thơ Bùi Giáng in tại Canada năm 1996

diễn văn khai giảng của ông viện trưởng, Bùi Giáng quay về Quảng Nam và bắt đầu quãng đời được gọi là «Mười lăm năm chăn dê ở núi đồi Trung Việt».

Tháng năm 1952, Bùi Giáng về Huế thi Tú Tài tương đương và vào Sài gòn ghi danh Đại Học Văn Khoa.

Lần này, sau khi nhìn danh sách giáo sư giảng dậy ở Văn Khoa, Bùi Giáng quyết định chấm dứt việc học ở trường và bắt đầu viết khảo luận, sáng tác, dịch thuật và đi dạy học tại các trường tư thục.

Từ 1957 đến 1997, Bùi Giáng có khoảng 55 tác phẩm đã in về thơ, dịch và triết. Như lời Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Thanh Tuệ, thơ có đến nghìn bài. Và nội trong một ngày, có thể ném bịch một vài trăm trang sách. Đúng là một kỷ lục có một không hai.

* * *

Chúng ta thử tìm hiểu bản chất của kỷ lục ấy qua một vài trang sách của Bùi Giáng trong Con Đường Ngả Ba Bước Đi Của Tư Tưởng, do An Tiêm xuất bản lần thứ nhất tại Sài gòn năm 1972, và tái bản tại hải ngoại.

Có thể nói trong cuốn sách này, cái gọi là điên của Bùi Giáng phát hiện rõ rệt dưới hình thức loạn ngôn, ngộ chữ cao độ. Về Heidegger, Bùi Giáng viết : «Tất cả

con đường tư tưởng của Heidegger là mọi lối nhiếp dẫn bước đi về những vùng u kín trong cổ lục uyên nguyên» (trang 13).

Về Nietzsche, ông viết : «Nietzsche không phải là đại hải đại dương. Nietzsche đã đón vào lòng mình một dòng sông dơ bẩn. Và từ đó ? Từ đó, Nietzsche biến thành một loại người mạt hậu theo mọi nghĩa thái thậm ly kỳ. Con người mạt hậu và hư vô chủ nghĩa, con người mạt hậu và sa mạc tinh hoa, con người mạt hậu và Mạt Hậu «Tử Sinh Môn» Hoạt Tinh Thể, con người mạt hậu và Siêu Hình Học Lãnh Địa, con người mạt hậu và Định Mệnh Phối Tiết Sử Lịch Tồn Lưu, Định Mệnh Phối Tiết Sử Lịch Tồn Lưu và Siêu Hình Học theo nghĩa Sử Lịch chân lý của Hiện Thể như là Hiện Thể, Sử Lịch chân lý của Hiện Thể và Định Mệnh Tồn Lưu thoái tàng ư mật, Tồn Lưu thoái tàng ư mật và Hằng Thể bước vào vòng di vong trầm một, từ di vong trầm một, còn chút hậu tình ân ốc nào sẽ «trột mầm» cho một trận Dịch Chuyển thông hành của Định Mệnh hay không ? hay là Siêu Hình Học vẫn mãi mãi kiên trì tồn lập trong cuộc đù đõn «trệ lưu ư ngoại» bất khả tư nghì khuyết phạp từ Hoạt Tinh Thể của Hư Vô ? …» (trang 17)

Và cứ như thế, Bùi Giáng sản xuất 499 trang Con Đường Ngả Ba, Bước Đi Của Tư Tưởng.

Điểm thích thú nhất của người đọc trong cuốn sách này là những trích đoạn thơ Bùi Giáng, phần lớn là những câu thơ hay, tỏa ra những suy tư sâu lắng về bản chất con người.

Nhưng trong 499 trang chữ ấy, người đọc tìm thấy rất ít dòng đứng đắn và tỉnh táo bàn về những vấn đề triết học như hiện sinh và bản thể, tồn tại và thời gian, mặc dù ông rất ngưỡng mộ Heidegger, người thầy hiện sinh được ông trích, dịch một cách kỳ cục. Ví dụ như câu này, dịch ra từ tiếng Pháp, tiếng Đức : «Nhưng mà lời thuyết thoại trì ngự, trong (khởi từ) Định Mệnh Phối Tiết mở phơi, sẽ ra sao nếu như cái Sở Khải Khai trong Song Trùng Tịch Hạp bị Định Mệnh Phối Tiết (ruồng rẫy) bỏ phó mặc cho cuộc thể hội vất vơ nhân tuần (dung thường nhật lệ) của con người từ diệt chúng tử chúng sinh ?»

(Con Đường Ngả Ba Bước Đi Của Tư Tưởng, trang 12-13)

Dù đặc sệt những tên tuổi triết gia, nặng ký trích dẫn thiên kinh, vạn điển, dù có một số ý trội lên về vấn đề đọc sách, đọc Nguyễn Du, đọc Bùi Giáng, về sự gặp gỡ giữa những nhà tư tưởng lớn, đả kích một số nhà xuất bản không tôn trọng văn bản của tác giả, Con Đường Ngả Ba vẫn không phải là cuốn sách bàn về triết học,

hoặc đưa ra một hệ thống tư tưởng mạch lạc; mà có thể nói đây chỉ là cuốn phiếm luận bí hiểm, ngôn ngữ thần chú, nhại triết học, nhạo người đọc. Cho nên khi Tạ Tỵ viết : «Bùi Giáng đối thoại với Nietzsche, Sophocle, Parménide, Khổng Tử, Lão Tử, Sartre, Camus…» thì e rằng Tạ Tỵ quá lời. Sự tìm kiếm siêu hình nơi Bùi Giáng, như chỉ dừng ở phần vỏ của ngôn từ : tồn sinh, tồn lưu, hằng thể, hư vô, logos, … mà không đi vào nội tâm của suy tưởng. Hoặc có lẽ Bùi Giáng chỉ muốn rỡn chơi. Nếu ông có nhắc tới Như Lai, Bồ Tát, Heidegger, Parménide, Platon, Socrate cũng chỉ như ông nói đến Nam Phương Hoàng Hậu, Dương Quý Phi, Marilyn Monroe, đười ươi, chuồn chuồn, châu chấu v.v… vậy thôi, trong một trạng thái «tẩu hỏa nhập ma», một tinh thần anarchiste toàn diện. Một «người phá», để nói theo ngôn ngữ Trần Dần. «Người phá» trong cái nghĩa tiêu cực của nó, chứ không phải trong cái nghĩa sáng tạo, ít nhất là ở cuốn sách Con Đường Ngả Ba.

Phải chăng Bùi Giáng chỉ muốn «hù dọa» người đọc không chuyên môn ? Hay ông muốn nhại, diễu, những hệ thống suy tưởng mà một số trí thức quen dùng như mẫu mực hoạt động tinh thần ? Biến chúng thành một thứ charabia, ngôn ngữ vấn đáp chuồn chuồn, châu chấu, nói trẹ, nói xàm, nói bá láp và ông có khả năng sản xuất mỗi ngày vài trăm trang như thế ?

Thái độ anarchiste toàn diện này mở rộng trong đời sống, trở thành một bản năng phản kháng quẫy đời : Cởi quần áo giữa lớp học, tắm nơi công cộng, ngủ vỉa hè, trở thành clochard (hành khất say rượu), mặc áo rằn ri lính ngụy, để chỉ đường…, tất cả những «cơn điên» ấy của Bùi Giáng chứng minh sự sáng suốt của một Bùi Giáng không điên.

Không điên vì ông chỉ đẩy đến cùng trạng thái hiện sinh, chứng nghiệm ý thức trần trụi về bản thể. Cởi dần năm bẩy lớp quần áo chẳng qua chỉ là hình ảnh «rút gọn hiện tượng», bóc vỏ các tầng lớp bề ngoài của «hiện tượng» để tìm ra bản chất trong hiện tượng luận Husserl.

Trở thành clochard là một cách thể nghiệm tự do và tự hủy.

Trong những đệ tử của hiện sinh thời ấy, Bùi Giáng là người đi xa nhất trong hành động tự hủy và hành xác. Tự hủy để chứng minh : Cá nhân con người đã chán ngấy cuộc sống, nó có một quyết định tự do lựa chọn, và sự hủy hoại bản thân là sự lựa chọn tiến gần nhất đến tự do tuyệt đối.

Sau 75, người ta càng yêu Bùi Giáng hơn, vì trong một xã hội được/ bị lồng vào khuôn phép, một xã hội đã ổn định cơ chế, công chúng yêu mến những gì bất

thường, yêu những kẻ ngoại đạo, bất ổn.

Bùi Giáng là người ngoại đạo duy nhất dám làm lũng đoạn môi trường ổn định bằng thái độ tự hủy. Cái điên của Bùi Giáng là cái điên sáng suốt trong một tình thế không có cứu cánh nào khác nếu không tìm về bản thể của con người.

Thơ Bùi Giáng, hiện sinh trong đoạn trường và định mệnh

Những «dạ thưa», những «tồn sinh», những «phố thị», những «cố quận», «đười ươi», đã trở thành những cốt cách, những địa chỉ rất Bùi Giáng :

Dạ thưa phố Huế bây giờ
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương
Dạ thưa Vỹ Dạ về gần
Đã từ xa lắm thiên thần nhớ em

Thơ Bùi Giáng, ngay từ thuở đầu đã rong chơi, lãng mạn, đã tinh nghịch, nhẹ nhàng, hóm hỉnh, luôn luôn là những lời vấn đáp lẩn thẩn về ý nghĩa cuộc đời, về lẽ tồn sinh, về những chuyện phù du, dâu bể, ẩn khuất một dục tình khép mở Xuân Hương :

Cá ở ngoài khe có ít nhiều
Cồn lau cỏ lách có hoang liêu
Em về có hỏi răng ri rứa
Nhắm mắt đưa chân có bận liều.

(Bờ trần gian)

hoặc :

Bỏ hai chân xuống một vùng
Nước truông là lá thu rừng xuống khe.

(Bỏ hai chân)

Những dòng thơ trên đây, theo như lời Mai Thảo, Bùi Giáng đã làm một mạch, tại chỗ, xuất bút thành thơ. Huyền thoại Bùi Giáng, thi sĩ bẩm sinh, poète né, trong thập niên 60-70, được xác định như một hiện tượng văn học độc đáo. Như thể ông đã biết trước đường đi nước bước của thơ. Có khả năng thiên bẩm về sự lang thang ngơ ngẩn của chữ trên đời, và chỉ cần huơ tay, bắt chúng, nhốt vào câu lục bát, như Bình Nguyên Lộc «nhốt gió», là có ngay thơ Bùi Giáng :

Một hôm đếm một ra ba
Thật là lạ lắm, ấy là cái chi

hay :

Người con gái lội qua khe
Bàn chân với nước lạnh đè lên nhau
Nỗi niềm tưởng lại xưa sau
Bàn chân với nước cùng nhau lại đè.

(Lá hoa cồn)

* * *

Hỏi tên ? Rằng biển xanh dâu
Hỏi quê ? Rằng mộng ban đầu rất xa
Gọi tên là một hai ba
Đếm là diệu tưởng, đo là nghi tâm

Bốn câu tự họa trên đây dường như đã gói trọn bản chất thơ ca và tư tưởng Bùi Giáng. Một bản chất đa mang nỗi hiện sinh hoang tưởng trong một «đạo khờ» gắn bó với đoạn trường tái tân thanh[7] tiếp nhận Nguyễn Du như một thông đạo, thông thư, thông mệnh văn học.

Thân phận dâu bể của con người, nỗi hoài nghi về số kiếp, ta từ đâu lại ? Ta là ai ? Những trầm luân, biến đổi làm sao đo, đếm, đặt tên được ? Đến bản thân ta, ta còn không biết, nữa là… Nếu trường phái hiện sinh (Sartre) bác bỏ tính chất định mệnh, thì ở Bùi Giáng, định mệnh (Kiều) và hiện sinh giao hưởng với nhau thành một cấu trúc tư tưởng mới, tạo nên những vần thơ đậm dấu Đạm

Tiên, hắt ra những ánh siêu thực :

Em chết bên bờ lúa
Để lại bên đường mòn
Một dấu chân bước của
Một bàn chân bé con
Anh qua miền cao nguyên
Nhìn chân trời bữa nọ
Đêm cuồng mưa khóc điên
Trăng cuồng khuya trốn gió
Mười năm sau xuống ruộng
Đếm lại lúa bờ liền
Máu trong mình mòn ruỗng
Xương trong mình rã riêng

(Mưa nguồn)

Bùi Giáng có những câu thơ rất cao, rất tĩnh, rất sâu, thanh thản, gợi đến hư vô trong một không gian lãng mạn trữ tình, ít thấy xuất hiện trong thơ Việt.

Buổi trưa đi vào giữa lòng lá nhỏ
Tiếng kêu kia còn một chút mong manh
Dòng nức nở như tia hồng đốm đỏ
Lạc trời cao kết tụ bóng không thành

(Hư vô và vĩnh viễn - Mưa Nguồn)

Không gian Bùi Giáng, một cõi hư không đầy dấu hỏi, bồng bế nhau đi, năm này qua tháng khác, một cõi trùng sinh, di động luân hồi.

Những nhịp bước trên đường còn dội mãi
Vang về đâu không vọng lại hồi âm
Của réo rắt riêng một lần mãi mãi
Gió phương trời ủ mộng giữa hoa tâm
Em hỏi mãi tuy biết lời đáp lại
Chẳng bao giờ thỏa đáng giữa đời câm
Em ngó mãi những chiều về trở lại
Mang những gì về trong cõi trăm năm…

(Chiều - Mưa Nguồn)

Từ Nguyễn Du, Bùi Giáng trích tạo nên một mô típ bạc mệnh hiện đại, mầu sắc siêu thực, tài tử và tài hoa, một chất thơ giao thoa Nguyễn Du Bùi Giáng

Lớp phiêu bồng mọc trăng ngàn
Thành xưa phố cũ muôn vàn phía sau
Đạp thanh vẽ bóng lộn mầu
Góp dâng cữ gió nghiêng đầu sương mây
Ngõ ban sơ hạnh ngân đài
Cổng xô còn vọng điệu tài tử qua
Xin chào giữa bước chân ra
Chết từ sơ ngộ mầu hoa trên ngàn

(Mầu hoa trên ngàn)

Nơi Bùi Giáng còn một mô típ bạc mệnh, cuồng khất, tổng hợp đoạn trường, tồn sinh, ngông ngôn, rất liều và rất loạn, mà cũng là vọng âm của niềm hoang mang tuyệt đối :

Hồng quần rất mực bước ra
Trường quần duệ địa phong hoa lá cồn
Phải rằng nắng quáng dập dồn ?
Hay là đèn trút linh hồn oái oăm ?
Phải là nguyệt giữa đêm rằm ?
Nguyên tiêu lãng đãng lá nằm ngẩn ngơ ?
Kể từ hằng thủy ban sơ ?
Kể từ sơ thủy về tờ vẽ trang ?
Kể từ thu tạ lên đàng ?
Rừng phong thu đã quan san nhuộm mầu ?
Phải rằng đó trước kia sau ?
Hay là sau trước còn tao ngộ gì ?

(Con đường ngả ba)

* * *

Nhưng bi kịch của Bùi Giáng là ông lập lại chính mình.

Trong gần nửa thế kỷ làm thơ, Bùi Giáng để lại hàng ngàn bài, có những câu thơ tuyệt hay, nhưng chính sự lập lại những khám phá ngôn ngữ buổi đầu khiến thơ ông trở thành khuôn sáo, về mặt từ ngữ cũng như tư tưởng. Những dạ thưa, tồn sinh, trùng lai, phố thị của Bùi Giáng, tà huy của Nguyễn Gia Thiều, mù sa, trăm năm của Nguyễn Du… ban đầu làm xuyến xao người đọc : Em về rũ áo mù sa, trút quần phong nhụy cho tà huy bay. Nhưng vì lập lại nhiều lần chúng bị phá giá. Hiện tượng phá giá này có mặt ngay ở những tác phẩm đầu và chủ yếu của Bùi Giáng.

Từ Mưa Nguồn, Lá Hoa Cồn, năm 62, 63 đã thấy xuất hiện tính chất đoạn trường, tồn sinh như tinh thần chính trong tư tưởng Bùi Giáng : Nguyễn Du, Tản Đà gặp gỡ Heidegger, Breton phóng sinh một tạng chán đời mới lạ. Bài Rượu Uống trong Lá Hoa Cồn, một thứ đoạn trường ngông rất lãng mạn siêu thực, tiêu biểu cho tính chất lang thang trong cấu trúc thơ Bùi Giáng :

Thưa em rượu uống bây giờ
Là trăm năm gục hai bờ tử sinh
Động hờ hững chúa điêu linh
Em làm Hoàng Hậu mọc tình cỏ phơi
Nhà ma cửa quỷ đi đời
Chìm hơi thở đục trong lời sương xanh

Càn khôn xiêm mỏng che mành
Về trong thiên hạ em thành thiên thân.
Thưa em rượu uống bây giờ
Là thiên cổ lụy còn trơ bên mình
Tài hoa tiếng vọng điêu linh
Phạm Đan Phượng chết theo Quỳnh Như sao.
Thưa em từ bữa nghiêng chào
Chớm trang đầu chợt sóng trào trường giang
Em đi rắc lá trên đàng
Cỏ xanh rì mọc suốt càn khôn kia
Mùa xuân mưa rưới mộng lìa
Về trong nắng hạ mép bìa sai bâu
Thưa em rượu uống bây giờ
Là trong lát nữa lên bờ đuổi ma
Chạy quang cồn cụm lá già
Rách như bươm suốt ruộng sa mạc đồng
Càn khôn gió đổ chất chồng
Rú như beo rống như hùm đổi hang
Trên rừng dưới lũng tan hoang
Vẫn sừng sững bóng chắn ngang quỷ sầu
Thưa em rượu uống bây giờ
Là trong lát nữa trăng mờ hỏi ma
Hỗn mang về giữa hiên nhà
Bây giờ cố quận tên là chiêm bao

Nhìn nhau trong lũy ngoài hào
Lời phôi dựng một điệu chào dị sai
Trên đầu thế kỷ chia hai
Nguồn man mác lạnh tìm ai bây giờ
Thưa em rượu uống bây giờ
Là thiên thu lại còn trơ hận trường
Chung cầm dâu biển khôn lường
Chân trời mộng lý con đường chia ba
Nam đình doanh trại dàn qua
Trống chầu trùng ngộ thưa là không mong
Hoạt tồn phát tiết sầu đong
Tràng giang thế kỷ xô dòng xuống lên

Bài thơ gồm năm nhịp nối tiếp nhau bằng điệp khúc Thưa em rượu uống bây giờ. Mở đầu Thưa em rượu uống bây giờ, điệp khúc mấu chốt, mở cửa dẫn đến câu thơ thứ nhì : Là trăm năm gục hai bờ tử sinh. Cả hai nằm trong cấu trúc song song, tổng hợp quan niệm ngông, đoạn trường và hiện sinh của toàn bài. Câu ba, câu bốn : Động hờ hững chúa điêu linh, Em làm Hoàng Hậu mọc tình cỏ phơi, đệm thêm chất lẳng lơ dục tính, nhưng đã loãng đi vì loại hình này được Bùi Giáng dùng nhiều. Rồi Chìm hơi thở đục trong lời sương xanh, một câu rất hay bị đặt bên một câu lãng xẹt : Nhà ma cửa quỷ đi đời.

Nếu chúng ta đọc đến nhịp thơ thứ nhì :

Thưa em rượu uống bây giờ
Là thiên cổ lụy còn trơ bên mình

cũng vẫn thấy nguyên những nhược điểm như nhịp thơ đầu, tức là trong phần thơ đệm có những vội vàng, dễ dãi, ghép chữ, ghép ý rất sáo : Tài hoa tiếng vọng điêu linh, Phạm Đan Phượng chết theo Quỳnh Như sao.

Ở những nhịp sau, thì ngay chính điệp khúc mấu chốt:

Thưa em rượu uống bây giờ
Là trong lát nữa lên bờ đuổi ma
Thưa em rượu uống bây giờ
Là trong lát nữa trăng mờ hỏi ma
Thưa em rượu uống bây giờ
Là thiên thu lại còn trơ hận trường

đã có sự lập lại chính mình, như thể nhà thơ tiện tay bắt được chữ nào vội bỏ ngay vào lục bát, không màng nhìn lại những câu thơ đầu nữa.

* * *

Tất nhiên láy là một quy ước rất thường trong thi ca. Nhưng láy chỉ làm tăng giá trị thơ khi nó đưa đến những dồn dập hoặc trong cảm xúc, hoặc trong nhịp

điệu, hoặc trong sinh động… Tức là láy phải đưa tới một trạng thái căng thẳng, tới một vận tốc khác trong tiến trình âm và ý.

Ví dụ :

Này chồng, này vợ, này cha
Này là em ruột, này là em dâu

là một trong những cách láy của Nguyễn Du, vừa tăng vận tốc miêu tả, vừa gia tốc sức ép của hiện thực, rành rành, chính xác, chỉ mặt, chỉ tên.

Hoặc :

Làm cho cho mệt cho mê
Làm cho đau đớn ê chề cho coi

Láy ở đây lũy thừa mật độ ác liệt của Tú Bà.

Hoặc :

Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu

Mỗi lần láy này là một lần Nguyễn Du chuyển cảnh, chuyển tình.

Sự láy lại, nơi Bùi Giáng, rất thường khi chỉ là láy dập dình tại chỗ, láy lười, thấy hợp vần, tiện thể thì láy. Láy hồ đồ ít khi mang tới trạng thái mới, cảm xúc mới, hoặc một sức ép gia tăng, mà chỉ cho ta một cảm tưởng dằng dai, lai tạp :

Hãy mang tôi tới giữa đời
Giết tôi chết giữa cõi đời mốc meo
Hãy mang tôi tới nắng chiều
Giết tôi chết giữa một chiều khe mương
Hãy mang tôi tới dặm trường
Giết tôi chết giữa con đường bơ vơ
Hãy mang tôi tới bất ngờ
Giết tôi ngẫu nhĩ trong giờ ngẫu nhiên
Hãy mang tôi tới diện tiền
Giết tôi chết giữa người thuyền quyên kia

(Sa mạc trường ca, Cầu Nguyện Ca)

* * *

Jacques Brel, năm 1966, khi tuyên bố ngừng hát ở tột đỉnh danh vọng, trả lời câu hỏi : «Tại sao ông ngừng hát lúc này ?» Brel bảo : «Tôi ngừng vì muốn giữ lòng ngay thẳng với thính giả và với chính mình. Bởi vì khi người nghệ sĩ như tôi, đã nắm vững được tất cả những yếu tố kỹ thuật làm lay động lòng người, thì người đó

sẽ có khuynh hướng ăn gian (tricher), phong tỏa người nghe bằng tất cả những kỷ sảo của mình, và khi tôi biết mình sắp đi đến chỗ bước vào kỷ sảo, tôi ngừng.» Tất nhiên, Brel chỉ ngừng hát hai năm và năm 68, khi ông trở lại với âm nhạc, đã với một tinh thần khác, hẳn Brel biết mình đã đoạn tuyệt được với ý định dùng kỷ sảo để thu phục lòng người. Và Brel ở lại với âm nhạc thêm sáu năm nữa.

Ở Bùi Giáng hình như không có sự tự giới ấy. Cho nên biết bao lần người đọc tiếc, giá Bùi Giáng đừng ham chơi, chịu khó dừng lại ở chỗ đáng dừng để những câu thơ sáng giá như :

Bụi thu mờ ai phủi với hai tay

hoặc :

Em về mấy thế kỷ sau
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không
Ta đi còn giữ đôi giòng
Lá rơi có dội ở trong sương mù

khỏi bị lọt vào khu rừng hoang, ôm đồm những lời thơ vội vàng, mọc lên như cỏ dại.

* * *

Ám ảnh đoạn trường, tư tưởng và ngôn ngữ Nguyễn Du theo đuổi Bùi Giáng suốt đời. Những tập thơ mới nhất, in ở hải ngoại những năm gần đây càng lộ rõ. Trong những cuốn Thơ Bùi Giáng (sđd), Bùi Giáng 94[8], và một phần tập Chớp Biển (sđd), Bùi Giáng tìm về người thầy Nguyễn Du như một cứu cánh. Hầu như mỗi bài thơ của ông đều có ít nhất một chữ hoặc một câu của Nguyễn Du. Và cấu trúc toàn bài thường dựa vào ý một câu Kiều :

Rằng xưa ký ức đàn bà
Tên là phụ nữ, tuổi là dấn thân.

…

Trước đèn một tập mở ra

...

Biển dâu lục địa cõi miền

...

Cảo thơm lần giở gió giăng dậy thì

Ám ảnh «mù sa», ám ảnh «chỉn e», ám ảnh «vân mòng», «mai sau», «trăm năm», «ngẫu nhĩ», «phong tình», «cổ lục», «dặm về», «tử sinh»… trở thành lớp da thứ nhì của Bùi Giáng :

Rừng phong thu đã nhuốm màu
Quan san ngần ấy tư trào ngần kia

…

Chốn nào mộng mị chiêm bao
Chốn này tỉnh táo tiêu tao vân mồng

Từ cảnh sang tình, từ mơ sang thực, ám ảnh ngôn ngữ trở thành ám ảnh tư tưởng. Bùi Giáng đã cạn dần hồn mình và sống hồn Nguyễn Du trong đoạn cuối đời :

Em đi từ tỉnh mộng đầu
Một mình anh ở mang sầu trăm năm
Em từ vô tận xa xăm
Trùng lai chất vấn : Từ trăm năm nào ?

Những câu hỏi mà Bùi Giáng trải suốt đời thơ, thắc mắc, tìm kiếm, đặt nghi vấn về cõi đi, cõi ở, cõi có, cõi không, biết đâu hôm nay Bùi Giáng chẳng đã tìm được Nguyễn Du ở một cõi trùng lai nào đó, và ông đang chất vấn người thầy về nỗi đoạn trường ấy, từ trăm năm nào?

Thuỵ Khuê
Paris, tháng 10/1998

139. Bùi Giáng (4)

Bùi Giáng, giải minh người minh giải (Kỳ 1)

Đỗ Lai Thúy

Con người, sống trên đời, như một thi sĩ

Hoelderlin

Bùi văn nam sơn, nhà triết học và/là một bà con của nhà thơ Bùi Giáng, có lần, thổ lộ : «Viết đôi lời hay nhiều lời về Bùi Giáng không bằng đọc Bùi Giáng.

Đọc Bùi Giáng không bằng giao du với Bùi Giáng. Giao du với Bùi Giáng không bằng sống như Bùi Giáng. Mà sống như Bùi Giáng thì thật vui mà thật khó». Khó vì muốn sống được như ông, muốn giao du được với ông, muốn đọc được ông để, cuối cùng, viết được về ông, dù chỉ một đôi lời, thì phải minh định được ông, tức trả lời câu hỏi : Bùi Giáng, ông là ai ?

Những người cùng thời với Bùi Giáng, có người từng sống cùng/như Bùi Giáng, đã từng giao du với ông, được đọc nóng thơ văn ông, thì định danh ông, mỗi người mỗi kiểu, như Bùi Giáng, kẻ tận hiến (Huy Tưởng), Bùi Giáng, hồn thơ bị vây khốn (Thanh Tâm

Tuyền), Bùi Giáng, nhà thơ của những ngày tháng ngao du (Cung Tích Biền), Bùi Giáng, một vùng đất hẹp và một thế giới lớn (Nguyễn Hoàng Văn), Bùi Giáng, người thi sĩ chối bỏ thi ca (Tạ Tỵ), Bùi Giáng, người lữ hành cuồng điên và khôn cùng kỷ niệm (Văn Huyền Nguyên), Bùi Giáng, rong chơi giữ đìu hiu phố thị (Vũ Đức Sao Biển)…

Có lẽ, không hẳn chỉ có bạn bè Bùi Giáng băn khoăn tìm cách trả lời câu hỏi bản thể luận trên, mà ngay cả Bùi Giáng cũng luôn tìm cách tự minh định mình. Không phải trong trạng thái của một người điên hoặc người say, mà trong tâm trạng hoài nghi triết học của một nhà thơ.

Hỏi tên ? Rằng biển xanh dâu
Hỏi quê ? Rằng mộng ban đầu đã xa
Gọi tên rằng một hai ba
Đếm là diệu tưởng, đo là nghi tâm

(«Tặng Mã Giám Sinh»)

Biển xanh trước đây đã xanh dâu ngày nay.Tên nhà thơ, bởi thế, là chỉ sự biến dịch. Nơi nhà thơ sinh ra, quê hương đích thực của ông, chỉ là một giấc mộng, giấc mộng đầu tiên, xa xưa của nhân loại. Một nhân loại cũng luôn luôn biến đổi : nhất (một) sinh nhị, nhị (hai)

sinh tam, tam (ba) sinh vạn vật. Biến đổi đến mức xa rời nhất nguyên. Cho nên càng cố tình tra hỏi, càng đo (so đo, tính toán)thì lại càng lộ ra cái nghi tâm (tâm sai biệt, khác với bình thường tâm). Bởi thế, chỉ cần đếm sự vật tự nhiên nhi nhiên, thì chạm tới cái diệu tưởng. Với đôi dòng «lý lịch trích ngang» này, Bùi Giáng không chỉ «giễu nhại» Nguyễn Du (hoặc đùa cho bớt vẻ nghiêm trọng), mà chủ tâm muốn lưu ý người đọc đến bản chất con người ông, một người hoang sơ mà hiện đại, điên mà tỉnh, ngây thơ mà thấu thị.

1. Bùi Giáng, từ ngôn ngữ - ký hiệu đến ngôn ngữ - sự vật

Ngôn ngữ của nhân loại từ khởi thủy đã gắn liền với sự vật, thậm chí là bản thân sự vật. Ở giai đoạn tư duy ma thuật này, tên gọi của một sự vật hoặc của một con người chính là sự vật đó hoặc con người đó. Vì thế mới có ma thuật ngôn từ, như bùa, chú, nguyền, rủa… Đến thời tư duy khoa học, mà nếu theo Heidegger thì đã có lịch sử tới hơn 2000 năm, kể từ khi các triết gia Hy Lạp hậu Socrates cắt nghĩa sai lầm cái Logos là Lý trí, trong khi phải hiểu đúng là Lời/ngôn ngữ. Thế cho nên, đến thế kỷ XIX, khi cái Logos/Lý trí tôn sùng khoa học được đẩy lên kịch điểm, thì ngôn ngữ càng tách khỏi sự vật, trở thành công cụ phản ánh sự vật. Chủ nghĩa hiện

thực ra đời dựa trên cái nhìn thế giới ấy của cơ học cổ điển Newton, tin vào sự tồn tại của một thực tại khách quan, độc lập với ý thức người. Từ thế kỷ XX, với sự xuất hiện thuyết tương đối của Einstein và cơ học lượng tử của Bohr và Heisenberg, đã dẫn đến sự khủng hoảng thực tại và, như một hệ quả, của sự biểu đạt thực tại ấy. Người ta bắt đầu nhấn mạnh đến bản chất ký hiệu của ngôn ngữ. Ngôn ngữ, từ đây, có tính tự trị, phần nào độc lập với sự vật. Dần dà, ngôn ngữ còn quy định cả cái nhìn thực tại của con người. Để, cuối cùng, trở thành vật thế vì cho thực tại.Một quan niệm về ngôn ngữ như vậy đặc biệt ảnh hưởng đến thơ. Bởi lẽ, từ đây ngôn ngữ thơ chỉ sống cái đời sống ký hiệu của nó, mà quên mất rằng trước đây nó đã từng có một cuộc sống khác, quan trọng hơn, là hình dung sự vật. Thơ không nói ý niệm, ý tưởng về sự vật, mà trình bày trực tiếp sự vật(4). Một cuộc triển lãm tưng bừng sự vật.

Năm 1945, Bùi Giáng đỗ thành chung ở vùng kháng chiến thuộc Liên khu V (Nam, Ngãi, Bình, Phú). Sau đó, hình như ông có đi bộ đội, rồi về lập gia đình và vào núi chăn dê/bò cho đến 1948.Năm 1950, đỗ tú tài 2 văn chương, ông liền ra Liên khu IV (Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình) định học đại học kháng chiến. Nhưng đến khi nghe (hoặc được nghe lại) ông Viện trưởng đọc bài diễn văn khai mạc, Bùi Giáng bỏ ý định theo học và

theo đường Trường Sơn lần về quê quán. Rồi vào Sài Gòn, làm thơ, viết sách và dạy học.

Bài diễn văn ấy hẳn phải gây cho Bùi Giáng một cú sốc mạnh, hoặc dội một gáo nước làm tràn vại. Vốn đã từng nguyện làm một người chăn bò, một Tô Vũ chăn dê, giữa vùng rừng núi hoang sơ tây Quảng Nam, tránh giao tiếp với con người, quanh năm suốt tháng chỉ trò chuyện với cỏ cây hoặc chuồn chuồn châu chấu, Bùi Giáng đã sớm thức nhận được sự phân ly giữa từ và vật, giữa ngôn ngữ và thế giới. Mà trước hết là sự phân ly ở nội bộ ngôn ngữ : giữa một bên là diễn ngôn khoa học luôn cởi mở, đón chờ đối thoại và bên kia là diễn ngôn truyện kể (tự sự) khép kín và độc thoại.

Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa với tư cách là chủ nghĩa hiện đại âm bản, vừa tương đồng vừa đối lập với chủ nghĩa hiện đại hậu kỳ phương Tây dương bản, nhanh chóng thúc đẩy diễn ngôn truyện kể bành trướng, lấn át diễn ngôn khoa học, để trở thành một siêu/đại tự sự. Ngôn ngữ, vì thế, trở thành một thứ ngôn ngữ - ký hiệu mang tính tự thân, một ngôn ngữ bị tha hóa. Tạo ra vực thẳm giữa nó và thế giới, ngôn ngữ này mang tính quyền uy, tính trang nghiêm giả tạo, xây dựng nên những câu chuyện/ huyền thoại giả để đàn áp và khủng bố thế giới. Mất tiếng nói, thế giới trở nên câm lặng và

mù lòa.

Bùi Giáng làm thơ là để khôi phục lại tiếng nói ấy.Tức biến ngôn ngữ - ký hiệu trở lại thành ngôn ngữ - sự vật. Thi nhân đã đưa ngôn ngữ quay về thuở hồng hoang với các biểu tượng nguyên sơ, với nguyên xuân, mùa xuân thứ nhất, của nhân loại, để tẩy trần và nhận lại nguồn tinh lực uyên nguyên. «Thơ tôi làm…, Bùi Giáng viết, chỉ là một cách dìu ba đào về chân trời khác. Đi vào trung tâm bão động một lúc thì lập tức xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức. Tôi gạ gẫm với châu chấu chuồn chuồn mang trên hai cánh mỏng bay đi […] Tôi ra bờ ruộng nằm ngủ khóc một mình thơ dại giữa chiêm bao. Trong chiêm bao thơ về lãng đãng thì từ đó vần bất tuyệt cũng lãng đãng chiêm bao». Ứng xử này, có lẽ, là một hằng số trong diễn trình sống của nhân loại. Con người càng đi xa cội nguồn thì nguyên khí càng hư hao, nên phải quay về nguồn mẹ, đưa cái Logos nhập vào cái Mythos, để làm mới lại mình. Ngôn ngữ cũng vậy.Nietzsche gọi đó là sự hồi quy vĩnh cửu.

Truyền thống Việt Nam cũng như Đông Á, mỗi khi ngôn ngữ bị khô cứng, hết nhựa sống, thì các thi nhân đều tìm về suối nguồn nguyên thủy. Đó là các huyền thoại, truyền thuyết, những tác phẩm đã trở nên minh triết của các triết gia cổ đại như Lão Tử, Trang Tử, Đức

Phật… Truyền thống này, trước Bùi Giáng, đã có trường hợp Nguyễn Du và các nhà nho tài tử cùng thời đại văn hóa với ông. Để chống lại thứ văn chương nói chí tải đạo Nho giáo, Nguyễn Du, một mặt đã làm một hành hương về nguồn cổ đại, mặt khác tìm đến với nghệ thuật của đô thị Trung Hoa, như một thứ tư tưởng hiện đại của thời đại mình. Ông đã học tiếng nói của người trồng dâu trồng gai, tư tưởng Thiền và Lão Trang, rồi chuyển dịch cuốn tiểu thuyết tài tử - giai nhân của Thanh Tâm Tài Nhân thành Truyện Kiều, một tiểu thuyết bằng thơ, với một mã lục bát mới, có thể gọi là «lục bát Nguyễn Du», khác hẳn lục bát ca dao và lục bát truyện nôm.

Còn Tản Đà, ở vào thời suy tàn của thơ ca Trung đại, của con người cá nhân tập đoàn, tiếng nói cá nhân cá thể mới mẻ của thi nhân phải ngụ vào tiếng nói luôn ở thì hiện tại của văn nghệ dân gian. Đồng thời ông cũng đến với tư tưởng hiện đại của thời Khai Sáng Pháp trong các tác phẩm của Lư Thoa (Rousseau) và Mạnh Đức Tư Cưu (Montesquieur) qua phong trào Tân thư.Hơn nữa, Tản Đà còn là một trong những người đầu tiên làm chủ báo, chủ bút, trợ bút và sống hoàn toàn bằng nhuận bút. Ông đã làm mới lại các thể thơ dân gian, thể thơ truyền thống bằng một bút pháp mới với những rung động ở vùng «mù mờ tình cảm» (chữ của Xuân Diệu). Bởi thế, đầu óc dù còn vương vấn tinh thần trung đại, nhưng trái

tim thì đã thuộc về thời hiện đại.

Như vậy, nếu tư tưởng tiên tiến của Nguyễn Du là ý thức cá nhân tập đoàn gắn với văn hóa đô thị phương Đông trung đại, còn Tản Đà là ý thức cá nhân cá thể gắn với đô thị hiện đại phương Tây thế kỷ XVIII, thì Bùi Giáng là ý thức cá nhân toàn vẹn gắn với những trào lưu tư tưởng và triết học hiện đại thế giới của thế kỷ XX. Có thể, một tuổi thơ gần gũi với thiên nhiên, ảo tưởng mười lăm năm Tô Vũ chăn dê, cái chết đau thương của người vợ trẻ, chấn thương chiến tranh, nhất là chấn thương bởi diễn ngôn bạo lực (những khẩu hiệu, biểu ngữ, mít tinh, tuần hành, đồng phục, đấu tố, chỉnh huấn chỉnh phong…), khiến Bùi Giáng có cảm giác tha hương ngay trên chính quê hương, hay lưu đày trên chính quê nhà. Tâm trạng này của thi nhân tương hợp với tư tưởng của trào lưu hiện sinh trên thế giới và ở đô thị miền Nam bấy giờ, qua các tác phẩm của J-P.Sartre, A.Camus và các nhà văn hiện sinh khác. Bản thân Bùi Giáng đã dịch A.Gide, A.Camus, Saint- Exupéry… Từ chủ nghĩa hiện sinh, thi nhân đến với hiện tượng học hiện sinh của K.Jaspers, J-P.Sartre, rồi từ đó đến hiện tượng học hữu thể của M. Heidegger, cuối cùng từ Heidegger trở lui về với Hoelderlin.

Có thể nói, gặp Heidegger với Bùi Giáng là một hạnh ngộ. Bởi lẽ, hiện tượng học hữu thể, hoặc hiện tượng học thông diễn, nhất là qua việc Heidegger diễn giải thơ Hoelderlin, người thi sĩ Việt Nam không chỉ bắt gặp ở triết học Tây phương cái tư tưởng trở về nguồn cội quen thuộc của minh triết Đông phương, mà, quan trọng hơn là sự về nguồn này không phải ở bên ngoài sự vật, mà ngay trong chính bản thân sự vật, trong chính bản thân con người nhận thức sự vật. Tức trở về với bản chất uyên nguyên của vạn vật. «Đó là tiếng nói Tinh Thể Uyên Nguyên của thơ : Thi sĩ đã bước vào Vòng Tay Rộng Rãi của Thiên Nhiên, và cuộc tiến nhập đó đã đặt người thi sĩ vào trong Cõi Nguồn Tinh thể của mình» (Lễ Hội Tháng Ba).

Triết học Tây phương sau Kant, với sự phát triển tột bậc của khoa học tự nhiên, dần dần nghiêng về nhận thức luận. Và, một khi khoa học tự nhiên, nhất là vật lý học, đóng vai trò chủ đạo trong soi sáng mọi lĩnh vực của thế giới, thì triết học, do hết đất dụng võ, đành phải quay ra nhận thức mảnh đất còn phủ bóng dưới chân của chính khoa học tự nhiên. Triết học, vì thế, trở thành nhận thức luận, tức khoa học của các khoa học và, do đó, xa rời bản thể học. Hay nói như Bùi Giáng, mượn lời Heidegger, là «lãng quên hữu thể». Lý tính, do vậy, dần dần cũng bị triết học công cụ hóa.Sự vật trở thành

đồ vật, tồn tại vong thân, trơ ỳ, rắn chắc.

Hiện tượng học bắt đầu với Husserl còn ít nhiều mang tính nhận thức luận (bởi thế, nó tồn tại vừa như một lý thuyết vừa như một phương pháp), nhưng đến Heidegger thì đã là một nền hữu thể học hoàn bị. Thế giới lúc này, trong cái nhìn của hiện tượng học, chỉ là thế giới khi có một ý thức hướng đến nó, còn ý thức cũng chỉ là ý thức khi có một thế giới để nó hướng đến. Sự phân chia chủ thể/khách thể, khiến giữa chúng mở ra một vực thẳm, đã không còn nhiều ý nghĩa.Giờ đây, tất cả đều là chủ thể, vừa là cái nhìn vừa là cái được/bị nhìn.Và, trong thế tương tác song phương ấy, sự vật trở lại trạng thái ban đầu, trạng thái lần đầu tiên nó trình hiện.Còn nhà triết học thì cũng phải thực hiện những phương pháp giảm trừ, như những thao tác lau rửa. Nhờ thế, sự vật tự phơi mở trước con người không phải như một đồ vật, một đối tượng nữa, mà như một hiện tượng.

Hiện tượng học Heidegger trở lại với hữu thể học nhưng không phải là sự tiếp nối truyền thống hữu thể học cổ điển từ Platon, mà là hữu thể học hiện đại với việc nhận thức lại, thậm chí thay đổi, vai trò của chủ thể, tạo ra một hệ hình mới trong lịch sử triết học và mỹ học. Nền hữu thể học cổ điển, lấy cái bên ngoài làm thước đo, chọn cái siêu việt để cắt nghĩa tồn tại hữu thể,

đã bị lật nhào. Giờ đây, với nền hữu thể học thời mới, của hệ hình mới, khởi đi từ hiện tượng học, chỉ có chủ thể là hoàn bị, là nguyên nhân đầu tiên của hiện hữu, là căn nền tồn tại của thế giới. Thế giới chỉ còn là thế giới được chủ thể cấp nghĩa mà thôi.

Cái nhìn mới về con người và thế giới này đã làm sống lại ngôn ngữ thi ca ngay ở Mưa Nguồn, tập thơ đầu của Bùi Giáng. Mưa Nguồn là mưa ở phía tây, vùng rừng núi, nơi xuất phát của những dòng chảy, và của tất cả những gì trôi chảy.Nước đầu nguồn thì trong sạch, trinh nguyên, nhưng càng về trung du và đồng bằng, nhất là qua những đô thị, thì càng ngầu đục. Con người, cũng như nước, càng xa nguồn thì lại càng khát khao về nguồn, để, một lần nữa, được hưởng sự thanh thỏa với một ý thức trọn vẹn. Mưa Nguồn trong thơ Bùi Giáng, bởi thế, là một biểu tượng gốc(archétype), là trung tâm của một trường nghĩa. Chữ Nguồn trong Mưa Nguồn, phái sinh một hệ biểu tượng chỉ những cái nguyên thủy, ban đầu, gốc rễ, những cái tiết trinh và nguyên lành, là bản chất của thế giới tự nhiên khi chưa bị những quan niệm của truyền thống cưỡng bức, vấy bẩn.

Trước hết, có thể thấy biểu tượng này nằm ở chiều kích không gian, như nguyên tuyền, nguyên khê («Nghe trời đổ lộn nguyên khê»), cổ độ («Nước xuôi dòng là cổ độ

nhìn theo), rừng, ngàn («Lỡ từ lạc bước chân ra/ Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn»), đất Thượng («Miền đất Thượng có mấy bờ hoa mọc/ Xa biệt lắm mưa nguồn trên mái tóc/ Đã mấy lần thổi lạc lệ lưa thưa»)… Rồi những ngọn nguồn khác : thời gian vũ trụ : nguyên xuân («Thưa rằng : ly biệt mai sau/ Là trùng ngộ giữa hương màu Nguyên Xuân»), thời gian trong một năm : xuân («Ngày xuân xanh sơ ngộ để thiên thâu»), thời gian trong vòng đời một người : tuổi thơ («Non hồng chiều vọng chân mây/ Sương chừng lãng đãng rơi đầy tuổi thơ»)… Rồi thời gian của người, trước hết là người châu Phi như là một ngọn nguồn phát tích của nhân loại. Mưa Nguồn được viết để «tặng ba người con gái chiêm bao ở bờ cỏ châu Phi».Sau đó là đến người Mọi (người rừng/ người ở rừng), cô em Mọi nhỏ («Em từ Mọi Nhỏ thanh tân/ Mười hai con mắt thiên thần mở ra»; «Mọi là Em, Mọi Sơ Xuân/ Ban sơ núi đỏ chào mừng non xanh»).Thậm chí là đươi ươi, một tiền nhân, dự nhân của con người. Bùi Giáng tự nhận mình là Đười Ươi Thy Sĩ, nên «Ta về rũ áo đười ươi/ Trút tờ phong nhã cho người phụ nhau»… Sau cùng là không - thời - gian - chiêm - bao, tuy là một hỗn độn, nhưng lại là khởi nguồn của định danh, nên cũng có tên là cố quận : «Hỗn mang về giữa hiên nhà/ Bấy giờ cố quận tên là chiêm bao». Thơ Bùi Giáng, bởi vậy, đầy những chiêm bao,

mộng, mộng mị, mộng ban đầu, sơ nguyên mộng…

Nước, cùng với lửa, mang tính tẩy rửa.Nước mưa càng có giá trị thanh tẩy cao hơn. Mưa, nhất là Mưa Nguồn, là một hành vi làm sạch mang tính vũ trụ, linh thiêng. Không phải ngẫu nhiên mà trước ngày lễ, ngày hội thường có những cơn mưa rửa đền, rửa chùa.Sự vật sau khi sinh ra đều phải lăn lóc chốn hồng trần, nên không thể không lấm bụi đời.Để trở về với thể tính hoặc tinh thể uyên nguyên của mình, không thể không lau rửa.Thao tác lau rửa này phần nào giống với các phương pháp giảm trừ hiện tượng học.Như vậy, không chỉ vật được nhìn mà cả mắt nhìn đều cần được lau rửa - giảm trừ hiện tượng học. Cả hai quá trình này, một ở đối tượng một ở chủ thể, gặp gỡ nhau, xoắn luyến vào nhau làm cho sự vật hiện hữu, hoặc tồn tại đích thực, tức một tồn tại ở trong sự nói về tồn tại là ngôn ngữ. Và, vì thế, ngôn ngữ được phục sinh ở trạng thái nguyên thủy :

Tiếng nói xưa vang trên đầu ngọn lúa
Vì ngôn ngữ ngày kia em để úa
Bỗng lên lời bên mép cỏ như sương
Cũng xanh như dòng lệ khóc phai hường.

(«Biểu tượng nguyên sơ»)

Đọc Mưa Nguồn, bởi thế, ta như bước vào một thế giới vừa quen thuộc vừa mới lạ. Trong cái nhìn hiện tượng học, cũng cây cỏ ấy, cũng bờ lúa ấy, cũng những bông hoa ấy, nhưng dường như chúng xanh hơn, thắm tươi hơn. Giống như một thiên nhiên sau mưa và mặt trời ló rạng với một ánh sáng khác : «Vũ quá sơn dung sấu/ Thiên quang trúc ảnh trường» (Nguyễn Trãi). Bởi thế, nhại theo một công án thiền, ta cũng có thể nói, chưa gặp hiện tượng học thấy núi là núi, sông là sông. Gặp hiện tượng học rồi lại thấy núi vẫn là núi, sông vẫn là sông; nhưng đã là một thứ núi sông khác, một thiên nhiên khác. Thiên nhiên ấy tôi cũng từng đã bắt gặp ở Tây Tạng : trong những thung lũng, sườn núi, hồ nước. Trên cao năm nghìn mét, với một mắt nhìn trong sáng và một bầu khí trong vắt, thì mọi vật từ màu sắc, hình khối, âm thanh, nhịp điệu đều trở nên thật hơn và, do đó, cũng huyền diệu hơn.

Thiên nhiên Mưa Nguồn còn một khác biệt nữa là không bất động mà luôn trôi chảy. Nếu trong Thơ Mới, nhất là ở Bức Tranh Quê của Anh Thơ, thiên nhiên được miêu tả một cách duy nhiên («Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng/ Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi»), thì thiên nhiên thơ Bùi Giáng luôn ở trong thế tràn bờ : sự vật không chỉ là nó mà còn là không - nó. Tức luôn trong tư thế giao tiếp, đối thoại với mọi vật khác để mà

biến đổi mình, đúng hơn được là mình trong dòng tồn tục.Bởi lẽ, trong cuộc đối thoại này, mọi vật đều là chủ thể đang tự phơi mở và hướng đến một chủ thể khác cũng đang tự phơi mở. Trong thế giới thơ Bùi Giáng, mọi vật đều hướng về nhau : sự vật hướng đến sự vật, con người hướng đến sự vật, sự vật hướng đến con người, con người hướng đến con người… Bởi vậy, ở Mưa Nguồn, có rất nhiều những từ chỉ sự giao tiếp, như ngó («Thuở xưa kia suối ngọc ngó mây vàng»),nhìn («Em ngồi lại nhìn thu lên bóng nước/ Con cò trắng nhớ nhung trời bữa trước»), nghe («Nghe trong mình nước mắt chảy lên mi/ Nghe bốn bên thiên hạ ngó em vì»), chờ («Đồng ruộng đó đương chờ em bước tới»), rủ («Khắp bốn bề thiên hạ rủ nhau thưa/ Em là em con gái tuổi đang vừa»), níu («Môi cười trong lệ mù sương/ Níu trong hồng hạnh thu hường đã phai», «Giòng sông chảy ai người xin níu lại»)…

Bùi Giáng, nhờ thế, có một giọng điệu tâm tình đặc biệt. Mỗi bài thơ được viết ra như để tự bộc bạch hoặc nói với ai đó. Ngôn ngữ thi nhân đầy những từ biểu cảm bày tỏ thái độ người nói, như thế nên chi («Cũng lay lắt bởi đời xuân em ạ/ Thế nên chi anh cũng viết dòng này»), em ồ em («Mở con mắt một lần lên tiếng thử/ Em ồ em, anh nói một lời này»)… Đặc biệt, có nhiều bài là những đối thoại trực tiếp theo công thức hỏi rằng,

thưa rằng («Hỏi rằng : người ở quê đâu/ Thưa rằng : tôi ở rất lâu quê nhà»), hoặc đơn giản chỉ hỏi, rằng («Hỏi tên, rằng : Biển - Dâu - Ngàn/ Hỏi quê, rằng : Xứ mơ màng, đã quên»). Và, ở trong trường giao thoại này, các đại từ nhân xưng thơ Bùi Giáng nhiều khi cũng không còn là nó nữa, tức có sự chuyển ngôi, đổi ngôi, hoặc cùng lúc kiêm nhiệm nhiều ngôi. Đại từ nhân xưng anh, em là một ví dụ. Anh, em có thể là ngôi thứ nhất (tự xưng), ngôi thứ hai (người ngôi thứ nhất nói với) hoặc ngôi thứ ba (người ngôi thứ nhất nói về) tùy theo ngữ cảnh. Cũng có trường hợp trong một ngữ cảnh, anh, em có thể đóng cả ba vai.Tức có hiện tượng nhòe ngôi. Như vậy, nếu nhìn theo chiều ngược lại, thì ngôi thứ ba luôn luôn bị sát nhập vào ngôi thứ hai. Thế giới không còn tiếng nói độc thoại đã đành, mà không cả tiếng nói về một đối tượng vắng mặt, chỉ duy nhất vang lên tiếng nói song thoại. Nghĩa là, quan hệ tôi và nó mang tính độc thoại, trong đó con người bị nhìn, bị tước đoạt tự do, bị đối tượng hóa, đã được thủ tiêu; chỉ còn lại quan hệ tôi và anh mang tính đối thoại, con người nhìn nhau, tự do và cá tính được bảo toàn.

Trở về với sự vật, nhất là những sự vật trực quan, cụ thể, đồng thời lại đưa sự vật ấy vào các quan hệ tương tác, đối thoại, thế giới ngôn ngữ Bùi Giáng, vì thế, vừa sáng rõ vừa mơ hồ, như có nắng trong mưa. Nhưng

chính tính lưỡng thê này mới là sự tồn tại đích thực. Bởi mọi tồn tại đích thực đều là tồn tại trong thế giới, hữu thể - tại - thế, tức tồn tại trong và bằng quan hệ, tồn tại trong sự trở thành.Vì thế mà tồn tại nào cũng là trung chuyển.Và trung chuyển nào cũng là sương mù.Và chính ở trạng thái vừa có ánh sáng của sương, vừa có bóng tối của mù, mới xuất hiện một vầng sáng năm màu rực rỡ nối liền trời và đất.

140. Bùi Giáng (5)

Bùi Giáng, giải minh người minh giải (Kỳ 2)

Đỗ Lai Thúy

2. Bùi Giáng, từ chơi chữ đến trò chơi ngôn ngữ

Văn chương Việt đầy rẫy những chơi chữ với nhiều hình thức khác nhau.

Từ chuyển phụ âm đầu («Thuyền từ cũng muốn về Tây Trúc/ Trái gió cho nên phải lộn lèo» - Hồ Xuân Hương), dùng đồng âm dị nghĩa («Tôi tôi vôi/ Bác bác trứng» - Câu đối; Mồm bò mà không phải mồm bò mà lại phải mồm bò» - Câu đố dân gian), nói lái Hán - Nôm («Chi chi dã» thành «Cha cha đĩ» - Nguyễn Khuyến), chiết tự chữ Hán («Thiên duyên cũng muốn nhô đầu dọc/ Phận liễu sao đà nảy nét ngang» - Hồ Xuân Hương), thậm chí bẻ chữ Tây, tên Tây ra thành từ Việt để chơi («Chắc tôn ông không bằng lép tôn tôi/ Lep Tônxtôi» - Giai thoại Chế Lan Viên đùa Nguyễn Đình)… Chơi chữ làm cho câu văn trở nên, một mặt đa tầng, ẩn ý, mặt khác trào lộng, dí dỏm. Đây là những trường đình, đoản đình, chỗ nghỉ óc cho một hành trình đọc những văn bản trang nghiêm, đôi khi đến mức thành khô cứng, giả tạo, nơi thông gió trong những xã hội bị thống ngự bằng thứ

diễn ngôn chi hồ giả dã.

Ngôn ngữ nào, đành rằng, cũng có những chơi chữ. Nhưng, có lẽ, không ở đâu ngôn ngữ lại là mảnh đất màu mỡ cho những trò chơi chữ nghĩa như ở tiếng Việt. Là ngôn ngữ đơn âm tiết, tức mỗi từ là một hình vị, tiếng Việt sở hữu vô số, có lẽ chỉ ít hơn tiếng Hán, những từ đồng âm khác nghĩa, một trong những cơ sở chủ yếu của chơi chữ. Tính đơn âm tiết này còn mạnh đến mức tạo thành xu hướng đơn âm tiết hóa các từ đa âm tiết nước ngoài, nhất là các nhân danh và địa danh, thành các từ đơn âm, để nó đủ tư cách pháp nhân tham dự cuộc chơi. Bởi thế, hẳn chỉ có tiếng Việt mới có những thể loại văn bản ngôn từ chuyên chơi chữ, như câu đối, câu đố, đố thanh giảng tục/ đố tục giảng thanh, tiếu lâm, truyện cười, giai thoại…

Bùi Giáng, cũng như mọi nhà thơ Việt Nam tài năng khác, đều đủ giàu có ngôn từ để chơi chữ. Bùi Giáng còn được gọi là «Tề Thiên ngôn ngữ», là «bát ngát trời chữ nghĩa». Kho từ vựng của ông đủ để nói về tất cả các lĩnh vực ngược và xuôi. Nói xuôi cũng được nói ngược cũng xong. Bởi thế, ở đây chỉ xin dẫn ra ông chơi cái tên của mình vừa như một sự tra vấn bản thể luận, vừa như một đùa cợt, bằng cách nói lái đủ kiểu, như Bùi Bàng Dúi, Bùi Bán Dùi…, nói lái kiểu tiếu lâm

nghịch ngợm : Bùi Tồn Lưu, Bùi Tồn Lê…, ghép chữ : Bùi Bê Bối, Bùi Văn Chiêu Lỳ, Brigitte Giáng, Giáng Monroe… Thậm chí, ở ngay chỗ nghiêm chỉnh nhất là các thuật ngữ triết học hiện tượng luận, Bùi Giáng cũng làm người ta giật mình bởi lối lái chữ nghịch ngợm như tồn lưu, lưu tồn, tồn liên, liên tồn, tồn lý tý ngọ, tồn lập tập trung…, rồi cồn lau, cồn lê… «Lọt thềm trận gió đi hoang/ Tồn liên ở lại xin làn dồn ra»…

Tuy vậy, Bùi Giáng không dừng lâu trước trò chơi chữ. Bởi, chơi chữ là buộc người ta phải thừa nhận rằng mỗi từ có một nghĩa đen, nghĩa chủ yếu quy chiếu về một thực tại khách quan độc lập, nên mọi sự chơi chữ, mà thực chất là «chơi nghĩa», đều chỉ là sự biến điệu xung quanh cái nghĩa gốc ấy. Các biện pháp chơi chữ, vì vậy, đều rất hữu hạn. Hơn nữa, đã nói đến trò chơi là nói đến quy tắc, bởi quy tắc tạo ra trò chơi. Người chơi, bởi vậy, phải tuân thủ quy tắc. Vì thế, xét cho cùng, người chơi cũng chỉ là một yếu tố của sự chơi. Là một người tự do, không chịu bất cứ một ràng buộc nào, dẫu là sự ràng buộc của sự chơi, Bùi Giáng nhanh chóng chuyển sang một cuộc chơi khác là trò chơi ngôn ngữ [21].

21 Trò chơi ngôn ngữ (Sprachspiel) là khái niệm do triết gia Áo Ludwig Wittgenstein (1889 - 1951) đề xướng, sau đó được nhiều triết gia khác sử dụng, đặc biệt là triết gia hậu hiện đại Pháp Jean - Francois Lyotard (1924 -

Trò chơi ngôn ngữ cũng có quy tắc. Và, xét riêng ở cạnh khía ngôn ngữ thì quy tắc ở đây chính là ngữ pháp. Bởi không có ngữ pháp thì không có lời nói, tức không có sự thực hành ngôn ngữ. Nhờ có các quy tắc và/là ngữ pháp mà ngôn ngữ, một mặt, có thể diễn tả được sự áp dụng đa dạng, mặt khác là tính hệ thống và, do đó, tính phi thời gian. Nhưng từ cạnh khía trò chơi, thì ngôn ngữ lại gắn liền với thời gian. Bởi lẽ, người ta không thể nào ngay cùng một lúc biết hết được toàn bộ những trường hợp áp dụng của một từ trong thực tiễn. Điều này chỉ có thể dần dần được biết đến trong thời gian. Hơn nữa, trong trò chơi, bất kỳ một ngẫu nhiên nào, dù nhỏ bé đến đâu, đều có khả năng tạo ra hiệu ứng cánh bướm, khiến trò chơi đi theo những hướng bất ngờ nhất, ngoài mọi sự tiên liệu. Như vậy, khi ngôn ngữ bắt đầu được quan niệm như là hành động, tức trò chơi, thì khái niệm quy tắc ngữ pháp cũng được thay thế bằng khái niệm luật chơi (quy tắc của trò chơi). Như vậy, từ chơi chữ đến trò chơi ngôn ngữ thực chất là từ nghĩa đến ý nghĩa, từ từ pháp học đến ngữ pháp học rồi đến ngữ dụng học.

Trò chơi ngôn ngữ ra đời còn như là hệ quả của một quan niệm mới về thực tại : ngôn ngữ gắn liền với đời

1998) trong cuốn sách thời danh của ông Hoàn cảnh hậu hiện đại (Ngân Xuyên dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính và giới thiệu, Tri thức, 2007)

sống, biến đổi đời sống, thậm chí là bản thân đời sống («Tôi gọi Cần Thơ là Cần Thở/ Cần Thơ ơi… cần thở đến bao giờ»). Trò chơi ngôn ngữ, bởi vậy, là những thời đoạn trong tiến trình cuộc sống. Chính nó mang lại cấu trúc, hình thái và phương hướng cho tiến trình ấy. Các trò chơi ngôn ngữ, vì vậy, tuy cũng được cấu trúc hóa bằng các nguyên tắc, nhưng là các nguyên tắc theo ý đồ của người hành động. Vả lại, các quy tắc ấy ra đời trong diễn trình chơi, trong sự tái tạo liên tục những cấu trúc mới trong thế giới cũng như trong tư duy. Các cấu trúc ấy không quy định thế giới cũng như tư duy một cách lâu bền, mà chỉ là các quy tắc ứng với từng trường hợp, có giới hạn. Tức các quy tắc này chỉ tồn tại trong trò chơi, hết trò chơi là hết quy tắc. Đồng thời, quy tắc ấy cũng chỉ thực sự sáng tạo trong thực hành các trò chơi. Người nghệ sỹ, do vậy, trước khi tham dự vào trò chơi ngôn ngữ thì không/chưa có quy tắc nào cả, chỉ khi anh ta viết thì quy tắc mới dần dần xuất hiện, bởi lẽ anh ta cầm bút chính là để tạo ra quy tắc. Một thứ quy tắc trước hết của và cho anh ta, do đó, mang đậm cá tính sáng tạo của anh ta. Quy tắc này, quả thật, không như một hình mẫu để dành cho người khác.

Thời điểm Bùi Giáng chuyển từ chơi chữ sang trò chơi ngôn ngữ thì khó mà biết được một cách chính xác, bởi lẽ, sự đứt đoạn này, có thể, được tạo ra bởi một

quá trình. Quá trình đó, có khi bắt đầu từ khi ông làm «Tô Vũ chăn dê», hàng ngày lùa bò vào rừng, mang theo những cuốn sách tiếng Pháp dày cộp, rồi để mặc chúng tự do gặm cỏ, còn mình thì tìm một nơi thuận tiện ngồi gặm sách. Vào đầu những năm 60, không khí học thuật và tư tưởng ở thành thị miền Nam còn đang cởi mở và bản thân Bùi Giáng cũng vừa đạt tới độ chín, thì thi nhân cho xuất bản Mưa Nguồn (1962), tập hợp những bài thơ sáng tác trước đó, như để chấm dứt một giai đoạn, đồng thời tạo ra một cái vốn/ thương hiệu/ quyền uy, để bày đặt ra cuộc-chơi-thơ-ca mới. Sau đó Bùi Giáng tạm nghỉ làm thơ và liên tiếp cho ra đời những tập khảo cứu triết học như Tư Tưởng Hiện Đại (1962), Martin Heidegger Và Tư Tưởng Hiện Đại (2 tập) (1963)… Đến đây, có thể nói, ảnh hưởng của triết học đã làm thay đổi toàn bộ cuộc sống và sáng tác của nhà thơ. Bởi thế, người ta có thể thấy các thi phẩm in về sau, càng xa Mưa Nguồn bao nhiêu thì càng khác biệt với Mưa Nguồn bấy nhiêu.

Ở Mưa Nguồn, Bùi Giáng còn chú trọng nhiều đến việc đưa ngôn ngữ trở về với bản tính nguyên sơ, chân thực của nó. Và, cũng ở tập thơ này, Bùi Giáng cũng rất quan tâm đến thể tính của thi ca. Ông tìm nó ở thơ, ở ngôn ngữ thơ và ở cả cái nên thơ. Còn trong những tác phẩm sau Mưa Nguồn, như Lá Hoa Cồn, Ngàn Thu Rớt

Hột, Màu Hoa Trên Ngàn, Sa Mạc Trường Ca, Rong Rêu, Mười Hai Con Mắt, Tuyết Băng Vô Tận Xứ, Mùa Màng Tháng Tư…, Bùi Giáng đã vượt thoát ngôn ngữ, vượt qua sự đi tìm thể tính thi ca ở những phạm trù vĩnh cửu là cái đẹp, cái thơ. Bùi Giáng bây giờ không còn cư ngụ ở ngôn ngữ nữa, không cả ở cái đẹp, cái thơ nữa, mà ở cái siêu tuyệt, cái tổng thể, để, cuối cùng, lại không ở cái siêu tuyệt, cái tổng thể nữa, mà ở những cái nhìn, những ứng xử trong mỗi trường hợp sống, mỗi khoảnh khắc, mỗi lát cắt sống, tức, mỗi trò chơi ngôn ngữ. Bởi vậy, với thi nhân, thơ ở phương diện thể loại như một vũ trụ dãn nở, không ngừng chuyển dịch về đỏ. Bây giờ, không chỉ tiểu thuyết mới là thể loại mở, đang hình thành, mà cả thơ. Thơ Bùi Giáng cùng lúc chứa nhiều thể thơ, thậm chí thể loại. Nghĩa của mỗi câu thơ, của từng bài thơ càng ngày càng trở nên bất định, hũ nút, thậm chí vô nghĩa. Từ chỗ thay đổi quan niệm về thơ, Bùi Giáng thay đổi cả quan niệm về sáng tác, kể cả cách sáng tác.

Làm thơ với Bùi Giáng, từ đây, không phải là sáng tác nữa mà là ứng tác. Thi nhân viết trong mỗi hoàn cảnh, mỗi trường hợp cụ thể. Cần thì viết, hầu như không phải đắn đo suy nghĩ gì. Thầy Thanh Tuệ, Giám đốc Nhà xuất bản An Tiêm, người chuyên in sách Bùi Giáng, kể : «ảnh lang thang suốt ngày, chẳng thấy lúc

nào ngồi viết hết. La cà hết nơi này đến nơi khác, uống rượu say khướt rồi về lầu lăn ra sàn ngủ, nhiều ngày bỏ cả bữa ăn. Đêm cũng không thức, chỗ nằm tối thẳm. Tôi in không kịp, nói ảnh tạm ngừng thì ảnh ngừng. Nói có máy, có giấy, nói buổi sáng thì buổi tối ảnh đã tới ném bịch xuống cả năm, bảy trăm trang». Còn đây là cảnh tượng Bùi Giáng làm thơ tại chỗ dưới con mắt kinh ngạc của Mai Thảo : «Ông hỏi mượn một cây bút, xin một xấp giấy, một chai bia lớn nữa. Ông làm thơ tại chỗ […] Bùi Giáng viết, thoăn thoắt, vùn vụt, nhanh không thể tả. Như thơ không thể từ đầu, từ tim chảy xuống, lâu quá, mà ngay từ ngọn bút từ đầu ngón tay thôi […] Chai bia còn sủi bọt […] đã xong hơn hai mươi bài thơ […] bài thơ nào cũng khác lạ, cũng thật hay, cũng đích thực là từng hạt ngọc của cái thơ Thượng Thừa Bùi Giáng» [22].

Như vậy, làm thơ tại chỗ, hay ứng tác, Bùi Giáng không nghĩ nhiều đến kết quả cuối cùng của/là từng bài thơ. Ông chỉ đáp ứng nhu cầu trước mắt, tùy từng hoàn cảnh mà sáng tác, sáng tạo xong là xong. Thơ ông giai đoạn này, bởi vậy, như hỗn hợp nhiều tư tưởng, phong cách, thể loại, ngôn từ đối lập nhau. Bởi thế, có người, như Thụy Khuê chẳng hạn, tiếc cho Bùi Giáng

22 Mai Thảo, «Một vài kỷ niệm với Bùi Giáng» trong Bùi Giáng trong cõi người ta, sđd, tr.240

bên cạnh những bài thơ, câu thơ tuyệt tác, lại có nhiều câu thơ độn, nhiều bài thơ độn, tự lặp lại mình một cách dễ dãi. Thực ra, đọc thơ Bùi Giáng giai đoạn sau Mưa Nguồn, không nên chỉ chú ý đến từng bài riêng rẽ, mà chú ý đến quan niệm tổng thể của thơ ông. Bởi lẽ, lúc này thi nhân không còn đi tìm cái đẹp ở thơ, mà đi tìm cái tổng thể, cái siêu tuyệt, là những cái không còn nằm ở sự cân đối, hài hòa, thơ mộng, hợp lý nữa, mà nằm ở những gì phi đối xứng, không hài hòa, lệch chuẩn, thậm chí phi lý, hay đúng hơn cái nằm ở đằng sau, ở phía bên kia tất cả những thứ đó.

Ở chỗ này, Thanh Tâm Tuyền, nhà thơ cách tân hàng đầu Việt Nam, nói rất đúng : «Với tôi là từng bài thơ. Nói đến từng bài thơ Bùi Giáng, bài thơ này bài thơ kia của Bùi Giáng lại là chuyện tức cười lắm lắm. Bùi Giáng là cái hiện tượng dị thường của một suối thơ ăm ắp không ngừng. Đọc Bùi Giáng cũng phải đọc như thế. Đứng trên đơn vị từng bài. Bùi Giáng đặt tựa cho từng bài là ngắt thơ ra, ngắt chơi ra vậy thôi. Nói đến mấy ngàn bài thơ Bùi Giáng là đúng. Mà nói thơ Bùi Giáng chỉ có một bài, vô tận vô cùng, là đúng hơn» [23]. Lời nhận xét xác đáng của Thanh Tâm Tuyền dành cho Bùi Giáng, gợi nhớ đến Nietszche với quan niệm về ba biến thể của sáng tạo. Bùi Giáng đã vượt qua giai đoạn

23 Mai Thảo, bđd, tr.236

lạc đà, rồi giai đoạn sư tử, thậm chí ở ông dường như không hề có những giai đoạn ấy, mà chuyển ngay sang giai đoạn đứa trẻ. Ông đã đạt đến chỗ thượng thừa của sáng tạo kiểu thiên tài khi ông đã sống như chơi, như anh nhi, như đồng ấu. Đứa trẻ - sáng tạo - chơi trong Lão - Ngoan - Đồng - Bùi - Giáng đã hiện hữu sống động, nó chơi/sáng tạo trong từng phút, từng giây tham dự ở đời. Bởi thế, với người chơi Bùi Giáng, nói như Thanh Tâm Tuyền, chỉ có cái sáng tạo tổng thể, và bài thơ là từng nhát cắt rời của cái tổng thể ấy, và cả của cái hiểu của những con người bình thường, những kẻ chỉ biết chơi - thi thoảng.

Không chú ý đến kết quả sáng tạo, Bùi Giáng chỉ chú trọng đến diễn trình sáng tạo. Tức biến thơ, từ nghệ thuật không gian thành nghệ thuật thời gian, từ loại hình nghệ thuật định cư thành nghệ thuật du cư. Tất cả đều lên đường, tất cả đều trên đường : «Xin chào nhau giữa con đường/ Mùa xuân phía trước miên trường phía sau». Chỉ ở diễn trình người ta mới thấy được tính chất trò chơi của nghệ thuật, thi ca, của trò chơi ngôn ngữ. Diễn trình mang lại niềm vui sáng tạo, bởi người chơi được là chính mình. Bùi Giáng khi làm thơ thường hay nói đến từ chơi, rỡn, đặc biệt là câu cửa miệng vui thôi mà ! Sự chú trọng đến diễn trình sáng tạo hơn là kết quả sáng tạo ở Bùi Giáng khiến người ta nghĩ đến nghệ

thuật đương đại như nghệ thuật sắp đặt, trình diễn, nghệ thuật video, nghệ thuật thực địa, nghệ thuật đa phương tiện… Trước hết là tính tổng hợp của nó, vừa là hội họa, điêu khắc vừa là sân khấu. Sắp đặt và trình diễn, bởi thế, không chỉ diễn ra trong không gian, mà còn diễn ra trong thời gian. Và, cuối cùng, tác phẩm sắp đặt và trình diễn sau thời gian trưng bày là hết, không có tính cách vĩnh cửu như hội họa giá vẽ. Nhìn Bùi Giáng từ nghệ thuật đương đại, một mặt thấy được quan niệm về sáng tác và tác phẩm của ông đã đổi khác, vượt qua chủ nghĩa hiện đại để bước vào hậu hiện đại, mặt khác thấy rõ ở thơ ông trò chơi ngôn ngữ đang dần dần chiếm thế chủ đạo.

3. Bùi Giáng, nhà thơ của các nhà thơ

Bùi Giáng, cũng như các thi sĩ thiên tài, đều vượt quá mọi đóng khung. Tuy nhiên, nhà phê bình, vốn là một động vật thích phân loại, nên, một mặt để thỏa mãn mình, mặt khác để hiểu thi nhân, ít nhất là trên đại thể, thì có thể tiếp cận ông từ cạnh khía kiểu nhà thơ. Bùi Giáng, tôi nghĩ là một thi sĩ - triết gia, một nhà thơ đồng thời là một nhà triết học. Thi sĩ - triết gia, khác với triết gia - thi sĩ, tồn tại trước hết với tư cách nhà thơ, sau đó mới đến nhà triết học. Kiểu nhà thơ này không phải đến Bùi Giáng mới có, mà từng tồn tại trong văn đàn thế

giới như Goethe, Hoelderlin, Braudel, Tchutchev…, hay Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Tản Đà… ở Việt Nam.

Tiếp tục truyền thống thi sĩ - triết gia này, Bùi Giáng đã nâng tầm vóc của nó, ít nhất trong trường hợp Việt Nam, lên cao thêm một bước. Việt Nam vốn không phát triển lắm về triết học. Các tư tưởng triết lý, vì thế, phần lớn có nguồn gốc từ các nền văn hóa lớn bên ngoài. Việc tiếp nhận chúng thường theo nguyên tắc tương ứng chứ không phải đồng thời, như trường hợp Tản Đà đầu thế kỷ XX tiếp thu tư tưởng của các nhà triết học Ánh Sáng thế kỷ XVIII. Các thi sĩ - triết gia của Việt Nam, vì thế, xét trên cạnh khía thời đại, thường lỗi thời ít nhất một nhịp. Điều này hẳn ít nhiều ảnh hưởng đến tầm vóc và, do đó, tư thế đối thoại với thế giới.

Bùi Giáng, ngược lại, tiếp thu chủ nghĩa hiện sinh của J-P. Sartre, A. Camus, K. Jaspers… một cách trực tiếp và đồng thời, khi nó còn đang sống động và đang phát triển. Rồi từ triết học hiện sinh đi đến hiện tượng luận, sau đó hiện tượng luận hiện sinh của Heidegger. Có thể không khí học thuật cởi mở của xã hội miền Nam bấy giờ, có thể các giáo sư đại học như Nguyễn Văn Trung, Trần Thái Đỉnh, Lê Tôn Nghiêm, Trần Văn Toàn… hồ hởi mang triết học hiện sinh từ phương Tây về, đã ít

nhiều có ảnh hưởng đến tâm thế Bùi Giáng. Nhưng, tôi nghĩ, Bùi Giáng, chủ yếu, đi đến với triết học Heidegger bằng trải nghiệm riêng của mình. Từ cảm nghiệm vong thân đến với tự do, Bùi Giáng không hiểu triết học như một thầy giáo, mà sống triết học như một bậc thầy. Bởi thế, ông có đầy đủ tư cách triết gia, để phê phán Sartre trong Heidegger Và Tư Tưởng Hiện Đại, trao đổi thư từ học thuật với chính Heidegger và nhà thơ René Char. Quả thật, lần đầu tiên trong lịch sử văn học Việt Nam có một nhà thơ Việt Nam sống cùng nhịp với các trào lưu tư tưởng lớn của thế giới đương đại.

Trước đây, trong thời tiền hiện đại/ hiện đại, vẫn thấy những trường hợp thi sĩ và triết gia tuy có chỗ trùng, nhưng rốt cục, vẫn là hai con người riêng biệt. Như một sự phân thân. Còn ở Bùi Giáng thì cuộc đời, thơ ca và triết học là một, là một thứ tam diện nhất thể, đúng hơn tam vị nhất thể. Như con khỉ Mỹ Hầu Vương trở thành Tôn Ngộ Không sau khi ra khỏi lò bát quái của Thái Thượng Lão Quân, Bùi Giáng trở thành Bùi Giáng, một thi sĩ - triết gia, sau khi đã chưng cất được một hợp chất từ ba yếu tố cuộc đời - thi ca - triết học trong «nồi hầm» [24] văn hóa thời đại có nhiệt độ cao và áp

24 «Nồi hầm» là một từ người ta nói về văn hóa Mỹ, một văn hóa đa sắc tộc, đa bản sắc ở tầng nền trải qua sự chưng cất của một thứ «nồi hầm» nào đó đã tạo ra

suất lớn. Hơn nữa, ở thời hậu hiện đại, thi sỹ và/là triết gia cùng đưa ra những diễn ngôn mới, đúng hơn, diễn ngôn về diễn ngôn, không hề chịu một quy định trước nào, cũng không có tham vọng trở thành phổ quát, chỉ khát khao tỏ lộ cá tính riêng thuộc của mình. Hay, nói khác đi, cuộc đời của Bùi Giáng thi sĩ và tư tưởng gia, tuy là nhiều, nhưng đều dẫn đến một đích nhắm là tìm gặp cái Uyên Nguyên, cái Bản Nguyên trong thế giới vạn vật. Heidegger thường tụng ca thi gia và tư tưởng gia, những kẻ canh giữ ngàn đời cho ngôi nhà của tồn tại như/là/qua/bằng/bởi ngôn ngữ. Thế nên, Bùi Giáng, xuất nhập cả trong thân phận thi gia lẫn tư tưởng gia, chẳng qua cũng chỉ là những cách thế tuy khác nhau, nhưng đều dẫn trở về ngôi nhà của tồn tại.

Hợp chất của cái «nồi hầm» siêu tổng cộng các yếu tố văn hóa thời đại đó chính là cái mà Bùi Giáng gọi là tư tưởng hiện đại. Tư tưởng hiện đại, theo Bùi Giáng, trước hết là tư tưởng đương đại, mà trong thời đại của ông là hiện tượng học hiện sinh và, sau đó, là toàn bộ những điểm khả thủ của tư tưởng nhân loại không phân biệt đông tây kim cổ được nhìn từ tư tưởng đương đại. Bùi Giáng gọi động thái này là «trùng phục thu hồi», sự thuần nhất của cái gọi là «văn hóa Mỹ» ở tầng trên. Văn hóa Việt Nam, thật tiếc, chưa có cái nồi hầm như vậy, mà chỉ có cái gọi là hầm bà làng

một kiểu tiếp thu sáng tạo như ngày nay thường nói. Tư tưởng hiện đại, bởi thế, luôn là sự giao thoa giữa cái đương đại và cái đã qua, đưa cái đã qua trở thành đương đại. Nội dung của tư tưởng hiện đại của mỗi thời có thể mỗi khác, tùy theo sự thông diễn của người đương thời, nhưng cái gọi là tư tưởng hiện đại thì như một hằng số thời nào cũng có. Đó chính là sự «thiết lập Vĩnh Thể trên dòng Tồn Lưu» của Bùi Giáng.

Tư tưởng hiện đại của thời đại Bùi Giáng chính là hiện tượng học thông diễn mà thi nhân gọi là giải minh hay minh giải học. Sống, làm nghệ thuật cũng như làm học thuật, trước hết là phải thông (thông diễn, thông giao, tương thông, liên thông) đã, tức thâm nhập vào đối tượng, trở thành đối tượng, biến đối tượng thành một chủ thể, sau đó phải diễn (diễn giải, diễn dịch, diễn giảng, quảng diễn), tức trình bày cái thông của mình cho người khác. Thông diễn, như vậy, là một quá trình tham dự của một chủ thể vào một đối tượng để biến đối tượng đó thành một chủ thể mới, không chỉ với người khác mà cả với chính chủ thể trước. Thông diễn học, vì thế, là một khoa học chủ quan, hay nói khác vừa là một khoa học vừa là một nghệ thuật. Nó có khả năng biến một sự kiện (khách quan) thành một chân lý (chủ quan), bởi như Kierkegaar nói : chân lý là chủ quan. Với tư cách là trí tuệ cảm xúc, thông diễn học là phương thức

nhận thức chủ yếu, phù hợp với cái nhìn thực tại mới của con người trong xã hội hậu công nghiệp, tin học và công nghệ cao.

Thơ Bùi Giáng thể hiện một cái nhìn thông diễn học rất rõ. Sự vật và con người trong thơ ông không bao giờ là tự thân, tự đầy đủ, mà luôn trong trạng thái đương - là, không hoàn kết, luôn ở thế tương giao, đối thoại với người đọc. Điều này đã được đề cập đến ở phần trước, khi nói về trò chơi ngôn ngữ, và còn đặc biệt rõ hơn trong các công trình nghiên cứu của Bùi Giáng, như Heidegger Và Tư Tưởng Hiện Đại, Con Đường Ngã Ba, Thi Ca Tư Tưởng, Đường Đi Trong Rừng… đầy những trích dẫn, vận dụng rất nhiều tri thức đông tây kim cổ từ các triết gia Hy Lạp cổ đại đến Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, Đức Phật, các nhà văn, các nhân vật tiểu thuyết, thậm chí đến người thật như Kim Cương, Monroe, Phùng Khánh… Điều này cũng thể hiện rất rõ trong các tác phẩm biên dịch như Lời Cố Quận, Lễ Hội Tháng Ba của Heidegger, Mùi Hương Xuân Sắc dịch Heidegger, Nerval và Camus… Bùi Giáng sử dụng lối dịch - thông diễn. Kể cả khi dịch một tác phẩm văn chương, ông cũng dịch với một tinh thần đồng điệu, chứ không dịch câu chữ. Nhờ sự trái thói này, mà chúng ta có được những tuyệt phẩm dịch thuật như Hoàng Tử Bé và Cõi Người Ta. Tuy vậy, cách làm phá cách,

không chịu tuân theo lề lối, đúng hơn là theo một thứ lề - lối - phi - lề - lối của tương lai, đã làm nhiều người không chịu nổi, nhất là những nhà nghiên cứu trường trại, hoặc những người có đầu óc chuồng trại.

Một trong những cách sống thể hiện sự nhất quán của thi cách và nhân cách Bùi Giáng đó là bệnh điên của thi nhân. Đành rằng xưa nay thiên tài và điên là chị em ruột. Nhưng cái điên của Van Gogh, của Dostoievski thì ai cũng nhận ra đó là bệnh. Chỉ có trường hợp Bùi Giáng thì mới có chuyện một điên mười ngờ. Bởi thế, tôi tạm gọi đó là điên - Bùi - Giáng. Người ta đã, và hẳn còn sẽ, tốn nhiều giấy mực để bàn về chuyện Bùi Giáng có điên thật hay không. Tạm gác sang bên vấn đề bất khả giải này, hay có giải được cũng có thể chẳng chứng tỏ được nhiều điều, thì có thể thấy, Bùi Giáng trước hết là người ngộ chữ, thậm chí còn ngộ chữ có nòi [25]. Khác với những kẻ mọt sách thường là nô lệ cho chữ có sẵn, người ngộ chữ tuy cũng đam mê chữ thái quá, nhưng lại thích đùa nghịch chữ, làm mới chữ. Sự thái quá là không bình thường, bị coi như một thứ bệnh, bệnh điên. Mà sáng tạo, nhất là sáng tạo văn chương nghệ thuật, thì bao giờ cũng thái quá, cũng không bình thường, cũng điên rồ. Điên - Bùi - Giáng, bởi thế, có

25 Bùi Thuyên, thân sinh nhà thơ Bùi Giáng, cũng nổi tiếng xuất khẩu thành thơ và thích chim gái

thể xếp vào loại điên - nghệ - sĩ, một thứ điên mà không điên, không điên mà điên.

Bùi Giáng, trước hết, rất ý thức về cái điên của mình. Đây là một điều mà ở người điên thuần bệnh lý không bao giờ có. Kể cả với người lúc tỉnh lúc điên, vì khi ở trạng thái này thì anh ta lại quên hẳn trạng thái kia. Người điên, vì thế, không biết là mình điên, tức hoàn toàn bị vô thức điều khiển, và sẽ khăng khăng phủ nhận nếu có ai đó bảo mình điên. Bùi Giáng, ngược lại, làm rất nhiều thơ về sự điên của mình, như «Người Điên Uống Rượu», «Ông Điên», «Thơ Điên», «Quá Khứ Của Anh»… Thậm chí Bùi Giáng còn sáng tạo ra cả thứ ngôn ngữ của người điên, mà, theo ông, ngôn ngữ què quặt của người tỉnh khó mà hiểu được nó, nhất là ngôn ngữ của người điên có nghề nghiệp :

Người điên ngôn ngữ điệp trùng
Giở chừng như mộng giở chừng như mê
Thưa em ngôn ngữ quặt què
Làm sao nói được nghiệp nghề người điên

(«Người Điên»)

Không những xác định cái điên của mình, mà Bùi Giáng còn dấn thân quyết liệt vào nghề nghiệp điên. Bởi lẽ, thi nhân tìm thấy ở điên niềm hạnh phúc. «Điên là hạnh phúc thần tiên ở đời». Hạnh phúc là khi mình đồng nhất với mình. Điên là trạng thái trùng khít hoàn toàn giữa con người và bản thân hắn ta. Một sự trùng khít ở cấp độ bản năng, thực vật. Điên Bùi Giáng thì không hẳn là vậy. Ông vẫn nhận ra sự nghiêng lệch giữa mình và thế giới, và vì thế mà muốn co vào cái điên của mình như một vỏ bọc, để mình được là mình. Điên của Bùi Giáng, bởi vậy, chính là một thái độ sống, một cách tồn tại ở đời.

Như vậy, Bùi Giáng, ý thức hoặc vô thức, đón gặp sự điên của mình, để, một mặt vượt thoát khỏi mọi can thiệp của cái xã hội, vốn quyền uy và thực dụng, vào lối sống riêng của mình; mặt khác, bằng hành động điên rồ gửi sự minh triết đến cho mọi người, nhất là những con người bình thường. Hình ảnh Bùi Giáng ăn mặc lôi thôi lếch thếch, cổ đeo đầy ống bơ, giày dép, đứng ở ngã tư

đường phố Sài Gòn, chỉ lối cho con người và xe cộ qua lại, gợi nhớ đến các nhà tiên tri cổ đại. Hoặc Bùi Giáng «nuôi» rất nhiều lợn đất, gà nhựa ở nhà và đi đâu ông cũng nhớ về cho chúng ăn. Và mỗi khi cho rằng loại gà lợn này đi chơi đâu xa, Bùi Giáng thường rải gạo dọc đường để cho chúng nhớ lối mà về nhà. Những cảnh tượng ấy, quả thực, cũng giống như một cuộc trưng bày nghệ thuật trình diễn hoặc sắp đặt giàu ý tưởng. Hay, đúng hơn, Bùi Giáng đang làm thơ. Một bài thơ bằng các vật liệu phi ngôn từ của loại thơ cụ thể.

Người điên cũng như người chứng ngộ đều cùng chung một cõi vô trí. Nhưng người điên thì ở bề dưới của trạng thái đó, còn kẻ chứng ngộ thì ở vùng trên. Di chuyển giữa hai đường biên đó, Bùi Giáng không bao giờ điên thật và cũng không bao giờ chứng ngộ, cảnh giới của thực tướng là vô tướng, chân ngã là vô ngã. Ông vẫn còn đặt một chân ở cuộc đời, vẫn đau khổ vì cuộc đời : «Anh đã định suốt thiên thu vạn kỷ/ Làm thằng điên rồ dại suốt thiên thâu/ Nhưng em ạ, dường như anh vô lý/ Lúc đoạn trường anh đứt ruột khổ đau». Vì còn đau khổ nên ông vẫn cần ngôn ngữ, vẫn tin vào lời, dù lời của ông đã gần với không - lời, tư duy của ông đã gần với không - tư duy. Có lẽ, nhờ thế mà chúng ta có được một Bùi - Giáng - Tuyệt - Tự - Thi, một thứ thơ tuyệt vời ngôn ngữ (tự) và một nhà thơ không thể

có người thứ hai nói dõi. Ông như một Bồ Tát không bước hẳn vào cõi vô ngôn, vô trí mà vẫn ở lại với Lời để cứu Lời.

Cuối cùng, như để lại một mật ngữ, trong Lời tựa cho cuốn Martin Heidegger Và Tư Tưởng Hiện Đại, Bùi Giáng viết về F.Nietzsche như là để nối cái điên của mình vào cái «đại điên» của những vĩ nhân trong lịch sử : «Cái dịu dàng như hươu non đành chực bóp chết lòng mình để rống to như thú dữ. Nhưng lập tức lời nguyền rủa bốn phía vang lên. Và Nietzsche đã điên. Trước Nietzsche mấy chục năm, Hoederlin cũng đã điên. Cùng với bao kẻ khác đã điên. Để ngày nay… Để ngày nay chúng ta tụ hội về đây xôn xao nêu câu hỏi : Cớ sao mà điên ? Nêu một cái rất ngây thơ tròn trĩnh».

Như vậy, với việc đưa ngôn ngữ trở về với sự vật, rồi lại coi sự vật, trật tự sự vật, tức cuộc đời, tức thực tại chỉ là các trò chơi ngôn ngữ, tức thống nhất vào ngôn ngữ cả sự biểu đạt thực tại lẫn thực tại được biểu đạt, Bùi Giáng đã vượt qua chủ nghĩa hiện đại, mở một cánh cửa vào hậu hiện đại, để hôm nay, càng lúc càng đông nhà thơ trẻ [26], với những kích thước tài năng và tầm vóc

---

26 Khái niệm trẻ trong văn học trẻ, văn trẻ, thơ trẻ thường dùng hiện nay chỉ tuổi tác một phần, nhưng chủ yếu chỉ những sáng tác xuất hiện vào thời hậu - Đổi

tư tưởng khác nhau, chen chân qua khung cửa hẹp ấy [27]. Nếu trước đây, Nguyễn Du mở ra thời kỳ trung đại cổ điển trong văn học Việt Nam, nâng nó lên ngang tầm khu vực Đông Á, còn Tản Đà vào những thập niên đầu thế kỷ XX đã mở đầu cho thời hiện đại, đưa văn học Việt Nam vào quỹ đạo thế giới, tuy có sự lệch thời gian, thì Bùi Giáng ở những mười năm cuối của cùng thế kỷ ấy đã đi đầu trong việc mở ra một thời đại mới cho văn học Việt Nam, văn học hậu hiện đại. Có điều lần này, ít nhất với trường hợp Bùi Giáng, sự phát triển của văn học Việt Nam so với thế giới không còn là sự phát triển tương ứng nữa mà là đồng thời, tức nhịp bước cùng thế giới. Và quan trọng là sau ông đã rậm rịch những chân bước khác. Bởi thế, theo cái cách mà Heidegger gọi Hoederlin, tôi cũng muốn vinh danh Bùi Giáng, cũng như Nguyễn Du và Tản Đà trước đây, những thi nhân làm thay đổi hệ hình tư duy nghệ thuật thời đại, không phải là «nhà thơ giữa các nhà thơ, mà là nhà thơ của các

---

mới, có nhiều điểm khác biệt với văn học chính thống, nhưng không hẳn là phi chính thống, vì thế mà nó vẫn được chính thống thừa nhận (hẳn vì mong một ngày nào đó nó sẽ già !)

27 Khung cửa hẹp tiểu thuyết của A. Gide do Bùi Giáng dịch.

nhà thơ» [28].

28 Xem Alain Boutot, Heidegger, PUF, Paris, 1989 (in lần 2 có sửa chữa)

141. Bùi Giáng (6)

Trường Hợp Bùi Giáng

Nguyễn Hưng Quốc

Khi viết về thơ ở miền Nam trước 1975 cũng như thơ trong nước sau 1975, tôi ít nhắc đến Bùi Giáng. Không phải vì tôi đánh giá ông thấp. Ngược lại. Tôi đồng ý với Mai Thảo : Bùi Giáng là một tài thơ trác tuyệt.» Có Ông, thi ca mới đích thực có biển có trời» [29]. Càng đọc Bùi Giáng tôi càng thấy ông lạ lùng. Con người ông lạ lùng : nói như Thanh Tâm Tuyền, qua lời kể của Mai Thảo, Bùi Giáng là người» ngủ ra thơ, thở ra thơ, đi ra thơ, đứng ra thơ. Chứ không phải nghĩ thơ, làm thơ» [30]. Thơ ông càng lạ lùng, lạ lùng đến nổi ai cũng ngại ngùng khi viết về ông. Kể chuyện về ông : có, nhưng phê bình thơ ông : chưa. Có lần, Thanh-Tâm-Tuyền gọi Bùi Giáng là một» thiên tài tự hủy ghê gớm nhất của thi ca Việt Nam hiện đại» và là» một hồn thơ

---

29 Mai Thảo (1994), «thay lời bạt : Một vài kỷ niệm với Bùi Giáng», in trong tập Thơ Bùi Giáng, nxb Thế kỷ 21, California, 1994. tr. 146

30 Như trên, tr. 139

bị vây khốn» [31]. Bị vây khốn bởi cái gì ? Theo tôi, Bùi Giáng bị vây khốn, trước hết, bởi những hoài nghi, những dằn vặt. Thì một số khá đông các nhà thơ khác ở miền Nam thời kỳ 1954-1975 cũng hoài nghi, cũng dằn vặt. Song, có điều, không ai sống đến tận cùng sự hoài nghi, sự dằn vặt như là Bùi Giáng. Thơ Bùi Giáng là những phún thạch phun lên từ hỏa diệm sơn của hồn ông. Nhưng khác các nhà thơ khác, Bùi Giáng lại ngụy trang thảm kịch của mình bằng một giọng cợt nhã, bông đùa. Trong một bài viết về Hàn Mặc Tử, sau khi ghi nhận thơ Hàn Mặc Tử là» một tiếng thét và một lời than. Tiếng thét đầy máu, tiếng than tràn ngập hư vô. Lúc hãi hùng khiếp đảm, lúc quạnh quẽ lạc phách xiêu hồn», Bùi Giáng nhắc đến thơ của chính ông như một sự so sánh :

«Thơ tôi làm… là một cách dìu ba đào về chân trời khác. Đi vào giữa trung tâm bão giông một lúc thì lập thời xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức. Tôi gạ gẫm với châu chấu chuồn chuồn, đem phó thác thảm họa trần gian cho chuồn chuồn mang trên hai cánh mỏng bay đi. Bay về Tử Trúc Lâm, bay về Sương Hy Lạp, ghé Calvaire viếng thăm một vong hồn bát ngát,

31 Thanh Tâm Tuyền (1994) «Bùi Giáng, một hồn thơ bị vây khốn», Tạp chí Thơ (California) số 1, Mùa thu 1994, tr, 73-75

rồi quay trở về đồng ruộng làm mục tử chăn trâu. Làm mục tử chăn trâu không xong bỏ trâu bò chạy lạc, phá phách mùa màng khoai sắn, thì tôi chạy về bẩm báo với ni cô cho phép con chuồn chuồn của tôi cư lưu một phút giây trong linh hồn bao dung phương trượng. Ni cô xua đuổi tôi thì tôi ra bờ sông nằm ngủ khóc một mình thơ dại giữa chiêm bao. Trong chiêm bao, thơ về lãng đãng thì từ đó vần bất tuyệt cũng lãng đãng chiêm bao». [32]

Có dìu ba đào về chân trời nào khác thì ba đào vẫn cứ là ba đào, động biển vẫn cứ là động biển. Bay đi đâu cánh chuồn chuồn của Bùi Giáng cũng gặp giông bão. Giông bão dậy lên, trước hết, từ đôi cánh của nó: ngôn ngữ. Đã đành làm thơ, ai cũng chú trọng đến ngôn ngữ. Song tôi có cảm tưởng ít có ai bị ám ảnh bởi vấn đề ngôn ngữ một cách nặng nề, triền miên như Bùi Giáng. Chữ» ngôn ngữ» thường xuyên xuất hiện trong thơ ông, đặc biệt trong hai tập thơ mới xuất bản ở hải ngoại sau 1975 [33], ở đó câu Đường qua ngôn ngữ tuyệt trù, Đường qua ngôn ngữ điệp trùng và Đường qua ngôn ngữ cuối cùng được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong nhiều bài

32 Bùi Giáng (1969), Thi ca tư tưởng, Ca Dao, Saigon. tr, 102-3

33 Thơ Bùi Giáng, Việt Thường xuất bản tại Montreal, 1990 và Thơ Bùi Giáng, Thế Kỷ 21 xuất bản tại CA, 1994.

thơ khác nhau. Hãy để ý đến nhóm từ» đường qua ngôn ngữ» : với Bùi Giáng dường như công việc làm thơ chủ yếu là một cuộc hành trình vượt qua ngọn đèo cheo leo của ngôn ngữ trước khi là bất cứ một cái gì khác. Ngọn đèo ấy không những cheo leo mà còn mù mịt, thăm thẳm. Phần lớn các câu thơ kế tiếp mấy câu vừa dẫn đều là bóng đêm (Mừng xuân viễn vọng đêm bù cho đêm; Mừng xuân viễn vọng đêm lừng lẫy đêm; Mừng xuân viễn tuyệt đêm từng từng đêm…) Xuân, ừ thì xuân. Nhưng đêm vẫn mịt mùng đêm. Đêm vô tận. Ngôn ngữ không làm cho bóng đêm ấy tan biến. Trái lại.

Chấm ngòi bút sắt se vào mực
Viết ra câu thúc giục sương mù

(Mùa xuân chiêm bao)

Trong lúc hầu hết các nhà thơ khác, mặc dù nhận chân được vị thế hẩm hiu của nhà thơ trong xã hội, vẫn tin tưởng vào ngôn ngữ và vẫn tự hào về công việc sáng tạo của mình, nói như Thanh Tâm Tuyền,» cuộc hành trình hoàn toàn cô độc» trên một» con đường chưa ai tới» [34], Bùi Giáng, ngược lại, tuy vẫn làm thơ, hơn nữa, còn làm thơ cực kỳ nhiều, nhiều hơn bất cứ một người

34 Trong bài «Bao giờ» và «Bài thơ của tháng giêng» in trong tập Liên, đêm mặt trời tìm thấy, nxb Sáng Tạo, Saigon, 1964

nào khác, lại có vẻ rất coi thường cái việc làm thơ ấy và chắc chắn là không mấy tin tưởng vào khả năng thể hiện của ngôn ngữ :

Người điên ngôn ngữ điệp trùng
Dở chừng như mộng dở chừng như mê
Thưa em ngôn ngữ quặt què
Làm sao nói hết nghiệp nghề người điên

(Người điên)

Trong quyển «Mùa thu trong thi ca», Bùi Giáng viết :

Một hôm Mai Thảo bảo rằng
Làm thơ bê bối sao bằng đi rong
phố phường mọc cỏ quanh năm

(Sa mạc phát tiết)

Có người đọc câu thơ thấy đâm ra bực mình hỏi :» Phố phường đâu có cỏ nào mọc ! Thằng thi sĩ ăn nói tầm phào, sai sự thật !» Ấy thế là người ta cưỡng bức thi ca một cách không chính đáng. Và trầm trọng hơn nữa, người ta tưởng chừng như tin rằng ngôn ngữ có thể nói ra được sự thật. Tưởng chừng như người ta chẳng bao giờ suy gẫm về Kim Cương Kinh.» Thế gian ngôn ngữ phi chân kinh». [35]

35 Bùi Giáng (1970) Mùa thu trong thi ca, Sống Mới in

Ngôn ngữ không những quặt què, không những không nói ra được sự thật mà, hơn nữa, trong thời hiện đại, đặc biệt khi cuộc chiến tranh lạnh giữa hai khối Tư bản - Cộng sản đang gay gắt, khi cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam và Bắc Việt Nam đang ác liệt, khi vấn đề thắng bại không những được quyết định ngoài chiến trường mà còn trên các bàn hội nghị quốc tế, ngôn ngữ còn có tác dụng ngược lại : nó che giấu sự thật và, thay vì đem lại sự cảm thông giữa loài người, nó lại làm cho con người ngộ nhận lẫn nhau, thù ghét lẫn nhau, say sưa chém giết lẫn nhau. Đó là lý do tại sao Bùi Giáng lại :

Tôi gọi Mỹ Tho là Mỹ Thỏ
Mỹ Thọ muôn đời là lục tỉnh hôm nay
Tôi gọi Sóc Trăng là Sóc Trắng
Gọi người sương phụ gái thơ ngây

(Lẫn lộn lung tung)

Bùi Giáng xáo trộn chữ nghĩa để nói lên một sự thật : ngôn ngữ đang bị xáo trộn, đang bị tha hóa. Bùi Giáng gọi Mỹ Tho là Mỹ Thỏ, Mỹ Thọ, người ta cho là hài hước hoặc điên khùng, nhưng chẳng phải là trong cuộc sống, người ta đã không từng gọi một kẻ bán nước là yêu nước, một kẻ giết người như ngoé là nhân đạo, một

---

lại tại hải ngoại, không ghi năm, tr. 223-4

kẻ bắn súng vào anh em vào đồng bào vào đồng loại vì một thiên đường không tưởng nào đó là cách mạng đó ư ? Chẳng phải là người ta đã không từng gọi nhà tù là trại học tập, độc tài là tập trung dân chủ, sự ngu đần là đỉnh cao trí tuệ, khố xanh khố đỏ là quốc gia, thái độ khom lưng trước ngoại bang là biểu hiện của tinh thần dân tộc đó ư ? Thử thế chữ Mỹ Tho bằng bất cứ chữ nào trong từ điển chính trị Việt Nam hiện đại, người ta sẽ thấy ngay cái điều mà Ionesco từng nói : «một nền văn minh của ngôn ngữ là một nền văn minh quẩn trí, hỗn độn» [36]. Ngôn ngữ mất linh hồn. Ngôn ngữ xác xơ, rách mướp, tơi tả. Nhiều người thuộc loại nhạy cảm nhất trong thời đại chúng ta đã thất vọng não nề. Sự thất vọng ấy ở Tây phương, dẫn đến sự im lặng của một số người cầm bút, sự ra đời của loại kịch không lời; ở Bùi Giáng, tạo ra những vần thơ đại loại thế nầy :

... Một hai hai một di hài
Dài hi hữu mộng an bài chẩm ma
Chả xin ? Chả hỏi ? Vịt gà ?
Và thân thể máu me và thịt xương...
... Ma đên ỳ nẽ ô mà
Xơ tin ô đố đâu là đến đây
Xền nô đô thí xi đầy

36 Dẫn theo Steiner,G. (1967) Language and Silence, Faber & Faber, London, tr. 72

Xè rê tê nến ngọn lầy lội cơn
A tin a tỉ oan hồn
Vong lưu lỳ lẩy cung đờn cợt trêu
Người ơi ô ướt dấu bèo
ồ thôi thế vậy thu vèo sang thu
Lừng bay thân thế pha mù
Sương mây tuyết dậy thân bù cho thân

(Đạm Tiên)

Gắn liền với sự hoài nghi ngôn ngữ là sự hoài nghi lý trí. Trong lúc hầu hết các nhà thơ khác, mặc dầu hoài nghi lý trí, luôn luôn khắc khoải tìm kiếm sự thật, với niềm tin dù mơ hồ và mong manh, là sự thật ấy có đâu đó, sẽ gặp được một ngày. Bùi Giáng, ngược lại, tuy dịch và viết khá nhiều tác phẩm về triết học hiện đại Tây phương, lại hoàn toàn phủ nhận đầu óc duy lý của Tây phương, hoàn toàn mất niềm tin với mọi cái gọi là chân lý. Cuộc đời, với Bùi Giáng, là chuỗi dài những nghi vấn và phẩn nộ :

Đi vào giữa cuộc thị phi
Nửa tam bành tới nửa nghi vấn về

(Y ư mộng, du ư mê)

Làm thơ, với Bùi Giáng, là một hành động phản kháng, phản loạn. Như Từ Hải trong truyện Kiều của Nguyễn Du :

Sao bằng riêng một biên thùy
Cõi điên vũ trụ tùy nghi tung hoành
Xiết bao vô ngại ngọn ngành
Chọc trời khuấy nước tan tành thịt xương
Ấy như thể, ấy như dường
Đi vô tận ý đi đường chơn không
Đi mây gió đi phiêu bồng
Ngàn trăng ngậm bóng sương đồng ra đi
Đi về thể lệ lâm ly
Đi đi suốt cõi lời nghi vấn lời.

(Sao bằng)

Nghi vấn. Lúc nào cũng nghi vấn. Nghi vấn cả lời nói của mình. Bài thơ Tặng Mã Giám Sinh là một bài thơ hay :

Hỏi tên ? Rằng biển dâu xanh
Hỏi quê ? Rằng mộng ban đầu đã xa
Gọi tên ? rằng một hai ba
Đếm là diệu tưởng đo là nghi tâm.

Tôi đoán là Bùi Giáng rất tâm đắc bài thơ nầy. Nó được in lần đầu trong» Mùa thu trong thi ca» với tựa là» Mã Giám Sinh», sau in lại trong» Thơ Bùi Gíáng» xuất bản tại Canada năm 1990 với sự thay đổi nhỏ : thêm chữ» tặng» ở tựa đề. Có hay không có chữ» tặng», thật ra cũng chả có gì quan trọng. Cũng như mọi cái tựa trong thơ Bùi Giáng chả có gì là quan trọng. Lười, ông thường nhặt bất cứ từ hay nhóm từ nào trong bài dùng để làm nhan đề. Bài thơ trên được đặt tựa là Mã Giám Sinh hay Tặng Mã Giám Sinh có lẽ để ghi lại xuất xứ một nguồn cảm hứng : nó xuất phát từ mấy câu thơ trong Truyện Kiềucó liên quan đến Mã Giám Sinh :

Hỏi tên, rằng : Mã Giám Sinh
Hỏi quê, rằng : huyện Lâm Thanh, cũng gần.

Trong bài Chiều nguyên xuân in trong tập Mưa Nguồn, xuất bản từ năm 1963, Bùi Giáng đã bị ám ảnh bởi vấn đề quê hương :

Hỏi rằng : người ở quê đâu
Thưa rằng : tôi ở rất lâu quê nhà

Từ «ở rất lâu quê nhà» đến «mộng ban đầu đã xa», tư tưởng của Bùi Giáng đã vượt biên, lấn sang một tầm khác. Với một sức oằn khác. Dẫu sao, ở đây điều quan trọng nhất là câu cuối cùng : «đếm là diệu tưởng đo là

nghi tâm». Mọi sự phân biệt đều bị xóa nhòa. Tôi cho đây là đặc điểm nổi bật nhất trong phong cách thơ Bùi Giáng : Thơ Bùi Giáng chính là sự xóa nhòa của mọi đường biên quen thuộc vốn được mọi người chấp nhận như là một quy ước, một luật lệ trong văn học từ xưa đến nay.

Thứ nhất là xóa nhòa những đường biên về giọng điệu. Những ai từng viết lách ít nhiều cũng đều hiểu cái khó nhất đối với người cầm bút là pha trộn giọng điệu, nghĩa là, chẳng hạn, vừa nghiêm túc lại vừa cười cợt, vừa uyên bác lại vừa bình dân, vừa suy tư lại vừa thích thảng. Bùi Giáng vượt qua tất cả những khó khăn ấy một cách nhẹ nhàng. Ví dụ dưới đây, tôi chọn một cách tình cờ :

Hai cô bán phở dịu dàng
Đừng nên nói bậy hai nàng buồn ta»
- Trẫm từ lịch kiếp phôi pha
Tái sinh bất chợt mà ra phụ lòng
Tình thương ẩn mặt từ trong
Nội tâm vô tận mà long đong vì
Phong tao phấn đại tương nghi
Tùy thời thể dựng mà tuy nhiên là.

(Tặng quán phở Huyền Trân)

Ai cũng thấy rõ hai câu đầu và sáu câu sau có giọng điệu khác hẳn nhau. Vậy mà, riêng tôi, thú thật, tôi không hiểu tại sao Bùi Giáng có thể chuyển từ hai câu đầu xuống sáu câu dưới một cách dễ dàng tự nhiên như vậy. Mà đây cũng lại là một đặc điểm rất phổ biến trong thơ Bùi Giáng. Nói một cách tóm tắt, thơ ông có hai loại từ vựng : một loại tạm gọi là bác học và một loại tạm gọi là bình dân. Bác học thì như thục nữ, thuyền quyên, cảo thơm, thượng thừa, miên trường, đoạn trường, băng tuyết, thập thành v.v… nghĩa là những từ Hán Việt lâu lắm không còn được sử dụng nữa. Còn bình dân thì như đại ca, Huê ky., Liên Xồn, lai rai, nhậu nhẹt, máu me, số dzách, dấn bước, dấn liều v..v… nghĩa là những khẩu ngữ còn lấm lem bụi bặm ngoài đường ngoài phố. Cả hai loại đều dễ khiến giới làm thơ chùn tay. Dùng loại trên thì dễ có nguy cơ trở thành sáo, cổ. Dùng loại dưới thì dễ có nguy cơ trở thành nhả nhớt, rẻ tiền. Bùi Giáng hoàn toàn thoát khỏi hai nguy cơ ấy. Hơn nữa, ông còn hòa trộn cả hai loại ngôn ngữ ấy lại với nhau một cách tài tình. Đọc, người ta không hề có chút cảm giác lấn cấn nào. Như một phép mầu.

Gắn liền với sự xóa nhòa trên là một sự xóa nhòa khác : xóa nhòa ranh giới giữa truyền thống và hiện đại. Không phải Bùi Giáng kết hợp truyền thống và hiện đại, như cái điều chúng ta có thể nói về một số nhà thơ

khác. Nói đến sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại tức là thừa nhận chúng ta có thể ít nhiều khu biệt đâu là truyền thống và đâu là hiện đại. Ở Bùi Giáng, mọi nỗ lực khu biệt ấy đều trở thành vô vọng. Ở Bùi Giáng, tính chất truyền thống và tính chất hiện đại tan hòa vào với nhau. Là một. Thể thơ ông dùng : cũ; hình tượng ông dựng : cũ; ngôn ngữ ông viết : cũ, thế nhưng, rất lạ, toàn bộ bài thơ của ông thì lại mới, mới như chưa từng có ai viết được như thế. Mới đến độ tôi có cảm tưởng phần lớn những từ, những chữ nào đã được Bùi Giáng sử dụng một lần đều trở thành của riêng của Bùi Giáng, một thứ tài sản của Bùi Giáng, trên đó có dấu ấn của Bùi Giáng; sau đó, ai dùng lại những từ ấy, chúng ta cứ ngờ ngợ như họ ăn cắp của Bùi Giáng. Đọc thơ của bất cứ người nào, hễ gặp chữ «giũ áo», «rớt hột», «đười ươi», «chuồn chuồn», «châu chấu» … chúng ta hay tri hô lên : Bùi Giáng ! Ngay cả một số từ quen thuộc hơn, như «thập thành», «máu me», «lai rai» … chúng ta cũng lại tri hô lên : Bùi Giáng ! Trong lịch sử thi ca Việt Nam hiếm có trường hợp nào lạ lùng đến như vậy. Phần lớn, tính chất độc đáo chỉ ở cấp độ bài hoặc cấp độ câu. Ở Bùi Giáng, tính chất độc đáo thể hiện ngay ở đơn vị từ. Với sự xuất hiện của Bùi Giáng, số phận các nhà thơ đâm ra lao đao hẳn. Khi chọn chữ không khỏi có cảm giác e dè vì sợ dẫm vào dấu chân của Bùi Giáng.

Thứ ba, là sự xóa nhòa ranh giới giữa cái gọi là thơ và cái gọi là phi thơ. Ngổn ngang trong thơ Bùi Giáng những chi tiết ngỡ như không bao giờ thành thơ được, ngỡ như mãi mãi thuộc thế giới của văn xuôi, của tiểu thuyết, của đời thường. Nhớ người yêu, có lẽ ai cũng nhớ như Bùi Giáng nhưng không có ai viết được như Bùi Giáng :

Bây giờ em đứng nơi đâu
Cỏ trong mình mẩy em sầu ra sao

(Gửi thôn nữ Vĩnh Trinh)

Bùi Giáng có tài hóa giải những tình thế oái oăm : cái đáng lẽ sàm sỡ, dưới ngòi bút ông, tự nhiên thành thơ mộng, thiết tha, tội nghiệp. Bùi Giáng cũng có tài làm cho những cái lắt nhắt trở thành mênh mang :

Sáng nay bao tử mơ mòng
Cà phê bên nọ, cháo lòng bên kia

(Sáng nay)

Tất cả những chi tiết ấy đều tầm thường đến độ nhảm nhí. Đi vào thơ Bùi Giáng, tự dưng chúng lại có một âm vang gì rất lạ, rất xa, tưởng như không còn là chuyện «cà phê» hay «cháo lòng» nữa.

Một nỗi phân vân giữa cuộc đời, chẳng hạn. Một niềm xót xa trong cảnh khốn cùng, chẳng hạn. Bùi Giáng còn có tài làm cho những cái linh thiêng trở thành bình thường. Những Thượng Đế, Phật, Thánh Hiền…đi vào thơ ông, mất một chút hào quang, song bù lại, dường như đẹp hơn. Bùi Giáng làm cho cái đáng kính biến thành cái đáng yêu. Hình tượng ni cô trong thơ ông là một ví dụ. Bùi Giáng cũng lại có tài làm cho cái thô và tục trở thành những cái thơ mộng, xôn xao. Cuối cùng, thứ tư, tôi tạm gọi là sự xóa nhòa giữa cái lý và cái phi lý; ít có ai để ý trong thơ Bùi Giáng có đặc điểm nầy: ông rất thích dùng những từ có tính chất lý luận như «mặc dù», «càng… càng», «vẫn là», «và», «vì». «rằng», «bởi chưng», «chỉn e», «té ra», và đặc biệt, nhiều nhất là từ «tuy nhiên» … Chắc chắn là không có nhà thơ nào dùng các từ nầy nhiều bằng ông. Thế nhưng, cách Bùi Giáng sử dụng các liên từ nầy rất lạ lùng, không giống bất cứ người nào trước ông hoặc sau ông. Xin hãy đọc lại bài Tặng quán phở Huyền Trân dẫn ở trên, và hãy chú ý đến ba câu cuối cùng : chữ «vì» và chữ «là» đứng hết sức lửng lơ. Chúng không nối kết cái gì cả. Chúng cũng không giải thích cái gì cả. Chúng hoàn toàn trái ngược mọi luật lệ ngữ pháp. Chúng thường xuất hiện ở những vị trí thật bất ngờ : ở cuối câu, thường là câu cuối bài :

- Em về - nhà cửa nhỏ nhoi
Buồn rầu khôn xiết em soi gương và…

(Em đi)

- Nối đuôi khởi sự từ đầu
Ví dù kết thúc trước sau vẫn là…

(Vẫn là là)

- Bá phương phảng phất rồi xa
Mùi hương xa vắng càng xa xôi càng…

(Băng tâm)

- Mai sau dù có đi về
Xin nhìn gió rụng ngành tre thưa rằng…

(Em về)

Một điều vừa thú vị vừa khó hiểu là : người đọc thơ Bùi Giáng lại ít chú ý, không bị giật mình vì những cách dùng từ, đặt câu ngược ngạo như vậy. Mà, ở những trường hợp nầy, Bùi Giáng đều cố tình cả. Một mặt, tần số xuất hiện của những kiểu câu như thế ê hề; mặt khác, nhiều lúc Bùi Giáng đem những liên từ lý luận ra đùa nghịch :

- Nếu và nhưng vẫn ắt rằng
Tuy nhiên thế nọ thường hằng thế kia
Và nhưng tuy dẫu là chia
Lìa cha biệt mẹ bốc tia sinh tồn

(Tuy nhiên)

- Tuy nhiên đất quạnh sơn hà
Còn tuy nhiên mãi họa là nhiên tuy

(Ich dụng hung sự)

- Mần răng ra rứa ví dù
Mần ri thế nọ tịt mù thế kia

(Mỗi ngày)

Một lần, Bùi Giáng giải thích : «Dù sao, tôi nói dù sao, bởi vì thiên hạ vốn ưa thích dù sao. Cho có mạch lạc. Chứ thật tình tôi chẳng rõ sao gọi là mạch lạc liên tục ngụ trong tính tình của ngôn ngữ dù sao dao sù» [37]

Cách phân tích như trên khá nguy hiểm : nó dễ làm cho người ta có cảm tưởng thơ Bùi Giáng là một cái gì tĩnh tại và cố định. Thật ra, không phải. Theo dõi thơ Bùi Giáng chúng ta sẽ nhận ra ông thay đổi không ít. Tập Mưa Nguồn xuất bản năm 1962 rất trong sáng; từ

37 Bùi Giáng (1970) Mùa thu trong thi ca, sđd. tr. 17

tập Ngàn thu rớt hột (1963) về sau, thơ ông tối tăm hẳn; sau năm 1975, ở hai tập thơ xuất bản tại hải ngoại, thơ ông trong sáng trở lại, nhưng so với Mưa Nguồn, đằm hơn, lắng hơn và chín hơn. Mưa Nguồn là niềm nhớ thương đồng ruộng không nguôi :

- Viết thơ lạc dấu sai dòng
Viết trong tức tưởi sợ đồng lúa mong
- Viết thơ là trở lại bên
Con người thôn nữ răng đen hai hàng

(Ca dao)

Sau này, ông vẫn bâng khuâng nhớ đồng quê. Chỉ bâng khuâng thôi. Nghĩa là rất man mác. Có một câu thơ có lẽ ông thích, cứ lặp đi lặp lại rải rác ở nhiều bài thơ khác nhau :

Trông về đồng ruộng đôi khi
Thị thành tâm sự hoài nghi trăng tà

(Gấu buồn)

Nhưng tâm sự chính của ông là nỗi tuyệt vọng về khả năng giao cảm giữa người và người, niềm cay đắng trước một xã hội ngày một đảo điên. Ông hoàn toàn cô độc :

quay về một cõi riêng thôi
liệu trong tấc cỏ kiếm trời ba xuân

(Đời rộng đương chìm)

Ông làm thơ cho hư không :

Bây giờ xin ngó cụm cây
Chắp hàng viết nốt áng mây về trời

(Bây giờ)

Ông độc thoại :

Ngàn năm độc đối riêng hàng
Tờ xanh ứa lệ đẫm trang xuân đầu

(Khởi từ)

Có khi ông im lặng :

Từ đây đổi vịt thay gà
Chán chường đến thế là ta ngậm lời

(Nhà ma đi đời)

Sau 1975, cảm giác cay đắng và tuyệt vọng ấy, không hiểu tại sao dường như nhẹ nhàng đi nhiều. Đời sống ông cơ cực hơn, những cơn điên đến với ông thường xuyên hơn (10), song thơ của ông lại có vẻ thanh thản

hơn. Ông bớt những thắc mắc siêu hình để quan tâm hơn đến khía cạnh cảm xúc, từ đó, nhấn mạnh đến yếu tố tâm hồn, coi đó là nguồn gốc của thơ :

Chợt mùa thơ vội đổi giòng
Cỗi nguồn cũng bởi tự lòng mà ra

(Từ bấy tới nay)

Với quan niệm như vậy, thơ không còn là trò đùa nghịch chữ nghĩa nữa mà là một sự bộc bạch tâm sự :

Lời tỉnh táo, lời mê man
Điệu thê thiết rống điệu bàng hoàng ca

(Y ư mộng du ư mê)

Do đó, ông khao khát được thông cảm :

Xổ bầu tâm sự điêu linh
Ai người chia xẻ với mình với ta

(Một giờ)

Bài Bao giờ in trong tập Thơ Bùi Giáng do Thế Kỷ 21 xuất bản là một bài thơ hay :

Bằng bút chì đen
Tôi chép bài thơ
Trên tường vôi trắng
Bằng bút chì trắng
Tôi chép bài thơ
Trên lá lục hồng
Bằng cục than hồng
Tôi đốt bài thơ
Từng phút từng giờ
Tôi cười tôi khóc bâng quơ
Người nghe cười khóc có ngờ chi không

Thơ, với Bùi Giáng, trước hết là một sự hiện hữu cụ thể với những màu sắc cụ thể nhất định : đó là một văn bản với những từ, ngữ, giấy, mực cụ thể. Văn bản ấy có đời sống riêng của nó : có sinh có tử. Nhưng đằng sau, ẩn náu phía trong cái hình thức cụ thể ấy lại là một tâm tình, là tiếng cười, là tiếng khóc. Tâm tình của người làm thơ òa vỡ bất chấp những giới hạn tự thân của ngôn ngữ :

Ngữ ngôn khép kín mặc dầu
Hùng tâm tim máu óc đầu mở ra

(Bé con ơi)

Bùi Giáng băn khoăn :

Tôi cười tôi khóc bâng quơ
Người nghe cười khóc có ngờ chi không ?

Bùi Giáng lại năn nỉ :

Tặng nhau từ ngữ lạc lầm
Cũng xin hồng lệ hãy đầm đìa tuôn

(Y ư mộng du ư mê)

Trong bài Thuở chưa điên in trong tập Thơ Bùi Giáng do Việt Thường xuất bản tại Canada năm 1990, Bùi Giáng tự so sánh thơ mình ngày trước với thơ mình bây giờ :

Ấy là thơ thuở chưa điên
Ở trong dấu ngoặc quàng xiên reo cười
Bây giờ xoang điệu đười ươi
Điệu hoa lầu các ngậm ngùi dấn thân

Sự khác nhau không phải ở chỗ : có lúc ông «quàng xiên reo cười», có lúc ông lại «ngậm ngùi dấn thân». Ở Bùi Giáng, cái cười và cái khóc đôi khi rất giống nhau. Theo tôi, chỗ khác nhau căn bản là : trước đây, Bùi Giáng loay hoay mãi trong «dấu ngoặc» của ý thức, của cái tôi; sau nầy, ông tung hê hết, ông hòa nhập vào cái

chung của cuộc đời :

Ta quên như thể mình ta quên mình

(Tặng hai cháu Quỳnh và Na)

Ông trở thành dễ thương và tội nghiệp vô cùng :

Trái tim mỗi mới mỗi ngày
Mỗi giờ phút động mây trời rung rinh
Đường đi mất hút thình lình
Những khuôn mặt lạ những hình ảnh quen
Tạm nhờ men rượu nguôi quên
Niềm vui nỗi nhớ chênh vênh lạ lùng

(Đường quanh ngõ quẹo)

Ở khía cạnh nầy, có thể nói Bùi Giáng xóa nhòa ranh giới giữa cái tôi và cái ta, giữa cái riêng và cái chung : Hoặc rằng người cũng là tôi

Hay là tôi cũng là tôi như người
Ấy rằng tinh thể đười ươi
Lời rằng quyết tuyệt và tươi vui và
Ấy rằng một cũng là ba

Là hai mai một mốt là hôm nay. Xóa nhòa. Xóa nhòa ranh giới giữa các giọng điệu, giữa truyền thống và hiện đại, giữa thơ và phi thơ, giữa cái lý và cái phi lý, giữa

cái tôi và cái ta, cái riêng và cái chung, xóa nhòa mọi sự phân biệt, biện biệt; theo tôi, đó là những đặc điểm nổi bật nhất trong thơ Bùi Giáng. Bằng những sự xóa nhòa ấy, Bùi Giáng xóa nhòa luôn cả ranh giới giữa cái gọi là văn hóa cao cấp và văn hóa bình dân. Đồng thời, Bùi Giáng cũng xóa nhòa luôn cả tính chất nghiêm nghị, nghiêm túc với những khẩu hiệu ồn ào như «vị nhân sinh», «vị nghệ thuật» vốn kéo dài rất lâu trong văn học Việt Nam. Khác với các nhà thơ khác, lúc nào cũng nhăn mặt nhíu mày, lao vào thơ như lao vào một trận địa, kỳ khu và khắc khổ, lúc nào cũng khắc khoải sáng tạo ra cái mới, mà chưa chắc đã mới và chưa chắc đã hay. Bùi Giáng, ngược lại, làm thơ cứ như đùa như giỡn, như không phải đang làm thơ, vậy mà tự nhiên thơ lại trở thành bát ngát, lấp lánh và lộng sắc lộng hương. Mai Thảo kể : «ba chữ» vui thôi mà «là câu trả lời mơ hồ nghịch ngợm duy nhất của Bùi Giáng trước mọi tìm hiểu của (về ?) lực thơ và số lượng thơ không thể tưởng tượng được ở nơi ông», rồi bình tiếp : «thơ Bùi Giáng vui thật. Một vĩ đại vui» [38]. Theo Leslie Fiedler, sự xóa nhòa văn hóa giữa văn hóa bình dân và văn hóa cao cấp, và cùng với nó, việc đoạn tuyệt với chủ nghĩa đặc tuyển (elitism) và tính chất nghiêm cẩn (seriousness) là những đặc điểm chính yếu của chủ nghĩa hậu hiện đại

---

38 Mai Thảo (1994), bài đã dẫn, tr. 141

(postmodernism) [39]. Ở khía cạnh nầy, Bùi Giáng rất gần các nhà thơ hậu hiện đại.

Bùi Giáng còn gần gũi các nhà thơ hậu hiện đại ở một khía cạnh khác nữa : một số khá nhiều các bài thơ của ông là loại thơ không thể giảng. Susan Sontag cho một trong những đặc trưng lớn của chủ nghĩa hậu hiện đại là tính chất phản diễn dịch (anti-interpretation), là sự nhấn mạnh vào hình thức và sự trình diễn (performance) hơn là nội dung và ý nghĩa [40]. Chúng ta biết theo quan niệm của Ferdinand de Saussure, ngôn ngữ chỉ là một hệ thống ký hiệu, ở đó, mỗi đơn vị ký hiệu đều có hai mặt: cái biểu đạt (signifier) và cái được biểu đạt (signified). Cái biểu đạt là âm hoặc chữ viết. Cái được biểu đạt là ý niệm do âm hoặc chữ viết ấy gợi lên trong đầu chúng ta. Ví dụ, nghe âm» chó» (cái biểu đạt), chúng ta nghĩ ngay đến giống vật thường được nuôi trong nhà (cái được biểu đạt) [41]. Từ đó, người ta đi đến chỗ coi bài thơ cũng

39 Fiedler, L. (1975) «Cross the Border - Close the Gap: Postmodernism» in trong tập American Literature since 1900 do Cunliffe chủ biên, Sphere Books, London, 1975, tr. 344-366

40 Sontag, S. (1966), Against Interpretation and Other Essays, Delta, New York

41 Tác phẩm chính của Saussure, Cours de linguistique générale, in tại Paris năm 1916, sau đó, được dịch ra

là cái biểu đạt. Đọc thơ là để tìm kiếm cái được biểu đạt, tức ý nghĩa, điều ẩn giấu phía sau bài thơ. Với Bùi Giáng, cũng như với các nhà thơ hậu hiện đại, ngược lại, bài thơ là cái được biểu đạt chứ không phải là cái biểu đạt. Nói cách khác, bài thơ là bài thơ. Không có ý nghĩa nào ẩn sau bài thơ để chúng ta đào xới, tìm kiếm. Nó giống như một bức tượng đá. Bề mặt : đá; trong ruột: cũng là đá. Do đó, nếu hỏi ý nghĩa bài thơ Đạm Tiên tôi dẫn ở trên là gì ư ? Chịu ! ý nghĩa của nó là chính sự hiện hữu của nó, là bài thơ có nhan đề Đạm Tiên, vậy thôi ! Chúng ta không thể phân tích. Chúng ta chỉ cần nghiệm (experience). Đọc lần thứ nhất : chúng ta không hiểu gì cả. Đọc lần thứ hai : chúng ta vẫn không hiểu gì cả. Nhưng càng đọc, chúng ta càng nghe rõ, càng thấm, càng cảm cái nhạc điệu lầm rầm, lầm rầm của bài thơ. Nghe như thần chú. Như tiếng tụng kinh. Như lời cầu hồn. Chúng ta sống trong một không khí huyền bí, ma quái, không có gì rõ nét. Thì Đạm Tiên là một bóng ma mà ! Ở nhiều bài thơ khác, điều chúng ta nghiệm được

---

nhiều thứ tiếng và tái bản rất nhiều lần; một thời gian dài, ít nhất cho đến đầu thập niên 70, được xem như một tác phẩm kinh điển trong ngành ngôn ngữ học trên khắp thế giới. Về Saussure, có thể xem quyển sách giới thiệu rất hàm súc của Jonathan Culler, Saussure, Fontana/Collins, 1976

thường là sự bất lực của ngôn ngữ; chúng ta không hiểu vì chính nhà thơ cũng không thể diễn tả được những gì ông chỉ cảm nhận một cách mơ màng hoặc bằng trực giác hoặc bằng tiềm thức.

Chúng ta có thể gọi Bùi Giáng là nhà thơ hậu hiện đại được chăng ? Khái niệm hậu hiện đại, mặc dầu xuất hiện từ thập niên 30 và 40 với Frederico de Oniz, Dudley Fitts và Arnold Toynbee, được sử dụng khá nhiều tại Mỹ vào thập niên 50 và 60, trở thành thời thượng tại Âu Mỹ từ giữa thập niên 80 đến nay [42], vẫn

42 Về lịch sử thuật ngữ «chủ nghĩa hậu hiện đại», có thể xem : Bertens.H.(1986), «The Postmodern Weltanschauung and Its Relation with Modernism : An Introductory Survey» in trong Approaching Postmodernism do Fokkema, D & Bertens, H. biên tập, John Bengamins xuất bản tại Amsterdam, 1986, tr. 9-51; Best, S & Kellner, D. (1991), Postmodern Theory, Macmillan, Hampshire, tr. 1-33. Về chủ nghĩa hậu hiện đại trong lãnh vực văn học, có thể xem : Hassan, (1982), The Dismenberment of Orpheus : toward a Postmodern Literature, Oxford University Press, NY. ; Hassan, I. (1987), The Postmodern Turn: Essays in Postmodern Theory and Culture, Columbus; Spanos, W. (biên tập) (1979), Martin Heidegger and the Questions of Literature : toward a Postmodern Literary Hermeneutics, In-

còn khá xa lạ với giới cầm bút Việt Nam. Điều đó dễ gợi cho chúng ta ấn tượng chủ nghĩa hậu hiện đại là cái gì rất mới, chỉ gần đây thôi, gắn liền với máy vi tinh, chẳng hạn. Tuy nhiên, trên thực tế, khác hẳn. Danh sách các nhà thơ hậu hiện đại được Jerome Mazzaro phê bình trong quyển Postmodern American Poetry bao gồm W.H.Auden (1907-73), Randall Jarrell (1914-65), Theodore Roethke (1908-63) v... v... [43] Với Margaret E. Gray, ngay cả Marcel Proust (1871-1922) cũng là một nhà văn hậu hiện đại [44]. Chúng ta có thể gọi Bùi Giáng

---

diana University Press, Bloongton; Connor, S. (1989), Postmodernist Culture : an Introduction to Theories of the Contemporary, Basil Blackwell, Oxford, đặc biệt chương 4, «Postmodernism and Literature», tr. 103-131; McHale, B. (1986), «The Semantic and Syntatic Organisation of Postmodernist Texts» in trong tập Approaching Postmodernism, sđd, tr. 81-98; và Jameson, F. (1988), «Postmodernism and Consumer Society» in trong Postmodernism and its Discontents: Theories & Practices, Kaplan E.A. biên tập, Verso, London, tr. 13-29

43 Mazzaro, J. (1980), Postmodern American Poetry, University of Illinois Press, Urbana

44 Gray, M. E. (1992), Postmodern Proust, University of Pennsylvania Press, Philadelphia

là nhà thơ hậu hiện đại hay hậu» iện» đại (người vượt ra ngoài chủ nghĩa» iện» đại tại Việt Nam) hay» ậu» hiện đại (người ít nhiều - chứ chưa hoàn toàn - nhích ra khỏi chủ nghĩa hiện đại theo cách hiểu truyền thống tại Tây phương) được chăng ? Dù sao, vấn đề xác định danh xưng ở đây, tôi nghĩ, cũng không phải là điều quan trọng. Quan trọng hơn, chúng ta cần ghi nhận đóng góp lớn lao của Bùi Giáng : ông đã tiến một bước khá xa trên con đường hòa giải giữa thơ và hiện thực cũng như giữa nhà thơ và người đọc.

Nguyễn Hưng Quốc (Trích «Thơ, v. v… và v. v...»)

142. Bùi Giáng (7)

Một Số Bài Thơ Bùi Giáng

Ăn mặc nâu sồng

Thấy nàng ăn mặc nâu sồng
Bỗng mơ tưởng tới ruộng đồng hoang liêu
Lầu xanh dứt nhịp phù kiều
Tà xiêm bạo động tư triều giậy cơn
Nâu sồng ăn mặc sớm hôm
Đêm nằm ngó nguyệt sáng dòm song the.

Bao giờ

Bằng bút chì đen
Tôi chép bài thơ
Trên tường vôi trắng
Bằng bút chì trắng
Tôi chép bài thơ
Trên lá lục hồng
Bằng cục than hồng
Tôi đốt bài thơ
Từng giờ từng phút
Tôi cười tôi khóc bâng quơ
Người nghe cười khóc có ngờ chi không.

Cảm đề La Porte Etroite

Xuân Alissa
Em nằm với lá trong cây
Bữa hôm nay mộng thấy ngày hôm qua
Môi cười ở cuối sân ga
Phố nào cố quận xưa là tiễn nhau
Lệ vàng xanh mắt mai sau
Chùm bông tuyết mỏng pha màu vĩnh ly

Thu Juliette
Nguyên từ đức dũng có thừa
Âm thanh vội tạc giữa mùa hoài trông
Ngày mai cá sóng phiêu bồng
Ngàn trãng ngậm bóng sương đồng ra đi

Đào nguyên mù mịt mưa tuôn
Em sầu Tố Nữ, em buồn Tiên Nga
Ta về ngóng lại mưa sa
Giọt dài ly biệt nghe ra giọng chào.

Xe đò

Con xe đò chở người đi
Con xe đò cũng cùng đi với người
Rong chơi bốn biển tuyệt vời
Rong chơi ba góc biển trời dở dang

Người đi lạc mất con đàng
Con xe đò vẫn ngang tàng cứ đi
Một mình bốn bánh lăn quay
Nghìn thu như một phút giây hiện tồn.

Vì mệt mỏi nên học bài không thuộc

Vì buồn rầu nên làm thơ không ra
Vì phiền muộn nên trái bom không nổ
Vì trắng da nên Brigitte không già
Vì nàng da trắng nên ta
Nhớ nàng như thể phận ta da vàng
Đầu đuôi thơ viết lộn hàng
Hóa ra nét chữ lên đàng quẩn quanh.

Anh lùa bò vào đồi sim trái chín

Anh lùa bò vào đồi sim trái chín
Cho bò ăn cỏ giữa rừng sim
Anh nhìn lên trời xanh đỏ chín
Anh ngó bốn bề cây lá gió rung rinh

Anh nằm xuống để nhìn lên cho thỏa
Anh thấy lòng mở rộng đón trời xanh
Chim ngây ngất vào trong đôi mắt lả
Anh lim dim cho chết lịm hồn mình

Anh quên mất bò đương gặm cỏ
Anh chỉ nghe tiếng cọ rì rào
Có hay không ? bò đương gặm đó ?
Hay là đây tiếng gió thì thào ?
Hay là đây tiếng suối lao xao
Giữa giòng cỏ xuôi ghềnh chảy xuống ?

Mùi thoang thoảng lách lau sương đượm
Mùi gây gây gấy gấy của hương rừng
Mùi lên men phủ ngập mông lung
Không biết nữa mà cần chi biết nữa

Cây lá bốn bên song song từng lứa
Sánh đôi nhau như ứa lệ ngàn ngàn
Hạnh phúc trời với đất mang mang
Với bò giữa rừng hoang đương gặm cỏ
Với người ngó ngất ngây đương nằm đó
Không biết trời đất có ngó mình không

Áo xanh

Lên mù sương xuống mù sương
Bước xa bờ cỏ xa đường thương yêu
Tuổi thơ em có buồn nhiều
Hãy xin cứ để bóng chiều bay qua
Biển dâu sực tỉnh giang hà

Còn sơ nguyên mộng sau tà áo xanh

Sầu riêng châu chấu

Sầu riêng châu chấu năm xưa
Em về với ruộng cày bừa đã xong
Em về rắc cỏ vào trong
Vui về với hội trổ đồng đồng xanh
Sầu riêng gác bỏ sau ghềnh
Năm xưa châu chấu mang tên chuồn chuồn.

Bờ lúa

Em chết bên bờ lúa
Để lại trên đường mòn
Một dấu chân bước của
Một bàn chân bé con

Anh qua miền cao nguyên
Nhìn mây trời bữa nọ
Đêm cuồng mưa khóc điên
Trăng cuồng khuya trốn gió

Mười năm sau xuống ruộng
Đếm lại lúa bờ liền
Máu trong mình mòn ruỗng
Xương trong mình rã riêng

Anh đi về đô hội
Ngó phố thị mơ màng
Anh vùi thân trong tội lỗi

Chợt đêm nào gió bờ nọ bay sang

Anh về Bình Dương

Anh về đất rộng Bình Dương
Trái cây và lá con đường cỏ xanh
Môi người nắng ngọt vây quanh
Nụ cười Nam Việt yên lành bấy nay
Em về đẩy mộng lên vai
Chào xuân ngả nón bụi ngày gió ru
Mừng vui con mắt ngây thơ
Mây nghiêng như lệ pha mờ chiêm bao
Yêu nhau cảm động dường nào
Anh về đất rộng cúi chào Binh Dương.

Đi tìm

Ngậm ngùi gió nội lang thang
Theo nồng hơi thở miệng vàng chưa quen
Trời xuân xanh xuống hẹn rằng
Sớm sương đổi lục chiều trăng thay hồng
Ngõ về em có nhớ không
Bóng vang đầu nước hình lồng cuối hoa

Từ ngao ngán hạc bay xa
Lá ngang ngửa rụng cây già cỗi thu
Chợt dừng cõi bắc phiêu du
Niềm ly biệt hận dặm cù đá se
Chợt giòng hoài cảm ven khe
Từ trong hang thẳm giậy đè đầu non
Mùa mây trên tháng năm còn
Ngày vui thứ nhất trái tròn sơ nguyên
Dâu Tần ngả nhánh nghiêng nghiêng
Ôi người cố quận nhìn em phương nào

Đá lạnh

Chạy dài đêm sầu đông tất tưởi bóng ma cuồng quay loạn hồn chia cây lá chẳng nghe nhau mặt đất chân mây mơ màng xưa xuân vũ thiết tha gối mỏi con về

Người đóng cửa một lần xin hãy mở đèn khói kia hương thở mộng con tan. Người sẽ nhớ đời xưa giấc ngủ nọ canh chầy mười sáu tuổi khóc đêm. Người hãy quên chuyện người con gái đó còn đây con giữ đủ người mở xem con giữ được chừng nầy có nói lại người rằng có nói

Con khóc ở bên khe đá rêu in buồn giữa dạ tràn lan ngập nước sóng xanh sầu theo ủ rũ bên con cũng sẽ nói rằng tuổi đời con tới đó nghe sương trời bay lổ đổ bốn bên vây bốn phía một mình con ở giữa con gục đầu tảng đá lạnh kêu tên

Bờ xuân

Ánh sáng xa đâu gió cây mù mịt trăng trời vòng cửa khép tiếng sóng vỗ ngoài linh hồn lạc bước người em người chị người bạn người thù ngồi lại bên nhau

Vào sâu không đợi nữa mong chờ từ buổi đó nhầm lẫn rách nát xương da. Nhìn không nhớ mặt vui buồn gánh nặng đá và vàng son và phấn bên tơi bời cát bụi em ồ em ! xin nắm lại bàn tay

Bữa trước đi đâu ngày sau úa cỏ bờ tràng giang im lặng gió thổi từ đầu non ải người lưng ngựa yên cương hố thẳm vùi thây

Bữa trước đi đâu chạy nhìn không thấy chân và chân gối và gối xương mỏi mệt trong một ngàn nhịp bước trao lại cha ông. Một ngàn. Trăng

xanh đầu núi đếm lại giùm người nhắc lại với con

Ai ngồi một trăm vòng quay xa biết mấy đêm dài. Ngọn đèn dầu khóc sáng và chiều em chạy bên hàng ngò bụi ớt luống cải nắng hống vào trong tóc không khuây. Mùa xuân bữa trước mùa xuân bữa sau mùa xuân bốn bên trong hiện tại vây hãm tấn công đời hạnh phúc lạnh như băng không làm sao nhúc nhích

Nắm hai bàn tay lại khi một trời sao đỏ lấm tấm đập cánh bay qua

Bữa nay

Em về giữa hội chiêm bao
Em về giữa bão giông nào đưa tay
Nghiêng vai đầm lệ hai mày
Miệng cười em gượng bụi dày mang mang

Tấm thơ ngây lỗi muôn vàn
Chàng quên ý thiếp trên đàng giao âm
Nỗi riêng cuồng loạn đêm rằm
Trăng hoa ngang ngửa lá nằm đã trơ
Những nghe đôi đóa từng giờ
Khi vào bỏ vắng khi thờ ơ ra

Em người xa lạ em xa
Xanh ngần tượng số xưa là thiên nhiên
Tạ từ đất trích quay nghiêng
Âm cơ giới hận đảo điên bao giờ

Chào thu Lục Tỉnh

Trời thu dựng mây thu trời gió thổi
Trời thu vang em đứng đó nghe không
Con én liệng mùa xưa xuân nghẽn lối
Tâm tình em bối rối lệ lên hồng

Thu đô thị đã mây lần lừa phỉnh
Em cùng ta về Lục Tỉnh nghe không
Để nhớ lại lần xưa em đã định
Cùng ta đi ngó cỏ nội hoa hồng

Đây Mỹ Tho Cần Thơ Châu Đốc
Long Xuyên ơi và Sa Đéc em ơi
Trời kỷ niệm đi về trong đáy mắt
Thổi dư vang từ dĩ vãng xa vời

Thổi trăng núi từ Trường Sơn heo hút
Đèo Hải Vân con nai lạc trong sương
Con nai ấy xưa là «nai cao gót»
Em nhớ không trời đất vẫn như dường…

Ta dựng lại trời xuân trong chốc lát
Với thu mây mù xao xuyến nước xanh
Với ký ức của một thời ngan ngát
Em nhớ không ? em quên vội sao đành

Chào Lục Tỉnh thu về xuân nức nở
Ở trong cây trong lá ở bên sông
Giòng nước chậm chần chờ con sóng chở
Còn không em ? kỷ niệm ở bên lòng

Chiều

Em ngó buổi chiều buồn có phải
Buồn cũng như buồn những buổi chiều xưa
Tròng con mắt đã mỏi mòn có phải
Sắc của trời hương của đất lưa thưa

Những nhịp bước bên đường còn dội mãi
Vang về đâu không vọng lại hồi âm
Của réo rắt riêng một lần mãi mãi
Gió phương trời ù mộng giữa hoa tâm

Em hỏi mãi tuy biết lời đáp lại
Chẳng bao giờ thoả đáng giữa đời câm
Em ngó mãi những chiều về trở lại
Mang những gì về trong cõi trăm năm.

Chiều hôm phố thị

Chiều hôm phố thị
Em ngồi đếm lá bay chơi
Đèn khuya phố thị
Sao xưa sáng ở trên đồi cây rung

Những lời cũ kỹ
Một trời thu để nhớ nhung
Chuyện đời giản dị
Chiêm bao tay nắm vô cùng ngón tay

Chuyện đời có thế
Nỗi đời em có nhớ không
Em về đây để
Hồng nhan em hẹn hái bông cho đời

Một lần em lại bên người
Giữa ngày tháng bỏ năm trôi bên giòng
Mở hai hàng cỏ long đong
Mở hai môi mở tấm lòng xa xôi
Chiều hôm đếm lá cây rơi
Bên đèn phố thị thương đồi núi xa.

Vì sao khùng

Vì yêu dấu quá Nàng thơ
Với em vô tận nên ngơ ngẩn buồn
Thần tiên Thánh Phật bao dung
Hiểu lòng tôi lắm - tôi khùng vì thơ.

Nỗi lòng Tô Vũ

Kỷ niệm một đoạn đời 15 năm chăn dê
ở núi đồi Trung Việt Nam Ngãi Bình Phú

Đồi tăm tắp chạy về ôm chân núi
San sát đồi phủ phục quấn núi xanh
Chiều xuống rồi tơ lòng rộn ràng rối
Trời núi đồi ngây ngất nhảy dê nhanh

Thôi từ nay tha hồ em mặc sức
Nhảy múa tung sườn núi vút giòng khe
Thôi từ nay tha hồ em mặc sức
Vang vang lên đồi núi vọng be be

Những bận nào Tràlinh qua Dádừng Hòn dựng
Dùi Chiêng về Phườngrạnh ngược Kherinh
Bao lần anh cùng chúng em lận đận
Bôn ba băng rú rậm luống rùng mình

Những bận nào Quế sơn Rù rì con suối ngược
Nước trôi nguồn nước lũ xuống phăng phăng
Những bận nào mịt mùng mưa gió ướt
Đẫm thân mình co rúm lạnh như băng

Em nhớ hay không ? hồn hoa dại cỏ
Những ngậm ngùi đầu núi canh khuya
Vàng cao gót nai đầu truông hãi sợ
Gió cây rung trút lá mộng tan lìa

Nhưng từ nay Giáp Nam anh đóng trại
Cố định rồi - em khỏi ngại ngày đêm
Dưới nắng mưa tha phương du mục mãi
Cay đắng từng, bùi ngọt mặn mà thêm

Chiều hôm nay bên chó vàng chễm chện
Anh lặng nghe em bé hé bên sườn đồi
Khoanh mấy vòng tay anh thoăn thoắt bện
Vòng cho em từng chiếc sắp xong rồi

Chiều đã xuống em đà no nê chắc
Huýt tù và ! em xúm xít lại anh đeo cho
Mỗi chúng em mỗi vòng mây mỗi sắc
Lại mau đây ! to nhỏ cổ anh so

Này em Đen chiếc vòng vàng tươi lắm
Này em Vàng chiếc trắng há mờ đâu
Này em Trắng chiếc hồng càng lóng lánh
Này em Hoa Cà hỡi ! chiếc nâu

Ngẩng đầu lên ! dê ơi anh thong thả
Đeo vòng vào em nghển cổ cong xinh
Ngẩng đầu lên ! đây lòng anh vàng đá
Gửi gắm vào vòng mây nhuộm tơ duyên

Ngẩng đầu lên nhìn anh mờ mắt lệ
Từ lần đầu vòng ngọc tuổi hai mươi
Trao người em trăm năm lời ước thệ
Đây lần đầu cảm động nhất mà thôi

Vòng em xong, vòng anh dành riêng chiếc
Dành riêng mình - dê hỡi hiểu vì sao ?
Vì lòng anh luống âm thầm tha thiết
Gán đời mình trọn kiếp với Dê Sao

Nhìn anh đây các em Vàng Đen Trắng
Tía Hoa Cà lổ đổ thấu lòng chưa ?
Từ từ đưa chiếc vòng lên thủng thẳng
Anh từ từ đưa xuống cổ đong đưa

Và giờ đây một lời thề đã thốt
Nghìn thu sau đồi núi chứng cho ta
Cao lời ca bê hê em cùng thốt
Hòa cùng lời anh nghẹn nỗi thiết tha

Và giờ đây hoàng hôn mờ chĩu nặng
Bốn bề tràn lan bóng mịt mùng sa
Xếp hàng ngay nhanh lên hàng ngũ thẳng
Rập ràng về bế hế rập ràng ca

Ngủ dài

Nửa đời bỏ lạc thâu canh
Nửa linh hồn bỏ nước xanh lên bờ
Khổ đau về chẳng hẹn giờ
Hoang liêu phố rộng bước hờ hững đi

Nửa người xa lạ người yêu
Nửa thân thể náo động liều lĩnh xương
Môi cười trong lệ mù sương
Niu trang hồng hạnh thu hường đã phai

Chập chờn Nữ Chúa so Vai
Mộng chiều Hy Lạp ngủ dài miên man.

Nghe

Cúi đầu nghe tạnh
Mưa chiều rừng gió đi mau
Con đường trăng lạnh
Hang rừng bông rụng hoa đau

Cồn xưa cỏ mọc
Lá sông chảy xuống chân trời
Chảy lên mái tóc
Một mùa thu gục bên tôi

Người kia đứng lại
Nghe trời đẩy xuống hai vai
Con đường thơ dại
Còn đây lá cũ một vài.

Ngày tản cư

Vội đi trong phút dùng dằng
Nhìn khe nhớ suối suối hằng nhớ khe
Tóc buông hàng liễu hai bề
Xoã vai từ độ sơn khê điêu tàn
Phố phường dựng bóng góp vang
Suối khe hồi phục hai hàng liễu buông
Bóng vàng hoe ở cuối hương
Cây hằng trổ ngọn môi hường tà huy

Tiễn chân

Thác đi lên ngọn núi già
Sông đi cuối bến giang hà gọi nhau
Người đi vết tạnh mùa sau
Nguồn xô dạt sóng mưa mau bãi chiều

Chiều chiều (I)

Một toà hun đúc khói điên
Lửa cuồng u giậy thiên nhiên hoe vàng
Sơ khai hỗn độn hai hàng
Dâng tờ giấy lục buộc rang ngày qua
Chiều nay ở phố quan hà
Gửi phường kết tập quận nhà năm năm
Ghé qua lễ hội đêm rằm
Đốt tờ chểnh mảng u tầm tương ma
Đêm tàn mộng mị trời xa
Đêm dài bất tận hằng nga hội đàm

Phố thu dịch chuyển

Người sẽ bảo sự đời từ đó
Sẽ bắt đầu đó sự đời đây
Hồn con giế lên đường sương có dọ
Phố hoàng hôn thôn lục ở nơi này

Người sẽ bảo sông đi từ độ
Sông đã lam vì sóng lục đã lam
Bờ bên tía vàng hoe sương lục nhỏ
Giọt hoàng hoa thạch lựu đã lên đường

Chú sẽ bảo rằng bến lam bờ lục
Thím lên đường đi chợ phố phồn hoa
Phường ở phía bên kia sông uốn khúc
Ở trong hang con vịt gọi con gà

Con gà vịt con ngỗng trời con thỏ
Con dê choai hoa cà tía con hươu
Con buồn ngủ lên bờ tìm quán trọ
Gió đưa con du nhạc đón con tường

Con thuỳ liễu ở bên bờ đưa đẩy
Đón con em con út con bé choai
Con bồ bịch bâng khuâng con buồn ngủ
Con chiếu giường duỗi mộng khắp chiêm bao

Buồn Thu Phố suốt xuân xanh phơ phất
Sầu Phố Thu bến lục toả sương mờ
Xuân mười sáu suốt bến xuân chìm tắt
Một bài thơ gieo suốt tự bao giờ

Con ở lại ải quan làm cổ tái
Đón quan hà về quan ải cuối truông
Chờ con ngựa đầu thai về núi đá
Vách u hàn nham thạch rét run run

Nhìn xuống bến sông thu sầu Thu Phố
Mùa Dã Man hoa cỏ giậy hoe vàng
Rừng Cô Tịch từ đầu xuân đã dọ
Suốt tinh sương châu thổ hận khôn hàn

Tràng giang rộng ngược xuôi dòng lận đận
Sóng lim dim thu dẫn dỗ thu trùng
Thù tạc dạ tả diêu man dại mạn
Thảng như hà nha xỷ nhĩ như xung

Trùng ngữ tận chi ngôn chồn ngữ ngụ
Chồn Sa La về sa mạc đười ươi
Sầu Châu Chấu chết ruộng nương đồng lúa
Riêng một lần nói một lỡ mười mươi

Ôi con giế con dế mèn tự tử
Con giế xanh con giế lục giế vàng
Con tề vật trang chu con bướm bự
Con vô vi lão tử toét tuểnh toang

Con chó má nhà ma con bố láo
Con điêu tàn thy dựng bến trung niên
Con khỉ đột làm đười ươi áo não
Con võ vàng phế lụi trận mê điên

Con bịnh viện biên hoà cuồng dại mở
Con hàng rào chắn gió chận cây sương
Con nằm khóc nửa đêm sông bến dọ
Con xoay vần về nước đục khe mương

Bến tang hải bờ ta bà tả biển
Bến tang thương tưởng niệm Thệ Đa Rừng
Bến bờ bến bến lam sơn lục biển
Bến Sầu Đông man dại luống bao từng

Đêm buồn ngủ vẫn năm canh thao thức
Nhà ma ôi cửa quỷ gọi lên đường
Suốt bờ bến tràng giang xuôi ngược giục
Không bến bờ về đại hải vô phương

Sang mùa

Lục châu lục quận lục quần
Lục hồng lục tía lục từng đoá hoa
Thênh thang Lục Tỉnh Giang Hà
Thừa Thiên nhớ bến tỉnh Hà Năm Xưa
Tà xiêm phơ phất Gió Mùa

Áo cô thiếu nữ nô đùa Sang Xuân
Cuối năm sang bến chào mừng
Đầu năm nhớ mãi một vùng cuối năm

Sa mạc phát tiết

Em xin về giữa thiên thâu
Non ngàn lũng lạ nước đầu khe truông
Con chim sầu tuyết băng nguồn
Mở heo hút cỏ phơi truồng đá xanh

Trên vòm thời đại đi quanh
Bách quần quỹ đạo tan vành nguyệt hoa
Đổi hang hùm đuổi theo ma
Gãy đàn quỷ đực khóc òa quỷ nương

Em làm thôn nữ bờ mương
Dựng vòm cổng mọc cỏ vườn chăn hoa
Viễn phương là khách không nhà
Bó chân ngồi xuống nhìn ra thân mình

Chân trời trút lụy điêu linh
Kết vòng đổ quán xiêu đình rụng hiên
Đêm gầm bất tuyệt thiên nhiên
Càn khôn chết lịm dưới phiền sương gieo

Em xin về gót mang theo
Dấu sơ nguyên rộng mây trèo cửa thu
Duỗi thân thể muối sương mù
Ầm cơ giới hận thân tù chung thân

Thưa em trời chẳng cho gần
Đường vô hạn trắng tử phần ban trưa
Đêm vần vũ bạc phau xưa
Hồn sa mạc phát tiết mưa ra ngoài

Vớ vẩn

Đêm xuân phố chợ đông người
Riêng cô hàng xóm mua vui chùa chiền
Hoa xuân danh hiệu láng giềng
Mộng nghe hơi thở qua miền mây bay
Vu vơ ướm hỏi đêm dài
Tuần trăng hắc ám sau này ra sao

Thích Nhiên Thiêu

Cổng chùa lớp lớp khói un
Lửa khô hơn nước lửa buồn hơn tôi
Thể thân bồ tát thiêu rồi
Tụng kinh dưới đất trên trời mây bay

Lá cây thu

Tặng mặc khách Vũ Khắc Khoan

Đường thu lá dọc lá ngang
Lá xanh Chợ Chị lá vàng Phố Em
Lá thu đường dọc cỏ mềm
Lá vèo ngõ trước lá thêm lục hồng
Lá Chợ Lớn Lá Sài Gòn
Lá về Thủ Đức lá cồn dặm xa
Lá mơ màng cựu Trung Hoa
Gọi hồn kim nhật như hà khứ niên
Đào hoa nhân diện vô duyên
Tao phùng giải cấu tao điên mất rồi
Tao còn tao ngộ tao ngồi
Ngó ra Mặc Khách nhận rồi Tao Nhân

Kỷ niệm Biên Hòa bịnh viện

Nhe răng gấu mộng cập kỳ
Beo phiêu hốt gọi nhu mỳ hùm thiêng
Rằng nay ngôn ngữ vô duyên
Mở ra vô cố lời điên cập kè
Một thằng chập chững ngóng nghe
Vành tai nhị hội ai đè thế ru
Cô nương kiều diễm tạc thù
Tồn sinh lẽo đẽo sa mù đi quanh

Hoàng hôn vẽ bóng

Hoàng hôn vẽ mộng bùa lên sắc lá
Ôi Chiều Hôm, Ngươi vẽ lá hai hàng
Bình minh mọc lớp phiêu du về cuối
Gió quan hà tinh vũ tuyết quan san

Ta chắp nhặt mùi hương về quá khứ
Trả tương lai từ mật niệm khôn hàn
Về hiện tại lập tồn tương vãn tứ
Góp phù vân hồ hải kéo lên ngàn

Ta đã nhặt những mùa đông tháng giá
Ở dưới trời về thiên hạ xuân xanh
Người trao gởi bình minh xuân nơi má
Hồng nơi môi mắt lục liễu my mành

Ta đã hái từng cụm cây lãng đãng
Sầu phấn hương dị dị phất phơ xông
Ta đã nhặt nhành mai kia của đá
Và đã trao cho nham thạch phiêu bồng

Hai mắt ngó một lần cho một thuở
Đã nhìn muôn cho vạn một cho ngàn
Người đã hỏi hấp hô trong hơi thở
Đã điêu tàn sao vọng mãi dư vang

Buồng phổi giục phong lai về điền thổ
Và đã gào biển lục tới vân thiên
Về hội diện địa tầng đêm tịnh độ
Người có nghe suối tóc giục phi tuyền ?

Ta đã gọi chiêm bao về mộng mỵ
Chắp ân tình cho nghĩa rộng tinh sương
Về tuế nguyệt bước ngao du tận mỵ
Người có nghe tang hải réo vô thường ?

Ta chắp nhặt từng cơn mê cuộc tỉnh
Ta góp dâng từng trận đỏ phen hường
Xin từ giã ngữ ngôn tồn lập định
Và vĩnh ly tam lộ cuối con đường

Đêm Cố Quận

Nắng Sài Gòn

Nắng Sàigòn nắng Sàigòn
Nắng tuôn Chợ Lớn mắt tròn chị em
Mưa tuôn chợ nhỏ môi mềm
Giọt gieo đủng đỉnh đầu thềm cuối sân
Nắng mưa phố chợ về gần
Tóc mây nón úp mộng tần ngần xoay
Nắng vàng rộng ngực gầy vai
Nở nang vóc liễu sương cài hình dong

Chân mây réo rắt đèo bòng
O bồng gió giục ngược dòng nắng tuôn.

Bờ tồn sinh (I)

Trăm năm trong cõi sinh tồn
Cá bờ mương nhảy xô hồn xuống hang
Biết bao là gái lộn đàng
Nhớ nhung như nhớ lang thang mây chiều
Ôm đầu tức tưởi đổ xiêu
Cánh tồn hoa hoạt hiện nhiều lửng lơ
Một ngàn cỏ lá cồn trơ
Đẩy ngang ngửa nhịp nước cờ chiêm bao
Giấn thân thể giấn bước vào
Sịch mành sực tỉnh hàng rào chắn ngang

Bờ tồn sinh (II)

Bây giờ con chuột lạc đường
Trút dâu biển dưới gậm giường của em
Thấy trăng sáng ở ngoài thềm
Nhớ xa xôi những thác ghềnh đổ sông

Mùa ve mưa lũ kiếm chồng
Gánh nhan sắc nặng tấm mồng một giêng
Chàng heo hút đợi đầu hiên
Thiếp đờ đẫn đóa mộng huyền lắt lay

Điêu linh một cuộc ai bày
Bốn chân giường sập tội này tại ai

143. Du Tử Lê (1)

Du Tử Lê tên thật là Lê Cự Phách, sinh ngày 10/11/1942 tại Hà Nam. Học các trường trung học Trần Lục, Chu Văn An, và Đại học Văn Khoa, Sài Gòn.

Cựu phóng viên chiến trường, thuộc ngành Tâm lý chiến trong quân đội VNCH, sau làm thư ký toà soạn nguyệt san Tiền Phong. Năm 1969, tu nghiệp về ngành báo chí ở Mỹ.

Bài thơ đầu tiên đăng báo năm 1957. Năm 1973, được giải thưởng Văn chương Toàn quốc (của miền Nam), bộ môn thơ. Ông tỵ nạn chính trị tại Hoa Kỳ năm 1975.

Đã in 58 tác phẩm; tập đầu tiên là Thơ Du Tử Lê, in năm 1964, và tập mới nhất Tuyển tập thơ Du Tử Lê (1957-2013).

Tác phẩm trước 1975

Thơ :

Thơ Du Tử Lê (1964)
Tình khúc tháng mười một (1965)
Tay gõ cửa đời (1967)

Thơ Du Tử Lê 1967-1972 (1972) (giải Văn chương Toàn quốc, bộ môn thơ, 1973)
Đời mãi ở tận phương đông (1974)

Văn

Năm sắc diện, năm định mệnh, ký sự, nhận định (1965)
Chung cuộc (tập truyện, viết chung với Thảo Trường, 1969)
Mắt thù (1969)
Ngửa mặt, truyện dài (1969)
Vốn liếng một đời, truyện dài (1969)
Qua hình bóng khác, truyện dài (1970)
Mắt lệ cho người, truyện dài (1972)
Ở một đời riêng, truyện dài (1972)
Khóc lẻ loi một mình (1972)
Mùa hoa móng tay, tập truyện (1973)
Với nhau, một ngày nào, truyện dài (1974)

Truyện thiếu nhi

Mùa thu hoa cúc, truyện dài (1971)
Sân trường mắt biếc, truyện dài (1971)
Chú cuội buồn, truyện dài (1971)
Hoa phượng vàng, truyện dài (1971)

Sau 1975, in tại Hoa Kỳ

Tan theo ngày nắng vội, tập truyện (1984)
Thơ tình, love poems (1984)
Ở chỗ nhân gian không thể hiểu, thơ (1989)
Đi với về cùng một nghiã như nhau, thơ (1991)
Tôi với người chung một trái tim, tiểu thuyết (1992)
Chấm dứt luân hồi em bước ra, thơ (1993)
Nhìn nhau chợt thấy ra sông núi, thơ (1994)
…
Tuyển tập thơ Du Tử Lê (1957-2013), Người Việt, Hoa Kỳ, 2013.

Mai Thảo nhận định về thơ Du Tử Lê :

«Thơ Du Tử Lê ở ngoài nước hay hơn thơ ở nhà nhiều lắm. Điều đó chứng tỏ một sức thơ vẫn sung mãn, một lực thơ vẫn cường tráng, điều hiếm có này tôi chỉ thấy ở một tiếng thơ khác chúng ta có nhiều hy vọng gặp lại năm nay ở Hoa Kỳ là tiếng thơ Tô Thùy Yên».

Mai Thảo (Sổ tay, Văn, số 130, tháng 4/1993)

Cung Trầm Tưởng, trong bài nói chuyện tựa đề Ngôn ngữ và không gian thơ Du Tử Lê, tại Brian Coyle Center, ở Saint- Paul (Minoseta) ngày 18/5/1996, đã nhận định về thơ Du Tử Lê như sau :

«Nói về ngôn ngữ thơ của Du Tử Lê phải công nhận rằng Du Tử Lê đã tạo được phong cách riêng cho thơ của ông. Du Tử Lê đã tận dụng các dấu, gồm luôn cả dấu gạch chéo / slash, để xô đẩy câu thơ đầu tiên, dàn trải theo mạch thơ, về một phiá, để xác định tính chủ thể, khởi nguồn của bài thơ. Nhưng ở những câu thơ kế tiếp, Du Tử Lê lại xô, dạt chúng về một phiá khác, để làm bật lên những ý niệm khác. Chữ thứ hai xô đẩy chữ thứ nhất về nơi chốn cuối. Nó nằm yên ở đó. Nó không chết. Và với câu thơ kế tiếp hay tới khi cuối bàn thơ, chữ tưởng như bị chôn vùi, bị chết lại trở về, hoà nhập hay hoán vị với chữ đầu tiên…

Theo tôi, Du Tử Lê đã thành công với cả hai phần : phần mở vào bài thơ và phần khép lại bài thơ.

Chính vì thế mà khi ta đọc thơ Du Tử Lê, ta cảm thấy có một cái gì rất đặc biệt. Ta vẫn thấy thơ của ông, khác với thơ của những người khác. Nó khiến ta phải băn khoăn, phải thắc mắc. Phải quay lại phần khởi nguồn của bài thơ. Tác giả nói về một sự vật, nhưng đồng thời cũng là tiếng nói của chính sự vật đó.

Tôi gọi đó là «đặc tính phủ định» trong ngôn ngữ thơ Du Tử Lê.»

Văn Việt

144. Du Tử Lê (2)

Nguyễn Vy Khanh

Thơ Du Tử Lê

Nhà thơ Du Tử Lê (1942-) suốt hai giai đoạn văn học, miền Nam 1954-1975 và hải ngoại, đã có những đóng góp trong việc cách tân, thử nghiệm làm mới thi-ca qua chính sáng tác của mình, nhưng sự đón nhận hình như không được đồng đều và không được giới làm văn học nói đến một cách công bằng. Trước 1975, ông được giải Văn học nghệ thuật toàn-quốc năm 1973 với một phiếu đa số, theo báo chí thời bấy giờ thì hội-đồng truyển-trạch môn thơ thích thi-ca có vần điệu hơn là những cách tân kiểu của ông trong tập Thơ Du Tử Lê [45]. Bộ Văn Học Miền Nam của Võ Phiến chỉ có nhắc qua loa tên của Du Tử Lê hai lần, trong khi một bài thơ của một nữ sinh đăng báo Tết của một trường trung học ở cao nguyên đã được Võ Phiến ghi nhận như một đóng góp đáng ghi vào văn học sử [46]. Bù lại, từ hai

---

45 X. Tạp chí Văn Học SG, 179, 3-1974, số đặc biệt về giải Văn học nghệ thuật năm 1973. Ngoài ra có sự kiện một số giám khảo như Nguyên Sa đã rút tên để chống lại luật kiểm duyệt 007 lúc bấy giờ !

46 Võ Phiến. Văn Học Miền Nam: Thơ. Westminster

thập niên trở lại đây, đã có những nghiên cứu, trình bày và giới thiệu thơ ông. Trong số những nhà thơ Việt Nam hiện đại năng nổ làm mới thơ, Thanh Tâm Tuyền nổi lên một lần với thơ Tự-do trong một khoảng thời-gian ngắn rồi ngưng và sau trở về nguồn, Du Tử Lê đã liên tục thử nghiệm, canh tân, suốt cuộc đời làm thơ và có vẻ không lùi bước ! Ông muốn làm mới ngôn ngữ, biến hóa cấu trúc, cách đặt câu, chấm câu, làm mới cách diễn tả thơ (và văn) trên trang giấy, đem thị giác mới đến với thơ.

Thơ Du Tử Lê (1964), tác phẩm đầu tay của ông, không gây tiếng vang, tập thứ hai, Tình Khúc Tháng Mười Một xuất bản năm 1965 và thứ ba, Tay Gõ Cửa Đời (1967), bắt đầu gây chú ý, cho người thưởng ngoạn một số dấu chỉ rằng nhà thơ họ Lê muốn khai phá một con đường thi-ca khác lối đã quen, ở ngôn ngữ, ở cách diễn tả và ở những bất ngờ tình ý :

CA: Văn-Nghệ, 1999. Tr. 3117-3121. Trong cùng bộ văn học sử này, trường hợp thơ Thanh Nam trước 1975 cũng đáng đặt câu hỏi, vì thơ lưu đày của Thanh Nam sau 1975 mới là hiện tượng! Dĩ nhiên đã có nhiều thiên tài thi-ca từng nổi tiếng khi còn trên ghế học-đường, như Chế Lan Viên, Nguyễn Tất Nhiên, Sương Biên Thùy,… Chúng tôi ghi nhận ở đây một sự bất bình thường, một loại hiện tượng của sinh hoạt văn học người Việt.

«tôi từ đó nhỏ nhoi như châu chấu
như cào cào vỗ cánh chả bay xa
người yêu tôi là thảm cỏ mượt mà
khi tôi đậu nàng uốn mình cảm động
(…) tôi từ đó khật khừ như bọ ngựa
tình đam mê không dấu nổi mọi người
hồn đắm đuối làm sao che sự thật
tôi từ đó ải dòn như củi mục
như mảnh bom miếng đạn vỡ trên không
người tôi yêu đêm nước mắt đanh tròng
tôi chợt nhớ từ lâu đã già trước tuổi»

(Giao Khúc Tháng Sáu, Tình Khúc Tháng Mười Một).

Tập thứ tư, Thơ Du Tử Lê 1967-1972 xuất bản năm 1972 được giải Văn học nghệ thuật năm 1973. Tập gồm những bài thơ đầy bi phẫn đối với cuộc đời, cuộc chiến, tâm tình chán chường - những «con vi trùng không tên / đục rỗng tôi tự đó…» (tr. 109), tình ái bi luỵ hoặc hồn nhiên cao cả, tình riêng nhẹ bên cạnh tình quê hương đất nước. Bài Vỡ Lòng Cho Một Người Con Gái Mỹ nói lời tuyệt biệt người nữ Donna, như một khẳng định một chỗ để Về - trong vế Đi với Về, một ý thơ thân thương của ông : «Không bao giờ đâu Donna, Donna / dù anh có yêu em / hơn bất cứ một thứ gì trên dất Mỹ /

thì anh cũng vẫn trở về / anh vẫn phải trở về quê hương anh …» (tr. 71).

Tập thơ cuối xuất bản trong nước, Đời Mãi Ở Phương Đông (1974), đã cống hiến cho người thưởng ngoạn nhiều bài thơ hay và sau này được phổ nhạc. Có thể nhờ tình yêu, nhà thơ lạc quan hơn dù nỗi đau chung, thân phận chung vẫn không thoát khỏi được. Có những vần thơ tình yêu trẻ trung :

«Khi ta đến nhỏ ở đâu hỡi nhỏ
dưng lòng ta suối bỏ núi qua rừng
thương mắt nhỏ bóng chim buồn ngủ đó
tiếc gì nhau ? đời kể đã như không …».

Ra hải ngoại ông liên tục sáng tác và xuất bản các tuyển tập thơ : Thơ Tình (1984) gồm những sáng tác thời 1976-1984, Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu (1985-1989) với phụ tập trường khúc Mẹ Về Biển Đông(1989), Đi Với Về Cùng Một Nghĩa, Như Nhau (1991), Chấm Dứt Luân Hồi : Em Bước Ra (1993), Sông Núi Người Thơm Nỗi Nhớ Nhà (1996), Vì Em, Tôi Đã Làm Sa Di (2001),… Ngoài ra ông còn xuất bản những tuyển tập thơ song ngữ hoặc dịch ra tiếng Anh, như Nhìn Nhau Chợt Thấy Ra Sông Núi (1994), Chỉ Như Mặt Khác Tấm Gương Soi (1997), Hoa Nào Tin Quả Đắng Đến Không Ngờ ! (1999), Mẹ Về Biển

Đông, v.v. cũng như nhiều CD nhạc phổ thơ ông và một số tiểu thuyết, tuyển tập tùy bút, hồi ký và truyện. Các bài viết về Du Tử Lê và tác phẩm của ông được thu góp và in thành tuyển tập, những Du Tử Lê Tác Giả Và Tác Phẩm, đã ra đến tập thứ IV (2000), loại tuyển tập trước và sau ông ở hải ngoại có Nguyên Sa, Luân Hoán và Thái Tú Hạp.

Cách-tân thơ

Nhà thơ Du Tử Lê thử nghiệm một số biến cải thể loại lục bát mà ông đã bắt đầu trước 1975, ở hải ngoại ông đi xa hơn và lập luận làm nền cho chủ trương của mình. Trong bài viết «Vài nỗ lực canh tân thể Lục bát và quan niệm hoán vị / Conversion Concept» [47], Du Tử Lê cho rằng đời sống hiện nay như những mảnh vụn, nên sử-dụng những dấu chấm, phẩy để cắt vụn câu thơ. Chủ trương tiếp là dùng dấu gạch chéo slash / tức gạch đi tới trước, còn để cho phép người đọc đổi vị trí chữ theo ý riêng. Đây là ý niệm hoán vị (conversion concept) làm nhịp đi của câu thơ được ngắt lại; tính và chiều đi tới của câu thơ được cởi bỏ để thơ có tự do chuyển động hai chiều và hoán vị, - tức «thay đổi vị trí

47 Du Tử Lê. «Một vài nỗ lực cách tân thể lục bát và quan niệm hoán vị / conversion concept». Tuyển Tập Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng, 2, 1997, tr. 209-219

trước đây vốn cố định», người đọc tự do đổi vị trí các chữ hoặc nhóm chữ đứng trước gạch chéo đến một vị trí khác trong câu thơ nếu muốn. Với ý sau này, ông tạo cơ hội cho người đọc thực sự trở thành tác giả thứ hai [48]. Du Tử Lê chủ trương gạch slash / nói là để tạo cảm thông, chia xẻ; một chữ hay một nhóm chữ sẽ hoán đổi vị trí trong câu, di chuyển theo hai chiều thuận nghịch. Tiếp đó, ông đi xa hơn nữa khi đề nghị đổi Chủ thể (Subject) với Khách thể (Object) về ý nghĩa trong câu viết. Ông dẫn thử nghiệm trong Sông Núi Người Thơm Nỗi Nhớ Nhà là tập có nhiều áp dụng này :

> «tình yêu / đường xá / ghế, bàn / ngọn đèn / đêm tối :
> hát cho tôi nghe
> bởi chúng thấy tôi
> vật lãng quên, lớn nhất»
>
> (tr. 83).

---

48 Trong bài đã dẫn ở chú thích 3, ông viết «độc giả thứ hai» nhưng khi trả lời phỏng vấn của Nguyễn Mạnh Trinh in trong Du Tử Lê Tác Giả Và Tác Phẩm Tập 2 (Santa Ana, CA : Nhân Chứng, 1997, tr. 102) và trong tùy bút «Yêu dấu, cần chăng, một lời nào, khác, nữa?» (Thế Kỷ 21, 156, 4-2002, tr. 85-93), ông ghi là «tác giả thứ hai». Có thể bản Tuyển Tập 1997 in sai !

Cuối cùng là chủ trương thay-thế giới-tự (preposition) với thí dụ «Rừng / tôi / sâu / thở / nốt chân trời» (Chấm Dứt Luân Hồi : Em Bước Ra), trong đó ba chữ Tôi / Sâu / Thở có thể đổi vị trí để thành những câu và ý nghĩa khác câu nguyên bản.

Để ngắt lại nhịp đi của câu thơ và cách tân lục bát, ông chủ trương sử-dụng các dấu có sẵn như phẩy, chấm, để tạo cho câu lục bát những «nhịp lẻ, nhịp chỏi» khác thường và bất thường khác nhịp đã quen - nghĩa là đều, chẵn và cân đối. Kế đó là ý kiến «chẻ chữ để thêm nghĩa» như đau, khổ; buồn, rầu; như «chia, ly; khô, héo» : «Sương, trần thân mây chia, ly / nhập chung nỗi chết : sầu khô, héo về» (Khúc 19 Tháng 9, Chấm Dứt Luân Hồi : Em Bước Ra, tr. 50). Thứ ba, bỏ âm trắc ở chữ thứ tư,… mà câu tiêu biểu thường được nhắc nhở là «tôi Lê. Lê. Lê. Lê nào ?», ở đây câu sáu chấm dứt bài Tôi Nào ? (Sông Núi Người Thơm Nỗi Nhớ Nhà, tr. 112). Hay :

«Và, ngày cù sương : bay lên / nắng thâu phế liệu; em truyền nhiễm, thơ / (…) và chiều cù ta : chìm, rơi / ai / vai / bồ tát / tim / ngồi ghế sau» (Sông Núi Người Thơm Nỗi Nhớ Nhà, tr. 60).

«… tôi ngồi, lưng mỏi thân xiêu
nhủ tôi cơm áo còn nhiều đắng cay

tôi ngồi, tôi gọi : Lê ơi
bỗng nghe tiếng vọng từ đồi nghĩa trang
tôi ngồi, tôi ngắm tôi tan,»

(Khi Trở Lại Làm Việc Ở Collins Radio, Thơ Tình).

Bài thơ chấm dứt ở câu sáu và với dấu phẩy.

Ngoài thể lục bát, họ Lê thử nghiệm cả cho những thể thơ tự do hoặc bảy chữ (chân tiếng), như biến đổi với cách ngắt câu, chấm câu, dùng dấu gạch ngang, gạch nối và những ngoặc đơn :

«riêng em biết : tôi, đêm và quá khứ
đã chia thành trận tuyến mỉa mai
biển ký ức lồi, cong : người cận ảnh
lá / hình dung / cây / : - chỗ kín nào ?
riêng em biết : linh hồn tôi khẩm nước
thuyền / thịt xương khôn chở hết chiều, / bầm/ (…)»

(Riêng Em Biết : Tôi Chưa Hề Có Tuổi Khi Yêu Người Tôi Mới Lớn)

«(...) ai nhan sắc ? - Cầm trên tay Thánh Giá
trả Giáo Đường câm lặng, tắt theo kinh
đôi hàng ghế uy nghiêm chờ hối cải
cửa tôi buồn. Bưng bít. Phúc Âm
ai nhan sắc ? - Như một lời chúc phúc

giữa-chiều-em : quân dữ bỗng quy hàng
tên ngoại giáo gửi xác, hồn lại Chúa
đưa nhau đi : dựng một Giáng Sinh, nàng».

(Đưa Nhau Đi : Dựng Một Giáng Sinh, Nàng).

Họ Lê áp dụng thơ «biến dịch» (interactive poetry / self-serve, một cách nói khác của hoán vị) ở lục bát vô các thể loại khác, để ngắt, đổi vị trí các chữ trong câu, để có thể có nhiều cách đọc ngược xuôi khác nhau :

«Mây kiệt sức kéo chiều lên đỉnh núi
Mặt trời rơi, hẫng, nhớ nhung / đen /
Cát xúc động xô sông về / mắt / cuối /
Sóng lênh đênh / oải / muộn / lãng quên, quen.
Dẫu điểm đứng chỗ nào trong vũ trụ
Em cách gì một lúc : - ở hai nơi
Chỉ tôi biết : - tôi vô cùng loãng, nhẹ
Sống phân thây từng miếng / vụn / hôi / mùi
Búp nghi hoặc : - có chăng đời lá : chết !
Hoa nào tin quả đắng đến không ngờ…».

Hoặc : «em, thanh tẩy : mối sầu / tôi / đóng váng
như môi người thánh hóa tiếng kêu, riêng
ngực thánh hóa một lần, tôi, sáu ngón
ấu thơ trôi, tay ở lại lưng, gần
Em, thanh tẩy : cây đời / tôi / giả dạng

(như vai người mang nắng, biển đi, xa)
(…) em thánh hóa tim tôi : bằng hạt lệ»

(Khúc Tháng Sáu).

Các dấu / : - (), của Du Tử Lê là một thử thách cho người đọc - tức không phải là tác giả ! Cũng như tựa đề nhiều bài thơ mà thứ tự đứt đoạn, viết tắt, danh xưng người được tặng gửi cũng nhảy nằm trên tựa !

* * *

Nhìn chung, các hình thức mà Du Tử Lê thử nghiệm chưa đủ thuyết phục giới thưởng ngoạn thi-ca, ngoài lối châm câu bất ngờ và sự sử-dụng những dấu gạch đi tới /. Thơ là một văn bản, một toàn thể, do đó có thể tạo thành với ý, nhạc tính và cả thị giác. Những thử nghiệm của Du Tử Lê nhắm cải đổi chân điệu (âm-điệu, pied rythmique) và số tiếng (âm-tiết, chân tiếng, pied-mot) trong câu ở thơ cũ vốn đều đặn, nhất định, nay sẽ biến đổi khiến thơ có nét bất ngờ và mới ! Xưa nay vần cho âm-điệu, nhưng âm điệu có thể có mà không hẳn cần đến vần, âm điệu sẽ tự do, đa dạng. Một số người làm thơ trẻ thời 1995-96 đã phê bình họ Lê làm xấu phần hình thức với những dấu gạch tới [49]. Nhưng nay với

49 «Về thơ Tương-tác của Du Tử Lê». Tuyển Tập Văn-Học Nghệ-Thuật Liên-Mạng 1, 1996, tr. 56.

những thử nghiệm Tân Hình Thức và thơ cụ thể gần đây, những dấu gạch chéo slash / của Du Tử Lê không còn là trở ngại, nếu không dùng thái quá.

Tiếng Việt có những đặc điểm mà ngôn ngữ nước khác không có. Du Tử Lê cho người đọc cảm tưởng ông dùng ngôn ngữ Việt làm vật liệu để thí nghiệm với cấu từ pháp và tính riêng của tiếng Anh-Mỹ - chúng tôi không tìm thấy dấu vết ảnh hưởng văn hóa và ngôn ngữ Pháp trong thơ ông. Theo thiển ý, ngôn ngữ Việt Nam, nói cũng như viết, đang có một số thử thách và khủng hoảng, vì hoàn cảnh chiến tranh, lịch sử, phân cách địa lý Nam Bắc, trong-ngoài nước. Trong nước áp đặt nhiều từ vựng Trung quốc để diễn tả những chuyện mà tiếng Việt thuần đã có chữ để dùng - y như Nam-Phong tạp chí thời thập niên 1930 sử-dụng tiếng Hán bác học để dịch và dùng thay thế những chữ nôm na đã có trong tiếng Việt, đã trừu tượng hóa ngôn ngữ triết và khoa học. Bên cạnh đó, các nhà văn thơ không ngừng canh tân, nghệ thuật hóa ngôn ngữ, nhất là khi vì tình cờ của lịch sử, đã được tiếp xúc với văn hóa bản xứ các nước tạm dung hay quê hương mới.

Du Tử Lê là một trong những nghệ sĩ liên tục thử nghiệm ngôn ngữ thi-ca - cũng như văn xuôi. Nhiều tựa tác phẩm (Vốn Liếng, Một Đời; Với Nhau Một Ngày

Nào; Đi Với Về Cùng Một Nghĩa, Như Nhau; Vì Em, Tôi Đã Làm Sa Di; Em Và, Mẹ Và, Tôi Là Một Nhé; Chấm Dứt Luân Hòi : Em Bước Ra; …) cũng như tựa những bài tùy bút, tản mạn của ông - ngoài những dấu chấm, phẩy, gạch còn có những mã hiệu, mã tự viết tắt tên người, khiến không dễ theo dõi, nếu không từ tiên khởi, chấp nhận trò chơi chữ nghĩa của ông hoặc ở trong quĩ đạo ngôn ngữ của ông ! Tuy nhiên, Du Tử Lê nhiều khi cố tình ghi dấu chấm ở những tựa đề không cần thiết, như «Yêu dấu, cần chăng, một lời nào, khác, nữa ?» [50], nếu bỏ hết dấu, «Yêu dấu cần chăng một lời nào khác nữa ?» cũng chỉ nói lên một nội dung mà còn chứng tỏ khả năng gợi cảm và đơn mà đa dạng của câu văn tiếng Việt, không cần chia động từ quá khứ tương lai hiện tại cũng không cần bỏ giống và bỏ số ! Cùng trường hợp với các tựa đề Đi Với Về Cùng Một Nghĩa, Như Nhau; Vì Em, Tôi Đã Làm Sa Di; Thơ Tình, Gửi Yêu Dấu, Đầu Thiên Kỷ, Mới ; v.v. ! Những dấu phết,

---

50 X. Du Tử Lê. «Yêu dấu, cần chăng, một lời nào, khác, nữa?» (Thế Kỷ 21, 156, 4-2002, tr. 85-93). Trong bài tùy bút này, Du Tử Lê kể lại kinh nghiệm đặt tựa nhiều chữ hoặc bỏ dấu khác thường của ông trong sáng tác thơ cũng như truyện, trước và sau 1975, đã bị phản đối, phê bình thế nào, cũng như kinh nghiệm làm thơ với những dấu gạch chéo slash / .

hai chấm,… không cần thiết ở tựa đề. Riêng cái tựa Em Và, Mẹ Và, Tôi Là Một Nhé họ Lê viết cố tình bỏ dấu và từng bị phê sai cả ngữ pháp [51], những kỹ thuật có thể gây ấn tượng nhưng nếu viết không bỏ dấu còn hàm xúc thêm ý nghĩa ba trong một - ông đã đánh mất cái tinh túy đó ! Tựa này và tựa Người Nhón Gót : Thả Điều Chưa Nói Hết,… (2002), v.v. thì quả thật, hơi quá! Hơn nữa các bài giới thiệu và phê bình phần nhiều viết sai tựa mà họ Lê đã cố tình đặt cho những tác phẩm ấy! Riêng thử nghiệm thay đổi vị trí tiên khởi để có vị trí mới mang âm hưởng và ý nghĩa khác tùy theo suy nghĩ, ý tưởng của người đọc qua câu thí dụ «rừng / tôi / sâu / thở / nốt chân trời» thì các nhà ngôn ngữ học Việt Nam đã nhiều lần dẫn thí dụ để chứng minh cho sự phong phú và tính hoán chuyển tài tình của ngôn ngữ Việt.

Câu thơ của Du Tử Lê còn thêm khía cạnh vì đánh dấu nhiều, «hà tiện» chữ hoặc cố tình để dư thừa chữ, có thể vì muốn cách tân nhưng cũng có thể vì động cơ làm dáng, khiến câu thơ trở nên mơ hồ, tối nghĩa hoặc thiếu chất khẳng định - trong các tùy bút và văn xuôi khác, tính chất này còn rõ rệt hơn nữa ! Ngoài những bài với nội dung rõ rệt như sẽ phân tích trong phần sau, thơ «cách tân» của ông có thể thích hợp cho thử nghiệm và suy nghĩ làm mới, nghệ thuật thuần túy ai muốn hiểu

51 Du Tử Lê. Bđd, chú thích 6, tr. 90

sao thì hiểu, hơn là thích hợp cho học đường, cho việc nghiên cứu ngôn ngữ Việt - là những môi trường cần mẫu mực ! Trong bài «Yêu dấu, cần chăng, một lời nào, khác, nữa ?» viết gần đây nhất, 2002, Du Tử Lê tỏ ra lạc quan với các thử nghiệm của ông, nhưng thiển nghĩ, phần lớn các kỹ thuật làm mới của ông sẽ có thể khiến tiếng Việt rỗng nội dung, mất hồn, vong bản và dần mất đi những cái độc đáo riêng của tiếng Việt. Có thể nói ở một trình độ nào đó, chủ trương của Du Tử Lê khiến ngôn ngữ Việt Nam phần nào sẽ trở thành một loại chữ á-rập - ví dụ kinh Coran có nhiều cách đọc và hiểu, người đạo Hồi quá khích sẽ đọc Coran khác Salman Rusdie (The Satanic Verses), người trí thức đọc và hiểu khác dân giả chỉ tụng kinh, v.v. Các nhà ngữ học từ trước nay với nhiều phương-pháp và tiếp cận, đều muốn phân tích và hệ thống hóa tiếng nói của người Việt, ngữ-nghĩa và ngữ-dụng đều được xem là quan trọng. Nghệ sĩ và văn nhân cũng như mọi tầng lớp dân chúng, mỗi ngày, mỗi thời đại và mỗi miền, đều đóng góp liên tục cho gia tài ngôn ngữ sung túc và thẩm mỹ hơn. Dĩ nhiên những lập dị, hoặc không được số đông nhìn nhận hoặc sử-dụng, sẽ biến mất !

Những cách tân và thử nghiệm của Du Tử Lê có tồn tại với thời gian không hay rồi cũng như những cách tân hình thức của Nguyễn Vỹ thời tiền chiến và những thử

nghiệm của thơ cụ thể, sự vật và Tân Hình-thức của các nhà thơ khởi đi từ hải ngoại cuối thế kỷ XX ? Chúng tôi nghĩ Du Tử Lê sẽ còn được nhắc đến như một nhà thơ có nội dung và có thi tính đặc biệt. Một số chủ đề được Du Tử Lê khai thác như đời lưu vong, ánh sáng mãi ở phương Đông, tôn giáo,… là những đề tài hợp tâm thức nhiều người đọc !

Nội-dung và thi-tính

Từ những năm 1973, thơ Du Tử Lê đã đụng đến Hư vô, bằng chứng qua Một Bài Thơ Nhỏ :»Người về như bụi / vàng trang sách xưa / người về như mưa / soi tìm dấu cũ / Tôi buồn như cỏ / một đời héo khô / tôi buồn như gió / ngang qua thềm nhà / thấy ai ngồi đợi / bóng hình chia đôi / sầu tôi lụ khụ (…)». Cuộc tìm kiếm cái Tôi đó, liên lũy : «Như con chim bói cá / Trên cọc nhọn trăm năm / Tôi tìm đời đánh mất / Trong vũng nước cuộc đời. / Như con chim bói cá / Tôi thường ngừng cánh bay / Ngước nhìn lên huyệt lộ / Bầy quạ rỉa xác người… (Khúc Thụy Du).

Hư Vô vì hiểu cả cái Ta chỉ là hạt bụi. Trong cuộc tìm kiếm chính mình, chính bản chân diện mục, cái Tôi sâu thẳm và thực, có khi nhận ra cái Tôi bị động, tan nát, vì tâm động chẳng hạn :

«cõi tôi, cõi nát, cõi tàn
cõi hoang mang, vội, cõi bàng hoàng, qua
cõi vui thân thể cỗi già
cõi lang thang mượn mái nhà hư không
cõi xanh, cõi lạnh, cõi cùng
cõi con muốn bỏ, cõi chồng vợ, xa
cõi em muốn dạt chân về
cõi đau nhân thế, cõi thề thốt, quên
cõi nào, cõi thật, tôi riêng ?
cõi đêm máu chảy, cõi thương nhớ trùng
cõi tôi, cõi mịt, cõi mùng
thôi em có ghé xin đừng nghỉ lâu
cõi đời đó, có chi đâu !»

(Cõi Tôi, Thơ Tình tb 1996, tr. 139).

Những tra vấn trở thành thường trực, tác giả dùng hình ảnh cụ thể, hiện thực để chạm đến cõi siêu hình :

«tiền thân tôi ở cõi nào
tiếng kêu lay lắt dạt dào lời thưa
bóng ngồi cuối dốc nghe mưa
trên không cánh vạc bỗng ngơ ngác nhìn
(…) hôm nay tôi bỗng nghi ngờ
tiền thân tôi phải bóng cờ trong sương ?»

(Tiền Thân).

Kiếm tìm buồn bã đó sẽ ngừng lại ở Cái Chết, đề tài đi về nhiều lần trong thơ Du Tử Lê :

«Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển
đời lưu vong không cả một ngôi mồ
vùi đất lạ thịt xương e khó rã
hồn không đi sao trở lại quê nhà
Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển
nước ngược dòng sẽ đẩy xác trôi đi
bên kia biển là quê hương tôi đó
rặng tre xưa muôn tuổi vẫn xanh rì
(…) Khi tôi chết nỗi buồn kia cũng hết
đời lưu vong tận tuyệt với linh hồn»

(Khi Tôi Chết Hãy Đem Tôi Ra Biển, Thơ Tình, tr 94-96).

Một cái chết non, tức tưởi, vì trang sử bị xé, vì cuộc sống đọa đày chịu bao đứt đoạn, chia lìa ! Ý thơ lạ lẫm, mấy ai đã dám nói đến cái chết khi đang yêu sống, ngoại trừ những kẻ lưu vong tuyệt vọng. Những dặn dò cho ai không nói rõ, hay cho con người, cho đồng loại, những người cùng thế hệ, cùng chung phần nào quá khứ và thương đau !

Trong tập Thơ Du Tử Lê 1967-1972 xuất bản trước 1975 có bài Vỡ Lòng Cho Một Người Con Gái Mỹ, Du

Tử Lê đã nói lời tuyệt biệt người nữ Donna khi có dịp sang Hoa-kỳ tu nghiệp, tuyệt biệt vì tiếng gọi quê nhà. Nay quê nhà phải tử biệt vì có thể đến chết vẫn chưa có thể quy hồi cố hương. Thành thử sống bí lối, xác thân khi chết may ra có mỗi phương tiện bỏ tro hay bỏ xác trôi hy vọng biển mênh mông sẽ đẩy về biển đông !

Trước 1975, Du Tử Lê đã có một số sáng tác nói đến cái chết như bài Lúc Người Chết trong tập Thơ Du Tử Lê 1967-1972, nhưng cái chết ở đó trừu tượng, chung chung, không đặc thù như khi ông viết trong tình cảnh lưu vong tập thể ! Nhà thơ bi quan, hay băn khoăn ở vào thế kẹt, đối với người yêu, với đời, ông ngập ngừng giữa Đi với Về qua tập Đi Với Về Cùng Một Nghĩa Như Nhau và ở nhiều bài khác !

Tâm thức Lưu Vong gắn liền với cái Chết, vì không gian đã khác và thời gian lưu vong trước hay sau gì cũng vậy thôi, cũng cùng hoàn cảnh đổi đời, mất cả quá khứ hay cứ tưởng rằng hãy còn vướng vất chút nào đó :

«(…) Chính vì tan tác nên nhăng nhố
đến cả sân chơi cũng bẩn rồi
Cố mà chơi nốt trò chơi dở
đến lúc đi thì đi thảnh thơi.
(…) đừng buồn ta nhé. Nghe, ông bạn
- ta sống như là xác chửa chôn

có đâu tổ quốc mà than thở
ngựa nhỏng bờm bay cùng âm dương
nhớ lấy từng hồi chuông báo tử
rộn rã từ lâu. Đừng giả lơ
thiên đàng ? Địa ngục ? Rồi sao chứ ?
Sống tựa ma hời. Chết cũng ma…»

(Lưu-Vong Khúc, ĐVVCMN, NN, tr. 111).

Vui sống sót nhưng buồn nhiều hơn vui, buồn đến trở thành quay cuồng. Trong tình cảnh đó, những hội ngộ bạn hữu là những cơ hội lớn để nhìn thấy lại quê nhà, dù trong đớn đau :

«(…) nhìn nhau chợt thấy ra sông núi
có chút gì nghe rất thốn đau
hẹn bay về chết trong tay mẹ
tổ quốc nghìn năm bỏ được sao ?»

(Nhìn Nhau Chợt Thấy Ra Sông Núi).

Nỗi nhớ nhung quê nhà đó sẽ da diết, trong từng sự vật cụ thể, nhỏ nhoi :

«… Nhớ nghĩa trang quê hương bạn bè
Nhớ pho tượng lính buồn se bụi đường
Đêm về theo vết xe lăn
Tôi trăng viễn xứ sầu em bến nào ?»

(Đêm, Nhớ Trăng Sài-Gòn).

Hội-nhập trở thành dị ứng với Du Tử Lê, dù ông thử nghiệm và cập nhật thi-ca theo trào lưu Âu-Mỹ. Ông sống quá khứ xuyên suốt qua cuộc đời hiện thực hôm nay !

Tình Yêu là một đề tài lớn đối với Du Tử Lê. Tình ở ông đa dạng, thường trong tình cảnh éo le, bất ngờ. Ở ông, hệ luỵ dục tình có mặt nhưng khá mờ nhạt bên cạnh những cao cả, tuyệt vời của tình yêu. Có lúc nhà thơ âu yếm gọi người yêu là «nhỏ» : «Khi ta đến nhỏ ở đâu hỡi nhỏ / dưng lòng ta suối bỏ núi qua rừng …»; «Anh đã hứa em an lòng hỡi nhỏ / ta sẽ về tới chốn của riêng nhau …» (Đời Mãi Ở Phương Đông); «… Con sóc nhỏ mang hồn lên núi lạ / ta chim rừng cánh đã mỏi thương đau / hương cỏ dại mát chân người ngà ngọc / em bảng đen vôi trắng giết đời nhau (…)» (Thơ Cho Nhỏ).

Tình yêu nhẹ nhàng, chút ngây thơ, nhiều mộng, với cánh bướm và tiếng con dế hát :

«…Ta ở đó đời ta không có tuổi
em sẽ thành cánh bướm lúc mơ vui
em sẽ thành con dế lúc khuya nguôi
cất tiếng hát … phân ưu tình ai dang dở»

(Đời Mãi Ở Phương Đông).

Kẻ nòi tình tự hứa biến thành ngọn lửa để sưởi ấm người tình và sẽ biến thành vần điệu nếu nàng muốn có thơ tô điểm cho đời :

«… Khi em lạnh tôi biến thành ngọn lửa
củi thương yêu. Than đỏ hực ân tình
em cần thơ cho sáng dậy thơm hơn
tôi lập tức hóa thân thành vần điệu
(…) Hiến Chương viết ngày tình yêu vô lượng
của hai người ? - Vâng, của chúng ta thôi
mặc ai cười ? mặc ai đó bĩu môi
họ ghen đấy. Bởi em là Thánh Nữ
Ta sẽ chết. Nhưng tình ta bất tử
vì mở đầu nhân loại : cuộc chơi riêng»

(Hiến Chương Tình Yêu Ngày 14-2, ĐVVCMN,NN, tr. 11, 14)

Bên cạnh «cuộc chơi riêng», hiếm, nhưng họ Lê có những lời tình cha con cảm động :

«cho con một góc mộ phần
cõi an vui rất cận gần với cha
cho con một góc mù loà
trái cây nhân thế chát lè môi non

cho con một chút núi sông
(chút thôi cũng đã buồn muôn năm rồi) (…)»

(Thơ Ở Du Và Chó Xù).

* * *

Đến chốn linh thiêng, thoạt nhìn có người sẽ cho rằng Du Tử Lê ngạo mạn khi thần thánh hóa một số người tình của ông thành «em vô nhiễm», «Thánh nữ», «từ mẫu», «Mẹ» viết hoa, «Bồ Tát», Phật, v.v. Nhưng cũng có thể xem Du Tử Lê là một con người hèn mọn, tội lỗi nhiều do đó đã tìm đến những đấng thiêng liêng, dù có khi hãy để lộ nhiều dùng dằng, phật ý. Nhiều lần ông tự nhận ông là «tên ngoại giáo», kẻ «từ chối chọn thiên đàng», là Giu-đa kẻ đã bán Chúa đổi lấy một nén bạc vô nghĩa và cuối cùng làm «kẻ tân tòng» «tôn thờ một Chúa» ! Tất cả cũng chỉ vì yêu, qua người yêu ! Tình yêu có khi cao cả, quá tầm tay hay không giữ được lâu, thành huyền diệu, cao quý. Nhìn chung, ông có một tâm hồn rất Việt Nam, ở phẩm tính tổng hợp và cởi mở đối với các tôn giáo và giao thương địa lý, nhân tình !

Tuyên ngôn tình yêu thấm đượm tín ngưỡng đã được Du Tử Lê công bố lần đầu qua bài Phúc Âm Nàng trong tập Thơ Du Tử Lê 1967-72. Người yêu Thụy Châu đưa nhà thơ đến gần Chúa, qua nhiều chặng tâm linh, từ

nhập môn «xin những điều vớ vẩn» quỳ dưới chân nàng thay vì những đấng tối cao hơn, đến chỗ hiểu được thế nào là mầu nhiệm :

«(…) vâng chúng tôi thường gặp nhau vào mỗi chiều thứ sáu
ngày chúa bị đóng đinh
ngày giáo dân không được phép ăn thịt
(để tưởng nhớ đến ngài)
tôi là kẻ đã tự đặt mình ra ngoài vòng tín ngưỡng
nhưng đôi khi cũng bàng hoàng
chợt nhận ra dù mình vô thần nhưng cuối cùng đã mặc nhiên tôn thờ một Chúa :
(…) tôi thích được quì dưới chân nàng
để xin những điều vớ vẩn
(…) tôi không tin thượng đế
nhưng lại chắc một điều là hận thù có thật
cũng như tôi tin nàng tuyệt vời
hơn bất cứ một người đàn bà nào hiện đang có mặt
(…) nàng tin nơi tình yêu
như giáo dân tin nơi phép nhiệm mầu của chúa
hãy tin ôi hãy tin
nước sẽ rút về bờ kia tuyệt vọng (…)»

(tr. 50-51).

Đến tập Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu, lời xin đã hướng thượng, tâm linh đã mở, linh hồn đã sẵn sàng, báo trước con đường tâm linh mà nhà thơ sẽ đi, qua những người nữ khác nhau, tiếp nhau :

«Ở chỗ nhân gian không thể hiểu
tôi xin người sớm phục sinh tôi» (tr. 16).
«… Hỏi Chúa đi, ngài sẽ trả lời
trong tay Thánh Nữ có đời tôi»

(Trong Tay Thánh Nữ Có Đời Tôi, tr. 71).

Nguyên trọn phần thứ nhất của tập Đi Với Về Cùng Một Nghĩa, Như Nhauhọ Lê dùng để tung hô Thánh Nữ Ca : «cây thánh giá có một đầu rất nhẹ / Chúa không kêu ai vác hộ bao giờ / em quay mặt khước tình tên ngoại giáo / đâu biết rằng Chúa khổ biết bao nhiêu» (Thập Tự Nàng); ở những dịp khác, là những bài thơ chỉ với tựa đề đã thấy hoặc sự thành khẩn hoặc đam mê dứt khoát: Phúc Âm Nàng, Phúc Âm Ngoại Đạo, Thập Tự Nàng, v.v.

Du Tử Lê đã thi-ca hóa một số quan niệm và hình ảnh tôn giáo, một số biểu tượng, cách sống đạo : phục sinh, thiên đàng, địa ngục, chén đắng, ruộng máu, bánh thánh, Tin Mừng, v.v. Ông đã kéo đạo xuống với con người rất trần tục, những kẻ nòi tình, đam mê ! Tro than

là một trong những biểu tượng từ Thánh Kinh được ngòi bút họ Lê dùng rất nhuyễn :

«đời muôn cửa tôi chọn về địa ngục
thiên đàng em bỏ lại đã hoang tàn
ai nắng gió trên cảnh đời kẻ đó ?
Mà tôi ngồi điếng lặng giữa tro than»

(Thơ Ở Tro Than, ỞCNGKTH, tr. 26).

«trên tay Chúa dấu đinh người bị đóng / cuối đời tôi than củi đã thành tro / em chẻ nhỏ khối tình tôi lỡ gửi / nhóm nổi không một ngọn lửa oan cừu…» (Thịt Xương Tôi Đấy Xin Người Nhận, ỞCNGKTH, tr. 109).

«em vô nhiễm. Bị đinh đời đóng suốt
bởi chọn tôi, một kẻ giống Giuđa
tôi bán mình, nhưng không bán thiên thu
hồn ẩn mật đã gửi người trước đó …»

(Hồn Ẩn Mật Đã Gửi Người Trước Đó, ỞCNGKTH, tr. 114).

Chúa như một bảo đảm cho con người không chỗ bám víu. Hết hối người tình hỏi Chúa thì khi trầm lắng vẫn là Chúa như đảm bảo cuộc đời :

«Hỏi Chúa đi rồi em sẽ hay
tôi buồn như phố cũ như tay
bàn chân từng ngón ngưng không thở
lạc mất đường đi tạnh dấu bay
Hỏi Chúa đi, ngài sẽ trả lời
trong tay Thánh Nữ có đời tôi»

(Trong Tay Thánh Nữ Có Đời Tôi, ỚCNGKTH, tr. 71).

Nơi nhân gian không thể hiểu, nơi đó có tình yêu, một tình yêu có thể khác thường, ngang trở :

«Ở chỗ nhân gian không thể hiểu
đôi mắt người hồ như biển đông
có mưa-tôi-cũ về ngang đó
tự buổi thiên đàng chưa lập xong
(…) Ở chỗ nhân gian không thể hiểu
tôi xin người sớm phục sinh tôi»

(Bài Nhân Gian Thứ Nhất, ỚCNGKTH, tr. 16)

Nòi tình, nhà thơ lại có cơ duyên với những tình yêu khác, một lần tình ngộ ở không gian cửa Thiền và ông sẽ gọi người yêu là Bồ Tát, là Phật sống, khiến ông phải làm Sa Di cho xứng với tình của nàng :

«(…) phá chấp. Như Lai ở dưới trần
hiện thân Bồ Tát cứu nhân gian
cây oan khuất vẫn nghìn tay vẫy
tôi vẫn nhìn em là chân kinh
xuống tóc. Theo em khép cửa đời
vào thiền để chỉ thấy viền môi
yêu nhau ai bảo tâm không trụ ?
quên hết. Nhìn nhau. Nhất quán rồi.
(…) vì em tôi đã làm Sa Di
không đi nên ý vẫn quay về
bế quan toạ thị. Tôi và vách
em tụng kinh gì ? Cho nghe đi
hôn em Bồ Tát. Chuông kinh hãi
rung hoảng vì tôi ? hay cả em ?»

(Vì Em Tôi Đã Làm Sa Di, ỚCNGKTH, tr. 77-78).

Sự quảng đại từ bi của người nữ, cao cả, liên tục, nhưng câu thơ thì nhiều đứt đoạn, phân vân ! Nhưng rồi Bồ Tát cũng phải chia biệt, nhà thơ ở lại nhìn theo, đành «cảm ơn huệ nhãn em khai mở / tiền kiếp xưa mình đã có nhau», còn chăng là dư vị thiền môn :

«… người cho tôi mùi hương
và, mặt trời giữa ngực,
môi : thơm biển Hoa Nghiêm,
trái tim : rừng Bát Nhã»

(Thơ Tình, Gửi Yêu Dấu, Đầu Thiên Kỷ, Mới)

Hy vọng bao giờ cũng nở giữa rừng huệ từ bi :»cành hoa tay Phật : lòng Ca-Diếp / tâm ấn đời ta : vùng vắng im / ngày sau thân-chứng-em-Bồ-Tát / có bóng ma xin gác cửa Thiền» (Hựu Ca Mới).

* * *

Từ đầu thập niên 1970, Du Tử Lê đã muốn mở một con đường thi-ca với âm điệu và ngôn ngữ riêng. Tập Thơ Du Tử Lê 1967-1972 bước những bước dè dặt thám hiểm vùng tâm thức và tư duy. Đến Thơ Tình khi ra đến hải ngoại ông trở về nét thơ bình dị và tâm tình đôn hậu rất con người, nhưng sau đó cho đến nay thì ngọn bút thơ ông trở thành cây đũa kỹ thuật cách tân nhiêu-khê và nhiều lần làm dáng với con chữ - dù xen kẽ vẫn có những bài âm điệu và tình ý giản đơn mà thâm sâu !

Du Tử Lê đã thành công sáng tạo một số hình ảnh và từ ngữ của riêng ông : khúc thụy du, hựu ca, con sóc nhỏ, bóng cò trong sương, v.v. mà những con dế, bọ ngựa hay châu chấu, cào cào, vi trùng, v.v. cũng có vẻ thích hợp với mạch thơ của ông, những Sa Di, con chiên, kẻ ngoại đạo,… cũng rất Du Tử Lê ! Ngoài ra, thơ ông gần và hợp với âm nhạc cuối thế kỷ XX kể lể lớn tiếng, nhát gừng có khi thiếu trong sáng. Thơ ông

đã có nhiều người viết nhận định, phân tích, qua bài này, chúng tôi chỉ trình bày sơ lược sự hình thành và bước đi liên tục của nhà thơ, như một đóng góp cho thi-ca Việt Nam !. /.

2-2002
Nguyễn Vy Khanh

145. Du Tử Lê (3)

Thơ Du Tử Lê (1967-1972)

Gìn Vàng Giữ Ngọc : Xuất Bản lần đầu tiên
Bìa : Hạ Quốc Huy
Phụ Bản : Tạ Tỵ
Nhà In : Việt Hương 34 Lê Lợi Sai Gòn
Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc bộ môn Thơ năm 1972

Tập thơ này, đáng lẽ ra mắt thân hữu vào những năm cuối 60, với nhan Phúc Âm Nàng. Nhưng vì thiếu phương tiện,cho nên, đến giờ mới xuất bản được. Ở đây, tôi xin công khai ngỏ lời cảm ơn anh em ở Văn, Trình Bày…vì lòng thương, thúc dục tôi làm thơ, tiếp tục, từ nhiều năm nay. Ngoài ra, ở đây, tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn của tôi với một ân nhân mà vì lý do riêng không tiện nêu tên, đã giúp phần nào cho tập thơ này có mặt.

Cuối cùng là lời cám ơn của tôi, dành cho anh Nguyễn Văn Thành, người đã dục tôi in tập thơ dưới nhan mới : Thơ Du Tử Lê 1967-1972.

Tôi làm thơ vì những hạnh phúc không đạt được, nếu hiểu hạnh phúc là mục đích cuối cùng của đời người.

Do đó thơ tôi là những khúc-ca ngắn cho-một-mình hay cho-hai-người.

Xin cám ơn những-một-mình và những-hai-người.

Du Tử Lê
19-10-72

Khúc Thụy Du

1.

như con chim bói cá
trên cọc nhọn trăm năm
tôi tìm đời đánh mất
trong vụng nước cuộc đời

như con chim bói cá
tôi thường ngừng cánh bay
ngước nhìn lên huyệt lộ
bầy quạ rỉa xác người
(của tươi đời nhượng lại)
bữa ăn nào ngon hơn
làm sao tôi nói được

như con chim bói cá
tôi lặn sâu trong bùn
hoài công tìm ý nghĩa

cho cảnh tình hôm nay

trên xác người chưa rữa
trên thịt người chưa tan
trên cánh tay chó gặm
trên chiếc đầu lợn tha
tôi sống như người mù
tôi sống như người điên
tôi làm chim bói cá
lặn tìm vuông đời mình

trên mặt đất nhiên lặng
không tăm nào sủi lên

đời sống như thân nấm
mỗi ngày một lùn đi
tâm hồn ta cọc lại
ai làm người như tôi ?

2.

mịn màng như nỗi chết
hoang đường như tuổi thơ
chưa một lần hé nở
trên ngọn cờ không bay
đôi mắt nàng không khép
bàn tay nàng không thưa

lọn tóc nàng đêm tối
khư khư ôm tình dài

ngực tôi đầy nắng lửa
hãy nói về cuộc đời
tôi còn gì để sống
hãy nói về cuộc đời
khi tôi không còn nữa
sẽ mang được những gì
về bên kia thế giới
thụy ơi và thụy ơi

tôi làm ma không đầu
tôi làm ma không bụng
tôi chỉ còn đôi chân
hay chỉ còn đôi tay
sờ soạng tìm thi thể
quờ quạng tìm trái tim
lẫn tan cùng vỏ đạn
dính văng cùng mảnh bom
thụy ơi và thụy ơi
đừng bao giờ em hỏi
vì sao mình yêu nhau
vì sao môi anh nóng
vì sao tay anh lạnh
vì sao thân anh rung

vì sao chân không vững
vì sao anh van em
hãy cho anh được thở
bằng ngực em rũ buồn
hãy cho anh được ôm
em, ngang bằng sự chết

tình yêu như ngọn dao
anh đâm mình, lút cán
thụy ơi và thụy ơi

không còn gì có nghĩa
ngoài tình anh tình em
đã ướt đầm thân thể

anh ru anh ngủ mùi
đợi một giờ linh hiển

(3-68)

Dưới Mái Hiên Người

ở đây đêm lạnh từng hồi
lưng co bóng núi đêm dài thấu xương
đạn dò hướng máu tôi buông
cánh chim nào ủ vết thương qua đời

ở đây hết đứng lại ngồi
trông tin thư bặt đợi người quá giang
xe trong bến đỗ muộn màng
mui không bụi phủ sét hàng ghế con

ở đây mái rã hiên mòn
chắt chiu giọt muộn rớt buồn tay vơi
mưa chan muối mặn thân người
xót tôi nửa kiếp thả lời kêu van

ở đây cùng tận hoang tàn
tôi so vai ngủ trên bàn gỗ trơ
trở mình nghe nặng vai đưa
sát khung cửa ngỏ ai vừa thác oan

ở đây hồn mở nắp quan
đầu kê mộ chí mắt khan nẻo về
nhớ em mê muội tình thề

đên hâm thân nóng ngày lìa trí khôn

Ý Nghĩ Khi Rời Thông Tây Hội

1.

nỗi tuyệt vọng đầm đìa nào hỡi em
đã cướp đi mất của chúng ta
những bình minh tay trần cổ nõn

những đỉnh cao ngọn thẳng mắt người
những giấc trưa đợi chiều
những bước chiều đợi tối
những cơn mưa tình nhân
ríu chân về một lối
những ngày nắng môi son
mặn thơm ô mai - ngát thèm bưởi lựu
những cánh tay mượt mà
vén về phía sau
những cọng tóc làm duyên no tròn đôi má
đã biết đợi chờ
một giờ chín rụng
những nụ hôn sai
trên cành tình ái
ôi nụ hôn đầu
vội như mưa mau
thầm như khép kín
ủ nẫu tình sầu

2.

nỗi kinh hoàng khựng điếng nào hỡi em
đã giục nàng rảo chân bỏ về với mẹ
những giờ giấc giới định
đã rút ngắn đời ta
trên mặt phẳng đổ nghiêng tím bầm tuyệt vọng

bây giờ thời gian
như một đoạn xích
dẫn độ ta về cùng tử thần đối mặt
bởi thế nên mỗi khi anh chợt bừng mắt dậy
không thấy được gì hơn
ngoài chiếc bóng mình ngã trên một nền đất ẩm
giữa tiếng đạn bom rơi
những cảnh đời phụt tắt

3.

khi em còn đứng trên đỉnh đầu cách biệt
bàn tay dẫu đưa ngang
cũng không đủ cho anh nghĩ rằng tình yêu chưa thành lệ xót
và ngày mai sẽ có trong đời
với một tương lai
có bầy con trai
có đàn con gái
(vô cùng giống mẹ)
như những hạt lệ
chảy cùng một nơi
nhưng không thể rơi cùng một chỗ

cũng như anh và em
khó chết cùng một chốn

hạnh phúc như viên đạn
nổ tung ngực đời mình
vốn đằm đằm bóng tối

4.

thôi hãy nghe lời anh
mà cố ngủ cho ngoan
trong vòng tay của mẹ
em cứ nhẩm trong đầu
những lời răn của bố

cho đến một sáng mưa mau một chiều nắng gắt
bước lên đến đỉnh đồi
em sẽ hiểu tình yêu mới chính là lẽ sống
mẹ cha ta một thời
cũng trải qua thế đó

ai cũng thế mà thôi
tình yêu là con dấu
đóng xuống vuông đời mình
để biện biệt giữa người và thú

5.

nếu một ngày kia em bỗng thấy
sự có mặt cần thiết của kẻ nào
khác hơn mẹ cha, anh em, bà con giòng họ
và nếu người đó là anh
(hay ít ra cũng là điều anh hằng mong ước)
thì em hãy thản nhiên chớ đừng kinh ngạc
vì vấn đề đặt ra
không phải là chọn lựa
giữa tình yêu và lòng hiếu đễ
mà em hãy cố làm sao
thở chứa chan ngực mình
hơi thở nồng hạnh phúc

em có hiểu gì chăng
tình yêu cũng tuyệt vời như sự chết
lẽ sống một đời người
phải do mình định đoạt

Thiếp Đồng

tôi vai đâm nhánh giáo dài
xuyên ngang qua óc bửa đôi sọ đầu
lưng cong lở loét bướu sầu
trên thân thể nọ những nhàu nát, xưa
phố lìa nước mắt cây thưa

vén manh áo mỏng tay ru ngực, mời
yêu em lượng nước ngọn trời
tai thu tiếng lạ hồn ngồi bếp trong
thiếp đồng hú mạng tôi vong
linh thiêng giọt lệ đã đong đầy đời
oán thù tôi trả cho tôi
quắp trên lưng ngựa sầu người bon bon
chiều lầm tháng lũ băng băng
tôi ăn nằm với tôi trong huyệt ngày

Bis

đánh cây lũng thấp lên đồi
khoan thân mũi nhọn đẽo đời đá ong
lượng tình đã chín đêm nuông
lệ ai chua xót thành sông về nguồn

Và Khi Chia Tay T. Ch.,

chim cao bay lạ tiếng chì
mái ngon hiên nặng lá thì thầm, vui
khi về hồn đã chia đôi
buồn trôi từ mắt xuống môi hôn người
vách tình ái lở vữa vôi
hồn tôi đã đóng đinh đời lún sâu
gió mù phố chuyển dạ đau
ru con thiếu tháng trên đầu tình xưa

vừa lòng ai gọi, tôi thưa
ngó quanh quất chỉ thấy mưa đầm, đầm

Những Dòng Cuối Sáu Tám

1.

phải rồi, phải rồi em
trong trường hợp nào, thì, chúng ta cũng không thể xa nhau
khi rắn địa đàng đã can gián nàng đừng hái lầm trái cấm
nàng khăng khăng đưa tay
ngắt lấy cho mình
trái hạnh phúc chín
nàng đã chọn địa ngục
vì đó mới chính là nơi để sống
nàng đã chọn bóng đêm
vì đó mới chính là nơi để chúng ta trở về sau những hành trình mơ ước tan hoang
không cách nào khác hơn
khi chúng ta vẫn chưa soi thấy mặt mình trong những lần lệ ứa

2.

phải rồi, phải rồi em
trong trường hợp nào, thì, chúng ta cũng không thể xa nhau
khi trái tim mách bảo với chàng rằng
chính tình yêu mới thực là lẽ sống
mặc dù khu vườn ta
đã bắt đầu mọc lên những hàng cây thẳng thốt
rễ nhẫn nhục vươn dài
cắm sâu lòng đất ải
chúng ta chưa làm người
đã biến thành thú vật

3.

phải rồi, phải rồi em
trong trường hợp nào, thì, chúng mình cũng không thể xa nhau
nếu thánh Moise không thấy được đất hứa
chỉ vì một lần lỡ không tin nơi quyền phép thiêng liêng của Chúa
thì anh và em
nếu có vì yêu nhau
mà phải cắn môi mình bật máu
cũng đến thế mà thôi
có sá gì đất hứa

khi sự sống ngộp hơi
em phải thấy
mỗi hoàn cảnh khắt khe
là một chiếc lò rèn
nung tim ta thành sắt
luyện tình yêu ta thành ngọc
(một khối ngọc u buồn và khi không đêm đêm nhỏ lệ)

có sợi dây nào
buộc được hồn phiêu lạc ?
có nhân danh nào
cản được tình yêu chín ?
ta sống cho ngày mai
bằng hôm nay khinh bạc
loài bò sát không tên
đeo rất nhiều mặt nạ

tôi cám ơn những người
đã mong sớm thấy cuộc tình tôi non yểu

nếu có được kiếp sau
tôi chọn đời bóng tối

nguyện hạnh phúc thắp sáng nàng
trong tình yêu tôi đau đớn

4.

phải rồi, phải rồi em
trong trường hợp nào, thì, chúng ta cũng không thể xa nhau
khi con sông quanh co cuối cùng cũng tìm đường ra biển
nên cay cực bao nhiêu
cũng không thể phạt ngã được tình ta chất ngất
nguyện tình yêu nàng như rắn quấn quanh cổ tôi

5.

phải rồi, phải rồi em
trong trường hợp nào, thì, chúng ta cũng không thể xa nhau
ngay khi ngọn dao từ tay anh
cắm xuống ngực em rất ngọt
(một ngày kia lúc em sinh lòng bội bạc)
và anh sống âm thầm
trong hận thù với biết bao nguyền rủa
như những ngọn giáo dài đâm nát tâm hồn anh

(tên điên rồ khăng khăng nghĩ tình yêu là lẽ sống)
nếu sửa được kiếp này
tôi sẽ nguyện làm người mất trí

6.

phải rồi, phải rồi em
trong trường hợp nào, thì, chúng ta cũng không thể xa nhau
khi lá còn trên cây, hoa còn nở, mưa còn bay
và nhất là trái tim còn chưa định được ngày ngừng đập
chúng ta còn yêu nhau
hiển nhiên như mặt trời mỗi sáng
và cũng hiển nhiên
như đời sống chúng ta đang bị ngộp hơi
bởi bàn tay của chính những người thân thích
nguyện hạnh phúc tôi mãi ngọt
như lưỡi dao kề bên ngực nàng, chói lọi

ta chỉ hết đời mình
khi qua giờ phút đó

(12-68)

Về Ngày 25 Tháng 3

nghe tôi chiều cũng lên đồi
cây chia nỗi nhớ từng ngôi lá tàn
qua sân cát dấu chân chàng
bếp trong khói muộn ngỡ vàng dáng tôi

ngồi bao năm buồn mấy đời
hiên sâu ghế gỗ tuổi còi, thân xơ
soi tôi bóng sắc phạc phờ
vươn vai dòn ải đợi giờ bỏ đi
đầu khô trên cổ trụ trì
trăm dây oan nghiệt kéo về trung khu
tôi thơ lại, vốn cần cù
soạn đau thương cũ thức bù một khuya

người xa xăm - toan tính gì
lúc - tôi đã đến thôi thì liều thân

nghe tôi đêm cũng bồi hồi
đốt vui giòng lệ nến nguôi hai hàng
tình vùi kín nắp áo quan
trong xương máu dập hồn bầm oan khiên
góc tôi giường chịu nằm phiền
ngó lung trời thấp như liền ngọn xa
gió đưa sương tạt la đà
quanh tôi bỗng lạnh một nhà đìu hiu
nhỏ nhen tôi nhớ trăm điều
nhịn cho qua bữa đã nhiều chua cay

nghe tôi phật khóa cổng chùa
chúa không xuống thế tôi giờ tênh tang

(25-3-69)

Dỗ Giấc Người Bất Hạnh

như đôi mắt sớm thành ga cô quạnh
mối sầu nào thành tóc xuống hai vai
buổi chiều nào khói đứng trên môi
mây cũng thấp trong từng hơi thở yếu
em đừng hỏi vì sao người đời khó hiểu
vì sao ta không thể sống thiếu nhau
vì sao mưa chưa đủ ướt đôi đầu
mà môi đã phải tìm môi cho ấm
mà tay đã phải chìa ra cho bàn tay kia nắm
siết chặt rồi mà vẫn thấy như chưa
trao hết cho nhau, tình vẫn còn ngờ
vẫn chưa đủ vẫn còn như thiếu thốn
chân bước chậm sao đường về vẫn ngắn
hôn nát nhàu cả mặt vẫn chưa buông
(dù hiển nhiên bác mẹ đã buồn lòng
thấy em lỡ yêu anh - cái thằng lêu lổng)
như cây cỏ sớm thành thân với gió
như lá mềm sớm cưới được sương khuya
như chim bay không cần nhớ đường về
như con nước vỗ hoài chân đá cũ
như bản tin hàng ngày loan có nhiều người tự tử
(mà thường vì họ lỡ quá yêu ai)
như con dế ngậm tim mình trong miệng
nên giọng buồn (mãi mãi chẳng nguôi ngoai)

anh cũng thế, ngậm tình em trong miệng
thành bồ hòn nên đắng cả thơ vui
nhưng sớm mai nào, khi em thức dậy
thấy đầu cành con sẻ bé có đôi
thấy chúng hôn nhau hay chúng mớm mồi
đôi má chúng au lên vì mắc cỡ
em đừng hỏi vì sao hồn mình nức nở
sao lớn rồi mà tình vẫn trẻ thơ
đã ở bên nhau lòng vẫn còn ngờ
như những phút môi hôn thảy đều không thật
răng từng cắn đến môi sưng má rát
vẫn còn nghi, còn ngại phải chăng em ?
phải chăng anh ? phải chính hai đứa mình ?
- thì hai đứa chứ ai vào đấy nữa
em đừng hỏi vì sao tình yêu trắc trở
vì sao anh phải biến dạng hình hài
phải làm ăn phải cố gắng miệt mài
phải ra dáng như nội trong ngày mai anh sẽ trở thành chú rể
phải nghiêm chỉnh hay ít ra cũng phải vờ vĩnh thế
phải dụm dành chắt bóp tự hôm nay
phải cong lưng luồn lọt đêm ngày
phải một lúc chơi bảy, ba cái hụi
phải nhìn thấy tương lai của chìm của nổi
mới mong ngày hạnh phúc bớt chua cay

nhưng tình yêu không phải là bến tồn kho
để anh có thể đâm đơn xin làm người gác cửa
và trái tim không phải là két sắt, tủ chè
nơi gom chứa bạc tiền, cất gìn đồ quý
tuy không là anh xếp ga anh cũng cứ phất cờ cho tàu kéo hụ
để tình anh nghỉ lại ga yêu
để trăm đêm để nghìn vạn buổi chiều
anh cứ nhớ thương em, cứ sầu cứ khổ
và mây cứ bay ngang mảnh hồn anh dột ủ
nắng cứ về không gởi bước chân theo
để ở đâu, bất cứ một nơi nào
ai, anh cũng nhỏ to về tình yêu hai đứa
ai, anh cũng không ngại ngần hẹn hứa
đám cưới mình sẽ mời họ vui chung
và anh sẽ vênh vang xốc lại áo quần
mặt nghiêm trọng như tuần sau đám cưới
dáng vội vã như ngày mai đám hỏi
quay lưng rồi mới lại tủi cho nhau
thơ vui đấy, em hãy cười lúc đọc
nếu có buồn hẵng gượm để hôm sau
hãy để mai kia, anh được phép trầu cau
đến sêu hỏi em hẵng buồn một thể
bởi lúc ấy, biết đâu cả hai đã chẳng già lụ khụ
cùng xác xơ vì đã quá âu lo

nên anh chắc thơ anh sẽ còn buồn bã mãi
(nhưng em đừng buồn nản giống thơ anh)
phải nghĩ bao lâu, mới có cuộc tình
mà hai kẻ yêu nhau
đã vô cùng khốn khổ
như mắt ướt sớm thành ga nát đổ
xót xa nào thành tóc chấm hai vai
ước mơ nào thành khói đứng trên môi
mây thấp ẩm giăng trong hồn hiu quạnh

(5-6-69)

Nén Đá Giầm Trời

1.

thân tôi củi nỏ lửa người
đêm, thu hồn ẩn - ngày - hồi xác ve
thịt mồi xương khét cơn mê
da căng mặt trống gân se sợi rời
yêu em ném đá giầm đời
nhồi bông bụng đặc muối lời hàm oan
ngực người thắp sáng than van
lưng cong cỏ rậm mắt thâm giọt ngày

2.

tôi thân dao bén tình đầy
chiều, tha bóng núi - tối, bày quân, xa
một giòng thao thiết trôi qua
máu che vết đạn chim na về rừng
bỗng không lòng hốt phiêu bồng
sáng ra nghe nặng túi đồng bạc con

Phúc Âm Nàng

không, bây giờ y không còn đến đó
nơi có ổ gà, có rào kẽm, có bức trường thành, có sân bay, có nhà thương, nhà xác
nơi những trưa đi qua mắt y đổ lửa
những chiều về cát liếm thịt da
nơi ngày tháng vẫn trôi qua trong từng cơn thở nhọc
những phiến ẩn ức câm
nghìn năm như đá dựng
nơi y đã ngồi
gom những viên sỏi đầu tiên của một hạnh phúc hiếm
(ôi hạnh phúc bất ngờ
như tai họa giáng xuống)

không, bây giờ y không còn đến đó
cho tới một ngày nào
một ngày nào người yêu y đủ lớn

- phải chăng đó là lúc nàng đã trưởng thành ?
- vâng, đó là lúc nàng đã trưởng thành

mà đừng vội nghĩ rằng khi ấy nàng sẽ già và tóc nàng sẽ rụng đi, cụt ngủn

trán nàng sẽ nhăn, rất nhiều vết nhăn tội nghiệp

tay nàng sẽ thô, những ngón mềm sẽ thôi thơm như những dòng sữa sớm

ồ không đâu, không bao giờ có thế

đó là lúc nàng giật mình soi gương thấy mắt nàng lóng lánh

như những hạt mưa to

trong veo giòng nhẫn nhục

đó là lúc nàng thấy tóc nàng dài, ngực nàng căng và đôi môi nàng thắm đỏ

nụ cười vì thế mà cũng sẽ xinh thêm

không còn se khô như những quả ô mai ngậm hoài vẫn mặn

đấy lời tâm sự của chàng

rất trang nghiêm

nhưng ngậm ngùi ngỏ với đám đông vô hình trước mặt

rồi đám đông tự động vơi tan

lúc bóng tối trở về lấp đầy từng ngăn ký ức

trong một ngôi quán quen

chàng rã rời đứng dậy

nỗi nhớ nhung nhũn mềm
làm chùng thêm gân cốt
mỗi chúng ta đều khư khư giữ lấy cho mình
một số vết thương đã khô thành sẹo
và âu yếm ngắm nhìn
chân dung mình treo trên vách tường trí nhớ

2.

vâng, chúng tôi thường gặp nhau vào mỗi chiều thứ sáu
ngày chúa bị đóng đinh
ngày giáo dân không được phép ăn thịt
(để tưởng nhớ ngài)
tôi là kẻ đã tự đặt mình ra ngoài vòng tín ngưỡng
đôi khi cũng bàng hoàng
chợt nhận ra dù mình vô thần nhưng cuối cùng cũng mặc nhiên tôn thờ một chúa
(chúa của tôi, ôi chúa của tôi
vô cùng yếu đuối !)

nàng buồn như trái chín
mắt gầy đêm mưa xanh
hồn căng trên thập tự
đầu cúi xuống dương gian
chớp hoài đôi mắt ướt
tôi thích được quỳ dưới chân nàng

để chỉ xin những điều vơ vẩn

vốn là kẻ đa nghi
tôi không tin thượng đế
nhưng lại chắc một điều
hạnh phúc nào cũng thật
như trong tình yêu tôi
vốn sẵn cả trăm điều gian dối

đời sống ta như một ô chữ cũ
có sắp hoài cũng chẳng khác hơn
ngoài những dòng vô nghĩa

3.

kẻ phán xét trong nàng
bảo chiều nay bão lớn
và ngày mai hãy thả chim câu
(những con bồ câu của thánh Nô-Ê trong sáng-thế-ký)
để cho chúng bay đi
đem tin về
trời sẽ trong xanh vào những ngày kế tiếp
tôi theo nàng rời tàu
bước lên bờ đất thịt
hãy tin, hãy tin
cuối cùng rồi chúng ta cũng sẽ có cho mình những

bình minh êm ả
những ngày vàng sau quá đỗi đau thương

4.

vâng, chúng tôi thường gặp nhau vào mỗi chiều thứ sáu
ở một góc đường
dưới những tàng cây gỗ dầu xác xơ lá nám
với nhiều sợi dây leo
xiết quanh cây cổ thụ

những buổi chiều hết tiền
chúng tôi rủ nhau lang thang dưới phố và hôn nhau
mỗi đầu đường
giữa cua vắng

bên ngoài những cửa hàng trưng bày hàng tạp phẩm
cũng có những chiều
chúng tôi rủ nhau chui vào rạp hát
và cũng rất thường
nàng rúc đầu vào ngực tôi nức nở
(hệt như con gà mái cục cục đòi ăn, lúc đói)
tôi chẳng biết nói sao vì chính mình cũng nát tan nhục tủi

tôi không tin thượng đế
nhưng lại chắc một điều là hận thù có thật
cũng như tôi tin nàng tuyệt vời
hơn bất cứ một người đàn bà nào đang có mặt
(dù tôi không quên tôi đã ví nàng

như một con gà mái cục cục, đòi ăn lúc đói
nhưng cũng xin thêm rằng con gà mái kia
rất dễ ưa, cả tin và tính tình nhút nhát)

nàng tin nơi tình yêu
như giáo dân tin nơi phép màu của chúa
hãy tin ôi hãy tin
nước sẽ rút về bờ kia tuyệt vọng
và cuối chân trời một vầng hồng sẽ nở

5.

bây giờ buổi chiều một mình tôi trở lại
cũng con đường có hàng cây gỗ dầu xác xơ lá nám
với những sợi dây leo
quấn quanh thân cổ thụ
cũng vào ngày chúa bị đóng đinh
(nhưng tòa thánh đã loan tin vì tình trạng chiến tranh
đặc biệt cho phép giáo dân Việt Nam ăn thịt)
em làm sao hiểu được
nỗi đớn đau anh khi đêm đến trở về

thắp đèn lên kiếm tìm bóng mình cho đỡ quạnh
và lắng nghe bản tin cuối cùng
tổng kết vinh quang một ngày chiến sự

đời sống ta hôm nay
chỉ còn toàn chữ số

6.

anh cố sống để chờ
một ngày mẹ cha loan tin cho phép
anh được đem trầu cau đến hỏi anh làm vợ
hay một ngày

chúng ta sẽ bỏ đi rất xa
làm một phường bất hiếu
kịp khi hết đời mình

(7-69)

Khởi Đầu Một Kiếp

1.

như que diêm trước sau gì cũng một lần bật sáng
cũng một lần anh thắp rực đời em
cũng một lần bàn tay buồn bã đó
bưng mặt mình kín suốt một tương lai

thôi những sợi tóc kia
sớm đằm cơn cảm xúc
thôi những giọt lệ kia
bàng hoàng vuông trán tối

hãy ngủ thôi hãy ngủ mau ngoan
tình yêu là căn phần định mệnh dành riêng
cho đôi ta một khắc nào sẽ chết

như mỗi ngày trong thân
có một kẻ mới tới
có một kẻ ra đi
đến cõi nào bí mật

sự sống chỉ bắt đầu
trong tận cùng tuyệt vọng

2.

như nỗi nhục nhã hằng hằng một đời chúng ta gánh chịu
một đời ta quấn với chính thân ta
em cứ khóc, cứ than van, cứ trách móc, cứ muộn phiền
cứ tủi hổ, cứ ăn năn, cứ ngậm ngùi áo não
cứ cưng dưỡng ý nghĩ một ngày kia anh phản bội
một ngày kia anh sẽ hết yêu em

một ngày kia anh sẽ ra đi như một tên sở khanh
(chỉ thiếu con ngựa và chiếc roi để quất)
cho đến một phút nào
một phút nào trước sau gì cũng có
trước sau gì em cũng hiểu
vì sao đời mình không thể khác
và nhất là vì sao lệ mình không thể không rơi
vì sao chúng ta lại thốt gọi tên nhau
trong từng cơn hoảng hốt
vì sao anh không thể yêu ai khác hơn
(dĩ nhiên, trừ em, vì là ngoại lệ
dù vạn nhất chúng ta có sống tới lúc cả hai cùng già nua, lụ khụ)

ôi hân hoan là những hạt lệ mềm
rối quanh giữa đôi làn môi vô nhiễm
bên đớn đau em anh quỳ gối thọ hình

như nụ hoa trước sau gì cũng một lần nhụy hương sẽ ngát
hãy một lần em thắp giúp hồn anh
hãy một lần những giọt hồng khởi kiếp
chảy chan hòa một cửa tim ta

hãy một lần em giúp anh thấy lại
dung nhan mình mất dấu tự sơ sinh
hãy một lần em ném tung anh lên đến đỉnh cùng hạnh

phúc
để từ đó cúi nhìn
thấy em xanh ngọn cỏ thơ ngây buồn bã chín

thôi con-mắt-lá-me
sẻn dè phút giây gần gũi ngắn

thôi làn môi lá nõn
khép muôn đời không kín vết thương non

4.

dẫu sao thì chúng ta cũng không dễ gì thoát khỏi
những âu lo mù mù thảng thốt
khi cơn lốc đam mê
tự hồn ta tấp tới
khi trận mưa mở mùa
phút giây bỗng trùng trùng mây đen kéo lưới
ôi đớn đau ngọt ngào
nâng niu đời ta hạnh phúc mới
đằng sau mỗi kinh hoàng
đã sẵn có một bình minh êm đềm ló dạng
bên kia bờ tối tăm
là nghìn thân ánh sáng

5.

như giọt sương trước sau gì cũng một lần rớt xuống
cũng một lần anh uống trọn đời em
cũng một lần mắt không còn thấy nữa
tay chân thừa và óc kiệt tim khô
- đó là lúc chúng ta thở chung bằng trái tim nào thiêng liêng cẩm thạch
(trái tim đời tôi - quá - lửa chua cay)
- đó là lúc chúng ta sống trong một kết tinh thịt xương thánh thiện
(một kết tinh đã nhú mầm tồn sinh hậu kiếp)
đưa ta về đến bến trăm năm

6.

đã đành - dù thế nào thì chúng ta
cũng không dễ gì tự mình hóa kiếp
nhưng vấn đề là phải sống ra sao ?
phải chọn lựa
phải buông trôi
phải chối từ tình yêu trước nhân danh mẹ cha vừa ý
phải hạ thấp lương tri
cho ngang bằng cầm thú
phải chống vững hai tay
cho bàn chân lật ngửa

tôi chọn đứng hai chân
trên dao đời xốc ngược

mắt không ngoái nhìn sau
dù trước mặt ê chề như gươm đan thành lá chắn
tôi không là tượng gỗ rỗng thân
nên thở bằng tim thật
em không thể dối quanh
khi cắn môi, máu mình còn bật chảy

7.

như mỗi buổi mai chúng ta thức dậy
ngó lại mặt mình
trong tấm gương xưa đã mờ phai vết cũ
trước khi ta lăn tiếp đời mình
lên xuống mãi những ghềnh cao, dốc thẳng
để làm gì khi cõi vào đời nhau chưa mở
khi trong ta còn những dấu nghi ngờ
để làm gì ? làm gì ? anh hỏi

khi mắt em đâu hẳn chỉ để nhìn
chỉ để khóc, chỉ để buồn mỗi tối
chỉ để cười trong những lần bối rối
chỉ để vui dưới những lối cây, quen
để làm gì ? làm gì ? anh hỏi
khi tim em đâu hẳn chỉ là nơi cho máu về, đi đen, đỏ

cho đập mãi những nhịp nhanh hay chậm
cho thở mãi những hơi đà thếch, nhạt
cho mai sau mối đục khoét, chôn vùi

thôi cũng phải cho anh một lần nhắc lại
chỉ tình yêu làm nên giá trị con người

BIS

như que diêm trước sau gì cũng phải một lần bật sáng
cũng một lần anh thắp rực đời em
cũng một lần tình yêu vô nhiễm đó
chói chan buồn
lệ tưới đẫm thân chung

(25-3-69)

Đêm Mưa Về Chí Hòa Thăm Mẹ

hiên bưng bóng tối vai người
mưa quanh ghế gỗ hạt soi mương ngoài
mây sa thấp mái lá gồi
nghe thân chuyển động từng hồi nước sông
lòng già sớm bạc cơn mong
sáng vun chân mộ chiều trông nhang tàn
mẹ ngồi giữa cõi chia tan
óc moi xác những đứa con đã vùi
lưng đeo đá nặng một đời

bảy mươi năm đó còn hoài giọt sương

con về mẹ ngỡ trong mơ
chiếc xe ai đó ? vừa qua nhận còi

Tưởng Tới Người Ở Thông Tây Hội

khuya nhau, trời ứa ngậm ngùi
mưa quanh giường ẩm ván đôi tường vàng
cuộc vui chưa kịp ra ràng
tưởng đâu mộng đã hoang đàng về đây
tay rờ rẫm bóng không lay
ngóng chân xa lại, lắng cây bên thềm
vẫn sân cát, lá ưu phiền
tình mưa tơi tả trăm miền hư không
vẫn ai tầm tã giọt buồn
vẫn tôi chống vững một hồn xanh xao
vẫn người trên ngọn lao đao
vẫn tôi cay đắng cúi chào chung quanh
vẫn ai kia trọng nghĩa tình
(lỡ hơn thú vật lỡ sinh làm người)
thương mình chẳng giống như ai
lỡ treo hồn mút trên đài miệt khinh

khuya nhau, ủ dột mái tình
sống trong nỗi chết, phận đành, cam vui
thản nhiên, vờ, vẫn miệng cười
nhưng sâu đáy mắt lạnh rồi bóng cây

Vỡ Lòng Cho Một Người Con Gái Mỹ

1.

không bao giờ đâu Donna, Donna
dù anh có yêu em
hơn bất cứ thứ gì có trên đất Mỹ
thì anh cũng vẫn trở về
anh vẫn phải trở về quê hương anh
cái dải đất nóng khô cong hình chữ S
cái dải đất không lớn bằng tiểu bang California của xứ sở em
(nơi anh đã sống những ngày đầu tiên, tập ăn, tập nói theo lối Mỹ)
cái dải đất rách nát nghèo đói vì chiến tranh
liên tiếp hai mươi năm
dù anh không bao giờ quên được em
trong đêm nhạc của ngày Hội Mùa Thu
ngày kỷ niệm 50 năm tiến bộ của các trại chủ miền Indiana
và nhất là anh không thể nào quên được
lúc Hội Thu bế mạc

em đã cùng Jana
ôm đàn chạy ra kiếm anh và một thanh niên Việt Nam khác
trên chuyến xe buýt chở đầy sinh viên
của các quốc gia đồng minh với Mỹ
trong sương mù giá buốt một đêm chớm thu
em ngơ ngác như một con bò non tội nghiệp

ôi những bước chân son
chạy đau nền cỏ lạnh
và những ngón tay run
xóa nhanh lớp nước mờ cửa kính

để nhìn rõ mặt nhau
anh đã đứng lên đẩy kính xe thò hẳn đầu ra ngoài
cùng em nói chuyện
và người bạn của anh đã phải gào lên
«tôi từ Việt Nam tới»
để trả lời cho một câu hỏi của Jana, bạn em

ôi Donna, Donna
phải là người Việt Nam
em mới hiểu được nỗi xúc động rưng rưng của anh
khi nghe thấy tên gọi quê hương mình
dạt lùa trong một khoảng không gian đẫm mù sương muối
ắt cả trăm ngàn tiếng động cơ máy nổ chung quanh

2.

không bao giờ đâu Donna, Donna
dù anh có yêu em
hơn bất cứ một thứ gì có trên đất Mỹ
thì anh cũng trở về
như em đã biết
quê hương anh trên bốn ngàn năm lập quốc
trên bốn ngàn năm không ngừng đánh đuổi ngoại xâm
trong đó có gần một ngàn năm bị Tàu đô hộ
và ngót trăm năm thuộc địa của Tây
nhưng dân tộc anh không bao giờ bị đồng hóa
bởi dân tộc anh là một giống dân quật cường
tuy hiền lành và rất nhiều tình cảm
mặc dù anh không thể quên
những lần gọi điện thoại cho em
trong những phòng điện thoại công cộng
với mười xu cho một cuộc nói chuyện kéo dài tối đa 7 phút
và đôi khi máy đã chẳng trả lại cho anh mười xu
như điều đã ghi trong bảng chỉ dẫn
mỗi khi không liên lạc được
không phải anh tiếc mười xu đâu, Donna
dù mười xu tính ra tiền Việt Nam
những trên hai mươi đồng theo giá chợ đen cơ đó
với hai mươi đồng Việt Nam xưa

anh có thể ăn một bữa cơm tạm no
hay thừa để mua một bao thuốc lá
nhưng kể từ khi có người Mỹ sang chiến đấu
bên cạnh quân đội của nước anh
thì với hai mươi đồng anh đã không đủ mua một gói thuốc

3.

không bao giờ đâu Donna
dù anh có yêu em
hơn bất cứ một thứ gì có trên đất Mỹ
thì anh vẫn trở về
nơi mẹ già anh đã một đời ăn cơm chan bằng nước mắt
nơi anh em, nơi chú bác, cô dì, gần xa ruột thịt
đã và còn đang từng giờ gục ngã
chiến đấu cho sự trường tồn
và lý tưởng tự do của giòng giống
mặc dù ngay khi anh vừa bước chân xuống phi trường Sài gòn
anh có thể chết tan thây
vì một miếng plastic
một trái mìn nổ chậm
hay một quả đạn từ xa
của người anh em phía bên kia bắn tới

mặc dù anh không thể quên
đôi mắt em xanh như những cánh đồng hai mùa trĩu hạt
và mái tóc em óng vàng
xõa tung trên đôi vai gầy cổ tròn ngấn trắng
mặc dù anh không thể quên
lòng tốt của ba mẹ em
dành cho anh một người Việt nam cô đơn lạc lõng

và anh cũng không thể quên
những lá thư của em
như có đem theo cả tiếng cười vô tư giòn tan
vỡ cao trên những hàng cây phong úa vàng lá chín
ôi những nụ hôn thầm
trong đêm nào rét ngọt

4.

không bao giờ đâu Donna
dù anh có yêu em
hơn bất cứ một thứ gì trên đất Mỹ
thì anh cũng trở về
quê hương anh với trăm ngàn đời khốn khó
nơi anh sống chui rúc như chuột
trong một căn nhà tôn, vách ván
nơi người yêu anh
đang từng phút giây mong đợi

(nàng cũng có một mái tóc dài thả xõa như em)
nàng cũng có một đôi mắt mở to sáng trong nhẫn nhục
tất nhiên tóc và mắt của nàng thì đen
và da vàng, cũng hệt như anh
nàng có may mắn
hơn khá nhiều người khác
ở chỗ còn được đi học
nghĩa là chưa đến nỗi phải tập nói O.K
để đi bán bar hay làm sở ngoại quốc
nhưng suốt một đời nàng không được như em
có những ngày hội vui
đem đàn tới cùng bè bạn hòa nhạc
vì nàng cũng như bất cứ một người Việt Nam nào đó
đã sớm biết đến chiến tranh
từ trong bụng mẹ
rồi lớn lên cùng lửa đạn tro tàn
và ngay trong tình yêu
(nàng cũng chịu biết bao điều nhục nhã)

5.

không bao giờ đâu Donna, Donna
dù anh có yêu em
hơn bất cứ một thứ gì có trên đất Mỹ
thì anh cũng vẫn trở về

quê hương anh ruộng cằn đất cỗi
người chưa lớn đã già
trẻ chưa cao đã cọc
dù anh sẽ chẳng bao giờ quên em
đôi mắt xanh, mái tóc vàng và những ngón chân ngà
chạy nhanh trên nền cỏ lạnh
và tất nhiên sẽ về cùng anh
là những tấm ảnh em cho
với xấp thư thơm mùi lúa mạch
anh sẽ mãi ngóng trông
một ngày nào em đặt chân lên quê hương anh nhỏ bé
anh hy vọng ngày đó
những hố bom hố mìn
đã được lấp bằng
cho rất nhiều hoa nở
để mỗi bước chân đi
em sẽ thấy xứ sở anh có phần đẹp hơn nước Mỹ
để em sẽ nhận ra
không đâu có thể có được
một giống dân hiền lành nhưng quả cảm
một giống dân cần cù nhẫn nại
và dễ mến như dân tộc anh
biết chừng đâu khi ấy
em sẽ chẳng chọn quê hương anh
như một tổ quốc thứ hai

khởi đầu một cuộc định cư vĩnh viễn

ôi Donna, Donna Ostermeyer
hoài hoài sương mù trong anh một đêm mùa thu tay vẫy
một đêm ngời giọng hát vỡ trên cao

ôi Donna, Donna Ostermeyer
em có hiểu chút gì
những điều anh mới nói ?

(Indiana, tháng 9-69)

Khi Trông Thư Thụy Châu

cũng đành người đã quên tôi
con chim nào cũng một đời kêu than
cây phong đã đỏ lá vàng
quán sâu tôi quấn khăn quàng đợi đêm
phải người quá nhẹ chân êm ?
tôi nghe như thể gió vin cửa ngoài
cũng đành người lỡ ham vui
núi non nào cũng một đời cô đơn
tuyết trên mái cổ nghiêng hồn
dưới chân cổ tượng cũng bồn chồn, theo
xe không nào sẽ qua đèo
đêm nay chắc lá lại nhiều chiếc rơi

cũng may tôi có một đời
để đau, để khổ, để ngồi trông thư

(Dinfos 11-69)

Viết Ở Fort Harrison

1.

thôi ngày mai ta sẽ được rời khỏi nơi đây
như phạm nhân được rời lao xá
như một tay ma đầu
ta hà hà xuống núi
như một samurai
trở về nơi rách rưới
như cánh chim
sau thời gian thương tích
cùng nỗi vui mừng
bay lên tìm về một nơi yêu dấu

2.

ngày mai ta sẽ rời khỏi nơi đây
hôm nay giã từ
lần cuối những ngày loanh quanh kiếm đồ trong P.X
những buổi chiều mồ hôi
bê gạo muối về cho một bữa ăn tối Việt Nam
thôi ở lại nghe

người thiếu phụ trẻ gốc Mễ
ta trả cô về với anh chồng to gấp bốn năm lần ta
(như lời cô nói y không khác bao nhiêu một pho tượng rỗng)

thôi ở lại nghe Donna
tình chúng ta có thế
ở lại nghe người mẹ nuôi hiền lành
chỉ khiến ta thêm nhớ mẹ già lưng còng mắt mỏi
ở lại nghe cô Mỹ da đen dọn phòng cho ta mỗi sáng
ta đã để sẵn trên tủ này
một doolar làm quà cho cô tháng Ba
ta biết lát nữa đây
khi nhận tiền
cô sẽ nghĩ ta như một khách hào hoa phóng khoáng
cùng con mắt vốn sâu ắp đầy mặc cảm
của một người da đen
dọn phòng cho một tên da vàng mũi tẹt
mà thực ra cô có biết đâu
chính ta đây mới là kẻ dãy đầy mặc cảm
ta biết rõ ta
chỉ là một thứ hổ giấy
ta hiểu rõ ta
khi trở về quê hương
nào có khác chi một đời ngựa chạy
ta thấy rõ ta

không bao giờ dám mơ ước
cho những người bồi phòng ở quê hương ta
có xe hơi đi làm như cô mỗi sáng
ta chỉ cầu xin
cho đồng bào ta
có ăn có mặc
có hòa bình có hè hội vui chơi

3.

em không biết đâu, Thụy Châu
sáng nay anh dậy muộn
lọt thỏm trong chiếc ghế bành hai lần nệm mousse
chân gác lên chiếc bàn kiểu cổ đông phương
tay gạt thuốc trên mặt thảm nhung xanh
anh thấy mình bỗng nhiên sung sướng
bỗng nhiên đầy đủ
như một ông hoàng
(không có gì ngu ngốc bằng ông hoàng tưởng mình sung sướng)
anh cũng chợt nhận ra
phút chốc anh đã trở thành một tên vô cùng bần tiện
vét, vơ
tất cả những gì anh đem sang đây
trong hai chiếc va-li tọng đầy tạp phẩm
đến đôi giày há mõm

tính quẳng lại cho rồi
nhưng lại mang về
chỉ vì anh chợt nhớ
ở quê hương mình
thiếu chi những người suốt đời chỉ ước ao có được một đôi giày há mõm
để mang đi chơi
những ngày tết nhất

4.

dĩ nhiên bằng cách nào
anh cũng không thể về ngay bên em
(ít ra cũng phải qua mười lăm ngày nữa)
nhưng anh vẫn rạo rực
vẫn hân hoan
nghĩ thời gian đã đem chúng ta xích lại gần nhau một chút
và ngày mai
trên chuyến xe buýt tốc hành
anh sẽ nhẩm tính từng thước đất đi qua từ Đông sang Tây
nước bạn đồng minh chúng ta rộng lớn
trước khi về đến phi trường
bắt buộc
dành cho những người Việt Nam về nước

5.

ngày mai ta sẽ rời khỏi nơi đây
hôm nay còn tự hỏi
cớ sao sống ở đây
vẫn nghĩ đời ta không phải thế
ôi đời ta - đời ta
đâu đây - thấp thoáng

6.

em thấy không, Thụy Châu
phải đứng giữa hai màu trắng, đen
thì màu vàng da ta mới rõ
một màu cho muôn năm
máu chảy ?
một màu cho muôn năm
thành bao đựng xương khô
nên trước sau gì, anh cũng trở về
dù cho không còn em
anh trộm nghĩ
dưới mặt trời
thượng đế đã chia khu
cho từng màu da sinh sống

7.

ta phải sống hôm nay
như ngày mai sẽ chết
anh phải sống bên em
dù nhọ than người thân bôi đầy mặt mũi
ta có thể hóa đen
nhưng chưa từng cạo trắng
không thể xóa hận thù
bằng máu người xối chảy

(30-10-69)

Hai Bài Lục Bát Ở Quê Người

1.

đớn đau tôi ứa lệ trào
cây khô trên ngọn gốc hao dáng người
nằm co chân chạm ván đời
tay bưng ngực mỏng kéo hơi thở buồn
râu cùng tóc mọc, như gươm
rạch đâm ngang mặt những đường máu thâm
nhớ người rét buốt đêm câm
sương sa kính phẳng đã đầm đìa tuôn

2.

đến đây nắng cũng lạ người
chân đi dưới phố hồn ngồi tháp cao
tôi như quái vật chốn nào
ngu ngơ lỡ lạc bước vào cõi âm
rùng rùng những bóng dã nhân
đi qua, đi lại bước chân ngoài đời
bỗng thèm khát một tiếng thôi
bỏ tiền vào máy nghe lời chào ông

(San Francisco, 10-69)

146. Du Tử Lê (4)

Thơ Du Tử Lê (1967-1972)

Thơ Cho Một Người Họ Huỳnh [52]

tôi vẫn thế trở về đây đơn độc
một hồn sầu chấn ngự một non cao
một vai xiêu, một cổ xiết ân, cừu
một đầu nặng chất mang tình thảm thiết
người vẫn thế gánh đời tôi thua thiệt
mắt vẫn buồn như suốt dạo tôi đi
tóc đương xanh nhưng lòng đã bạc nhiều
chân bé nhỏ đi trong sầu bão lớn

tôi hư hỏng với nửa đời lêu lổng
nửa đời buồn như chiếc lá khuya bay
những buổi chiều ngồi đợi nắng ăn tay
người thơ dại biết đâu lòng tôi tức tưởi
người xa cách như chưa hề gần gụi
làm sao người hiểu được đớn đau tôi
những ước mơ là ngục tối đời đời
nhốt tham vọng không bao giờ đạt được

---

52 NP Tịnh Hiếu soạn thành ca khúc.

như con nước đã chọn đời xuôi ngược
người âm thầm trông đợi phút thăng hoa
như bóng cây nép khuất một hiên nhà
như sự thực không bao giờ thay đổi

tình muôn thuở nên suốt đời vẫn mới
môi đam mê nên vẫn nụ hôn đầu
ngực thanh tân nên hơi thở nhiệm màu
tôi phủ phục dưới chân người - yếu - đuối

tôi vẫn thế trở về đây thú tội
tôi yêu người hơn cả lúc ra đi
và mai sau, tôi, nắm cỏ xanh rì
xin bia mộ ghi tên người - cứu - rỗi

người vẫn thế vì yêu nên đắp đổi
những hụt hao, lở sút ở đời tôi
bên đắng cay nhục nhã ở lòng người
ai mai phục giùm tôi một hồn đắm đuối
ai cờ xí đi trong tình tôi vòi vọi

cho tôi về theo nhã nhạc đêm nay

(14-12-69)

Ngày Chúng Ta

thức dậy em, thức dậy em
nắng rực rỡ đã vàng hanh cổng trước
nụ thương đau đã héo rụng đêm rồi
giấc mơ buồn đã theo gió ra khơi
mây dạm hỏi đã đầy trời kéo tới

thôi chảy nốt đi em dòng lệ tủi
thôi vai rung cố ấm áo anh đền
thôi môi non em thử nếm tình bền
riêng tai lạnh đã có đồ sính lễ
đừng xấu hổ với trăm ngàn mắt ngó
em cố cười như thể chỉ đôi ta
em cố vui như lúc trốn khỏi nhà

đến chỗ hẹn với nhau còn hồi hộp

ngày quang đãng ta thắp đời bạch lạp
máu linh thiêng đã chảy xuống chung dòng
thân trăm năm đã một phút tận cùng
tình chung kiếp đã nung hồn thành đá

từng bước một, em ơi, từng bước một
thềm đời anh chín bậc đá đi lên
em đã đứng trên đỉnh cao chót vót
của hồn - sầu - anh, mấy kiếp chưa tan

anh muốn hỏi một phút nào cúi xuống
tóc như mây em có phủ chân thềm
ngực xanh tươi có thở mát vai trần
những đêm lạnh sương rơi từng bậc đá
em có đủ bao dung cho những lầm lỡ cũ
những chân về không động lá hay cây
những trở về chỉ riêng một anh hay
em phong nhụy có thương người phiêu bạt

thức dậy em
họ hàng đà tới cửa
bạn bè ta đã rộn rã chung quanh
em thử nhìn xem có đủ người thân
em thử nhẩm tên những người vắng mặt
làm sao được cuộc vui nào chả khuyết
một hai người đã vĩnh viễn ra đi
một hai người đã ở lại bên kia
hay biến dạng cho cuộc vui trọn vẹn
em cao cả hãy vì anh thu vén
một chỗ ngồi cho kẻ vắng hôm nay
một chỗ buồn như nắng đậu trên tay
một chỗ khuất cho khỏi ai trông thấy

thức dậy em, hôm nay ngày mồng bốn
(phải tháng này trời sẽ có mưa ngâu)
phải mưa bay không dám ướt đôi đầu ?

phải lệ mỏng kéo sầu qua lướt thướt ?
em cứ tưởng như chiếc cầu ô thước ?
đã bắt ngang cho hạnh phúc về gần
và đôi chân em chớ dại, ngập ngừng
hãy bước vội như sắp rồi tận thế

thức dậy em, một ngày đầu tháng bảy
ngày chung thân, ngày địa ngục, thiên đàng
ngày mở đời, ngày gọi kiếp lang thang
ngày vang vọng tiếng reo bầy con sẽ có

trước hai họ, anh sẽ vờ hiền hậu
em chớ cười khi thấy mặt anh nghiêm
em cứ vờ như hai đứa không quen
cứ đỏ mặt khi được đeo nhẫn cưới
anh nói nhỏ theo lòng anh (rất vội)
từ phút nào em đã nhốt đời anh
từ phút nào sông nước đã loanh quanh
tình đã chín trên bậc hồn đá lạnh

(4-7-70)

Phúc Âm Riêng Của Hai Người

1.

cây buồn lá đến rơi thôi
hồn dang cánh muộn thu đời nhá nhem
mối đùn đất đắng cay em
bù nhau chưa đủ lệ hoen ngày vàng
chung thân tôi - địa ngục nàng

ngậm trầm nuốt ngải mong chàng yên vui

2.

trời buồn thôi cũng mây luôn
bao năm tiếng động bức hồn hỏa thiêu
cây xê dịch với mắt chiều
theo chân bóng đổi cũng nhiều dung nhan
sầu lên ngút đỉnh đời nàng
áo em đã cởi - phủ chàng đắp đôi
thân trăm năm - môi đầu đời
(bầy chim cũng biết chuyện tôi yêu người)
sống cùng thác chẳng ngoai nguôi

nay vun hạt nhớ mai bồi cây thương

3.

sông buồn nước đến xuôi thôi
cành lay đêm động tả tơi cánh về
sáng người đỏ ngọn điên mê
chung đôi ngực thở xót kề môi soi
tình người chín kiếp chưa phai
trăm năm thân đá nghỉ, ngồi nỉ non
lòng hèn mọn ước mơ son
tay ai lụa nuột gối chăn đêm đầy
(sáo sang ngang sang cả bầy)
yêu nhau lệ vuốt mặt này chứa chan
muôn sau ai biết chuyện chàng ?

mai kia ai nhỉ ? nói nàng yêu tôi

4.

rừng buồn núi đến khôn vui
ngựa đi bước một thiếu đôi thuở nào
lên cao thạch động âm hao
xuống sâu nguồn đã dạt dào nghìn năm
một về lạnh chiếu rơi chăn
một về nhóm lửa bếp lầm tro, xưa

(19-2-69)

Chết Đuối

con vi trùng không tên
đục rỗng tôi tự đó
cơn sốt người bao năm
hôm nay còn vật vã
tháng năm tôi dựng ngược
mắt mù cơn mưa say
trán khô vùng bão rớt
cát ngủ trong đầu già
vai nhô vùng rét buốt
trông chừng cánh chim qua

hồn dài con nước lớn
chia nghìn chân đi xa

có sự trở lại nào
không kèm theo mất mát
như tình tôi yêu người
kiếp sau còn chua xót

con vi trùng không tên
đục rỗng tôi từ đó
cơn sốt người bao năm
hôm nay còn vật vã

dĩ vãng tôi tấy sưng
trong tình em mưng mủ

lời ru nào níu được
lúc những cánh me xanh
bay mềm con lộ nhớ

tôi nhìn tôi nức nở
mà không hiểu vì đâu
giọt úa vàng cứ chảy
sao bàn tay xẻ năm
để lọt hoài ước vọng

tôi thường tự hỏi tôi
bao giờ mày mới chết
sống mãi để làm gì
khi cam đành thất chí

đời sống ta không thể hồi sinh
như cây cỏ mỗi năm còn có một mùa nẩy lộc
tôi không thể lột da
biến màu như rắn độc

cơn sốt người bao năm
hôm nay còn vật vã
đêm vuốt mãi mắt mình
sáng ngày ra vẫn mở

với những năm xa đó
em đã hiểu gì chưa
giữa tháng ngày chết đuối

mặt trống nào không kêu
khoé mi nào chả ướt

tôi chẳng thể muối mặt
chối, không hề yêu ai
như trước mặt mọi người
tôi nhận tôi khốn khổ

(5-69)

Khúc Cầu Hoàng

xin mắt mở tạnh trăm miền bão rớt
môi ô mai xin muối mặn lời vàng
tình đắm đuối khôn nguôi hồn thảng thốt
tay tham lam không thể đợi giờ mềm
người linh hiển trên đỉnh cùng gió cuốn
chân chim khuyên chưa bước xuống cuộc đời

cánh buồm nào đã khép kín hồn tôi
và đã thả trôi sông nghìn ước vọng

tôi đã lạc bên kia bờ sự sống
thân khô rang mong từng hạt mưa nhuần

xin hơi thở đèn hương tim thánh thiện
trăm năm xin son phấn một tên người
khi hạnh phúc không dung cùng khốn khó
ai sinh ra được chọn đúng đời mình

tôi lớn lên biết mỗi điều duy nhất
- sao khi không ta lại phải làm người

trời tối mau mưa ướt vội sông dài
năm tháng cũ sủi tăm cùng nỗi chết
xin tay ngọc gối êm tình thảm thiết
cây xin xanh đừng ngại lúc hanh vàng
trời xin cao cho đáy mắt em ngoan
gió xin nổi trong hồn tôi tơi tả
tóc xin chảy chia trăm dòng (rất lạ)

mỗi trôi đi dung một bước quay về
mỗi lênh đênh dung một ý não nề
mỗi quanh quẩn chứa chan nghìn thất lạc
xin khúc hát vọng âm từng cửa ngực
vỡ từng thân đá cổ, lệ xin tan
vỡ lời buồn ẩn khát một truy hoan
thắp tuyệt vọng sáng lên cùng chí quẫn
tôi cúi mặt ngó bóng mình lật xấp
trên đọan đường bấy nát đạn bom vui
có chăng nào phiêu lãng đã bao nơi
mà suốt cuộc nghe đời mình héo lụn

xin thân xác lõm in mười ngón nhọn
xin răng thơm cắn vỡ giọt - tôi - sầu
xin mưa bay trên vạt áo nhiệm màu
cuốn tôi lại trong kén - người - hạnh - phúc
xin chân sa - trong tình tôi ngập lụt
đôi cánh vàng xin bỏ lại trên cao
miệng hoa cau xin kết nụ ngạt ngào
tay kim chỉ xin khâu tình rách rưới
giường êm ái - xin người ngoan giấc ngủ
ván cây này xẻ tự khối tình tôi
nệm drap này dệt bởi sợi tương lai
chăn mùng nữa chính lòng tôi chân thiết
cửa xin khép cho đêm đừng cay nghiệt
sáng xin hồng cho nắng ấm trưa mai
chiều xin vàng - lấy lá lót chân ai
bước ngượng nghịu trong mắt nhìn (thấy ghét)
môi rát bỏng bởi chưng tình cuống quýt
hồn tham lam nên ích kỷ khôn cùng
mộng sẽ mềm trên từng lá me sương
người sẽ khóc giữa không - ngờ - hạnh - phúc

cho tất cả - xin cho đừng luyến tiếc
tình không dung một cân nhắc bao giờ
phút giây nào người còn ý so đo
xin đừng đến để tình tôi khỏi tủi
(vì hạnh phúc không dung cùng khốn khó)

tôi lấy gì để sửa lễ cầu hôn
biết lấy gì để đổi được lòng tin
tôi chỉ có thủy chung làm vốn liếng

mắt xin mở tạnh nguôi nghìn thảm thiết
môi ô mai xin muối mặn hồn này
người linh hiển trên đỉnh cuồng gió cuốn
bước một lần xin bước xuống đời tôi

bước một lần như thần thánh bỏ ngôi
chung than củi với một người phẫn chí

(09-68)

Bài Cuối Năm

1.

cỏ đã mọc trên từng phần mộ mới
ngày đã xanh trên từng mái hiên vàng
ta đã sống những ngày kề nỗi chết
những ngày dài nhục nhã đã như sông
những ngày hồng cũng đã sẵn mây đen
những ngày nắng cũng đã đầy sương lạnh

tình như núi nên lòng không hổ thẹn
hồn như cây nên rụng lá u buồn
người qua đó, chân giày, xin bước chậm

để chim về kịp thở chút hương tan
để ta về kịp nhận vết thương non
sẽ gọi khẽ (để cho giun dế ngủ)

2.

lửa đã cháy, bùng thiêu xương thịt nát
mưa đã đi trên những ngọn tóc dài
sầu đã cuộn tròn trong từng hạt cát
chân đã dừng trong một nghĩa trang riêng
người chớ khóc than chi, đời đã thế
ta lâm chung ngay tự thuở trào lòng
môi đã chết ngay khi hồn đã nhận
thân đã buồn khi ngực đẫm hơi quen
tay cũng thế tình đã ăn từng ngón
máu khi không cũng xối xả chung dòng

3.

cò đã lẩy đạn đã ra khỏi súng
tên đã bay không thể cản giây chùng
những thân nấm không dung hồn ngạo mạn
tình như mây ta khỏa lấp mặt trời

dù một khắc một ngày hay một phút
dù một mai ta có phải qua đời
dù hôm nay dao chém đứt đôi người

ta vốn thế vẫn là ta ngất ngưởng
vẫn chân bước từng bước đi lún đất
vẫn hai vai thần thánh một tim nồng
vẫn trăm năm chếnh choáng một tình cuồng
vẫn mặt ngửa, đỡ nâng trời vòi vọi
ta có thể biến thân thành thú vật
nhưng bọ, dòi không thể hóa trang đi
phải kiên nhẫn, em, đợi giờ kết cục
bởi bây giờ ta mới khởi cuộc chơi

dù cỏ đã mọc trên phần mộ mới
và ngày xanh đã từng mái hiên vàng
và đớn đau nhục nhã đã hằng hằng
nhưng hạnh phúc sẽ tới giờ linh hiển

(11-70)

Sau Ba Mùa Tăm Tối

sầu như đá muôn năm còn ở đó
tình như hoa, đầu cúi xuống nghẹn ngào
ta như cỏ và hồn như sương lạnh
em hiểu gì ? khi giọt lệ không rơi
em hiểu gì ? một cánh nhạn lẻ loi
quay trở lại, một mình, miền giá rét

lòng đã hẹp nói chi trời bát ngát
óc như vung không thể úp mặt trời
ta ngu xuẩn như một con dế đá
nhưng lòng mềm như tóc mẹ, xưa, bay
nhưng hồn buồn như con bệnh trên tay
mẹ đã khóc như vỗ về ta ngủ

rồi khôn lớn tình ta như thác lũ
như cơn giông sập xuống một vuông đời
như mưa bay tầm tã một mặt người
roi quất ngược trên mình ta rướm máu

ta như cỏ nên nhận phần héo úa
người như sương nên ướp lạnh hồn buồn
tình đã được đặt trên bàn mổ xẻ
thì hiểu gì ? em, tảng đá cô đơn
hiểu gì em ? một cọng lá sâu ăn
hiểu sao được ! cuộc đời - anh khinh bạc

ta như đá phẳng trơn lì ngạo mạn
và gót giày, em cứ bước chân lên
và tay dao, miệng rắn, với nọc hèn
thêm ai nữa ? cứ búa rìu đục đẽo

hồn có vỡ vẫn là trăm mảnh đá
nát tan kia nào giúp được chi người
ta nguyên vẹn, một cõi trời, khinh miệt

vẫn riêng mình một khối lệ thương thân

ta từng khóc dưới chân tình chất ngất
ta quỳ hôn từng ngón nhỏ chân em
ta từng chết trong môi cười quỷ, thánh
ta từng điên trong một cánh tay ôm

nhưng cọng cỏ chỉ vương cùng nắng chói
nếu tối tăm, em, chớ bước lại gần
em tự hỏi một lần cho vỡ nghĩa
bởi vì đâu ta bỏ núi về rừng
bởi vì đâu ta nhục nhã tận cùng
ta đã giết đời ta không hối tiếc

sự sống chỉ thành hình sau nỗi chết
tình trăm năm chỉ khởi tự oan cừu
chỉ thương đau tim mới thở ngạt ngào
hạnh phúc chỉ sáng lên từ vực thẳm

sầu như đá, ta suốt đời thế đó
tình như hoa, em một kiếp nghiêng đầu
khi lệ chảy cũng không còn ý nghĩa
lương tâm nào còn níu được chân đi

hoa đã nở bên kia bờ tăm tối
bỗng đêm nay, ta ngó lại hồn mình

(12-70)

Lục Bát Sau Tám Năm Cho Người Về

người về mưa động trong cây
mừng tôi như thuở ngày gầy nắng xưa
người về chân bước trong thơ
tháng năm tận tuyệt đủ chưa oán cừu ?
người về dựng lại hoang liêu
trong đôi mắt ấy đã nhiều mộ bia
(người từ thế giới bên kia ?)
thấy tôi không ? đã hồn khuya tượng què

người về, về cuối cơn mê
tôi trên chiếu ẩm nghe ê thịt buồn

(9-8-70)

Bài Chờ Nhắm Mắt

nằm khuya ngó xéo mưa dầm
hồn trăm dây cáp điện ngầm qua thân
đời ta chưa thể về gần
loanh quanh nỗi chết chờn vờn hơi quen
thù ghìm trong một dao điên
chém ngang vai mỏng xẻ nghiêng mặt buồn

nằm co ngó xuống muộn màng
dưới hiên mưa lũ ẩm vàng xác tôi
yêu người lời đã khô môi

sống không sum họp, thác thôi phải cùng

mai sau trên mỗi mộ phần
hình nhân thế mạng xin đừng thắp hương

(10-70)

Lúc Người Chết [53]

hãy mang đi hồn tôi
một hồn đầy bóng tối
một hồn đầy hương phai
một hồn đầy gió nổi

hãy mang đi hồn tôi
một hồn đầy mắt đỏ
mưa nối liền vai người
buồn nối liền thân tôi
tình nối liền nỗi chết

hãy mang đi hồn tôi
một hồn đầy bão rớt
một hồn đầy điên mê
một hồn đầy mộ địa

---

53 Phạm Đình Chương soạn thành ca khúc.

hãy mang đi hồn tôi
một hồn đầy môi người
một hồn đầy tóc rối
một hồn đầy máu tươi
một hồn đầy tay siết
một hồn đầy ngực thơm
chân đưa lời cáo biệt

hãy mang đi hồn tôi
một hồn đầy côn trùng
một hồn đầy tháp chuông
ngân nga lời báo tử

hãy mang đi hồn tôi
khi cuộc tình đã hết
còn lời nào cho vui
còn mắt nào không tủi

hãy mang đi hồn tôi
một hồn đầy trái rụng
đời đã đời chia đôi
tình đã tình khốn nhục

trước khi người phải chết
nhớ một lần đêm nay
mưa đắp mềm vai người
buồn đắp mềm thân tôi

quanh ta đời đã lụn

Tội Lỗi Hân Hoan Mới

hãy quấn quanh cổ anh
những sợi mềm tơ lụa
với hương trầm hai vai
tóc cay mùi khói thuốc

hãy nhỏ xuống ngực anh
những giọt lệ cuối cùng
trả buồn cho dĩ vãng
giữ lấy bình minh mai
ăn năn dành kiếp khác

hãy gác lên bụng anh
đôi chân em ngọc thạch
máu rì rào trong thân
trái tim nào vẫn đập

hãy gối lên tay anh
đầu em như trái bưởi
mỗi múi như một ngăn
cất anh từng mảnh nhỏ

hãy gửi trên môi anh
vô vàn tội lỗi mới
hạnh phúc không thể vơi
bởi chưa từng đầy ắp

tay sẽ mãi trong tay
bởi mắt nhìn đã chết
hãy đắp lên người anh
thịt da em ngào ngạt
ôi hương vị ái ân
ứ ngực anh hạnh phúc

hãy cám ơn tổ tông
mở đường cho ta thấy
tội lỗi muôn ngàn năm
không bao giờ xóa sạch

nếu Chúa khước từ ta
đành tự mình cứu rỗi

em một vai thiên đàng
anh một vai địa ngục
chân bước lùi tương lai
chân ra ngoài quá khứ

Thượng đế hãy quay đi
khi chúng tôi hạnh phúc

về với tội tổ tông
thấy tận cùng chân lý
em một đời như đêm
buông rèm che sự thật

Thập Tự [54]

buổi sáng trong cơn mơ
ta thấy mình cao cả
bàn tay nâng thánh kinh
mắt nhìn em xa lạ
đứng trên bục thiêng liêng
ta cao lời rao giảng…

hạnh phúc như bánh thánh
chỉ nên ăn một lần
ngày tơi như tóc thả
em gầy xanh cơn yêu
mây đẫm dầm cảm xúc
mưa giăng hàng đi qua

em hãy ráng tin ta
bằng vào lời dối trá
và vinh danh ju-đa
bởi chỉ y thánh thiện

---

54 Hoàng Quốc Bảo soạn thành ca khúc.

một đời ta loanh quanh
với trùng trùng ảo ảnh
một đời ta khôn ngăn
được mắt em lệ chảy

buổi sáng trong cơn mơ
ta về từ địa ngục
với trái tim hàm oan
mắt hoắm sâu sự thật

không ai chết một lần
nên ta hoài sống lại
thập tự mang trên vai
đi tìm người chuộc Chúa

buổi sáng trong cơn mơ
ta thấy mình cứng lạnh
nhìn theo em bơ vơ
trôi cuối dòng tuyệt vọng

(03-10-71)

Kẻ Lìa Ta Cuối Cùng

gọi ta ôi gọi ta
giọng nào không âm vọng
chiều rình trên chóp cao
đêm duỗi mình dưới ngõ

gọi ta ôi gọi ta
cây thì thầm nhựa chảy
cỏ rét mướt ra đi
về cuối dòng tan tác

gọi ta ôi gọi ta
tình trăm năm chín đỏ
giọt lệ mềm như tơ
nhưng cách nào cắn vỡ ?

gọi ta ôi gọi ta
máu đầm đìa xác lạ
chiếc bóng ngồi, chân co
phải trần gian thế đó ?

gọi ta ôi gọi ta
lá linh hồn héo rụng
chết với nỗi oan khiên
tim kẻ nào vẫn nóng

gọi ta ôi gọi ta
vu vơ lời tuyệt vọng
kẻ lìa ta cuối cùng
là một ta, tơi tả

gọi ta ôi gọi ta
một bông hoa rất đỏ

(12-71)

Thiên Đàng Ta Muốn Bỏ

kẻ nào gọi tên ta
qua chín lần cửa ngục
phải em đang trở về
hay tiền thân ta đó

sống với đầu óc điên
ta quay cuồng dục vọng
đêm mơ thấy kẻ nào
đã cùng ta hoan lạc
ngày mở mắt trông lên
con chim nào mới chết
muốn hết mau đời còn
để kiếp sau đền tội
phải chính em khói sương
đã đọng thành nước mắt
nhỏ xuống bàn tay ta
nhoè đi đường chỉ sống
ôi ngày tháng dương gian
hiển nhiên hơn địa ngục

kẻ nào gọi tên ta
từ thiên đàng cao cả
phải em đang trở về
hay tiền thân ta đó

sống với nỗi kinh hoàng
chứa căng từng tiếng động
phải em là nước sông
cuốn đời ta ra biển
xác tan theo từng dòng
cuối cùng hồn thất lạc

ôi ngày tháng dương gian
thiên đàng ta muốn bỏ

(13-2-71)

Tình Sầu Du Tử Lê

ta như sương mà người như hoa
dối gian nhàu nát nụ hôn đầu
tình đi từng bước trên lưng gió
gieo xuống đời nhau hạt thương đau

người một phương ta cũng một phương
phố cao ngày thấp nắng mưa trùng
mắt sâu ẩn nhốt trời giông tố
ta một hồn câm giông gió lên

người ở đây, ta cũng ở đây
lòng không như mặt, lòng lệ đầy
chân đi gió tạt, sầu ba hướng
tay vói một trời, trời mưa bay

người đã vì ta tan ước mơ
phấn son chưa ngát thịt da ngà
môi non đã lỡ tình đau đớn
mộng vữa theo trời hoa phượng xưa

người chôn đời mà ta đắng cay
cây im lá ngọn, khói sương bày
chim treo mỏ cóng trơ xương mục
sống đã chẳng cùng chết sao hay ?

người ở đâu, ôi người ở đâu ?
cỏ xanh còn áp má đêm buồn
dế giun còn tiếc mùa ân ái
từng phiến trời mang bao vết thương

Ngục Đời [55]

tự mở cửa ngục đời
bước trở về hăm hở
dấu vết những cơn mơ
còn nõn xanh lụa cỏ

---

55 Trần Duy Đức soạn thành ca khúc.

xuống theo tam cấp người
thấy sâu dần tuyệt vọng
cố hình dung hồn ta
một phồng vàng khói tụ
em nguệch ngoạc ngón sầu
hiện hình ai cổ quái

cố hình dung lòng ta
một thân cây rỗng mục
em gõ mãi làm gì
những lát rìu nghi hoặc
ta đã tả tơi rồi
với nửa đời giông gió
ta đã cháy đen rồi
với nửa đời củi nỏ

kẻ tật nguyền trong ta
mang hình thù thú vật
đội mãi lốt con người
đôi khi lòng cũng nản

chìm xuống đáy cơn say
thấy đời không ai tỉnh
cất tiếng hát ê a
dội vang lời kêu nghẹn

phải em, rồi như sương
tan theo ngày nắng vội
phải em, rồi như mây
chìm theo vùng bóng tối
phải em, rồi như mưa
chảy trôi ngoài hiên, mở
ta ngồi già, ghế xưa
mặc áo tơi, yên, ngủ

Về Từ Vô Vọng [56]

về tự một dòng sông
em nồng nàn như biển
gió cuốn muôn nghìn năm
lấp chôn tình vô vọng

về tự một mùa đông
em rầu rầu sương cỏ
hồn mưng mưng mây mù
mắt bơ phờ cõi nhớ

về tự một ngày mưa
em não nùng oan khổ
cây khẳng khiu đợi chờ
lá một đời héo úa

56 Trần Đình Bình, Hoàng Song Nhi, Phạm Anh Dũng, NP Tịnh Hiếu… soạn thành ca khúc.

về tự một tình đau
môi ứ tràn máu mặn
ngực ngậm lời trăm năm

hồn đìu hiu rũ bóng.

(4-72)

Khi Xa Du Và T. Ch.,

nhớ người gần gụi môi hôn
đắp chăn ngang ngực nghe buồn đôi chân
tay thừa thãi nhớ lưng ngoan
nhớ em hơi thở phà quanh cổ trần
nhớ hơi hướm, nhớ tình gần
nhớ cơn mơ lẻ những lần xót xa
nhớ trăm năm, nhớ mù lòa
nhớ em vóc ốm, bây giờ biệt tăm

Bướm, Chuột, Và Dế,

cúi hôn em, cúi hôn đời
mưa chan muối mặn cỏ ngùi tấc da
máu ngừng mạch ngóng nghe xa
những con sâu nhỏ bò qua giấc muồi
hiểu chi em, lạnh ta rồi
đêm trong đêm, quạnh hiu đời quạnh hiu

(24-7-72)

Ngực Trầm Hương Ấu Thơ

năm năm rồi, thoáng chốc
thương người mái đầu xanh
lỡ cùng ta mơ mộng
rớm máu bàn chân không
dốc người dao xốc ngược
níu kéo đời long đong
tay thánh thần cũng mỏi

năm năm rồi, thoáng chốc
hồn buồn theo cây trông
máu đi về chốn khác
tình đau trong tim thầm
lá reo nghèo sân gió
mắt mù cơn mưa giông

năm năm rồi, thoáng chốc
thương người môi thanh tân
tóc nồng hương trẻ dại
ngực trầm hương ấu thơ
theo ta đời lỡ dở
ngậm tăm trong mộ sầu

năm năm rồi, thoáng chốc
thương người nhánh hoa non
nụ đời chưa kịp nở
mộng đầu đã héo hon
tình ta như biển rộng
có đủ ru hồn người
đến cuối đời khốn khổ ?

trưa nay ta làm thơ
tạ lỗi người tri kỷ

trưa nay ta làm thơ
ước mơ đời sớm đổi

(8-72)

147. Du Tử Lê (5)

Thơ Du Tử Lê 1965

Quê Hương

Giữa đêm
Một người mù
Đi tìm tương lai
Hai hàng máu chảy.

Hoài Cổ

Dấu sương biển cát chim về
Nghìn năm cánh vỗ bốn bề hư không
Điêu tàn chi nữa thanh âm
Nghe xa phượng vũ nghe gần… gió bay.

Linh Hồn Việt Nam

Trên giòng đau thương tôi là bèo nổi
Trên giòng quê hương tôi là củi khô
Tôi là củi khô những ngày thơ ấu
Khói ám linh hồn lửa đốt tâm tư

Trên con đường xưa tôi là lá rụng
Trên giòng sông này phù sa nuôi tôi
Phù sa nuôi tôi đi vào chiến cuộc
Đất Việt da vàng máu đỏ xương rơi

Trong khối tình em tôi là bướm ngủ
Trong nỗi u buồn thế hệ thanh niên
Tôi muốn rủ em nhìn về quá khứ
Quá khứ tủi hờn nghìn năm điêu linh

Trong khúc bi ca mẹ tôi hoen lệ
Trong khúc tang bồng hồn tôi lênh đênh
Hồn tôi lênh đênh rời xa bóng mẹ
Mười năm đường về quê nhà cỏ xanh

Nửa giòng nước xuôi - nửa giòng nước ngược
Chợt khóc, chợt buồn, chợt nhớ, chợt thương
Tôi là lá khô những ngày khói lửa
Những ngày tương tàn tình em không hương

Trong dòng thời gian non sông héo muộn
Dưới bóng cờ bay xin làm cỏ may
Bên bờ quê hương những chiều gió lộng
Tôi mang linh hồn Việt Nam hôm nay.

Trầm Ca Tháng Giêng

Xin em hái nụ hoa này
Bằng tay nước mắt, bằng tay sương mù
Xin em hong tóc mùa thu
Nửa vai thương nhớ trầm tư phím cầm
Xin em dịu nhẹ tiếng thầm

Một đêm nức nở còn lầm than sâu
Xin em nương giấc ưu sầu
Cho trăm con gió bắc cầu nhau đi
Xin em lệ biếc nhu mì
Một con bướm nhỏ biết gì yêu đương
Xin em áo trắng sân trường
Cho tôi cắp sách đứng đường đợi em
Xin em đôi cánh tay mềm
Một bên nắng…dắt, một bên mưa…dìu.

Bàn Tay Sợi Tóc Cuộc Đời

Bàn tay năm ngón
Tóc chảy nghìn hàng
Không lẽ chúng mình thù oán
Này bà con anh em bè bạn

Bàn tay bốn ngón
Tóc rụng nghìn hàng
Thân kiếp lầm than
Cọng rong cánh bèo trôi nổi

Bàn tay ba ngón
Tử tội xót xa
Chúng ta lần lần khuất mặt

Bàn tay hai ngón
Tóc chảy phím đàn
Thanh âm rớt lạnh
Này em tình đang héo tàn

Bàn tay một ngón
Tôi không còn gì
Lệ đã đen khô
Này em - máu chảy thành hàng.

1960

Tình Khúc Tháng Mười Một 1965

Có Gì Đâu

anh đã bảo ngủ đi hỡi cô nàng bé nhỏ
đạn nổ đều nhưng đạn nổ rất xa
dù cho mai kia đạn sẽ nổ gần
thì cũng thế mà thôi có gì đáng lạ
không lạ chứ phải rồi - từ khi chúng mình mở mắt
bom đã reo mừng đạn đã reo vui
ngày đã đau thương đêm đã ngậm ngùi
máu vẫn chảy và thây người vẫn đổ

- anh đã bảo ngủ đi hỡi cô nàng bé nhỏ
quê hương này em đã trót đầu thai
mảnh đất này hoa sớm nở sớm phai
tình sớm đẹp để rồi tình sớm lỡ
hàng rào kẽm canh chừng bọn anh những thằng toan bỏ cuộc
tiếng kèn đồng thúc giục bọn anh điên
hỏa châu soi đường dẫn lối đêm đêm
từng tấc đất ngủ yên từng số phận
từng con mắt kinh hoàng từng bàn chân lận đận
từng ngón tay ôm cò súng lăm le

- anh đã bảo ngủ đi hỡi cô nàng bé nhỏ
có gì đâu đêm đã thế từ lâu
có gì đâu đời đã thế từ lâu

3 Đoản Khúc Ngựa Hoang

1.

bây giờ con cũng điêu linh
lối xưa vùi dập bãi mòn xương phơi
máu ngang tầm hái tay người
lệ se từng bước ngậm ngùi nẻo trông
bây giờ củi chở đầy sông
kinh hoàng đẫy giấc bập bùng lửa reo

2.

sóng chân ba móng chia trời
đêm nghiêng vách đá giọng cười đáy sâu

3.

lênh đênh lớp gió đi về
bặt âm tiếng nhạc mù mù bóng hoang
thôi qua dặm ấy miên trường
nghe xa tiếng gọi lời không vọng ngàn

Đấy em ! Ngựa đã tan đàn
chúng ta càng lớn khôn càng chia xa

1964

Vết Sầu Trên Nhánh Linh Hồn

Tôi chả còn gì để nhớ, tôi chả còn gì để quên
đêm như những con rắn hoa trườn mãi
ngày như những con ngựa hoang chạy dài
tôi còn gì để nhớ, tôi còn gì để quên
em như điếu thuốc lụi tàn
sợi khói tan mà không hề lưu dấu
nhìn vào khoảng trống đời anh
lềnh đềnh những vết dầu loang nhơ nhuốc
anh một mình cúi hôn tay anh - năm cành gai nhọn

héo hon
làm gì để được nhớ, làm gì để được quên
buổi chiều sừng sững mọc trong quán
ly cà phê tối tăm rồi đôi mắt xanh đen
cô thu ngân lai tây
người bồi đồng phục trắng mềm như một con bạch nga
tất cả âm thầm chảy vào anh
vào ly cà phê anh uống
chiều ngủ rồi ! chiều ngủ rồi ! trong anh
chiều đi rồi ! chiều đi rồi ! trong anh
thế nào rồi cũng nhớ - thế nào rồi cũng quên

Tôi, Du Tử Lê

1.

Năm mười sáu tuổi tôi chính thức khai sinh tên tôi lần thứ hai
sau lần khai sinh của bố mẹ
từ đó tôi bắt đầu làm thơ
tôi bắt đầu sống - tôi bắt đầu đời tôi
như con sông bắt đầu ra biển
như tình người mới lớn rất nhiều bao dung
như lòng tôi bắt đầu mềm sũng
bắt đầu yêu ai bắt đầu bất hạnh
bắt đầu từ đó

tôi, du tử lê. tôi, du tử lê

2.

Năm hai mươi tuổi tôi chính thức khai sinh tên tôi lần thứ hai
sau lần khai sinh của bố mẹ
từ đó tôi bắt đầu kiêu hãnh, bắt đầu tủi hổ
tôi viết tên tôi như những dòng an ủi
như những dòng buộc tội
như những dòng trối trăn
du tử lê. ơi, du tử lê
từ đó khúc khởi đầu của một kiếp người
của những gì đã qua và những gì sẽ tới
trên mảnh đất này muôn đời khốn khó
muôn đời chia tan

3.

Năm hai mươi tuổi tôi bắt đầu thù ghét tên tôi
bắt đầu vào đời, bắt đầu làm lính
và bắt đầu một tình yêu dành riêng cho người ấy
người ấy tóc dài như dòng sữa vắt ngang miệng tôi
người ấy mắt buồn như vì sao nào buồn bã nhất
buồn hơn sao hôm buồn hơn sao mai
buồn như quê hương ta
buồn như bố mẹ ta (một đời chưa hề vui)

người ấy với mười ngón tay chỉ kim móc sắt
mười ngón tay ve vuốt mặt tôi chạm đầy vết sẹo
mười ngón tay dài với trăm năm

4.

Năm hai mươi tư tuổi tôi bắt đầu nhàm chán tên tôi
sau bốn năm làm lính
sau bốn năm yêu người
sau những lần nhận xác người thân
tôi có gì ? tôi có được gì đâu
ngoài một sự thực
sự thực như đời tôi đạn bom
sự thực như những gì đang tàn
như tôi sống nhờ mượn lốt mang danh
những người không phải là tôi
cho qua ngày phải thế không huyền châu
huyền châu ơi huyền châu
đó đoạn khởi đầu đời tôi
trở lui từ một chín sáu sáu

1966

Giao Khúc Tháng Sáu

CNCGHT

Tôi từ đó nhỏ nhoi như châu chấu
như cào cào vỗ cánh chả bay xa
người yêu tôi là thảm cỏ mượt mà
khi tôi đậu nàng uốn mình cảm động

tôi từ đó rêu xanh ôm đá tảng
khinh loài người nên chọn kiếp vô tri
người yêu tôi con suối nhỏ thầm thì
âu yếm mãi nỗi sầu tôi một đời chín ủng

tôi từ đó dật dờ như bóng mộng
như chuồn chuồn cánh rã một đêm mưa
người tôi yêu con dế biết đợi chờ
biết nghe hát và thường ưa than thở

tôi từ đó bơ vơ như chiếc lá
cơn gió lùa tôi se sẽ rung rinh
người tôi yêu là tượng đá chung tình
thấy tôi rụng nhìn theo mà chả khóc

tôi từ đó khật khừ như bọ ngựa
tình đam mê không dấu nổi mọi người
hồn đắm đuối làm sao che sự thực

tôi từ đó ải dòn như củi mục
như mảnh bom miếng đạn vỡ trên không
người tôi yêu đêm nước mắt đoanh tròng
tôi chợt nhớ từ lâu đã già trước tuổi

Tay Gõ Cửa Đời 1967

Khi Người Chết Trẻ

Khi kẻ tử trận tuổi chưa ngoài hai mươi mốt
hắn sẽ mang những gì về thế giới bên kia
cây súng nặng hai tay cầm chẳng xuể
lựu đạn thừa không lẽ tặng mẹ cha
hạnh phúc chưa bao giờ bốc đầy vốc tay chim sẻ
tình yêu cũng không ngoài trí tưởng vu vơ

hắn tự hỏi bây giờ vì sao hắn chết
chân lý thường chỉ hiện một lần
ở phút lâm chung

hắn chợt nhớ mình còn quá trẻ
chết, khi không, chết chả làm gì
nhưng quá muộn đã ngang tầm vĩnh biệt
hơi thở cuối cùng là ân thưởng mang theo

hồn đã đi nhưng mắt còn ngoái lại
nhìn vết chân mình
bao kẻ đang theo.

Tĩnh Vật

thật vô ích, vô ích
viên đạn đã chuồi ra khỏi nòng súng
và nằm ngoan trong thớ thịt giữa những lớp tế bào
đang nảy sinh
trời khuya khoắt, khuya khoắt
cây cọ gãy bên bình hoa đã vỡ
bông hồng bạch không nở vì nụ đã tàn
gai cũng héo và lá thôi xanh
(quyền thế nào bắt loài hoa phải nở)
trời khuya khoắt, khuya khoắt
chiếc vỏ đạn sáng choang nằm chơi một góc
cây cọ gãy bên khẩu súng yên hàn
mũi chĩa vào bông hồng bạch úa
thật vô ích, vô ích

Khi Người Chết Trẻ

Khi kẻ tử trận tuổi chưa ngoài hai mươi mốt
hắn sẽ mang những gì về thế giới bên kia
cây súng nặng hai tay cầm chẳng xuể
lựu đạn thừa không lẽ tặng mẹ cha
hạnh phúc chưa bao giờ bốc đầy vốc tay chim sẻ
tình yêu cũng không ngoài trí tưởng vu vơ

hắn tự hỏi bây giờ vì sao hắn chết
chân lý thường chỉ hiện một lần
ở phút lâm chung

hắn chợt nhớ mình còn quá trẻ
chết, khi không, chết chả làm gì
nhưng quá muộn đã ngang tầm vĩnh biệt
hơi thở cuối cùng là ân thưởng mang theo

hồn đã đi nhưng mắt còn ngoái lại
nhìn vết chân mình
bao kẻ đang theo.

Những Đứa Con Không Giống Cha Mẹ

hãy nói với tôi những lời nào mẹ cha không dặn
những lời nào nhà trường quên không đọc cho em ghi
hãy nói với tôi thì thầm (và thì thầm như không hề hé miệng)
về bóng cây đêm qua đã che kín bóng mình

hãy nói với tôi khi hai đứa chia tay em về với mẹ
em đã nghĩ gì về lũ đèn đêm hàng hiên và những chiếc xe pha đèn vào mặt lúc mình đang hôn nhau

hãy nói với tôi về ngày mai
ngày mai với những đứa con gái tròn xinh như hạt mít

những đứa con trai dài và buồn như lá cây
những đứa con sinh ra ngậm tăm không khóc
mắt chưa nhìn mà lệ đã chảy quanh môi

hãy nói với tôi…ồ…có chi đâu mà em đã ngượng
nói đi em về đôi gối đang thêu
về tấm chăn đơn màu hồng hay xanh
lụa hay nhiễu
lụa và nhiễu thì mềm (thật mềm và mát như da em)
hãy nói với tôi
dù ngày mai chưa bao giờ có trên quê hương ta
bởi ngày mai biết đâu tôi chết
vì chiến tranh này
thôi đừng nhắc nữa phải không em

Trong Cơn Giông Đời

1.

không hiểu lý do nào khiến tôi đinh ninh
chiều nay mưa lớn
gió sẽ nổi ở hướng Tây Nam
mà mưa sẽ chan hoà bắt đầu từ Đông Bắc
sau cơn mưa trời sẽ có cầu vồng
móng sẽ mọc ở phía Nam
nửa vòng cung sẽ mờ dần khi cong về phía Bắc
trí tưởng tôi cả gió

khi nghĩ trời sắp chuyển dạ mưa mau
đài khí tượng thông báo trọn ngày hôm nay
sóng yên bể lặng

trời sẽ nắng to và kém gió
phải chăng tôi sống bằng thần trí của một kẻ nào đó
đã qua đời và hồn nhập nơi tôi

chúng ta luôn cõng trên vai
mỗi người một xác chết
nếu chân có hăm hở bước về phía trước
mắt vẫn lùi vĩnh viễn về sau

2.

tôi ngồi chờ cơn mưa tới
trong chiếc ghế cũ bọc vải ka ki xám
trước những cột thép gió nghễu nghện
mọc trên một phần rừng cao su
nay đã trở thành bãi rác và trại lính của Mỹ

chiều vẫn chưa đến
nắng rát như những hòn bi lửa lăn trên mặt tôi nhẫy bóng
ngày không đi
chưa tạt bóng đêm về
tôi bó gối nghĩ hoài về một nơi

một chốn nào khác hơn cảnh đời này đã cũ
nụ hôn này đã quen
dòng lệ này đã nhạt

tôi chịu được cọc còi
nhưng đừng bắt nhau gánh đùm nhạt nhẽo

tôi hoan hỉ với dáng sần sùi cố hữu
xin đừng ai gọt nhẵn bôi trơn

tôi nhớ tên người tình bất hạnh
giữa tiếng cam nhông phá vỡ ảnh hình vừa nhen
mỗi kỷ niệm qua đi như một ngón tay sớm lìa bàn tay than củi
ngó xuống hoài những giọt máu thâm đen

3.

không hiểu lý do nào khiến tôi đinh ninh
chiều nay mưa lớn
cũng như tôi có đủ tay chân
có xương sống và nhất là tiếng nói
nhưng tôi vẫn thường tự hỏi lại tôi
là người hay thú
biết đâu chừng
là thú cũng nên

lúc ái ân
tôi thấy mình giống hệt loài bò sát
trên mặt phẳng thịt da
của một loài có vú

trong suốt cuộc tình buồn
tôi nghĩ tôi như con bò rừng lên cơn húc hoài một mảnh lụa đỏ

sự có mặt của chúng ta
chỉ có nghĩa ngang một trò chơi mai mỉa
và không ai được phép chọn mình

em phải thấy cuối cùng
chẳng có gì đáng nói

4.

luôn luôn kẻ mù lòa là tôi múa may kêu đòi ánh sáng
luôn luôn kẻ câm điếc là em khát khao tìm lời nói dối

ta vẫn sống làm người
thật vô cùng bỉ ổi

rồi một sáng nào không xa
tất cả chúng ta bảo nhau dộng đầu xuống đất
nhìn ngược thế gian này
thấy đời mình vẫn vậy

nào có gì khác hơn

cỏ muôn năm vẫn mọc dù có bị đào sâu chôn kín
hoa muôn đời vẫn tàn dù hương nhụy có chưa kịp bay
hỡi những kẻ mắt chỉ quen nhìn theo gót chân kẻ khác
miệng chỉ quen nhai lại cỏ khô
hãy cúi mặt thấp hơn cho đầu liền với cổ
cho cổ lẩn vào thân
cho tất cả trở về nguyên hình khối thịt
mãi đong đưa trên hai cành nạng gỗ

5.

không hiểu lý do nào khiến tôi đinh ninh
có một cơn mưa rất lớn
những hạt mưa sẽ không như lúa mềm
rắc quanh bờ ruộng nẻ
những hạt mưa sẽ không từ đỉnh cao thoát xuống
cũng chẳng từ đôi mắt em rơi
(dù đôi mắt em, đôi mắt của một người tình bất hạnh)

những giọt mưa ôi những giọt mưa
sẽ rơi trong một khoảng cách đều
khoảng cách thật đều từ hiên tới mái (hay từ mái xuống hiên)

như thế
thánh thót rơi trong nỗi muộn màng của một đời người sớm héo
như bước chân ai đi về một nơi mà chính kẻ đi cũng không hề biết được nơi mình sẽ đến
một nơi nào
cõi đó
có không huyền châu ?
Dưới Ghềnh Đá

1.

trả cho tôi con sông
với những chiều nước mặn
trả cho tôi dĩ vãng
đeo cổ này rong chơi

chuông ham muốn tôi rung hoài khao khát
đỉnh giáo đường treo mộng cũ ngôi cao

2.

trả cho tôi chiếc cầu
bắc qua dòng hạnh phúc
em một bến long đong
tôi một dòng nước ngợp
cởi cho tôi nút thắt

trái tim đời đã thâm
giọt máu hồng đã cạn

thân tội lỗi nặng nề bất động
hồn không bay cánh rã tự khuya nào

3.

cột cho tôi chiếc dây
vào chân còn nguyên vẹn
thả tôi xuống dòng sông
mặc cho nghìn chảy xiết

giữ đầu dây em hãy làm như người không hay biết
buông tay ra và ngồi đợi sủi tăm
tôi ngụp lặn dưới tận cùng bí ẩn
kiếm tìm hoài chẳng thấy chi hơn
diều hy vọng không dây dòng nương gió
thở than nhiều nên đã hụt hơi

tôi chìm nghỉm, đeo quá nhiều trái nặng
quả tương lai thành đá tự bao giờ

4.

hãy cho tôi tắp vào một chân cầu
nghe bước người qua lại
dù mắt không thể nhìn

tay không còn với
nhưng đời sống lẽ nào tôi không thể tới
bằng mơ mòng cùng trí tưởng quanh co

dòng sông nào trôi hoài không ra biển
cho tôi về một cửa ăn năn

hãy dung chấp hồn tôi
như một người chết đuối
cõi mộng em dù có buồn như nhà thương dưỡng lão
tôi cũng xin một xó an thân
dù hy vọng có mấy khi thành tựu
và nhất là đời đã mấy khi vui

em phải nhận chán chi lần gian dối
sống đời thừa mà vẫn cố đeo chuông

5.

khi tôi chết thân xác này sẽ rữa
hồn không bay vì đeo trái oan khiên
vì hạnh phúc đương nhiên sẽ thành đất đá
ngày dương gian chỉ đợi bấy nhiêu thôi

Cho Ngày Mười Bốn Mười Một

1.

bao giờ mưa cũng kéo qua tháng mười một
trời thì thấp, mây thì nặng, ngày thì dài và đêm thì xanh
(đã năm năm liền rồi, như thế)
em có còn đó không
khi ngày mưa trở lại
lúc cuộc tình đã qua
những ngày mưa bẻ gập đời tôi thấp xuống
cho nỗi buồn mưng lên
chín trên từng ngọn cỏ
khi ánh sáng tình em
phút tình cờ bỗng tắt

đời nhạt nhẽo liếm môi mình cũng nhạt
tóc trên đầu vẫn từng ngọn riêng tây

em phải nhớ giùm tôi
lệ không chảy
dù tim ứ tràn máu mặn
hồn không tan vì đeo đá đau thương

2.

bao giờ mưa cũng kéo qua tháng mười một
trời thì thấp, mây thì nặng, ngày thì dài và đêm thì xanh (đã năm năm liền rồi, như thế)
em có còn đó không
khi ngày mưa trở lại
lúc cuộc tình đã qua
sân khấu đời vẫn vậy
diễn lại một thói quen

mưa mỗi năm một lần
đêm hằng hằng bóng tối
chỉ riêng cảnh tình ta
mỗi ngày một lạ lẫm

khi yêu em tôi cạn hồn đắm đuối
đời chẳng còn gì hơn
ngoài những tờ thư cũ

tôi sống nốt đời mình
trong dối lường tất cả
tôi chỉ đúng là tôi
khi nghĩ về một người (đã mất)

tình yêu là mảnh đất
sớm muộn gì cũng mọc lên loài cây hối tiếc
ta chỉ thấy được mình
trong khu vườn cây ấy

tôi ước ao một sáng trời hồng
người tình cờ ghé ngang vườn tôi
xin nhớ đừng kinh ngạc
nếu đọc thấy tên mình
trên tấm biển đề trước cổng
(có thể nét khắc lúc đó đã hơi phai
nhưng tôi tin vẫn còn rõ lắm
bởi tấm biển đá kia
chính là tim tôi với thời gian hóa thạch
và dao dùng để khắc
không có gì khác hơn những mảnh xương tôi
tan vỡ vụn)

phải thế không huyền châu
trái sầu nào chả chín
lúc cuộc tình đã bay
có nỗi tuyệt vọng nào
không đeo cổ những người bất hạnh

vì thế mà lúc chết
ta không thể đứng yên
cũng rất khó ngồi vững
cuối cùng thế nào rồi cũng ngã
ườn dài như khúc cây
trên một dòng nín lặng

3.

bao giờ mưa cũng kéo qua tháng mười một
trời thì thấp, mây thì nặng, ngày thì dài và đêm thì xanh
(đã năm năm liền rồi, như thế)
em có còn đó không
khi ngày mưa trở lại
lúc cuộc tình đã qua
tôi vẫn còn mở mắt
trông bóng người không in
tôi vẫn còn khối óc
ghi đủ tên tuổi người
với những lời hứa hẹn

tôi còn nguyên khối lệ
mừng người khi hay tin
vĩnh biệt thời con gái

tôi còn đủ đôi chân
để đi bên cuộc tình
(của người và chồng con)
cho đến ngày nhắm mắt

phải thế không huyền châu
thời gian là chiếc xuổng
đào sâu lỗ huyệt mình

em có đến thăm tôi
khi tương lai sẽ nằm ở đó
cuối một mùa mưa nào
kéo qua tháng mười một.

1966

Đời Mãi Ở Phương Đông 1974

Ở Phương Đông

anh đã hứa em an lòng hỡi nhỏ
ta sẽ về tới chốn của thương yêu
nơi sương sa như sữa suốt buổi chiều
nơi mưa bụi xuống lòng nhau lấm tấm
nơi đêm bước những bàn chân rất chậm
và dãy đèn xấu hổ sẽ quay đi
riêng hàng cây vẫn đứng đó lầm lì
khi anh bỗng hôn em trời lu, (sao tỏ)

anh đã hứa em an lòng hỡi nhỏ
ta sẽ về tới chốn của riêng nhau
nơi nhục nhằn bị bỏ lại phía sau
nơi đau khổ không cách gì lấn tới
nơi hạnh phúc ắp đầy trong mỗi túi
để lúc buồn em khẽ nhón, ăn chơi
để vô tình em có lỡ đánh rơi
thì cũng chẳng bao giờ vơi hết được
nơi giờ khắc như kết thành bởi mật
sẽ tan dần trên đầu lưỡi tham lam
nơi hẹn hò (ôi chốn của trăm năm)
cõi để sống (sau một thời đã chết)
em bình tĩnh dù gì khoan thảm thiết
trước hay sau ta cũng phải quay về
cây có khô cành lá có chia lìa
lòng - có - tạnh và hồn - xưa - có - tối
đường có đổi, căn nhà hoang sương khói
ta vẫn về như giữa một cơn mơ
ta vẫn về dù tóc có bạc phơ
thân run rẩy và mắt mờ chẳng thấy
em đừng tủi bởi nếu cần khi ấy
ta dùng tay để tìm lấy nền nhà
ta dùng môi để giữ lấy ngọt ngào
và những thứ mất đi từ thuở nhỏ
ta sẽ thở bằng trầm hương của gió

lắng nghe xa chân thú bước mơ hồ
núi muôn năm còn ở đó đợi chờ
rừng vẫn rộng tay mời ta trở lại
đêm vẫn để dành ta muôn của cải
suối vẫn chờ nên suối chẳng đi xa
thông héo gầy bởi thông nhớ nhung ta
chim sẽ rủ nhau về đôi mắt biếc
hoa vẫn ở ối vàng hồn tưởng tiếc
ngày vẫn xanh kỷ niệm sẽ lên mầm
chân sáo vui đem tình cũ về gần
ta ở đó tới khi thành cát bụi
ta ở đó đời ta không có tuổi
em sẽ thành cánh bướm lúc mê vui
em sẽ thành con dế lúc khuya nguôi
cất tiếng hát…phân ưu tình ai dang dở

Tưởng Tới Người Vắng Mặt [57]

Rồi em bỏ ta đi
trong buổi sáng Sài gòn đầy lá
hay buổi chiều nắng ăn lốm đốm da em
như những con đường một chiều
khiến những người tìm nhau không thể vòng xe trở lại

---

57 Trần Duy Đức soạn thành ca khúc.

rồi em bỏ ta đi
để ta lại như con sâu kèn
(con sâu kèn ngủ vùi trong bao kín tối tăm
suốt một đời không thể tự mình rúc lên những hồi còi thê thiết)

như con đom đóm
lập lòe cơn mê điên
tưởng cùng em hoan lạc
tắt ngấm chút lửa tàn
đứng lên nghìn tuyệt vọng

em buồn bã như đêm
thoảng hồi chuông tuyệt vọng

rồi em bỏ ta đi
chẳng cách chi khác được
lệ có lỡ ứa trào
cũng khăn mình chậm lấy

đớn đau ở hôm nay
đời sau còn nhắc mãi

khi em bỏ ta đi
có nghe lòng trống trải ?
khi em bỏ ta đi
có nghe rừng gió mãi

ngày đã thổi sương theo
tình hoang mang rất vội
qua những miền hư hao
ta ngồi nghe gió nổi

em môi đỏ ráng chiều
có nghe lòng sắp tối
đêm gần kề bên ta
bảo ta : ngươi thấy tội

Phút Cuối Một Vòng Đua

người cứ thản nhiên đi
sá gì ân nghĩa cũ
ta đã sống nửa đời
chẳng cách chi khác được

người cứ thản nhiên đi
chọn một đời sống khác
những sớm mai mọc gai
truyền qua ta nọc độc

người cứ thản nhiên đi
bây giờ còn kịp chán
ngại gì chuyện hôm qua
khi tình xưa đã nhạt
hồn ta cơn bão điên

hú từng hồi tuyệt vọng
gió thổi muôn nghìn năm
đua vòng đua định mệnh

sống chưa biết mộ phần
nói chi về kiếp khác

người đã sống cùng ta
hiểu, lòng ta đơn giản
suốt đời ta dửng dưng
những gì người khao khát

tuy nhiên chưa quá muộn
người còn kịp ra đi
khỏi đời ta đã xế
gieo lại ước mơ xưa
đón mầm hy vọng mới

ta ư ? - đã nói rồi
trước sau hồn vẫn thế
yêu người cơn mê điên
nghìn năm đành thua thiệt

phút cuối một vòng đua
ta nhận phần bại cuộc

định mệnh như non cao
ta cơn giông tấp xuống
ôi người của trăm năm
hiểu chút gì ta nói ?
hãy trầm thấp đa đoan
để hồn như sợi khói

Bắt Đầu Những Năm Ba Mươi [58]

cám ơn yêu dấu, cám ơn sự nhắc nhở
cho ta nhớ
sinh nhật ta
lần đầu tiên có người han hỏi
lần đầu tiên
ta nghĩ tới ngày mình
ô dấu mốc thời gian thảm đạm
lúc bắt đầu của tuổi ba mươi

cám ơn yêu dấu, cám ơn cuộc đời
cho ta sống
đến hôm nay
để đón chờ em tới
cám ơn sự nhắc nhở
bởi nếu không
chắc chẳng bao giờ ta tự hỏi
trong xúc động bồi hồi

58 Trần Duy Đức soạn thành ca khúc

thực ư ? ta có những năm đầu ba mươi

Những năm đầu của tuổi ba mươi

mưa bay nhiều quá đỗi
trí nhớ ta cùn nhụt
chỉ còn ghi ảnh hình
chú nhỏ ngây ngô một mùa đông xưa cũ
một chú nhỏ nhà quê
giữa sân trường Hàng Vôi lá bàng rất đỏ
mới thoáng đó
còn đâu đây
mà ta đã bắt đầu những năm ba mươi có phải ?
thực đó chăng ? thực đó chăng yêu dấu ?
ta bắt đầu ba mươi
và ta đã làm chi đời ta với thời gian đằng đẳng ấy ?

và em nữa, thơ ngây
tới chi cuộc đời ta sắp xế
hoàng hôn của một người
ta bắt đầu tới đấy
dấu yêu tội nghiệp
có bàng hoàng khi bước vào cảnh đời ta u ám
những cánh cửa bụi mờ
với then son sớm gãy
chân bước lên thềm xưa
có nghe những đời mưa ngủ yên thức dậy

cám ơn yêu dấu, cám ơn sự nhắc nhở
lần đầu tiên của những năm bắt đầu ba mươi
khiến ta cảm động
bởi nếu không có em

thì đời nào ta nhớ
sinh nhật ta
tháng ngày xa lạ quá
và quá khứ mịt mù
ta tìm ta chẳng thấy

em chính là gương soi
của riêng đời ta đấy

bắt đầu của ba mươi
em dại khờ bước tới
như con sóc lần đầu tiên bỏ núi
như con chim ngu ngốc bỏ rừng
em bước vào đời ta
trùng trùng đau đớn
nhưng yêu dấu, bởi yêu em
ta sống nốt đời mình
trong hy vọng với vô vàn tuyệt vọng
trong thảm thiết
với tận cùng mừng tủi
khi chúng ta tìm nhau
buổi trưa rưng rưng nắng vàng khung kính phẳng

đời thinh lặng đi qua
ta ngậm ngùi ngắm nghía
cám ơn yêu dấu, cám ơn sự nhắc nhở
sinh nhật ta
đó là niềm an ủi
đó là chút hạnh phúc
em cho ta cảm tưởng
ít ra ta cũng còn là người
chưa đến nỗi như cây
mục trong vụn mủn

chưa đến nỗi như rừng
thâm u quên lãng
cám ơn yêu dấu, cám ơn sự nhắc nhở
cám ơn em
cho ta nhớ
sinh nhật ta
dấu mốc thời gian bao năm bụi phủ
như nỗi buồn
dấu cho một kiếp
em có hứa cùng ta
sẻ chia u uất đó ?

Thơ Ở Cửa Thuận An

về thôi phố đã lạnh đèn
cây che mặt đứng mù lên hiên thầm
về thôi sóng đã xuống cồn
bãi mênh mông một nỗi bồn chồn, xanh
về thôi mưa đã bập bềnh
gió luân lưu chuyển mối tình khôn vui
về thôi ngày đã đủ rồi
nỗi - đau - xé - sợi miệng cười - ráo - khô
về thôi đêm đẫm tư thù
nhát dao u uẩn chém nhàu đời nhau
về thôi buồn đủ gối đầu
tay thơm ấp mặt tóc sầu vắt ngang
về thôi biển đã an phần
nhân gian xa, sự chết gần gũi ta
về thôi nỗi nhớ lập lòa
núi chia cô quạnh, dốc đà chia vui
về thôi người đã cuối trời
đất thu da thịt, nước hồi máu, xương
về thôi hồn đã lên đường
bóng hiu hắt bỏ lại phương dập vùi
về thôi mộng đã ngậm ngùi
vết thương rách miệng, mặt đời lấm lem
về thôi trăng ngủ dưới triền
sóng lao xao dội tự miền tịnh yên

Vẫn Mãi Ở Phương Đông [59]

bây giờ, ta đã già và người vẫn mãi xa
như núi sớm hao gầy và giòng sông sắp cạn
bây giờ mùa mưa luôn thánh thót vườn đời ta
không cứ gì phải đúng ngày đúng tháng
và những con nước kia
còn vỗ hoài hai bên bờ tâm hồn ta sỏi đá
bây giờ đã muộn cho chúng ta
trả lại nhau tâm hồn và đời sống

khổ ải đã như rừng
ta cố công mở lối

bây giờ, ta đã già và, người vẫn mãi xa
như con thú đã bạt khỏi ngàn
chạy cuồng về phía biển
nơi những dấu chân quen
(có chút gì tội nghiệp)
đó chính là những lời hát
rớt xuống từ đôi mắt của người lãng du
trong một quay đi
không phải là trở về
bởi chúng ta chưa có một mái nhà để, xưa
ôi những móng tư thù
ngập vó đời bầm dập

59 Trần Duy Đức soạn thành ca khúc

ta đi qua nửa đời
vẫn hoài trông trở lại
dấu vết là môi người
vẫn còn thơm ngát mãi
và cuộc tình thiêng liêng
ủ trong tim vô nhiễm

bây giờ, ta đã già và người vẫn mãi xa
phải chăng chúa không thể ở gần
sự có mặt nhiệm màu
chỉ thực sự hiện hình nơi cõi đến
và, người giết lần ta
bằng thả trôi tình trong nín lặng
cây vàng im bóng trưa
ta cúi đầu tủi hổ

cay đắng đã như sông
cách gì ta lấp được

ôi giờ ta đã già
người đòi chi cuối kiếp
chân chưa thể bước qua
sợi dây người oan nghiệt

Như Vết Chàm tôi Mang

chiều như bài hát cũ
giọng sầu lên nguy nga
hình dung người khách lạ
một lần qua vườn tôi
chân non vừa chín, đỏ
tóc ngọn ngon làn môi
sầu hai mươi chớm, tới
núi dựng thành, phía xa
rừng âm u bước lại
hồn - rơi - trong - hẹn - hò
người như từ cõi khác
tôi như dòng sông trôi
buồn muôn năm một cõi
ngủ quên trong mộng còi
giật mình, trăng sáng quá

người bé dại trong tôi
muôn đời không có tuổi
người bé dại trong tôi
muôn đời không đổi dạng

rồi vết chàm trăm năm
phủ mặt ta bất hạnh

tôi ngồi suốt đêm qua
ngoài hiên mưa rất nhỏ
nghe nốt những dòng xanh
nhủ thầm, thôi cũng đủ

cây đời tôi đã cỗi
còn chi cho người vui
những chiếc lá chưa rơi
chỉ như lời nói dối

vườn đời tôi, đã tối
người hái bằng tay non
những chùm xanh biếc, cuối
vò nát, cho thời gian

dòng đời tôi uống cạn
cát lở từng nhát dao
đôi bờ sinh tử đó
người lạnh nhạt đi qua

tôi nghĩ mình đã hết
những ngày xanh như cây
tháng năm tôi thảm thiết
chập chùng cơn giông vây

tôi biết người khôn ngoan
đổi đời không khó lắm
sửa soạn và tân trang
lại lên đường, mới mẻ

người hãy chỉ giùm tôi
cách cải trang hình dạng
thay thế cả tâm tư
bằng linh hồn có sẵn

ôi thời đại chúng ta

còn chi chưa đóng hộp ?
vâng giờ tôi mới biết

người không thể cùng tôi
mãi chia dòng máu xót
một đời lệ khôn nguôi
kẻ nào mà chẳng vậy
người cách gì khác hơn
phải rồi, tôi đã hiểu
đời sống là lãng quên

thôi người cứ ra đi
nghĩa gì ân ái cũ
mù lòa trong cơn mê
tôi bằng lòng ở lại

nâng giấc đớn đau riêng
tấy mưng từng kỷ niệm
chẳng cần phải soi gương
mới biết mình tơi tả
chưa cần tới chia ly
tôi nghe mình đã khóc

như vết chàm tôi mang
nạo tới xương vẫn vậy
máu có thể đem thay
nhưng tình không đổi được

lửa đời tôi muốn tắt
cùng với cơn giông lên
cảnh đời tôi muốn khép
cùng với hơi thở đêm

chiều như bài hát cũ
rơi sâu, và ngủ yên

Hãy Đậy Lên Mắt Mỏi

khi đời sống còn là biển nước thênh thang
chạy xanh tới chân trời
và chân chúng ta mỗi lúc một lún sâu hơn trong vũng cát đời vô tận
thì vô ích hỡi yêu dấu

chúng ta không thể đổi thay
cảnh đời mình đã hiện
ngọn lửa thiêng đã thắp
trận bão thần đã lên

dù em có tắt đi
những nốt nhạc đang rung trên một vòng đĩa lớn
cuốn băng nhựa thôi quay
thì đời ta vẫn vậy
em mơ tưởng những gì
nơi một đời sống khác

bên này hay bên kia
âm dương vẫn chỉ một
ra khỏi vùng tối tăm
chắc đâu là ánh sáng

khi chính tâm hồn ta
đã như một tháp cổ
phế tích muôn nghìn năm
dật dờ hồn khói tụ
mưa phủ kín hư vô
lưới trời không kẽ hở

mở những cửa trăm năm
đường nào cũng địa ngục
có nhiều cách để chúng ta giết nhau

và đời người cũng thế
những nọc độc vô hình
khiến ta thành bất toại

ơi dấu yêu tội nghiệp
cách gì trả nợ nhau
khi anh không tin có một kiếp khác
cũng như giữa cuộc đời này
tận cùng là cõi chết
cách gì trả nợ nhau
phải không em tội nghiệp
khi ta đã cạn đời và không tin hạnh phúc
dẫu có về hư vô
lầm than kia vẫn vậy
dẫu có vào cô đơn
lầm than kia vẫn thế

chúa, phật nào cứu ta
khi hình hài nóng hổi
bóng chạy mà thân im
bàn chân thì lật ngửa

ơi dấu yêu tội nghiệp
đừng mơ mòng cõi khác
bằng những ngón tay khô
hãy đậy lên mắt mỏi

Tưởng Tượng Tôi [60]

người về quên ngắt hoa theo
những bông thắm, đỏ, tím theo chiều, tàn

người về quên bậc thang, lên
phố xa, dưới thấp, buồn men vách, tường

người về quên cỏ quên sương
cỏ chia tay gọi sương ngần ngại, rơi

người về quên núi sông, tôi
sông muôn năm đợi, núi côi cút, chờ

người về quên trả cho mưa
tình hong khô nắng, gối vừa đủ, êm

người về quên trả cho đêm
trái tim chưa tạnh mắt thèm chưa nguôi

người về quên trả cho tôi
áo phơi dây lạnh, còn hơi hướm, nồng

người về, phải thế hay không ?

---

60 Khang Thụy soạn thành ca khúc

148. Nhất Linh (1)

Thụy Khuê

Nhất Linh trong Văn Học Miền Nam

Nhất Linh là một trong những nhà văn hàng đầu của Việt Nam trong thế kỷ XX, chủ soái Tự Lực Văn Đoàn, người duy nhất xuất hiện trong hai thời kỳ văn học : Văn học tiền chiến và Văn học miền Nam với những tác phẩm có giá trị, soi đường cho một thế hệ. Phần được gọi là Văn học tiền chiến, tức giai đoạn 1930-1945, Nhất Linh có các tác phẩm chủ yếu : Đoạn Tuyệt, Đôi Bạn, Bướm Trắng… Phần xuất bản ở miền Nam không kém quan trọng, Xóm Cầu Mới là tác phẩm chủ đạo, ảnh hưởng sâu sắc đến những người đi sau như Võ Phiến, Võ Đình… Tuy nhiên, tác phẩm này không được đánh giá đúng mức, đôi khi còn bị «coi thường», không những về phiá những ngòi bút nhận định văn học, mà cả những người trong gia đình như Nguyễn Tường Bách, Thế Uyên… Độc giả trong nước, sau 1975, không còn được đọc Nhất Linh, Xóm Cầu Mới và Dòng Sông Thanh Thủy nữa… Chúng tôi bắt đầu nghiên cứu Nhất Linh từ 1996, và đã viết về toàn bộ tác phẩm của ông trong bài Nhất Linh (1906-1963) gồm bốn chủ đề : «Ý thức thoát ly trong Đôi bạn», «Nỗi đau

hiện sinh trong Bướm Trắng», «Xóm cầu mới, một khởi thủy» và «Nhất Linh, Dòng sông Thanh Thuỷ» (in trong «Nhất Linh người nghệ sĩ, người chiến sĩ», Thế Kỷ, Cali, 2004, và trên website : thuykhue.free.fr. Nhân dịp Văn Việt giới thiệu Nhất Linh trong khuôn khổ Văn học miền Nam, chúng tôi in lại dưới đây phần viết về hai tác phẩm chủ yếu của ông trong giai đoạn này : Xóm Cầu Mới và Dòng sông Thanh Thuỷ.

Thụy Khuê, Paris 20/10/2015

Tiểu sử Nhất Linh

Nhất Linh, tên thật là Nguyễn Tường Tam [61] sinh ngày 25/7/1906, tại huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương, trong một gia đình sáu trai, một gái. Trừ người anh cả Nguyễn

61 Viết theo tiểu sử Nhất Linh, Nguyễn Ngu Í, Sống Và Viết Với …, Sàigòn 1966, Xuân Thư in lại, không đề năm. Trong chú thích, Nguyễn Ngu Í viết: «Tiểu sử này, do chính Nhất Linh đọc cho tôi viết và đã xem lại trước khi in, tôi xin giữ trọn vẹn và không thêm đoạn đời từ thu 1954 đến thu 1963, để giữ chút kỉ niệm về anh. Khi tái bản sẽ in bổ túc.» Và Nguyễn Ngu Í mất tháng 8 năm 1977 tại Sài Gòn. Hình như sách chưa tái bản khi còn sinh thời Nguyễn Ngu Í, cho nên chúng ta không có được phần tiểu sử Nhất Linh từ 54 đến 63, do chính ông biên soạn

Tường Thụy, là công chức không dính líu đến văn nghệ và chính trị, từ người anh thứ hai Nguyễn Tường Cẩm, mất tích ở gần Hà Nội, đến Nhất Linh - Nguyễn Tường Tam, Tứ Ly Hoàng Đạo - Nguyễn Tường Long, Nguyễn Thị Thế, Thạch Lam - Nguyễn Tường Lân và bác sĩ Nguyễn Tường Bách, đều là những người tham dự vào văn chương. Nguyễn Thị Thế và Nguyễn Tường Bách viết hồi ký về gia đình Nguyễn Tường; và năm anh em Nhất Linh có những đóng góp tích cực trong việc quản trị các cơ sở báo chí và nhà in của Tự Lực Văn Đoàn.

Thích văn chương từ nhỏ, năm 16 tuổi Nhất Linh làm thơ đăng báo Trung Bắc Tân Văn, và năm 18 tuổi, có bài Bình Luận Văn Chương Về Truyện Kiều trong Nam Phong Tạp Chí.

Cuối năm 1923 đậu bằng Cao Tiểu. Nhưng vì chưa đến tuổi vào trường cao đẳng, nên làm thư ký sở tài chính Hà Nội, kết duyên văn nghệ với Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, viết Nho Phong. Lấy vợ và theo ban cao đẳng. Lúc đầu, năm 1924 học thuốc được một năm thì bỏ, chuyển sang học Mỹ Thuật, được một năm cũng bỏ.

1926, Nguyễn Tường Tam vào Nam, gặp Trần Huy Liệu, Vũ Đình Di định cùng làm báo. Nhưng vì tham dự đám tang Phan Chu Trinh, hai người này bị bắt, Nguyễn Tường Tam phải trốn sang Cao Miên, sống bằng nghề

vẽ và tìm đường đi du học.

1927 du học Pháp. Đậu cử nhân khoa học. Ở Pháp ông nghiên cứu về nghề báo và nghề xuất bản.

1930 trở về nước. Nhất Linh cùng hai em là Hoàng Đạo và Thạch Lam xin ra tờ báo trào phúng Tiếng Cười, nhưng thiếu tiền, báo chưa ra được, thì giấy phép quá hạn, bị rút.

Từ 1930 đến 1932, Nguyễn Tường Tam dạy tư ở các trường Thăng Long và Gia Long. Ở đây ông quen với Trần Khánh Giư - Khái Hưng. Sẵn có tờ Phong Hóa của giáo sư Phạm Hữu Ninh vừa đình bản, Nhất Linh mua lại và tục bản tờ Phong Hóa.

Kể từ ngày 22/9/1932, báo Phong Hóa ra 8 trang lớn, chú trọng về văn chương và trào phúng, tạo ra ba nhân vật điển hình : Xã Xệ, Lý Toét và Bang Bạnh.

Tự Lực Văn Đoàn được thành lập năm 1933 với 7 người : Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Tú Mỡ, Nguyễn Gia Trí và Thế Lữ. Về vai trò lãnh đạo của Nhất Linh, Tú Mỡ kể lại :

«Anh Tam thuê một cái nhà nhỏ ở ấp Thái Hà để mấy anh em làm việc. Tôi đi làm thì chớ, về đến đấy bàn bạc về cái tôn chỉ của nhà báo và soạn bài vở dự bị cho đủ

in trong sáu tháng. Anh Tam vừa viết, vừa vẽ. Anh đặt ra mục này, mục nọ, giao cho mọi người. Anh có lối làm việc rất khoa học. Anh đã giao cho ai việc gì thì chỉ có chuyên việc ấy. Nhiều lúc tôi muốn viết những bài thuộc về loại khác, anh khuyên chỉ nên chuyên về một lối. Có lẽ là một điều rất hay cho chúng ta. Tôi có thể nói, anh Tam là người đã tạo ra Tú Mỡ vậy [62].

Năm 1936, Phong Hóa bị đóng cửa vì Hoàng Đạo viết bài châm biếm Hoàng Trọng Phu. Tờ Ngày Nay - trước đã ra kèm với Phong Hóa - tiếp tục và kế tiếp Phong Hóa. Tháng 12 năm 1936, trên báo Ngày Nay, Nhất Linh phát động phong trào Ánh Sáng cùng nhóm Tự Lực, chống lại các nhà ổ chuột ở các khu lao động.

Năm 1939, Nguyễn Tường Tam lập đảng Hưng Việt, sau đổi thành Đại Việt Dân Chính. Hoạt động chống Pháp của nhóm Tự Lực trở thành công khai.

Năm 1940, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí bị Pháp bắt, bị đầy lên Sơn La, đến 1943 mới được thả. Trong thời gian này, Thạch Lam và Nguyễn Tường Bách tiếp tục quản trị tờ Ngày Nay. Cuối năm 1941, Ngày Nay bị đóng cửa.

62 Trích Chân Dung Nhất Linh của Nhật Thịnh, t.128-129, Đại Nam tái bản, không đề năm, Tú Mỡ trả lời Lê Thanh trong bài Phỏng vấn các nhà văn

1942 Nhất Linh chạy sang Quảng Châu, Thạch Lam mất tại Hà Nội vì bệnh lao.

Tại Quảng Châu, Liễu Châu, gặp Nguyễn Hải Thần và Hồ Chí Minh mới ở tù ra, Nguyễn Tường Tam cũng bị giam 4 tháng. Trong thời gian từ 1942 đến 1944, ông học Anh văn và Hán văn, hoạt động trong Cách Mạng Đồng Minh Hội, rồi về Côn Minh hoạt động trong hàng ngũ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Sự tranh chấp, bắt bớ và thủ tiêu giữa hai đảng Việt Minh và Việt Quốc càng ngày càng gia tăng. Giữa năm 1945, Nguyễn Tường Tam trở về Hà Giang với quân đội, nhưng rồi lại quay lại Côn Minh và đi Trùng Khánh. Giai đoạn này đã được phản ánh trong Giòng Sông Thanh Thủy.

Theo lệnh của Nhất Linh từ Trung Quốc gửi về, báo Ngày Nay lại tục bản, khổ nhỏ, ngày 5 tháng 3 năm 1945 và trở thành cơ quan ngôn luận của Việt Nam Quốc Dân Đảng, với Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí và Nguyễn Tường Bách.

Biến cố 19 tháng 8 năm 1945 bùng nổ. Việt Minh lên nắm chính quyền. Ngày Nay bị đóng cửa và phân tán.

Sau chiến tranh Việt Pháp ngày 19 tháng 12 năm 1946, Khái Hưng rời Hà Nội, tản cư về quê vợ ở Nam Định. Tại đây, bị công an Việt Minh bắt, ông bị thủ tiêu

năm 1947.

Hoàng Đạo và Nguyễn Tường Bách chạy sang Trung Quốc. Hoàng Đạo mất ở Quảng Châu tháng 8 năm 1948.

Thời điểm1946, Việt Minh và Quốc Gia chủ trương hòa hoãn và hợp tác. Đầu tháng 6/1946, Nguyễn Tường Tam trở về Hà Nội. Hợp tác với chính phủ liên hiệp kháng chiến, giữ ghế Bộ trưởng ngoại giao, cầm đầu phái đoàn Việt Nam dự hội nghị trù bị Đà Lạt.

Được cử làm trưởng phái đoàn đi dự hội nghị Fontainebleau, nhưng ông từ chối và bỏ sang Tầu, gặp cựu hoàng Bảo Đại, và ở lại Trung Hoa 4 năm.

Năm 1951, ông trở về Hà Nội và tuyên bố không thuộc đảng phái nào, không hoạt động chính trị.

Vài tháng sau, vào Nam, mở nhà xuất bản Phượng Giang, tái bản những sách Tự Lực Văn Đoàn.

Năm 1953 lên Đà Lạt ở ẩn, sống với hoa lan ven suối Đa Mê.

1958 rời Đà Lạt về Sài Gòn, chủ trương tờ Văn Hóa Ngày Nay, phát hành được 11 số thì bị đình bản.

Dính líu đến vụ đảo chính ngày 11/11/1960, ông bị chính quyền Ngô Đình Diệm gọi ra xử ngày 8/7/1963.

Nhất Linh uống thuốc độc tự tử ngày 7/7/1963.

Tác phẩm

Trong 40 năm hoạt động văn học và chính trị, Nhất Linh đã hoàn thành trên 20 tác phẩm, và những sách sau đây đã được xuất bản :

Nho phong, viết năm 1924, in năm 1926
Người quay tơ, 1926
Anh phải sống, viết chung với Khái Hưng 1932-1933
Gánh hàng hoa, viết chung với Khái Hưng 1934
Đời mưa gió, viết chung với Khái Hưng 1934
Nắng thu, 1934
Đoạn tuyệt, 1934-1935
Đi Tây, 1935
Lạnh lùng, 1935-1936
Hai buổi chiều vàng, 1934-1937
Thế rồi một buổi chiều, 1934-1937
Đôi bạn, 1936-1937
Bướm trắng, 1938-1939
Xóm Cầu Mới, 1949-1957
Viết và đọc tiểu thuyết, 1952-1961
Giòng sông Thanh Thủy, 1960-1961.

(Tiểu sử soạn năm 1996)

Nhìn lại sự nghiệp Nhất Linh

Ngày nay, hầu như không ai chối cãi giá trị của Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo và Tự Lực Văn Đoàn trong công việc cải tạo xã hội, giải phóng phụ nữ, sau Hồ Biểu Chánh ở trong Nam, họ đã đặt nền móng cho một nền văn học quốc ngữ ở Bắc, mà trước và sau họ chưa có một văn đoàn nào đạt được ảnh hưởng sâu xa trong xã hội như vậy. Nhưng còn một khía cạnh khác ít được chú ý, và có lẽ quan trọng hơn, đó là tư tưởng của Nhất Linh, dòng ý thức sâu sắc về sự thoát ly của con người, về những nét tiêu cực trong lý tưởng cách mạng, về tính ngắn hạn của hạnh phúc, về sự trường tồn của văn hóa, văn nghệ… Những yếu tố cơ bản này, vừa lặn sâu dưới đáy các tác phẩm, vừa bao trùm toàn bộ những sáng tác của Nhất Linh, kể từ tập truyện ngắn Người Quay Tơ viết năm 1926 đến những tác phẩm cuối cùng như bộ trường thiên Dòng Sông Thanh Thủy [63] viết năm 60-61. Như vậy, tìm hiểu Nhất Linh cũng là đào xới những ẩn tưởng chìm sâu trong lòng tác phẩm, mà một «đọc đi» chưa thể thấu, cần có thêm một «đọc lại».

Sự nghiệp văn học của Nhất Linh có thể chia làm hai giai đoạn : Giai đoạn đầu từ 1932 đến 1936 với các tác

63 Nhất Linh viết là Giòng Sông Thanh Thủy

phẩm chính mang tính luận đề : Anh Phải Sống, Gánh Hàng Hoa, Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng … Và giai đoạn sau, từ Đôi Bạn, Bướm Trắng đến Xóm Cầu Mới, Dòng Sông Thanh Thủy, Nhất Linh đã ra khỏi giới hạn luận đề để viết về những khắc khoải nội tâm của con người.

Có một nghịch lý là đối với phần đông độc giả, dường như tên tuổi Nhất Linh chỉ gắn liền với các tác phẩm luận đề như Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng, … Khi Nhất Linh từ bỏ tiểu thuyết luận đề, đấu tranh xã hội để bước vào tiểu thuyết nghệ thuật và tư tưởng, thì Đôi Bạn, Bướm Trắng đã ít người đọc hơn.

Sau 1954, Nhất Linh cho ra đời những tác phẩm không kém phần quan trọng, nhưng ít được dư luận biết đến, hoặc nếu đề cập, cũng không được đánh giá đúng mức, đó là tập tiểu luận Viết Và Đọc Tiểu Thuyết và hai cuốn trường giang tiểu thuyết Dòng Sông Thanh Thủy và Xóm Cầu Mới [64].

---

64 Các cháu của Nhất Linh như Duy Lam, Thế Uyên, đều có ý chê những tác phẩm của ông in sau 1954. Cả em ruột Nhất Linh, Nguyễn Tường Bách cũng viết trong hồi ký: «Sau này, ở miền Nam, anh lại viết thêm vài cuốn như Xóm Cầu Mới, Giòng Sông Thanh Thủy … Những tác phẩm này kém xa ngày trước vì anh không còn những cảm thụ độc đáo như ngày còn trẻ và

Ở Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng Nhất Linh vẽ nên cảnh xung đột trực tiếp giữa lối sống cũ và mới. Để bênh vực người phụ nữ, Nhất Linh đã không ngần ngại đẩy hoàn cảnh đến mức độ cực đoan nhất, lấy phần quyết thắng về phe Loan, người phụ nữ tân thời, tranh đấu cho quyền làm người trong xã hội Khổng Mạnh.

Ở Đôi Bạn, Nhất Linh đi xa hơn. Ông không dựa trên tình tiết, không dựa trên cốt truyện để xây dựng tiểu thuyết nữa. Nhất Linh đi sâu vào địa hạt nội tâm, xây dựng nghệ thuật trên sự tinh vi của nhận thức. Cảm giác, xúc giác, khứu giác là những yếu tố chính trong cơ lực con người, giao thoa giữa nội tâm và ngoại giới. Nhất Linh cho người đọc thưởng thức những mùi hương, những say sưa của hạnh phúc, của ánh nắng chiều, của mầu thời gian thoáng nhạt. Dũng với Loan trong Đôi Bạn đã khác xa Dũng với Loan trong Đoạn Tuyệt. Dũng Loan trong Đôi Bạn «cao» hơn, giúp ta nhớ lại, duyệt lại, học lại những cảm giác đã mất, dẫn ta bước vào thời gian và không gian liên tưởng, cho ta những rung động mới, những ấn tượng mới.

---

cũng mất cả vẻ hồn nhiên trong tâm linh, sau khi đã trải qua những ngày vật lộn chính trị kinh hồn.» (Việt Nam, Những Ngày Lịch Sử, t. 50, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, Montréal, 1981)

Với Bướm Trắng, Nhất Linh đi sâu vào khía cạnh triết lý. Trương, trong Bướm Trắng, biết mình bị lao, chỉ còn sống được có một năm, bập bềnh giữa sống và chết. Qua Trương, Nhất Linh phân tâm con người trước cái chết. Bằng một lối nhìn trầm lặng, ngòi bút bình thản đi vào các cửa ngõ nội tâm biến dạng và bối rối của Trương, không phải để tìm kiếm một lối thoát cho Trương, mà để cùng nhập cuộc phiêu lưu của một người mất hướng.

Thanh Thủy là một dòng sông nhỏ, chảy qua biên giới Việt Trung, gần Hà Giang. Dòng Sông Thanh Thủy là cuốn tiểu thuyết duy nhất của Nhất Linh viết về chính trị. Dòng Sông Thanh Thủy được viết khá vội vàng, trong thời điểm 60-61. Thời kỳ Nhất Linh đã bị chính quyền Ngô Đình Diệm truy lùng và bắt bớ. Về phương diện kỹ thuật tiểu thuyết, Dòng Sông Thanh Thủy hơi loãng, thua Đôi Bạn, Bướm Trắng và Xóm Cầu Mới, nhưng có giá trị lịch sử và nhân văn. Truyện về giai đoạn kinh hoàng của cách mệnh, hai đảng Việt Nam Quốc Dân Đảng, gọi tắt là Việt Quốc, và Việt Minh thanh toán nhau trong bắt bớ và thủ tiêu. Thế mèo vồ chuột của hai đảng đã được Nhất Linh mô tả trong Dòng Sông Thanh Thủy một cách lạnh lùng và tường tận.

Xóm Cầu Mới tác phẩm dang dở của Nhất Linh, cuốn tiểu thuyết không có cốt truyện, được Phượng Giang in thành hai tập, trên 700 trang. Bản thảo bị thất lạc nhiều năm -theo nhà xuất bản Phượng Giang- tình cờ tìm thấy vào ngày giỗ thứ mười của Nhất Linh. Đây là tác phẩm quan trọng mang những kỳ vọng của Nhất Linh về một bộ tiểu thuyết trường giang trên mười ngàn trang, diễn tả những phức tạp muôn mặt của cuộc đời. Tác phẩm được viết đi viết lại tất cả 5 lần. Lần đầu năm 40 tại Hà Nội. Lần thứ hai năm 43 tại Quảng Châu. Lần thứ ba năm 49 tại Hương Cảng. Về nước năm 51, Nhất Linh viết lại lần thứ tư tại Hà Nội. Và trước khi in một số chương trên Văn Hóa Ngày Nay, Nhất Linh sửa lại lần chót bên dòng suối Đa Mê, tại Fim Nôm Đà Lạt vào năm 57.

Xóm Cầu Mới viết về cuộc sống của một xóm nhỏ, với năm gia đình, địa vị xã hội khác nhau, trong nửa đầu thế kỷ XX. Khác với những tiểu thuyết trước, thường giới hạn trong một hạng người : trí thức tiểu tư sản, như trường hợp Gánh Hàng Hoa, Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng, Đôi Bạn, Bướm Trắng. Ở Xóm Cầu Mới Nhất Linh khảo sát nhiều hạng người. Ông tạo ra một xã hội nhỏ, trong đó mỗi nhân cách giàu nghèo đều có tương quan mật thiết với nhau. Mỗi chân dung nhân vật đều linh hoạt và sâu sắc về dung mạo cũng như về đời sống

tâm linh.

Xóm Cầu Mới, một khởi thủy

Đối với Nhất Linh, mỗi tiểu thuyết là một chặng đường, Xóm Cầu Mới tổng kết những chặng đường nghệ thuật và tư tưởng, Nhất Linh đem hết kinh nghiệm sống và viết của đời mình để tạo nên tác phẩm. Ở đây không còn chủ đề, không còn đấu tranh xã hội, cũng không phơi bầy một triết lý sống nữa, mà chỉ có đời trần trụi. Đời sống. Trong Xóm Cầu Mới, Nhất Linh đã đạt đến cái đích của tiểu thuyết mà ông mong muốn «không phải là sự diễn tả đời sống nữa, nó chính là đời sống, đời sống rung động và hồi hộp, mà không chỉ là đời sống bên ngoài mà còn là đời sống bên trong, đời sống bí ẩn của tâm hồn» [65]. Nhất Linh tạo không gian nội tâm và ngoại giới của mỗi nhân vật và đi sâu vào không gian ấy như thể ông bị nhân vật lôi cuốn đi, từ Mùi, Siêu, đến những người xung quanh như Tý, Bé, Triết, Mạch, ông Lang Hàn, U già, vợ chồng bác Lê, Nhỡ, Đỗi, Bà Chủ Nhật Trình, ông Năm Bụng, cậu Ấm, cụ Án v.v…

---

65 Viết Và Đọc Tiểu Thuyết, Nhất Linh, nhà xuất bản Đời Nay, 1969, trang 69, câu này Nhất Linh trích từ lời của một nhà phê bình viết về cuốn Anna Karénine của Tolstoi, mà ông cho là một mẫu mực của tiểu thuyết

Nhất Linh không xây dựng nên nhân vật nữa mà chính những nhân vật dựng nên cõi viết Nhất Linh. Xóm Cầu Mới mở đầu bằng những hàng :

«Mùi sực thức giấc nhưng còn mơ màng chưa tỉnh hẳn. Tiếng gió trong lá cây, ở xa xa, không biết nàng nghe thấy thực hay chỉ là tiếng trong giấc mơ; tiếng lá loạt soạt làm nàng cảm như đâu đây có ai vừa kéo chăn đắp cho khỏi lạnh, tay nàng bất giác kéo một góc chăn phủ lên chỗ ngực để hở. Một nỗi vui lành mạnh thấm nhuần khắp thân thể và hình như người nàng vẫn vui suốt cả đêm qua, bây giờ hơi tỉnh nàng mới nhận thấy: «Ban đêm mình nằm mê thấy một chuyện gì chắc vui lắm.» [66]

Tất cả những động tác của Mùi ở đây chỉ làm nổi bật phần cốt yếu là sinh hoạt tâm linh. Hành động đáng chú ý nhất là «kéo chăn» lên đắp trên ngực, cũng không phải chủ đích của Mùi mà là vì Mùi cảm thấy như đâu đây có ai kéo chăn đắp cho khỏi lạnh, cho nên tay nàng bèn «bất giác» kéo một góc chăn lên để đắp chỗ ngực để hở. Vậy ngay đến hành động kéo chăn lên đắp ngực cũng là một hành động mơ hồ, như trong vô thức. Và trong 50 trang tiếp theo là hồi ức về những việc xẩy ra

66 Xóm Cầu Mới, Phượng Giang, 1973, in lại ở Hoa Kỳ, không đề năm, không đề nhà xuất bản, trang 13

hôm qua, từ khi nhận được thư Siêu báo tin sẽ về Xóm Cầu Mới, xa hơn nữa đến thời tuổi thơ của Siêu và Mùi, những giận dữ, những trò chơi và cái hôn đầu của tuổi mười ba. Rồi khi Siêu đi xa, Mùi vả tay vào dậu găng cho chảy máu để ăn vạ v.v…

Tất cả những động tác, những ký ức và hồi tưởng chạy dài trong đầu khi Mùi nằm trên giường còn ngái ngủ. Trước Xóm Cầu Mới dường như chưa có tiểu thuyết gia Việt Nam nào sử dụng «hồi tưởng» lâu như vậy. Ở đây có một sự êm ả rất Đông phương và một táo bạo rất Tây phương.

Có mối tương quan nào đó giữa chương đầu Xóm Cầu Mới và chương đầu của A la recherche du temps perdu (Đi Tìm Thời Gian Đã Mất) của Marcel Proust. Đoạn «Một Buổi Sáng» trong Xóm Cầu Mới có gì tương tự như đoạn Combray của Proust, cậu bé Proust thao thức trên giường với tiếng gọi của kỷ niệm, của suy tưởng. Tất nhiên không có gì chứng minh Nhất Linh chịu ảnh hưởng Proust. Trong tập tiểu luận Viết Và Đọc Tiểu Thuyết cũng không thấy Nhất Linh nhắc đến Proust mà ông khâm phục Tolstoi. Nhưng cách xây dựng tiểu thuyết của Nhất Linh không giống cái «không khí» Tolstoi nữa, tức là đã ra khỏi thế kỷ XIX để bước vào thế kỷ XX mà hồi tưởng, mơ mộng và

ký ức được tận dụng triệt để với Marcel Proust. Nhất Linh trong Xóm Cầu Mới sử dụng hồi tưởng và ký ức như một lợi khí mới của văn học. Và nếu có mối tương quan nào giữa Nhất Linh và Marcel Proust thì chỉ ở chỗ hai nhà văn này cùng dùng những yếu tố đó và chỉ ở chỗ đó mà thôi vì sự khác biệt của họ rất rõ ràng : văn phong của Proust dồn dập, nhiều dòng, nhiều trang, tràn đầy âm thanh, hình ảnh, mầu sắc v.v…, Proust là người «dụng văn» trong khi Nhất Linh ngắn, gọn, đơn giản, ông chủ trương không làm văn (nữa), tức là bỏ lối viết văn chương của thời lãng mạn để trở về với lối viết nguyên thủy «có lời là vì ý, được ý hãy quên lời» rất Nam Hoa Kinh [67]. Nét chung giữa Proust và Nhất Linh là cả hai đều cho người đọc cái ấn tượng an lạc, hạnh phúc trong những giây phút sống lại kỷ niệm. Ở Proust là chiếc bánh madeleine chấm nước trà bất hủ. Ở Nhất Linh là dậu găng, là những cánh hoa mộc, là những

---

67 Những nhà văn lớp sau như Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến… đã ít nhiều chịu ảnh hưởng. Nhất là Võ Phiến, trong lối mô tả chi tiết, ông hay nhắc đến lời Nhất Linh (trong Viết Và Đọc Tiểu Thuyết) khuyên những ai muốn viết tiểu thuyết hay đừng quan tâm tới câu văn hay. Thật ra, lời khuyên của Nhất Linh chỉ có tính cách tương đối vì một người không theo «trường phái» Nhất Linh như Vũ Khắc Khoan vẫn được Nhất Linh quý trọng

chiếc bánh gai, những ngày lụt lội, những con ma ở gốc đa, ở lăng cụ Quận, những con lợn của bác Lê và những cái cốc đầu con của bác ấy. Là thằng Tý thông minh, là U già lẩm cẩm hay nói ngang phè mà có lý, là bà ký Ân Chủ Nhật Trình hay nõ mồm, mở mồm ra là «người trần mắt thịt ơi !», là ông giáo Đông Công Ích Tin Lành vừa buôn đạo vừa buôn công phiếu. Là ông Năm Bụng giắt năm chai rượu lậu trong bụng, là cụ Án bắt ruồi, cậu Ấm nói dối vợ đi bắn vịt trời để hút thuốc phiện v.v… Cái thế giới đã qua như một thời vang bóng, được Nhất Linh dựng lại như một thế giới đang còn sống bây giờ, một xã hội trúc đầu nghiêng xuống, một xã hội về chiều. Tính chất nghiêng xuống ấy là nòng cốt tác phẩm. Nghiêng xuống mà không bi quan, vẫn hóm hỉnh và hạnh phúc :

Cụ Án nghiêng người nhấc cái vung nồi cá kho dứa đặt trên cái hỏa lò con nhìn vào trong nồi và hít mũi mấy cái. Lứa cá kho này cụ thấy ngon hơn mọi lần. Trong đời cụ, cụ chỉ thích nhất ăn cá kho dứa, mùa nào không có dứa tươi thì cụ nấu cá với dứa hộp và Hải đi Hà Nội mua đạn bao giờ cũng nhớ mua mấy hộp dứa biếu cụ. Độ trước khi cụ Án ông còn sống bắt cụ rời nhà quê lên ở trên tỉnh, cụ được nếm đủ các thứ sơn hào hải vị nhưng cá kho dứa cụ vẫn thấy ngon nhất. Cá kho ăn lại đỡ tốn, mỗi miếng cá bé tý cũng ăn được bao nhiêu

là cơm. Biết tính cụ nên có ai biếu cụ là biếu cá và phải là cá còn tươi nguyên. Cụ tự tay kho lấy và kho xong thì cụ treo ngay trên giường cụ ngồi, vừa tầm tay với.

Cụ đậy vung nồi và tay lại cầm lấy cái que đập ruồi. Chỉ trừ lúc giã trầu ở cối, còn thì lúc nào tay cụ cũng cầm que đập ruồi. Cụ ghét và sợ ruồi lắm. Nhưng ở chung quanh chỗ cụ ngồi thì lại có đủ các thứ để nhử ruồi đến thật nhiều; ngoài nồi cá, lại có những xâu cá mắm, những chai mật ong và những quả chuối bao giờ cũng chín đen chín nát. Vì cụ bại một chân đi phải chống nạng nên ít khi cụ đi lại. Giang sơn cụ và cả đời cụ vì thế thu hẹp trong phạm vi cái giường cụ ngồi. Tất cả những thứ gì cụ cần dùng đều để ở trên giường và ở cái tủ chè cạnh giường. Chỉ trừ có số tiền cụ để dành được là cụ dấu ở chỗ khác.

Vì cụ không đi lại được nên chỉ đánh được những con ruồi ở trên giường. Để bắt ruồi chung quanh giường cụ nuôi cò ruồi, nhưng con cò không được bắt ruồi trên giường. Có con ruồi nào vừa bay đến đậu trên chiếu mà con cò định mổ thì cụ đã nhanh tay đập trước; đập xong cụ hất ruồi xuống đất cho cò ăn. Lần nào con cò nhanh hơn mổ cướp của cụ một con ruồi trên chiếu là cụ lấy cán que đập ruồi đập vào đầu con cò một cái để phạt nó hỗn. Có một con cò lâu dần hiểu được chỗ đó

nên không bao giờ mổ tranh ruồi của cụ; cụ thích lắm và khoe với tất cả mọi người, nhưng sau con ấy bị chó cắn chết mất. (Trang 288, 289, sđd)

Còn gì bi hài hơn một cụ Án về già, từ một cụ Án bà quyền quý, có thể đã có thời dựa vào uy thế cụ ông, hét ra lửa, vậy mà bây giờ giang sơn cụ thu hẹp lại còn có cái giường, mà cũng không phải cả cái giường, các thứ lủng củng chiếm đến nửa, phần còn lại cụ ngồi chung với ruồi, cụ đập ruồi, tranh với cò, bên cạnh nồi cá kho, xâu cá mắm … Hoàn cảnh cụ không khác gì lắm với gia đình bác Lê, những ngày nước lên phải ngủ chung với lợn. Nhưng cảnh cụ còn bi đát hơn, vì cụ có con cò tâm đắc nhất thì nó lại bị chó cắn chết.

Không thể biết rõ Xóm Cầu Mới ở vào thời nào, chỉ biết mang máng như là khoảng nửa đầu thế kỷ XX, bản đồ Xóm Cầu Mới mang máng giống bản đồ huyện Cẩm Giàng, Nhất Linh làm bàng bạc thời gian, tạo nên tính chất vô định của tất cả những thời đại đang suy tàn. Mà thời đại nào rồi cũng phải suy tàn, những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ, như câu thơ Vũ Đình Liên, đó là lý do tồn tại của những kẻ đi tìm thời gian đã mất.

* * *

Xóm Cầu Mới là một xã hội giai cấp mà lại như không còn giai cấp, các giai cấp đã lộn tùng phèo, chỉ có tương quan giữa người và người : giữa bác Lê và thằng Tý, giữa cụ Án và những con ruồi, con cò, giữa Mùi và U già, giữa Bé và Đỗi, giữa bác Lê gái và bác Lê trai, v.v… và trong những tương quan ấy, phái mạnh, hay phái khỏe, thường có vẻ kém thế trước phái yếu.

Cụ Án thua xa con ruồi, yếu thế hơn con cò, bác Lê trai, trừ lúc say rượu làm càn, còn thì vẫn sợ bác gái nen nét, rồi bác gái lại thua thằng Tý, Mùi khôn ngoan nhưng chẳng bao giờ cãi lý được với U già … Những trái khoáy ấy gián tiếp hóm hỉnh lật đổ những lập thuyết hùng hồn về các sự đấu tranh giành quyền bình đẳng như đấu tranh giai cấp, đấu tranh nhân quyền… Trong Xóm Cầu Mới, các hình thức đấu tranh trở thành ngớ ngẩn, bởi mối tương quan giữa người và người, người và vật, ở đây, là một tương quan tự nhiên, tự tại, cuộc đời bầy ra như thế : trong những bất bình đẳng đã có bình đẳng, đó là mối tương quan nguyên thuỷ mà các lớp áo ngoài như giầu sang, sức mạnh, thế quyền … chỉ hời hợt phủ lên. Nhất Linh gạt bỏ lớp áo ngoài thô thiển, để khắc họa con người từ những nét nguyên thủy, bản năng và do đó, chúng thật hơn tất cả những chân dung đã bị tù túng trong những lớp áo choàng xã hội.

Xóm Cầu Mới là một cái làng nguyên thủy, từ đó phát xuất những «mẫu người», «mẫu mô tả», «mẫu tâm lý», chúng tạo nên một «trường phái Nhất Linh» với những đặc điểm :

- Khắc họa chân dung bằng cách đặt tên : Nhất Linh tạo ra những biệt hiệu mang hình ảnh và tư cách con người. Lối đặt tên như vậy nằm trong đời sống, nhưng khi ông đưa vào tiểu thuyết nó trở thành một khởi thủy. Những khuôn mặt như bà Chủ Nhật Trình, ông Năm Bụng, ông giáo Đông Công Ích Tin Lành … là những tiên phong, vì trước ông, chưa thấy ai đưa ra một «hệ thống» đặt tên như thế và sau ông, có những ông Ba Thê Đồng Thời, anh Bốn Thôi, ông Bốn Tản, chị Bốn Chìa Vôi … của Võ Phiến. Đó là một nối tiếp «truyền thống» Nhất Linh, hay chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên ? Chắc không phải ngẫu nhiên, vì trong những tác phẩm đầu của Võ Phiến, chưa thấy xuất hiện cách đặt tên như vậy.

- Khắc họa chân dung bằng một câu nói, một dáng điệu như bà Chủ Nhật Trình luôn luôn mở miệng ra là «người trần mắt thịt ơi», Triết hay «ngồi buồn», bác Lê hay «cốc đầu» các con … Cách xác định cá tính nhân vật bằng một nét cố hữu này từ Tolstoi chuyển đến Nhất Linh, rồi từ Nhất Linh qua Nhật Tiến, tạo ra

những nhân vật cực kỳ sống động trong Thềm Hoang với những cô Huệ mở mồm ra là «khỉ gió đùng lăn !», cô Đào mở mồm là «khắm chửa !»…

- Khắc họa toàn cảnh bằng một chi tiết (phương pháp hoán dụ).

Nhất Linh không chỉ ảnh hưởng đến những người đến sau bằng cách đặt tên, hoặc cách sống động hóa nhân vật mà còn ở cả lối nhận xét chi li, và nhất là cách mô tả toàn cảnh bằng một chi tiết mà sau này người đọc có thể thấy lại trong các tác phẩm của Võ Phiến, Võ Đình… Biện pháp hoán dụ chỉ dùng một chi tiết va chạm thể xác như đụng chạm ngón tay, bàn chân hoặc đôi khi không cần va chạm thể xác mà chỉ một cái nhìn trộm cũng đủ diễn tả những mãnh liệt của nhục cảm trong đầu các nhân vật.

Nhất Linh đã dùng thủ pháp này từ Bướm Trắng trong hai xen độc đáo : Trương nhìn trộm bàn tay của Thu trên tấm chăn «trên nền vải trắng một bàn tay của Thu hiện ra trước mắt chàng» (trang 54), và Trương úp mặt vào chiếc áo cánh của Thu «nhìn qua khung cửa sổ ra ngoài không thấy bóng ai, Trương với chiếc áo cánh của Thu rồi úp mặt vào chiếc áo mà chàng âu yếm vò nát trong hai bàn tay. Lụa áo Trương thấy mềm như da người và mùi thơm hơi cay, không giống hẳn mùi thơm

của nước hoa - xông lên ngây ngất» (trang 59). Trong cả hai xen, đều không có «công-tắc» thể xác trực tiếp, Nhất Linh không cần mô tả kỹ càng theo lối viết hiện thực, cũng không cần cường điệu bằng bất kỳ một thái quá nào. Tất cả được dàn dựng như một tấu khúc.

Chi tiết «bàn tay của Thu trên nền vải trắng» là khúc dạo đầu, dẫn đến những đam mê siêu hình trong các điệp khúc kế tiếp : ám ảnh «bàn tay» triền miên chi phối Trương, thức, ngủ, lúc nào cũng mơ tưởng đến «bàn tay». Rồi từ bàn tay, Trương lây sang chiếc áo cánh Thu vắt trên ghế. Tới đây, tất cả chỉ mới là thầm, trộm. Nhưng đến lúc gặp Thu, Trương (lộ liễu) chăm chú nhìn vào «bàn tay» làm cho «nàng thấy ngượng và rờn rợn sợ» (trang 58). Tức khắc, những ám ảnh không còn siêu hình nữa mà đã truyền sang Thu như một luồng điện thể xác gần như sinh lý, chúng dẫn đến đỉnh cao là xen hai : Trương úp mặt vào chiếc áo cánh khi Thu đi khuất; nhưng Thu lại quay lại, nhìn trộm thấy việc Trương làm. Nguồn phát xuất nhục cảm, ở đây, là những cái nhìn, nhìn trộm. Điểm nhìn trộm kích thích ngũ quan, làm chúng nổ bùng lên như một hỏa diệm sơn cảm giác.

* * *

Ở Xóm Cầu Mới, Nhất Linh thao túng các nhân vật bằng chính giác quan và fantasme của họ. Mùi, có lẽ là nhân vật tiểu thuyết đầu tiên của Việt Nam, có những fantasme tính dục táo bạo. Nhưng tính «đĩ ngầm» của nàng được trình bầy một cách tự nhiên, tế nhị, gợi cảm và «vô tội». Mùi trở thành một «trường hợp», một biểu tượng của nhục cảm, bởi Mùi là một mẫu người bản năng, nguyên thủy, đã được Nhất Linh cởi bỏ lớp áo ngoài của luân lý xã hội. Mùi «ngủ» với lá thư của anh Siêu, Mùi quất tay vào dậu găng cho chẩy máu, hai lần Mùi rửa chân với anh Siêu ở hai «nồng độ» khác nhau, mưa lụt, Mùi bắt anh Siêu bế, Mùi nằm trên giường của anh Siêu, …. Những hành động của Mùi tự nhiên như Đỗi dẫm lên chân Bé (để tỏ tình), như ông Giáo Đông «cầm nhầm» cái khăn che mắt của Bé lại hí hửng tưởng là khăn mùi-xoa của Mùi …

Chuyện đôi con dì yêu nhau là một sự loạn luân cấm kỵ. Nhưng Nhất Linh đã phiêu lưu vào thế giới cấm kỵ ấy một cách thản nhiên. Một Nhất Linh hoàn toàn tự do, biết mình nắm trọn mọi nhu yếu cần thiết của kỹ thuật và nghệ thuật viết văn, biết mình có thể san định những khoảng trời bão táp. Nhất Linh đưa hết sở trường của mình vào tác phẩm. Xóm Cầu Mới bắt đầu bằng hình ảnh : Mùi tỉnh dậy, sau một đêm hạnh phúc với «lá thư» của Siêu, người anh họ, Mùi «phạm cấm» lần đầu vì đã

«nằm ngủ một đêm với bức thư của anh Siêu», như một Eva ăn trái táo, và từ đó phát xuất cá tính của Mùi, một cô gái quê, con một cụ Lang, sống hồi đầu thế kỷ. Mùi có quán bán nước, bán thuốc, bán bánh cuốn, bán gạo. Mùi là hình ảnh cô gái quê tần tảo, một bà Tú Xương tương lai, là cô hàng xén trong truyện ngắn Thạch Lam, là cô hàng xóm trong thơ Nguyễn Bính. Đó là phần hình thức. Về mặt tư tưởng, Mùi táo bạo và sống động hơn nhiều. Mùi có một đời sống nội tâm phức tạp mà các cô kia chưa bao giờ có. Mùi mới hơn cả Loan trong Đôi Bạn, Đoạn Tuyệt, khác hẳn Nhung trong Lạnh Lùng, và tự do hơn nhiều cô gái tỉnh thành thời nay. Nàng dám để cho nhục cảm dẫn dắt, không lúc nào Mùi bị mặc cảm hoặc tự kiềm chế, mặc dù biết tình yêu của nàng với Siêu là cấm kỵ :

«Mặc dầu Siêu với nàng là đôi con dì không lấy được nhau nhưng cái mãnh liệt của tình yêu ấy không mảy may làm nàng sợ hãi; nàng lại thấy mừng không ngờ mình yêu đến thế. Nàng đón lấy nó như hiện giờ này nàng đón lấy cơn gió lạnh sắc đương quất vào hai bên má». (trang 19, sđd)

Trong Văn Học Việt Nam ít có cô gái quê nào táo bạo như Mùi. Mùi tự do và biết mình tự do vì Mùi tạo nên hoàn cảnh mà không chạy theo hoàn cảnh. Tình yêu

của Mùi và Siêu đậm dấu ấn thể xác nhưng lại là thứ thể xác não thùy, phát xuất từ tình yêu nguyên thủy, xẩy ra ở trong óc nên không thể phạm tội. Không riêng về tình yêu nhục dục mà tất cả những nhân vật hay những bối cảnh mà nhân vật tạo ra trong Xóm Cầu Mới, đều ít nhiều nằm trong trạng thái bản năng nguyên thủy. Ví dụ trí thông minh của thằng Tý, phát xuất tự bản năng: mới chín tuổi nó đoán được ý bố nó, nó đoán được ý con lợn, nó tìm những giải pháp lô-gích đo quần áo mà mẹ nó không nghĩ ra v.v… Tình yêu của Đỗi và Bé cũng là một tình yêu bản năng : Cặp trai gái làng này tỏ tình bằng cách dẫm chân lên nhau, rồi những ngón chân ấn lên một tý, mỗi lần ấn là một lần tăng nồng độ tình yêu. Nỗi buồn của Triết, em trai Mùi, cũng là nỗi buồn nguyên thủy, Mùi không biết tại sao em mình hay ngồi buồn, cả đến việc chơi bươm bướm của Triết, Triết chơi với những con «bươm bướm ma», và đó lại là một lối chơi buồn mà chính Triết cũng không biết là mình buồn. Tính lẩm cẩm của U già là một hình thức truy lùng sự thật, tìm về nguyên thủy : Thật ra U già không lẩm cẩm, u còn lô-gích nữa là khác, U già lật tẩy những ý nghĩ trong đầu Mùi. Mùi biết là lần nào mình cãi nhau với U già cũng thua, nhưng nhà vắng quá, thỉnh thoảng Mùi phải tìm cách cãi nhau với U cho có tiếng nói, và U già mỗi lần thấy Mùi gắt là lại nói ngang phè. Những

cơn say của bác Lê là để thỏa mãn cái thèm, che lấp cái nhát, cái bản năng sợ vơ. Bác biết trước là uống rượu vào sẽ đánh vợ đánh con, nhưng bác không thể tránh được, bác cố nhịn, nhưng đến phút chót cái thèm vẫn ăn đứt bác và bác lại chịu thua cái thèm …

Tất cả những «kỹ thuật» xây dựng nhục dục trên bàn tay, cánh tay, ngón chân, trên những mảnh thân nhỏ nhất, trong những cử chỉ tầm thường nhất, do Nhất Linh sáng tạo, sẽ được Võ Phiến thừa kế như một môn đệ và Võ Đình nối tiếp Võ Phiến.

Xóm Cầu Mới tập hợp những con người trong trạng thái bản năng nguyên thủy. Nhất Linh tìm đạt đến cối rễ của cá tính, của bản ngã, như thể ngòi bút của ông đã là nhân vật; rồi chính những nhân vật ấy lại dẫn dắt ngòi bút đi, tạo nên những cuộc đời chưa thành hình. Xóm Cầu Mới là tác phẩm dang dở, hình như Nhất Linh mới viết được có một phần ba, cũng là một tác phẩm chưa thành hình. Ngòi bút vừa xây nên nhân vật lại vừa từ nhân vật đi ra, tự nhiên như không phải tả gì cả. Có thể là Nhất Linh đã tìm được nguồn cội hành vi và cảm giác của con người và có lẽ đó là sự thành công sâu sắc nhất của Nhất Linh.

Nhất Linh, Giòng Sông Thanh Thủy

Nhất Linh bắt đầu viết Giòng Sông Thanh Thủy ngày 28/11/1960. Cuốn đầu, Ba Người Bộ Hành, 248 trang, trong vòng một tháng. Hai tập sau chắc cũng hoàn tất rất nhanh bởi toàn bộ ba cuốn, hơn 600 trang, được nhà Đời Nay in năm 1961, hai năm trước khi Nhất Linh quyết định tự chấm dứt đời mình.

Tại sao lại có Giòng Sông Thanh Thủy ? Bộ tiểu thuyết vượt ra ngoài cõi viết của Nhất Linh, một người mà cho đến năm 1960 vẫn loại chính trị ra ngoài văn học ? Phải chăng Nhất Linh muốn để lại một tự phán của nhà văn Nhất Linh về nhà chính trị Nguyễn Tường Tam, và qua đó là bản án của văn học đối với cách mạng ?

Giòng Sông Thanh Thủy là một trường giang tiểu thuyết, gồm : Ba Người Bộ Hành, Chi Bộ Hai Người và Vọng Quốc. Toàn bộ viết về thời kỳ cách mạng Việt Nam tại Trung Hoa, thời kỳ 44-45, trên trục Côn Minh, Khai Viễn, Mông Tự, Hà Giang mà hoạt động chính trị của Việt Minh và Việt Nam Quốc Dân Đảng, ở vào thế phải diệt nhau bằng những phương tiện tàn bạo nhất: ám sát, thủ tiêu. Hai nhân vật chính trong truyện : Ngọc, cán bộ Việt Quốc, Thanh, cán bộ Việt Minh, đều biết người nọ có nhiệm vụ phải giết người kia nhưng đồng thời họ cũng yêu nhau bằng một tình yêu tuyệt đối : tình

yêu đến chết.

Về văn phong và nghệ thuật, Giòng Sông Thanh Thủy không phải là tác phẩm nổi bật nhưng là cuốn sách mạnh nhất về tư tưởng và chính trị của Nhất Linh, ông điều tra về con người, về các guồng máy chỉ đạo con người, về tội ác, về sự nhân danh lý tưởng, tổ quốc dẫn đến tội ác, về chỗ đứng của tình yêu, bên cạnh tội ác. Tóm lại là sự sa đọa của con người trong các guồng máy cách mệnh Việt Quốc và Việt Minh nói riêng, và qua đó là sự sa đọa của con người trong các guồng máy cách mạng nói chung.

Giòng Sông Thanh Thủy không phải là cuốn tiểu thuyết chống Cộng sản, bênh Việt Nam Quốc Dân Đảng, ở đây Nhất Linh đứng lên trên địa vị đảng trưởng, ông dùng địa vị nhà văn để phân tích tâm lý và hành động của những người bẩm sinh hiền lành, nhân ái, nhưng khi đã sa vào guồng máy cách mạng, có thể trở thành những kẻ sát nhân lạnh lùng, không chút rùn tay, chùn bước. Giòng Sông Thanh Thủy là tác phẩm phản đề, phản lại những mẫu người cách mệnh trước, như Dũng, như Trúc v.v…, những nhân vật lãng mạn làm cách mạng mà không nhúng tay vào tội ác. Với Giòng Sông Thanh Thủy, Nhất Linh xác định : cách mạng và tội ác đi đôi với nhau, không thể khác. Trong Giòng Sông

Thanh Thủy, Nhất Linh nhà văn, kết án Nguyễn Tường Tam nhà cách mạng, và đưa ra chân lý : cái đẹp trong văn chương và ý nghĩa nhân bản của văn học sẽ còn tồn tại lâu dài, như thơ Tô Đông Pha, Đỗ Phủ, trong khi những thành bại chiến tranh Chu Du, Tào Tháo … đều đã trôi vào quên lãng. Hiển nhiên hơn, 40 năm trôi qua, Nhất Linh nhà văn vẫn còn tồn tại, trong khi nhà cách mệnh Nguyễn Tường Tam đã đi vào bụi bặm của thời gian. Đó là ý nghĩa sâu xa của tác phẩm.

* * *

Giòng Sông Thanh Thủy được cấu trúc như một tiểu thuyết trinh thám mà các đối thủ truy tìm chỗ hở của nhau để ra tay, toàn thể lồng trong không khí nghi ngờ, một nỗi nghi ngờ bệnh hoạn : không biết đối phương là ai ? Là gián điệp đơn phương hay nhị trùng ? Kẻ mình sắp giết có phải là nội gián cho địch ? Hay chính mình sẽ bị địch giết trước ? Ba Người Bộ Hành mở vào cạm bẫy, rình rập tay ba giữa Ngọc, Tứ và Nghệ. Trong khi Chi Bộ Hai Người, tìm sự đối chất tay đôi giữa Ngọc và Thanh. Cuối cùng, Vọng Quốc theo dõi đường về cõi chết của hai người.

Những nhân vật chính (cán bộ Việt Quốc và Việt Minh) xuất thân ở những môi trường khác nhau, họ tình cờ làm cách mệnh hơn là vì lý tưởng.

Ngọc (Việt Quốc) đang đi học, vì gia cảnh sa sút nên phải bỏ dở để học nghề đan ren ở làng bên cạnh. Ngọc yêu Thúy, con ông chủ. Thúy ho lao, mất. Đang bàng hoàng trước cái chết của Thúy, Ngọc được Lê, anh ruột Thúy dẫn vào cách mạng, trở nên một cán bộ giao liên, phụ trách thủ tiêu những phần tử Việt Minh. Thanh (Việt Minh) được lệnh trà trộn vào hàng ngũ Việt Quốc ở Vân Nam và Hà Giang, quyến rũ Ngọc, giết Ngọc và tiêu diệt toàn bộ Việt Quốc. Thanh xuất thân con nhà giàu, có học, lấy chồng nhưng người chồng chơi bời, tiêu hết tiền hồi môn của vợ, hai người ly dị, Thanh gặp người tình thứ nhì, lại bị lừa lần nữa, thất vọng, gia nhập Việt Minh.

Những nhân vật khác cũng theo cách mệnh vì những lý do cá nhân hơn là vì lý tưởng, như Nam, trước làm y tá, vì nhà sa sút nên phải lấy một người chồng Tàu, theo chồng sang Văn Sơn; chồng chết, ở hẳn lại Vân Nam, làm nghề thầy thuốc, đỡ đẻ và gia nhập Việt Quốc, thi hành các vụ thủ tiêu. Nam, dưới mắt Ngọc, «là người rất hiền lành thế mà bây giờ nàng cũng giết người không khác gì chàng» (Ba Người Bộ Hành, trang 110). Về việc Nam thủ tiêu Vương Đức, một cán bộ Việt Minh, Ngọc nghĩ : «chàng chưa hiểu được tại sao một người đàn bà nhu mì như Nam lại có thể giết người, mà lại tự ý giết một cách độc ác như thế, chàng thốt nhớ lại

câu Thanh nói : «Bị cái guồng máy nó lôi kéo.» […] Ý nghĩ về cái tốt, cái xấu ở đời lại lảng vảng trong đầu óc chàng, […] cũng như Tứ và Nghệ, đều là những người tốt, có lòng nhân đạo […] Ngay lúc Nam kể cho chàng nghe về việc giết Đức, chàng không khỏi ghê tởm vì lòng độc ác của con người; chàng thấy thương hại cho Đức khi bị Nam bóp cổ; đôi mắt mờ ấy biết đâu đã không đau khổ vì không hiểu và biết đâu Đức không có cha mẹ, vợ con hay một người yêu và trước khi chết đã không nghĩ tới những người thân yêu đó» (Ba Người Bộ Hành, trang 115)

Ngọc không hiểu tại sao Nam, một phụ nữ hiền lành, một bà đỡ, một thầy thuốc chuyên chữa bệnh cho người nghèo, một người «cứu nhân độ thế» mà lại có thể giết người không gớm tay, cũng như Ngọc không hiểu được chính mình, tại sao có thể thẳng tay thủ tiêu hai cán bộ Việt Minh, Tứ và Nghệ, một cách tàn ác và lạnh lùng không kém.

Ba Người Bộ Hành, mổ xẻ sự «không hiểu» ấy và mô tả tâm lý rình rập giữa Ngọc, Tứ và Nghệ. Cả ba đều đã dùng những thủ đoạn «dối trá, gian giảo, độc ác để hạ thủ nhau» : «Họ rình nhau như những con thú dữ mà người nào cũng vì một lý tưởng mình cho là cao đẹp» (Ba Người Bộ Hành, trang 207). Ở đây, Nhất Linh

đã viết những trang lạnh lùng và rùng rợn nhất về tội ác của con người, nhân danh cách mạng. Ngọc dẫn Tứ và Nghệ đến một chỗ được gọi là «chỗ ấy», tức là nơi Ngọc sẽ thi hành bản án; trên đường xuyên núi rừng, phong cảnh hùng vĩ, Ngọc vừa đi vừa hát «Chàng cất tiếng hát cao giọng, đi thật mau cho bước chân ăn nhịp với bài hát mà chàng cố hát thật mau :

Hồn nước muôn năm sống cùng non nước !
Ngày nay ta noi tấm gương anh hùng,
Dù khó thế mấy quyết cùng nhau bước,
Làm cho vang tiếng cháu con nòi giống Tiên Long.

Chàng chuyển sang điệp khúc :

Mau, mau đồng lòng, tay cầm tay, trông cờ nước, ta đều bước,
Tuốt gươm, thề với núi sông …
Hồn nước muôn năm sống cùng …

Bài hát ấy là của Lưu Hữu Phước, đảng viên Việt Quốc trong thời kỳ bí mật từ trong nước truyền ra.» (Ba Người Bộ Hành, trang 214)

Nhất Linh đã dùng tâm lý nghệ thuật để giải thích câu hỏi : Tại sao một người «bình thường» như Ngọc, có thể giết người - người đồng loại - cùng chung một lý

tưởng đánh đuổi ngoại bang như thế ? Câu trả lời có thể rất đơn giản : Họ giết người theo đơn đặt hàng của «tổ quốc». Lạnh lùng hành sự, không chút chùn tay, vì cho rằng mọi hành động của họ đều «vì tổ quốc», đều được tổ quốc phù trợ. Tổ quốc trở thành Thượng Đế, một thứ cứu cánh biện minh cho phương tiện. Tổ quốc - cái tổ quốc ấy - được những giáo sĩ, tông đồ, thừa sai, … rao giảng. Mỗi nhóm thừa sai có một ý nghĩa tổ quốc khác nhau : Tông phái Việt Minh và thiền phái Việt Quốc không cùng chung quan niệm về tổ quốc, về chính thể, về tổ chức xã hội… dù họ cùng là người Việt. Cho nên những pháp tăng như Lưu Hữu Phước, nay có thể cổ võ cho Việt Quốc, mai trở cờ đón gió Việt Minh, nhưng vẫn ở trong lòng «tổ quốc» và vẫn có thể nhân danh tổ quốc để thanh toán, loại trừ nhau. Ở đây, cái ác của con người đã được mặc đồng phục tổ quốc để hành sự. Ngọc cũng là người bình thường như tất cả mọi người, nhưng khi cái ác trong anh được tổ quốc trưng dụng, anh có thể bình tĩnh làm những hành động điên cuồng nhất mà lương tâm không mảy may dầy vò. Lương tâm đã bị «chính nghĩa» chinh phục, nó cấm khẩu.

Vô hiệu hóa được lương tâm, Ngọc sung sướng thưởng thức cảnh đẹp, say sưa với nhịp bước hùng ca và tự do hành sự. Sau khi đã bỏ thuốc độc trong cà phê cho Tứ và Nghệ rồi, «chàng nhấc thây của Nghệ và Tứ

đem ra đặt sát gần bức vách núi rồi đẩy mạnh một cái. Hai cái xác rơi từ trên cao xuống, lọt vào khe mấy tảng đá. Đứng ở trên còn thấy hở ba cái chân, Ngọc bẻ một cành cây rậm lá quăng xuống, chàng phải quăng xuống bốn năm cành mới có một cành trúng và che phủ mấy cái chân hở. […]

Ngọc ngẩng lên : trời cao và xanh, lơ lửng một vài đám mây trắng. Các ngọn núi bao bọc chung quanh dưới ánh sáng mùa thu trong có một vẻ đẹp rực rỡ mà vẻ đẹp của trời thu như còn xa hơn nữa; nắng đẹp ở vườn sau nhà Thanh, nắng làm rám da mấy quả lựu và làm hồng đôi gò má Thanh đương đứng ngắm những cánh hoa lựu trắng, nắng còn đẹp ở những nơi xa xa nữa; lúc này Nga đương ra vườn cất quần áo đã khô, lòng chợt nhớ đến chồng, mong ngày chồng về; nắng đẹp ở trong vườn người chị thân yêu của chàng giờ này có lẽ đương cau mũi và mắng chàng :

- Thằng Ngọc chết tiệt, đi đâu biệt tích không một lá thư gửi thăm nhà.» (Ba Người Bộ Hành, trang 237-238)

Phải có một bản lĩnh cao cường như Nhất Linh mới có thể hòa trộn tội ác trong bối cảnh trời cao, mây rộng, yêu nước và yêu người như thế. Như để báo trước chủ đề : thế giới tâm linh không có lằn ranh thiện ác, trước khi vào truyện Nhất Linh đã dẫn hai câu thơ Nguyễn

Du :

…Trời kia đã bắt làm người có Nhân [68]…
… Đã mang lấy nghiệp vào thân…

Và lời Pascal :

Vérité en deçà des Pyrénées, erreur au delà.

(Bên này dãy núi Pyrénées là sự thực, bên kia là sai lầm).

Nhất Linh thay rặng Pyrénées của Pascal bằng dòng sông Thanh Thủy : Trong con người không có rặng Pyrénées, cũng không có dòng sông Thanh Thủy, hoặc nếu có thì cả núi lẫn sông đều chìm lấp trong cái vực chung thiện ác là trái tim.

Ngọc và Thanh là tên một loài lan quý (Giòng Sông Thanh Thủy in 10 bản trên giấy Thanh Ngọc với 17 phụ trang do chính Nhất Linh vẽ). Lan Thanh Ngọc mà Nhất Linh đã tha thiết vun trồng bên dòng suối Đa Mê, được minh họa ở trang đầu với những dòng :

Sắc trong Thanh Ngọc hương thơm mộng
Một thoáng mơ tiên thoảng xuống trần.

---

68 Nhất Linh viết nhầm, thực ra câu thơ Nguyễn Du là: Trời kia đã bắt làm người có thân

Thơ và họa dạo đầu, phác thảo chân dung hai nhân vật chính, vừa trong như Ngọc, vừa Thanh như lan, nhưng chẳng bao lâu sẽ hóa thân thành ác quỷ, một khi họ bị guồng máy cách mệnh cuốn về hai phía đối đầu : quốc gia và cộng sản. Thanh Ngọc chỉ là tại kiếp, trước họ đã có tiền kiếp Linh Giang, sau họ là hậu kiếp Bến Hải. Hai trăm năm, hai mươi năm, vận hạn ngắn dài, tùy theo lịch sử và con người, nhưng tựu trung tất cả đều là những linh hồn đồng bệnh.

Cho nên, tác phẩm của Nhất Linh không chỉ viết cho một thời mà ông viết cho nhiều thời, không chỉ là sự tranh chấp giữa Việt Quốc - Việt Minh những năm 45, mà còn bao trùm những tranh chấp đã có từ trước Nhất Linh, sau Nhất Linh… hai trăm năm, hai ngàn năm … những guồng máy tranh chấp chưa bao giờ ngừng quay từ khi có loài người. «Thanh nói với Ngọc :

- Cái guồng máy ấy vẫn còn, còn mãi. Anh đã xem Đông Chu Liệt Quốc và Tây Hán chứ ?

- Có, tôi có đọc nhiều lần.

- Đấy, anh xem cái guồng máy đã có từ mấy nghìn năm trước. Anh chắc còn nhớ Vệ Ưởng nước Tần, Phạm Lãi với Văn Chủng nước Việt, Hàn Tín với Trương Lương đời Tây Hán. Vệ Ưởng, Văn Chủng, Hàn Tín đều bị cái

guồng máy nó nghiền nát nhừ cũng như nó sẽ nghiến anh Ninh và cả anh nữa. […] Anh bị lôi cuốn vào đó và tôi cũng vậy.» (Chi Bộ Hai Người, trang 86)

Thanh gần gũi với Nhất Linh, tâm hồn nghệ sĩ, yêu cái đẹp, có tư tưởng. Đã bao lần Thanh muốn bỏ tất cả để tìm đến thiên thai với Ngọc. Họ đã sống những giây phút thần tiên, lãng mạn với nhau, đã đi thuyền trong trăng, đã dạo vườn đào Côn Minh như Lưu Nguyễn. Thanh đã muốn bỏ tất cả tục lụy, tranh chấp, chém giết, nhưng guồng máy không tha cho Thanh, không tha cho Thanh-Ngọc. Như Thanh, Nhất Linh cũng đã bỏ tất cả, lên Đà Lạt tu tiên, tìm một cõi đam mê, vượt khỏi bậm bụi cuộc trần, nhưng rồi rút cục Nguyễn Tường Tam cũng không thoát khỏi guồng máy, lại trở về trần, trở về với đấu tranh chính trị, để rồi bị guồng máy chính trị nghiền nát. Nhất Linh gánh cái nghiệp của nhà văn và nhà cách mạng : cả hai đều biết rất rõ về nhau nhưng không buông tha nhau và đeo đuổi nhau đến hơi thở cuối cùng. Văn chương và cách mạng đối với Nguyễn Tường Tam Nhất Linh như Ngọc và Thanh, như lan Thanh Ngọc, là một thứ tình yêu lạ lùng, tình yêu đến chết.

Khi Ngọc và Thanh biết đích xác nhiệm vụ của nhau, họ cùng đi với nhau đoạn đường cuối tên là Vọng Quốc.

Họ cùng vọng quốc như nhau, cùng rời Côn Minh đi về biên giới, vượt cầu sang sông Thanh Thủy, về Hà Giang để phụng sự đất nước.

Đất nước là của chung, nhưng cách phụng sự đất nước của đảng họ lại khác. Cho nên phải giết nhau. Đoạn đường cuối ấy được Ngọc cảm nhận như sau : «Ngọc cho cuộc đi với Thanh về Hà Giang như một cuộc tìm kiếm thiên thai; thân chàng dù có bị guồng máy nghiến nát nhưng linh hồn chàng theo lời Thanh vẫn thường nói, sẽ tan đi như hạt muối trong nước hay biến thành một niềm vui hòa loãng trong cái mênh mông của hư vô. Phạm Lãi, Tây Thi chết đã mấy nghìn năm nhưng tâm hồn hai người vẫn tồn tại trong tâm hồn nhân loại.» (Vọng Quốc, trang 92)

Trong hành trình này, hai người đã đồng ý với nhau rằng trước khi chết, nếu được nhìn một hình ảnh đẹp, nghe một điệu nhạc hay, thì cái chết chắc sẽ bớt đau hơn. Và họ cũng đạt đến giây phút thần tiên ấy :

«Thanh để hết cả tâm hồn khe khẽ ngâm, tiếng thoảng nhẹ như hơi gió trong đêm trăng sương mù :

Đêm sương thoảng tiếng ai trong gió,
Lòng hỏi lòng biết có hay không ?
Hay chăng tiếng vọng mơ mòng

Của lòng mình nói cho lòng mình nghe…

Tiếng ngâm rứt đã từ lâu nhưng dư âm còn vang mãi trong hồn Ngọc. Tự nhiên chàng nghĩ đến hôm đi chơi hồ, Thanh ngâm bài phú Xích Bích và nói bây giờ còn đâu Tào Tháo, Chu Du nhưng câu thơ hay của Tô Đông Pha và ánh trăng trong trên dòng Xích Bích thì còn mãi mãi. Chàng nghĩ Thanh và chàng có thể lát nữa sẽ chết, Việt Quốc, Việt Minh ám hại lẫn nhau cũng không còn nữa. Nhưng tiếng ngâm của người yêu thì như mãi mãi bàng bạc trong không gian của những đêm sương lạnh.» (Vọng Quốc, trang 208)

Có phải đó là chúc thư văn học của Nhất Linh ? Phải chăng Nhất Linh muốn nhắn lại rằng tất cả những tranh giành, quyền lực, lý tưởng … rồi sẽ chết cùng với con người. Nhưng tiếng thơ không chết. Tô Đông Pha không chết, cũng như Nguyễn Tường Tam đã phần nào chìm trong quên lãng nhưng Nhất Linh sẽ sống mãi với Đôi Bạn, Bướm Trắng, Xóm Cầu Mới, Giòng Sông Thanh Thủy … trong lòng người.

Với Nhất Linh, thực thể duy nhất đọng lại, kết tinh trên đống xương tàn, trên những nấm mồ của các guồng máy đấu tranh, vẫn là cái đẹp. Cái đẹp là khối tinh anh kết tụ cả thiên nhiên, vũ trụ lẫn con người. Cái đẹp có giá trị phi lịch sử, phi thời gian. Vượt trên mọi tranh

chấp, cái đẹp không phải giết người mà vẫn bất tử. Cái đẹp là cứu cánh, cứu rỗi, không độc tôn như Thượng Đế mà đa dạng, ai cũng có thể chiếm hữu và chia xẻ. Bản thân cái đẹp có thể chinh phục tất cả mọi linh hồn mà chẳng cần mảy may bạo động.

Paris, tháng 5/2002, tháng 6/2003
T. K.

149. Nhất Linh (2)

Nhật Tiến

Nhất Linh - Giai đoạn cuối đời với Hội BÚT VIỆT và Giai phẩm VĂN HÓA NGÀY NAY (trích)

Hội Bút Việt

Theo nhà biên khảo Đoàn Thêm (1915-2005), tác giả bộ sách Hai Mươi Năm Qua (1945-1964), việc từng ngày thì Hội Văn Bút Việt Nam được chính thức thành lập ở Sài Gòn vào ngày 21-10-1957.

Và đáng ngạc nhiên thay, cũng theo tác giả Đoàn Thêm thì Hội Văn Bút Việt Nam đã xin gia nhập và được Hội Văn Bút Quốc Tế chấp nhận trong Đại hội Văn Bút QuốcTế lần thứ 29 tại Tokyo (Nhật Bản) ngày 2-9-1957, tức là trước ngày chính thức thành lập ở VN tới gần 2 tháng !

Ta có thể lý giải sự kiện tréo cẳng ngỗng này như sau : «Một nhóm nhà văn, nhà báo vào thời kỳ đó đã tự động ngồi lại với nhau, lập thành một nhóm cầm bút để xin gia nhập Tổ chức Văn Bút Quốc Tế (tên gọi chính thức hồi đó là PEN Club International, với ý nghĩa PEN là cây bút, mà cũng là chữ mang 3 mẫu tự đầu liên quan đến giới cầm bút, như P = Poets, Playwrights, E=

Essayists, Editors, N=Novelists).

Hẳn cũng vì muốn dịch chữ PEN trong tên gọi mà Nhóm lấy tên là Hội Bút Việt.

Rồi sau khi được sự chấp thuận của Văn Bút Quốc Tế, Hội Bút Việt mới xin giấy phép hoạt động ở trong nước và do đó mới có ngày chính thức thành lập trễ gần 2 tháng như tác giả Đoàn Thêm đã ghi lại.

Văn nghệ sĩ thành lập Nhóm Bút Việt bao gồm nhiều cây bút lão thành. Có thể kể : Nhất Linh, Đỗ Đức Thu, Vũ Hoàng Chương, Vi Huyền Đắc, Đông Hồ Lâm Tấn Phác, Đào Đăng Vỹ, Nguyễn Hoạt, Mặc Thu, Nguyễn Thiệu Lâu, Bùi Xuân Uyên, Lê văn Siêu, Mai Lâm Nguyễn Đắc Lộc, Phạm Việt Tuyền, Nghiêm Xuân Việt, Lê văn Hoàn…v..v…

Nhóm tự nhận mình là «Một cây cầu vòng nối hai chân trời», đó là chân trời văn hóa dân tộc với chân trời thế giới. Trong bài nhận định đăng trên Kỷ Yếu Bút Việt (mà Văn Hóa Ngày Nay in lại), trong có đoạn nói :

«Chiến tranh thứ hai chấm dứt. Những chân trời mới đã mở rộng ra cho những con người văn hóa chúng ta. Thế giới tự do đã dần dần tiến tới cuộc sinh hoạt cộng đồng về mọi mặt, vậy không có lý gì chúng ta chỉ thiên

trọng phần tìm hiểu mà sao lãng phần tự giới thiệu. Chính vì mục đích đó mà Trung Tâm Bút Việt của tổ chức Văn Bút Quốc Tế được thành lập».

Khi thành lập, Nhóm Bút Việt tuyên bố :

«Nhóm không phải là một tổ chức có hệ thống chặt chẽ, có chủ trương cương lĩnh hoặc đường lối nhất định nào hết. Nó không phải là một văn đoàn, văn phái. Cũng không phải là một hội ái hữu. Bút Việt chỉ là một câu lạc bộ của các nhà cầm bút muốn gặp nhau để trao đổi ý kiến về sáng tác, về công phu tìm hiểu cũng như công phu giới thiệu».

Như vậy trong buổi khởi đầu, Nhóm Bút Việt đã hình thành trong một ý niệm hết sức rộng rãi và tự do. Các thành viên của Bút Việt sinh hoạt như một Câu lạc bộ và không có sự bầu bán nào. Mọi chức vụ điều hành hầu như chỉ theo cung cách phân công. Theo nhà báo Hiếu Chân Nguyễn Hoạt thì nhà văn Nhất Linh nhận chức vụ Cố vấn theo lời thỉnh cầu của nhiều người và chức vụ Chủ Tịch đầu tiên của Bút Việt là nhà văn Đỗ Đức Thu. Qua năm 1959, Bút Việt đã tham dự Hội Nghị Văn Bút Quốc Tế lần thứ 30, họp tại Francfurt (Tây Đức). Phái đoàn Việt Nam gồm có Chủ tịch Đỗ Đức Thu và một hội viên là nhà biên khảo Lê Văn Siêu.

Trở lại sinh hoạt của Bút Việt, vào khoảng đầu năm 1959 sau khi tôi đã cho in tác phẩm đầu tay Những Người Áo Trắng do nhà xuất bản Huyền Trân ấn hành thì nhà văn Nhất Linh đã giới thiệu tôi gia nhập Hội. Vào thời gian đó thì danh xưng không còn là Nhóm nữa mà trở thành Hội, Hội Bút Việt, mà công việc tổ chức đã vào quy củ, như có trụ sở riêng, có con dấu riêng, có nhân viên thường trực được trả lương để trông nom trụ sở, hồ sơ, giấy tờ. Việc quản trị mọi thứ được giao cho ông Tổng thư ký Phạm Việt Tuyền khi ấy đang là Chủ nhiệm nhật báo Tự Do.

Theo nhà báo Nguyễn Hoạt trong bài «Hoài Niệm Nguyễn Tường Tam» in trên báo Văn số 156, ra ngày 15-6-1970 tại Sài Gòn thì trụ sở đầu tiên của Hội Bút Việt là ở đường Phan Đình Phùng, nhưng khi tôi gia nhập thì Hội đã dọn về số 39 đường Cô Bắc Sài Gòn. Đây là một con phố hẹp, tọa lạc ở ngay khu Chợ Cầu Ông Lãnh, đi khỏi Chợ, tới đường Đề Thám thì có lối rẽ vào.

Căn phố này có 2 tầng, tầng dưới dành cho gia đình ông Nguyễn Văn Hinh, là thư ký của Hội cư ngụ. Vị thư ký này không thuộc giới nhà văn, chỉ là thư ký hành chánh, nhưng cũng đã gắn bó với công việc của Hội bền bỉ cho tới tháng 4 -1975 (tôi đã có dịp nhắc tới công lao

của vị này trong một bài viết năm 2009 nói về Trung Tâm Văn Bút)

Tầng trên của trụ sở Văn Bút chỉ kê vỏn vẹn có một cái bàn dài để hội họp, bên vách tường có một tủ kính đựng sách báo và hồ sơ.

Vào thời gian này, việc gia nhập Hội cũng rất giản dị. Tôi cứ y hẹn tới tham dự một kỳ họp của Ban Thường Vụ và được các vị hiện diện hôm đó bắt tay chào mừng. Thế là xong ! Tôi đã trở thành một Hội viên của Văn Bút ! Dù vậy, sau buổi họp thì tôi cũng phải điền vào một cái đơn xin nhập Hội, trong kê khai đầy đủ tên, họ, địa chỉ, năm sinh, nơi sinh, bút hiệu, các báo đã từng cộng tác và tác phẩm đã xuất bản.

Theo đúng chủ trương nhận mình là «Một cây cầu vòng nối hai chân trời», Hội Bút Việt rất chú trọng đến công việc dịch thuật, nhất là việc dịch một số truyện ngắn của các nhà văn VN ra Anh và Pháp ngữ. Truyện dịch xong thì đăng trong tập Kỷ Yếu của Hội. Cũng có vài truyện được gửi đi dự Giải Truyện Ngắn của các nhà văn trong khu vực Á Châu và Thái Bình Dương (Pacific Rim). Hai tác giả VN có tác phẩm được gửi đi dự giải mà tôi còn nhớ là nhà văn Bình Nguyên Lộc (Ba Con Cáo) và nhà văn Linh Bảo (dường như là Tầu Ngựa Cũ). Về dịch giả thì phải kể tới hai người vẫn

tham gia việc phiên dịch bền bỉ cho tới năm 1975. Đó là luật sư Nghiêm Xuân Việt, người chuyên dịch ra Pháp ngữ và dịch giả Lê Văn Hoàn chuyên dịch ra Anh ngữ.

Hội Bút Việt cũng tổ chức nhiều buổi nói chuyện về Văn học-Nghệ thuật thí dụ trong năm 1958 có vài buổi như Ông Vũ Huy Chấn, trong ban Chèo Cổ Đào Duy Từ thuyết trình về Chèo Cổ, nhà báo Phạm Việt Tuyền nói về «Vấn đề nghiên cứu Văn Hóa Á Châu với ý thức hệ Dân tộc», nhà thơ Vũ Hoàng Chương nói về «Giấc mộng giải thoát của Thi nhân». Khi Hội chưa có trụ sở riêng khang trang thì các buổi nói thường được tổ chức tại Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ hay Hội trường của Đại Học Văn Khoa, còn những năm về sau thì các buổi nói chuyện hàng tháng được tổ chức tại trụ sở của Hội ở số 107 Đoàn thị Điểm Sài Gòn.

Hội Bút Việt về sau đổi danh xưng thành Trung Tâm Văn Bút Việt Nam kể từ nhiệm kỳ Chủ tịch là thi sĩ Vũ Hoàng Chương kế nhiệm nhà văn Đỗ Đức Thu, và Chủ tịch sau cùng là LM Thanh Lãng. Trong những nhiệm kỳ sau này, ban Thường Vụ tăng cường thêm nhân sự, bao gồm Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và một số Ủy viên như Dịch thuật (Anh, Pháp ngữ), Xuất bản (nguyệt san Tin Sách). Riêng các chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ Tịch và Tổng Thư ký thì đều phải thông qua một

cuộc bầu phiếu tại Đại Hội Văn Bút được tổ chức cứ 2 năm một lần. Những văn hữu ở xa có thể gửi giấy ủy quyền để tham dự bầu cử. Chương trình hoạt động của Văn Bút do đó ngày càng phong phú với sự tham gia đông đảo của nhiều văn nghệ sĩ trong các hoạt động.

Có thể kể như Hội mở Câu Lạc Bộ Văn Nghệ Sĩ để các nhà văn, nhà thơ, nhà báo lui tới gặp gỡ nhau bàn chuyện văn nghệ riêng tư; rồi tổ chức các buổi nói chuyện hàng tháng, ra tờ nguyệt san Tin Sách chỉ chuyên loan những tin tức về sách hay các bài phê bình sách, các bài nói chuyện trong tháng. Văn Bút còn lập Giải Văn Chương hằng năm, như năm đầu (1970) dành cho thể Thi Ca (hai nhà thơ Tường Linh với Sầu Tuổi Đá và Hoàng Lộc với Trái Tim Còn Lại chiếm giải đồng hạng), qua năm sau, thể loại Biên Khảo, tác giả Lê Hương với cuốn Lịch Sử Người Việt tại Kampuchea từ năm 1853 đến 1970 đoạt giải, rồi những năm kế tiếp có thể loại Truyện Ngắn (nhà văn Minh Quân đoạt giải với truyện ngắn Những Ngày Cạn Sữa), thể Truyện Dài (nhà văn Nguyễn Mộng Giác đoạt giải với truyện dài Bóng Thuyền Say). Cho đến năm 1975 dự tính trao giải cho thể loại Kịch thì biến cố 30-4 xảy đến, Hội đã phải hoàn toàn ngưng hoạt động.

Ngoài ra, Văn Bút còn đề cử Hội viên ứng cử vào Hội đồng Văn Hóa Giáo Dục, một tổ chức cấp Quốc Gia, theo quy chế Hiến Định. Nhiệm kỳ nào của Hội Đồng cũng có thành viên Văn Bút. Như nhiệm kỳ I (1972-1974) có LM Thanh Lãng, nhiệm kỳ II (1974-1976) có Nhật Tiến, cả hai đều đắc cử nhân danh đại diện cho Trung Tâm Văn Bút VN.

Trong khuôn khổ bài viết chỉ nói về Nhất Linh nhân dịp triển lãm và hội thoại về hai tờ báo Phong Hóa và Ngày Nay, tôi xin tạm chấm dứt phần nhắc tới Hội Bút Việt và xin bước qua phần Giai Phẩm Văn Hóa Ngày Nay do Nhất Linh chủ trương.

Giai Phẩm VĂN HÓA NGÀY NAY

Năm 1951 nhà văn Nhất Linh từ bỏ cuộc sống lưu vong ở Hồng Kông để trở về Hà Nội. Một năm sau, tức năm 1952, Ông thành lập nhà xuất bản Phượng Giang, sau đổi tên thành Đời Nay rồi Ngày Nay. Nhà xuất bản này trong những năm đầu hoạt động hầu như chỉ chuyên tái bản các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn, mặc dù cũng in một số tác phẩm của vài cây viết mới như Nguyễn Thị Vinh với Thương Yêu, Hai Chị Em, Linh Bảo với Gió Bấc, Duy Lam với Gia đình tôi, Tường Hùng với Gió Mát. Năm 1961, cuốn Thềm Hoang của tôi được ông ấn hành dưới tên nhà xuất bản Đời Nay.

Năm 1958, Nhất Linh chủ trương Giai Phẩm Văn Hóa Ngày Nay mà số đầu ra mắt vào ngày 17-6-1958, một ngày mà theo nhà báo Hiếu Chân thì Nhất Linh cố ý lựa chọn vì 17-6-1930 là ngày mà những liệt sĩ Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí bị Thực dân Pháp đưa lên đoạn đầu đài xử trảm tại Yên Bái.

Văn Hóa Ngày Nay (VHNN) không được chính phủ đương thời coi là một tờ báo. Nó chỉ được gọi tên là một Giai Phẩm. Theo dịch giả Trương Bảo Sơn, một đồng chí thân cận của Nhất Linh thì vì chính quyền lo ngại tên tuổi của Nhất Linh nên VHNN không được phép xuất bản như một tạp chí được phát hành có định kỳ. Ngoài ra, theo ông thì tờ báo còn bị Cơ quan kiểm duyệt Bộ Thông Tin cố tình giữ lâu mới trả bản thảo để mang in, gây tình trạng báo ra chậm trễ nên không thể có hạn kỳ nhất định cho ngày ra báo.

Trong bài «Văn Hóa Ngày Nay với Văn Hóa Việt Nam» mở đầu cho số ra mắt, coi như một «tuyên ngôn về văn hóa», nhà văn Nhất Linh nhận định :

«Văn Nghệ Việt Nam hơn mười năm nay vẫn ở trong tình trạng ngưng đọng, chưa tìm được lối đi. Một số lớn bình luận gia và văn nghệ sĩ cho rằng văn nghệ chậm tiến vì không biết phụng sự thời đại; họ cố bắt mạch cho được ý thức công cộng của nhất thời để khơi xúc

động trong lòng độc giả. Thế rồi nhiều tác phẩm ra đời để ướm thử, thăm dò dư luận nhưng chỉ ít lâu sau đều chìm trong lãng quên !» (VHNN tập I- trang 17)

Để khắc phục tình trạng bế tắc này, Văn Hóa Ngày Nay đề ra chủ trương :

«Không đề cập đến vấn đề chính trị, kinh tế, khoa học : tập san của chúng tôi sẽ nặng *về phần tìm sống hơn về phần tìm hiểu*» (VHNN tập I- trang 18)

(phần chữ in nghiêng là của chính tòa soạn VHNN muốn nhấn mạnh).

Hẳn cũng đã có nhiều độc giả thấy khó nắm vững được ý tưởng của tòa soạn trong chủ trương này, vì hiểu như thế nào là tìm sống ? Và tại sao lại gắn chuyện tìm sống với chuyện tìm hiểu để có chủ trương tìm sống sẽ đặt nặng hơn tìm hiểu. Mà nếu coi nhẹ việc tìm hiểu thì thành quả của sự tìm sống sẽ có được tốt đẹp không ?

Tuy nhiên, suy nghĩ kỹ thì ý nghĩa của hai chữ «tìm sống» hình như đã được giải thích thêm trong đoạn dưới của bài nhận định :

«Về tư tưởng, chúng tôi sẽ giải quyết những thắc mắc thời đại và cố đi đến một nhận định đúng đắn về vũ trụ, về đời người; đã đến lúc loài người phải giở sổ soát lại

vốn tư tưởng quá khứ để định hướng đi tương lai, tìm chân lý làm kim chỉ nam cho người đời giữa biển khơi sóng gió.» (VHNN -Tập I - trang 19)

Đoạn văn này cho người đọc cái cảm tưởng như đấy là một chủ trương của một tổ chức tôn giáo hơn là đường lối chỉ đạo cho nội dung của một tờ báo. Nhưng ở nhiều trang khác, nhà văn Nhất Linh lại đã luôn luôn nhấn mạnh đến quan điểm nghệ thuật của Văn Hóa Ngày Nay là : «Văn chương phải có giá trị vượt thời gian và không gian».

Quan điểm này không có gì phải thắc mắc. Trong gia tài văn hóa dân tộc đã có đầy dẫy những tác phẩm có giá trị «vượt không gian và thời gian». Nhưng trong sinh hoạt chữ nghĩa, dù là sách hay báo, nhiều khi những vấn đề nhỏ nhặt thời sự hàng ngày - hay nói theo ngôn từ của Giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay là ý thức công cộng của nhất thời - sẽ cũng vẫn là những nhu cầu của độc giả. Nhất là trong bầu không khí khởi sắc của những năm cuối thập niên 50»s, dân chúng miền Nam bắt đầu tạo dựng cho mình một đời sống tự do khác biệt với miền Bắc CS.

Ở thời điểm đó, sau cuộc chia đôi đất nước mới chỉ vài ba năm nên có thể coi như một vết chém chia lìa dân tộc chưa ngưng rỉ máu. Cuộc di cư khổng lồ với cả

triệu con người từ Bắc vô Nam tất gây xáo trộn trong cả nước và như thế thì hẳn đời sống có rất nhiều vấn đề thời sự nóng hổi bầy ra trước mắt. Vậy thì việc từ bỏ ý thức công cộng của nhất thời để chỉ đi tìm những đề tài vĩnh cửu sẽ có khiến cho người sáng tác quay lưng lại với thực tế hay không ?

Nói thế không phải tôi phủ nhận quan điểm làm báo của VHNN. Thế giới chữ nghĩa là cả một rừng hoa với nhiều mầu sắc. Văn Hóa Ngày Nay đương nhiên là một tạp chí tô điểm thêm cho sinh hoạt báo chí thời đó vốn đã vô cùng sôi nổi với nhiều tờ báo danh tiếng khác như Đời Mới, Vấn Đề, Sáng Tạo, Bách Khoa, Văn Hóa Á Châu, Quê Hương v..v..

Tuy nhiên, sau vài số đã phát hành, có vẻ như Văn Hóa Ngày Nay đã hiện diện như một bông hoa tuy nhiều hương sắc nhưng lại có vẻ như lạc lõng giữa dòng đời đang trôi đi hối hả. Đọc những trang chính Nhất Linh trả lời thư độc giả ở những số đầu, ta thấy hầu như Ông chưa nhận ra được sự lạc lõng này. Ông vẫn bộc lộ sự chủ quan qua những lời lẽ như nhận mình là con voi nằm thù lù trong sở thú, hay trách độc giả sao bắt ông làm việc quá nhiều trong khi ông cũng chỉ có 24 giờ như mọi người…

Mặt khác, Nhất Linh lại là một nhân vật nổi tiếng với nhiều thành tích văn học quá lẫy lừng. Phải chăng chính sự nổi tiếng này đã trở thành một yếu tố bất lợi cho chính ông bởi vì các độc giả đã kỳ vọng ở nơi ông quá nhiều. Cứ nhìn số báo ra mắt Văn Hóa Ngày Nay được đón nhận thế nào thì đủ thấy. Theo học giả Đoàn Thêm trong cuốn «Hai Mươi Năm Qua, việc từng ngày», thì VHNN số đầu tiên đã bán hết tới 10 ngàn số, và Thế Uyên, người cháu gọi Nhất Linh bằng Bác còn tiết lộ trong cuốn «Chân Dung Nhất Linh» do tạp chí Văn ấn hành, rằng :

«Trước khi phát hành Văn Hoá Ngày Nay số 1, Nhất Linh dự đoán sẽ bán được năm ngàn số. Duy Lam lạc quan hơn, đưa con số tám ngàn. Tất cả đều đoán sai. Tám ngàn là con số bán hết trong mấy ngày đầu, sau đó phải in đi in lại nhiều lần.»

Nếu đúng như thế thì đây là một kỷ lục mà sau đó chưa có một tạp chí văn nghệ nào theo được bén gót. Nó cũng nói lên rằng độc giả đã quý trọng và đón chờ công trình văn hóa mới của Nhất Linh như thế nào sau biết bao nhiêu biến cố lớn lao của đời sống, cả chính trị lẫn văn học.

Ta hãy thử xem trong VHNN số đầu tiên đã chứa đựng những gì ?

Điểm sơ qua thì thấy Nhất Linh dành tới 6 trang để trả lời thư độc giả xa gần ở nhiều tỉnh từ Huế vào Sài Gòn, từ Biên Hòa, Vũng Tầu xuống Mỹ Tho, Trà Vinh … Báo chưa phát hành mà đã có nhiều độc giả gửi thư về tòa soạn đến thế. Họ có thể là những độc giả tò mò hay hối hả gửi thư chất vấn ông ngay cả khi tờ báo chưa ra số đầu chăng ?

Ngoài phần trả lời thư độc giả, Nhất Linh còn viết 4 bài khác, trong đó có 2 sáng tác gồm truyện ngắn Bắn Vịt Trời và truyện dài Xóm Cầu Mới, cộng 1 bài nghị luận «Văn Hóa Ngày Nay với Văn Hóa Việt Nam» như đã nhắc ở trên và thêm một bài khởi sự cho tập biên khảo «Viết và đọc Tiểu Thuyết».

Nhà giáo Nguyễn Thành Vinh, một đồng chí của Nhất Linh trong lãnh vực chính trị, viết 1 bài bình luận nêu cao chủ trương «Văn chương phải có giá trị vượt thời gian và không gian», Trương Bảo Sơn dịch Một Bản Đàn của Leon Tolstoï, Nguyễn thị Vinh có truyện dài Cô Mai, Duy Lam, một cây viết mới có tới 4 bài, và Tường Hùng cũng là một cây viết mới có 2 bài, hầu hết là loại văn vui. Sau cùng là những truyện ngắn của các tác giả, cả mới lẫn cũ như Khái Hưng, Đỗ Đức Thu, Bình Nguyên Lộc, Linh Bảo, Quỳ Hương.

Một nội dung như thế, có thể gây đôi chút cảm giác ngỡ ngàng cho người đọc sau những ngày chờ đợi. Gọi là ngỡ ngàng vì Giai phẩm VHNN hầu như không đáp ứng được nhu cầu đọc sách của độc giả lúc đương thời. Hàng triệu con người vừa di cư vào Nam, trước cuộc sống mới vô vàn khó khăn, bỡ ngỡ, với biết bao nhiêu nhu cầu đặt ra trước mắt và biết bao nhiêu vấn đề phải đối phó, tất nhiên nội tâm của họ phải sôi động, tâm tình phải gắn bó với cuộc sống đang dồn dập thay đổi xẩy ra từng ngày, từng giờ ở chung quanh. Sống trong một hiện trạng xã hội như thế, hẳn độc giả rất muốn được nghe tiếng lòng của Ông, hoặc nghe ông kể về những kinh nghiệm dầy dạn trong sinh hoạt cả về Văn Chương lẫn Chính trị khi họ tuyên xưng Ông vừa là một Văn gia, lại cũng vừa là một Chính trị gia lão thành.

Vậy mà trong những trang sáng tác mới, những nhân vật vượt không gian và thời gian của Ông như Cô Mùi, như Ông Năm Bụng, như Bà mẹ Lê v..v.. tuy vẫn là những hình tượng vĩnh cửu, nhưng lại thiếu ngọn lửa hừng hực của cuộc sống đương thời và đó không phải là những nhu cầu mà người đọc đã nôn nóng chờ đợi như khi vừa nghe tin «nhà văn Nhất Linh xuống núi, ra báo trở lại».

Cảm nhận này không chỉ ở phía đa số độc giả mà ở ngay cả những người trong nhà, lại là những người cũng đã trở thành nhà văn sau này. Tôi muốn nói đến hai nhà văn Thế Uyên và Duy Lam, những người có họ hàng ruột thịt với Nhất Linh và cũng đã tiếp cận với ông khi VHNN đang được chuẩn bị ra số đầu. Duy Lam thực sự là một cây bút chủ lực của VHNH, nhưng Thế Uyên thì lại không thấy xuất hiện bài nào. Trong cuốn «Những Ý Nghĩ Của Bọt Biển», nhà văn Thế Uyên đã thuật lại rằng khi chủ trương ra tờ Văn Hóa Ngày Nay, Nhất Linh đã nói với ông rằng : «cháu viết được nhưng kiểm duyệt không cho đăng đâu.»

Khi VHNN đã ra được vài số, cả Duy Lam lẫn Thế Uyên cũng đều có cảm nhận giống như tôi đã trình bầy ở trên. Trong tập «Chân Dung Nhất Linh» do tạp chí Văn ấn hành, Thế Uyên đã viết trong bài «Người Bác» như sau :

«Cả hai đứa đều không chịu nổi những bài khảo luận linh tinh, những bức thư Nhất Linh viết trả lời độc giả. Đọc loạt bài này đôi khi thấy cũ kỹ và lẩm cẩm. Về văn, tuy vẫn phục nghệ thuật phân tích tâm lý, nghệ thuật trình bày nhân vật, nhưng tôi đã cảm thấy Nhất Linh không còn là nhà văn của thế hệ trẻ. Trường giang tiểu thuyết Xóm Cầu Mới có những nhân vật đặt trong một

không gian thật xa cách.»

Điều này hầu như cũng là nguyên do khiến cho chỉ sau vài số, số lượng báo VHNN bán ra đã sút giảm dần.

Dịch giả Trương Bảo Sơn sau này góp bài viết trong cuốn «Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ-Người Chiến Sĩ» do Thế Kỷ xuất bản năm 2004, đã nêu nhận xét :

«Tập Văn Hóa Ngày Nay bán chạy như tôm tươi mấy số đầu, đã bị ế đi. Nhà phát hành độc quyền của chính phủ đã thi hành độc kế không gửi đủ số báo cho các tiệm sách đã đặt mua. Chúng tôi khi buộc báo thành từng bó đã cố ý đánh dấu riêng, khi nhận báo từ nhà phát hành trả về, thấy những dấu ấy vẫn còn y nguyên, tức là nhà phát hành đã không làm đúng nhiệm vụ, đã giữ báo của chúng tôi trong kho, không phân phối đi. Có những tiệm sách đến điều đình mua thẳng báo với chúng tôi để có đủ báo bán, nhưng chúng tôi phải từ chối vì sợ chính quyền gài bẫy. Đã nghèo lại bị thua lỗ, chúng tôi đành đình bản tờ Văn Hóa Ngày Nay.»

Có thể đấy lý do chính mà tờ Văn Hóa Ngày Nay bị đình bản, nhưng cũng chưa hẳn đó là lý do duy nhất. Dù tờ báo có bị chính quyền cấm cản bằng những thủ đoạn nào thì cũng không thể bỏ qua yếu tố độc giả, là những người cũng đã ít nhiều trực tiếp tham dự vào sự

sống còn của một tờ báo. Sau vài số báo, có chăng sự kiện độc giả không còn hứng thú theo dõi VHNN như trước nữa nên báo ế và nhà phát hành có thể đã kìm hãm những cọc báo không gửi đi các tỉnh cho đỡ tiền cước phí ?

Dẫu sao thì sự sút giảm độc giả hẳn cũng làm nản lòng người chủ trương VHNN. Cũng trong bài «Người Bác» nói trên, nhà văn Thế Uyên còn cho biết :

«Sau khi Văn Hoá Ngày Nay số 8 phát hành, Nhất Linh tuyên bố với người thân : «Thôi, không làm nữa!». Bạn bè xúm lại can. Nể người thân, ông chịu để Tường Hùng và Duy Lam tiếp tục. Ra tiếp hai số, ông cương quyết kết liễu Văn Hoá Ngày Nay. «Nó đã làm xong nhiệm vụ !».

Nếu sự thể đã xẩy ra đúng như vậy thì số báo cuối cùng do Tường Hùng và Duy Lam thực hiện chỉ còn 98 trang kể cả 8 trang quảng cáo, so với số đầu dầy tới 180 trang, tức là về hình thức đã sa sút gần một nửa.

Trong ngót 100 trang của số 11, tức số cuối cùng này, truyện dài Cô Mùi của Nhất Linh chiếm tới 25 trang, tức hơn ¼ số báo, một điều khá kỵ trong kỹ thuật làm báo. Cũng như vậy, truyện ngắn Ả Hầu của Đỗ Tốn cũng bị chia cắt thành 3 kỳ (khởi đăng từ số 9), cũng

làm độc giả bớt hứng thú theo dõi. Cũng trong số này, nhà thơ Bùi Khánh Đản chiếm tới 7 trang Thơ, cũng là một sự thiên vị bất thường. Và theo thông lệ, ngòi bút Duy Lam vẫn giữ vai trò chủ lực. Ông có tới 5 bài, 2 bài bình luận : một về Văn, một về Hội Họa, 3 bài còn lại là văn vui. Tường Hùng chỉ có một bài duy nhất «Kiểu mẫu Thanh Niên», cũng là văn vui.

Ngoài ra, những sáng tác khác vẫn gồm 4 truyện dài của Nhất Linh, Nguyễn Thị Vinh, Linh Bảo và bản dịch truyện của Leon Tolstoï.

Một số báo như thế báo hiệu sự sa sút rõ rệt về mặt nội dung, càng là lý do để ta có thể đánh giá mức độ đón nhận của độc giả đối với tờ VHNN ra sao.

Tuy nhiên, tờ Văn Hóa Ngày Nay đình bản dẫu vì bất cứ lý do nào, kể cả sự liên đới của nhà văn Nhất Linh đối với vấn đề chính trị lúc đương thời, thì cũng là một điều đáng tiếc !

Tiếc nhất là VHNN chỉ ra được 11 số nên không còn cơ hội tiếp tục vun trồng và khích lệ những cây bút mới như : Duy Lam, Tường Hùng, Tuyết Hương, Trần Tuấn Kiệt, Lê Tất Điều, Đỗ Phương Khanh, Đặng Phi Bằng v.v. và cả chính tôi, Nhật Tiến nữa. Một số người trẻ đã nhờ Văn Hóa Ngày Nay mà có đà để đi được những

chặng đường xa hơn.

* * *

Do quen biết với gia đình nhà văn Nguyễn Thị Vinh nên sau khi VHNN đình bản, tôi còn có vài cơ hội gặp gỡ nhà văn Nhất Linh ở nhà in Việt Liên, đường Gia Long Sài Gòn do bà Nguyễn Thị Vinh làm chủ. Có một buổi gặp gỡ mà mãi sau này trong ký ức của tôi vẫn thấy như là mới mẻ, đó là buổi tối của hôm trước khi xảy ra cuộc đảo chính ngày 11-11-1960. Nhà tôi, Đỗ Phương Khanh thì đã lên lầu trò chuyện với anh chị Trương Bảo Sơn và Nguyễn Thị Vinh. Ở tầng dưới, nhà văn Nhất Linh ngồi trầm ngâm bên một cái bàn nhỏ, chung quanh đầy những cột ram giấy của nhà in chất cao nghệu.

Thấy tôi, ông mỉm cười và rủ tôi chơi bài domino. Thế là tôi xà vào bên ông, vui vẻ đổ cỗ bài lên mặt bàn và ngắm nhìn ông xếp những con bài nhựa bằng đôi bàn tay đã bắt đầu hơi run run. Có lẽ đấy là lần đầu tiên tôi có cảm giác gần gũi với ông nhất. Bởi vì sự liên hệ giữa tôi và ông lúc này chỉ là hai con người trong một trò giải trí chứ chẳng phải là giữa một nhà văn vốn đã lừng lẫy trong suốt một chiều dài của lịch sử Văn học Việt Nam với một thanh niên mới chỉ có 24 tuổi đời, vừa chập chững đi vào thế giới của văn chương. Tôi nhớ là mình đã «gí» ông tận tình và rất thích thú nhìn

đôi lông mày rậm của ông nhíu lại, vầng trán cao ngất phảng phất nhiều nếp nhăn, và mỗi khi phản công lại thì ông mỉm cười, nụ cười nom rất hiền từ và bao dung khiến tôi thấy lòng mình như ấm áp hơn lên.

Trong những giây phút thân ái đó, tôi thật đâu có ngờ là đầu óc của ông lại còn đang suy tưởng về một cuộc đảo chính sắp sửa xẩy ra, chỉ trong vài giờ sau đó !

1 giờ 30 sáng ngày 11-11-1960, tiếng súng bắt đầu rộ lên trong thành phố. Tiếng súng của phe đảo chính !

Cuộc đảo chính mà sau này nhiều người cho là ông không trực tiếp tham dự nhưng biết trước và có ủng hộ tinh thần. Tôi cũng muốn đồng ý như vậy, bởi vì nếu ông là người có dính líu đến nội vụ thì hẳn tối hôm trước, ông đã chẳng ngồi chơi domino với tôi như thế.

Thế nhưng một đồng chí của ông, dịch giả Trương Bảo Sơn trong bài «Những kỷ niệm riêng với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam» in trong cuốn «Nhất Linh, người chiến sĩ - người nghệ sĩ», do Thế Kỷ 21 xuất bản năm 2004, thì lại cho biết về việc làm truyền đơn trong biến cố 11-11-1960 này như sau :

«Khi thảo truyền đơn, trong danh sách những người ký tên, chúng tôi đã để tên Nguyễn Tường Tam lên đầu,

rồi mới tới tên các cụ Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương, Trần Văn Văn, Nguyễn Xuân Chữ v.v… Ông Tam đã sửa lại để tên ông sau tên ông Chữ. Trước sự ngạc nhiên của tôi, ông giải thích : «Anh đừng quên người ta vẫn nói miền Nam của người Nam, mình là người Bắc di cư, phải lưu tâm và tôn trọng điều đó.»

Mặc dù có liên quan hay không thì ông vẫn bị chính quyền quản thúc tại gia và đưa ra tòa xét xử vào ngày 11-7-1963. Thế nhưng, ngày 7-7-1963 ông đã dùng độc dược quyên sinh vì đời ông, ông chỉ chịu để cho lịch sử phán xét.

Sự ra đi của ông là một mất mát lớn lao cho văn giới.

Không mất mát lớn lao sao được khi một nhân tài lỗi lạc như thế đã không còn nữa.

Một nhân tài mà quý nam của Nhất Linh, ông Nguyễn Tường Thiết đã tóm gọn một câu về cuộc đời của thân phụ ông trong cuộc phỏng vấn do ký giả Lê Quỳnh Mai thực hiện trên Tạp chí Hợp Lưu số tháng 7 & 8 năm 2008, như sau :

«Tôi suy nghĩ về toàn thể cuộc đời ông. Từ hồi ông có bài thơ đăng báo Trung Bắc Tân Văn năm ông mới 16 tuổi, cho đến ngày ông mất năm ông 57 tuổi. Ông đã

sống một đời lỗi lạc, làm được quá nhiều việc trong một đời ngắn ngủi. Một người bận rộn như thế, nổi tiếng như thế, thì làm gì có được một cuộc sống thanh thản, bình dị, như cuộc đời nơi mỗi chúng ta ?»

Và ông Thiết đã kết luận chính xác như đã nói thay cho mọi người rằng :

«…Tôi tin rằng sự nghiệp của cha tôi sẽ trường tồn không phải đơn thuần nhờ vào văn tài của ông mà còn nhờ vào sự ngưỡng mộ và quý trọng về cả con người, cuộc đời và cái chết của ông nữa.»

Còn riêng đối với tôi, một người cầm bút sau Nhất Linh cả một thế hệ, khi ông mất đi, tôi vừa thấy đã mất một nhà văn lão thành, vừa mất một nguồn khích lệ lớn lao trên con đường văn nghiệp của tôi vì ông đã khuyến khích tôi rất nhiều sau khi đọc xong bản thảo cuốn truyện dài đầu tay của tôi. Rồi ông lại dành chỗ trang trọng để đăng tải những truyện ngắn của tôi trên Văn Hóa Ngày Nay, tờ báo tiếp nối công trình của Phong Hóa và Ngày Nay. Ông cũng lại ân cần giới thiệu tôi vào Trung Tâm Văn Bút, nơi mà tôi đã có dịp được sinh hoạt liên tục trong suốt gần 20 năm sau đó, cho đến khi miền Nam mất vào tay CS. Có thể nói tóm gọn, con đường đi vào thế giới Văn chương Chữ nghĩa của tôi đã có được sự khích lệ của nhà văn Nhất Linh rất nhiều.

Để có cơ hội viết bài này, tôi cũng xin cám ơn nhà văn Phạm Phú Minh và những vị trong ban tổ chức Triển lãm và Hội luận về hai tờ báo Phong Hóa - Ngày Nay. Nếu không có lời mời tham dự của quý vị thì tôi không có dịp ngồi ôn lại những kỷ niệm trong lãnh vực văn chương ở vào thuở khai sinh Việt Nam Cộng Hòa mà khi đó mọi người đã cùng gắng công vun đắp một Miền Nam Tự Do với vô vàn sinh hoạt văn hóa phong phú, đa dạng mà sức lan tỏa vẫn còn cho đến tận ngày nay.

N. T.

Garden Grove, California ngày 20 tháng 5 năm 2013

150. Nhất Linh (3) - Giòng Sông Thanh Thủy

(Chương 1, 2, 3)

Phần thứ nhất

Ba người bộ hành

Chương một

Ngọc tiến về phía cửa hàng cà-phê của Thanh ở Cổng Bắc, trong người cảm thấy lạnh hơn mọi buổi sáng. Chàng mỉm cười vẩn vơ, chờ đón một cách khoan khoái những cơn gió cuối thu từ ngoài cánh đồng thổi lọt qua các đường ngõ chật hẹp của thành phố Mông Tự.

Ngày hôm trước, chiếc áo da Mỹ đắt tiền do một người bạn ở Côn Minh biếu để chàng mặc phòng rét, chàng đã bán được một giá rất hời. Đây là lần đầu tiên chàng có được một số tiền khá lớn từ khi hơn hai năm trước, chàng rời bỏ đất Việt sang tỉnh Vân Nam để cùng các anh em khác, sống một cuộc đời cách mệnh nghèo khổ nhưng hào hứng lúc nào cũng chỉ mong chóng đến ngày trở về nước, giải thoát dân tộc khỏi ách đô hộ của người Pháp.

Lòng tuy vui vì được sống một cuộc đời khác thường ở Côn Minh, Khai Viễn, Mông Tự, một cuộc đời đầy nguy hiểm, nhất là những lúc được Ninh bí danh N.3, trung ương uỷ viên ban chấp hành hải ngoại bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng phái về các «công tác trạm» đặt rải rác ở biên giới Hoa Việt, nhưng chàng vẫn thèm ăn các thức ngon; địa vị cách mệnh, sự thiếu thốn về tài chính của Đảng chỉ cho phép chàng ăn cơm với một ít rau hoặc một ít «tàu sì» kho thật mặn, hoặc có khi chỉ có cơm hẩm với muối ớt trộn dấm.

Chàng nhớ lại cái thú đêm hôm trước, đến Cổng Tây, ngồi xuống chiếc ghế gỗ của một hàng quà rong, hai tay đón lấy một bát phở thịt cừu bốc hơi nghi ngút. Ngọc vẫn thích nhất phở cừu, lại gặp lúc thèm nên ăn càng thấy ngon. Người chàng mặc phong phanh có chiếc áo sơ mi mỏng; quanh chàng chỉ toàn người Tàu nên chàng không cần e dè, giữ lễ độ; thỉnh thoảng chàng đưa bát phở cừu lên và lua một hơi rồi ngừng lại nghe ngóng cái thú ăn ngon và đợi những cơn gió lạnh ban đêm thổi tới.

Ăn xong bát phở, thấy còn thòm thèm, Ngọc gọi thêm một bát «qua cầu mễ phẩn» [69]. Tuy bát nước dùng không bốc khói vì mặt nước có nhiều mỡ, nhưng rất nóng, chàng không thể lấy tay cầm lên được, đành phải

69 Một thức ăn đặc biệt của tỉnh Vân Nam

đặt nó xuống cái bàn thấp chân của nhà hàng. Ngọc không ăn theo cách cho dần bún ở bát bên cạnh sang bát nước dùng, đúng lối ăn «bắc cầu bún» từ bát nọ sang bát kia như mọi người Tàu; chàng đổ cả bát bún lạnh sang bát nước dùng nóng bỏng cho nguội bớt rồi húp một hơi dài, vừa ăn vừa ngẫm nghĩ đến chất béo của nước dùng, đến các miếng bồ dục, cổ hũ, gan lợn, ngọt đậm mà từ lâu lắm chàng chưa được hưởng.

Tuy đã ăn hết hai bát phở cừu và «qua cầu mễ phẩn» nhưng vì thiếu chất bổ từ lâu nên chàng không cảm thấy no quá, trong người ấm áp không nghĩ tới gió lạnh nữa. Ngọc cũng bắt chước người Tàu vỗ vào bụng mấy cái, trả tiền rồi đứng dậy, tiến ngược lên chiều gió lạnh. Chàng thấy có lẽ từ bé đến giờ chưa từng được ăn ngon như thế, mà lại ngay trong lúc là một người cách mệnh, chàng không có quyền nghĩ đến ăn ngon cũng như nhà tu hành phải lấy khổ hạnh làm vui. Dẫu sao chàng cũng «hà» một tiếng khoan khoái, tự nhủ :

«Mai kia có chết vì phận sự thì cũng hả cái dạ dầy này.»

Đêm ấy, chàng tạt qua nhà đồng chí Hoạt; Phương em gái Hoạt đương ngồi đan dưới ánh nến như đợi chàng. Phương đặt chiếc áo đan dở xuống ngửng nhìn Ngọc. Hai con mắt Phương sáng hẳn lên và long lanh dưới ánh

nến. Phương nhìn chàng đầy tình tứ :

«Anh đi đâu về thế ? Anh chị em đi ăn tiệc đằng bác Cần, có lẽ khuya lắm mới về. Năm nay Mông-Tự rét sớm quá anh nhỉ ?»

Ngọc ngồi xuống cạnh chỗ Phương đan, nhìn ngắm Phương. Sau một lúc yên lặng, chàng hỏi :

«Cô đan gì thế ?»

«Em đương đan chiếc áo len. Trong lúc chiến tranh khó kiếm được len quá ! Em phải nhờ một người bạn lên tận Côn Minh mới mua được thứ len tốt này. Anh trông màu len này có ưng ý không ?»

Bỗng nàng sửng sốt nhìn vào người Ngọc :

«Kìa, đêm lạnh, sao anh lại chỉ mặc áo sơ mi trần. Cái áo da Mỹ của anh đâu ?»

Ngọc mỉm cười :

«Tôi đã bán nó đi rồi, được một số tiền khá nhiều.»

«Đời nhà ai, mùa đông sắp đến lại đi bán áo rét. Anh lạ thật ! Em đến chịu những người như các anh thôi !»

Rồi Phương đứng lên, lại gần Ngọc giơ một mảnh len đan dở, hỏi :

«Anh có ưng màu len này không ?»

Phương vừa nói vừa ướm thử miếng len vào ngực Ngọc rồi thốt lên :

«Màu này hợp với nước da anh quá. Em cố đan thật mau, đan đêm đan ngày… em đan quen lắm không bao giờ mỏi tay cả; sao anh lại có vẻ như không tin em ?»

Phương nói luôn một hồi, tay vẫn không quên thoăn thoắt cử động hai chiếc que đan. Ngọc đã hiểu là Phương định biếu mình chiếc áo len, nhưng ngượng không nói hẳn ra. Chàng cảm động và câu mà chàng chú ý đến nhất là câu Phương nói rằng hai vợ chồng Hoạt đi ăn cơm khách khuya lắm mới về. Ngọc biết Phương đã yêu chàng từ lâu và săn sóc chàng đủ thứ mỗi khi chàng đi công tác ở biên giới trở về. Ngọc cũng để lòng yêu Phương, vì Phương có một vẻ đẹp đôn hậu, dịu dàng. Chàng nói :

«Màu áo len này có vẻ hợp với tôi lắm. Cô đưa tôi xem lại.»

Chàng cầm lấy mảnh len đan dở và vô tình tay chàng chạm vào tay Phương. Chàng đưa miếng len ra gần ánh

nến để xem màu cho kỹ, rồi cũng bắt chước Phương đặt miếng len lên ngực Phương chỗ hai bầu vú phồng lên. Chàng ngắm len rồi lại ngắm nét mặt Phương, nhất là hai con mắt nàng dưới ánh nến mà chàng biết đã long lanh sáng lên vì sung sướng. Chàng nhớ lại lời Phương bảo hai vợ chồng Hoạt đi vắng nhà chỉ có mình nàng. Chàng nói không nghĩ ngợi :

«Đan xong áo này, cô cho tôi, vì mùa lạnh tới nơi mà tôi trót dại bán áo da rồi.»

Phương cúi mặt đáp :

«Em cố đan thật mau, chắc độ ba hôm nữa xong. Để em lấy thước đo tay anh. Nhưng thôi cũng chẳng cần đo, em cứ đan dài tay một chút, lúc mặc anh cuốn lên thì vừa. Sáng thứ ba, đúng thứ ba, em gói cẩn thận để khi anh đến rồi lúc đi, anh cứ cầm đi như một cái gói anh đã đem sẵn từ khi tới… Hay thế này tiện hơn, hôm thứ ba anh đợi em ở đầu phố, đúng lúc tám giờ sáng, em đi chợ rồi đưa anh; như vậy anh chị Hoạt không biết gì cả.»

Một cơn gió mạnh từ cửa sổ thổi vào suýt làm tắt ngọn nến. Ngọc chạy ra đóng cửa sổ lại. Lúc quay trở vào, chàng nghĩ giá có ôm lấy Phương mà hôn chắc Phương cũng thuận, nhưng tự nhiên có thứ gì ngăn chàng lại.

Chàng nói :

«Thứ ba, đúng tám giờ tôi đợi cô ở đầu phố. Bây giờ đành phải chịu lạnh đợi đến hôm đó vậy. Thôi chào cô, tôi về. Đêm nay, chắc thế nào cũng nằm mê thấy được mặc áo đẹp của tiên nữ ban cho.»

«Anh nhớ đúng hẹn. Em mong đấy.»

Phương ra mở cửa rồi đứng nhìn theo Ngọc đi khuất dần vào bóng tối. Nàng đặt tay lên ngực, chỗ Ngọc vừa ướm thử miếng len rồi mỉm cười, thở hắt ra một cái nhẹ.

* * *

Sáng hôm sau, Ngọc thức dậy mới biết là đêm không mơ thấy tiên nào ban áo cả; chàng đã ngủ một giấc ngon lành không mộng mị, một giấc ngủ cũng ngon như bát phở cừu ăn trong gió lạnh đêm hôm trước.

Tám giờ sáng, chàng mặc xong quần áo và bước chân chàng tự nhiên tiến về phía cửa hàng cà-phê của Thanh có tiếng ngon nhất Mông Tự. Lúc bước vào cửa hàng không có một người khách nào. Chàng gọi to, giọng đùa :

«Cô chủ hiệu Thanh Hương đi đâu mà biệt tăm tích. Tám giờ sáng còn ngủ sao ?»

Một tiếng nói thanh thanh từ trên gác vẳng xuống :

«Nghe như tiếng anh Ngọc. Sáng nay tôi không bán chịu đâu. Anh có tiền trả ngay tôi mới xuống, nếu không mời anh đi nơi khác. Mà anh còn nợ tôi bốn cốc cà-phê. Anh đợi đấy tôi xuống đòi nợ, nếu không có tiền thì tôi lột áo.»

Ngọc ngửng lên nhìn sàn gác gỗ hở khe, nghe tiếng guốc đi vội vàng của Thanh :

«Có mỗi chiếc áo da Mỹ để diện thì đã bán hôm qua rồi. Còn áo đâu để cô lột nhưng tiền thì vô số.»

Thực ra Ngọc không biết Thanh người ở đâu, làm gì và tại sao lại đến Mông Tự mở một hiệu cà-phê; tuy cà-phê rất ngon nhưng khách hàng không đông lắm. Chàng cũng biết chắc Thanh không phải là nhân viên của Quốc Dân Đảng phái về vì chàng đã hỏi Ninh về việc ấy. Chàng thấy đời Thanh có điều gì bí ẩn, nhưng vì cà-phê của nàng ngon nhất Mông Tự, Thanh lại săn sóc và có cảm tình đặc biệt đối với chàng, nên chàng thường lai vãng cửa hiệu, có khi ngồi hàng giờ để nói chuyện với Thanh. Chàng thấy Thanh có đôi mắt đẹp và sắc sảo, ăn nói rất có duyên; những ý nghĩ của nàng rất hợp với chàng; Thanh nói về bất cứ vấn đề gì cũng tỏ ra thành thạo và sâu sắc; giữa chàng và Thanh có ngầm

một thứ gì mà chàng chưa nhận rõ.

Thanh bước xuống cầu thang hỏi Ngọc :

«Tám giờ rồi cơ à anh ?»

«Thì cô trông ánh mặt trời là biết.»

Thanh vào nhà trong pha cà-phê, có vẻ vội vã. Khi đem hai cốc cà-phê phin, Thanh nói với Ngọc :

«Mời anh lên gác uống. Tôi cũng uống với anh cho vui.»

Ngọc chẳng hiểu vì cớ gì nhưng cũng theo Thanh lên gác. Quả nhiên ở ngay cạnh cửa sổ có một cái bàn trải khăn rất xinh và hai cái ghế bành mây đối diện ngồi thật thoải mái. Cửa sổ lại mở ra phía cánh đồng có hàng cây dương liễu loang loáng vàng về phía mặt trời mọc. Chàng ngồi xuống ghế đối diện Thanh và định bắt đầu nói những chuyện bâng quơ với Thanh như những khi hiệu vắng khách. Trái hẳn mọi lần, Thanh lơ đãng không bắt chuyện. Nàng hình như băn khoăn, bứt rứt điều gì. Thỉnh thoảng nàng lại nghe ngóng xem có tiếng ai dưới nhà không. Ngọc đợi chất đặc cà-phê rỏ xuống hết rồi cho thêm nước nóng cầm cốc uống thong thả.

Bỗng Thanh bỏ cốc đang uống dở xuống bàn, bảo Ngọc :

«Anh cứ đợi tôi trên gác. Hình như có khách.»

Rồi nàng ghé tai Ngọc nói khẽ :

«Anh cứ ngồi yên lặng uống, đợi tôi lên hãy hay.»

Có tiếng kéo ghế rồi tiếng thìa khoắng cốc. Ngọc nghĩ thầm :

«Người khách hàng này chắc không phải tay sành cà-phê vì chắc là uống cà-phê đen thường hoặc cà-phê sữa.»

Chàng tò mò, rón rén đi thật nhẹ rồi cúi rạp xuống sàn gác nhìn qua khe hở. Chàng thấy đầu một người khách đàn ông và đầu Thanh ghé sát gần chạm nhau. Hai người thì thầm nói chuyện; Ngọc cố lắng tai song không nghe rõ được tiếng gì. Chàng cố nhận mặt người đàn ông nhưng người ấy lại ngồi xoay lưng về phía chàng; chàng chỉ thấy hai vành tai hơi to, cái cổ gầy và vai bên phải hình như hơi cao hơn vai bên trái. Người đàn ông mặc bộ quần áo tây màu xám tro, đi đôi giầy tây vàng đã cũ, đế bằng lốp ô-tô. Độ hơn mười lăm phút sau, Thanh lên; Ngọc làm bộ nhìn ra cửa sổ ngắm phong cảnh và ngẫm nghĩ đến hương vị điếu thuốc lá

Mỹ đắt tiền mà chàng đã mua hôm trước.

Ngọc quay lại hỏi :

«Khách nào thế ?»

Thanh nhắp môi vào cốc cà-phê đã nguội của mình rồi nói thẫn thờ :

«Khách lạ. Chẳng biết ông nào, nhưng chắc không phải người Mông Tự.»

Ngọc nói :

«Dân ấy uống mau thế chắc là dân cà-phê đen thường.»

«Sao anh biết ?»

«Vào uống một lát rồi ra, mà cà-phê phin của cô thì phải ít nhất mười lăm phút mới xong. Bây giờ hết khách, cô ngồi đây uống với tôi cho vui. Để tôi chế thêm nước sôi trong phích. Tôi không ngờ đâu có chỗ ngồi uống thích như thế này. Ngồi đây, có thể ngồi cả ngày cũng được. Lần sau tôi đến, cô cho phép tôi ngồi đây nhé.»

«Được anh cứ lên. Nhưng bây giờ anh hãy trả nợ bốn cốc và trả tiền cốc hôm nay đi đã.»

Ngọc kéo ra một tập giấy Quan Kim đưa Thanh.

«Sao nhiều thế này, anh ? À tiền bán áo, anh trả nợ năm cốc rồi anh cho tôi vay cả số tiền này có được không ?»

«Vui lòng, cô cứ cầm lấy rồi trừ dần vào tiền tôi uống cà-phê.»

Thanh chạy sang gian bên cạnh đem một bình hoa hồng đặt giữa hai người.

«Cô xơi một điếu Lucky ?»

«Làm cách mệnh mà sang nhỉ ?»

Hai người vừa uống cà-phê vừa hút thuốc lá nhưng chưa biết sáng nay định đem chuyện gì ra nói. Thanh đột nhiên hỏi :

«Lần này chắc anh sắp đi xa. Hàng cà-phê tôi lại vắng một quý khách.»

Ngọc nghĩ thầm chắc người khách lạ là người của Ninh phái về báo tin cho Thanh và Thanh cũng là một nữ cán bộ của Ninh nhưng Ninh không cho chàng biết vì Ninh rất kín đáo, làm việc gì cũng chu tất; nếu đúng vậy thì nay mai chàng sẽ được lệnh đi xa. Chàng chỉ việc ngồi đợi xem có đúng như mình dự đoán không ?

«Hay là anh chàng vừa tới là nhân tình của Thanh nên Thanh vội vã mời mình lên gác để hai người trò chuyện tự do.»

Nghĩ đến điều đó, Ngọc thấy nhói ở tim. Nhưng chàng vội gạt ngay ý nghĩ ấy, mắt nhìn vào mắt Thanh dò xét :

«Sao cô biết tôi sắp đi xa ?»

«Việc gì mà tôi chẳng biết. Anh không nghĩ ra à ? Có mỗi một cái áo da Mỹ mà anh lại đem bán đi thì chắc anh không lên phía bắc nữa, không lên Côn Minh, vậy chỉ còn một đường là anh sắp xuống biên giới; một là ở biên giới ít lạnh hơn, hai là mặc bộ áo da Mỹ sang trọng ấy, đi về biên giới thì có khác gì mặc áo gấm đi chăn lợn không. Tôi là đàn bà xoàng cũng đoán được, anh đi làm cách mệnh như anh, anh nghĩ liệu có xứng đáng không ? Rồi anh xem, nếu tôi đoán không trúng thì anh cứ chặt đầu tôi đi.

«Tôi chặt đầu cô ? Để làm gì ? Đêm qua bán áo tôi đã ăn luôn một bát phở cừu và một bát «Cô sèo mi siển» [70], những thứ đó ngon hơn là thủ cấp của cô. Thà cứ để đấy mà ngắm còn thú vị hơn. Chặt đầu cô rồi, dẫu mắt cô vẫn mở nhưng trông lờ đờ như mắt lợn luộc còn đâu cái vẻ linh lợi sắc sảo như bây giờ.»

---

70 Qua cầu mễ phẩ

Bỗng Ngọc thốt ra như nói một mình :

«Đẹp quá !»

«Cái gì đẹp cơ anh ?»

Ngọc nhìn qua cửa sổ về phía vườn sau, chỉ cho Thanh một cây lựu lá lăn tăn, loáng bóng ánh sáng mặt trời, trong lá lẫn vài nụ lựu mới nứt để xòe ra mấy cánh trắng trong như lụa nõn và những quả đã gần chín da xanh nám hồng một nửa, trông như ngọc thạch.

«Cô thấy còn gì đẹp hơn không ?»

Thanh gật gật; nàng biết là Ngọc mượn cớ lấy lựu để khen nàng đẹp. Thanh nói :

«Anh thi sĩ nhỉ. Làm cách mệnh như anh, giết người nổi tiếng mà anh còn thấy hoa lựu nở là đẹp cơ à ?»

«Tôi giết ai bao giờ ?»

«Anh lại còn giấu, không kể những người phản quốc hay Việt Minh anh giết ở các vùng biên giới, không ai biết đấy là đâu nhưng riêng tôi, tôi biết anh đã «đưa lên núi» [71] rất nhiều người phản quốc, cộng sản hay thân Pháp ở Khai Viễn, Mông Tự. Anh nổi tiếng mà anh

71 «Đưa lên núi» là chỉ việc giết người vì ở bên Trung Hoa, các nghĩa địa đặt trên các gò đống hay núi đồi

không tự biết.»

Ngọc uống cạn cốc cà-phê bảo Thanh :

«Cô pha cho tôi cốc cà-phê phin nữa.»

Khi Thanh đem lên một cốc mới, Ngọc nói :

«Tôi hiền lành như bụt thế này mà cô bảo tôi giết người.»

Thanh nhìn thẳng vào mắt Ngọc :

«Hiền thì hiền thật, tôi cũng đã biết rõ anh là người giầu tình cảm, có một tâm hồn thi sĩ; anh rất nhân đạo nhưng một khi anh đã gia nhập cách mệnh, anh chỉ như một người lính không muốn giết người mà vẫn phải giết khi ra trận; anh với người lính, một khi đã bị cái «guồng máy» nó lôi cuốn, chỉ biết phục tùng mệnh lệnh. Giá anh đừng gia nhập cách mệnh thì hơn. Bây giờ anh kể cho tôi nghe vì cớ gì anh sang đây gia nhập hàng ngũ Việt Quốc. Tôi thích nghe anh kể chuyện lắm nhưng cốt nhất là anh đừng giấu tôi cái gì cả, cũng đừng nói khoe mẽ. Tôi, tôi hiểu anh lắm.»

Chương hai

Ngọc uống từng ngụm cà-phê nóng thơm, mắt đăm đăm như nhớ lại quá khứ, rồi thong thả kể chuyện cho Thanh nghe. Chàng thổ lộ với Thanh cả những điều thầm kín nhất trong tâm hồn mà chàng chưa từng dám ngỏ cùng ai nhất là mối tình của chàng đối với Thuý từ khi chàng mới mười chín tuổi. Hồi đó vì nhà Ngọc sa sút chàng phải đi sang học nghề đan «den» ở làng bên cạnh. Ông Cả thân sinh cô Thuý nhận hàng ở Hà Nội về rồi thuê thợ nam nữ ở các vùng lân cận đến đan. Ông dậy cả con gái ông nữa. Lúc Ngọc đến vì chưa quen nghề, nên Thuý thường đến chỉ bảo. Thuý là con gái nhà quê nhưng hai má hồng tự nhiên và đôi mắt đen tinh nghịch đã quyến rũ chàng ngay từ buổi đầu gặp gỡ. Tính Ngọc cả thẹn nên không dám ngỏ tình ý gì; chàng chỉ thấy lòng mình lâng lâng mỗi buổi sáng sang bên làng La để học nghề. Chàng học đan rất tấn tới mặc dầu không kiếm được bao nhiêu để giúp đỡ nhà, gồm có một ông bố, một người chị và mấy đứa cháu họ mồ côi.

Trong bọn thợ đến làm den chỉ có chàng là người có học và mọi người không ai bảo ai đều gọi chàng bằng cậu vì họ biết chàng là con một ông đồ bên làng Bằng, chỉ vì nhà sa sút nên phải học nghề thợ den. Học được ít lâu chị chàng kiếm được cho chàng một chân dậy học

tư ở nhà một cụ Phủ về hưu, công việc rất nhàn lại kiếm được gấp đôi tiền. Nhưng chàng từ chối nói với chị :

«Em thích học nghề.»

Thuý cũng cảm ngay Ngọc từ khi chàng tới. Cô con gái quê ấy lấy cớ dạy chàng đan den nên suốt ngày ở cạnh chàng; nàng rất vui tính và nói đùa với Ngọc trước mặt mọi người, không thẹn thùng gì cả. Thuý nhí nhảnh như con chim non và lần đầu tiên nàng biết thế nào là tình yêu.

Ông Cả bà Cả chỉ có hai người con : một trai và một gái. Người con trai đã lớn tuổi bỏ đi đâu, làm việc gì bố mẹ cũng không biết, thỉnh thoảng lắm, có khi tới nửa năm mới tạt qua nhà một lần, vì vậy hai ông bà rất đỗi chiều chuộng Thuý; hai ông bà không ai nói với ai nhưng đều ngầm tán thành việc con gái mình lấy Ngọc vì nhà Ngọc là nhà gia thế và tính Ngọc hiền hậu rất hợp ý hai ông bà.

Dần dà mọi người thợ den đều nghĩ thầm với nhau cho Ngọc sẽ là rể tương lai của ông bà Cả. Nhưng Ngọc vẫn chưa lần nào ngỏ tình yêu với Thuý. Mặc dầu vậy, Thuý đã biết rõ là Ngọc yêu mình; những ngày ông bà Cả không đem được hàng ở Hà Nội về thì Thuý đi ra vào không thiết làm gì cả, lúc nào cũng chỉ mơ tưởng

đến Ngọc. Nhiều lần nàng sang bên làng Ngọc lấy cớ là đi chợ Bằng mong có dịp Ngọc ra chợ chơi và được nhìn thấy Ngọc cho đỡ nhớ. Song vì Ngọc không bao giờ ra chợ cả nên Thuý lúc trở về lại buồn hơn lúc chưa đi, và tuy biết là vô lý nàng cũng tức Ngọc như là chính Ngọc đã sai hẹn với mình. Có lần không chịu được nữa, nàng tạt vào nhà Ngọc, bảo chàng :

«Sáng mai có hàng ở Hà Nội về; nhân tiện tôi qua chợ Bằng có tí việc, thầy tôi nhắn sáng mai cậu lại sang làm giúp đúng giờ như mọi lần, vì thầy tôi sợ không đủ người để kịp làng hàng giao họ. Có một cái «com-măng» rất gấp của một bà đầm cần phải giao kịp trước ngày bà ấy đi Hải Phòng xuống tàu thuỷ về Pháp.»

Sáng hôm sau Thuý trang điểm rồi đón Ngọc trên con đường từ làng Bằng đến làng La. Lúc gặp Ngọc, Thuý nói cái món hàng đó vì người đầm hoãn ngày đi Pháp nên vài hôm sau mới có món hàng khác.

Ngọc nói :

«May quá nếu không gặp cô, lại mất công sang tận làng La. Tôi lại về Bằng vậy.»

Hai người đứng nhìn nhau một lúc. Thuý ngả nón phe phẩy quạt cho mát; nàng kéo tà áo lên lau vừng trán lấm

tấm mồ hôi. Ở cạnh đường có một khu rừng cây, đứng ngoài đường nhìn vào không rõ. Ngọc bảo Thuý :

«Hay cô hãy vào chỗ cây kia nghỉ cho mát rồi trở về La. Trời hôm nay mới sáng mà đã oi quá, tôi cũng nghỉ một lúc trước khi trở về làng Bằng.»

Ngọc nghĩ nếu Thuý ưng chịu vào khóm cây kín đáo kia thì chắc chắn Thuý đã yêu chàng và vào đấy chàng chắc sẽ có đủ can đảm ngỏ tình yêu với Thuý, nếu tiện.

Thuý đi nón lên đầu, nhìn vào khóm cây rồi thốt lên :

«Cậu có ý kiến hay quá. Tôi cũng đương nóng bức cả người. Ta vào nghỉ cho mát một lúc đã.»

Ngọc và Thuý đi theo con đường nhỏ, qua vài thửa ruộng rồi khi nhìn lại không thấy đường cái nữa hai người mới ngừng bước. Sẵn có một bờ cỏ sạch sẽ và râm mát, Thuý lấy nón kê rồi ngồi xuống. Ngọc cũng ngồi xuống bên cạnh, trên thảm cỏ :

«Mát quá nhỉ, cô nhỉ. Chỗ này tôi cũng đã có đến nhiều lần bắn súng cao-su. Chính ở đây tôi bắn chết được một con chim vành khuyên.»

«Chim khuyên bé thế mà cậu cũng bắn trúng được cơ à ? Nhưng sao cậu ác thế, sao cậu không làm lồng bẫy

cho nó khỏi chết, khi được con nào cậu cho tôi xin một con.»

«Cô Thuý ạ, bắn chết con chim xong tôi cũng thấy thương hại nó, cho nên khi về nhà tôi đã chôn cất nó tử tế. Phải đấy, từ nay tôi làm lồng bẫy, nhưng khi bẫy được hai con cho đủ đôi tôi mới đem biếu cô.»

«À nhưng tôi không có lồng, cậu làm một cái lồng tre rồi cho tôi xin luôn thể. Cậu đừng quên nhé.»

«Tôi quên thế nào được. À từ nay cô đừng gọi tôi là cậu nữa, cô cứ gọi tôi là anh cho thân mật hơn. Vả lại cũng nhờ cô chỉ bảo, bây giờ tôi mới thành một anh thợ lành nghề.»

Thuý bỗng nhìn thẳng vào mắt Ngọc mỉm cười :

«Từ hôm đầu tiên anh đến tôi đã thấy ngay anh là người có học. Vì cớ gì anh cứ muốn làm một người thợ.»

«Vì nhà tôi sa sút. Về sau làm được mấy tháng nhờ cô chỉ bảo cách thức rồi, chị tôi mới bảo có một ông Phủ về hưu muốn nhờ tôi dậy học tư mấy đứa trẻ, vừa nhàn vừa kiếm được tiền gấp hai. Nhưng tôi từ chối vì tôi thích làm thợ hơn, vả lại vì…»

Ngọc ngừng lại đột ngột nhưng Thuý đã hiểu. Nàng nói :

«Hôm nay không có việc chúng mình đi chơi đi. Anh đưa tôi đi xem khu rừng, lần này là lần đầu tiên tôi dám vào đây. Nghe người ta nói rừng này có nhiều rắn, có cả cọp nữa.»

«Rắn thì hoạ hoằn có, nhưng để tôi đi trước nó có cắn thì nó cắn tôi.»

Chàng cất tiếng cười :

«Ai bảo cô rừng này có cọp. Có con cọp đáng sợ nhất là tôi nhưng cọp này hiền lành lắm. Cô đi với cọp rồi còn sợ gì cọp. Nào ta đi đi.»

Ngọc phủi áo đứng dậy; Thuý cũng đứng dậy bóp lại cái nón cho tròn rồi đi theo sau Ngọc :

«Em sợ rắn lắm.»

Nàng tình cờ thốt ra tiếng xưng em; Ngọc nghe rõ nhưng làm như không để ý tới. Càng đi sâu vào rừng, cây cối càng rậm rạp. Con đường nhỏ vì ít người qua lại nên nhìn kỹ mới nhận thấy nhờ ở những cây cỏ nằm rạp xuống.

Bỗng một con rắn cạp nong dài hơn thước nằm chắn ngang lối cỏ. Thuý hốt hoảng nắm lấy người Ngọc :

«Anh Ngọc ơi ! Con rắn ! Con rắn !»

«Cô đừng sợ.»

Ngọc cúi xuống nhặt một cành cây khô quăng về phía con rắn. Con rắn vụt biến vào trong cỏ cao và bụi rậm. Thuý vẫn chưa dám bỏ người Ngọc ra, thở hổn hển :

«Chết, anh… nó hình như quay lại phía sau. Kìa, anh trông nó trở lại phía kia kìa ! Chỗ… chỗ… lá… động cạnh em.»

Ngọc quàng tay ôm lấy ngang lưng Thuý nói thản nhiên :

«Tôi đã bảo cô đừng sợ mà ! Cô cứ đi với tôi, có sao đã có tôi.»

Chàng lấy tay ấn vào lưng Thuý giục nàng tiến qua chỗ con rắn nằm lúc nãy. Đi khỏi chỗ cỏ cao và bụi rậm tay Ngọc vẫn ôm ngang lưng Thuý; hai người đứng lại ở một chỗ đất trống rồi không nói một lời nào Ngọc ôm chặt lấy Thuý, cúi xuống sát gần mặt Thuý. Thuý ngửa mặt lên như chờ đợi, Ngọc đặt lên môi Thuý một cái hôn đầu tiên.

Tình yêu bấy lâu vẫn ngấm ngầm giữa hai người lúc đó đã bộc lộ rõ ràng trong sự trao hôn.

Sau ngày hôm đó, đến khi Ngọc trở lại làm việc nhà ông Cả, thái độ Thuý thay đổi khác hẳn. Nàng không nhí nhảnh, không nói đùa với Ngọc nữa, thường ngồi xa chỗ Ngọc làm việc, chỉ thỉnh thoảng lắm hai người mới lặng lẽ nhìn nhau như trao hết cả tâm hồn cho nhau.

Những ngày nghỉ, Ngọc thấy mình tương tư Thuý; có khi đêm khuya chàng ra đi xuyên quãng cánh đồng tối cách làng Bằng và làng La nhưng đến trước cửa nhà Thuý, qua dậu duối thấy có ánh đèn sáng chàng chỉ nhìn vào một lúc rồi lại quay về nhà. Những đêm khuya trời mưa lạnh tiếng chó sủa ở phía sau nhà làm chàng thức giấc; chàng nghe ngóng tiếng chó sủa mỗi lúc một xa, chàng đoán người nào có việc cần hay đi bắt ếch và nghe tiếng chó sủa chàng biết người đó đi về phía làng La. Sau một lúc yên lặng vì người ấy đi qua cánh đồng không có nhà ở rồi sau lại có tiếng chó sủa rất xa như từ phía làng La đưa tới. Chàng nằm yên trong chăn ấm và vơ vẩn nghĩ đến Thuý có lẽ giờ này cũng đương tưởng nhớ tới chàng.

Dần dà có khi ông bà Cả bảo chàng ở lại ăn cơm và nghỉ trưa ở nhà để khỏi đi lại thêm vất vả. Nhờ vậy Ngọc được gần gũi Thuý, cùng ăn cơm với Thuý và

một hai lần gặp Lễ anh Thuý.

Lúc đầu Lễ với Ngọc không để ý tới nhau mấy nhưng dần dà Ngọc thấy Lễ hay nói chuyện với mình để làm thân và toàn nói những chuyện bâng quơ. Lễ rất vui tính, cả ngày đùa với trẻ con. Chàng có một trò nghịch làm trẻ con bao giờ cũng thích : chàng lấy một sợi dây chỉ vo tròn một đầu rồi nuốt hẳn vào dạ dầy. Để một lúc lâu, Lễ cầm cái đầu dây hơi thòi ra ngoài môi rồi vừa há miệng cho trẻ con nhìn, vừa kéo dây cho trẻ con thấy rõ là mình có phép kéo được cái đầu dây cuộn tròn từ ở bụng ra. Trẻ con vì vậy thích Lễ lắm và Lễ đi lại dễ dàng các nhà trong làng. Còn thỉnh thoảng Lễ đi đâu làm gì thì ngay đối với Ngọc chàng cũng không nói rõ. Rồi sau một độ ở làng, Lễ lại biến đâu mất.

Bỗng một hôm Ngọc không thấy Thuý ra ngồi đan; nàng nằm lỳ ở trong buồng kín đến nửa tháng. Khi Thuý gượng dậy ra ngoài, Ngọc thấy nàng gầy hẳn đi, đôi má không còn hồng nữa, nước da xanh, hai con mắt đen sáng hơn trước và trông to hẳn ra. Ít lâu sau các ông lang có tiếng ở quanh vùng ai cũng nói Thuý bị lao. Một buổi trưa nhân lúc vắng người Thuý đến gần nói nhỏ với Ngọc :

«Em biết trong mình em lắm. Chắc em không còn sống được bao lâu nữa.»

Nhìn chung quanh không có ai, Ngọc hôn lên vầng trán phẳng đẹp, hôn xuống đôi mắt to của Thuý, hôn vào đôi má gầy và đôi môi khô của người yêu, rồi nói giọng run run :

«Anh yêu em. Em chết chắc anh cũng không sống được nữa.»

Khi Thuý sắp chết thì Lễ về. Lễ biết là Ngọc yêu em mình lắm, nhưng chàng vẫn thản nhiên đùa với trẻ con và đi chơi với các nhà trong làng.

Hôm Thuý hấp hối, nhân Lễ vào thăm, Ngọc cũng theo sau, đứng chắp tay lặng nhìn Thuý. Thuý lịm dần. Ông bà Cả vừa khóc vừa gọi; Thuý mở mắt ra và qua vai Lễ, nàng đưa mắt nhìn thẳng vào mắt Ngọc, như để vĩnh biệt người yêu. Một lúc sau mắt nàng mờ đi. Bà Cả sờ vào người con nói với ông Cả :

«Người nó lạnh ngắt, ông ơi, Thuý ơi ! Con, con nỡ nào…»

Rồi bà khóc tru tréo lên, vừa khóc vừa gọi tên con. Lễ nói :

«Em con nó đi rồi.»

Chàng lấy tay vuốt mắt em. Ngọc đứng lại nhìn nét mặt và thân hình Thuý; cả người nàng như dẹp hẳn xuống trong chiếc mền trắng. Vầng trán thân yêu của Thuý đã nhiều lần chàng đặt môi lên, bây giờ chàng thấy yên lặng, một sự lặng yên hơn cả những tảng đá ở ngõ đi vào. Các đồ đạc trong phòng cũng hình như có một sức sống linh động chỉ riêng có nét mặt Thuý và nhất là vầng trán, chàng thấy lạnh hơn cả mọi thứ và yên lặng hơn cả mọi thứ.

Thấy đứng lâu bất tiện, Ngọc ra ngoài nói với bọn thợ đan :

«Cô Thuý đã mất rồi.»

Các thợ đan ngừng tay làm việc. Chàng thấy mọi người đều thản nhiên tuy có thì thào bàn tán với nhau; chắc họ chỉ nghĩ đến việc Thuý chết là một cơ hội để họ được nghỉ dăm ba bữa mà vẫn được trả lương.

Nửa tháng sau, Ngọc cùng Lễ đứng ở ngoài cánh đồng cạnh ngôi mộ mới đắp của Thuý. Lễ nói :

«Tôi kiếm được việc làm cho anh rồi, nhưng hơi xa anh có nhận không. Lương cao hơn là đan den. Tôi có ông bạn là ký rượu, tôi giới thiệu anh phụ việc.»

Lễ vỗ vai Ngọc, hỏi :

«Anh nhận chứ ?»

«Tôi đi được mà càng đi xa càng hay.»

Ngọc nói với cha và chị rồi đi Chí Linh nhận việc. Ông ký Hoành đi vắng luôn nên Ngọc phải thay thế; tuy vậy chàng vẫn nhàn vì ông ký Hoành có thuê một người làm công tên là Chuân, nhà nghèo và có bà mẹ già, để cho rượu thùng đóng vào các chai bán lẻ.

Một lần Ngọc đi chơi về thấy Chuân đương cho rượu vào chai nhưng Chuân không biết chàng về. Thấy có vẻ khả nghi, Ngọc yên lặng nhìn qua khe liếp; chàng nhìn rõ Chuân cứ mỗi lần cho rượu thùng vào chai lại chỉ cho thật vơi, rồi Chuân ra sau nhà mang một cái vò lớn mà Ngọc đoán là vò nước lã, đem đổ vào các chai rượu nguyên chất còn vơi. Ngọc đứng lại một lúc lâu ngẫm nghĩ. Chàng có thể chạy vào chỗ đổ rượu và bắt quả tang Chuân đang làm một việc gian lận. Nhưng chẳng biết vì lẽ gì, chàng lại không làm vậy. Chàng lặng lẽ rút ra khỏi nhà rồi giả vờ lên tiếng gọi Chuân rồi đi vào nhà rất thong thả để Chuân có đủ thì giờ đổ cái vò nước lã đi. Lúc vào tới nhà trong, chàng thấy Chuân đương lấy rượu nguyên chất đổ vào các chai còn vơi. Chuân ngửng lên nói :

«Cậu mới về.»

«Ừ, tôi mới về, anh cho vào chai hết chưa ?»

Ngọc biết là Chuân vừa thoát khỏi một cơn hú vía. Nhưng còn chàng, tại sao lại dung túng cho Chuân thoát khỏi tù tội thì chính chàng, chàng cũng không hiểu vì lẽ gì. Dẫu sao chàng cũng thấy trong người nhẹ nhõm như đã làm một việc nhân đạo, chứ không phải ăn năn vì đã dung túng một tội lỗi. Nhìn nét mặt hớn hở của Chuân, chàng lại thấy bằng lòng với mình. Nếu Ngọc bắt được quả tang Chuân pha rượu, nhìn nét mặt chắc đau khổ của Chuân, có lẽ Ngọc lại tự xấu hổ với mình, hay đau khổ, vì đã làm cho người khác đau khổ. Chàng lại biết trước rằng sẽ xấu hổ với Chuân, một người có tội, chàng xấu hổ chỉ vì làm một việc rình bắt, một việc mà chàng cho là xấu hơn cả việc Chuân làm bậy, vì Chuân nhà nghèo và có mẹ già. Lúc đó chàng chưa đủ trí phân tách lòng mình, nhưng về sau khi gia nhập hàng ngũ cách mệnh làm những việc giết người tội lỗi gấp mấy việc pha loãng rượu, chàng mới nhận thấy có một thứ gì cao hơn cả việc chàng giết người không hối hận và việc pha loãng rượu của Chuân để kiếm thêm ít tiền nuôi mẹ già. Dẫu sao chàng không phải là một người có óc triết lý để phân biệt ở đời thế nào là tốt, thế nào là xấu. Chàng chỉ biết chàng giết người và tha không bắt quả tang Chuân là một việc chàng cho là phải và bản tính cùng bổn phận bảo chàng phải làm như vậy. Chỉ có thế thôi.

Làm ở ty rượu Chí Linh được gần nửa năm, một hôm chàng thấy Lễ đi tạt qua và rủ chàng về quê thăm nhà. Lễ đã xin phép ông Ký Hoành cho chàng nghỉ ít ngày. Chàng vui vẻ vì được thăm quê nhưng có một điều chàng ngầm thấy tha thiết nhất : thăm mộ Thuý.

Sau khi về làng Bằng, Ngọc cùng Lễ sang làng La ra thăm mộ Thuý; trên nấm mồ cỏ đã mọc lơ thơ. Ngọc nhìn tấm bia đề mấy chữ :

Nguyễn Thị Thuý
Sinh ngày 27 tháng 6 năm 1924
Mất ngày 14 tháng 1 năm 1941

Ngọc quay mặt đi lấy tay áo lau nước mắt. Lễ đến gần hỏi :

«Anh có muốn đi nơi khác hay trở về ty rượu anh Hoành ?»

«Anh bảo tôi đi đâu ?»

«Nhưng anh có muốn đi không ?»

Lễ vỗ vai Ngọc nói :

«Lần này đi là đi thật xa.»

Ngọc quay lại :

«Anh bảo đi xa là đi tận đâu ?»

«Đi xa lắm, đi khỏi nước, ngày về không định trước được.»

«Đi với anh ?»

«Tôi sẽ đi với anh cho đến biên giới rồi tôi phải quay lại. Nhưng sang đến nơi nghĩa là đến Vân Nam đã sẵn có người săn sóc đến anh, anh không phải lo ngại gì nữa.»

Ngọc đã hiểu, nhưng cũng hỏi Lễ :

«Sang bên ấy làm gì ?»

«Làm gì tôi sẽ nói với anh sau nhưng anh có muốn đi không ?»

«Tôi vốn thích đi xa.»

«Thế thì được, anh về qua nhà thăm bác và chị, rồi anh lại ở hẳn nhà tôi, tôi sẽ có chuyện nói với anh, trong ít lâu rồi anh sẽ đi với tôi.»

Trong mười ngày liền, Lễ đem mọi chuyện nói với Ngọc. Ngày cuối cùng, Ngọc lại ra thăm mộ Thuý. Lễ

đưa chàng đi thực hành ở một vài tỉnh rồi sau cùng lên Lào Kay. Một đêm tối trời, Lễ dẫn Ngọc đến bờ sông, bắt tay chàng một cái mạnh rồi nói :

«Thôi anh đi, tôi biết anh là người đủ can trường và nhẫn nại. Anh chắc thành công.»

Một chiếc thuyền tiến đến đậu gần hai người. Ngọc nói với Lễ :

«Khi nào anh về qua nhà, xin anh ra mộ Thuý và lúc khấn nhớ nói là tôi không bao giờ quên được… Thôi anh trở lại, tôi sẽ không bao giờ phụ lòng tin của anh và của Thuý.»

Thuyền sang bên kia bờ sông đã có người đợi sẵn. Chàng đã trốn thoát sang đất Tàu. Chàng ngoảnh nhìn ánh đèn sáng ở Lào Kay, giơ tay vẫy mấy cái như tạm biệt đất nước và cuộc đời cũ.

Ninh đợi sẵn Ngọc ở phố Đức Phương. Ngày hôm sau Ngọc cùng sáu người ở trong nước mới ra đi xe lửa lên Khai Viễn.

Từ lúc đó Ngọc bắt đầu sống cuộc đời cách mệnh ở hải ngoại.

Chương ba

Nghe Ngọc kể xong câu chuyện, Thanh biết rõ là Ngọc đã rất thành thực. Câu đầu tiên Thanh hỏi Ngọc là về Thuý :

«Thế bây giờ anh đối với Thuý như thế nào ?»

«Còn như thế nào nữa. Lòng tôi đối với Thuý trước thế nào bây giờ vẫn nguyên như vậy.»

«Sao độ rày anh hay đến thăm cô Phương em ông Hoạt thế ?»

Ngọc đáp :

«Cũng như tôi đến đây luôn vì có cà-phê ngon.»

Thanh mỉm cười mỉa mai :

«Nhà cô Phương cũng có cà-phê ngon à ?»

Ngọc nói :

«Sao việc gì tôi làm cô cũng biết cả. Tôi cũng chẳng cần giấu cô làm gì. Lòng tôi đối với Thuý vẫn như trước, điều ấy đúng, nhưng Thuý đã chết rồi. Còn đối với Phương quả thực đến luôn không phải vì nhà Phương có cà-phê ngon. Nhưng vì…»

«Thôi tôi hiểu rồi, anh chẳng cần nói… Nhưng cái cớ thúc đẩy anh sang đây làm cách mệnh kể cũng hơi kỳ. Không nói thì anh cũng rõ, làm cách mệnh là vì một lý tưởng mình cho là cao đẹp, phải gác mọi tình cảm lại để đạt được lý tưởng. Anh thì làm cách mệnh theo lối tài tử, như một nghệ sĩ.»

«Sao chị bảo tôi không lý tưởng, chị bảo đuổi Pháp đi, lấy lại độc lập không đủ là một lý tưởng à ?»

«Đấy cũng là một lý tuởng nhưng không đủ, còn việc kiến quốc : nếu độc lập rồi, có chính phủ người Việt cai trị người Việt, nếu chính phủ đó - tôi thí dụ bọn cộng sản lên nắm chính quyền - lại áp bức dân quá ư đế quốc thì có phải công anh vất vả là công toi, việc anh giết người là việc vô ích. Nhưng thôi bàn những chuyện ấy làm gì cho anh bận tâm. Để tôi lấy anh một cốc cà-phê phin nữa anh ngồi uống cà-phê, tha hồ ngắm hoa lựu nở. Sáng mai đến, tôi cũng mời anh lên đây ngồi ngắm cảnh đẹp. Anh là khách quý cơ mà, tiền cà-phê trả trước, không như các anh khác túi rỗng lại hay uống trạc.»

Thanh vừa bưng cốc cà-phê phin đặt trên bàn thì có tiếng người ở dưới nhà gọi :

«Cô Thanh.»

Thanh bước vội xuống cầu thang rồi nói :

«À anh. Anh xơi cà-phê phin hay cà-phê đen.»

«Xin lỗi cô. Hôm nay tôi vội quá. Tôi chỉ muốn hỏi cô xem anh Ngọc sáng nay có lại đây không ? Tôi cần gặp anh ấy ngay.»

Tiếng Thanh vọng lên chỗ Ngọc ngồi :

«Có, sáng sớm anh Ngọc có đến đây uống cà-phê nhưng đi đã lâu rồi.»

Ngọc chỉ nghe tiếng, cũng biết là Lăng, thư ký của Khu Đảng bộ Việt Quốc ở Mông Tự. Đợi cho Lăng đi khỏi, Ngọc chạy xuống gác bảo Thanh :

«Thôi cốc cà-phê phin vừa đem lên, cô chịu khó uống giùm tôi. Tôi quên mất một việc cần phải về nhà ngay. Lúc nãy khách nào thế ?»

«Anh Lăng đến hỏi anh, nhưng tôi không dám nói anh ngồi trên gác vì e bất tiện, vả lại tôi muốn anh ngồi uống ung dung ngắm hoa lựu.»

Ngọc tỏ bộ ngạc nhiên :

«À, anh Lăng. Chắc anh ấy muốn đòi nợ tôi. Thôi mặc anh ấy đấy, tôi về nhà ngay bây giờ. Chào cô; sáng

mai tôi lại đến. Đến bẩy giờ sáng cho sớm để xem lại nụ hoa lựu đã nở to được chừng nào rồi. Mai, cô nhé.»

«Vâng. Chào anh. Mai bẩy giờ sáng tôi sẽ đợi anh đấy.»

Ngọc đi về cùng phía với Lăng. Khi đã khuất hiệu cà-phê chàng chạy thật mau để cố đuổi kịp Lăng. Thấy Lăng ở xa, chàng chậm bước lại rồi gọi to :

«Anh Lăng ơi, anh đi đâu thế ?»

Lăng ngừng lại đợi Ngọc tới rồi khẽ bảo Ngọc :

«Anh Ninh ở Côn Minh về tối hôm qua, có bảo tôi triệu tập Khu Đảng bộ sáng nay hồi mười giờ ở nhà anh Kính. Anh Ninh bảo có việc kín và rất cần. Tôi đến nhà anh kiếm thì anh đã đi rồi. Gặp anh may quá.»

«Có việc gì thế ?»

«Anh Ninh không cho biết là có việc gì, chỉ dặn rằng cần có mặt anh lắm. Anh Ninh giữ việc sắp đặt hệ thống tổ chức ở biên giới. Ninh cố nhiên là tên giả.»

Ngọc nhớ lại lời Thanh nói : chàng nghĩ thầm chắc Thanh và người khách lạ mặc bộ quần áo Tây màu xám tro là những người bí mật của Ninh và chắc Ninh sẽ phái chàng về biên giới Hoa Việt.

«Thanh chắc đã được Ninh huấn luyện kỹ nên mới giỏi như vậy. Thế này chưa chắc mình đã được mặc áo len của Phương, vì chắc là việc gấp phải đi ngay.»

Lúc ở nhà Kính, anh em ở Khu Đảng bộ đã tới đông đủ. Có cả Ninh ngồi đăm chiêu ở góc phòng. Sau mấy lời của anh Khu trưởng về lý do buổi khai hội, Ninh đứng lên nói :

«Tôi có lệnh của Hải ngoại bộ về đây nhờ anh em giúp cho việc đưa mấy đồng chí về biên giới. Vậy yêu cầu đồng chí giữ về giao thông đi giao thiệp ngay với bộ đi Mỹ, xin cho ba người đi xe nhà binh lên Khai Viễn để chuyển sang xe về Văn Sơn. Việc gấp. Ba đồng chí ấy cần sáng mai đi sớm. Vậy yêu cầu đồng chí phụ trách giao thông đi thương lượng ngay với Mỹ. Còn các anh em khác cứ nhân buổi họp này mà bàn bạc. Lần này tôi đề nghị thảo luận về thời cuộc đệ nhị lục cá nguyệt năm 1944 và các anh cho ý kiến về việc phe nào sẽ thắng, Nhật hay là Đồng minh.»

Ngọc thấy Ninh vừa nói vừa nhìn về phía chàng đăm đăm. Chàng ngẫm nghĩ :

«Sao lại ba người, trong số đó chắc có mình vì Thanh đã nói vậy. Còn hai người kia là ai. Hay có lẽ là Thanh và người khách mặc bộ quần áo màu xám.»

Ninh rút ra khỏi phòng họp mắt vẫn nhìn Ngọc :

«Thôi để các đồng chí bàn việc. Tôi cần đi một vài nơi.»

Lúc tan buổi họp, khi Ngọc đi qua mấy phố vắng để về nhà ăn cơm thì bỗng gặp Ninh. Ninh có vẻ như đợi chàng từ lâu, thấy Ngọc đến Ninh tiến lại gần nói nhỏ :

«Tôi cần gặp chú. Chiều nay bốn giờ tôi đợi chú ở Cổng Tây, trên con đường đi Cơ Cầu. Chỗ ấy vắng. Chú sửa soạn sẵn sàng để đi. Còn nhiều việc tôi sẽ nói rõ với chú khi gặp nhau.»

Ngọc về nhà đồng chí Việt, nơi chàng ở trọ. Ăn cơm xong chàng không ngủ trưa, đợi cho hai vợ chồng Việt ngủ yên, chàng lấy cái túi vải quàng vai ra, yên lặng xếp các thứ cần dùng vào. Nghĩ tới việc được đi với Thanh về biên giới chàng thấy trong lòng nhẹ lâng lâng. Con đường từ Khai Viễn đến Văn Sơn rồi Ma-Lì-Pố chàng đã nhiều lần đi qua. Từ Văn Sơn đi Ma-Lì-Pố chàng sẽ chọn con đường cao, vì con đường ấy đẹp nhất, có nhiều suối trong; chàng sẽ đưa Thanh vào những quán trọ chàng đã quen thuộc, chàng sẽ chỉ cho Thanh lạch suối nào nhiều rau cải soong. Nếu Thanh không quen đi bộ, chàng sẽ vào Đảng bộ Trung Hoa mượn con ngựa thật hiền để nàng cưỡi. Chàng sẽ cùng chung sống với

Thanh ở Văn Sơn ở nhà chị Nam làm nữ khán hộ và ở công tác trạm Ma-Lì-Pố, còn nếu cần phải về nước chàng sẽ đưa Thanh vào nhà đồng chí Long ở Thanh Thuỷ và cố nài Thanh uống rượu ngô… Chàng dự tính mọi việc, coi lần đi này như một cuộc ngao du đầy thú vị. Song chàng chỉ mới theo ý muốn của mình dự tính chứ thực ra từ Văn Sơn có hai con đường về nước, chàng chưa biết Ninh sẽ ra lệnh cho chàng đi theo con đường qua Ma-Lì-Pố về Thanh Thuỷ, Hà Giang hay con đường qua Mã-Quan về Hoàng Su Phì hay Mường Khương.

Sửa soạn xong thì vợ chồng Việt đã dậy. Ngọc ra đứng cạnh cửa sổ huýt sáo miệng và hát một bài hát Tàu thịnh hành nhưng lại hát bằng tiếng Việt :

Ăn cháo hoa hay là… là ăn súp.

Chàng không nghĩ đến rằng chàng đã quên hẳn Phương đi trong lúc mình vui và quên hẳn chiếc áo len Phương định tâm biếu mình.

Xuân vợ Việt hỏi :

«Chú có việc gì mà vui vẻ thế ? Thổi sáo miệng rồi lại hát lại mãi câu : «Ăn cháo hoa hay là ăn súp»».

«Không em có gì vui đâu ? Đấy có lẽ là em ở nhờ anh chị mà anh chị thì nghèo, cháo hoa được ăn luôn, có khi được ăn thay cả cơm, nhưng súp thì chẳng bao giờ em được ăn với anh chị.»

Ngọc mỉm cười nhìn Xuân. Đối với hai vợ chồng Việt, chàng như là một người nhà - một người em thì đúng hơn - nên tuy nói vậy mà Xuân vẫn cười xoà :

«Chú cứ đợi ít lâu nếu anh Việt mở được cửa hiệu cơm Tây cho bộ đi Mỹ ở trường bay thì chú tha hồ ăn súp. Lúc đó chị sợ chú lại thèm cháo hoa. À, hay là chiều nay chị nấu cho chú một nồi súp ngon. Súp rau với xương ống thôi.»

«Phải đấy chị. Chiều nay mấy giờ xong súp để em về. Đừng ăn mảnh trước đấy nhé.»

Xuân lại cười :

«Có chú ăn mảnh thì có. Chiếc áo da Mỹ đâu, chắc chú bán lấy tiền ăn «Cô Sèo mi siển» rồi chứ gì.»

«Chị đoán đúng đấy. Thôi em đi.»

Ra Cổng Tây đợi một lát thì Ninh cũng tới nơi. Hai người vừa đi trên đường vắng vừa nói chuyện. Ninh tháo chiếc đồng hồ đeo tay giao cho Ngọc và nói :

«Giờ giấc rất quan trọng. Còn áo mặc đi đường thì chú không phải lo, đã có người trù liệu sẵn.»

Nhưng Ngọc vẫn chưa hiểu được việc chính, hỏi Ninh :

«Công tác chính của em là gì ?»

Ninh suy nghĩ một lát rồi nhìn thẳng vào mắt Ngọc :

«Công việc của đồng chí đi phen này rất quan trọng. Tôi rất tin chắc chắn đồng chí làm xong phận sự Hải ngoại bộ giao phó. Nhưng việc chuyến này hơi khó khăn. Một mình chú đi dọc đường từ Văn Sơn tới Ma-Lì-Pố phải thủ tiêu hai tay Việt Minh và thân Pháp.»

Ninh giơ tay vỗ lên vai Ngọc, rồi nói :

«Chú không khéo một chút thì chú sẽ bị hại.»

Ninh lấy ở túi ra một tờ giấy rồi đưa Ngọc xem :

«Đây là nghị quyết của Hải ngoại bộ. Chú xem cẩn thận và nhất là dấu đóng.»

Ngọc nhìn qua rồi đưa trả lại Ninh :

«Em không cần xem. Em tin ở anh. Đời em có kể làm gì, anh đã biết rõ. Nếu cần chết thì em sẽ chết. Nhưng

anh cứ tin là em làm nổi việc.»

Ngọc nghĩ ngay rằng đây không phải là một cuộc ngao du với Thanh nữa. Nhưng chàng không hỏi xem Thanh và người khách sáng ngày có phải là hai người sẽ đi với chàng không, vì nếu vậy, chàng phải giết cả Thanh.

Thấy Ngọc suy nghĩ, Ninh nói :

«Hay chú lưỡng lự, chỗ chú với tôi chú cứ nói thật.»

Ngọc ngửng lên nhìn Ninh.

«Việc này em làm được. Cần giết bất kỳ ai em cũng giết.»

Ninh lại lấy ở túi ra một gói giấy thiếc nhỏ :

«Đây là một thứ thuốc độc rất mạnh, uống vào chết ngay. Tới Văn Sơn trước khi đi bộ về Ma-Lì-Pố chú bảo chị Nam pha cho một cái bi-đông nước cà-phê thật đặc để át mùi thuốc độc. Còn lúc nào cho thuốc độc vào cà-phê là tuỳ chú định liệu. Con đường từ Văn Sơn về ngang qua Ma-Lì-Pố chú đã đi nhiều lần; chú biết rõ hơn tôi là ở khu rừng nào cần ra tay và ra tay cách nào là tuỳ chú. Nhưng chuyến đi này, tôi nhắc lại, rất quan trọng. Hạ thủ xong chú phải lột hết quần áo hai người

đó cho mất tang tích. Khi về công tác trạm Ma-Lì-Pố hay về Văn Sơn chú đánh điện cho tôi nói là : «Mọi việc đều tốt đẹp». Nếu trong sáu ngày không thấy chú trở về công tác trạm Ma-Lì-Pố hoặc nhà chị Nam ở Văn Sơn thì họ sẽ đánh điện lên cho tôi rõ. Như vậy tôi sẽ biết chú đã bị hại rồi. Công việc Đảng cũng không đến nỗi nào, vì bọn họ không có người ở Văn Sơn và Ma-Lì-Pố - nhưng biết đâu họ không có liên lạc với những người Tàu thân cộng ở hai nơi đó - họ sẽ đi lọt được về nước để cổ động tuyên truyền dân Hà Giang hoặc liên lạc với vua Mèo ở Quản Bạ Yên Ninh. Chúng nó rất có thể mưu mô với Pháp để phá tan hệ thống tổ chức của mình ở biên giới hoặc bắt các anh em rải rác từ Đồng Văn tới Lào Kay.»

Ngọc từ biệt Ninh về trước. Ninh dặn thêm tối nay còn gặp Ngọc một lần nữa. Kim đồng hồ đeo tay đã chỉ năm giờ; đáng lẽ về nhà, Ngọc tạt qua hiệu cà-phê Thanh Hương. May lúc đó không có khách. Thanh hỏi :

«Anh lại nhớ hoa lựu đến ngắm, có phải không ? Anh lên gác trước đi. Tôi sẽ đem cà-phê lên ngay.»

Thanh vừa ngồi vào ghế, Ngọc hỏi ngay :

«Ngày mai cô cũng về biên giới ?»

Thanh nhìn Ngọc ngơ ngác :

«Anh điên à ? Tôi còn phải ở lại đây trông hàng cà-phê và ngắm hoa lựu hộ anh. Mai anh đi phải không ? Đấy anh xem tôi đoán có đúng không ? Bây giờ không lo bị anh chặt đầu nữa.»

Thanh cười rồi hỏi :

«Mai mấy giờ anh đi ? Anh đi về miền nào ? Hà Khẩu hay Văn Sơn ?»

«Tôi đi Văn Sơn. Đi kỳ này chưa chắc đã về để uống cà-phê ngon, ngắm hoa lựu và thăm cô. Có khi đi không về nữa !»

«Quan trọng thế cơ à ?»

Thanh đứng lên lấy bình hoa hồng đặt giữa hai người. Ngọc thấy Thanh mắt sáng hẳn lên. Thanh nói :

«Hay là tôi bỏ mặc quán cà-phê đấy. Anh biết không, tôi chán ghét lạ lùng cuộc đời đương sống hiện giờ, ngồi cả ngày tiếp những ông khách gàn dở. Tôi muốn sống một cuộc đời khác thường; tôi thích đi đây đi đó như anh. À, này anh Ngọc.»

Giọng Thanh trở nên dịu dàng, nhưng quả quyết :

«À hay là mai tôi đi với anh. Anh có tiền bán áo, tôi, tôi cũng có tiền vốn. Chúng mình về biên giới. Anh ạ, xa nước bao lâu tôi chỉ mơ ước được về biên giới, trông thấy cái mốc đề những chữ Hoàng Su Phì hay Hà Giang. Nếu về nước nguy hiểm thì tôi chỉ cốt đưa bàn chân sang bên kia mốc hoặc cúi xuống lấy tay sờ bãi cỏ của nước nhà. Chắc là cỏ bên nước nhà sờ vào mát tay lắm và mát cả hồn nữa. Đấy là tôi không còn bố mẹ gì cả, vì thầy mẹ tôi đã mất từ trước khi tôi sang Vân Nam làm ăn; dầu sao mỗi lần nghĩ tới cái cổng gạch với bờ tre làng, với ao bèo hay ao rau rút thì lòng…»

Thanh quay mặt đi và Ngọc nhìn thấy rõ một giọt nước mắt chảy lăn trên gò má nàng. Ngọc hỏi :

«Chắc cô có việc gì buồn. Khi tôi đi về cô sẽ kể cho tôi nghe về đời sống của cô như sáng ngày tôi đã kể rõ cô nghe về đời sống của tôi.»

Thanh lấy vạt áo lau nước mắt, quay lại nhìn Ngọc, hai con mắt rớm rớm ướt lệ. Nàng nói :

«Đời em khổ lắm. Còn đau khổ hơn anh nữa.

Ngọc ngồi yên một lúc rồi cất tiếng bảo Thanh :

«Tôi rất tiếc không thể cùng cô đi chuyến này được. Nếu cô cùng đi, công việc tôi làm sẽ hỏng mà có khi nguy cả tính mệnh tôi và cô nữa. Để một lần khác vậy, nếu tôi thoát nguy về được. Cô cứ tin như vậy và gắng đợi tôi…»

Thanh nói :

«Tôi không sợ nguy hiểm. Biết đâu tôi lại không cứu được anh khỏi cơn nguy. Nhưng việc gì mà anh bảo nguy hiểm đến tính mệnh anh.»

Nghe giọng nói thành thật của Thanh và vốn sẵn biết Thanh sáng suốt nên chàng nói luôn không đắn đo :

«Mai tôi phải đi Khai Viễn rồi đi Văn Sơn, Ma-Lì-Pố và một mình tôi phải đảm nhiệm giết hai tay Việt cộng. Họ có thể nghi ngờ mà thủ tiêu tôi trước khi tôi ra tay. Đấy cô xem, việc nguy hiểm như vậy. Cô đi thế nào được với tôi. Cô cứ ở đây làm ăn buôn bán. Nếu độ nửa tháng nữa tôi trở về thì tức là tôi còn sống, nếu quá hạn đó cô không thấy tôi trở lại Mông Tự thì cô mất hẳn một người khách biết thưởng thức cà-phê ngon và ngắm cây lựu của cô nở hoa. Thôi bây giờ tôi đi đây, chào cô và có khi vĩnh biệt cô.»

Ngọc cho tay vào túi quần, nắm gói thuốc độc Ninh mới đưa rồi mỉm cười đứng dậy. Thanh cũng đứng dậy. Hai người yên lặng nhìn nhau một lúc lâu. Thanh nói :

«Tôi vẫn tin ở anh. Mong anh đi được may mắn và độ nửa tháng nữa sẽ trở về. Nhưng anh có thể từ chối việc ấy được không ? Dẫu sao tôi vẫn lo cho anh.»

Mắt Thanh chớp mau như để cố giữ cho khỏi khóc. Ngọc cúi đầu chào Thanh rồi đi về phía cầu thang. Xuống hết cầu thang, quay mặt lên, chàng thấy Thanh đứng tựa vào thành tường đương nhìn theo chàng. Thanh gật khẽ rồi giơ tay vẫy chàng. Ngọc cũng giơ tay lên vẫy rồi quả quyết đi qua các bàn cà-phê để trở về nhà ăn súp của Xuân và đi gặp Ninh. Ngọc cũng không cần báo cho vợ chồng Việt vì chàng thường đi về một cách bất ngờ. Lúc tới chỗ dặn gặp Ninh, Ngọc thấy Ninh ngồi viết ở bàn. Ninh ngửng lên hỏi :

«Chú đã xếp đặt mọi việc xong chưa ?»

«Vâng, mai sớm em có thể lên đường.»

Ninh lấy ra một gói quần áo đưa cho Ngọc :

«Trong này đủ cả, còn tiền đây chú cầm lấy để tiêu dọc đường.»

Ngọc hỏi :

«Còn việc xe hơi của Mỹ đi Văn Sơn anh đã thu xếp xong chưa ?»

«Xong cả rồi.»

«Nhưng còn hai người đi với em, anh cần cho em biết để mai ra xe nhận được nhau.»

Ninh nói :

«Hai người đi với chú là hai tay Việt Minh lợi hại len lỏi vào hàng ngũ Việt Quốc đã lâu, nay muốn dựa vào thế của Việt Quốc để về nước. Một tay tên là Tứ, đeo kính cận thị, hói trán, để râu mép nhỏ, môi dầy, răng vẩu và yết hầu lộ, trạc gần bốn mươi tuổi. Đặc điểm là có cái ve ở mắt trái. Còn người kia tên là Nghệ, cố nhiên là hai người đều là tên giả. Nghệ vai lệch người gầy và nước da vàng như người đau gan, và vì vậy anh em gọi đùa là Nghệ…»

Ngọc ngắt lời Ninh :

«Nghệ vai bên phải hơi cao hơn vai bên trái, vành tai hơi to, lúc về đây mặc một bộ quần áo Tây mầu xám và đi một đôi giầy vàng đã cũ, đế bằng lốp cao su.»

Ninh xoay hẳn người về phía Ngọc tỏ vẻ ngạc nhiên. Ngọc kể cả lại mọi việc xẩy ra ban sáng ở tiệm cà-phê của Thanh rồi hỏi Ninh :

«Còn Thanh là người thế nào ? Theo ý em thì Thanh chắc không phải cùng bọn với Tứ, Nghệ. Em thấy có cái gì uẩn khúc ở trong.»

«Thế chú có nói gì với Thanh về việc đi này không ?»

Ngọc ngồi thẳng người lên :

«Thưa anh có, em kể hết, kể cả việc em phải thủ tiêu Tứ và Nghệ cho Thanh nghe.»

Chàng thấy Ninh cau lông mày, mắt lộ một vẻ giận dữ cố nén cho khỏi bùng ra. Tay Ninh vuốt vuốt trán mấy cái như nói một mình.

«Việc hỏng cả rồi. Chú… chú… tôi không ngờ đâu. Chú…»

Ngọc hỏi :

«Trước em vẫn tưởng Thanh với Nghệ là người của anh.»

«Chú tưởng ? Từ rầy chú đừng tưởng như thế ! Bây giờ việc hỏng rồi thì phải thôi hẳn đi. Đồng chí đã biết

thế nào là kỷ luật Đảng, tôi không cần nói nhiều. Bây giờ chú phải đi ngay báo cho đồng chí Khu bộ trưởng và cắt đặt người suốt đêm nay canh gác nhà tôi thuê cho Tứ, Nghệ ở và nhất là cho ngay lập tức người lại gác hiệu cà-phê Thanh Hương.»

Ngọc đứng lên nói :

«Em xin lỗi đã làm phiền lòng anh, em xin chịu hình phạt Đảng đã định, nhưng theo ý em thì công việc chưa hỏng. Mai em sẽ đi với Tứ, Nghệ và em sẽ làm tròn phận sự. Nếu em lầm thì em sẽ chết về tay họ, Đảng không cần đem kỷ luật ra nữa. Nhưng em tin là em không lầm. Em chưa rõ lắm nhưng em nhận có cái gì uẩn khúc giữa Thanh và Việt Minh. Đối với em, có khi lại là việc hay. Em sẽ lại ngay đằng Thanh và bảo Thanh không được ra khỏi cửa cho đến ngày em về. Khi em đi rồi anh cứ bảo anh em canh gác cẩm chừng. Em thấy Thanh là người rất tài giỏi; nếu Thanh đứng về phía mình thì là một việc rất hay cho Đảng.»

Ngọc ngừng lại đợi chờ Ninh suy nghĩ một lát rồi hỏi:

«Xin anh thuận cho em làm như thế. Chỉ có hai đằng một là em sẽ chết về tay Thanh hai là nếu em nghĩ đúng thì Đảng thêm được Thanh một nữ cán bộ rất giỏi. Em đợi anh trả lời rồi em sẽ đi ngay lại nhà Thanh.»

Ninh cũng đứng dậy, giơ tay bắt tay Ngọc một cái mạnh :

«Được, tôi tin ở chú. Nếu chú lầm thì tôi sẽ chia sẻ trách nhiệm với chú.»

«Em cảm ơn anh.»

Nói xong Ngọc chào Ninh và đi ngay tới nhà Thanh.

151. Nhất Linh (4) - Giòng Sông Thanh Thủy

(Chương 4, 5, 6)

Chương bốn

Trời đã về đêm. Trên con đường phố tối đen đưa đến nhà Thanh, Ngọc rảo bước đi mau. Gió lạnh ban đêm thổi mạnh nhưng Ngọc quên cả lạnh tuy chàng chỉ mặc một chiếc áo sơ-mi mỏng. Lòng chàng háo hức như những khi có một việc rất quan trọng xẩy ra cho Đảng và rất nguy hiểm cho chàng. Tự nhiên, từ trong thâm tâm Ngọc chợt thấy một nỗi vui đương nẩy nở khiến chàng choáng váng.

Lúc tới nhà Thanh, cửa hàng còn hé mở để đợi vài người khách Trung Hoa đi chơi khuya. Thấy Ngọc vào Thanh hỏi :

«Anh lại muốn uống cà-phê nữa ? Hôm nay cốc thứ mấy rồi ?»

quanh không có khách nào và tuy biết Thanh chỉ ở có một mình, Ngọc cũng không ngần ngại bảo Thanh như ra lệnh :

«Cô đóng ngay cửa hàng lại.»

Thanh đứng trân trân, không nhúc nhích, ngơ ngác về lời nói lạ lùng của Ngọc. Ngọc không lưỡng lự lấy tay tự cài then cửa rồi bảo Thanh :

«Cô tắt hết các nến đi. Chỉ để một cái thôi rồi cô đem đèn lên gác với tôi.»

Thanh nhìn Ngọc tưởng như chàng mới hoá điên, song nàng cũng làm theo lời Ngọc bảo, vì không có cách nào khác. Lên tới nửa cầu thang, Ngọc hỏi :

«Nhà cô còn gạo không ? Có lạp-xường không ?»

Thanh nghĩ thầm chắc Ngọc hoá điên thật rồi. Cây nến nàng cầm nghiêng hẳn đi, rỏ giọt xuống bàn tay mà nàng không để ý tới.

Lên gác, Ngọc ngồi xuống cái ghế mây bảo Thanh :

«Đêm nay tôi ngủ ở đây với cô. Ngủ suốt đêm. Cô cầm đèn xuống rồi pha hai cốc phin, một cốc cho cô, một cốc cho tôi. Cà-phê thì chắc cô còn nhiều. À nhưng tôi cũng cần phải xuống nhà theo cô, nhỡ… Nào ta cùng xuống.»

Lúc Thanh đang loay hoay pha cà-phê, Ngọc hỏi :

«Sao tôi hỏi cô không trả lời. Nhà cô còn bao nhiêu gạo, có lạp xường không ?»

Thanh đáp :

«Nhà lúc nào chẳng có gạo. Chắc anh muốn ăn cơm với lạp xường nhưng tiếc rằng nhà tôi chỉ có ruốc.»

«Ruốc cũng được, nhưng ăn cơm với ruốc mãi chắc là xót ruột. Ruốc với gạo có đủ ăn trong nửa tháng không?»

Lên trên gác, khi hai người ngồi đối diện uống cà-phê, Thanh mới hỏi :

«Anh định hỏi thế làm gì ?»

Ngọc không đáp lại câu Thanh hỏi; chàng dịu giọng nói :

«Cô có muốn cho tôi sống không ?»

Thanh bất giác mỉm cười :

«Tiền anh vừa đưa tôi để trừ dần vào tiền uống cà-phê, anh chết có lẽ lợi cho tôi hơn.»

«Này cô Thanh, tôi không đùa đâu, nếu cô muốn tôi sống thì từ đêm nay cho đến khi tôi về, cô không được đi ra khỏi nhà, cô phải chịu khó xót ruột ăn cơm với ruốc, còn cửa hiệu thì cô đóng nó lại. Có lẽ lúc này cô nên ốm, nhất là bị sốt rét thương hàn thì tiện quá. Hay là

tôi bảo anh Bình tiêm cho cô, ốm như thế đỡ phải ăn.»

Thanh lại mỉm cười :

«Thế ra anh muốn tôi ốm. Tôi chết để anh sống lấy một mình ! Anh muốn tôi ăn cơm với ruốc, không ra khỏi nhà trong nửa tháng lại ốm bệnh thương hàn như thế để làm gì ? Anh chưa trả lời câu tôi hỏi anh.»

Ngọc uống một hớp cà-phê rồi nói :

«Tại sao ? Tôi không thể nào nói cho cô rõ được.»

Thanh ra mắc lấy một chiếc áo len đàn bà đưa cho Ngọc :

«Anh mặc tạm.»

Nàng lại ngồi xuống ghế, ngắm Ngọc xỏ hai tay vào chiếc áo đàn bà rồi bật lên cười. Bây giờ thì nàng đã biết không phải Ngọc lên cơn điên.

Nàng nói :

«Tôi hiểu cả rồi. Anh nghi ngờ tôi, hay đúng ra anh bắt buộc nghi tôi, chứ thực ra anh không nghi. Tôi hiểu. Các anh khác nghi ngờ tôi, sợ tôi báo cho Tứ với Nghệ biết hoặc ra bưu tín cuộc đánh điện đi Khai Viễn cho các đồng chí ở đó. Nhưng anh không nghĩ tới chỗ nhà

chỉ có tôi là đàn bà ở một mình mà anh lại đòi ngủ ở đây suốt đêm. Anh không sợ làm xấu tiếng tôi à ? Phiền một nỗi nhà chỉ có cái giường nhỏ với một cái màn. Anh định bảo người tiêm cho tôi ốm thì bây giờ đã có muỗi tiêm cho tôi thay người rồi, chắc là anh bằng lòng lắm.»

Ngọc nói :

«Cô cứ vào giường nằm, tôi, tôi sẽ thức suốt đêm nay.»

«Nhưng sáng mai anh phải dậy sớm mà con đường đi Văn Sơn nghe nói xấu lắm. Anh cần nghỉ hơn tôi. Tôi, tôi có nửa tháng tha hồ ngủ, tha hồ ăn cơm ruốc, tha hồ uống cà-phê của cô Thanh ngon nhất Mộng Tự. Còn thực ra tôi là cô hay là bà, đố anh đoán được.»

Ngọc lấy bao thuốc lá Lucky, rút ra hai điếu.

«Mời chị xơi.»

Lần đầu tiên chàng gọi Thanh là chị như những nữ đồng chí khác. Thanh cũng để ý đến việc đổi lối xưng hô của Ngọc; nàng nhíu lông mày châm thuốc vào ngọn nến rồi nói :

«Anh chắc đoán tôi là bà, nên mới đổi lối xưng hô, gọi tôi bằng chị, hay là anh coi tôi như một nữ đồng chí.

Tôi đồng chí gì với anh, một người đến để canh gác tôi, mà lại đòi canh gác suốt cả đêm. Cũng may người canh ngục của tôi mai lại đi sớm.»

Ngọc nói :

«Thật đấy, sở dĩ tôi gọi chị bằng chị là vì bắt đầu từ đêm nay tôi coi chị như một đồng chí. Sáng ngày tôi đã thành thực kể rõ đời riêng của tôi và vì cớ gì tôi sang đây làm cách mệnh. Bây giờ chị cũng kể qua cho tôi hay tại sao chị sang đây. Lúc chiều, chị có bảo đời chị lại còn khổ hơn cả đời tôi nữa.»

Ở ngoài, trời bắt đầu đổ mưa to. Ngọc và Thanh cùng nói một lúc, giọng vui mừng :

«May quá.»

Ngọc nói :

«May vì tôi có ngủ quên chị cũng không đi đâu được.»

«Còn tôi may vì cái giếng sau vườn của tôi đầy nước, tôi có phải ở nhà một tháng cũng không lo chết khát. Anh giam tôi nửa tháng mà anh chỉ nghĩ đến cơm và lạp xường thôi. Trời mưa, vườn rau của tôi chắc tốt, tôi không phải xót ruột vì ăn cơm với ruốc. Tôi có ba luống rau cải xanh và cúc tần, ăn tha hồ mát ruột. Nào

bây giờ tôi kể qua đời tôi cho anh nghe. Tôi đã có chồng và trước khi lấy chồng tôi cũng đã yêu như anh yêu cô Thuý của anh.

Lúc mới lấy chồng, tôi có nhiều của hồi môn lắm. Thầy mẹ tôi mở hiệu vàng đã lâu năm nên rất giầu có. Về sau nhà tôi ham mê cờ bạc, cá ngựa, tằng tịu với không biết bao nhiêu là cô, và có lúc bao đến bốn năm cô. Tôi không nghi ngờ gì cả. Vẫn yêu chồng như khi mới lấy. Tôi lại có tính thích chiều chồng; nhà tôi vì vậy cứ mượn cớ này cớ khác nói là cần nhiều tiền lo lót để chạy một chân «tri huyện tắt». Dần dà vốn liếng, tư trang của tôi hết sạch. Thầy mẹ tôi lại bị bệnh chết trong vòng một tháng. Đau đớn nhất cho tôi là chồng tôi đã đánh lừa tôi một cách khả ố, đã đưa tôi ra kiện tại toà đòi ly dị.

Tôi sống trơ vơ trong cảnh túng thiếu, đến lúc biết rõ sự thực về hành động của chồng tôi thì tôi đâm chán ghét hết thẩy mọi thứ, thù ghét bất kỳ người đàn ông nào. Nhân có người bạn gái sang Vân Nam buôn đào, tôi liền đi theo sang đây để buôn bán. Ý tôi lúc đó không muốn về nước nữa. Ở lại Côn Minh mượn vốn người bạn gái đi mua rau, mua đào gửi về cho bạn bán. Lâu dần tôi có một số vốn khá lớn, nên về Mông Tự mở hiệu cà-phê, chỉ cần hoà vốn và sống một đời yên thân.

Tôi không ngờ sống cô độc mãi cũng buồn và lắm lúc muốn về quê thăm mộ thầy mẹ tôi, thăm lại nơi làng cũ, ở đấy tôi đã sống một đời thật sung sướng trước khi lấy chồng. Tôi đã yêu, tôi đã bị người yêu lừa, không như anh, dầu sao cũng còn được giữ lại một kỷ niệm tuy đau buồn nhưng vẫn tốt đẹp về mối tình đầu trong đời mình. Anh, anh đã tìm được một con đường đi, còn tôi…»

Thanh nói xong lấy khăn tay chấm lên hai khoé mắt. Nàng khóc vì đau khổ, nhớ bố mẹ, nhớ quê hương nhưng cũng vì uất ức bị chồng cũ lừa. Có một điều Thanh không nói ra là nàng đã gia nhập Việt Minh như một số người quốc gia yêu nước khác. Đúng như lời nàng đã nói với Ngọc, nàng cũng bị cái «guồng máy» cách mệnh lôi cuốn; nàng cũng đã cảm thấy đương bị lừa một lần nữa nhưng lần này thì tuy biết, nàng cũng không thoát khỏi. Rồi một ngày kia, gặp Ngọc đến hàng mình uống cà-phê, nàng đem lòng yêu, yêu tha thiết nhưng lại đau đớn thấy Ngọc yêu Phương.

Thanh cúi mặt tay bóp trán :

«Đời em khổ lắm. Khổ mà không thấy có một hy vọng gì ở đời nữa.»

Nói xong Thanh nức nở khóc và để cho nước mắt giàn giụa trên hai gò má. Ngọc yên lặng đợi cho Thanh

khóc cho hết cơn. Ở ngoài nhà vẫn mưa to gió lớn.

«Chị Thanh này, sao chị không làm như tôi. Đời vẫn còn nhiều hy vọng, nhiều cái đáng làm để quên. Những tức giận, đau buồn dầu sao cũng là nhỏ đối với việc lớn mình định làm. Nếu chị quyết tâm thì tôi sẽ giới thiệu chị, để chị giúp vào công việc chung. Chị sẽ vào chi bộ của tôi vào làm việc cùng với tôi; ý kiến chị thế nào ?»

Thanh nói :

«Không thể được. Tôi chán hết thảy, mà sống yên ổn như thế này cũng buồn. Tôi cám ơn anh nhưng rất tiếc không thể nhận lời anh được.»

«Vì cớ gì ?»

«Không vì cớ gì cả. Tôi không thích. Anh cứ theo chí hướng của anh rồi anh kể những công việc anh làm cho tôi nghe. Nếu lần này không đi với anh được thì để lần khác vậy; nhưng tôi chỉ thích đi ngao du, còn dự vào công việc cách mệnh thì tôi xin chịu. Tôi sẽ đợi anh về, và tôi tin chắc thế nào anh cũng sống mà về; trong lúc anh đi tôi xin cam đoan không ra khỏi nhà và ăn cơm với ruốc, lỡ anh đi có hỏng việc, anh bị giết, không ai đổ tội cho tôi được và nhất là anh khỏi mang tiếng xấu. Mai anh đi rồi thế nào lại chẳng có các anh khác đến

rình tôi, rình, tha hồ rình, miễn là đừng bắt tôi phải ngủ chung nhà mỗi đêm với một người. Mà đừng có anh nào nhân cơ hội đến uống quỵt cà-phê. Nếu uống quỵt thì tôi sẽ lấy số tiền của anh vừa đưa tôi trừ đi. Tôi cũng còn lãi chán.»

Thanh vừa nói vừa cười trong nước mắt. Nàng bảo Ngọc :

«Hay là ta thức suốt đêm nay nói chuyện. Anh có đi đường mệt thì mặc kệ anh. Còn tôi thì trong nửa tháng bế quan toả cảng, ngồi ro ró, chẳng có ai để nói chuyện nữa. Thức suốt đêm nay, mai chẳng cần ai tiêm tôi cũng ốm, tôi đóng cửa hiệu ngủ lỳ cho sướng thân. Anh nghĩ thế nào ?»

«Thì thức suốt đêm. Mai tôi đi, ngồi ngủ trên xe cả ngày, vả lại tôi khoẻ sức lắm. Thức vài ba đêm liền vẫn đi được ba mươi cây số một ngày. Nhưng cần nhất là phải có cà-phê thật đặc. Khuya lát nữa chị phải nấu cháo ăn; chắc ăn cháo hoa với ruốc thì ngon tuyệt. Sáng sớm mai tôi ở đây về qua nhà rồi ra thẳng xe.»

Chàng hát vui vẻ :

«Ăn cháo hoa… hay là… là ăn ruốc.»

Thanh nhìn Ngọc :

«Mai thế nào anh chẳng qua nhà cô Phương.»

«Chị nói tôi mới nghĩ tới. Qua làm gì ?»

«Để từ biệt chứ.»

Ngọc tắc lưỡi một cái :

«Số là cô ấy định biếu tôi cái áo len nhưng như ngữ ấy đan thì cũng phải dăm bẩy ngày mới xong. Vả lại tôi đã có sẵn áo rét khác rồi.»

Thanh nhìn vào ngực Ngọc :

«Hay là anh mặc cái áo len này đi. Tôi biếu anh đấy.»

«Chị bảo tôi mặc áo len đàn bà này à ?»

«Mặc ở trong cho ấm ai biết đâu.»

«Vâng, chị cho thì tôi xin nhận để mặc trong người cho ấm. Nhưng chị lấy gì mặc.»

«Anh chẳng cần lo; tôi đan một cái khác như thế đỡ buồn. Ở nhà ốm giả vờ, cứ nằm lỳ trong chăn thì cần gì áo. À, hay là tôi sốt rét nằm trong chăn rên khừ khừ ?»

Hai người cùng bật cười và câu chuyện mỗi lúc một thêm thân mật. Thanh đứng dậy nói :

«Để tôi xuống pha thêm hai cốc cà-phê nữa, tối nay tôi uống thi với anh. Rồi anh kể chuyện về đời anh tỷ mỷ cho tôi nghe. Tôi cũng đem chuyện đời tôi lúc còn nhỏ kể anh nghe cho vui.»

Đêm ấy hai người thức suốt đêm, mải nói chuyện quên cả mệt. Tang tảng sáng thì trời tạnh.

Thanh mở cửa sổ rồi bảo Ngọc :

«Anh ngắm cây lựu đẹp của anh một lần nữa cho đỡ nhớ. Khi anh về, tôi để dành một quả chín ngon nhất để anh xơi.»

người cùng ngắm cây lựu ngoài vườn. Trời trong; gió hơi lành lạnh thổi qua cửa sổ. Ngọc đứng lên :

«Thôi tôi đi kẻo trễ. Chúc chị ở lại mạnh giỏi.»

Thanh cười, đôi mắt sáng và trong :

«Anh chúc tôi ốm thương hàn thì tiện việc cho anh hơn.»

«Vâng, thì chúc chị ở lại ốm thật nặng.»

Thanh nói :

«Cám ơn anh. Thôi anh đi.»

«Chị ở lại. Độ mươi hôm nữa tôi về. Chị cứ tin chắc là tôi về.»

Hai người yên lặng nhìn nhau một lúc lâu rồi Ngọc xuống thang gác. Tới chân cầu thang, chàng ngước mắt nhìn lên thấy Thanh cũng đứng tựa vào tường như sáng hôm qua nhìn theo. Ngọc giơ tay vẫy rồi mở cửa đi ra phố.

Một lúc sau Thanh cũng xuống nhà dưới, đóng cửa lại. Nàng gục đầu vào cánh cửa, môi nở một nụ cười sung sướng. Rồi nàng lên gác đắp chăn tận cổ nghĩ vơ vẩn. Đương thiu thiu, bỗng có tiếng gõ cửa. Thanh đoán là người của Việt Quốc vờ đến uống cà-phê để dò xét nàng. Thanh hỏi từ trên gác xuống :

«Ai đấy ?»

«Tôi đây, Lăng đây. Sao hôm nay cô mở hàng muộn thế ?»

Thanh cất tiếng nói thật to :

«Hôm nay tôi đóng cửa hiệu. Anh chịu khó đi hàng khác vậy. Tôi đương ốm thập tử nhất sinh. Tôi vừa bị

sốt rét ngã nước, vừa bị thương hàn. Đúng mười lăm hôm nữa thì tôi khỏi.»

Nàng úp mặt xuống gối, cười vui vẻ.

Chương năm

Ngọc về qua nhà lấy túi đồ đạc. Xuân còn ngủ nhưng Việt đã dậy. Chàng viết vội một lá thư cho Ninh nói chàng biết chắc chắn Thanh là người quốc gia, nhất định không phải cộng sản rồi đưa cho Việt, dặn Việt trao tận tay Ninh. Ngọc quàng túi lên vai :

«Em đi đây.»

«Chắc chú về biên giới. Chú được đi công tác luôn, còn tôi cứ phải ngồi mãi ở đây bàn suông. Lắm lúc tôi cũng muốn đi như chú.»

Ngọc chào Việt :

«Lần khác anh sẽ đi với em. Anh nói em gửi lời thăm chị. Mong anh mượn được vốn mở cửa hàng bán cơm Tây cho bộ đội Mỹ để em được ăn súp luôn. Súp hôm qua chị nấu khéo quá. Em chắc Mỹ cũng phải khen ngon. Nhưng nếu anh mở được hiệu ăn thì anh lại phải ở lại Mông Tự. Nhưng giúp anh kinh tài cho Đảng thì còn ích lợi cho đoàn thể hơn việc chạy loăng quăng như em. Anh em gọi đùa em là «Ngọc châu chấu» quả thật không oan.»

Ngọc bắt tay Việt rồi theo con đường ra chỗ đoàn xe Mỹ thường đậu để đi Khai Viễn. Ra đến nơi, Minh, giao

thông viên đưa chàng giấy phép của bộ đội Mỹ. Nghệ và Tứ đương đứng đợi, lẫn trong bọn người Tàu. Ngọc nhận ngay ra Tứ và Nghệ. Tự nhiên chàng thấy có thiện cảm với Tứ và ác cảm với Nghệ.

Chàng tiến lại gần hai người :

«Chắc hai anh là đồng chí Tứ và Nghệ… Các anh đã có giấy đi xe chưa ?»

Tứ đáp :

«Đã có đủ rồi. Chắc độ mười lăm phút nữa thì xe chạy. Tất cả có ba xe. Chúng ta lên cả một xe, dọc đường nói chuyện cho vui.»

Ngọc đáp :

«Vâng.»

Rồi chàng tự giới thiệu :

«Còn tôi là Ngọc.»

Tứ hỏi :

«Độ bao giờ thì tới Văn Sơn ?»

Ngọc đáp :

«Độ bốn giờ chiều ngày mai gì đó. Đường qua nhiều đèo nhỏ rất khó đi. Nhưng phong cảnh đẹp lắm. Các anh chắc chưa đi đường ấy bao giờ. Tôi đi đã thuộc đường lắm rồi. Chắc anh Ninh đã đưa đủ tiền các anh ăn dọc đường. Các anh đã mua thức ăn đem theo chưa? Người Mỹ họ có sẵn thức ăn hộp, có khi hứng chí họ đỗ ở dọc đường bắn chim chơi, mình không phòng bị có khi phải nhịn đói.»

Tứ đáp :

«Anh Ninh đã có dặn. Tới Khai Viễn, tôi sẽ mua đủ thức ăn trước. Bánh mì, cá hộp. Nếu họ lại đỗ xe chỗ có phố xá, mình vào làm một tợp rượu thì thật khoái. Chú thích uống rượu không ?»

Tuy không thích, Ngọc cũng đáp :

«Thích chứ, mặc dầu đoàn thể cấm nhưng đi công tác thì tha hồ.»

Tứ vỗ vào cái bi-đông đeo ở thắt lưng :

«Tôi đã phòng xa đem theo ít «cổ chíu chẩu». Anh Nghệ có đeo một bi-đông cà-phê pha sẵn.»

Ngọc vỗ vai Nghệ, nói giọng vui vẻ :

«Các anh khá đấy, còn tôi đã có sẵn một bi-đông chè Tàu. Đến Văn Sơn thì tha hồ có cà-phê ngon. Tôi sẽ đưa các anh đến nhà một nữ đồng chí khá xinh, chị Nam làm khán hộ, đỡ đẻ. Có một hiệu «cô sèo mi siển» ngon có tiếng ở Cổng Nam; tôi sẽ đưa các anh lại chén một bữa, đã có chị Nam thết. Ở công tác trạm Ma-Lì-Pố thì hơi khổ một chút, chắc anh Ninh đã nói rõ các anh hiểu rồi. Thôi ta lên xe. À này, đến biên giới ta không nên qua cầu sông Thanh Thuỷ vì có lính gác. Tôi sẽ đưa hai anh đi theo con đường buôn lậu có mảng con chở qua sông Thanh Thuỷ rồi vào nhà đồng chí Long, người Thổ ở ngay cạnh biên giới, ở đấy anh Long sẽ đưa các anh đi đâu là tuỳ ý hai anh, tuỳ công việc anh Ninh giao phó. Tôi sẽ lại qua sông trở về đất Tàu để báo cáo là các anh đã tới đích được yên ổn. Chắc anh Ninh đã đưa hai anh quần áo Thổ để dễ đi lại.»

Nghệ nói :

«Có đủ cả. Anh Ninh thật là chu đáo.»

Ngọc dắt tay Tứ và Nghệ :

«Chúng ta lên xe cam-nhông này. Có chở nhiều bao bột mì, chúng mình có chỗ ngồi, lúc muốn ngủ cũng nhiều chỗ ngả lưng.»

Lúc đoàn xe chạy ngang qua hai quả đồi thông thì Ninh đã đứng sẵn đấy. Khi xe ba người chạy qua, Ninh giơ tay vẫy rồi giơ ngón tay cái lên, miệng nói «tinh hao» [72] theo lệ thường của dân quê Trung Hoa mỗi khi gặp người Mỹ hay xe Mỹ đi qua. Chiều tối khi xe đến Khai Viễn, ba người ngủ ở nhà Khai, thư ký trưởng Đảng bộ Khai Viễn, ở phố Hán Vũ và tuyệt đối không được không được đi đến nhà ai theo lời Ninh đã dặn kỹ. Sáng sớm hôm sau, Khai đưa ba người ra chỗ xe Mỹ đậu.

Đoàn xe mỗi lúc một lên cao. Tới cái đèo cao nhất vùng có nhiều dốc nguy hiểm vì đêm trước trời mưa nên đường lầy lội và rất trơn. Cũng may các xe đã có mắc dây xích vào bánh. Tứ tỏ vẻ sợ nhưng Ngọc vì đã thuộc đường nên nhìn xuống chân đèo ngắm cảnh núi non hùng vĩ, trùng điệp dần dần hiện ra.

Chàng nói một mình :

«Đi bao nhiêu lần mà vẫn thấy cảnh đẹp quá.»

Ngọc nghĩ đến Thanh và tiếc những lúc này không có Thanh cùng đi bên cạnh để cùng ngắm phong cảnh. Chắc Thanh can đảm, không sợ hãi như Tứ. Thanh - chàng đoán vậy - chắc có một tâm hồn thi sĩ biết thưởng thức

72 Tinh hao: nghĩa là hoan nghênh

những cảnh đẹp vĩ đại và nhất là vẻ đẹp hoang dại của những thôn xóm người Mèo ở sườn núi, những khóm mai cao toả ra như những cụm lông gà cắm trên đầu các chổi phất trần, những con đường đỏ ngoằn ngoèo trông xa như những sợi chỉ hồng trên nền cỏ xanh, lúc ẩn lúc hiện, đưa tâm trí Ngọc đến những thế giới xa xôi, bí ẩn mà có lẽ không bao giờ chàng bước chân tới. Ngọc mỉm cười nghĩ thầm :

«Mặc dầu mình là «Ngọc châu chấu».»

Chàng nói với Nghệ :

«Anh cho tôi một ít cà-phê chị Khai pha.»

Chàng đỡ lấy cái bi-đông Nghệ đưa cho, uống một ngụm rồi nói :

«Cà-phê này không được ngon lắm.»

Ngọc quay lại phía Tứ :

«Hai anh khi ở Mông Tự có biết hiệu cà-phê nào ngon nhất không ?»

Nghệ đáp lời thay Tứ :

«Tôi chỉ theo lệnh anh Ninh đến ở Mông Tự ít lâu cho kín đáo nên không đi đâu. Anh chắc sành hơn.»

«Ở Mông Tự chỉ có cà-phê cô Thanh là ngon nhất, anh đã đến đấy uống chưa ?»

Nghệ đáp :

«Tôi chưa đến.»

Ngọc vặn nút bi-đông đưa trả lại Nghệ rồi bảo Tứ :

«Cô Thanh là người của anh Ninh phái về. Tay ấy giỏi lắm. Cũng đồng chí cả mà; tôi ở Mông Tự luôn, lại thường sáng nào cũng đến uống cà-phê mà cũng không hay. Anh Ninh nói ra tôi mới rõ. Tay ấy mà dùng đi công tác lúc này thực là đắc lực. Rất tiếc chuyến này anh Ninh không phái về trong nước để cùng đi với hai anh cho vui.»

Chàng thấy cần phải nói nhiều về Thanh nên tiếp theo bảo Tứ và Nghệ :

«Cô ấy trông xinh lắm, sắc sảo mà có tài ứng biến. Đi với hai anh chắc là giúp được nhiều việc cho hai anh. Tôi chắc anh Ninh sẽ phái Thanh về Hoàng Su Phì hay Lào Kay.»

Nghệ nói :

«Tôi chưa được nghe nói đến cô Thanh ở Mông Tự bao giờ.»

«Khi hai anh về nước làm xong phận sự rồi, có khi nào trở lại Mông Tự, tôi sẽ đưa hai anh đến thưởng thức cà-phê phin và giới thiệu hai anh với Thanh.»

Tứ nói :

«Về chuyến này chưa dám chắc là lại sang được. Tụi chó săn của Pháp lợi hại lắm, lại còn tụi Nhật nữa.»

Ngọc bảo cả Tứ và Nghệ :

«Anh Ninh có dặn tôi hai tháng sau sẽ lại sang đón các anh ở nhà đồng chí Long ở Thanh Thuỷ. Tôi sẽ lại đưa hai anh về Khai Viễn rồi lên Côn Minh. Chúng mình sẽ đi xe lửa xuống Mông Tự qua nhà đồng chí Thanh thưởng thức cà-phê phin.»

Tới giờ ăn cơm, quả nhiên đoàn xe Mỹ ngừng lại trên một quãng đường vắng, chung quanh núi bao bọc. Ngọc thấy người lái xe Mỹ và một người lính Mỹ bên cạnh, lấy ra mỗi người một cái hộp giấy trắng. Chàng tò mò nhìn qua cửa sổ ngăn cách phía trước với phía sau xe. Hai người lính Mỹ mở hộp giấy trong đó để mấy viên đường bọc giấy bóng, một thỏi súc-cù-là, độ dăm cái bánh bích-quy và một hộp phó-mát. Họ ăn bánh, ăn phó- mát, nhai đường như nhai kẹo, nốc cà-phê ở trong bi-đông, rồi họ vác súng xuống xe, làm một vài cử động

thể thao cho giãn xương giãn cốt.

Trông năm sáu người lính hớt tóc cao đi lại trên đường, Ngọc có cảm tưởng như họ là những đứa trẻ con, ngây ngô và ngây thơ nhưng có ngầm một vẻ gì cương quyết, cứng rắn. Kiếm không được một con chim nào, họ nhắm một mô đá trên hòn núi cao, cây cối rậm rạp rồi thi nhau nhả đạn. Họ có vẻ như những đứa bé đùa nghịch chơi. Họ không bao giờ nghĩ rằng trên núi đá ấy có thể có những người Mèo đi kiếm củi. Ngọc trong lòng lo phấp phỏng và bùi ngùi thương hại vơ vẩn cho người nào xấu số bị trúng đạn chết mà không ai hay.

Mặc dầu trước đây, Ngọc đã được Ninh đưa vào một trường huấn luyện của Mỹ ở Côn Minh, suốt ngày tha hồ bắn, bắn mỏi cả tay, điếc cả tai, nhưng chàng vẫn thấy bọn lính Mỹ đùa nghịch bắn chơi lên núi là phí đạn trong thời kỳ chiến tranh. Thấy họ bắn mãi không trúng cái mô đá nhỏ trên đỉnh núi, Ngọc vụt nẩy ra ý nghĩ ngộ nghĩnh mượn súng của họ. Ngọc bắn rất giỏi, chàng chắc chỉ bắn độ hai phát là trúng mô đá, nhưng chàng nghĩ việc ấy có thể ngăn cản công tác hiện tại nên lại thôi. Vả lại chàng không muốn tỏ cho Tứ và Nghệ biết là chàng bắn giỏi. Ninh đã dặn chàng không được đeo súng lục đi, trong khi đó Ninh giao cho Tứ và Nghệ mỗi người một khẩu, làm như vậy để tỏ ra chàng chỉ là một

người đi đường thông thạo, và chỉ là một liên lạc viên quèn, thế thôi, để Tứ và Nghệ khỏi nghi ngờ.

Đúng ba giờ chiều đoàn xe qua Hong-Tu-Chay bắt đầu lên một cái đèo cao; ở dưới chân đèo hiện ra một vùng thung lũng rộng rãi. Chàng nhận ra con đường đi Mã Quan tức con đường về Hoàng Su Phì. Khỏi đèo là tới Văn Sơn.

Ngọc dẫn Tứ và Nghệ đến nhà Nam nhưng nhà khoá cửa ngoài. Hỏi bên cạnh mới biết Nam đi đỡ đẻ độ năm sáu giờ chiều mới về. Ngọc rủ Tứ và Nghệ vào một hiệu ăn để đợi và gọi nửa cân rượu với ít đồ nhắm. Chàng có cái cảm tưởng như mình là một tay hảo hán đời xưa, vào một tửu quán gọi rượu thết hai vị công tử - «hai tay lâu la» - chàng mỉm cười nghĩ thầm như vậy.

Mới uống một ít, Ngọc đã ngà ngà say; chàng ngả lưng xuống một cái ghế dài định ngủ một giấc, mặc Tứ ngồi ăn uống một mình. Nghệ thì không uống rượu và ăn rất ít. Đặt mình xuống, Ngọc ngủ ngay vì đêm trước chàng đã thức sáng đêm nói chuyện với Thanh và đi dọc đường mải ngắm phong cảnh chàng đã quên cả ngủ.

Sáu giờ chiều, tới nhà Nam thì Nam cũng vừa đi đỡ đẻ về. Ngọc giới thiệu :

«Chị Nam, đây là đồng chí Nghệ, còn đây là đồng chí Tứ do anh Ninh phái về nước công tác, độ hai tháng lại trở lên Côn Minh.»

Chàng nói giọng đùa :

«Còn tôi là đồng chí Ngọc châu chấu, có nhiệm vụ đưa hai đồng chí về nước. Chị Nam ạ, sao hôm nay tôi thèm ăn cháo lòng thế. Chị phải thết chúng tôi một bữa đêm nay, đi đường ăn bánh mì, đồ hộp xót ruột quá.»

Nam nói :

«Tôi ở một xó hẻo lánh này được gặp các anh thật là vui quá. Các anh xơi gì tôi sẽ thết. Tôi lại được cái may là đêm trước mưa to, nhiều chỗ cầu ngập các anh phải ở lại ít bữa đợi nước rút.»

Ngọc biết Ninh chưa cho Nam hay về việc Tứ và Nghệ vì Nam vui mừng một cách chân thật như là được gặp mặt đồng chí. Trong việc này, Ngọc lại thấy cảm phục Ninh hơn, vì Nam không biết nên vồn vã Tứ và Nghệ rất ân cần tự nhiên.

Chương sáu

Sáng hôm sau, Ngọc rủ Nam vào đảng bộ Trung Hoa Quốc dân Đảng để xin đảng bộ cấp giấy về biên giới.

Tới một chỗ vắng, Ngọc khẽ bảo Nam :

«Tứ và Nghệ không phải đồng chí đâu.»

Rồi Ngọc kể cho Nam nghe hết đầu đuôi câu chuyện. Nam nói :

«Chú không lo. Tôi rất tự nhiên. Quen rồi mà. Chú không biết chính tôi, tôi đã thủ tiêu một tay cộng sản lợi hại ở Trùng Khánh về qua đây, độ hai tháng trước.»

Ngọc mở to mắt kinh ngạc. Cuộc đời của Nam, Ngọc đã rõ hết. Nam là con một ông quản, làm y tá, vì nhà sa sút lên lấy một người Tàu và vì thế nên theo chồng sang Văn Sơn. Về sau chồng mất, nàng ở hẳn lại đó và quanh vùng ấy ai cũng đến xin thuốc coi nàng như một y sĩ vì dân Tàu ở biên giới vẫn thường cho những người học ở Hà Nội là những người giỏi. Về sau Nam gia nhập Việt Quốc; nhà nàng chỉ là chỗ anh em đi lại nghỉ chân trước khi đi công tác trạm Ma-Lì-Pố hay Mã Quan. Nàng lại là người rất hiền lành thế mà bây giờ nàng cũng giết người, không khác gì chàng.

Ngọc rủ Nam vào một quán nước trà vắng vẻ rồi hỏi Nam về việc thủ tiêu tay cộng sản.

Nam cho biết là một hôm có một người đàn ông lạ mặt đến thăm nàng vì nội vùng Văn Sơn chỉ có mình nàng là Việt kiều lại biết về thuốc men mà người đàn ông lại bị bệnh. Nam cũng lấy tình đồng hương cho ở nhà mình dưỡng bệnh và tìm cách chữa thuốc. Một buổi trưa nhân lúc ngủ, người đàn ông ấy để rơi ra bên cạnh một cái ví dầy cộm. Tự nhiên linh tính báo nàng biết có cái gì khả nghi. Nàng mở ví rút giấy tờ ra coi mới biết người ấy tên là Vương Đức; xem tới một bức thư nàng mới rõ Đức là một tay Việt cộng cao cấp ở Trùng Khánh làm thư ký riêng cho Chu Ân Lai lúc đó là đại diện của Trung cộng từ Diên An đến Trùng Khánh để liên lạc với Tưởng Giới Thạch. Khi Nam biết rõ, nàng lại đặt cái ví vào chỗ cũ rồi lẳng lặng bỏ xuống nhà dưới, đợi khi Đức tỉnh dậy có gọi nàng mới lên.

Hai hôm sau, Nam cho thuốc độc vào ống tiêm. Nàng tiêm vào mạch máu của Đức, vừa tiêm vừa mỉm cười bảo Đức :

«Thuốc này tốt, cầy cục mãi mới mua được của bộ đội Mỹ.»

Nam chấm bông rồi bảo Đức :

«Bây giờ ông nằm nghỉ đi, đợi thuốc ngấm, chỉ đợi hai mũi nữa là bách bệnh tiêu tán.»

Tiêm xong, Nam đứng bên cạnh giường Đức đợi. Một lúc sau Đức nói :

«Tiêm thuốc mới này tôi thấy trong người khó chịu hơn trước.»

Vì Nam không thành thạo lắm về thuốc độc nên trái với dự đoán của nàng, Đức không chết, chỉ quằn quại người, hai mắt tuy lờ đờ nhưng vẫn mở trừng trừng nhìn Nam. Nam đoán có một tia nghi ngờ trong vẻ mắt nhìn của Đức và thấy Đức há miệng ú ớ nói, nhưng lại nói tiếng Quan Hoả chứ không phải tiếng Việt. Sợ Đức nói to thành tiếng và hàng xóm bên kia bức tường ván nghe thấy, nên Nam vội cúi xuống lấy bông nhét vào đầy miệng Đức. Mắt Đức vẫn mở to nhìn nàng và một cánh tay đang cựa quậy như cố nhấc lên để kéo bông ra.

Nam trèo lên giường miệng nói tiếng Tàu :

«Ông Đức ! Ông Đức ơi, lai tỉnh !»

Nàng cố gọi thật to cho hàng xóm nghe thấy, rồi nhẩy lên người Đức; hai chân giẫm lên hai bàn tay Đức, nàng

lấy hết sức bóp cổ; cứ như thế nàng nghiến răng bóp, bóp mãi cho đến khi mặt Đức phình ra và hai con mắt trợn ngược lên lờ đờ dần. Nam từ từ thả lỏng hai bàn tay. Thấy Đức không cựa quậy, yên lặng nằm ngửa, hai con mắt chỉ còn lòng trắng, Nam mới dám chắc là Đức đã chết hẳn. Nàng rút bông ở miệng Đức ra vứt lẫn với các nắm bông khác rồi bắt đầu gọi to bằng tiếng Tàu địa phương, cố ý cho hai bên hàng xóm nghe thấy :

«Ông Đức ơi. Ông chết ở đây tứ cố vô thân, lạy Trời Phật phù hộ cho ông sống lại. Tôi không ngờ đâu bệnh ông lại hiểm nghèo thế, ông lại chóng chết như thế.»

Tiếng người Tàu bên hàng xóm hỏi vọng sang :

«Gì thế bà Lương ?»

Lương là tên chồng quá cố của Nam.

«Bà chủ Minh Đạt ạ. Ông đồng hương của tôi chết rồi.»

«Rõ tội nghiệp. Nhưng bà cũng đừng lấy thế làm phiền. Bà mà không chữa nổi thì các ông ở nhà thương đây cũng bó tay, hoạ may có bác sĩ Mỹ ở trường bay.»

Nam đáp :

«Bây giờ thì chậm quá rồi.»

Nàng gọi bà Minh Đạt :

«Bà sang ngay giúp tôi một tay.»

Nói xong, Nam mở ví lấy những giấy má quan trọng của Đức cất đi nhưng tiền thì để lại rồi cho ví vào túi áo Đức.

Lúc bà Minh Đạt sang, Nam lấy một cái gương nhỏ áp vào mặt Đức rồi đưa bà Minh Đạt coi. Bà Minh Đạt không hiểu gì, tưởng Nam làm theo tục lệ riêng của nước mình. Nam giảng giải :

«Mặt gương vẫn trong như thường; nếu còn thở thì hơi nước ở mồm mũi ra sẽ làm gương mờ đi.»

Nam lại cúi xuống áp tai vào ngực bên trái nghe, một tay bắt mạch cho Đức rồi nói với bà hàng xóm :

«Ông bạn tôi chết hẳn rồi. Bà xem chân tay lạnh ngắt.»

Tuy có Nam là y tá nhưng bà Minh Đạt cũng không dám đến gần xác Đức. Bà ra chỗ bàn thờ thắp hương để đuổi ám khí. Nam vuốt mắt Đức, lấy mấy ngọn nến ra thắp rồi cắm ở hai bên đầu giường. Nàng mặc quần áo, bảo bà Minh Đạt :

«Bà đi với tôi ra huyện trình. Tôi nhờ bà làm chứng. Thủ tục cần phải thế.»

Ra huyện Nam chỉ phải trình báo qua loa rồi được cấp giấy chôn cất. Nàng mua chiếc áo quan thuê phu đám ma đem chôn ngay Đức hôm đó.

Nam kể xong, Ngọc đưa mắt nhìn Nam.

Chàng chưa hiểu được tại sao một người đàn bà nhu mì như Nam lại có thể giết người mà lại tự ý giết một cách độc ác như thế. Chàng thốt nhớ lại câu Thanh nói : «Bị cái guồng máy nó lôi kéo» và ngẫm nghĩ thảo nào Thanh từ chối việc chàng mời tham gia cách mệnh. Ý nghĩ về cái xấu tốt ở đời lại lảng vảng trong đầu óc chàng. Dẫu sao chàng cũng nhận thấy rõ là Nam cũng như chàng, cũng như Tứ và Nghệ đều là những người tốt, có lòng nhân đạo. Ngọc nhớ lại việc chàng tha thứ cho Chuân khi Chuân pha nước vào rượu.

Ngay lúc Nam kể cho chàng nghe về việc giết Đức chàng không khỏi ghê tởm vì lòng độc ác của con người; chàng thấy thương hại cho Đức khi bị Nam bóp cổ; đôi mắt mờ ấy biết đâu đã không đau khổ vì không hiểu và biết đâu Đức không có cha mẹ, vợ con hay một người yêu và trước khi chết đã không nghĩ tới những người thân yêu đó.

Bỗng Ngọc chợt nẩy ra một ý nghĩ :

«Hay là…»

Nhưng chàng ngừng lại, nói một mình :

«Một người chết bệnh còn có thể được. Nay lại hai người cùng chết bệnh một lúc, thế nào các cơ quan Tàu chẳng sinh nghi.»

Nam nói :

«Tôi cũng chợt nẩy ra ý nghĩ ấy nhưng tôi thấy không xuôi. Tôi sẽ pha cà-phê nước cốt để chú đem đi. Chú nên cẩn thận, việc không thành thì từ nay về sau chắc không bao giờ gặp chú nữa.»

Tuy trời đã tạnh ráo nhưng nước sông chẩy sau nhà Nam mỗi lúc một lên cao. Tối hôm đó trên căn gác của nhà Nam, bốn người ngồi nhắm rượu với lòng lợn, nói chuyện vui vẻ như là đã quen biết nhau từ lâu. Trước khi đi ngủ, Nam nói :

«Trong khi đợi nước rút, sáng mai mời mấy anh đi ăn «cô sèo mi siển» ở Cổng Nam.»

Tứ và Nghệ ngủ ở buồng dưới nhà còn Ngọc ngủ ở một giường nhỏ cạnh Nam trên gác. Hai người không dám trò chuyện sợ dưới nhà Tứ và Nghệ nghe thấy.

Trước khi khép cửa màn, Ngọc nháy Nam một cái; Nam đương xếp dọn đồ đạc cũng mỉm cười và nháy lại Ngọc. Tuy hai người trẻ tuổi nằm ngủ cạnh nhau, một người đàn bà goá khá đẹp và một chàng thanh niên xinh trai nhưng cả hai đều không nghĩ gì đến những điều thường tình.

Ngọc nằm một lúc rồi thiêm thiếp ngủ; nét mặt chàng dưới ánh ngọn nến lờ mờ Nam thấy có một vẻ đẹp thơ ngây như trẻ con. Nam ngừng tay đứng ngắm Ngọc một lúc lâu, rồi nàng tắt đèn nằm xuống giường mình kê cạnh giường Ngọc.

Đêm ấy độ ba giờ sáng, nghe tiếng người trong phố xôn xao, Nam thức dậy nhìn ra cửa sổ thấy nước đã tràn ngập đường. Nàng mở màn giường Ngọc, ngồi xuống cạnh và lấy tay lay chàng. Thoáng trong một lúc Nam có cái ý nghĩ nằm xuống cạnh Ngọc, nhưng nàng giữ được ngay, gọi to :

«Chú dậy đi, nước ngập cả phố rồi.»

Nàng ra thắp nến rồi bảo Ngọc :

«Ta xuống khênh các đồ đạc ở dưới nhà lên. Nước này không khéo ngập cao nửa nhà dưới.»

Xếp dọn xong, cả bốn người đều ngồi đợi sáng và xem tình hình nước lũ tràn về. Tới sáng thì quả nhiên nước vào ngập nửa nhà dưới. Nam nói :

«Hôm nay thì các anh ăn cơm không với ít muối. Tôi thết.»

Rồi nàng cất tiếng cười vui vẻ.

152. Nhất Linh (5) - Giòng Sông Thanh Thủy

(Chương 7, 8, 9, 10)

Chương bẩy

Hai ngày hôm sau, nước mỗi ngày một lên cao. Dòi bọ ở cầu tiêu các nhà bên cạnh trôi lềnh bềnh khắp nhà dưới. Chúng định leo lên cầu thang như một đạo quân cảm tử xung phong. Nam phải lấy ống phụt thuốc DDT phun chặn đường.

Tứ suốt ngày đi ra đi vào trên cái gác nhỏ, lúc nào ở mũi cũng để một cái khăn mù-xoa có tẩm nước hoa của Nam để tránh mùi hôi thối của nước bẩn. Nghệ cả ngày ngồi đem những sách «Trung Quốc chi vận mệnh» của Tưởng Giới Thạch hay sách nghiên cứu về «Duy sinh luận» của Trần Lập Phu, ra đọc có vẻ mê mải.

Ngọc cùng Nam ngồi ở cửa sổ trông ra đường để đón các thuyền bán thức ăn, quà bánh và nhất là thuyền bán nước. Ngọc nhìn về dẫy núi xa bao bọc Văn Sơn và để tâm hồn phiêu diêu về Mông Tự. Giá lần này được đi công tác với Thanh, cùng ngồi ở cửa sổ đón hàng quà bánh qua lại thì dẫu nước to đến một tháng chàng cũng không cần. Ngọc mỉm cười nghĩ thầm chắc ở Mông Tự trời không mưa nữa, giếng đã cạn, rau của Thanh không

có nước tưới chết héo khô và Thanh phải ăn cơm với ruốc. Cô ả cả ngày nằm lỳ trong chăn mãi cũng buồn như chấu cắn. Nghĩ đến hai chữ chấu cắn, Ngọc lại mỉm cười tự nhủ :

«Chắc cô ả oán anh chàng «Ngọc châu chấu» lắm. Những quả lựu chắc đã chín, da lựu vì nắng cũng nám hồng như má Thanh. Những lúc không được đi khỏi nhà, chắc Thanh chỉ còn một cách là ra vườn sưởi nắng, ngắm lựu nở hoa và rau héo dần. À mà cô ả cũng chẳng xót ruột gì, tha hồ ăn những hạt lựu trắng mọng nước và thơm ngọt. Cô ả chỉ nói hão : lúc mình về chắc một quả lựu cũng không còn.»

Nam thấy Ngọc mỉm cười luôn, liền nói đùa :

«Cô chở thuyền bán bún xinh đấy chứ ? Tôi thấy chú mỉm cười luôn mà cô ả xem chừng cũng cảm chú, cứ chèo đi chèo lại mãi, nhìn chú không chớp mắt. Để tôi gọi thuyền cô ả lại và rút lui vào trong để chú mua bún, tha hồ hai bên nói chuyện.»

Ngọc đáp :

«Phải đấy, nhờ chị gọi thuyền cô bán bún lại đây em mua.»

Nam trở vào bảo Tứ và Nghệ :

«Gạo cần để phòng xa. Hôm nay cả nhà ăn bún nhé.»

Nam lấy bát rồi tươi cười nhìn về phía cửa sổ :

«Tôi đương dở tay chú mua hộ dăm cân bún, ăn cả buổi chiều luôn thể.»

Nàng nói với Ngọc :

«Cả nhà hôm nay có đau bụng là tại chú đấy.»

Nghệ ngồi điềm nhiên đọc sách. Tứ nói :

«Chắc họ lại lấy nước bẩn, ăn độc chết.»

Ngọc vừa mặc cả, nói đùa bỡn với cô hàng bún xinh đẹp vừa nghĩ thầm :

«Nghệ mới là lợi hại, còn Tứ chắc kiểu con ông cháu cha, cách mệnh phong lưu công tử, không có gì đáng e ngại.»

Chàng cố kéo dài không cho cô hàng đi, nói bông lơn chơi như một người vô tâm, thích trêu gái, để Nghệ khỏi nghi kỵ, chỉ cho chàng là một cán bộ tầm thường, phụ trách có một việc liên lạc vì thích đi đây đi đó.

Trong những ngày ở nhà Nam, khi bàn về vấn đề gì quan trọng, Ngọc chỉ ngồi nghe và tỏ vẻ không chú ý.

Lúc rỗi chàng đem đan lại mấy đôi hài sảo hoặc giúp Nam về việc bếp nước. Chàng làm như chữ nho cũng chỉ biết một ít chữ thông thường, nhờ Nghệ dậy học và làm bộ rất tối dạ. Nói tóm lại chàng chỉ là một tay lông bông loăng quăng, một cán bộ «châu chấu».

Chiếc áo len đàn bà của Thanh cho, những đêm trời lạnh chàng lấy ra mặc; buổi trưa trời nắng chàng cất vào túi vải nhưng bao giờ cũng cố ý cho Nghệ nhìn thấy, may Nghệ có nhận ra đó là áo Thanh thì việc ấy càng tỏ ra chàng vẫn thân với Thanh; nếu Nghệ thật là nhân tình của Thanh, chắc Nghệ sẽ ghen nhưng cái đó không hề chi, điều cốt yếu là chàng đã bị Thanh cám dỗ.

Rồi một hôm nước rút cạn. Nam giữ lời hứa mời mấy người đi ăn «Qua cầu mễ phẩn» ở Cổng Nam. Sau những ngày ăn lảm nhảm, mọi người đều ăn một cách ngon lành, trừ Nghệ. Tứ lấy thìa húp nước dùng và nhai các miếng thịt tái như người vẫn thích ăn ngon vì tình thế phải nhịn ít lâu. Mỗi lần nuốt thì cái yết hầu lại đưa lên hạ xuống trông một cách rõ rệt, khiến Ngọc phải quay mặt đi vì ngượng cũng có và nhất là vì thương hại một người như Tứ mà lại lạc loài vào hàng ngũ Việt Minh. Riêng Tứ ăn luôn hai bát mà vẫn có vẻ thòm thèm. Ăn xong nhà hàng bưng bốn cốc cà-phê thơm

ngon. Tứ hỏi Nam :

«Tôi không ngờ là ở đây cũng có cà-phê ngon thế này.»

Ngọc uống một ngụm rồi thốt lên :

«Ngon không kém gì cà-phê hàng cô Thanh ở Mông Tự.»

Nam nói :

«Số là các anh không biết. Ở đây gần biên giới, anh em có cho tôi rất nhiều cà-phê. Lúc nãy tôi vào nhà trong để tự rang lấy. Tôi rang khéo lắm. Hôm nào các anh đi, tôi sẽ rang và pha nước cốt để các anh đem đi. Dọc đường thiếu gì suối nước trong, các anh pha uống cho đỡ khát.»

Nam mỉm cười rất tình tứ :

«Lúc uống các anh phải nhớ đến tôi đấy nhé.»

Chương tám

Nam tiễn ba người ra tận Cổng Đông để lên đường về Ma-Lì-Pố. Lúc ba người qua, cái cầu đá còn hơi ngập nước. Nam dừng lại, đợi ba người sang bên kia cầu rồi giơ tay vẫy :

«Hẹn các anh hai tháng sau và chúc mọi việc may mắn. Cà-phê nước cốt của tôi đặc lắm, đợi khi thật khát hãy uống, còn dọc đường không thiếu gì hàng quán. Có cả rượu ngon, anh Tứ đừng uống say quá sợ đi không nổi hay là mê cô hàng rượu nào đó ở lại thì hỏng việc đấy. Thôi chào các anh đi.»

Nam quay trở lại và tiếp tục đời sống nữ y tá và cô đỡ. Nàng tin Ngọc sẽ thành công và chắc chỉ độ vài ba ngày nữa Ngọc sẽ trở về Văn Sơn. Lúc đó nàng sẽ đánh điện về Mông Tự và giữ Ngọc ở lại Văn Sơn dăm ba ngày. Lòng nàng tự nhiên thấy yêu đời và vui vẻ.

Đường còn trơn nên rất khó đi. Có lắm chỗ sũng nước hay lầy lội quá, đi có khi ngập bùn tới đầu gối, nên Ngọc phải cõng Tứ và Nghệ qua.

Ngọc cố ý chọn con đường thấp vì con đường lên cao có nhiều phong cảnh đẹp chàng để dành khi nào được cùng đi với Thanh. Vì con đường thấp cứ xuống dốc

mãi mà trời lại nắng to nên Tứ cứ đòi cho được cái bi-đông nước cốt cà-phê Nam đã pha. Ngọc nói :

«Anh không nhớ lời chị Nam dặn à. Lát nữa đến một cái suối trong anh tha hồ uống. Từ Văn Sơn về nước không có chỗ nào bán cà-phê nữa.»

Tứ nói :

«Cà-phê để lâu sợ hỏng.»

Ngọc đáp :

«Cái đó anh không lo. Lần nào tôi qua Văn Sơn chị Nam cũng pha nước cốt, cho thật nhiều đường, để lâu ngày uống vẫn ngon như thường.»

Mọi người đã khô cả cổ lại sắp lên một cái đèo cao, đường lên dốc độ nửa cây số và không có bóng cây nào. Lên khỏi cái dốc, Tứ lại đòi uống cà-phê. Ngọc giữ chặt lấy cái bi-đông đeo ở dây lưng, bảo Nghệ :

«Xuống hết đèo này có chỗ suối trong, anh khuyên anh Tứ chịu khó gắng đợi. Các anh có biết cái đèo này là cái đèo gì không ? Đèo này gọi là đèo ông Tháo.»

Rồi Ngọc giải thích :

«Đồng chí Tháo người đã nhiều tuổi lại yếu vẫn hay đi công tác ở biên giới. Anh Tháo phải bẻ cành cây làm gậy vừa chống vừa đi. Lên tới đỉnh đèo, anh Tháo bỏ gậy xuống rồi chắp tay vái cái dốc này mấy vái, miệng lẩm bẩm : «Trời phù hộ cho tôi không phải lên dốc này một lần thứ hai nữa». Anh em đồng hành vì thấy cử chỉ của anh Tháo như vậy nên mới đặt tên đèo này là «đèo ông Tháo» hay «dốc ông Tháo».»

Đến ngay Nghệ cũng phải tỏ ý :

«Trong đời tôi, tôi cũng chưa từng trèo một cái dốc dựng ngược như thế này, mà lại dài đến nửa cây số.»

Lên tới đỉnh ba người lại phải xuống đèo, đường dốc hơn và ngắn nhưng vẫn không có một bóng cây nào. Tứ không xuống đèo quen sợ ngã nên lắm chỗ phải ngồi bệt xuống nắm từng ngọn cỏ hay gốc cây nhỏ lê dần xuống.

Tới chân đèo quả nhiên có một lạch suối chẩy bên mặt bãi cát rộng. Nước khá trong. Tứ vục mặt xuống dòng suối uống sùm sụp, lúc ngửng lên nước chẩy cả xuống cằm. Chàng nói :

«Nước suối này ngọt mát quá.»

Rồi chàng lấy hai tay vốc nước rửa mặt, vỗ lên trán hói, miệng cười hì hì có vẻ khoái trá lắm.

«Hay ta tắm một cái.»

Ngọc can :

«Đương đi nắng tắm ngay cảm chết. Để tôi đưa các anh vào một chỗ gần đây có bóng mát, các anh nằm nghỉ một lát đã rồi có tắm hãy tắm.»

Quả nhiên đi một quãng tới một bụi cây xoè tán, bóng râm rợp cả một vùng cỏ phẳng. Ba người tháo túi vải ở trên vai ra làm gối rồi ngả lưng nằm nghỉ. Ngọc ngẫm nghĩ :

«Chỗ này đã ra tay được chưa ?»

Sau chàng thấy chỉ có một chùm cây không đủ kín đáo và ở xa xa vẫn có bóng người làm ruộng. Tâm trí chàng lại nghĩ đến Thanh, có lẽ lần sau cùng Thanh đi, chàng cũng đi theo con đường thấp này cho Thanh trèo thử «đèo ông Tháo». Má nàng chắc sẽ đỏ hồng lên vì nắng như quả lựu ở vườn nàng : chàng sẽ rủ Thanh đến dưới chùm cây mát này, cùng nằm bên nhau trò chuyện. Chắc Thanh không dám tắm trước mặt mình nhưng thế nào nàng chẳng vén quần ngâm chân vào nước suối mát. Hai người sẽ ngồi cạnh nhau trên những tảng đá kia,

cùng lấy chân nghịch khoắng nước chẩy trên lòng cát trắng. Chàng rút thuốc lá đưa mời Tứ và Nghệ; chàng cũng hút và ngửng nhìn làn khói nhẹ đưa lên cành lá rồi tan vào các khe trời xanh biếc, ngẫm nghĩ :

«Còn thích bằng mấy ngồi ở gác nhà Thanh nhìn ngắm hoa lựu nở. Và Thanh chắc cũng cảm thấy đúng như mình.»

Ngọc mỉm cười, quên cả Tứ và Nghệ nằm bên cạnh. Lúc đó chàng mới nhận rõ lòng mình đã yêu Thanh từ lâu mà không tự biết. Nếu Thanh quả là cán bộ Việt Minh như Ninh nói, và Thanh có bỏ thuốc độc vào cà-phê bảo chàng uống, chàng cũng sẽ uống ngay, sung sướng mà uống thuốc độc của con người tàn ác muốn giết chàng; chàng thấy trước vẻ mắt cuối cùng trong đời là vẻ mắt chàng âu yếm nhìn người đã giết chàng, và hình ảnh cuối cùng trong đời chàng là hình ảnh một thiếu phụ tàn ác mà chàng đã yêu và càng yêu vì thế. Thuý đối với chàng bây giờ là một người xa lắc xa lơ, nằm trong lòng đất lạnh, chàng vẫn yêu nhưng yêu bằng một thứ tình khác. Còn Phương ? Phương đẹp thì có đẹp nhưng Phương tầm thường lạt lẽo; có lẽ nếu chàng định lập gia đình thì chàng sẽ lấy Phương làm vợ, sống một cuộc đời hiền lành yên ổn. Bây giờ trong cuộc đời cách mệnh vất vả, đầy nguy hiểm chàng thấy cần một thứ

tình khác thường oái oăm; đôi mắt đen sắc sảo và tâm hồn bí ẩn của Thanh tuy chàng hơi rờn rợn sợ nhưng có một sức mạnh quyến rũ lạ lùng khiến chàng mê đắm.

Ngọc để mặc Tứ và Nghệ ra suối tắm, chàng vẫn nằm yên hút thuốc lá. Thỉnh thoảng chàng lại lắc đầu không ngờ mình đã yêu Thanh đến như vậy. Còn Thanh có yêu lại chàng không, điều đó chàng không hề nghĩ tới, vì chàng cho việc khó nhất là lòng mình yêu tha thiết; người khác yêu mình mà mình không yêu lại thì chỉ là một cái tội nợ.

Tứ và Nghệ tắm xong đã cho túi lên vai và đứng chờ Ngọc. Tứ nói :

«Ngọc «châu chấu» mà cũng mệt à ? Sao anh bảo phải đi gấp sợ tối chưa tới được quán ngủ trọ.»

Ngọc đứng dậy, quàng túi lên vai, nói :

«Tôi đi trước các anh cố mà theo.»

Chàng đi mau quá nên Tứ và Nghệ theo không kịp.

Độ một giờ trưa, khỏi một hàng rào tre thì tới Sin-Chang. Ngọc đưa Tứ và Nghệ vào một quán ăn có hai cô người Thổ rất xinh và đều chưa có chồng. Hai cô thấy Ngọc tới thì hỏi bằng tiếng Việt :

«Anh Ngọc, lâu lắm mới lại gặp anh.»

Ngọc nói :

«Tôi giới thiệu với cô hai ông bạn quý.»

Chàng nhìn cô lớn và đẹp hơn, tiếp theo :

«Nhà có rượu ngon không ? Cô cho ít đồ nhắm. Phải tự tay cô làm mới vừa lòng hai ông bạn quý của tôi.»

Cô đon đả mời ba người ngồi vào cái bàn sang nhất. Nàng nhìn ba người đều mặc quần áo nhà binh Tàu, đội mũ Tàu nhưng không có phù hiệu rồi mỉm cười nói tiếng quan hoả :

«Chuân pu sư chuân, mỉnh pu sư mỉnh, sư an nan cơ mỉnh.» [73]

Rồi nàng nói tiếp bằng tiếng Việt :

«Cầu mong cách mệnh Việt Nam thành công, để tôi chóng được về Việt Nam. Quê tôi ở Thanh Thuỷ.»

Nàng cười tình rồi đem rượu ra :

---

73 Quân bất thị quân, dân bất thị dân, thị An-Nam cách mệnh. (Quân không phải quân, dân không phải dân, ắt là người cách mệnh An-Nam)

«Đối với các anh em, phải tính giá thật rẻ hay không lấy tiền cũng được, nếu các anh bằng lòng.»

Có đồ nhắm ngon, rượu hảo hạng Tứ mềm môi uống mãi. Chàng say quá, nói đùa bỡn lả lơi với hai cô Thổ, rồi cứ đòi nằm lăn ra phản làm một giấc ngủ trưa. Ngọc phải kéo dậy :

«Anh phải đi cho sớm, kẻo chiều không kịp đến trạm ngủ hôm nay. Đêm không có trăng, tôi cũng chịu không mò được đường. Anh phải ngủ rừng, trời lạnh, cọp tha hay thổ phỉ đến, tôi không chịu trách nhiệm nữa. Anh Nghệ…»

Nghệ đến giúp sức Ngọc kéo Tứ dậy rồi hai người, mỗi người một bên, vực Tứ đi cho khỏi ngã.

Hơn năm giờ chiều, qua một cái cầu đá rồi đến làng Chong-Sin-Kiều.

«Đêm ta ngủ ở đây. Hơi phiền là phải nằm ổ rơm, nhiều bọ chó lắm.»

Trong khi đợi cơm, Ngọc rủ riêng Tứ đi thăm làng. Chàng đưa Tứ xuống một cái suối ở chân làng có rất nhiều tảng đá rất bằng phẳng. Chàng bảo Tứ, giọng thân mật :

«Tôi chưa có vợ. Mà con gái ở Vân Nam đều «ôi» cả. Khi nào cách mệnh thành công, nhờ anh làm mối cho một người. Quê anh ở đâu ?»

Tứ đáp :

«Tôi quê vùng xuôi nhưng thầy tôi lên buôn bán ở Tuyên Quang đến bẩy tám năm rồi.»

«Nhà anh vẫn ở Tuyên Quang chứ ? Anh đã lập gia đình chưa ?»

Tứ lấy cái kính cận thị ra lau rồi chậm rãi nói :

«Nhà tôi hiện giờ ở Tuyên Quang.»

Muốn cho Tứ không ngượng giãi bày tâm sự riêng với mình nên Ngọc đem chuyện đời mình kể ra trước.

«Tôi có yêu một người con gái ở làng bên cạnh, sau cô ấy chết nên tôi buồn, bỏ đi Vân Nam gia nhập cách mệnh. Đến bây giờ đã gần ba năm, cỏ trên mồ Thuý - tên cô gái tôi yêu - chắc bây giờ đã lên xanh um. Tôi cũng muốn được như anh về nước thăm lại mộ Thuý, thăm chị tôi, nhưng anh Ninh không cho. Anh thật là may. Chuyến này về chắc thế nào chẳng ghé qua nhà thăm chị ấy. Anh xa chị đã mấy năm rồi ?»

Tứ nuốt nước bọt, yết hầu lại đưa lên đưa xuống. Ngọc biết là Tứ cảm động lắm. Tứ nói :

«Tôi xa nhà cũng gần ba năm như chú. Gọi chú là chú tiện hơn. Tôi có hai đứa bé chúng nó kháu lắm. Khi nào chú được anh Ninh phái về, chú lại thăm hai cháu; để hôm nào tôi viết địa chỉ và mấy lời giới thiệu.»

Trời đã sâm sẩm tối hai người mới trở về quán trọ. Nhà trọ lợp tranh và thấp có trải hai cái ổ rơm trên phủ chiếu. Nghệ ngồi ở trên cái bàn thấp có bầy sẵn đồ ăn và đọc sách dưới ánh đèn dầu lù mù.

«Hai anh đi đâu mà về muộn thế ?»

«Chúng tôi ra suối chơi. Có những hòn đá phẳng ngồi quên cả về.»

Chủ hàng đem rượu lên. Ngọc cũng cố uống để tiếp Tứ vì Nghệ không uống rượu. Lúc đi ngủ Ngọc nằm chung một chiếu với Tứ, để dành riêng cho Nghệ một chiếu. Ngọc bảo Nghệ :

«Anh nằm riêng tha hồ ngáy. Ở Văn Sơn em đã nhiều lúc không ngủ được vì anh ngáy to quá.»

Lần đầu tiên Ngọc xưng em với Nghệ. Chàng tiếp theo :

«Em đã say rồi đi ngủ đây mai phải dậy sớm đi Ma-Lì-Pố cho khoẻ.»

Ba giờ sáng, Ngọc thức giấc và nghe tiếng Nghệ ngáy đều đều. Thấy Tứ cựa quậy người, chàng hỏi nhỏ :

«Anh thức đấy à ? Để em ra bàn lấy nước anh xơi cho đỡ khát.»

Hai người vừa uống nước vừa thỏ thẻ nói chuyện. Ngọc khơi trước :

«Mỗi lúc đang đêm sực tỉnh em lại nhớ đến Thuý. Mối tình đầu có khác. Em nhớ có ai đọc cho nghe câu thơ mà em thấy hợp cảnh em lắm : «Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy. Ngàn năm chưa dễ đã ai quên»».

Tứ nói ngay :

«Tôi biết câu ấy từ lâu, đấy là câu thơ để ở đầu cuốn Đôi bạn của Nhất Linh. Tôi lấy nhà tôi cũng là do một mối tình đầu, mỗi ngày một đằm thắm. Xa cách mấy năm, về nước tôi chỉ ao ước được về qua nhà một bận. Lâu năm chắc chẳng có mật thám nào để ý canh chừng nhà tôi nữa. Này chú, cái bi-đông cốc cà-phê đâu, lấy ra mỗi người làm một tợp.»

Ngọc nói :

«Tôi cũng muốn uống lắm nhưng phải để dành đến chỗ nào nắng mà không có nước hãy hay.»

Tứ lại kể chuyện vợ mình cho Ngọc nghe. Ngọc tỏ ý thương hại mối tình đầu đằm thắm của vợ chồng Tứ :

«Đi đường này thế nào anh chẳng về qua Bắc Giang, rồi xuống Tuyên Quang. Chị nhà tha hồ mừng. Còn em có về được cũng chỉ thấy cái mồ cò xanh, còn người cũ thì…»

Ngọc để tay lên ngực mình, chỗ quả tim.

«Người quê cũ chỉ còn ở trong lòng em mà thôi.»

«Tình cảnh chú đáng buồn hơn tôi nhiều. Khi thành công rồi tôi sẽ làm mối chú lấy người em gái của nhà tôi năm nay cũng vào trạc tuổi chú. Người rất ngoan và đẹp có tiếng ở Tuyên Quang.»

«Cảm ơn anh.»

Ngọc ghé vào tai Tứ nói rất nhỏ :

«Hai tháng nữa anh ra, em sẽ giới thiệu anh với Thanh ở Mông Tự. Cô ta người rất xinh, mắt đẹp. Vì có tính đĩ thoã nên em không muốn lấy làm vợ. Nhưng đối với anh có vợ rồi, đâu có phải việc trăm năm mà cần. Cô ta lại ở nhà có một mình, xem chừng có vẻ thành thạo lắm.

Anh chắc sẽ vừa ý những lúc xa nhà…»

«Sao chú biết cô ấy đĩ thoã và thành thạo ?»

«Em thú thật với anh chưa có gì giữa em với Thanh, em chỉ nghe người ta đồn. Vả lại một cán bộ quèn như em thì ăn thua gì. Điển trai như anh lại cao cấp nữa, anh chỉ muốn là được. Hẹn anh hai tháng sau, nhớ tới Mông Tự anh đến tìm em ở nhà đồng chí Việt, em sẽ đưa anh lại hàng cà-phê. Anh tán chắc ăn câu.»

Dưới ánh đèn lù mù, Ngọc thấy Tứ nuốt nước bọt và yết hầu đưa lên đưa xuống hai ba lần. Tứ nghĩ thầm đi chuyến này về nước không bao giờ trở lại Mông Tự nữa nhưng miệng vẫn nói :

«Làm cách mệnh đâu có nghĩ gì đến chuyện đó. Dẫu sao khi ra, tôi cũng muốn làm quen với Thanh, được tên ấy giúp sức Đảng sẽ mạnh thêm.»

Ngọc đã biết chắc ý Tứ muốn lắm. Chàng thầm nhủ với Thanh :

«Xin lỗi chị đã nói xấu chị. Nhưng công việc phải thế. Tứ đã hoàn toàn tin cậy nơi mình rồi; Tứ chỉ là một tay thân Việt Minh, còn Nghệ mới đáng sợ. Nghệ mới thực là chính cống cộng sản, có lẽ là một cán bộ cao cấp già giặn và nguy hiểm. Nếu mình không khéo, có thể

chết vì tay này.»

Chương chín

Thanh tính từ lúc Ngọc đi đến giờ đã quá hạn mà chưa thấy về :

«Có thể Ngọc bị hại rồi.»

Nàng thấy nhói ở tim, trách thầm Ngọc.

«Đã bảo để người ta đi với, lại không cho.» Nàng tự nhủ :

«Giá có mình đi thì chắc cứu được cu cậu rồi. Đâu đến nỗi. Ngọc égale Ngốc.»

Nàng tung chăn nhỏm dậy rồi ra mở cửa sổ, ngồi vào cái ghế mây Ngọc vẫn ngồi. Mắt nàng nhìn cây lựu lá lấp lánh dưới ánh mặt trời buổi sáng, những nụ hoa trở nắng và những quả lựu da nám hồng. Nàng chớp mắt mau mấy cái, để mặc nước mắt ứa ra chảy dàn dụa trên má. Rồi nàng gục đầu xuống bàn nức nở khóc.

Sau một lúc Thanh mỉm cười, lấy vạt áo lau nước mắt lẩm bẩm :

«Tội quái gì ăn cơm với ruốc. Bao nhiêu lựu chín đem vặt ăn dần cho mát cái ruột, ăn cho kỳ hết không

để dành anh chàng một quả nào nữa.»

Trí nàng tưởng tượng Ngọc hiện giờ đương nằm ở một quãng rừng, trên đầu bị hai ba phát súng và máu chắc đã khô. Nàng nhớ lại đoạn Ngọc kể với nàng về Thuý lúc chết và cái vẻ yên lặng của vừng trán Thuý, yên lặng hơn cả những tảng đá ở ngõ đi vào. «Không khéo hổ beo nó sực rồi, còn đâu là trán mà yên lặng.»

Thanh mỉm cười đứng dậy rồi nước mắt lại ứa ra; ngực nàng phập phồng và nàng thở dài luôn mấy cái cho tim bớt đập. Nàng nói như nói với Ngọc :

«Em yêu anh, yêu anh hơn cả Thuý yêu anh nữa.»

Bỗng có tiếng gõ cửa rồi tiếng Lăng vọng lên gác :

«Thèm cà-phê của cô quá. Uống hàng khác nó làm sao ấy. Hôm nay cô đã hết sốt rét thương hàn chưa ?»

Nghe tiếng Lăng và biết Lăng vẫn đến rình, Thanh tự nhiên thấy nhẹ hẳn người. Nàng nói :

«Anh Lăng, tôi đỡ nhiều rồi.»

Nàng với khăn lau kỹ nước mắt, chải qua tóc rồi xuống mở cửa. Lăng nói :

«Trông cô gầy hẳn đi.»

Thanh nghĩ thầm :

«Khéo vờ vờ vĩnh vĩnh.»

Nàng cũng pha một cốc cà-phê phin cùng ngồi uống với Lăng :

«Mấy hôm nay ở Mông Tự trời nắng đẹp quá mà tôi cứ phải nằm dài ở giường. Uống ít cà-phê cho nó tỉnh người.»

Lăng nói cho có chuyện :

«Ở đây nắng biết đâu nơi khác không mưa.»

Thanh định hỏi xem ở Văn Sơn có mưa không nhưng không kiếm được cách gì cho tự nhiên. Nàng bảo Lăng:

«Tôi nhờ anh một việc nhé. Tôi tạt qua chợ mua ít rau và xương lợn xương bò làm súp. Tôi còn yếu sợ mang thức ăn về không nổi, anh xách dùm tôi cái làn nhé.»

Lăng nói :

«Việc ấy thì tôi vui lòng. Cô đã khoẻ tôi cũng mừng, sáng mai tôi sẽ đi chợ hộ cô nữa. Nếu tôi bận thì tôi sẽ bảo chị Hoạt hay chị Việt đến đây giúp cô một tay. Cô cần nấu nướng thì hai bà chị tôi sẽ giúp, sợ cô mới ốm khỏi, còn mệt chăng.»

Ra đến chợ lúc nào cũng có Lăng đi kèm và không nghe ai nói đến Văn Sơn nên Thanh cũng không biết được tin tức gì. Nàng nghĩ ngày mai gặp bà Việt hay bà Hoạt có lẽ hỏi tiện hơn. Nàng bảo Lăng :

«Đàn ông xách làn đi chợ trông kỳ quá. Mai anh nói giùm với bà Việt đến giúp tôi nhé.»

Quả nhiên ngày hôm sau vợ Việt đến. Thanh ân cần cám ơn, gọi ngay Xuân là chị. Lúc đương nấu cháo bồ dục, Thanh gợi đến chuyện mưa nắng rồi nàng nói chêm vào :

«Văn Sơn mùa này hay mưa lắm.»

Xuân nói :

«Chị không biết à ? Văn Sơn bị nước lụt ngập cả phố xá. Tôi có gặp một người đi bộ từ Văn Sơn về, họ nói chưa bao giờ ở Văn Sơn lại lụt to như năm nay. Trôi nhà, trôi cửa, nước lũ kéo về nhanh quá, có nhà bị trôi cả lợn gà.»

Thanh hớp một thìa cháo nóng, vui mừng nói :

«Em đau hơn mười hôm nay ăn cháo chị nấu sao mà ngon thế. Nuốt đến đâu thấy đến đấy.»

Nàng thở nhẹ một cái :

«Thế là Ngọc chưa việc gì… Ngọc chưa việc gì.»

Mấy tiếng ấy vang trong hồn nàng như những lời reo vui.

Lúc Xuân về rồi, Thanh lại lên gác ngồi vào cái ghế Ngọc vẫn ngồi. Hoa lựu nở tươi trắng dưới ánh mặt trời. Nàng nghắm nghía những quả lựu sắp chín.

«Ngọc về, mình sẽ cho Ngọc ăn quả lớn nhất và ngon nhất kia. Còn những quả đã chín rồi tội gì mình không đem ăn cho mát ruột.»

Hôm sau đi chợ, có vợ Hoạt đi kèm. Thanh trông thấy Ninh ở xa. Nàng rủa thầm :

«Cái anh đa nghi, láu tôm láu cá. Đáng ghét cái mặt.»

Nàng cũng biết Ninh đã trông thấy nàng nhưng vờ như không biết.

Hôm sau Thanh thấy không ai đến cửa hàng cà-phê mình nữa. Nàng lại bắt đầu mở cửa hàng nhưng toàn khách người Tàu. Nàng xách làn đi chợ nhưng không thấy ai đòi đi kèm để xách hộ làn. Nàng đi vòng qua các phố vắng cũng không thấy bóng dáng ai theo dõi.

«Chắc mình đã được họ trả tự do.»

Nhưng còn vì cớ gì, nàng nghĩ mãi vẫn chưa hiểu. Những lúc rỗi, Thanh đi la cà chơi các nhà, đến thăm vợ Hoạt và vợ Việt để cảm ơn công lao giúp đỡ nàng lúc đau yếu.

Nàng đến thăm Xuân trước, thâm ý muốn xem chỗ ở trọ của Ngọc. Đến nơi nàng mới rõ là nhà Xuân nghèo quá. Trong một gian phòng nhỏ có kê hai chiếc giường gỗ trải chiếu rách, một cái lớn chắc để cho vợ chồng Xuân, còn một cái nhỏ, Thanh đoán là giường của Ngọc và tuy Xuân mời nàng ngồi ở giường lớn nhưng nàng cũng cứ ngồi xuống cái giường nhỏ.

«Ngồi chỗ này tốt hơn; em vừa đi nắng nên hoa cả mắt ngồi đây tối cho đỡ chói.»

Trong lúc Xuân xuống bếp đun nước, Thanh nhìn kỹ manh chiếu đã rách nhiều chỗ, nhìn chung quanh giường nhưng nàng không thấy một triệu chứng gì tỏ ra đấy là giường Ngọc nằm.

Bỗng nàng chú ý đến một bức tranh bút chì dán ở vách ngay cạnh giường, vẽ một cái cổng gỗ với một bụi tre lá tạt về một phía và dưới một vầng trăng khuất sau bụi tre, lờ mờ có bóng hai người ngồi trên bực cửa.

Thanh đoán Ngọc vẽ một cảnh trong nước, chắc nơi quê Ngọc và bóng hai người rất có thể là bóng Ngọc cạnh bóng Thuý. Dưới bức tranh có đề bốn câu thơ. Thanh nhẩm đọc :

Đêm trăng thoảng tiếng ai trong gió
Lòng hỏi lòng biết có hay không ?
Hay chăng tiếng vọng mơ mòng
Của lòng mình nói cho lòng mình nghe.

Dưới ký tên thoắng nhưng nàng cũng đoán được chữ «Ngọc». Thanh không ngờ đâu Ngọc lại làm được bài thơ hay như vậy; bức tranh và bài thơ chắc để diễn tả cảnh đêm trăng có gió và hai người tỏ tình yêu với nhau lần đầu tiên. Trong bài thơ chắc Ngọc tả lúc Thuý nói yêu mình và Ngọc không ngờ đâu Thuý lại ngỏ lời trước chàng.

«Hay là cu cậu cóp một bài thơ của một thi sĩ nào trong nước.»

Dầu sao Thanh cũng đọc lại và cố nhẩm cho thuộc hết bài thơ. Khi Ngọc về - nếu có ngày chàng về - một hôm nào tiện, cùng Ngọc ngồi ở cửa sổ trên gác, nàng sẽ đột nhiên ngâm bài thơ ấy lên cho Ngọc nghe. Nàng vẫn nổi tiếng là ngâm thơ hay. Nếu bài thơ ấy Ngọc cóp của ai thì Ngọc sẽ hỏi nàng về tên tác giả. Nếu quả thực

bài thơ ấy do Ngọc nghĩ ra thì chàng sẽ ngạc nhiên hết sức. Nghĩ đến đấy Thanh mỉm cười.

Xuân bưng lên một cái đĩa để hai chén chè Tàu nhưng đĩa và chén đều sứt mẻ. Thanh nẩy ra ý kiến giúp đỡ gia đình Xuân, nhưng nàng loay hoay chưa nghĩ được cách nào để khỏi mích lòng Xuân. Thanh cầm lấy chén nước sứt và uống một cách ngon lành :

«Em đến cám ơn chị đã khó nhọc vì em trong lúc em đau ốm. Chị được mấy cháu ?»

Xuân đáp :

«Tôi có một cháu trai nhưng gửi ở nhà một người bà con trên Côn Minh.»

Thanh ngửng nhìn bức tranh dán ở ván :

«Bức tranh này đẹp quá, chắc là cháu vẽ, lại có cả thơ nữa.»

Nàng lẩm nhẩm đọc rồi nói tiếp theo :

«Cháu mà làm được bài thơ hay như thế này cơ à ?»

Xuân nói :

«Không đấy là thơ và tranh của chú Ngọc.»

«A anh Ngọc, em có biết; thường đến hàng em uống cà-phê.»

Nàng cười nói giọng đùa :

«Ấy hãy còn chịu em năm cốc cà-phê chưa trả.»

«Thế là cô mất toi. Đừng có hòng chú ấy trả. Một xu dính túi cũng không có.»

«Có làm gì việc ấy. Anh Ngọc chắc là em của chị ?»

«Tôi có họ hàng gì với chú ấy đâu. Gọi thế cho thân, vì tôi cũng coi chú ấy như người em. Chú ấy ngoan lắm, chỉ phải cái loăng quăng.»

Thanh cứ muốn hỏi mãi về Ngọc nên tiếp theo :

«Bây giờ anh ấy đâu, chị có biết không ?»

Xuân đáp :

«Lúc nào chú ấy về thì biết là về, đi thì biết là đi, chẳng bao giờ nói với tôi là đi đâu. Vả lại chú ấy đi đi về về luôn nên tôi cũng chẳng để ý đến nữa. Anh em thường gọi đùa chú ấy là «Ngọc châu chấu».»

Thanh mỉm cười :

«Chắc là vì hay nhẩy như châu chấu. A, thế còn anh nhà đâu ?»

Xuân đáp :

«Nhà tôi đương chạy ngược chạy xuôi vay mượn tiền mở một hàng cơm Tây cho bộ đội Mỹ ở sân bay.»

«Thế à, em chắc là nếu mở được thì phát tài lắm. Chị lại nấu ăn khéo; mấy hôm chị lại đằng nhà nấu ăn cho em, em biết. À, này chị, hay là chị em mình công ty. Em có ít vốn sẽ chung phần với anh chị. Cà-phê thì chị không phải lo đã có em phụ trách. Chị có lợi mà nhất là em cũng có lợi. Chị nghĩ sao ?»

Xuân nói :

«Cám ơn cô, để nhà tôi về tôi sẽ bàn. Hàng cơm Tây sống được cũng là nhờ có cà-phê ngon. Tôi dám chắc nhà tôi nhận lời.»

«Chị nhớ cho em biết tin ngay nhé. Vốn liếng lúc nào em cũng sẵn. Chị không biết, ở Côn Minh em cũng đã mở hàng cơm Tây một độ. Lấy tên là Nam Mỹ Tây San Nhất. Tên ấy hay lắm, giá chị dùng đặt cho hiệu mới, em cũng nhường cả tên nữa. Soong chảo, bát đĩa, cùi dìa, phóng sét em có sẵn, không phải sắm cho tốn. Em cũng sẽ vào bộ chỉ huy Mỹ giao thiệp để họ cấp giấy

«In bound». [74] Đấy chị xem, tiếng Anh em nói cũng tàm tạm đủ dùng.»

Thanh đứng dậy, chào Xuân rồi rẽ qua nhà Hoạt, cố ý gặp Phương. Cũng may lúc đến, hai vợ chồng Hoạt đều đi vắng, chỉ có mình Phương ở nhà đương đứng ở cửa sổ, hai tay giơ một chiếc áo len kiểu đàn ông ra ngoài sáng ngắm nghía. Thanh biết ngay là chiếc áo len Phương đan cho Ngọc theo lời Ngọc đã nói với nàng. Thấy có khách vào, Phương vội vàng cuộn tròn chiếc áo lại rồi hỏi :

«Ai đấy ?»

Thanh đáp :

«Thưa cô, ông bà Hoạt có nhà không ?»

Phương nhìn Thanh đi vào nhưng không nhận ra được Thanh vì nàng ít khi ra phố ngoài và nhất là đi về phía cà-phê Thanh Hương. Tuy đã để ý đến Phương nhưng nhìn gần, Thanh mới nhận thấy Phương đẹp. Nước da nàng trắng, hai gò má hồng tự nhiên và đôi mắt trong; Thanh thấy na ná như hai mắt một con thỏ con, ngây

---

74 Các tiệm ăn uống ở Trung Hoa muốn binh lính Mỹ vào ăn phải đủ điều kiện vệ sinh và được cấp một tờ giấy có chữ «In bound» dán ngoài cửa

thơ, hiền lành. Phương mỉm cười, một nụ cười rất có duyên, rồi đáp lại lời Thanh hỏi, giọng dịu dàng và rất lễ phép.

«Thưa cô, anh chị tôi đi vắng. Thưa cô, có việc gì gấp không và cô là ai để anh chị tôi về tôi sẽ nói lại. Mời cô ngồi chơi xơi nước.»

Rồi nàng khẽ gọi người nhà, để lộ hai hàm răng trắng nhỏ đều đặn :

«Lương ơi, pha nước.»

Đợi cho Thanh ngồi rồi, nàng mới ngồi ghé xuống một chiếc ghế đệm, tay vẫn cầm mân mê như âu yếm chiếc áo len cuộn tròn. Trên bàn có để một cái kéo, Thanh đoán chắc Phương đến bây giờ mới đan xong áo vì cái kéo kia chắc để cắt những mẩu len nham nhở. Thanh đáp :

«Tôi là Thanh chủ tiệm cà-phê ở Cổng Bắc. Hôm nọ vì tôi yếu, bà Hoạt có lại thăm nom săn sóc; nay tôi đã đỡ nên ghé qua để cám ơn. Chẳng may lại không được gặp. Cô chắc là em ông Hoạt ?»

«Vâng ạ.»

Thanh nghĩ thầm : một thiếu nữ xinh đẹp hiền hậu như thế này, Ngọc mê là phải. Trước mặt mình, Ngọc chỉ vờ làm bộ không để ý đến Phương. Nàng đoán Ngọc sống một đời vất vả nay đây mai đó, khi về chắc hẳn chỉ mong có một người vợ xinh đẹp, dịu hiền để săn sóc chiều chuộng mình. Ngọc trước sau rồi cũng lấy Phương. Thanh nhìn Phương nửa thương hại nửa ghen tức. Bỗng tự nhiên mắt Thanh mờ hẳn đi và quả tim nàng như quay lộn một vòng; nàng chợt nghĩ đến cái đêm Ngọc kể tâm sự chàng yêu Thuý cho mình nghe. Nếu Ngọc hơi có chút tình ý gì với nàng thì không bao giờ lại kể chuyện tâm sự riêng một cách tự nhiên như vậy; Ngọc chỉ coi nàng như một người bạn. Đấy là Thanh quá lạc quan, chứ có lẽ Ngọc chỉ coi nàng như một nữ cán bộ Việt Minh, là một kẻ thù; Ngọc kể chuyện Thuý chỉ cốt để mua chuộc lòng nàng.

Thanh không thể chối cãi được rằng Ngọc đối với nàng có một thứ gì khác biệt; nhưng những tay cách mệnh nhiều mánh khoé giả dối, tin sao được. Lừa lọc, dối trá, mưu mẹo, tàn ác, ai cũng vậy, một khi đã bị cái «guồng máy» nó lôi cuốn. Chính nàng đã nói đến cái «guồng máy» với Ngọc và chính nàng cũng bị nó lôi kéo, muốn thoát cũng không sao thoát ra được.

Những ý nghĩ phân vân ấy quay cuồng trong tâm trí nàng, khiến nàng ngồi yên. Phương tưởng Thanh có việc gì quan trọng, không gặp anh chị mình nên ngồi thừ ra vì thất vọng. Phương nói :

«Hay là cô ngồi chơi, đợi một lát anh chị tôi về.»

Thanh và Phương ngồi đối diện thong thả uống nước, nói những câu xã giao thông thường. Dần dà nàng khen áo của Phương đẹp, màu áo len Phương nhã, rất hợp với màu da trắng của nàng.

«Màu áo len cô cầm ở tay cũng nhã lắm. Cô mua ở đâu thế ? Mông Tự làm gì có bán thứ len này.»

Phương đáp :

«Tôi phải nhờ một người bạn ở Côn Minh mua. Trong lúc chiến tranh khó kiếm len lắm.»

Thanh giơ tay định cầm chiếc áo len :

«Len đẹp thật. Cô đan lấy đấy à ? Khéo quá. Cô cho tôi xem thử, nếu tiện tôi nhờ cô gửi mua hộ len.»

Phương đặt cuộn áo len ra xa, khỏi tầm với của Thanh rồi nói :

«Đây là áo tôi đan cho anh Hoạt tôi.»

Câu chuyện trở dần thành thân mật. Thanh hỏi :

«Trông cô trẻ quá. Hình như đã có lần tôi gặp cô ở phố. Nhưng trông gần mới thấy cô còn trẻ quá, chắc cô độ mười sáu mười bảy.»

«Không, năm nay tôi vừa chẵn hai mươi.»

«Thế là cô kém tôi mấy tuổi. Nhưng trông cô trẻ hơn nhiều.»

Thanh rút bao thuốc thơm mời Phương :

«Cô xơi một điếu.»

«Tôi không biết hút, cám ơn cô.»

Thanh nói :

«Thỉnh thoảng hút một điếu cho thơm miệng. Tôi cũng mới tập hút được vài tháng nay. Tuy chiến tranh nhưng có tụi lính Mỹ nên thuốc lá rẻ lắm. Bao thuốc Lucky Strike này tôi mua lại của một người quen. Ông ta chuyên môn đổi các thứ hàng cho những anh lính Mỹ không biết hút hay hút ít, không hết số chính phủ Mỹ phát cho.»

Nàng giở giọng đùa bỡn :

«Bao giờ thì cô định lập gia đình để tôi đến ăn mừng. Cô thì thiếu gì đám.»

Phương trở nên bạo dạn, nói :

«Cô ăn mừng tôi cái gì nào ? Tôi cũng đã có đám nhưng anh chị tôi bảo phải đợi hết năm nay. Hình như có một cái tang bên họ xa, ai tôi cũng không biết nữa.»

Phương vừa nói vừa cười, bàn tay vô tình đặt lên chiếc áo len cạnh ghế.

Thanh đứng lên :

«Để lần khác vậy. Đợi mãi không thấy hai ông bà về. Cô nói giùm tôi có đến chơi nhưng không gặp. Hôm nào thong thả mời cô lại chơi đằng nhà. Vườn nhà tôi có mấy cây lựu quả ngọt lắm. Thôi chào cô.»

Thanh bước vội ra đường :

«Thế là hết hy vọng ! Sao đời mình lúc nào cũng khổ thế này.»

Tới chỗ vắng người, nàng lấy khăn mùi-xoa cầm sẵn ở trong tay, để mặc nước mắt dàn dụa trên má. Nàng nấc lên mấy tiếng rồi nhìn những ngọn núi xa xa mà nàng đoán về phía Văn Sơn, thầm gọi :

«Anh Ngọc, Ngọc của em.»

Thanh trở về nhà, ra ngay vườn sau, hái luôn quả lựu lớn, trước định bụng để dành Ngọc rồi mím môi bẻ tách ra ăn luôn; các hột lựu thật lớn, nước mọng lên cắn vào ngọt thơm và mát ruột nhưng nàng vừa nhai ngấu nghiến vừa ứa nước mắt khóc nức nở.

Chương mười

Sáng hôm ấy, Ngọc đánh thức Nghệ dậy rồi bảo chủ quán làm trứng vịt tráng cho ba người ăn lót dạ. Chàng bảo Nghệ quãng đường từ đây về Ma-Lì-Pố khá dài, cần phải đi từ lúc tờ mờ sáng. Ba người lại qua cái suối mà chiều hôm trước Ngọc đã ngồi với Tứ nói chuyện. Ngọc bảo Nghệ :

«Anh coi những tảng đá này có đẹp không ? Nhưng anh thì để ý gì đến cảnh đẹp; lúc nào cũng chúi mũi vào sách nghiên cứu; xem sách làm quái gì chỉ thêm nát óc. Đường từ đây về Ma-Lì-Pố có nhiều phong cảnh đẹp lắm; đường lên cao nên rất mát, không như hôm qua; có lắm chỗ có những rừng thông đẹp vô kể. Lại có một chỗ, em không hiểu là mỏ gì họ đào lên chất thành đống cao. Nghe người ta nói đấy là chỗ ngày trước khai quặng chất… chất gì em cũng chẳng nhớ, chỉ biết là chất ấy cho vào sắt thì sắt cứng hơn nhiều.»

Nghệ nói :

«Tôi đoán có lẽ đó là mỏ wolfram. Để đến nơi, tôi sẽ biết.»

Ngọc khen :

«Anh chuyên môn đủ thứ. Còn em thì mù tịt. Nhưng anh không bằng em ở một chỗ. Anh có thấy người Đức và người Nhật không ?»

Nghệ nhìn Ngọc :

«Đức với Nhật làm sao ?»

«Anh Nghệ này, anh xem như người Đức, họ thượng võ như thế nhưng những tay âm nhạc giỏi phần nhiều là người Đức. Lúc còn ở trong nước em có một người làm kiến trúc sư quen. Ông bạn đó, một hôm em đến chơi, có chỉ cho em mấy kiểu nhà của người Đức. Em chẳng hiểu gì nhưng người bạn em bảo họ thượng võ thế mà họ rất nhiều cảm tình, nhà ở của họ, họ săn sóc chăm chú hơn mình nhiều, không những đẹp mà lại có vẻ đầm ấm, không lộ trơ trơ ra như nhà tụi Pháp; muốn vào nhà họ phải đi vòng qua vườn rồi mới tới nơi, cũng như các chùa làng ta, có bao giờ đi thẳng vào chùa đâu, qua cổng phải đi theo những con đường gạch bát tràng quanh co, bên cạnh có trồng hồng rồi mới tới cửa ngách vào sân chùa. Người Nhật cũng vậy; ở trong nước có một người đi liên lạc sang Nhật, ngồi trên chiếc tàu bay quân sự chở toàn võ quan Nhật, người ấy thấy có dán mấy bài thơ Đường, mà như thế giữa lúc đánh nhau dữ dội với quân Mỹ. Em thì em cũng bắt chước họ, mọi việc nghiên cứu, các vấn đề chính trị em chẳng hiểu

gì nhưng em thích cuộc đời đưa đón các anh em, rồi qua bao nhiêu nơi phong cảnh đẹp, tội gì không hưởng. Cách mệnh thành công em sẽ về làng, lấy một cô vợ nhà quê xinh xinh, sống một đời yên ổn. Em chỉ mong mỏi thế thôi, còn công việc lớn lao đã có anh Ninh với hai anh.»

Trong mắt Nghệ, Ngọc thấy thoáng qua rất nhẹ một tia nghi ngờ. Ngọc xoay câu chuyện về việc khác. Chàng reo lên :

«Sắp đến một cái suối rất trong có nhiều rau cải soong lắm.»

Tứ hỏi luôn :

«Đâu ? Đâu ?»

«Thong thả anh, đi một thôi đường nữa.»

Mười giờ sáng, trời nắng gắt, mọi người đều khát khô cổ thì vừa đến suối.

Ngọc nói :

«Đi xuống đây độ một quãng là tới suối.»

Một dòng nước rất trong, rộng độ hai thước, chẩy trên cát trắng. Nghệ và Tứ lấy bi-đông cho nước vào

đầy rồi tu một hơi cạn. Ngọc vì bi-đông mắc đựng nước cốt cà-phê nên nằm trên bờ cỏ xanh vục mặt xuống suối húp nước… Tuy nắng to nhưng vì nước chẩy nên mát lắm; chàng vừa uống vừa nhìn ánh mặt trời loang loáng sáng lăn tăn trên gợn nước, khi tan đi khi lại hiện ra. Chàng nhớ đến câu thơ vịnh con hổ uống nước :

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan

Ngọc lại nghĩ đến Thanh và sẽ làm cho Thanh thật khát nước trước khi đến suối này rồi hai người cùng vục xuống và cùng uống trên một dòng nước. Chàng lại nhớ đến câu cuối cùng của bài thơ dịch bài «Chàng tại tương giang đầu» trong Kinh Thi :

Sông Tương chàng ở đầu sông

Xa chàng thiếp ở cuối dòng, chàng ơi !

Dẫu rằng khuất mặt, nhớ người

Đôi lòng cùng uống nước xuôi một dòng.

Ngọc mỉm cười tự bảo :

«Phải đổi đi mới được.»

Chàng loay hoay nghĩ rồi nhẩm đọc :

Suối rừng một dải nước trong,
Thanh đầu suối, Ngọc cuối dòng, Thanh ơi !
Hai ta người sát cạnh người
Đôi lòng cùng uống nước xuôi một dòng.

Ngâm xong Ngọc tự phục mình là đổi ngay được ra những câu hay và hợp cảnh đến thế. Thấy Tứ và Nghệ tu hết bi-đông lại lấy đầy nước, chàng cười bảo :

«Các anh lấy nước làm gì đeo cho nặng người. Độ một giờ nữa thì đã đến quán ăn cơm trưa rồi. Bây giờ ta đi ngược dòng suối kiếm thật nhiều cải soong cho vào đầy bi-đông hai anh, lát nữa ăn cơm sẽ có một đĩa sà lách ngon cho đỡ ngán vì cơm Tàu béo quá. Chắc các anh đã biết người Tàu không bao giờ ăn rau sống; chỉ nơi nào có người Mỹ, người Pháp họ mới biết ăn.»

Đến một chỗ lòng suối phẳng, nước chảy nhẹ, mặt nước đầy rau cải soong, Ngọc và Tứ rối rít vớt rau lên. Rửa sạch lá rồi nhét vào bi-đông. Thấy Nghệ chỉ đưa bi-đông cho hai người chứ không tha thiết với ra, Ngọc nói :

«Anh Nghệ cần ăn rau cải soong nhất. Anh da vàng thế kia tất là đau gan và cải soong là thứ chữa gan hiệu nghiệm nhất. Anh chỉ nghĩ những chuyện đâu đâu, không chịu cùng anh em chia sẻ công việc.»

Nghệ lạnh lùng nói :

«Tôi có việc khác. Cần nói chuyện với anh.»

Ngọc nói :

«Đến Ma-Lì-Pố thiếu gì lúc.»

Tuy nói vậy nhưng Ngọc hơi lo không biết Nghệ định nói chuyện gì ? Trông vẻ mặt lạnh lùng của Nghệ, chàng vừa sợ vừa tức Nghệ. Chàng bảo Tứ :

«Thôi để tôi với anh rửa rau cũng được rồi. Anh Nghệ chắc đương có việc khó nghĩ thì để anh ấy nghĩ, bây giờ chúng mình tôn anh Nghệ làm quân sư. Về nước anh ấy bảo phải làm gì tôi với anh chỉ việc nghe theo. Như thế lại nhẹ người. Chắc lúc sắp đi anh Ninh đã giao phó cho anh Nghệ một nhiệm vụ nặng nề khó khăn. Công tác của anh ra sao, anh nói cho tôi nghe, may ra giúp đỡ anh được phần nào chăng.»

Nghệ nói giọng nghiêm trang, hơi có ý gắt :

«Tôi không phải nói anh nghe. Anh hẳn đã biết lối làm việc của Ninh. Anh cứ đòi nghe, nếu việc hỏng vì tính láu táu của anh thì kỷ luật của Đảng thế nào chắc anh biết. Anh giữ việc đưa chúng tôi về nước thì anh chỉ biết có công việc anh Ninh đã giao phó cho anh. Còn

cái việc đau gan hay các anh thích nghịch nước, thích ăn cải soong là việc phụ. Anh không lo bổn phận mình chỉ nghĩ đến đùa nghịch cho sướng thân, tôi nói thẳng với đồng chí là đồng chí không hết lòng. Khi trở lại Mông Tự tôi sẽ báo cáo với đồng chí Ninh để tuỳ đồng chí Ninh định liệu. Nhưng dù sao cả hai anh đều không theo đúng tinh thần cách mệnh. Các anh cứ giận tôi thì cứ giận, việc tôi phải nói tôi cứ phải nói.»

Hai bi-đông đã đầy rau, Ngọc và Tứ yên lặng không ai dám cãi lại Nghệ. Ngọc quàng túi vải lên vai :

«Xin mời hai anh đi cho khỏi chậm trễ.»

Gần mười hai giờ trưa thì ba người đến một quán cơm ở Niu-Dương gần ngay chợ. Lại có một cô trông khá xinh người Quảng Đông đon đả ra chào mời Ngọc. Ngọc thấy Nghệ hơi bĩu môi còn Tứ thì vui vẻ bảo Ngọc:

«Chú này khá đấy. Số đào hoa. Chẳng trách thích đi liên lạc. Ta lại chén một bữa, chú nhé ?»

Ngọc nhìn Nghệ bảo Tứ :

«Thôi trưa hôm nay không cho anh uống nữa. Sợ lại như trưa hôm qua thì phiền cho cả anh Nghệ cả tôi.»

«Không sợ mà, uống xong ta làm một đĩa lớn cải

soong trộn dầu lạc với dấm thì dã rượu ngay. Lo gì ! Anh Nghệ chính vì trước kia uống nhiều rượu quá nên mới đau gan, da mới vàng như nghệ.»

Tứ cười để lộ cả hai hàm răng vổ, sắn tay áo nâng chén rượu nhấp thử rồi khà một tiếng khoan khoái :

«Rượu cũng khá đấy.»

Thấy cô hàng bưng lên một đĩa xào bốc hơi nghi ngút, cái yết hầu của Tứ lại đưa lên đưa xuống.

Nghệ ăn cũng ngon lành xong vẫn nói, đá giọng mỉa mai :

«Làm cách mệnh kiểu anh Ngọc thì ai cũng muốn làm. Vào hàng quán nào cũng có các cô con gái xinh đẹp mà đồ ăn lại làm khéo tay. Những lúc đi một mình không vội vã, anh Ngọc từ Văn Sơn tới Ma-Lì-Pố chắc phải mất bốn ngày. Ngủ lại hai trạm cơm hôm qua và hôm nay để «công tác đặc biệt» lúc ban đêm.»

Nghệ nói mà không cười. Bây giờ Ngọc mới nhận ra từ lúc gặp Nghệ đến giờ chưa bao giờ thấy Nghệ cười cả, hoạ chăng chỉ hơi nhích mép mỉm cười một cách đáng ghét. Ngọc vui vẻ nghĩ thầm :

«Một anh chàng như thế này mà mình lại có lần nghi là tình nhân của Thanh. Thực vô lý.»

Ngọc tính nhẩm từ lúc đi đến giờ đã được mười ngày: một ngày đi Khai Viễn, một ngày đi Văn Sơn, ở lại Văn Sơn vì cầu ngập và nước lụt mất sáu hôm, từ Văn Sơn đi Ma-Lì-Pố mất hai hôm. Nếu mai làm xong việc trở về cũng mất năm hôm nữa, ấy là về Văn Sơn có xe Mỹ đi ngay. Tất cả gần nửa tháng.

Chàng nhắc cốc rượu lên nhắp một ngụm nhỏ rồi mỉm cười nghĩ thầm :

«Hiện giờ chắc Thanh còn ốm thương hàn, lẫn sốt rét ngã nước và biết đâu không ốm tương tư. Tương tư mình chứ không phải anh chàng vàng như Nghệ. Thanh chắc từ nay cả đời sợ ruốc.»

Năm giờ chiều hôm ấy ba người tới công tác trạm Ma-Lì-Pố. Ngọc giới thiệu Nghệ và Tứ với Tính, trạm trưởng và Hân người phụ việc Tính, nhưng chỉ nói là đưa hai đồng chí này về nước hoạt động, hai tháng sau sẽ lại trở sang và dặn khi hai anh ấy trở về Ma-Lì-Pố cần tiếp đãi ân cần; Ngọc lại sẽ về Ma-Lì-Pố đưa hai anh ấy lên Côn Minh để báo cáo với anh Ninh. Hân tỏ vẻ vui mừng ra mặt và chạy ngay xuống bếp để nấu cơm.

Trong lúc đợi cơm, Ngọc ra đảng bộ Ma-Lì-Pố trình giấy má và đánh điện thoại về Văn Sơn để Nam báo về Mông Tự cho Ninh rõ là ba người đã tới Ma-Lì-Pố bình an vô sự. Chính vì nhận được tin này, Ninh mới ra lệnh cho anh em không phải canh gác nhà Thanh nữa. Ninh cũng được biết rõ là Tứ và Nghệ ở Văn Sơn cũng như ở Ma-Lì-Pố đi đâu cũng đi với người của Việt Quốc; Thanh được hoàn toàn vô can và Tứ, Nghệ không liên lạc được với cộng sản Tàu hay không có người cộng sản Tàu nào để liên lạc. Lúc đó Ninh mới nhận ra là Ngọc đã xét đúng về Thanh; chàng chỉ còn lo rằng Ngọc chưa hạ thủ được Tứ và Nghệ.

Ở đảng bộ về, Ngọc hỏi nhỏ đồng chí Tính mới biết là Nghệ và Tứ không đi đâu cả. Chàng yên tâm và muốn cho Tính khỏi nghi ngờ, chàng giải thích :

«Vì tôi đem giấy các anh ấy ra trình đảng bộ sợ hai đồng chí lớ ngớ ngoài thành phố, họ bắt, mình lại phải can thiệp.»

Thấy Ngọc về, Nghệ nói :

«Anh với tôi ra phố. Tôi có chuyện riêng muốn nói với anh.»

Ngọc đưa Nghệ lên đỉnh một quả đồi, ngay phía sau công tác trạm, hai người ngồi xuống bãi cỏ. Ngọc yên lặng chờ đợi Nghệ nói trước :

«Tôi muốn hỏi anh kỹ về đường lối qua biên giới sang Thanh Thuỷ.»

Ngọc đáp :

«Lối chính thì rộng mà dễ đi nhưng phải qua một cái cầu sắt. Ngay bên kia sông có một cái lô cốt của Pháp, đầu cầu lính canh nghiêm ngặt lắm. Cố nhiên là không thể đi đường ấy được.»

«Thế còn đường khác ?»

Ngọc nghĩ thật mau :

«Nếu nói cho Nghệ biết đường thì Nghệ và Tứ có thể về nước không cần đến mình đưa. Việc Ninh giao phó mình không thể làm xong.»

Chàng cất tiếng bảo Nghệ :

«Đường khác phải đi qua rừng, lối nhỏ và ngoắt ngoéo lắm, lại phải qua một con sông nước chẩy xiết, có mảng tre chở sang. Đấy là đường đi buôn lậu. Nếu tôi không cùng các anh đi thì tụi họ không chịu chở. Thế này nhé, mai chúng mình đi, độ một giờ trưa thì tới một nhà tôi

quen cách sông độ hai ba cây số. Chúng mình ngủ đêm ở đấy. Tôi sẽ đi giao thiệp với tụi buôn lậu rồi nội ngày kia thì sang. Cố nhiên là chúng mình phải ăn mặc quần áo Thổ. Nếu cần thì tôi sẽ sang trước xem xét tình hình rồi tôi lại trở sang đón hai anh. Đi thoát được biên giới là việc tạm gọi xong.»

Ngọc căn dặn Nghệ đủ điều cần phải làm một khi tới được nhà đồng chí Phổ. Thâm ý của Ngọc là để giấu kín việc làm của chàng một khi đi khỏi Ma-Lì-Pố độ mười cây số. Chàng nói mãi về những việc cần phải làm sau «khi đó». Bỗng Ngọc nẩy ra một ý kiến : cứu riêng mình Tứ. Chàng tưởng tượng lúc Tứ yên lành về tới Tuyên Quang, nỗi vui mừng của đôi vợ chồng yêu nhau mấy năm xa cách và hai đứa bé mà chàng đoán là khấu khỉnh được thấy lại mặt cha; biết đâu lại không có bà mẹ già mong ngóng đợi con về. Ngọc không hiểu vì cớ gì Tứ lại trốn sang Tàu làm cách mệnh. Bất giác chàng nhớ lại câu trong một vở kịch Pháp mà chàng đã quên tên :

«Qu»est ce que je viens faire dans cette galère» [75].

Chàng thốt ra :

«Hay là…»

75 Không biết mình xuống cái thuyền này làm gì ?

Ý chàng định bảo Nghệ rằng, cả ba người đi sợ lộ quá, có lẽ để Nghệ đi trước, chàng quay lại đón Tứ sau. Chàng sẽ thủ tiêu Nghệ một việc chàng cho là cần, còn Tứ đi chuyến sau, chàng sẽ để Tứ yên ổn về nước gặp vợ con. Nhưng Ngọc ngừng lại. Lệnh của Hải ngoại Bộ, của Ninh là phải thủ tiêu cả hai người, chàng phải tuân theo. Một lần nữa chàng đã bị «cái guồng máy» nó lôi cuốn. Ngọc yên lặng suy nghĩ và thoáng nghĩ đến Thanh, mừng cho nàng đã từ chối không chịu gia nhập hàng ngũ.

Trong lúc đó thì Nghệ cũng suy nghĩ. Nếu chàng thủ tiêu Ngọc ở dọc đường (chàng đoán đường sẽ xuyên qua nhiều khu rừng vắng, chỉ một phát súng vào đầu hay lưng bên trái là xong đời Ngọc) nhưng nếu giết Ngọc thì không biết được con đường buôn lậu và chỗ bến sông có mảng để sang Thanh Thuỷ.

Chàng tính nhẩm có lẽ đến nhà người Thổ, chàng sẽ lấy cớ tiễn Ngọc ra bến sông rồi sẽ lấy súng đập vào đầu Ngọc; chàng sẽ đem giấu theo con dao thái thịt của người Thổ để cắt cổ Ngọc nhân lúc Ngọc thiếp đi hoặc con dao bổ củi đập mấy cái vào đầu Ngọc cho đến khi chết hẳn. Nghệ đã để ý từ lâu rằng Ninh chỉ giao súng cho chàng và Tứ còn Ngọc hoàn toàn không mang võ khí nào chỉ trừ có con dao díp nhỏ thỉnh thoảng Ngọc

vẫn lấy ra để cắt móng tay.

«Chắc là Ninh đã không nghi ngờ gì ta. Nam và hai người giữ công tác trạm này hoàn toàn coi ta như đồng chí. Họ có vẻ tự nhiên lắm. Nếu có ý gì thì mình thấy ngay. Nhưng còn Ngọc ?»

Nghệ liếc nhìn Ngọc một cái hỏi :

«Hay là gì cơ anh ?»

Ngọc đáp :

«Hay là để anh Tứ sang Thanh Thuỷ trước. Nếu có biến thì người Thổ báo tôi biết ngay, anh sẽ ở lại bên này sông hoặc trở về Ma-Lì-Pố đợi cho tình thế yên đã. Họ tóm được anh theo ý tôi, nguy hại cho công việc của Đảng hơn là anh Tứ. Anh Tứ chỉ là một tay cách mệnh tài tử.»

Ngọc cười rồi tiếp theo :

«Cũng như tôi ấy mà. Đấy, tuỳ anh định liệu.»

«Để tôi nghĩ cẩn thận đã. Ý kiến anh có thể là một ý kiến hay.»

Rồi Nghệ đổi ra giọng nghiêm trang :

«Tôi không muốn phê bình đồng chí trước mặt người khác, nhưng đồng chí đã phê bình anh Tứ và tự phê bình mình rất đúng. Tôi mong đồng chí từ nay tập dần cho thành một cán bộ khá hơn của Đảng. Tôi thấy đồng chí coi công việc giải phóng đất nước như một trò đùa. Nếu đồng chí đổi được cái tính bông lông, thích gái đẹp, chỉ nghĩ đến ăn ngon, lại tập tành uống rượu thì lần sau tôi sẽ nói với anh Ninh phái đồng chí về nước, mà lần sau đồng chí đi với tôi, giúp đỡ tôi hoạt động ở Hà Giang. Tôi tin ở đồng chí.»

Ngọc đứng dậy :

«Xin cảm ơn anh. Em cố sửa đổi dần. Anh Ninh cũng nhiều lần khiển trách em và vì thế chỉ giao cho em công việc đưa đón, liên lạc. Thực ra em cũng muốn anh Ninh giao phó cho những việc quan trọng hơn. Em cũng sẽ bắt chước anh chịu khó tập nghiên cứu. Hai tháng nữa anh trở sang nếu quả thật em khá hơn, thì nhờ anh nói với anh Ninh hộ. Thôi bây giờ chắc cơm đã chín, mời anh về xơi kẻo đói. Em đã để ý dặn Tính tránh mỡ, trứng, những thứ gì dễ làm anh đau gan. Anh mà ốm lúc này thì thật là một việc không may.»

Nghệ cũng đứng lên đưa tay bắt tay Ngọc :

«Tôi tin ở đồng chí. Đồng chí phải cố gắng.»

Ngọc chớp mắt thật mau tỏ vẻ cảm động.

Ở nhà, Hân đã dọn cơm chờ. Hân gần sáu mươi tuổi, nước da hồng hào và tóc bạc phơ. Hân không hiểu gì về công việc hoạt động, chỉ có mỗi một lòng yêu nước và thích săn sóc các đồng chí, coi họ như con mình; công việc nặng nhọc đến đâu cũng không từ chối, vui vẻ nhận lấy làm. Hân chỉ mong có nhiều người qua lại công tác trạm.

Bữa chiều hôm ấy chỉ có cơm gạo đỏ ăn với ít rau. Ngọc biết Tứ khó chịu nên ăn có một bát cơm nhưng không dám nói ra. Ăn xong, dưới ngọn đèn dầu lù mù, Nghệ ngồi đọc sách với Tính. Hân ra sau nhà rửa bát đũa. Ngọc bảo Tứ :

«Tôi với anh ra xem qua phố xá cho biết.»

Ngọc rủ Tứ vào một hàng ăn. Ăn hết hai bát phở Quảng Đông, Tứ vẫn còn thòm thèm.

Ngọc ghé vào tai Tứ nói thì thầm :

«Anh có thích cái số kia không ?»

Chàng làm hiệu nắm tay đưa lên miệng. Tứ hỏi :

«Ở đây có cái số ấy cơ à ?»

«Anh cứ tin em. Trước em đã ở công tác trạm này hơn ba tháng. Thổ công là thằng em đây. Em không biết hút nhưng em muốn anh làm vài điếu để mai đi đường cho khoẻ. Em thấy anh đi không quen, em lo lắm. Anh Ninh đã giao em tiền, em xin trả vì mai kia về nước anh cần tiền hơn em để dễ bề đi lại.»

Lúc hút say lơ mơ, Tứ cao hứng kể lể với Ngọc về chuyện gia đình mình và cả về mối tình êm đẹp của chàng với Nga vợ chàng.

Tứ là con một thương gia rất giầu. Nhà Tứ cạnh nhà ông Án ở Tuyên Quang thân sinh ra Nga. Hai nhà chỉ cách có một bức tường thấp trên có chắn song sắt, vì vậy Tứ ngồi ở buồng mình ngày ngày được thấy Nga qua lại vườn bên kia. Dần dà hai người để ý đến nhau rồi yêu nhau; đêm đêm thường hẹn nhau ở cạnh tường hoặc nói chuyện hoặc trao đổi thư từ. Vì chắn song thưa, hai người tuy không gần nhau được nhưng vẫn có thể cầm lấy tay nhau và trao hôn. Bà thân sinh ra Tứ cũng muốn con mình làm rể ông Án để mong ông này cất nhắc kiếm cho việc làm, nhưng ông bà Án khư khư từ chối vì Tứ học hành dở dang, ngồi nhà không chịu làm gì ngay cả đến việc giúp đỡ buôn bán cho cha mẹ nữa. Về sau vì đôi trai gái yêu nhau quá nên một đêm Tứ trèo qua tường chắn song sắt, Nga có thai được một tháng,

sợ hại đến gia thanh nên ông bà Án phải bằng lòng cho cưới. Hai vợ chồng rất đỗi yêu mến nhau. Nga lại giỏi nấu ăn nên thường làm những món ăn đặc biệt cho Tứ, món Tàu cũng như món Tây. Nga lại mua cho chồng mai quế lộ, rượu vang, sâm banh. Tứ bắt đầu uống rượu từ dạo ấy, uống nhưng chưa nghiện hẳn.

Về sau nhà Tứ buôn bán thua lỗ không giầu như trước nhưng vẫn còn đủ chi dùng. Các con ông Án, con trai và con rể, người thì làm tham tá, người tri huyện, ngày giỗ tết lên Tuyên Quang thường hay gặp Tứ và tỏ vẻ khinh thị chê bai. Người con gái lớn chồng làm tri huyện, vốn không ưa gì Nga và rất ghét Tứ nên nói bóng gió mỉa mai. Đã có lần tức quá không chịu được, chàng chỉ sang lễ rồi cáo đau trở về nhà ngồi yên lặng đến nửa giờ. Bỗng chàng thản nhiên nói một mình :

«Ta sẽ làm cho họ biết tay ta là người thế nào.»

Nhưng Tứ chỉ nghĩ thế thôi chứ chưa tìm được cách gì. Rồi một hôm chàng gặp một cán bộ Việt Minh. Chàng được huấn luyện song chàng cũng không có tài cán gì để trở thành cán bộ giỏi. Được tin Pháp thua Đức và Nhật sắp sang Việt Nam, Tứ thấy đó là một cơ hội để trả thù anh em bên nhà vợ mình là những người đã dựa vào thế lực Pháp, nịnh hót Pháp mới lên được những địa vị ấy.

Tỉnh đảng bộ Việt Minh ở Tuyên Quang ngỏ ý muốn cho Tứ sang Tàu, Tứ nhận lời liền. Về nhà, đêm khuya chàng nói sự thực với Nga. Nga khóc lóc nhưng cũng đành phải để chồng đi. Tứ nói với vợ thu xếp cho ít tiền để sinh sống bên Vân Nam. Một nửa Tứ ủng hộ Việt Minh một nửa Tứ đem đi. Chàng vốn là con một thương gia có tiếng, vẫn giao dịch với Pháp, nên việc chàng sang đất Tàu là một việc rất tự nhiên. Chàng đi Lao Kay rồi xin giấy phép sang Vân Nam du lịch. Việt Minh đón chàng ở Côn Minh và ra chỉ thị cho chàng bảo chàng đi đâu cũng nói là bất mãn với Pháp muốn gia nhập hàng ngũ cách mệnh.

Chàng ở lại Côn Minh gia nhập Việt Quốc và liên lạc ngầm với Việt Minh. Sự thực thì Việt Minh cũng không để chàng hoạt động gì, nửa vì sợ lộ, nửa vì Tứ không có tài cán gì chỉ thích sống một đời xa hoa. Chính vì vậy nên Việt Minh chắc Ninh không bao giờ nghi Tứ và sai Tứ đi với Nghệ chỉ cốt để gây thêm lòng tin của Ninh.

Lúc Tứ say thuốc chuyện trò với Ngọc, cố nhiên là Tứ không nói rõ là mình gia nhập Việt Minh. Chàng bảo Ngọc :

«Nói thật với chú, khi về được nhà thấy mặt vợ con, nếu yên ổn thì tôi trở lại sống cuộc đời bình thường cũ. Tôi không phản cách mệnh đâu, chú cứ tin như thế,

nhưng tôi chán đời cách mệnh lắm rồi. Nếu cách anh thành công, tụi anh em bên nhà vợ tôi sẽ hết bắng nhắng, đó là điều tôi mơ ước hơn hết.»

Ngọc nói với Tứ :

«Sắp được về, làm thêm một điếu nữa ăn mừng chứ anh ?»

Nghe giọng thành thực và xét các cử chỉ của Tứ trong chín hôm, Ngọc tin là Tứ không nói gạt chàng. Ngọc nhìn Tứ thở khói, chiêu một ngụm nước nóng, ngẫm nghĩ :

«Lại một anh chàng bị guồng máy lôi cuốn. Định thoát ra nhưng có thoát được không ?»

Ngọc lại nghĩ đến chính đời mình và nghĩ đến Thanh. Thanh không muốn vào guồng máy còn chàng tuy đã bị guồng máy lôi kéo, nhưng chàng sẽ hết sức hoạt động đến cùng; cho dẫu guồng máy có kẹp nát nhừ người chàng ra, chàng cũng vui vẻ can đảm mà chịu, không hối hận, không ăn năn, không oán trách những người đã đẩy chàng vào guồng máy và cũng không oán trách mình, tự cho mình là lầm lỡ.

Hơn mười giờ đêm Ngọc và Tứ mới trở về nhà. Nghệ và Tính vẫn còn chong đèn đọc sách. Ngọc đã dặn kỹ

Tứ để hai người nói giống nhau về cuộc đi chơi kéo khá dài cho Nghệ khỏi trách móc. Chàng bảo Tứ đi nằm sợ Tứ không quen nên mệt rồi nói trống không :

«Gặp anh bạn Tàu cũ, anh ta cứ khẩn khoản mời ngồi chơi, đứng dậy không được. Người Tàu họ ăn khoẻ thật, ai lại chín giờ tối cũng cố níu mình lại ăn «síu dề».»

153. Nhất Linh (6) - Giòng Sông Thanh Thủy

(Chương 11, 12, 13)

Chương mười một

Sáng hôm sau, Tính về báo cho Ngọc biết là có sự di chuyển bộ đội Tàu từ Ma-Lì-Pố về biên giới và từ biên giới về Ma-Lì-Pố. Như vậy công việc của Ngọc sẽ khó khăn. Ngẫm nghĩ một lát, Ngọc báo cho Nghệ và Tứ biết tin đó.

«Theo ý tôi, chúng ta nên hoãn lại một ngày vì một là bọn buôn lậu e ngại không dám rục rịch, hai là trong bọn quân Tàu ở biên giới có rất nhiều lính Tàu bị bọn Pháp mua chuộc. Giữa đường, chúng mình ăn mặc quần áo quân nhân Tàu mà không có phù hiệu, bọn lính Tàu mật thám cho Pháp nó nhận ngay ra mình là cách mệnh Việt Nam; tôi đã nói với hai anh rằng cả vùng này dân thường họ cũng biết vậy. Chắc các anh còn nhớ câu cô hàng nói : «chuân pu sư chuân, mỉnh pu sư mỉnh, sư an nan cơ mỉnh. Đi dọc đường gặp họ, sợ lộ chăng ?»

Nghệ nói :

«Ta nên hoãn lại đến ngày mai hãy đi. Sớm muộn một ngày không sao. Có điều cần nhất là chúng mình không nên ra phố. Tụi nó báo về Thanh Thuỷ, dọc bờ

sông tụi Pháp sẽ canh phòng nghiêm mật, chúng mình đi khó thoát.»

Tứ cũng muốn nghỉ lại một ngày nhưng hơi buồn vì phải ở nhà ăn cơm đỏ với rau. Chàng sẽ nhờ Huân đi mua tí rượu; cơm không ngon nhưng có rượu là được rồi, vả lại đêm hôm qua chàng hút có hơi nhiều thuốc phiện người còn say, nằm khểnh còn hơn là lảo đảo cuốc bộ hơn nửa ngày đường.

Nhân một lúc gặp riêng Tính và Hân ở dưới bếp, Ngọc nói nhỏ :

«Tôi có làm việc gì lạ các anh cũng đừng tỏ vẻ ngạc nhiên đấy.»

Thấy Nghệ giở sách ra coi, Ngọc cũng giở sách và lấy giấy bút loay hoay viết. Tuy viết chữ nho rất đẹp nhưng chàng cứ viết nguệch ngoạc, nét cố làm thành non dại và có khi viết trái cựa hay viết sai hẳn đi. Thỉnh thoảng chàng lại đến chỗ Nghệ ngồi hỏi nghĩa một vài chữ nho. Nghệ dậy cho Ngọc cách học chữ nho từng bộ. Nhìn thấy chữ Ngọc viết trên giấy, Nghệ thốt lên :

«Chữ anh tốt ghê.»

Chàng nhìn Ngọc tỏ vẻ ngạc nhiên và nghi ngờ. Mau trí, Ngọc nói luôn :

«Thế mà em không biết đấy. Có lẽ vì em vẽ được. Lúc còn ở trong nước, làm thợ đan den nhưng ông chủ thỉnh thoảng vẫn nhờ em vẽ chép lại các kiểu, có khi lại nhờ em thay đổi hoặc vẽ hẳn kiểu mới. Nhưng mấy chữ này em có viết đúng không ?»

Nghệ lấy bút sửa bảo Ngọc :

«Anh viết chữ «trà thừa một nét ngang thành ra chữ «đồ là một thứ cỏ độc.»

Tính và Hân vẫn biết Ngọc đọc và viết chữ nho rất giỏi nay thấy vậy đều cùng ngạc nhiên nhưng vì có lời Ngọc đã dặn nên không dám lộ ra. Ngồi viết một lúc lâu, Ngọc đứng lên nói :

«Nào ra phố chơi.»

Tứ đang nằm nhỏm dậy :

«Chú cho tôi đi với !»

Nghệ nói dằn từng tiếng :

«Tôi đã bảo không được đi ra phố.»

Ngọc lạnh lùng đáp lại :

«Tôi ra phố được.»

Rồi chàng đứng nhìn Nghệ có vẻ khiêu khích. Dầu cho Nghệ là cán bộ cao cấp đi nữa, đến đây mọi quyền đều ở công tác trạm trưởng. Song chàng không nói điều đó ra vì chính chàng đã làm trái nguyên tắc. Chàng tức là tức cái giọng trịch thượng của Nghệ.

Nghệ quay đi nói một mình :

«Chiều hôm qua thì thế, hôm nay đã đổi khác. Anh đi đâu tuỳ anh. Anh thì…»

Nghệ ngừng lại nhưng Ngọc cũng đoán được Nghệ định nói : anh thì cả đời chỉ là một cán bộ liên lạc quèn. Dẫu sao có một điều đáng để ý là Nghệ cũng như chàng đều tìm cách giấu lẫn nhau. Ngọc hơi sờ sợ vì chàng biết Nghệ dối trá như vậy chắc phải có một ý định gì không tốt đối với chàng. Rất có thể ngày mai Nghệ sẽ thủ tiêu chàng trước. Cũng may chiều hôm qua Nghệ hỏi đường buôn lậu chàng không nói ra. Qua sông Thanh Thuỷ rồi, Ngọc chắc thế nào Nghệ cũng giết mình. Chàng mỉm cười nghĩ thầm :

«Nhưng không bao giờ mình để anh chàng này qua sông. Nếu Nghệ không trúng kế mình thì sáng mai mình sẽ chết và nhất định Nghệ sẽ qua cầu sắt rồi đi thẳng vào đồn Pháp.»

Nghĩ đến đó Ngọc thấy ruột như thắt lại. Chàng nghĩ ra là nếu Nghệ qua cầu sắt thì Nghệ sẽ thủ tiêu mình ngay khi đi khỏi Ma-Lì-Pố độ mười cây số.

«À nhưng…»

Ngọc ngồi xuống cạnh Nghệ, giọng nói trở lại ôn tồn:

«Tôi mặc áo Tôn Trung Sơn [76] có ra phố cũng không sao đâu, vả lại ở đây tôi quen lắm; tôi đã từng ở công tác trạm này mấy tháng. Tụi mật thám Pháp nó biết thì biết đã lâu rồi.»

Ngọc ghé tai Nghệ nói thầm :

«Tôi cần đi gặp một đồng chí người Thổ buôn bán ở đây đã lâu đời. Tôi dặn đồng chí đó hôm nay sang Thanh Thuỷ dò la tin tức và báo cho đồng chí Thổ ở gần Thanh Thuỷ biết trước để thông tin đi các nơi. Như vậy khi về nước đỡ mất thì giờ chờ đợi. Anh có thể do đồng chí Thổ ấy mà bắt liên lạc ngay được với tất cả các anh em rải rác ở biên giới. Thôi, tôi đi đây.»

Ngọc cười rồi nói giọng đùa :

---

76 Áo cổ bẻ, giống áo nhà binh nhưng không có thắt lưng. Các công chức hoặc nhân viên Đảng bộ Tàu thường mặc

«Ở nhà anh cứ tha hồ đọc sách không có người mỗi lúc lại đến làm phiền anh. À, anh Tứ này, tôi có biết một hàng rượu ngon lắm. Tôi sẽ mua về một chai bố uống chơi. Tôi lại mua thêm ít đồ nhắm nữa. Tuyệt !»

Ngọc mượn Tính bộ Tôn Trung Sơn mặc ra phố; chàng không đến nhà đồng chí Thổ vì một lẽ là không có đồng chí Thổ nào ở Ma-Lì-Pố cả. Theo con đường dốc đất đỏ, Ngọc xuống chỗ bộ đội Tàu đóng. Chàng quen rất nhiều sĩ quan vì Đảng bộ Trung Hoa Dân quốc có tiếp tế gạo cho công tác trạm, lúc chàng còn ở Ma-Lì-Pố, cứ một tháng hai lần chàng cùng các đồng chí khác xuống khiêng gạo về nhà. Một người thiếu hiệu [77] quen thuộc gặp chàng ngay ở cổng trại, vồn vã hỏi :

«Thế nào sao lâu không thấy ông đến ?»

Ngọc cho người bạn thiếu hiệu hay là chàng phải đi công tác về phía Lao Kay, nhưng vẫn nhớ cảnh nhớ người, nhân tiện có việc ở Ma-Lì-Pố nên vội vàng đi thăm các bạn cũ. Chàng lân la trò chuyện, biết rõ có việc luân chuyển một trung đội và nội hôm nay thì một đằng xuất phát từ Ma-Lì-Pố đi và một đằng xuất phát từ Bắc Bảo ở biên giới về. Ngọc ngẫm nghĩ :

«Mai ta cũng xuất phát được.»

---

77 Thiếu hiệu tức là thiếu tá Việt Nam

Chàng ghé qua một hàng quen mua thật nhiều đồ nhắm ngon cho Tứ và một chai rượu trắng. Về tới nhà, chàng giơ chai rượu rồi mở gói đồ nhắm cho Tứ xem. Tứ ngồi nhỏm dậy, lấy đôi kính cận thị ra lau rồi cúi xuống gói đồ nhắm hít hít, hai cánh mũi phập phồng và yết hầu đưa lên đưa xuống. Trong óc Ngọc lại hiện ra cái ý tưởng cứu Tứ.

Chàng chỉ cần sao cho lúc đó Nghệ uống cà-phê trước; khi Nghệ uống xong chàng sẽ lên tiếng gọi Tứ xuống ngay chỗ chàng đứng :

«Anh Tứ ơi, trong túi tôi có sót một quả… đố anh quả gì nào ?»

Chàng đã biết Tứ thích ăn hoa quả, thế nào Tứ cũng hỏi : «Đâu ? Đâu ?» và chạy lại ngay. Còn việc giật lấy khẩu súng lục của Tứ đối với một người đã được Mỹ huấn luyện thành thạo như chàng không có gì khó khăn cả. Chàng sẽ chĩa súng vào Tứ và nói khẽ cho Tứ khỏi sợ :

«Tôi không giết anh đâu. Tôi tha anh về để gặp vợ con và từ nay anh đừng có nhúng tay vào những việc như thế này nữa.»

Đợi cho Nghệ chết rồi mà chắc Nghệ chết ngay vì Ninh đã có nói chất độc ấy uống vào là chết liền không tài nào cứu chữa được nữa, chàng sẽ đưa Tứ đến nhà một người buôn lậu để người ấy cho Tứ đi theo về nước.

Chàng nghĩ trước đến nỗi vui mừng của Tứ khi được chàng tha giết, nỗi sung sướng của Tứ khi về quê nhà gặp mặt người yêu. Cách mệnh thành công, thế nào chẳng có lúc chàng gặp Tứ với Nga; chàng sẽ được thấy trong mắt hai vợ chồng một tia nhìn cảm ơn, một sự cảm ơn âm thầm vì đối với một việc như thế người chịu ơn cũng như người làm ơn không ai có thể nói ra miệng được.

Nghĩ vậy, rồi Ngọc lại ra ngồi học và tập viết chữ nho, đợi Hân thổi xong cơm. Thỉnh thoảng sang hỏi Nghệ một vài chữ, Ngọc tự nhiên thấy sờ sợ như ngồi gần một con rắn độc. Chàng vừa hỏi vừa thầm nghĩ : mặc dầu chàng đã không chỉ rõ đường, lại hẹn giới thiệu để Nghệ có thể liên lạc với hết thảy các đồng chí rải rác ở biên giới nhưng chàng không biết trong hai người ai sẽ ra tay trước. Để Nghệ khỏi nghi ngờ, ngày mai lúc nào chàng cũng đi trước Nghệ; mới nghĩ đến thế chàng đã thấy rờn rợn ở gáy. Chàng sẽ đi thật mau để đếnchỗ ấy thì Tứ và Nghệ đều mỏi mệt nhoài cần phải nghỉ. Bỗng một ý nghĩ vụt đến khiến Ngọc lạnh cả người :

«Còn bi-đông cà-phê ! Lạ nhất là Nghệ không từng hỏi đến cà-phê một lần nào cả. Tứ thì đòi uống hai lượt rồi. Hay là Nghệ đã đoán rõ trong cà-phê có thuốc độc. Nhưng cần gì ! Miễn là đến được chỗ ấy, mình đã có cách.»

Thấy Ngọc mặt cúi nhìn mãi một chữ không nhúc nhích, Nghệ tưởng là mình giảng chưa rõ nên giảng lại :

«Thế này nhé, có gì mà anh không hiểu. Chữ Hoa như Hoa kiều khác chữ Bút và chữ Nghiệp ở chỗ…»

Ngọc đáp :

«Thôi, em hiểu rồi.»

Hân bưng mâm lên. Trên mâm có bát đũa và đĩa đồ nhắm. Ngọc bảo Tứ :

«Các anh ấy không biết uống rượu, em với anh chúng ta đánh chén trước.»

Nghệ ngửng nhìn Ngọc. Ngọc biết là Nghệ nhắc ngầm đến lời hứa của mình hôm qua khi Nghệ trách chàng không nên tập uống rượu, nhưng chàng cứ lờ làm như mình là người vô tâm, tính nết hời hợt.

Chàng đến ngồi trên phản mở rượu rót cho mình và rót cho Tứ, nâng cốc mời :

«Chúc anh, chúc chung chúng ta ngày mai lên đường may mắn.»

Ngọc nhắp môi «hà» một tiếng, trong lòng thầm nghĩ về Nghệ :

«Rõ khéo vờ vĩnh, mày thì cần gì tao thành cán bộ khá.»

Chàng mỉm cười :

«Còn mình nữa cũng khéo vờ vờ vĩnh vĩnh. Người nào cũng biết chắc là người kia vờ vĩnh nhưng nực cười nhất cả hai người đều tin rằng mình thành thực lắm và vẫn tin rằng người khác cũng cho mình là thành thực.»

Ăn xong bữa cơm ngon lành, mặc dầu riêng Nghệ chỉ ăn cơm với rau chấm nước muối (vì Ngọc đã dặn chàng kiêng mỡ sợ đau gan), mọi người nằm nghỉ trưa một lúc. Theo thời khoá biểu đã dán sẵn ở tường, Tính nói với Nghệ :

«Chiều hôm nay để dành riêng bàn về các vấn đề linh tinh. Có vấn đề nào đáng đem ra thảo luận thì tuỳ ý anh em quyết định.»

Lúc đó, Tứ vì thức gần suốt đêm hôm trước nên nằm ngủ ở phản, ngáy khò khò.

Hân mỉm cười nghĩ thầm :

«Hay ta đưa ra vấn đề ngủ có nên ngáy không và người cách mệnh ngủ mà ngáy có liên quan gì đến công việc cách mệnh không ?»

Riêng Hân, Hân tin rằng có liên quan vì kẻ địch có thể dựa theo tiếng ngáy mà biết mình thức hay ngủ. Hân không định nói nhưng miệng chàng thốt ra :

«Hôm nay tôi đề nghị đem vấn đề ngáy ra bàn.»

Mọi người đều nhìn vào chỗ Tứ ngủ và bật lên cười, trừ Nghệ. Hân tiếp theo :

«Đồng chí Tứ xin anh em để anh ấy ngủ trưa vì đi công tác đặc biệt.»

Hân vốn ít nói nhưng nói câu nào cũng chắc nịch và có một vẻ trào phúng thâm thuý kín đáo :

«Vậy ngoài vấn đế ngáy tôi xin bàn về vấn đề ngủ trưa. Người cách mệnh có nên ngủ trưa không ?»

Tính nói :

«Việc ngáy rất quan trọng và càng ngáy to càng quan trọng hơn cho những đồng chí nào cần canh giữ giấy tờ tối mật sợ bị lấy trộm dễ dàng, còn ngủ trưa hay không

ngủ trưa tôi không thấy quan trọng gì. Buồn ngủ thì cứ ngủ.»

Nghệ nghiêm trang nói :

«Đồng chí Tứ không có quyền ngáy. Muốn không ngáy lúc đi ngủ phải lấy khăn tay bịt mồm lại, nhưng ngáy là tự trời sinh ra còn tha thứ được. Còn như ngủ trưa lấn vào giờ làm việc ở công tác trạm, chúng ta cần đánh thức đồng chí Tứ dậy và cảnh cáo.»

Nghệ vừa nói đến đấy thì Tứ nói mê. Hân nói :

«Ngủ mà nói mê còn nguy hơn là ngáy. Vậy cần phải cấm những người cách mệnh nói mê.»

Nghệ nói :

«Nói mê hay ngáy vẫn có thể chữa bằng cách lấy khăn bịt mồm lại.»

Ngọc tiếp theo luôn :

«Đồng chí Nghệ ngủ ngáy to lắm, có đồng chí Tứ làm chứng, mà tôi không thấy đồng chí Nghệ bịt miệng; kể cũng phải vì nếu bị cảm, tắc hai lỗ mũi, bịt miệng thì sẽ chết ngạt mất một người cách mệnh tài ba, như vậy có hại hơn là ngáy hay nói mê.»

Chàng nhìn Nghệ. Nghệ lại nói bằng cái giọng trịch thượng như ban sáng :

«Giờ bàn luận ở công tác trạm không phải là giờ nói đùa bỡn.»

Ngọc cúi mặt xuống. Tính nói :

«Tôi chưa tuyên bố khai hội vậy nói đùa hay không nói đùa là tuỳ tính riêng từng người. Bây giờ tôi xin khai hội; buổi khai hội hôm nay dành về việc thảo luận các vấn đề, bất cứ vấn đề gì, miễn là có liên quan đến cách mệnh hoặc lý thuyết chủ trương của đảng. Đồng chí Hân ra đánh thức đồng chí Tứ dậy.»

Thấy có người lay mình, Tứ nhỏm dậy hốt hoảng :

«Cái gì thế ?»

Tứ rút kính ở túi ra, lau đi lau lại cho kính khỏi mờ, thấy bốn người ngồi chung quanh bàn, nét mặt người nào cũng nghiêm trang, chàng chột dạ tưởng có tin gì cản trở việc về nước. Sau khi Hân nói rõ lý do, Tứ mới yên tâm gượng gạo vừa ngáp vừa đi lại ngồi vào bàn.

Nghệ giơ tay xin nói :

«Tôi đề nghị hôm nay bàn về tương quan giữa niên tuế và công tác cách mệnh.»

Ngọc tiếp theo :

«Nói nôm na là tuổi và công việc cách mệnh có dây dính hay không dây dính với nhau.»

Chàng biết ngay là Nghệ định mượn vấn đề ấy để đả kích mình nhưng chàng giơ tay tán thành vì chàng biết rõ nếu chàng tán thành thì Tính, Hân và Tứ cũng tán thành theo. Hân mủm mỉm cười; những lúc chỉ có hai người Tính với chàng ở công tác trạm thì chẳng có giờ giấc gì, lúc nào cũng bàn, bàn việc lo liệu đi lĩnh gạo, bán gạo thừa thế nào cho được nhiều tiền và ra chợ mua những thức ăn sao cho rẻ, làm ruốc thật ngon khi nào dư dật để các đồng chí qua lại có thức ăn ngon miệng. Vấn đề ấy, Hân cho là quan trọng đáng bàn hơn hết. Nhưng Hân cũng góp ngay ý kiến :

«Như tôi tuổi già lẩm cẩm, lại ít học nên giữ việc bếp nước rửa bát quét nhà để các đồng chí được thảnh thơi. Thế có gọi là giúp việc cách mệnh không ?»

Hân nói giọng nghiêm trang nhưng mọi người đều cười ồ tán thành :

«Đấy là đồng chí Hân đã giúp công việc cách mệnh một phần không phải nhỏ.»

Lần đầu tiên, Ngọc thấy hai con mắt Nghệ vui cười một cách thẳng thắn. Đã từ lâu không một ai không mến Hân, vẫn gọi đùa Hân là «Bô». [78] Các cán bộ thanh niên hễ tới Ma-Lì-Pố là vòi quà Bô như trẻ con làm nũng một ông bố hiền lành. Hân chỉ cười tủm tỉm :

«Bô nhưng mà «Bô xu.»

Nghệ giơ tay phát biểu ý kiến. Chàng nói rất nhiều, thỉnh thoảng lại chêm một vài chủ trương của Việt Minh và nói khéo rằng muốn thắng Việt Minh cần phải làm theo chủ trương của Việt Minh nhưng làm hơn họ để lôi kéo những phần tử của họ theo về mình. Lúc bàn đến các thanh niên cán bộ chàng cho rằng tuy họ bồng bột hăng hái nhưng mắc phải cái tính bất nhất vì trí óc còn non nên không có lập trường vững chắc : dễ nghe và dễ biến tâm và đấy là những con cá rất dễ để Việt Minh câu nhử.

Nghệ nhìn Ngọc, người ít tuổi nhất trong số năm người ngồi thảo luận, rồi thong thả tiếp :

«Tôi lấy thí dụ. Xin đồng chí đừng mất lòng vì cần phải biết nghe lời người khác mặc dầu ý ấy làm mình

78 Bô tiếng Pháp là Pauvre nghĩa chính là nghèo, nghĩa bóng là đáng thương hại, thường dùng để gọi người khác một cách thân

khó chịu, phải vui vẻ nhận lấy sự phê bình của người khác, phải biết tự phê bình. Thí dụ như đồng chí Ngọc trẻ nhất đây… Tôi thử hỏi hai đồng chí Tính và Hân, trước kia đồng chí Ngọc có uống rượu bao giờ không?»

Tính đáp «Không» còn Hân giải thích :

«Uống một tý mạch máu lưu thông cũng không sao. Lắm khi có các đồng chí thanh niên đến đây tôi lại tự mua rượu về cho họ uống những lúc nào tôi không «Bô» xu quá.»

Nghệ lại tiếp :

«Tuy tôi ngồi nhà nhưng cũng biết đồng chí Ngọc rủ đồng chí Tứ đi hút thuốc phiện. Tôi biết vì nhiều lẽ. Xin hai đồng chí tự kiểm thảo. Thế nào đồng chí Tứ ?»

«Có đêm qua tôi có làm vài điếu, tưởng hôm nay đi được, cho nó khoẻ khoắn.»

Nghệ chỉ vào mặt Ngọc :

«Nhưng lỗi ở cả đồng chí Ngọc. Nếu đồng chí Ngọc không chỉ dẫn thì đồng chí Tứ mới đến đây lần đầu làm sao dò được chỗ hút, nhất là trong thời kỳ Hoa Nhật chiến tranh Tưởng uỷ viên trưởng đã ra lệnh cấm ngặt. Tôi yêu cầu đồng chí Tính ghi vào biên bản rồi báo cáo

ngay về đồng chí Ninh để tuỳ ý đồng chí Ninh định liệu trừng phạt.»

Ngọc ngồi yên lặng một lát rồi nói :

«Tôi xin nhận hết lỗi về tôi. Dẫu sao hiện giờ tôi có công tác đặc biệt. Làm xong tôi sẽ trở về Mông Tự gặp đồng chí Ninh. Yêu cầu đồng chí Tính báo cáo trước.»

Tính tuyên bố bế mạc cuộc hội thảo. Nghệ đứng lên bảo Ngọc :

«Đồng chí còn cần phải tập tành nhiều nhưng đồng chí đã thẳng thắn nhận lỗi. Đó là một điều tiến bộ. Phải như vậy Đảng mới mạnh mẽ và công cuộc đuổi Pháp, giành độc lập chóng được thực hiện.»

Ngọc ra đứng tựa cửa sổ, mỉm cười, chàng nhìn những người dân Tàu qua lại dưới phố. Trong óc chàng như nhẩy múa những chữ : dối trá, gian giảo, độc ác, giết người. Chàng nhớ lại quãng đời thơ ngây, trong trắng ở quê nhà lúc yêu Thuý; nghĩ đến Thanh, chàng cau đôi lông mày thầm nhủ :

«Họ rình nhau như những con thú dữ mà người nào cũng vì một lý tưởng mình cho là cao đẹp.»

Trí chàng lại loay hoay nghĩ về sự xấu sự tốt của con người.

Chương mười hai

Sáng hôm sau Ngọc lấy cớ ra Đảng bộ Tàu, ngồi lại nói chuyện ba hoa với một vài nhân viên để làm chậm cuộc đi lại. Chàng vui mừng thấy trời không có một đám mây nào; cả ngày hôm nay chắc nắng. Buổi sáng hơi mát nhưng chàng đoán mười giờ trở đi trời sẽ nắng gắt lắm.

Ngọc nghĩ đến những ngày nắng và có gió heo may ở vườn nhà; chị chàng mỗi khi đi qua chỗ nắng vẫn thường lấy cánh tay hoặc lấy vạt áo che trán cho đỡ nắng và thường bắt chàng phải đội mũ :

«Chú không biết nắng tháng tám nám bưởi à ?»

Khí hậu ở Ma-Lì-Pố, chàng thấy giống như hệt khí hậu ở bên nước nhà; chàng vẫn thích nhất những ngày thu trong sáng có gió heo may; khi chàng còn ở quê nhà chàng thường ra ngồi dưới gốc cây nhãn ở bờ sông, nhìn ngắm những ngôi sao lấp lánh trên gợn nước. Hôm nay thấy trời nắng chàng lại vui vì một lẽ khác. Ngọc tự nhủ :

«Nắng này thì quả lựu Thanh để phần mình chắc đã chín, dám hồng hơn cả đôi gò má nàng. Không biết có được về ăn không ?»

Chàng tự nhiên thầm gọi :

«Em Thanh của anh.»

Rồi chàng rẽ qua bưu tín cuộc đánh điện về cho Ninh: «Người em bảo đảm vô can».

Đánh điện xong chàng nhẹ hẳn người :

«Thế là Thanh hết ăn cơm với ruốc xót ruột nhé. Tha hồ mà đi lượn phố.»

Thanh vô can thì một lần khác chàng có thể đem Thanh đi theo khi nào chàng được phái về biên giới. Chàng chỉ mong sao được Ninh phái về Ma-Lì-Pố lần nữa. Ngọc vui vẻ thổi sáo miệng rồi hát :

Ăn cháo hoa… hay là… là ăn ruốc.

Lúc về công tác trạm, trèo thang lên gác, chàng vẫn vui vẻ tươi cười tiếp tục hát câu đó. Tứ hỏi :

«Lại gặp cô nào hẳn ?»

Ngọc không đáp lại vừa tiếp tục hát vừa cho các thứ đồ đạc vào túi vải. Chàng thấy một gói tròn cồm cộm ở trong túi, lấy ra hỏi :

«Cái gì thế này ?»

Tứ nói :

«Tôi cũng có, anh Nghệ cũng có. Cơm nắm với ruốc rang.»

Hân mủm mỉm cười nói :

«Bô độ này túi rích tiền. Các anh đi đường ăn cơm nắm suông, nuốt khó trôi lắm.»

Ngọc nghĩ ngay đến chỗ ăn ruốc thì việc chàng định làm càng dễ :

«Cám ơn Bô nhé.»

Sửa soạn xong xuôi, lúc mọi người ra đi, xuống chân cầu thang, Ngọc kêu lên :

«Ấy chết quên hẳn mất cái bi-đông cà-phê của chị Nam.»

Rồi chàng chạy lên lấy cái bi-đông mà chàng đã cố ý bỏ quên.

Tính và Hân tiễn ba người ra khỏi Ma-Lì-Pố. Mọi người giơ tay vẫy nhau. Ngọc nói to với Hân :

«Ba ngày nữa tôi về, Bô rích, Bô phải mua quà mừng tôi nhé.»

Đôi mắt Hân cười nheo lại, rồi Tính và Hân quay trở về công tác trạm.

Từ biệt Tính và Hân rồi, Ngọc bắt đầu đi mau như chạy. Con đường ấy Ngọc đã biết là không có một dòng nước nào chảy qua. Có chăng chỉ là những dòng ở chân núi, đứng trên không nom thấy được và có nom thấy cũng không có lối xuống vì đường dốc và rừng gai rậm rạp. Ngọc đi thoăn thoắt và bỏ xa hai người, những lúc lên dốc chàng lại càng đi mau hơn. Ngọc ngoái cổ lại nói to :

«Để em vừa đi vừa hát, các anh đi cho vui chân.»

Chàng cất tiếng hát cao giọng, đi thật mau cho bước chân ăn nhịp với nhịp bài hát mà chàng cố hát thật mau:

Hồn nước muôn năm sống cùng non nước !

Ngày nay ta noi tấm gương anh hùng.

Dù khó thế mấy quyết cùng nhau bước,

Làm cho vang tiếng cháu con nòi giống Tiên Long.

Chàng chuyển sang điệp khúc :

Mau, mau đồng lòng, tay cầm tay, trông cờ nước, ta đều bước,

Tuốt gươm, quyết tâm thề với núi sông…
Hồn nước muôn năm sống cùng… [79]

Bài hát ấy là của Lưu Hữu Phước, đảng viên Việt Quốc trong thời kỳ bí mật trong nước truyền ra, do Ninh dạy chàng. Ninh có nói là thay đổi lời đi đôi chút cho nó mạnh hơn và đúng bằng trắc hơn.

Trời bắt đầu nắng mỗi lúc một gắt; Nghệ và Tứ không biết là bài hát gì nhưng vì nhịp quyến rũ nên cũng cố bước theo cho đúng nhịp. Thỉnh thoảng thấy Nghệ và Tứ đi chậm, chàng lại cất tiếng hát thật lớn :

Hồn nước muôn năm…

Chàng cứ nhè chỗ nào thoai thoải lên dốc là bắt đầu hát. Chàng vẫn nghiệm đã từ lâu rằng những chỗ dốc hẳn, ai cũng thấy ngay, và đi chậm lại; chỉ những đoạn dốc thoai thoải và dài phần nhiều ai cũng tưởng rằng đường phẳng, cứ đi mau chân, mỏi lúc nào không hay.

Lúc đó đi đã được nửa đường từ Ma-Li-Pố đến Pin-chai : chính Ngọc đi quen mà cũng thấy mình thở mạnh, mồ hôi lấm tấm ở trán và khát khô cả cổ. Chàng đoán Tứ và Nghệ còn khát hơn; hai bi-đông nước chè Tứ và Nghệ đem theo chắc đã uống hết vì tuy không quay

---

79 Theo điệu bài Bạch Đằng Giang của Lưu Hữu Phước

lại nhưng những chỗ đường vòng chàng vẫn thấy hai người đứng lại đổ nước ra nắp, nốc uống. Vì lòng tự đắc, vì đường dốc thoai thoải không biết là dốc, vì điệu hát của Ngọc nên hai người không nghỉ, cứ cố theo cho kịp Ngọc.

Đến một chỗ có bóng râm, Ngọc ngừng lại đợi. Trong tám cây số, Ngọc không sợ Nghệ ra tay vì Nghệ xa chàng quá, có bắn cũng không trúng và nếu bắn hụt chàng có thể chạy trốn dễ như không rồi báo cho bộ đội ở Lao-Mu-Ngan cách đây dăm cây số bắt Nghệ. Lúc ngừng lại, đợi Nghệ đến chàng mới đâm lo.

Đến gần, Nghệ chỉ trách :

«Anh đưa đường mà anh không nghĩ gì đến những người nhiều tuổi hơn anh và đi không quen.»

Ngọc đáp :

«Xin lỗi hai anh, em thấy đi như vậy là vừa tầm nên quên phắt đi rằng hai anh khác. Vả lại cần đi mau để được việc cho hai anh.»

Nghệ ôm lấy bụng mặt tái lại rồi ngả người trên bờ cỏ vệ đường :

«Tôi thấy đau quặn ở bụng chắc là lên cơn đau gan. Không đi thì đứng !»

Nghệ lại ôm lấy bụng rồi quằn quại, mồ hôi toát ra ướt cả mặt.

«Thôi quay về Ma-Lì-Pố.»

Lần đầu tiên Ngọc thấy Nghệ cáu gắt, mất bình tĩnh. Nhất định không phải Nghệ giả vờ vì Ngọc đã chứng kiến nhiều người đau gan lúc lên cơn, lăn từ giường này sang giường kia, có khi lăn cả xuống đất, người quằn quại như sắp chết đến nơi. Ngọc lấy ra một lọ dầu rồi cùng Tứ vừa xoa vừa nắn bụng Nghệ. Chàng ngồi xuống cỏ, đặt đầu Nghệ gối lên đùi mình; một phút sau thấy Nghệ nằm yên, mắt nhắm lại, mồ hôi toát đầy trán và hai môi mím chặt như người vẫn đau nhưng cố giữ không kêu.

Ngọc cứ để yên Nghệ gối đùi mình một lúc lâu. Chân chàng đã tê dại nhưng chàng cố không nhúc nhích. Một lúc sau, chàng thấy Nghệ duỗi thẳng hai chân hai tay, cả thân thể yên lặng một cách lạ lùng và hình như không thở nữa.

Chàng sẽ lay người Nghệ, gọi :

«Anh Nghệ, anh Nghệ ơi !»

Không thấy Nghệ trả lời, Ngọc đặt tay vào ngực chỗ quả tim nhưng không thấy tiếng đập, chàng bảo Tứ :

«Anh thử bắt mạch anh ấy xem.»

Tứ loay hoay tìm mãi rồi lắc đầu.

Ngọc cho là Nghệ đã chết. Hình như chàng thấy hơi lạnh của Nghệ thấm dần, thấm dần vào đùi mình. Cái trán nữa, cái trán có một vẻ yên lặng như trán Thuý khi Thuý mất, yên lặng hơn cả vùng trời xanh và cao hẳn lên. Tai Ngọc không nghe thấy gì nữa; không một tiếng động trong rừng núi hay trong những cành thông trên đầu chàng. Nghĩ đến Nam khi giết Đức, Ngọc tiếc không đem cái gương con nào để thử như Nam.

«Thế là Nghệ đã chết, chết một cách tự nhiên.»

Chàng định bụng để Tứ đi trước, rồi chàng sẽ quẳng xác Nghệ vào một bụi rậm gần đấy cho người qua đường khỏi thấy. Khi trở về chàng sẽ lấy ví cùng các giấy tờ rồi lột quần áo Nghệ cho mất hết dấu tích. Tự nhiên chàng đổi ra thương hại Nghệ, một cán bộ lỗi lạc, lợi hại của Việt Minh, thương hại một người mà chàng cần phải giết vì biết rằng để Nghệ đi lọt về nước thì bao nhiêu hệ thống Ninh đã tốn công phu mới gây lên được sẽ bị tan vỡ hết. Chàng lại mừng sẽ cứu được Tứ. Chỉ độ hơn hai

giờ nữa, chàng sẽ giao Tứ cho bọn buôn lậu, Tứ chắc sẽ về được Tuyên Quang gặp lại Nga. Thoáng rất nhanh, chàng nghĩ đến đêm gặp gỡ và cuộc ái ân sau mấy năm cách biệt của đôi vợ chồng yêu nhau đằm thắm ấy.

Bỗng Ngọc thấy mấy đầu ngón chân Nghệ cựa quậy. Chàng nhìn trừng trừng không tin, tưởng mắt mình bị hoa nắng. Hai bàn tay Nghệ cũng gấp lại đặt trên ngực và Nghệ bắt đầu thở mạnh. Một lúc sau Nghệ mở mắt nhìn Ngọc. Không phải lần đầu Nghệ bị ngất đi như vậy vì bác sĩ vẫn bảo chàng đau tim không nên làm những việc gì nặng nhọc quá sức. Ý nghĩ đầu tiên của chàng là ý nghĩ ngầm cám ơn và hơi mến Ngọc khi nhận ra Ngọc có vẻ lo sợ cho mình, nhưng còn việc phải giết Ngọc sau khi bắt liên lạc được với Long bên Thanh Thuỷ vẫn không thay đổi. Chàng bảo Ngọc :

«Chỉ tại anh đi mau quá, tôi phải gắng quá để cố theo. Tim tôi lại yếu nữa.»

Nhưng đấy chỉ là một câu nhận định, giọng nói không có vẻ oán trách Ngọc. Nghệ ngồi nhỏm dậy, vẫn để Ngọc đỡ lưng mình. Tứ nói :

«Cho anh uống ít cà-phê cho tỉnh hẳn.»

Ngọc đáp ngay :

«Phải đấy, uống cà-phê nó trợ tim, nhưng chỉ uống một ít thôi. Cà-phê nước cốt uống nhiều sợ anh ấy lại ngất đi lần nữa.»

Chàng xoay mở nắp bi-đông rồi rót một nửa nắp cầm tay đưa lên miệng Nghệ, tay chàng vẫn đỡ lấy lưng Nghệ. Thấy Nghệ ngập ngừng, Ngọc nói luôn :

«Để em uống thử xem đặc nhạt ra sao.»

Chàng uống một ngụm rồi bảo Nghệ :

«Uống được. Ngon lắm. Phải cái chị Nam pha đặc quá.»

Nghệ đỡ lấy nắp cà-phê uống một hơi cạn; lần này thì chàng không ngập ngừng nữa.

Để Nghệ nghỉ độ nửa tiếng rồi Tứ và Ngọc mỗi người một bên vực chàng đi rất thong thả. Ngọc phải vừa khoác túi vải của mình trên vai vừa xách giùm túi cho Nghệ. Dần dà, Nghệ bảo hai người bỏ tay ra, đi một mình. Nghệ lại khoẻ khoắn như thường, tuy vẫn phải cẩn thận đi chậm bước. Chàng nhìn Ngọc âu yếm :

«Qua khỏi rồi, không sao. Tôi chỉ lo nhất là không làm xong phận sự. Chết thế này thà về tới Thanh Thuỷ chết về tay Pháp còn hơn.»

Cả Ngọc và Nghệ hai người đều nhẹ nhõm : Ngọc thì yên trí Nghệ không còn nghi trong cà-phê có thuốc độc nữa. Nghệ thì tin chắc trong cà-phê không có bỏ thuốc độc.»

Ngọc hỏi Tứ :

«Nước chè sáng ngày Bô Hân đổ đầy bi-đông các anh còn không, em khát quá.»

Tứ nói :

«Tôi với anh Nghệ đã nốc cạn cả hai bi-đông không còn một giọt.»

Ngọc thản nhiên nói :

«Cũng không sao. Sắp đến chỗ có suối rồi.»

Chương mười ba

Vì có Nghệ mệt nên đi chậm, mười một giờ hơn mới tới chỗ ấy. Ngọc hớn hở bảo Nghệ, Tứ :

«Chỗ này có suối nước trong lại có bóng râm mát lắm.»

Rời đường cái, xuống một cái dốc thoai thoải và lượn vòng, ba người thấy hiện ra một bãi cỏ hình lưỡi trai.

Ngay giữa bãi cỏ, có một cây tán tròn xoe, bóng rủ xuống râm mát chỉ loáng thoáng điểm vài chỗ nắng nhạt. Ở đấy nhìn lên vì có rừng cây rậm rạp nên không thấy đường cái. Ngọc quẳng túi vải của mình xuống gốc cây, lấy tay vỗ vỗ mấy cái cho thẳng rồi bảo Nghệ :

«Anh nằm xuống đây nghỉ. Anh nghỉ mấy giờ cũng được.»

Nghệ ngoan ngoãn nghe theo, nằm xuống đám cỏ êm và gối đầu xuống túi vải của Ngọc. Tứ cũng tháo túi quàng ngồi xuống nghỉ. Tứ hỏi suối đâu, Ngọc đáp còn hơi xa, phải xuống một cái dốc khá cao nữa :

«Hai anh cứ nghỉ một lát đã. Bi-đông của hai anh đâu để em xuống lấy nước.»

Chàng đứng lên, đưa mắt tìm bi-đông :

«Các anh tháo thắt lưng ra đi, nào bi-đông, nào súng, nằm nghỉ kềng càng chết. Thôi tôi đi đây.»

Bỗng chàng dừng lại :

«Trời đất ơi. Tý nữa thì quên mất. Lúc này làm một tợp cà-phê thì thật tuyệt.»

Chàng vừa nói vừa tháo cái bi-đông cà-phê đưa lên miệng, tu một hơi dài rồi lại tu luôn thêm một hơi nữa.

Nước cà-phê chảy ra cả hai bên mép; chảy xuống ướt sẫm cả cái áo nhà binh.

«Dại quá, nước cà-phê đặc quá.»

Tứ vội nói :

«Chú làm thế thì còn gì về phần tôi nữa.»

Ngọc nói như cự Tứ :

«Anh thì anh uống nước suối cũng được. Để tôi xuống ngay suối pha thêm nước cho loãng bớt đi, anh Nghệ uống cho tỉnh. Anh phải để dành anh Nghệ đấy.»

Nói xong chàng cầm bi-đông đi mau qua mấy hòn đá rồi lẩn vào trong rừng. Tiếng chàng ở cuối dốc nói vọng lên :

«Đường sao mà dốc thế này. Mà suối trong ghê. Tôi lên ngay bây giờ anh Tứ ạ.»

Xuống tới dòng suối, Ngọc ngửng nhìn lên. Cây rừng rậm rạp lại có những tảng đá che khuất. Dẫu sao chàng cũng ngồi xuống khuất sau một tảng đá.

Tuy mọi việc xếp đặt rất tốt đẹp nhưng lúc cởi cúc túi áo nhà binh, tay chàng cũng lóng ngóng mãi mới xong. Chàng rút ra cái gói thuốc độc rồi đổ cả vào bi-đông

cà-phê.

Trong lúc làm những công việc đó chàng chỉ chú ý sao cho thuốc độc khỏi đổ ra ngoài nhưng tiếng nước róc rách vẫn lọt vào tai chàng và tuy không nhìn chàng cũng thấy hiện ra những gợn sóng nhỏ, những vân ánh sáng chạy lăn tăn trên nền cát trắng mịn, điểm những hòn sỏi xanh đỏ đẹp như những hòn ngọc.

Chàng cúi xuống suối, lấy nắp múc nước suối đổ dần vào bi đông và cố ý đổ nước để cà-phê vừa ngon không loãng quá và không đặc quá. Chàng sợ nếu đổ nhiều nước, thuốc độc sẽ mất công hiệu; cần phải vừa đặc lỡ thuốc độc có mùi vị sẽ bị mùi cà-phê át đi. Chàng đưa bi-đông lên mũi ngửi và chỉ thấy hương thơm của cà-phê. Ngửi kỹ Ngọc thấy như có mùi hạnh nhân.

Ngọc ngồi rốn lại một lúc ngắm những hòn đá cuội đẹp và mấy con cá nhỏ bơi loăng quăng theo dòng nước.

Lúc lên, chàng đi hơi chậm để tỏ rằng đường xuống suối khó đi. Chàng đưa bi-đông cà-phê cho Tứ bảo :

«Anh rót cho anh Nghệ uống độ một nắp thôi nhé. Nước suối mát quá. Thôi bây giờ tôi lại đi xuống suối tắm một cái rồi đi tìm nấm. Ở đây có thứ nấm ngon lắm. Chiều mình làm một bữa chén nữa để ăn mừng về

nước.»

Ngọc có ý đứng xa Nghệ vì chàng thấy tay Nghệ đặt lên mân mê khẩu súng lục. Cũng may Nghệ yếu; nếu Nghệ có hạ thủ chàng thì tay run khó lòng bắn trúng; chàng sẽ nấp sau ngay gốc cây, lấy súng của Tứ bắn lại Nghệ. Thấy Tứ rót cà-phê vào nắp bi-đông đưa cho Nghệ, chàng rảo bước đi ngay, đi như chạy xuống con đường nhỏ lúc nẫy. Vừa đi khuất, Ngọc dừng lại nấp sau một bụi cây và tìm khe hở để trông rõ chỗ Nghệ ngồi.

Tuy nom kkông rõ lắm nhưng chàng cũng thoáng thấy bàn tay Tứ đỡ lấy cái nắp bi-đông mà Nghệ đã uống cạn. Chàng nghiêng đầu nhìn về phía Tứ vừa định cất tiếng thật to gọi thì Tứ không biết rót cho mình từ lúc nào, đã đưa nắp cà-phê lên uống. Miệng Ngọc đương há to, nhưng tiếng «Anh Tứ ơi !» ngừng lại ở cổ họng.

Chàng quay mặt đi không dám nhìn vẻ mặt hai người khi biết là đã bị chàng lừa cho uống thuốc độc. Từ quá khứ xa xăm lại hiện ra nét mặt Chuân làm công cho ty rượu. Chàng đi vội xuống tận dòng suối, ngồi dựa lưng vào một tảng đá cố tìm xem lũ cá con lúc nãy có còn bơi quanh đấy không, nhưng tìm mãi vẫn không thấy một con nào.

«Cá lớn nuốt cá bé», câu cách ngôn ấy vụt nẩy ra trong óc Ngọc. «Vật nào cũng vậy muốn sinh tồn thì phải huỷ hoại một vật yếu hơn mình, nhưng còn người? Người có cần phải hại người khác mới sống được không ? Chắc là không ? Tại sao mình lại làm một việc độc ác như thế này, tại sao Nghệ không quen biết gì mình cũng nghĩ đến việc thủ tiêu mình.» Óc chàng loay hoay nghĩ nhưng chàng không tìm được câu trả lời mà có lẽ suốt đời chàng cũng không bao giờ, không bao giờ tìm ra được. Còn cái «guồng máy» của Thanh vì cớ gì lại có. Không vì cớ gì sinh ra, không một ai đặt ra nó nhưng nó có, có một cách hiển nhiên, không chối cãi được. Ngọc cố xua đuổi những ý nghĩ luẩn quẩn ấy đi, lấy một hòn cuội ném xuống nước suối làm loé lên những ngôi sao lấp lánh. Khi về Mông Tự chàng sẽ hỏi Ninh vì chàng biết mình không có suy nghiệm về triết lý.

Chàng giật mình vì thoáng nghe tiếng người nói trên đường cái, tuy còn xa lắm; tiếng nói nghe lạ tai và như từ một thế giới khác vẳng tới.

«Biết đâu những người bộ hành ấy cũng như mình biết chỗ này có suối có bóng mát mà rẽ xuống nghỉ, uống nước.»

Nhưng chàng lại yên tâm ngay vì dẫu có xuống, thấy Tứ và Nghệ cũng chỉ tưởng hai người đó đi đường mệt, đương đánh một giấc ngủ trưa.

Thấy tiếng bọn người Tàu mỗi lúc một gần rồi dần dần nhỏ đi, Ngọc chắc họ không rẽ xuống.

Ngọc lại rón rén bò lên chỗ bụi cây lúc nãy. Qua khe hở của cành lá, cái mà chàng nhìn thấy trước nhất là vừng trán của Nghệ. Cái vẻ yên lặng, yên lặng hơn cả đá ấy, lần này chàng không hồ nghi gì nữa. Nghệ đã chết hẳn rồi cũng như Thuý của chàng ngày nào ở quê nhà. Chàng tiến thêm mấy bước nữa và trông rõ cả Tứ đương ngồi tựa vào gốc cây, miệng há ra, mắt bị đôi kính cận thị loé ánh sáng nên chàng không nom rõ. Ngọc chạy thật mau lên chỗ hai người, khẽ gọi :

«Anh Tứ ! Anh Tứ !»

Không thấy Tứ đáp lời và người ấy không nhúc nhích, Ngọc quỳ xuống bên cạnh lấy tay sờ trán. Một hơi lạnh khác thường mà Ngọc không lầm được thấm vào bàn tay Ngọc; chàng lột kính ra nhìn hai con mắt mới biết chắc chắn là Tứ đã chết hẳn rồi. Ngọc vuốt mắt cho Tứ. Hôm Thuý chết lần đầu tiên Ngọc được thấy Lễ vuốt mắt em gái, lần này là lần đầu tiên chính chàng tự tay vuốt mắt cho một người chết.

«Hai con mắt này nghìn vạn năm không còn nhìn vào hai mắt của vợ yêu nữa.»

Nghĩ đến Thuý mà chàng vẫn yêu, nghĩ đến Tứ với Nga, Ngọc thấy rơm rớm nước mắt nửa vì thương nửa vì tức đã không cứu được Tứ.

Ngọc quả quyết đứng dậy, kéo thây Nghệ về phía rừng rậm chỗ gần một bức vách đá thẳng xuống suối; tuy thở mạnh nhưng chàng không để ý đến mệt rồi quay trở lại kéo thây Tứ đặt nằm gần Nghệ. Chàng mở hai cái túi vải của Nghệ lục lọi và khám xét rất cẩn thận nhưng không có thứ gì khả nghi. Mở đến cái túi của Tứ, ngoài quần áo thường ra chàng thấy một gói cuốn bằng thứ khăn len quàng cổ bọc những vật gì cưng cứng và bọc rất cẩn thận có dây gai buộc chằng chịt. Ngọc lấy tay nắn thử, cố đoán xem vật gì ở trong nhưng không sao đoán được, liền rút dao díp cắt dây rồi nhẹ nhàng mở dần. Trong cùng đến một lượt vỏ gỗ bào thật nhỏ, Ngọc càng nhẹ tay vì biết là những vật ấy mong manh, động mạnh tất hư hỏng.

«Hay là một chiếc máy thu thanh và phát thanh tí hon mình nghe thấy nói đến nhiều lần nhưng chưa được trông thấy bao giờ. Có lẽ chính Tứ mới là tay quan trọng giữ về tình báo. Tứ vờ làm ra mặt ngốc nghếch ham ăn uống; người đã lừa được mình không phải là Nghệ mà

chính là anh chàng Tứ phong lưu công tử này.»

Gỡ dần vỏ bào nhìn kỹ thì là một bộ chén uống nước chè, một cái bình cổ cao men xanh có những vết nứt rạn rất đẹp, có lẽ là một thứ bình để hâm nóng rượu và hai cái chén uống rượu mầu men xanh trong khiến chàng mới trông ngỡ hai cái chén ấy làm bằng ngọc thạch; ở bên Tàu lâu năm nên Ngọc biết ngay bộ đồ chè cũng như chén và bình hâm rượu là những thứ cổ, rất hiếm quý. Ngọc ngồi ngẩn người ra một lúc, nghĩ đến cái đêm Tứ và Nga gặp mặt nhau, đến chén rượu hâm nóng hai vợ chồng cùng uống để mừng ngày họp mặt, cái đêm không bao giờ còn có nữa trong đời Nga. Chàng bùi ngùi lấy vỏ bào phủ kín các vật, quấn khăn len bọc cẩn thận rồi buộc dây như cũ.

Ngọc khám hết các túi áo, lần từng mép vải, nhìn từng đường khâu. Tuyệt nhiên không có giấy má giấu ở quần áo. Chàng bỏ hai cái ví của Tứ và Nghệ vào túi quần mình đợi khi về Ma-Lì-Pố sẽ xem xét kỹ lưỡng hơn.

Còn một việc nữa Ninh đã dặn nhưng Ngọc còn trù trừ. Trước kia mỗi khi bắn chết một tên phản quốc, chàng chỉ lặng lẽ bỏ đi, việc thế là xong. Nhưng lần này Ninh lại dặn kỹ phải lột hết quần áo để làm mất hẳn tang chứng. Ngọc lật xấp hai thây người và bắt đầu cởi

áo, cởi quần Nghệ. Chàng phải lột cả quần đùi vì quần đùi của Nghệ có khâu nhãn hiệu. Nghĩ ra được một ý hay, chàng cởi cả áo lót mình và tháo cả đôi giầy hài sảo; như vậy lỡ ra có ai thấy cũng tưởng hai người cởi quần áo định tắm, lúc xuống dốc cheo leo cần phải dắt tay nhau không ngờ trượt chân ngã xuống đập đầu vào đá mà chết. Người Nghệ gầy và khô đét, chàng tưởng như một con thạch sùng chết phơi đã lâu ở ngoài nắng.

Việc khó nhất đối với Ngọc là lột quần áo Tứ. Chàng luồn tay xuống cổ Tứ để nhấc người lên; tay chàng sờ trúng vào chỗ lồi của cái yết hầu, cái yết hầu mà từ nay không bao giờ đưa lên đưa xuống vì ăn ngon, vì thèm muốn nữa. Ngọc phải cho ngay tay xuống ngực Tứ để nhấc hẳn người Tứ lên cởi áo nhà binh và áo lót mình. Đến lúc tháo hài sảo tụt quần và nhất là khi lột quần đùi thì chàng thấy rờn rợn ở tay, không sao không nghĩ đến Nga những lúc cùng chồng âu yếm. Mặt Tứ tuy hơi gầy nhưng người Tứ trái hẳn với sự ước đoán của Ngọc lại béo mập; hai cái mông của Tứ tròn, da trắng mịn khiến Ngọc quay mặt đi không nỡ nhìn lâu. Chàng lẩm bẩm :

«Xin lỗi anh, chẳng qua số phận anh như vậy. Còn bộ chén trà và bình rượu của anh thôi cũng đành quẳng xuống suối theo người. Bọc kỹ may ra không vỡ đâu.»

Chàng nhấc thây của Nghệ và Tứ đem ra sát gần bức vách núi rồi đẩy mạnh một cái. Hai cái xác rơi từ trên cao xuống, lọt vào khe mấy tảng đá. Đứng ở trên thấy còn hở ba cái chân, Ngọc bẻ một cành cây rậm lá quăng xuống; chàng phải quăng xuống bốn năm cành mới có một cành trúng và che phủ mấy cái chân hở. Ngọc nằm nghỉ một lát rồi cứ để nguyên hai cái túi vải của Nghệ và Tứ ở ngay đấy. Chỗ đó, chàng chắc không ai bước chân tới mà dẫu có tới thì không thấy người, chắc họ vui mừng nẫng luôn hai cái túi và quần áo ở trong đó. Chàng cầm cái bọc bình rượu, nhắm thật kỹ vào một khoảng cát giữa hai tảng đá rồi nhẹ nhàng thả cái gói xuống; cái gói rơi đúng vào khoảng cát, chắc bình với chén của Tứ không vỡ. Yên lặng nhìn cái gói và mấy bàn chân qua kẽ lá rồi chàng đứng thẳng dậy.

Ngọc ngẩng lên : trời cao và xanh, lơ lửng một vài đám mây trắng. Các ngọn núi bao bọc chung quanh dưới ánh sáng trong mùa thu có một vẻ đẹp rực rỡ mà vẻ đẹp của trời thu như còn xa hơn nữa; nắng đẹp ở vườn sau nhà Thanh, nắng làm nám da mấy quả lựu và làm hồng đôi gò má Thanh đương đứng ngắm những cánh hoa lựu trắng; nắng còn đẹp ở những nơi xa hơn nữa, ở nhà Tứ lúc này Nga đương ra vườn cất quần áo đã khô, lòng chợt nhớ đến chồng, mong ngày chồng về; nắng đẹp ở vườn người chị thân yêu của chàng giờ này

có lẽ đương cau mũi và mắng chàng :

«Thằng Ngọc chết tiệt, đi đâu biệt tích không một lá thư gửi thăm nhà.»

Mắng vậy nhưng chị chàng chắc cũng chẳng buồn vì lúc ra đi chàng đã biết rõ chị chàng yêu một người học trò bên hàng xóm, biết đâu lúc này hai người không đương ngồi dưới gốc cây nhãn chàng vẫn thường ngồi và cùng nhau ngắm những hoa bạc lấp lánh trên con sông Hoan chảy phía sau nhà…

Ngọc cúi người rút hai khẩu súng của Tứ và Nghệ đút vào túi quần, tháo bao quẳng ra giữa dòng suối rồi chàng trở về chỗ cũ. Chàng lần xuống suối cầm cái bi-đông cà-phê của chàng để nước vào và xóc xóc, tráng đi tráng lại năm sáu lượt, kỳ cho thật sạch, đoạn để trong mũi ngửi xem còn cái mùi hạnh nhân nữa không. Chàng vục mặt xuống suối uống nước chứ không uống nước trong bi-đông. Lúc đi qua chỗ gốc cây râm mát chàng nhìn kỹ lại một lần nữa, thấy cái kính cận thị của Tứ vẫn nằm trên cỏ, chàng cúi nhặt rồi bất giác cho vào túi áo.

Ngọc lần theo con đường vòng ra đường cái và để ý nhìn qua lá cây. Đường vắng không có một bộ hành qua lại vì lúc đó đã một giờ trưa. Chàng lấy nắm cơm và gói

ruốc Hân để phần vừa đi vừa ăn. Ăn được vài miếng, chàng thấy lợm giọng và nấc luôn mấy cái. Chàng nhìn xuống cái dốc bên đường, ném mạnh nắm cơm bỏ giở vào một bụi tre gai rồi cất tiếng hát :

Ăn cháo hoa… hay là ăn cơm nắm.

Lần này thì chàng đi ngược về phía Ma-Lì-Pố. Tuy trong người nặng thêm hai khẩu súng lục nhưng chàng đi thoăn thoắt gần như chạy.

Thế là chàng đã làm tròn phận sự.

Chỗ nào đường vắng chàng thấy cần phải cao giọng hát vang, dường như tiếng hát có thể át được những tiếng khác từ trong đầu óc chàng vẳng ra mơ hồ chàng không rõ là tiếng gì nhưng biết chắc là khó chịu :

Hồn nước muôn năm sống cùng non nước !
Ngày nay ta noi tấm gương anh hùng !

Dù khó thế mấy…

Chàng cần phải quay về Ma-Lì-Pố thật mau để đánh điện về Mông Tự cho Ninh : «Mọi việc đều tốt đẹp».

Hai giờ thì Ngọc tới Ma-Lì-Pố; chàng đánh điện đi Mông Tự, rồi gọi điện thoại cho Nam ở Văn Sơn nhưng họ nói Nam đi đỡ đẻ xa. Ngọc trở về công tác trạm. Hân

đương loay hoay vót ít tăm ở dưới bếp thấy Ngọc về, vui vẻ nói :

«Sao về chóng thế ?»

Ngọc đáp :

«Cơm nắm của Bô ăn với ruốc ngon lạ, nhưng khát nước ghê. Bô đem cho ấm nước. Đi công tác thành công phải ăn mừng chứ. May quá gặp ngay tụi buôn lậu quen tụi nó nhận lời đưa hai anh ấy về Thanh Thuỷ. Thế là về sớm được với Bô ba ngày, Bô đun cho ấm nước đi, Bô. Sáng mai năm giờ Bô gói cho một nắm cơm; tôi cần về ngay để báo cáo.»

Hân nheo mắt mỉm cười, tay vẫn vót nan tre nhưng có vẻ buồn :

«Thế nào chú Ngọc về Mông Tự có trở lại nữa không?»

Ngọc nói :

«Trở lại lần nữa à ? Ý chừng Bô cho mình sắp đến ngày về lỗ, đợi tôi trở lại vuốt mắt.»

Ngọc cười nói giọng khôi hài :

«Tôi mát tay lắm, Bô có trăm tuổi nếu tôi vuốt mắt cho, tha hồ ngủ một giấc ngàn năm, không mộng mị, mê hoảng. Nhưng xuống âm ty Bô cũng không thoát được lũ chúng tôi đòi quà đâu.»

Rồi Ngọc lên gác nằm vật ra phản, vắt tay lên trán.

Chàng cảm thấy như mình vừa phạm một tội nặng.

Đêm ấy trời bỗng dưng trở giá rét. Chàng lấy chiếc áo len của Thanh ra mặc, rồi đi ngủ sớm vì người mệt mỏi và tinh thần căng quá độ.

Chàng nhìn căn nhà lạnh lẽo rồi lắc đầu thầm nhủ :

«Thanh yêu của anh, anh sắp về với em.»

* * *

Sau khi ngủ lại một đêm ở Chong-Sin-Kiêu nơi mà Tứ kể lể chuyện đời sống riêng cho chàng nghe, Ngọc đi đường dưới để thăm lại cái suối ở chân đèo ông Tháo. Đêm tuy lạnh nhưng qua dốc ông Tháo trời vẫn nóng và Ngọc lên khỏi dốc cũng phải thở mạnh và mồ hôi ra ướt cả lưng áo.

Ngọc tới Văn Sơn vào quãng ba giờ chiều; có một mình nên chàng đi rất mau. Nam lúc đó có nhà, đương chỉ bảo cách uống thuốc cho mấy người đàn bà Tàu.

Thấy Ngọc, Nam đứng lặng nhìn Ngọc, hai con mắt mở to :

«Chú làm tôi giật mình tưởng ma hiện về.»

«Tôi gọi điện thoại mãi cho chị không được.»

Nam bỏ cả khách đang chữa bệnh, chạy vội ra, giơ tay nhấc hai cái quai quàng ở vai, mặt nàng sáp gần mặt Ngọc. Ngọc thấy Nam thở mạnh, hơi thở phào qua má chàng; hai con mắt Nam sáng hẳn lên. Nam ghé mặt gần mặt Ngọc, hỏi nhỏ :

«Việc xong rồi chứ ?»

Nhưng Nam hữu ý không ghé vào tai mà lại ghé môi chạm vào má Ngọc. Ngọc gật đầu. Nam đỡ cái túi quàng của Ngọc, nói to :

«Chiều nay thế nào cũng thết chú một bữa «Cô sèo mi siển.»

Đêm ấy tuy không có nước lụt, Nam cũng giăng màn ở cạnh giường nàng. Trời lạnh nên không có muỗi, cả hai cửa màn đều vén lên. Nằm trong chăn ấm, Nam và Ngọc nói chuyện đến quá nửa đêm. Ngọc hỏi mấy câu nhưng Nam không đáp lại, làm như thiu thiu ngủ, rồi nàng duỗi cánh tay đặt ở ngực bỏ thõng ra khỏi giường;

Ngọc nhìn ngắm bàn tay Nam. Ngọc nghĩ lúc đó nếu chàng cũng giả vờ ngủ, duỗi thẳng tay ra thì bàn tay chàng sẽ chạm vào bàn tay Nam. Hai bàn tay sẽ giao nhau và…

Nhưng Ngọc chỉ nghĩ thế thôi. Chàng tắc lưỡi rồi kéo chăn lên tận cằm, ngủ đi lúc nào không biết.

Sáng hôm sau, Nam lấy vé xe chở khách thường chứ không cần đợi xe của bộ đội Mỹ. Nàng trả thêm tiền để Ngọc được chỗ tốt, nghĩa là một chỗ có ghế ngồi ngay cạnh tài xế. Nam tiến lên trước đợi xe đi qua, giơ tay vẫy. Ngọc cũng thò đầu ra, ngoái cổ nhìn lại. Đi đã xa, chàng vẫn còn thấy Nam giơ tay vẫy chàng.

Ngọc đã hiểu rõ tình ý Nam đối với mình và nghĩ ngậm ngùi cho Nam một thân một mình ở Văn Sơn, một thành phố nhỏ bé, chung quanh không có một người đồng hương. Nam gia nhập Việt Quốc chắc vì lẽ đó; mỗi lần anh em qua lại, mà anh em thì nghèo nên Nam săn sóc rất niềm nở, ân cần. Nam kiếm được tiền nên thường hay giúp đỡ tiền nong hoặc mua các thức ăn ngon về để anh em ăn. Ngọc nghĩ đến nỗi vui mừng của Nam những khi gặp anh em, nhất là gặp chàng, và nỗi buồn khi đi tiễn anh em xa đến mấy cây số rồi lủi thủi trở về một mình…

Lúc qua cái đèo cao và chật bây giờ đã đỡ nguy hiểm vì đường khô, Ngọc lại nhìn ngắm phong cảnh đồi núi bao la trùng điệp hiện ra dưới mắt chàng. Lần này đi qua đèo thì đã về chiều. Trời không có gió; từ mái tranh nhà người Mèo cạnh bụi mai chàng đã để ý tới hôm đi xe nhà binh Mỹ, một làn khói xanh thẫm lên thẳng, in trên nền vàng tươi của mảng sườn núi dưới ánh nắng chiều lướt qua. Cuộc sống ở trong căn nhà tranh đó, Ngọc đoán là êm đềm như một cảnh tiên, xa hẳn mọi cuộc tranh chấp, giết chóc nhau; có lẽ họ cũng không biết tới cuộc đại chiến thế giới và ngay cả cuộc Trung-Nhật chiến tranh nữa.

Tì vào cửa xe để ngoái cổ lại ngắm, Ngọc thấy có thứ gì vướng vướng ở ngực. Chàng cho tay lên sờ mới biết đó là cái kính cận thị của Tứ; bên đường chỗ thì dốc chỗ thì có đá lởm chởm, Ngọc rút kính ra cầm ở tay. Thấy tài xế mải để ý những chỗ đường vòng và những người hành khách ngồi sau xe đều quay lưng về phía chàng để tránh gió lạnh, Ngọc rút cái kính cho tay ra ngoài xe. Đợi tới một chỗ vừa có đá vừa dốc, xe lại đi sát cạnh lề đường, Ngọc mở bàn tay bỏ rơi cái kính. Kính không rớt xuống dốc nhưng hai mắt kính chạm đúng một hòn đá vỡ tan thành nhiều mảnh. Tiếng xe cam-nhông chạy rầm quá nên chàng không nghe tiếng kính vỡ, nhìn lại chỉ thấy những mảnh kính nhỏ lấp lánh ánh sáng buổi

chiều tà rồi lại biến đi ngay. [80]

«Thế là xong.»

Ngọc lẩm bẩm như vậy vì chàng tưởng như đôi mặt kính đó còn giữ lại một chút gì của Tứ, giữ lại những tia nhìn của hai con mắt mà chàng đã vuốt nhắm hẳn lại không bao giờ còn phản chiếu ánh sáng của thế gian và hình ảnh của người vợ thân yêu nữa.

Ngọc thấy trong người nhẹ nhõm như đã thoát khỏi sự ám ảnh về cái chết oan uổng đau thương của Tứ.

Xe tới Khai Viễn vào quãng tám giờ tối. Lúc xe xuống cái dốc cuối cùng, dưới ánh đèn pha thỉnh thoảng lại hiện ra một hai con sơn cẩu là những con thú hay đi tìm những thây chết dọc đường hoặc mới chôn để ăn đến khi nào chỉ còn lại một đống xương nhẵn thín. Ngọc nghĩ chắc ở phía Ma-Lì-Pố cũng có những con thú ấy và lúc này cạnh suối, bên những tảng đá lạnh, biết đâu chỉ còn lại hai bộ xương trơ.

---

80 Chỗ này, ở bên lề trang bản thảo, tác giả có ghi hàng chữ : «Truyện đến đây là hết, khi dịch ra ngoại ngữ» (Chú thích của Nguyễn Tường Thiết)

154. Nhất Linh (7) - Giòng Sông Thanh Thủy

Phần thứ hai

Chi bộ hai người

Chương mười bốn

Ngày hôm sau, Ngọc về Mông Tự. Việc đầu tiên khi chàng xuống xe là đến ngay hàng cà-phê của Thanh. Tới nơi, cửa hiệu còn mở nhưng các bàn đều trống, không có một người khách nào. Thanh đương xếp dọn các thứ ở trong cùng cửa hiệu. Dưới ánh đèn dầu lạc lờ mờ, nàng chưa nhận được là ai, hỏi vọng ra :

«Ông xơi cà-phê phin hay cà-phê đen ?»

Ngọc đến một cái bàn sáng nhất, ngiêng vai tháo dây quàng rồi đặt túi vải xuống bàn :

«Chị cho tôi một cốc cà-phê phin.»

Thanh thốt lên :

«Tiếng ai như tiếng…»

Nàng chạy vội ra; khi biết là Ngọc nàng đứng dừng lại. Ngọc nói vui vẻ :

«Tôi đây mà, tôi vừa mới về.»

«A, anh Ngọc, anh mới về.»

Nàng nói nhưng không nhìn Ngọc vẻ mặt lạnh lùng vội quay trở vào để sửa soạn. Ngọc thấy tức ứ lên tận cổ, định tìm cách thoái thác rồi bỏ đi ngay, nhưng chàng vẫn ngồi yên đợi. Thanh nhìn cái túi vải để trên bàn biết là Ngọc mới về mà lại đến ngay nhà nàng, một nỗi vui nở dần trong lòng, nhưng khi bưng cốc cà-phê ra vẻ mặt nàng lầm lỳ; nàng chưa chịu làm lành trước với Ngọc, tuy biết rằng ngoài chuyện Phương ra, Ngọc không có lỗi gì với nàng cả.

Ngọc kéo cốc cà-phê lại gần phía mình rồi mở nắp cái phin xem nhiều hay ít nước. Chàng hỏi Thanh :

«Hiệu chị độ này có đắt hàng không ? Tôi vừa đi đúng hai mươi hôm rồi đấy.»

«Cám ơn anh, cũng khá.»

Ngọc giơ hai bàn tay ôm lấy cái cốc nóng. Gió lạnh từ ngoài cửa thổi vào làm lung lay ngọn đèn.

«Chị làm ơn khép giùm tôi cái cửa, tôi đi xe gió quá, lạnh giá cả chân tay. May nhờ có cái áo len đàn bà…»

Thanh ra đóng cửa, cài cả then trên then dưới, rồi hỏi Ngọc :

«Đêm nay chắc anh lại ngủ đây ?»

Ngọc ngửng lên, lúc đó hai người mới nhìn nhau yên lặng một lúc lâu. Ngọc mỉm cười hỏi :

«Chắc chị giận tôi về việc ăn ruốc mười hôm xót ruột.»

Thanh ngồi xuống cùng bàn với Ngọc :

«Tôi đâu có quyền giận anh. Mà tôi cũng chẳng xót ruột. Bao nhiêu lựu chín ngoài vườn tôi đều ăn hết, không còn một quả nào.»

«Thế còn quả chị để dành tôi.»

Đôi lông mày hơi cau lại, Thanh nói :

«Quả ấy ngon nhất cây. Hột to vừa mọng nước vừa thơm vừa ngọt.»

Ngọc nói :

«Tiếc quá nhỉ. Tôi mong về cho chóng, chỉ cốt được ăn quả lựu chị đã chọn. Vả lại, đã năm sáu hôm nay chị muốn ăn thức gì thì ăn, việc gì mà xót ruột. Xót ruột nói đúng ra là sốt ruột hoạ chăng chỉ có tôi. Tôi biết vừa chẵn mười hôm chị đã khỏi cả sốt lẫn thương hàn, tha hồ lượn phố; ăn «cô sèo mi siển», chẳng trách mà người

đẫy hẳn ra, da dẻ hồng hào tươi tốt thế kia.»

Thanh giục :

«Anh uống cà-phê đi không nguội. Dọc đường chắc chẳng có cà-phê ngon thượng hạng như ở hiệu tôi. Mà chắc cũng không có cà-phê mà uống nữa.»

Ngọc mỉm cười :

«Có chứ. Tôi được uống thứ cà-phê đặc biệt. Tôi đã nốc cả một bi-đông mà không việc gì. Hai anh em bạn đồng hành với tôi cứ nằng nặc đòi uống cho kỳ được. À quên, chị pha cho chị một cốc cà-phê, rồi đem lên trên gác ngồi để cho khách khỏi thấy ánh đèn lại gõ cửa.»

Lúc hai người lên trên gác và ngồi vào hai cái ghế vẫn ngồi, Thanh nói mắt có vẻ tinh nghịch :

«Ý hẳn anh lại muốn đến canh gác tôi và ngủ đêm ở đây như lần trước.»

Ngọc nói :

«Ý kiến ấy hay đấy. Hay là tôi lại ngủ một đêm nữa ở đây. Nhà có hai chăn hay chỉ có một. Có một thì tôi xin đi, còn màn thì không cần, trời lạnh không có muỗi đâu mà sợ.»

Thanh chỉ vào góc gian gác :

«Nhà có đến ba cái chăn. Nhưng lần này thì anh cần gì canh gác tôi nữa.»

«Vẫn cần lắm chứ.»

Ngọc vừa nói vừa rút hai khẩu súng đặt lên bàn.

«Lần này mà chị trốn thì tôi bắn.»

Thanh nói :

«Tôi đợi anh ngủ tôi sẽ bắn anh trước. À, nhưng mà cả đời tôi không rờ đến cái súng lục. Cách cho đạn ra sao ? Hôm nào anh dạy tôi bắn nhé.»

«Chị tập bắn làm gì ? Chị định bắn lựu rơi để đỡ công trèo chắc.»

Thanh cười :

«Cần gì súng. Bao nhiêu quả tôi bắn hết từ lâu rồi. Tôi thích tập bắn súng để khi nào có dịp thì…»

Ngọc cũng cười theo.

«Để khi nào thong thả, tôi sẽ đưa chị về cánh đồng phía Cô Cầu để chị tha hồ mà tập; hay là đợi khi nào về Ma-Lì-Pố hay về biên giới. Bây giờ tôi bảo qua chị

cách thức lắp đạn. Có hai thứ súng…»

Ngọc cầm hai khẩu súng của Tứ và Nghệ rồi giảng giải :

«Đây là thứ Colt bốn mươi lăm, bắn một phát vỏ đạn sẽ bật ra và có một viên đạn mới sẽ tự động lên thay. Còn đây là súng quay, có sáu lỗ, cứ bắn một phát thì cái lỗ có đạn lại quay lên đúng vào chỗ mổ cò.»

Thanh nói :

«Hay nhỉ ? Sao anh phải đem hai súng đi. Ý hẳn mỗi súng bắn một người. A, tôi nghĩ ra rồi, anh bắn được cả hai tay như những cao bồi trong xi-nê.»

«Không chị ạ, đây là súng của Tứ và Nghệ, còn tôi, tôi đi tay không.»

Rồi Ngọc kể cho Thanh nghe những chuyện dọc đường và cách thức hạ được hai người có súng. Nói đến Tứ, vẻ mặt Ngọc hơi buồn. Chàng uống cạn cốc cà-phê :

«Chẳng qua số phận anh Tứ cũng đã bị lôi cuốn vào cái «guồng máy» của chị và bị guồng máy nó nghiến nát. Thế chị kể cho tôi nghe tình hình của chị trong hai mươi hôm nay.»

Thanh đứng lên :

«Để tôi trải chiếu, lấy chăn. Nằm trong chăn - cố nhiên là nằm riêng mỗi người một chăn - nói chuyện thú vị hơn. Tôi cũng thấy lạnh giá cả người. Mà chỉ nói chuyện suông, không ai được nghĩ lôi thôi đấy.»

«Cái đó chị đừng lo. Tôi rất kính trọng chị.»

Thanh kể lại việc anh em canh gác đến việc được trả tự do. Trong mười ngày không có anh nào đòi đến ngủ chung, không ai uống cà-phê quỵt; rau của nàng bị nắng lại thiếu nước nên héo khô cả, nàng phải ăn lựu cho đỡ xót ruột.

«Nhưng cũng còn một quả hơi chín, để sáng mai tôi biếu anh.»

«Cám ơn chị. Thế rồi sau ra làm sao ?»

Thanh nói có đến thăm Xuân nhưng giấu việc đến thăm Phương.

«Anh Lăng có đến luôn, anh ấy tử tế lắm. Anh ấy cùng tôi đi chợ và mang giúp cả làn đựng các thức ăn. Tôi có mời anh ấy ăn một bữa cơm.»

Thanh chúi đầu vào trong chăn nói với Ngọc :

«Buồn cười nhất là hôm anh đi, anh Lăng đến uống cà-phê và có lẽ định ngủ đêm ở nhà tôi, nhưng tôi nằm trong chăn nói to bảo anh ấy rằng tôi ốm nặng, đúng mười lăm hôm mới khỏi. Mười hôm sau anh ấy đến, vờ vĩnh bảo tôi gầy tọp hẳn người. Thôi anh đi ngủ đi, kẻo đi đường mệt. Hỏi khéo chị Xuân tôi mới biết ở Văn Sơn lụt to. Có lẽ vì thế mà chậm sáu bẩy hôm anh mới về được Mông Tự. Để đèn hay tắt đèn hở anh ?»

«Thôi chị cứ để đèn.»

Tuy giục Ngọc đi ngủ nhưng Thanh vẫn nói hết chuyện này đến chuyện kia. Tiếng Thanh lẫn với tiếng gió thổi lọt qua các khe ván; nàng kể chuyện rất có duyên. Nằm ấm cúng trong chăn, Ngọc mải nghe Thanh nói chuyện nên quên cả mệt và buồn ngủ.

«À này chị, hay tối mai tôi thết chị một bữa phở cừu ở Cổng Tây, ngồi ở các hàng rong bên vệ đường ăn phở cừu trong gió lạnh như thế mới ngon.»

«Thôi tôi chịu phở cừu, ăn không quen. Ở đấy họ có bán «cô sèo mi siển» không ?

«Có chị Thanh ạ.»

«Thế thì tôi nhận lời nhưng tôi thết cơ. Thết bằng tiền của anh gửi tôi. Tiền hãy còn nguyên vẹn tôi chỉ trừ đi

tám cốc cà-phê, năm cốc hôm ấy với ba cốc hôm anh đến canh gác tôi; hôm nay hai cốc nữa vị chi là mười cốc tất cả. À sáng mai thế nào chẳng một hai cốc nữa. Hàng cà-phê tôi bán tháng này lời to, lời nhất vì anh; trong mười hôm liền mặc dầu tôi đóng cửa hiệu, các đồng chí của anh thay phiên đến ngồi uống kể cũng được đến ba bốn chục cốc. Lắm anh hà tiện hay không tiền cứ đứng ở đầu phố rình, nắng, rét cũng đứng, trông thật thảm thương.»

Thanh cười to tiếp theo :

«Có lần tôi ra cửa gác thấy một anh đứng rình ở dưới, tôi đổ cả một chậu thau rửa mặt lên đầu anh ta. Tôi báo thù chơi bọn đồng chí của anh đấy. Anh sợ tôi chưa ?»

Ngọc cũng cười theo :

«Nước ăn chị còn phải dè sẻn; tôi chắc chị rửa mặt bằng một cốc nước lã đổ vào khăn cho ướt rồi lau qua. Tôi đoán có đúng không ?»

Thanh lại tiếp tục nói chuyện. Hỏi luôn mấy câu, Ngọc không đáp lại vì lúc đó đã một hai giờ đêm, chàng thấy thiu thiu buồn ngủ. Bỗng chàng chú ý : hình như Thanh rón rén cho chân vào dép, yên lặng một lúc, Ngọc nghe tiếng bước rất nhẹ trên sàn gác rồi tiếng chân xuống cầu

thang. Một lúc sau Thanh lại lên, chân bước rất nhẹ; đi ngang qua chỗ chàng nằm rồi rón rén về phía giường của nàng. Ngọc nghe tiếng Thanh đặt mình lên giường và cả tiếng kéo chăn sột soạt. Chàng hiểu Thanh xuống gác về việc gì và tự nhiên mỉm cười. Cả Thanh lẫn Ngọc đêm hôm ấy không ai có một ý nghĩ gì vẩn đục.

Chương mười lăm

Sáng hôm sau lúc Ngọc thức dậy thì cửa sổ vườn sau đã hé mở. Trên bàn để hai cốc cà-phê phin và Thanh ngồi ở ghế đợi chàng.

«Chị dậy sớm thế. Bây giờ mấy giờ rồi ?»

Thanh nói :

«Tôi không biết mấy giờ nhưng trời đã tảng sáng. Mời anh dậy uống cà-phê phin, ăn sáng rồi ngắm hoa lựu còn ướt sương. Tôi đã đem nước lên anh rửa mặt. Phải cái anh chịu khó rửa khăn tôi vậy. Tôi đã giặt sạch rồi. Bây giờ thì tha hồ nhiều nước. Tôi đã thuê người gánh đầy hai chum lớn. Đêm qua anh ngủ yên chứ.»

Nàng có ý nói dằn vào chữ «yên», Ngọc nói :

«Tôi đã có sẵn khăn ở trong túi.»

Lúc ra chỗ thau nước, Ngọc hỏi có gì ăn sáng không :

«Tôi đói lắm vì tối qua không ăn cơm, tám giờ xe mới tới; tôi đến thẳng ngay đây.»

«Có trứng lập là, sữa, lạp sường và cả… ruốc nữa.»

Ngọc làm như mải nói chuyện nên lấy chiếc khăn

mặt của Thanh ở cạnh thau rửa mặt. Nước lạnh và khăn có một mùi thơm rất nhẹ gần như không phải mùi thơm của xà-phòng. Chàng rửa mặt thật kỹ rồi thốt nhiên nói với Thanh :

«Chết chửa tôi lại quên không lấy khăn của tôi ở túi. Hôm qua đi xe suốt một ngày, bụi bậm làm bẩn cả khăn chị.»

«Không sao. Tôi đã bảo bây giờ nhà nhiều nước lắm. Các anh làm cách mệnh có bẩn cũng không ai chê, đói cũng không ai cười. Họ chỉ cười các anh khi các anh sang quá. Họ đấy tức là tôi. Mời anh xơi cà-phê cho nóng người.»

Thanh đẩy hai cánh cửa sổ mở rộng rồi nhìn Ngọc uống cà-phê và ăn sáng ngon lành.

«Anh mải ăn quên cả ngắm hoa lựu ? Thi sĩ gì anh. Thi sĩ ăn thì đúng hơn.»

Ngọc ngẩng nhìn ra chỗ cây lựu thấy quả đầy chi chít, quả nào cũng lớn và chín cây.

«Thế ra chị nhịn để phần tôi cả sao. Tôi thèm lựu Mông Tự quá, chị ra chảy cho tôi một quả ăn tráng miệng.»

«Không, đây là lứa sau.»

Thanh lấy ở ngăn dưới bàn ra một đĩa có để hai quả lựu rất lớn. Ngọc hỏi :

«Sao lại những hai quả ?»

Thanh bĩu môi :

«Thế còn tôi ?»

«Tôi tưởng cô đã chán lựu. Cô chỉ thích ruốc thôi. Thích đến nỗi ăn hơn mười hôm không chán.»

«Giống cách mệnh các anh ích kỷ lắm. Tối hôm qua tôi chỉ ăn có lưng cơm, tối định ăn thêm cốc sữa nhưng thấy anh sống sót về quên phắt đi mất, chỉ có mình các anh biết đói và biết ăn sáng thôi.»

Thanh xuống nhà dưới làm cho mình một đĩa trứng lập là. Lên đến nơi, Ngọc đã bửa cả hai quả lựu, bóc màng rồi tỉa hạt vào đĩa. Những hạt lựu to lớn trông tựa như những hạt thủy soan.

Trời lại trong như hôm nào, nhưng gió thổi mạnh và trời giá rét. Một mảng nắng rải màu vàng nhạt trên con đường ra giếng nước. Nắng mỗi lúc một to óng ánh trên những cánh lựu trắng, còn đọng sương đêm; gió thổi xôn xao trong lá cây làm rung động những chấm

tròn ánh sáng trên bức tường nhà hàng xóm. Ngọc lại nhớ đến người chị thân yêu ở quê nhà, giờ này chắc ra sân sưởi nắng, và phơi những miếng cau, lòng cau màu hồng thắm hơn cả đôi gò má của Thanh. Một tia nắng tình cờ rọi trúng ngay vào hạt lựu trong, Thanh đương ngậm nhẹ giữa hai chiếc răng cửa nhỏ và trắng mát.

Ngọc đứng dậy :

«Thôi tôi phải về qua nhà, tối nay bẩy giờ tôi đợi chị ở Cổng Tây.»

«Anh về bây giờ không tiện.»

Có tiếng người gọi Thanh ở dưới đường. Thanh chạy vội xuống mở cửa :

«À anh Lăng, hôm nay tôi dậy muộn thành thử mở cửa hàng chậm. Anh xơi cà-phê đen hay cà-phê sữa.»

Lăng nhìn Thanh rồi nói :

«Hôm nay tôi có việc nhân đi qua đây nên tới hàng chị khá sớm. Chị cho cốc cà-phê sữa. - mà trông chị độ này da dẻ hồng hào, mới có mươi hôm không đến mà chị đã khác hẳn. Hay là chị còn sốt nên mặt đỏ như vậy?»

Thanh nói :

«Cám ơn anh. Tôi đã khỏe hẳn rồi. Bách bệnh tiêu tán. Sốt rét ngã nước cũng hết; Pờ-lát-mô-đi-om [81] đi-đim chuồn đâu mất. Thương hàn cũng khỏi; chắc tôi chỉ bị Para [82] thôi. Ba-si Đê-be [83] Đê-bét cũng tử cả. Duy chỉ còn tôi sống để pha cà-phê ngon các anh xơi.»

«Cô thông thạo về các bệnh nhỉ.»

Thanh nói cao giọng :

«Tôi tưởng anh biết rồi. Cựu học sinh trường Đồng Khánh và trường thuốc là tôi đây. Nhưng học xong PCB [84] gần hết năm thứ hai vì gia biến phải bỏ học. Tôi lại học cả đỡ đẻ nữa.»

Thanh mỉm cười; tuy là sự thực nhưng nàng nói bằng một giọng đùa nghịch và chỉ cốt để Ngọc ở trên gác nghe thấy.

Biết là có Lăng đến, Ngọc phải ngồi yên không động đậy. Nghe đến chỗ Thanh nói là cựu sinh viên trường

81 Plasmodium: Vi trùng sốt rét
82 Para-typhoide: Một chứng nhẹ của thương hàn
83 Bacille d»Eberth: Vi trùng bệnh thương hàn
84 Lý Hoá Nhiên: Ba môn khoa học cần phải biết trước khi học thuốc

thuốc, Ngọc ngạc nhiên ngẫm nghĩ :

«Thế mà mình mới học hết năm thứ nhất. [85] Phải đấy, để mình nhờ Thanh dậy về các môn khoa học thường thức, cũng là một cớ để mình được gần Thanh luôn.»

Chàng mỉm cười :

«Và cũng để dò xét Thanh nữa.»

Lăng đi rồi, Thanh lên gác. Thấy Ngọc đứng lẩn sau cái tủ áo, nàng bật cười buồn :

«Tôi đây mà. Đấy anh xem bây giờ anh về nhà thì ai cũng hỏi đêm qua anh ngủ đâu. Không lẽ anh nói thực là ngủ ở nhà cô Thanh. Để lát nữa tôi nhờ bà Su bên hàng xóm ra chợ mua thức ăn trưa; tối ăn ở Cổng Tây xong anh về nhà thì vừa đúng giờ xe ở Khai Viễn về. Vả lại anh đi hơn nửa tháng ròng vất vả, anh nằm khểnh ở trên gác coi truyệnĐông Chu liệt quốc có phải thú vị không. Còn tôi, tôi phải xuống hàng, khách sắp đến.»

Bẩy giờ trời đã tối, Ngọc đứng ở Cổng Tây đợi Thanh. Người đi lại đông, các đèn dầu lờ mờ nên Ngọc phải chú ý nhìn từng người một. Thanh tìm thấy Ngọc trước; đêm ấy nàng mặc áo kiểu Vân Nam mầu xanh thẫm và cố ý quay mặt đi nên Ngọc không nhận ra. Thanh đứng

85 Năm thứ nhất hồi đó tức là lớp đệ thất bây giờ

đằng sau lưng Ngọc một lúc lâu; thấy Ngọc ngả lưng dựa cái túi vào bờ thành nhớn nhác tìm kiếm, nàng bật lên cười to. Ngọc giật mình quay lại.

Thanh nói :

«Anh làm cách mệnh mà tôi đi qua mặt không biết. Việc Ma-Lì-Pố chỉ là việc ngáp phải ruồi.»

Ngọc cũng bật cười :

«Nhưng lúc này tôi đi ăn chứ có phải làm cách mệnh đâu.»

Hai người rẽ vào một cái ngõ con rồi cùng ngồi xuống cạnh cái bàn thấp của một hàng rong đặt dưới gốc một cây đề lớn. Thanh hỏi :

«Hôm bán áo anh cũng ăn ở đây.»

Ngọc gật đầu :

«Hàng này ngon nhất mà lại rẻ tiền.»

Ngõ ấy khuất gió nên trời vừa đủ lạnh, chỉ có ngọn cây đề vươn cao khỏi các nhà chung quanh là bị gió thổi lá rạt về một phía. Nghe tiếng rào rào ở trên đầu, Thanh ngửng lên; Ngọc cũng ngửng lên theo. Thanh nói :

«Trông gió lạnh rung lá đề vui quá nhỉ.»

Nàng loay hoay tìm một câu thơ, để Ngọc nghĩ tiếp cho thành một bài tứ tuyệt, làm kỷ niệm về sau. Nghĩ mãi nhưng nhất định không ra một tứ nào; bỗng nàng chợt nhớ lại mấy câu thơ được coi từ khi còn ở trong nước, rồi dựa vào đấy đổi đi vài chữ và khẽ ngâm :

«Đêm tối, trời trong, cảnh hữu tình
Xôn xao ngọn lá khẽ rung mình.»

Ngọc không biết câu thơ chính, tưởng Thanh nghĩ ra :

«Thơ hay quá nhỉ ? Chị cũng biết cả làm thơ à ?»

«Nghe nói thơ anh hay lắm, anh thử làm tiếp theo cho thành bốn câu, đủ bài.»

Ngọc loay hoay nghĩ nhưng không ra :

«Thế kia mà chị bảo khẽ rung, rung mạnh là đằng khác. Thôi, thơ để đấy ăn đã. Chị trông bát phở cừu của tôi với bát «cô sèo mi siển của chị kia, đó mới thực là cảnh hữu tình.»

Ăn xong Thanh trả tiền. Tới một chỗ phố vắng, Thanh nói :

«Thôi bây giờ anh về thì vừa đúng giờ xe Khai Viễn tới Mông Tự. Mai mời anh lại đằng hàng xơi cà-phê.»

Ngọc mỉm cười :

«A, nếu rỗi tôi sẽ đến ban ngày vào những giờ chị vắng khách để học chị.»

«Anh học gì tôi ? Học cách thức pha cà-phê rồi tranh khách của tôi à ?»

«Không, những lời buổi sáng chị nói với anh Lăng tôi đều nghe rõ cả. Thú thực với chị, tôi học mới hết năm thứ nhất.»

Thanh không đáp, lặng nhìn Ngọc một lúc, vẻ mặt nghiêm trang và thâm trầm rồi cúi chào Ngọc. Thấy Thanh chào mình rất lễ phép, không như mọi lần, Ngọc hơi ngạc nhiên không hiểu vì lẽ gì; chàng toan giơ tay lên vẫy từ biệt, phải ngừng lại và cũng cúi đầu chào Thanh.

«Vì lẽ gì ?»

Ngọc vừa đi về nhà vừa ngẫm nghĩ điều đó nhưng không tìm được nguyên do.

Tới nhà, Xuân reo lên gọi chồng :

«Anh Việt, chú Ngọc đã về. Chú ăn cơm gì chưa ?»

Ngọc bỏ túi xuống giường, đáp :

«Em đã ăn rồi, chị ạ.»

Việt ở dưới bếp chạy lên :

«A, chú đã về. Chú này, anh Ninh có nói khi chú về thì lại ngay tìm anh ấy. Anh ấy ở đằng anh Hồng.»

«Vâng để em đi ngay. Anh chị vẫn mạnh chứ ?»

Xuân ra chỗ để túi vải, hỏi Ngọc :

«Chú có quần áo bẩn để tối nay chị ngâm.»

«Em ấy à, em chỉ có một bộ này thôi. Mặc hai mươi hôm nay rồi. Thôi, chị để mai em giặt lấy. Phải ra ngoài sông mới đủ nước để giũ cho sạch; quần áo em bẩn, người em không cũng bẩn, tay em cũng bẩn và…»

Ngọc ra đến cửa nói lẩm bẩm rất khẽ, không cốt để Xuân nghe :

«… Hồn em cũng bẩn lắm.»

Tới nhà Hồng, Ninh bảo Ngọc :

«Chú ngồi xuống đây. Xin lỗi chú, chú đã đoán đúng về Thanh, còn tôi, tôi đã nghĩ lầm. Mai sớm tôi khai hội rồi tôi phải đi Khai Viễn có việc cần. Chú nói rõ đầu đuôi cho tôi nghe.»

Ngọc thong thả kể lại, không bỏ một chi tiết; chàng thú thực cả việc định cứu Tứ, việc để nguyên túi quàng vai và quần áo tại chỗ.

«Em đã làm trái lời anh dặn.»

«Không, chú làm thế đúng hơn việc tôi dự tính. Lên Côn Minh tôi sẽ báo cáo để Hải ngoại Bộ biết về tài ứng biến và công tác hoàn hảo của chú.»

Bỗng nhiên Ngọc lặng người đi một lúc : tự thâm tâm chàng một nỗi vui hiện dần lên nhưng không phải chàng vui vì lời khen của Ninh. Chàng vừa nghĩ ra là Thanh đã yêu chàng, mà bắt đầu yêu từ lúc cúi chào chàng; vẻ mặt nàng nghiêm trang, không bông đùa, dáng điệu nàng cũng không còn vẻ hồn nhiên như những lần nói chuyện và ngủ chung một nhà.

Ngọc rút ra hai khẩu súng lục trao trả Ninh và đưa ví của Nghệ và Tứ để Ninh coi xét. Chàng định tháo chiếc đồng hồ đeo tay nhưng Ninh cản lại.

«Thôi tôi tặng chú làm kỷ niệm.»

Sáng hôm sau, Ninh triệu tập một cuộc hội họp bất thường của Khu Đảng bộ Mông Tự; ý chính của Ninh là chỉ cốt báo cho anh em Khu Đảng bộ biết rằng hai đồng chí đã về nước được yên ổn.

Lúc đi Khai Viễn, Ninh có ân cần dặn Ngọc :

«Chú cần phải đến hiệu cà-phê luôn làm thân và liên lạc chặt chẽ với Thanh. Sau sẽ có cơ hội cần đến.»

Ngẫm nghĩ một lát rồi Ninh tiếp :

«Chuyện này tôi đã nói với anh Hoạt.»

Nói xong Ninh bắt tay Ngọc một cái mạnh rồi mỉm cười, hai con mắt thoáng vui.

Ngọc quay trở về ngẫm nghĩ :

«Có lẽ Ninh đã biết rõ rằng mình yêu Thanh. Ninh biết cả truyện Phương với mình nữa, nếu không vì cớ gì Ninh cần phải nói chuyện với Hoạt. Ninh tinh ý lắm, thoáng một cái hiểu ngay, không những về công việc mà cả về ý nghĩ thầm kín của mình.»

Chương mười sáu

Ngọc theo lời dặn của Ninh nên ngày nào cũng đến hàng cà-phê Thanh Hương vừa để uống cà-phê ngon vừa để học Thanh các khoa học thường thức, trau dồi thêm tiếng Pháp, Anh và nhất là để nói chuyện với Thanh, biết rõ Thanh hơn.

Thỉnh thoảng Ngọc cũng rẽ qua nhà Hoạt để gặp Phương. Buổi đến lần đầu tiên, cách ngày về Mông Tự năm hôm, chàng đương nói chuyện với Phương và Hoạt thì Phương khác hẳn mọi lần đi sang phòng bên. Lúc mới đến, nhìn Phương sau gần một tháng Ngọc nhận thấy trong hai mắt nàng một thoáng mừng vui nhưng vụt tắt ngay. Ngọc ngồi rốn lại nói chuyện với Hoạt về việc Ninh dặn cần phải gặp Thanh luôn : khi nói đến chuyện ấy chàng nói lớn tiếng cốt để Phương nghe rõ. Một lát sau Phương lại ra phòng khách; Ngọc thấy mắt Phương hơi đỏ như vừa mới khóc xong nhưng nét mặt Phương đã tươi hẳn lên. Nàng rót nước thêm vào chén Ngọc :

«Anh xơi thêm cho nóng. Năm nay ở Mông Tự rét đặc biệt hơn mọi năm. Cái áo len của anh đã cũ thế kia mà anh không thấy rét à.»

Ngọc biết là Phương nhắc đến chiếc áo nàng đan

xong và ngầm bảo chàng đến chơi luôn để nàng có dịp biếu áo. Hoạt không biết gì về chuyện giữa em gái mình với Ngọc nhưng nếu Khuê vợ chàng có nhà thì nàng chắc hiểu, tuy Phương đan áo trong phòng riêng hay trong lúc Hoạt và Khuê đi vắng nhưng cùng bọn phụ nữ với nhau Phương tránh sao khỏi để lộ cho Khuê biết là mình đan áo len đàn ông. Phương cũng đã nghĩ đến chỗ Ngọc đem len lại nhờ nàng đan, nhưng Ngọc nghèo ai cũng biết, lấy tiền đâu mua len, còn nói hẳn ra với Khuê là muốn biếu Ngọc chiếc áo len thì nàng ngượng không dám nói.

Thấy Ngọc sắp về, Phương ra đứng ở cổng ngoài đợi. Khi Ngọc đi ra, Phương nói :

«Hôm nào anh lại lấy áo, em đã đan xong từ lâu rồi. Đợi anh mãi không thấy về.»

«Vâng, để sáng mai chín giờ.»

Cả hai người đều biết rằng buổi sáng Hoạt vào trông coi công việc thầu ở sân bay Mỹ còn Khuê nếu không đi chợ thì cũng theo đi phụ giúp chồng.

Dưới ánh nắng, Ngọc nhận thấy nước da Phương rất tươi mịn; hai con mắt nàng trong sáng và chàng không thể không tự thú rằng Phương đẹp hơn Thanh.

Sáng hôm sau, Ngọc đến thì Phương đã ra ngồi đợi chàng, cầm sẵn một gói tròn bọc giấy. Chàng nhận lấy gói rồi đặt cạnh người mình :

«Cảm ơn cô.»

Phương bảo người nhà pha nước chè rồi hỏi về việc chàng đi vắng, Ngọc đáp :

«Tôi có việc riêng, với lại cô không nên hỏi về những việc ấy. Cô cũng đã thừa biết rằng…»

Phương ngắt lời :

«Anh làm việc gì, đi đâu cũng không ai hay. Cả những người quen thuộc, ngay cả anh Hoạt, chị Hoạt em cũng không rõ nữa.»

Phương nói rất nhiều về đời sống của nàng và tình hình ở Mông Tự trong khi Ngọc đi vắng. Ngọc chỉ yên lặng ngồi nghe. Uống xong chén nước, Ngọc đứng lên từ kiếu :

«Thôi chào cô và cám ơn cô. Tôi bận phải đi đằng này.»

Lúc tiễn Ngọc ra cổng, đi qua khu vườn nhỏ, Phương nói giọng hờn trách :

«Em biết anh về từ sáu bẩy hôm nay.»

Ngọc đáp :

«Ấy tại mới về cứ bận tíu tít hết công kia lại đến việc nọ. Thành thử cứ phải bận áo len cũ mãi. Kể cũng hơi lạnh.»

Từ biệt Phương rồi Ngọc đi về phía hàng cà-phê Thanh. Qua một quán nước chè vắng, Ngọc rẽ vào lấy thuốc lá hút rồi nhìn theo làn khói suy nghĩ về việc Phương và Thanh.

Linh cảm báo cho chàng biết nếu chàng yêu Thanh chàng sẽ khổ nhưng chàng không thể tự mình dối mình rằng không yêu Thanh. Tuy chưa dám chắc hẳn là Thanh yêu lại mình nhưng tình yêu đó quyến rũ chàng như sức lôi cuốn của một guồng máy; rất có thể chàng sẽ bị nghiến nát nhừ nhưng chàng không sao tránh khỏi và cũng không muốn tránh.

Còn Phương ? Chàng chắc Phương yêu chàng rồi nhưng ngồi nhìn Phương chàng chỉ thấy Phương đẹp và chỉ có thế thôi. Chàng đau khổ nghĩ đến sự thất vọng của Phương một ngày không xa. Chàng sẽ yên lặng không bao giờ tỏ ý với Phương nhưng trong tâm hồn chàng vẫn bứt rứt rằng đó là một sự yên lặng đánh lừa

Phương. Còn nói hẳn ra ? Chàng đã có đủ lý lẽ để nói với Phương vì công việc cách mệnh chàng không thể nghĩ tới những chuyện yêu đương, nhưng nói làm sao được khi Phương chưa ngỏ lời yêu chàng mà chắc Phương cũng không bao giờ ngỏ lòng mình ra cho chàng biết. Ngọc đứng dậy :

«Tốt hơn hết là xa dần Phương ra.»

Lúc lên trên gác nhà Thanh, Ngọc cố ý làm ra bộ giấu diếm cái gói áo len. Chàng nghĩ nếu mở hẳn gói ra đưa cho Thanh xem chiếc áo và nói thẳng đấy là áo của Phương thì Thanh biết rõ chàng không yêu gì Phương và chàng không dò được tình ý Thanh đối với mình ra sao. Lúc ngồi ở quán nước chè, Ngọc đã bóp mạnh cái gói cho giấy bọc rách để lộ hẳn một mảng áo.

Nói chuyện với Thanh một lúc, chàng lấy cớ xuống gác để tự pha một cốc cà-phê. Khi lên, chàng thấy Thanh ngồi tựa vào thành cửa sổ, mắt nhìn ra vườn; chàng hỏi mấy câu Thanh cũng không đáp lại rồi Thanh đứng lên nói :

«Xin lỗi anh hôm nay tôi nhức đầu quá, trong người khó chịu sợ bị bệnh cúm mất… đợi tôi khỏi anh hãy lại vì bệnh cúm hay lây lắm.»

Ngọc nói giọng đùa :

«Tôi cũng muốn bị cúm, như thế đỡ phải đi họp.»

Thanh không đáp; nàng cau mày rồi ra nằm ở giường quay mặt vào vách. Ngọc vui sướng trong lòng nhưng ngồi lâu lắm vẫn không thấy Thanh nhúc nhích, chàng đứng dậy nói :

«Thôi tôi đi về đây.»

Thanh quay mặt lại lấy tay bóp trán, lạnh lùng đáp :

«Anh về.»

Ra đến ngoài cửa hiệu, Ngọc vừa sung sướng lại vừa tức Thanh. Chàng cất tiếng hát :

«Ăn cháo hoa, hay là… là ăn súp.»

Chàng biết mình đã làm Thanh khổ nhưng chàng vẫn cứ hát và hát thật to như có điều gì vui sướng lắm để cho Thanh khổ hơn và báo thù Thanh.

Khi Ngọc đã đi lâu rồi, Thanh vùng đứng dậy. Thấy cái gói của Ngọc vẫn để ghế, nàng vội chạy đến mở gói giơ ra cửa sổ coi. Quả nhiên đúng như nàng đoán, đó là một cái áo len còn mới nguyên chưa mặc lần nào.

«Đích thị là áo của Phương tặng Ngọc.»

Mặt tái lại, hai má mất hẳn sắc hồng. Thanh quăng mạnh chiếc áo qua cửa sổ. Bỗng chợt nghĩ ra điều gì Thanh lại xuống gác chạy vội ra vườn nhặt áo, đem lên gói lại cẩn thận và đặt vào chỗ cũ. Nàng vừa nghĩ ra là nếu Ngọc yêu Phương thì không bao giờ lại bỏ quên chiếc áo của người yêu mới tặng.

«Hay là Ngọc hát vui vẻ và chỉ nghĩ đến tình yêu của Phương thôi nên quên áo.»

Những ý nghĩ trái ngược nhau luẩn quẩn trong óc, Thanh không thể biết rõ đâu là sự thực.

* * *

Sau đó ít lâu, Ngọc nhận được lệnh của Hải ngoại Bộ phải lên ngay Côn Minh. Ninh có kèm thêm bức thư báo cho Ngọc biết là quân Nhật đã chiếm Liễu Châu, sắp tiến tới Độc Sơn, bóc lấy đường sắt, làm thiết lộ Liễu Châu - Nam Kinh mong nối liền con đường từ Mãn Châu tới Thái Lan để tiếp tế cho Đông Nam Á vì đường thủy bị Mỹ chặn. Một số anh em Việt Quốc và có thể một số anh em quân nhân Phục Quốc sẽ sang Côn Minh.

Ngọc bảo cho Thanh biết là chàng sẽ phải đi Côn Minh.

Cùng lúc đó Quân, người đứng đầu Việt Minh ở Vân Nam phái người xuống báo cho Thanh biết là Tứ và Nghệ từ khi về nước không thấy tăm tích đâu nữa. Thanh nói với đặc phái viên rằng nàng sẽ lên Côn Minh, cửa hàng ở đây tạm giao cho bà Su bên hàng xóm trông nom giúp vì nàng cần phải theo sát hành động của Ngọc. Đặc phái viên tán thành việc đó và dặn khi lên Côn Minh phải liên lạc chặt chẽ với Ngọc để xem vì cớ gì tự nhiên Ngọc lên Côn Minh và sẽ làm những gì trên đó.

Thanh nghĩ thầm, đôi mắt như cười :

«Ừ thì mình sẽ liên lạc với Ngọc, liên lạc thật chặt chẽ nữa là khác.»

Thế là tự nhiên Việt Quốc bảo Ngọc phải liên lạc chặt chẽ với Thanh còn Việt Minh thì ra lệnh bắt Thanh cũng phải liên lạc chặt chẽ với Ngọc.

Khi đặc phái viên đi khỏi, Thanh gục mặt xuống bàn để giấu một nụ cười :

«Bà Su mà pha thì có ma uống nổi. Còn Nghệ và Tứ? Bây giờ chỉ là hai bộ xương khô.»

Nàng lại nghĩ đến những lời Ngọc nói về Tứ và thương hại cho Tứ.

«Còn mình nữa chưa biết chừng mình không chết vì Việt Cộng thì cũng chết vì Việt Quốc.»

Trước khi đi, ngày nào Ngọc cũng lại nhà Thanh, có khi đến hai ba lần. Thanh hỏi :

«Anh đã đến từ biệt cô Phương chưa ?»

«Đến rồi.»

«Cô ấy có buồn lắm không ?»

«Buồn gì, đây với Côn Minh đi như cơm bữa, thỉnh thoảng tôi lại quay về Mông Tự. Có anh em làm Xếp tanh [86] đi lại có bao giờ mất tiền.»

«Thế bao giờ anh đi ?»

«Ngày mai.»

Thanh chạy sang bên hàng xóm độ nửa giờ rồi trở về:

«Xong cả rồi.»

«Xong cái gì chị Thanh ?»

---

86 Chef de train : Xa trưởng

«Mai tôi cùng đi với anh.»

Thanh nhìn Ngọc dò xét. Tuy trong lòng mừng lắm nhưng Ngọc cũng nhìn lại Thanh tỏ vẻ ngạc nhiên.

«Chị cùng đi với tôi. E không tiện.»

Thanh rất vui sướng khi nghe Ngọc nói «e không tiện» nhưng nàng làm như hiểu theo một nghĩa khác.

«Vì công việc có gì mà không tiện. Tôi đã nhận lời vào chi bộ mà anh làm chi bộ trưởng hôm nọ rồi; tuy anh chưa chính thức giới thiệu tôi với các anh em khác vì anh còn để tôi trong thời kỳ… thời kỳ gì nhỉ ? À, thời kỳ thử thách. Cùng đi là một cơ hội rất tốt để anh thử thách tôi, tha hồ mà thử. Bây giờ tôi lại xuống pha một cốc cà-phê thật ngon. Ngay mai, bà Su pha thì có ma uống nổi.»

«À, thế ra lúc nãy chị sang bà Su để nhờ bà ta trông nom dùm cửa hàng cho chị. Chị chưa được chi bộ trưởng chấp thuận mà chị đã tự ý rời bỏ đi. Chị làm việc vô kỷ luật như vậy, tôi e thời kỳ thử thách của chị sẽ bị kéo dài thêm.»

«Cái đó tùy anh. Càng kéo dài thử thách càng hay.»

Một lúc sau Thanh đem một cốc cà-phê phin lên, vẻ

mặt hớn hở :

«Mời anh xơi, kẻo ngày mai đến lượt bà…»

Ngọc cười tiếp theo :

«Bà Su pha thì có ma uống nổi.»

Thanh cũng bật cười theo :

«Thành thử tự nhiên tôi đặt ra một câu cách ngôn mới. À, này anh Ngọc, tôi còn nhớ hơn hai tháng trước anh có hứa sẽ đưa tôi theo khi anh đi công tác ở biên giới. Về biên giới vắng vẻ đi một mình với anh còn không tiện cho anh và nhất là cho tôi gấp mấy lần đi Côn Minh. Không về biên giới được thì ta đi công tác ở Côn Minh vậy. Khí hậu tốt hơn. Tôi cũng cần lên đấy nghỉ ngơi vì sau khi ốm thương hàn nặng, thần kinh suy nhược; hiện giờ tôi cũng chưa lại người hẳn. Vả lại tội gì anh phải đi boóng tầu hoả, lẩn lút khổ sở. Tôi sẽ lấy hai vé hạng ba ngồi thoải mái hơn. Anh nghĩ sao ?»

Ngọc gật đầu :

«Chị thì bao giờ cũng có lý. Vậy ngày mai chị sửa soạn cho kịp chuyến từ Cơ Cầu về Pi-Tsi-Chai đón xe đi Khai Viễn. Ở Pi-Tsi-Chai có hàng bán phở chua ngon lắm.»

«Anh thì lúc nào cũng chỉ nghĩ đến ăn phở. Hết phở cừu đến phở chua. Anh có biết ở Pi-Tsi-Chai có thứ gì ăn đặc biệt không ? Có một thứ chắc anh chưa nếm qua: con rận, chấy rận ấy mà. Pi-Tsi-Chai chữ Nho có hai nghĩa một là trại Bích Sắc tức là hòn ngọc sắc đỏ thắm, hai là chấy rận vì ở đấy nhiều chấy rận lắm. Anh tha hồ ăn.»

Chương mười bẩy

Thanh và Ngọc chọn hai chỗ ngồi đối diện nhau về phía tay trái. Thanh mặc chiếc áo Tàu xanh lam thẫm đã mặc hôm đi ăn ở Cổng Tây với Ngọc. Tuy đã nhiều lần qua lại con đường xe lửa men sườn núi rất đẹp ấy, nhưng lần này Thanh mới để ý đến phong cảnh. Tới một chỗ đường vòng, xe nghiêng hẳn đi, Thanh cho đầu ra ngoài cửa sổ, nhìn xuống vực sâu thăm thẳm tưởng như ở ngay dưới người mình. Gió thổi mạnh, tóc nàng bay tung xõa ra. Ngọc cũng nghiêng người nhìn xuống vực. Con đường xuống dốc nên xe chạy rất mau, Ngọc nghĩ đến một tai nạn đã xẩy ra trên cái dốc trước mặt Mông Tự quá ga Fai Si Long vì đường trơn xe bị trôi, hãm không được nữa. Chàng rùng mình một cái, lè lưỡi nhìn Thanh. Thanh hỏi :

«Anh mà cũng biết sợ chết à ?»

«Tôi sợ là sợ người khác chết.»

«Anh sợ ai chết ?»

Ngọc định nói sợ xe đổ Thanh chết nhưng chàng nói trạnh đi :

«Tôi sợ cho những người như anh Tứ.»

Thanh cau mày :

«Anh bị ám ảnh hay sao mà cứ nhắc mãi chuyện ấy. Thôi bây giờ ta ngắm cảnh. Anh có trông thấy dòng suối chảy ở tít dưới khe kia không ? Ở sân cái nhà cạnh suối có hai người đi nhưng tôi chỉ nhìn thấy bóng không rõ người.»

Tuy mắt để ý tới phong cảnh ở dưới nhưng Thanh cũng biết là Ngọc đương nhìn mình. Ngọc ngắm nghía hàng lông mi cong và dài của Thanh hơi rung rung trước gió, đôi môi Thanh để lộ mấy chiếc răng trắng; mắt nàng mở to và ánh nắng từ phía bên kia xiên ngang qua, Ngọc tưởng như ánh sáng tự ở lòng con ngươi chiếu ra, khiến mắt nàng trông đẹp, sắc sảo nhưng lẩn ở trong ngầm có một vẻ dữ tợn gần như độc ác. Ngọc quay mắt đi và hơi có vẻ rờn rợn sợ.

Tới Bích Sắc Trại, trong lúc đợi chuyến xe lửa Khai Viễn chạy, Ngọc rủ Thanh vào một hàng quen thuộc cạnh ga và gọi hai bát phở chua. Thanh bất đắc dĩ phải ăn nhưng ăn mấy miếng nàng cũng thấy ngon. Ăn xong Ngọc định gọi cà-phê thì Thanh cản lại :

«Anh muốn tôi chết à ? Cà-phê bà Su còn ngon hơn.»

Ngọc nói :

«Gần đây có đồng chí Vĩnh hay ta vào đấy uống cà-phê. Nhân tiện tôi giới thiệu chị.»

Thanh nghĩ đến chỗ cần biết nhiều nhà và tên các cán bộ của Việt Quốc, khi lên Côn Minh nói chuyện, Việt Cộng dễ tin hơn, nên nàng nhận lời ngay.

Đồng chí Vĩnh ở một con đường hẻm, cạnh ga, nhà chỉ có hai vợ chồng già; Vĩnh sang Vân Nam làm ở sở xe lửa có đến ba chục năm. Bà Vĩnh đương đứng ở cửa thấy Ngọc thì chạy ra đon đả :

«Lâu lắm mới gặp cậu. Xe lửa còn lâu mới chạy để tôi đi mổ con gà.»

Bà ta nhìn Thanh đi phía sau hỏi Ngọc :

«Cô Tàu nào đây ? Xạ-Phang [87] mà trông người lịch sự nhỉ ?»

«Không đồng chí đấy.»

Thanh vừa tới nơi cúi chào bà Vĩnh. Bà Vĩnh ngắm nghía Thanh một lúc rồi nói :

«Thế thì phải mổ gà.»

---

87 Tên những người ở các tỉnh khác bên Tàu và người Việt thường dùng để gọi người thổ dân Vân Nam

Thanh đặt tay lên vai bà Vĩnh ân cần hỏi vài câu. Thấy một bà hiền lành tính hơi lẩm cẩm mà cũng dự vào cách mệnh nàng không khỏi lấy làm lạ, mỉm cười tự nhủ : xe gần chạy còn nghĩ đến việc mổ gà, vặt lông, nấu nướng, nhanh cũng mất một tiếng đồng hồ.

Dẫu sao nàng cũng cảm động nói với bà Vĩnh :

«Nghe anh Ngọc nói bác pha cà-phê ngon lắm. Bác cho chúng cháu xin mỗi người một cốc là đủ rồi.»

Bà Vĩnh nói :

«Cậu Ngọc nói vậy thôi. Mời cô vào trong nhà.»

Thanh thấy căn nhà tuy nhỏ hẹp nhưng xếp đặt rất ngăn nắp và sạch sẽ ngoài sự tưởng tượng của nàng. Thanh hỏi :

«Bác trai đâu ?»

«Nhà tôi phải đi làm ở nhà máy. Để tôi chạy đi gọi về.»

«Thôi, bác ạ, để lần khác, chúng cháu còn qua lại luôn. Cà-phê đâu, bác để cháu đun nước pha lấy cũng được. Bác thử chạy qua ga hỏi dùm xem đúng mấy giờ tàu chạy.»

Bà Vĩnh ra ga hỏi giờ tàu chưa về, Thanh đã bưng hai cốc cà-phê mời Ngọc uống. Ngọc lấy làm ngạc nhiên vì Thanh không hỏi bà Vĩnh về chỗ để các thứ. Nàng như đã vào nhà này nhiều lần biết ngay chỗ nào để củi, để nước, ấm đường, cái lọc cà-phê. Ngọc nhìn Thanh thoăn thoắt làm những việc đó, nghĩ thầm :

«Cán bộ như Thanh thật là hiếm.»

Lúc từ biệt để ra xe lửa, Thanh với bà Vĩnh đã trở thành hai người rất thân. Bà Vĩnh cứ đứng tựa cửa nhìn theo hai người rồi lẩm bẩm :

«Thật là tốt đôi.»

Bà không lẩm cẩm như Thanh tưởng.

Vì nghẽn đường nên chín giờ đêm xe mới tới Khai Viễn; Ngọc cho đó là một sự may vì ở Khai Viễn có Việt Minh chứ không như ở Mông Tự. Hai người đi sau trước cách nhau một quãng. Ngọc đưa Thanh đến nhà một nữ đồng chí, giới thiệu Thanh rồi từ biệt để đến trình diện và báo cáo với Hải ngoại Bộ lúc đó đặt trụ sở ở phố Hán Vũ.

Sáng hôm sau hai người ra xe sớm và cũng đi riêng. Ngọc sau khi đi hết toa nọ đến toa kia xem xét cẩn thận rồi mới đến ngồi gần Thanh. Dọc đường tới ga Pô Si lúc

xe ngừng lại để hành khách ăn cơm, Thanh thấy năm sáu người lên xe kéo đến vây quanh lấy Ngọc. Ngọc nói :

«Lâu lắm mới gặp lại các anh.»

Một đồng chí già, má hóp, giữ về bưu điện và ở ngay trong ga chạy đi một lát rồi bưng lên cái khay có để trứng lập là, cà-phê sữa và một đĩa xôi với cái tỏi gà. Mọi người quây quần lại hỏi chuyện về sức khỏe của Ngọc và nhắc tới những chuyện vui buồn đã xẩy ra ở Pô-Si từ khi Ngọc đi đã sáu tháng nay. Thanh mua một cái bát cơm lạp xường của những người được phép vào ga bán. Nàng nhìn vào khúc lạp xường và mỉm cười. Ngọc cũng nhìn vào bát cơm, lấy tay che miệng. Hai người đưa mắt nhìn nhau rồi cùng mím môi để khỏi bật lên cười to.

Xe chạy, mọi người đứng nhìn theo Ngọc giơ tay vẫy. Xe đã ra khỏi ghi, Thanh cũng thò đầu ra và giơ tay vẫy những đồng chí chưa quen biết của nàng. Thanh trong lòng vui vẻ nhận thấy mọi người đều mến Ngọc, mến một cách thành thực như mến một người bạn rất thân. Không có gì tỏ ra trong sự vồn vã săn sóc ấy có một ẩn ý khác vì thực ra Ngọc chỉ là một liên lạc viên, cấp bậc nhỏ bé trong đoàn thể. Nàng không thể nào quên được cử chỉ của đồng chí già má hóp khi bưng khay đồ ăn lên

và đứng nhìn Ngọc ăn, mắt đầy vẻ trìu mến như một người mẹ hiền nhìn đứa con yêu sau một hồi xa cách.

Thanh bĩu môi nhìn Ngọc thầm nhủ :

«Người thế kia mà giết người.»

Nàng hỏi Ngọc :

«Ở đây anh có nữ đồng chí nào không ? Sao không thấy ra.»

Ngọc yên lặng không đáp rồi mỉm cười hỏi Thanh :

«Thế nào cô Xạ-Phang ? Lạp xường có ngon không?»

Thanh cau mày, nói giọng nũng nịu :

«Cơm cũng tồi, lạp xường cũng tôi. Không ngon bằng ruốc. Tôi trông đĩa trứng và cốc cà-phê sữa của anh tôi thèm rỏ rãi nhưng đợi mãi không thấy anh giới thiệu. Mà sao anh ăn khỏe thế; xôi với tỏi gà anh không nghĩ đến gói lại để phần tôi. Anh chỉ nghĩ đến anh thôi và đến ăn thôi. Tôi xin rút lui ra khỏi chi bộ ích kỷ của anh.»

Ngọc đáp :

«Tôi quên hẳn chị. Tại đói quá. Ai lại hơn một giờ

chiều mới ăn cơm. Mà phải đấy, chi bộ của tôi từ giờ trở đi gọi là chi bộ ích kỷ. Như thế kín đáo hơn. Chi bộ ích kỷ thì đến trời cũng không biết nó là chi bộ gì.»

«Trong lúc còn thử thách, anh với tôi hãy tạm lập một chi bộ lấy tên là chi bộ ích kỷ mà chi bộ chỉ có hai người thôi. Như vậy việc vẫn làm được mà chưa phải tuyên thệ gì cả. Nói thực với anh công việc giải phóng dân tộc thì tôi cũng hơi muốn làm nhưng tôi không thích đâm đầu vào cái «guồng máy».»

Tuy chỉ là một lời nói đùa nhưng Ngọc cũng cảm thấy Thanh có một ẩn ý, không nói thẳng ra cho chàng biết; chàng thấy Thanh bí hiểm và phải thành thật thú nhận rằng giữa Thanh với chàng vẫn có một cái gì ngăn cách như xui giục chàng tìm hiểu Thanh hơn. Tự nhiên chàng nghĩ đến Phương một cô gái ngây thơ hiền hậu; tuy Phương có những sự ngập ngừng vì e dè nhưng chàng đều nhận thấy rõ ràng lắm. Phương như một hòn bi thủy tinh trong suốt còn Thanh thì như một viên kim cương chưa thành khí; dưới lớp quặng, trong sáng hơn thủy tinh nhưng chưa lộ hẳn mà chàng cũng không dám chắc rằng đấy là kim cương.

Hai người bàn tính về cách thức đến Côn Minh là nơi mà Việt Quốc và Việt Cộng rất đông; tuy hai bên đều có tổ chức bí mật nhưng khó mà phân biệt chắc chắn rằng

ai là quốc gia, ai là cộng sản.

Đi khỏi Tây Trang, xe lửa chạy ngang qua cánh đồng trồng đào; hàng nghìn cây đào nở hoa, chỗ màu hồng nhạt chỗ màu hồng đậm. Về phía tay trái, ánh nắng chiếu làm sáng hẳn cả một vùng; hoa đào những khu vườn ở đấy nom không rõ, màu hoa đào lẫn vào trong ánh nắng trông như một làn sương màu vàng pha hồng lan dài trên những lá cây xanh đậm. Tuy đã nhìn thấy cánh đồng đào ấy nhiều lần nhưng Thanh và Ngọc đều ngồi yên lặng ngắm. Trong óc Thanh nẩy ra cái ý tưởng khi tới Côn Minh sẽ rủ ngay Ngọc đi chơi vườn đào; nàng tưởng tượng hai người sẽ cùng ngồi dưới bóng hoa sưởi nắng và nói chuyện. Nghĩ vậy nhưng Thanh bảo Ngọc :

«Để đợi khi đào chín, chúng mình sẽ xuống đây chơi. Chỉ việc trả một số tiền còn ăn tha hồ miễn là không được đem đi. Tôi chắc anh đã đến nhiều lần rồi, xem chừng anh thích ăn đào lắm.»

Ngừng một lát nàng tiếp theo :

«Cái gì mà anh chẳng thích ăn. Cả một cái tỏi gà lớn thế mà gặm một lúc xương đã sạch nhẵn.»

Ngọc nói :

«Đợi khi quả chín thì biết đến bao giờ. Hay mai kia ta đi xem hoa nở đi.»

«Tùy ý anh, hẹn trước anh chiều ngày mai nếu nắng trời.»

Hai người cũng đồng ý là khi tới Côn Minh thì làm như không ai biết ai. Thanh bảo cho Ngọc biết rằng nàng ở nhà một người bạn gái gần Tây Môn chỗ ngã ba đường có hiệu bán sách.

«Trưa mai anh đến ăn bò ở hiệu người Hồi giáo phía ngoài cổng. Nước dùng của họ ngọt hơn nước dùng «cô sèo mi siển» nhiều. Ăn ngọt và thanh lắm. Đúng mười hai giờ trưa tôi sẽ tới đấy. Nếu tôi lỡ bận thì hẹn anh ở trên gác quán nước chè Si Mâu về phía trong Tiểu Tây môn. Chỗ ấy vắng và anh ngồi tha hồ cả ngày cũng được.»

Thanh đưa cho Ngọc một tập giấy bạc quan kim :

«Đây là tiền bán áo anh gửi tôi. Tôi đã trừ đi tiền mười hai cốc cà-phê anh chưa trả.»

Ngọc cho tiền vào túi, không đếm.

Xe đã vào ga Côn Minh. Thanh và Ngọc cùng đứng lên. Thanh dặn :

«Tôi đi ra ga trước còn anh, anh ở lại. Anh vào nhà mấy người quen làm trong ga. Anh thì thiếu gì người quen.»

Thanh sẽ gật đầu chào Ngọc rồi xuống sân ga.

«Tối hôm nay mình phải lại Phúc Chiêu Cái trình diện và báo cáo với Quân cho xong đi, để mai được rảnh rang.»

155. Nhất Linh (8) - Giòng Sông Thanh Thủy

Chương mười tám

Ngày hôm sau, Ngọc đến ăn ở hiệu cơm Hồi giáo, Thanh đã tới trước đợi chàng. Ăn xong hai người đáp xe đi về phía cánh đồng đào. Trời nắng to nhưng mát vì có gió. Trên trời không vẩn một đám mây nào; hai người ngồi xuống một bờ cỏ mượt dưới bóng một cây đào lớn nở đầy hoa.

Thanh và Ngọc đều chưa biết bắt đầu câu chuyện gì, cứ ngồi yên lặng. Ngọc khi gặp Ninh có báo cáo là Thanh cũng lên Côn Minh với mình. Chàng nói đã làm thân được với Thanh và có một ý kiến rất hay :

«Em định lập riêng với Thanh một chi bộ lấy tên là Chi bộ Ích kỷ.»

Ninh nói :

«Chi bộ gì tên lạ vậy ?»

«Chính vì cái tên đùa cợt ấy mới không hại gì cho Đảng. Để em nói anh nghe. Sau một thời kỳ thử thách nếu không tuyên thệ và đặt Thanh vào một chi bộ nào thì Thanh sẽ oán; dùng người mà không tin hẳn thì thất sách, Thanh có thể quay về với Việt Minh. Nếu cho

Thanh vào hẳn tổ chức, ngộ nhỡ Thanh là Việt Minh trá hình thì nhiều việc sẽ bị lộ. Rất có thể hại cho Đảng. Vì vậy em đã bàn với Thanh và Thanh đã bằng lòng để lập một chi bộ có cái tên kỳ lạ như vậy. Thanh không cần phải tuyên thệ, không xen được vào dò xét nội bộ mình và…»

Ngọc mỉm cười nhìn Ninh ngập ngừng một lát rồi tiếp theo :

«Chi bộ ấy chỉ có hai người, em và Thanh.»

Ninh mủm mỉm cười hỏi lại :

«Chỉ có hai người ?»

Rồi chàng nghiêm nét mặt nói :

«Chú nên đề phòng. Việt Minh hay dùng mỹ nhân kế lắm. Chú đã đoán đúng một lần. Nhưng biết đâu không phải chính Việt Minh muốn chú thủ tiêu Nghệ vì một việc gì đấy mà họ mượn tay chú, mình không rõ; và nhờ đấy Thanh được lòng tin cậy của chú - và của cả tôi nữa. Không ai nghi ngờ Thanh đến lúc Thanh phản một lần khác, tôi e tính mệnh chú không còn mà nhiều việc lớn sẽ hỏng. Chú nên đề phòng mưu mô quỷ quyệt của chúng và nhất là mỹ nhân kế. Tôi đã nói với chú ở Mông Tự là Thanh đẹp…»

Ngọc ngắt lời :

«Thanh đẹp sao được bằng Phương; không nói anh cũng rõ là Phương với em…»

Ninh gật đầu :

«Tôi biết đã từ lâu; dẫu sao tôi chỉ có thể cho phép chú tha hồ thân với Thanh, rủ Thanh đi chơi đây đó; nếu thật chú làm được ngược lại nghĩa là chú quyến rũ được Thanh thì rất có lợi. Chú nên cố gắng.»

Ngọc nghĩ đến đấy quay nhìn Thanh và mỉm cười nghĩ thầm :

«Quyến rũ được Thanh. Thế là mình được lệnh quyến rũ Thanh, mà phải cố hết sức nữa.»

Trong trí Ngọc thoáng hiện ra vẻ mặt Thanh hôm đi từ Mông Tự đến Bích Sắc Trại khi nắng chiếu xuyên ngang có ngầm một vẻ dữ tợn và tàn ác.

Bây giờ dưới bóng hoa đào hai con mắt Thanh tuy sắc sảo nhưng không dữ tợn nữa, có vẻ hiền dịu đáng yêu. Thanh đưa mắt tìm một vật gì trong đám hoa; Ngọc cũng đưa mắt về phía Thanh nhìn mới nhận ra có một đôi chim đương chuyền từ cành nọ sang cành kia. Thanh nói :

«Như một bức tranh Nhật Bản.»

Có tiếng động hai con chim vụt bay đi làm mấy cánh hoa đào rụng tả tả; ngọn gió lại tình cờ đưa những cánh hoa tới chỗ hai người ngồi, rơi xuống vương vào tóc và rải rác trên áo Thanh. Thanh ngâm luôn :

«Thân em như cánh hoa đào

Phất phơ trước gió biết vào tay ai.»

Thanh tìm ra được đầu đề để bắt chuyện. Nàng muốn nhân lúc này kể rõ hơn cho Ngọc nghe về cuộc đời đau khổ của nàng :

«Đời tôi thực đúng câu : Đời em như cánh hoa rơi. Anh không biết…»

Ngọc nói :

«Phải đấy hôm trước khi đi Vân Sơn chị có kể cho tôi hay về đời của chị nhưng chỉ kể qua loa. Hôm nay có thể ngồi đây từ giờ đến chiều đợi xe Khai Viễn lên, chị tha hồ kể. Tôi muốn biết rõ về chỗ chị chán hết cả và nhất là chị cay ghét độc đàn ông mà tôi cũng là đàn ông.»

«Anh đâu có phải đàn ông.»

«Thế thì tôi là đàn bà à ?»

«Không, anh không phải đàn ông, anh là con trai.»

«À, ra thế.»

Hai người cùng bật cười và câu chuyện mỗi lúc mỗi tự nhiên hơn. Thanh cho Ngọc biết không phải chỉ riêng có chuyện chồng nàng lừa, nàng cũng đã có nhân tình sau khi biết chồng lừa để muốn báo thù :

«Tôi xấu lắm. Chính vì việc ấy mà chồng tôi đem tôi ra kiện, có chứng cớ nên tôi phải thua. Anh có biết thằng tình nhân của tôi nó làm gì không ? Nó lại lừa tôi. Nguyên tôi có một căn nhà đứng tên tôi, tôi có nhờ nó bán hộ. Nó vốn quen biết nhiều nên bán được giá cao, nhưng khi nhận được tiền nó cuỗm đi mất. Anh xem như vậy tôi không ghét đàn ông sao được.»

Nàng nói xong lấy vạt áo chấm nước mắt rồi với một vẻ tươi rất nhẹ trong đôi mắt ướt nàng nhìn Ngọc nói :

«Còn anh nữa tôi cũng ghét.»

Ngọc cũng kể thêm về Thuý và chị chàng. Chàng kể cho Thanh nghe cả về cuộc yêu đương tuyệt vọng của chị chàng với người học trò bên hàng xóm :

«Tôi tin là chị tôi không bao giờ sa ngã, nhưng lòng hai người đối với nhau như vậy tôi biết làm sao được. Tôi chỉ biết thương cả hai người.»

Thanh nói :

«Tôi thì khác, tôi oán thù đàn ông quá rồi nên tôi có thể…»

Nàng tìm chữ để khỏi nói những tiếng quá sỗ sàng nhưng bỗng nhiên nàng cảm thấy có thể nói với Ngọc bất cứ việc gì xấu xa mà không mảy may ngượng ngập.

Tại sao tự nhiên nàng lại có cái cảm giác ấy - nói đúng ra là một sự hồn nhiên - thì nàng không hiểu.

«Đối với người tình nhân của tôi, vì sự báo thù, tôi đã trao cả xác thịt mà không hối hận, mặc dù tôi không thấy một chút gì thích thú, có khi lại ghê tởm nữa.»

Không đợi Thanh nói hết, Ngọc gật đầu.

«Tôi hiểu, tôi hiểu chị.»

Hai người yên lặng. Một cơn gió lạnh thổi phào qua. Thanh lại tiếp, giọng nghiêm trang :

«Nhưng anh thì không đời nào tôi để anh…»

«Tôi cũng nghĩ như chị, vả lại chị đã biết hai đêm ngủ cùng nhà với chị nhưng tôi không hề có một ý nghĩ gì để tôi đáng thẹn với tôi.»

Ngọc nói xong nhìn vào hai mắt Thanh như muốn nhìn thẳng vào tâm hồn nàng.

«Chị làm những việc chị vừa nói, nhưng người đáng thương chính là chị. Chị chưa tìm được lối thoát. Còn tôi, tôi thú thực với chị rằng tôi đã yêu Phương; hôm ăn phở cừu xong tôi đến anh Hoạt, nhà chỉ có mình cô Phương, giá lúc ấy tôi hôn Phương thì dễ như không, nhưng tôi không muốn lấy Phương và cũng không muốn lấy ai cả. Đời tôi là một đời lông bông anh em gọi đùa tôi là Ngọc châu chấu đúng lắm. Tôi chỉ là một con châu chấu. Tôi sẽ là con châu chấu suốt đời tôi.»

Ngọc đứng lên rút con dao díp rồi tới gốc cây đào lấy dao vạch mấy nét. Thanh lại gần :

«Anh vẽ tài nhỉ. Chỉ vạch sẽ mấy nét mà trông giống quá. Đố anh vẽ được con cào cào.»

Ngọc cũng vạch qua mất nét và trên gốc cây hiện ra một con cào cào; chàng đề ngày tháng rồi gấp dao bỏ túi. Thanh nói :

«Tôi là con cào cào vì tôi… Tôi cũng muốn nhảy theo anh. Nhảy về biên giới anh không cho nhảy theo, bây giờ lại nhảy theo lên Côn Minh.»

Nàng nhìn chung quanh, ngắm hoa đào rồi tiếp :

«Nhảy theo anh vào đào nguyên, nhưng vì đây không có suối nên đúng ra phải nói nhảy theo anh vào vườn đào kết nghĩa… kết nghĩa đồng chí trong một chi bộ ích kỷ. Một đồng chí hờ trong một chi bộ ma. Có đúng thế không ?»

Ngọc hơi sờ sợ không hiểu tại sao Thanh lại biết được ý định thầm kín của mình mà ngoài Ninh không ai có thể rõ được. Bỗng chàng chợt nhớ lại và mỉm cười : Thanh biết được là vì ý ấy do chính Thanh nghĩ ra khi rời khỏi ga Pô-Si được một lúc, nhân nói đến cái tỏi gà.

Rồi hai người vừa đi vừa nói chuyện, quen chân cứ đi mãi vào vườn đào, lúc ra vì chỗ nào cũng giống chỗ nào nên tìm mãi không thấy lối. Thanh nói :

«Em mỏi chân lắm rồi.»

Lần đầu tiên nàng thốt nhiên xưng em với Ngọc; Ngọc cũng để ý đến ngay và sung sướng bảo Thanh :

«Hay là chị ngồi xuống nghỉ một lát đã.»

Thanh ngồi xuống cỏ lần này xoay hẳn mặt vào phía Ngọc :

«Bây giờ làm thế nào anh ? Hay là chúng mình lạc vào đào nguyên rồi.

Ngọc lắng tai nghe mỉm cười :

«Đào nguyên gì lại có tiếng còi tàu. Thôi chết không khéo tiếng còi tàu ở Khai Viễn về. Nhưng biết tàu ở về phía nào mình không lo nữa chỉ việc nhắm phía ấy mà tiến lên.»

Thanh vẫn ngồi yên không nhúc nhích :

«Tôi mỏi chân lắm rồi. Này anh Ngọc, không khéo chúng mình lạc vào đào nguyên mà ở đây một ngày có khi là một trăm năm ở chốn trần gian. Tiếng còi tàu chúng mình vừa nghe thấy có khi là tiếng còi tàu một trăm năm rồi.»

Ngọc nhắc tay xem đồng hồ. Chàng ngẫm nghĩ rồi bảo Thanh :

«Thế thì tội gì về trần thế.»

Ý chàng muốn ngồi lại, nhất là đêm nay có trăng sớm. Trời đã sâm sẩm tối và các thân cây đào dưới ánh trăng chiếu đã lờ mờ có bóng kéo dài trên mặt đất trắng. Ngồi

với Thanh ở dưới ánh trăng ngày mười ba và ngắm hoa đào, Ngọc như đương ở một cảnh đào nguyên thực, tuy đào nguyên có hơi lạnh hơn chút. Ngọc nói như nói một mình :

Ngồi ở vườn đào một đêm trăng tôi lại nhớ một đêm đã xa xăm, ngồi với Thuý ở vườn sau nhà.

Chàng cất tiếng khẽ ngâm :

«Trăng xưa vườn cũ sáng ngời
Bóng ai hoà lẫn bóng người năm xưa.»

Thanh yên lặng nghe :

«Buồn quá nhỉ ? Mà câu thơ của anh cũng buồn chết người. Bây giờ Thuý đã nằm trong mồ lạnh, chắc lạnh hơn cả tôi với anh đêm nay ngồi ở vườn đào này.»

Nói xong nàng tiếp theo câu chuyện bỏ dở cho Ngọc khỏi nghĩ đến Thuý nữa.

«Này anh, chúng mình lạc vào Đào Nguyên thực rồi đấy !»

Ngọc ngắt lời :

«Cảnh đẹp thế này thì đào nguyên giả cũng thành đào nguyên thực.»

Thanh nói :

«Tôi đã bảo anh ở đây có khi là một trăm năm ở dương thế. Nếu vậy bây giờ các lịch trong khắp thế giới đều đề hai nghìn linh bốn mươi tư, làm gì còn anh Ninh nữa, làm gì còn Việt Quốc, Việt Minh, chúng mình trở về hết cả việc làm, buồn chết. Thuý cũng như Phương cũng như thằng nhân tình đã đánh lừa tôi, như thằng chồng đã phụ bạc tôi chỉ còn tên lại trong gia phả. Thế là hết cả, còn lại mình tôi với anh. Trong lòng mình vẫn lo tranh đấu giành độc lập nhưng biết đâu nước mình đã độc lập từ gần trăm năm nay. Anh Ninh nếu làm nên công trạng giành độc lập - ấy là ví dụ thế, chứ xin lỗi anh, tôi không tin anh ấy làm được trò trống gì - thì tên anh ấy sẽ ghi vào lịch sử họ sẽ làm lễ kỷ niệm anh Ninh như bây giờ (bây giờ hay một trăm năm sau) người ta làm lễ kỷ niệm Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo. Quê anh Ninh ở đâu nhỉ ?

«Hình như ở làng Mộc thì phải. Chị hỏi làm gì ?»

Thanh đáp :

«Thì ở làng Mộc chắc có đền thờ anh Ninh cũng như đền thờ Kiếp Bạc, họ đến họ cắt lưỡi siên lình, họ cũng sì sụp lễ vái rút thẻ cầu tài cầu phúc, các bà đồng bà cốt tha hồ làm giầu, lúc đó có lẽ anh Ninh lại thích được

trở về cuộc đời cách mệnh và sai anh đi giết người như ngoé.»

Thanh cất tiếng cười :

«Còn tôi ấy à ? Gia phả không có tên, bà con thân thích không có, còn lại hoạ chăng ở thư viện những giấy tờ chồng tôi kiện về tội bắt được quả tang ngủ với trai. Ngàn thu sử sách còn ghi tên tôi lại, sử đây là luận đề của một ông tiến sĩ nào lấy việc theo trai của tôi để nghiên cứu về mặt luật pháp xem chồng tôi phải hay tôi phải. Còn anh ấy à ? Chắc bà chị anh trước khi chết cũng nhắc đến tên anh và rủa theo đúng như anh kể chuyện lại với tôi «thằng Ngọc chết tiệt đi đâu biệt tích không thấy về», có biết đâu nó đương ở Thiên Thai với cô hàng cà-phê Thanh Hương.»

Ngọc thấy hay hay vội nói :

«Nếu tôi trở về thì chẳng biết liên lạc với ai nữa, còn chị lúc đó mới thật là đồng chí hờ của tôi trong một chi bộ ma, chi bộ ích kỷ. Công việc chính của chi bộ lúc đó mới thật đúng với tên, chỉ có việc ăn.

Trăng mỗi lúc một lên cao; hai người đã trông thấy mặt nhau. Hai mắt Thanh vì hơi sâu nên Ngọc không nhìn rõ hẳn; thỉnh thoảng khi nàng ngửa mặt, hai con ngươi

nàng phản chiếu ánh trăng long lanh sáng sau hàng lông mi đen, một thứ sáng mơ hồ, huyền ảo. Thoảng trong môt lúc Ngọc có cái cảm tưởng như Thanh là một con hồ ly đương nhìn chàng để quyến rũ. Ngọc định giơ tay nắm lấy tay Thanh, ngồi xích lại gần rồi đặt đầu Thanh ngả vào vai mình; Thanh chắc sẽ ngửa mặt và Ngọc sẽ nhìn thẳng vào đôi mắt nàng trong sáng dưới ánh trăng rồi ngỏ lời :

«Anh yêu em từ lâu.»

Nhưng chàng vẫn ngồi yên. Ở tận nơi nào thật xa có tiếng người gọi nhau. Một lúc sau Ngọc hỏi :

«Thế trong một trăm năm dưới hạ giới có còn lại cái «guồng máy» của chị không ?»

Thấy trong một lúc lâu Ngọc cứ đăm đăm nhìn mình yên lặng, Thanh cũng đoán được đây là cơ hội rất hiếm có để Ngọc ngỏ tình yêu với mình và Ngọc đang suy nghĩ về việc đó. Tự nhiên nàng hé môi mỉm cười :

«Chắc cu cậu còn ngượng đang tìm cách nói cho ổn cũng như khi định giết người nào thì tìm câu nói để người ấy tin.»

Trong cảnh sáng trăng dưới những vùng hoa đào màu hồng lạt gần như trắng, Thanh cũng muốn ngỏ lòng

mình với Ngọc. Môi nàng mấy lần mấp máy định nói : «Em yêu anh» nhưng lại thôi.

Chỉ nói có ba tiếng mà sao nàng thấy khó khăn quá. Nghe Ngọc hỏi, Thanh nói như cái máy, tâm trí vẫn còn triền miên trong giấc mộng đẹp chưa tan :

«Cái «guồng máy» nào ?»

Ngọc cười :

«Cái «guồng máy» của chị đặt ra ấy mà.»

«A, cái «guồng máy».»

Thanh lại trở về với hiện tại :

«Cái «guồng máy» ấy thì vẫn còn, còn mãi. Anh đã xem Đông Chu liệt quốc và Tây Hán chưa ?

«Có, tôi có đọc nhiều lần.»

«Đấy, anh xem cái guồng máy đã có từ mấy nghìn năm trước. Anh chắc còn nhớ Vệ Ưởng nước Tần, Phạm Lãi với Văn Chủng nước Việt, Hàn Tín với Trương Lương đời Tây Hán. Vệ Ưởng, Văn Chung, Hàn Tín đều bị cái guồng máy nó nghiến nát nhừ cũng như nó sẽ nghiến anh Ninh và cả anh nữa. Cũng may là hiện giờ anh đương ở Đào Nguyên với tôi. Nào đã có được mấy người thoát,

hoạ chăng có Trương Lương đi tu tiên, Phạm Lãi đi dạo Ngũ Hồ và đời Đông Hán có Nghiêm Tử Lăng về câu cá ở Phú Xuân Sơn. Ở đời bao giờ cũng vậy : tiến rất dễ, lui mới khó. Vậy nếu bây giờ chúng mình trở về nơi trần thế, cuộc đời chắc đã biến đổi nhiều nhưng cái guồng máy ấy nó vẫn còn. Anh lại sẽ bị lôi cuốn vào đó, mà tôi cũng vậy, chắc tôi cũng vì anh mà bị lôi cuốn theo, nhưng lại bị lôi cuốn về những việc khác.»

Ngọc nói :

«Nhưng lần thứ hai tôi cũng cứ lăn lưng vào với…»

Chàng định nói : «với chị» nhưng chàng giữ lại được, tiếp theo :

«Nếu tôi có bị nghiến nát nhừ cũng cam tâm.»

Thanh nói :

«Tránh thế nào được số trời. Mỗi người sinh ra đã có sẵn một cái «kiếp», tiếng Ấn Độ là gì, tôi quên mất rồi, hình như là Karma. Trong Kiều cũng có những câu ở đoạn kết :

Ngẫm hay cơ sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong trần phải phong trần

Cho thanh tao mới được phần thanh tao
Có đâu tây vị người nào.»

Mới đầu Thanh đọc rồi tiếng đọc đổi thành tiếng ngâm rất hay :

«... Đã mang lấy Nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.
Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ tài...»

Thanh ngừng lại. Ngọc giục :

«Chị ngâm nữa cho tôi nghe đi. Ở Đào Nguyên quanh năm chỉ có tiếng ca hát thôi.»

Bỗng trên trời có tiếng động cơ rồi hiện ra một chiếc máy bay tuần tiễu của Mỹ dưới có để đèn xanh đèn đỏ. Thanh cười rồi nói :

«Và cả tiếng phi cơ nữa. Tôi thấy anh lúc nào cũng như ở trên cung trăng.»

Ngọc cãi :

«Tôi ở trên cung trăng nhưng những lúc đó thì thực tế lắm. Còn chị ấy à ? Chị rất thực tế nhưng đầu óc vẫn mơ tưởng cung trăng.»

Thanh đứng lên :

«Nghĩa là ý anh định nói anh mơ mộng nhưng thực tế còn tôi thực tế nhưng mơ mộng. Tôi với anh tâm hồn giống nhau lắm nhỉ nhưng chỉ khác một tí thôi. Bây giờ ta về chứ. Để anh dẫn đường.»

Ngọc đã định được hướng nhờ có trăng nhưng chàng cũng cứ đi quanh quẩn để cuộc du lịch dưới trăng kéo dài thêm ra.

Tới đường cái đợi mãi mới có ánh đèn một chiếc xe đi về Côn Minh. Thanh chạy ra, vẫy tay. Xe ngừng lại mới biết đó là một cái cam nhông của quân đội Mỹ. Thanh tiến về phía người tài xế và nói tiếng Anh với người tài xế Mỹ. Sau một hồi thương lượng, họ bằng lòng cho đi nhưng vì ở phía trước không có chỗ nên Thanh và Ngọc phải ngồi ở phía sau.

Con đường đất và xóc, lại trúng vào mùa khô nên bụi bay lên mù mịt, khiến Thanh phải lấy khăn phủ tóc, còn Ngọc lấy cánh tay áo che mũi. Hai người nhìn nhau, Thanh nói :

«Ai bảo cứ muốn bỏ nơi thiên thai về nơi trần thế. Bây giờ tha hồ ngửi bụi trần.»

Nàng tiếp theo :

«Đương ở thiên thai nhảy ngay xuống xe quân đội Mỹ.»

Hai người cùng cất tiếng cười rồi yên lặng nhìn nhau. Xe đi đã xa gần tới Côn Minh bụi đã bám vào đầy tóc đầy áo nhưng cả vườn đào tươi như con đường nở hoa trong lòng Thanh và Ngọc.

Chương mười chín

Buổi sáng Thanh đến ngay nhà Quân để báo cáo :

«Hôm qua tôi rủ anh chàng đi chơi cánh đồng đào. Ngồi đến khi trăng lên mới về. Anh chàng xem chừng mê đặc rồi; tôi để anh chàng cầm lấy tay. Lúc đi dưới ánh trăng có lần anh chàng đã ôm ngang lưng tôi, nhưng tôi vẫn làm cao chưa chịu; có làm khó khăn anh chàng mới càng thèm muốn hơn. Anh chàng cho biết là có Tường ở Đồng Minh Hội tới huyện An Thuận đã trốn được về; nhờ xe Mỹ, có lẽ sắp tới Côn Minh.

Quân vuốt bộ râu lơ thơ nói với Thanh :

«Tường là tay lợi hại lắm lại rất có tiếng ở trong nước. Đồng chí phải tìm cách làm thế nào để Ngọc giới thiệu đồng chí với Tường và dò xét cẩn thận hành vi của Tường. Tường mà sang đây thì bao nhiêu Việt kiều lừng khừng sẽ theo về Tường hết. Tụi nó lại thêm mạnh cánh.»

Thanh nói :

«Được, tôi tin sẽ dò xét được. Còn Ninh thì tôi thấy cả ngày ở nhà, viết nhiều lắm. Tôi đoán nay mai Ninh lại về Mông Tự để thông tin với trong nước. Có thể Ngọc sẽ về nước; Ngọc đi thế nào cũng rủ tôi đi cùng.

Đồng chí đã có tin tức gì về Nghệ và Tứ chưa ?»

Quân đáp :

«Vẫn biệt vô âm tín. Tôi e Tường sang đây thì thế nào Ngọc cũng về nước đem thư của Tường về để đưa thêm người sang. Đồng chí cần dò xét nhất là về sự liên lạc của Tường với tụi Mỹ.»

Thanh đứng dậy nói :

«Anh Nghệ chắc đương bí mật hoạt động từ Đồng Văn tới Hoàng Su Phì. Ngọc có cho tôi hay là đã giới thiệu Nghệ với mọi người trong các tổ chức bí mật ở biên giới. Để vài hôm nữa, tôi sẽ báo tin về Tường. Hôm nay anh chàng Ngọc rủ tôi đi ăn ốc sống ở chùa Cá. Tôi phải đi ngay.»

Thanh đi rồi, Quân liền phái Kiệt đi ra chùa Cá. Thanh đã hẹn trước đợi Ngọc ở một hàng nước chè ở Ngũ Hoa Sơn. Thấy Ngọc đến, Thanh nói luôn :

«Hôm nay tôi thết anh, rất rẻ mà rất ngon. Chúng mình đi chùa Cá ăn ốc sống.»

Ngọc tán thành ngay :

«Thế thì tuyệt. Tôi thích nhất ốc sống chùa Cá. Ăn giòn mà ngọt lại rẻ tiền nữa.»

Gần đến nơi, Thanh nói :

«Tôi cũng thích ăn ốc sống. Nhưng tôi không lấy ớt.»

«Phải có ớt mới ngon chứ.»

Ngọc lại bất giác nghĩ đến Tứ chắc nhiều lần ra đây nhắm rượu với ốc sống.

Thấy bà hàng, Ngọc hỏi :

«Tôi có một người bạn hẹn tôi ở đây, bà cụ đã thấy đến chưa ?»

Bà cụ người Tàu nhưng thường hay để ý và nhớ rõ mặt những người Việt. Trừ những người ở lâu năm còn những người khác nói tiếng lơ lớ bà cụ biết ngay là người Việt :

«Ông bạn của ông tên là gì ?»

Ngọc nói giọng đùa :

«Người bạn của tôi không có tên.»

Bà cụ cũng nói đùa lại :

«Người gì mà lại không có tên. Thế mặt mũi thế nào?»

Ngọc kể qua loa cho bà cụ bán hàng biết dáng điệu

của Tứ. Bà cụ tỏ vẻ niềm nở :

«Tôi biết rồi. Ông ấy đến ăn luôn ở hàng tôi, đeo kính cận thị, yết hầu lộ và răng hơi vổ.»

Bà cụ giơ hai tay lên :

«À, ra ông «cận thị», ông ấy tính vui vẻ quá, mỗi lần đến ăn ốc sống ông ấy trả tiền hậu hĩ lắm. Có khi còn tiền lẻ ông ấy hay cho cháu. Nhưng độ này dễ đến gần một năm tôi không thấy ông đến nữa. Tôi nhắc ông nếu gặp ông «cận thị» thì mời ông lại hàng. Độ này tôi có thứ rượu trắng ngon lắm. Ông ấy có khi ngồi cả buổi chiều nhắm rượu, say nằm kềnh ra cái phản con, lúc dọn hàng về tôi phải đánh thức mãi mới chịu dậy. Có những lúc say rượu quá, ông ta vừa ăn vừa khóc nước mắt mờ cả kính. Tôi chắc ông ta có điều gì buồn nhưng hỏi thì không chịu nói cứ bảo là tại ớt tôi cay.»

Bà cụ vốn quen biết cả Ngọc và Thanh nên vui miệng nói tiếp :

«Ớt của tôi đâu có cay. Có một hôm trời mưa vắng khách, ông ta cũng mò đến uống say rồi nằm ra cái phản khóc nức nở. Chắc ông bạn của cậu có việc gì buồn.»

Ngọc đáp :

«Không, ông ấy vui vẻ lắm. Nhưng hễ uống rượu say vào là khóc như khóc mẹ chết. Bây giờ, ông ta cai rượu, cai hẳn và có thề với tôi, thề độc lắm nên hôm nay tôi mới rủ ông ấy đến ăn ốc. Ăn ốc mà không có rượu thì kém ngon nhiều lắm, nếu ông ấy nhịn được rượu thì chắc là cai hẳn được. Bà cụ đã hiểu rõ chưa ?»

Bà cụ hỏi :

«Nhưng sao ông ấy hay khóc thế ?»

«Bà cụ không rõ. Những người say rượu có người đi ngủ ngay, đấy là hạng tiên tửu, có người thích ngồi, có người đánh chửi vợ con, cũng có người cứ uống rượu vào là khóc.»

Bà cụ cười. Thanh cũng cười theo nói :

«Thế thì hôm nào tôi cũng uống rượu xem tôi thuộc về hạng nào.»

Nàng bảo bà hàng rót cho một cốc nhỏ rượu trắng rồi cầm cốc nốc một hơi cạn. Nàng sặc lên ho và nước mắt ứa ra :

«Đấy bà cụ xem tôi cũng giống ông cận thị. Mới uống đã khóc rồi.»

Nàng lau mắt ăn hết bát ốc sống. Chính nàng cũng thương Tứ và thương cả mình nữa vì nàng với Tứ cảnh ngộ hơi giống nhau ở chỗ đã bị lừa, bị lôi vào guồng máy. Tứ đã chết nhưng còn nàng ? Biết đâu nàng sẽ không bị chính Ngọc giết nàng cũng như Ngọc bất đắc dĩ giết Tứ.

Nhìn quanh không có ai Thanh bảo Ngọc :

«Anh lúc nào cũng bị Tứ ám ảnh.»

«Tôi không đời nào quên được.»

Thanh quay nhìn Ngọc :

«Biết đâu không có ngày anh cũng bắt buộc giết tôi như Tứ. Anh có hối hận đi thì cũng vô ích. Tôi sẽ chỉ còn là một đống xương trắng, cạnh bờ một dòng suối trong của một khu rừng nào ở biên giới. Nhưng tôi không sợ. Lúc nào tôi cũng sẵn sàng đón cái chết. Đón chết thì không sợ chết nữa. Này anh Ngọc, một hôm tôi bói Kiều gặp ngay câu : «Dẫu rằng xương trắng quê người quản đâu. Còn anh nữa ? Biết đâu không có ngày anh cũng như tôi, anh chỉ còn bộ xương khô cạnh bờ suối. Anh sẽ được gặp lại Thuý. Cô Phương tha hồ mà đợi anh. Chi bộ của tôi với anh lúc đó mới thật là một chi bộ ma.»

Ngọc cũng nhìn lại Thanh :

«Chị tưởng tôi sợ à ?»

Chương hai mươi

Lúc hai người ra khỏi chùa Cá, Thanh tuy say lảo đảo nhưng cũng thoáng thấy Kiệt ngồi ở một bàn nước chè ngoài trời, khuất sau bụi cây. Nàng nghĩ thầm : Quân chắc cho người rình mình.

Nàng đi sát hẳn vào người Ngọc. Ngọc cúi nhìn Thanh thấy đôi má hồng của nàng biến thành màu đỏ. Thanh nghĩ thầm :

«Phải làm thế nào cho Kiệt biết là Ngọc đã bị mình quyến rũ.»

Nàng cất tiếng nói to :

«Chúng mình ra xem cá đi.»

Hai người đến dựa vào lan can nhìn những con cá vàng to bằng con cá chép bơi lượn dưới nước. Phần vì biết Kiệt đương nhìn mình phần thì bạo dạn vì say rượu, nàng giơ tay chỉ : «Kìa anh xem con cá kia mới to», vừa nói nàng vừa nghiêng đầu như để cố nhìn con cá, má nàng chạm hẳn vào má Ngọc và nàng cứ để yên như vậy. Rồi nàng lại chỉ về phía khác thốt lên lời mừng như trẻ con : «Con cá bên này còn đẹp hơn». Ngọc quay nhìn và cũng bắt chước Thanh cố ý để má chàng chạm vào má Thanh. Một hơi nóng thấm dần vào mặt chàng;

Ngọc hít hơi mấy cái nói :

«Nhiều cá thế mà nước ao không tanh.»

Một mùi thơm nhẹ từ tóc Thanh thoang thoảng trong gió, Ngọc tưởng như mùi thơm của không khí trong, mùi thơm của nắng trên những lượm lúa nếp mới gặt về phơi ngoài sân.

Thanh mỉm cười :

«Chắc thế nào về Kiệt cũng báo cáo với Quân là Ngọc đã bị mình quyến rũ được rồi.»

Nàng đứng thẳng người bảo Ngọc :

«Quên khuấy đi mất. Ăn xong mình chưa uống nước chè cho đỡ tanh miệng. Anh có biết cái lầu có gác kia là một quán nước chè không ?»

«Tôi chưa vào đấy bao giờ.»

«Thế để tôi đưa anh vào.»

Hai người theo một con đường nhỏ khuất khúc rồi đến một cái lầu.

Người chủ quán còn trẻ thấy Thanh đến, nói :

«Lâu lắm mới lại thấy cô đến, dễ có khi hơn một năm rồi.»

Ngọc nghĩ thầm : Một năm qua mà anh chàng chủ quán vẫn còn nhớ đến Thanh. Chắc anh chàng này

cũng si mê về sắc đẹp của Thanh. Đã có lần chàng đi qua một trường nữ trung học gần Ngũ Hoa Sơn vào đúng lúc giờ tan học. Hàng trăm cô nữ sinh Vân Nam dạo qua mặt chàng; tuy người nào cũng mặc áo xanh lam như Thanh nhưng trong bọn một hai trăm cô nữ sinh cô nào cũng cục mịch, má phính và chân to như cái bắp chuối hột. Chàng tưởng Thanh nếu đi lẫn vào đám nữ sinh ấy thì Thanh sẽ thanh nhã như một tiên nữ trên trời rơi xuống.

Hai người lên gác rồi ra chỗ bao lan có để bàn uống nước. Thanh có ý tìm Kiệt nhưng không thấy bóng dáng nữa mà vào cái lầu ấy chỉ có một con đường nhỏ hai bên toàn hồ ao. Nàng nghĩ thầm, mỉm cười :

«Chắc Kiệt đã về báo cáo với Quân cho là mình đã làm tròn phận sự.»

Ngọc hỏi Thanh :

«Sao sáng hôm nay tôi thấy chị cứ mỉm cười luôn.»

Thanh chỉ lên bức tường :

«Anh xem kia kìa.»

Trên tường có những nét vẽ và viết chi chít; có những hình vẽ rất nhảm nhí lại có những dòng tên viết song đôi. Thấy có chỗ đề một bài thơ, Thanh bảo Ngọc :

«Ta lại xem bài thơ họ viết kia đi.»

Tới nơi hai người cùng đọc thì là một bài Đường thi :

Khứ niên, kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong [88]

Thanh hỏi :

«Anh có biết bài này không ?»

«Không.»

«Anh không thấy hai câu trong Kiều : «Chung quanh nào thấy bóng người. Hoa đào năm ngoái còn cười gió

88 Dịch nôm là: Năm ngoái ngày hôm nay cũng ở giữa cổng này. Mặt người và hoa đào chiếu ánh hồng lẫn nhau. Mặt người không biết đi nơi nào. (Chỉ còn lại) Hoa đào cười với gió đông như cũ.

đông» là lấy ở hai câu cuối bài này à ? Anh giỏi thơ anh thử dịch ra thơ nôm xem.

Ngọc cười nói :

«Tôi chỉ biết ngắm phong cảnh còn thơ thì tôi xin chịu. Tôi chỉ thấy câu : «Nhân diện đào hoa tương ánh hồng» hợp với cảnh đi chơi hôm qua ở vườn đào quá.»

Thanh bảo :

«Anh cho mượn cái bút máy.»

Nàng cầm bút loay hoay nghĩ rồi viết lên tờ giấy nhà hàng để trên bàn :

«Tôi dịch xong rồi. Dịch hơi láo một tí.»

Ngọc nói :

«Ở đây vắng người chị thử ngâm cho tôi nghe. Dịch láo cũng được.»

«Tôi dịch không đúng nguyên văn nhưng ý thì hay lắm.»

Rồi nàng vừa mỉm cười vừa ngâm :

«Hôm nay chàng Ngọc đến bên song
Mặt Ngọc hoa đào một sắc hồng
Mặt Ngọc mai về công tác trạm
Hoa đào khép cánh oán đông phong.»

Ngọc khen hay, ngẫm nghĩ một lát rồi nói :

«Tôi đổi hẳn đi có được không ? Thơ tôi trả lời hai câu cuối chị oán tôi không bằng lòng để chị về biên giới thăm đất nước nhà. Thơ không hay lắm, nhưng thực tế.»

Rồi chàng đọc cho Thanh nghe :

«Lòng những mong về đất nước nhà,
Hay đâu xương mục chốn rừng xa.
Oán thay «guồng máy» ai bầy đặt
Chi bộ hai người hoá bộ ma.»

Thanh gật đầu khen thơ của Ngọc hay hơn thơ của nàng nhiều.

«Nhưng mà anh làm thơ thế sái quá. Ngộ chết thật thì sao ?»

«Chị muốn làm cách mệnh mà còn tin nhảm thơ sái. Chị sợ chết à ?»

Thanh nhìn thẳng vào mắt Ngọc :

«Thì tôi vừa bảo anh lúc nào tôi cũng sẵn sàng đón cái chết. Anh quên rồi sao ? ««

Rồi nàng cất tiếng ngâm :

«Oán thay guồng máy ai bầy đặt

Chi bộ hai người hoá bộ ma.»

Mải làm thơ và ngâm thơ Thanh đã quên bẵng Kiệt. Lúc nàng nhìn xuống thấy Kiệt đứng ở sân, nấp sau một bụi cây. Nàng bảo Ngọc to giọng :

«Thôi ta về thôi. Đi ăn cơm đi không em đói lắm rồi.»

Chữ «em» nàng nói cốt cho Kiệt nghe thấy. Lúc xuống lầu thì Kiệt đã vội vã đi thẳng ra chùa Cá.

Mấy lần nhìn lại không có bóng Kiệt hay bóng ai theo, Thanh rủ Ngọc đi về phía Cổng Nam, tới một hiệu nàng biết là ăn ngon và rẻ.

Tối hôm ấy nàng về báo cáo với Quân rằng nàng cũng đã lập một chi bộ có hai người lấy tên là Chi bộ Ích kỷ, như vậy không phải tuyên thệ mà vẫn dò xét được mọi công việc. Ngọc có cho nàng biết là Tường ngày kia sẽ tới Côn Minh cùng với một số quân nhân Phục Quốc. Tường sẽ ở lại Côn Minh độ một hai tháng và định ra tờ báo bằng tiếng Anh. Ninh đã kiếm một hãng thuốc

lá để cho mấy quân nhân Phục Quốc ở, còn Tường sẽ ở nhà ai nàng chưa rõ.

Quân lại vuốt bộ râu lơ thơ, tỏ lời khen Thanh.

Từ lúc đó Thanh đi lại các nhà quen thuộc ở Côn Minh không thấy có Kiệt hay bất cứ ai theo dõi mình nữa. Quân đã tin hẳn nàng và bảo các cán bộ để nàng tự do hành động.

Chương hai mươi mốt

Ngọc vì bận rộn về Tường, một số đồng chí và độ mươi anh em quân nhân Phục Quốc từ Liễu Châu qua huyện An Thuận rồi sang Côn Minh nên ít khi gặp Thanh. Vì Tường về, Ninh cần gặp Ngọc luôn; Ngọc phải tìm một căn gác rất kín ở Ngũ Hoa Sơn để Tường ở và Ngọc cũng phải ở luôn đấy phụ trách cơm nước, chạy những việc lặt vặt và liên lạc giữa Tường và Ninh.

Ngọc có thiện cảm ngay với Tường vì Tường rất ít nói, suốt ngày ngồi suy nghĩ nếu không đọc sách chữ nho, chữ Anh và chữ Pháp. Tường đã đi Liễu Châu hai năm không về Côn Minh là chỗ có nhiều kiều bào ở, nên Tường chỉ thích ăn những món Việt : dưa chua hay đậu rán. Ngọc phải đi chợ về nhà muối dưa cùng rán đậu. Lần đầu tiên trong đời Ngọc phụ trách việc làm bếp, nước dưa lúc thì mặn lúc thì nhạt nhưng Tường ăn vẫn ra vẻ ngon lành. Tuy Tường bận những việc Ngọc cho là quan trọng lắm, nhưng Tường cũng giúp Ngọc một tay, nấu nướng hoặc rửa bát. Tường không bao giờ gắt gỏng với chàng một câu; đêm tối hai người cùng nằm một giường, Tường hỏi chuyện về học thức và thân thế của Ngọc. Ngọc thú thực hết cả và kể cả đời riêng của mình cho Tường nghe. Tường nói :

«Tôi tuy bận mà bận những việc bí mật dẫu đối với chú cũng không nói ra được, nhưng những lúc rảnh rang tôi sẽ dạy chú học. Chú cần phải nghiên cứu về các lý thuyết chính trị và nhất là lý thuyết của Đảng. Cần phải thông hiểu sự biến chuyển của thời cuộc và nhận định cho đúng, như thế mới thành cán bộ giỏi; lý thuyết của Đảng là thứ xi-măng chắc chắn nhất để hàn gắn chú với tôi, với các anh em cán bộ khác. Người ta ở đời phải sống vì một lý tưởng; tôi với chú trước chưa biết nhau, chú săn sóc tôi và giúp đỡ tôi rất nhiều việc nhưng tôi cần chú phải cùng tôi theo đuổi chung một lý tưởng. Hành động mà không có một lý thuyết đưa đường dẫn lối rất có thể đi đến chỗ sai lầm mặc dù mình nhiệt tâm. Vẫn biết công cuộc đuổi Pháp là một công cuộc cần kíp nhưng đến lúc cần kiến thiết nước.»

Ngọc thốt kêu :

«Nghe anh nói em tưởng như nghe nữ đồng chí…»

Chàng định tiếp «Thanh nói» nhưng chàng ngừng lại được. Tường tiếp theo :

«Bây giờ tôi thấy cần ra một tờ báo bằng tiếng Anh, tôi rất bận vì công việc chuẩn bị viết bài, chú là người liên lạc với đồng chí Ninh và các đồng chí khác về việc ấn loát. Công việc nhiều, tôi cũng cố giảng giải cho chú

biết về các lý thuyết chính trị và vì sao nhân loại…»

Ngọc ngồi lắng nghe. Chàng không hiểu rõ lắm nhưng cũng nhận thấy một chút gì quan trọng nó bao trùm hết thảy và xúi giục người ta hành động hoặc trong phe này hoặc trong phe khác. Chàng nghĩ thầm :

«Lại cái «guồng máy» của Thanh.»

Tường nói tiếp :

«Chú cần rõ, phải tin chắc chắn là nhân loại sau này sớm muộn cũng đi đến dân chủ. Nhưng muốn tới đó, nhân loại đã phải trải qua mấy ngàn năm. Chắc chú đã đọc truyệnĐông Chu liệt quốc… (Ngọc nghĩ thầm «lại Đông Chu liệt quốc» cũng y như Thanh) ngày xưa vua với dân cách biệt nhau xa lắm, mà không những dân, cả đến những bậc công hầu hay tướng soái cũng vậy. Họ chết vì vua dẫu cho vua có lỗi đi nữa. Đời họ thuộc về một người, sống chết ở tay người đó. Đấy là chữ Trung hiểu theo nghĩa ngày xưa. Bây giờ cộng sản cũng nêu lên dân chủ nhưng hàng mấy trăm triệu người sống để cung phụng, không phải là một ông vua nữa, mà là một số người nắm chính quyền. Số người ấy cũng cầm trong tay mình sự sinh tử của dân. Không trung với vua nữa nhưng trung với một số vua nhỏ… Bây giờ chú tranh đấu là tranh đấu cho nền dân chủ thực sự của nhân loại.

Đời chú cần phải noi theo lý tưởng đó. Nói riêng với chú, ngay trong đoàn thể ta cũng có những người trên coi người dưới như tay sai tôi tớ nữa, để đến khi đuổi được Pháp đi rồi, các cán bộ lại trung với một số cao cấp nắm chính quyền. Nô lệ vẫn còn tuy chữ trung đã đổi nghĩa đôi chút…»

Tường nói nhiều lắm và Ngọc phải cố lắm mới ngăn được cái ý tưởng cũng coi Tường như một ông vua đời xưa và chàng sợ sẽ sa vào cái lầm về chữ Trung mà Tường vừa đả kích. Trông vẻ mặt Tường khi nói, Ngọc thấy như có một sự đau khổ ngấm ngầm, chàng không hiểu vì cớ gì nhưng tự nhiên mủi lòng thương. Đời Tường chắc đã đau khổ nhiều lắm. Chàng đoán thế tuy Tường tuyệt nhiên không đả động gì đến đời riêng của mình còn chàng thì chàng không dám hỏi.

Một lát yên lặng rồi Tường bảo Ngọc :

«Bất cứ một người nào cũng cần có ba thứ : nhân, trí và dũng. «Dũng» theo lời anh Ninh nói thì chú có thừa, «Nhân» chú cũng có theo lời chú nói định cứu Tứ, nhưng còn «Trí»… Xảo quyệt, độc ác không bao giờ thành công hoàn toàn, có thành công hoạ chăng chỉ trong một thời gian ngắn.»

Tường ngừng lại, đột nhiên hỏi Ngọc :

«Lúc nẫy chú định nói : «nghe như nữ đồng chí…». Nữ đồng chí nào thế ?»

Ngọc phải thú thực là Thanh và đã cùng Thanh lập nên một chi bộ ích kỷ, một chi bộ ma… Việc ấy Ngọc đã có báo cáo với Ninh và được Ninh chuẩn y.

Tường bảo Ngọc tìm cách để chàng gặp Thanh :

«Chú quyến rũ Thanh không thôi, không đủ, muốn Thanh trở nên một cán bộ trung thành cần phải làm thế nào cho Thanh cũng có một lý tưởng như chú… Chắc chú sợ Thanh là Việt cộng trá hình, nên muốn lợi dụng Thanh. Gặp Thanh nói chuyện tôi sẽ rõ hơn. Nếu Thanh không phải là Việt cộng trá hình thì việc riêng của chú với Thanh tôi không cần biết tới.»

Nói đến chỗ đó, Ngọc thấy Tường nhìn mình và mỉm cười rất nhẹ.

Ba người hẹn gặp nhau ở quán nước chè Si-Mâu gần Tiểu Tây Môn. Thanh vui mừng vì sắp được gặp mặt Tường và biết rằng đã được lòng tin đặc biệt của Tường và của Ninh. Quân đã nhiều lần giục nàng dò la về Tường, nhưng Việt kiều và cả đến cán bộ của Việt Quốc cũng chưa ai gặp được Tường hay biết Tường ở đâu. Lúc nàng lên cái gác nhỏ của hàng chẻ thì Tường

và Ngọc đã ngồi đấy chờ.

Thanh tiến đến bàn hai người cúi chào rồi kéo ghế ngồi nói với Tường :

«Em xin lỗi anh, em phải đến chậm mất mấy phút vì phải để ý cẩn thận xem có ai theo dõi không.»

Rồi nàng đưa mắt nhìn Ngọc mỉm cười :

«Cám ơn Ngọc nhé. Từ giờ trở đi tôi sẽ kêu anh Tường là anh Dũng như thế kín đáo hơn. Mà các anh cũng kêu tôi là Kim vì tôi giầu lắm, lại châm chọc anh Ngọc nhiều lần khá đau.»

Gặp mặt Tường, Thanh hơi cảm động, nàng lễ phép đợi Tường nói trước. Ngoài việc kể lý lẽ sao Thanh sang đây làm cách mệnh, đúng như nàng kể với Ngọc, Thanh bàn với Tường về triết học và các thuyết chính trị.

Ngọc chỉ yên lặng ngồi nghe và nhìn Thanh nói. Chàng kinh ngạc thấy Thanh nói về những vấn đề rất khó khăn chàng không hiểu một tý gì và đối đáp trôi chảy với Tường, lý thuyết gia của đoàn thể. Hơn hai giờ đồng hồ mà hai người vẫn mê mải nó chuyện như còn rất nhiều vấn đề phải để lại một lần khác.

Ngọc bảo Thanh về trước. Khi Thanh đi khỏi Tường nói :

«Chú phải làm lễ tuyên thệ cho Thanh và cho Thanh vào chi bộ của chú. Tôi biết chắc Thanh không phải Việt Minh. Để khi gặp anh Ninh tôi sẽ nói. Mai kia chú có thể bảo Thanh lại đằng nhà, như vậy kín đáo hơn và nói được nhiều hơn là quán nước chè này.»

Ngày hôm sau Ngọc bảo Thanh :

«Không đồng chí hờ, chi bộ ma gì nữa. Tôi sắp làm lễ tuyên thệ cho chị. Anh Tường có ý muốn gặp chị ở nhà còn nhiều việc phải thảo luận với chị. Tôi sẽ đưa chị đến vì tôi ở với anh Tường, nấu cơm cho anh ấy.»

Rồi chàng hỏi Thanh :

«Dưa làm thế nào cho khỏi chóng chua, khỏi khú. Anh Tường chuyên môn ăn cơm với dưa.»

Thanh ngắt lời :

«Thôi chuyện dưa chua, dưa khú tạm gác lại. Tôi sẽ đến làm trợ bếp giúp anh, rửa bát hộ anh. Còn việc tuyên thệ tôi đã nói với anh rằng tôi không muốn chui đầu vào guồng máy của anh Tường hay của anh đi nữa. Cứ để tôi ở ngoài giúp được nhiều việc hơn.»

Nàng bật cười :

«Còn như vào bếp thổi cơm, muối dưa, rán đậu và cả rửa bát nữa, cái «guồng máy» ấy thì tôi vui lòng nhận chui đầu vào ngay. Tôi cứ ở lỳ chi bộ ma của anh, chi bộ ăn tỏi gà không nghĩ đến người khác, chi bộ ích kỷ và là đồng chí hờ của anh. Thế có được không ?»

«Thế không được, tôi e anh Tường không chấp nhận.»

Thanh ngửa mặt rồi nhún vai :

«Anh Tường của anh chứ có phải của tôi đâu. Tôi là «lão bá tính» [89] không phải tuân lệnh ai cả. Bây giờ mấy giờ rồi anh ?»

«Gần mười giờ sáng.»

«Thế anh đưa tôi lại cho tôi biết nhà rồi tôi đi chợ. Nhà còn dưa không ?»

«Còn một ít nhưng khú rồi.»

«Thế sau bao năm hoạt động cách mệnh anh có biết tại sao dưa khú không ?»

«Dưa khú là tại nó khú. Hay chị mua ít cá trê về kho: «Chồng chê thì mặc chồng chê, dưa khú nấu với cá trê

89 Người dân thường

ngọt lừ».

Ngọc đưa Thanh về nhà, hai người đi cách nhau một quãng xa. Nhà ở vào một phố nhỏ vắng vẻ nên kín đáo lắm. Trước nhà có hai cây mộc liên cao, lá dầy, bóng gần che khuất cả mặt nhà. Thanh khen :

«Anh tìm được cái nhà đẹp quá. À, hay là tôi dọn đến ở hẳn đây…»

Thấy Ngọc có vẻ ngập ngừng, Thanh tiếp luôn :

«Này này, tôi chắc anh lại sắp nói : «không tiện»; có đúng không ? Không tiện là ngày nào tôi cũng phải hai lần nói dối bạn tôi là bận đi ăn cơm khách. Anh đã hai lần ngủ đêm ở nhà tôi, bây giờ có ba người sợ gì. Anh Tường xem chừng đứng đắn gấp mười anh.»

Ngọc nói :

«Việc đó là tuỳ anh Tường.»

Lúc vào thấy Tường đương ngồi viết, Thanh cúi chào rồi liếc nhìn thấy mấy chữ : «Open letter to the United Nations…» [90].

Tường ngửng lên nhìn Thanh rồi hỏi :

---

90 Thư ngỏ gửi Liên Hiệp Quốc

«Cô có biết tiếng Anh không ?»

«Thưa anh có, nhưng em chỉ nói được, còn viết thì chữ Anh thật very lôi thôi, em chịu. Nhưng em tìm được một câu tiếng Anh giống hệt tiếng ta.»

Nàng nói luôn :

«Vết tích sẽ bị cắt bởi cải bắp. Tiếng Anh nói : Vestige shall be cut by cabbage.»

Tường cũng phải bật cười. Thanh quay lại giảng nghĩa cho Ngọc :

«Tiếng Anh dễ học lắm. Vestige là vết tích, shall là sẽ, be là bị, cut là cắt, by là bởi, cabbage là cải bắp. À, phải đấy. Hôm nay em làm dưa cải bắp với rau cần để anh Dũng xơi. Còn anh Ngọc thì anh ấy chỉ thích có mỗi thứ ruốc.»

Nàng nhìn quanh nhà chạy xuống bếp hỏi trống không:

«Sao nhà chỉ có hai cái giường, bếp chỉ vỏn vẹn có hai cái bát với hai đôi đũa.»

Trong lúc Thanh xuống bếp thì Ngọc đã tỏ ý định của Thanh muốn ở luôn đây.

Tường bảo Thanh :

«Hôm nay đi chợ chị mua thêm bát đũa. Chú Ngọc ngủ cùng giường với tôi còn cái giường nhỏ kia để dành riêng cho chị.»

Thanh nguýt Ngọc một cái :

«Đấy anh Dũng đã thuận. Còn anh thì chỉ hay nghĩ quắt quéo, đầu óc anh thật «very lôi thôi [91].»

Nàng cười rồi xin phép Tường :

«Để em đi chợ kịp làm cơm anh xơi.»

Thấy Tường mở ví, Thanh nói luôn :

«Em có tiền. Còn anh Ngọc ở nhà không có việc gì thì anh quét nhà, dọn sạch bếp. Sao mà anh ở bẩn thế. Anh Tường, xin anh phải cảnh cáo anh Ngọc. Cách mệnh ăn khổ mặc áo rách nhưng cần phải sạch sẽ.»

Nàng xách làn rồi nói với Tường :

«Xin phép anh, em đi.»

---

91 Lôi thôi lắm

156. Nhất Linh (9) - Giòng Sông Thanh Thủy

(Chương 22, 23, 24, 25)

Chương hai mươi hai

Từ đấy Thanh dọn lại nhà Tường ở luôn, ngày ngày đi chợ, nấu cơm rửa bát hoặc những lúc rỗi thì ngồi thảo luận với Tường và Ngọc. Nàng biết là Tường đã hoàn toàn tin ở mình nhưng còn anh chàng Ngọc ? Nếu Tường tin ở nàng thì chắc chắn là cả Ninh cả Ngọc đều tin nàng không phải nữ cán bộ Việt Minh.

Thỉnh thoảng nàng cũng lén đi gặp Quân để báo cáo với Quân những tin tức không quan trọng gì mấy trong nội bộ Việt Quốc. Mỗi lần về nhà, Thanh để ý rất kỹ xem có Kiệt theo dõi không. Thỉnh thoảng hơi nghi ngờ, nàng vào rạp chiếu bóng rồi lúc ra đi lẫn với đám đông để đánh lạc. Có khi nàng lại hẹn Ngọc đến chùa Cá, ăn ốc sống và ngồi ở gác lầu ngay chỗ có bài thơ của Thôi Hộ.

Ngọc mượn được của một người quen trong tỉnh đảng bộ Trung Hoa Quốc dân Đảng một chiếc xe Jeep và rủ nàng đi chơi Tây Sơn. Vì Ngọc không biết lái xe nên Thanh phải lái vậy; Thanh biết lái xe từ hồi ở trong nước nhưng không quen lái xe Jeep.

Đường lên dốc và cong queo nhiều chỗ nguy hiểm nhưng nàng cũng lái bừa. Dọc đường hai người ghé qua một ngôi chùa lớn. Thanh mua hương vào lễ Phật; miệng lâm râm khấn vái để Phật phù hộ cho Ngọc và cho cả nàng nữa khỏi bị Việt Minh ám hại. Nàng xin thẻ về cuộc tình duyên nàng sau sẽ ra sao. Tuy nàng không tin hẳn nhưng vì yêu Ngọc nên muốn biết lời quẻ dạy để tự an ủi mình. Lễ xong Ngọc rủ Thanh ra xem vườn có một cây trà mi trắng. Ngọc nói :

«Đẹp hơn hoa lựu nhà chị ở Mông Tự nhiều.»

Thanh ngắt một bông đẹp nhất cầm ở tay, một bông hoa mới hé nở cánh màu trắng tươi.

«Tôi là Trà Hoa Nữ. Anh biết truyện Trà Hoa Nữ không ?»

«Sao lại không biết. Nhưng bây giờ lại đến lượt tôi trách chị nói sái.»

«Tôi ấy à ? Người tôi thế này mà anh bảo tôi chết vì lao. Hoạ chăng không chết vì Việt Quốc thì cũng chết vì Việt Minh, cũng may tôi không chịu chui vào guồng máy mà anh cứ định đánh lừa tôi để tôi chui đầu vào. Tôi không dại như anh tưởng đâu.»

Ngọc không nói chỉ đứng lặng yên ngắm Thanh. Đôi gò má nàng vốn đã hồng sẵn, lại nhờ khí hậu tốt ở Côn Minh nên càng hồng hào trông như hai quả đào vừa chín ửng.

Thấy Ngọc nhìn mình nàng đưa bông hoa trà lên rồi áp những cánh hoa trắng vào gò má nhìn Ngọc nói :

«Êm mát quá. Anh thử mà xem.»

Ngọc đón lấy bông hoa đưa lên mũi ngửi :

«Hoa không thơm.»

«Anh chẳng hiểu tý gì về hoa. Hoa Trà Mi làm gì có mùi thơm.»

Ngọc cười rồi cũng áp bông hoa lên má mình :

«Êm thì có êm nhưng tôi chỉ thấy lạnh cả má.»

Lúc ra ngoài cổng chùa hai bên có hai bức tượng lớn. Thanh nói :

«Bên kia là ông Thiện còn bên này là ông Ác. Anh là ông bên này này.»

Xe mỗi lúc một lên cao rồi tới một chùa nhỏ và một hàng bán quà. Ngọc vào hàng hỏi ngay :

«Ở đây có phở chua không ?»

Thanh nói :

«Thi sĩ gì anh. Đi đâu cũng hỏi hết phở cừu lại đến phở chua. Anh xem kia kìa có đôi câu đối do Vương Hy Chi người viết Thiếp Lan Đình ấy mà, nhưng đấy chỉ là bản in lại. Anh có biết Vương Hy Chi là ai không ?»

Ngọc đáp luôn :

«Không, tôi chỉ biết có Vương Đức.»

Thanh hỏi, mắt lộ vẻ ngạc nhiên :

«Vương Đức nào ?»

«Vương Đức là một tay Việt cộng lợi hại. Nhưng mà bây giờ ngoẻo rồi. Chị không nhớ tôi đã có lần nói về chị Nam ở Văn Sơn, và việc tiêm thuốc rồi bóp cổ chết Vương Đức à ?»

«Anh có nói nhưng anh không cho tôi biết tên là ai.»

Thanh nhớ là khi Vương Đức ở Trùng Khánh về, chính nàng phải giấu Vương Đức ở nhà mình. Bất giác nàng nghĩ thầm :

«Họ giết lẫn nhau đến bao giờ. Còn cái anh chàng Đức nữa lớ ngớ về miền ấy làm gì !»

Nàng cúi mặt trong lòng dâng lên một nỗi buồn thương cho cả hai bên. Nàng lắc đầu xua đuổi những ý nghĩ hác ám ấy và ngồi xuống bàn ăn phở chua với Ngọc. Ngọc ăn xong, ngồi ngắm chữ Vương Hy Chi và khen :

«Đẹp thật.»

Thanh đương há miệng ăn những sợi bánh phở còn lòng thòng hai bên mép thấy Ngọc nói vậy, vội vàng lấy tay che miệng :

«Anh định khen tôi ăn đẹp chắc.»

«Không, chữ Vương Hy Chi, càng ngắm càng thấy đẹp, nhất là bây giờ bụng đã no. Chị không biết tôi viết và vẽ đẹp lắm, tiếc hôm nay không mang bút chì đi.»

Thanh bĩu môi :

«Anh ấy à, vẽ thì xấu như ma, chữ thì như gà bới. Tỏi gà thì đúng hơn.»

Sực nhớ ra Ngọc bảo Thanh :

«À quên, anh Tường mấy lần bảo tôi làm lễ tuyên thệ để chị vào chi bộ chính thức, không ma mãnh gì nữa. Lát nữa ra chỗ con đường lưng chừng vách đá, tôi sẽ làm lễ tuyên thệ cho chị. Lẽ ra cần người làm chứng nhưng có lúc cũng phải tuỳ tiện.»

Ăn xong ra đến chỗ có trưng một tấm bia, đường hơi rộng lại vắng người, Thanh và Ngọc cùng đứng lại tựa vào lan can ngắm mặt nước hồ lan dài về phía tây trên mặt nước loáng thoáng một vài cánh buồm mầu hồng nhạt. Thanh bảo Ngọc :

«Giá hôm nào đi chơi đến tận cuối hồ thì hay quá. Họ nói hồ này hẹp nhưng dài đến bốn mươi cây số.»

Ngọc nói :

«Ý chừng chị lại muốn cùng tôi vào Thiên Thai lần nữa. Lắm lúc tôi cũng như Phạm Lãi muốn bỏ mọi công việc đi dạo Ngũ Hồ với Tây Thi. Nhưng lấy gì mà ăn ?»

«Anh cứ đem thật nhiều bánh phở khô đi, tôi nấu anh ăn, ngày nào cũng đủ các thứ phở có cả phở cá nữa. Lúc đi anh nhớ mua cần câu đem đi. Đừng quên muối và nhất là ruốc. Nhưng Tây Thi có bao giờ đi với Phạm Lãi, làm xong việc cứu nước Việt bị vợ vua buộc đá quẳng xuống sông chết mẹ rồi. Anh thì cũng như Câu

Tiễn còn cô Phương là vợ Câu Tiễn. Với lại hồ này đâu có đưa đến Thiên Thai; cuối hồ là trấn Côn Dương, đi mãi sẽ tới Diến Điện, có nhiều lính Nhật lắm, nhiều xe tăng, tàu bò trông rất nên thơ.»

Ngọc nhìn xuống cái vực sâu thăm thẳm, trông những người qua lại trên con đường ven hồ bé nhỏ như những con kiến.

«Tôi chỉ quăng chị xuống dưới kia là xong một đời chị. Nhưng chị ạ, chỗ này tuyên thệ rất tốt. Tôi không nói đùa đâu. Chị chắc cũng đã nghĩ kỹ rồi. Có như vậy tôi mới có thể nói với chị nhiều điều bí mật quan trọng và mong chị giúp đỡ một tay, những việc ấy chỉ có chị làm nổi thôi.»

Thanh nhìn Ngọc thấy vẻ mặt Ngọc nghiêm trang và có vẻ trịnh trọng, nàng mỉm cười rồi giơ tay vịn vào vai Ngọc làm chỗ tựa nhẩy lên ngồi trên lan can. Ở dưới là một vách đá thẳng xuống tận chân núi vì vậy chỗ hai người đứng phải xây bằng xi-măng thòi hẳn ra ngoài. Ngọc rùng mình vì Thanh chỉ sẩy tay một chút là có thể rơi xuống chân núi. Chàng vội níu lấy cánh tay Thanh. Thanh nghiêng người ra phía ngoài quay mặt nhìn xuống :

«Nào bây giờ anh đẩy tôi xuống đây thì anh vô tội vạ, chỉ việc nói là tôi sẩy tay ngã… Những lúc tôi đến nhà Quân có các đồng chí của anh theo dõi, tôi lạ gì. Chẳng biết anh Tường hay anh Ninh, anh Ninh có lẽ đúng hơn, đã ra lệnh thủ tiêu tôi như Nghệ và Tứ và hôm nay anh rủ tôi đi Si San [92] là anh đã nghĩ kỹ lắm rồi. Cũng kiểu anh giả vờ uống nước cốt cà-phê để Nghệ khỏi nghi ngờ. Anh và anh Ninh, các anh nhiều mánh khoé giết người thần tình lắm…» Thanh bỏ cả hai tay ra :

«Nào bây giờ anh chỉ cần đẩy tôi một cái thế là xong đời tôi và anh đã làm tròn phận sự anh Ninh giao phó. Hôm ở vườn đào tôi đã biết anh có ý ấy nhưng ở vườn đào không tiện bằng ở đây.»

Ngọc một tay kéo mạnh cánh tay Thanh về phía trong còn một tay ôm ngang lưng Thanh.

«Chị điên à ? Tôi xin thề với chị, đem hết danh dự ra thề với chị là tôi và cả anh Ninh nữa đều hoàn toàn tin ở chị.»

Mắt Thanh sáng lên có vẻ dữ tợn như hôm đi xe lửa từ Mông Tự về Bích Sắc trại khiến ngay Ngọc cũng đâm ra nghi ngờ và nhớ lại lời Ninh nói : Việt cộng quỷ quyệt lắm, dùng mỹ nhân kế cốt thủ tiêu Nghệ để Thanh

92 Si San: Tây Sơn

được lòng tin cậy hoàn toàn và Thanh có mật lệnh của Quân làm một việc rất quan trọng mà chính chàng mới là người mắc mưu. Thanh nói :

«Các anh thề gì ? Thề cá trê chui ống ấy.»

Tuy nghĩ vậy nhưng Ngọc cũng cố kéo Thanh xuống khỏi lan can. Thanh lấy tay vuốt áo rồi hai người đứng nhìn nhau. Thấy nét mặt Ngọc có vẻ sợ sệt thật sự, Thanh vui sướng biết chắc là Ngọc đã tin mình hoàn toàn; nàng mỉm cười rất tươi rút bông hoa trà trắng cài ở khuy áo đặt lên môi âu yếm nói với Ngọc :

«Tôi đùa anh chơi đấy. Lần sau có ăn tỏi gà thì đừng quên tôi nữa.»

Hai người lại đứng tựa lan can sát cạnh nhau. Thanh nói :

«Lát nữa ta xuống Tả Quán Lầu [93] tôi biết một chỗ ngồi nhìn ra hồ đẹp lắm. Anh muốn ăn thức gì cũng có.»

Ngọc chỉ một con đường mấy trăm bực đá ở chân núi lên chùa rồi nói với Thanh :

«Con đường cách mệnh cũng gian lao như thế.»

---

93 Đại Quan Lâu

Thanh nhìn một hai cánh buồm ở tận cuối hồ xa xa bảo Ngọc :

«Hay là ta bỏ cách mệnh đi tìm Thiên Thai. Ở đấy không ai nghĩ đến giết ai. Không có ai cả ngày chỉ cố tìm những mưu mô quỷ quyệt để hại kẻ khác, nếu không nhanh thì kẻ khác hại mình ngay, ở đấy không có thuốc tiêm giết người, chỉ có cà-phê em nấu ngon để anh uống. Không có cái thứ cà-phê nước cốt thật đặc để át mùi thuốc độc… A, này anh, thứ thuốc độc anh dùng để giết Tứ và Nghệ nó ra làm sao ?»

Ngọc cũng muốn biết là thứ thuốc gì, vì Thanh đã có học qua trường thuốc chắc rõ :

«Thuốc bột trắng cho vào cà-phê có mùi như mùi hạnh nhân.»

«Nếu vậy thì là chất cyanure de potassium ở bên Pháp người ta thường dùng để giết chuột, thuốc ấy ở nơi kín ngửi nhiều cũng có thể chết, uống vào chết liền không tài nào cứu chữa được. Ở Thiên Thai không làm gì có cyanure de potassium tha hồ yên ổn để suốt ngày nói chuyện với nhau cho vui và cãi nhau…

Ngọc ngắt lời :

«Nếu vậy thì tôi bỏ về trần thế còn hơn.»

Thanh mỉm cười :

«Anh không biết, cãi nhau mới vui chứ, nếu cả ngày chỉ ngồi lỳ nhìn nhau lúc nào cũng vui cả thì ít lâu chán chết. Tóm lại là muốn mình cảm thấy sung sướng thì phải có những lúc đau buồn, thí dụ như anh ăn uống khổ sở, thỉnh thoảng được một bát phở cừu mới thấy ngon và được một cái tỏi gà mới gặm nhẫn cả xương không nghĩ đến tôi, tôi mới lộn ruột lên và vì tức mới nghĩ đến chi bộ ích kỷ để rồi cứ như vậy dần dà đâm vào cái guồng máy lúc nào không hay. Người lại sẽ tìm cách giết hại lẫn nhau; ở Thiên Thai không có cyanure de potassium tôi cũng phải chế ra nó để anh uống chơi. Thiên thai sẽ biến thành trần thế. Yên ổn nhất ấy à ? Chỉ có chết là yên ổn nhất, hay nói theo đạo Phật, đạo Lão tốt hơn là không có mình nữa, tôi cũng không có…»

Thanh tự nhiên thấy mình vui miên man không hiểu vì lẽ gì; tâm hồn nàng phiêu diêu trong một niềm vui và cảm thấy niềm vui ấy như không bao giờ hết nữa khiến nàng rờn rợn sợ có cảm tưởng rằng cái gì cũng không thật. Đời sống chỉ là mơ, niềm vui cũng chỉ là mơ. Thanh tự nghĩ nếu có chết ngay lúc này, nàng sẽ không đau khổ. Hồn nàng sẽ hoá thành một giấc mơ vui rồi khi giấc mơ ấy tan đi là chết là hết. Nàng chắc cả vũ trụ này đến ngày tận thế cũng vậy, cũng biến thành một

niềm vui bao la rồi cứ thế hoà loãng, tan dần đi trong cái mênh mông của hư vô không có sự chết, không có sự sống mà ngay cả đến cái hư vô cũng không có nữa.

Thanh bỏ rơi bông trà cầm ở tay rồi nhìn theo : bông hoa rơi, rơi mãi cho đến khi không thấy nó đâu nữa. Nàng nói :

«Thế là hoa đã biến vào vực thẳm, biến vào hư vô. Lúc nãy tôi muốn nhẩy xuống là để biết vực thẩm, hư vô ra sao, chắc cũng có cái thú của một hạt muối tan trong nước…»

Chương hai mươi ba

Hai người lại lên xe, đến một chỗ vòng tự nhiên Thanh cho xe chạy thật mau xuýt đâm xuống một cái khe núi. Ngọc kêu lên :

«Ý chị định xuống vực thẳm đi tìm hư vô hay sao ?»

Thanh quặt tay lái vừa kịp. Nàng đãng trí và sung sướng vì nàng vì nghĩ ra duyên cớ vì sao nàng lại vui vẻ mê man. Nét mặt sợ hãi và tái hẳn lại của Ngọc khi nàng ngả người bỏ tay ra không phải chỉ vì Ngọc đã hoàn toàn tin ở mình; không, chính vì Ngọc yêu nàng. Bên tai nàng vang lên những tiếng «Ngọc yêu Thanh, Ngọc yêu Thanh, chắc chắn yêu Thanh».

Thanh hỏi Ngọc :

«Bông hoa trà lúc nãy có lấy lại được không ?»

«Chị vất đi bây giờ lại muốn lấy lại. Lát nữa qua chùa tạt vào xin một bông khác.»

«Không, tôi muốn lấy lại bông hoa ấy cơ. Để kỷ niệm lúc có cảm tưởng thân biến vào hư vô.»

Lúc xuống chỗ xe quặt vào con đường chân núi, Thanh nói :

«Để tôi cho xe đi đường này kiếm cho được bông hoa đó; đến Tả quán lầu chắc vừa đúng giờ ăn trưa.

Tới chân núi Tây Sơn, may vì bông hoa trà mi rơi giữa đám cỏ xanh nên Thanh trông thấy ngay, nàng cho xe quay lại. Lúc đến Đại Quan Lâu, Thanh đưa Ngọc qua một cổng tò vò, vào một cái phòng ăn, mặt trước không có cửa và trông ngay ra hồ. Một bụi trúc lớn mọc ở bờ nước; căn nhà kiến trúc theo lối cổ nên Thanh tưởng như cùng Ngọc sống lùi lại đời xưa vào một quán cơm đời Tống hoặc đời Đường.

Sau khi gọi các món ăn, người hầu sang hiệu cơm chính bên cạnh. Thanh nói khẽ với Ngọc :

«Bây giờ anh làm lễ tuyên thệ vào đảng cho tôi đi. Tôi đã nghĩ kỹ và rất vui lòng được anh cho vào chi bộ của anh để làm việc.»

Ngọc nói :

«Lúc về nhà chị hãy tuyên thệ. Tôi giới thiệu và anh Tường công nhận như thế trọng thể hơn… Bây giờ không phải đồng chí hờ, chi bộ ma nữa.»

Thanh lại lấy bông hoa trà áp vào má, nhìn Ngọc :

«Thế là từ lúc này tôi bắt đầu bị cái guồng máy lôi

cuốn nhưng tôi không cần, dù cho nó nghiến nát cũng vui lòng.»

Lúc người hầu bàn đem các thức ăn sang, Thanh chỉ ngồi nhìn Ngọc ăn. Nàng gắp vài miếng lấy lệ, nhìn ra ngắm những lá trúc gió thổi tạt về một phía và hoa nắng lăn tăn trên mặt hồ gợn sóng.

Thanh biết trước là khi nhắm mắt hai tay buông xuôi, cái hình ảnh cuối cùng trong đời nàng là hình ảnh hoa nắng lẫn lộn với lá trúc rung động và hình ảnh Ngọc ăn bát phở chua trộn rất nhiều tương ớt. Ăn xong Ngọc mới hỏi nàng :

«Thế chị không ăn à ?»

Thanh hôn vào lòng bông hoa :

«Lúc này tôi ăn hoa cũng đủ no rồi.»

Nàng giật mình bảo Ngọc :

«Ấy chết, ở nhà ai nấu cơm cho anh Dũng ăn ?»

«Chị không lo, sáng nay đi tôi đã báo trước cho anh Dũng biết. Nhà sẵn có dưa ngon của chị, anh ấy chỉ việc thổi nồi cơm. Lát nữa về biết tin chị đã nhận lời, anh ấy chắc mừng lắm.»

«Thế còn anh ?»

Ngọc mỉm cười đáp :

«Tôi vẫn thích chị là đồng chí hờ trong chi bộ ma có hai người thôi.»

«Nếu vậy anh đừng bảo cho anh Tường biết là tôi nhận lời. Tôi sẽ tìm cách từ chối khéo anh ấy.»

Ngọc suy nghĩ rồi ngập ngừng nói :

«Nhưng…»

Thanh ngắt lời :

«Không nhưng gì cả. Tôi chỉ cố sao cơm cho dẻo canh cho ngọt để hai anh ăn. Còn tôi, tôi chưa muốn làm việc gì cả. Tối hôm nay tôi lại đến đây; trăng hơi muộn nhưng tôi sẽ thuê thuyền để ngắm trăng, đêm lạnh tôi càng thích. Tôi muốn đi dạo Ngũ Hồ như Tây Thi mà không cần anh chàng Phạm Lãi.

Ngọc giơ tay giật lấy bông hoa của Thanh bỏ vào túi mình :

«Tôi giữ hộ chị bông hoa. Tối hôm nay tôi sẽ là Phạm Lãi. Tôi sợ chị lại muốn nhảy xuống đáy hồ để tìm hư vô hoặc chị đi vào Thiên Thai mất để chế chất cyanure

de potassium rồi đầu độc cho cả nhân loại biến vào hư vô, cho nhân loại khỏi giết hại lẫn nhau.»

Ngọc cười. Thanh cũng cười theo rồi nói :

«Tôi ấy à ? Tôi chẳng cần vào Thiên Thai mới chế được cyanure. Ngay chiều hôm nay tôi sẽ đến một hiệu thuốc tây mua một ít nói là về để giết chuột. Anh chắc đã biết ở đất Tàu này mua chất độc gì cũng không cần đơn của y sĩ. Nếu cần tôi sẽ nói tôi tốt nghiệp trường thuốc ở Hà Nội, họ sẽ tin ngay nhất là tôi biết về thuốc thật, tôi lại biết cả tiếng Pháp, tiếng Anh. Vả lại người tôi hồng hào thế này mặt lại tươi như hoa, họ không thể nào nghi cho tôi muốn tự tử mà thật ra tội gì tôi tự tử.»

Nàng tiếp theo nhìn Ngọc vẻ mặt tinh nghịch :

«Nhưng tôi không giết chuột đâu. Người đầu tiên trong nhân loại tôi sẽ giết… là anh.»

Bỗng nàng bỏ chạy ra cổng Đại Quan Lâu. Lúc trở về nàng đưa Ngọc một điếu thuốc lá thơm :

«Mời anh xơi thuốc. Chắc anh hẳn rõ trước khi lên máy chém hay ngồi vào ghế điện, phạm nhân được người ta ân cần săn sóc cho ăn một bữa cơm ngon như bữa cơm lúc nãy và được hút một điếu xì-gà hay thuốc lá thơm. Để chậm lại, lỡ có chết vì Việt Minh hoặc vì

Pháp anh đừng có hòng hút thuốc lá thơm. Kìa mời anh xơi.»

Ngọc lấy bông hoa trà trong túi ra nhìn Thanh một lúc rồi nói :

«Người Tây phương lạ thực, họ chỉ nghĩ cho ăn uống, hút thuốc lá; tôi thì tôi cho rằng phạm nhân ngắm một thứ gì rất đẹp trước khi chết như vậy nhân đạo hơn. Ý kiến chị thế nào ?»

«Tôi cũng nghĩ như anh.»

Thanh sửa lại tóc, miệng nở một nụ cười, hai mắt long lanh sáng nhìn Ngọc. Ngọc giơ bông hoa còn tươi nguyên lên nhìn hoa rồi lại nhìn vào hai mắt Thanh; chàng yên lặng ngắm những làn sóng lăn tăn gợn sóng ngoài mặt hồ, phía sau người Thanh, rồi mỉm cười nói trống không :

«Rất tiếc lúc này chị không có sẵn cyanure de potassium.»

Thanh nói :

«Thôi để đêm nay đi chơi thuyền đợi lúc trăng lên. Tôi lại sẽ ngâm thơ, cảnh đẹp không đủ, cần cho phạm nhân nghe âm nhạc hay tiếng ngâm thơ thật hay. Tôi

sẽ cố đem hết tâm hồn ngâm thơ cho anh nghe trước khi…»

Nàng khẽ ngâm :

«Đêm trăng, thoảng…»

Nhưng nàng ngừng lại ngay :

«Thôi, để tối nay hơn, lúc trăng lên.»

Chương hai mươi bốn

Chiều hôm ấy, Thanh lấy khăn trùm lên tóc, cầm cái chổi cán dài để quét mạng nhện đen, mồ hóng giăng đầy mái nhà. Nàng nói với Tường :

«Em đã nghĩ kỹ rồi. Anh cứ để em ở ngoài, ở một ngoại vi tổ chức nào đó, lấy tên gì cũng được. Hay là lấy tên «Nữ hoả đầu phu đoàn» [94] hợp với công việc em nhất.»

Tường đương cặm cụi viết ngửng lên :

«Ý kiến ấy của chị hay đấy. Tôi sẽ đặt chị vào phụ nữ đoàn.»

Thanh cười :

«Thế là em đã có đoàn thể, nhưng đoàn thể ấy chỉ có một mình em thôi. Bây giờ em là cán bộ thực thụ không còn là cán bộ hờ ở trong cái chi bộ ma của anh Ngọc nữa. Anh ấy lôi thôi lắm.»

Nàng nhìn Ngọc khẽ nháy một cái rồi quét màng nhện, lau sàn gác, bàn ghế. Sau hai tiếng đồng hồ nhà trông sạch sẽ khác hẳn; nàng vui vẻ làm việc, không biết mỏi. Bốn giờ chiều nàng bưng lên hai cốc cà-phê

---

94 Hỏa đầu phu : người trông việc bếp nước

nóng mời Tường và Ngọc uống rồi nàng hỏi :

«Hai anh có quần áo rách hay tuột chỉ để em khâu cho.»

Tường mặc có mỗi chiếc áo cánh nhà binh nhồi bông. Nàng khâu vá xong rồi nói :

«Để em đi mua len đan cho hai anh mỗi người một áo. À, anh Ngọc thì không cần đến nữa vì…»

Thanh không nói hết câu nhưng Ngọc cũng hiểu ý. Nàng nói :

«Bây giờ em đi mua len vì trời còn sáng chọn màu dễ hơn.»

Nàng tạt qua nhà Quân nhưng chỉ gặp Kiệt :

«Có tin này quan trọng lắm, các anh nói lại với anh Quân. Ninh sắp về nước để liên lạc định ý đưa một đoàn đại biểu Việt Quốc lên Côn Minh rồi đi Trùng Khánh, Ngọc chắc đưa Ninh về biên giới. Hai người sẽ do ngã Hà Khẩu về Lao Cay.»

Nói xong nàng đi ngay tạt qua hiệu mua len rồi về nhà thổi cơm.

Lúc đương ăn Thanh nói :

«Anh Ngọc ích kỷ quá việc bếp nước đều do tôi phụ trách. Anh là liên lạc viên nhưng bây giờ liên lạc với ai. Tối nay anh đi coi xi-nê tôi thết. Còn tôi, tôi bận lại qua nhà chị em bạn.»

Khi Ngọc tới cửa rạp xi-nê thì Thanh đã chờ sẵn ở đấy. Hai người đi bộ qua Kim Bích lộ về phía Phục Hưng Tân Thôn rồi thuê xe ngựa đi Đại Quan Lâu. Xuống thuyền thì trăng vừa lên. Một bà già người Tàu và một đứa bé độ mười tuổi vốn đã quen việc đưa khách đi chơi hồ ban đêm nên thấy đôi trai gái xuống thuyền không ngạc nhiên, nhất là đêm ấy lại có trăng. Thuyền chui qua một cái cổng tò vò, đi ngang nhà nghỉ mát của Cậu Ba con Long Vân rồi ra hồ rộng.

Thuyền đi ven bờ một quãng. Ở giữa hồ nhỏ Đại Quan Lâu và hồ lớn có một biệt thự đường vào rất nhỏ hai bên toàn nước. Trong nhà thắp đèn sáng, có tiếng nhiều người nói cười vui vẻ nhưng nhìn vào các cửa sổ mở rộng tuyệt nhiên không thấy có bóng một người nào.

Thanh lay người Ngọc chỉ về phía biệt thự và thỏ thẻ vào tai Ngọc :

«Nhà ma đấy.»

Ngọc nói :

«Chị thực very lôi thôi. Hết chi bộ ma lại đến nhà ma.»

Tình cờ Ngọc đã dùng câu nói đùa riêng biệt của Thanh. Thanh mỉm cười :

«I am not so very lôi thôi as you think. Tôi không lôi thôi lắm như anh tưởng đâu. Vốn nhà này trước vẫn là một nhà bỏ hoang, người ta bảo là có ma nên không ai dám ở. Chúng mình bỏ không làm cách mệnh nữa mà cũng chẳng cần đi tìm thiên thai cho tốn công. Thiên thai là cái nhà này. Chúng mình đến đây ở, chẳng ma nào biết vì đây là cái nhà ma rồi. Này anh nghe, tiếng người cười nói vui vẻ mà nhìn vào có thấy một bóng ma nào đâu.»

Bà lái đò lái cho thuyền đi xa phía biệt thự rồi lẩm bẩm nói một mình :

«Chắc là bọn quân nhân Mỹ đến đóng. Người thường ai dám bén mảng.»

Thanh nói :

«Anh có xem truyện Liêu Trai tả một đám cưới ma trong một cái lầu cũ không ?»

«Có, hình như có đọc qua nhưng không nhớ.»

Thanh kể chuyện lại cho Ngọc nghe :

«Đấy, trong nhà có đèn sáng lại có tiếng nói cười vui vẻ mà từ lúc nẫy nhìn vào không thấy một người nào cả. Chắc là tụi hồ ly tinh cưới nhau. Để tôi vào phá đám họ rồi chúng mình đến đấy ở thay. Tôi cứng bóng vía lắm; ma cũng phải sợ. Như vậy đỡ tốn tiền mà không ai đến quấy rầy mình nữa.»

Thanh quay nhìn bà lái đò, nói tiếng Tàu :

«Bà lái đò, bà ghé thuyền vào cái nhà này. Chúng tôi đến ăn tiệc cưới nhưng đến muộn sợ hai họ đợi. Bà cố chèo cho mau, đến thẳng mấy cái bực đá chỗ có hai cô, một cô mặc áo đỏ và một cô mặc áo vàng đương đứng giơ tay vẫy ấy mà.»

Thanh cúi xuống lấy tay che miệng cho khỏi bật lên cười. Bà lái đò trù trừ, Thanh nói :

«Hay thôi bây giờ ăn cỗ cũng gần xong. Bà cứ chở chúng tôi đi ra ngoài xa ngắm trăng một lát. Mai chúng tôi viết giấy kiếu vậy.»

Thuyền mỗi lúc một ra xa. Thanh nhìn kỹ thấy lưng chừng núi Tây Sơn một mảng trắng mờ, nàng đoán đó

là chùa Tây Sơn. Trăng mười bẩy và trời lại trong nên rải xuống mặt hồ một làn ánh sáng trông phảng phất như một con đường dẫn lối đến Thiên Thai. Thanh nhớ đến đoạn tả ánh trăng của Maugham trong một truyện ngắn nàng đọc đã lâu lắm. Nàng bảo Ngọc :

«Con đường ánh trăng sáng này nếu cứ theo mãi thì sẽ tới Thiên Thai.»

Ngọc hỏi :

«Bây giờ chị lại muốn đến Thiên Thai. Sao sáng ngày…»

Thanh ngắt lời :

«Thiên Thai cũng là hư vô… Thiên Thai là một thứ gì đẹp lắm mà lòng ai cũng mơ ước, nhất là hiện giờ trên gần khắp thế giới họ đương đâm giết nhau. Cảnh đẹp đã có rồi còn thiếu thơ và tiếng ngâm để tôi nghĩ một câu thật hay rồi ngâm anh nghe.»

Yên lặng một lúc rồi giữa đêm khuya thanh vắng Thanh cất tiếng ngâm :

«Người ơi, hồ rộng bao la

Thiên Thai trăng mở đường hoa đón người.»

Ngọc mê man vì cảnh đẹp, tiếng ngâm và lời thơ hay của người yêu nên chàng nói giọng đùa bỡn để che cảm động :

«Thơ ấy, thứ cô mà làm được. Chắc là cóp của ai chứ gì.»

Thanh nói :

«Tôi còn một bài thơ hay hơn nhiều để lát nữa sẽ ngâm anh nghe. Bài ấy chính tôi làm ra từ lúc còn trong nước khi mới bắt đầu yêu người mà về sau là chồng tôi và đã đánh lừa, phụ bạc tôi.»

Ngọc hỏi :

«Buổi chiều chị mua được cyanure de potassium chưa ?»

Thanh yên lặng không đáp. Bỗng ở một chiếc thuyền xa có tiếng người vọng lại. Thanh cất tiếng ngâm luôn một hơi :

«Đêm trăng thoảng tiếng ai trong gió
Lòng hỏi lòng biết có ai không ?
Hay chăng tiếng vọng mơ mòng
Của lòng mình nói cho lòng mình nghe...»

Ngọc mới đầu ngờ ngợ, đến khi Thanh ngâm xong chàng quay lại sửng sốt nhìn Thanh :

«Bài thơ ấy chị làm ?»

«Này, anh lại sắp bảo tôi cóp thơ người khác có phải không ? Bài thơ ấy tôi làm nên tôi mới thuộc lòng ngâm luôn một hơi. Anh có thấy tôi vấp váp một chữ nào không ?»

Thanh mỉm cười tiếp theo :

«Có anh cóp của tôi thời có. Nếu không, sao ở nhà chị…»

Ngọc nhớ lại và hiểu nguyên do. Chàng chắc Thanh có đến chơi nhà chàng trọ từ khi chàng ở Văn Sơn, Ma-Lì-Pố. Thanh ghế người lại gần Ngọc hỏi :

«Cô Thuý hay cô Phương.»

Ngọc đáp :

«Chị nhìn bức tranh thì biết là ai rồi, cần gì phải hỏi.»

Bỗng chàng nghĩ ra một điều. Từ khi gặp Thanh mặc dầu nhiều lúc thân mật như đôi tình nhân, chàng vẫn không hiểu Thanh ra sao; Thanh chỉ có cảm tình với chàng như một người bạn hoặc một đồng chí, hay là

nàng theo lệnh của Việt Minh cố quyến rũ chàng đúng như lời Ninh phỏng đoán. Hai mắt Thanh lúc thì mơ màng hiền hậu, có khi trong sáng vui tươi, thỉnh thoảng lại sắc sảo như hung dữ, độc ác. Ngọc nghĩ thầm : «Hay Thanh là Hồ Ly Tinh như trong truyện Liêu Trai». Bây giờ muốn biết rõ lòng Thanh chàng cần tỏ ra mình yêu Phương để xem Thanh có ý ghen tức không. Nghĩ vậy chàng nói tiếp :

«Ở Mông Tự làm gì có cảnh tôi vẽ như trong tranh. Với lại dáng người ngồi trong tranh không giống dáng cô Phương một tý nào cả.»

Ngọc biết là dáng Thuý và dáng Phương giống nhau lắm vì khi kể chuyện về Thuý chàng đã có lần tả Thuý thon thon như người Phương nhưng chàng cũng cứ nói vậy để Thanh tưởng là chàng nói dối; nếu chàng có ý giấu giếm tức là chàng đã thực tình yêu Phương.

Quả nhiên Thanh mắc lừa biết là Ngọc đã nói dối. Nhưng nàng vẫn thản nhiên vì lúc nhìn nét mặt tái hẳn lại của Ngọc sáng ngày, nàng đã biết chắc chắn rằng Ngọc yêu nàng. Thấy Thanh thản nhiên, nói chuyện cười đùa vui vẻ, Ngọc không hiểu thêm được ý Thanh đối với mình ra sao.

Chàng lại có cảm tưởng rằng Thanh tinh khôn lắm, chắc là một nữ cán bộ lợi hại của Việt Minh và rờn rợn sợ. Thanh bảo bà lái đò lấy ra hai chai xá xị mua lúc nẫy rồi mở nắp đưa cho Ngọc, nói một cách quá ư dịu dàng thành ra mỉa mai :

«Mời anh xơi.»

Ngọc nhắm mát lại rồi nói một mình :

«Chắc đã đến lúc rồi. Phạm nhân đã được ngắm cảnh đẹp, nghe hát hay, sắp sửa đến phút lên đoạn đầu đài.»

Một lúc lâu chàng mới mở mắt ra đưa Thanh chai xá xị :

«Mời chi xơi trước tôi uống nửa dưới.»

Thanh cười :

«Anh đề phòng thế cũng vô ích. Anh đã không hai lần uống cà-phê trước mặt Nghệ… Tôi xin uống trước để anh khỏi nghi ngờ tôi như Nghệ đã không nghi anh…»

Thanh nhấc chai xá xị tu vào miệng chai, đợi một lúc lâu rồi đưa cho Ngọc.

«Bây giờ mời anh xơi. Chắc là không có thuốc độc. Vì nếu có thì tôi đã hoá ra ma rồi.»

Ngọc cũng cầm chai tu một hơi cạn, ngồi yên nghe ngóng rồi nói với Thanh :

«À ra không việc gì. Tôi đã tưởng mình lên tiên.»

Rồi hai người cùng bật lên cười một lúc.

Chương hai mươi lăm

Thuyền thuê đã đến lúc quay trở về cho đúng lời mặc cả với bà lái. Lúc đó thuyền đi về phía đông. Trước mái thuyền xa một quãng ánh trăng rải một con đường rắc hoa bạc; thuyền đi đến đâu thì ánh trăng ở gần biến đi và những hoa bạc khác lại dần dần hiện lên trên gợn sóng. Sương đêm bắt đầu xuống. Ngọc và Thanh không ai nói một lời nào, ngồi yên lặng ngắm vẻ đẹp của con đường lấp lánh hoa bạc như dẫn lối vào một thế giới xa xăm huyền ảo trong sương mờ.

Bỗng Thanh quay về phía Ngọc thở dài một cái rồi nói :

«Thế là anh chàng Phạm Lãi lại phải đi với Tây Thi. Mà Tây Thi cũng bị Phạm Lãi ám ảnh cứ ngồi kè kè ngay bên cạnh. Này anh có nhớ bài «Con thuyền không bến» của Đặng Thế Phong không ?»

Ngọc đáp :

«Có, tôi chỉ nhớ loáng thoáng một vài đoạn : Đêm nay sương lam mờ trong mây, với lại : Cuốn theo chiều gió một con thuyền trôi trong trăng.»

«Thế anh có muốn nghe không để tôi hát anh nghe nhé. Anh thì chẳng biết hát bài gì cả cứ việc ngồi ỳ thần

xác ra đó để người khác hát cho nghe.»

Ngọc cười :

«Tôi là phạm nhân mà.»

Giọng Thanh trong và cao vẳng lên trong đêm trăng yên tĩnh. Bà lái nói :

«Cô hát hay quá. Tôi chưa nghe ai hát bài ấy bao giờ. Giống như bài hát Nhật ấy.

Thanh đáp luôn :

«Đấy là một bài hát Quảng Đông nổi tiếng. Thế bà có biết bài phú Xích Bích của Tô Đông Pha không ?»

«Tôi có biết chữ nghĩa gì đâu.»

«Thế bà có xem truyện Tam Quốc không. Ấy trận Xích Bích là trận Tào Tháo đánh nhau với Chu Du, bị Gia Cát cầu phong thua liểng xiểng.»

«Có, tôi có biết Tào Tháo vì đi xem tuồng.»

Thanh nhìn Ngọc rồi nói với bà lái đò :

«Để tôi hát bài phú Xích Bích cho bà nghe.»

Cả bài chữ Nho lẫn bài dịch, buổi trưa nàng đã đổi sẵn đi vài đoạn hoặc vài chữ. Nàng cất tiếng ngâm to :

«Nhâm Tuất chi xuân, nhất nguyệt ký vọng, Ngọc tử giữ Thanh nữ phiếm chu, du ư Tây Sơn chi hạ. Thanh phong từ lai, thuỷ ba bất hưng : cử xá xỉ chúc Ngọc, tụng công tác chi thi, ca cách mệnh chi chương. Thiểu yên, nguyệt xuất ư Tây Sơn chi thượng, bồi hồi ư chàng Ngọc chi nhân; bạch lộ hoàng giang, thuỷ quang tiếp thiên. Túng nhất vĩ chi sở như,Lăng thư ký chi mang nhiên. Hạo hạo hồ như bằng hư ngự phong, nhi bất tri kỳ sở chỉ : chiêu chiêu hồ như di thế độc lập, Thanh Ngọc nhi đăng tiên…» [95].

Thanh ngâm ngay xuống đoạn Tào Tháo, Chu du không còn nữa :

---

95 Nguyên bản chữ Nho : Nhâm Tuất chi thu, thất nguyệt ký vọng, Tô Tử dữ khách phiếm chu, du ư Xích Bích chi hạ. Thanh phong từ lai, thuỷ ba bất hưng, cử tửu chúc khách, tụng Minh Nguyệt chi thi, ca Yểu điệu chi chương. Thiểu yên, nguyệt xuất ư Đông Sơn chi thượng, bồi hồi ư Đẩu Ngưu chi gian, bạch lộ hoàng giang, thuỷ quang tiếp thiên.Túng nhất vĩ chi sở như, lăng vạn khoảnh chi mang nhiên. Hạo hạo hồ như bằng hư ngự phong, nhi bất tri kỳ sở chỉ: chiêu chiêu hồ như di thế độc lập, Vũ hoá nhi đăng tiên

«Ngọc nhất thế chi hùng dã, cô Kim an tại tai !» [96].

Rồi nàng chuyển sang hát bài dịch :

«Xuân Nhâm Tuất tháng giêng, mười sáu
Một con thuyền, một cậu một cô
Tây Sơn rặng núi lờ mờ
Nàng Thanh, chàng Ngọc trên hồ ngắm trăng
Gió lạnh buốt, nước bằng phẳng lặng
Xá xị ngon, Ngọc lắng câu ca
Câu thơ cách mệnh ngâm nga
Nhớ công tác trạm xót xa, ngậm ngùi
Bỗng trên không sáng ngời Ngọc-thỏ
Giữa Đẩu Ngưu soi rõ Tây Sơn…»

Đến chỗ Tào Tháo, Chu Du, nàng cao tiếng ngâm giọng thê thảm :

«Tứ với Nghệ bây giờ đâu hở ?

Thân phù du trơ bộ xương khô !»

Thanh phải ngừng lại, lấy tay che miệng cười khi sắp ngâm đoạn cuối của bài dịch :

«Vừa đồng chí vừa anh em
Hai chai xá xị say mềm mới thôi

96 Cố nhất thế chi hùng dã, nhi kim an tại tai

Ngổn ngang chai cốc rơi đây đó
Gối đầu nhau ngủ ở mạn thuyền
Hai người một giấc ảo huyền
Giòng Sông Thanh Thuỷ lên tiên có ngày»

Thanh ngâm hết bài thơ dịch, lại nhớ tới một câu trong bản dịch khác và tiếp luôn :

«Tiếng đã dứt, dư âm còn mãi

Kéo dài ra như sợi tơ vương…»

Ngọc nói :

«Chị ngâm nữa đi.»

Thanh đáp :

«Hết rồi. Bây giờ ta cũng bắt chước anh Tường bàn chuyện triết lý. Anh xem còn đâu Tào Tháo, còn đâu Chu Du, cũng như sau này còn đâu Việt Quốc, Việt Minh, nhưng bóng trăng lòng sông Xích Bích, những câu phú hay của Tô Đông Pha muôn thuở còn mãi. Lâu bền nhất, thực nhất chỉ là cái đẹp. Đã có lần tôi nói với anh về kiếp con người và cái guồng máy, mỗi người đều có một kiếp, mọi hành động đều do những sức ngấm ngầm ở trong người mình thúc đẩy. Cuộc đời của mình nghĩa là cuộc đời anh, cuộc đời tôi, cũng như đời Tứ,

Nghệ, đời của chị Nam y tá gì ở Văn Sơn, đi vào con đường nào đều do sức thúc đẩy mà không ai tự biết, tuy ai cũng vẫn tưởng chính mình đã lựa chọn. Một khi vào con đường đó, mình bị một «guồng máy vô hình» lôi cuốn khó lòng thoát khỏi, chỉ cứ việc noi theo, không nhận định được cái gì là xấu, cái gì tốt, phía nào là sự thực, phía nào là sai lầm. Chắc anh cũng có biết câu của Pascal : Bên này dẫy núi Pyrénées là sự thực, bên kia là sai lầm [97]. Vậy nói đến Chân Thiện Mỹ, Chân không có…»

Thanh cười rồi tiếp theo :

«Không phải chân không có để đi đâu. Không ai biết đâu là chân lý. Đạo nào, triết lý gia nào cũng nói chính mình mới có được chân thực, còn người khác chỉ có chân giả; còn thiện cũng vậy, sáng ngày anh đã được xem ông Ác, ông Thiện nhưng ông nào ác ông nào thiện ? Như anh giết Nghệ thế là anh thiện hay ác; Nghệ cũng định giết anh chắc Nghệ cho việc mình là chân là thiện… À chỉ có cô Phương nhà anh là thiện thôi vì cô ta không giết ai bao giờ lại đan áo cho anh, thế là thiện lắm đấy chứ !»

Ngọc nói giọng gắt :

---

97 Vérité en decà des Pyrénées, erreur au delà (Pascal)

«Bàn về triết lý xin chị để mặc cô Phương đấy.»

«Tôi nói đến cô Phương việc gì anh cáu. Sắp đến Thiên Thai rồi. Ở Thiên Thai không ai cáu cả. Nhưng thôi, ba thứ Chân, Thiện, Mỹ thì Chân tuỳ từng người, Thiện cũng vậy, chỉ còn lại Mỹ; chỉ có cái đẹp là… khốn nhưng cái đẹp cũng tuỳ ý từng người nốt, anh, anh thấy cô Phương đẹp…Nhưng tôi lại khác, tôi thấy anh chàng Phạm Lãi đẹp hơn, tuy tôi chưa từng bao giờ thấy mặt. Mà Phạm Lãi hình như không cáu bao giờ, nhất là đối với Tây Thi…»

Ngọc nói :

«Tôi không bao giờ hiểu nổi chị, chỉ có điều đó mới là sự thật, là chân lý.»

Lúc hai người về tới thành phố thì đã khuya lắm. Thanh nói :

«Bây giờ tôi về nhà người bạn tôi ngủ đêm nay, hai người cùng về khuya một lúc sợ anh Tường nghi ngờ. Anh Tường thì tôi không sợ lắm, tôi sợ nhất anh Ninh của anh, vì tôi chỉ báo anh Tường là đêm nay tôi bận nói chuyện về sự tiến triển của triết lý với anh mê mải nên về khuya. Tôi sẽ nói là tôi không muốn anh đi xi-nê tốn tiền vô ích, rủ anh về nhà bạn tôi để «thuyết» anh một

trận : bắt đầu từ thuyết nguyên thuỷ triết lý, qua Platon, Aristote rồi đến Locke dựa vào quả táo của Newton, đến bọn theo thuyết Hédonisme, rồi Kant, Fichte cái anh chàng phát minh ra tự do, bố đẻ của Hegel tìm ra luật mâu thuẫn duy tâm, sau cùng đến cái anh chàng Marx đem đảo ngược cái Kim Tự Tháp duy tâm của Hegel, đẻ ra mâu thuẫn duy vật cộng sản khiến thế giới cũng đảo lộn, Việt Quốc, Việt Minh tìm cách đấu vật nhau và tay anh bao lần vấy máu. Đấy anh cố nhớ những tên các triết gia ấy, lỡ anh Tường có hỏi thì anh đem ra trả lời. Cần nhất quả táo rơi của Newton, hay anh nói vì một bông hoa trà hay một cô Tây Thi từ lan can chùa Si-San rớt xuống chân núi nên Fichte mới đẻ ra tự do, có tự do tất phải có cái chống lại thành ra luật mâu thuẫn duy tâm của Hegel và duy vật của Marx. Bây giờ thì chuyện ngã ngũ rồi : tự do sinh ra dân chủ Tây phương, tự do cũng sinh ra độc tài cộng sản. Lại còn anh chàng Nietzsche với con người Siêu nhân cho phép Hitler đẽo một cái trục với Mussolini, cả hai bây giờ đều chết ngoẻo, nhưng Nhật theo đúng tinh thần của Vương Dương Minh vẫn còn, thiên hạ đánh nhau lung tung, anh mới chạy sang đây gặp tôi và vì chán ngán nhân loại nên hai lần rủ tôi đi, một lần cùng tôi trôi vào Đào Nguyên, một lần ở hồ Si San cùng tìm kiếm Thiên Thai.»

Thanh cười tiếp theo :

«Vì chuyện Thiên Thai mà anh đâm cáu sườn với tôi, chung qui chỉ tại cái anh chàng Fichte cái anh chàng Marx. Thôi bây giờ đến nhà bạn tôi rồi, anh về kẻo khuya.»

Thanh tiến lên ngừng lại trước một căn nhà chỉ vào làm hiệu nàng ở đấy rồi giơ tay vẫy từ biệt Ngọc.

Sáng hôm sau, Thanh đến sớm và mặc quần áo Việt. Một lát sau nàng bưng lên hai chậu nước trong bên cạnh có để hai chiếc khăn mặt sạch tinh, một cái màu trắng, một cái xanh nhạt cho khỏi lẫn; còn chiếc khăn mặt của Thanh thì màu hồng như màu hoa đào. Tường và Ngọc rửa mặt xong, trên bàn đã có hai cốc cà-phê toả hơi thơm.

Ngọc hai tay ôm lấy cốc cà-phê cho ấm đứng tựa cửa sổ nhìn xuống. Trời lạnh nhưng ở dưới vườn Thanh đã cởi áo len chỉ mặc có chiếc áo cánh. Nàng xắn tay áo để lộ ra hai bắp tay trắng rồi cúi mình thả dây cho thùng xuống giếng lấy nước đổ vô chiếc chậu gỗ giặt quần áo. Vì nàng cúi xuống cố sức kéo dây nên mỗi lần ngửng lên hai gò má ửng hồng, đỏ hơn cả hôm đứng gần cây trà ở chùa Sơn Tây. Nàng ngồi xuống khoắng cả hai tay vào chậu nước trong. Ngọc thấy nàng rùng mình một

cái, chắc vì giếng nước giá lạnh. Hôm ấy nàng giặt mấy bộ quần áo ngủ của nàng. Thanh xát xà phòng cho đầy nước bọt rồi vò từng chiếc áo một.

Nắng đã bắt đầu chiếu xuống bức tường cạnh giếng. Giặt xong, Thanh mím môi, lấy hai tay cố sức vắt áo thật kỹ rồi rũ và đem phơi lên chỗ giây thép có nắng. Dây thép ở gần chỗ buộc nên hơi cao, nàng phải kiễng chân mới với tới. Bỗng nàng ngửng nhìn lên, thấy Ngọc đứng ở cửa sổ, cốc cà-phê đã cạn nhưng vẫn cầm ở tay. Ngọc mỉm cười và thấy Thanh cũng mỉm cười đáp lại; vì hai con mắt Thanh hơi thoáng vẻ tinh nghịch nên Ngọc tưởng nàng định rủa thầm mình :

«Anh chỉ được cái ăn uống là giỏi…»

Ngọc nhìn rất lâu vào hai con mắt thân yêu. Chàng thấy Thanh khác hẳn hôm trước khi đi chơi núi và chơi hồ, mơ mộng những chuyện Thiên Thai hoặc bàn luận lôi thôi về triết lý.

Sáng hôm nay, nhìn Thanh vắt và phơi áo, hai cánh tay vén lên gần vai, Ngọc thấy nàng chỉ là một cô gái đơn sơ, và cuộc đời nữa cũng đơn sơ, như cảnh phơi quần áo ở một khu vườn nhỏ xinh xinh bắt đầu nhuộm nắng nhạt một buổi sáng trời trong, thoáng gió nhẹ.

«Chị Thanh ơi.»

Thanh ngửng lên nhưng mãi không thấy Ngọc nói gì. Ngọc nghĩ thầm :

«Thiên Thai ở đây, cần gì đi tìm đâu xa, tốn công như Lưu Nguyễn.»

Nhưng chàng không nói ý nghĩ ấy ra với Thanh. Chàng hỏi :

«Trưa hôm nay ăn gì chị Thanh ?»

Thanh không đáp ngay. Nàng kéo thẳng chiếc áo cánh phơi ở dây thép xuống cho thấp, mỉm cười rồi giấu mặt sau chiếc áo, nói to :

«Trưa hôm nay ấy à ? Anh ăn hoa Trà Mi thổ phỉ của tôi trộn với tim thổ phỉ của cô Phương.»

157. Nhất Linh (10) - Giòng Sông Thanh Thủy

(Chương 26, 27, 28, 29)

Phần thứ ba

Vọng quốc

Chương hai mươi sáu

Thời cuộc biến chuyển rất mau chóng. Tháng ba năm 1945, Nhật đảo chính ở Việt Nam. Ninh sắp phải về nước ngay để đưa một đoàn đại biểu của Việt Quốc lên Trùng Khánh.

Một hôm Tường đi vắng, Ngọc nói với Thanh :

«Tôi phải về biên giới, có khi về trong nước.

Mắt Thanh sáng lên :

«Thích nhỉ. Anh đã hẹn tôi lần này tôi được về nước với anh. Nếu có thể được, tôi sẽ đưa anh về làng tôi chơi ít bữa. Rồi anh cũng đưa tôi về thăm làng Bằng, thăm người chị anh và cả anh chàng láng giềng tốt số. Thế nào anh chẳng cần gặp người anh cô Thuý, anh sẽ đưa tôi đi thăm mộ Thuý xem bây giờ cỏ mọc cao đến đâu rồi.»

Thấy Ngọc có vẻ cảm động, Thanh quay mặt đi, nói giọng nửa đùa nửa thật :

«Tôi sẽ tìm cách để đưa anh gặp thẳng thằng chồng tôi và nhất là thằng tình nhân tôi để anh cho chúng nó mỗi người một phát… À, nhưng anh cho tôi mượn súng vì tôi đã được anh dậy bắn, tôi sẽ bảo là bây giờ tôi sang Vân Nam buôn bán giầu lắm. Chắc họ lại muốn bám lấy tôi để bòn của. Tôi sẽ vờ làm lành rồi cho mỗi cu cậu một phát.»

«Sao chị ác thế ?»

«Anh không biết tôi ác à. Còn anh ? Nếu tôi giết những người ấy, tôi còn có lý, vì họ đã lừa tôi, lấy hết cả tiền của tôi, tôi phải mò sang Vân Nam gặp được anh, một người ác hơn tôi nhiều, tự nhiên giết - mà đã giết rồi - những người mình chưa từng quen biết bao giờ.»

Ngọc đáp :

«Tôi bất đắc dĩ phải bắn họ vì việc khác nếu không bắn họ, họ cũng sẽ thịt tôi.»

«Họ cũng nghĩ như anh. Nhưng thôi chuyện đó đã có tự ngàn xưa. Bây giờ nói chuyện ngày nay. Bao giờ anh đi để tôi sửa soạn.»

Ngọc lưỡng lự một lát :

«Lần này tôi về do đường Hà Khẩu; chắc cô đã biết, các cầu phá hết rồi đường khó đi lắm, nhiều chỗ phải đi qua những cái thác, bò trên những cây gỗ mục, trơn rêu, sẩy tay một chút là chết ngay. Muốn tránh, phải đi đường cao, không phòng bị sẽ chết khát; may ra kiếm được một chỗ nào có phân trâu còn đọng ít nước cũng phải cố mà uống.»

«Anh uống được, tôi cũng uống được mà nước ấy còn lành hơn là nước cà-phê cốt của anh; bò cây thì tôi bò giỏi có tiếng. Tôi có thể đi qua không cần bò, không sợ chóng mặt. Anh còn nhớ hôm tôi nhẩy lên lan can chùa Tây Sơn; tôi bỏ tay ngả người ra ngoài coi như không, chỉ có anh là nhát mới thấy tôi thế, mặt anh đã tái xanh lại…»

Ngọc ngắt lời :

«Đường nhiều thổ phỉ lắm.»

Thanh cười mũi :

«Thổ phỉ nào lợi hại bằng thằng chồng cũ của tôi, tình nhân của tôi. Thổ phỉ nào bằng được anh. Tôi có mỗi bông hoa trà quý nhất đời ở Tả Quán Lầu anh cướp giựt ngay giữa nơi đô hội. Còn một thứ thổ phỉ nữa lợi

hại hơn nhiều.»

Thanh ngừng lại ngẫm nghĩ. Nàng định nói : «đó là Ngọc đã cướp được tim nàng…» nhưng lại nói trạnh đi:

«Ai thổ phỉ quả tim cô Phương nhậy bằng anh.»

Nàng thấy nét mặt Ngọc trở nên nghiêm trang - nghiêm trang hay là cáu như hôm đi chơi ở hồ Tây Sơn.

Ngọc nói :

«Anh Ninh chỉ bảo mình tôi đi hộ tống thôi. Không có lệnh để chị cùng đi.»

«Lệnh của các anh với nhau thôi, còn tôi, tôi chưa cho đầu vào guồng máy. Tôi chẳng phải theo lệnh ai cả. Anh Ninh mới liệt tôi vào ngoại vi tổ chức, tôi là cán bộ của «Nấu bếp phụ nữ đoàn». Tôi đi để nấu cơm cho hai anh.»

«Thôi chị ở đây làm cơm nước cho anh Tường; nhân tiện chị biết tiếng Anh chị giúp anh Tường về ngoại giao. Chị lại biết cả tiếng Pháp thông thạo, có khi phải liên lạc cả với tụi Pháp ở đây.»

«Thế nghĩa là anh không giữ lời hứa, anh không muốn tôi về biên giới hay về nước.»

Ngọc nói :

«Chỉ có mình anh Ninh về nước. Tôi đến Hà Khẩu rồi lại quay lên đây ngay, đợi khi công tác trạm Hà Khẩu điện lên báo tin đoàn đại biểu ra, tôi lại sẽ đi Hà Khẩu với mấy anh nữa để đưa đoàn đại biểu đi Côn Minh.»

Thanh đứng dậy :

«Thế là hai lần về biên giới anh đều bỏ rơi tôi cả. Nào bây giờ đi làm tròn phận sự cán bộ đầu bếp vậy.»

«Để tôi giúp chị một tay.»

Ngọc ra giếng lấy nước. Nước giếng trong đổ vào chậu thau men sứ trắng trông lại càng trong hơn. Nắng chiếu xuống thành từng vòng tròn sáng mỗi lần nước bắt đầu yên chỉ còn hơi sóng sánh. Khu vườn nhỏ xinh xinh, lá cây hơi rung động. Ngọc ngắm trời rồi lại ngắm bóng mình trên nền gạch quanh giếng; chàng ngồi xuống vén hai tay áo như Thanh hôm nào rồi cho cả cánh tay để hưởng cái lạnh của nước và rùng mình một cái. Cũng như hôm Thanh giặt áo, chàng chỉ là một thanh niên đơn sơ và cuộc đời cũng đơn sơ, mọi sự chém giết lẫn nhau trong cuộc chiến tranh khốc liệt ở Đông Nam Á như không có nữa và đôi bàn tay bao phen rây máu của chàng cũng trong sạch như làn nước trong.

Bỗng có tiếng kêu «giời ơi» từ trong bếp đưa ra. Ngọc giật mình nhìn vào thấy Thanh đương đứng ở cửa, tay bưng một rá gạo. Chàng mỉm cười :

«Nước giếng trong, mát lạnh.»

«Eo ơi ! Thau nước vo gạo mà anh cho cả hai tay bẩn gớm khiếp của anh vào ! Anh đổ ngay đi rồi múc nước rửa thật sạch cho tôi.»

Thanh chạy ra nhìn Ngọc múc nước và rửa thau :

«Cũng còn may là anh chưa kỳ ghét. Thôi không khiến anh nữa. Anh lên gác ngay, tôi bắt phạt anh phải làm một bài thơ : «Kỳ ghét trong nước vo gạo». Lấy vần là «ôi.» Anh có làm xong bài thơ hôm nay mới được ăn cơm.»

Ngọc nói :

«Cần gì phải lên gác, để tôi xuất khẩu thành chương cho chị xem. Chị cứ nhặt chấu sạn xong thì tôi cũng làm xong bài thơ, nếu không xin nhịn đói.»

Thanh cố nhặt sạn chấu thật kỹ để kéo dài thời gian. Thỉnh thoảng nàng ngừng tay nhìn Ngọc, thấy Ngọc lẩm nhẩm, hai môi động đậy, nàng mỉm cười rồi lại cúi xuống nhặt trấu :

«Hôm nay gạo sao lắm trấu thế. Này anh xem, hạt cuội trắng thế này, nếu tôi không tinh mắt thì thế nào cũng có anh vỡ răng. Thế nào xong chưa, sao lâu thế ?»

Ngọc nhìn xuống thành giếng nói :

«Xong rồi, nhưng thơ không hay lắm.»

Rồi chàng cất tiếng khẽ ngâm :

«Bàn tay rấy máu mấy năm trời
Guồng máy vô tri cuốn mãi người
Nhúng chậu nước trong vo gạo trắng
Tay chàng «châu chấu» sạch tanh hôi.»

Thanh mỉm cười nói :

«Thơ anh hỏng rồi. Châu chấu có tay à !»

Tường lúc đó vừa về. Chàng bảo Thanh :

«Chị đi ngay đằng này với tôi.»

«Thưa anh, em giở bận cơm nước.»

«Không cần, chị với tôi hôm nay đi ăn tiệc với một số sĩ quan Mỹ. Chị nên mặc áo ta. Chị sắm sửa thì vừa.»

Thanh liếc nhìn Ngọc rồi nói với Tường :

«Vâng em xin đi ngay với anh. Độ mười lăm phút thì xong. Thế bây giờ em là cán bộ «ngoại giao phụ nữ đoàn»; cấp bực ngày một tăng.»

Nàng cất tiếng gọi Ngọc :

«Này anh hoả đầu phu. Anh vào bếp mà thổi cơm ăn. Chúng tôi đi ăn tiệc.»

Ngọc nhìn Thanh lẩm bẩm :

«Thế là mất công toi nghĩ bài thơ.»

Một lát Thanh xuống, trang điểm thật lộng lẫy. Nàng mặc chiếc áo Việt màu lam sẫm, cổ đeo vòng ngọc trai (Ngọc cho là giả), môi tô son nhạt, mặt chỉ hơi thoa phấn còn đôi gò má hồng sẵn nên không cần đánh phấn hồng. Thấy Ngọc ngây người đứng nhìn, Thanh đọc luôn, giọng đùa nghịch thân yêu :

«Nước trong đã sạch mùi tanh máu
Tay lại từ đây lấm lọ nồi.
Nhắc kẻ thoát ly guồng máy cũ :
Cái guồng bếp nước mới lôi thôi !»

Thanh cười tiếp theo :

«Mà lại «very lôi thôi» nữa. Tôi đi dự tiệc đây.»

Sáng hôm sau lúc Thanh dậy, Ngọc đã đi từ lúc nào nàng không biết.

Như mọi buổi sáng, Thanh xuống vườn nhìn lên cửa sổ bây giờ trống không. Nàng buồn nhớ Ngọc xin phép Tường đi chơi quanh quẩn nhà mấy người bạn quen rồi nhớ đến phận sự nàng lại Quân báo cáo :

«Sáng hôm nay Ninh và Ngọc đã rời Côn Minh. Tường thì liên lạc với một số sĩ quan Mỹ, hôm qua chính em đã đi dự tiệc.»

Rồi Quân bảo Thanh viết tên những sĩ quan Mỹ đã liên lạc với Tường, trong đó có tên Đại uý Patty nói tiếng Pháp rất thạo và phụ trách về việc Việt Nam.

Quân cũng đã thừa biết việc đó, nhưng chàng làm như đấy là tin mới lạ, khen Thanh và dặn Thanh nên cố tìm cách lấy lòng tin hoàn toàn của Tường.

Hơn nửa tháng sau, một buổi chiều sâm sẩm tối Thanh nghe có tiếng gõ cổng. Linh tính tự nhiên báo nàng biết là Ngọc về, quả tim nàng như thắt hẳn lại và nàng lặng người đi một lúc.

«Cô Trà Hoa Nữ ra mở cổng giùm.»

Thanh bỏ rớt cái bát đương rửa xuống, chạy vội ra mở cổng :

«Anh xơi gì chưa ?»

Ngọc cùng Thanh lên gác. Chàng hỏi :

«Anh Tường đâu ?»

«Anh đi vắng đến khuya mới về.»

Ngọc bỏ cặp da xuống giường rồi nhìn Thanh yên lặng một lúc :

«Trông cô vẫn mạnh khoẻ như thường.»

Thanh ngồi xuống chiếc ghế cạnh phản :

«Cảm ơn anh. Trông anh đen quá. Chắc anh đi công tác sang nước Tây Trúc về.»

Ngọc cười rồi nói :

«Tôi biết ngay mà, gặp lại chị sau hơn nửa tháng, tôi đã đoán sẵn câu đầu tiên chị hỏi là anh ăn gì chưa ? Y như là. Mà quả thật đúng, tôi đói lắm, nhà có cái gì ăn không ?»

«Nhà ăn cơm rồi. Để lát nữa rửa xong bát đĩa tôi mời

anh đi ăn mì, hay «cô sèo mi siển» hay cẩu dâu [98]. Hay ta lên chùa Cá ban đêm. Chùa Cá ban đêm bán ốc sống mà cũng chẳng có ma nào đến, chỉ có cảnh đẹp và mấy câu thơ Thôi Hộ :

Mặt Ngọc mai về công tác trạm
Hoa đào khép cánh oán đông phong.

Bây giờ thì chàng Ngọc đã về còn hoa đào thì đã thành quả rồi. Vậy phải đổi ra :

Lần sau chàng Ngọc về biên giới
Xin nhớ đem theo một trái đào.»

Thanh nói nhà ăn cơm rồi nhưng nàng cũng cầm cây đèn dầu lạc xuống bếp lấy gạo ra giếng vo. Ngọc thấy có ánh sáng mờ mờ ở dưới vườn sau chiếu lên, vội ra cửa sổ đứng nhìn xuống. Thanh cũng ngửng lên nhưng vì trời sáng trăng mờ nên hai người không trông rõ mặt nhau. Tuy đã tháng Tư nhưng ở Côn Minh đêm quanh năm lạnh, Ngọc bảo Thanh :

«Tôi ở biên giới về tới Côn Minh thấy không khí nhẹ hẳn, đêm lại lành lạnh. Chẳng trách người ở Côn Minh vẫn thường nói : quanh năm là mùa đông, trưa nắng là mùa hè.»

---

98 Cẩu dâu : Thịt chó

Nửa giờ sau, Thanh đem lên một mâm cơm nóng bốc hơi. Thanh đứng sới cơm cho Ngọc rồi đánh cháy. Nàng cũng ngồi ghé một bên phản chọn một miếng cháy vàng ròn cho lên môi nếm thử :

«Anh ăn thêm cháy, thơm giòn lắm.»

Thanh vui miệng ăn mãi, bao nhiêu chỗ cháy ngon nàng ăn hết lúc nào không biết. Nàng giơ hai bàn tay rất sạch sẽ của nàng cho Ngọc xem :

«Mỗi lần anh thổi cơm, tôi thấy anh như bị một cái tội nợ. Câu thơ gì nhỉ ? Câu : «Tay lại từ đây lấm lọ nồi; cái guồng bếp nước mới lôi thôi» chỉ áp dụng vào anh. Tôi ấy à, nếu tôi giết người, tôi sẽ giết anh trước nhất - điều mà tôi đã nói với anh nhiều lần - thì bàn tay tôi vẫn trắng trẻo sạch sẽ, không dây một vết máu.

Ngọc cũng nói giọng đùa đáp lại, như vậy chàng có thể nói những lời thân yêu mà không ngượng :

«Tay chị ấy à ? Giết ai ? Chỉ vuốt ve cũng đủ cho người khác mê hồn, chết lịm đi, chết êm ái và như lời chị đã nói linh hồn sẽ lâng lâng tan dần như hạt muối tan trong lòng nước trong. Đêm nay anh Tường đi vắng, tôi lại mới lên, chị có ra tay thật thuận tiện. Tôi sẽ được gặp lại Thuý và biết đâu không gặp cả Phương…»

Thanh mỉm cười đáp lại :

«Linh hồn tôi cũng tan theo, xem anh làm trò trống gì với hai cô ả. Anh đừng tưởng chết là thoát được tay tôi. Vì vậy tôi giết anh cũng vô ích để anh sống cho anh khổ, còn lý thú cho tôi hơn nhiều.»

Vừa lúc đó Tường về. Thanh xuống mở cổng nói :

«Anh Ngọc vừa lên.»

«Thế nào công việc ra sao ?»

«Thưa anh, tốt đẹp cả. Anh Ninh đã qua sông Cốc Lếu. Anh lên hỏi anh Ngọc sẽ rõ hơn.»

Lần này thì Ngọc không phải về biên giới nữa. Ít lâu sau đoàn đại biểu do Ninh đưa ra đến hội họp ở nhà Tường.

Thanh và Ngọc bận bịu tíu tít nhất là Thanh phải mua thêm bát đĩa và thổi nấu cho các nhân viên trong phái đoàn. Nàng phái Ngọc đi mượn một cái chảo thật to để thổi cơm cho hơn mười người ăn, tuy vậy cơm bữa nào cũng thơm dẻo. Nàng tránh lên gác khi các phái viên họp bàn. Ngọc vì địa vị không được dự, thỉnh thoảng phụ trách đưa mấy nhân viên đi gặp các đồng chí khác hoặc đi chơi đây đó. Thanh và Ngọc ăn cơm riêng ở

dưới nhà. Thanh nấu cơm bằng chảo nên cháy ròn và mỏng. Nàng và Ngọc chuyên môn ăn cháy. Có khi cơm vừa bưng lên Thanh lấy thìa cạo cháy rồi đưa dần Ngọc ăn cho nóng. Có đoàn đại biểu nên cơm nhiều món ăn hơn mọi lần. Thanh hay làm ruốc rang cho Ngọc ăn với cháy vì Ngọc thích món đó.

Rửa bát đĩa vì nhiều quá nên Ngọc phải phụ giúp Thanh nghĩa là mỗi lần Thanh rửa xong, chàng đón lấy, cầm cái khăn lau qua, có khi chẳng lau gì cả cứ việc úp vào rổ để phơi. Cũng có khi chàng dúng tay vào chậu rửa bát; tuy nước nhờn nhưng được cái thú thỉnh thoảng chạm vào bàn tay Thanh. Thích nhất là khi bốn bàn tay cùng nhúng sâu xuống đáy chậu để mò những chiếc đũa còn sót lại, nhiều lúc sờ thấy rồi, Ngọc cũng lờ đi để bốn bàn tay đùa nghịch với nhau và hai người thi nhau xem ai tìm ra trước. Thỉnh thoảng Ngọc lại kéo trong túi ra một miếng cháy, để mặc Thanh lau bát.

Chàng ngồi xuống thành giếng gậm cháy, vơ vẩn ngắm nhìn nắng rung trong lá cây hoặc mấy con chim sâu bay ngang qua. Những lúc đó, chàng bảo Thanh ngừng rửa bát rồi hai người cùng ngắm những con chim nhỏ xinh xinh bay từ cành nọ sang cành kia, mổ sâu vội vàng nhưng vẫn nghiêng đầu nghe ngóng các tiếng động. Sáng nào, Thanh và Ngọc cũng thấy có một

đôi chim đen, bụng trắng, đến đúng giờ lắm. Lâu dần hai con chim trở nên bạo dạn và bay là xuống đất chỗ Thanh rửa bát. Nàng cố ý quẳng sẵn một ít cơm ướt để chúng lại nhặt. Sau quen dần, Thanh cầm cả nắm cơm vứt, hai con chim chỉ hơi giật mình rồi chụm lại tranh nhau ăn ngay gần chỗ Thanh ngồi. Còn đàn chim sâu thì bao giờ cũng chỉ thoăn thoắt chuyền cành tìm mồi; tuy không có tiếng động, chúng cũng vụt bay đi kiếm mồi nơi vườn khác.

Rồi một hôm cả đoàn đại biểu cũng bay đi đâu mất như bầy chim sâu. Ngọc biết là họ bay đi Trùng Khánh. Tường và Ninh cũng bay đi với đoàn đại biểu nên giao phó căn nhà bí mật cho Ngọc và Thanh trông coi. Thế là hai người lại ở chung một nhà, một căn nhà rất kín đáo mà chưa biết ở đến ngày nào.

Đêm hôm đầu hai người thức suốt sáng nói chuyện. Thanh đã pha sẵn nước cốt cà-phê và đi mua một cái phích nước vì nàng sợ mỗi lúc phải tung chăn dậy xuống tận bếp đun nước. Nàng nằm trong chăn ấm bảo Ngọc :

«Báo anh biết trước là đêm nay anh đừng có lôi thôi. Ngoài chất cyanure de potassium mà anh đã biết vì có mùi hạnh nhân…»

Nàng trùm đầu để dấu nụ cười :

«Thảo nào mỗi khi uống tôi thấy anh cứ hít hít…»

Ngọc cười :

«Bây giờ chị dậy mà xem tôi nốc ngay cạn cốc này một hơi. Mọi lần tôi ngửi là ngửi mùi thơm của cà-phê.»

«Nhưng anh đừng tưởng là thuốc độc chỉ có cyanure de potassium thôi. Còn chán vạn thứ khác nguy hiểm hơn nữa mà không có mùi gì cả. Anh Ngọc này, vườn sau nhà rất tiện nhưng tôi cũng không vội, để hôm nào anh sắp về Mông Tự thăm cô Phương mà ai cũng tưởng anh đi rồi, tôi sẽ chích cho anh một mũi tiêm, tôi đã mua sẵn ống tiêm và mua sẵn cả xẻng cuốc. Anh có để ý chỗ đất cát ngay dưới gốc cây không ? Tôi sẽ chôn anh ở dưới gốc cây chỗ luống cải rồi ngày nào tôi cũng tưới nước mà cũng chẳng cần tưới nữa cải tha hồ tốt, nấu canh tha hồ ngọt. Anh Tường về chắc thế nào cũng khen tôi chịu khó chăm bón…»

Bỗng Thanh tung chăn xuống giường rồi cứ đứng nhìn khắp nhà như tìm vật gì. Nàng rút ở trong người ra một gói dẹt rồi bảo Ngọc :

«Anh nhắm mắt lại.»

Ngọc không hiểu gì nhưng cũng nghe theo.

«Bây giờ anh mở mắt ra.»

Ngọc cầm cốc cà-phê nước cốt, ngửi một lúc lâu rồi nói :

«Chỉ có mùi cà-phê chẳng có mùi gì. Thôi, chỗ này chị uống giùm, tôi uống nhiều quá rồi. Quả tim đập mạnh quá.»

«Quả tim anh đập mạnh à ? Triệu chứng đấy.»

Thanh cầm cốc cà-phê uống một ngụm nói :

«Tôi chẳng thấy mùi gì. A nhưng hơi có mùi tanh tanh. Anh thử ngửi kỹ xem.»

Ngọc cũng ngửi cốc cà-phê :

«Ư ừ, hơi có mùi tanh.»

Thanh cất tiếng ngâm :

«Duyên thơm để nhiễm mùi tiền hôi tanh
Còn đâu là Ngọc là Thanh
Còn đâu là nghĩa là tình ai ơi !»

«Tôi đố anh hiểu được tại sao tôi lại ngâm câu thơ đó.»

Ngọc nghĩ mãi cũng không ra.

«Bây giờ tôi bảo anh nhé. Nhưng anh phải cam đoan giữ bí mật, chỉ có tôi với anh biết thôi.

«Xin cam đoan.»

Thanh ra chỗ phía cửa sổ, kiễng chân rút ở mái nhà ra một cái gói dẹp bọc giấy. Nàng mở rồi đưa Ngọc coi. Ngọc nhìn vào nói :

«Sao mà lắm thế này ?»

«Đấy, chưa chi anh đã tối mắt lại rồi.»

Ngọc ngồi nhỏm dậy :

«Bây giờ tôi đã hiểu câu thơ của chị : mùi tiền hôi tanh. Nhưng chị cho, tôi cũng không thèm lấy.»

Thanh ngồi xuống chỗ Ngọc nằm :

«Đây là tất cả vốn liếng của tôi. Anh đếm xem.»

«Tôi có bao giờ để ý đến tiền. Tôi chỉ biết là vàng lá nhưng bao nhiêu lạng, bao nhiêu cân thì tôi xin chịu.»

Thanh nói :

«Bây giờ anh phải học lấy.»

Nàng dịu giọng tiếp theo :

«Chỗ tiền này là của chung tôi với anh. Nếu tôi chết vì anh giết được tôi trước, thì anh xé một miếng để tôi ngậm xuống suối vàng còn bao nhiêu anh tiêu dùng về công việc của anh hay về việc cưới cô Phương, cái đó tuỳ ý; nếu anh chết thì tôi sẽ nhét vàng vào miệng anh và chôn vàng theo người rồi tôi về nước để mưu tính việc tôi đã nói với anh : cho mỗi cậu một phát.»

Một tia oán hờn hơi độc ác thoáng hiện trong mắt nàng. Ngọc nói :

«Nếu vậy thì tôi mong chết trước để chị báo được thù của chị. Tôi, tôi không báo thù ai cả. Này, nhân tiện chị giết cả cô Phương đi.»

«Tôi giết cô Phương làm gì. Bây giờ tôi lại gói vàng giắt vào chỗ cũ. Anh ra nhận kỹ lấy chỗ giấu.»

Thấy Ngọc trù trừ cứ nằm yên, Thanh hất chăn để hở cả ngực Ngọc ra. Ngọc kêu :

«Lạnh quá.»

«Anh lười chẩy thây, làm cách mạng như anh tôi thấy có một. Dậy đi anh.»

Trong thâm tâm Ngọc hình như một nỗi vui còn e ấp vừa chớm nở. Chàng vẫn nằm yên, ngực hở nhưng

không nghĩ đến lạnh. Chàng cảm thấy - tuy không rõ ràng lắm - là Thanh yêu chàng.

«Kìa sao anh không dậy.»

«Nào thì dậy.»

Thanh đưa Ngọc ra phía cửa sổ đặt chỗ vàng lá vào một kẽ dui rồi nói :

«Anh nhớ đến từ vách lên đây là bốn xà ngang, bốn là tên Tứ ấy, mà lại ở chính giữa của sổ. Anh nhớ chưa? Tôi trông anh như người mất hồn. Bây giờ anh về đắp chăn rồi tha hồ ngủ yên.»

Sáng hôm sau Thanh qua nhà Quân báo cáo lấy lệ; khi trở về, Ngọc còn ngủ. Nàng pha một cốc cà-phê sữa bưng lên, lấy tay lay người Ngọc. Ngọc mở mắt nhìn Thanh rồi lại nhìn cốc cà-phê sữa mỉm cười :

«À ra mình còn sống. Hay là chiêm bao hay là đã lạc vào Thiên Thai rồi.»

Thanh cũng mỉm cười đáp lại :

«Thiên Thai gì mà lại có vàng. Anh có nhớ chỗ để vàng không ?»

Ngọc nói luôn :

«Anh Tứ.»

Ở ngoài cửa sổ trời nắng to, gió thổi mạnh, mấy cành cây dạt về phía cửa sổ lá rung phất phới. Trên mái nhà có tiếng chim. Ngọc cho một tay ra khỏi chăn toan cầm cốc cà-phê sữa. Thanh vẫn đứng bên cạnh, một tay cầm lấy cốc xoay đi xoay lại. Ngọc định giơ tay ra và đặt tay mình lên tay Thanh. Nhưng chàng vẫn để nguyên cánh tay trên giường nói với Thanh giọng gắt gỏng :

«Tôi không đói, chị có đi chợ thì đi ngay kẻo chậm.»

«Thì tôi vừa đi chợ về xong.»

Tuy Ngọc nói gắt gỏng nhưng Thanh nhận thấy có một vẻ khác, một sự vui vẻ rất nhẹ thoáng trong hai con mắt chàng. Thanh ngồi xuống ghế chống hai tay vào cằm nhìn ra phía cửa sổ nắng chói, nàng lim dim mắt đón chờ gió thổi lọt vào buồng và nói bâng quơ :

«Hôm nay, trời đẹp quá. Anh dậy đi chơi chùa Cá với tôi đi. Ta lại ăn ốc sống, đến ngồi chỗ đề bài thơ Thôi Hộ. Nếu anh đói thì tôi bảo họ làm thêm mấy chục bát phở chua.

Ngọc tung chăn ngồi dậy :

«Phải đấy. Đi chơi đi. Đi chùa Cá hay ăn cơm thịt bò ở Cổng Tây cũng được.»

Thanh chạy ngay xuống nhà rồi bưng lên một thau rửa mặt nước trong vắt lấy ở giếng lên. Nàng ngồi nhìn Ngọc rửa mặt và không hiểu tại sao tự nhiên chàng lại vui vẻ khác hẳn mọi ngày. Ngọc rửa mặt thật kỹ và huýt sáo luôn miệng.

Chương hai mươi bẩy

Một tháng sau đoàn đại biểu về rồi lại vụt biến mất. Sau một hồi bận rộn, cuộc đời trở lại yên tĩnh như cũ. Hai người được Tường giao cho việc giữ căn nhà bí mật. Chỉ khác là thỉnh thoảng Ngọc đi vắng về những công việc gì Thanh không rõ. Thanh cũng lén đi nhiều lần để báo cáo với Quân. Không có gì quan trọng vì mọi việc Quân đã biết hết do ngả khác. Quân bảo Thanh :

«Cô cần phải đi với Tường hoặc Ninh và cốt nhất theo họ về nước. Chắc họ đã được Tưởng Giới Thạch hứa hẹn gì đây, có khi họ được giúp súng ống kéo người về chiếm mấy tỉnh ở biên giới.»

Thanh bàn :

«Nhưng thưa anh dẫu sao Pháp với Tàu cũng là đồng minh, quân Pháp trốn sang đây rất nhiều mà toàn là thứ quân thiện chiến. Tưởng Giới Thạch nếu giúp chắc sẽ giúp Pháp về để chiếm lại Việt Nam. Anh cần phải tuyên truyền mạnh trong đám lính khố đỏ trốn sang đây với Pháp. Tụi ấy theo mình, chắc mình chiếm được các tỉnh biên giới. Anh chắc cũng đã biết Đồng Minh thoả thuận để cho Pháp trở về cai trị Việt Nam như cũ, một khi quân Nhật đầu hàng. Em đã đọc «bức thư gửi các đồng chí» của trung ương trong đó tiên đoán Đồng Minh tất

sẽ thắng. Ở trong nước, chính phủ Trần Trọng Kim do Nhật lập nên toàn là những nhân sĩ, về mặt chuyên môn thì khá nhưng phần nhiều nhát như cáy và không biết một tí gì về chính trị. Các anh em trong nước muốn lật đổ chính phủ ấy dễ như trở bàn tay. Đấy là cơ hội tốt. Còn em, em không thể đi biên giới được vì họ không cho đi, Ngọc vẫn ở lại Côn Minh. Em chắc họ nghi em và nghi cả Ngọc nữa. Tường tinh ý lắm thế nào chẳng biết em đã quyến rũ được Ngọc vì vậy mới không cho Ngọc và em đi theo.»

Quân vuốt bộ râu lơ thơ ngẫm nghĩ một lát rồi nói :

«Đồng chí tiên đoán đúng đấy. Vậy đồng chí cứ ở tạm Côn Minh, dò la tin tức các kiều bào. Còn tại sao Ngọc không đi, tôi chắc Ngọc bận liên lạc với cơ quan tình báo Tàu của Đái Lập ở đây. Đồng chí cần theo dõi Ngọc; nhiệm vụ của đồng chí vẫn không thay đổi. Nhưng bây giờ trọng tâm công tác là theo dõi Ngọc đừng rời nửa bước.»

Thanh ra khỏi nhà Quân, chú ý xem có ai theo dõi không. Nàng nhìn trời trong và mấy đám mây trắng rồi mỉm cười lẩm bẩm :

«Theo dõi Ngọc đừng rời nửa bước.»

Nàng cúi mặt xuống rồi lại mỉm cười nghĩ thầm :

«Theo dõi Ngọc cả ngày cả đêm nữa. Cả đời cũng không sao.»

Khi về tới nhà thấy cửa vẫn khoá trái, biết là Ngọc đi vắng nàng tự nhiên tức Ngọc. Thanh mở khoá lên gác rồi nằm xuống chỗ Ngọc vẫn nằm, mặt áp cái gối của Ngọc lẩm bẩm :

«Mùi tóc hôi xì.»

Nói vậy nhưng nàng âu yếm áp mạnh chiếc gối vào mặt mình để ngửi cái mùi tóc hôi và thân yêu ấy. Bỗng Thanh dậy chạy ra chỗ giấu vàng; nàng ngơ ngác tưởng mình lầm, nhưng không, rõ ràng là dui thứ bốn nhưng gói vàng đã biến đâu mất. Nàng tìm mãi nhưng vẫn không thấy. Thanh lấy khẩu súng lục của Ngọc để trong ngăn kéo rồi ra đứng dựa cửa sổ chỗ Ngọc vẫn thường đứng : nàng không tiếc gì mất chỗ vốn liếng bao năm mới dành dụm được. Nàng lẩm bẩm :

«Không lẽ nào. Nhưng nếu Ngọc không trở về nữa, Tường cũng lẩn tránh thì hai người đã biết rõ mình là Việt Minh. Chắc Ngọc nhắm thế không lợi dụng mình được nên đành lấy chỗ vàng ấy vậy. Nếu độ vài ngày Ngọc không về thì… Nếu thế lần này là lần thứ ba nàng

đã bị lừa mà người lừa nàng lại là người nàng yêu nhất đời.»

Vừa lúc đó có tiếng chân bước lên thang gác; chắc là Ngọc vì khoá ngoài chỉ có hai chìa, nàng giữ một và Ngọc giữ một. Thanh thấy người nhẹ nhõm hẳn. Nàng mỉm cười tinh nghịch tự nghĩ :

«Dẫu sao mình cũng cứ làm như là Ngọc ăn trộm vàng.»

Ngọc đứng lại ở đầu cầu thang nhìn Thanh. Thấy Thanh tay cầm khẩu súng lục chĩa về phía mình, Ngọc vội chạy lên đứng bên cạnh, yên lặng. Thanh giơ tay lên ấn khẩu súng vào bụng Ngọc :

«Vàng đâu ? Chỉ có anh lấy thôi. Tôi sẽ cho anh một phát xong đời kẻ thứ ba đã lừa tôi, rồi tôi sẽ quay súng…»

Ngọc chỉ cười :

«Chị đã bảo tôi là của chung. Tôi vừa bán nó đi rồi. Cô Phương nhà khá giầu nhưng về phần tôi cưới xin cũng phải tốn kém. Vả lại chị cũng đã có bảo tôi cứ lấy tiền này cưới cô Phương.»

Chàng nhẹ nhàng đặt tay lên khẩu súng :

«Chị bắn còn non tay lắm, tôi chỉ vẫy tay một cái là đạn sẽ xuyên qua ngực chị.»

Ngọc né mình rất nhanh, lấy chân ngoặc vào chân Thanh. Quả nhiên Thanh ngã xuống sàn gác và khẩu súng đã chuyển sang tay Ngọc. Ngọc bật lên cười. Thanh cũng bật cười theo. Nàng đứng lên phủi áo rồi cau mày nói vui vẻ :

«Thật là trời giáng. Đau chết người.»

Ngọc lại đưa Thanh khẩu súng. Thanh lắc đầu :

«Thôi tôi sợ bắn người khác rồi, chỉ trừ khi nào tôi tự tử mà không muốn tự mình bắn mình. Thế gói vàng anh để đâu ?»

«Chị xuống dưới vườn với tôi.»

Chàng bỏ súng vào ngăn kéo, cùng Thanh xuống nhà dưới rồi đưa nàng ra luống cải dưới bóng cây :

«Chị nhìn kỹ xem có gì khác không ?

Thanh lúc đó không nghĩ đến gói vàng nữa; nàng hé môi nhìn ngắm Ngọc và những hoa nắng rung động trên người chàng.

Thấy Thanh nhìn mình, Ngọc cười bảo Thanh :

«Chắc chị cho tôi giấu vàng trong người. Chính chị đã mua xẻng cuốc về làm vườn, chính chị định hôm nào

sẽ vùi thây tôi ở dưới luống cải nên tôi mới nẩy ra cái ý kiến lấy của thay người. Như vậy lúc chị chôn tôi, chị vừa trừ được một tay Việt Quốc lại vừa tìm được ra vàng, đem đưa Quân chắc là có công lớn.»

Thanh kiễng chân níu một cành cây xuống lấy tay rứt từng lá rồi thả cho bay theo gió :

«Cái gì anh cũng biết. Anh tài thật. Anh biết cả tôi có liên lạc với Quân.»

«Chị cũng vậy, việc gì chị cũng biết. Chị còn tài hơn tôi nhiều.»

Yên lặng một lát rồi Ngọc tiếp theo :

«Chỉ còn một thứ. Mỗi một thứ quý nhất đối với tôi thì tôi chưa biết được mà chắc chị cũng chưa biết như tôi…»

Nói xong Ngọc bỏ lửng câu, xoay ra chuyện khác :

«Chị nhìn cây cải kia, cây cải hơi héo lá ấy, ở dưới tôi chôn một cái hộp sắt đựng đầy vàng. Như vậy nếu nhà

có cháy, vàng của chị vẫn còn nguyên.»

Thanh bỏ tay cho cành cây bật lên cao rồi bảo Ngọc :

«Anh khôn nhưng mà ngu. Cây cải, cho dẫu để làm giống lấy hột đi nữa cũng chỉ sống được ít lâu.»

«Thế chị có nhớ tên anh Tứ không ? Lúc chôn vàng tôi đã đo cẩn thận, từ góc tường kia đến chỗ chôn vừa đúng bốn thước, từ góc tường phía sau chị đến chỗ chôn vàng vừa đúng ba thước, tên anh Ninh bí danh N.3. Thế tôi ngu hay là chị ngu nào ?»

«Vâng tôi ngu, để tôi thổi cơm hay ta lại ra hiệu Nam Phong của anh Vân ở Kim Bích lộ ăn cơm Tây.»

Ngọc chỉ cây cải héo :

«Có những chừng kia vàng, tội gì không đi ăn hiệu. Hôm nay lại hiệu cơm thịt bò Hồi Hồi, ăn xong ta lại hiệu Si Mân lên gác uống nước chè, chỗ ấy vắng tha hồ nói chuyện.»

«Anh thực mâu thuẫn với chính anh. Tội gì đi tìm chỗ vắng để nói chuyện. Ở nhà này vắng nhất. Anh muốn nói chuyện gì thì nói đi.»

«Tôi chẳng có chuyện gì nói cả. Nói hết từ lâu rồi. Chỉ trừ một thứ…

«Thứ gì ?»

Ngọc lại ngồi ở thành giếng, nhìn bóng mình in tận cuối cùng, rồi bảo Thanh :

«Thứ ấy bí mật lắm, tôi phải giữ kín, cả đời cũng không nói được.»

Thanh cũng bước theo Ngọc, đứng nhìn xuống giếng sâu :

«Các anh làm cách mệnh, lúc nào cũng bí mật nhưng kín mà hở. Tôi đi guốc trong lòng các anh và nhất là lòng anh.»

Ngọc đứng lên, vươn vai rồi nói với Thanh :

«Này, hay ta đi ra cánh đồng đào. Bây giờ đào đã chín. Ăn vào thay cơm cũng được, tiên mà, ăn hoa quả càng nhẹ nhõm trong người. Đồng chí nghĩ thế nào ?»

«Thống cô !» [99]

Thanh lên gác. Lần này nàng mặc quần áo Việt và đánh phấn rất nhẹ. Nàng lại mặc chiếc áo lam sẫm như hôm đi dự tiệc với Tường. Lúc Thanh xuống, Ngọc đứng ở cạnh giếng nhìn. Thanh cũng đẹp lộng lẫy như

99 Thống cô : nghĩa là thông qua, biểu quyết tán thành một đề nghị

hôm nào. Cổ nàng đeo một chuỗi hạt trai. Ngọc bĩu môi:

«Lại hạt trai giả.»

Chương hai mươi tám

Đi đâu Ngọc cũng nghe họ bàn tán về hai quả bom nguyên tử. Ít lâu sau, có tin Nhật đầu hàng. Đêm ấy ở thành phố Côn Minh, dân Trung Hoa và cả dân Việt nữa đều đốt pháo ăn mừng.

Tường lúc đó về Khai Viễn, nhà chỉ có Thanh và Ngọc. Ngọc đi mua một bánh pháo nhỏ về đốt. Chàng nửa muốn ăn mừng nửa muốn ngửi mùi khói thơm để nhớ lại cảnh Tết ở quê nhà. Chàng nhớ lại những đêm giao thừa, hễ cứ mỗi lần đốt pháo là chị chàng lấy hai ngón tay bịt tai lại; chàng thường trêu nghịch đem pháo lại gần có khi quẳng cả bánh pháo vào chân để chị kêu rú lên.

Khi đốt xong chàng thấy Thanh ngồi đón hít những làn khói thơm. Nàng ngồi xuống phản yên lặng một lúc lâu rồi ứa nước mắt lấy hai tay che mặt khóc nức nở. Ngọc không hiểu Thanh nghĩ đến những đêm giao thừa, nhớ bố mẹ đã mất mà khóc hay vì nghĩ đến khói pháo thơm hôm về nhà chồng mà khóc vì tủi thân. Chàng muốn ngồi xuống cạnh Thanh kéo hai tay nàng xuống và cầm lấy tay nàng nói vào câu an ủi. Việc ấy Ngọc thấy rất tự nhiên nhưng chàng vẫn đứng yên nhìn vào hai vai Thanh rung lên mỗi lần nàng thổn thức.

Bỗng Thanh đứng dậy, hai con mắt còn ướt, nhưng miệng nàng thì vui tươi nở một nụ cười nói với chàng :

«Bom nguyên tử không sợ bằng. Đêm nay, tôi lại muốn đi chơi Tả Quán Lầu. Nhưng không đi thuyền đâu, chỉ đến ngồi ở cửa hàng trông ra hồ, nghe thiên hạ đốt pháo và mừng sắp đến ngày nước nhà độc lập và được về thăm làng cũ.»

Đêm ấy trời vừa mưa xong, đường lát đá trơn nên hai người đều đi rất thong thả về phía Phục Hưng Tân Thôn. Gần tới nơi thì trời lấm tấm mưa như mưa phùn ngày Tết. Thanh và Ngọc cứ yên lặng đi, không ai nói một câu nào, qua Phục Hưng Tân Thôn cũng không để ý. Ở xa tiếng pháo vẫn nổ ran. Đường mỗi lúc một vắng. Đáng lẽ rẽ tay trái hay thuê xe đi Đại Quan Lâu thì lại rẽ tay phải về phía Lạc Hợp Thôn do lối Tiểu Tây Môn về nhà.

Qua nhà không ai bảo ai cứ đi thẳng. Tuy đã khuya nhưng vì có tin Nhật đầu hàng nên các hàng ăn vẫn mở cửa. Ngọc rủ Thanh vào một hàng mì. Các khách hàng ai cũng ngửng lên vì thấy Thanh đẹp. Thanh đêm ấy mặc quần áo ta; họ biết là người Việt nên bắt chuyện hỏi han :

«Thế là nước Việt của cô cũng như nước chúng tôi đều thoát khỏi ách người Nhật.»

Có mấy người bảo nhà hàng lấy rượu ngon rồi họ quây quần chung quanh bàn ăn của Ngọc và Thanh chúc rượu mừng. Thanh cũng đứng lên đáp lễ và uống một hớp rượu. Một người nói :

«Can pây.» [100]

Thanh giơ cao cốc rượu :

«Xin uống mừng nước các ông.»

«Xin mừng hai ông bà cách mệnh thành công.»

Thanh uống một hơi cạn chén. Người nàng nóng bừng và nàng cảm thấy mọi người đều tử tế, yêu chuộng hoà bình. Những việc giết lẫn nhau giữa Việt Minh và Việt Quốc đối với nàng lúc đó là những chuyện xa lắc xa lơ và vô nghĩa lý.

Ra khỏi hàng, hai người lại đi giữa mưa phùn. Thỉnh thoảng có người đi ngược lại đốt pháo lẻ tung lên trời. Dưới ánh đèn Thanh thấy người đó miệng há hốc… nhếch mép cười một mình như người điên. Chắc họ

---

100 Can pây : cạn bôi. Theo tục lệ bên Trung Hoa, khi chúc nhau phải uống cạn chén

cũng vừa uống rượu mừng hết chiến tranh ở đâu về.

Ngọc đưa Thanh đi thẳng tới lăng Đường Kế Nghiêu gần đó. Ngọc đã hai ba lần vào với Tường về việc liên lạc. Lăng là một khu vườn thật rộng trong đó có mộ Đường Kế Nghiêu và hai căn nhà lớn, căn ngoài là nhà của Đường tiểu thơ ở cùng cô Tôn người Bắc Kinh phụ trách trông coi mộ. Cổng vườn mở rộng; căn nhà của Đường tiểu thơ đèn sáng choang. Thanh nói khẽ :

«Trông như nhà ma. Chắc họ cưới nhau.»

«Đúng đấy chị ạ, họ đương ăn síu dề mừng ma Mỹ thắng ma Nhật.»

Ngọc lấy tay che miệng :

«Cô dâu ma tôi biết mặt nhiều lần : phúc hậu, tử tế lắm, nhưng thân hình cũng phúc hậu mập mạp, bắp chân như bắp hoa chuối hột lại đeo kính cận thị số 5. Chắc cô dâu đương đợi tôi đến làm lễ hợp cẩn. Cô Tôn và chị là hai cô phù dâu. Ta đi vào kẻo nhà gái đợi.»

«Nhà người ta vào thế nào được.»

«Chị không thấy cổng mở rộng và có hai cái ô-tô nhà à ? Ở đây ai vào cũng được huống hồ tôi là chú rể chị là phù dâu.»

Ngọc cầm lấy tay Thanh giục đi. Thanh thấy hay hay. Men rượu khiến nàng chếnh choáng và trở nên bạo dạn, đi sát hẳn vào người Ngọc. Đến một bụi cây nàng đặt tay lên vai Ngọc :

«Đấy anh xem tôi nhìn vào cửa sổ, đèn sáng mà không có bóng một người nào.»

Ngọc lấy tay ôm ngang lưng Thanh ẩy nàng đi nơi khác :

«Nhưng chúng mình không vào cứ để nhà gái đợi, trêu chơi. Chị lại đây.»

Ngọc dìu Thanh đi vòng ra phía tay trái, đến một cái ghế đá cạnh bụi trúc. Hai người buông nhau ra ngồi xuống ghế đá ướt. Ánh đèn từ ở căn nhà chiếu qua lá trúc nhẹ rung động. Thanh nhớ lại câu thơ Ngọc ngâm ở cánh đồng đào khi nghĩ đến cảnh trăng năm nào cùng Thuý ngồi ở vườn sau. Nàng khẽ ngâm :

«Trăng xưa vườn cũ sáng ngời
Bóng ai hoà lẫn bóng người năm xưa.»

Ngẫm nghĩ một lát nàng mỉm cười ngâm tiếp theo :

«Vườn nay đèn điện sáng ngời
Bóng ai hoà lẫn bóng người đêm nay.»

Rồi Thanh hỏi Ngọc :

«Tôi quên mất rồi, trong Liêu Trai cô dâu tên là gì nhỉ ?»

«Tên chú rể là Ngọc Lang còn cô dâu là con gái nhà họ Dương, kiếp trước lấy Đường Minh Hoàng nên có khi gọi là Dương Quý Phi, nhưng vì suýt làm mất nhà Đường nên Thượng đế Ngọc Hoàng cho đầu thai làm con gái Đường Kế Nghiêu và ban cho một đôi kính cận thị số 5 của động Hoa Kỳ, có ông Tru Man [101] làm chủ động.»

Thanh bật lên cười. Ánh sáng loang loáng trên áo Thanh mỗi lần gió rung lá trúc. Mặt Thanh đúng vào chỗ sáng. Ngọc nhìn rõ những hạt nước mưa nhỏ như sương lóng lánh trên tóc nàng và cả trên gò má. Ngọc biết chắc chắn là Thanh đã yêu mình, toan nói câu mà chàng thường tự nhủ trong bao lâu :

«Anh yêu em.»

Nhưng chàng vẫn yên lặng. Thanh cũng định nói :

«Em yêu anh từ lâu.»

Nhưng nàng cũng yên lặng, chỉ hé môi mỉm cười.

---

101 Ông Truman lúc đó là Tổng thống Hoa Kỳ

Trời vẫn mưa lấm tấm. Hai người cứ ngồi như vậy lâu lắm quên cả về, không để ý gì đến nước ở ghế đá thấm dần vào quần và nước mưa xuống ướt đẫm vai.

Chương hai mươi chín

Một hôm Tường về bảo Ngọc :

«Việc hỏng cả rồi.»

«Sao lại hỏng ?»

«Về phía Mỹ, Patty có nói với tôi rằng chính sách của họ là «hand off» nghĩa là bỏ tay ra, không dúng vào việc Trung Hoa cũng như việc Việt Nam. Công việc liên lạc với Mỹ thế là đứt đoạn. Còn về phía Trung Hoa, Tưởng Giới Thạch muốn làm chủ hẳn Vân Nam nên hứa hẹn rất nhiều với Long Vân. Lư Hán kéo quân đi, tất nhiên quân Trung ương xuống thay thế. Long Vân hết quân sẽ bị cô lập, chắc chẳng bao lâu Tưởng sẽ mời lên Trùng Khánh. Quân ở Vân Nam chú đã biết, quân cà khổ đói khát rách rưới ấy kéo về Việt Nam thì thật là cái tội nợ cho dân mình. Thật đáng buồn. Nhưng cũng may nhờ ở sự tuyên truyền đã lôi kéo được một số đông lính khố đỏ theo mình. Anh Ninh sẽ phụ trách đưa họ về nước, chia làm hai ngả, một số về Lao Kay, một số sẽ về Hà Giang. Việc tuyên truyền ấy một phần nhờ có Thanh giả làm người đi bán quà ở các trại Pháp tập trung lính Việt.»

Ngọc nghĩ thầm : «Thảo nào Thanh đi vắng luôn, có khi mươi ngày không về; mỗi lần Thanh về chàng lại được Ninh phái đi các nhà đồng chí khác tuyên thệ cho anh em quân nhân». Chàng lại trách Thanh về việc ngày nào chàng cũng phải đi chợ nấu ăn nhất là lấy nước tưới mấy luống rau cải. Rau cải dưới có chôn vàng bây giờ đã nở hoa màu vàng, tươi đẹp hơn cả vàng chôn dưới gốc.»

Khi nào buồn nhớ Thanh chàng lại ra Đại Quan Lâu ngồi ở phòng chè trông ra hồ. Chàng thích nhất vào lăng Đường Kế Nghiêu ngồi ở cái ghế đá hôm Nhật đầu hàng để nghe tiếng gió reo trong khóm trúc. Cũng có đôi lần Tường rủ chàng đi liên lạc với ông Hoàng Thạch về ban đêm, chàng chỉ ngồi lấy lệ nhìn ngắm Đường tiểu thơ và đôi kính cận số 5 của nàng rồi chàng từ kiếu để Tường ngồi nói chuyện một mình, ra ngồi ở cái ghế đá ngắm trăng, vơ vẩn tưởng nhớ Thanh.

Một hôm Thanh về, Ngọc nói luôn :

«Lần sau chị đi trại tập trung nào ?»

«Gần đây thôi.»

«Tôi sẽ đi với chị.»

Thanh hỏi :

«Anh đã được lệnh anh Tường cho đi chưa ?»

«Chưa. Nhưng tôi sẽ xin phép anh ấy. Thế nào anh ấy cũng cho. Tôi chỉ viện một lẽ duy nhất là về việc tuyên truyền lôi kéo người thì tôi vào bậc nhất vì tôi đã tuyên truyền được chị. Chị có bao nhiêu vàng tôi cũng tuyên truyền lấy sạch.»

«Thế ngộ nhỡ bất thình lình anh phải đưa người về biên giới ? Đưa tôi chẳng hạn.»

Ngọc nói :

«Nếu thế thì chị sẽ đưa họ về. Các đường lối tôi sẽ chỉ bảo rõ chị. Chị lại trèo cây trơn không cần bò…»

Nói đến chữ «bò» Ngọc chợt nghĩ ra một điều, liền hỏi Thanh :

«Chị bán những quà gì cho anh em quân nhân ?»

«Bán gì thì phải tuỳ cơ ứng biến. Chỉ có đàn bà mới gánh hàng được, đầu có khi đội thúng mà không cần tay giữ. Trông mặt anh thư sinh thế kia không lẽ anh đi bán sách chữ Nho cho bọn quân nhân mới sang được ba bốn tháng. Không lẽ anh đi bán bánh tây giò chả như tôi.»

Thế là Thanh đã tự nhiên tỏ cho Ngọc biết mình đi bán bánh tây. Ngọc nói luôn :

«Chị bán bánh tây, còn tôi, tôi sẽ bán bánh bò tàu.»

Thanh cười :

«Anh có biết cách thức làm bánh bò tàu không ?»

«Tôi sẽ mua lại của người Tàu. Cứ bán được một chiếc tôi lại tự thưởng cho mình một chiếc.»

«Sao lại một chiếc bánh bò tàu ? Phải cắt nó mà cắt phải đều tay, đừng có miếng to miếng nhỏ.»

«Tôi sẽ tập như chị tập bắn súng lục. Lát nữa chị mua cả một mẹt về tôi cắt cho chị xem.»

Thanh bật cười :

«Đời thuở nhà ai bánh bò tàu lại để trong mẹt.»

Ngọc nói :

«Bò tàu bò tây, để khay để mẹt không quan trọng, việc quan trọng là cứ bán xong một chiếc bánh bò là tôi tuyên truyền xong một người và họ vừa ăn tôi vừa tuyên truyền cho họ.»

Vừa lúc đó thì Tường về, vẻ mặt buồn rầu.

«Việc gì thế anh ?»

«Việc trọng đại : trong nước Việt Minh lên nắm chính quyền, Bảo Đại từ chức, chính phủ Trần Trọng Kim đổ.»

Thanh nói luôn :

«Nếu vậy để ngày mai em trở về Mông Tự, cho bà Su nghỉ vì như anh Ngọc vẫn thường nói : «Cà-phê bà Su pha thì ma uống nổi». Em sẽ cố giúp kinh tế cho Đảng để lấy tiền đưa anh em và số quân nhân đã theo mình về nước chiếm lấy mấy tỉnh ở biên giới.»

Tường nói :

«Hà Giang anh Hoàng đã chiếm được nhưng rất thiếu người.»

Tường quay về phía Ngọc :

«Chú có lẽ phải về Hà Giang, một số bộ đội Trung Hoa theo ngả đó về, như vậy tạm thời Hà Giang còn giữ được. Vậy chú ở lại Mông Tự đợi lệnh.

Một buổi sáng Thanh ra giếng lấy nước ngửng nhìn Ngọc đứng trên cửa sổ; nàng lấy tay chỉ vào cây cải đã tàn hoa bắt đầu ra quả, ngẫm nghĩ một lát rồi nàng nói với Ngọc :

«Anh mời anh Tường xuống đây.»

Ngọc không hiểu ý Thanh nhưng cũng mời Tường xuống. Thanh chỉ cho Tường xem cây cải. Tường nói :

«Mấy luống cải chị chịu khó chăm nom xanh tốt quá. Cảm ơn chị, nhờ chị mới có những thức ăn rẻ tiền mà ngon lành.»

«Em định biếu anh, biếu Đảng một thứ quý hơn cải nhiều. Anh Ngọc, anh đem xẻng cuốc lại đây.»

Thanh nói như ra lệnh cho Ngọc :

«Bây giờ anh nhổ cây cải làm giống kia đi rồi anh đào lên. Nếu đào mà không có gì thì anh chết với tôi.»

Đào lên độ nửa thước, Ngọc cầm lên một cái hộp. Thanh nói :

«Anh đưa anh Tường xem.»

Tường vừa mở ra Thanh nói luôn :

«Đây là tất cả vốn liếng của em để dành được, em xin biếu Đảng để tuỳ ý anh chi tiêu về công việc. Em sẽ về Mông Tự mở rộng hiệu cà-phê. Tụi Mỹ bây giờ xuống Mông Tự đông lắm.»

Tường cầm những thiếp vàng lá xóc xóc trong tay để ước lượng :

«Chỗ này nhiều lắm. Chị giữ lại dăm tấm về Mông Tự làm vốn. Tôi xin thay mặt Đảng cảm ơn đồng chí.»

Ngọc đưa mắt nhìn Tường ngẫm nghĩ :

«Anh Tường đã xét đúng về Thanh ngay từ lúc đầu, mà mình cũng vậy.»

Chàng nhìn người yêu thầm nhủ :

«Chung quy là nhờ cái ghế đá ở lăng Đường Kế Nghiêu.»

Thanh lấy ở trong nhà ra chậu men sứ vẫn thường vo gạo, kéo dây lấy nước giếng rồi đổ một thau đầy. Ngọc định cho tay vào thau nhưng Thanh cản lại :

«Anh giơ hai tay bẩn của anh ra đây.»

Nàng lại kéo mấy thùng nước giếng rồi đổ từ từ cho Ngọc rửa tay sạch hết đất cát :

«Bây giờ anh cho tay vào thau mà rửa. Để tôi đi lấy khăn.»

Nàng chạy vào bếp rồi đem ra cái khăn mặt của nàng đưa Ngọc :

«Bây giờ thì tay anh đã sạch lắm rồi.»

Hai con chim đen bụng trắng bay đến kêu chiếp chiếp, quen như mọi lần đợi Thanh vứt cơm. Đợi mãi không thấy gì chúng nghiêng đầu nghe ngóng nhìn Thanh có vẻ ngạc nhiên. Thanh cúi xuống nhặt hòn cuội nhỏ ném hai con chim rồi lấy tay hất, miệng kêu «suỵt». Hai con chim sợ hãi bay vụt đi nhưng chúng chỉ bay lên đậu ở đầu tường; một con - con cái hay con đực Thanh cũng không rõ - nhẩy dần rồi đến nép mình cạnh con chim kia. Thanh làm hiệu đuổi chúng cũng không đi. Nghĩ mãi nàng mới nhớ ra là còn một chiếc bánh bích quy; nàng chạy vào bếp nhưng tìm mãi vẫn không thấy :

«Chắc anh chàng Ngọc lại ăn vụng rồi. Thật là đồ ăn cướp cơm chim.»

Nàng chạy ra nhìn Ngọc nói trống không :

«Có chiếc bánh bích quy biến đâu mất, chắc là chuột tha.»

Quả nhiên lúc xuống với Tường, Ngọc đã lấy trộm nhai thật nhanh và nuốt vội chiếc bánh trước khi ra vườn cho Thanh khỏi biết. Chàng đuổi hai con chim đi :

«Thôi mai hết nhé, mai đừng đến nữa.»

Hai con chim vụt bay đi. Ngọc nghĩ chắc mai nó sẽ trở lại và hơi buồn. Ngày mai chàng sẽ cùng Thanh đi Mông Tự như một đôi chim, nhưng biết đâu không bay đi cạnh nhau để tìm cái chết. Khu vườn nhỏ xinh xinh, lá cây rung động và cái giếng nước trong có lẽ không bao giờ chàng lại còn nhìn thấy một lần nữa, cuộc đời đơn sơ đã mất, thay vào đó sẽ là một cuộc đời tranh đấu, tàn ác, giết người.

Tường bảo Ngọc :

«Chú sửa soạn sẵn sàng, mai đi sớm.»

Thanh nói với Tường :

«Để em đi bán chỗ vàng này, bán ở đây nhiều hiệu lớn, được giá hơn.»

Nàng đi quanh quẩn tìm hiệu bán vàng rồi rẽ qua nhà Quân :

«Họ sắp theo bộ đội Lư Hán về chiếm thêm căn cứ ở biên giới. Hà Giang đã mất về tay họ. Để mai em xuống Mông Tự, ở đấy dò la việc họ chuyển vận quân đội và biết ai đi ai về dễ dàng hơn đây nhiều.»

«Đồng chí phải cẩn thận. Mông Tự là đất của họ, hơi lộ một chút họ thủ tiêu đồng chí ngay.»

Thanh nói :

«Em không sợ anh cứ tin là em rất kín đáo.»

«Thế mai đồng chí đi sớm. Nhưng cần nhớ là tụi họ cũng ghê gớm lắm.

Thanh mỉm cười nghĩ đến việc Ngọc thủ tiêu nàng rồi từ biệt Quân.

Sáng hôm sau, Thanh và Ngọc cùng đi một chuyến xe. Nàng mặc áo Việt và đi ngang nhiên với Ngọc không cần giấu giếm. Khi xe đi qua cánh đồng, Thanh nói :

«Thế là từ đây hết cả Đào Nguyên, hết cả Thiên Thai. Lưu Nguyễn lại trở về trần tục.»

Ngọc nói :

«Trần tục cũng có cái thú riêng. Tôi, tôi đã tìm được Thiên Thai ở ngay nơi trần tục.»

Thanh tiếp theo :

«Còn tôi, tôi xuống trần tục mới tìm thấy Thiên Thai. À nhưng lần này đến ga Pô-Si, nếu có tỏi gà anh phải

để phần tôi đấy.»

«Chị không lo. Bây giờ chị đã có giấy phép của anh Tường thì ăn cả một con gà cũng được.»

Tới ga Pô-Si, biết là xe ngừng lại gần một giờ, Ngọc đưa Thanh xuống nhà đồng chí Đỉnh :

«Như thế đỡ tốn công đồng chí Đỉnh bưng khay lên xe nữa.»

Đỉnh đã đứng sẵn ở trước cửa nhà; thoáng thấy Ngọc chàng bảo vợ :

«Mình đi làm hay mua thức ăn. Có chú Ngọc. À, nhưng chú ấy đi với một cô nữa phải làm thức ăn gấp đôi.»

Đỉnh bảo thằng nhỏ chạy đi báo các anh em khác ở chi bộ Pô-Si, rồi chạy ra đón Ngọc. Ngọc giới thiệu :

«Nữ đồng chí Kim.»

Đỉnh vội vã đón lấy cái va ly Thanh xách ở tay. Thanh chào Đỉnh rồi nói :

«Lần trước tôi cũng có qua đây cùng một chuyến xe với anh Ngọc; cái tỏi gà và đĩa xôi anh đem lên ngon quá nhưng anh Ngọc ích kỷ ăn hết. Tôi phải ăn cơm với

lạp xưởng.»

Nói xong nàng cười vui vẻ. Đỉnh tuy nhiều tuổi nhưng cũng bị quyến rũ vì vẻ đẹp hồng hào và hai con mắt trong sáng sắc sảo của Thanh. Đỉnh cười bảo Ngọc :

«Thế mà lần trước chú không giới thiệu.»

«Lần trước đi công tác bí mật.»

Vì Đỉnh là chi bộ trưởng Pô-Si nên Ngọc phải đưa giấy công cán của Thanh cho Đỉnh coi. Trong lúc đó, Thanh đã chạy tọt xuống bếp, làm thân ngay với Thoa, vợ Đỉnh và xắn hai tay áo phụ giúp Thoa. Thoa thấy nàng làm bếp nhanh nhẹn quá không khỏi ngạc nhiên. Thanh hiểu ý nói :

«Chị không biết em là nữ cán bộ «hoả đầu phu đoàn» do anh Tường lập nên à ? Hơn nửa năm em vẫn làm cơm cho anh Tường xơi. Nhưng anh ấy chỉ thích ăn dưa chua, thành thử không trổ được tài.»

Mười lăm phút sau, nàng đã bưng một mâm đầy thức ăn : cà-phê sữa, trứng lập là, trứng tráng, dưa, củ cải và bánh tây rán mỡ. Các anh em trong chi bộ đã đến đông đủ, người nào cũng có vẻ buồn sau khi Ngọc bầy tỏ thời cuộc trong nước cùng chính sách của Mỹ và Trung Hoa.

Thấy Thanh bưng lên nét mặt vui tươi, mọi người đều nhìn Thanh và quên cả buồn phiền. Đỉnh giới thiệu từng người một trong chi bộ. Thanh nói :

«Anh nào không vướng víu công việc ở đây lắm thì chắc sẽ được phái về Hà Giang. Có qua Mông Tự các anh nhớ ghé lại hiệu Thanh Hương. Cà-phê ngon có tiếng. Chủ nhân tiếp đãi ân cần và không lấy tiền mặc dầu tôi phụ trách tài chính cho Đảng.»

Khi xe chạy, Thanh cũng giơ tay vẫy các anh em đứng ở sân ga nhưng lần này, anh em nhìn theo Thanh một cách lưu luyến. Thanh đã át được cả Ngọc :

«Thế là tôi báo thù anh được rồi. Bây giờ ta lại lập một chi bộ khác, cũng chi bộ hai người nhưng lấy tên là chi bộ vị tha».»

Tới Khai Viễn, vì có lệnh của Tường về, nên ngay buổi tối hôm đó Hán Vũ Cái, Khu đảng bộ Khai Viễn hội họp. Thanh cũng có đến dự và phát biểu ý kiến. Họp xong nàng gặp riêng đồng chí phụ trách về tài chính; nàng hỏi rõ về giá cà-phê ở Khai Viễn và sắp đặt liên lạc để đem thuốc phiện, thảo quả và bất cứ thứ gì ở biên giới Việt Nam từ Mông Tự lên Khai Viễn và Côn Minh.

Thanh bảo Ngọc :

«Thế là tôi cũng đâm đầu vào guồng máy như anh.»

Tới Bích Sắc trại hai người lại ghé qua nhà vợ chồng Vĩnh. Bà Vĩnh đương lau quét nhà thấy Thanh vào bà vội chạy ra nắm lấy tay Thanh. Ngọc ngồi nghe hai người nói chuyện. Chàng lấy thuốc lá châm hút. Ở nhà hai vợ chồng già này chàng thấy xa hẳn những sự tranh đấu gay go các nơi khác; cuộc đời ở đây lại đơn sơ và Thanh với chàng trong chốc lát như thoát khỏi guồng máy khốc liệt và cũng chỉ là hai thanh niên nam nữ đơn sơ, yêu nhau rồi lấy nhau và khi trở về già cũng sẽ sống một cuộc đời yên ổn trong một thế giới thanh bình như đôi vợ chồng Vĩnh.

Lúc tiễn Thanh và Ngọc đi bà Vĩnh đứng tựa cửa nhìn theo. Lần này Thanh mặc quần áo Việt nên trông dáng người lại yểu điệu hơn khi mặc áo tàu. Gió thổi mạnh, tà áo của Thanh bay phơ phất chạm vào người Ngọc. Bà Vĩnh gật gù mỉm cười rồi bỏ vào trong bếp tiếp tục dọn dẹp. Bà bùi ngùi nhớ lại ba mươi năm trước lúc Vĩnh còn là thanh niên đẹp trai và bà còn là một thiếu nữ dáng cũng thon đẹp như Thanh bây giờ.

Lúc Vĩnh ở nhà máy trở về, cơm nước đã dọn sẵn. Trong mâm bà Vĩnh đặt một đĩa bồ dục xào mà chồng bà vẫn ưa thích nhất. Ba rót rượu vào cốc chồng âu yếm mời :

«Ông xơi tí rượu, hôm nay có cỗ bồ dục ngon quá, mua về còn nóng hổi.»

Rồi bà cũng rót một ít rượu vào cốc mình, nâng cốc mời chồng, uống một hơi cạn.